

ISSN 0868 - 2534

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CÔNG BÁO
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

TẬP B

**QUYỂN 1: SÁNG CHẾ; GIẢI PHÁP HỮU ÍCH;
THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN**

07 - 2020

388

HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CÔNG BÁO
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
TẬP B

QUYỂN 1: SÁNG CHẾ; GIẢI PHÁP HỮU ÍCH;
THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN

07-2020

388

HÀ NỘI

MỤC LỤC

	Trang
<u>PHẦN I:</u> Sáng chế được cấp Bằng độc quyền	7
<u>PHẦN II:</u> Giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền	562
<u>PHẦN III:</u> Sửa đổi, duy trì, cấp lại, chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ, quyết định giải quyết khiếu nại	597
<u>PHẦN IV:</u> Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp	958
<u>PHẦN V:</u> Thông tin về dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	973

CONTENTS

<u>PART I:</u> Invention Patents	7
<u>PART II:</u> Utility Solution Patents	562
<u>PART III:</u> Amendment, Maintenance, Duplication, Termination, Cancellation of Protection Titles	597
<u>PART IV:</u> Transfer of Industrial Property Rights	958
<u>PART V:</u> Information on the industrial property representation service	973

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

MÃ SỐ HAI CHỮ CÁI THỂ HIỆN TÊN NƯỚC VÀ CÁC THỰC THỂ KHÁC TRONG CÁC TƯ LIỆU SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN ST3 CỦA WIPO

AE	United Arab Emirates	CN	China	HK	Hong Kong
AF	Afganistan	CO	Colombia	HN	Honduras
AG	Antihua and Barbuda	CR	Costa Rica	HR	Croatia
AI	Anguilla	CU	Cuba	HT	Haiti
AL	Albania	CV	Cape Verde	HU	Hungary
AN	Netherlands Antilles	CY	Cyprus	ID	Indonesia
AO	Angola	CZ	Czech Republic	IE	Ireland
AR	Argentina	DE	Germany	IL	Israel
AT	Austria	DJ	Djibouti	IN	India
AU	Australia	DK	Denmark	IQ	Iraq
AW	Aruba	DM	Dominica	IR	Iran (Islamic Republic of)
BB	Barbados	DO	Dominican Republic	IS	Iceland
BD	Bangladesh	DZ	Algeria	IT	Italy
BE	Belgium	EC	Ecuador	JM	Jamaica
BF	Burkina Faso	EE	Estonia	JO	Jordan
BG	Bulgaria	EG	Egypt	JP	Japan
BH	Bahrain	ES	Spain	KE	Kenya
BI	Burundi	ET	Ethiopia	KH	Cambodia
BJ	Benin	FI	Finland	KI	Kiribati
BM	Bermuda	FJ	Fiji	KM	Comoros
BN	Brunei Darussalam	FK	Falkand Islands (Malvinas)	KN	Saint Kitts and Nevis
BO	Bolivia	FR	France	KP	Democratic People's Republic of Korea
BR	Brazil	GA	Gabon	KR	Republic of Korea
BS	Bahamas	GB	United Kingdom	KW	Kuwait
BT	Bhutan	GD	Grenada	KY	Cayman Islands
BW	Botswana	GE	Georgia	KZ	Kazakhstan
BY	Belarus	GH	Ghana	LA	Laos
BZ	Belize	GI	Gibraltar	LB	Lebanon
CA	Canada	GM	Gambia	LC	Saint Lucia
CF	Central African Republic	GN	Guinea	LI	Liechtenstein
CG	Congo	GQ	Equatorial Guinea	LK	SriLanka
CH	Switzerland	GR	Greece	LR	Liberia
CI	Côte d'Ivoire	GT	Guatemala	LS	Lesotho
CL	Chile	GW	Guinea-Bissau	LT	Lithuania
CM	Cameroon	GY	Guyana	TC	Turk and Caicos Islands
LU	Luxembourg	PA	Panama	TD	Chad
LV	Latvia	PE	Peru	TG	Togo
LY	Lybya	PG	Papua New Guinea	TH	Thailand
MA	Morocco	PH	Philippines	TN	Tunisia
MC	Monaco	PK	Pakistan	TO	Tonga
MD	Republic of Moldova	PL	Poland	TR	Turkey

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

MG	Madagascar	PT	Portugal	TT	Trinidad and Tobago
ML	Mali	PY	Paraguay	TV	Tuvalu
MM	Myanmar	QA	Qatar	TW	Taiwan, Province of China
MN	Mongolia	RO	Rumania	TZ	United Republic of Tanzania
MO	Macau	RU	Russian Federation	UA	Ukraine
MR	Mauritania	RW	Rwanda	UG	Uganda
MS	Montserrat	SA	Saudi Arabia	US	United States of America
MT	Malta	SB	Solomon Islands	UY	Uruguay
MU	Mauritius	SC	Seychelles	UZ	Uzbekistan
MV	Maldives	SD	Sudan	VA	Holy see
MW	Malawi	SE	Sweden	VC	Saint Vincent and the Grenadines
MX	Mexico	SG	Singapore	VE	Venezuela
MY	Malaysia	SH	Saint Helena	VG	Virgin Islands (British)
MZ	Mozambique	SL	Slovenia	VN	Vietnam
NA	Namibia	SK	Slovakia	VU	Vanuatu
NE	Niger	SL	Sierra Leone	WS	Samoa
NG	Nigeria	SM	San Marino	YE	Yemen
NJ	Nicaragua	SN	Senegal	YU	Yugoslavia
NL	Netherlands	SO	Somalia	ZA	South Africa
NO	Norway	SR	Suriname	ZM	Zambia
NP	Nepal	ST	Sao Tome and Principe	ZR	Zaire
NR	Nauru	SV	El Sanvador	ZW	Zimbabwe
NZ	New Zealand	SY	Syria		
OM	Oman	SZ	Swaziland		

CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ

AO	African Intellectual Property Organization (OAPI)
AP	African Regional Industrial Property Organization (ARIPO)
BX	Benelux Trademark Office and Benelux Designs Office
EP	European Patent Office (EPO)
IB, WO	International Bureau of the World Intellectual Property Organization (WIPO)

NHỮNG MÃ SỐ INID TRÍCH TỪ TIÊU CHUẨN ST9 CỦA TỔ CHỨC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THẾ GIỚI (WIPO) ĐỂ NHẬN BIẾT CÁC DỮ LIỆU THƯ MỤC DÙNG CÔNG BỐ ĐƠN VÀ VĂN BẰNG BẢO HỘ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

- (11) Số bằng / Số công bố đơn
- (15) Ngày cấp
- (21) Số đơn
- (22) Ngày nộp đơn
- (30) Số đơn ưu tiên, ngày nộp đơn ưu tiên, nước xuất xứ
- (43) Ngày công bố đơn
- (45) Ngày công bố Bằng độc quyền sáng chế / Bằng độc quyền giải pháp hữu ích
- (51) Phân loại sáng chế quốc tế
- (54) Tên sáng chế
- (57) Tóm tắt sáng chế
- (62) Số và ngày nộp đơn sớm hơn mà từ đó tài liệu SC/GPHI này được tách
- (67) Số đơn và ngày nộp đơn sáng chế mà đơn đó được chuyển thành đơn GPHI
- (71) Tên và địa chỉ của người nộp đơn
- (72) Tên của tác giả
- (73) Tên, địa chỉ của chủ bằng độc quyền Sáng chế / Bằng độc quyền GPHI
- (74) Tên của người đại diện SHCN
- (75) Tên của tác giả đồng thời là người nộp đơn
- (76) Tên của tác giả đồng thời là người nộp đơn và người được cấp văn bằng bảo hộ
- (86) Ngày nộp đơn PCT, số đơn
- (87) Ngày công bố đơn PCT, số công bố

PHẦN I

SÁNG CHẾ ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN

- | | | | |
|-------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024250 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/06/2017 | 351A |
| (21) 1-2017-01486 | | (85) 21/04/2017 | |
| (22) 23/09/2014 | | (86) PCT/CN2014/087183 | 23/09/2014 |
| | | (87) WO2016/044993A1 | 31/03/2016 |

(51) *H01L 21/60; H01L 23/488*

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)

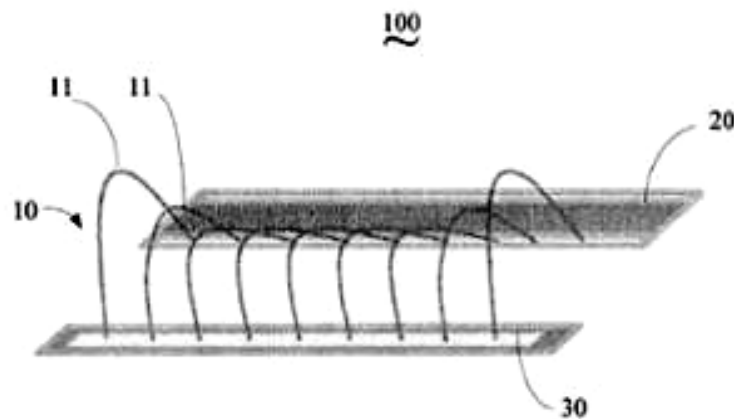
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) HUANG, An (CN); LIN, Yanhai (CN); LIU, Wei (CN)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

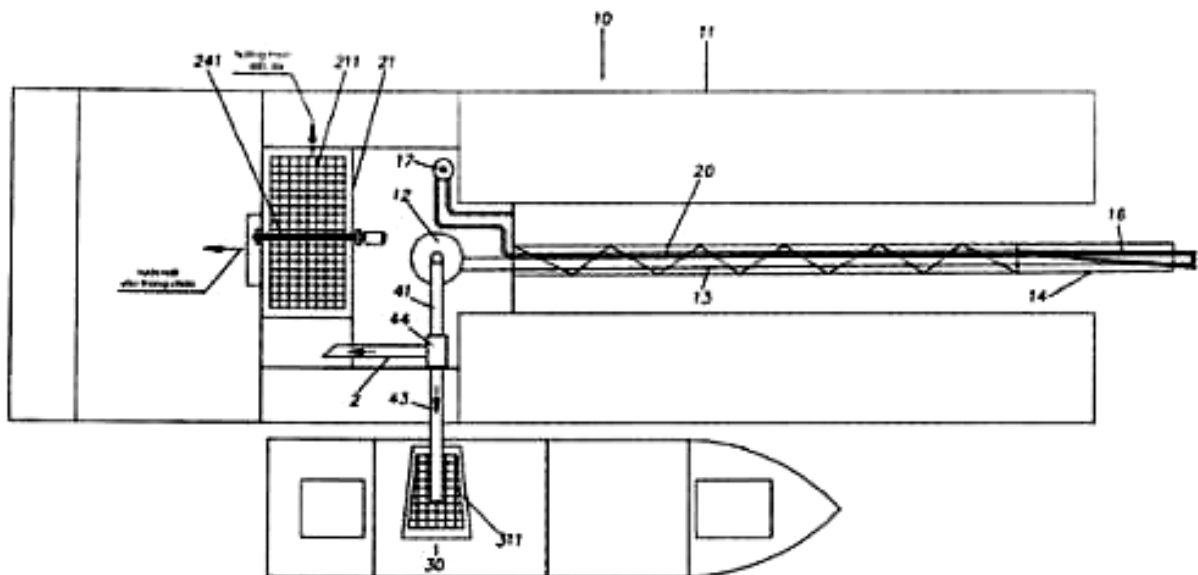
(54) **THÀNH PHẦN CÔNG SUẤT TẦN SỐ RADIO VÀ THIẾT BỊ THU PHÁT
TÍN HIỆU TẦN SỐ RADIO**

- (57) Sáng chế đề cập đến thành phần công suất tần số radio, bao gồm phần thứ nhất, phần thứ hai, và nhóm dây liên kết thứ nhất, trong đó nhóm dây liên kết thứ nhất bao gồm ít nhất ba bộ phận dây liên kết thứ nhất, bộ phận dây liên kết thứ nhất bao gồm ít nhất một dây liên kết hình cung, một đầu và đầu còn lại của bộ phận dây liên kết thứ nhất được nối điện lần lượt đến các điện cực của phần thứ nhất và phần thứ hai, trong đó các độ cao cung của các bộ phận dây liên kết thứ nhất được bố trí ở hai phía của nhóm dây liên kết thứ nhất là cao hơn so với độ cao cung của bộ phận dây liên kết thứ nhất ở vị trí khác, và độ cao cung của bộ phận dây liên kết thứ nhất được bố trí ở vùng trung tâm của nhóm dây liên kết thứ nhất là thấp hơn so với độ cao cung của bộ phận dây liên kết thứ nhất ở vị trí khác, sao cho các dòng điện đi qua ít nhất ba bộ phận dây liên kết thứ nhất là giống nhau, hoặc sự lệch pha giữa các dòng điện đi qua bất kỳ hai bộ phận dây liên kết thứ nhất là nhỏ hơn so với ngưỡng thiết đặt trước. Sáng chế giúp giảm đáng kể sự tổn hao năng lượng của thành phần công suất tần số radio, tránh hư hỏng cho phần, và giảm chi phí sử dụng.



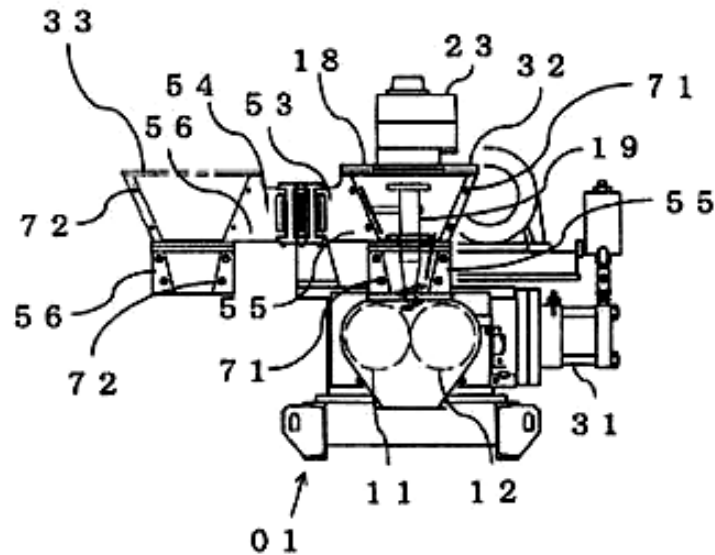
- (11) **1-0024251 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/11/2017 356A
 (21) 1-2017-03663
 (22) 20/09/2017
 (51) **B03B 5/00**
 (73) **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TÂN HIỆP PHÁT II (VN)**
 Số 54B Nguyễn Du, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
 (72) Nguyễn Văn Buôi (VN)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ Á Đông (Á Đông IP CONSULTANCY CO.,LTD.)
 (54) **HỆ THỐNG TUYỂN, RỬA VÀ KHAI THÁC CÁT**

(57) Với mục đích khai thác cát có kích thước tương đối đồng đều, đáp ứng yêu cầu trong xây dựng với chi phí khai thác thấp và có thể vận hành liên tục với năng suất cao, sáng chế đề xuất hệ thống tuyển, rửa và khai thác cát bao gồm tàu khai thác cát, cụm thiết bị tuyển, rửa cát thứ nhất, cụm thiết bị tuyển, rửa cát thứ hai, hệ thống ống dẫn huyền phù cát, và bộ phận giá treo. Cụm thiết bị tuyển, rửa cát thứ nhất bố trí trên tàu khai thác cát bao gồm máng nghiêng có lưới lọc với các lỗ có kích thước xác định. Cụm thiết bị tuyển, rửa cát thứ hai được treo trên giá treo và đặt lên phương tiện tiếp nhận, bao gồm máng nghiêng có lưới lọc với các lỗ có kích thước xác định. Huyền phù cát được hút lên, sẽ được phân phối vào cụm thiết bị tuyển, rửa cát thứ nhất và cụm thiết bị tuyển, rửa cát thứ hai theo một tỷ lệ thích hợp tùy theo mục đích sử dụng.



- (11) **1-0024252 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2016-04603 (85) 28/11/2016
 (22) 15/06/2015 (86) PCT/JP2015/067192 15/06/2015
 (30) 2014-127879 23/06/2014 JP (87) WO2015/198902A1 30/12/2015
 (51) **B30B 11/18; B30B 11/16; B01J 2/22; B30B 11/00**
 (73) **SINTOKOGIO, LTD.** (JP)
 11-11, Nishiki 1-chome, Naka-ku, Nagoya-shi, Aichi 4600003, Japan
 (72) SHIMIZU, Masanori (JP)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **MÁY ĐÓNG VIÊN NHIÊN LIỆU ÉP**

(57) Sáng chế đề cập tới máy đóng viên nhiên liệu ép trong đó người vận hành có thể dễ dàng quan sát phần bên trong của phễu và có thể chuẩn bị trực vít cấp liệu sẵn sàng cho công tác thay thế mà không cần sử dụng một cơ cấu nâng, chẳng hạn cần cẩu, v.v.. Máy đóng viên nhiên liệu ép bao gồm hai trục ép để hóa cứng nguyên liệu bằng cách ép và tạo ra viên nhiên liệu ép nhờ nén và phễu được bố trí kê sát và bên trên hai trục ép, trong đó phễu bao gồm bộ phận phễu cố định và bộ phận phễu di động để tạo ra, cùng với bộ phận phễu cố định, phễu ở dạng thân liền trong đó bộ phận phễu di động và bộ phận phễu cố định tạo thành phễu theo cách sao cho từng bộ phận tạo ra phần chia của phễu được chia bởi mặt phẳng đi qua trục dọc của phễu.



- | | | | |
|-------------------------|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024253 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2012 | 287A |
| (21) 1-2011-02909 | | (85) 27/10/2011 | |
| (22) 31/03/2010 | | (86) PCT/US2010/029389 | 31/03/2010 |
| (30) 61/165,475 | 31/03/2009 | US (87) WO2010/120516A3 | 21/10/2010 |

(51) **F16L 41/06**

(73) **EPIC APPLIED TECHNOLOGIES, LLC (US)**

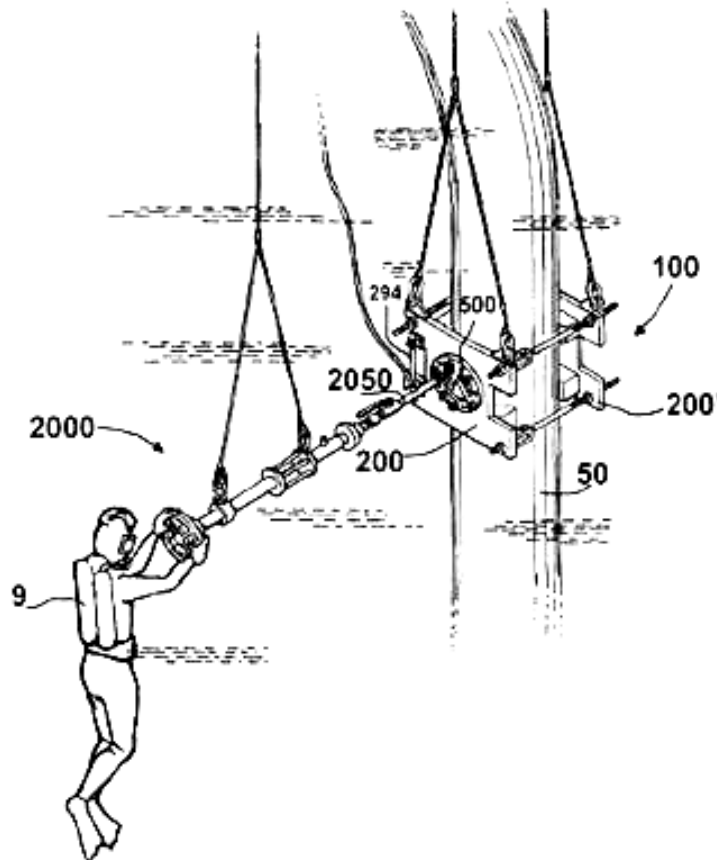
251 Little Falls Drive, Wilmington, Delaware 19808, United States of America

(72) MCGRAW, Harry (US); BLAND, Leslie, M. (US); BANGERT, Daniel, S. (US); GRAVOUIA, Mark, F. (US); MASINGKAN, Rizal (MY)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

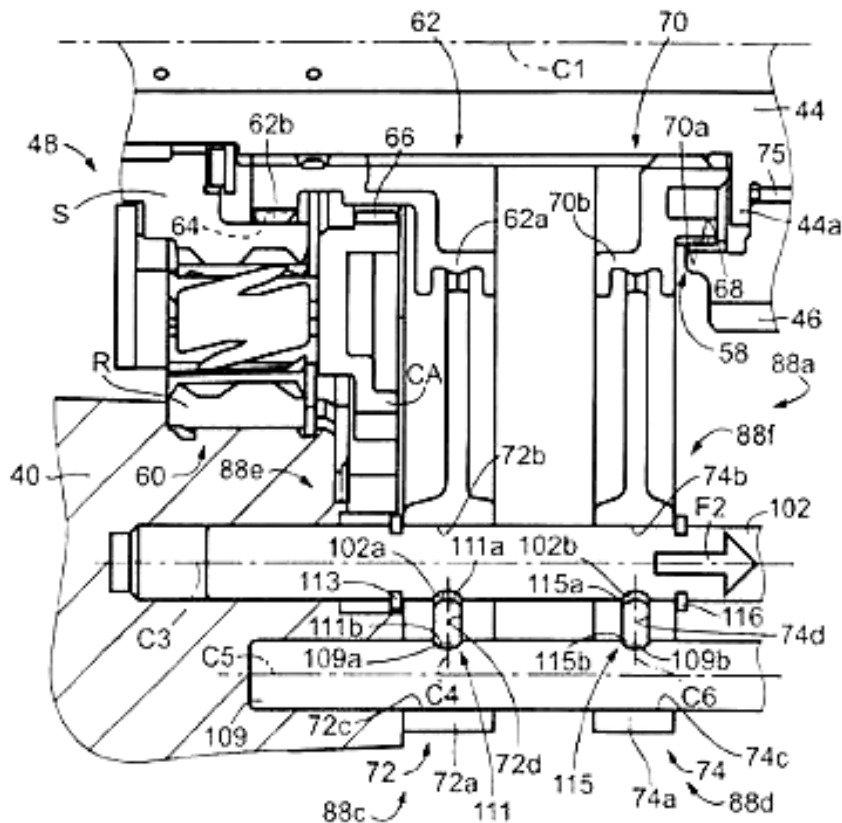
(54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TARÔ NÓNG CÁC CHUỖI ĐƯỜNG ỐNG VÀ/HOẶC ỐNG DẪN ĐỒNG TRỤC HOẶC LỒNG NHAU DƯỚI NƯỚC DÙNG CHO GIẾNG HOẶC SÀN BỊ ĐỔ**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị để tarô vào trong các chuỗi ống dẫn được đặt đồng trục đối với các giếng và/hoặc các sàn đã bị đổ trong đó quá trình tarô được thực hiện dưới nước bởi thợ lặn hoặc phương tiện được điều khiển từ xa. Hệ thống bao gồm dụng cụ tarô nóng nối được vào ống dẫn bằng phần nối dạng bàn trượt và kẹp tarô điều chỉnh được với các chân đỡ/khóa điều chỉnh được, tấm ép có các lỗ quan sát, và hệ thống tarô nóng, cùng với hệ thống khoan/cưa.



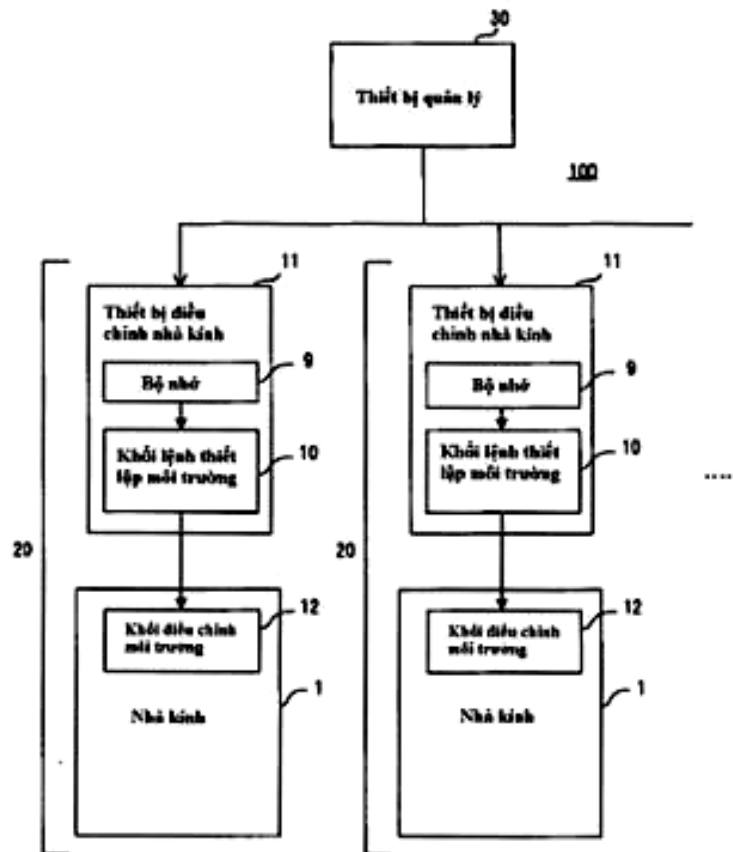
- (11) **1-0024254 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
 (21) 1-2016-04024
 (22) 24/10/2016
 (30) 2015-210272 26/10/2015 JP
 (51) **B60K 17/344; F16H 63/32; F16H 61/00; F16H 63/18**
 (73) **TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 1, Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi-ken, 471-8571 Japan
 (72) Mizuki IMAFUKU (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **HỘP PHÂN PHỐI DÙNG CHO XE DẪN ĐỘNG BỐN BÁNH**

(57) Sáng chế đề cập đến hộp phân phối dùng cho xe dẫn động bốn bánh bao gồm trục vào (42), trục ra (44), cơ cấu chuyển cao-thấp (48), bộ phận đầu ra (46), ly hợp (50), khớp nối khóa (70), cơ cấu bắt vít (86), cơ cấu truyền (88b), cam trống (100), và cơ cấu chuyển (152a). Cơ cấu chuyển (152a) được cấu tạo để chuyển theo cách lựa chọn giữa vị trí H4L và vị trí L4L kết hợp với chuyển động quay của động cơ điện (84). Vị trí H4L là vị trí trong đó khớp nối cao-thấp (62) được bố trí trong cơ cấu chuyển cao-thấp (48) ở vị trí trong đó bánh răng tốc độ cao được thiết lập trong cơ cấu chuyển cao-thấp (48). Vị trí L4L là vị trí trong đó khớp nối cao-thấp (62) được bố trí trong cơ cấu chuyển cao-thấp (48) ở vị trí trong đó bánh răng tốc độ thấp được thiết lập trong cơ cấu chuyển cao-thấp (48).



- (11) **1-0024255 B** (15) 25/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2016 335A
- (21) 1-2015-04107 (85) 26/10/2015
- (22) 14/02/2014 (86) PCT/JP2014/053465 14/02/2014
- (30) 2013-063790 26/03/2013 JP (87) WO2014/156358 02/10/2014
- (51) **A01G 9/24**
- (73) **NEC SOLUTION INNOVATORS, LTD.** (JP)
1-18-7, Shinkiba, Koto-ku, Tokyo 1368627, Japan
- (72) SHIMAZU, Hideo (JP)
- (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **HỆ THỐNG TRỒNG CÂY**

(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống trồng cây (100) bao gồm các cụm trồng cây (20), và thiết bị quản lý (30) để quản lý mỗi cụm trồng cây (20). Mỗi cụm trồng cây (20) bao gồm nhà kính (1) có tác dụng như không gian để trồng cây, khối điều chỉnh môi trường (12) sẽ điều chỉnh môi trường trong nhà kính (1), bộ nhớ (9) lưu trữ các giá trị thiết lập vốn là các mục tiêu điều chỉnh khối điều chỉnh môi trường (12) cho mỗi số ngày trôi qua từ ngày bắt đầu trồng, và cụm lệnh thiết lập môi trường (10) để thiết lập các giá trị thiết lập được lưu trữ trong bộ nhớ (9) trong khối điều chỉnh môi trường (12) theo số ngày đã trôi qua từ ngày bắt đầu trồng. Thiết bị quản lý (30) gửi các giá trị thiết lập cho mỗi số ngày trôi qua từ ngày bắt đầu trồng tới mỗi một trong số các cụm trồng cây (20), khiến cho bộ nhớ (9) của mỗi một trong số cụm trồng cây (20) lưu giữ các giá trị thiết lập, và đưa ra lệnh bắt đầu trồng cây.



- | | | | |
|--------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024256 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2014 | 321A |
| (21) 1-2014-02677 | | (85) 08/08/2014 | |
| (22) 09/01/2013 | | (86) PCT/EP2013/050247 | 09/01/2013 |
| (30) MI2012A000013 | 09/01/2012 | IT (87) WO2013/104638 | 18/07/2013 |

(51) **C07C 273/04**

(73) **SAIPEM S.P.A. (IT)**

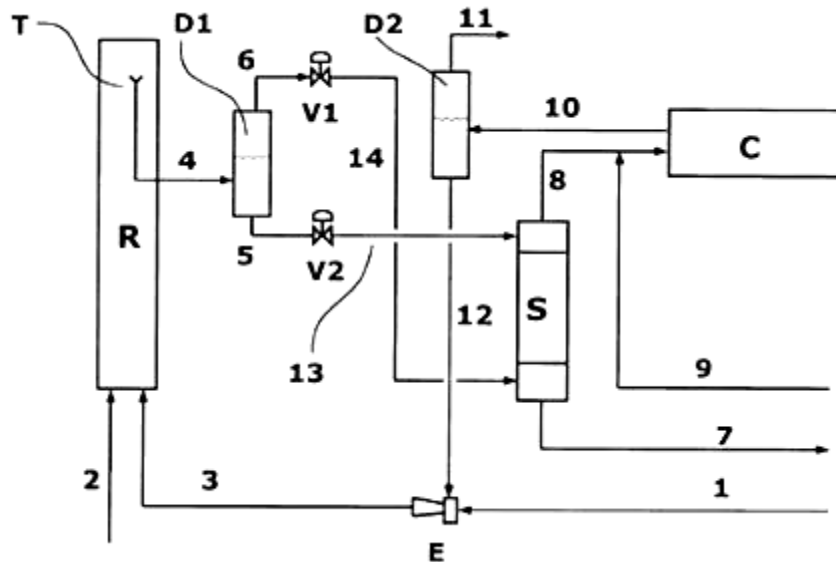
Via Martiri di Cefalonia, 67, I-20097 San Donato Milanese (Milano), Italy

(72) CARLESSI, Lino (IT); GIANAZZA, Alessandro (IT)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ URE BAO GỒM DÒNG THỤ ĐỘNG HÓA Ở ĐÁY CỦA CỘT CẮT PHẦN NHẹ, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN QUY TRÌNH NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP CẢI TIẾN QUY TRÌNH NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế trực tiếp ure từ amoniac và cacbon đioxit với khả năng chịu ăn mòn tăng, bao gồm, trong công đoạn tổng hợp áp suất cao bước phản ứng trong lò phản ứng thẳng đứng (R) được cấp ít nhất một luồng cacbon đioxit mới chứa tác nhân thụ động hóa và công đoạn phân hủy - cắt phần nhẹ của các chất tham gia phản ứng chưa được chuyển hóa, trong đó hỗn hợp khí-lỏng được thu gom ở phần đầu của lò phản ứng được phân tách vào trong luồng khí và dòng chất lỏng được cấp vào phần cuối và đầu của cột cắt phần nhẹ, tương ứng. Sáng chế cũng đề cập đến thiết bị để thực hiện quy trình này và phương pháp cải tiến quy trình này.



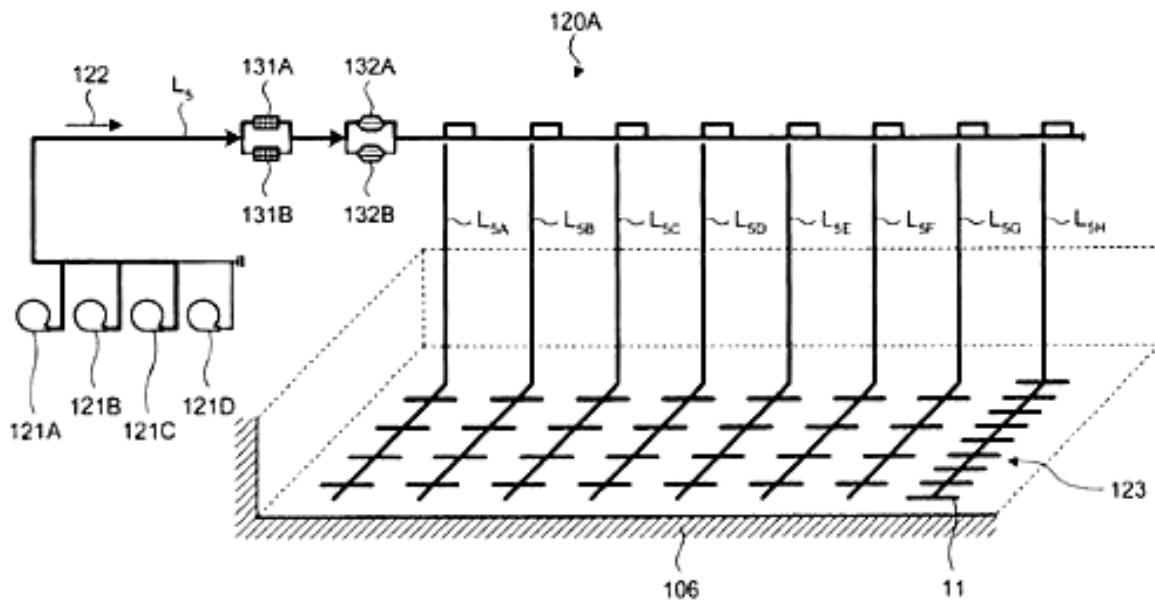
- (11) **1-0024257 B** (15) 25/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2018 367A
(21) 1-2018-03197 (85) 23/07/2018
(22) 20/12/2016 (86) PCT/JP2016/087950 20/12/2016
(30) 2015-253994 25/12/2015 JP (87) WO2017/110807 29/06/2017
(51) *C08L 81/02; C08K 3/00; C08L 23/02; B29C 45/14; C08K 5/13*
(73) **POLYPLASTICS CO., LTD.** (JP)
2-18-1, Konan, Minato-ku, Tokyo 1088280, Japan
(72) OHNISHI Katsuhei (JP); ARAI Hiroki (JP); MATSUDA Kuniaki (JP)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **CHẾ PHẨM NHỰA POLYARYLEN SULFUA VÀ VẬT PHẨM ĐÚC ĐỆM**

- (57) Sáng chế đề xuất chế phẩm nhựa polyarylen sulfua có khả năng chịu sốc nhiệt và khả năng chảy tốt, có khả năng loại bỏ cặn khuôn trong quá trình đúc, và vật phẩm đúc đẽm.

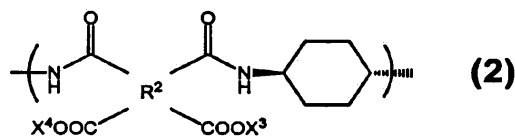
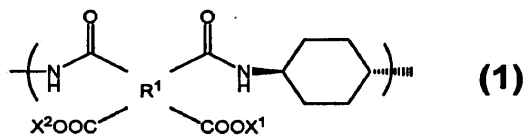
Chế phẩm nhựa polyarylen sulfua, khác biệt ở chỗ, chế phẩm nhựa này chứa nhựa polyarylen sulfua, và copolyme dạng olefin chứa đơn vị cấu trúc có nguồn gốc từ α -olefin và đơn vị cấu trúc có nguồn gốc từ este glyxidyl của axit chưa no ở vị trí α, β , trong đó hàm lượng copolyme dạng olefin ít nhất là 1,0 phần khối lượng và ít hơn 5,0 phần khối lượng so với 100 phần khối lượng của nhựa polyarylen sulfua, độ nhớt nóng chảy của nhựa polyarylen sulfua khi đo ở nhiệt độ 310°C và tốc độ trượt là 1216 giây^{-1} nằm trong khoảng từ ít nhất là 70 Pa•s đến lớn nhất là 300 Pa•s, và chiều dài dòng chảy có chiều rộng 20 mm và chiều dày 1 mm, ở nhiệt độ của xy lanh là 320°C, áp suất phun là 100 MPa và nhiệt độ khuôn là 150°C, nằm trong khoảng từ ít nhất là 80 mm đến lớn nhất là 200 mm.

- (11) **1-0024258 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
 (21) 1-2012-03679 (85) 07/12/2012
 (22) 19/01/2011 (86) PCT/JP2011/050891 19/01/2011
 (30) 2010-183498 18/08/2010 JP (87) WO2012/023293 23/02/2012
 (51) **B01D 19/00; B01D 53/77; C02F 1/20; B01D 53/50**
 (73) **MITSUBISHI HITACHI POWER SYSTEMS, LTD.** (JP)
 3-1, Minatomirai 3-chome, Nishi-ku, Yokohama 220-8401 Japan.
 (72) SONODA, Keisuke (JP); NAGAO, Shozo (JP); IMASAKA, Koji (JP);
 FURUKAWA, Seiji (JP); TSUCHIYAMA, Yoshihiko (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ SỤC KHÍ, THIẾT BỊ KHỬ LƯU HUỖNH TRONG KHÍ THẢI
 BẰNG NƯỚC BIỂN CÓ THIẾT BỊ SỤC KHÍ NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN
 HÀNH THIẾT BỊ SỤC KHÍ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị sục khí nhúng trong nước biển đã sử dụng được pha loãng (không được thể hiện trên hình vẽ), là nước biển cần xử lý và tạo ra các bọt khí nhỏ trong nước biển đã sử dụng được pha loãng. Thiết bị sục khí bao gồm: đường cấp không khí (L_5) để cấp không khí (122) qua các quạt thổi từ (121A) đến (121D) đóng vai trò làm bộ xả; các vòi sục khí (123), mỗi vòi bao gồm một màng khuếch tán (11) có các khe hở và qua đó không khí chứa ẩm được cấp; và bộ điều khiển thực hiện điều khiển dừng tạm thời việc cấp không khí (122) ở các thời khoảng định trước.

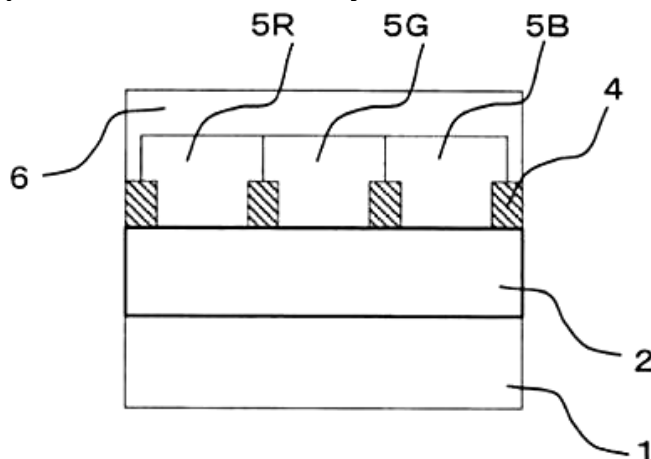


- (11) **1-0024259 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
 (21) 1-2014-04080 (85) 05/12/2014
 (22) 26/12/2013 (86) PCT/JP2013/084857 26/12/2013
 (30) 2013-133546 26/06/2013 JP (87) WO2014/207963 31/12/2014
 (51) **C08G 73/10; H05B 33/10; H01L 51/50; H05B 33/02; B32B 27/34; G02B 5/20**
 (73) **TORAY INDUSTRIES, INC.** (JP)
 1-1, Nihonbashi-Muromachi 2-chome, Chuo-ku, Tokyo 1038666, Japan
 (72) Masao TOMIKAWA (JP); Junji WAKITA (JP); Yukari JO (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **TIỀN CHẤT POLYIMIT, POLYIMIT, LỚP NỀN MỀM DỄ ĐƯỢC SẢN XUẤT BẰNG CÁC CHẤT NÀY, BỘ LỌC MÀU, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT BỘ LỌC MÀU VÀ THIẾT BỊ HIỂN THỊ MỀM DẸO**
 (57) Sáng chế đề cập đến tiền chất polyimit có cấu trúc đơn vị được thể hiện bằng công thức tổng quát (1) và cấu trúc đơn vị được thể hiện bằng công thức tổng quát (2).



Sáng chế đề cập đến tiền chất polyimit không gây ra hiện tượng đục trắng, rạn nứt và sủi bọt ở màng, bất kể điều kiện làm cứng của màng nhựa polyimit.

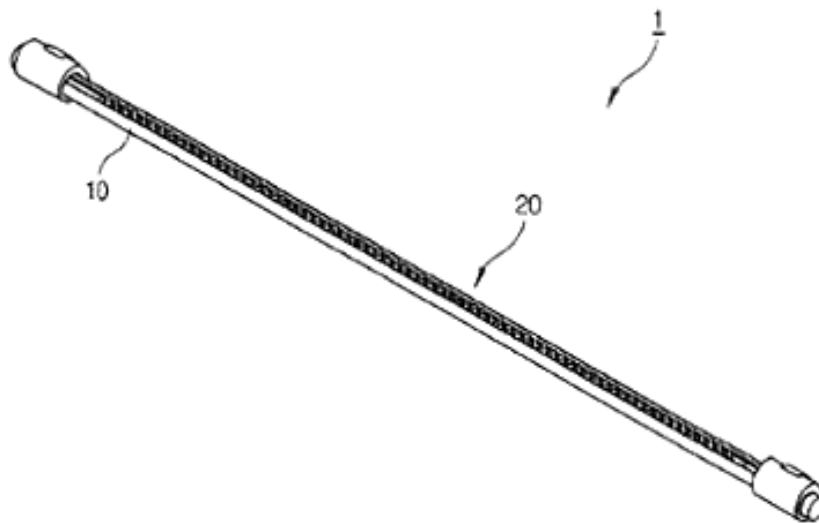
Sáng chế còn đề cập đến polyimit được tạo ra từ tiền chất polyimit nêu trên, lớp nền mềm dẻo bao gồm màng nhựa chứa polyimit này, lớp nền mềm dẻo bao gồm màng vô cơ được tạo ra trên màng nhựa chứa polyimit này, bộ lọc màu bao gồm lớp ma trận đen và điểm ảnh màu được tạo ra trên màng nhựa chứa polyimit này, phương pháp sản xuất bộ lọc màu này, và thiết bị hiển thị mềm dẻo.



- (11) **1-0024260 B** (15) 25/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/06/2016 339A
(21) 1-2015-04767
(22) 14/12/2015
(30) 10-2014-0180398 15/12/2014 KR
(51) **A01G 7/00**
(73) **SUN-WAVE CO., LTD. (KR)**
1406 Advanced Nano Fab Center, 906-10, lui-dong, yeongtong-gu, Suwon-city,
Kyeonggi-do, Republic of Korea
(72) PARK, Jae Geun (KR); CHO, Yeon Su (KR); KIM, Don Soo (KR); CHOI, Yong
Seok (KR); BAE, Byoung Gyoo (KR)
(74) Công ty Luật TNHH ELITE (ELITE LAW FIRM)
(54) **THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG LED DÙNG ĐỂ GÂY CẢM ỨNG VÀ THỨC ĐẨY
SỰ RA HOA CỦA CÂY DÀI NGÀY**

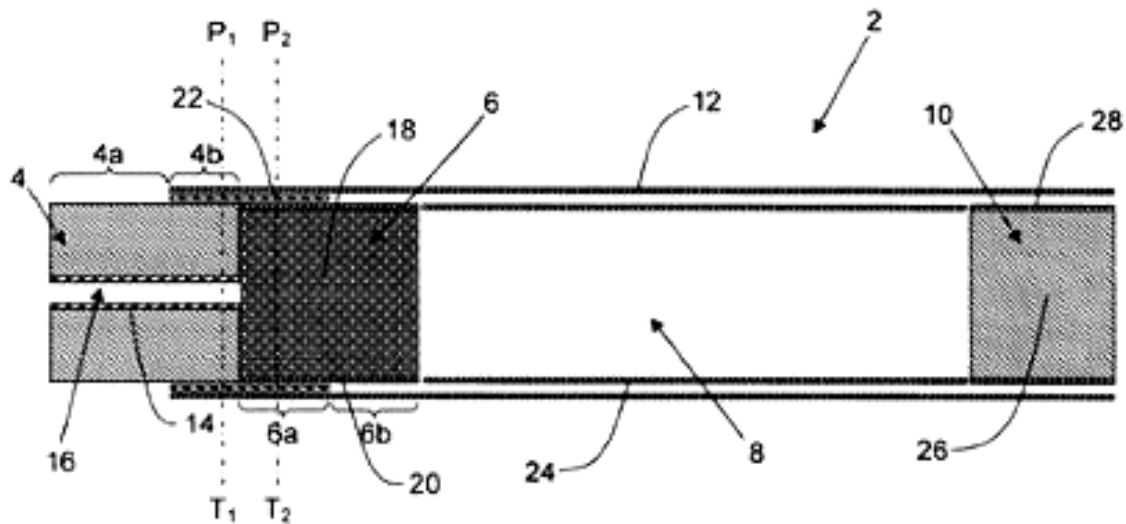
- (57) Sáng chế liên quan đến thiết bị chiếu sáng LED dùng để gây cảm ứng và thúc đẩy sự ra hoa của cây dài ngày, cụ thể là sáng chế bao gồm thân thiết bị; và phần nguồn quang có đèn LED màu xanh, đèn LED màu đỏ và đèn LED màu đỏ xa được bố trí trên thân thiết bị, trong đó bước sóng của đèn LED màu xanh là 420 - 480 nm, của đèn LED màu đỏ là 620 - 690 nm và của đèn LED màu đỏ xa là 700 - 750 nm, trong đó tỷ lệ công suất ánh sáng của đèn LED màu xanh, đèn LED màu đỏ và đèn LED màu đỏ xa là 1: 0,7 - 6: 0,5 -18.

Bằng cách này, thiết bị chiếu sáng LED có thể gây cảm ứng ra hoa ở cây dài ngày trong thời kỳ ngày ngắn cũng như thúc đẩy sự ra hoa của cây dài ngày trong thời kỳ ngày dài, và có thể giảm thiểu lượng tiêu thụ điện bằng cách dùng đèn LED làm nguồn ánh sáng, và có thể giảm thiểu gánh nặng kinh tế do kéo dài tuổi thọ của các nguồn sáng.



- (11) **1-0024261 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2014 312A
 (21) 1-2013-04030 (85) 20/12/2013
 (22) 01/06/2012 (86) PCT/EP2012/060411 01/06/2012
 (30) 11250578.9 02/06/2011 EP (87) WO2012/164077 06/12/2012
 (51) **A24B 15/16; A24F 47/00**
 (73) **PHILIP MORRIS PRODUCTS S.A (CH)**
 Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchâtel, Switzerland
 (72) GLADDEN, Thomas (CH); POGET, Laurent (CH); JOCHNOWITZ, Evan (US);
 ROUDIER, Stéphane (FR); MALGAT, Alexandre (FR); BONNELLY, Samuel (FR)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
 (54) **NGUỒN NHIỆT DỄ CHÁY VÀ VẬT DỤNG HÚT THUỐC BAO GỒM
 NGUỒN NHIỆT DỄ CHÁY NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến nguồn nhiệt dễ cháy (4) dùng cho vật dụng hút thuốc (2) chứa cacbon và ít nhất một tác nhân trợ cháy, trong đó tác nhân trợ cháy có mặt với lượng ít nhất 20% trọng lượng khô của nguồn nhiệt dễ cháy. Nguồn nhiệt dễ cháy (4) có phần thứ nhất và phần thứ hai đối diện. Ít nhất phần (4b) của nguồn nhiệt dễ cháy (4) ở giữa phần thứ nhất và phần thứ hai được bọc trong lớp bọc chịu được sự đốt cháy (22) mà dẫn nhiệt và/hoặc về cơ bản không lọt oxy. Khi đốt cháy phần thứ nhất, phần thứ hai tăng nhiệt độ tới mức nhiệt độ thứ nhất. Khi đốt cháy tiếp, phần thứ hai duy trì mức nhiệt độ thứ hai thấp hơn mức nhiệt độ thứ nhất.



- (11) **1-0024262 B** (15) 25/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2014 321A
(21) 1-2014-03655 (85) 31/10/2014
(22) 12/04/2013 (86) PCT/KR2013/003100 12/04/2013
(30) 10-2012-0038471 13/04/2012 KR (87) WO2013/154391 17/10/2013
(51) *A61K 8/87; A45D 37/00; A61K 8/02; A61K 8/04; A61Q 19/00; A61Q 1/00; A61Q 1/02; A61Q 17/04; A45D 33/00; A61K 8/81*
(73) **AMOREPACIFIC CORPORATION (KR)**
181, 2-ga Hangang-ro, Yongsan-gu, Seoul, 140-777, Republic of Korea
(72) CHOI, Jung Sun (KR); KIM, Kyung Nam (KR); CHOI, Kyung Ho (KR)
(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
(54) **VẬT PHẨM MỸ PHẨM CHỨA BÔNG DẶM VÀ VẬT MANG CHẾ PHẨM MỸ PHẨM**

(57) Sáng chế đề cập đến vật phẩm mỹ phẩm chứa bông dăm và vật mang chế phẩm mỹ phẩm. Vật mang chế phẩm mỹ phẩm này chứa một hoặc nhiều xấp có số lượng lỗ rỗng nằm trong khoảng từ 10ppi đến 130ppi được thấm với chế phẩm mỹ phẩm có độ nhớt nằm trong khoảng từ 1.000 đến 5.000cps và 15.000 đến 100.000cps để cho phép người dùng mang chế phẩm mỹ phẩm lỏng dạng hộp.

- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024263 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/01/2015 | 322A |
| (21) 1-2014-03821 | | (85) 17/11/2014 | |
| (22) 04/04/2013 | | (86) PCT/JP2013/060368 | 04/04/2013 |
| (30) 2012-093125 | 16/04/2012 JP | (87) WO2013/157405 | 24/10/2013 |

(51) **F24F 11/02**

(73) **DAIKIN INDUSTRIES, LTD.** (JP)

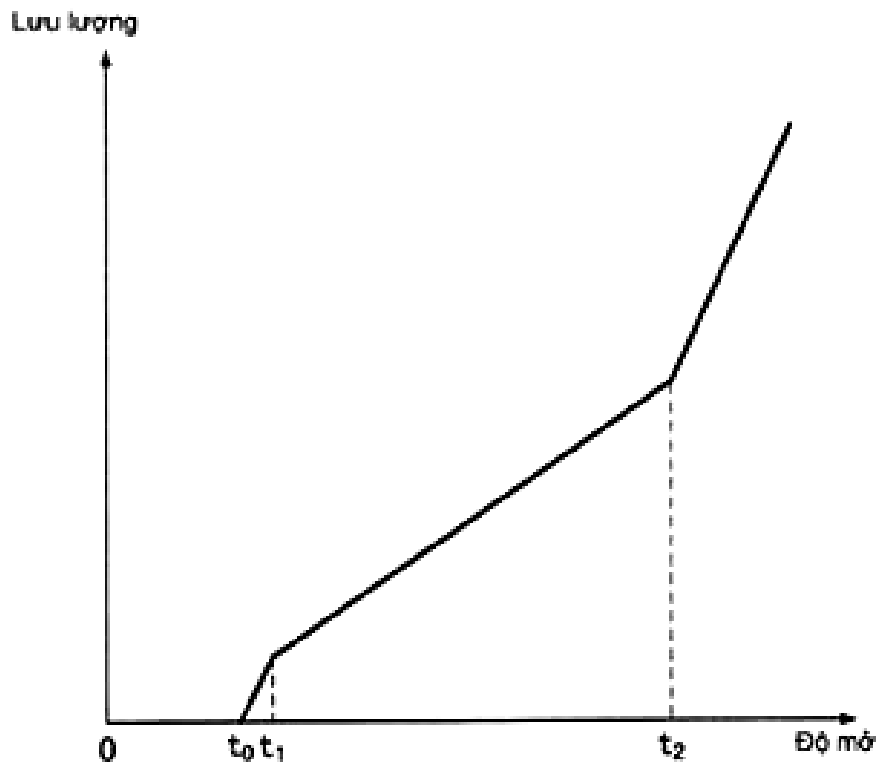
Umeda Center Building., 4-12, Nakazaki-nishi 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka, Japan

(72) HAIKAWA, Tomoyuki (JP)

(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

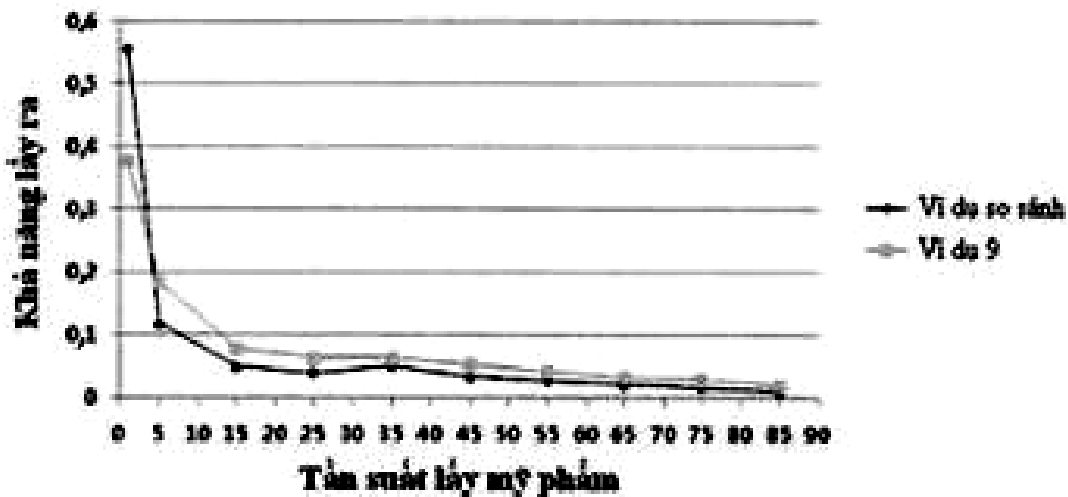
(54) **MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

(57) Sáng chế đề cập đến máy điều hoà không khí có bộ trao đổi nhiệt trong nhà bao gồm bộ trao đổi nhiệt phụ (20) và bộ trao đổi nhiệt chính (21) được bố trí khuất gió sau bộ trao đổi nhiệt phụ (20). Khi máy điều hoà không khí được vận hành ở chế độ hoạt động hút ẩm định trước, thì chất làm lạnh dạng lỏng được cấp tới bộ trao đổi nhiệt phụ (20) bay hơi hoàn toàn ở giữa chừng trong bộ trao đổi nhiệt phụ 20. Vì lý do này, chỉ một phần ở phía trước của bộ trao đổi nhiệt phụ 20 thực hiện chức năng làm vùng bay hơi, và khu vực ở phía sau vùng bay hơi của bộ trao đổi nhiệt phụ 20 là vùng quá nhiệt. Nếu tải là cao khi lựa chọn hoạt động hút ẩm để bắt đầu vận hành, thì hoạt động làm mát được bắt đầu và sau đó việc chuyển đổi thành hoạt động hút ẩm được thực hiện tương ứng với sự giảm tải.



- (11) **1-0024264 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2014 320A
 (21) 1-2014-02606 (85) 01/08/2014
 (22) 11/01/2013 (86) PCT/KR2013/000229 11/01/2013
 (30) 10-2012-0004479 13/01/2012 KR (87) WO2013/105804 18/07/2013
 10-2013-0003163 11/01/2013 KR
 (51) **A61K 8/87; A61K 8/02; A61Q 19/00; A61Q 1/02; A45D 34/00**
 (73) **AMOREPACIFIC CORPORATION (KR)**
 181, 2-ga, Hangang-ro, Yongsan-gu, Seoul 140-777, Republic of Korea
 (72) CHOI, Jung Sun (KR); KIM, Kyung Nam (KR); CHOI, Kyung Ho (KR); CHOI, Yeong Jin (KR)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **VẬT MANG DÙNG CHO CHẾ PHẨM MỸ PHẨM VÀ SẢN PHẨM MỸ PHẨM CHỨA VẬT MANG NÀY**

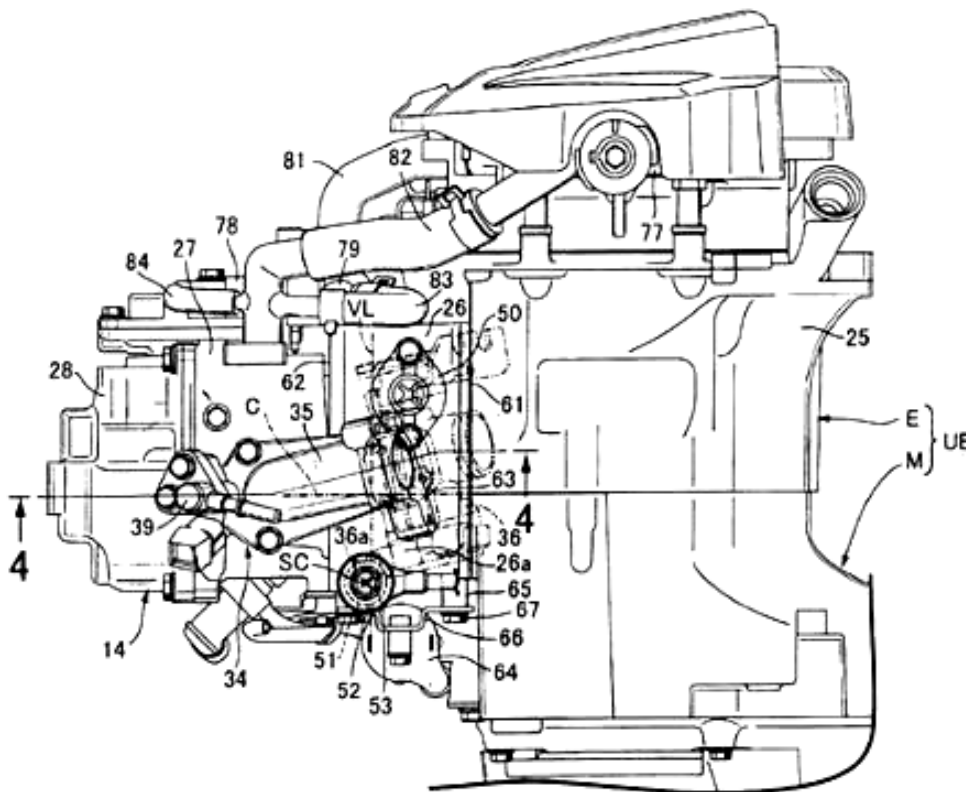
(57) Sáng chế đề cập đến vật mang dùng cho chế phẩm mỹ phẩm và sản phẩm mỹ phẩm chứa vật mang này. Sản phẩm mỹ phẩm chứa: vật mang để hỗ trợ chế phẩm mỹ phẩm chứa ít nhất hai lớp uretan được tạo xốp để điều khiển việc lấy ra chế phẩm này; và bông dậm, trong đó chế phẩm được định trước là được thoa bởi người dùng bằng bông dậm để thoa chế phẩm, trong đó các lớp uretan được tạo xốp khác nhau ít nhất một trong số các đặc tính: loại uretan được tạo xốp, số lượng lỗ xốp trên mỗi mét của uretan được tạo xốp, kích thước lỗ xốp và độ dày của lớp.



- (11) **1-0024265 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
 (21) 1-2015-02124
 (22) 16/06/2015
 (30) 2014-132191 27/06/2014 JP
 (51) **F02F 1/00; F02F 7/00; F02B 67/00; F02D 35/00**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, JAPAN
 (72) Yasuhiro MORIMOTO (JP); Ryuji TSUCHIYA (JP); Hitoshi YOKOTANI (JP);
 Yusuke TOMIOKA (JP)
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)
 (54) **CƠ CẤU LẮP CẢM BIẾN KÍCH NỔ TRONG ĐỘNG CƠ KIỂU CỤM LẮC**

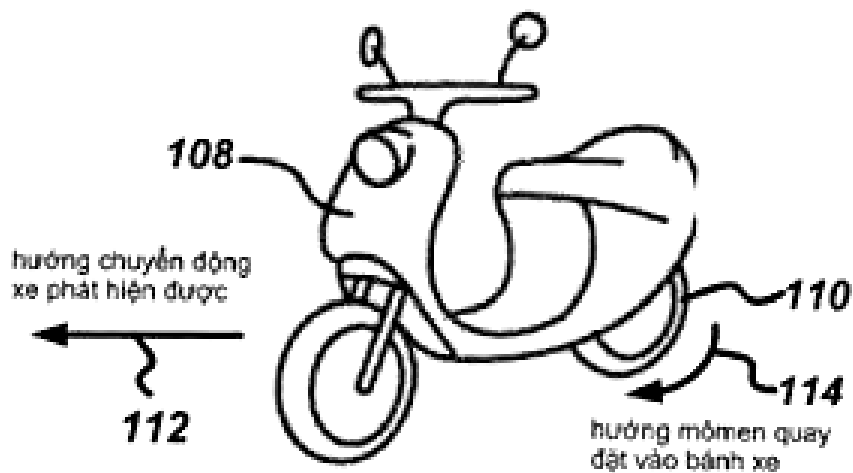
(57) Sáng chế nhằm cho phép công việc lắp/tháo cảm biến kích nổ được thuận lợi và hệ thống nạp được bố trí ở vị trí thấp trong động cơ kiểu cụm lắc trong đó: ống nạp dựng đứng từ đầu xi lanh của cụm chính động cơ, được đỡ lắc được bởi khung thân với đường trục của xi lanh nghiêng về phía trước, và kéo dài về phía sau ở bên trên đầu xi lanh và cụm xi lanh được nối vào thành trên của đầu xi lanh; và cảm biến kích nổ được lắp cố định, nhờ chi tiết dạng vít, vào vấu lắp được tạo ra ở thành trên của cụm xi lanh.

Để đạt được mục đích nêu trên, sáng chế đề xuất vấu lắp (51) được bố trí ở thành trên (26a) của cụm xi lanh (26) ở vị trí không gối chồng lên ống nạp (35) khi nhìn dọc theo đường trục vít (SC) của chi tiết dạng vít (53).



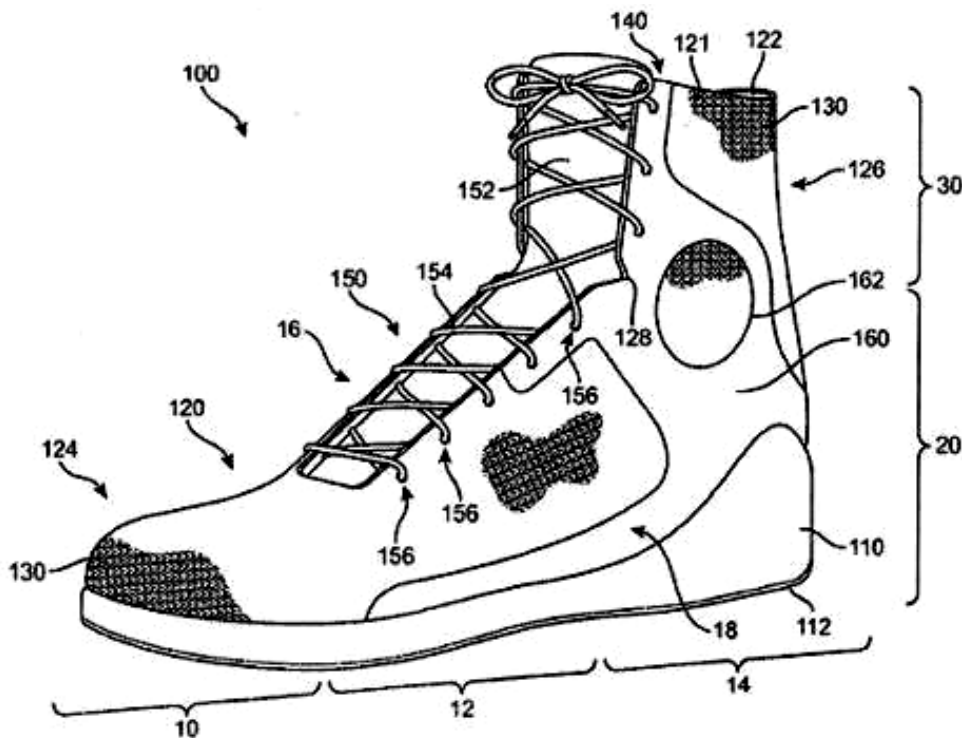
- | | | | |
|--|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024266 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2014 | 318A |
| (21) 1-2014-01783 | | (85) 02/06/2014 | |
| (22) 07/11/2012 | | (86) PCT/US2012/063979 | 07/11/2012 |
| (30) 61/557,176 | 08/11/2011 | US (87) WO2013/070793 | 16/05/2013 |
| (51) B62H 5/00; G08B 13/00; B60L 11/18; B60R 25/10 | | | |
| (73) GOGORO INC. (KY)
190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9005 Cayman Islands | | | |
| (72) WU, Yi-Tsung (TW); LUKE, Hok-Sum, Horace (US); HUNG, Huang-Cheng (TW); TAYLOR, Matthew Whiting (US) | | | |
| (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.) | | | |
| (54) HỆ THỐNG AN NINH XE, PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH HỆ THỐNG AN NINH XE VÀ XE | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến xe có hệ thống an ninh và chống trộm mà phát hiện chuyển động của xe theo hướng tiến và lùi ở trạng thái khóa, như bằng cách phát hiện sự quay bánh xe. Nhờ sự phát hiện này sẽ báo hiệu cho động cơ để làm mất tác dụng chuyển động bánh xe bằng cách quay một hoặc nhiều bánh xe theo hướng ngược với hướng quay bánh xe phát hiện được cho đến khi sự quay bánh xe không còn phát hiện được nữa. Hệ thống an ninh và chống trộm này có thể xác định xe có ở trạng thái khóa hay không bằng cách phát hiện có chìa khóa hay không và/hoặc một hoặc nhiều sự truyền thông nhận được bởi thiết bị không dây bên ngoài hay không. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến phương pháp vận hành hệ thống an ninh này.



- (11) **1-0024267 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
 (21) 1-2016-02259 (85) 21/06/2016
 (22) 28/08/2014 (86) PCT/US2014/053085 28/08/2014
 (30) 14/087,149 22/11/2013 US (87) WO2015/076893 28/05/2015
 (51) **A43B 1/04; A43B 5/00**
 (73) **NIKE INNOVATE C.V. (US)**
 One Bowerman Drive, Beaverton, OR 97005-6453, United States of America
 (72) LONG Bradley S. (US); SAVAGE Peter R. (NZ); TAPPATARNPORN SUK Atikom (TH)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **GIÀY DÉP CÓ MŨ GIÀY VÀ KẾT CẤU ĐỂ GIÀY ĐƯỢC GẮN CHẶT VÀO MŨ GIÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến giày dép (100) bao gồm phụ kiện dẹt kim (130) được tạo ra từ các phần phụ kiện dẹt kim. Phụ kiện dẹt kim này bao gồm phần thân (124) và phần gót (126). Phần thân (124) được tạo ra từ cấu trúc dẹt kim liền khối và kéo dài qua vùng trước bàn chân (10), vùng giữa bàn chân (12), và ít nhất một phần vào trong vùng gót (14) của giày dép (100). Phần gót (126) được tạo ra từ cấu trúc dẹt kim liền khối và kéo dài qua vùng gót (14) và có phần cổ, phần cổ này tạo ra lỗ cổ (140) của mũ giày (120) để chứa bàn chân. Phần thân (124) và phần gót (126) được nối dọc theo các mép liền kề để tạo ra phụ kiện dẹt kim (130). Các hướng dẹt kim của các phần phụ kiện dẹt kim thay đổi dọc theo các mép liền kề. Chi tiết phủ (160, 161) cũng có thể được tạo ra để che mỗi nối (1100, 1101) gắn các mép liền kề của các phần phụ kiện dẹt kim.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024268 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03903 | | (85) 17/10/2016 | |
| (22) 03/12/2014 | | (86) PCT/JP2014/081983 | 03/12/2014 |
| (30) 2014-055462 | 18/03/2014 | JP (87) WO2015/141074 | 24/09/2015 |

(51) **E05B 17/18; E05B 83/00; E05B 47/00**

(73) **KABUSHIKI KAISHA HONDA LOCK (JP)**

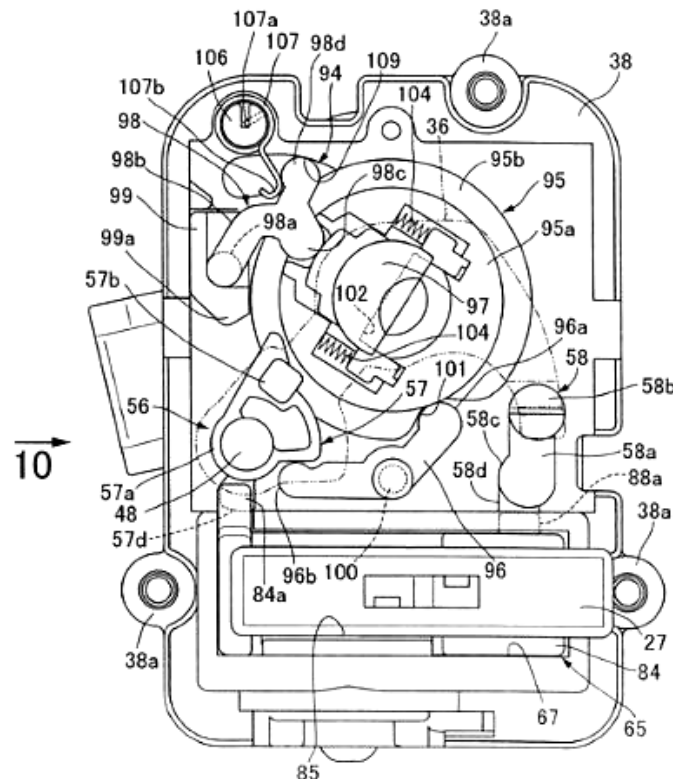
3700, Aza Wadayama, Shimonaka, Sadowara-cho, Miyazaki-shi, Miyazaki, Japan

(72) NIWAT Samrerng (TH)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

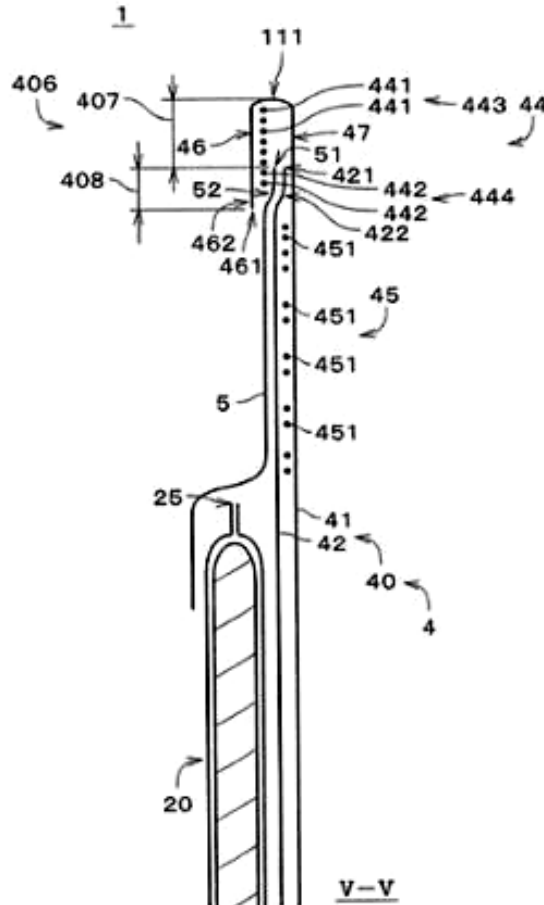
(54) **CƠ CẤU BẢO VỆ Ổ KHÓA HÌNH TRỤ**

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu bảo vệ ổ khoá hình trụ được bố trí trong đó tấm chắn được chứa trong vỏ có lỗ tra chìa khoá cơ học, tấm chắn có khả năng mở và đóng lỗ tra chìa khoá cơ học, trong đó khi phương tiện giải phóng trạng thái giới hạn (65) giải phóng trạng thái giới hạn do phương tiện giới hạn vị trí đóng (56), tấm chắn (36) được vận hành tự động từ vị trí đóng tới vị trí mở bởi lực đẩy tác động từ phương tiện đẩy theo hướng mở. Trong trạng thái mà ở đó tấm chắn (36) nằm ở vị trí mở, khi chìa khoá cơ học đã cắm vào phía ổ khoá hình trụ từ lỗ tra chìa khoá cơ học được rút ra khỏi lỗ tra chìa khoá cơ học ở vị trí xoay định trước, phương tiện không chế lực đẩy phía vị trí đóng (94) cho phép phương tiện đẩy theo hướng đóng, vốn tác động lực đẩy lớn hơn lực đẩy của phương tiện đẩy theo hướng mở, tạo ra lực đẩy tác động vào tấm chắn (36), lực đẩy từ phương tiện đẩy theo hướng đóng nhờ đó tác động vào tấm chắn (36) và tấm chắn (36) sẽ vận hành một cách tự động tới vị trí đóng. Vì vậy, tấm chắn sẽ tự động dịch chuyển giữa vị trí đóng và vị trí mở, nhờ đó tăng khả năng dễ vận hành.

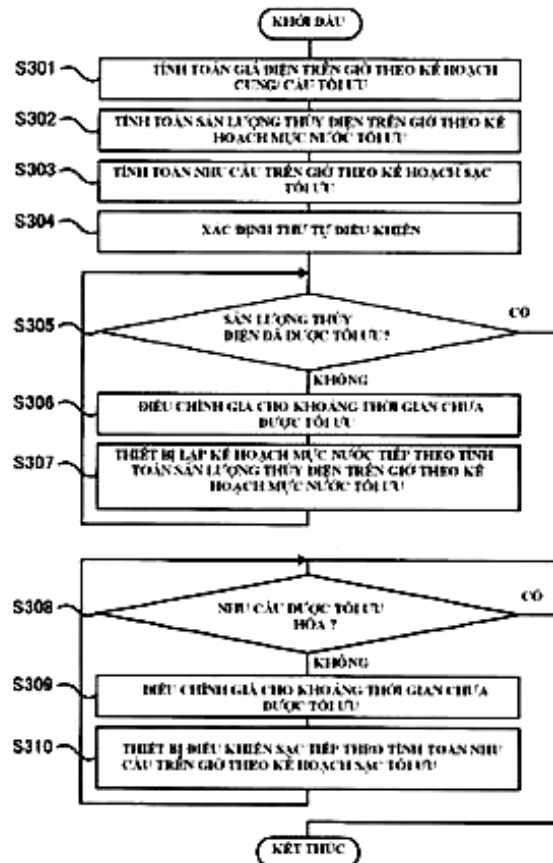


- | | | | |
|-------------------------|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024269 B | | (15) 25/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/01/2015 | 322A |
| (21) 1-2014-03098 | | (85) 18/09/2014 | |
| (22) 28/03/2013 | | (86) PCT/JP2013/002124 | 28/03/2013 |
| (30) 2012-090709 | 12/04/2012 | JP (87) WO2013/153756A1 | 17/10/2013 |
- (51) **A61F 13/49**
 (73) **LIVEDO CORPORATION (JP)**
 45-2, Handaotsu, Kanadacho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0122 Japan
 (72) TAKAHASHI, Yuki (JP); AMANO, Emi (JP); UDA, Tomohito (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT**

(57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút loại quần (1) cải thiện độ thoáng khí bằng cách tạo lớp phân đợc gập (46) và phân đôi diện (47) để tạo ra vùng chu vi eo thứ nhất (407), mà là phần trên của vùng chu vi eo (406). Vùng chu vi eo thứ hai (408) bên dưới vùng chu vi eo thứ nhất đợc tạo ra bằng cách tạo lớp phân đợc gập, tấm đầu (5), tấm bên ngoài thứ hai (42), và phân đôi diện, và chi tiết đàn hồi ở phần eo thứ hai (444) đợc nối giữa phân đợc gập và tấm đầu. Phân đợc gập có độ bền uốn ngang bằng 80 mm hoặc nhỏ hơn. Điều này cho phép vùng chu vi eo thứ hai dễ dàng co lại. Độ dày và độ bền của vùng chu vi eo thứ hai do đó tăng, và điều này khiến cho có thể giảm sự hư hại tấm bên ngoài (4) ở vùng chu vi eo.

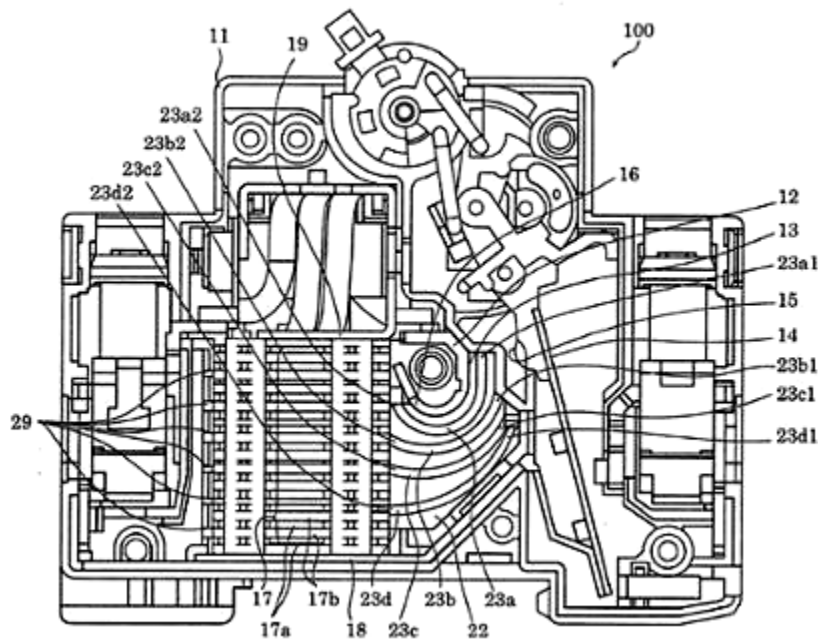


- (11) **1-0024270 B** (15) 25/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
- (21) 1-2014-02192 (85) 04/07/2014
- (22) 06/12/2011 (86) PCT/JP2011/078198 06/12/2011
- (51) **G06Q 50/06** (87) WO2013/084300A1 13/06/2013
- (73) **THE CHUGOKU ELECTRIC POWER CO., INC.** (JP)
4-33, Komachi, Naka-ku, Hiroshima-shi, Hiroshima 730-8701, Japan
- (72) OE, Ryuji (JP)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) **THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHU CẦU ĐIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ LƯU TRỮ CHỨA CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH NHU CẦU ĐIỆN**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điều chỉnh kế hoạch nhu cầu điện, phương pháp và thiết bị lưu trữ chứa chương trình điều chỉnh kế hoạch nhu cầu điện. Thiết bị điều chỉnh phân phối tải tiết kiệm 10 thu nhận sản lượng thủy điện phát ra tối ưu, nhu cầu tối ưu, và chi phí phát điện đơn vị từ thiết bị lập kế hoạch cung-cầu 23, thu nhận sản lượng thủy điện phát ra dự kiến được dự tính bởi các thiết bị lập kế hoạch mức nước 21 và thu nhận nhu cầu dự kiến được dự tính bởi thiết bị điều khiển sạc 22. Thiết bị điều chỉnh phân phối tải tiết kiệm 10 giảm giá điện trong thời gian mà sản lượng thủy điện phát ra dự kiến vượt quá sản lượng điện phát ra tối ưu và làm cho các thiết bị lập kế hoạch mức nước 21 dự tính lại sản lượng thủy điện phát ra và tăng giá điện trong thời gian mà nhu cầu điện dự kiến vượt quá nhu cầu điện tối ưu và làm cho các thiết bị điều khiển sạc 22 dự tính lại lượng nhu cầu điện.



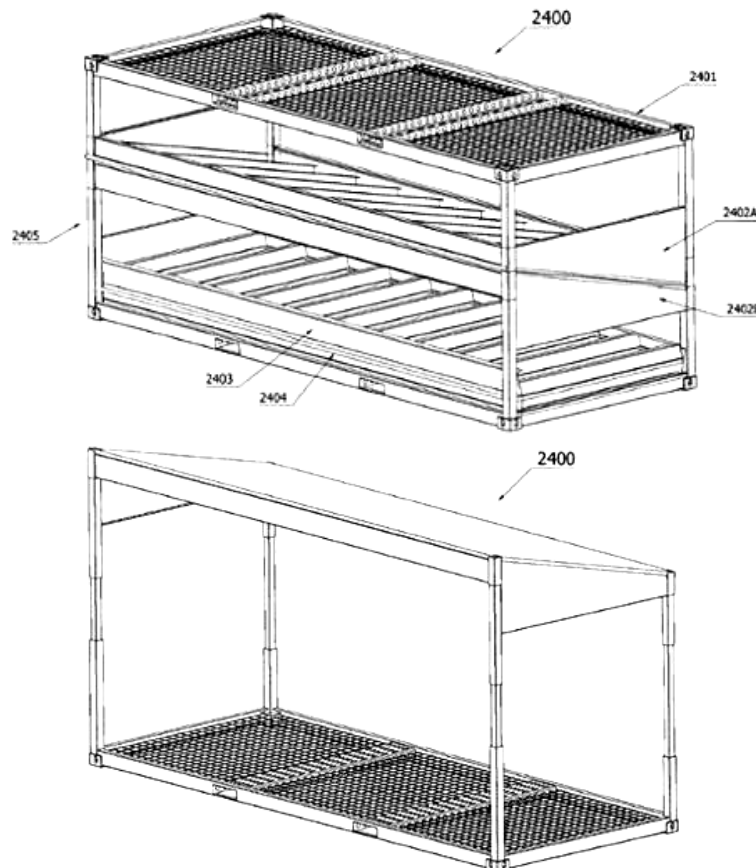
- (11) **1-0024271 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
 (21) 1-2016-03356 (85) 08/09/2016
 (22) 20/02/2015 (86) PCT/JP2015/000817 20/02/2015
 (30) 2014-074817 31/03/2014 JP (87) WO2015/151393A1 08/10/2015
 (51) **H01H 73/18**
 (73) **PANASONIC INTELLECTUAL PROPERTY MANAGEMENT CO., LTD.**
 (JP)
 1-61, Shiromi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 540-6207 Japan
 (72) TAKAYAMA, Shinji (JP); MURAKAMI, Hiroaki (JP); OKADA, Kenji (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **BỘ NGẮT MẠCH**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ ngắt mạch bao gồm đầu cực cố định bao gồm tiếp điểm cố định, đầu cực di chuyển được bao gồm tiếp điểm di chuyển được, chi tiết trượt bên di chuyển được, chi tiết trượt bên cố định, bộ chuyển mạch bên cố định, lưới, và hai tấm bên. Tiếp điểm di chuyển được được tách ra khỏi và được nối với tiếp điểm cố định bằng cách mở và đóng. Bộ chuyển mạch bên cố định cách xa chi tiết trượt bên di chuyển được hơn chi tiết trượt bên cố định, và được nối điện với đầu cực cố định. Lưới được bố trí giữa chi tiết trượt bên di chuyển được và bộ chuyển mạch bên cố định. Mỗi tấm trong số hai tấm bên bao gồm các gờ kéo dài từ tiếp điểm cố định về phía lưới. Hai tấm bên kẹp vào giữa khoảng trống giữa chi tiết trượt bên cố định và chi tiết trượt bên di chuyển được và được bố trí sao cho các gờ của một trong số tấm bên này đối diện với các gờ của tấm bên kia.

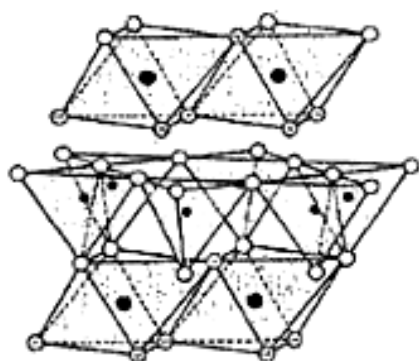


- (11) **1-0024272 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-02736 (85) 15/08/2014
 (22) 12/02/2013 (86) PCT/AU2013/000117 12/02/2013
 (30) 2012900570 17/02/2012 AU (87) WO2013/120129 22/08/2013
 (51) **E04B 1/343; E04B 1/18; E04H 5/00; E04B 1/36; E04H 1/00; B65D 88/12**
 (73) **LIFTING POINT PTY LTD (AU)**
 81 Henry St, Penrith, New South Wales 2750, Australia
 (72) MULLANEY, Nicholas Bruce (AU)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **CÔNG TENSOR VẬN CHUYỂN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC CHIỀU CAO VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO CÔNG TENSOR VẬN CHUYỂN ĐIỀU CHỈNH ĐƯỢC CHIỀU CAO NÀY**

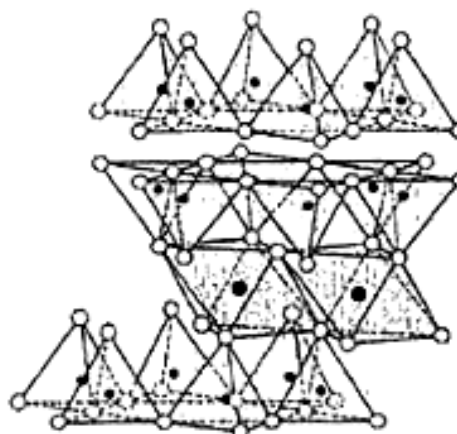
(57) Sáng chế đề cập đến côngtenơ vận chuyển điều chỉnh được chiều cao có thể sử dụng làm kết cấu nhà (2400). Côngtenơ có các cột góc thẳng đứng (2405) và ít nhất ba vách bên có thể được vận chuyển với chiều cao giảm như một côngtenơ vận chuyển và được mở rộng ở đầu tiếp nhận. Ít nhất một số trong các cột góc thẳng đứng (2405) mở rộng về chiều dài khi mở rộng côngtenơ vận chuyển với chiều cao giảm. Côngtenơ vận chuyển có thể vận chuyển trong nó các thành phần kết cấu, như tấm vách (2403, 2404), sàn (2401), trần (2402A, 2402B) và thậm chí các phụ tùng để thi công kết cấu nhà có diện tích sàn tương đương với diện tích sàn của ít nhất hai côngtenơ vận chuyển.



- (11) **1-0024273 B** (15) 25/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
 (21) 1-2016-00683 (85) 25/02/2016
 (22) 26/06/2014 (86) PCT/JP2014/067016 26/06/2014
 (30) 2013-163731 07/08/2013 JP (87) WO2015/019738 12/02/2015
 (51) **C10G 25/00; B01J 20/10; B01J 20/28**
 (73) **JX NIPPON OIL & ENERGY CORPORATION (JP)**
 6-3, Otemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1008162, Japan
 (72) MINATOYA, Masamichi (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP HẤP PHỤ VÀ LOẠI BỎ ION THỦY NGÂN VÀ THỦY NGÂN HỮU CƠ TRONG DẦU HYDROCACBON**
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp hấp phụ và loại bỏ ion thủy ngân và/hoặc thủy ngân hữu cơ có mặt trong dầu hydrocacbon một cách hữu hiệu trong một thời gian dài. Phương pháp này bao gồm bước cho dầu hydrocacbon tiếp xúc với chất hấp phụ chứa khoáng silicat dạng lớp có điện tích của lớp xen bằng 0 hoặc điện tích của lớp xen nằm trong khoảng từ lớn hơn 0 đến nhỏ hơn hoặc bằng 0,6.



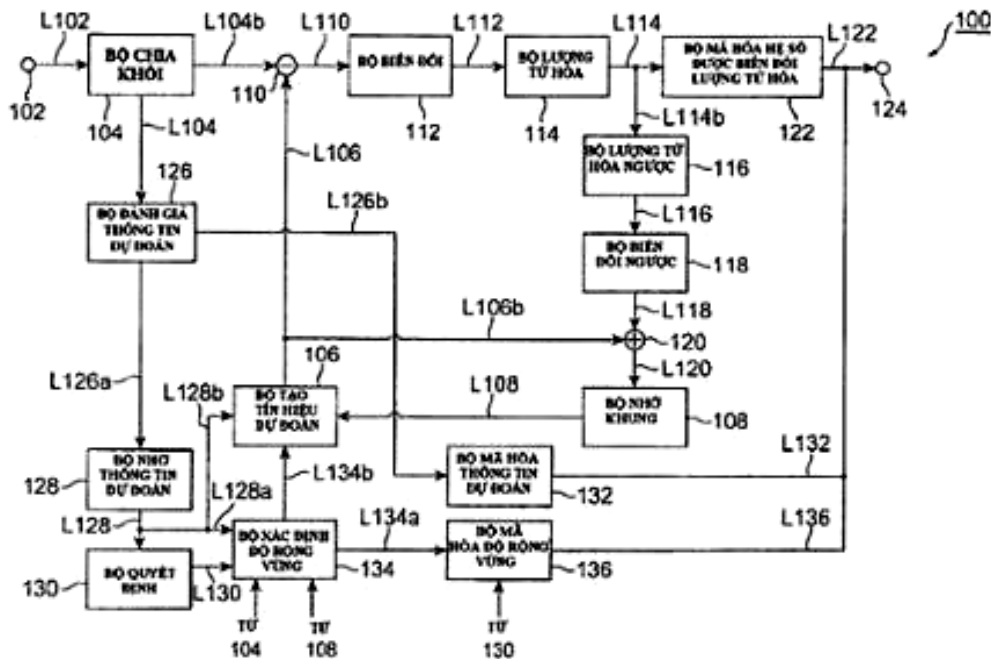
Cấu trúc lớp 1:1
1 tứ diện đến 1 bát diện



Cấu trúc lớp 2:1
2 tứ diện đến 1 bát diện

- (11) **1-0024274 B** (15) 25/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
- (21) 1-2016-03133 (85) 14/10/2011
- (22) 16/03/2010 (86) PCT/JP2010/054441 16/03/2010
- (30) 2009-069975 23/03/2009 JP (87) WO2010/110126A1 30/09/2010
- (51) **H04N 7/32**
- (62) 1-2011-02763
- (73) **NTT DOCOMO, INC. (JP)**
11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-6150 Japan
- (72) SUZUKI Yoshinori (JP); BOON Choong Seng (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ DỰ ĐOÁN ẢNH, THIẾT BỊ GIẢI MÃ DỰ ĐOÁN ẢNH, PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA DỰ ĐOÁN ẢNH VÀ THIẾT BỊ MÃ HÓA DỰ ĐOÁN ẢNH**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mã hóa dự đoán ảnh có thể mã hóa ảnh hiệu quả, trong khi ngăn chặn thông tin dự đoán tăng lên và giảm lỗi dự đoán của khối mục tiêu. Trong thiết bị mã hóa dự đoán ảnh theo một phương án, để tạo ra tín hiệu dự đoán của phân khu trong vùng mục tiêu, cần quyết định xem liệu thông tin dự đoán của vùng lân cận có thể được sử dụng hay không. Khi thông tin dự đoán của vùng lân cận có thể được sử dụng, độ rộng vùng của phân khu nơi thông tin dự đoán của vùng lân cận được sử dụng để tạo ra tín hiệu dự đoán được xác định. Tín hiệu dự đoán của vùng mục tiêu được tạo ra từ tín hiệu được tái lập dựa trên thông tin dự đoán của vùng mục tiêu, thông tin dự đoán của vùng lân cận, và độ rộng vùng. Thông tin dự đoán, thông tin nhận dạng độ rộng vùng, và tín hiệu dự đoán giữa tín hiệu dự đoán và tín hiệu gốc của vùng mục tiêu được mã hóa.



- (11) **1-0024275 B** (15) 25/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2017 346A
(21) 1-2016-03965 (85) 19/10/2016
(22) 13/04/2015 (86) PCT/JP2015/061320 13/04/2015
(30) 2014-088989 23/04/2014 JP (87) WO2015/163175 29/10/2015
2014-156254 31/07/2014 JP
(51) **C11D 17/06; C11D 1/14; C11D 1/22; C11D 1/72; C11D 3/04; D06F 39/02; C11D 3/10; C11D 3/12; C11D 3/37; D06F 3/00; D06F 35/00; C11D 1/04; C11D 3/08**
(73) **KAO CORPORATION (JP)**
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8210, Japan
(72) NISHI Toshiki (JP); MURATA Daiya (JP); IMOSE Tamaki (JP)
(74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
(54) **CHẾ PHẨM GIẶT TẮY DẠNG BỘT VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẶT BẰNG TAY**
(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm giặt tẩy dạng bột, chứa 5% theo khối lượng hoặc nhiều hơn và 40% theo khối lượng hoặc ít hơn của (A) (A-1) muối kim loại kiềm hoặc muối alkanolamin của alkyl benzen sulfonat mạch thẳng và (A-2) muối kim loại kiềm hoặc muối alkanolamin của alkyl sulfat, 5% theo khối lượng hoặc nhiều hơn và 55% theo khối lượng hoặc ít hơn của (B) muối vô cơ kiềm tan trong nước, 20% theo khối lượng hoặc nhiều hơn và 70% theo khối lượng hoặc ít hơn của (C) muối vô cơ kiềm tan trong nước khác với (D), 0,5% theo khối lượng hoặc nhiều hơn và 12% theo khối lượng hoặc ít hơn của (D) muối magie tan trong nước dưới dạng magie sulfat khan, và 0,1% theo khối lượng hoặc nhiều hơn và 7% theo khối lượng hoặc ít hơn của (E) axit béo có 12 hoặc nhiều hơn và 18 hoặc ít hơn nguyên tử cacbon hoặc muối của nó, trong đó tỷ khối của (A-1) đến (A-2) hoặc (A-1)/(A-2) là 0,6 hoặc nhiều hơn và 5 hoặc ít hơn và tỷ lệ của (E-1) axit béo có 12 nguyên tử cacbon hoặc muối của nó trong (E) là 50% theo khối lượng hoặc nhiều hơn. Sáng chế còn cập đến phương pháp giặt bằng tay sử dụng chế phẩm này.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024276 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/03/2015 | 324A |
| (21) 1-2014-03163 | | (85) 22/09/2014 | |
| (22) 19/03/2013 | | (86) PCT/US2013/032959 | 19/03/2013 |
| (30) 13/484,643 | 31/05/2012 | US (87) WO2013/180825 | 05/12/2013 |

(51) **B01F 3/04**

(73) **OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)**

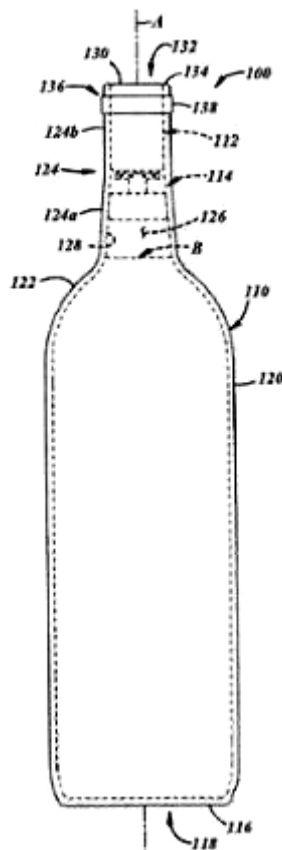
One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43551, United States of America

(72) SMITH, Roger, P. (US)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

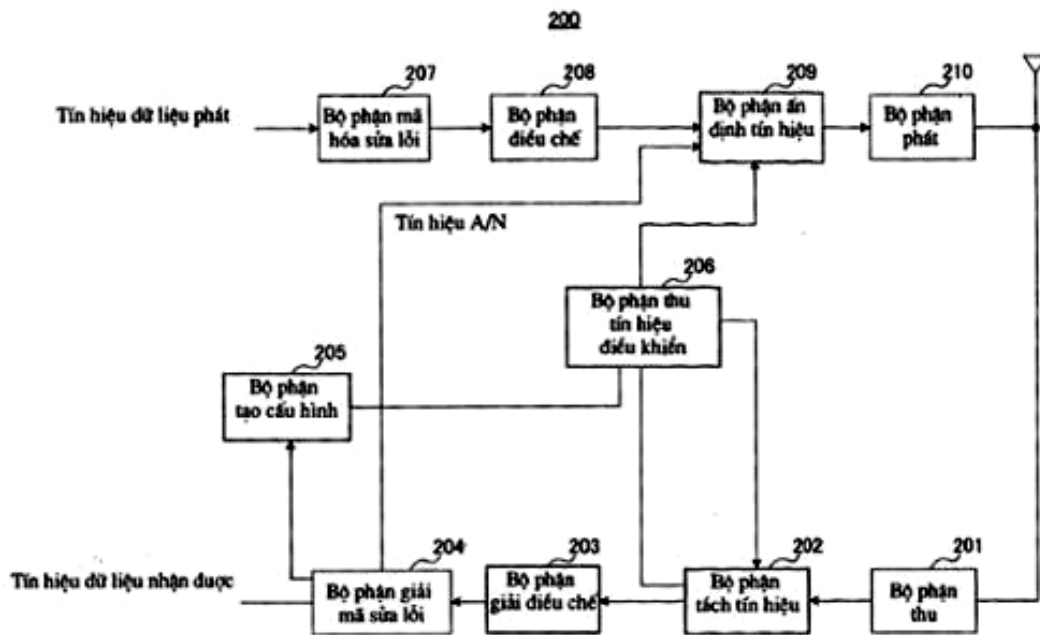
(54) **HỘP ĐỰNG ĐỒ UỐNG**

- (57) Sáng chế đề cập đến hộp đựng đồ uống (100, 200, 300, 400, 500, 600, 700, 800). Chai (110, 210, 310) bao gồm chân đế (116), thành bên (120) kéo dài từ chân đế, vai (122) kéo dài từ thành bên, và cổ (124, 224, 324) kéo dài từ vai và bao gồm phần bên trong (126), bề mặt bên trong (128, 228, 328) và miệng (130) có bề mặt đầu (134). Thiết bị sục khí (114, 214, 314, 414, 514, 614, 714, 814) tách biệt với chai, kéo dài qua phần bên trong của cổ chai, và được đặt hoàn toàn vào trong phần bên trong của cổ và được đặt cách theo hướng trục bề mặt đầu của cổ chai, và bao gồm đầu vào (140, 540), đầu ra (142, 242, 442, 542, 642, 742) được đặt cách theo hướng trục từ đầu vào, thành bên ngoài (144, 244, 344, 444, 544, 644, 744, 844) tiếp xúc với bề mặt bên trong của cổ chai, và vách ngăn (146, 446, 546, 646, 746, 846) được đặt cách theo hướng kính vào phía trong của thành bên ngoài và theo hướng trục giữa đầu vào và đầu ra.



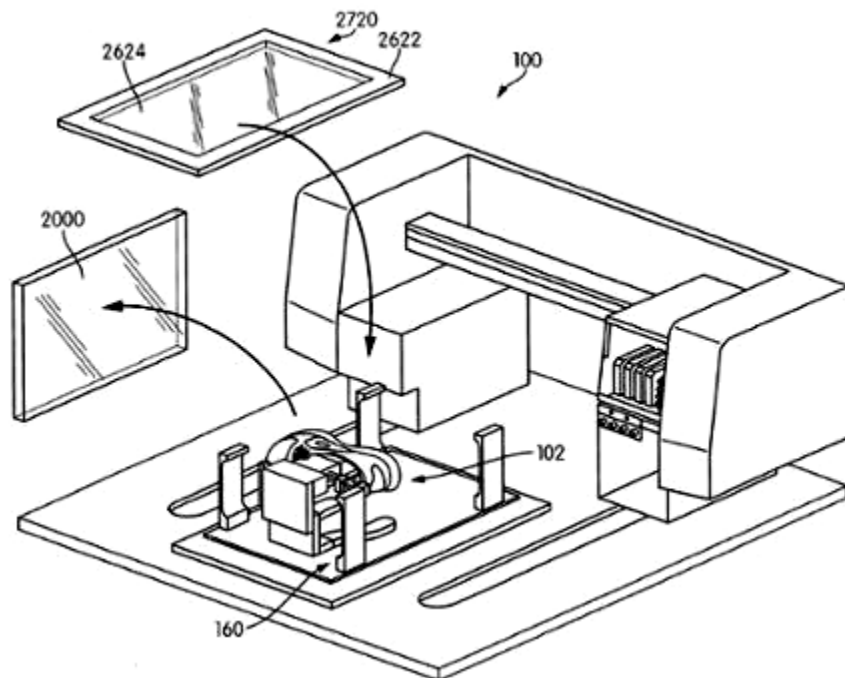
- (11) **1-0024277 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2014-00033 (85) 03/01/2014
 (22) 21/06/2013 (86) PCT/JP2013/003904 21/06/2013
 (30) 2012-164619 25/07/2012 JP (87) WO2014/017016A1 30/01/2014
 (51) **H04W 27/04**
 (73) **SUN PATENT TRUST (US)**
 450 Lexington Avenue, 38th Floor, New York, NY 10017, USA
 (72) Ayako HORIUCHI (JP); Kazuki TAKEDA (JP)
 (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
 (54) **THIẾT BỊ TRẠM GỐC VÀ ĐẦU CUỐI, PHƯƠNG PHÁP PHÁT VÀ THU**

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị trạm gốc, trong đó bộ phận tạo cấu hình (102) tạo cấu hình, không gian tìm kiếm thứ nhất và không gian tìm kiếm thứ hai là dự phòng để ấn định thông tin điều khiển trong vùng dữ liệu có thể ấn định cho thiết bị đầu cuối (200), mỗi một không gian tìm kiếm thứ nhất và không gian tìm kiếm thứ hai bao gồm nhiều phần tử kênh điều khiển, bộ phận ấn định tín hiệu (105) ấn định thông tin điều khiển tới mỗi một không gian tìm kiếm thứ nhất và không gian tìm kiếm thứ hai. Ngoài ra, bộ phận tạo cấu hình (102) cấp phát các số cho các phần tử kênh điều khiển bao gồm trong không gian tìm kiếm thứ nhất và không gian tìm kiếm thứ nhất trong bậc cao hơn, và cấp phát các số hiệu theo thứ tự tăng dần cho các phần tử kênh điều khiển có trong không gian tìm kiếm thứ nhất, và cấp phát các số hiệu lớn hơn hoặc giống với các số hiệu được cấp phát cho các phần tử kênh điều khiển thứ nhất cho các phần tử kênh điều khiển thứ hai có trong không gian tìm kiếm thứ hai. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập tới thiết bị đầu cuối, phương pháp thu và phương pháp phát.



- (11) **1-0024278 B** (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
(21) 1-2015-04420 (85) 19/11/2015
(22) 22/04/2014 (86) PCT/US2014/034945 22/04/2014
(30) 13/868,132 23/04/2013 US (87) WO2014/176234 30/10/2014
(51) **A43B 3/00**
(73) **NIKE INNOVATE C.V. (US)**
One Bowerman Drive, Beaverton, OR 97005-6453, United States of America
(72) MILLER Todd W. (US); TROYKE Eli R. (US)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **PHƯƠNG PHÁP IN LÊN MŨ GIÀY CỦA GIÀY DÉP**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp in lên mũ giày của giày dép bao gồm các bước đặt giày dép lên cụm giữ, làm phẳng một phần của giày dép này và in lên phần đã được làm phẳng của giày dép. Việc làm phẳng có thể được thực hiện nhờ sử dụng tấm làm phẳng và bằng cách điều khiển hình dạng của bề mặt của cụm giữ nhờ sử dụng chân không.

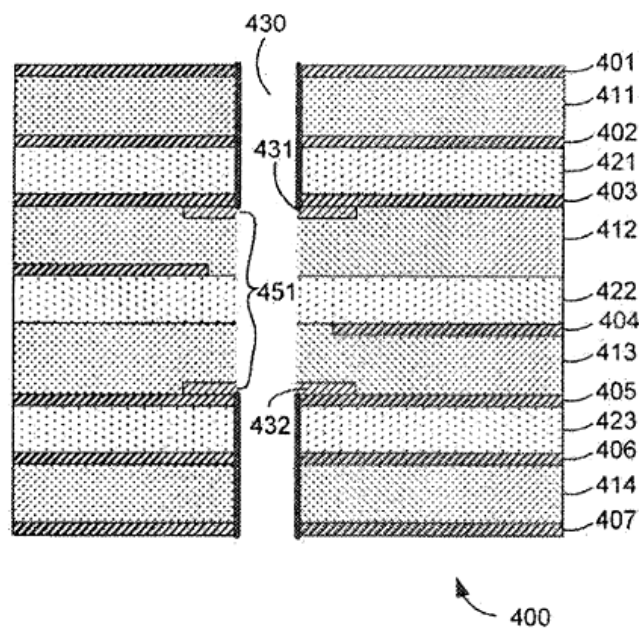


- (11) **1-0024279 B** (15) 26/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
- (21) 1-2016-04560 (85) 25/11/2016
- (22) 28/05/2014 (86) PCT/JP2014/064126 28/05/2014
- (87) WO2015/181907 03/12/2015
- (51) **D03D 1/02; D06M 13/252; D06M 101/34; B60R 21/235**
- (73) **ASAHI KASEI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
1-105, Kanda Jinbocho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8101, Japan
- (72) ISE, Fumiaki (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **VẢI NỀN DÙNG CHO TÚI KHÍ VÀ TÚI KHÍ**
- (57) Sáng chế đề cập đến vải nền dùng cho túi khí và túi khí trong đó độ bền của các phần may cao, sức cản áp lực vượt trội đối với túi khí khi bung ở áp lực cao với tốc độ cao, và sức cản áp lực có thể được duy trì ngay cả sau khi xử lý nhiệt. Vải nền dùng cho túi khí này khác biệt ở chỗ được tạo ra từ các sợi polyamid được dệt, và tỷ lệ giữ được độ bền của phần may ở vải nền được gia nhiệt trước và sau khi xử lý nhiệt trong 400 giờ ở 140°C là 70% hoặc lớn hơn.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024280 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/03/2016 | 336A |
| (21) 1-2015-01567 | | (85) 05/05/2015 | |
| (22) 20/05/2014 | | (86) PCT/SE2014/050619 | 20/05/2014 |
| (30) 61/831,400 | 05/06/2013 | US | (87) WO2014/196911 |
| | | | 11/12/2014 |
- (51) **H05K 3/42**
- (73) **TELEFONAKTIEBOLAGET L M ERICSSON (PUBL) (SE)**
SE-164 83 Stockholm, Sweden
- (72) KÄLLMAN, Stig (SE); BERGSTEN, Tomas (SE)
- (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP NGĂN ĐƯỜNG DẪN TRONG BẢNG MẠCH IN NHIỀU LỚP, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP NÀY VÀ BẢNG MẠCH IN NHIỀU LỚP**

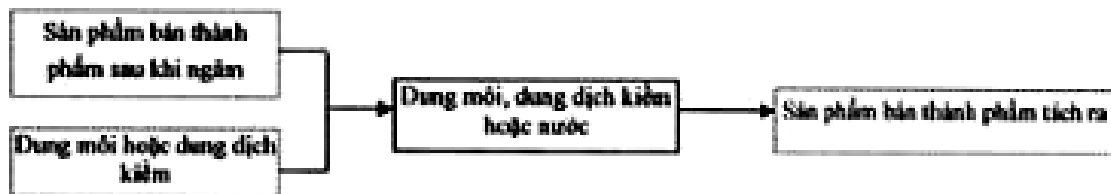
(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp ngăn đường dẫn trong bảng mạch in (200) một cách có chọn lọc để tạo ra phân cách điện giữa hai phần dẫn điện trong đường dẫn nêu trên. Phương pháp này bao gồm bước, trước khi khoan lỗ cho đường dẫn (240), cán các lớp chống mạ (233, 234) vào bảng mạch in (200) ở khoảng cách cách nhau tương ứng với chiều dài mong muốn của phần được cách điện của đường dẫn. Sau khi khoan, đồng được thêm vào cho các phần được chọn của phần bên trong của đường dẫn (240) trong hai bước xử lý khác nhau tiếp sau bởi bước loại bỏ đồng không cần thiết để tạo ra phân cách điện. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới thiết bị để thực hiện phương pháp nêu trên và đề cập tới bảng mạch in nhiều lớp.

**Đường dẫn với phần
không được mạ lớn hơn**



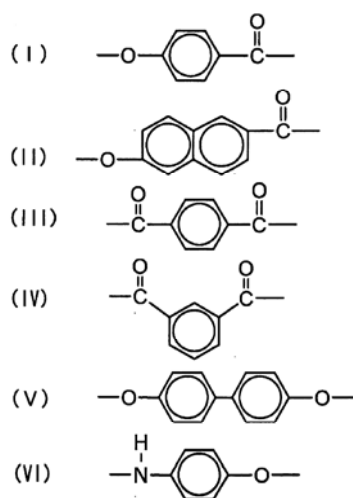
- (11) **1-0024281 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2018 362A
 (21) 1-2016-01950 (85) 27/05/2016
 (22) 22/12/2015 (86) PCT/CN2015/000919 22/12/2015
 (30) 201510550785.4 02/09/2015 CN (87) WO2017/035685A1 09/03/2017
 (51) *D06N 3/14; D04H 1/4382; D06N 3/00*
 (73) **ANAN (CHINA) CO., LTD.** (CN)
 Xingtai Industrial Park, Changtai Economic Development Zone, Zhangzhou, Fujian
 363900, China
 (72) GU Yuting (CN); ZHANG Peng (CN); LIN Tiansong (CN)
 (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT DA TỔNG HỢP SỢI SIÊU MỊN VỚI CẤU TRÚC GRADIENT MẬT ĐỘ**

(57) Sáng chế liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật của da tổng hợp sợi siêu mịn; cụ thể hơn, sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất da tổng hợp sợi siêu mịn với cấu trúc gradient mật độ. Phương pháp theo sáng chế sử dụng polyuretan không dung môi như polyuretan không dung môi có thể thấm vào trong bề mặt của vải không dệt sợi siêu mịn để tạo thành lớp kết, sau đó bằng cách ngâm, sự làm lắng và xử lý kết thúc sau, cuối cùng tạo thành cấu trúc gradient mật độ với bề mặt kết, tương tự như da thật.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024282 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/05/2019 | 374A |
| (21) 1-2019-00918 | | (85) 22/02/2019 | |
| (22) 26/06/2017 | | (86) PCT/JP2017/023438 | 26/06/2017 |
| (30) 2016-147593 | 27/07/2016 JP | (87) WO2018/020930 | 01/02/2018 |
- (51) **C08G 69/44**
 (73) **POLYPLASTICS CO., LTD.** (JP)
 2-18-1, Konan, Minato-ku, Tokyo 1088280, Japan
 (72) KAWAHARA, Toshinori (JP); YOKOTA, Toshiaki (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **POLYESTE AMIT THƠM HOÀN TOÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT
 POLYESTE AMIT THƠM HOÀN TOÀN NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến polyeste amit thơm hoàn toàn đủ để đạt được sự cân bằng giữa mức giảm nhiệt độ nóng chảy và độ bền nhiệt, và phương pháp sản xuất polyeste amit thơm này. Polyeste amit thơm theo sáng chế chứa các đơn vị cấu tạo từ (I) đến (VI) sau làm các thành phần cấu tạo chủ yếu; bao gồm đơn vị cấu tạo (I) với lượng nằm trong khoảng từ 50 đến 70 % mol, đơn vị cấu tạo (II) với lượng là từ 0,5 % mol hoặc lớn hơn đến nhỏ hơn 4,5 % mol, đơn vị cấu tạo (III) với lượng nằm trong khoảng từ 10,25 đến 22,25 % mol, đơn vị cấu tạo (IV) với lượng là từ 0,5 % mol hoặc lớn hơn đến nhỏ hơn 4,5 % mol, đơn vị cấu tạo (V) với lượng nằm trong khoảng từ 5,75 đến 23,75 % mol, đơn vị cấu tạo (VI) với lượng nằm trong khoảng từ 1 đến 7 % mol, tổng lượng đơn vị cấu tạo (II) và đơn vị cấu tạo (IV) là từ 1 % mol hoặc lớn hơn đến nhỏ hơn 5 % mol so với tổng lượng của tất cả các đơn vị cấu tạo, và tổng lượng của các đơn vị cấu tạo từ (I) đến (VI) là 100 % mol; tỉ lệ mol của đơn vị cấu tạo (VI) so với tổng lượng đơn vị cấu tạo (V) và đơn vị cấu tạo (VI) nằm trong khoảng từ 0,04 đến 0,37; và thể hiện tính không đẳng hướng quang học khi được làm nóng chảy.



(11) 1-0024283 B (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2013 304A
 (21) 1-2013-00085
 (22) 10/01/2013
 (30) 2012-005224 13/01/2012 JP

(51) B01D 11/04; C22B 59/00; C22B 3/26

(73) SHIN-ETSU CHEMICAL CO., LTD. (JP)

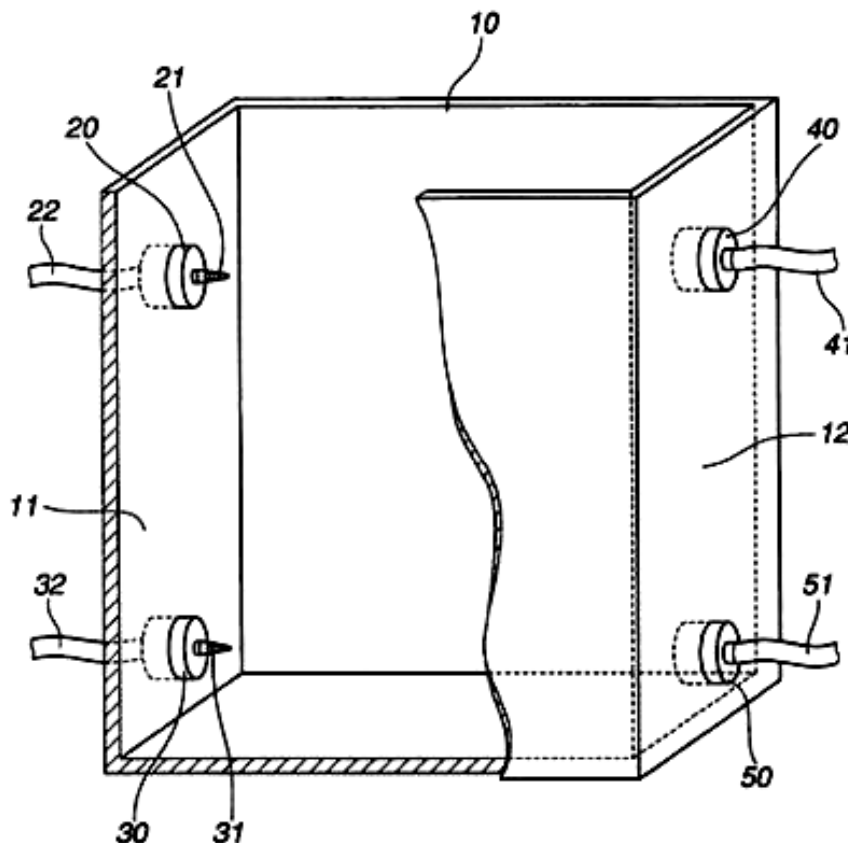
6-1, Ohtemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan

(72) Hiroto SUGAHARA (JP); Takehisa MINOWA (JP)

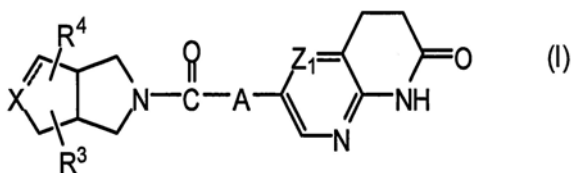
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **CỤM CHIẾT CHẤT LỎNG RA KHỎI CHẤT LỎNG, THIẾT BỊ CHIẾT CHẤT LỎNG RA KHỎI CHẤT LỎNG NHIỀU CẤP SỬ DỤNG CỤM NÀY VÀ HỆ THỐNG CHIẾT LIÊN TỤC NHIỀU CẤP DÙNG CHO CÁC NGUYÊN TỐ ĐẤT HIỂM**

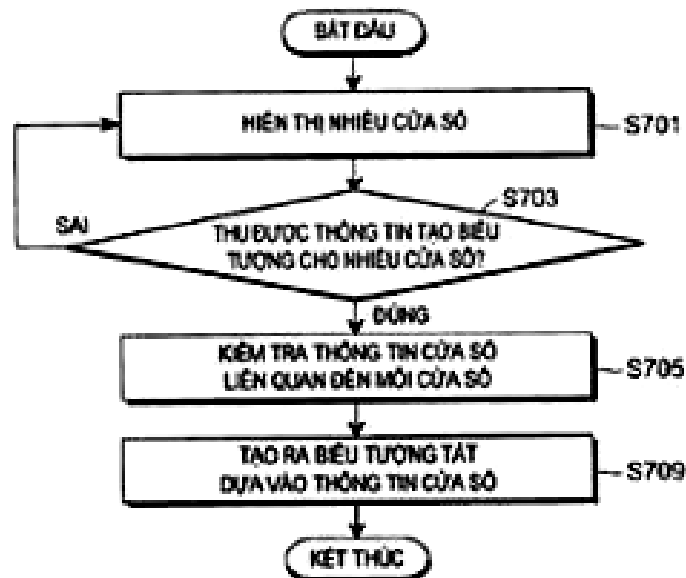
(57) Sáng chế đề cập đến cụm chiết chất lỏng ra khỏi chất lỏng bao gồm bể chứa chiết/tách (10) mà pha nước có dạng bọt được dẫn vào trong đó từ đầu vào trên (20) ở một thành bên và pha hữu cơ có dạng bọt được dẫn từ đầu vào dưới (30) ở một thành bên. Pha hữu cơ chuyển động lên trên được tiếp xúc với pha nước chuyển động xuống dưới. Sau khi tiếp xúc, pha hữu cơ được xả ra qua đầu ra trên (40) ở thành bên đối diện và pha nước được xả ra qua đầu ra dưới (50) ở thành bên đối diện. Sáng chế còn đề cập đến thiết bị chiết chất lỏng ra khỏi chất lỏng nhiều cấp và hệ thống chiết liên tục nhiều cấp sử dụng cụm này.



- (11) **1-0024284 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2014 316A
 (21) 1-2014-00302 (85) 24/01/2014
 (22) 10/08/2012 (86) PCT/EP2012/065733 10/08/2012
 (30) 11177119.2 10/08/2011 EP (87) WO2013/021054 14/02/2013
 (51) **C07D 471/04; C07D 487/04; A61K 31/4375; A61P 31/04**
 (73) **JANSSEN SCIENCES IRELAND UC (IE)**
 Eastgate Village, Eastgate, Little Island, Co Cork, Ireland
 (72) GUILLEMONT, Jérôme, Emile, Georges (FR); LANÇOIS, David, Francis, Alain (FR); MOTTE, Magali, Madeleine, Simone (FR); KOUL, Anil (IN); BALEMANS, Wendy, Mia, Albert (BE); ARNOULT, Eric, Pierre, Alexandre (FR)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT 3,4-DIHYDRO-1H-[1,8]NAPHTYRIDINON ĐƯỢC THỂ XYCLOPENTA[C]PYROL CÓ HOẠT TÍNH KHÁNG KHUẨN, ĐƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ, BÀO CHẾ**
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất mới có công thức (I) mà có khả năng ức chế hoạt tính của loại enzym Fahl mà do đó có thể sử dụng trong việc điều trị chứng nhiễm khuẩn. Sáng chế còn đề cập đến dược phẩm có chứa hợp chất này, và các quy trình hóa học để điều chế hợp chất này.



- | | | | |
|-------------------------|-------------------------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024285 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/10/2015 | 331A |
| (21) 1-2015-02437 | | (85) 06/07/2015 | |
| (22) 05/12/2013 | | (86) PCT/KR2013/011229 | 05/12/2013 |
| (30) 61/734,099 | 06/12/2012 US | (87) WO2014/088348 | 12/06/2014 |
| | 10-2012-0157934 31/12/2012 KR | | |
| | 10-2013-0091554 01/08/2013 KR | | |
- (51) **G06F 3/048**; G06F 3/14
- (73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 443-742, Republic of Korea
- (72) Ki-Hyuck SHIN (KR); Sung-Hwan KIM (KR); Doo-Hwan KIM (KR); Jae-Yeol LEE (KR); Kun-Woo BAEK (KR); Hee-Ran YOUN (KR)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị hiển thị thực hiện nhiều ứng dụng và phương pháp điều khiển thiết bị này. Phương pháp này bao gồm các bước hiển thị nhiều cửa sổ mà nhiều ứng dụng tương ứng được thực hiện ở trong đó, thu thông tin tạo biểu tượng được nhập vào để thực hiện nhiều cửa sổ, kiểm tra thông tin cửa sổ liên quan đến mỗi cửa sổ trong số nhiều cửa sổ và ngừng hiển thị nhiều cửa sổ, và tạo ra biểu tượng tắt để thực hiện nhiều cửa sổ đồng thời, dựa vào thông tin cửa sổ đã kiểm tra.

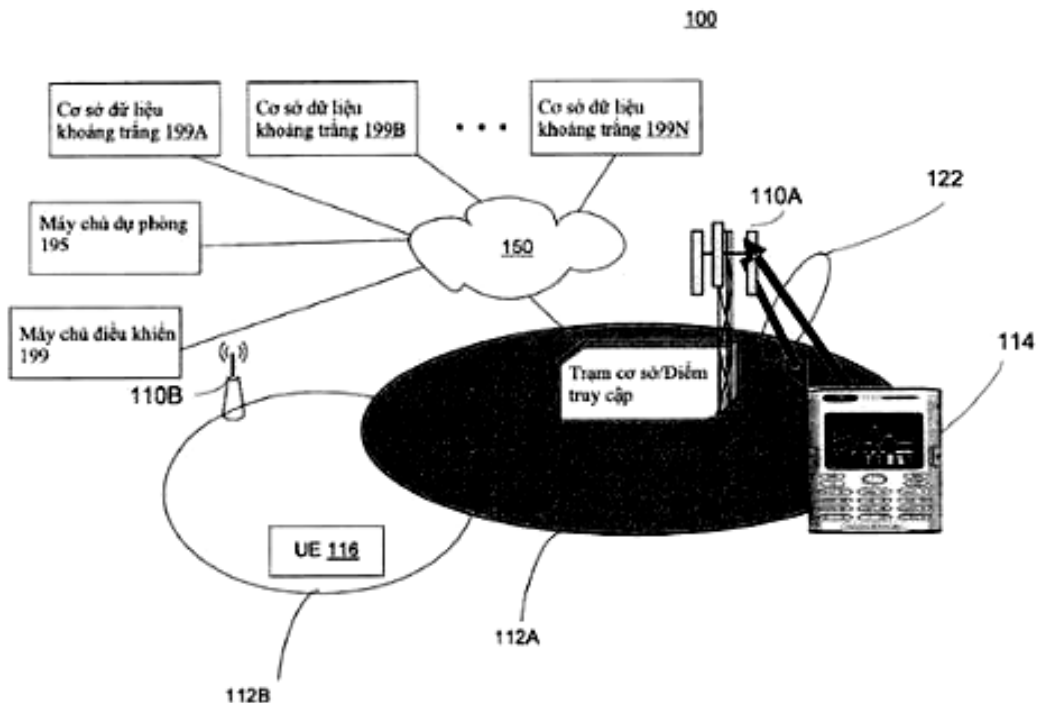


- (11) **1-0024286 B** (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
(21) 1-2012-00659 (85) 13/03/2012
(22) 01/09/2010 (86) PCT/GB2010/001658 01/09/2010
(30) 61/276,768 15/09/2009 US (87) WO2011/033247 24/03/2011
(51) **B32B 27/08; C09J 5/02; B32B 27/36; B32B 7/12; B32B 1/00; B32B 27/32**
(73) **SUN CHEMICAL B.V.** (NL)
Leeuwenveldseweg 3-t NL-1382 LV Weesp, Netherlands
(72) ILLSLEY, Derek, Ronald (GB); STREET, Graham, Trevor (GB)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **QUY TRÌNH NÂNG CAO CÁC THUỘC TÍNH NGĂN KHÍ CỦA VẬT LIỆU DẠNG LỚP COMPOSIT**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình nâng cao các thuộc tính ngăn khí của vật liệu dạng lớp composit trong khi tạo ra độ bền liên kết thích hợp giữa hai màng nhựa mềm dẻo, mà trong đó màng phủ ngăn khí bao gồm thể phân tán đất sét và thể phân tán hoặc dung dịch polyme được đặt giữa hai màng nhựa mềm dẻo bằng cách sử dụng chất kết dính, trong đó màng phủ ngăn khí được phủ lên màng polyme mềm dẻo thứ nhất ở mức trọng lượng phủ (D), chất kết dính được phủ lên một trong hai hoặc cả hai phía đã được phủ của màng thứ nhất hoặc lên màng polyme thứ hai và kết dính màng thứ nhất và màng thứ hai lại để tạo ra vật liệu mà trong đó: $(A/B).(C/D) > 200$, và trong đó: $A/B > 75$; $C > 1,0$; và $D < 1,5$; trong đó: A = tốc độ truyền oxy của tấm ở 23°C và độ ẩm tương đối (RH) 50% mà không có màng phủ; B = tốc độ truyền oxy của tấm ở 23°C và RH 50% có màng phủ; C = Độ bền liên kết tính bằng N/15mm sau khi chất kết dính được làm đóng rắn hoàn toàn; D = Trọng lượng phủ được tính bằng g/m^2 (khô).

- (11) **1-0024287 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
 (21) 1-2015-04138 (85) 28/10/2015
 (22) 29/04/2013 (86) PCT/US2013/038692 29/04/2013
 (87) WO2014/178822 06/11/2014
- (51) **H04W 4/00; H04W 4/20; H04W 4/02; H04W 16/14**
 (73) **NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)**
 Karaportti 3, 02610 Espoo, Finland
 (72) BAJKO, Gabor (HU)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ PHÁT HIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU KHOẢNG TRẮNG**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị bao gồm sản phẩm chương trình máy tính, được đề xuất để phát hiện cơ sở dữ liệu khoảng trống. Theo một khía cạnh, sáng chế đề xuất phương pháp. Phương pháp này có thể bao gồm bước gửi, bởi thiết bị người sử dụng, yêu cầu đến máy chủ bao gồm cơ sở dữ liệu khoảng trống, trong đó máy chủ có địa chỉ thứ nhất, tại thiết bị người dùng, đáp ứng lại yêu cầu, đáp ứng bao gồm ít nhất một trong số định danh của máy chủ hoặc địa chỉ thức hai để truy cập ít nhất một trong số máy chủ hoặc máy chủ khác bao gồm cơ sở dữ liệu khoảng trống khác. Sáng chế cũng đề xuất thiết bị, hệ thống, phương pháp và vật phẩm liên quan.



- | | | | | |
|-------------------------|------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024288 B | | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | | 388B | (43) 25/08/2015 | 329A |
| (21) 1-2015-00316 | | | (85) 28/01/2015 | |
| (22) 28/06/2013 | | | (86) PCT/NL2013/050466 | 28/06/2013 |
| (30) 2009075 | 28/06/2012 | NL | (87) WO2014/003564 | 03/01/2014 |
| 61/665,367 | 28/06/2012 | US | | |
| 2010257 | 06/02/2013 | NL | | |
| 61/764,086 | 13/02/2013 | US | | |

(51) **E02D 5/80; E02D 29/02**

(73) **J.F. KARSTEN BEHEER B.V.** (NL)

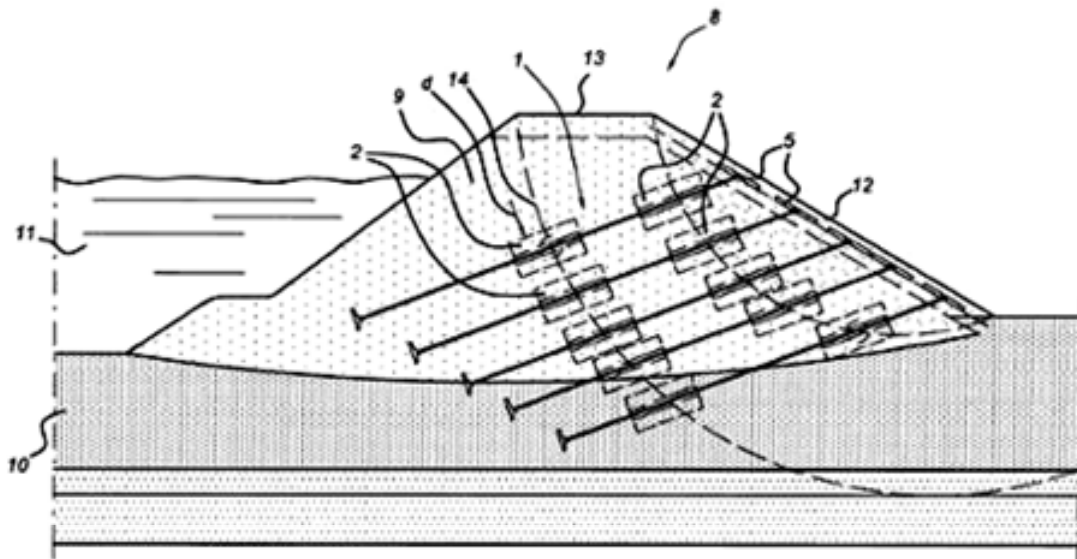
Middelie 38, NL-1472 GP Middelie, Netherlands

(72) Johannes Franciscus KARSTEN (NL)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **THIẾT BỊ NEO ĐẤT ĐỂ LÀM ỔN ĐỊNH ĐÊ, ĐÊ, PHƯƠNG PHÁP ĐỂ LÀM ỔN ĐỊNH ĐÊ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỂ LÀM ỔN ĐỊNH KẾT CẤU ĐẤT**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp làm ổn định đê sử dụng thiết bị neo đất, phương pháp này bao gồm các bước: nối neo đất với đầu thứ nhất của thành phần chịu kéo; đưa neo đất qua kết cấu đất và vào trong lớp ổn định phía dưới đê; bố trí bộ phận phân bổ áp lực lên hoặc xung quanh thành phần chịu kéo ở vị trí bên trong đê nơi cần có sự làm ổn định chống lại sự dịch chuyển theo chiều ngang của đất; và nối đầu thứ hai của thành phần chịu kéo với thành phần đối trọng ở bề mặt ngoài của đê.



(11) 1-0024289 B		(15) 26/05/2020	
(45) 27/07/2020	388B	(43) 26/02/2018	359A
(21) 1-2017-03105		(85) 14/08/2017	
(22) 28/02/2017		(86) PCT/JP2017/007990	28/02/2017
		(87) WO2017/187778A1	02/11/2017

(51) **A61F 13/15; A61F 13/494; A61F 13/391; A61F 13/110**

(73) **UNICHARM CORPORATION (JP)**

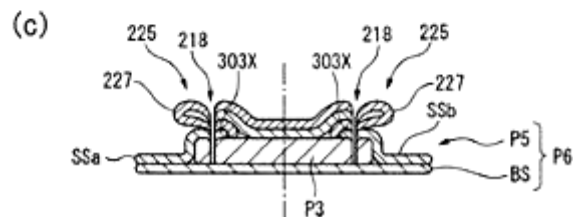
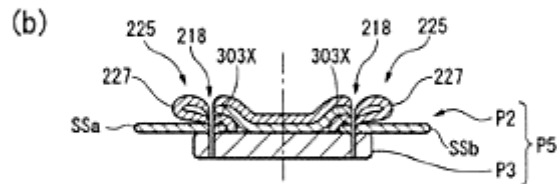
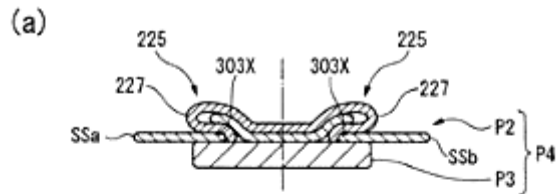
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, JAPAN

(72) SUZUKI, Yuichi (JP)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VẬT DỤNG THẨM HÚT**

(57) Sáng chế đề cập đến việc sản xuất vật dụng thẩm hút có các phần kéo dài trên cả hai phía của tấm trên, tác dụng của các phần kéo dài được duy trì và khả năng lật ngược phần phía ngoài của các phần kéo dài được giảm thiểu. Phương pháp sản xuất này bao gồm bước nổi tấm trên liên tục (P11) và cặp tấm bên liên tục (SSa, SSb) nhờ cặp phần dính kết thứ nhất (303X, 303X), theo cách sao cho cả hai phần mép theo hướng cắt ngang hướng máy của tấm trên liên tục xếp chồng với cặp phần mép phía trong của cặp tấm bên liên tục mà hướng vào theo hướng cắt ngang hướng máy, để tạo ra kết cấu nổi, nhờ đó tạo ra cặp phần kéo dài (225, 225) mà kéo dài làm các đầu tự do xa về cả hai phía ngoài của tấm trên liên tục theo hướng cắt ngang hướng máy hơn cặp phần dính kết thứ nhất; bước nổi thân thẩm hút (P3) với bề mặt của kết cấu nổi ở phía mà cặp tấm bên liên tục đã được bố trí; và bước tạo ra phần được nén ép (218) kéo dài từ phần kéo dài lên đến thân thẩm hút, trong vùng có ít nhất một phần kéo dài mà hướng vào trong sâu hơn phần mép phía ngoài theo hướng cắt ngang hướng máy.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024290 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/06/2011 | 279A |
| (21) 1-2011-00982 | | (85) 15/04/2011 | |
| (22) 25/08/2009 | | (86) PCT/EP2009/060934 | 25/08/2009 |
| (30) 10 2008 047 498.3 | 17/09/2008 DE | (87) WO2010/031659 | 25/03/2010 |

(51) **B23K 1/012**

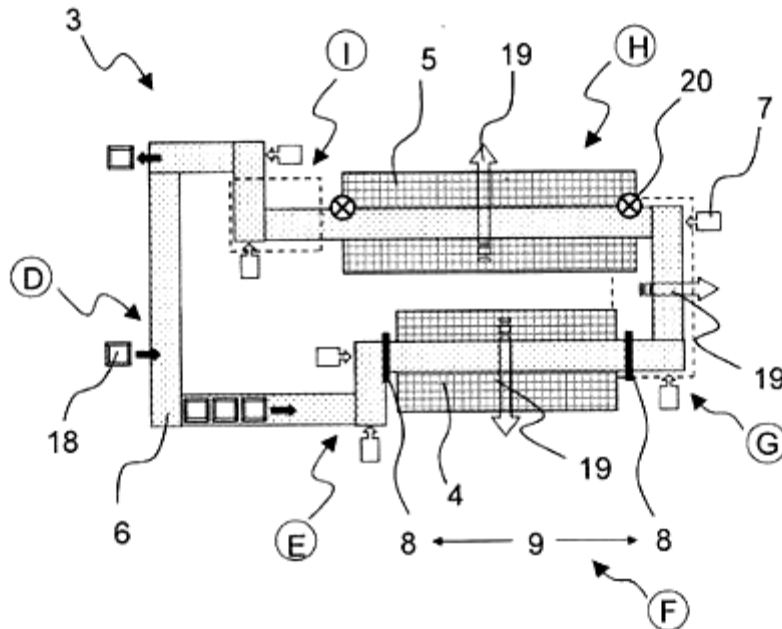
(73) **EMITEC GESELLSCHAFT FÜR EMISSIONSTECHNOLOGIE MBH (DE)**
Hauptstrasse 128, 53797 Lohmar, Germany

(72) Hans-Peter CASPER (DE); Hubertus KOTTHOFF (DE); Jörg GUTOWSKI (DE); Dietmar CHAUCHET (DE); Ludwig WIERES (DE)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **PHƯƠNG PHÁP HÀN THÂN RỖ TỔ ONG BẰNG KIM LOẠI ĐỂ XỬ LÝ KHÍ THẢI**

- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp hàn thân rỗ tổ ong bằng kim loại (1) để xử lý khí thải, bao gồm ít nhất các bước sau đây:
- xử lý sơ bộ thân rỗ tổ ong (1) ở nhiệt độ trên 400°C;
 - làm nguội thân rỗ tổ ong (1);
 - hàn thân rỗ tổ ong (1) ở nhiệt độ nằm trong khoảng từ 1050°C đến 1100°C ở áp suất khí quyển;
 - làm nguội thân rỗ tổ ong (1).
- Ngoài ra, sáng chế cũng đề xuất thiết bị thích hợp để thực hiện phương pháp này.

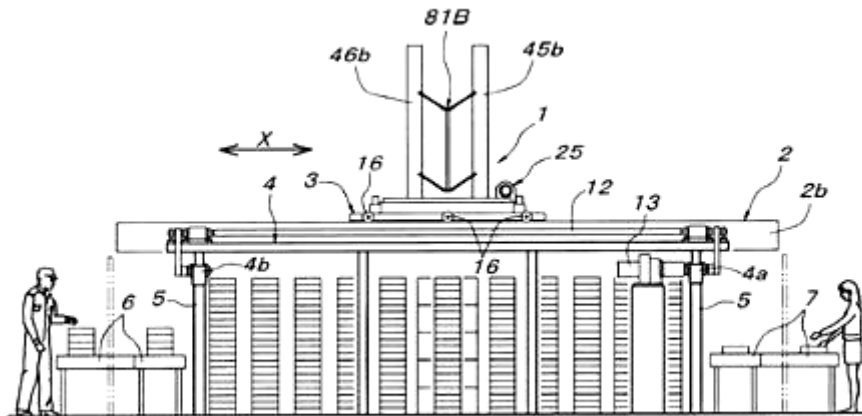


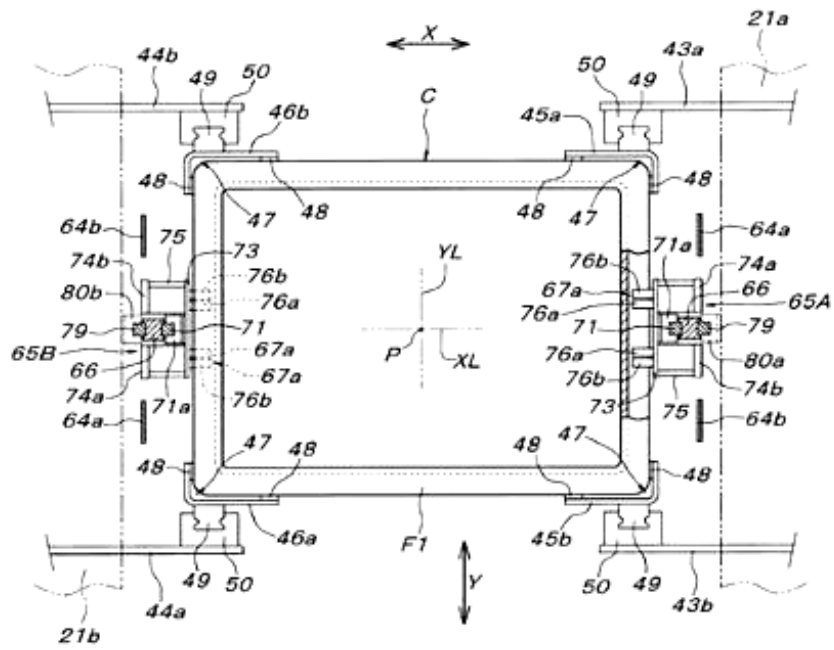
- (11) **1-0024291 B** (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
(21) 1-2016-04154 (85) 28/10/2016
(22) 04/06/2015 (86) PCT/JP2015/066184 04/06/2015
(30) 2014-122242 13/06/2014 JP (87) WO2015/190387 17/12/2015
(51) **B66C 1/10; B65G 1/04; B65G 47/90**
(73) **DAIFUKU CO., LTD.** (JP)
2-11, Mitejima 3-chome, Nishiyodogawa-ku, Osaka-shi, Osaka 5550012, Japan
(72) KYOTANI, Hisashi (JP); OGAWA, Kazuki (JP)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN NÂNG/HẠ CÔNGTENƠ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị vận chuyển nâng/hạ côngtenơ bao gồm: các đế nâng/hạ kẹp dạng thanh (từ 45a đến 46b), mà chúng dài theo hướng nâng/hạ và được đỡ sao cho có thể được lắp khít vào và tháo ra khỏi các góc của côngtenơ theo phương nằm ngang; và nhắc các đế nâng/hạ (65A và 65B) lên trong đó các bộ phận đỡ (76a và 76b) nhô về phía hai bề mặt bên song song của côngtenơ được bố trí các đế chính dạng thanh (66) dài theo hướng nâng/hạ và có thể chuyển động lại gần và rời xa hai bề mặt bên song song của côngtenơ. Khi các bộ phận đỡ (76a và 76b) này được dịch chuyển lại gần hai bề mặt bên song song của côngtenơ, thì các bộ phận đỡ (76a và 76b) được lồng vào phía dưới phần mép (F1) tại hai bề mặt bên song song của côngtenơ, và khi các đế chính dạng thanh (66) được nâng lên, các bộ phận đỡ (76a và 76b) sẽ nhắc côngtenơ (C) lên thông qua phần mép (F1) này.

- (11) **1-0024292 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2016-04153 (85) 28/10/2016
 (22) 04/06/2015 (86) PCT/JP2015/066192 04/06/2015
 (30) 2014-122243 13/06/2014 JP (87) WO2015/190387 17/12/2015
 (51) **B66C 1/10; B65G 1/04; B65G 47/90**
 (73) **DAIFUKU CO., LTD.** (JP)
 2-11, Mitejima 3-chome, Nishiyodogawa-ku, Osaka-shi Osaka 5550012, Japan
 (72) KYOTANI, Hisashi (JP); OGAWA, Kazuki (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN NÂNG/HẠ CÔNGTENƠ**

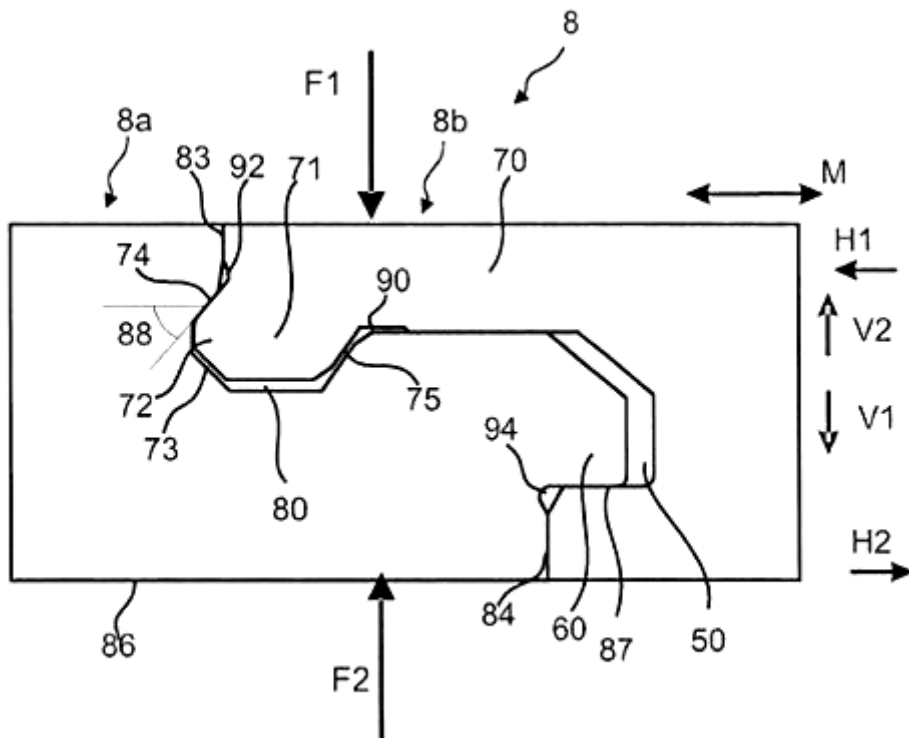
(57) Sáng chế đề xuất thiết bị vận chuyển nâng/hạ côngtenơ bao gồm: các đế kẹp nâng/hạ dạng thanh (từ 45a đến 46b), mà chúng dài theo hướng nâng/hạ và được đỡ sao cho có thể lắp khít được vào và tháo ra khỏi các góc của côngtenơ theo phương nằm ngang; và nhắc các đế nâng/hạ (65A và 65B) lên trong đó các bộ phận đỡ (76a và 76b) nhô về phía hai bề mặt bên song song của côngtenơ được bố trí các đế chính dạng thanh (66) dài theo hướng nâng/hạ và có thể chuyển động lại gần và rời xa hai bề mặt bên song song của côngtenơ. Khi các bộ phận đỡ (76a và 76b) này được dịch chuyển lại gần hai bề mặt bên song song của côngtenơ, thì các bộ phận đỡ (76a và 76b) được lồng vào phía dưới phần mép (F1) tại hai bề mặt bên song song của côngtenơ, và khi các đế chính dạng thanh (66) được nâng lên, thì các bộ phận đỡ (76a và 76b) sẽ nhắc côngtenơ (C) lên thông qua phần mép (F1) này.





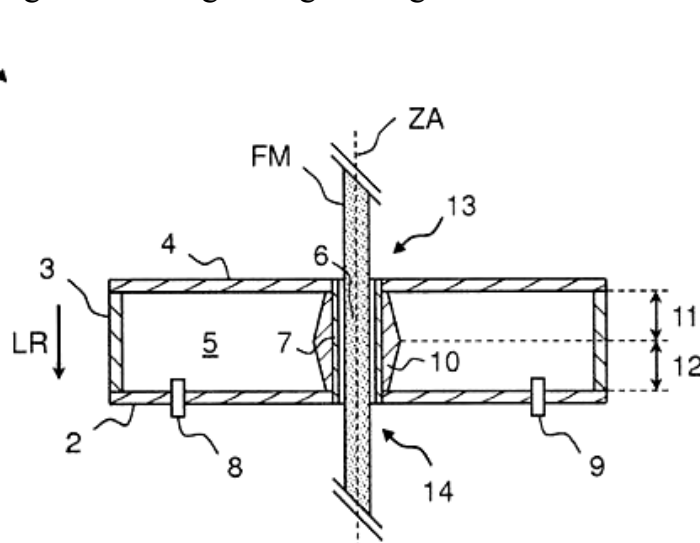
- | | | | |
|--|--|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024293 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2016 | 344A |
| (21) 1-2016-02608 | | (85) 15/07/2016 | |
| (22) 17/12/2014 | | (86) PCT/SE2014/051522 | 17/12/2014 |
| (30) 1450018-5 | 10/01/2014 | SE | (87) WO2015/105450A1 |
| | | | 16/07/2015 |
| (51) A47B 47/00; F16B 12/10 | | | |
| (73) VÄLINGE INNOVATION AB (SE) | | | |
| | Prästavägen 513, SE-263 65 VIKEN, Sweden | | |
| (72) Christian BOO (SE) | | | |
| (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE) | | | |
| (54) TẮM NỘI THẤT | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến tấm nội thất (8), trong đó chi tiết thứ nhất (8a) và chi tiết thứ hai (8b) được khoá cơ khí với nhau. Lưỡi thứ nhất được bố trí tại cạnh thứ nhất của chi tiết thứ nhất, lưỡi thứ nhất kết hợp với rãnh lưỡi thứ nhất được bố trí tại cạnh thứ hai của chi tiết thứ hai để khoá chi tiết thứ nhất và chi tiết thứ hai theo hướng thẳng đứng, và lưỡi thứ hai tại cạnh thứ hai của chi tiết thứ nhất, lưỡi thứ hai kết hợp với rãnh lưỡi thứ hai tại cạnh thứ nhất của chi tiết thứ nhất để khoá chi tiết thứ nhất và chi tiết thứ hai theo hướng thẳng đứng. Cặp bề mặt khoá thứ nhất được bố trí phía trên lưỡi thứ hai và rãnh lưỡi thứ hai để khoá theo hướng ngang, và cặp bề mặt khoá thứ hai được bố trí phía dưới lưỡi thứ nhất và rãnh lưỡi thứ nhất để khoá theo hướng ngang.



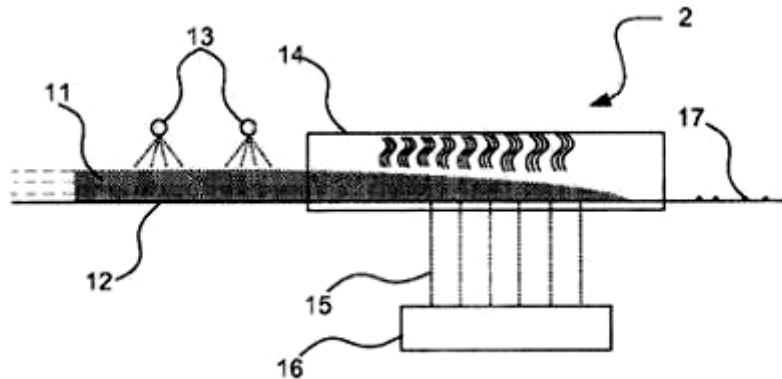
- (11) **1-0024294 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2015 332A
 (21) 1-2015-03045 (85) 20/08/2015
 (22) 20/12/2013 (86) PCT/EP2013/077615 20/12/2013
 (30) 10 2013 100 644.2 23/01/2013 DE (87) WO2014/114418A1 31/07/2014
 (51) **G01B 15/02; G01N 33/36; G01N 22/04**
 (73) **RIETER INGOLSTADT GMBH (DE)**
 Friedrich-Ebert-Strasse 84, 85055 Ingolstadt, Germany
 (72) Tobias Hermann (DE); Muhammad Usman Faz (PK); Carsten Schmidt (DE);
 Michael Ueding (DE); Thomas Eibert (DE)
 (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
 (54) **BỘ CỘNG HƯỞNG VI SÓNG DÙNG CHO MÁY NGÀNH DỆT VÀ MÁY
 NGÀNH DỆT CÓ BỘ CỘNG HƯỞNG VI SÓNG NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến bộ cộng hưởng vi sóng dùng cho thiết bị đo để đo chiều dày và/hoặc độ ẩm của vật liệu sợi dạng bện (FM), vật liệu sợi dạng bện được vận chuyển liên tục qua buồng đo (6, 6') bố trí trong buồng cộng hưởng (5, 5') của bộ cộng hưởng vi sóng (1, 1', 1'', 1'''), trên máy ngành dệt, đặc biệt là trên máy chải, trên máy ghép, hoặc trên máy chải kỹ. Theo sáng chế, ít nhất một bộ phận vật liệu không dẫn điện (10, 10', 10'', 10''', 10''''', 10''''') được bố trí trong buồng cộng hưởng (5, 5') dọc buồng đo (6, 6'), bộ phận vật liệu này bao gồm một phần mặt bên đầu vào (11, 11', 11'', 11''', 11''''', 11''''') có diện tích tiết diện thay đổi được theo hướng di chuyển dự tính (LR) của vật liệu sợi (FM) và/hoặc phần mặt bên ngoài (12, 12', 12'', 12''', 12''''', 12''''') có diện tích tiết diện thay đổi được theo hướng di chuyển dự tính (LR) của vật liệu sợi (FM), trong đó diện tích tiết diện của phần mặt bên đầu vào (11, 11', 11'', 11''', 11''''', 11''''') của bộ phận vật liệu (10, 10', 10'', 10''', 10''''', 10''''') tăng lên theo hướng di chuyển (LR) của vật liệu sợi (FM) và/hoặc diện tích tiết diện của phần mặt bên đầu ra (12, 12', 12'', 12''', 12''''', 12''''') của bộ phận vật liệu (10, 10', 10'', 10''', 10''''', 10''''') giảm đi theo hướng di chuyển (LR) của vật liệu sợi (FM). Sáng chế cũng đề cập đến máy ngành dệt bao gồm bộ cộng hưởng vi sóng, và bộ phận vật liệu dùng cho bộ cộng hưởng vi sóng.

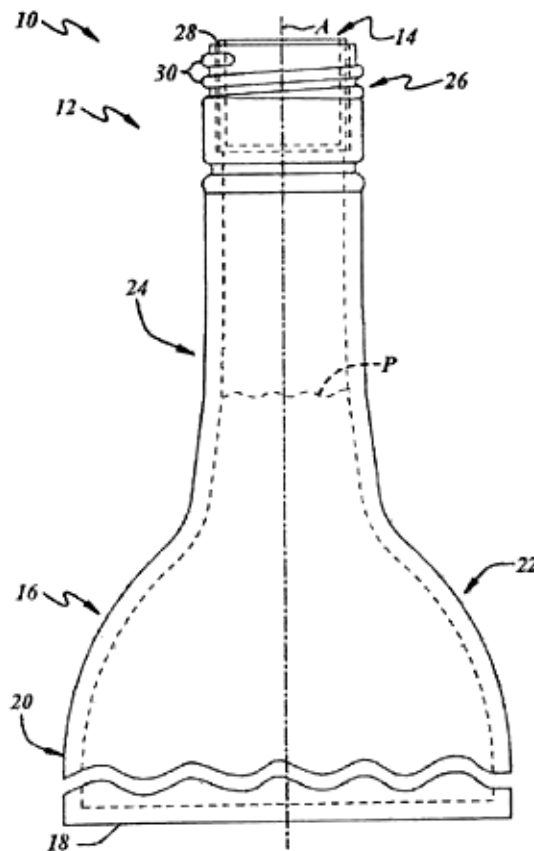


- (11) **1-0024295 B** (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2015-00670 (85) 27/02/2015
(22) 29/07/2013 (86) PCT/EP2013/065910 29/07/2013
(30) 1250905-5 01/08/2012 SE (87) WO2014/019985A1 06/02/2014
(51) **A23L 1/09**
(73) **TETRA LAVAL HOLDINGS & FINANCE S.A. (SE)**
70, Avenue Général-Guisan, CH-1009 Pully, Switzerland
(72) BROBERG, Lars (SE)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **QUY TRÌNH TINH CHẾ DỊCH NHỰA CỦA CÂY HỌ DỪA**

- (57) Sáng chế đề cập quy trình tinh chế dịch nhựa của cây họ dừa, trong đó sử dụng hệ thống (1, 2, 3) để nấu chảy và tinh chế dịch nhựa (11). Hệ thống (1, 2, 3) này bao gồm băng sàng (12) để vận chuyển dịch nhựa (11) qua khoang gia nhiệt (13, 14) để gia nhiệt dịch nhựa (11) nêu trên sao cho các tạp chất có trong dịch nhựa (11) được loại ra khỏi pha hòa tan (15) của dịch nhựa (11) nhờ lỗ sàng của băng sàng (12) gần như một cách đồng thời.



- (11) **1-0024296 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/07/2015 328A
 (21) 1-2015-00427 (85) 04/02/2015
 (22) 29/08/2013 (86) PCT/US2013/057233 29/08/2013
 (30) 13/621,621 17/09/2012 US (87) WO2014/042885 20/03/2014
 (51) **B65D 47/02; B65D 49/10; B65D 49/00**
 (73) **OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)**
 One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43551, United States of America
 (72) LAIB, Douglas (US); BRYANT, Jessica, Rose (US)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **SẢN PHẨM BAO GỒM BÌNH CHỨA VÀ NÚT, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SẢN PHẨM NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮP NÚT VÀO PHẦN CỔ CỦA BÌNH CHỨA**
- (57) Sáng chế đề cập đến sản phẩm (10, 110, 210) bao gồm bình chứa (12, 112) có phần cổ (24, 124), và nút (14, 114, 214) có một phần được lắp vào phần cổ của bình chứa bằng mối lắp có độ dôi. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp sản xuất sản phẩm nêu trên để tạo ra dấu hiệu niêm phong cho sản phẩm, và phương pháp lắp nút vào phần cổ của bình chứa bao gồm bước tạo ra nút ở nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ của bình chứa trước khi lắp nút vào phần cổ của bình chứa.



- (11) **1-0024297 B** (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
(21) 1-2014-01807 (85) 02/06/2014
(22) 29/10/2012 (86) PCT/CN2012/083702 29/10/2012
(30) 10-2011-0113452 02/11/2011 KR (87) WO2013/064050 10/05/2013
201210140074.6 09/05/2012 CN

(51) **A47L 9/24**

(73) **JIANGSU GUOXIN METAL PRODUCTS CO., LTD. (CN)**

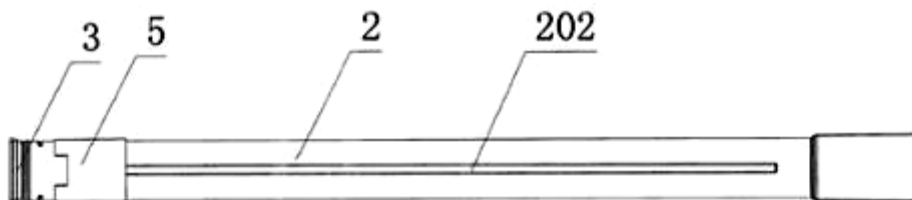
Qinfeng village, Miaoqiao, Tangqiao Town, Zhangjiagang, Jiangsu 215600, CHINA

(72) KIM, Yoonki (KR)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(54) **ỐNG NỐI DÀI DÙNG CHO MÁY HÚT BỤI**

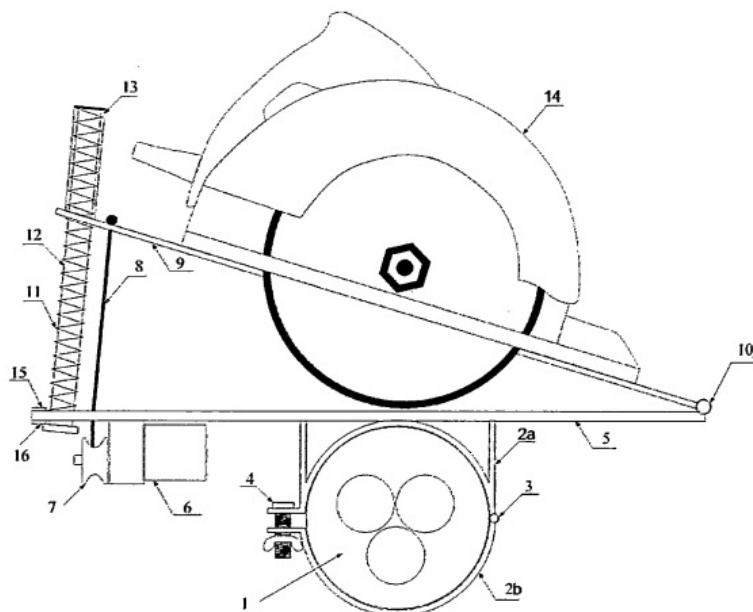
- (57) Sáng chế đề cập đến ống nối dài dùng cho máy hút bụi bao gồm: ống ngoài; ống trong được bọc theo cách trượt được trong ống ngoài, đầu trước của ống trong được gắn với chi tiết bịt kín có đầu kéo dài ra khỏi ống trong, ống trong có một số hàng rãnh kẹp, và mỗi hàng rãnh kẹp này có các rãnh kẹp bố trí cách nhau theo hướng chiều dài; và chi tiết điều chỉnh độ dài, gắn trên đầu sau của ống ngoài và được dùng để cố định ống trong theo cách lựa chọn để điều chỉnh độ dài của ống nối dài. Đầu trước của ống trong có chi tiết gia cường bịt kín hình trụ. Ống nối dài dùng cho máy hút bụi theo sáng chế có ưu điểm là ống trong và ống ngoài ít rung khi sử dụng và hiệu quả bịt kín tốt.



- (11) **1-0024298 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/11/2017 356A
 (21) 1-2016-04322
 (22) 11/11/2016
 (51) **B23D 45/04; B26B 27/00; B26B 25/00; B23D 29/00; B23D 47/04**
 (76) **NGUYỄN TIẾN DŨNG (VN)**
 18/2/9 đường 266 Bùi Minh Trực, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
 (54) **THIẾT BỊ CẮT CÁP NGẦM TRUNG THỂ**

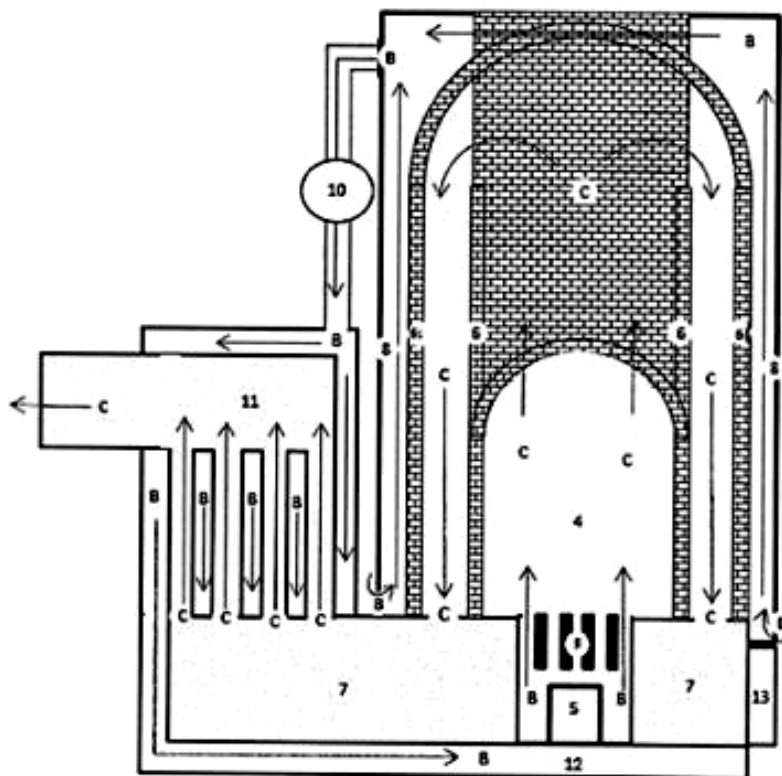
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị cắt cáp ngầm trung thể bao gồm: bộ phận kẹp cáp (5), bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9), bộ phận kẹp cáp (5) và bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9) được kết nối với nhau bằng bản lề (10); trong đó bộ phận kẹp cáp (5) có cấu tạo bao gồm: hai chi tiết (2a), (2b) là hai bản kim loại được uốn theo hai nửa hình tròn theo chiều dọc của sợi cáp có chức năng giữ chặt cáp (1), hai chi tiết (2a), (2b) này được liên kết với nhau bởi bản lề (3); bu lông (4) có tác dụng siết chặt các chi tiết (2a), (2b) lại với nhau nhằm cố định cáp; mô tơ (6) là mô tơ giảm tốc, được gắn chặt vào mặt dưới của bộ phận kẹp cáp ngầm (5); trục mô tơ được gắn puli (7); công tắc hành trình (15), (16) được gắn tại bề mặt bộ phận kẹp cáp (5) có tác dụng tắt mô tơ (6) khi hoàn thành thao tác nâng hạ bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9); bộ phận kẹp cáp (5) và bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9) được đẩy bởi lò xo nén (11); thanh chống (12) là thanh tròn có tác dụng giữ lò xo luôn được thẳng; ống thép (13) được hàn cố định với thanh chống (12) và bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9), có tác dụng chứa lò xo nén (11); cáp thép (8) được nối cố định vào bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9) và puli (7), có tác dụng nâng hoặc hạ bộ phận gắn với máy cắt cầm tay (9) khi động (6) hoạt động.

Hình 1



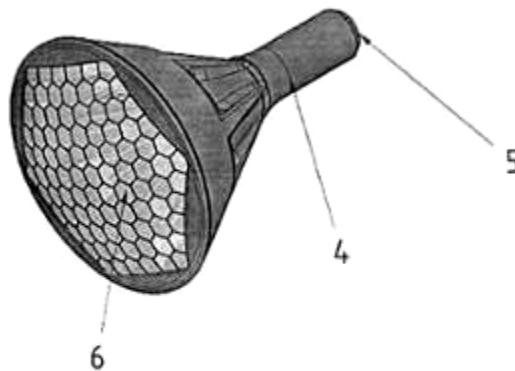
- (11) **1-0024299 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
 (21) 1-2014-01506
 (22) 09/05/2014
 (51) **F23G 5/00**
 (76) **LẠI MINH CHỨC (VN)**
 Số nhà (33),35 ngõ 53, phố Vũ Chí Thắng, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
 (54) **LÒ ĐỐT RÁC THẢI RẮN TÁI TẠO NĂNG LƯỢNG**

(57) Sáng chế đề cập đến lò đốt rác thải rắn tái tạo năng lượng có cấu tạo bao gồm: buồng đốt trung tâm (4); buồng tiếp nhận rác và hóa khí (2) dưới đáy có thiết bị đẩy rác (3); lớp vỏ thứ ba (8) chùm kín toàn bộ phần thân và nóc lò chỉ hở cho dòng khí (B) chui vào ở phần sát đế lò; găm lò (12) là buồng kín có cửa đóng mở để đưa tro ra ngoài; phía trong găm lò có buồng lắng bụi và tỏa nhiệt (7) và hộp đựng tro (5); hầm lắng bụi và tỏa nhiệt (7) có một đầu thông với buồng thu hồi nhiệt (11) và một đầu thông với khoảng không giữa hai lớp tường (6 và 61); có cửa (13) để lấy bụi khi cần; và buồng thu hồi nhiệt (11) có một đầu nối thông với buồng lắng bụi và tỏa nhiệt (7), một đầu nối thông với thiết bị xử lý khói thải ở bên ngoài, buồng thu hồi nhiệt (11) có các khoang trống để dòng khí (B), được cấp từ khoảng không gian trống giữa vỏ thứ ba (8) và tường lò (61) nhờ quạt gió (10), chui xuống găm lò (12) trước khi chui qua ghi lò (9) vào buồng đốt (4).

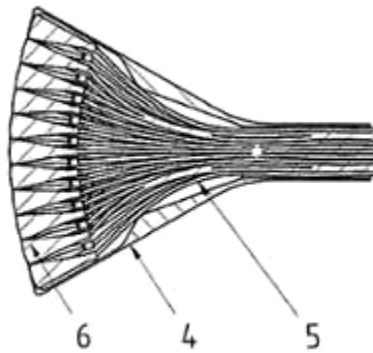


- (11) 1-0024300 B (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2017 346A
(21) 1-2016-04140
(22) 28/10/2016
(51) G02B 3/00; G02B 9/00; G02B 6/00
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)**
334 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Trần Thuật (VN); Hoàng Chí Hiếu (VN); Hồ Đức Quân (VN); Nguyễn Quang Quân (VN); Nguyễn Hoàng Hải (VN)
(54) **THẤU KÍNH HỘI TỤ KẾT NỐI VỚI SỢI QUANG VÀ THIẾT BỊ THU NHẬN ÁNH SÁNG MẶT TRỜI SỬ DỤNG THẤU KÍNH NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến thấu kính hội tụ kết nối nhanh với sợi quang và thiết bị thu nhận ánh sáng mặt trời sử dụng các thấu kính này nhằm hội tụ được ánh sáng mặt trời xuất phát từ mọi hướng và tại đầu ra của thiết bị ánh sáng có phương tương đối song song. Việc thực hiện hội tụ ánh sáng tại mọi hướng, không sử dụng bất kỳ chi tiết chuyển động nào, được tiến hành bằng cách sử dụng nhiều thấu kính hội tụ nhỏ (1) xếp lại với nhau thành một mặt cong lồi (6). Ánh sáng sau khi hội tụ bởi thấu kính (1) và chuyển thành song song được truyền dẫn và chuyển hướng bằng sợi quang (1). Các sợi quang (1) được xếp chặt thành bó sợi (5) để tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền dẫn và sử dụng tại đầu ra của thiết bị.



(a)



(b)

- | | | | |
|-------------------------|-----------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024301 B | | (15) 26/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/02/2013 | 299A |
| (21) 1-2012-03631 | | (85) 04/12/2012 | |
| (22) 04/05/2011 | | (86) PCT/KR2011/003337 | 04/05/2011 |
| (30) 61/330,986 | 04/05/2010 | US (87) WO2011/139090 | 10/11/2011 |
| | 10-2011-0022451 | 14/03/2011 | KR |

(51) **H04S 5/02; H04S 3/00**

(73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)

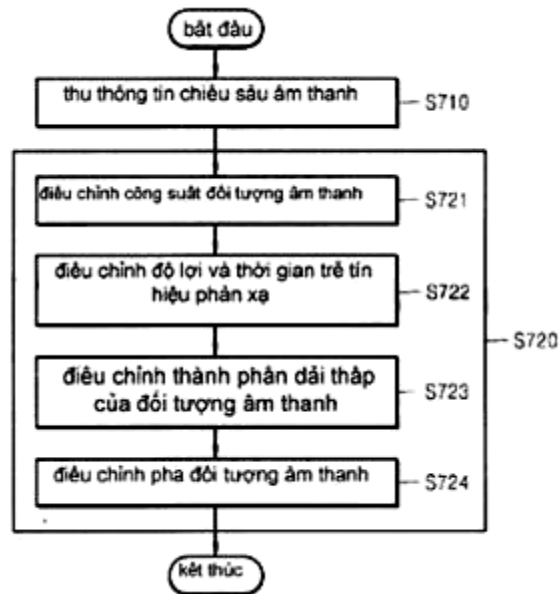
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 443-742, Republic of Korea

(72) KIM, Sun-Min (KR)

(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

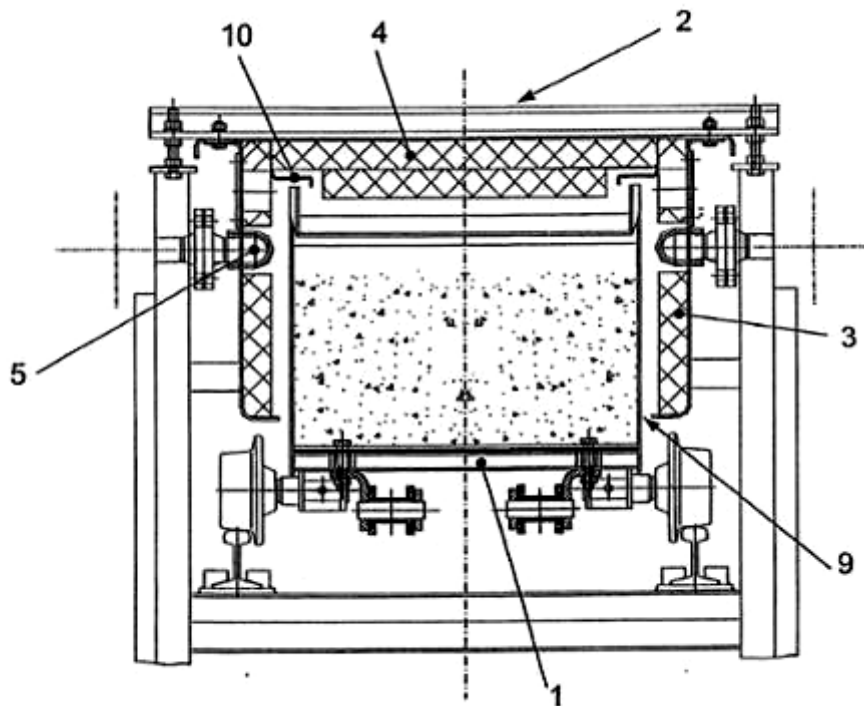
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TÁI TẠO ÂM THANH NỔI**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị tái tạo âm thanh nổi. Phương pháp này bao gồm bước thu thông tin chiều sâu âm thanh để biểu thị khoảng cách giữa ít nhất một đối tượng trong tín hiệu âm thanh với vị trí tham chiếu, và cung cấp phối cảnh âm thanh cho đối tượng âm thanh xuất ra từ loa, dựa vào thông tin chiều sâu âm thanh.



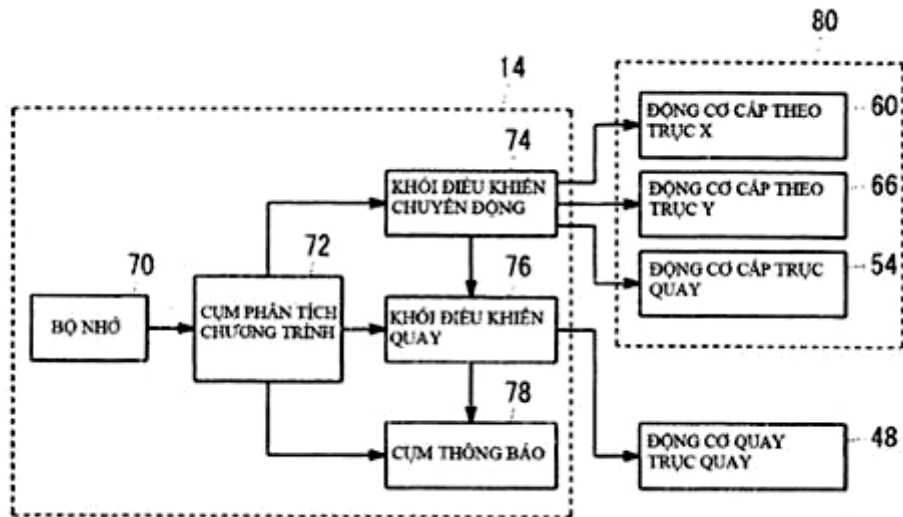
- (11) **1-0024302 B** (15) 26/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2014 320A
(21) 1-2014-02933 (85) 07/07/2008
(22) 27/11/2006 (86) PCT/EP2006/011349 27/11/2006
(30) A1958/2005 07/12/2005 AT (87) WO2007/065582 14/06/2007
(51) **B65G 17/02**
(67) 1-2008-01688
(73) **PRIMETALS TECHNOLOGIES AUSTRIA GMBH (AT)**
Turmstraße 44, 4031 Linz, Austria.
(72) FISCHER, Harald (AT); OBERNDORFER, Ernst (AT); OFNER, Hanspeter (AT);
Wilhelm SCHIFFER (AT)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **HỆ THỐNG KẾT HỢP ĐỂ SẢN XUẤT KIM LOẠI LỎNG**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống kết hợp bao gồm thiết bị hoàn nguyên (17) để hoàn nguyên các oxit theo quy trình liên tục, cụm xử lý (18) để tạo ra kim loại lỏng theo quy trình gián đoạn, trong đó sản phẩm hoàn nguyên được cấp từ thiết bị hoàn nguyên (17) đến cụm xử lý (18), ít nhất một thiết bị đệm (20) để tiếp nhận sản phẩm hoàn nguyên và cả các nguyên liệu ban đầu và cũng để nạp liệu cho cụm xử lý (18), và hệ thống băng tải (19) để vận chuyển sản phẩm hoàn nguyên từ thiết bị hoàn nguyên (17) vào thiết bị đệm (20).



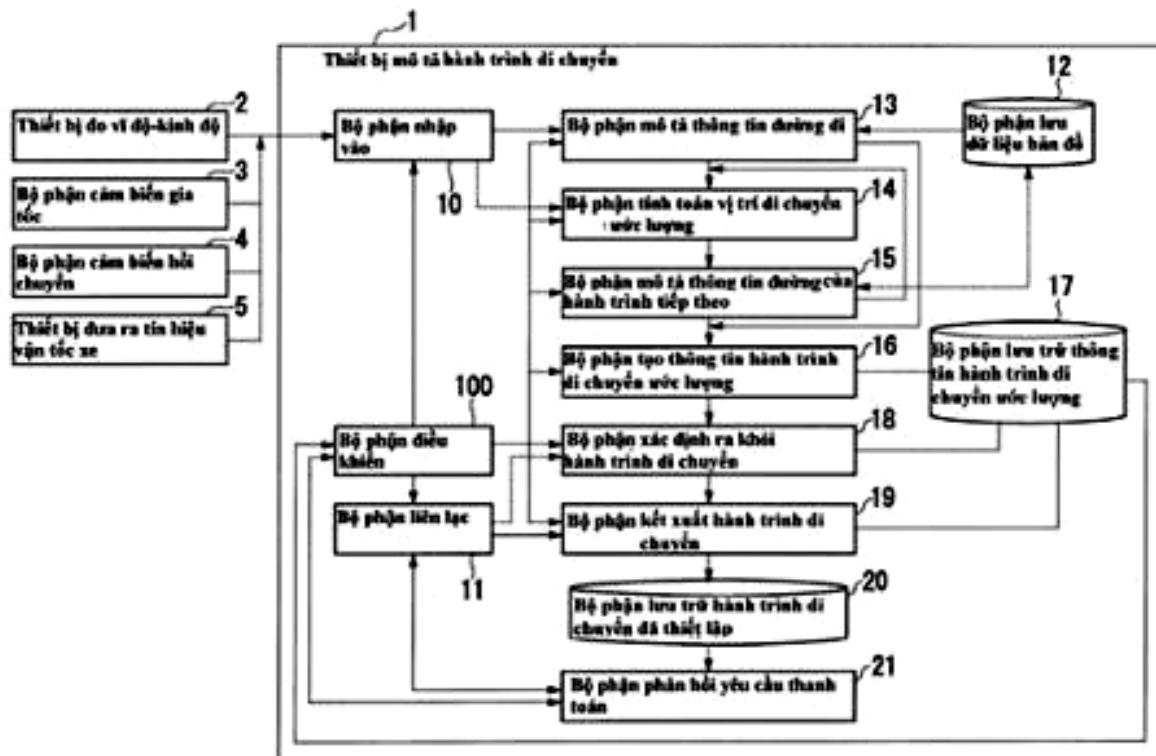
- (11) **1-0024303 B** (15) 26/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2019 374A
 (21) 1-2018-04871
 (22) 31/10/2018
 (30) 2017-211896 01/11/2017 JP
 (51) **B24B 39/06; B23Q 15/14**
 (73) **FANUC CORPORATION (JP)**
 3580, Shibokusa Aza-komanba, Oshino-mura, Minamitsuru-gun, Yamanashi 401-0597 Japan
 (72) Takaaki FUJII (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **DỤNG CỤ GIA CÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO HÌNH DẪO**

(57) Sáng chế đề cập tới dụng cụ gia công (10) bao gồm trục quay của dụng cụ (20) và bàn gia công (28) để đỡ phôi gia công (W) để tạo hình dẽo trên phôi gia công (W) bằng dụng cụ (22) gắn vào trục quay của dụng cụ (20). Dụng cụ (22) có cơ cấu di chuyển (80) để di chuyển trục quay của dụng cụ (20) tương đối với phôi gia công (W), động cơ quay trục quay (48) để quay trục quay của dụng cụ (20) tương đối với phôi gia công (W), khối điều khiển chuyển động (74) để điều khiển cơ cấu di chuyển (80) để di chuyển dụng cụ (22) dọc theo phôi gia công (W) trong khi ép phần cong lên bề mặt cần được gia công, và khối điều khiển quay (76) để điều khiển động cơ quay trục quay (48) nhằm định hướng đường pháp tuyến (NV) của phần cong về phía bề mặt của phôi gia công (W) ở vị trí tham chiếu (SP) mà được xem như mốc tham chiếu.



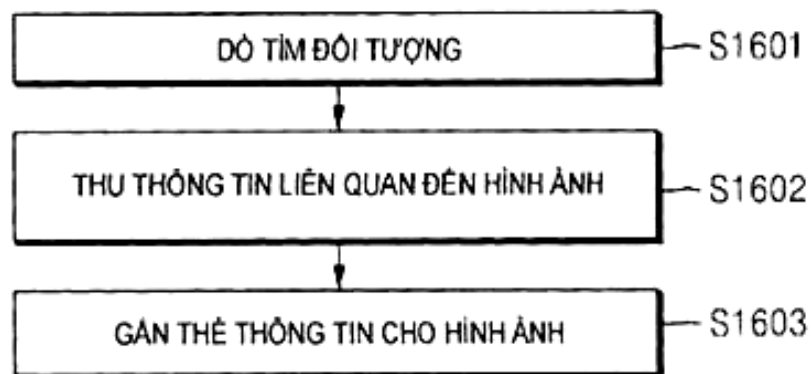
- (11) **1-0024304 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
 (21) 1-2014-00584 (85) 24/02/2014
 (22) 29/10/2012 (86) PCT/JP2012/077859 29/10/2012
 (30) 2011-242144 04/11/2011 JP (87) WO2013/065629 10/05/2013
 (51) **G01C 21/30; G09B 29/10; G09B 29/00**
 (73) **MITSUBISHI HEAVY INDUSTRIES MACHINERY SYSTEMS, LTD.** (JP)
 1-1, Wadasaki-cho 1-chome, Hyogo-ku, Kobe-shi, Hyogo 652-8585 Japan
 (72) Masato IEHARA (JP); Yoshihiro MABUCHI (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ MÔ TẢ HÀNH TRÌNH DI CHUYỂN VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CỦA THIẾT BỊ MÔ TẢ HÀNH TRÌNH DI CHUYỂN**

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị mô tả hành trình di chuyển bao gồm bộ phận kết xuất hành trình di chuyển được tạo cấu hình để đưa ra thông tin nhận dạng của đường có trong thông tin hành trình di chuyển ước lượng bất kỳ khác với thông tin đã được xác định là ở bên ngoài hành trình di chuyển giữa thông tin hành trình di chuyển ước lượng bao gồm thông tin nhận dạng của đường đi thể hiện hành trình di chuyển của ước lượng trước đó khi thông tin nhận dạng của đường đi thể hiện hành trình di chuyển đã thiết lập trước đó.



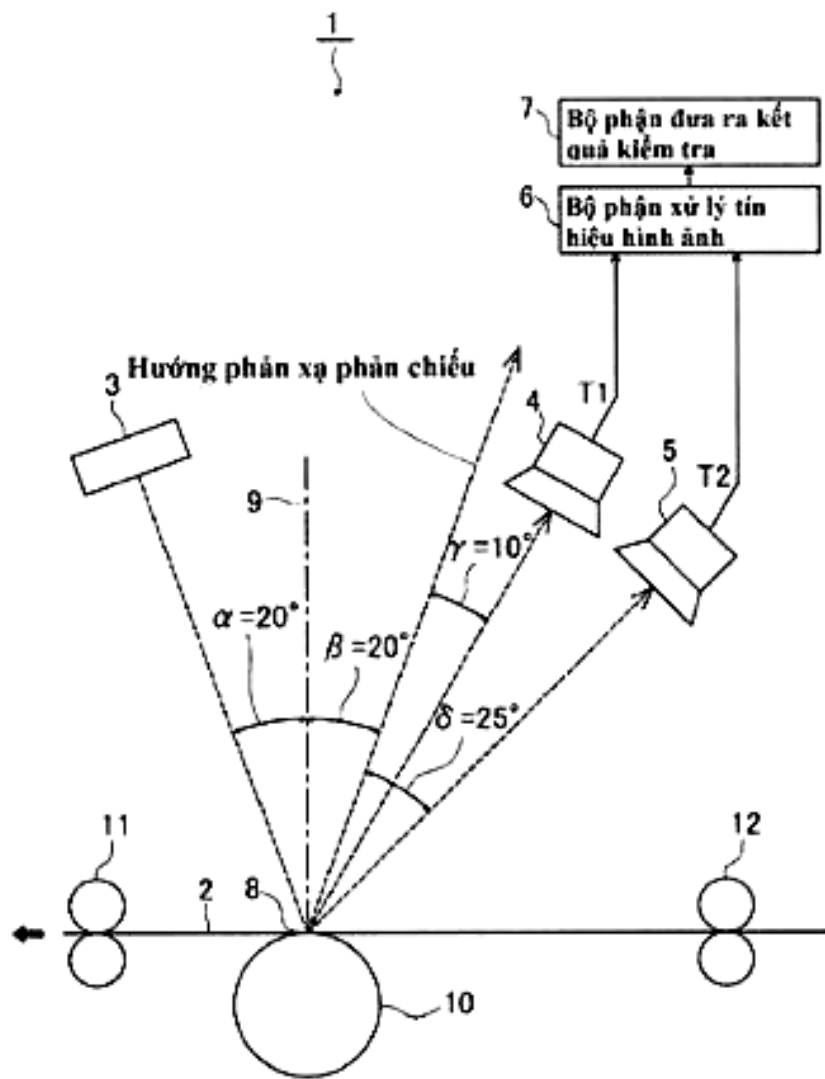
- (11) **1-0024305 B** (15) 27/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2015-00753 (85) 06/03/2015
(22) 06/08/2013 (86) PCT/KR2013/007065 06/08/2013
(30) 10-2012-0086003 06/08/2012 KR (87) WO2014/025185A1 13/02/2014
(51) **G06F 17/00; G06F 17/40; G06F 17/30**
(73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 443-742, Republic of Korea
(72) CHOI, Won-jong (KR); CHOI, Hyung-tak (KR); KWON, O-hoon (KR)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP GẮN THẺ THÔNG TIN VÀ THIẾT BỊ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP GẮN THẺ THÔNG TIN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống gắn thẻ thông tin cho hình ảnh dựa vào đối tượng có trong hình ảnh, và tìm kiếm hình ảnh bằng cách sử dụng thông tin gắn thẻ, và thiết bị và vật ghi đọc được bằng máy tính thực hiện phương pháp gắn thẻ thông tin. Phương pháp này bao gồm các bước: dò tìm ít nhất một đối tượng có trong hình ảnh được hiển thị, thu, từ người dùng, thông tin liên quan đến đối tượng được dò tìm, và gắn thẻ thông tin thu được cho hình ảnh được hiển thị.



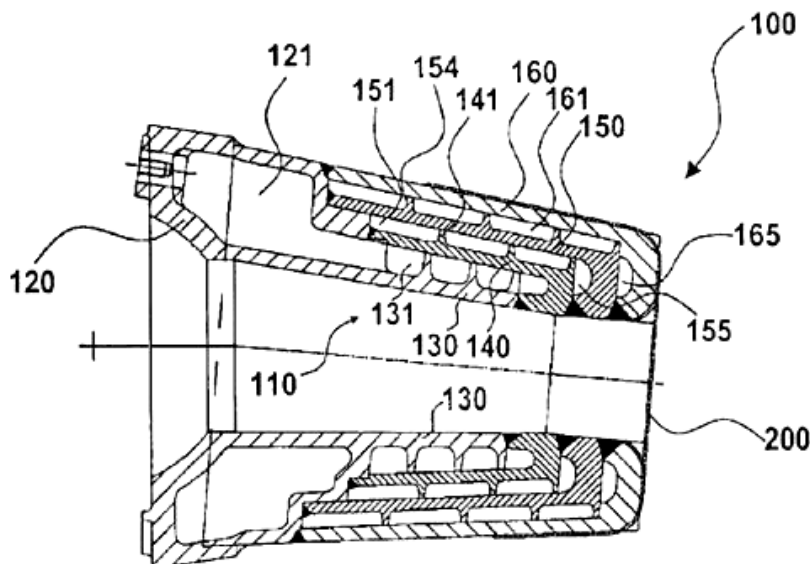
- | | | | |
|---|---|------------------------|------------|
| (11) 1-0024306 B | | (15) 27/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/01/2019 | 370A |
| (21) 1-2018-04724 | | (85) 24/10/2018 | |
| (22) 24/08/2016 | | (86) PCT/JP2016/074638 | 24/08/2016 |
| (30) 2016-067003 | 30/03/2016 JP | (87) WO2017/168780 | 05/10/2017 |
| (51) G01N 21/892 | | | |
| (73) NISSHIN STEEL CO., LTD. (JP) | 4-1, Marunouchi 3-Chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1008366, Japan | | |
| (72) FUKUI Keita (JP); SHIGA Syunsuke (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA KHUYẾT TẬT BỀ MẶT CHO TẮM THÉP | | | |

- (57) Sáng chế này đề cập đến thiết bị và phương pháp kiểm tra khuyết tật bề mặt cho các tấm thép dùng để phát hiện và phân biệt các bất thường bên ngoài có hại từ vết biến màu dầu, vết tối hoặc dạng tương tự dưới dạng bất thường bên ngoài vô hại trong tấm thép làm đối tượng kiểm tra, trong đó việc hoặc xử lý bề mặt khác không được thực hiện trên bề mặt của chúng. Thiết bị theo sáng chế được tạo ra với bộ phận chiếu sáng (3) để chiếu sáng vùng đối tượng tạo hình hình ảnh (8), bộ phận tạo hình hình ảnh ánh sáng phản xạ được tán xạ thứ nhất (4) để chụp hình hình ảnh của ánh sáng phản xạ được tán xạ theo hướng trong đó góc của chúng với hướng phản xạ thông thường là góc thứ nhất γ , bộ phận tạo hình hình ảnh ánh sáng phản xạ được tán xạ thứ hai (5) để chụp hình hình ảnh của ánh sáng phản xạ được tán xạ theo hướng trong đó góc của chúng với hướng phản xạ thông thường là góc thứ hai δ (trong đó $\delta > \gamma$), và bộ phận xử lý tín hiệu hình ảnh (6) để xử lý tín hiệu hình ảnh phản xạ được tán xạ thứ nhất T1 được thu bởi việc chụp hình hình ảnh bởi bộ phận tạo hình hình ảnh ánh sáng phản xạ được tán xạ thứ nhất (4) và tín hiệu hình ảnh phản xạ được tán xạ thứ hai T2 thu được bởi việc chụp hình hình ảnh bởi bộ phận tạo hình hình ảnh ánh sáng phản xạ được tán xạ thứ hai (5). Bộ phận xử lý tín hiệu hình ảnh 6 phát hiện dưới dạng vùng khuyết tật bề mặt là vùng có độ chói thấp hơn trị số ngưỡng thứ nhất định trước trong tín hiệu hình ảnh phản xạ được tán xạ thứ nhất T1, tín hiệu hình ảnh phản xạ được tán xạ thứ hai T2 có độ chói cao hơn trị số ngưỡng thứ hai định trước cho vùng.

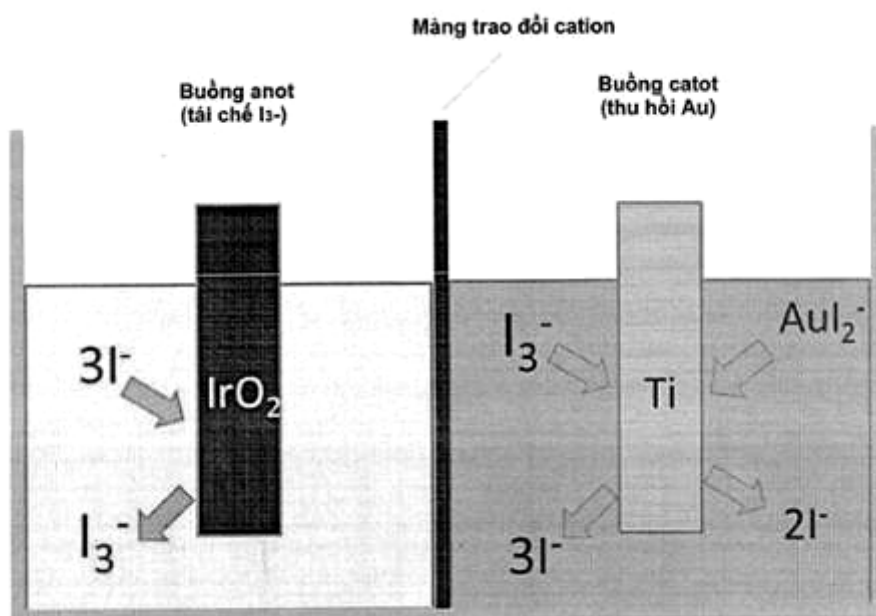


- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024307 B | | (15) 27/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2013 | 307A |
| (21) 1-2013-02202 | | (85) 15/07/2013 | |
| (22) 02/08/2011 | | (86) PCT/KR2011/005672 | 02/08/2011 |
| (30) 10-2011-0006630 | 24/01/2011 | KR | (87) WO2012/102445 |
| | | | 02/08/2012 |
- (51) **C21B 7/16**
 (73) **SEOUL ENGINEERING CO., LTD. (KR)**
 1381-1, Juan-dong, Nam-ku, Incheon 402-825, Republic of Korea
 (72) LEE, Hae-Yang (KR)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **ỐNG GIÓ CHO Lò LUYỆN SẮT**

(57) Sáng chế đề cập đến ống gió cho lò luyện sắt bao gồm bộ phận thân có đường dẫn gió đi qua trục tâm của nó, trong đó bộ phận thân bao gồm: thân hình nón cụt có đường dẫn gió thân chính; và phần nhô ra nhô ra khỏi thân, trong đó ống gió còn bao gồm: bộ phận nắp được kết hợp với phần nhô ra và định rõ đường dẫn làm mát thân đầu ở giữa bộ phận nắp và bề mặt chu vi bên ngoài của phần nhô ra; và bộ phận bên ngoài được kết hợp với bộ phận nắp trong khi bao quanh bộ phận nắp và định rõ đường dẫn làm mát bên ngoài ở trong đó. Khi bộ phận bên ngoài bị hỏng một phần, mặc dù việc cung cấp nước làm mát đến phần bị hỏng này bị dừng lại, nhưng chức năng của ống gió có thể được thực hiện liên tục nhờ phần còn lại của bộ phận bên ngoài và nhờ bộ phận thân, từ đó cung cấp ống gió có tuổi thọ kéo dài.



- (11) **1-0024308 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2019 371A
 (21) 1-2018-04973 (85) 06/11/2018
 (22) 19/01/2018 (86) PCT/JP2018/001580 19/01/2018
 (30) 2017-025928 15/02/2017 JP (87) WO2018/150811 23/08/2018
 (51) **C25C 1/20; C25C 1/00; C02F 1/461; C23F 1/46**
 (73) **MATSUDA SANGYO COMPANY LIMITED (JP)**
 26-2, Nishishinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo 1630558, Japan
 (72) SATO Kengo (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP THU HỒI VÀNG TỪ DUNG DỊCH KHẮC ĂN MÒN DỰA TRÊN IOT ĐÃ QUA SỬ DỤNG VÀ ĐỒNG THỜI TÁI CHẾ DUNG DỊCH KHẮC ĂN MÒN**
 (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp thu hồi vàng bằng điện phân từ dung dịch khắc ăn mòn dựa trên iot đã qua sử dụng chứa Au và đồng thời tái chế dung dịch khắc ăn mòn đã qua sử dụng, khác biệt ở chỗ, phương pháp này bao gồm các công đoạn: thiết lập điện thế catot từ -0,75 V tới -0,95 V (điện cực chuẩn: Ag/AgCl), và thiết lập tỷ số của mật độ dòng điện của anot so với mật độ dòng điện của catot nằm trong khoảng từ lớn hơn 3 tới 50. Sáng chế đề xuất phương pháp để xử lý dung dịch khắc ăn mòn dựa trên iot đã qua sử dụng, nghĩa là, phương pháp này có thể thu hồi Au và tái chế dung dịch khắc ăn mòn dựa trên iot theo cách ổn định và hiệu quả mà không cần kiểm soát chính xác độ pH.



- (11) 1-0024309 B (15) 27/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2013 301A
(21) 1-2013-00018 (85) 03/01/2013
(22) 11/05/2011 (86) PCT/US2011/036068 11/05/2011
(30) 61/361,265 02/07/2010 US (87) WO2012/003047 05/01/2012

(51) **B22D 41/50**

(73) **VESUVIUS USA CORPORATION (US)**

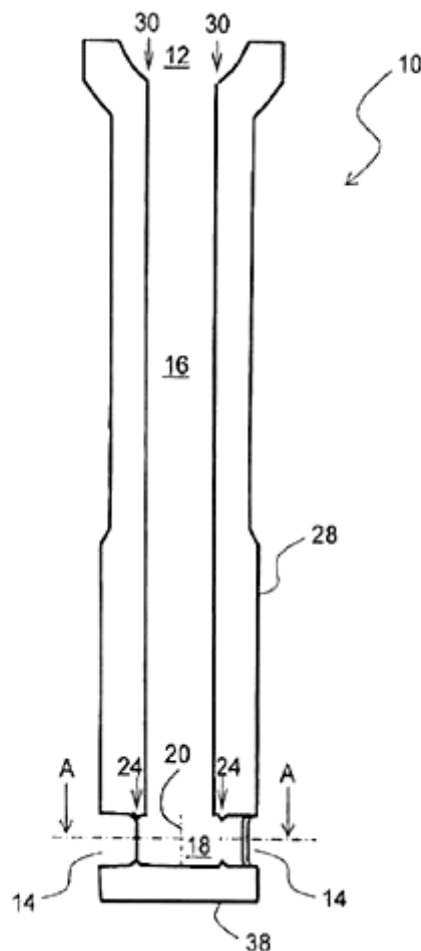
1404 Newton Drive, Champaign, Illinois 61822, United States of America

(72) **RICHAUD Johan (FR)**

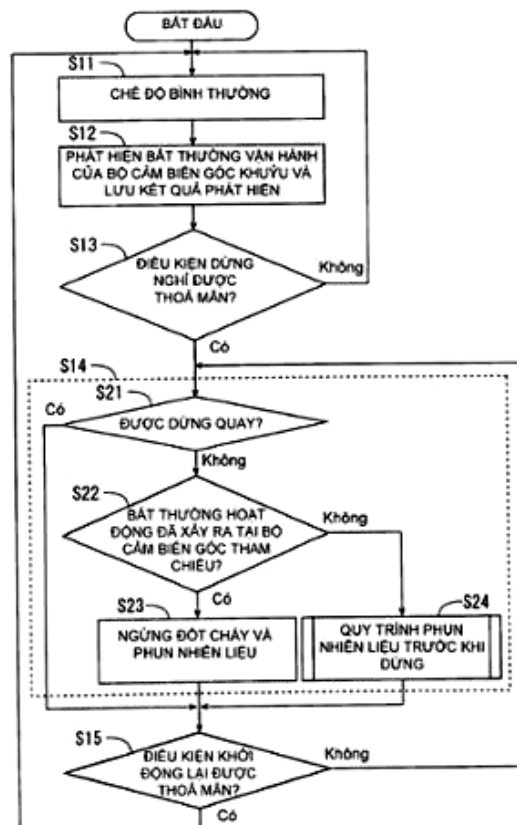
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **ỐNG RÓT ĐỂ ĐÚC KIM LOẠI NÓNG CHẢY**

- (57) Sáng chế đề cập đến ống rót để đúc kim loại nóng chảy được làm thích ứng để làm giảm sự chảy rôi và phá hỏng khuôn đúc, nhờ đó tạo ra dòng chảy ra ổn định, đồng đều hơn. Ống rót này bao gồm lỗ có thân nổi thông với phần đầu ra mở rộng. Các cửa thoát nổi thông với phần đầu ra có kết cấu nằm lệch, trong đó ít nhất một thành của cửa thoát nằm theo phương tiếp tuyến với đường tròn có bán kính lớn hơn so với thân của lỗ.



- (11) **1-0024310 B** (15) 27/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
- (21) 1-2015-04733 (85) 10/12/2015
- (22) 06/06/2014 (86) PCT/JP2014/003036 06/06/2014
- (30) 2013-140158 03/07/2013 JP (87) WO2015/001712A1 08/01/2015
- (51) **F02D 41/00; F02N 99/00; F02D 41/34; F02N 11/08; F02D 41/04; F02D 41/22**
- (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan
- (72) Kosei MAEBASHI (JP); Tetsuhiko NISHIMURA (JP)
- (74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)
- (54) **HỆ THỐNG ĐỘNG CƠ VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÓ ĐỘNG CƠ KIỂU NGỒI CHÂN ĐỂ HAI BÊN**
- (57) Sáng chế đề cập đến động cơ được điều khiển ở chế độ bình thường hoặc chế độ dừng nghỉ. Việc đốt cháy hỗn hợp không khí-nhiên liệu được thực hiện ở chế độ bình thường và việc đốt cháy hỗn hợp không khí-nhiên liệu không được thực hiện ở chế độ dừng nghỉ. Đối tượng phát hiện được quay cùng với trục khuỷu được bố trí tại trục khuỷu. Tại thời điểm tái khởi động động cơ, việc đốt cháy hỗn hợp không khí-nhiên liệu được nén ở thì nén đầu tiên được thực hiện dựa vào việc phát hiện đối tượng phát hiện bởi bộ cảm biến góc tham chiếu. Khi sự bất thường vận hành của bộ cảm biến góc tham chiếu không được phát hiện, việc phun nhiên liệu được thực hiện trong nhiều chu trình ngay trước khi chuyển động quay của trục khuỷu được dừng ở chế độ dừng nghỉ. Khi sự bất thường vận hành của bộ cảm biến góc tham chiếu được phát hiện, việc phun nhiên liệu không được thực hiện ở chế độ dừng nghỉ.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024311 B | | (15) 27/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2014 | 316A |
| (21) 1-2014-00511 | | (85) 18/02/2014 | |
| (22) 10/07/2012 | | (86) PCT/JP2012/067549 | 10/07/2012 |
| (30) 2011-158613 | 20/07/2011 JP | (87) WO2013/011867A1 | 24/01/2013 |

(51) **E06B 9/84**

(73) **BUNKA SHUTTER CO., LTD. (JP)**

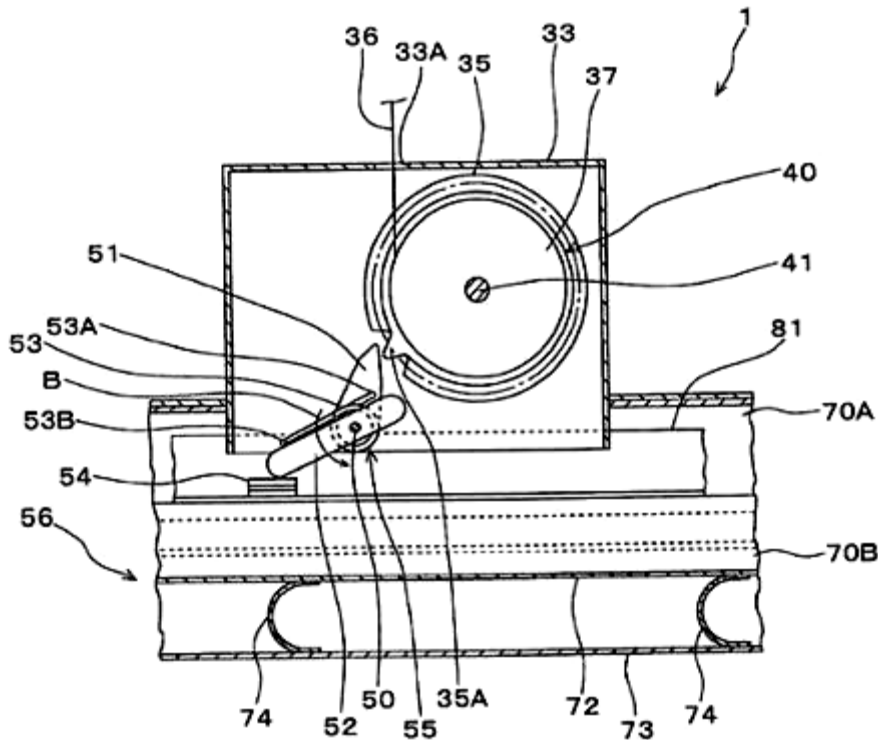
17-3, Nishikata 1-chome, Bunkyo-ku, Tokyo, 1138535, Japan

(72) OHASHI, Toshiyuki (JP); ODATE, Kazuki (JP); INOMATA, Satoshi (JP); MASUDA, Takenori (JP)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) **THIẾT BỊ DỪNG THÂN MỞ/ĐÓNG CỦA THIẾT BỊ MỞ/ĐÓNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị dừng thân mở/đóng để ngăn các lực như lực kẹp hoặc lực ma sát tác động lên vật liệu dạng dây khi vật liệu dạng dây được kéo theo chiều mà thiết bị hãm hoạt động. Khi màn đóng (1), tức là thân mở/đóng thực hiện các dịch chuyển mở/đóng, tiếp xúc với vật cản trong dịch chuyển đóng, thì dây khóa (36), tức là bộ phận dạng dây, được nối với màn, và lực kéo căng tác động lên dây khiến thiết bị hãm được bật lên và dừng dịch chuyển đóng của màn. Thiết bị kéo (56) kéo dây theo chiều bật thiết bị hãm khi và/hoặc sau khi màn tiếp xúc với vật cản được lắp trên màn. Thiết bị kéo được tạo kết cấu để làm thiết bị quấn (40), tức là thiết bị dẫn dây ra khi màn dịch chuyển đóng, thực hiện công đoạn quấn dây, thiết bị này khiến cho phần thẳng của dây trở nên không thẳng nhờ sử dụng bộ phận ép có thể xoay được, nhờ đó bộ phận dẫn hướng có thể xoay được sẽ dẫn hướng dây để thực hiện dịch chuyển, do đó thiết bị quấn sẽ thực hiện dịch chuyển.



(11) **1-0024312 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2019 372A

(21) 1-2019-00017

(22) 03/01/2019

(51) **H02K 7/00; E02F 3/00; E02F 5/00**

(76) **1. PHẠM QUANG DŨNG (VN)**

Trường Đại học xây dựng, 55 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

2. TRẦN VĂN VIỆT (VN)

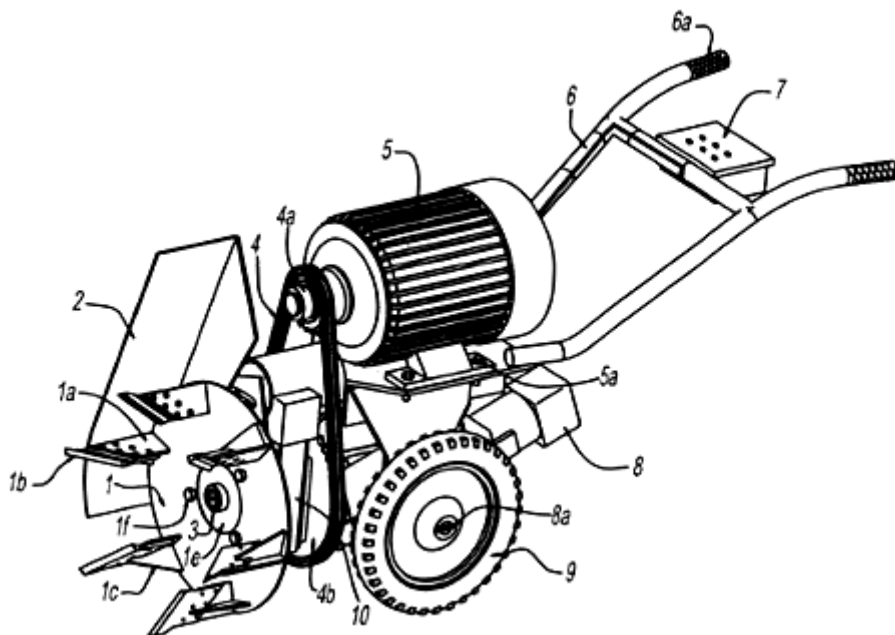
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

3. NGUYỄN TIẾN DŨNG (VN)

Trường Đại học xây dựng, 55 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

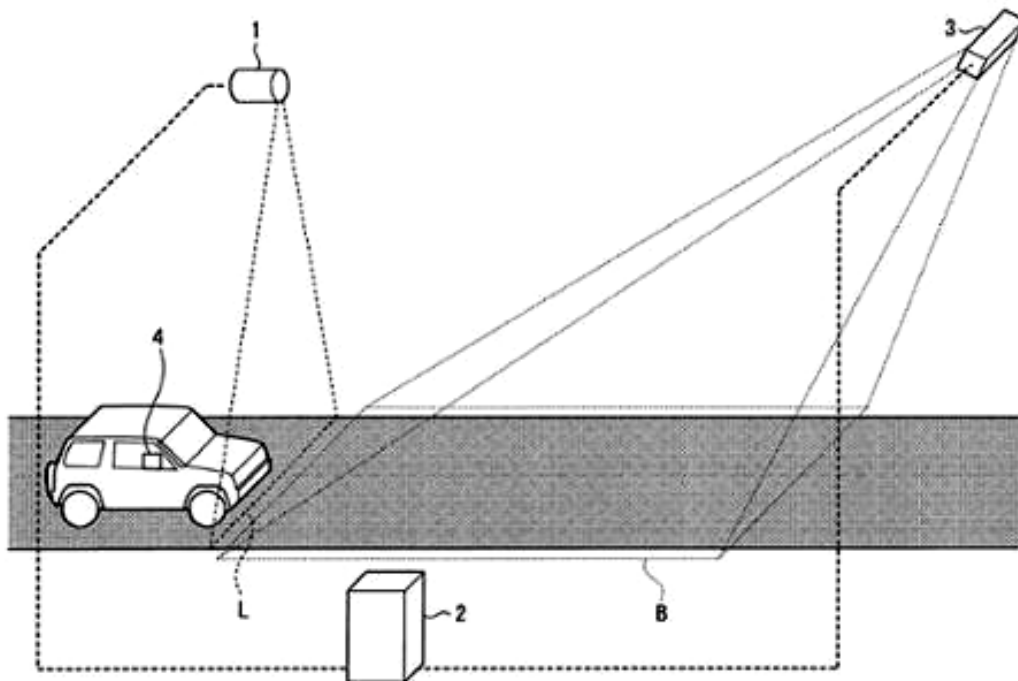
(54) MÁY ĐÀO ĐẤT CỖ SIÊU NHỎ DẪN ĐỘNG BẰNG ĐỘNG CƠ ĐIỆN

(57) Sáng chế đề cập đến máy đào đất cỡ siêu nhỏ bao gồm khung máy (10), hai bánh xe di chuyển (9) được dẫn động bởi cơ cấu di chuyển (8) có thể điều chỉnh vô cấp tốc độ, càng lái (6) với tay lái (6a) và hộp điều khiển (7), động cơ điện (5) dẫn động rôto (1) thông qua bộ truyền xích (4). Máy sử dụng bộ phận công tác gồm rôto (1) lắp trên trục dẫn động (3) và máng dẫn hướng (2) lắp trên khung máy (10); rôto (1) là một đĩa tròn hàn các cụm chi tiết đào - chuyên đất, được tổ hợp từ cánh chuyên đất (1a), lưỡi cắt (1b) và gân tăng cứng (1c), cách đều nhau trên chu vi đĩa. Khi đào đất, các lưỡi cắt (1b) trên rôto cắt đất theo chu vi tiết diện rãnh tạo thành lõi đất ở giữa và nó tự sập xuống do trọng lượng bản thân và lực động, đất trong rãnh được vận chuyển lên thành dòng theo nguyên lý văng ly tâm.



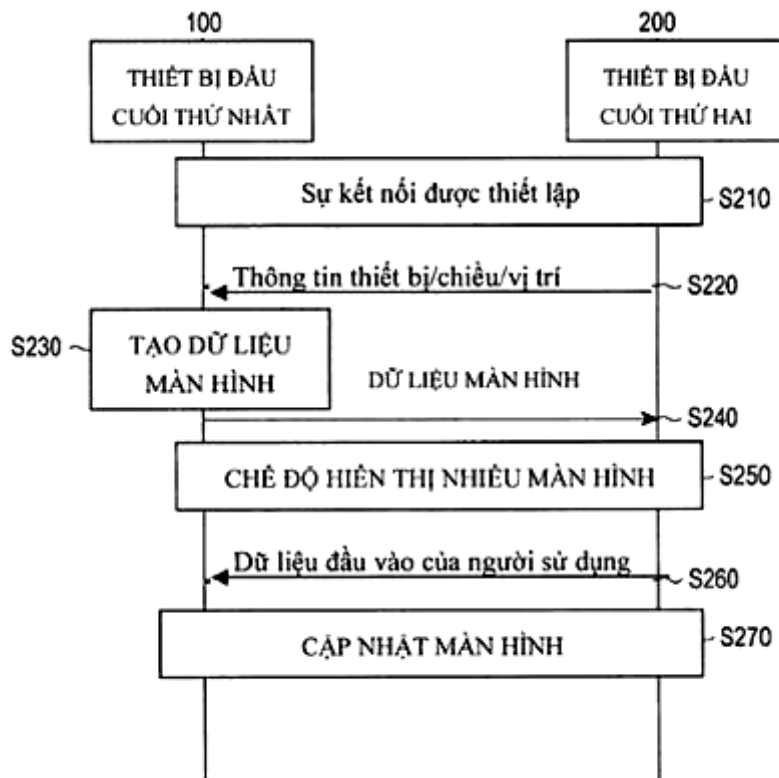
- (11) **1-0024313 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2013-03909 (85) 11/12/2013
 (22) 12/07/2012 (86) PCT/JP2012/067845 12/07/2012
 (30) 2011-155574 14/07/2011 JP (87) WO2013/008888 17/01/2013
 (51) **G08G 1/09; G01C 21/28; G08G 1/04**
 (73) **MITSUBISHI HEAVY INDUSTRIES MACHINERY SYSTEMS, LTD.** (JP)
 1-1, Wadasaki-cho 1-chome, Hyogo-ku, Kobe-shi, Hyogo 652-8585 Japan
 (72) Takuma OKAZAKI (JP); Hiroyuki NAKAYAMA (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ THÔNG BÁO VỊ TRÍ XE, PHƯƠNG PHÁP THÔNG BÁO VỊ TRÍ XE, THIẾT BỊ ĐẶT TRÊN XE, PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN VỊ TRÍ XE, HỆ THỐNG TÍNH TOÁN VỊ TRÍ XE VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị thông báo vị trí xe, trong đó bộ cảm biến laze phát hiện xe và cột mốc dẫn hướng thông báo cho thiết bị đặt trên xe nhờ sự truyền thông vô tuyến thời gian phát hiện, mà tại thời điểm đó bộ cảm biến laze phát hiện thấy xe và vị trí tham chiếu hiệu chỉnh để hiệu chỉnh là vị trí, mà tại đó xe có mặt tại thời điểm phát hiện. Thiết bị đặt trên xe tính toán vị trí, mà xe có mặt tại mỗi thời điểm dựa vào khoảng cách xe đã di chuyển và hiệu chỉnh vị trí đã tính toán dựa vào thời điểm phát hiện thu thập được từ cột mốc dẫn hướng và vị trí tham chiếu hiệu chỉnh.



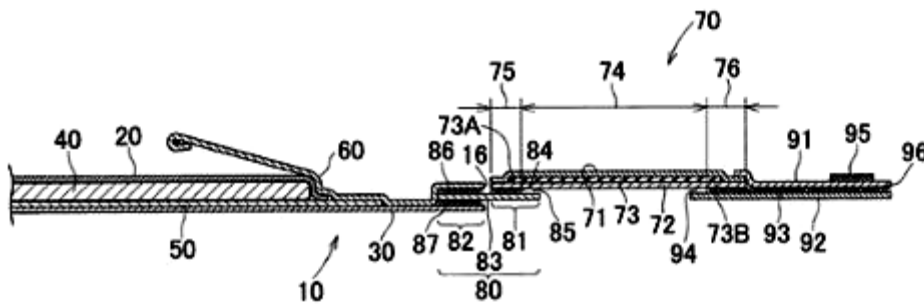
- (11) **1-0024314 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2015 324A
 (21) 1-2014-04115 (85) 09/12/2014
 (22) 24/05/2013 (86) PCT/KR2013/004570 24/05/2013
 (30) 10-2012-0055883 25/05/2012 KR (87) WO2013/176515A1 28/11/2013
 (51) **G06F 3/14; H04B 1/40; G06F 13/14**
 (73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 443-742, Republic of Korea
 (72) Ji-Hong JEUNG (KR); Sung-Jin YOON (KR)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP HIỂN THỊ NHIỀU MÀN HÌNH VỚI CÁC THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI TRUYỀN THÔNG, VẬT GHI BẮT KHẢ BIẾN ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH VÀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI TRUYỀN THÔNG**

(57) Sáng chế xuất phương pháp hiển thị nhiều màn hình với các thiết bị đầu cuối truyền thông, vật ghi lưu trữ thông tin đọc được bằng máy tính và thiết bị đầu cuối truyền thông. Thiết bị đầu cuối thứ nhất thiết lập sự kết nối vô tuyến với thiết bị đầu cuối truyền thông thứ hai, thu thông tin về thiết bị của thiết bị đầu cuối truyền thông thứ hai, tạo ra dữ liệu màn hình thứ nhất dựa vào thông tin về thiết bị để tạo cấu hình màn hình thứ nhất của thiết bị đầu cuối thứ nhất và dữ liệu màn hình thứ hai để tạo cấu hình màn hình thứ hai của thiết bị đầu cuối truyền thông thứ hai liên quan đến màn hình thứ nhất. Dữ liệu màn hình thứ hai được truyền tới thiết bị đầu cuối truyền thông thứ hai.



- (11) **1-0024315 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
 (21) 1-2014-01644 (85) 20/05/2014
 (22) 13/12/2012 (86) PCT/JP2012/082410 13/12/2012
 (30) 2011-273910 14/12/2011 JP (87) WO2013/089198A1 20/06/2013
 (51) **A61F 13/49; A61F 13/56**
 (73) **UNICHARM CORPORATION (JP)**
 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan
 (72) KURITA, Noriyuki (JP); TSUJI, Tomoko (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT DÙNG MỘT LẦN**

(57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút dùng một lần bao gồm khung dùng cho vật dụng thẩm hút và các cánh bên được gắn vào khung, trong đó cụ thể là tính linh hoạt của các cánh bên có thể được đảm bảo. Mỗi cánh bên (70) được nối với khung (10) qua tấm nối (80). Khung (10) bao gồm tấm bên trong (20), tấm bên ngoài (30) thân thẩm hút (40) được xen vào giữa tấm bên trong và bên ngoài (20, 30), tấm ngăn rò rỉ (50) và cặp vành ngăn (60). Vùng phía bên trong (82) của tấm nối (80) được gắn vào cánh bên (70) trong các vùng nối (86, 87), vùng phía bên ngoài (81) được cố định vào cánh bên (70) trong vùng nối (84) và vùng trung gian (83) giữ khung (10) và cánh bên (70) được đặt cách nhau theo chiều ngang (X). Cánh bên (70) bao gồm tấm thứ nhất (71), tấm thứ hai (72), vùng nối (74) có thể co ngót đàn hồi theo chiều ngang (X) và vùng không đàn hồi phía bên trong và bên ngoài (75, 76) xác định hai cạnh bên ngoài theo chiều ngang (X) của vùng nối (74). Các phần đầu (73A 73B) của thành phần đàn hồi (73) lần lượt được đặt trong vùng không đàn hồi phía bên trong và bên ngoài (75, 76).



- (11) **1-0024316 B** (15) 27/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
(21) 1-2016-04803 (85) 08/12/2016
(22) 19/05/2014 (86) PCT/CN2014/077798 19/05/2014
(87) WO2015/176211 26/11/2015

(51) **H04W 24/10**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

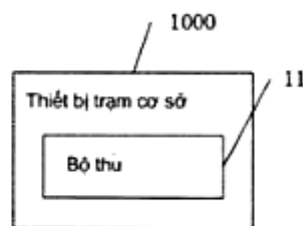
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) LI, Bo (CN); LI, Chaojun (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **THIẾT BỊ TRẠM CƠ SỞ, THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THÔNG BÁO THÔNG TIN TRẠNG THÁI KÊNH**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị trạm cơ sở, thiết bị người dùng và phương pháp thông báo thông tin trạng thái kênh. Thiết bị trạm cơ sở này bao gồm: bộ thu, được tạo cấu hình để thu ít nhất một đoạn thông tin trạng thái kênh (CSI) không có chu kỳ được gửi bởi thiết bị người dùng, trong đó ít nhất một đoạn CSI không có chu kỳ tương ứng với kết quả của việc đo CSI không có chu kỳ trên khung con tham chiếu thứ nhất, trong đó kết quả của việc đo CSI không có chu kỳ trên khung con tham chiếu thứ nhất là kết quả của việc đo CSI không có chu kỳ của tập hợp khung con liên kết xuống thứ nhất và khung con tham chiếu thứ nhất là khung con trong tập hợp khung con liên kết xuống thứ nhất. Sáng chế còn đề cập đến thiết bị người dùng tương ứng và phương pháp thông báo thông tin trạng thái kênh tương ứng. Bằng cách thực hiện việc đo CSI không có chu kỳ trên khung con tham chiếu được thiết lập trong tập hợp khung con liên kết xuống, sáng chế theo các phương án của nó có thể đảm bảo rằng thiết bị trạm cơ sở thu một cách có hiệu quả kết quả của việc đo trạng thái kênh không có chu kỳ, mà được gửi bởi thiết bị người dùng, của tập hợp khung con liên kết xuống.



- | | | | |
|---|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024317 B | | (15) 27/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/06/2016 | 339A |
| (21) 1-2016-01286 | | (85) 11/04/2016 | |
| (22) 28/08/2014 | | (86) PCT/US2014/053090 | 28/08/2014 |
| (30) 14/026,531 | 13/09/2013 | US (87) WO2015/038344 | 19/03/2015 |
| (51) <i>A43B 23/02; A43B 1/04; D04B 1/16; A43B 7/08; D04B 1/12; A43B 1/00; A43B 23/04</i> | | | |

(73) **NIKE INNOVATE C.V. (US)**

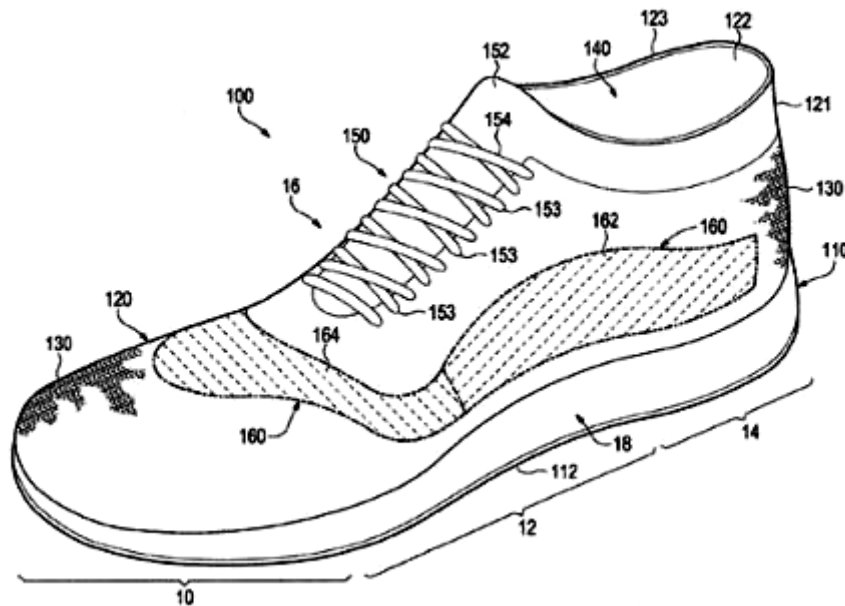
One Bowerman Drive, Beaverton, OR 97005-6453, United States of America

(72) PODHAJNY Daniel A. (UY); HUFFA Bruce (US)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

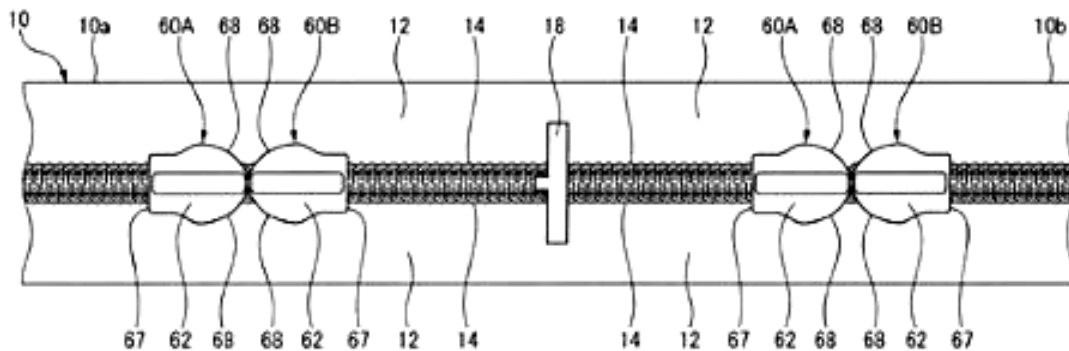
(54) **GIÀY DÉP CÓ MŨ GIÀY VÀ KẾT CẤU ĐỂ GIÀY ĐƯỢC GẮN CHẶT VÀO MŨ GIÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến giày dép bao gồm mũ giày kết hợp với phụ kiện dẹt kim có một hoặc nhiều tơ đơn. Các vùng tơ đơn được tạo ra bằng cách dẹt kim có sợi tơ đơn. Các vùng tơ đơn được tạo ra từ cấu trúc dẹt kim liền khối với các phần còn lại của phụ kiện dẹt kim. Chi tiết chịu kéo căng có thể kéo dài qua phụ kiện dẹt kim, bao gồm các phần của các vùng tơ đơn.



- | | | | |
|--|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024318 B | | (15) 27/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2015 | 332A |
| (21) 1-2015-02127 | | (85) 16/06/2015 | |
| (22) 27/09/2013 | | (86) PCT/JP2013/076407 | 27/09/2013 |
| (30) PCT/JP2012/079842 | 16/11/2012 JP | (87) WO2014/077038 | 22/05/2014 |
| (51) A44B 19/62 | | | |
| (73) YKK CORPORATION (JP) | | | |
| | 1, Kanda Izumi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo 1018642, Japan | | |
| (72) SHO Yoshiyuki (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO KHÓA KÉO TRƯỢT | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chế tạo khóa kéo trượt có thể chế tạo một cách hiệu quả khóa kéo trượt, trong đó các phần chặn được tạo ra bởi xử lý nhiệt được tạo ở các đầu đối diện của khóa kéo trượt theo phương dọc của khóa kéo trượt. Phương pháp chế tạo khóa kéo trượt này bao gồm: bước tạo khe hở để tạo ra các khe hở (18) ở dải khóa kéo liên tục (10) theo các khoảng định trước theo phương dọc của khóa kéo trượt; bước lắp con trượt để lắp hai dây các răng khóa trái và phải (14) của dải khóa kéo liên tục (10) vào trong các con trượt (60A, 60B) bằng cách lắp các con trượt (60A, 60B) vào trong các khe hở (18); và bước cắt để tạo ra các khóa kéo trượt (11) có chiều dài định trước bằng cách làm nóng chảy bằng nhiệt và cắt dải khóa kéo liên tục (10) ở các vị trí trước và sau mỗi một trong số các khe hở (18) của dải khóa kéo liên tục (10). Ở bước cắt, các mép cắt của hai dải khóa trái và phải (12) của dải khóa kéo liên tục (10) và các mép cắt của hai dây răng khóa trái và phải (14) được hàn với nhau.



- | | | | | |
|-------------------------|------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024319 B | | | (15) 28/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | | 388B | (43) 25/07/2011 | 280A |
| (21) 1-2011-00397 | | | (85) 03/08/2009 | |
| (22) 09/01/2008 | | | (86) PCT/JP2008/050088 | 09/01/2008 |
| (30) 2007-003644 | 11/01/2007 | JP | (87) WO2008/084790A1 | 17/07/2008 |
| 2007-003645 | 11/01/2007 | JP | | |
| 2007-111849 | 20/04/2007 | JP | | |
| 2007-111850 | 20/04/2007 | JP | | |
| 2007-114283 | 24/04/2007 | JP | | |

(51) *A01F 12/22; A01D 69/08; A01F 12/00*

(62) 1-2009-01644

(73) **KUBOTA CORPORATION (JP)**

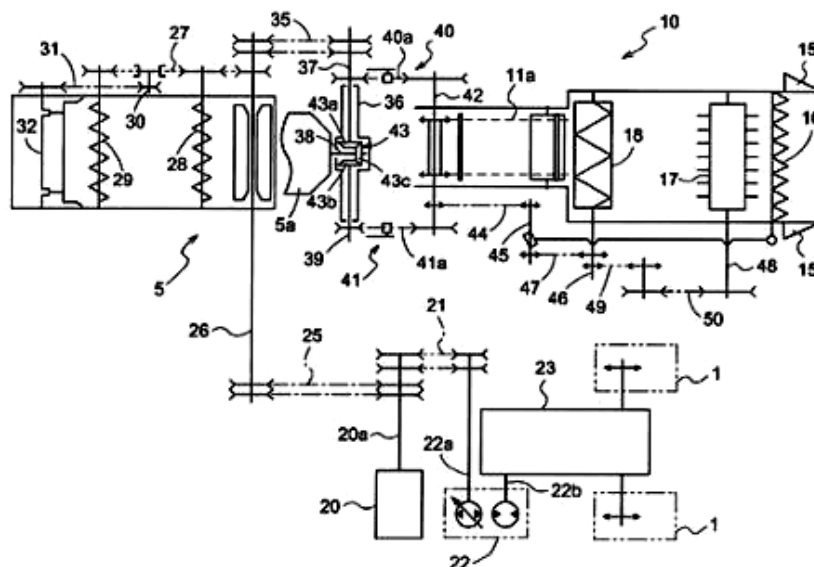
2-47, Shikitsuhigashi 1-chome, Naniwa-ku, Osaka-shi, Osaka 5568601, Japan

(72) FUKUOKA Yoshitake (JP); BUNNO Yuichi (JP); TANAKA Yuji (JP); AIDA Hiroshi (JP); OKUDA Shiro (JP); SEGAWA Takuji (JP); FURUNO Fumio (JP); HAYASHI Shigeyuki (JP); ASAKURA Sadao (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP**

(57) Sáng chế đề cập đến máy gặt đập liên hợp, trong đó thiết bị đập (5), động cơ (20) và phần dẫn động (3) được lắp trên thân xe di chuyển của máy gặt đập liên hợp; bộ phận gặt (10) gồm có bộ tiếp liệu (11) để cấp các cọng lúa đã gặt tới thiết bị đập (5), và trực tiếp động để gặt (42) được định hướng theo hướng phải/trái để dẫn động bộ tiếp liệu (11); trực tiếp động (37) được định hướng phải và trái tương ứng với thân xe di chuyển để truyền lực dẫn động từ đó tới trực tiếp động để gặt (42); trục phát động của trống đập (38) được định hướng về trước và sau tương ứng với thân xe di chuyển để nhận lực dẫn động từ trực tiếp động (37) qua cơ cấu bánh răng xiên (43); trực tiếp động (37) được bố trí ở mức cao hơn tương ứng với trục phụ ở phía trước của trống đập (5a); và cơ cấu truyền động (35) để truyền lực dẫn động từ trục phụ tới trực tiếp động (37) được bố trí ở phía ngoài sang hai bên hơn cơ cấu truyền động (35) để truyền lực dẫn động từ trực tiếp động (37) tới trực tiếp động để gặt (42).

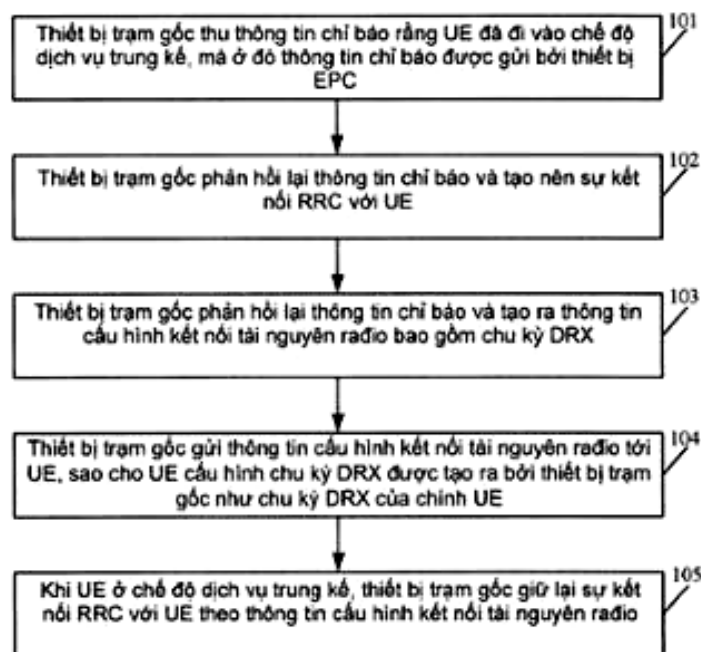


- (11) **1-0024320 B** (15) 28/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
(21) 1-2015-02513 (85) 09/07/2015
(22) 06/12/2013 (86) PCT/JP2013/082784 06/12/2013
(30) 2012-271283 12/12/2012 JP (87) WO2014/092009A1 19/06/2014
(51) **A23C 19/082; A01J 25/00**
(73) **MEGMILK SNOW BRAND Co., Ltd.** (JP)
1-1, Naebocho 6-chome, Higashi-ku, Sapporo-shi, Hokkaido 065-0043 Japan
(72) TERAUCHI, Tomoko (JP); YAKABE, Atsushi (JP); TATSUNO, Tetsuya (JP);
OKUMA, Akiko (JP); KOIZUMI, Shoichi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **THỰC PHẨM TỪ PHO MÁT VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THỰC PHẨM NÀY**

(57) Sáng chế đề xuất thực phẩm từ pho mát có độ mềm dẻo tốt, độ chịu nhiệt cao thích hợp để sản xuất bánh kẹo hoặc bánh mỳ, và phương pháp sản xuất thực phẩm từ pho mát này. Thực phẩm từ pho mát này chứa 2,0 đến 10,0% trọng lượng tinh bột sắn đã qua xử lý và 15 đến 70% trọng lượng pho mát dạng nguyên liệu thô và có độ pH nằm trong khoảng từ 4,5 đến 6,5, hàm lượng nước bằng hoặc nhỏ hơn 55%, tỷ lệ chất béo trong sữa/protein trong sữa bằng hoặc lớn hơn 3,0. Thực phẩm từ pho mát này có độ mềm dẻo và mùi vị sánh được với độ mềm dẻo và mùi vị của pho mát chế biến trong khoảng nhiệt độ rộng, và độ mềm dẻo tuyệt vời ngay cả sau khi được gia nhiệt và làm lạnh. Thực phẩm từ pho mát này cũng có độ chịu nhiệt cao thích hợp để sản xuất bánh kẹo hoặc bánh mỳ.

- (11) **1-0024321 B** (15) 28/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2015 327A
- (21) 1-2015-01347 (85) 17/04/2015
- (22) 17/09/2013 (86) PCT/CN2013/083655 17/09/2013
- (30) 201210344096.4 17/09/2012 CN (87) WO2014/040573A1 20/03/2014
- (51) **H04W 4/10**
- (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang Shenzhen, Guangdong 518129, China
- (72) ZHANG, Lixue (CN); XIONG, Xin (CN); LIU, Weihua (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP TẠO CẤU HÌNH SỰ THU GIÁN ĐOẠN KHI THIẾT LẬP DỊCH VỤ TRUNG KẾ, THIẾT BỊ TRẠM GỐC VÀ THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tạo cấu hình sự thu gián đoạn khi thiết lập dịch vụ trung kế, thiết bị trạm gốc và thiết bị người dùng. Phương pháp bao gồm các bước: thu, bởi thiết bị trạm gốc thông tin chỉ báo rằng thiết bị người dùng đã đi vào chế độ dịch vụ trung kế, mà ở đó thông tin chỉ báo được gửi bởi thiết bị mạng lõi gói cải tiến; phản hồi, bởi thiết bị trạm gốc, lại thông tin chỉ báo, và tạo nên kết nối điều khiển tài nguyên radio với thiết bị người dùng; phản hồi, bởi thiết bị trạm gốc, lại thông tin chỉ báo, và tạo ra thông tin cấu hình kết nối tài nguyên radio bao gồm chu kỳ thu gián đoạn; gửi, bởi thiết bị trạm gốc, thông tin cấu hình kết nối tài nguyên radio tới thiết bị người dùng, sao cho thiết bị người dùng tạo cấu hình chu kỳ thu gián đoạn như chu kỳ thu gián đoạn của chính thiết bị người dùng; và khi thiết bị người dùng ở chế độ dịch vụ trung kế, lưu giữ, bởi thiết bị trạm gốc, kết nối điều khiển tài nguyên radio với thiết bị người dùng theo thông tin cấu hình kết nối tài nguyên radio. Theo sáng chế, độ trễ để thiết lập dịch vụ trung kế có thể được giảm đáng kể, và việc thiết lập nhanh chóng của dịch vụ trung kế được đảm bảo.



- (11) **1-0024322 B** (15) 28/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2018 360A
(21) 1-2017-04410 (85) 26/04/2014
(22) 28/09/2012 (86) PCT/JP2012/075223 28/09/2012
(30) 2011-212472 28/09/2011 JP (87) WO2013/047826A1 04/04/2013
2012-040526 27/02/2012 JP
2012-041719 28/02/2012 JP
2012-065567 22/03/2012 JP
2012-148703 02/07/2012 JP
(51) **A61K 8/49; A61Q 11/00; A61K 8/64; A61K 8/21**
(62) 1-2014-01373
(73) **LION CORPORATION (JP)**
3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo 130-8644, Japan
(72) INOUE, Shimako (JP); FUJIKAWA, Haruhiko (JP); ASAKUMA, Hiroki (JP);
ONIKI, Takayuki (JP); FUKUDA, Yasushi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **CHẾ PHẨM VÀ THUỐC DÙNG THEO ĐƯỜNG MIỆNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thành phần riêng lẻ, hoặc kết hợp hai hoặc nhiều thành phần có thể bộc lộ các chức năng của chế phẩm dùng theo đường miệng như chức năng ức chế bệnh sâu ngà răng, chức năng ức chế hoặc làm giảm bệnh bệnh răng quá mẫn cảm và chức năng ức chế hình thành vết ố răng hoặc loại bỏ các vết ố răng. Sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng theo đường miệng bao gồm thành phần (A) là hợp chất có một hoặc nhiều khung lactam được lựa chọn từ nhóm bao gồm khung γ -lactam, khung δ -lactam và khung ϵ -lactam và có nhóm axit và/hoặc muối của nó.

- (11) **1-0024323 B** (15) 28/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2018 360A
(21) 1-2017-04411 (85) 26/04/2014
(22) 28/09/2012 (86) PCT/JP2012/075223 28/09/2012
(30) 2011-212472 28/09/2011 JP (87) WO2013/047826A1 04/04/2013
2012-040526 27/02/2012 JP
2012-041719 28/02/2012 JP
2012-065567 22/03/2012 JP
2012-148703 02/07/2012 JP
(51) **A61K 8/49; A61Q 11/00; A61K 8/64; A61K 8/21**
(62) 1-2017-01373
(73) **LION CORPORATION (JP)**
3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo 130-8644, Japan
(72) INOUE, Shimako (JP); FUJIKAWA, Haruhiko (JP); ASAKUMA, Hiroki (JP);
ONIKI, Takayuki (JP); FUKUDA, Yasushi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **CHẾ PHẨM VÀ THUỐC DÙNG THEO ĐƯỜNG MIỆNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thành phần riêng lẻ, hoặc kết hợp hai hoặc nhiều thành phần có thể bộc lộ các chức năng của chế phẩm dùng theo đường miệng như chức năng ức chế bệnh sâu ngà răng, chức năng ức chế hoặc làm giảm bệnh bệnh răng quá mẫn cảm và chức năng ức chế hình thành vết ố răng hoặc loại bỏ các vết ố răng. Sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng theo đường miệng bao gồm thành phần (A) là hợp chất có một hoặc nhiều khung lactam được lựa chọn từ nhóm bao gồm khung γ -lactam, khung δ -lactam và khung ϵ -lactam và có nhóm axit và/hoặc muối của nó.

- (11) **1-0024324 B** (15) 28/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 30/01/2012 286A
(21) 1-2011-02062 (85) 08/08/2011
(22) 06/01/2010 (86) PCT/CN2010/070038 06/01/2010
(30) 200910000087.1 07/01/2009 CN (87) WO2010/078842 15/07/2010
(51) **C12N 9/12; A61K 48/00; A61P 3/10; C12N 15/63; C12N 15/86; A61K 38/45; C12N 15/54**
(73) **YIYUAN (SHENZHEN) BIOTECH LIMITED (CN)**
RM 202, Building A1, 140 Jinye Blvd, Kuiyong Subdistrict, Dapeng District,
Shenzhen, Guangdong province 518000, China
(72) HUANG Haidong (CN)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **GEN MÃ HÓA THỂ ĐỘT BIẾN GLUCOKINAZA CỦA NGƯỜI, THỂ ĐỘT BIẾN GLUCOKINAZA CỦA NGƯỜI, VECTƠ TÁI TỔ HỢP, VẬT CHỦ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA THỂ ĐỘT BIẾN GLUCOKINAZA CỦA NGƯỜI VÀ VECTƠ TÁI TỔ HỢP NÀY**

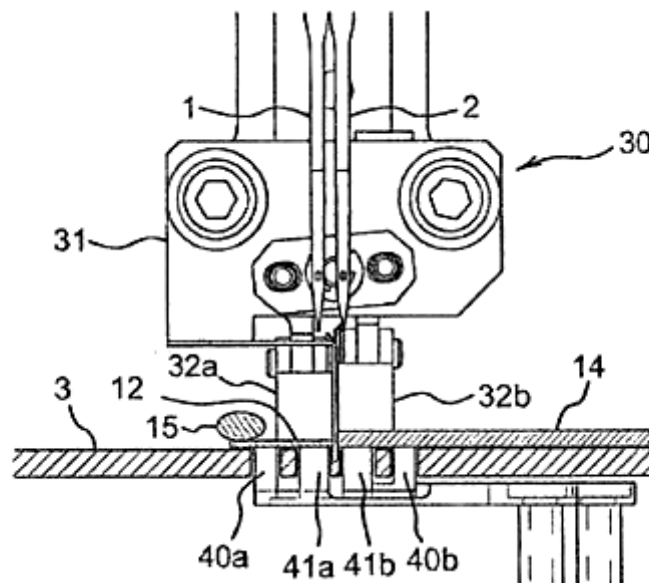
(57) Sáng chế đề cập đến gen mã hóa thể đột biến glucokinaza của người. Gen này có trình tự nucleotit được chọn từ trình tự nucleotit nêu trong SEQ ID NO: 2 và trình tự nucleotit trong đó vùng ORF mã hóa cùng trình tự axit amin như trình tự được mã hóa bởi vùng ORF (từ vị trí 487 đến 1884) có trình tự nêu trong SEQ ID NO: 2 và vùng còn lại giống như vùng không ORF có trình tự nêu trong SEQ ID NO: 2. Sáng chế cũng đề cập đến thể đột biến glucokinaza của người được mã hóa bởi gen, vectơ tái tổ hợp mang gen, vật chủ chứa vectơ, dược phẩm chứa chúng, ứng dụng chúng trong phương pháp điều trị và ngăn ngừa bệnh. Thể đột biến glucokinaza của người được mã hóa bởi gen có hoạt tính cao hơn so với hoạt tính của glucokinaza dạng đại của người, và do đó tạo ra phương pháp mới để kiểm soát mức glucoza huyết hoặc ngăn ngừa và điều trị chứng rối loạn chuyển hóa cacbon hydrat, đặc biệt là ngăn ngừa và điều trị bệnh đái tháo đường.

- (11) **1-0024325 B** (15) 28/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
(21) 1-2012-01625
(22) 11/06/2012
(30) 2011-238209 31/10/2011 JP
(51) **C21C 7/00; C21C 7/10; B22D 11/16**
(73) **JFE STEEL CORPORATION (JP)**
2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan
(72) Shingo OKAMOTO (JP); Toru INOUE (JP); Noriohika ARAMAKI (JP); Masanori NISHIKORI (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THÉP**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất thép mà ngăn chặn được dòng chảy ra của xỉ vào gàu chuyên từ gàu rót nhờ sự hóa rắn xỉ một cách thích hợp trong gàu rót và tăng cường hơn nữa độ sạch của thép nóng chảy so với giải pháp kỹ thuật đã biết trước sáng chế, do đó tạo ra các tấm thép mỹ mãn về độ sạch với các lượng các tạp chất ở dạng vết ngay cả trong điều kiện đúc tốc độ cao. Thép nóng chảy được tháo vào gàu rót từ lò thổi ở trạng thái chưa khử oxy. Sau khi tháo thép nóng chảy, kim loại Al hoặc xỉ Al được bổ sung vào xỉ trong gàu rót và sau đó nguồn MgO chứa hydroxit và carbonat được bổ sung vào xỉ, nhờ đó khử các oxit dễ khử trong xỉ và điều chỉnh hàm lượng MgO trong xỉ đến mức từ 6 đến 15% khối lượng.

- (11) **1-0024326 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
 (21) 1-2016-00900
 (22) 11/03/2016
 (30) JP2015-049879 12/03/2015 JP
 (51) **D05B 93/00; D05B 1/12; D05B 23/00**
 (73) 1. **YKK CORPORATION (JP)**
 1, Kandaizumi-cho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8642, Japan
 2. **GOTALIO CO., LTD. (JP)**
 17-13, Fujigaoka 2-chome, Aoba-ku, Yokohama-shi, Kanagawa 227-0043, Japan
 (72) Kazuhide FURUKAWA (JP); Hiromi HIGUCHI (JP); Haruo MATSUSHIMA (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP MAY CHẤT LIỆU VÀ SẢN PHẨM MAY**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp may chất liệu và sản phẩm may, trong đó mép dải của dải khóa kéo và mép của chất liệu chính mà dày hơn dải khóa kéo được may với nhau trong trạng thái tiếp giáp, trong đó mép dải và mép chất liệu được may với nhau bằng một chỉ suốt dưới và hai chỉ kim, hai chỉ kim này được móc với một chỉ suốt dưới để tạo thành các hàng đường may zic-zắc. Ngoài ra, dải khóa kéo và chất liệu chính lần lượt được cấp bằng các bản lùa mà được đặt ở các tốc độ cấp khác nhau, trong khi các chất liệu thứ nhất và thứ hai này được ép với lực ép bằng nhau.



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024327 B | | (15) 28/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2015 | 330A |
| (21) 1-2015-01906 | | (85) 29/05/2015 | |
| (22) 13/11/2012 | | (86) PCT/CN2012/084506 | 13/11/2012 |
| | | (87) WO2014/075210 | 22/05/2014 |

(51) **H04W 16/26**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

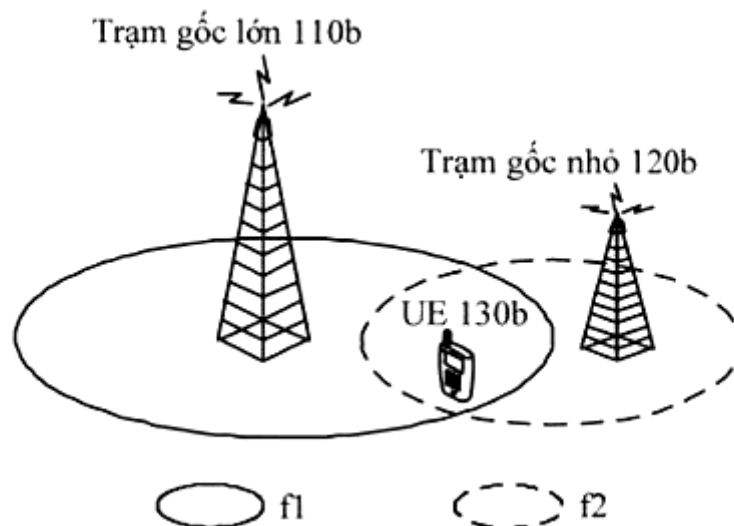
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) ZHANG, Jian (CN); ZENG, Qinghai (CN); HUANG, Qufang (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

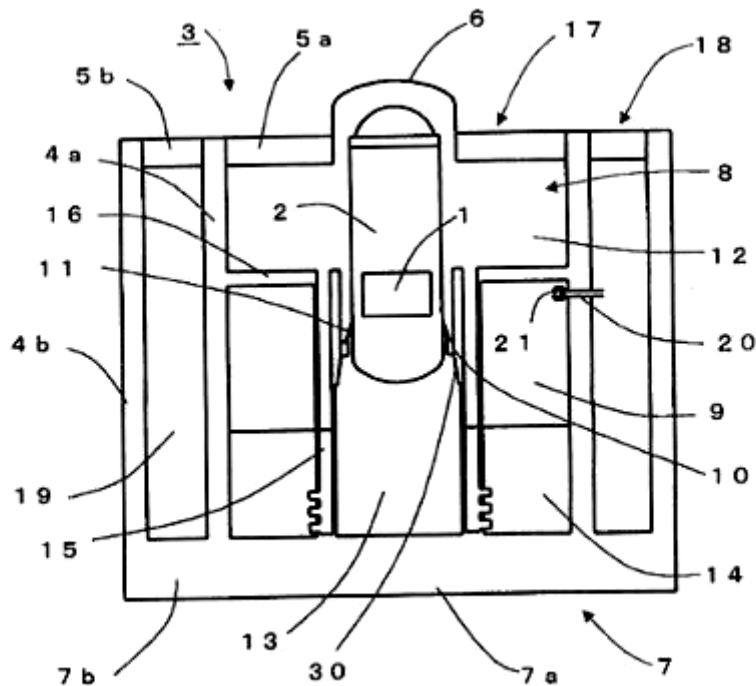
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN DỮ LIỆU**

- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị truyền dữ liệu. Phương pháp này bao gồm các bước: tạo ra, bởi trạm gốc thứ nhất, các RLC PDU (Radio Link Control Protocol Data Unit - khối dữ liệu giao thức điều khiển liên kết vô tuyến) đường xuống; và gửi, bởi trạm gốc thứ nhất, phần thứ nhất của các RLC PDU đường xuống trong các RLC PDU đường xuống này đến thiết bị người dùng (UE), và gửi phần thứ hai của các RLC PDU đường xuống trong các RLC PDU đường xuống này đến trạm gốc thứ hai, sao cho trạm gốc thứ hai này gửi phần thứ hai của các RLC PDU đường xuống này đến UE. Theo các phương án của sáng chế, trạm gốc thứ nhất gửi phần thứ nhất của các RLC PDU đường xuống trong các RLC PDU đường xuống đến UE, và gửi phần thứ hai của các RLC PDU đường xuống trong các RLC PDU đường xuống đến trạm gốc thứ hai, và trạm gốc thứ hai gửi phần thứ hai của các RLC PDU đường xuống đến UE, nên trạm gốc thứ nhất và trạm gốc thứ hai có thể cùng nhau gửi dữ liệu đến UE, nhờ đó cải thiện tốc độ đỉnh và thông lượng của UE.



- | | | | |
|--|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024328 B | | (15) 28/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2013 | 307A |
| (21) 1-2013-01920 | | (85) 21/06/2013 | |
| (22) 14/09/2011 | | (86) PCT/JP2011/005182 | 14/09/2011 |
| (30) 2010-264968 | 29/11/2010 JP | (87) WO2012/073411A1 | 07/06/2012 |
| (51) G21C 9/00; G21C 13/00 | | | |
| (73) KABUSHIKI KAISHA TOSHIBA (JP) | | | |
| | 1-1, Shibaura 1-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan | | |
| (72) SATO, Takashi (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD) | | | |
| (54) THÙNG LÒ VÀ NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến thùng lò và nhà máy điện hạt nhân. Thùng lò (3) có vỏ trong (17) bao bọc thùng lò áp lực (2), và cũng có vỏ ngoài (18) tạo thành giếng ngoài (19) là không gian kín khí bao bọc bên ngoài theo chiều ngang của vỏ trong (17). Vỏ trong (17) có thành bên hình trụ thứ nhất (4a) bao quanh bên theo chiều ngang của thùng lò áp lực (2), đầu thùng lò (6) che phủ phần trên của thùng lò áp lực (2), và tấm trên thứ nhất (5a) nối theo kiểu kín khí bên của đầu thùng lò (6) và đầu trên của thành bên hình trụ thứ nhất (4a). Vỏ ngoài (18) có thành bên hình trụ thứ hai (4b) bao quanh bên ngoài của thành bên hình trụ thứ nhất (4a), và cũng có tấm trên thứ hai (5b) nối theo kiểu kín khí vùng lân cận của đầu trên của thành bên hình trụ thứ hai (4b) và thành bên hình trụ thứ nhất (4a). Khi xảy ra sự cố của lò phản ứng hạt nhân, có thể ngăn được việc các hạt nguyên liệu phóng xạ thoát ra vào môi trường và áp suất trong thùng lò có thể được giới hạn ở áp suất thiết kế hoặc thấp hơn, mà không phụ thuộc vào nguồn điện bên ngoài.



- | | | | |
|-------------------------|-------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024329 B | | (15) 28/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/06/2016 | 339A |
| (21) 1-2016-01296 | | (85) 11/04/2016 | |
| (22) 05/09/2014 | | (86) PCT/JP2014/073547 | 05/09/2014 |
| (30) 2013-191134 | 13/09/2013 | JP (87) WO2015/037540A1 | 19/03/2015 |
| | 2014-134407 | 30/06/2014 | JP |

(51) **A43B 23/02; D04B 1/22; A43D 21/00**

(73) **SHIMA SEIKI MFG., LTD. (JP)**

85, Sakata, Wakayama-shi, Wakayama 641-8511 Japan

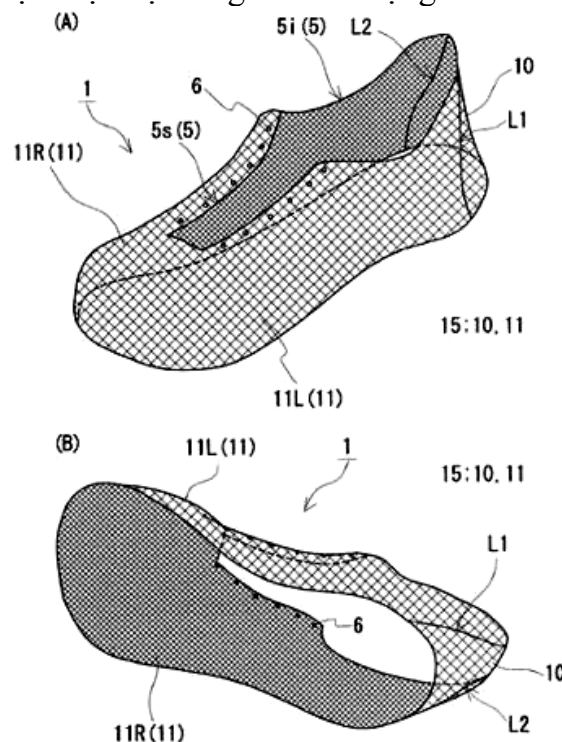
(72) UCHIKAWA, Yoshihisa (JP); IKENAKA, Masamitsu (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

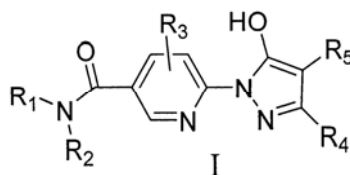
(54) **PHẦN PHỦ MU BÀN CHÂN VÀ PHƯƠNG PHÁP DỆT PHẦN PHỦ MU BÀN CHÂN NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến phần phủ mu bàn chân được dệt thành hình dạng ba chiều trước, và phương pháp dệt phần phủ mu bàn chân.

Phần phủ mu bàn chân (1), là một bộ phận của mũ giày tạo thành giày, là tấm vải được dệt liền mạch bằng cách sử dụng máy dệt phẳng bao gồm ít nhất hai đế kim phía trước và phía sau, phần phủ mu bàn chân (1) che một phần ở phía mu bàn chân của người mang. Giả định là trong phần phủ mu bàn chân (1), phần mà che vùng từ gần nối bắp chân với gót chân đến gót của người mang là phần che gót chân (10), và phần không bao gồm phần che gót chân (10) là phần thân (11), mũi dệt ở gần đầu theo hướng chiều rộng dệt của phần che gót chân (10) và mũi dệt ở đầu theo hướng chiều dọc của phần thân (11) được liên kết ở vị trí của các đường ranh giới L1, L2 của phần che gót chân (10) và phần thân (11) để tạo thành phần phủ mu bàn chân (1) dưới dạng ba chiều; và ít nhất một phần của phần phủ mu bàn chân (1) được tạo thành bởi kết cấu dệt được dệt bằng cách sử dụng các đế kim phía trước và phía sau.



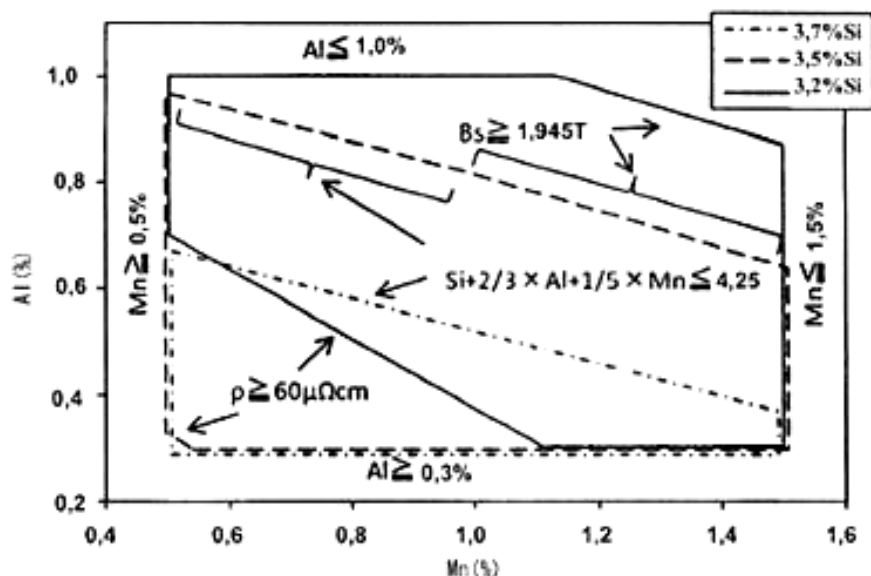
- (11) **1-0024330 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
 (21) 1-2015-04040 (85) 21/10/2015
 (22) 26/03/2014 (86) PCT/US2014/031918 26/03/2014
 (30) 61/806,806 29/03/2013 US (87) WO2014/160810 02/10/2014
 61/916,715 16/12/2013 US
 (51) **C07D 401/14; C07D 491/10; A61K 31/4436; A61K 31/4439; A61K 31/4545; A61K 31/496; C07D 401/04; C07D 405/14; C07D 413/14; C07D 417/14; C07D 471/08; C07D 487/06; C07D 487/10; A61K 31/443; A61K 31/4433**
 (73) **TAKEDA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED (JP)**
 1-1 Doshomachi 4-chome, Chuo-Ku, Osaka-shi, Osaka 541-0045, Japan
 (72) BROWN, Jason, W. (US); DAVIS, Melinda (US); IVETAC, Anthony (GB); JONES, Benjamin (US); KIRYANOV, Andre, A. (US); KUEHLER, Jon (US); LANIER, Marion (US); MIURA, Joanne (US); MURPHY, Sean (US); WANG, Xiaolun (US)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **HỢP CHẤT 6-(5-HYDROXY-1H-PYRAZOL-1-YL)NICOTINAMIT LÀM CHẤT ỨC CHẾ PROLYL HYDROXYLAZA (PHD) VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất có công thức:



Hợp chất này hữu ích làm chất ức chế PHD. Hợp chất này cũng hữu ích để điều trị tình trạng bệnh đi kèm với tác nhân cảm giảm oxy-huyết (Hypoxia Inducible Factor - HIF). Ngoài ra, sáng chế còn đề xuất dược phẩm chứa hợp chất này.

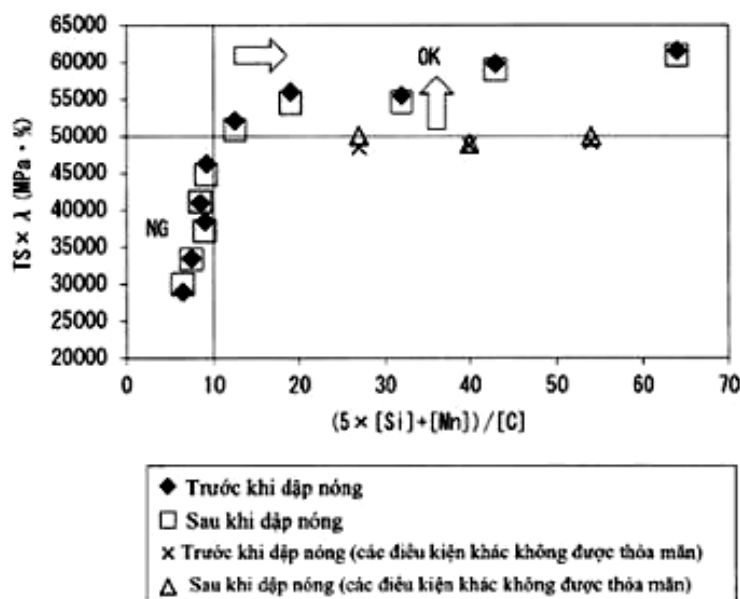
- (11) **1-0024331 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2014-00874 (85) 19/03/2014
 (22) 27/03/2013 (86) PCT/JP2013/058999 27/03/2013
 (30) 2012-075258 29/03/2012 JP (87) WO2013/146879A1 03/10/2013
 (51) **C21D 8/12; C22C 38/02; C22C 38/04; C22C 38/06; H01F 41/02; C22C 38/14; H01F 1/147; H01F 1/16; H01F 1/18; H01F 3/02; C22C 38/00; C22C 38/08**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) NATORI Yoshiaki (JP); MURAKAMI Kenichi (JP); WAKISAKA Takeaki (JP); MOGI Hisashi (JP); MATSUMOTO Takuya (JP); SHONO Tomoji (JP); TAKASE Tatsuya (JP); TAKAOBUSHI Junichi (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **TẤM THÉP KỸ THUẬT ĐIỆN KHÔNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM THÉP KỸ THUẬT ĐIỆN KHÔNG ĐỊNH HƯỚNG NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm thép kỹ thuật điện không định hướng, tấm thép này chứa các nguyên tố sau, tính theo % khối lượng: C: không nhỏ hơn 0,0001% và không lớn hơn 0,0040%, Si: lớn hơn 3,0% và không lớn hơn 3,7%, sol.Al: không nhỏ hơn 0,3% và không lớn hơn 1,0%, Mn: không nhỏ hơn 0,5% và không lớn hơn 1,5%, Sn: không nhỏ hơn 0,005% và không lớn hơn 0,1%, Ti: không nhỏ hơn 0,0001% và không lớn hơn 0,0030%, S: không nhỏ hơn 0,0001% và không lớn hơn 0,0020%, N: không nhỏ hơn 0,0001% và không lớn hơn 0,003%, Ni: không nhỏ hơn 0,001% và không lớn hơn 0,2%, P: không nhỏ hơn 0,005% và không lớn hơn 0,05%, lượng còn lại chỉ gồm có Fe và các tạp chất, trong đó điện trở suất ρ ở nhiệt độ phòng $\geq 60 \mu\Omega\text{cm}$, và mật độ từ thông bão hòa Bs ở nhiệt độ phòng $\geq 1,945\text{T}$ được thiết lập, và các thành phần được chứa thỏa mãn $3,5 \leq \text{Si} + (2/3) \times \text{sol.Al} + (1/5) \times \text{Mn} \leq 4,25$. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất tấm thép kỹ thuật điện không định hướng.



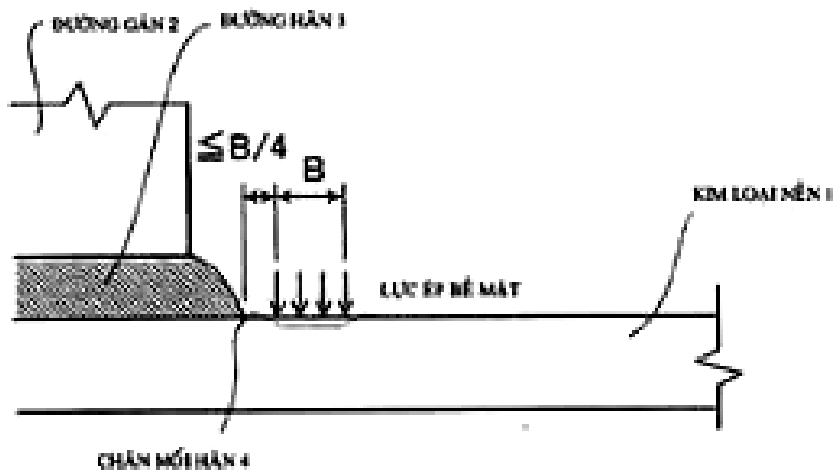
- (11) **1-0024332 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
 (21) 1-2014-02363 (85) 17/07/2014
 (22) 11/01/2013 (86) PCT/JP2013/050382 11/01/2013
 (30) 2012-004551 13/01/2012 JP (87) WO2013/105632A1 18/07/2013
 (51) **C22C 38/00; C25D 5/36; C22C 38/02; C22C 38/04; C22C 38/06; C22C 38/08; C22C 38/12; C22C 38/14; C22C 38/16; C22C 38/18; C22C 38/22; C22C 38/28; C22C 38/32; C23C 2/02; C23C 2/06; C23C 2/12; C23C 2/26; C23C 2/28; C21D 8/02; C21D 9/46**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) NONAKA Toshiki (JP); KATO Satoshi (JP); KAWASAKI Kaoru (JP); TOMOKIYO Toshimasa (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **TẤM THÉP CÁN NGUỘI VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM THÉP CÁN NGUỘI NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm thép cán nguội và phương pháp sản xuất tấm thép này, trong đó khi hàm lượng C, Si và Mn lần lượt được thể hiện bởi [C], [Si] và [Mn], tính theo đơn vị % khối lượng, tấm thép cán nguội thỏa mãn mối tương quan $(5 \times [\text{Si}] + [\text{Mn}]) / [\text{C}] > 10$, cấu trúc kim tương chứa: ferit với lượng nằm trong khoảng từ 40% đến 90% và mactensit với lượng nằm trong khoảng từ 10% đến 60%, tính theo tỷ lệ diện tích, còn chứa một hoặc nhiều hợp chất trong số: peclit với lượng bằng 10% hoặc nhỏ hơn, tính theo tỷ lệ diện tích, austenit dư với lượng bằng 5% hoặc nhỏ hơn, tính theo tỷ lệ thể tích và bainit với lượng bằng 20% hoặc nhỏ hơn, tính theo tỷ lệ diện tích, độ cứng của mactensit được đo bằng cách sử dụng thiết bị đo độ cứng hệ nano thỏa mãn $H_{20}/H_{10} < 1,10$ và $\sigma_{HM0} < 20$, và $TS \times \lambda$, thể hiện tích số của độ bền kéo TS và tỷ số nong rộng lỗ λ bằng 50000 MPa·% hoặc lớn hơn.



- (11) **1-0024333 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2013 304A
 (21) 1-2012-01623
 (22) 11/06/2012
 (30) 2012-000998 06/01/2012 JP
 (51) **B23K 31/00; C21D 7/04**
 (73) **JFE STEEL CORPORATION (JP)**
 2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan
 (72) Katsuyoshi NAKANISHI (JP); Makoto DOI (JP); Yasushi MORIKAGE (JP);
 Hajime TOMO (JP); Jun OKADA (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐỘ BỀN MỎI CỦA PHẦN HÀN VÀ MÔI HÀN**

- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp tăng cường độ bền mỏi của phần hàn trong đó việc rèn bằng búa được sử dụng và độ bền mỏi của phần hàn trong các kết cấu thép như cầu thép có thể được tăng cường bằng cách đưa ứng suất dư chịu nén vào phần hàn mà không truyền sự biến dạng làm phát sinh vùng tập trung ứng suất mới. Cụ thể hơn là, một phần của bề mặt kim loại nền được bố trí cách chân mối hàn được biến dạng dẻo bằng cách gõ búa vuông góc với bề mặt của kim loại nền bởi búa đục có mặt gõ búa phẳng được vát, tốt hơn là, trong trạng thái trong đó việc gõ búa được thực hiện bằng cách di chuyển dần búa đục từ phía lân cận chân mối hàn ra phía ngoài sao cho các phần của các vùng bị biến dạng dẻo chồng lên nhau.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024334 B | | (15) 28/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/04/2015 | 325A |
| (21) 1-2014-04238 | | (85) 19/12/2014 | |
| (22) 03/05/2013 | | (86) PCT/CN2013/075115 | 03/05/2013 |
| (30) 201210173581.X | 30/05/2012 CN | (87) WO2013/178003 | 05/12/2013 |

(51) **H04W 36/08**

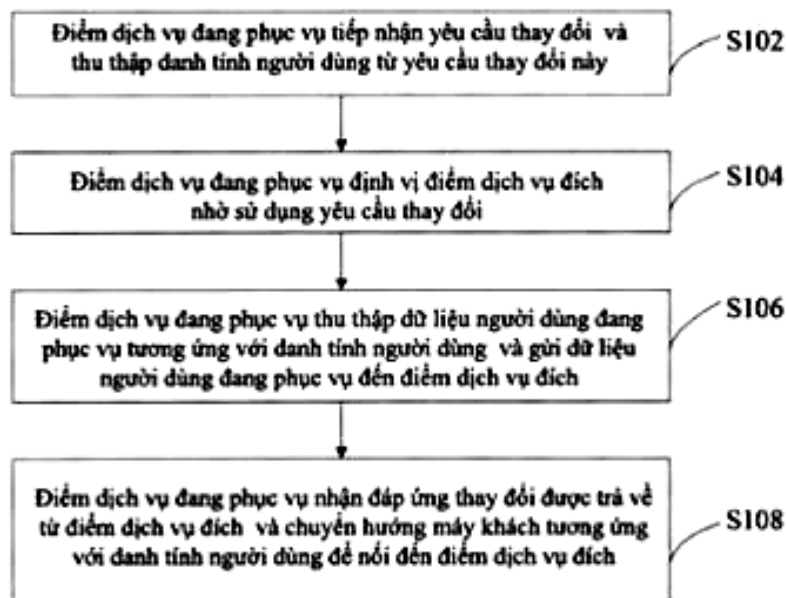
(73) **TENCENT TECHNOLOGY (SHENZHEN) COMPANY LIMITED (CN)**
 Room 403, East Block 2, SEG Park, Zhenxing Road, Futian District, Shenzhen,
 Guangdong 518044, P.R. China

(72) DING, Xiaocheng (CN)

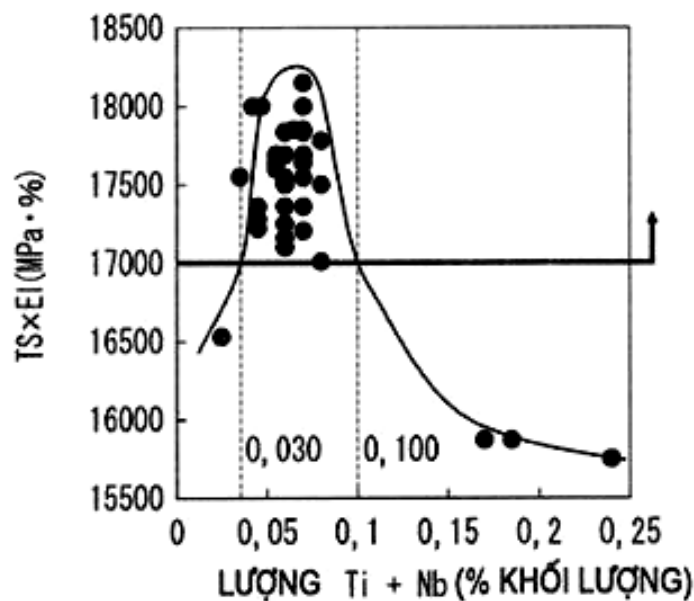
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG ĐỂ THAY ĐỔI CÁC ĐIỂM DỊCH VỤ**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp để thay đổi các điểm dịch vụ. Theo phương pháp này, điểm dịch vụ đang phục vụ sẽ tiếp nhận yêu cầu thay đổi, và thu thập danh tính người dùng từ yêu cầu thay đổi này; định vị điểm dịch vụ đích nhờ sử dụng yêu cầu thay đổi này; thu thập dữ liệu người dùng đang phục vụ tương ứng với danh tính người dùng, gửi dữ liệu người dùng đang phục vụ đến điểm dịch vụ đích; nhận đáp ứng thay đổi được trả về từ điểm dịch vụ đích, và chuyển hướng máy khách tương ứng với danh tính người dùng để nối với điểm dịch vụ đích. Sáng chế còn đề xuất hệ thống để thay đổi các điểm dịch vụ. Phương pháp và hệ thống nêu trên có thể cho phép thay đổi các điểm dịch vụ trong thời gian thực.



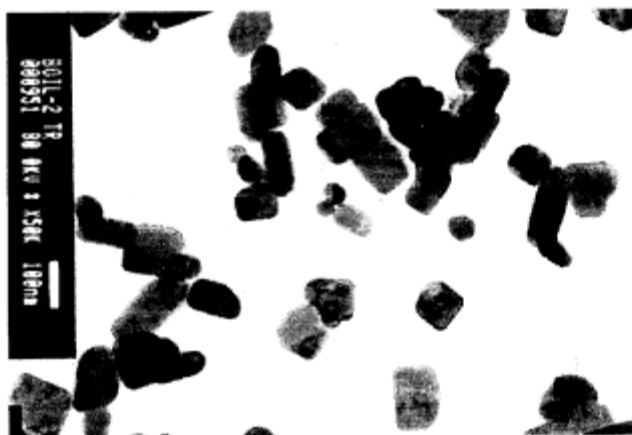
- (11) **1-0024335 B** (15) 28/05/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2014 320A
- (21) 1-2014-02828 (85) 22/08/2014
- (22) 07/02/2013 (86) PCT/JP2013/052836 07/02/2013
- (30) 2012-032591 17/02/2012 JP (87) WO2013/121963A1 22/08/2013
- (51) **C21D 8/02; C22C 38/00; C22C 38/02; C22C 38/04; C22C 38/06; C22C 38/08; C22C 38/12; C22C 38/14; C22C 38/16; C22C 38/18; C22C 38/22; C22C 38/26; C22C 38/28; C22C 38/32; C22C 38/44; C22C 38/48; C22C 38/50; C23C 2/02; C23C 2/06; C23C 2/28; C21D 9/46**
- (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
- (72) TANAKA Hiroyuki (JP); HAYASHI Kunio (JP); OGAWA Toshio (JP); GOTO Koichi (JP); NAKANO Kazuaki (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **TẤM THÉP, TẤM THÉP ĐƯỢC MẠ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CÁC TẤM THÉP NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến tấm thép bao gồm, theo % khối lượng: C: 0,020% tới 0,080%; Si: 0,01% tới 0,10%; Mn: 0,80% tới 1,80%; và Al: hơn 0,10% và nhỏ hơn 0,40%; và còn bao gồm: Nb: 0,005% tới 0,095%; và Ti: 0,005% tới 0,095%, trong đó tổng lượng Nb và Ti là 0,030% tới 0,100%, và tấm thép này bao gồm, cấu trúc kim tương là ferrit, bainit, và các pha khác, tỷ lệ diện tích của ferrit là 80% tới 95%, tỷ lệ diện tích của bainit là 5% tới 20%, tổng diện tích các pha khác là nhỏ hơn 3%, độ bền kéo là 590 MPa hoặc lớn hơn, và tỉ số độ bền mỏi là độ bền mỏi so với độ bền kéo là 0,45 hoặc lớn hơn.



- | | | | |
|--|---|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024336 B | | (15) 28/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2013 | 309A |
| (21) 1-2013-02468 | | (85) 05/08/2013 | |
| (22) 23/03/2012 | | (86) PCT/US2012/030238 | 23/03/2012 |
| (30) 61/469,879 | 31/03/2011 | US | (87) WO2012/134973 |
| | 13/425,774 | 21/03/2012 | US |
| (51) <i>B01J 20/18; B01J 19/18; C07D 7/13; C01B 39/02; C01B 39/18; B01D 53/02; B01J 20/30</i> | | | |
| (73) UOP LLC (US) | | | |
| | 25 East Algonquin Road, P.O. Box 5017, Des Plaines, Illinois 60017-5017, United States of America | | |
| (72) Jack E. HURST (US); Linda S. CHENG (US) | | | |
| (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW) | | | |
| (54) CHẤT HẤP PHỤ ZEOLIT KHÔNG CÓ CHẤT KẾT DÍNH, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VÀ QUY TRÌNH TÁCH HẤP PHỤ SỬ DỤNG CHẤT HẤP PHỤ ZEOLIT NÀY | | | |

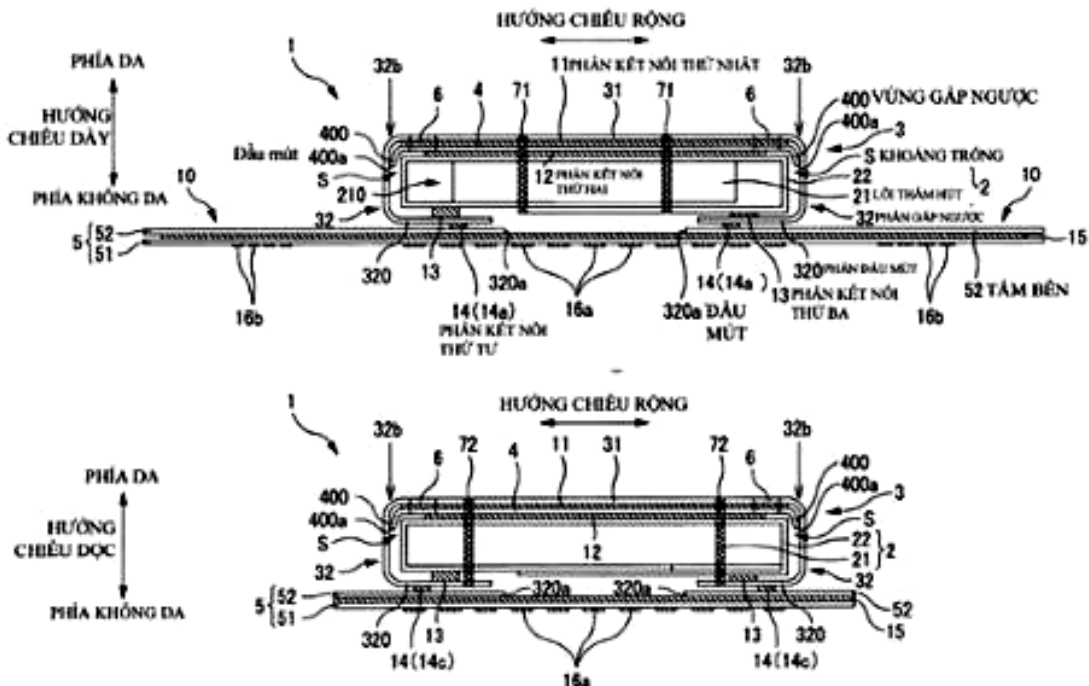
- (57) Sáng chế đề cập đến chất hấp phụ zeolit BaKX không có chất kết dính, phương pháp sản xuất chất hấp phụ zeolit BaKX và phương pháp phân tách hấp phụ sử dụng chất hấp phụ được đề xuất theo sáng chế. Chất hấp phụ bao gồm zeolit X thứ nhất có tỷ lệ mol silic oxit/nhôm oxit nằm trong khoảng từ 2,0 đến 3,0; zeolit X được chuyển hóa từ chất kết dính trong đó tỷ lệ zeolit X được chuyển hóa từ chất kết dính trên zeolit X thứ nhất nằm trong khoảng từ 10:90 đến 20:80 theo trọng lượng; và bari và kali tại các vị trí có thể trao đổi cation trong chất hấp phụ zeolit BaKX không có chất kết dính. Kali nằm trong khoảng từ 0,9% trọng lượng đến 1,5% trọng lượng và bari nằm trong khoảng từ 30% trọng lượng đến 34% trọng lượng của chất hấp phụ zeolit BaKX không có chất kết dính.

FIG. 2



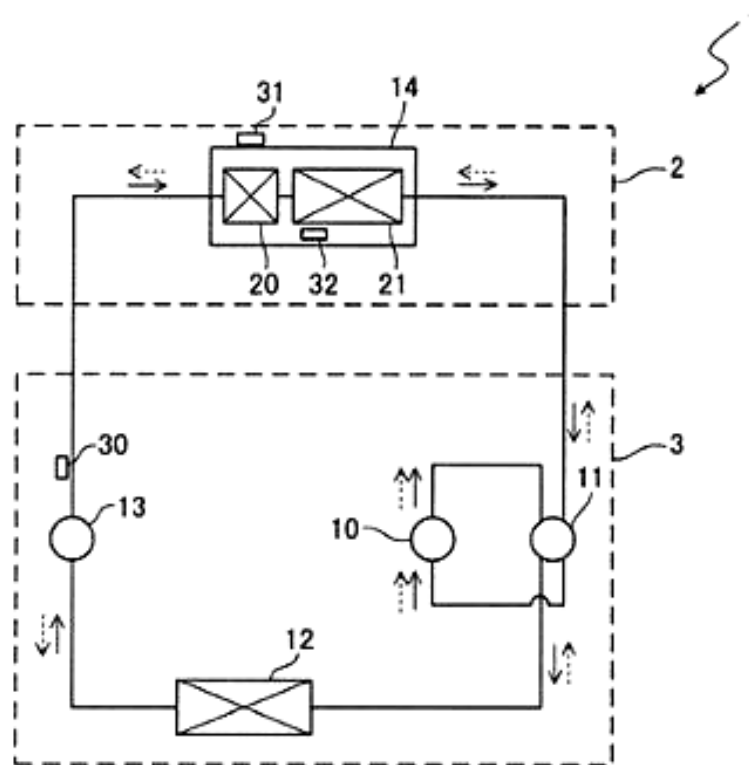
- (11) **1-0024337 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2018 360A
 (21) 1-2017-05163 (85) 20/12/2017
 (22) 19/08/2015 (86) PCT/JP2015/073220 19/08/2015
 (30) 2015-113019 03/06/2015 JP (87) WO2016/194245 08/12/2016
 (51) **A61F 13/15; A61F 13/472**
 (73) **UNICHARM CORPORATION (JP)**
 182 Kinseichoshimobun, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, JAPAN
 (72) KASHIWAGI, Masahiro (JP); MU, Qinyi (CN); JIANG, Wei (CN); SHEN, Jiping (CN)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT**

(57) Sáng chế đề cập đến băng vệ sinh (1) bao gồm: thân thấm hút (2) mà thấm hút chất lỏng; tấm trên (3) mà che phủ thân thấm hút (2) từ một phía của thân thấm hút (2) theo hướng chiều dày; và tấm dưới (5) được tạo ra ở phía khác của thân thấm hút (2) theo hướng chiều dày, tấm trên (3) bao gồm phần gấp ngược (32) đã được gấp ngược ở mỗi phía theo hướng chiều rộng, phần đầu mút (320) của phần gấp ngược (32) được nối với tấm dưới (5) với cặp các phần kết nối thứ tư (14) được căn lề theo hướng chiều rộng, phần đầu mút của phần gấp ngược được nối với tấm dưới giữa thân thấm hút (2) và tấm dưới (5) theo hướng chiều dày, mỗi cặp các phần kết nối thứ tư (14b, 14c) ở vùng trước (1b) và vùng sau (1c) được định vị ra phía ngoài theo hướng chiều rộng so với cặp các phần kết nối thứ tư (14a) ở vùng trung tâm (1a).



- (11) **1-0024338 B** (15) 28/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-03811 (85) 17/11/2014
 (22) 04/04/2013 (86) PCT/JP2013/060367 04/04/2013
 (30) 2012-093124 16/04/2012 JP (87) WO2013/157404 24/10/2013
 (51) **F24F 11/02; F24F 1/20**
 (73) **DAIKIN INDUSTRIES, LTD.** (JP)
 Umeda Center Building., 4-12, Nakazaki-nishi 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka, Japan
 (72) HAIKAWA, Tomoyuki (JP); OHNUMA, Youichi (JP); MINAMIDA, Tomoatsu (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

(57) Sáng chế đề cập đến máy điều hoà không khí (1) có bộ trao đổi nhiệt trong nhà (14) bao gồm bộ trao đổi nhiệt phụ (20) và bộ trao đổi nhiệt chính (21) được bố trí khuất gió sau bộ trao đổi nhiệt phụ (20). Trong hoạt động ở chế độ hoạt động hút ẩm định trước, chất làm lạnh dạng lỏng được cấp tới bộ trao đổi nhiệt phụ (20) bay hơi toàn bộ ở giữa chừng trong bộ trao đổi nhiệt phụ (20), tức là trước khi tới được cửa xả. Do đó, chỉ khu vực cục bộ ở phía trước trong bộ trao đổi nhiệt phụ (20) là vùng bay hơi, còn khu vực ở phía sau vùng bay hơi trong bộ trao đổi nhiệt phụ (20) là vùng quá nhiệt. Ngoài ra, cảm biến nhiệt độ bay hơi (30) phát hiện nhiệt độ bay hơi được bố trí ở phía sau van giãn nở (13) ở khối ngoài trời (3).



- | | | | | |
|-------------------|------------|----|------------------------|------------|
| (11) 1-0024339 B | | | (15) 29/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 25/10/2013 | 307A |
| (21) 1-2013-01618 | | | (85) 27/05/2013 | |
| (22) 02/12/2011 | | | (86) PCT/JP2011/077954 | 02/12/2011 |
| (30) 2010-272907 | 07/12/2010 | JP | (87) WO2012/077608A1 | 14/06/2012 |
| 2011-004392 | 12/01/2011 | JP | | |
| 2011-045651 | 02/03/2011 | JP | | |
| 2011-117558 | 26/05/2011 | JP | | |

(51) **H04N 7/26**

(73) **SONY CORPORATION (JP)**

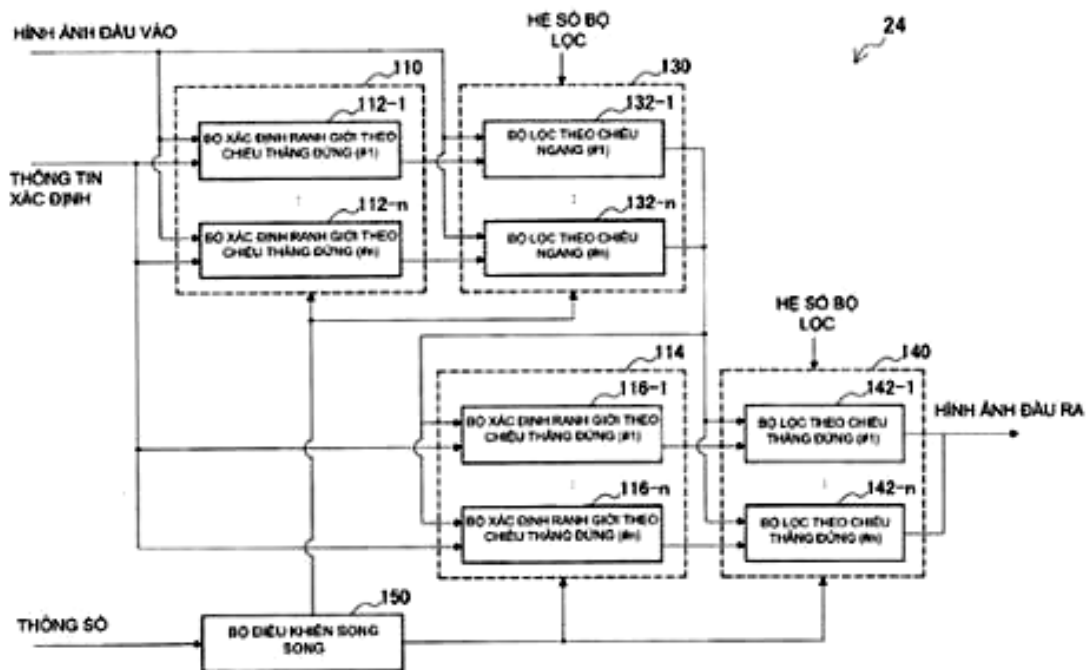
1-7-1, Konan, Minato-ku, Tokyo 108-0075, Japan

(72) IKEDA, Masaru (JP); TANAKA, Junichi (JP); MORIGAMI, Yoshitaka (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

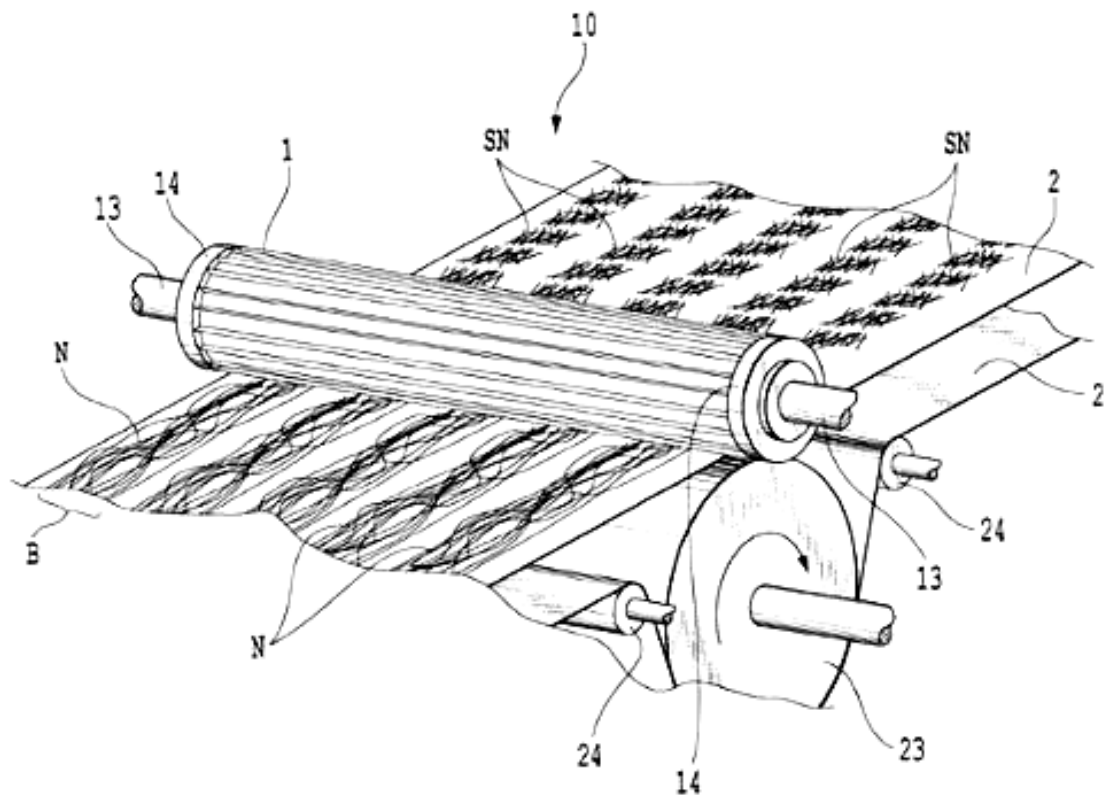
(54) **THIẾT BỊ XỬ LÝ HÌNH ẢNH VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ HÌNH ẢNH**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý hình ảnh bao gồm bộ giải mã được tạo cấu hình để giải mã hình ảnh từ dòng được mã hóa, bộ lọc theo chiều ngang được tạo cấu hình để áp dụng bộ lọc giải khối vào ranh giới khối theo chiều thẳng đứng bên trong hình ảnh được giải mã bởi bộ giải mã, bộ lọc theo chiều thẳng đứng được tạo cấu hình để áp dụng bộ lọc giải khối vào ranh giới khối theo chiều ngang bên trong hình ảnh được giải mã bởi bộ giải mã, và bộ điều khiển được tạo cấu hình để khiến cho bộ lọc theo chiều ngang lọc song song các ranh giới khối theo chiều thẳng đứng nằm trong đơn vị xử lý chứa các đơn vị mã hóa và khiến cho bộ lọc theo chiều thẳng đứng lọc song song các ranh giới khối theo chiều ngang nằm trong đơn vị xử lý.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024340 B | | (15) 29/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2013 | 309A |
| (21) 1-2013-02681 | | (85) 28/08/2013 | |
| (22) 27/01/2012 | | (86) PCT/JP2012/000543 | 27/01/2012 |
| (30) 13/016,233 | 28/01/2011 | US | (87) WO2012/102058A1 |
| | | | 02/08/2012 |
- (51) **A21C 11/10**
 (73) **NISSIN FOODS HOLDINGS CO., LTD.** (JP)
 1-1, 4-chome, Nishinakajima, Yodogawa-ku, Osaka-shi, Osaka 532-8524, Japan
 (72) IGUCHI, Yoshitaka (JP); MINAMITANI, Koshi (JP); TANAKA, Mitsuru (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP CẮT SỢI MÌ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị cắt sợi mì để cắt các sợi mì được gelatin hoá được sử dụng trong sản xuất mì ăn liền có: băng chuyền để vận chuyển ít nhất một bó sợi mì được gelatin hoá; và máy cắt quay được bố trí bên trên băng chuyền và được dùng để cắt, theo độ dài định trước, ít nhất một bó sợi mì được gelatin hoá được vận chuyển trên băng chuyền theo hướng về cơ bản nằm ngang. Máy cắt quay được tạo ra có nhiều lưỡi dao mà mở rộng cạnh nhau có trục quay theo các chiều hướng tâm quanh trục quay, nhiều lưỡi dao được đặt cách nhau theo hướng chu vi theo các khoảng định trước.

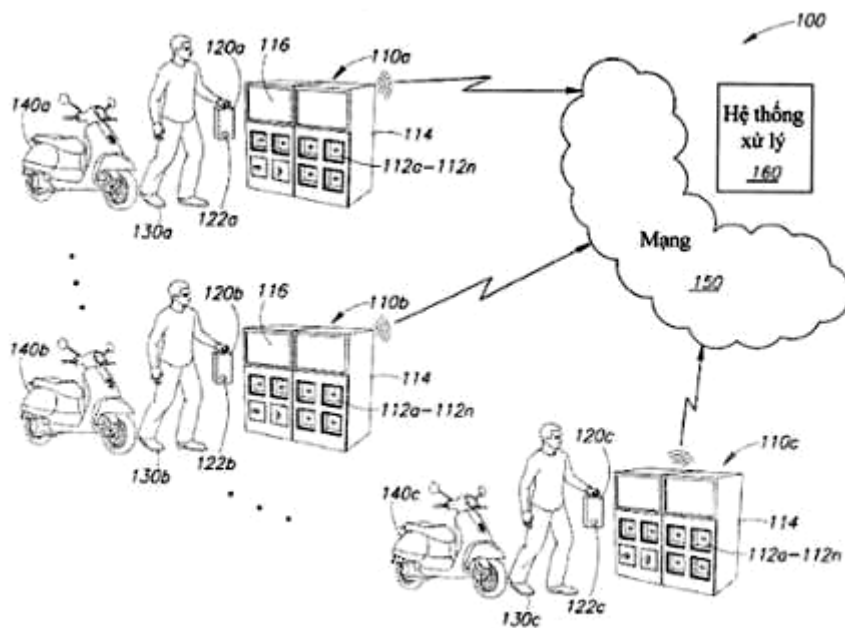


- (11) **1-0024341 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2015 327A
(21) 1-2015-00355 (85) 30/01/2015
(22) 30/07/2013 (86) PCT/JP2013/070615 30/07/2013
(30) 2012-169412 31/07/2012 JP (87) WO2014/021322 06/02/2014
2012-169411 31/07/2012 JP
(51) **G03F 7/027; G03F 7/038; G03F 7/037; G03F 7/00**
(73) **TORAY INDUSTRIES, INC.** (JP)
1-1, Nihonbashi-Muromachi 2-chome, Chuo-ku, Tokyo 1038666 Japan
(72) ABURA, Tsutomu (JP); YABUKI, Shuhei (JP)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **CHẾ PHẨM NHỰA CẢM QUANG, PHÔI KHUÔN IN BẰNG NHỰA CẢM QUANG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO KHUÔN IN NHỰA**

(57) Sáng chế đề xuất chế phẩm nhựa cảm quang thể hiện khả năng tái tạo ảnh nổi vượt trội và độ chắc chắn và độ bền khuôn in được cải thiện, phôi khuôn in bằng nhựa cảm quang và phương pháp chế tạo khuôn in nhựa. Chế phẩm nhựa cảm quang theo sáng chế, khác biệt ở chỗ, có chứa: (A) poly(vinyl axetat) được xà phòng hóa một phần và được cải biến có nhóm dễ phản ứng trong chuỗi bên; (B) polyamit chứa nguyên tử nitơ bazơ; (C) hợp chất có phân tử lượng nhỏ hơn hoặc bằng 300, vòng từ 5 đến 7 nguyên tử và liên kết kép etylen polime hóa được; và (D) chất khơi mào polime hóa quang.

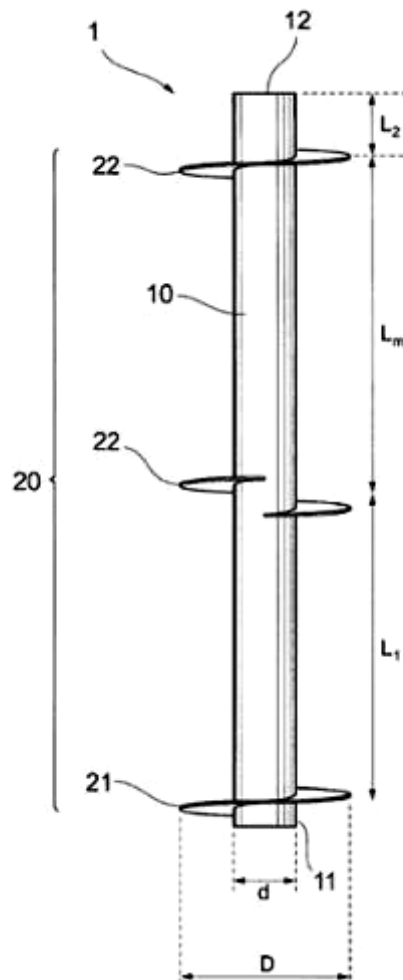
- (11) **1-0024342 B** (15) 29/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
 (21) 1-2017-00922 (85) 15/03/2017
 (22) 01/09/2015 (86) PCT/US2015/047946 01/09/2015
 (30) 62/045,982 04/09/2014 US (87) WO2016/036742A1 10/03/2016
 (51) **B60L 11/18; G07F 15/00; G06Q 50/30**
 (73) **GOGORO INC. (CN)**
 3806 Central Plaza, 18 Harbour Road, Wanchai, Hongkong
 (72) CHEN, Jung-Hsiu (TW); CHEN, Shen-Chi (TW); WU, Yu-Lin (TW); HUANG, Chien-Ming (TW); CHAN, Tsung-Ting (TW); YANG, Feng-Kai (TW)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.)
 (54) **MÔĐUN SẠC ĐIỆN ĐỂ SẠC THIẾT BỊ LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề xuất hệ thống bán hàng tự động, sạc điện và phân phối hai chiều cho phép một thuê bao trao đổi một hoặc nhiều thiết bị lưu trữ năng lượng điện xách tay đã phóng điện một phần hoặc toàn bộ lấy một số thiết bị lưu trữ năng lượng điện xách tay đã sạc. Hệ thống bán hàng tự động, sạc điện và phân phối hai chiều bao gồm một số các môđun sạc, mỗi cái gồm có một bộ chuyển đổi nguồn điện chuyên dụng, được kết nối với ít nhất một bộ điều khiển hệ thống hai chiều và với lưới điện phân phối. Sau khi nhận thiết bị lưu trữ năng lượng điện xách tay đã phóng điện, ít nhất một bộ điều khiển hệ thống phân phối hai chiều xác nhận hợp lệ định danh nhà sản xuất và định danh thuê bao được lưu trữ trong phương tiện lưu trữ lâu dài được mang bởi thiết bị lưu trữ năng lượng điện xách tay đã phóng điện. Ít nhất một bộ điều khiển phân phối hai chiều sẽ phân phát một thiết bị lưu trữ năng lượng điện xách tay đã sạc cho thuê bao.



- | | | | |
|---|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024343 B | | (15) 29/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03447 | | (85) 15/09/2016 | |
| (22) 16/03/2015 | | (86) PCT/JP2015/057751 | 16/03/2015 |
| (30) 2014-057201 | 19/03/2014 JP | (87) WO2015/141639A1 | 24/09/2015 |
| (51) E02D 5/56; E02D 5/46 | | | |
| (73) ASAHI KASEI CONSTRUCTION MATERIALS CORPORATION (JP) | | | |
| 1-105, Kanda Jinbocho, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8101 Japan | | | |
| (72) KIJIMA, Yosuke (JP); ITO, Daisuke (JP); NAKAHAMA, Kenichi (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD) | | | |
| (54) CỌC VẬT LIỆU HỖ HỢP VÀ PHƯƠNG PHÁP THI CÔNG CỌC VẬT LIỆU HỖ HỢP | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến cọc ống thép có các cánh xoắn ốc mà có thể gia cố một cách hiệu quả cho nền đất tương đối mềm mà trong đó lớp đất sét và lớp tương tự có mặt ở vị trí sâu vài chục mét bên dưới mặt đất. Cọc ống thép 1 có các cánh xoắn ốc bao gồm phần thân chính cọc ống thép 10 và một hoặc nhiều cánh xoắn ốc 20 được gắn vào phần thân chính cọc ống thép 10, và đường kính D của cánh xoắn ốc 20 được thiết lập lớn hơn hoặc bằng ba lần so với đường kính d của phần thân chính cọc ống thép 10.



- (11) **1-0024344 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2013 299A
(21) 1-2012-01965 (85) 10/07/2012
(22) 07/12/2010 (86) PCT/EP2010/069090 07/12/2010
(30) 09015310.7 10/12/2009 EP (87) WO2011/070024 16/06/2011
10173407.7 19/08/2010 EP
(51) **C07K 16/28; A61P 35/00; A61P 37/00**
(73) **F. HOFMANN-LA ROCHE AG (CH)**
Grenzacherstrasse 124 CH-4070 Basel (CH)
(72) DIMOUDIS, Nikolaos (GR); FERTIG, Georg (DE); FIDLER, Alexander (AT);
KALUZA, Klaus (DE); LANZENDOERFER, Martin (DE); PICKL, Marlene (DE);
RIES, Carola (DE); SEEBER, Stefan (DE)
(74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
(54) **KHÁNG THỂ GẮN KẾT VỚI CSF-1R NGƯỜI, DƯỢC PHẨM CHỨA
KHÁNG THỂ NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA KHÁNG THỂ NÀY**

(57) Sáng chế đề xuất các kháng thể kháng CSF-1R người (kháng thể kháng CSF-1R),
phương pháp tạo ra các kháng thể này, Ngoài ra, sáng chế cũng đề xuất dược phẩm
chứa các kháng thể này.

- (11) **1-0024345 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2019 370A
(21) 1-2018-04291 (85) 27/09/2018
(22) 14/03/2017 (86) PCT/JP2017/010139 14/03/2017
(30) 2016-049334 14/03/2016 JP (87) WO2017/159660A1 21/09/2017
(51) **B26F 1/16; B23B 49/00; B23Q 11/10; B32B 27/36; B32B 15/09; B32B 15/09; B23B 41/00; B26F 1/16**
(73) **MITSUBISHI GAS CHEMICAL COMPANY, INC. (JP)**
5-2, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8324 Japan
(72) KAMEI, Takayuki (JP); MATSUYAMA, Yousuke (JP); OGASHIWA, Takaaki (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **TẮM ĐẦU VÀO TRỢ KHOAN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIA CÔNG KHOAN BẰNG CÁCH SỬ DỤNG TẮM ĐẦU VÀO NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm đầu vào trợ khoan có:
lá kim loại; và
lớp chế phẩm nhựa, được tạo ra trên ít nhất một mặt của lá kim loại mà không cần xen lớp bám dính vào giữa, trong đó:
lớp chế phẩm nhựa bao gồm nhựa polyeste (A) và nhựa tan trong nước (B),
hàm lượng của nhựa polyeste (A) trong lớp chế phẩm nhựa là lớn hơn hoặc bằng 40 phần theo khối lượng và nhỏ hơn hoặc bằng 70 phần theo khối lượng dựa trên 100 phần theo khối lượng của tổng lượng nhựa polyeste (A) và nhựa tan trong nước (B), và
nhựa polyeste (A) là copolyme bao gồm đơn vị cấu thành được dẫn xuất từ axit tricarboxylic và đơn vị cấu thành được dẫn xuất từ polyol. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp gia công khoan.

- (11) **1-0024346 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2017 354A
(21) 1-2017-02649 (85) 11/07/2017
(22) 14/12/2015 (86) PCT/JP2015/084971 14/12/2015
(30) 2014-258879 22/12/2014 JP (87) WO2016/104227A1 30/06/2016
2015-178693 10/09/2015 JP
(51) **A61K 9/70; A61K 47/32; A61K 47/34**
(73) **HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC.** (JP)
408, Tashirodaikan-machi, Tosu-shi, Saga 841-0017 Japan
(72) TSURUSHIMA Keiichiro (JP); KOSE Yasuhisa (JP); YOSHINAGA Takaaki (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **TẮM DÁN DẠNG GEL**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm dán dạng gel bao gồm vải đệm, lớp chất kết dính, và miếng lót bóc được theo thứ tự này, mà trong đó lớp chất kết dính chứa chất hoạt động sinh lý, polyme (met)acrylic tan trong nước, nước, chất hoạt động bề mặt, và poly(metyl acrylat/2-etylhexyl acrylat), và chất hoạt động bề mặt chứa este axit béo polyetylen glycol hoặc este axit béo polyetylen sorbitan.

- (11) **1-0024347 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
(21) 1-2015-02511 (85) 09/07/2015
(22) 11/08/2014 (86) PCT/JP2014/071220 11/08/2014
(30) 2013-218792 22/10/2013 JP (87) WO2015/059985A1 30/04/2015
(51) **A23L 1/01**
(73) 1. **NISSHIN SEIFUN GROUP INC.** (JP)
25, Kanda-Nishiki-cho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8441, Japan
2. **NISSHIN FOODS INC.** (JP)
25, Kanda-Nishiki-cho 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8441 Japan
(72) ITO, Takashi (JP); KOJIMA, Kazuko (JP); SESAI, Takashi (JP); IRIE, Kentaro (JP); NISHIDE, Tatsunori (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KAKI-AGE**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất kaki-age bao gồm các bước: bao thành phần bằng nguyên liệu làm vỏ sao cho tỉ lệ của nguyên liệu làm vỏ tính theo hàm lượng chất rắn nằm trong khoảng từ 30 đến 50 phần khối lượng cho 100 phần khối lượng thành phần này; và xử lý gia nhiệt gồm chiên ngập thành phần được bao bằng nguyên liệu làm vỏ sao cho hàm lượng ẩm của sản phẩm cuối bằng hoặc nhỏ hơn 10% khối lượng. Tốt hơn là, nhiệt độ dầu chiên ngập nằm trong khoảng từ 135°C đến 155°C kể cả hai nhiệt độ này. Xử lý gia nhiệt có thể gồm xử lý sấy khô bằng không khí nóng, và trong trường hợp đó, tốt hơn là sấy khô các thành phần được chiên ngập (kaki-age) bằng không khí nóng ở nhiệt độ nằm trong khoảng cao hơn 120°C và bằng hoặc thấp hơn 160°C. Sáng chế cũng đề cập đến kaki-age được sản xuất bằng phương pháp này.

- (11) 1-0024348 B (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
(21) 1-2016-00995 (85) 18/03/2016
(22) 02/10/2014 (86) PCT/JP2014/076409 02/10/2014
(30) 2013-209552 04/10/2013 JP (87) WO2015/050207A1 09/04/2015

(51) **E02D 13/04**; E02D 13/00

(73) **NIPPON STEEL CORPORATION** (JP)

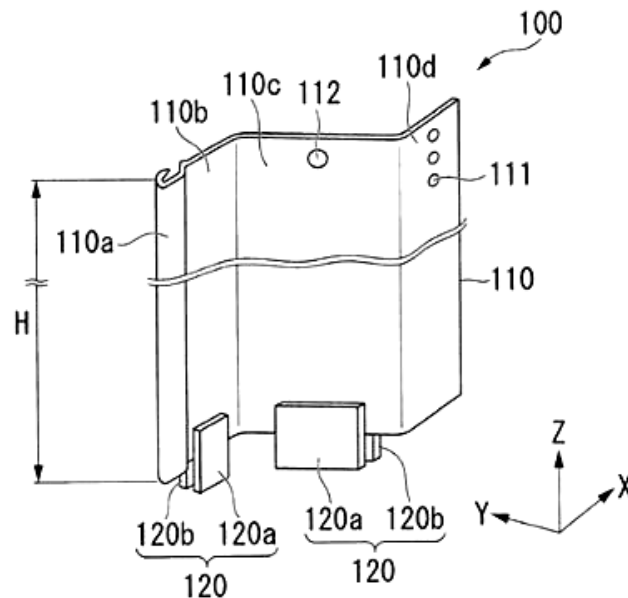
6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan

(72) NAKAYAMA Hiroaki (JP); TESHIMA Kei (JP); KATO Atsushi (JP)

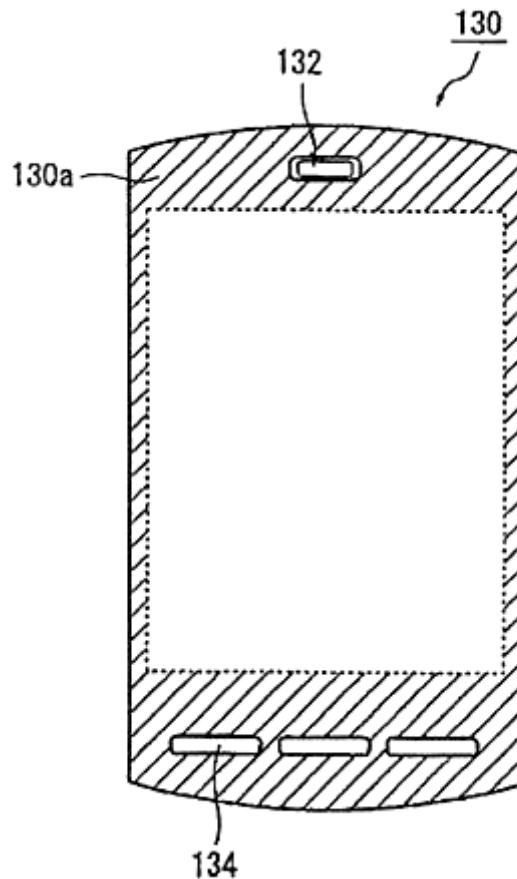
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **PHƯƠNG PHÁP LẮP RÁP TƯỜNG KÈ VÀ CHI TIẾT LẮP RÁP TƯỜNG KÈ**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp lắp ráp tường kè bao gồm các bước: nối chi tiết lắp ráp tường kè có đoạn dẫn hướng có cùng hình dạng như tấm chắn của cọc ván thép vào cọc ván thép sao cho đoạn dẫn hướng được nối với tấm chắn; lắp ráp cọc ván thép trong nước sao cho phần đoạn dẫn hướng của chi tiết lắp ráp tường kè xuất hiện bên trên bề mặt nước; lắp ráp cọc ván thép còn lại trong nước trong khi tấm chắn của cọc ván thép còn lại được nối với đoạn dẫn hướng của chi tiết lắp ráp tường kè và sau đó với tấm chắn của cọc ván thép; và tháo chi tiết lắp ráp tường kè khỏi cọc ván thép.



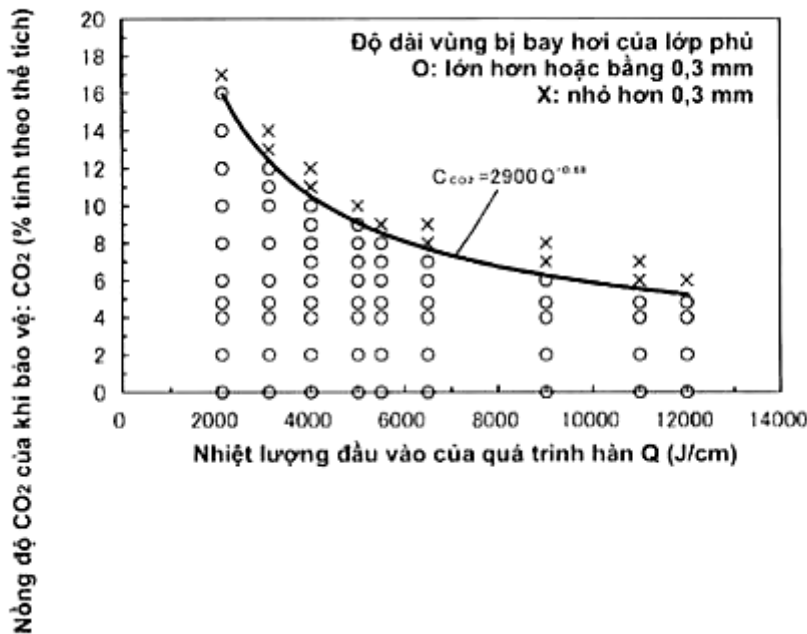
- (11) **1-0024349 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
(21) 1-2014-00692 (85) 03/03/2014
(22) 31/07/2012 (86) PCT/JP2012/069385 31/07/2012
(30) 2011-171455 05/08/2011 JP (87) WO2013/021854A1 14/02/2013
2011-173630 09/08/2011 JP
(51) **G09F 9/00; C03C 23/00**
(73) **HOYA CORPORATION (JP)**
7-5, Naka-Ochiai 2-chome, Shinjuku-ku, Tokyo 161-8525, Japan
(72) Kouji KITSUNAI (JP); GOTO, Tomoyuki (JP); SHIBUI, Masatomo (JP);
HASHIMOTO, Kazuaki (JP); TAKANO, Tetsuo (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KÍNH BẢO VỆ THIẾT BỊ DI ĐỘNG VÀ KÍNH
BẢO VỆ THIẾT BỊ DI ĐỘNG**
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất kính bảo vệ thiết bị di động, bao gồm bước in để thực hiện xử lý in lên bề mặt của nền kính chứa ion kim loại kiềm. Sử dụng sự tương quan giữa góc tiếp xúc nước (giọt nước) trong vùng in, sẽ được thực hiện xử lý in trong bước in, của bề mặt của nền kính và chất lượng in của nền kính đã được in, bước in được tiến hành đối với nền kính có góc tiếp xúc nước mà đáp ứng chất lượng in cần thiết cho kính bảo vệ thiết bị di động.



- (11) **1-0024350 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
(21) 1-2014-00661 (85) 27/02/2014
(22) 27/07/2012 (86) PCT/JP2012/069226 27/07/2012
(30) 2011-167816 29/07/2011 JP (87) WO2013/018723A1 07/02/2013
(51) **C22C 38/00; C21D 9/46; C22C 38/58; C23C 2/02; C25D 7/06; C23C 2/28; C23C 2/40; C25D 5/26; C25D 5/36; B21B 3/00; C23C 2/06**
(73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071, Japan
(72) KAWATA, Hiroyuki (JP); MARUYAMA, Naoki (JP); MURASATO, Akinobu (JP); MINAMI, Akinobu (JP); AZUMA, Masafumi (JP); KUWAYAMA, Takuya (JP); YONEMURA, Shigeru (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **TẤM THÉP VÀ TẤM THÉP MẠ KẼM CÓ ĐỘ BỀN CAO, KHẢ NĂNG TẠO HÌNH ƯU VIỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CÁC TẤM THÉP NÀY**
(57) Sáng chế đề cập đến tấm thép có độ bền cao mà đảm bảo độ bền kéo lớn nhất là 900MPa hoặc độ bền cao hơn trong khi có khả năng tạo hình ưu việt, tấm thép này có độ bền cao, khả năng tạo hình ưu việt, khác biệt ở chỗ, tấm thép này có cấu trúc thành phần định trước, bằng cách cấu trúc tấm thép bao gồm pha ferit và pha mactensit, bởi tỷ lệ của các hạt Cu không kết hợp với với sắt bcc là 15% hoặc nhiều hơn so với các hạt Cu nói chung, bởi mật độ của các hạt Cu trong pha ferit là $1,0 \times 10^{18}/m^3$ hoặc nhiều hơn, và bởi cỡ hạt trung bình của các hạt Cu trong pha ferit là 2,0nm hoặc lớn hơn.

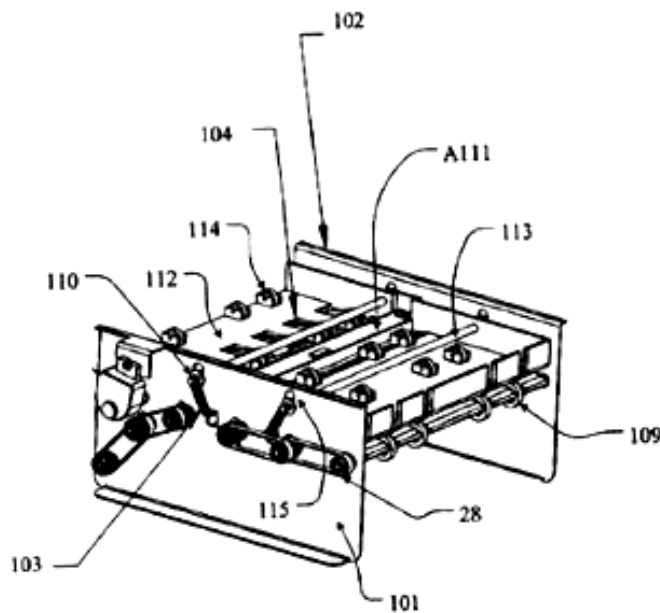
- (11) **1-0024351 B** (15) 29/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2015 324A
 (21) 1-2014-04200 (85) 16/12/2014
 (22) 22/05/2013 (86) PCT/JP2013/064196 22/05/2013
 (30) 2012-134657 14/06/2012 JP (87) WO2013/187197A1 19/12/2013
 (51) **B23K 9/23; B23K 35/38; B23K 9/16; B23K 9/173; B32B 15/01; C22C 38/14; C22C 18/04; C22C 38/00; C22C 38/02; C22C 38/04; C22C 38/06; C22C 38/12; B23K 35/00; C22C 18/00**
 (73) **NISSHIN STEEL CO., LTD. (JP)**
 4-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8366, Japan
 (72) Kazuaki HOSOMI (JP); Tomokazu NOBUTOKI (JP); Hiroshi ASADA (JP)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO BỘ PHẬN KẾT CẤU HÀN HỒ QUANG**

- (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp chế tạo bộ phận kết cấu hàn hồ quang để tạo ra độ bền chống nứt bởi sự hoá giòn do kim loại lỏng đặc biệt tốt cho bộ phận kết cấu hàn hồ quang sử dụng chi tiết dạng tấm bằng thép được phủ hợp kim trên cơ sở Zn-Al-Mg mà không có giới hạn về loại thép dùng làm thép nền để phủ và không làm tăng nhiều chi phí. Phương pháp theo sáng chế bao gồm bước liên kết các chi tiết thép bằng cách hàn hồ quang có khí bảo vệ để tạo ra bộ phận kết cấu hàn, ít nhất một trong số các chi tiết được liên kết là chi tiết dạng tấm bằng thép được phủ hợp kim trên cơ sở Zn-Al-Mg nóng chảy, và khí bảo vệ là khí trên cơ sở khí Ar, khí He hoặc khí hỗn hợp Ar-He và có lượng CO₂: C_{CO2} (% tính theo thể tích) thỏa mãn công thức (2) liên quan tới nhiệt lượng đầu vào của quá trình hàn Q (J/cm):
- $$0 \leq C_{CO_2} \leq 2900Q^{-0,68} \quad (2)$$



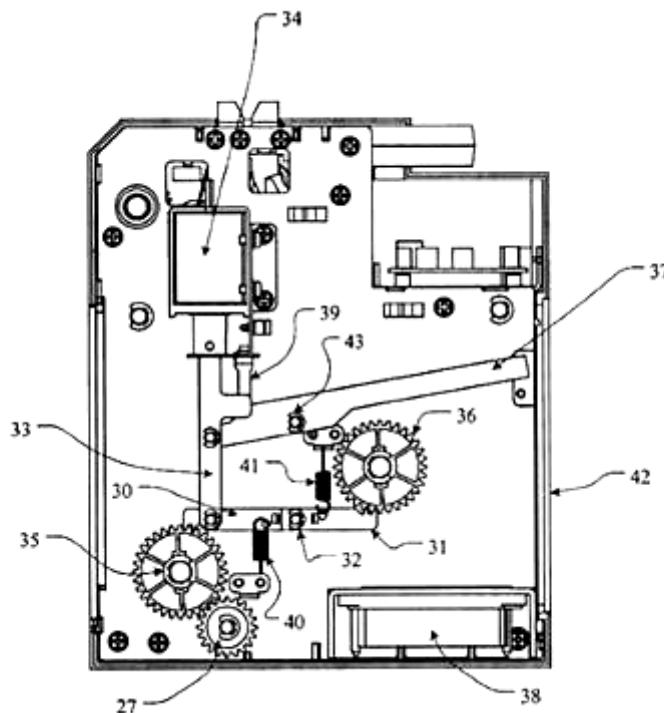
- (11) **1-0024352 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
(21) 1-2016-01977 (85) 31/05/2016
(22) 21/11/2014 (86) PCT/CN2014/091858 21/11/2014
(30) 201410309869.4 30/06/2014 CN (87) WO2016/000391A1 07/01/2016
(51) **H04N 1/04**
(73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD.** (CN)
9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
(72) DING Yingfeng (CN); HUANG Hexiang (CN); WU, Changhai (CN); SHI, Guocheng (CN); YANG Yonghuan (CN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) **THIẾT BỊ QUÉT TỰ THÍCH ỨNG**

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị quét tự thích ứng có thể đáp ứng các yêu cầu quét và nhận dạng các chất liệu cần quét khác nhau và tiết kiệm thời gian và chi phí quét. Thiết bị quét tự thích ứng theo một phương án của sáng chế bao gồm; tấm cạnh bên trái, tấm cạnh bên phải, lò xo kéo, cụm đường dẫn di chuyển trên, ống quét ảnh B, tấm đường dẫn dưới, bộ đọc thông tin thẻ, bộ đọc thông tin tài liệu, các bánh xe ma sát và ống bọc trục. Cụm đường dẫn di chuyển trên bao gồm: ống quét ảnh A, tấm đường dẫn trên, trục cố định đường dẫn trên và các ổ đỡ cố định.



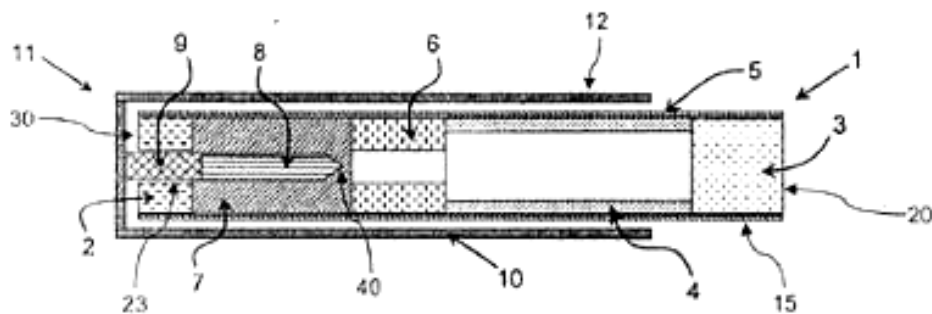
- (11) **1-0024353 B** (15) 29/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2016-01436 (85) 21/04/2016
 (22) 21/11/2014 (86) PCT/CN2014/091857 21/11/2014
 (30) 201410309870.7 30/06/2014 CN (87) WO2016/000390 07/01/2016
 (51) **G07D 11/00**
 (73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD. (CN)**
 9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
 (72) XIA, Yin (CN); TAN, Dong (CN); SUN, Zhiqiang (CN); JIANG, Zhuang (CN)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **HỘP CHỨA TIỀN KIỂU THÙNG XÁCH TAY VÀ MÁY ATM CÓ HỘP CHỨA TIỀN KIỂU THÙNG XÁCH TAY NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập tới hộp chứa tiền kiểu thùng xách tay và máy ATM có hộp chứa tiền kiểu thùng xách tay này. Hộp chứa tiền kiểu thùng xách tay bao gồm hộp vỏ (42), bánh răng tang quần lớn (36), bánh răng tang quần nhỏ (35), ổ cắm nối (38) và cơ cấu tự khóa. Cơ cấu tự khóa có nam châm điện (34), lò xo thứ nhất (40), lò xo thứ hai (41), thanh khóa thứ nhất (30), thanh khóa thứ hai (31) và thanh kéo (33). Đầu trên của thanh kéo (33) được gắn phối hợp với nam châm điện (34), và đầu dưới của thanh kéo (33) được nối di chuyển được với thanh khóa thứ nhất (30). Hộp chứa tiền kiểu thùng xách tay có kích thước nhỏ và trọng lượng nhẹ, có thể lắp/tháo và di chuyển thuận tiện và cho phép thực hiện công tác kiểm kê trên nhiều máy ATM; và thực hiện chức năng khóa để ngăn một cách hữu hiệu không cho các tờ tiền bị lộ ra ngoài và bị cuộn ra ngoài bằng sức người.



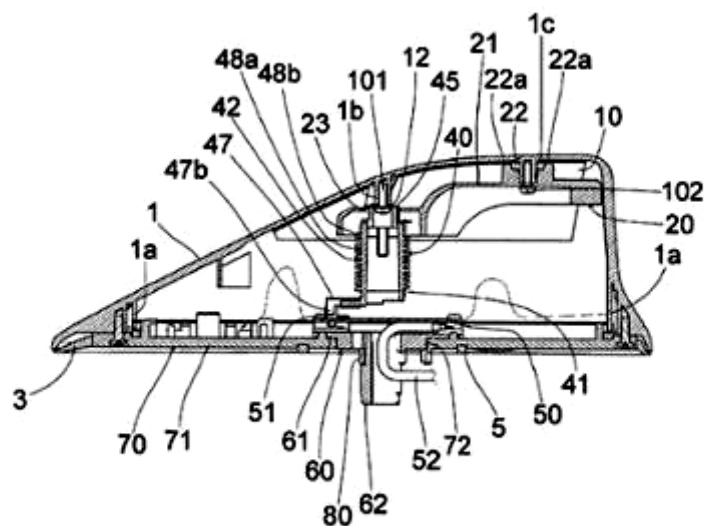
- (11) **1-0024354 B** (15) 29/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
 (21) 1-2014-02263 (85) 10/07/2014
 (22) 28/12/2012 (86) PCT/EP2012/077091 28/12/2012
 (30) 11196203.1 30/12/2011 EP (87) WO2013/098409 04/07/2013
 (51) **A24F 47/00**
 (73) **PHILIP MORRIS PRODUCTS S.A. (CH)**
 Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchatel, Switzzeland
 (72) ZUBER, Gérard (CH); BADERTSCHER, Thomas (CH); MEYER, Cédric (CH);
 LOUVET, Alexis (CH)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
 (54) **VẬT DỤNG HÚT THUỐC, PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG VẬT DỤNG HÚT THUỐC, VÀ HỆ THỐNG HÚT THUỐC BAO GỒM VẬT DỤNG HÚT THUỐC NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến vật dụng hút thuốc (1, 100, 300) bao gồm các bộ phận bao gồm chốt phía trước (2, 102, 302) và nền tạo khí dung (7). Lỗ (103, 303) hoặc khe hở (23) được xác định qua chốt phía trước (2, 102, 302), qua đó bộ phận đốt nóng (8) có thể được đặt vào. Trong khi sử dụng, bộ phận đốt nóng (8) được đặt vào trong vật dụng hút thuốc (1, 100, 300) qua lỗ (103, 303) hoặc khe hở (23) và nền tạo khí dung (7) được đốt nóng để tạo thành khí dung. Khi bộ phận đốt nóng (8) về cơ bản được lấy ra khỏi vật dụng hút thuốc (1, 100, 300), chốt phía trước (2, 102, 302) hoạt động để giữ lại nền tạo khí dung (7) bên trong vật dụng hút thuốc (1, 100, 300). Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp sử dụng vật dụng hút thuốc và hệ thống hút thuốc.



- | | | | |
|---|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024355 B | | (15) 29/05/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/03/2017 | 348A |
| (21) 1-2017-00162 | | (85) 17/01/2017 | |
| (22) 10/04/2015 | | (86) PCT/JP2015/061236 | 10/04/2015 |
| (30) 2014-148300 | 18/07/2014 | JP (87) WO2016/009685A1 | 21/01/2016 |
| (51) H01Q 1/32; H01Q 9/36; H01Q 9/14 | | | |
| (73) YOKOWO CO., LTD. (JP) | | | |
| 5-11, Takinogawa 7-chome, Kita-ku, Tokyo 114-8515 Japan | | | |
| (72) OHNO, Sadao (JP); OSAWA, Kengo (JP) | | | |
| (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP) | | | |
| (54) THIẾT BỊ ẲNG TEN CHO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG | | | |

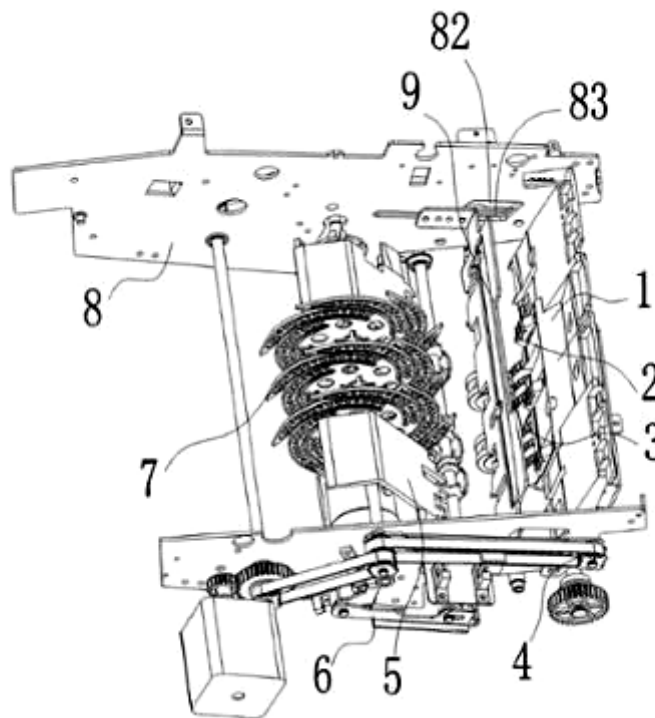
(57) Sáng chế đề xuất thiết bị ăng ten cho phương tiện giao thông trong đó chi tiết cuộn cảm có thể được giữ ổn định trong khi hình dạng cuộn của nó được duy trì, và số vòng cuộn của chi tiết cuộn cảm có thể được điều chỉnh dễ dàng trong quá trình sản xuất. Chi tiết cuộn cảm (40) được tạo kết cấu bằng cách tạo ra cuộn dây (42) quanh lõi cuộn được làm bằng nhựa (41). Rãnh dẫn (48a) mà là đường dẫn của cuộn dây (42), và các phần nhô (48b) mà dọc theo đường dẫn của cuộn dây (42) được bố trí trên bề mặt chu vi bên ngoài của ống cuộn dây của lõi cuộn (41). Rãnh dẫn (48a) kéo dài theo cách xoắn ốc quanh bề mặt chu vi bên ngoài của ống cuộn dây. Các phần nhô (48b) được bố trí với số nhiều ở mỗi vị trí theo chu vi trên bề mặt chu vi bên ngoài của ống cuộn dây. Phần đầu cuộn dây của cuộn dây (42) được kéo ra theo hướng trục trong khi được móc tùy ý vào một trong số các phần nhô (48b), và được nối điện đến phân đầu cuối phía trên (45).



- (11) **1-0024356 B** (15) 29/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
(21) 1-2014-02166 (85) 02/07/2014
(22) 27/11/2012 (86) PCT/JP2012/081227 27/11/2012
(30) 2011-264668 02/12/2011 JP (87) WO2013/081161 06/06/2013
2011-264667 02/12/2011 JP
(51) **C08L 69/00; C08K 5/42; C08K 55/02; C08K 3/34; C08K 5/523**
(73) **TEIJIN LIMITED (JP)**
6-7, Minamihommachi 1-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka, 5410054, Japan
(72) INAZAWA Yasunori (JP); ISHIDA Masashi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **HỖN HỢP NHỰA LÀM CHẬM NGỌN LỬA CHỨA NHỰA COPOLYME
POLYCACBONAT-POLYĐISILOXAN HỮU CƠ VÀ SẢN PHẨM ĐÚC TỪ
HỖN HỢP NHỰA NÀY**
(57) Sáng chế đề cập đến hỗn hợp nhựa dẻo nhiệt có sự hài hòa giữa độ bền va đập, khả năng làm chậm ngọn lửa, độ bền nhiệt và khả năng chảy, tất cả các đặc tính này là cần thiết đối với sản phẩm đúc mỏng có kích thước lớn. Cụ thể, sáng chế đề cập đến hỗn hợp nhựa làm chậm ngọn lửa chứa 100 phần trọng lượng thành phần nhựa bao gồm (A) nhựa polycacbonat và (B) nhựa copolyme polycacbonat-polyđisiloxan hữu cơ thu được bằng cách copolyme hóa dihydroxy phenol với polyđisiloxan hữu cơ có nhóm hydroxyaryl cuối mạch, (C) 3 đến 35 phần trọng lượng chất làm chậm ngọn lửa trên cơ sở phospho hữu cơ hoặc 0,005 đến 5 phần trọng lượng chất làm chậm ngọn lửa trên cơ sở muối kim loại hữu cơ, (D) 0,1 đến 30 phần trọng lượng khoáng vật silicat và (E) 0,1 đến 3 phần trọng lượng chất ngăn cản chảy nhỏ giọt, và nếu cần, (F) 3 đến 45 phần trọng lượng nhựa styren, trong đó hàm lượng polyđisiloxan hữu cơ của thành phần (B) trong hỗn hợp này nằm trong khoảng từ 0,2 đến 0,6% trọng lượng.

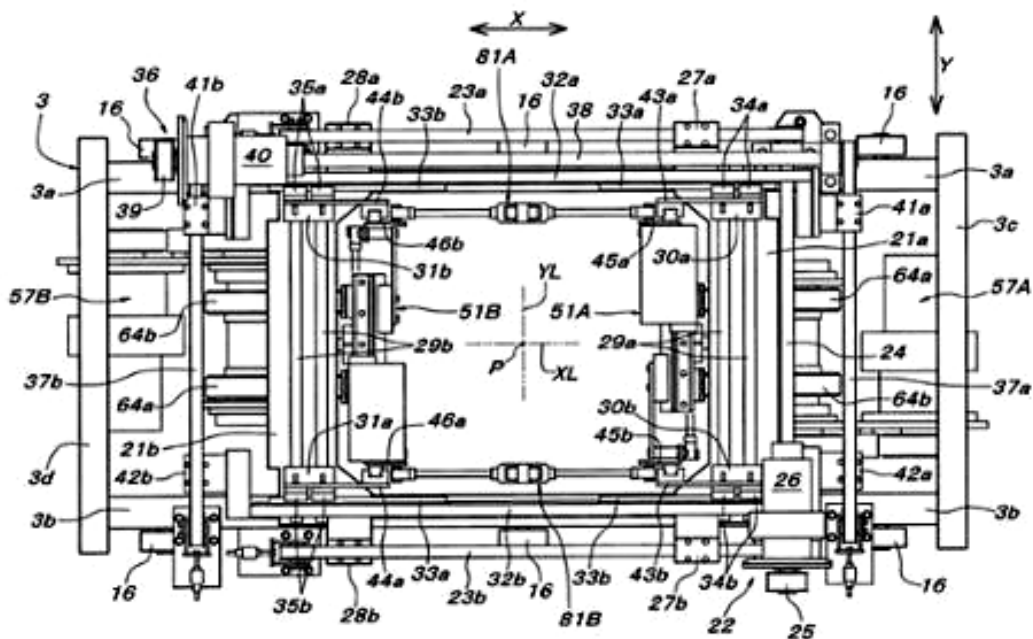
- (11) **1-0024357 B** (15) 29/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
 (21) 1-2016-02691 (85) 20/07/2016
 (22) 30/10/2014 (86) PCT/CN2014/089875 30/10/2014
 (30) 201410240095.4 30/05/2014 CN (87) WO2015/180407A1 03/12/2015
 (51) **G07D 11/00**
 (73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD.** (CN)
 9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
 (72) ZHU, Yuehui (CN); SUN, Zhiqiang (CN); JIANG, Zhuang (CN)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ TÁCH TỜ TIỀN VÀ HỆ THỐNG QUAY VÒNG TIỀN CÓ THIẾT BỊ NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập tới thiết bị tách tờ tiền và hệ thống quay vòng tiền có thiết bị này. Thiết bị tách tờ tiền theo sáng chế có tấm cạnh bên đỡ, và cụm bánh xe cánh quạt, cụm lắp ráp tách tờ tiền, cụm lắp ráp ép tờ tiền thứ nhất và cụm lắp ráp ép tờ tiền thứ hai được gắn ở tấm cạnh bên đỡ. Cụm lắp ráp ép tờ tiền thứ nhất có tấm ép tờ tiền thứ nhất và cơ cấu puli đai đồng bộ được làm thích ứng để dẫn động tấm ép tờ tiền thứ nhất, và cơ cấu puli đai đồng bộ có hai puli đồng bộ và đai đồng bộ được lắp bao quanh các puli đồng bộ. Thiết bị tách tờ tiền theo sáng chế có kết cấu được đơn giản hóa, nguy cơ kẹt tiền được giảm bớt, và độ tin cậy được cải thiện.



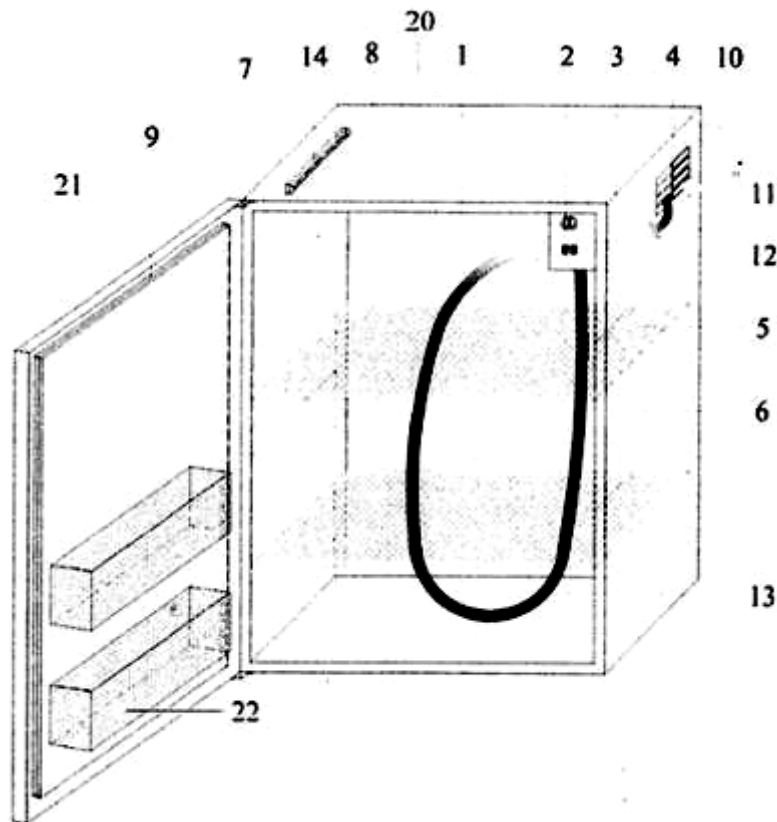
- (11) **1-0024358 B** (15) 29/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2016-04155 (85) 28/10/2016
 (22) 04/06/2015 (86) PCT/JP2015/066194 04/06/2015
 (30) 2014-122244 13/06/2014 JP (87) WO2015/190394 17/12/2015
 (51) **B66C 1/10; B66C 19/02; B65G 1/04; B65G 47/90**
 (73) **DAIFUKU CO., LTD.** (JP)
 2-11, Mitejima 3-chome, Nishiyodogawa-ku, Osaka-shi Osaka 5550012, Japan
 (72) KYOTANI, Hisashi (JP); OGAWA, Kazuki (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN NÂNG/HẠ CÔNGTENƠ**

- (57) Sáng chế đề xuất thiết bị vận chuyển nâng/hạ côngtenơ, trong đó kết cấu đỡ (để dịch chuyển phụ (3)), mà nó đỡ bốn đế kẹp nâng/hạ (từ 45a đến 46b) sao cho các đế kẹp nâng/hạ này có khả năng được nâng và hạ, có, được bố trí ở đó: cơ cấu dẫn động (22) theo hướng X mà nhờ đó bốn đế kẹp nâng/hạ được di chuyển lại gần nhau và rời xa nhau một cách đồng bộ và đối xứng so với đường tâm theo hướng Y (YL), trong số đường tâm theo hướng Y (YL) và đường tâm theo hướng X (XL), đi qua vị trí ở giữa (P) của hình vuông góc được bao quanh bởi bốn đế kẹp nâng/hạ và song song với các mép bên tương ứng của hình vuông góc này; và cơ cấu dẫn động (36) theo hướng Y mà nhờ đó bốn đế kẹp nâng/hạ được di chuyển lại gần nhau và rời xa nhau một cách đồng bộ và đối xứng so với đường tâm theo hướng X (XL). Cả hai cơ cấu dẫn động (22) theo hướng X và cơ cấu dẫn động (36) theo hướng Y được sử dụng để mở rộng và thu hẹp hình vuông góc được bao quanh bởi bốn đế kẹp nâng/hạ (từ 45a đến 46b), mà không cần thay đổi vị trí ở giữa (P) và hướng của hình vuông góc này.

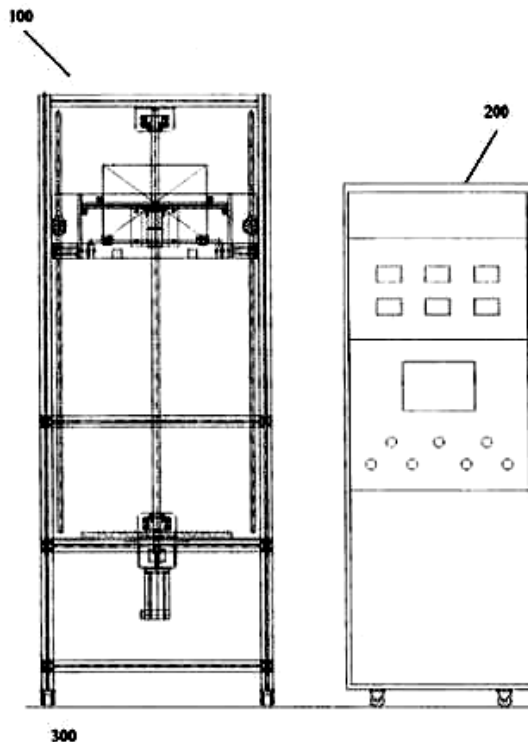


- (11) 1-0024359 B (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2018 364A
(21) 1-2017-00181
(22) 18/01/2017
(51) **F25B 21/02**
(73) **CÔNG TY TNHH HOÀNG ĐỊNH (VN)**
Số 186 Ngô Gia Tự, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
(72) Dương Văn Định (VN)
(54) **TỦ MÁT BẢO QUẢN DƯỢC PHẨM CHO GIA ĐÌNH**

(57) Sáng chế được đề cập đến tủ mát bảo quản dược phẩm (thuốc), thực phẩm chức năng dùng cho gia đình, trong đó không khí trong tủ được làm mát để đảm bảo quy định về nhiệt độ tiêu chuẩn khi bảo quản dược phẩm, tránh tác động không tốt làm thay đổi hoặc mất tác dụng của dược phẩm khi nhiệt độ bảo quản không được khống chế ở mức độ cho phép. Sáng chế sử dụng công nghệ tấm bán dẫn để làm mát không khí cho dụng cụ bảo quản dược phẩm có yêu cầu về nhiệt độ tiêu chuẩn. Tủ mát bảo quản theo sáng chế còn có đèn chiếu tia cực tím có tác dụng khử khuẩn.



- (11) **1-0024360 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2019 373A
(21) 1-2018-04996
(22) 08/11/2018
(51) **G01M 7/08**
(73) **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VN)**
Số 18 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
(72) Đăng Việt Hà (VN)
(54) **THIẾT BỊ KIỂM TRA KHẢ NĂNG CHỊU VA ĐẬP CỦA ẮC QUY XE ĐẠP ĐIỆN**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị kiểm tra khả năng chịu va đập của ắc quy xe đạp điện. Theo sáng chế này, thiết bị gồm khối khung bệ (100), tủ điều khiển (200) được kết nối với nhau bằng cụm dây dẫn điện (300). Trong đó, khối khung bệ (100) được cấu tạo từ khối khung thiết bị (110), cơ cấu nâng hạ ắc quy bằng động cơ bước kết hợp với trục vít me (130), bàn gá lắp ắc quy (120), tấm đỡ tiếp rơi, bề mặt va đập, các tấm bảo vệ và bánh xe (170). Tủ điều khiển (200) gồm hệ thống khí nén, vỏ tủ điều khiển (250), cụm hiển thị về thông số hệ thống (210), cụm hiển thị thông số môi trường (220), cụm màn hình hiển thị (230) để điều khiển, cài đặt các thông tin như chiều cao va đập, thả rơi; cụm hệ thống điều khiển (240). Người vận hành chọn nút chức năng trên tủ điều khiển (200), lệnh sẽ được xử lý nhờ hệ thống trong tủ điều khiển (200) và truyền đến khối khung bệ (100) để thả rơi ắc quy thử nghiệm. Các thông số thí nghiệm sẽ được phân tích, đo đạc và hiển thị trở lại cụm màn hình hiển thị (230) của tủ điều khiển (200).



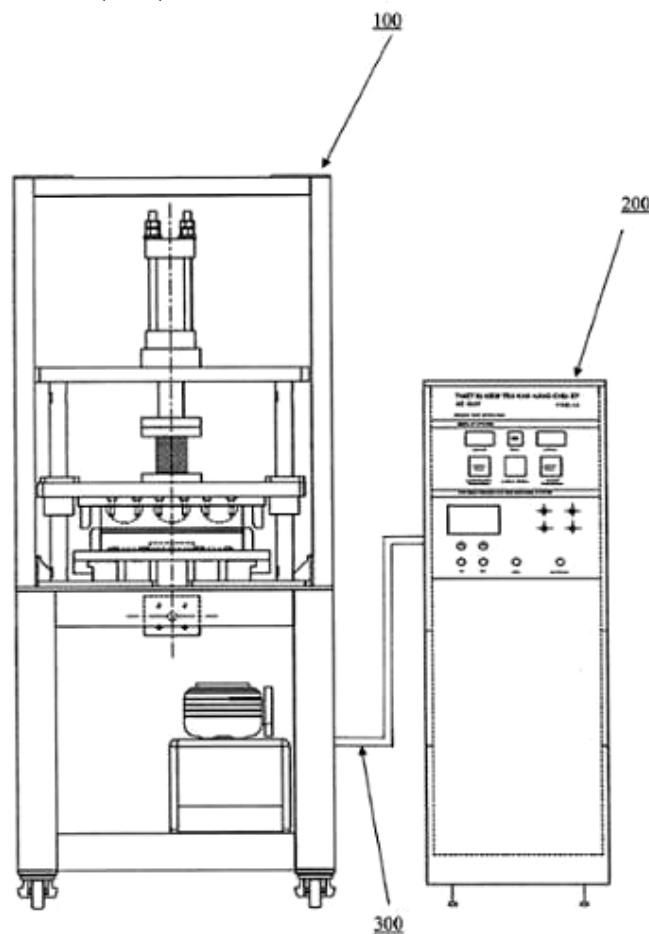
(11) 1-0024361 B (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2019 373A
(21) 1-2018-05825
(22) 21/12/2018
(51) G01N 3/12

(76) **ĐẶNG VIỆT HÀ** (VN)

Tô 7A, Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

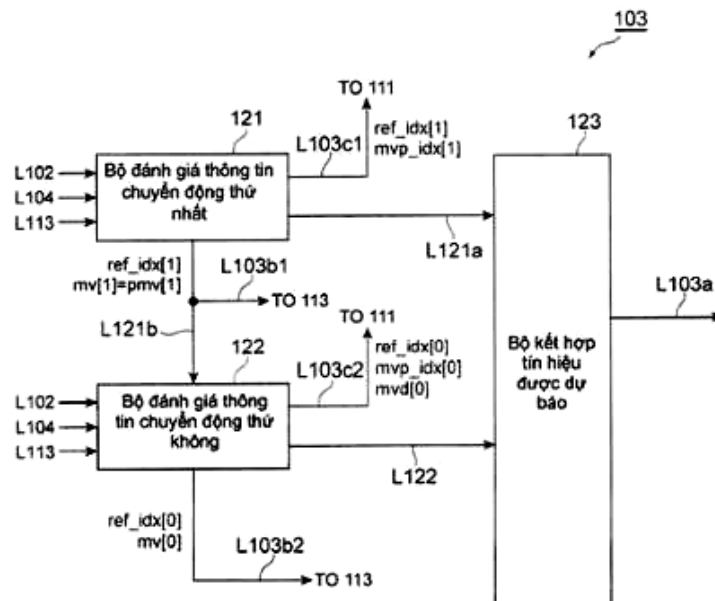
(54) **THIẾT BỊ KIỂM TRA KHẢ NĂNG CHỊU ÉP CỦA ẮC QUY XE ĐẠP ĐIỆN**

(57) Thiết bị kiểm tra khả năng chịu ép của ắc quy xe đạp điện theo sáng chế này gồm khối khung bệ (100), tủ điều khiển (200) được kết nối điện nhờ cụm dây dẫn điện (300). Trong đó, khối khung bệ (100) gồm khối khung bảo vệ (110), cụm thủy lực và cơ cấu ép (120), các tấm đế (130), cụm khung đỡ (140), bơm dầu (150), thùng dầu (160), các bánh xe (170) và các thanh ray (180). Tủ điều khiển gồm cụm hiển thị thông số hệ thống (210), cụm hiển thị thông số môi trường (220), cụm hiển thị kết quả đo (230), cụm điều khiển thiết bị thử nghiệm (240), cụm khởi động (250), vỏ tủ điều khiển (260). Khi vận hành thiết bị, người vận hành điều khiển các nút chức năng trên tủ điều khiển (200), lệnh sẽ được xử lý thông qua hệ thống trong tủ điều khiển (200) và truyền đến khối khung bệ (100) để ép ắc quy thử nghiệm. Trong và sau quá trình thử nghiệm, các thông số sẽ được phân tích, đo đạc và hiển thị trên cụm màn hình hiển thị (230).



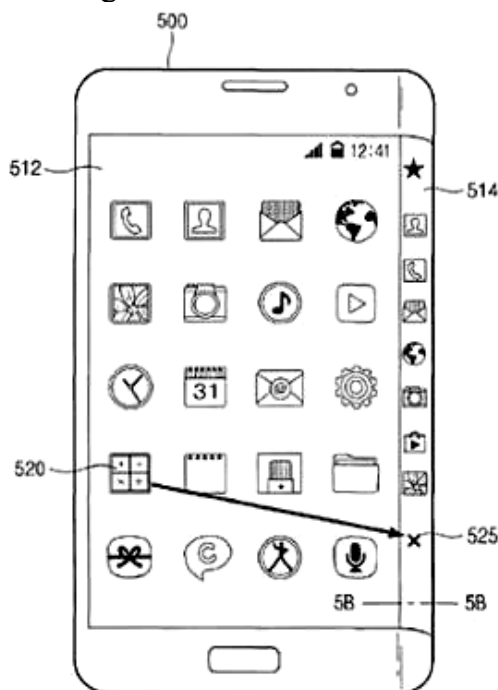
- (11) **1-0024362 B** (15) 03/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
- (21) 1-2016-03041 (85) 23/05/2014
- (22) 25/09/2012 (86) PCT/JP2012/074575 25/09/2012
- (30) 2011-243490 07/11/2011 JP (87) WO2013/069384A1 16/05/2013
- (51) **H04N 7/32**
- (62) 1-2014-01679
- (73) **NTT DOCOMO, INC. (JP)**
11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150, Japan
- (72) SUZUKI Yoshinori (JP); BOON Choong Seng (MY)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **THIẾT BỊ MÃ HÓA DỰ BÁO VIDEO, THIẾT BỊ GIẢI MÃ DỰ BÁO VIDEO, PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA DỰ BÁO VIDEO VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ DỰ BÁO VIDEO**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mã hóa dự báo video trong đó hiệu quả được nâng cao của dự báo hai hướng với lượng nhỏ hơn của các bit mã hóa. Bộ tạo tín hiệu được dự báo (103) được bố trí trong thiết bị mã hóa dự báo video bao gồm: phương tiện (122) mà đánh giá vector chuyển động thứ không để thu được tín hiệu được dự báo thứ không, lựa chọn biến dự báo vector chuyển động thứ không tương tự với vector chuyển động thứ không, và tạo ra thông tin bổ sung thứ không chứa chỉ số biến dự báo vector chuyển động thứ không để nhận dạng biến dự báo vector chuyển động và độ chênh lệch vector chuyển động được xác định từ vector chuyển động thứ không và biến dự báo vector chuyển động thứ không; phương tiện (121) mà lựa chọn vector chuyển động cho việc tạo ra của tín hiệu được dự báo thứ nhất có độ tương quan cao với vùng đích, mà tạo ra thông tin bổ sung thứ nhất chứa chỉ số biến dự báo vector chuyển động thứ nhất để nhận dạng vector chuyển động như là biến dự báo vector chuyển động thứ nhất, và mà thiết lập biến dự báo vector chuyển động thứ nhất thành vector chuyển động thứ nhất; và phương tiện (123) mà kết hợp các tín hiệu được dự báo thứ không và thứ nhất để tạo ra tín hiệu được dự báo của vùng đích.



- | | | | |
|---|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024363 B | | (15) 03/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/06/2017 | 351A |
| (21) 1-2017-00990 | | (85) 20/03/2017 | |
| (22) 18/09/2015 | | (86) PCT/KR2015/009829 | 18/09/2015 |
| (30) 10-2014-0125312 | 19/09/2014 KR | (87) WO2016/043553 | 24/03/2016 |
| (51) G06F 3/048; G06F 3/041 | | | |
| (73) SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR) | | | |
| | 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677, Republic of Korea | | |
| (72) LEE, Sang Hyun (KR); LEE, Woo Kwang (KR) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM) | | | |
| (54) THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ ĐỘNG TÁC ĐỂ Ở TRẠNG THÁI LỢ LỪNG TRONG THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ CÓ MÀN HÌNH | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điện tử và phương pháp xử lý động tác để ở trạng thái lơ lửng trong thiết bị điện tử. Thiết bị điện tử này bao gồm màn hình có vùng thứ nhất mà ở đó đối tượng được hiển thị và vùng thứ hai liên kề với vùng thứ nhất, và môđun cảm ứng được tạo cấu hình để nhận biết động tác nhập vào của người dùng để chọn một đối tượng và động tác nhập vào của người dùng bằng cách để ở trạng thái lơ lửng, trong đó môđun cảm ứng còn được tạo cấu hình để xác định rằng việc chọn đối tượng được duy trì nếu động tác nhập vào của người dùng bằng cách để ở trạng thái lơ lửng được thực hiện ở bên trên một vùng xác định. Phương pháp xử lý động tác để ở trạng thái lơ lửng trong thiết bị điện tử bao gồm các bước: nhận biết động tác nhập vào của người dùng để chọn một đối tượng; nhận biết thấy động tác nhập vào của người dùng bằng cách để ở trạng thái lơ lửng được thực hiện ở bên trên một vùng xác định; và xác định rằng việc chọn đối tượng được duy trì, trong đó màn hình của thiết bị điện tử có vùng thứ nhất mà ở đó đối tượng được hiển thị và vùng thứ hai liên kề với vùng thứ nhất.

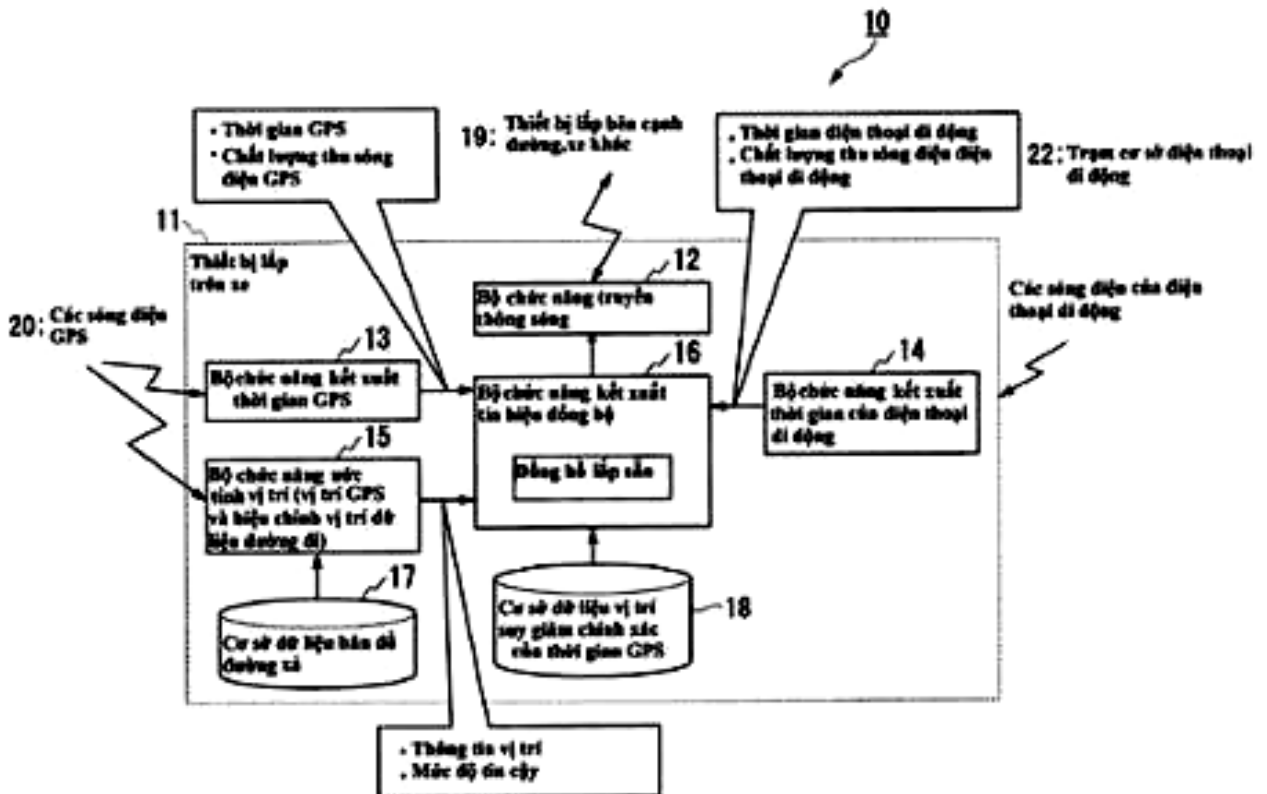


- (11) **1-0024364 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A
(21) 1-2013-02614 (85) 21/08/2013
(22) 25/01/2012 (86) PCT/EP2012/051132 25/01/2012
(30) 11000577.4 25/01/2011 EP (87) WO2012/101167 A1 02/08/2012
11000579.0 25/01/2011 EP
11000578.2 25/01/2011 EP
(51) **A61K 9/50; A23L 1/30; A61K 35/00**
(73) **AUSTRIANOVA SINGAPORE PTE LTD (SG)**
20 Biopolis way, #05-518 Centros, Singapore 138668, Singapore
(72) GUENZBURG Walter H. (AT); BRANDTNER Eva Maria (AT); SALMONS Brian
Salmons (GB); DANGERFIELD John A. (GB)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Gia Việt (GIAVIET CO., LTD.)
(54) **TẾ BÀO VI SINH VẬT ĐƯỢC BAO NANG VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ**

(57) Sáng chế đề cập đến các tế bào vi khuẩn probiotic là các vi khuẩn hữu ích sống trong ruột động vật sản sinh và tiết ra các enzym có lợi cho tiêu hóa và sức khỏe vật chủ. Cụ thể hơn sáng chế đề cập đến các tế bào vi khuẩn probiotic được bao nang hóa bằng phương pháp bào chế theo sáng chế. Phương pháp bao nang hóa hay vi nang hóa các tế bào này dựa trên natri sulphat xenluloza là công nghệ đơn giản và hiệu quả về giá thành giúp cho các vi khuẩn probiotic có lợi cho tiêu hóa có thể sống sót khi tiếp xúc môi trường axit trong dạ dày và vẫn sống khi vào ruột sau khi được người hay động vật ăn với tỷ lệ sống cao hơn các vi khuẩn không được bao trong vi nang. Ngoài ra, thực phẩm chức năng và dược phẩm chứa các tế bào vi sinh vật được bao nang theo sáng chế cũng là đối tượng của sáng chế này.

- (11) 1-0024365 B (15) 03/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2014 321A
 (21) 1-2014-02644 (85) 05/08/2014
 (22) 07/02/2013 (86) PCT/JP2013/052841 07/02/2013
 (30) 2012-025002 08/02/2012 JP (87) WO2013/118811 15/08/2013
 (51) *H04W 56/00; G08G 1/09; H04W 4/04*
 (73) **MITSUBISHI HEAVY INDUSTRIES, LTD.** (JP)
 16-5, Konan 2-chome, Minato-ku, Tokyo 108-8215, Japan
 (72) Hideaki MURATA (JP); Seiki KATO (JP); Takeshi NAGATA (JP); Yoshifumi HAYAKAWA (JP); Hisaji TAKEUCHI (JP)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG VÀ HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp truyền thông và hệ thống truyền thông. Hệ thống truyền thông này bao gồm bước mà trong đó thời gian của thiết bị gắn trên xe được sử dụng dựa khi chất lượng của các tín hiệu GPS (Global Positioning System - Hệ thống định vị toàn cầu) thấp hơn hoặc bằng ngưỡng định trước hoặc khi thiết bị gắn trên xe ở vị trí suy giảm chính xác được bao gồm trong cơ sở dữ liệu vị trí suy giảm chính xác của thời gian GPS.



- | | | | | |
|-------------------------|-------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024366 B | | | (15) 03/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 27/08/2012 | 293A |
| (21) 1-2012-00115 | | | (85) 13/01/2012 | |
| (22) 15/06/2010 | | | (86) PCT/JP2010/003956 | 15/06/2010 |
| (30) 2009-142242 | 15/06/2009 | JP | (87) WO2010/146830 | 23/12/2010 |
| | 2009-222796 | 28/09/2009 | JP | |

(51) **C12Q 1/04**

(73) **ASAHI SOFT DRINKS CO., LTD.** (JP)

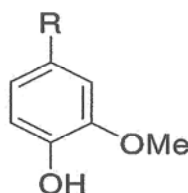
23-1, Azumabashi 1-chome, Sumida-ku Tokyo 130-8602, Japan

(72) MURAKAMI, Hiroaki (JP); TAKASE, Masanori (JP)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP PHÁT HIỆN VI KHUẨN TẠO RA GUAIACOL**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp phát hiện vi khuẩn tạo ra guaiacol trong mẫu xét nghiệm bao gồm các bước: nuôi cấy mẫu xét nghiệm hoặc dịch pha loãng của chúng trên đĩa chứa môi trường rắn dùng cho vi khuẩn ura axit có chứa hợp chất có công thức sau:



trong đó R là -H, -OH, -C(O)H, -C(O)CH₃, -COOH, C₁-C₃ alkyl hoặc C₁-C₃ alkenyl, trong đó alkyl và alkenyl tùy ý có thể được thế bằng -OH, -C(O)H hoặc -COOH); và phát hiện khuẩn lạc được tạo ra trên môi trường rắn này. Sáng chế cũng đề xuất môi trường rắn dùng cho vi khuẩn ura axit và bộ kit phát hiện vi khuẩn tạo ra guaiacol trong mẫu xét nghiệm. Theo sáng chế, vi khuẩn tạo ra guaiacol có mặt trong mẫu xét nghiệm như các nguyên liệu thô của nước ép quả có thể được phát hiện nhanh chóng theo cách đơn giản.

- (11) **1-0024367 B** (15) 03/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
 (21) 1-2015-03976
 (22) 16/10/2015
 (30) 2014-214816 21/10/2014 JP

(51) **F02D 9/02**

(73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISBA (JP)**

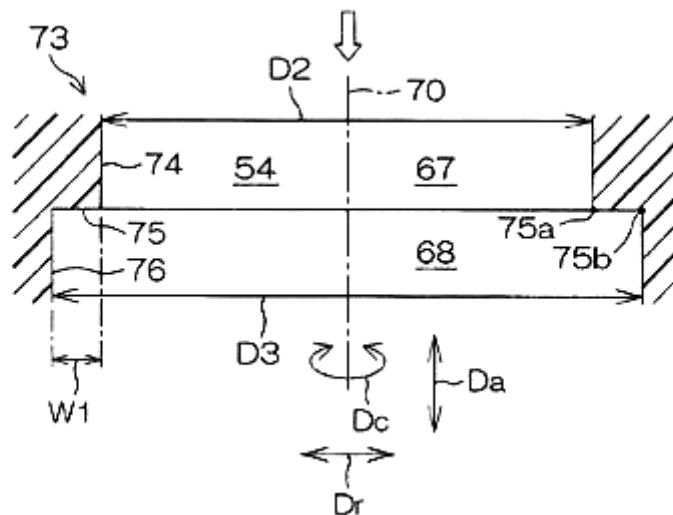
2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan

(72) Hiroaki TAKAMA (JP); Tomoyuki MIYASHITA (JP); Satoshi ISHIKAWA (JP); Kazuhiro ISHIZAWA (JP)

(74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)

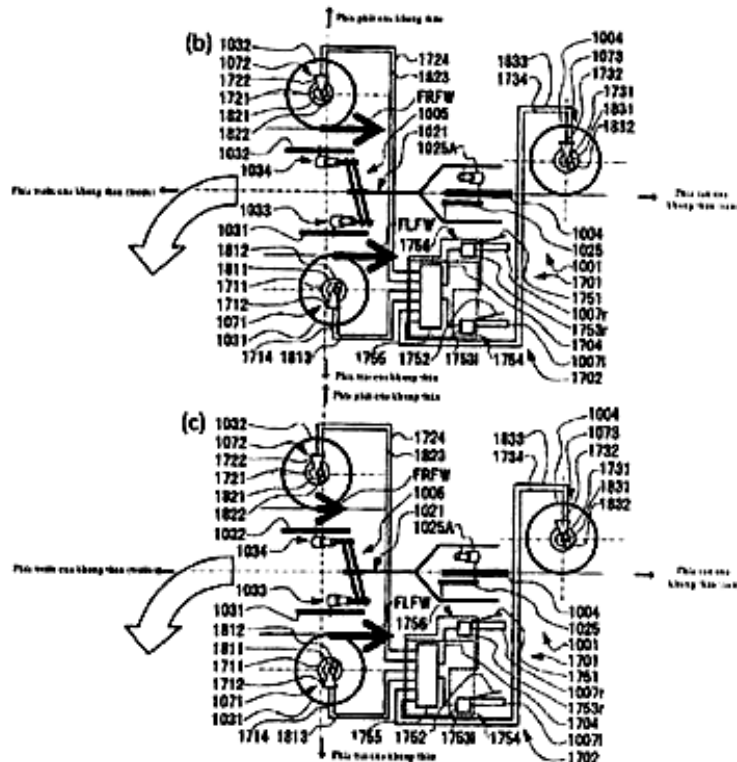
(54) **PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KIỂU NGỒI CHÂN ĐỂ HAI BÊN**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương tiện giao thông kiểu ngồi chân để hai bên trong đó bậc dạng vòng (73) được tạo ra trên vách trong (51) của bộ phận nạp khí (50). Bậc dạng vòng (73) gồm phần vách ở phía trước (74), phần vách ở phía sau (76) và phần vách nối (75). Phần vách nối (75) nối đầu nối thứ nhất (75a) của phần vách ở phía trước (74) và đầu nối thứ hai (75b) của phần vách ở phía sau (76) với nhau. Đầu nối thứ hai (75b) của phần vách ở phía sau (76) được bố trí ở vị trí nằm ra phía ngoài hơn so với đầu nối thứ nhất (75a) của phần vách ở phía trước (74) theo hướng kính (Dr) của bộ phận nạp khí (50) và phần vách nối (75) kéo dài ra phía ngoài theo hướng kính (Dr) của bộ phận nạp khí (50) từ đầu nối thứ nhất (75a) về phía đầu nối thứ hai (75b).



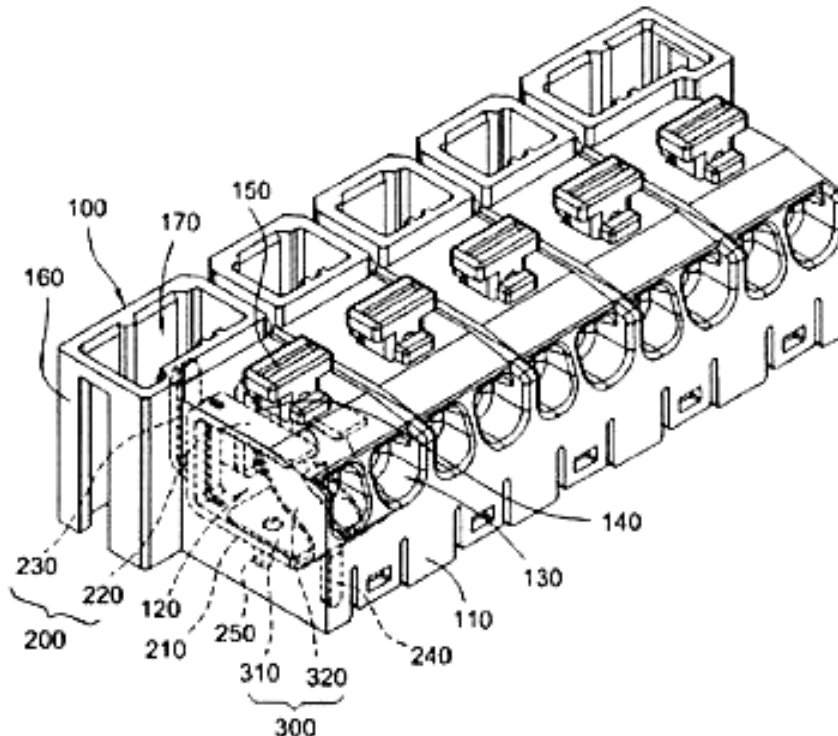
- (11) **1-0024368 B** (15) 03/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-01560 (85) 29/04/2016
 (22) 29/10/2014 (86) PCT/JP2014/078809 29/10/2014
 (30) 2013-227455 31/10/2013 JP (87) WO2015/064658 07/05/2015
 2014-219736 28/10/2014 JP
 (51) **B60T 8/1761; B60T 8/32**
 (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 2500 Shingai, Iwata, Shizuoka 438-8501, JAPAN
 (72) Hiroaki SETO (JP); Kunihide OHASHI (JP); Takeshi YAMAMURA (JP); Yoshinori TSUJI (JP); Hideki TAKADA (JP); Kunio KAJIHARA (JP); Masato TERASAKA (JP); Yutaka HAMAMOTO (JP)
 (74) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)
 (54) **HỆ THỐNG PHANH VÀ XE CÓ LẮP HỆ THỐNG PHANH NÀY**

(57) Sáng chế đề xuất hệ thống phanh (1701) không thay đổi ngay lập tức trạng thái vận hành của phanh trước bên trái (1071) mặc dù trạng thái trượt được phát hiện ở bánh trước bên trái (1031) dựa trên tín hiệu được phát hiện bởi phần đo bên trái (1812) trong tình huống mà trạng thái trượt không được phát hiện ở bánh trước bên phải (1032) dựa trên tín hiệu được phát hiện bởi phần đo bên phải (1822) và không thay đổi ngay lập tức trạng thái vận hành của phanh trước bên phải (1072) mặc dù trạng thái trượt được phát hiện ở bánh trước bên phải (1032) dựa trên tín hiệu được phát hiện bởi phần đo bên phải (1822) trong đó trạng thái mà trạng thái trượt không được phát hiện ở bánh trước bên trái (1031) dựa trên tín hiệu được phát hiện bởi phần đo bên trái (1812). Sáng chế còn đề xuất xe có lắp hệ thống phanh này.



- (11) **1-0024369 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/06/2017 351A
(21) 1-2016-03646
(22) 28/09/2016
(30) 201510959571.2 21/12/2015 CN
(51) **H01R 9/00; H01R 9/03**
(73) **DINKLE ENTERPRISE CO., LTD. (TW)**
No. 19, Wuquan 2nd Rd., Wugu Dist., New Taipei City 24890, Taiwan
(72) Shang-Tsai, Wu (TW)
(74) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)
(54) **KHOẢNG ĐÀU CUỐI KẸP DÂY KẸP**

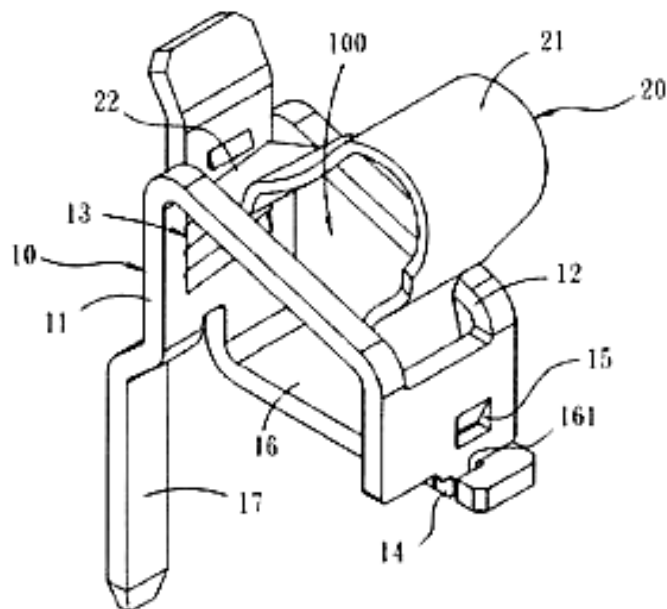
- (57) Sáng chế đề cập đến khối đầu cuối kẹp dây kếp gồm vỏ cách điện, khối đầu cuối dẫn điện, và khối đầu cuối kẹp. Vỏ cách điện gồm lỗ ép và khối ép dịch chuyển được so với lỗ ép. Khối đầu cuối dẫn điện có chân đế và hai cánh tay kéo dài được uốn cong và kéo dài từ chân đế. Khối đầu cuối dạng kẹp gồm tấm đế, và phần tiếp xúc được nối với từng cánh tay đàn hồi được. Khối ép đi qua giữa hai cánh tay đàn hồi được để ép vào từng phần tiếp xúc, vì vậy mà hai cánh tay đàn hồi được được tách khỏi vị trí tiếp xúc với hai cánh tay kéo dài để cho phép dây được chèn vào và được kẹp giữa hai cánh tay đàn hồi được và hai cánh tay kéo dài. Theo đó, việc kết nối dây có thể thực hiện được một cách dễ dàng, thuận tiện và hiệu quả.



- (11) **1-0024370 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2017 352A
(21) 1-2016-03645
(22) 28/09/2016
(30) 201511015424.6 30/12/2015 CN
(51) **H01R 4/00; H01R 4/28**
(73) **DINKLE ENTERPRISE CO., LTD. (TW)**
No. 19, Wuquan 2nd Rd., Wugu Dist., New Taipei City 24890, Taiwan
(72) Shang-Tsai, Wu (TW)
(74) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)
(54) **KẸP DÂY CỦA KHỐI ĐẦU CUỐI**

- (57) Sáng chế đề cập đến kẹp dây của khối đầu cuối bao gồm khung chèn (10) và lò xo (20). Khung chèn (10) bao gồm khe chèn (12), bộ phận tiếp xúc (13), đầu liên kết (14), phần kết nối thứ nhất (15), thành phần kéo dài (16), rãnh kết nối (161), và chân dẫn điện (17). Khung chèn (10) uốn cong, để khe chèn (12) được cố định vị trí tương ứng ở trên thành phần kéo dài (16), và đầu liên kết (14) được lắp vào rãnh kết nối (161) để cho phép khe chèn (12) và thành phần kéo dài (16) bao quanh tạo thành không gian chèn (100). Lò xo (20) được uốn cong thành lò xo hình chữ V. Lò xo (20) được lắp vào không gian chèn (100).

1



- (11) **1-0024371 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2013 301A
(21) 1-2012-02779 (85) 20/09/2012
(22) 23/03/2011 (86) PCT/SG2011/000113 23/03/2011
(30) 1004820.5 23/03/2010 GB (87) WO2011/119112 29/09/2011
(51) **C05F 1/00; C05F 11/00; C05F 9/00; C05F 5/00; C05F 7/00; B09B 3/00; C05F 3/00**
(73) **BIOMAX HOLDINGS PTE LTD (SG)**
Blk 4, Kaki Bukit Ave 1, #05-07-08, Singapore 417939, Singapore
(72) PUAH, Chum Mok (SG); SIM, Eng Tong (SG); CHUA, Siok Lui (SG)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **QUY TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI HỮU CƠ, HỢP PHẦN VÀ BỘ KIT ĐỂ XỬ LÝ CHẤT THẢI HỮU CƠ**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình xử lý chất thải hữu cơ, quy trình này bao gồm bước cho chất thải hữu cơ tiếp xúc với một hoặc nhiều vi sinh vật từ ít nhất ba loài trong số các loài vi sinh vật sau: vi sinh vật Bacillus sp., vi sinh vật Pseudomonas sp., vi sinh vật Bifidobacterium sp. và vi sinh vật Lactobacillus sp., bước tiếp xúc này được thực hiện trong các điều kiện để chuyển hóa ít nhất một phần chất thải hữu cơ thành phân bón hữu cơ.

- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024372 B | | (15) 03/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2016 | 344A |
| (21) 1-2016-02800 | | (85) 28/07/2016 | |
| (22) 26/01/2014 | | (86) PCT/CN2014/071473 | 26/01/2014 |
| | | (87) WO2015/109563 | 30/07/2015 |

(51) **H04L 1/00**

(73) **HUAWEI DEVICE CO., LTD. (CN)**

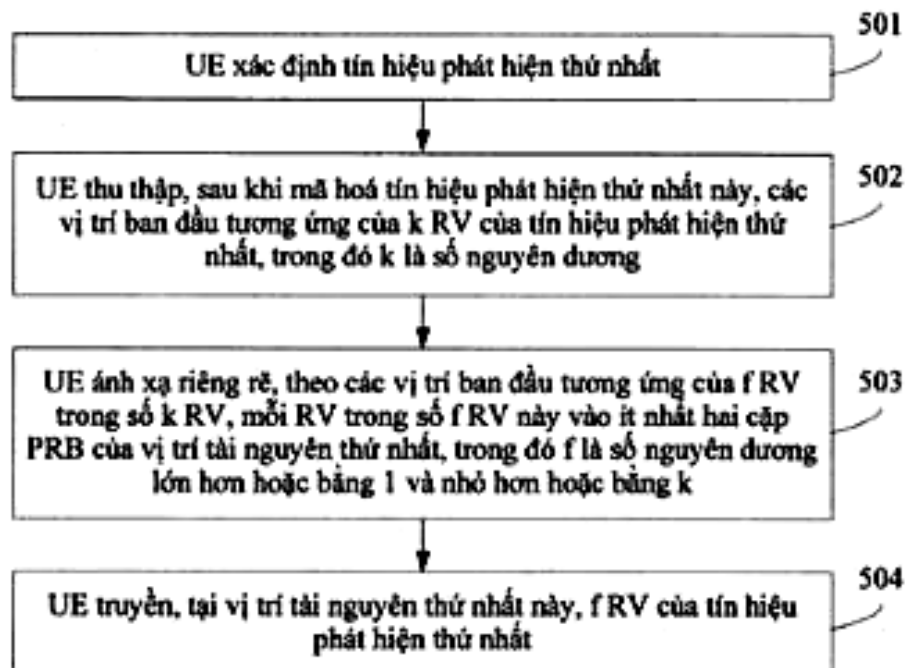
B2-5 of Nanfang Factory, No. 2 of Xincheng Road, Shongshan Lake Science and Technology Industrial Zone, Dongguan, Guangdong, PRC, 523808

(72) WANG, Jian (CN); XU, Kai (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

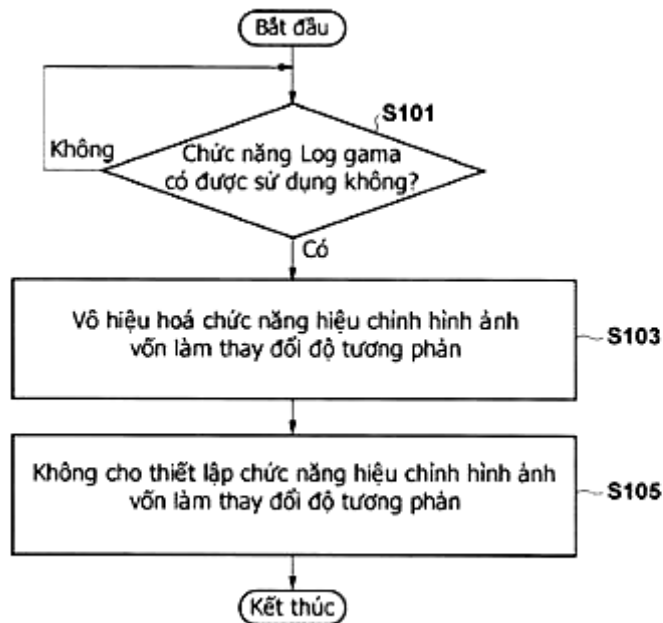
(54) **PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN VÀ THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG**

(57) Mục đích của sáng chế là đề xuất phương pháp truyền và thiết bị người dùng, để có thể cải thiện hiệu suất mã hoá và giải mã tín hiệu phát hiện. Phương pháp này bao gồm các bước: xác định, bởi thiết bị người dùng (User Equipment - UE), tín hiệu phát hiện thứ nhất; thu thập, bởi UE sau khi mã hoá tín hiệu phát hiện thứ nhất này, các vị trí ban đầu tương ứng của k RV của tín hiệu phát hiện thứ nhất, trong đó k là số nguyên dương; ánh xạ riêng rẽ, bởi UE theo các vị trí ban đầu tương ứng của f RV trong số k RV này, mỗi RV trong số f RV này đến ít nhất hai cặp khối tài nguyên vật lý (Physical Resource Block Pair - cặp PRB) của vị trí tài nguyên thứ nhất, trong đó f là số nguyên dương không nhỏ hơn 1 và không lớn hơn k ; và truyền, bởi UE tại vị trí tài nguyên thứ nhất này, f RV của tín hiệu phát hiện thứ nhất.

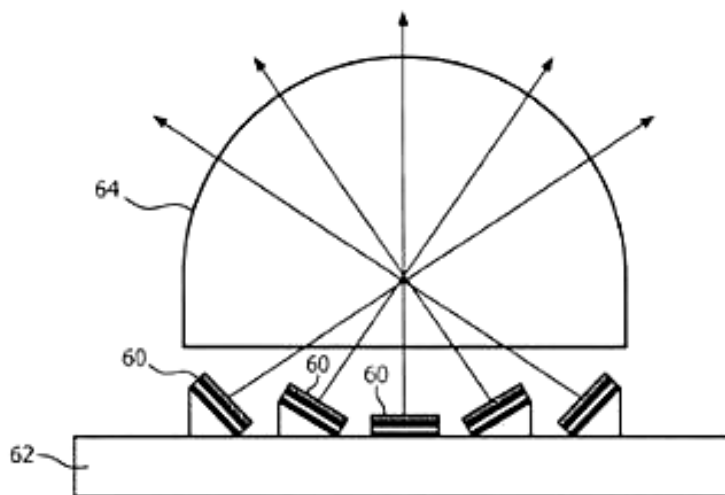


- (11) **1-0024373 B** (15) 03/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
- (21) 1-2014-03629 (85) 29/10/2014
- (22) 10/04/2013 (86) PCT/JP2013/002449 10/04/2013
- (30) 2012-090454 11/04/2012 JP (87) WO2013/153811 17/10/2013
- (51) **H04N 5/243; H04N 101/00; H04N 5/232; G06T 5/00; H04N 5/225**
- (73) **CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)**
30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo, Japan
- (72) Hironori AOKAGE (JP)
- (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **THIẾT BỊ CHỤP ẢNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU KHIỂN THIẾT BỊ CHỤP ẢNH**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị chụp ảnh và phương pháp điều khiển thiết bị này để hiệu chỉnh hình ảnh để thay đổi độ tương phản của ảnh chụp, để ngăn chặn sự giảm chất lượng của ảnh chụp nhờ sử dụng các đặc tuyến vào-ra mà trong đó giá trị ra tăng theo hàm lôgarit khi giá trị nhập vào tăng tuyến tính. Khi sử dụng các đặc tuyến vào-ra mà trong đó giá trị ra tăng theo hàm lôgarit khi giá trị nhập vào tăng tuyến tính (bước S101), thì các khối chức năng bên trong sẽ được điều khiển để vô hiệu hoá các chức năng hiệu chỉnh hình ảnh vốn ảnh hưởng đến các đặc điểm tông màu hoặc độ tương phản của hình ảnh (bước S103).



- (11) **1-0024374 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
(21) 1-2015-02137 (85) 16/06/2015
(22) 04/09/2013 (86) PCT/IB2013/058273 04/09/2013
(30) 61/727,311 16/11/2012 US (87) WO2014/076587 22/05/2014
(51) **G02B 27/22**
(73) **KONINKLIJKE PHILIPS N.V. (NL)**
High Tech Campus 5 NL-5656 AE Eindhoven Netherlands
(72) JOHNSON, Mark Thomas (NL); KROON, Bart (NL)
(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ HIỂN THỊ BA CHIỀU KHÔNG DỤNG CỤ XEM HỖ TRỢ**
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị hiển thị ba chiều không dụng cụ xem hỗ trợ sử dụng cấu trúc màn hình hiển thị điện phát quang. Tập các điểm ảnh được cung cấp dưới các phần tử tạo thành cảnh (chẳng hạn như, ống kính), với nhiều điểm ảnh trên hướng chiều rộng của phần tử tạo thành cảnh. Các điểm ảnh được bố trí với ít nhất hai hướng góc khác nhau so với nền. Hoạt động ghép nối xuất được cải thiện bằng cách bố trí theo hướng phát sáng gần như vuông góc với bề mặt phát sáng mong muốn của các phần tử tạo thành cảnh.



- (11) **1-0024375 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2012 288A
(21) 1-2011-02292
(22) 30/08/2011
(30) 099129249 31/08/2010 TW
(51) **D03D 1/00**
(73) **GOLD-JOINT INDUSTRY CO., LTD.** (TW)
No. 33, Jing 3 Road, C.E.P.Z. Wuci, Taichung City, Taiwan
(72) Chin-Feng WANG (TW)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **VẢI CÔNG NGHIỆP**
- (57) Sáng chế đề cập đến vải công nghiệp (3) bao gồm nhiều sợi (31, 32) kéo dài theo các hướng dọc và ngang và được dệt thành cấu trúc dệt chéo, vải này gồm có 200 đến 2000 sợi tơ đơn (311) trên inơ (2,54cm) theo một trong số hướng dọc và hướng ngang. Độ mảnh của mỗi sợi tơ đơn nằm trong khoảng từ 50 đoniê đến 500 đoniê. Vải công nghiệp (3) không chỉ có độ bền cao mà còn có tính thấm nước tuyệt vời.

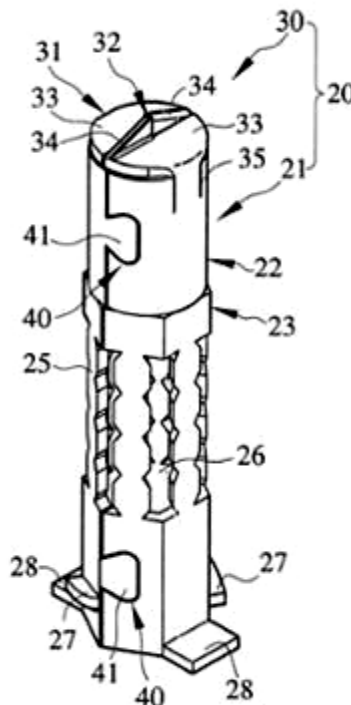
- (11) **1-0024376 B** (15) 03/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2015 327A
 (21) 1-2013-03838
 (22) 05/12/2013
 (51) **F16B 13/06**
 (76) **HSU, FU-CHUAN (TW)**

No. 682, Sec.1, Yanghu Rd., Yangmei City, Taoyuan County, Taiwan

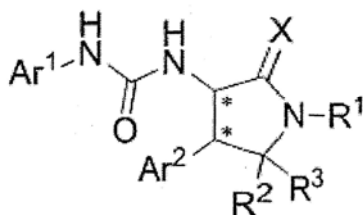
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) **CƠ CẤU BẮT CHẶT MỞ RỘNG ĐƯỢC TỰ KHOAN VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA LIỀN KHỐI CƠ CẤU BẮT CHẶT MỞ RỘNG ĐƯỢC TỰ KHOAN**

- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu bắt chặt mở rộng được tự khoan được tạo ra liền khối từ vật liệu kim loại dạng tấm để hãm chặt hai hoặc nhiều hơn nữa các chi tiết gia công dạng tấm cùng nhau và bao gồm kết cấu mở rộng được và kết cấu khoan. Kết cấu mở rộng được có một số đường ren trong và thanh phân bố lực. Kết cấu khoan có chi tiết chắn phoi để che đầu của kết cấu mở rộng được và mũi khoan được nhô về phía trước từ đường dẫn phoi để tự khoan lỗ. Khi thành phần đường ren phía ngoài được vặn ren vào kết cấu mở rộng được để ăn khớp với đường ren trong, thanh phân bố lực được cho mở rộng về phía ngoài và cuối cùng được ép vào trạng thái gấp để nhờ đó hãm chặt các chi tiết gia công dạng tấm với nhau. Phương pháp tạo cơ cấu bắt chặt mở rộng được tự khoan cũng được bộc lộ.



- (11) **1-0024377 B** (15) 03/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-01953 (85) 27/05/2016
 (22) 27/11/2014 (86) PCT/JP2014/005933 27/11/2014
 (30) 2013-245502 28/11/2013 JP (87) WO2015/079692 04/06/2015
 (51) **C07D 207/273**; C12N 15/09; A61K 31/403; A61K 31/42; A61K 31/423; A61K 31/427; A61K 31/428; A61K 31/4439; A61K 31/497; A61K 31/506; A61P 11/00; A61P 25/00; A61P 25/04; A61P 29/00; A61P 31/04; A61P 31/18; A61P 35/00; A61P 37/08; A61P 43/00; A61P 9/00; C07D 209/54; C07D 401/04; C07D 401/12; C07D 403/12; C07D 405/04; C07D 405/12; C07D 409/04; C07D 409/12; C07D 413/12; C07D 417/12; A61K 31/4015; A61K 31/4025
 (73) **KYORIN PHARMACEUTICAL CO., LTD.** (JP)
 6, Kanda Surugadai 4-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8311, Japan
 (72) TAKAHASHI, Hiroyasu (JP); SAITO, Yoshifumi (JP); TSUDA, Kosuke (JP); SHIBASAKI, Mitsuhito (JP); OHATA, Kohei (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **HỢP CHẤT URE VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ**
 (57)



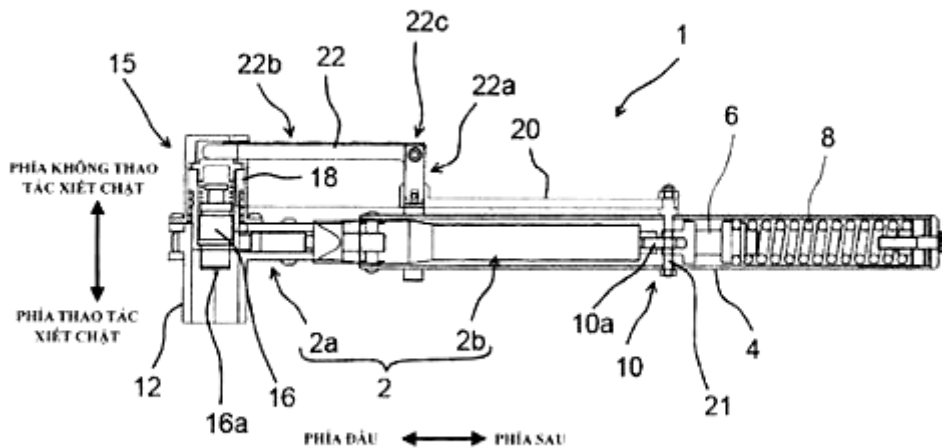
Sáng chế đề cập đến hợp chất có tác dụng chủ vận thụ thể giống thụ thể formyl peptid 1 (formyl peptide receptor like 1 - FPRL1). Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức chung (I) hoặc muối dược dụng của nó. Sáng chế còn đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất có công thức chung (I) hoặc muối dược dụng của nó.

- (11) **1-0024378 B** (15) 03/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
- (21) 1-2014-02191 (85) 04/07/2014
- (22) 06/12/2011 (86) PCT/JP2011/078197 06/12/2011
- (87) WO2013/084299A1 13/06/2013
- (51) **G06Q 50/06; G06Q 50/12**
- (73) **THE CHUGOKU ELECTRIC POWER CO., INC. (JP)**
4-33, Komachi, Naka-ku, Hiroshima-shi, Hiroshima 730-8701, Japan
- (72) OE, Ryuji (JP)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) **THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT THỦY ĐIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ LƯU TRỮ CHỨA CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT THỦY ĐIỆN**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điều chỉnh kế hoạch phát thủy điện, phương pháp và thiết bị lưu trữ chứa chương trình điều chỉnh kế hoạch phát thủy điện. Thiết bị điều chỉnh phân phối tải tiết kiệm 10 thu nhận sản lượng thủy điện phát ra tối ưu, nhu cầu tối ưu, và chi phí phát điện đơn vị từ thiết bị lập kế hoạch cung-cầu 23, thu nhận sản lượng thủy điện phát ra dự kiến được dự tính bởi các thiết bị lập kế hoạch mức nước 21 bằng cách đưa ra tín hiệu giá được tạo ra bằng cách chuyển đổi chi phí phát điện đơn vị và thu được nhu cầu dự kiến được dự tính bởi thiết bị điều khiển sạc 22 bằng cách đưa ra tín hiệu giá tương tự. Thiết bị điều chỉnh phân phối tải tiết kiệm 10 điều chỉnh giá điện trong thời gian mà sản lượng thủy điện phát ra dự kiến không phù hợp với sản lượng điện tối ưu và làm cho các thiết bị lập kế hoạch mức nước 21 dự tính lại sản lượng thủy điện phát ra bằng cách đưa ra tín hiệu giá điện thu được bằng cách chuyển đổi giá điện đã điều chỉnh, và điều chỉnh giá điện trong thời gian mà nhu cầu dự kiến không phù hợp với nhu cầu tối ưu và làm cho các thiết bị điều khiển sạc 22 dự tính lại lượng cầu bằng cách đưa ra tín hiệu giá điện thu được bằng cách chuyển đổi giá điện đã điều chỉnh.

Thời gian (giờ)	2311	2322	2312	2313	2314	2315	2316	2317	2318	2319
	Dung lượng tối thiểu Cmin [kWh]	Dung lượng tối đa Cmax [kWh]	Dung lượng tối đa Cmax [kWh]	Lượng sạc C [kWh]	Lượng sử dụng [kWh]	Dòng điện mang tối thiểu PINmin [kW]	Dòng điện mang tối đa PINmax [kW]	Dòng điện mang [kW]	Giá điện [¥/kWh]	Chi phí điện [¥]
8	30,0	190,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,34	0,0
9	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	8,10	0,0
10	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	8,25	0,0
11	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	8,46	0,0
12	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	8,25	0,0
13	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	8,67	0,0
14	30,0	200,0	190,0	190,0	40,0	0,0	30,0	0,0	8,77	0,0
15	30,0	200,0	150,0	150,0	40,0	0,0	30,0	0,0	8,57	0,0
16	30,0	200,0	110,0	110,0	40,0	0,0	30,0	0,0	8,51	0,0
17	30,0	200,0	70,0	70,0	0,0	0,0	30,0	0,0	7,99	0,0
18	30,0	200,0	70,0	70,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,80	0,0
19	30,0	200,0	70,0	70,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,62	0,0
20	30,0	200,0	70,0	70,0	40,0	0,0	30,0	0,0	6,27	0,0
21	30,0	200,0	30,0	30,0	0,0	0,0	30,0	30,0	5,98	179,4
22	30,0	200,0	60,0	60,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,66	0,0
23	30,0	200,0	60,0	60,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,41	0,0
0	30,0	200,0	60,0	60,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,05	0,0
1	30,0	200,0	60,0	60,0	0,0	0,0	30,0	30,0	5,94	178,2
2	30,0	200,0	90,0	90,0	0,0	0,0	30,0	30,0	5,92	177,6
3	30,0	200,0	120,0	120,0	0,0	0,0	30,0	30,0	5,92	177,6
4	30,0	200,0	150,0	150,0	0,0	0,0	30,0	30,0	5,91	177,3
5	30,0	200,0	180,0	180,0	0,0	0,0	30,0	10,0	6,00	60,0
6	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,17	0,0
7	30,0	200,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0	6,32	0,0
8	190,0	190,0	190,0	190,0	0,0	0,0	30,0	0,0		
										960,1

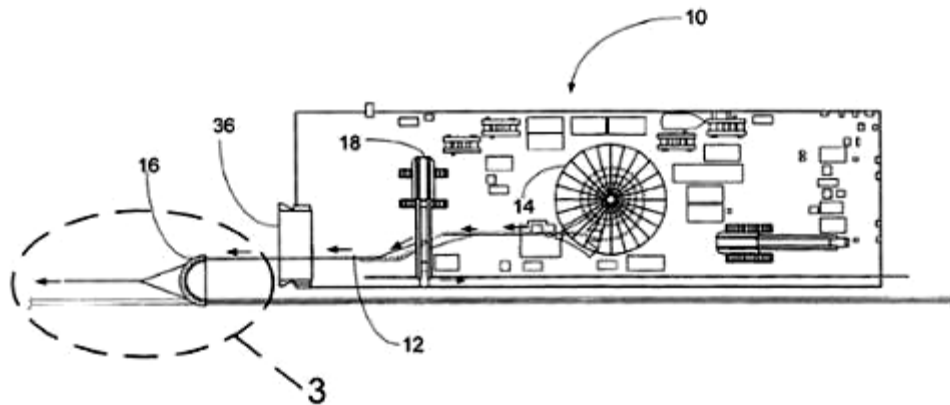
- (11) **1-0024379 B** (15) 03/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
- (21) 1-2015-04686 (85) 08/12/2015
- (22) 26/05/2015 (86) PCT/JP2015/002641 26/05/2015
- (30) 2014-109588 27/05/2014 JP (87) WO2015/182115 03/12/2015
- (51) **B25B 23/15**
- (73) **NAGAKI SEIKI CO., LTD.** (JP)
4-31, Tashiden 3-chome, Daito-shi, Osaka 574-0045, Japan
- (72) Takayuki NAGAKI (JP); Junsuke TAKADA (JP); Masaru KURAISHI (JP)
- (74) Công ty TNHH Sáng chế ACTIP (ACTIP PATENT LIMITED)
- (54) **CHÌA VẶN ĐÁNH DẦU**

(57) Sáng chế đề cập đến chìa vặn đánh dầu có khả năng hoạt động dựa vào chuyển động của chi tiết đẩy và đánh dầu ổn định bu lông nhô ra qua đai ốc. Chìa vặn đánh dầu (1) có chi tiết đẩy (6) được nối với thanh kéo (20) trên đầu phía sau của chìa vặn, trong đó thanh kéo (20) được bố trí dọc theo và nối với cần thao tác (4). Phía đầu của thanh kéo (20) được nối với cạnh ngắn (22a) của thanh kéo hình chữ L (22). Thanh kéo hình chữ L (22) được đỡ ngõng trực tại phần uốn cong (22c) để quay. Cạnh dài (22b) kéo dài để tiếp xúc với phần trên của giá đỡ con dấu (18) ở phía không thao tác xiết chặt, trong đó giá đỡ con dấu (18) được trang bị cơ cấu đánh dầu (15). Giá đỡ con dấu (18) được bố trí để trượt trong đầu tuýp (12), và con dấu (16) được lắp sẵn sao cho mặt con dấu (16a) di chuyển về phía thao tác xiết chặt. Con dấu (16) dịch chuyển tương đối so với giá đỡ con dấu (18) về phía thao tác xiết chặt.



- (11) **1-0024380 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
(21) 1-2013-01694
(22) 04/06/2013
(30) 13/676,327 14/11/2012 US
(51) **B63B 35/4**
(73) **J. RAY MCDERMOTT, S.A (US)**
757 N. Eldridge Pkwy., Houston, Texas 77079, USA
(72) Thom Charles Anderson (US); Colin James Fraser (GB)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyên (INVENCO.,LTD)
(54) **PHƯƠNG PHÁP LẮP ĐẶT CÁP TỪ TÀU THỦY Ở ĐỊA ĐIỂM GẦN BỜ VÀO BỜ**

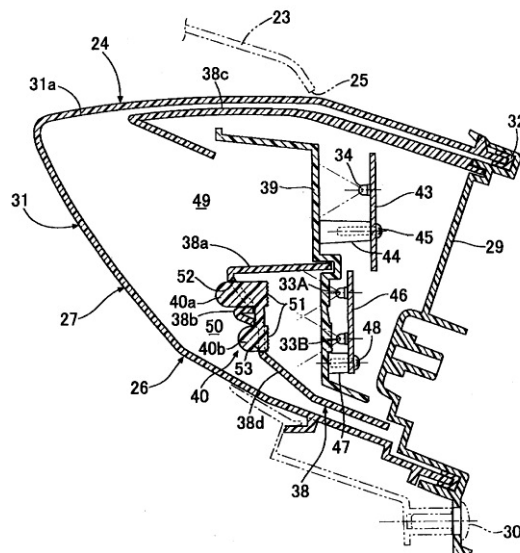
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp lắp đặt cáp từ tàu thủy ở địa điểm gần bờ trong vùng nước nông vào bờ. Cáp trên tàu được bọc xung quanh chạc bánh quần cáp được cải biến trên tàu. Chạc bánh quần cáp này được chuyển từ tàu xuống nước. Thiết bị kéo được gắn bởi một đường vào chạc bánh quần cáp này. Thiết bị kéo được sử dụng để kéo chạc bánh quần cáp và cáp về phía bờ. Thiết bị kéo có thể được định vị trong nước và có thể di chuyển vào bờ theo yêu cầu. Thiết bị kéo cũng có thể, ban đầu, được bố trí trên bờ biển. Chạc bánh quần cáp có thể bao gồm sóng trượt và môđun nổi để giảm lực kéo cần thiết để di chuyển chạc bánh quần cáp và lắp đặt cáp vào bờ.



- (11) **1-0024381 B** (15) 03/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 1-2015-04037 (85) 21/10/2015
 (22) 26/03/2014 (86) PCT/JP2014/058572 26/03/2014
 (30) 2013-070175 28/03/2013 JP (87) WO2014/157354 02/10/2014
 (51) *F21S 8/10; F21S 8/10; F21W 101/14; F21Y 115/10; F21W 101/027; F21W 101/12*
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan
 (72) OGUCHI Tsuyoshi (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **ĐÈN KẾT HỢP PHÍA SAU DỪNG CHO XE**

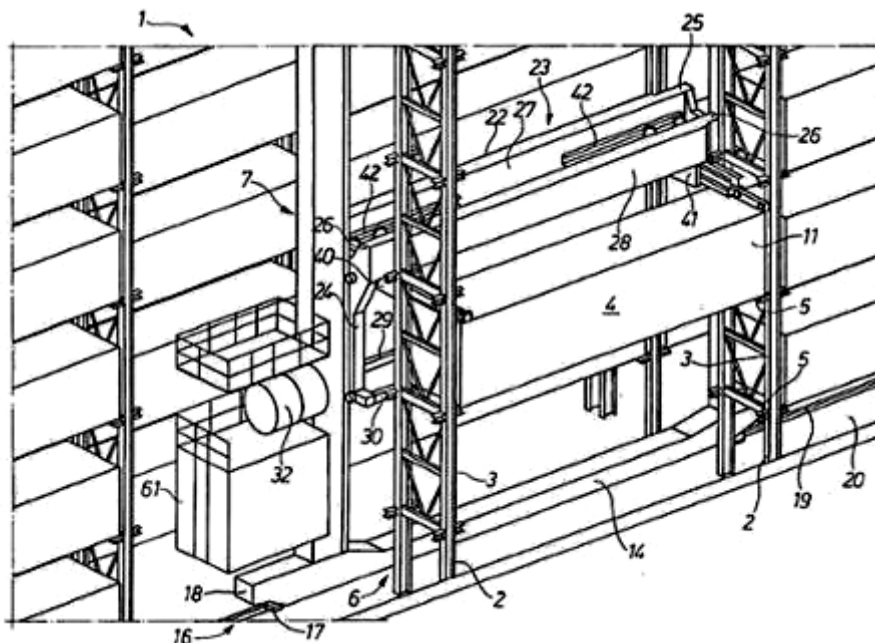
(57) Sáng chế đề xuất đèn kết hợp phía sau dùng cho xe trong đó nguồn sáng đèn sau và nguồn sáng đèn phanh được che từ phía sau xe bằng kính chắn bên ngoài, nguồn sáng đèn sau (33A, 33B) và nguồn sáng đèn phanh (34) được che từ phía sau xe bằng kính chắn bên trong thứ nhất (39), và kính chắn bên trong thứ hai (40) được xử lý để có độ truyền sáng thấp hơn độ truyền sáng của kính chắn bên trong thứ nhất (39) và để tán xạ ánh sáng được tạo để che kính chắn bên trong thứ nhất (39) từ phía sau xe ở vùng trong đó ít nhất kính chắn bên trong thứ nhất (39) và nguồn sáng đèn sau (33A, 33B) xếp chồng khi nhìn từ phía sau xe trong khi tránh vùng trong đó ít nhất kính chắn bên trong thứ nhất (39) và nguồn sáng đèn phanh (34) xếp chồng khi nhìn từ phía sau của xe. Kết cấu này cho phép có thể nhìn thấy rõ ràng phanh đã bật sáng bởi thông số khác ngoài cường độ sáng.

FIG.4



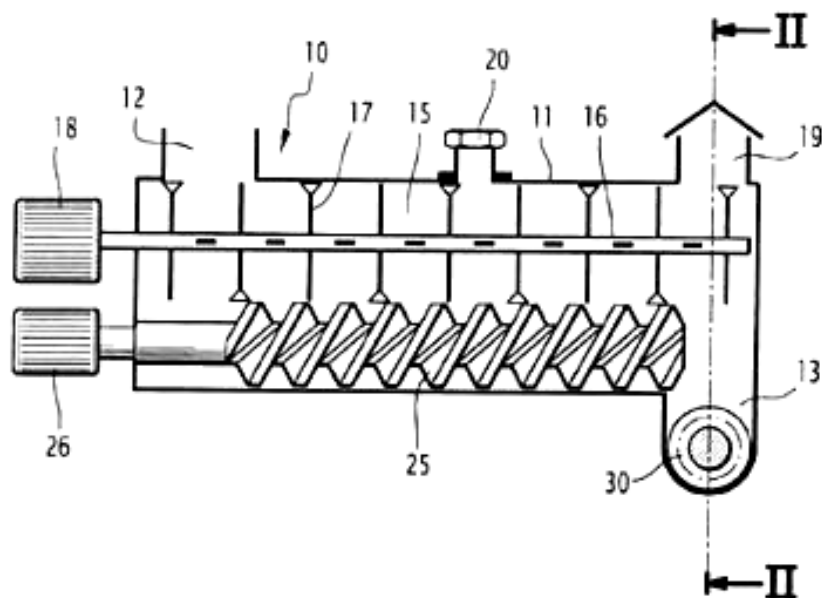
- (11) **1-0024382 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
 (21) 1-2016-02665 (85) 19/07/2016
 (22) 19/01/2015 (86) PCT/EP2015/050871 19/01/2015
 (30) 10 2014 203 006.4 19/02/2014 DE (87) WO2015/124342A1 27/08/2015
 (51) **B66F 9/07**
 (73) **SMS LOGISTIKSYSTEME GMBH (DE)**
 Obere Industriestraße 8, 57250 Netphen, Germany.
 (72) HEIDE, Carsten (DE); BRÜCK, Volker (DE); BANNERT, Michél (DE)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ LƯU KHO VÀ LẤY RA HOẶC KÉO CÔNGTENƠ TRONG NHÀ KHO TRẦN CAO**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp lưu kho và lấy ra hoặc kéo côngtenơ (4, 34) trong nhà kho trần cao (1) của phương tiện phục vụ vận tải, cụ thể là cảng biển hoặc cảng nội địa, trong đó côngtenơ (4, 34) được vận chuyển, và được lưu kho và được lấy ra hoặc được kéo, bởi cơ cấu lưu kho và lấy ra (7) mà có thể được chuyển chỗ ở lối đi (6) mở rộng song song với khoang (3) của nhà kho trần cao (1), khoang này được bố trí ở nhiều tầng trong các môđun kho hàng (2) với mục đích là để tạo ra, đối với nhà kho trần cao (1) này, phương pháp và thiết bị mà làm nhẹ bớt gánh nặng vận tải của phương tiện phục vụ vận tải và, với nhà kho trần cao (1) là kết cấu hẹp, làm cho nó có thể đối với côngtenơ cụ thể bất kỳ (4, 34) để truy cập được thậm chí bởi các bộ phận xếp chồng trên nền (7). Để đạt được mục đích này, các bộ đỡ nâng lên và hạ xuống được điều khiển từ xa (35 đến 38; 40, 41) của cơ cấu lưu kho và lấy ra (7) được sử dụng để lưu giữ côngtenơ (4, 34) bằng cách điều khiển từ xa, với các phía theo chiều dọc của chúng (11) ở phía trước, trong khoang (3) từ trạng thái vận tải, trong đó côngtenơ này tốt hơn là không nhô ra so với đường bao ngoài theo chu vi của cơ cấu lưu kho và lấy ra (7), và để loại chúng ra khỏi và điều khiển từ xa cho chúng ngược trở lại vào trong trạng thái vận tải trong cơ cấu lưu kho và lấy ra (7).

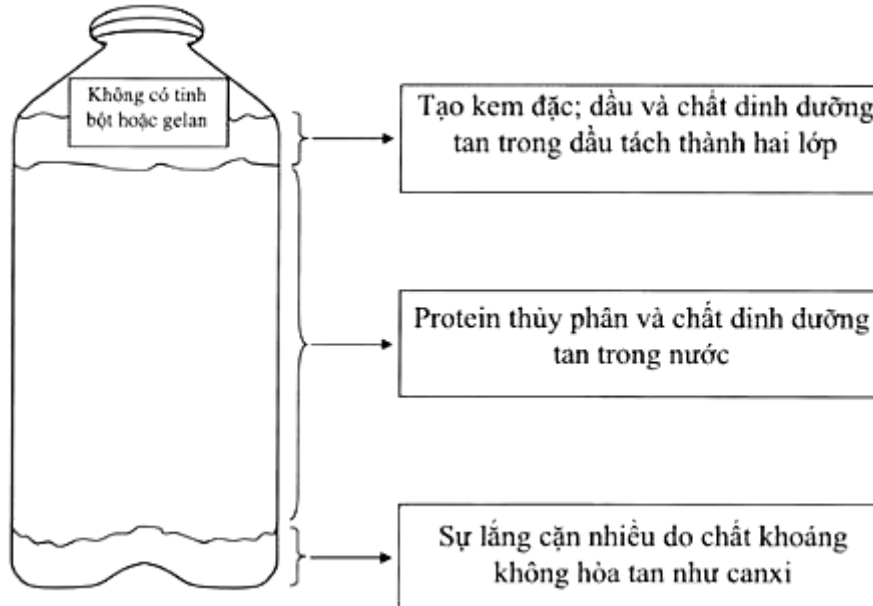


- (11) **1-0024383 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2013 308A
 (21) 1-2013-02778 (85) 06/09/2013
 (22) 08/02/2012 (86) PCT/EP2012/052133 08/02/2012
 (30) 11 51017 09/02/2011 FR (87) WO2012/107491 16/08/2012
 (51) **B01F 7/00; B01F 15/02; B01F 3/06; B01F 7/08; B01F 7/04; B01F 13/10; B01F 3/12**
 (73) **CLEXTRAL (FR)**
 1 rue du Colonel Riez F-42700 Firminy, France
 (72) DURAND Daniel (FR); MOTTAZ Jérôme (FR); ASENSIO Luis (FR); SALQUES Didier (FR)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **CƠ CẤU VÀ THIẾT BỊ XỬ LÝ LIÊN TỤC ÍT NHẤT MỘT NGUYÊN LIỆU THÔ**

- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu xử lý liên tục (10) bao gồm thùng (11) có hình dạng dài và tạo ra buồng trộn (15) bao gồm ít nhất một lỗ vào (12) ở đầu thứ nhất cho nguyên liệu thô, và ít nhất một lỗ ra (13) ở đầu thứ hai cho nguyên liệu đã được xử lý, và đồng thời, giữa các lỗ này, ít nhất một trục khuấy trộn (16) được trang bị các cánh (17) thích hợp để trộn và dẫn tiến liên tục nguyên liệu trong buồng trộn (15) từ lỗ vào đến lỗ ra. Cơ cấu này còn có vít trộn (25) ở đáy của thùng, vít này được định vị trong buồng trộn (15), bên dưới và song song với ít nhất một trục (16), và được tạo ra thích hợp để được quay, theo ít nhất một hướng quay, ngược lại với hướng dẫn tiến nguyên liệu từ lỗ vào (12) đến lỗ ra (13).

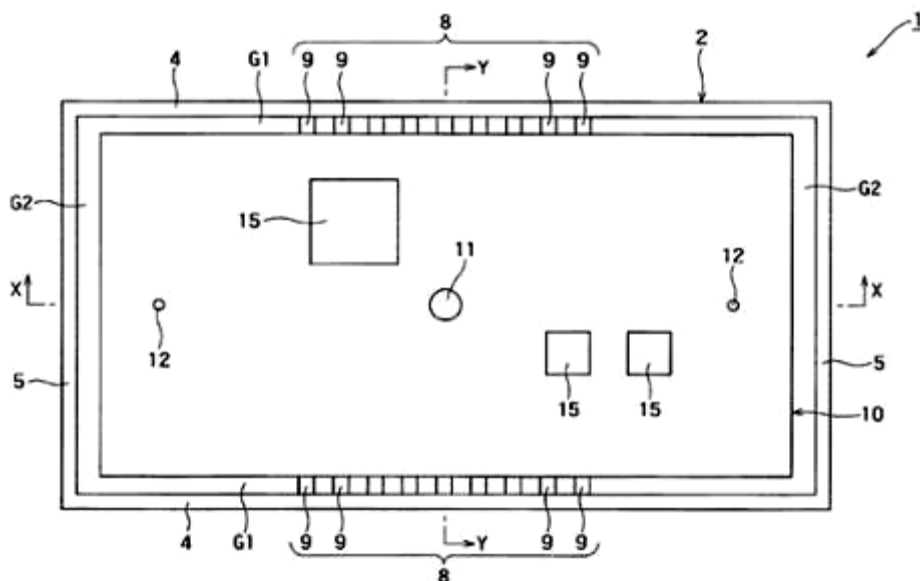


- (11) **1-0024384 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2013 306A
 (21) 1-2013-01256 (85) 22/04/2013
 (22) 28/10/2011 (86) PCT/US2011/058365 28/10/2011
 (30) 61/409,150 02/11/2010 US (87) WO2012/061242 10/05/2012
 (51) *A23C 9/152; A23L 1/30; A23L 1/305; A23C 9/154*
 (73) **ABBOTT LABORATORIES (US)**
 100 Abbott Park Road, Dept. 0377 AP6A-1 Abbott Park, Illinois 60064, United States of America
 (72) VURMA, Mustafa (US); BOFF, Jeffrey M. (US); KATZ, Gary E. (US)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **CHẾ PHẨM BỔ SUNG CHO SỮA MẸ DẠNG LỒNG ĐẬM ĐẶC CÓ ĐỘ ỔN ĐỊNH**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm bổ sung cho sữa mẹ dạng lỏng đậm đặc bao gồm casein được thủy phân tích cực và hệ chất ổn định. Hệ chất ổn định bao gồm tinh bột ngô biến tính OSA kết hợp với gôm gelan axyl thấp. Theo một phương án, chế phẩm bổ sung cho sữa mẹ dạng lỏng đậm đặc ít gây dị ứng và bao gồm casein được thủy phân tích cực làm nguồn protein duy nhất kết hợp với tinh bột ngô biến tính OSA và gôm gelan axyl thấp.



- (11) **1-0024385 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2015 327A
 (21) 1-2014-02256 (85) 10/07/2014
 (22) 30/08/2013 (86) PCT/JP2013/073338 30/08/2013
 (30) JP2013/073338 30/08/2013 JP (87) WO2015/029219A1 05/03/2015
 (51) **H05K 5/00; H05K 5/06**
 (73) **SHINDENGEN ELECTRIC MANUFACTURING CO., LTD.** (JP)
 2-1, OHTEMACHI 2-CHOME, CHIYODA-KU, TOKYO-TO, JAPAN
 (72) TOMOYA AKASHI (JP)
 (74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
 (54) **THIẾT BỊ ĐIỆN, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP THIẾT KẾ THIẾT BỊ ĐIỆN NÀY**

- (57) Sáng chế đề xuất thiết bị điện (1) gồm có khung (2) mà có phần đáy (3) và các phần bên (4) và (5) và được mở hướng lên, bản mạch in (10) được gắn vào khung (2) sao cho lỗ phun nhựa (11) xuyên theo hướng chiều dày được bố trí và bề mặt chính (10a) hướng về bề mặt bên trong (3a) của phần đáy (3), nhựa phủ (20) được làm đầy vào khoảng trống bên trong S được tạo ra bởi khung (2) và bản mạch in (10), phủ lên bề mặt chính (10b) khác của bản mạch in (10) và nhúng bản mạch in (10), và phần ngăn chặn dòng chảy (8) để làm giảm vận tốc kéo theo của nhựa phủ (20) được ép vào khoảng trống bên trong S qua lỗ phun nhựa (11) trước khi nhựa phủ (20) được làm cứng, và được bố trí trong ít nhất một phần của vùng A từ vị trí ngay bên dưới lỗ phun nhựa (11) ở bề mặt bên trong (3a) của phần đáy (3) đến bề mặt bên trong (4a) của phần bên (4) gần nhất với lỗ phun nhựa (11) bên ngoài các phần bên (4) và (5). Sáng chế cũng đề xuất phương pháp sản xuất và phương pháp thiết kế thiết bị điện nêu trên.

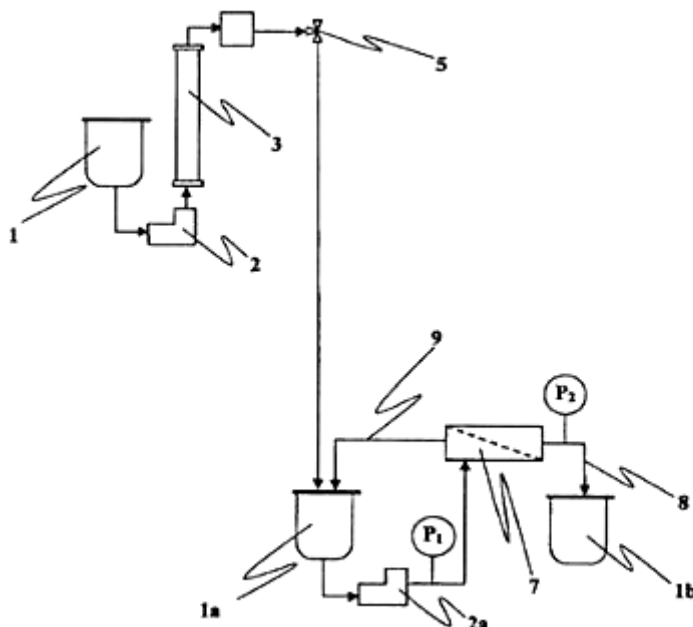


- (11) **1-0024386 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/08/2013 305A
 (21) 1-2013-01375 (85) 03/05/2013
 (22) 03/11/2011 (86) PCT/EP2011/069356 03/11/2011
 (30) MI2010A002061 05/11/2010 IT (87) WO2012/059553 10/05/2012
 (51) **C02F 9/00; C02F 1/28; C02F 1/44; C02F 101/20; C02F 101/32; C02F 101/36; C02F 103/36; B01J 20/18; C02F 101/30**
 (73) **ENI S.P.A. (IT)**
 Piazzale Enrico Mattei 1, I-00144 Roma, Italy
 (72) BAGATIN Roberto (IT); VIGNOLA Rodolfo (IT); SISTO Raffaello (IT);
 PETRANGELI PAPINI Marco (IT); TUFFI Riccardo (IT); DE FOLLY D'AURIS
 Alessandra (IT)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC Ô NHIỄM BẰNG PHƯƠNG PHÁP HẤP PHỤ VÀ LỌC NANO**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình xử lý nước ô nhiễm chứa các hợp chất hữu cơ phân cực và/hoặc không phân cực, và/hoặc các muối của kim loại nặng, và/hoặc dầu dưới dạng phân tán hoặc nhũ tương, bao gồm bước đưa nước ô nhiễm này vào hệ thống bao gồm:

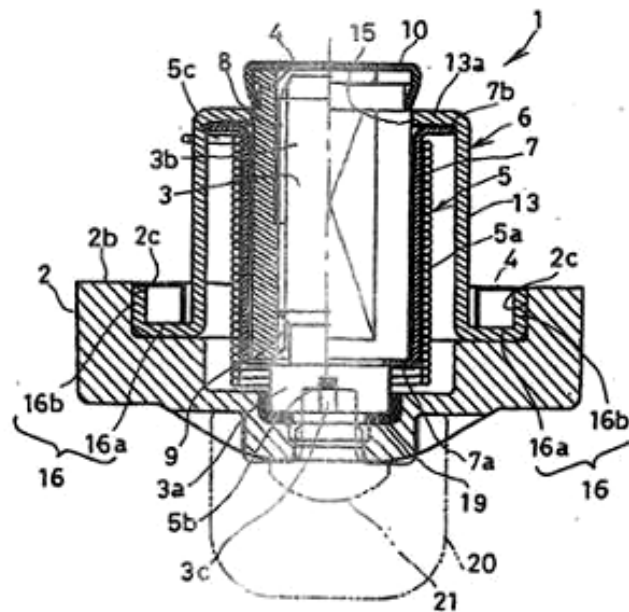
- ít nhất một thiết bị hấp phụ chứa ít nhất một alumino-silicat dạng vi mao quản hoặc dạng mao quản trung bình; và

- ít nhất một thiết bị lọc nano chứa ít nhất một màng lọc nano ưa nước; trong đó màng lọc nano ưa nước bao gồm polyalkylsiloxan và có góc tiếp xúc với nước nhỏ hơn hoặc bằng 45° , trong đó alumino-silicat dạng vi mao quản được chọn từ zeolit có đường kính lỗ trung bình nằm trong khoảng từ $3,5 \text{ \AA}$ đến $7,5 \text{ \AA}$, và trong đó alumino-silicat dạng mao quản trung bình có đường kính lỗ trung bình nằm trong khoảng từ 25 \AA đến 500 \AA .



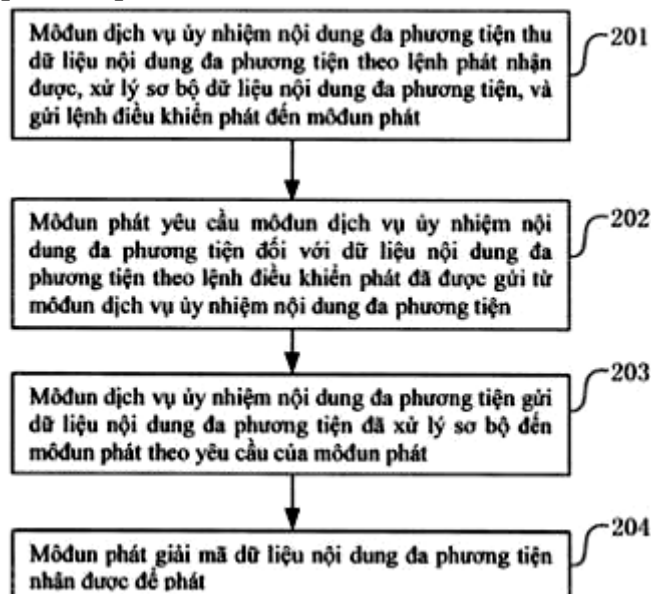
- | | | | |
|---|---|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024387 B | | (15) 04/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-04373 | | (85) 14/11/2016 | |
| (22) 08/04/2015 | | (86) PCT/JP2015/061044 | 08/04/2015 |
| (30) 2014-082577 | 14/04/2014 | JP (87) WO2015/159782A1 | 22/10/2015 |
| (51) F16H 7/08 | | | |
| (73) NHK SPRING CO., LTD. (JP) | | | |
| | 10, Fukuura 3-chome, Kanazawa-ku, Yokohama-shi, Kanagawa 236-0004 JAPAN | | |
| (72) ITO, Takahiro (JP); KOBAYASHI, Takao (JP); TAKAHASHI, Yoshiyuki (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH Dương và Trần (DUONG & TRAN CO., LTD) | | | |
| (54) BỘ CĂNG ĐAI | | | |

(57) Sáng chế đề xuất bộ căng đai, trong đó bộ căng đai này cho phép làm giảm kích cỡ bằng cách bố trí đồng trục các thành phần cấu tạo của nó, và trong đó bộ căng đai này có thể ngăn hiện tượng vặn xoắn và rời xoắn của lò xo xoắn ốc (5) xảy ra khi lò xo xoắn ốc (5) được cuộn. Phần dẫn hướng hình trụ (13) được tạo thành trên miếng đệm (7), miếng đệm (7) này hạn chế chuyển động quay của chi tiết trục thứ hai (4), và rãnh chốt hãm lò xo (18) được tạo ra trên phần dẫn hướng (13), và phần móc ở mặt bên còn lại (5c) của lò xo xoắn ốc (5) mà tạo thành góc lệch để làm quay chi tiết trục thứ nhất (3), được rút ngắn hướng ra phía ngoài qua rãnh chốt hãm lò xo (18) và được đóng chốt theo cách có thể di chuyển vào phần dẫn hướng (13). Ngay cả khi số lượng vòng xoắn của phần xoắn (5a) tăng lên hoặc giảm bớt khi lò xo xoắn ốc (5) được cuộn hoặc không được cuộn, theo tương ứng, thì phần móc ở mặt bên còn lại (5c) di chuyển dọc theo phần dẫn hướng (13) phù hợp với sự tăng hoặc giảm đó, dẫn đến không có hiện tượng vặn xoắn hoặc rời xoắn xảy ra trên phần xoắn (5a).



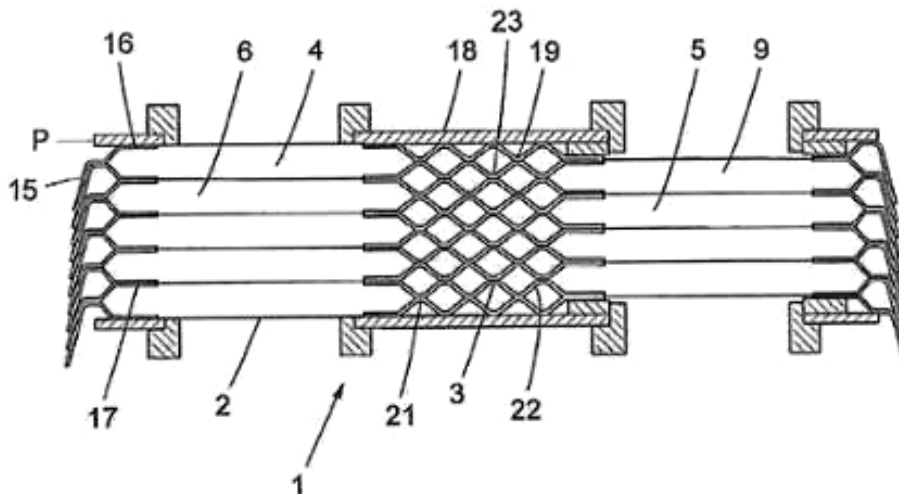
- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024388 B | | (15) 04/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2015 | 329A |
| (21) 1-2015-01874 | | (85) 27/05/2015 | |
| (22) 10/09/2013 | | (86) PCT/CN2013/083223 | 10/09/2013 |
| (30) 201210419726.X | 29/10/2012 | CN (87) WO2014/067348 | 08/05/2014 |
- (51) **H04N 21/41**
 (73) **ZTE CORPORATION (CN)**
 ZTE Plaza, Keji Road South, Hi-Tech Industrial Park, Nanshan, Shenzhen, Guangdong 518057, China
 (72) JIANG, Zhongyang (CN); QIAN, Zhongshan (CN); CHEN, Jun (CN)
 (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT NỘI DUNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị phát nội dung đa phương tiện có thể tách biệt việc xử lý liên quan đến các nhu cầu cá nhân hóa của người dùng ra khỏi việc giải mã và phát dữ liệu nội dung đa phương tiện. Thiết bị này bao gồm môđun dịch vụ ủy nhiệm nội dung đa phương tiện và môđun phát, và môđun dịch vụ ủy nhiệm nội dung đa phương tiện và môđun phát được định vị ở cùng một đầu cuối hoặc ở các đầu cuối khác nhau, trong đó, môđun dịch vụ ủy nhiệm nội dung đa phương tiện được tạo cấu hình để: thu dữ liệu nội dung đa phương tiện theo lệnh phát nhận được, xử lý sơ bộ dữ liệu nội dung đa phương tiện, và gửi lệnh điều khiển phát đến môđun phát, và gửi dữ liệu nội dung đa phương tiện đã xử lý sơ bộ đến môđun phát, theo yêu cầu của môđun phát; và môđun phát được tạo cấu hình để yêu cầu môđun dịch vụ ủy nhiệm nội dung đa phương tiện đối với dữ liệu nội dung đa phương tiện theo lệnh điều khiển phát được gửi từ môđun dịch vụ ủy nhiệm nội dung đa phương tiện, giải mã dữ liệu nội dung đa phương tiện để phát. Sáng chế thu được sự tách biệt hoàn toàn của việc phát triển cá nhân hóa ra khỏi sự phụ thuộc nền tảng đối với việc phát nội dung đa phương tiện, và có thể tích hợp nhanh và thuận tiện với trình phát của bên thứ ba để thực hiện chức năng phát nội dung đa phương tiện bằng logic phức hợp.



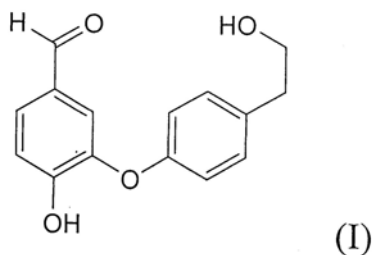
- (11) **1-0024389 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-03610 (85) 28/10/2014
 (22) 27/03/2013 (86) PCT/EP2013/056604 27/03/2013
 (30) 12161742.7 28/03/2012 EP (87) WO2013/144251A1 03/10/2013
 (51) **B23K 35/00; B23K 35/365; C22C 19/00; B23K 35/02**
 (73) **ALFA LAVAL CORPORATE AB (SE)**
 P.O. Box 73, S-221 00 Lund, Sweden
 (72) SJÖDIN, Per (SE); WALTER, Kristian (SE)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THIẾT BỊ TRAO ĐỔI NHIỆT DẠNG TẮM VÀ THIẾT BỊ TRAO ĐỔI NHIỆT DẠNG TẮM SẢN XUẤT ĐƯỢC BẰNG PHƯƠNG PHÁP NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm được ghép nối cố định (1) bao gồm nhiều tấm trao đổi nhiệt bằng kim loại (2) có nhiệt độ pha rắn lớn hơn 1100°C, được bố trí cạnh nhau và tạo thành khối tấm (3) với khoảng trống ở giữa tấm thứ nhất (4) để chứa môi chất thứ nhất và khoảng trống ở giữa tấm thứ hai (5) để chứa môi chất thứ hai, trong đó các khoảng trống ở giữa tấm thứ nhất và thứ hai (4,5) được bố trí theo thứ tự xen kẽ trong khối tấm (3), trong đó mỗi tấm trao đổi nhiệt (2) bao gồm vùng truyền nhiệt (10) và vùng rìa (11) có các mép cong (15) bao quanh vùng truyền nhiệt (10), trong đó mặt thứ nhất (16) của các tấm (2) có dạng lồi và mặt thứ hai (17) của các tấm này có dạng lõm, trong đó vùng truyền nhiệt (10) bao gồm vùng lượn sóng có phần lồi (18) và phần lõm (19), trong đó vùng lượn sóng của các tấm và các mép cong (15) được tạo ra bằng cách dập các tấm này.
 Ngoài ra sáng chế còn đề cập đến thiết bị trao đổi nhiệt dạng tấm sản xuất được bằng phương pháp nêu trên.



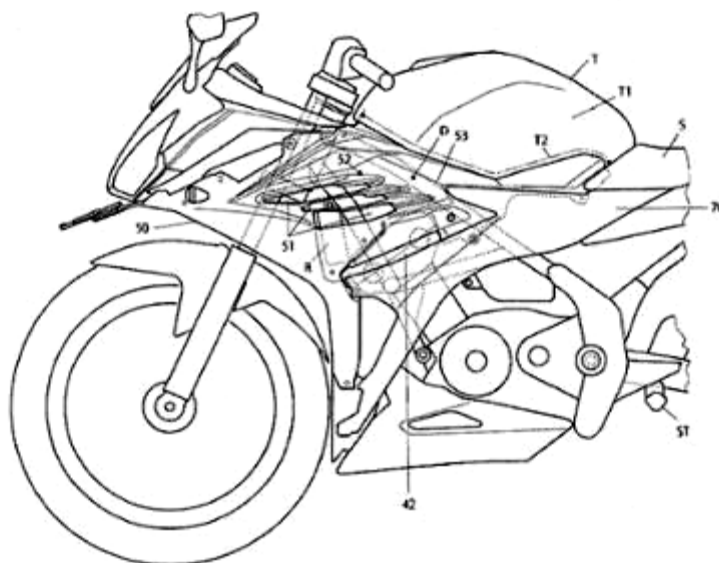
- (11) **1-0024390 B** (15) 04/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/02/2018 359A
(21) 1-2017-04992
(22) 11/12/2017
(51) *C07C 39/00; C07C 39/14; A61K 35/00*
(73) **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HÒA BÌNH (VN)**
Số 562 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
(72) Đặng Đình Kim (VN); Nguyễn Tiến Đạt (VN); Lê Mai Hương (VN); Vũ Thị Nguyệt (VN); Trần Thị Hồng Hà (VN); Nguyễn Quang Dương (VN)
(54) **HỢP CHẤT 4-HYDROXY-3-[4-(2-HYDROXYETYL)-PHENOXY]-BENZALDEHYT VÀ PHƯƠNG PHÁP TÁCH CHIẾT HỢP CHẤT NÀY TỪ LÁ CÂY XẠ ĐEN EHRETIA ASPERULA ZOLL. & MOR.**

(57) Sáng chế được đề cập đến hợp chất 4-hydroxy-3-[4-(2-hydroxyetyl)-phenoxy]-benzaldehyt có công thức (I) được tách chiết từ lá cây xạ đen *Ehretia asperula* Zoll. & Mor. và phương pháp tách chiết hợp chất này từ lá cây xạ đen. Hợp chất 4-hydroxy-3-[4-(2-hydroxyetyl)-phenoxy]-benzaldehyt có tác dụng chống oxy hoá, thu dọn gốc tế bào tự do và gây độc tế bào ung thư mạnh, có thể được sử dụng để làm chất chống oxy hoá, tăng cường sức khoẻ, chống lão hoá và kháng ung thư.



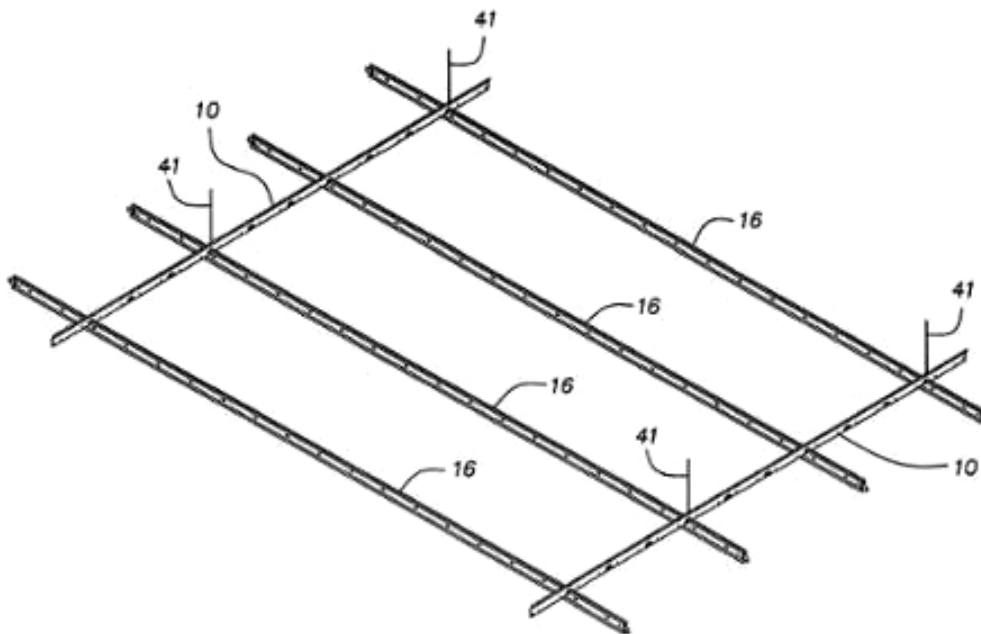
- (11) **1-0024391 B** (15) 04/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 26/06/2017 351A
- (21) 1-2016-04319
- (22) 10/11/2016
- (30) JP2015-247042 18/12/2015 JP
- (51) **B62J 99/00; B62J 23/00**
- (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
1-1, Minami-Aoyama 2 cho-me, Minato-ku, Tokyo 1078556 Japan
- (72) Tetsuo YAOKAWA (JP); Akiko ISHIKAWA (JP); Shou KOYANO (JP)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)
- (54) **KẾT CẤU TẮM CHỤP CHO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KIỂU NGỒI ĐỂ CHÂN HAI BÊN**

(57) Sáng chế đề cập đến kết cấu tấm chụp cho phương tiện giao thông kiểu ngồi để chân hai bên trong đó khí xả đi qua bộ tản nhiệt có thể được xả một cách hiệu quả từ cạnh của bộ tản nhiệt ra khỏi phương tiện giao thông; phương tiện giao thông kiểu ngồi để chân hai bên bao gồm các tấm chụp giữa (40) bên trái và bên phải bao phủ các cạnh của khung thân phương tiện giao thông, và khi quan sát ở bề mặt cạnh của phương tiện giao thông thì bộ tản nhiệt (R) được bao phủ bởi các tấm chụp giữa (40) bên trái và bên phải và dẫn gió từ lỗ thoát phía mặt trước giữa các tấm chụp giữa (40) bên trái và bên phải và xả gió ra phía cạnh sau nằm ở phía trước của động cơ (E) và bố trí phía dưới bình nhiên liệu (T) có một đoạn kẹp khuỷu (T1) được kẹp giữa hai đầu gối của lái xe, kết cấu tấm chụp được tạo kết cấu sao cho mỗi tấm chụp giữa (40) bao gồm tấm chụp giữa bên trong (50) được bố trí ở cạnh trong theo chiều rộng của phương tiện giao thông và tấm chụp giữa bên ngoài (60) được bố trí ở cạnh ngoài theo chiều rộng của phương tiện giao thông, và tấm chụp giữa bên trong (50) bao gồm một lỗ thoát (51) được mở về phía tấm chụp giữa bên ngoài (60), lỗ thoát nằm ở cạnh của bộ tản nhiệt (R) và đoạn tạo đường dẫn khí (52) kết hợp với tấm chụp giữa bên ngoài (60) để tạo ra một đường dẫn khí (D) cho khí xả (A2) đi từ bộ tản nhiệt (R) ra khỏi phương tiện giao thông, đường dẫn khí (D) mở rộng về phía cạnh sau.



- (11) **1-0024392 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
 (21) 1-2016-01868 (85) 24/05/2016
 (22) 04/11/2014 (86) PCT/US2014/063785 04/11/2014
 (30) 14/076,293 11/11/2013 US (87) WO2015/069612 14/05/2015
 (51) **E04B 9/00; E04C 3/07; E04B 9/06**
 (73) **USG INTERIORS, LLC (US)**
 550 West Adams Street Chicago, IL 60661-3676, United States of America
 (72) Abraham M. UNDERKOFLEER (US); Peder J. GULBRANDSEN (US); Mark R. PAULSEN (US)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THANH TREO ĐỂ ĐỠ THANH TRƯỢT CỦA KẾT CẤU TRẦN TREO VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮP ĐẶT LƯỚI**

- (57) Sáng chế đề cập tới thanh treo để đỡ thanh trượt của kết cấu trần treo và phương pháp lắp đặt lưới đỡ. Thanh treo theo sáng chế được làm bằng dải kim loại dạng tấm dễ dát mỏng kéo dài có các lỗ trên cách nhau, phần dưới có mép dưới được làm gián đoạn bởi một loạt các rãnh cách đều nhau, các rãnh được làm thích ứng để tiếp nhận phần bầu gia cường dạng rỗng của thanh trượt lưới kéo dài vuông góc với thanh treo, rãnh có hai gờ cách nhau theo chiều dọc được làm thích ứng để đỡ các cạnh dưới của phần bầu gia cường, các rãnh có một vấu để uốn mang một trong số các gờ, các vấu được uốn bằng máy gia công chính xác với góc nhất định so với mặt phẳng của phần dưới để cho phép phần bầu gia cường thanh trượt lưới có thể được lắp khi được làm nghiêng trong rãnh liên quan và ngăn không cho phần bầu rơi ra khỏi rãnh khi thanh trượt ở trạng thái đứng thẳng.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024393 B | | (15) 04/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/04/2017 | 349A |
| (21) 1-2016-03083 | | (85) 22/08/2016 | |
| (22) 04/08/2015 | | (86) PCT/JP2015/072045 | 04/08/2015 |
| (30) 2014-165685 | 18/08/2014 JP | (87) WO2016/027655 | 25/02/2016 |

(51) **B65D 5/52**

(73) **RENGO CO., LTD.** (JP)

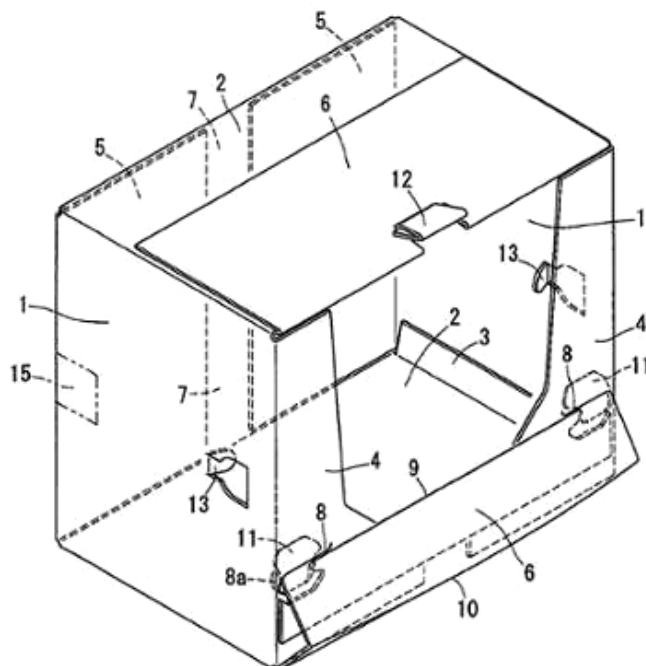
1-186, Ohiraki 4-chome, Fukushima-ku, Osaka-shi, Osaka 5530007, Japan

(72) NISHIKAWA Yoichi (JP); ISHIKAWA Atsuo (JP); OTANI Masayoshi (JP); ISHII Kazuyuki (JP); HASHIMOTO Akira (JP); ZHANG Zheng (CN)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

(54) **HỘP ĐỂ ĐÓNG GÓI VÀ TRUNG BÀY**

(57) Sáng chế đề xuất hộp để đóng gói và trưng bày mà làm cho nó có thể đóng gói các sản phẩm một cách hiệu quả, vận chuyển các sản phẩm trong khi chúng đang được bảo vệ thích hợp, và hộp này, ở mặt trước cửa hàng, có thể được chuyển đổi thành trạng thái trưng bày mà không cần cắt rời, nhờ đó làm cho nó có thể trưng bày các sản phẩm theo cách thức dễ chịu về thị giác. Hộp bao gồm các nắp gập trong (4) được tạo thành với các lỗ lồi (8), và các nắp gập ngoài (6) mà tạo thành bề mặt trước của hộp trong khi trưng bày. Một trong số các nắp gập ngoài (6) được tạo thành với đường khía xa (9) và đường khía giữa (10) mà kéo dài theo hướng chiều rộng và được đặt, theo cách tương ứng, ở phần đầu xa và phần gần của nắp gập ngoài (6). Một trong các nắp gập ngoài (6) bao gồm các chi tiết lồi (11) được xác định bởi các vết cắt kéo dài từ đường khía xa (9). Để chuyển đổi hộp thành trạng thái trưng bày, một trong các nắp gập ngoài (6) được mở, và được uốn cong, ngoài các nắp gập trong (4), dọc theo đường khía xa (9) và đường khía giữa (10) theo cùng hướng. Sau đó các chi tiết lồi (11), mà nhô ra từ đường khía xa (9), được lồng vào trong các lỗ lồi (8) của các nắp gập trong (4) để giữ nắp gập ngoài (6) được uốn cong dọc theo các đường khía.



- (11) **1-0024394 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
 (21) 1-2014-00329 (85) 27/01/2014
 (22) 03/07/2012 (86) PCT/EP2012/062926 03/07/2012
 (30) 61/505,810 08/07/2011 US (87) WO2013/007558 17/01/2013
 11173177.4 08/07/2011 EP

(51) **A23K 1/00; A01N 59/00; A23K 1/18; A23K 1/16; A23K 1/175; A01N 31/00**

(73) **PURAC BIOCHEM BV (NL)**

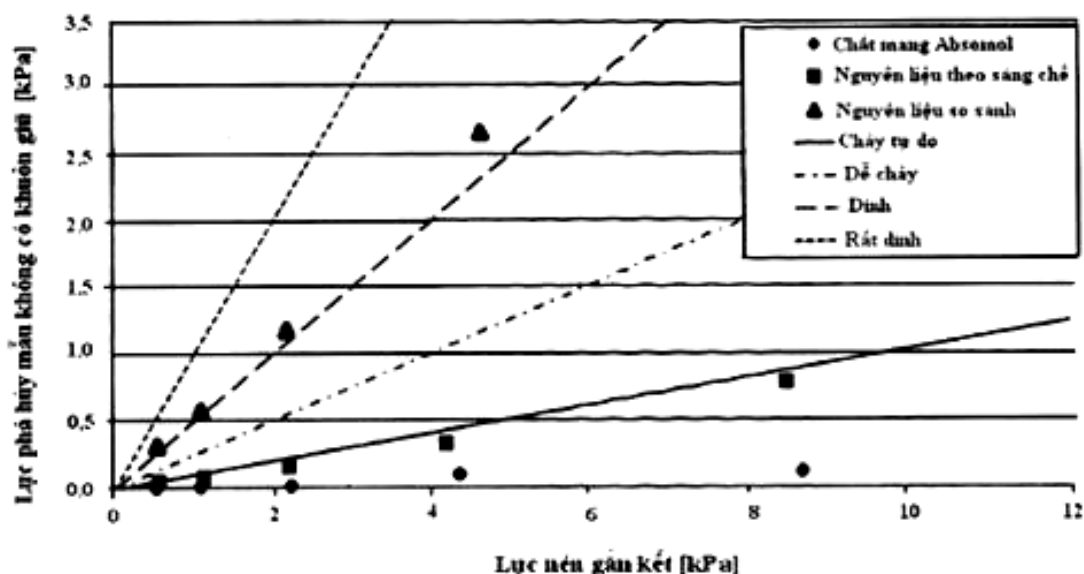
Arkelsedijk 46, NL-4206 AC Gorinchem, The Netherlands

(72) KOK, Symone (NL); VOGIATZIS, Nikolaos (GR)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

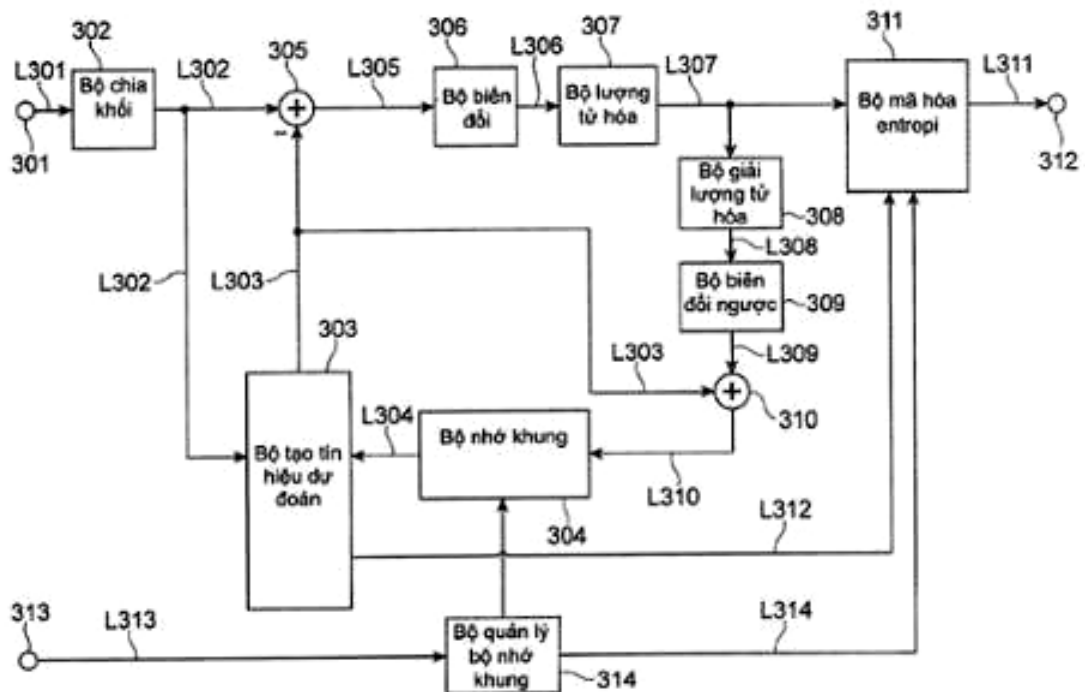
(54) **NGUYÊN LIỆU DẠNG BỘT CHẢY TỰ DO, CHẾ PHẨM DINH DƯỠNG DÙNG CHO ĐỘNG VẬT CHỨA NGUYÊN LIỆU NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT NGUYÊN LIỆU NÀY**

- (57) Sáng chế đề xuất nguyên liệu dạng bột chảy tự do chứa hoạt chất với hàm lượng nằm trong khoảng từ 10% đến 90% khối lượng trên chất mang xốp có diện tích bề mặt ít nhất bằng $10\text{m}^2/\text{g}$, như được xác định bằng phương pháp BET, trong đó chất mang này có đường kính $D(v,0,1)$ ít nhất bằng $100\mu\text{m}$, và hoạt chất được chọn từ nhóm bao gồm lactylat có công thức 1: $\text{R}^2\text{-COO-}[\text{-CH}(\text{CH}_3)\text{-COO}]_n\text{-R}^1$ hoặc muối Na, K, Ca, Mg, Fe(II), Zn, NH_4 , hoặc Cu(II) của nó, glycolylat có công thức 2: $\text{R}^2\text{-COO-}[\text{-CH}_2\text{-COO}]_n\text{-R}^1$ hoặc muối Na, K, Ca, Mg, Fe(II), Zn, NH_4 , hoặc Cu(II) của nó, este lactat có công thức 3: $\text{HO-CH}(\text{CH}_3)\text{-COO-R}^2$ và/hoặc este glycolat có công thức 4: $\text{HO-CH}_2\text{-COO-R}^2$ trong đó, R^1 là H, n là số nguyên có giá trị nằm trong khoảng từ 1 đến 10, và R^2 là $\text{C}_1\text{-C}_{35}$ alkyl hoặc alkenyl mạch thẳng hoặc mạch nhánh; chế phẩm dinh dưỡng dùng cho động vật chứa nguyên liệu này và phương pháp sản xuất nguyên liệu này. Nguyên liệu dạng bột chảy tự do này cho phép phân bố dễ dàng hoạt chất vào chế phẩm dinh dưỡng dùng trong chăn nuôi.



- (11) **1-0024395 B** (15) 04/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-03594 (85) 02/02/2015
 (22) 24/04/2013 (86) PCT/JP2013/062061 24/04/2013
 (30) 2012-148310 02/07/2012 JP (87) WO2014/006959A1 09/01/2014
 (51) **H04N 7/32**
 (62) 1-2015-00392
 (73) **NTT DOCOMO, INC. (JP)**
 11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150, Japan
 (72) FUJIBAYASHI Akira (JP); BOON Choong Seng (MY); TAN Thiow Keng (MY)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ DỰ ĐOÁN VIDEO VÀ THIẾT BỊ GIẢI MÃ DỰ ĐOÁN VIDEO**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mã hóa và giải mã dự đoán video, trong đó thiết bị mã hóa dự đoán video bao gồm bộ lưu trữ ảnh để lưu trữ một hoặc nhiều ảnh được khôi phục làm ảnh tham chiếu để sử dụng cho việc mã hóa ảnh tiếp theo, ảnh này được khôi phục từ dữ liệu ảnh được nén và bộ điều khiển bộ nhớ để điều khiển bộ nhớ khung trong bộ lưu trữ ảnh. Khi kích thước khung của ảnh đầu vào không lớn hơn $1/(2^L)$ (L là số nguyên lớn hơn hoặc bằng một) của kích thước khung tối đa của ảnh, bộ điều khiển bộ nhớ xác định rằng (2^L) lần của số lượng tối đa của ảnh được khôi phục là có thể lưu trữ trong bộ nhớ khung.



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024396 B | | (15) 04/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2015 | 330A |
| (21) 1-2015-01363 | | (85) 20/04/2015 | |
| (22) 24/09/2012 | | (86) PCT/CN2012/081830 | 24/09/2012 |
| | | (87) WO2014/043913 | 27/03/2014 |

(51) **H04W 76/06**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

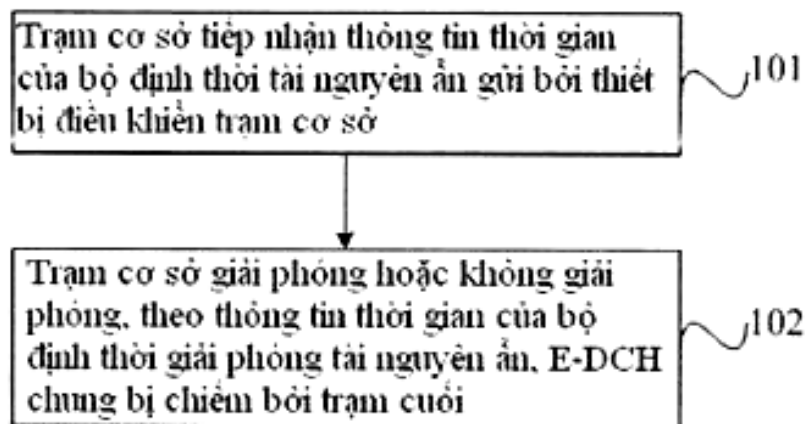
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) ZHENG, Xiaoxiao (CN); YANG, Xudong (CN); FENG, Li (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **PHƯƠNG PHÁP GIẢI PHÓNG TÀI NGUYÊN KÊNH RIÊNG TẶNG CƯỜNG (E-DCH) VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN TRẠM CƠ SỞ (BS)**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị giải phóng tài nguyên E-DCH chung. Trạm cơ sở tiếp nhận thông tin thời gian của bộ định thời giải phóng tài nguyên ẩn được gửi bởi thiết bị điều khiển trạm cơ sở, sao cho trạm cơ sở giải phóng hoặc không giải phóng, theo thông tin thời gian của bộ định thời giải phóng tài nguyên ẩn, tài nguyên E-DCH chung bị chiếm bởi trạm đầu cuối. Do trạm cơ sở không còn giải phóng hoặc không giải phóng, chỉ theo SI có giá trị bằng 0, tài nguyên E-DCH chung bị chiếm bởi trạm đầu cuối, nên có thể tránh được vấn đề trong giải pháp kỹ thuật đã biết rằng trạm đầu cuối cần cạnh tranh lại nếu có dữ liệu được gửi đi để thu được tài nguyên E-DCH chung do trạm cơ sở giải phóng không đúng tài nguyên E-DCH bị chiếm bởi trạm đầu cuối, nhờ đó giảm độ trễ khi gửi dữ liệu.



- (11) **1-0024397 B** (15) 05/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
(21) 1-2016-03017 (85) 16/08/2016
(22) 28/05/2014 (86) PCT/CN2014/078634 28/05/2014
(87) WO2015/180067A1 03/12/2015

(51) **G11B 27/034; G06F 3/0488**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

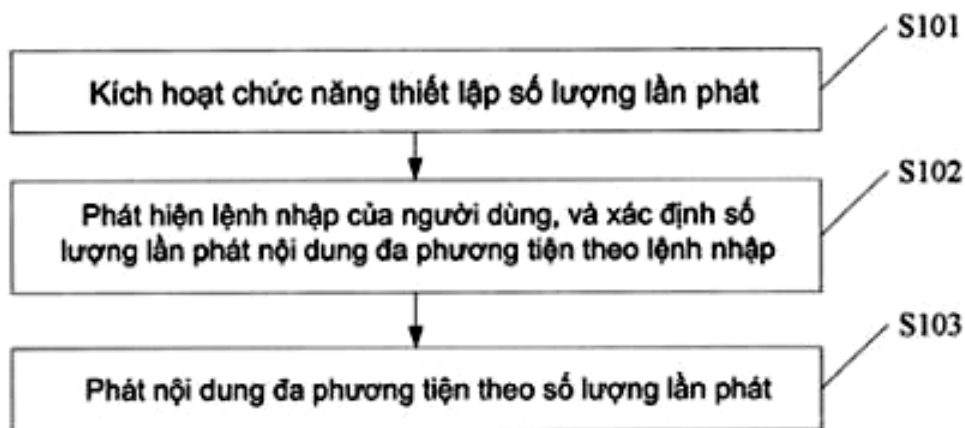
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) XU, Jie (CN)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

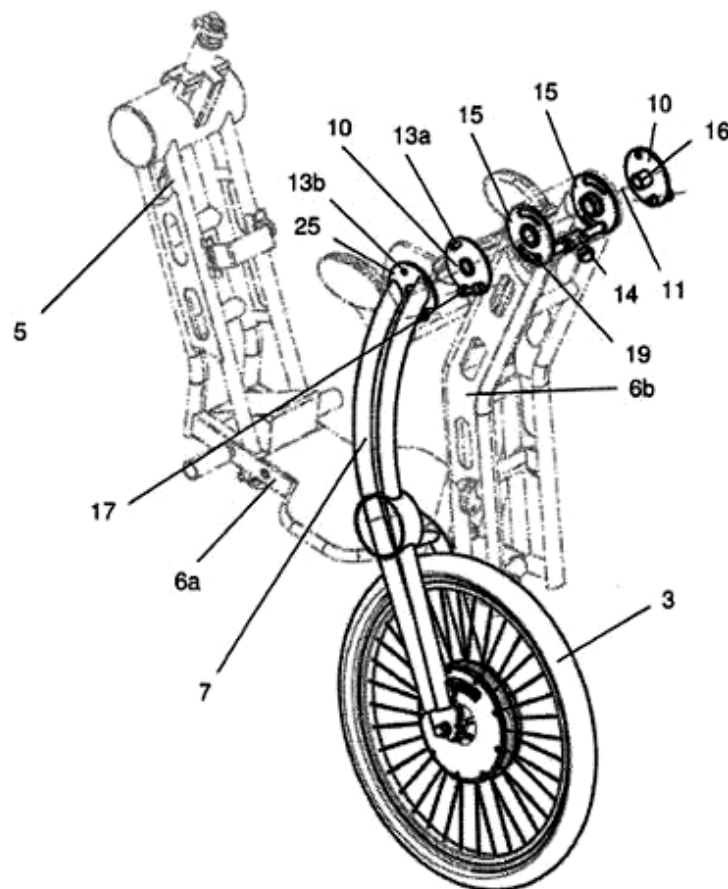
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI PHÁT NỘI DUNG ĐA PHƯƠNG TIỆN TIỆN**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp phát nội dung đa phương tiện, bao gồm: kích hoạt chức năng thiết lập số lượng lần phát; phát hiện lệnh nhập của người dùng, và xác định số lượng lần phát nội dung đa phương tiện theo lệnh nhập; và phát nội dung đa phương tiện theo số lượng lần phát. Sáng chế còn đề cập đến thiết bị đầu cuối để phát nội dung đa phương tiện. Bằng cách áp dụng sáng chế, phương pháp phát nội dung đa phương tiện trên thiết bị đầu cuối có thể được cải thiện, và thao tác của thiết bị đầu cuối là thuận tiện và tin cậy.



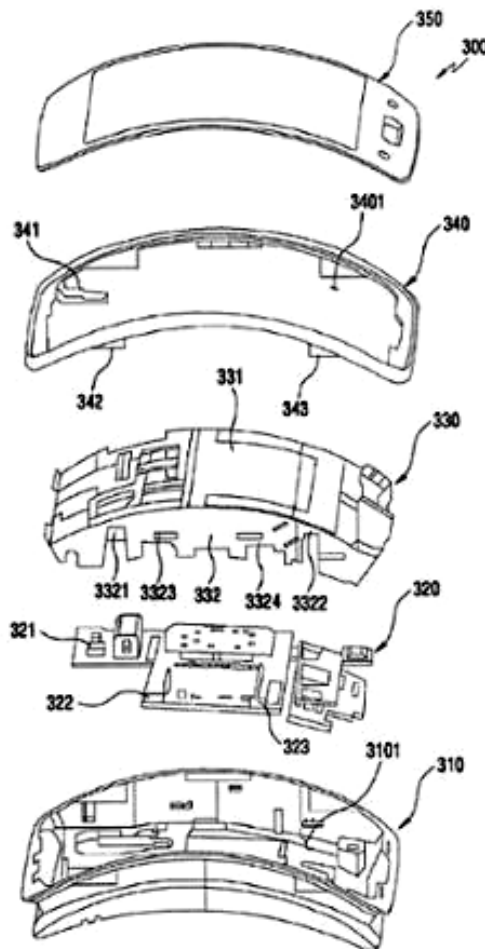
- (11) **1-0024398 B** (15) 05/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 1-2015-03201 (85) 31/08/2015
 (22) 10/03/2014 (86) PCT/IB2014/059589 10/03/2014
 (30) BE20130156 11/03/2013 BE (87) WO2014/141042 18/09/2014
 (51) **B62H 1/04; B62K 5/025; B62K 3/00; B62K 5/02; B62H 1/12; B62K 15/00**
 (73) **N.G.M. SPRL** (BE)
 Beverlaai 73, B-8500 Kortrijk, Belgium
 (72) NEERMAN, Johan (BE)
 (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
 (54) **XE BA BÁNH GẤP**

- (57) Sáng chế đề cập tới xe ba bánh gấp (1) để chuyên chở người, trong đó xe ba bánh (1) bao gồm: bánh trước (2), hai bánh sau (3) và khung nối các bánh (2, 3) trong đó khung bao gồm hai tay đòn (7) mang các bánh sau (3). Các tay đòn (7) được kết nối tới phần còn lại của khung theo cách mà tay đòn (7) có thể chấp nhận các vị trí khác nhau so với phần còn lại của khung. Do đó, chiều rộng và chiều dài của xe ba bánh (1) là có thể điều chỉnh được. Trong tất cả các vị trí của các tay đòn (7), các mặt phẳng mà trong đó các bánh sau (3) được định vị về cơ bản là song song với trục dọc của xe ba bánh (1), và xe ba bánh (1) có thể được điều khiển.



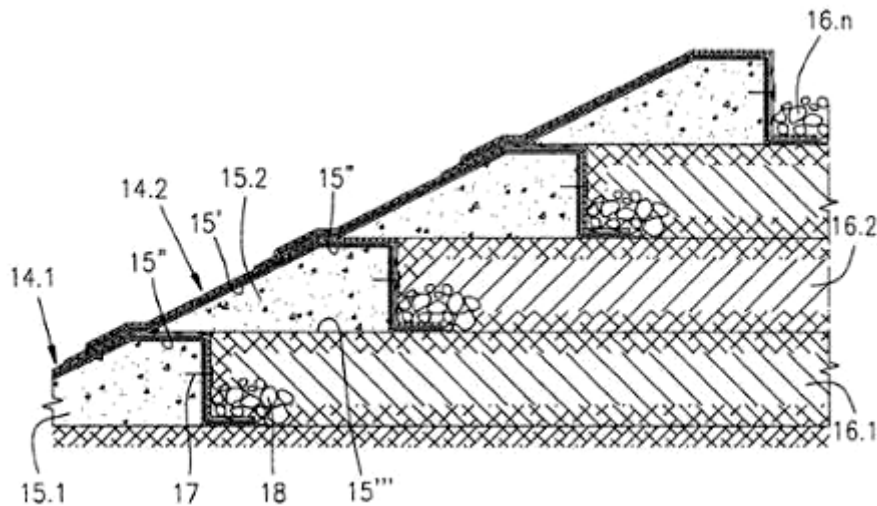
- | | | | |
|---|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024399 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2017 | 350A |
| (21) 1-2017-00974 | | (85) 17/03/2017 | |
| (22) 01/09/2015 | | (86) PCT/KR2015/009170 | 01/09/2015 |
| (30) 10-2014-0115713 | 01/09/2014 KR | (87) WO2016/036099A1 | 10/03/2016 |
| (51) H01Q 1/24; H05K 5/02; H01Q 1/38 | | | |
| (73) SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR) | | | |
| | 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677, Republic of Korea | | |
| (72) KIM, Tae-Young (KR); LEE, Yoon-Jae (KR); LEE, In-Young (KR); JEONG, Won-Seok (KR); CHOI, Sang-Hoon (KR); CHEON, Brian (KR) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM) | | | |
| (54) THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ | | | |

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị điện tử, trong đó cơ cấu anten được làm thích ứng để ngăn chặn suy giảm đặc tính phát xạ do một chi tiết cơ khí kim loại. Thiết bị điện tử theo sáng chế có chi tiết kim loại có dạng vòng được bố trí ở ít nhất một vùng của thiết bị điện tử và đế (bảng mạch in (PCB)) để cấp điện tới vị trí nhất định của chi tiết kim loại để sử dụng chi tiết kim loại làm bộ phát xạ anten, trong đó ít nhất một vị trí của chi tiết kim loại khác với vị trí được cấp điện được nối đất nhờ đế.



- | | | | |
|--|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024400 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/01/2017 | 346A |
| (21) 1-2016-04492 | | (85) 21/11/2016 | |
| (22) 23/04/2015 | | (86) PCT/EP2015/058788 | 23/04/2015 |
| (30) MI2014A000766 | 24/04/2014 | IT (87) WO2015/162205 | 29/10/2015 |
| (51) E02B 3/16; E02B 3/10; E02B 3/12 | | | |
| (73) CARPI TECH B.V. (NL) | | | |
| | Spoorhaven 88, NL-2651 AV Berkel en Rodenrijs, Netherlands | | |
| (72) SCUERO, Alberto, Maria (IT) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG THÍCH HỢP ĐỂ NEO LỚP LÓT KHÔNG THÂM NƯỚC | | | |

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống thích hợp để neo lớp lót không thấm nước (13) làm bằng vật liệu dẻo nhiệt vào vách kéo dài theo hướng dọc (12) của kết cấu thủy lợi (10) làm bằng vật liệu lỏng được nén. Lớp lót không thấm nước (13) được nối vào nhiều dải neo liên tiếp (14) làm bằng vật liệu dẻo nhiệt, được đặt cách nhau một khoảng theo hướng bên, kéo dài theo phương thẳng đứng theo phương ngang của vách (12), từ vị trí trên xuống dưới của kết cấu thủy lợi (10); mỗi dải neo liên tiếp (14) bao gồm nhiều dải môđun được xếp thẳng hàng theo phương dọc trục và được đặt chồng lên một phần (14''), được nối với nhau và cố định vào các bờ rìa bê tông (15), xác định bề mặt cho việc đặt nằm xuống lớp lót không thấm nước (13), trong đó các bờ rìa (15) kéo dài theo hướng dọc và/hoặc theo hướng ngang vào vách (12) của kết cấu thủy lợi (10).



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024401 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03824 | | (85) 11/10/2016 | |
| (22) 11/03/2015 | | (86) PCT/CN2015/074003 | 11/03/2015 |
| (30) 201410114837.9 | 25/03/2014 CN | (87) WO2015/143989A1 | 01/10/2015 |

(51) **G06F 9/445**

(73) **1. HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen, Guangdong 518129, China

2. WUHAN UNIVERSITY (CN)

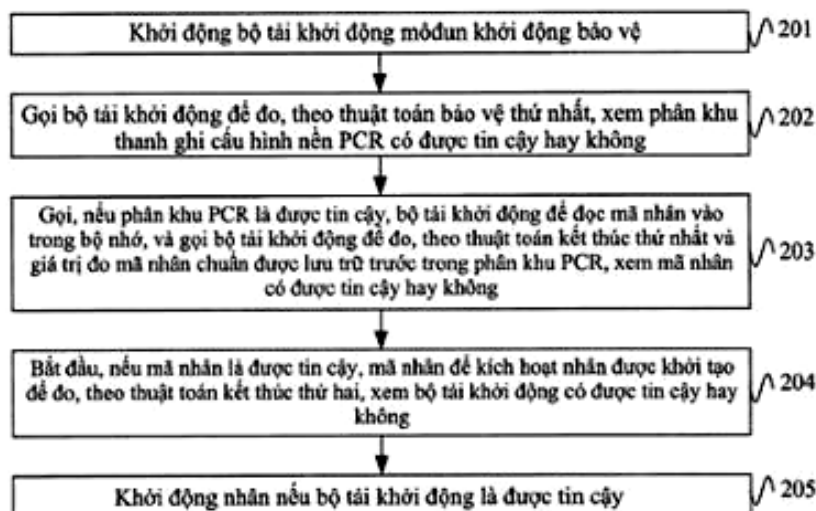
Luoja Hill, Wuchang District Wuhan, Hubei 430072, China

(72) LI, Zhi (CN); ZHAO, Bo (CN); FEI, Yongkang (CN)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ KHỞI ĐỘNG NHÂN HỆ ĐIỀU HÀNH TIN CẬY**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị khởi động nhân hệ điều hành tin cậy. Trong đó phương pháp bao gồm các bước: khởi động bộ nạp khởi động môđun khởi động bảo vệ (201); gọi bộ nạp khởi động để đo, theo thuật toán bảo vệ thứ nhất, xem phân khu thanh ghi cấu hình nền PCR có được tin cậy hay không (202); nếu phân khu PCR là được tin cậy, gọi bộ nạp khởi động để đọc mã nhân vào trong bộ nhớ, và gọi bộ nạp khởi động để đo, theo thuật toán kết thúc thứ nhất và giá trị đo mã nhân chuẩn được lưu trữ trước trong phân khu PCR, xem mã nhân hệ điều hành có được tin cậy hay không (203); khởi tạo, nếu mã nhân hệ điều hành là được tin cậy, mã nhân để kích hoạt nhân được khởi tạo để đo, theo thuật toán kết thúc thứ hai, xem bộ nạp khởi động có được tin cậy hay không (204); và khởi động nhân nếu bộ nạp khởi động là được tin cậy (205). Độ an toàn khởi động nhân được nâng cao.



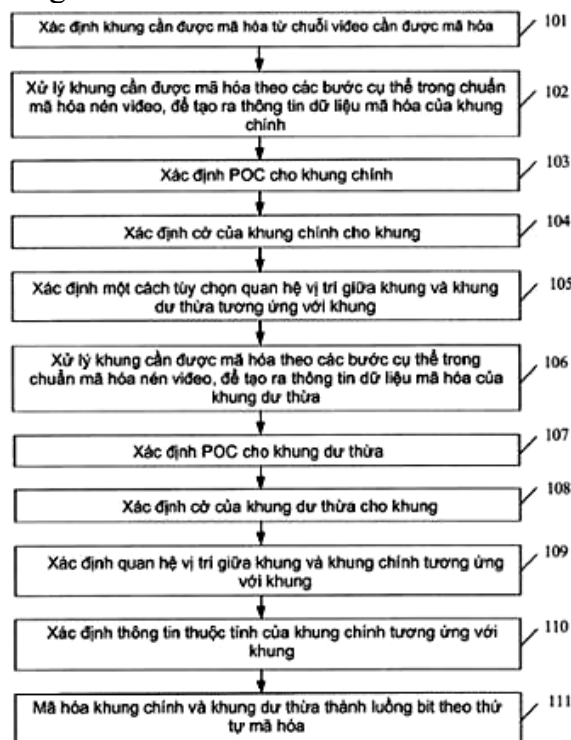
- (11) **1-0024402 B** (15) 05/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
- (21) 1-2016-03596 (85) 26/09/2016
- (22) 17/03/2015 (86) PCT/CN2015/074421 17/03/2015
- (30) 201410100869.3 18/03/2014 CN (87) WO2015/139624A1 24/09/2015
- (51) **H04N 19/65; H04N 19/30; H04N 19/46**
- (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen, Guangdong 518129, China

- (72) SYCHEV, Maxim (RU); SONG, Jin (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

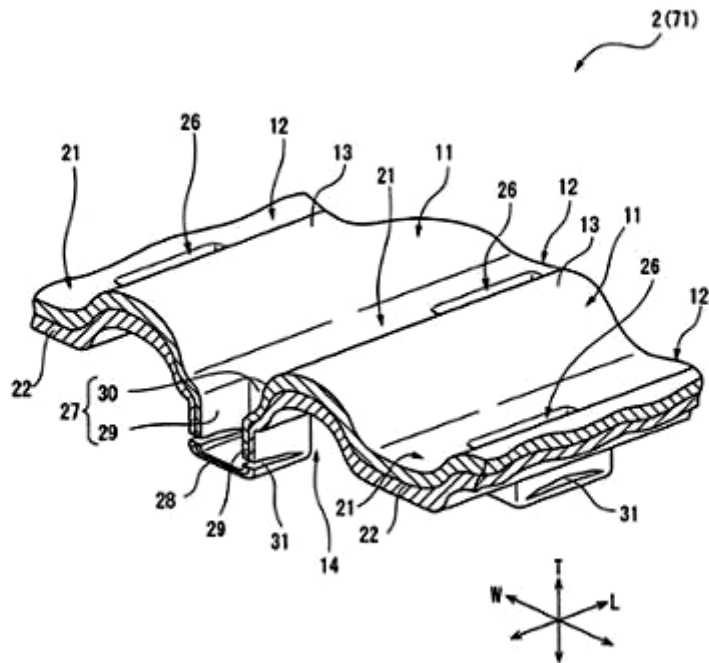
(54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA VÀ GIẢI MÃ DỮ LIỆU VIDEO**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị mã hóa và giải mã dữ liệu video, mà liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật mã hóa và giải mã, và có thể cải thiện độ linh hoạt và tăng cường độ mạnh truyền dẫn. Phương pháp mã hóa theo sáng chế bao gồm: xác định nhóm thông tin cần được mã hóa trong chuỗi video cần được mã hóa; tạo ra nhóm thông tin chính tương ứng với nhóm thông tin cần được mã hóa, trong đó nhóm thông tin chính bao gồm thông tin dữ liệu thứ nhất, thông tin chỉ báo mà chỉ báo liệu nhóm thông tin cần được mã hóa là nhóm thông tin chính hay nhóm thông tin dư thừa, và thông tin vị trí của nhóm thông tin chính; tạo ra nhóm thông tin dư thừa tương ứng với nhóm thông tin cần được mã hóa, trong đó nhóm thông tin dư thừa bao gồm thông tin dữ liệu thứ hai, thông tin vị trí của nhóm thông tin dư thừa, thông tin chỉ báo mà chỉ báo liệu nhóm thông tin cần được mã hóa là nhóm thông tin chính hay nhóm thông tin dư thừa, và thông tin quan hệ vị trí của nhóm thông tin dư thừa và nhóm thông tin chính; và mã hóa nhóm thông tin chính và nhóm thông tin dư thừa thành luồng bit.



- | | | | |
|-------------------------|-----------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024403 B | (15) 05/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/02/2018 | 359A |
| (21) 1-2017-04393 | | (85) 03/11/2017 | |
| (22) 26/08/2015 | | (86) PCT/JP2015/074093 | 26/08/2015 |
| (30) 2015-110913 | 29/05/2015 | JP (87) WO2016/194247A1 | 08/12/2016 |
- (51) **A61F 13/49**; A61F 13/511
 (73) **UNICHARM CORPORATION (JP)**
 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan
 (72) UDA, Masashi (JP); SAKAGUCHI, Satoru (JP); MIYAMA, Takuya (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT**

(57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút mà không tạo cảm giác không thoải mái cho người mặc do trải qua cảm giác thiếu khí, cảm nhận thấy vật dụng thẩm hút ở trạng thái ẩm ướt, hoặc trạng thái tương tự. Vật dụng thẩm hút (1) theo sáng chế bao gồm tấm bề mặt (2) là vải không dệt bao gồm lớp sợi thứ nhất (201) được tạo kết cấu từ các sợi bông và sợi nhựa dẻo nhiệt và lớp sợi thứ hai (202) được tạo kết cấu từ các sợi nhựa dẻo nhiệt kỵ nước. Sợi không dệt bao gồm: bề mặt thứ nhất (2a) mà là bề mặt ở phía đối diện với da và được tạo ra từ lớp sợi thứ hai (202); và bề mặt thứ hai (2b) mà là bề mặt ở phía không đối diện với da và đối diện với thân thẩm hút (4). Sợi không dệt được bố trí với nhiều phần nhô (11) nhô hướng về bề mặt thứ nhất (2a) và nhiều phần rãnh (12) mà được bố trí giữa các phần nhô liền kề (11) và được tạo rãnh hướng về bề mặt thứ hai (2b). Các phần nhô (11) bao gồm phần khe hở (14) đối diện với bề mặt thứ hai (2b) của sợi không dệt.



- | | | | | |
|-------------------------|-------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024404 B | | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 25/11/2015 | 332A |
| (21) 1-2015-02846 | | | (85) 05/08/2015 | |
| (22) 03/03/2014 | | | (86) PCT/JP2014/056085 | 03/03/2014 |
| (30) 2013-047994 | 11/03/2013 | JP | (87) WO2014/142041 | 18/09/2014 |
| | 2013-050693 | 13/03/2013 | JP | |
| | 2013-272967 | 27/12/2013 | JP | |

(51) **F01P 11/00**

(73) **T.RAD CO., LTD. (JP)**

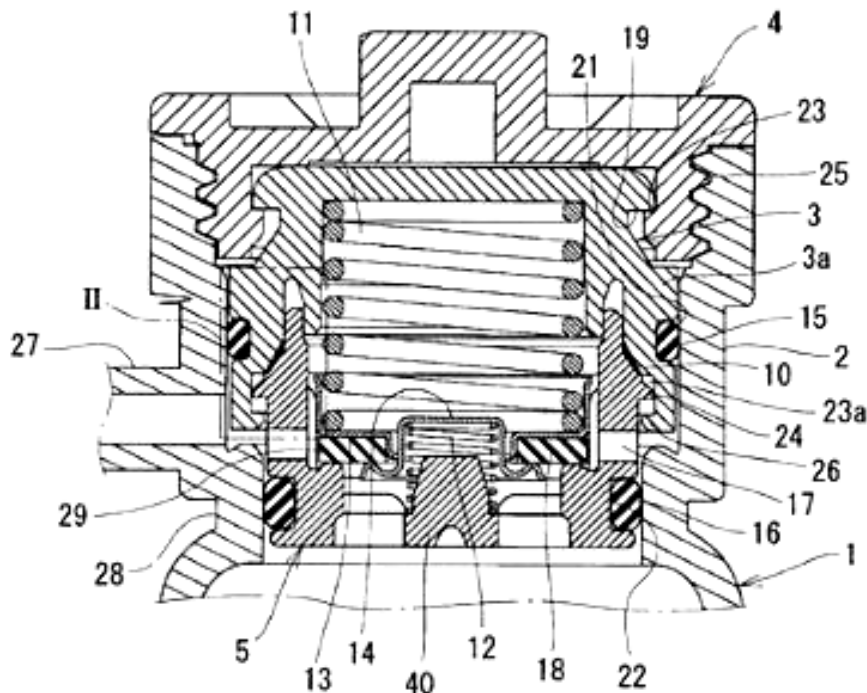
25-3, Yoyogi 3-chome, Shibuya-ku, Tokyo 1510053, Japan

(72) SAKAI, Katsunori (JP); KOUNO, Shougo (JP); KOMURO, Akira (JP)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

(54) **NẮP TẢN NHIỆT BẰNG NHỰA, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VÀ KẾT CẤU LẮP NẮP NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến nắp tản nhiệt bằng nhựa có thể được tạo ra một cách dễ dàng do có kết cấu trong đó thân nắp và thân van được tạo ra một cách tách biệt và mặt chu vi bên trong của thân nắp và mặt chu vi bên ngoài của thân nắp này được hàn, đạt được độ tin cậy cao, ngăn ngừa hiện tượng bịt kín kém và rơi vào trong bình tản nhiệt ngay cả khi bị vỡ.



- | | | | |
|-------------------------|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024405 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03360 | | (85) 08/09/2016 | |
| (22) 18/02/2015 | | (86) PCT/IB2015/051237 | 18/02/2015 |
| (30) BS2014A000048 | 24/02/2014 | IT (87) WO2015/125087A1 | 27/08/2015 |

(51) **D04B 15/14; D04B 15/06**

(73) **SANTONI S.P.A. (IT)**

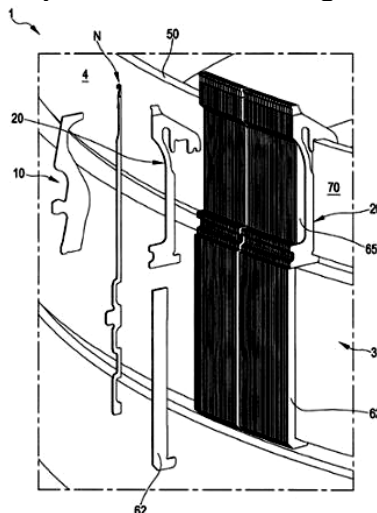
Via Carlo Fenzi, 14, I-25135 Brescia, Italy

(72) LONATI, Ettore (IT); LONATI, Fausto (IT)

(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)

(54) **MÁY DỆT KIM TRÒN VÀ TẮM MỎNG XÁC ĐỊNH MẶT PHẶNG DỆT KIM DÙNG CHO BỘ ĐỠ KIM CỦA MÁY DỆT KIM NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến máy dệt kim tròn 1 cho vải hàng dệt kim hoặc bít tất dệt kim, bao gồm kết cấu giá đỡ, bộ phận đỡ kim 3 và nhiều kim chuyển động N để sản xuất vải dệt kim; nhiều khe tạo mũi đan sườn 5 được xác định trên bề mặt ngoài 4 của bộ phận đỡ kim 3, mỗi khe này chứa một kim riêng rẽ chuyển động được trong đó mà có sự dịch chuyển luân phiên dọc theo khe tạo mũi đan tương ứng này. Bộ phận đỡ kim được tạo mặt phẳng tạo mũi dệt P ở bên trên được dành để tiếp nhận các phần mũi dệt kim tỳ vào đó trong tình trạng nằm giữa hai kim kề nhau N. Máy dệt theo sáng chế bao gồm, trong các vùng 15 nằm giữa hai khe tạo mũi đan kề nhau 5, các bộ phận giữ 10 của mũi dệt kim có mỗi phần tương ứng xác định một mô chặn 11 cho mũi dệt kim; mỗi bộ phận giữ 10 của mũi dệt kim chuyển động theo sự điều khiển từ vị trí thứ nhất, tại đó nó không chạm vào mũi dệt kim đang được tạo thành, tới vị trí thứ hai, tại đó nó cài giữa hai kim kề nhau N, trong một vùng mà nằm bên trên hướng về mặt phẳng tạo mũi dệt. Trong các vùng nằm giữa các khe tạo mũi đan kề nhau 5, máy này có các tấm mỏng 20 mà xác định mặt phẳng dệt kim, mỗi tấm mỏng này đều có phần xác định mặt phẳng dệt kim tương ứng 21; mỗi tấm mỏng 20 có thể ghép tháo lắp được bên trên của bộ phận đỡ kim, để cho đồng phẳng với bộ phận giữ tương ứng 10 được đặt trong cùng một vùng 15, và theo cách sao cho phần xác định mặt phẳng dệt kim tương ứng 21 xác định phần tương ứng Px của mặt phẳng tạo mũi đan P của bộ phận đỡ kim 3 nằm giữa hai khe tạo mũi đan kề nhau 5.



- (11) **1-0024406 B** (15) 05/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
 (21) 1-2015-01019 (85) 26/03/2015
 (22) 03/10/2013 (86) PCT/US2013/063199 03/10/2013
 (30) 13/666,629 01/11/2012 US (87) WO2014/070362 08/05/2014
 (51) **C03B 32/00; C09C 1/00; C03C 4/02; C03C 1/10; C03C 3/087**
 (73) **OWENS-BROCKWAY CLASS CONTAINER INC. (US)**
 One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43551, United States of America
 (72) ORDWAY, Edward (US); HOWSE, Terence, K. (US); BAKER, Daniel (US);
 BARTON, Stephen (US); CLICK, Carol, A. (US)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP TẠO RA VẬT CHỨA LÀM BẰNG THỦY TINH**

- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chứa vật liệu tạo màu ẩn, chế phẩm thủy tinh natri-canxi-silicat và phương pháp sản xuất vật chứa làm bằng thủy tinh có thể hiện màu. Chế phẩm chứa vật liệu tạo màu ẩn có thể được đưa vào nhiều loại chế phẩm thủy tinh nền có trị số oxy hóa khử nằm trong khoảng từ -40 đến +20 để tạo ra chế phẩm thủy tinh có thể hiện màu và vật chứa làm bằng thủy tinh có thể hiện màu. Chế phẩm chứa vật liệu tạo màu ẩn được đưa vào chế phẩm thủy tinh nền bao gồm hỗn hợp gồm đồng (I) oxit (Cu_2O), thiếc (II) oxit (SnO), bismut oxit (Bi_2O_3) và cacbon (C). Sau khi tạo hình, vật chứa làm bằng thủy tinh có thể hiện màu có thể được xử lý nhiệt để hiện màu đỏ hoặc màu đen trong đó.



(11) 1-0024407 B (15) 05/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A

(21) 1-2012-01863

(22) 28/06/2012

(51) C21C 7/10

(73) JFE STEEL CORPORATION (JP)

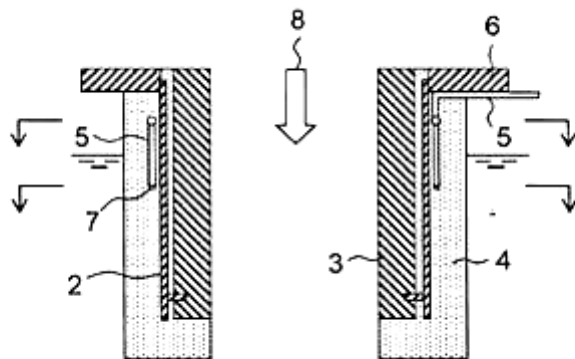
2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan

(72) Shingo OKAMOTO (JP); Kouji KATAYAMA (JP)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

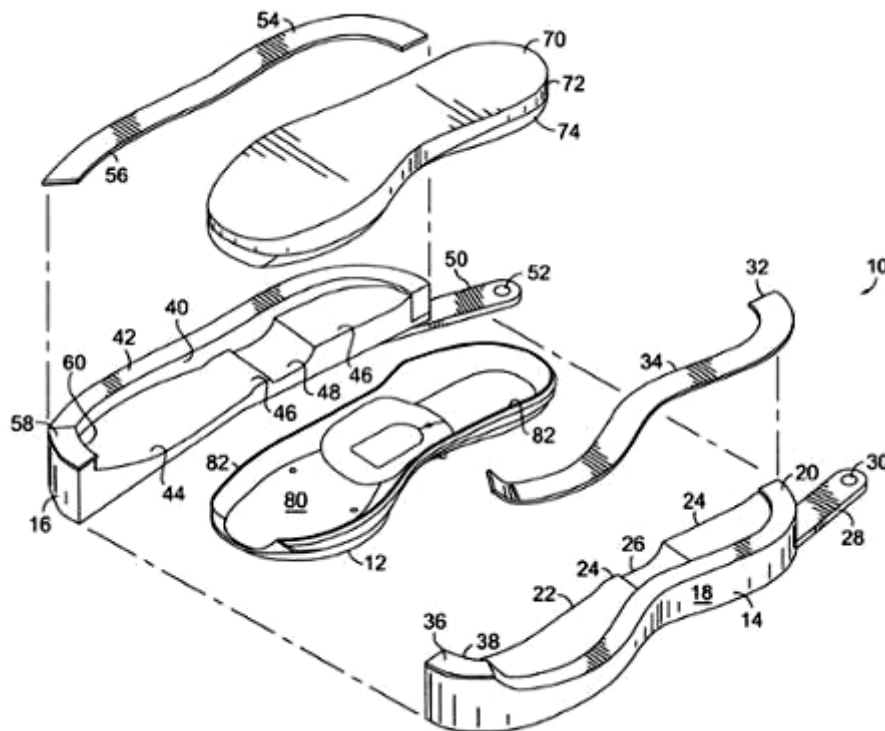
(54) **ỐNG NHÚNG DÙNG CHO THIẾT BỊ KHỬ KHÍ CHÂN KHÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KHỬ KHÍ CHO THÉP NÓNG CHẢY TRONG ĐIỀU KIỆN CHÂN KHÔNG**

(57) Sáng chế đề cập đến ống nhúng dùng cho thiết bị khử khí chân không bao gồm lõi kim loại dạng hình trụ, vật liệu chịu lửa phía trong được lót trên mặt biên phía trong của lõi này và vật liệu chịu lửa phía ngoài được kết cấu liền khối trên mặt biên phía ngoài của lõi này bởi vật liệu chịu lửa liền khối, trong đó vật liệu chịu lửa phía ngoài được tạo ra có các phần dẫn khí argon đáp ứng được tất cả ba điều kiện sau đây từ (a) đến (c): (a) vị trí của phần dẫn khí argon theo hướng kính của ống nhúng; (b) vị trí của phần dẫn khí argon theo hướng chiều cao của ống nhúng; và (c) bước khoảng cách ở giữa các phần dẫn khí argon theo hướng mặt biên của lõi. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp khử khí cho thép nóng chảy trong điều kiện chân không.



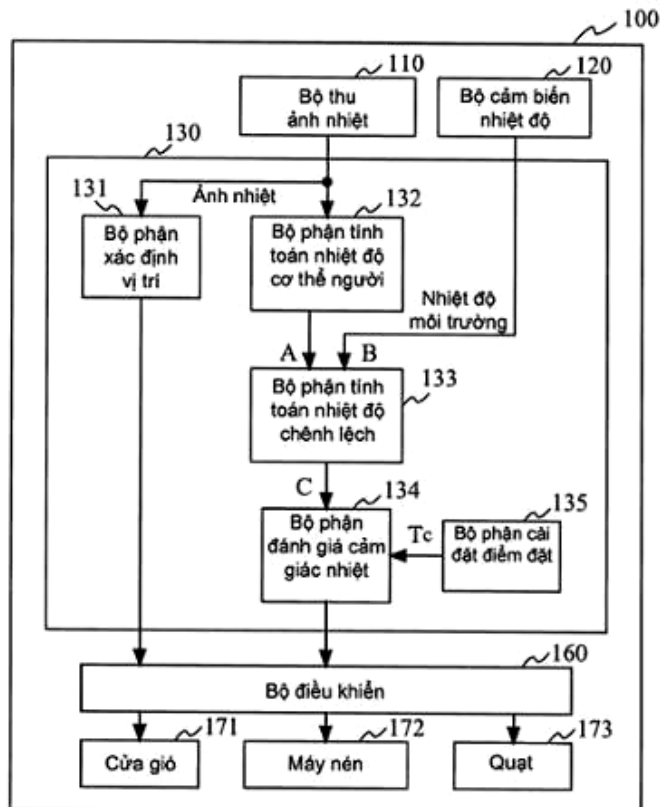
- (11) **1-0024408 B** (15) 05/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-03186 (85) 26/08/2016
 (22) 22/01/2015 (86) PCT/US2015/012490 22/01/2015
 (30) 14/168,481 30/01/2014 US (87) WO2015/116470 06/08/2015
 (51) *A43D 8/16; A43B 3/00; B05B 15/04; A43D 95/06; A43D 95/14; B05B 13/02; A43B 13/00; A43D 8/22*
 (73) **NIKE INNOVATE C.V. (US)**
 One Bowerman Drive, Beaverton, Oregon 97005-6453, United States of America
 (72) SPAMPINATO, Juan-Pier (US)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **DỤNG CỤ GÁ ĐỂ GIỮ ĐÉ GIỮA CỦA GIÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến dụng cụ gá giữ đế giữa của giày trong quá trình sơn. Dụng cụ gá này có phần gá dưới và phần gá trên. Phần gá dưới có thành phía ngoài mà bề mặt tiếp xúc kéo dài từ đó. Bề mặt tiếp xúc này được định kích cỡ để tác dụng lực ép lên đế giữa theo đường sơn mong muốn, và ngăn ngừa sơn không lan sang đế giữa bên dưới bề mặt tiếp xúc này. Phần gá trên cùng có bề mặt phía dưới được cấu tạo để nằm tiếp xúc với bề mặt trên cùng của đế giữa khi đế giữa này được giữ trong phần gá dưới và được định hình để tác dụng lực hướng xuống phía dưới và ra phía ngoài lên đế giữa tại mép được tạo ra bởi bề mặt trên cùng của đế giữa và bề mặt bao ngoài của đế giữa, nhờ đó ngăn ngừa sơn không lan sang bề mặt trên cùng của bộ phận giày này.



- (11) **1-0024409 B** (15) 05/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
- (21) 1-2015-04259 (85) 05/11/2015
- (22) 17/02/2015 (86) PCT/JP2015/000714 17/02/2015
- (30) 2014-027891 17/02/2014 JP (87) WO2015/122201 20/08/2015
- (51) **F24F 11/62; F24F 11/64; F24F 130/30; F24F 11/79; F24F 110/10; F24F 120/20; F24F 11/30; F24F 11/76**
- (73) **PANASONIC CORPORATION (JP)**
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501 Japan
- (72) KUBO, Hiroko (JP); SHIKII, Shinichi (JP); KUSUKAME, Koichi (JP)
- (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**

(57) Sáng chế đề xuất máy điều hòa không khí để thực hiện điều khiển điều hòa không khí cho một khoảng trống, máy điều hòa không khí này bao gồm bộ thu ảnh nhiệt, bộ tính toán và bộ điều khiển. Bộ thu ảnh nhiệt sẽ thu ảnh nhiệt thể hiện phân bố nhiệt độ trong khoảng trống này. Bộ tính toán sẽ xác định khu vực có người tương ứng với người trên ảnh nhiệt thu được, xác định nhiệt độ cơ thể người là nhiệt độ của người có mặt trong khoảng trống, dựa trên phân bố nhiệt độ trong khu vực có người này, và sẽ đánh giá cảm giác nhiệt của người có mặt trong khoảng trống này, dựa trên trị số chênh lệch giữa nhiệt độ cơ thể người và nhiệt độ môi trường thu được từ nhiệt độ trong khu vực không phải là khu vực có người. Bộ điều khiển sẽ điều khiển lượng gió, nhiệt độ gió, và hướng gió của máy điều hòa không khí, dựa trên cảm giác nhiệt của người có mặt trong khoảng trống này.



- (11) **1-0024410 B** (15) 05/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2014 311A
(21) 1-2013-03627 (85) 18/11/2013
(22) 16/04/2012 (86) PCT/CN2012/074064 16/04/2012
(30) 201110115712.4 29/04/2011 CN (87) WO2012/146134 01/11/2012
(51) **A23F 3/16**
(73) **NONGFU SPRING CO., LTD.** (CN)
No. 181, Geyazhuang, Xihu District, Hangzhou, Zhejiang 310024, China
(72) HAN, Zhengchun (CN); HUANG, Yuan (CN); ZHONG, Jiping (CN); XUE, Lian (CN)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT ĐỒ UỐNG TỪ CHÈ**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất đồ uống từ chè. Đồ uống từ chè theo sáng chế bao gồm lá chè, nước thẩm thấu ngược đã được loại oxy và khử ion, chất chống oxy hóa dùng trong thực phẩm và đồ uống từ chè theo sáng chế có hàm lượng oxy $\leq 1\text{mg/L}$ khi mới đóng chai.

- (11) **1-0024411 B** (15) 05/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
(21) 1-2015-04381 (85) 13/11/2015
(22) 07/04/2014 (86) PCT/JP2014/001975 07/04/2014
(30) 2013-084809 15/04/2013 JP (87) WO2014/171101 23/10/2014
(51) **H05K 5/00; H05K 5/02**
(73) **ANDEN CO., LTD.** (JP)
1-10, SASAME-CHO, ANJO-CITY, AICHI-PREF., 446-8503 Japan
(72) HIROSE, Wataru (JP); NAGAMOTO, Koji (JP); HAYASHI, Toshihiro (JP)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **CỤM THIẾT BỊ ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến cụm thiết bị điện. Phần gắn (20) được ăn khớp với bộ phận được gắn và phần hộp (30) có đáy và dạng hình trụ tạo nên khoang chứa (31) được tạo thành dưới dạng một bộ phận từ cao su và do đó số lượng các bộ phận và số lượng các công đoạn lắp ráp được giảm bớt. Phần nhô (38), mà là dầm chia nhô ra từ thành bên trong của phần hộp (30) vào trong khoang chứa (31), được tạo ra. Phần nhô (38) đó bám theo lớp bọc (4) khi có lực theo hướng tách (E) tác dụng lên lớp bọc (4). Do vậy, phần nhô (38) và lớp bọc (4) khó có khả năng bong ra khỏi nhau và lực kết dính giữa phần nhô (38) và lớp bọc (4) đó được đảm bảo. Do đó, có thể giảm bớt số lượng các bộ phận và số lượng các công đoạn lắp ráp.

- | | | | |
|-------------------|-----------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024412 B | (15) 05/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2018 | 369A |
| (21) 1-2018-04464 | | (85) 10/10/2018 | |
| (22) 10/03/2017 | | (86) PCT/JP2017/009839 | 10/03/2017 |
| (30) 2016-048747 | 11/03/2016 JP | (87) WO2017/155121 | 14/09/2017 |

(51) **E04B 1/30; E04B 1/58**

(73) **JFE STEEL CORPORATION (JP)**

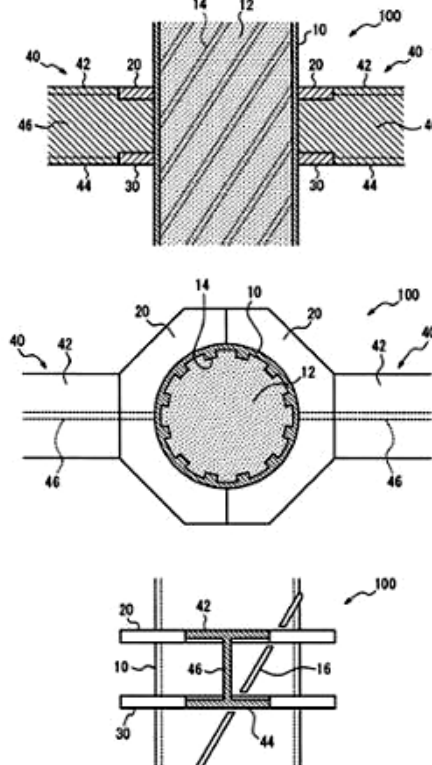
2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan

(72) OKI Koji (JP); NAKAGAWA Kei (JP); NANBA Takayuki (JP)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

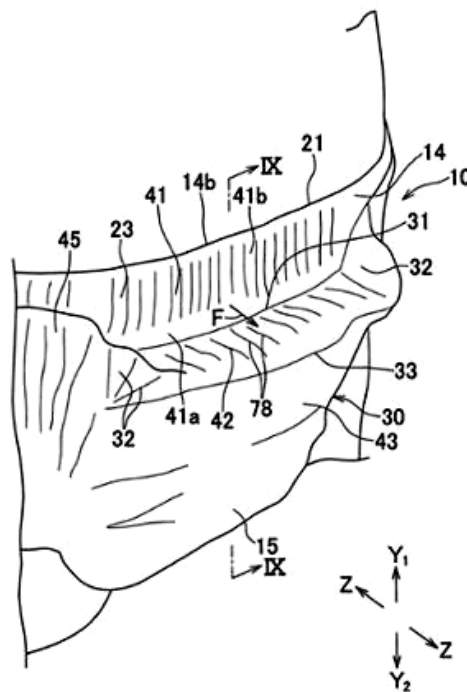
(54) **KẾT CẤU NỐI SỬ DỤNG CỘT ỐNG THÉP NHỒI BÊ TÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KẾT CẤU NỐI NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến kết cấu nối sử dụng cột ống thép nhồi bê tông (CFT-concrete filled Steel tube) mà có thể truyền hiệu quả hơn theo hướng chiều dọc các tải trọng tác động lên dầm được làm từ thép hình chữ H hoặc cột CFT đến bê tông được nhồi trong cột ống thép sao cho nó cho thể chịu được tải trọng lớn hơn. Để làm cột ống thép (10) được nhồi bê tông (12), ống thép được tạo gân ở phía bên trong mà có nhiều đường gân kéo dài theo kiểu xoắn ốc cách nhau trên bề mặt bên trong của nó và gờ lồi kéo dài theo kiểu xoắn ốc trên bề mặt bên ngoài của nó được sử dụng. Cặp dầm ngang phía bên ngoài (20, 30) được hàn vào bề mặt ngoài vi ngoài của cột ống thép, và dầm hoặc tấm bê tông cốt thép (RC - reinforced concrete) được nối vào đó. Gò lồi (16) được làm gián đoạn một khoảng ở vị trí mà ở đó các dầm ngang phía bên ngoài (20, 30) sẽ được bố trí, trong đó khoảng này bằng hoặc lớn hơn độ dày của mỗi dầm ngang phía bên ngoài, và các dầm ngang phía bên ngoài (20, 30) được bố trí để được ghép khớp vào với phần mà gò lồi được làm gián đoạn.



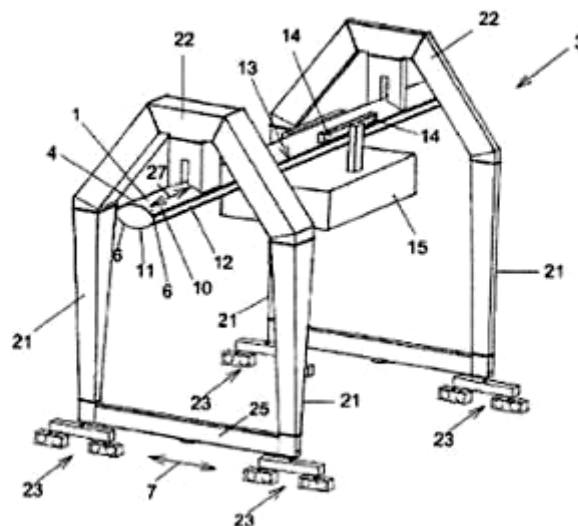
- | | | | |
|---|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024413 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2017 | 352A |
| (21) 1-2017-00717 | | (85) 27/02/2017 | |
| (22) 22/07/2015 | | (86) PCT/JP2015/070801 | 22/07/2015 |
| (30) 2014-202488 | 30/09/2014 | JP (87) WO2016/051936A1 | 07/04/2016 |
| (51) A61F 13/15; A61F 13/496; A61F 13/494 | | | |
| (73) UNICHARM CORPORATION (JP) | | | |
| 182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan | | | |
| (72) TAKINO, Shunsuke (JP); MAKI, Hideaki (JP) | | | |
| (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP) | | | |
| (54) TÃ LÓT DÙNG MỘT LẦN | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần có rãnh được bố trí để tiếp nhận/giữ dịch thể mà nếu không sẽ chảy vào phía khoảng hở quanh thắt lưng, do đó hạn chế khả năng mà dịch thể có thể tiếp xúc với da của người mặc. Vùng thắt lưng phía sau (14) bao gồm vùng đai (23) kéo dài theo hướng ngang (X) trên bề mặt tiếp xúc với da và rãnh có thể mở hướng xuống (30) đối diện, theo hướng từ đằng trước ra đằng sau, vùng phụ trung tâm theo hướng ngang (X) của vùng đai (23). Rãnh (30) được xác định bằng thành bên ngoài rãnh (43) đối diện với phần giữa (41) theo hướng từ đằng trước ra đằng sau và kéo dài hướng lên từ vùng đũng (15), thành bên trong rãnh (42) lần lượt đối diện với thành bên ngoài rãnh (43) và vùng đai (23), theo hướng từ đằng trước ra đằng sau, và liên tục với thành bên ngoài rãnh (43) thông qua phần được gấp (33) và kéo dài hướng xuống từ đường gấp (33) để trở nên liên tục với thành bên trong rãnh (42) của phần giữa (41) trong vùng đai (23), và cả hai rãnh phần bên (32) được tạo ra từ phần bên tương ứng của thành bên trong và bên ngoài (42, 43) và được gấp hướng vào trong theo hướng ngang (X).



- | | | | |
|--|------------------------------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024414 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-04420 | | (85) 16/11/2016 | |
| (22) 19/05/2015 | | (86) PCT/AT2015/000075 | 19/05/2015 |
| (30) A 408/2014 | 26/05/2014 | AT (87) WO2015/179887 | 03/12/2015 |
| (51) B66C 6/00 | | | |
| (73) HANS KÜNZ GMBH (AT) | | | |
| | Gerbestraße 15, 6971 Hard, Austria | | |
| (72) KLAPPER, Georg (AT) | | | |
| (74) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD) | | | |
| (54) DÀM CẦU CHO MÁY CẦU | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến dầm cầu (1) cho một máy cầu (3), trong đó dầm cầu (1) có định hình rỗng (4) với vách ngoài (6) bao quanh khoang rỗng (5) và trải dọc theo chiều dài, và vách ngoài (6) của dầm cầu (1), khi nhìn vào mặt cắt ngang của dầm cầu (1), ít nhất theo khu vực, phình ra ngoài để làm giảm sức cản không khí, trong đó vách ngoài (6), khi nhìn vào mặt cắt ngang của dầm cầu (1), có hai đoạn nằm đối diện nhau (10, 11) với dạng phình ra ngoài, chúng được nối với nhau nhờ hai đoạn vách thẳng nằm đối diện nhau (12) của vách ngoài (6), và dầm cầu (1) có ít nhất một mặt chạy (13) cho ít nhất một bánh xe (14) của xe đẩy (15) của công cụ nâng hạ của máy cầu (3), trong đó các đoạn nằm đối diện nhau (10, 11) với dạng phình ra ngoài, ở vị trí làm việc của dầm cầu (1), hướng lên trên và xuống dưới và những đoạn vách thẳng (12) giới hạn dầm cầu (1) về các bên.



- | | | | |
|-------------------|------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024415 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-03930 | | (85) 18/10/2016 | |
| (22) 23/03/2015 | | (86) PCT/US2015/021996 | 23/03/2015 |
| (30) 14/224,134 | 25/03/2014 | US | (87) WO2015/148371A1 |
| | | | 01/10/2015 |

(51) **G02B 23/02**

(73) **UNIVERSITY OF FLORIDA RESEARCH FOUNDATION, INCORPORATED (US)**

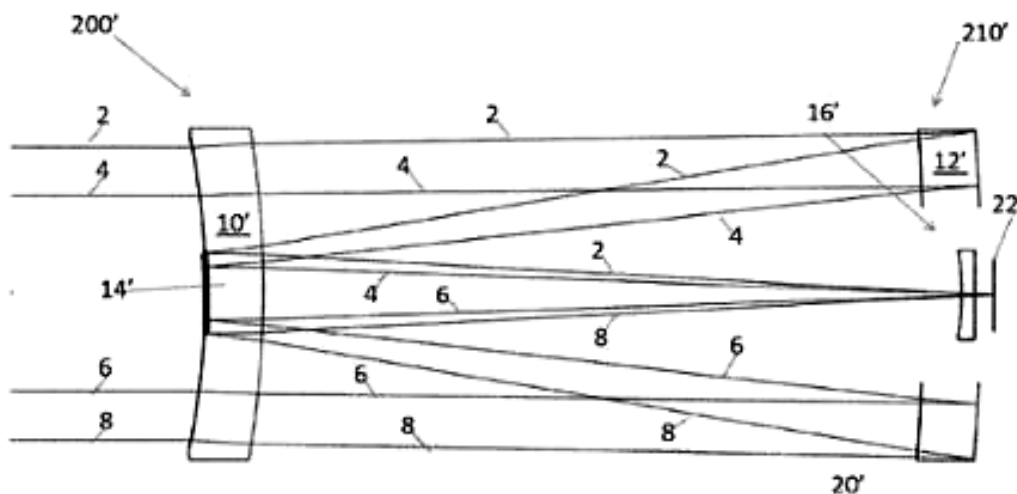
223 Grinter Hall, Gainesville, Florida 32611, Unites States of America

(72) ZHAO, Bo (CN); GUZMAN, Rafael (ES)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

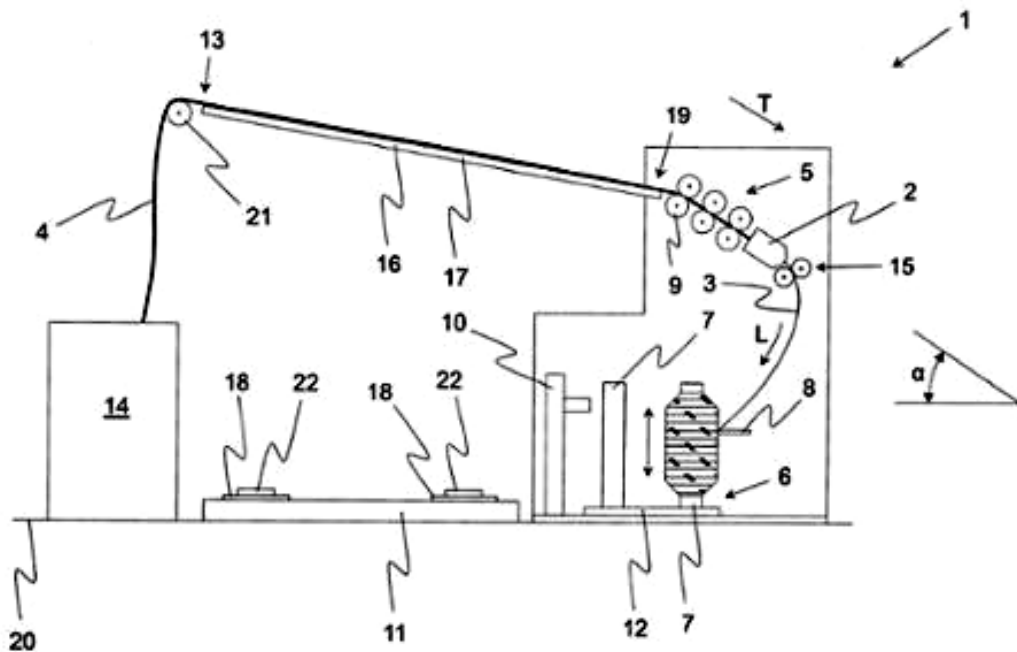
(54) **KÍNH VIỄN VỌNG VÀ MẢNG KÍNH VIỄN VỌNG ĐỂ SỬ DỤNG TRONG TÀU VŨ TRỤ**

- (57) Sáng chế đề cập tới kính viễn vọng tổ hợp là phiên bản được biến đổi của kính viễn vọng quang học Maksutov-Cassegrain truyền thống. Theo sáng chế, các bề mặt phản xạ của gương sơ cấp và gương điểm thứ cấp một cách tương ứng là trên các bề mặt thứ hai của gương sơ cấp và thấu kính hiệu chỉnh. Theo sáng chế, hai trong số các kính viễn vọng này có thể nhập lại với nhau để tạo thành mảng kính viễn vọng hai thị kính. Mảng có thể dễ dàng được tùy chỉnh để phù hợp với các ứng dụng cảm biến từ xa/vệ tinh khác nhau.



- (11) **1-0024416 B** (15) 05/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2016-04557 (85) 25/11/2016
 (22) 07/05/2015 (86) PCT/IB2015/000646 07/05/2015
 (30) 00798/14 26/05/2014 CH (87) WO2015/181597A1 03/12/2015
 (51) **D01H 7/92**
 (73) **MASCHINENFABRIK RIETER AG (CH)**
 Klosterstrasse 20, CH-8406 Winterthur, Switzerland
 (72) Christian GRIESSHAMMER (DE); Petr HASKA (CZ)
 (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
 (54) **MÁY CHUẨN BỊ KÉO SỢI**

- (57) Sáng chế đề cập đến máy chuẩn bị kéo sợi (1) có ít nhất một phương tiện ép chặt (2) để sản xuất sợi thô (3) có xoắn bảo vệ từ một bó sợi (4) được dẫn tới phương tiện ép chặt, hệ thống kéo duỗi (5) để kéo duỗi bó sợi (4), thiết bị quấn (6) để quấn sợi thô (3) trên ống (7), và chi tiết di chuyển lắp theo cách di chuyển được (8) để dẫn hướng sợi thô (3) trong khi sợi thô đang được quấn trên ống (7). Phương tiện ép chặt được bố trí thẳng đứng giữa ít nhất một con lăn cấp liệu (9) của hệ thống kéo duỗi (5) và chi tiết di chuyển (8) lắp thẳng đứng phía dưới sao cho khi máy chuẩn bị kéo sợi (1) đang hoạt động, sợi thô (3) thay đổi hướng sau khi ra khỏi phương tiện ép chặt và trước khi được quấn trên ống (7).



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024417 B | | (15) 05/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/04/2013 | 301A |
| (21) 1-2013-00191 | | (85) 18/01/2013 | |
| (22) 16/06/2011 | | (86) PCT/JP2011/003453 | 16/06/2011 |
| (30) 2010-139785 | 18/06/2010 JP | (87) WO2011/158510 | 22/12/2011 |

(51) **B26F 1/16**

(73) **MITSUBISHI GAS CHEMICAL COMPANY, INC.** (JP)
5-2, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, 1008324 Japan

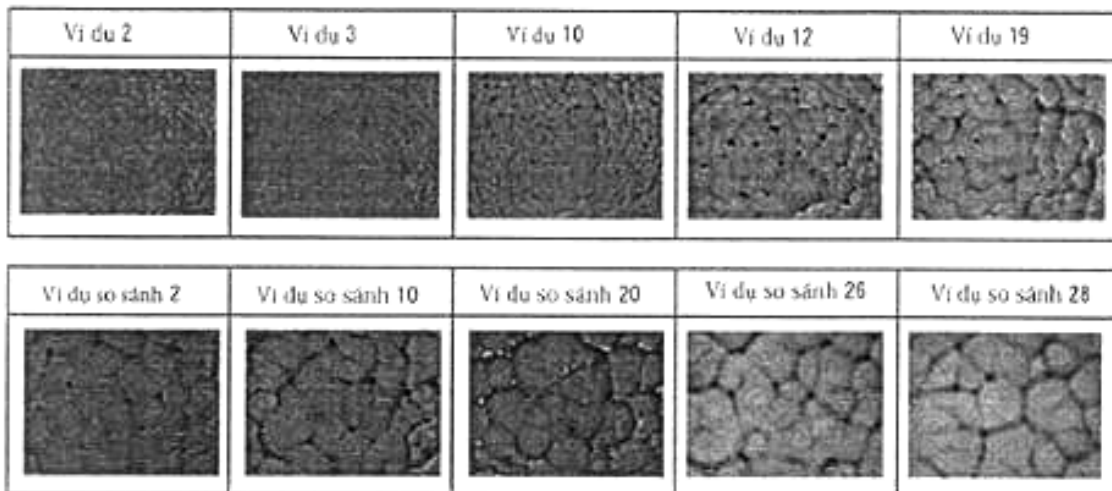
(72) MATSUYAMA, Yousuke (JP); HASAKI, Takuya (JP); SHIMIZU, Kenichi (JP); AKITA, Reiki (JP); KOMATSU, Shinya (JP)

(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(54) **TẨM DẪN KHOAN**

(57) Sáng chế đề xuất tẩm dẫn khoan có lớp chế phẩm nhựa tan trong nước kết tinh được có độ dày từ 0,02 đến 0,3mm được tạo ra trên ít nhất một bề mặt của lá kim loại, làm tăng độ chính xác vị trí lỗ khoan, không cho nhựa dính vào mũi khoan, và hạn chế gãy mũi khoan.

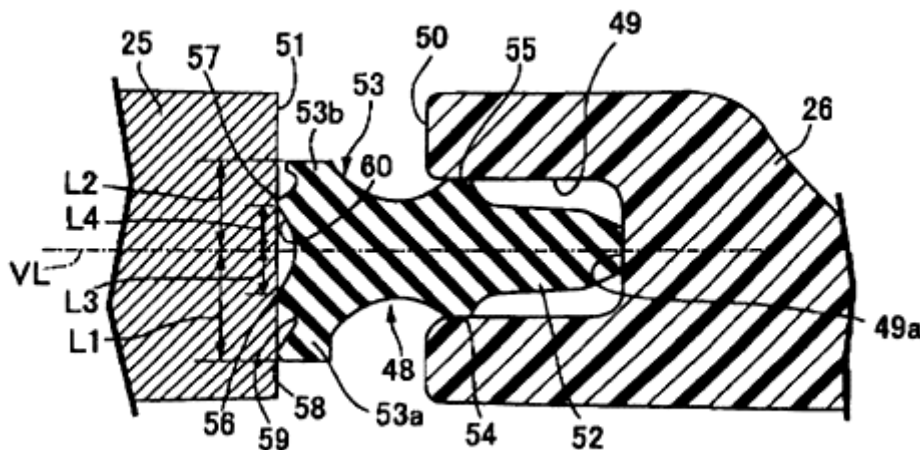
Các hạt tinh thể của chế phẩm nhựa tan trong nước có kích thước hạt trung bình nằm trong khoảng từ 5 đến 70 μ m và độ lệch tiêu chuẩn không lớn hơn 25 μ m, bề mặt dẫn mũi khoan của lớp chế phẩm nhựa tan trong nước có độ nhám bề mặt Sm không lớn hơn 8 μ m, và lớp được tạo ra bằng cách phủ trực tiếp lớp nóng chảy của chế phẩm nhựa tan trong nước, hoặc dung dịch chứa chế phẩm nhựa tan trong nước lên lá kim loại chịu tải, và làm khô, và sau đó làm mát từ nhiệt độ từ 120°C đến 160°C về nhiệt độ 25°C đến 40°C trong 60 giây với tốc độ làm mát không nhỏ hơn 1,5°C/giây.



- (11) **1-0024418 B** (15) 05/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
 (21) 1-2015-00259
 (22) 26/01/2015
 (30) 2014-012240 27/01/2014 JP
 (51) **F16J 15/02; F02B 61/02; F16J 15/10; F16J 15/06; F01M 13/04; F02F 7/00**
 (73) 1. **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
 2. **OHTSUKA POLY-TECH CO., LTD.** (JP)
 4962, Ooaza Haneo, Namegawa-machi, Hiki-gun, Saitama, Japan
 (72) Kayoko TAKEICHI (JP); Ryota TAKAHASHI (JP); Daisuke SUGIO (JP); Yasuo TERADA (JP); Hiroyuki YOKOYAMA (JP); Yasuhiko NAKANO (JP); Tomofumi KURAMITSU (JP); Yoshitaka UCHIDA (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **VÒNG ĐỆM KÍN DỪNG CHO ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG**

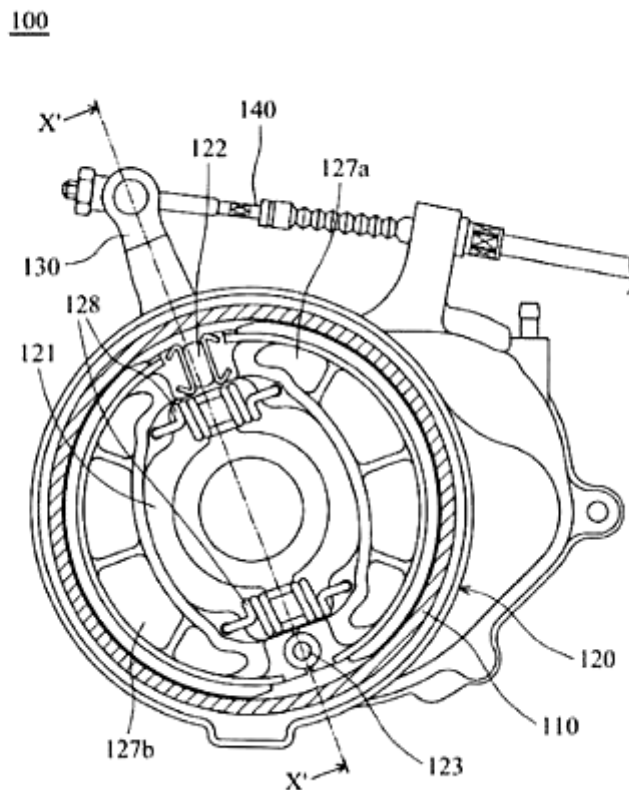
(57) Sáng chế đề cập đến vòng đệm kín được bố trí giữa đầu xi lanh và nắp che đầu để đạt được khả năng chịu áp lực cao hơn.

Vòng đệm kín (48) bao gồm phần lắp (52) và phần gờ (53) được tạo liền khối. Phần lắp (52) được lắp vào trong rãnh lắp (49) với một phần đầu của phần lắp (52) tiếp xúc với thành đầu kín (49a) của rãnh lắp (49). Phần gờ (53) liên tục từ phần đầu kia của phần lắp (52), và bao gồm: phần gờ trong (53a) nhô về phía bên trong của đầu xi lanh (25) và nắp che đầu (26) từ đường ảo (VL) đi qua tâm theo chiều rộng của phần lắp (52) và nhô song song với hướng kẹp của vòng đệm kín (48); và phần gờ ngoài (53b) nhô về phía bên ngoài của đầu xi lanh (25) và nắp che đầu (26) từ đường ảo (VL). Chiều dài nhô (L1) của phần gờ trong (53a) từ đường ảo (VL) được chọn lớn hơn chiều dài nhô (L2) của phần gờ ngoài (53b) từ đường ảo (VL).

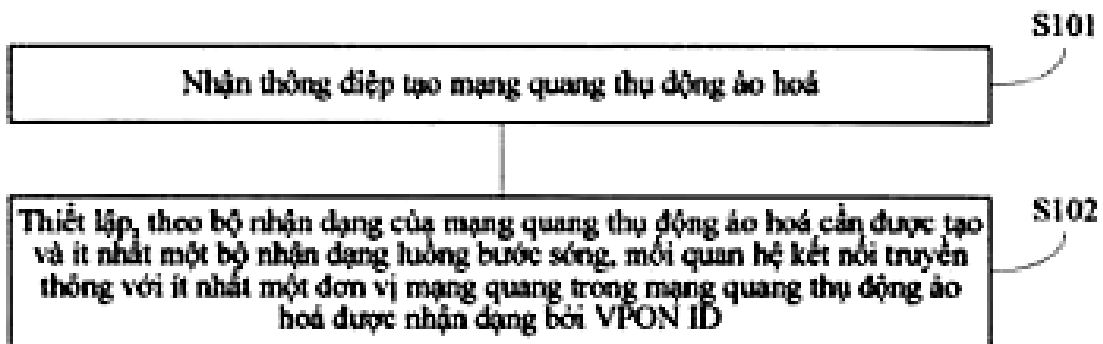


- | | | | |
|--|------------|-----------------|------|
| (11) 1-0024419 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2013 | 308A |
| (21) 1-2013-01428 | | | |
| (22) 07/05/2013 | | | |
| (30) 101116137 | 07/05/2012 | TW | |
| (51) B60T 8/52 | | | |
| (73) SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW) | | | |
| No. 184, Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu County
304, Taiwan | | | |
| (72) Rong-Bin GUO (TW) | | | |
| (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.) | | | |
| (54) CƠ CẤU PHANH KIỂU TANG TRÔNG | | | |

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu phanh kiểu tang trống. Trống phanh được lắp vào mayo và bao gồm thân trống, cam phanh, chốt di chuyển được, đai ốc, vòng đệm lò xo, đệm kín dầu, guốc phanh thứ nhất, và guốc phanh thứ hai. Thân trống bao gồm lỗ thủng thứ nhất và lỗ thủng thứ hai. Cam phanh được lắp xoay trong lỗ thủng thứ nhất. Chốt di chuyển được được lắp vào trong lỗ thủng thứ hai và bao gồm đầu thứ nhất và đầu thứ hai. Đai ốc được siết chặt vào đầu thứ nhất. Vòng đệm lò xo được bố trí vào giữa đai ốc và thân trống. Đệm kín dầu được bố trí vào giữa chốt di chuyển được và thành trong của lỗ thủng thứ hai. Hai đầu của guốc phanh thứ nhất và hai đầu của guốc phanh thứ hai tiếp giáp lần lượt với với cam phanh và đầu thứ hai.

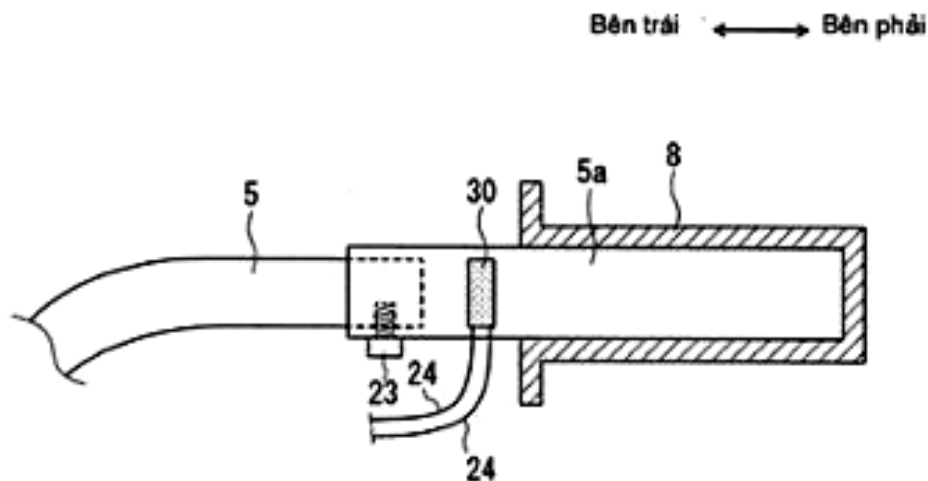


- (11) **1-0024420 B** (15) 08/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2016 335A
- (21) 1-2015-05006 (85) 30/12/2015
- (22) 09/06/2013 (86) PCT/CN2013/077058 09/06/2013
- (87) WO2014/198017 18/12/2014
- (51) **H04L 12/46; H04L 12/24**
- (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China
- (72) PENG, Guikai (CN); LIN, Huafeng (CN)
- (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ẢO HOÁ MẠNG QUANG THỤ ĐỘNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị ảo hoá mạng quang thụ động, và hệ thống ảo hoá mạng quang thụ động. Phương pháp này bao gồm các bước: nhận thông điệp tạo mạng quang thụ động ảo hoá (Virtualized Passive Optical Network - VPON), trong đó thông điệp tạo mạng quang thụ động ảo hoá này bao gồm bộ nhận dạng (Identifier - ID) của VPON cần được tạo và ít nhất một bộ nhận dạng luồng bước sóng λ -flow ID; và thiết lập, theo VPON ID và ít nhất một λ -flow ID, mối quan hệ kết nối truyền thông với ít nhất một đơn vị mạng quang trong mạng quang thụ động ảo hoá được nhận dạng bởi VPON ID này. Nhờ phương pháp theo sáng chế mà có thể tránh được hoạt động nối mạng phức tạp vốn được thực hiện để thích ứng với các tình huống ứng dụng khác nhau.



- (11) **1-0024421 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2017 357A
 (21) 1-2017-03804 (85) 28/09/2017
 (22) 29/03/2016 (86) PCT/JP2016/060198 29/03/2016
 (30) 2015-070053 30/03/2015 JP (87) WO2016/158985 06/10/2016
 (51) **B62K 23/04; B60K 31/00; B62J 99/00**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
 (72) TETSUKA Takashi (JP); NOMURA Yoshihiro (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN LỰC TRUYỀN ĐỘNG CỦA XE**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điều khiển lực truyền động của xe (1) điều khiển lực truyền động (K) của động cơ (E) theo quá trình vận hành của cần gạt của tay lái (8) lắp vào xe máy (1). cần gạt của tay lái (8) lắp chặt không quay được vào tay lái (5) của xe máy (1). Thiết bị điều khiển lực truyền động của xe bao gồm biến dạng kế (30) và phần điều khiển (50). Biến dạng kế (30) hoạt động như phương tiện đo lực xoắn để đo lực xoắn (N) mà được định hướng theo hướng quay thông thường hoặc theo hướng quay ngược và tác dụng lên cần gạt của tay lái (8). Phần điều khiển (50) điều khiển lực truyền động (K) theo lực xoắn đo được (N). Phần điều khiển (50) thực hiện chế độ điều khiển để làm gia tăng lực truyền động (K) theo lực xoắn (N) được định hướng theo hướng quay thông thường.



- (11) **1-0024422 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2019 373A
 (21) 1-2019-00796 (85) 18/02/2019
 (22) 07/08/2017 (86) PCT/JP2017/028577 07/08/2017
 (30) 2016-160563 18/08/2016 JP (87) WO2018/034185 22/02/2018

(51) **G02B 6/44**

(73) **FUJIKURA LTD. (JP)**

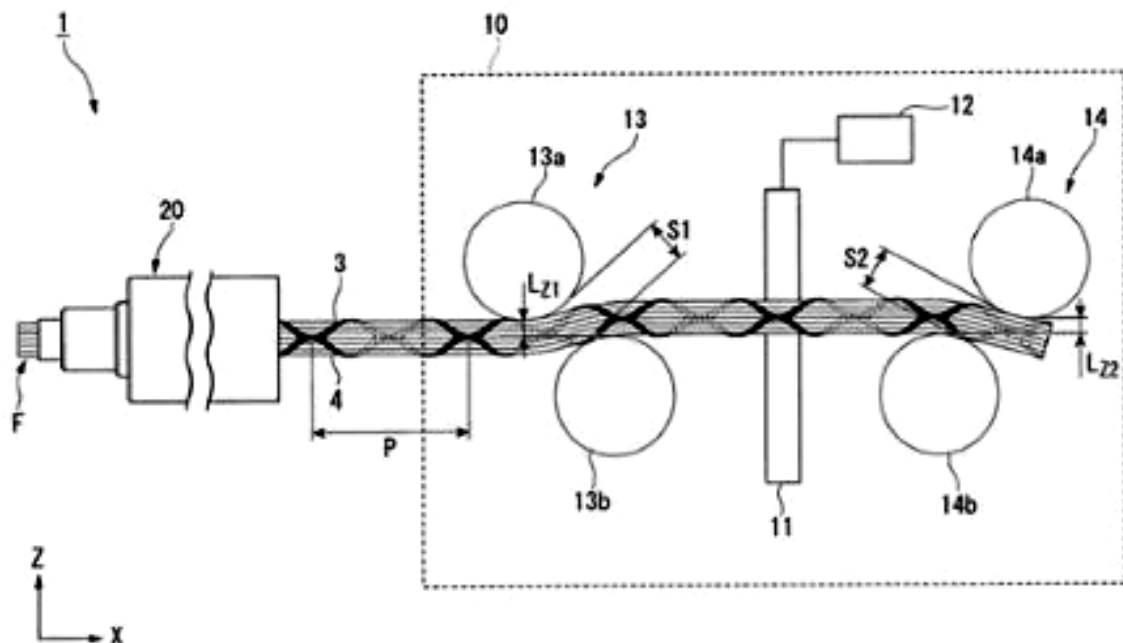
5-1, Kiba 1-chome, Koto-ku, Tokyo 1358512, Japan

(72) NEMOTO Yuki (JP); LUO Shengyang (CN); HIGUCHI Masanobu (JP);
 OGASAWARA Tatsushi (JP); ISAJI Mizuki (JP); KAJI Tomoaki (JP);
 TOMIKAWA Kouji (JP); OSATO Ken (JP)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **THIẾT BỊ KIỂM TRA CỤM SỢI QUANG VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CỤM SỢI QUANG**

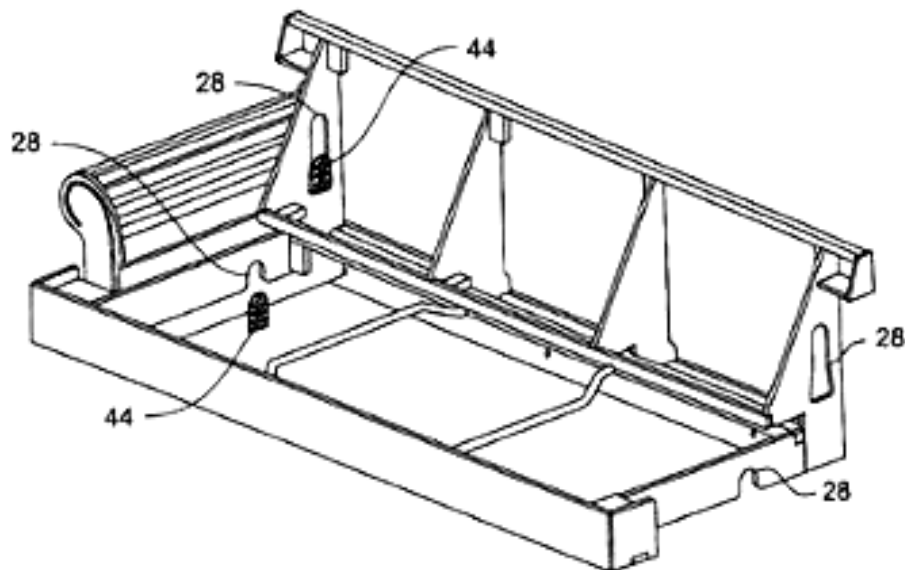
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị kiểm tra cụm sợi quang và phương pháp sản xuất cụm sợi quang. Thiết bị kiểm tra cụm sợi quang sẽ kiểm tra cụm sợi quang trong đó các chất kết dính được quấn theo hình dạng SZ trên các sợi quang. Thiết bị kiểm tra cụm sợi quang này bao gồm: bộ đo được tạo kết cấu để đo chiều rộng của các cụm sợi quang theo hướng thứ nhất vuông góc với hướng dọc trong đó cụm sợi quang kéo dài; và bộ xác định được tạo kết cấu để xác định việc có hoặc không có tính bất thường trong trạng thái kết dính, dựa trên kết quả đo của bộ đo.



- (11) **1-0024423 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2017 346A
(21) 1-2016-03285 (85) 05/09/2016
(22) 12/03/2015 (86) PCT/US2015/020253 12/03/2015
(30) 61/952,505 13/03/2014 US (87) WO2015/138776 17/09/2015
14/285,488 22/05/2014 US
- (51) **A61K 31/40; A61K 31/56**
(73) **BODOR LABORATORIES, INC. (US)**
4400 Biscayne Boulevard, Suite 980, Miami, FL 33137, United States of America
(72) BODOR, Nicholas S. (US); KOLENG, John J. (US); ANGULO, David (US)
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) **DƯỢC PHẨM DẠNG GEL KHÔ DÙNG KHU TRÚ ĐỂ ĐIỀU TRỊ TÌNH TRẠNG BỆNH LÝ TIẾT NHIỀU MỒ HÔI**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dùng khu trú chứa glycopyrolat dễ chuyển hóa hữu dụng để điều trị tình trạng bệnh lý tiết nhiều mồ hôi cho đối tượng, như người mắc bệnh tăng tiết mồ hôi. Tốt hơn là, ít nhất một chất chống tiết cholin dễ chuyển hóa được bào chế trong dược phẩm khô với lượng hoặc hàm lượng hữu hiệu mà có thể ức chế sự tiết nhiều mồ hôi do tình trạng bệnh lý như tăng tiết mồ hôi gây ra.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024424 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2014 | 320A |
| (21) 1-2014-01974 | | (85) 16/06/2014 | |
| (22) 23/11/2012 | | (86) PCT/US2012/066458 | 23/11/2012 |
| (30) 61/563,429 | 23/11/2011 | US | (87) WO2013/078459 |
| | 61/621,236 | 06/04/2012 | US |
| | 61/677,731 | 31/07/2012 | US |
- (51) **A47C 4/02; F16B 12/22; A47C 17/02**
- (73) **ASHLEY FURNITURE INDUSTRIES, INC. (US)**
One Ashley Way, Arcadia, Wisconsin 54612, United States of America
- (72) Timothy A. BRANDTNER (US); Walter WANG (US); Christopher Jon LEJCHER (CN); Nicholas ROBINSON (US)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **ĐỒ NỘI THẤT SẴN SÀNG ĐỂ LẮP RÁP**

(57) Sáng chế đề cập đến đồ nội thất sẵn sàng để lắp ráp (ready to assemble: RTA). Cụm ráp nối các bộ phận để liên kết các bộ phận phụ riêng biệt của hệ thống nội thất RTA. Mỗi cụm ráp nối giữa các bộ phận có rãnh căn chỉnh thon dài khoét vào một trong các bộ phận phụ của bộ đồ nội thất RTA và bộ phận hãm (26) được lắp ráp vào bộ phận phụ tương ứng thứ hai (14) sao cho bộ phận phụ thứ nhất (12) và thứ hai (14) có thể được cố định với nhau bằng cách luồn bộ phận hãm (26) vào trong rãnh căn chỉnh (28). Rãnh căn chỉnh (28) được bố trí trên bộ phận phụ thứ nhất (12) sao cho sự định vị bộ phận hãm (26) để luồn vào trong rãnh căn chỉnh (28) bộ phận phụ thứ hai (14) với bộ phận phụ thứ nhất (12) tạo ra sự căn chỉnh thẳng và gài khớp các bộ phận phụ không cần dụng cụ. Các bộ phận đã lắp có thể có các phần cắt khuyết trên các mặt phẳng đối diện của bộ phận phụ thứ nhất (12) và thứ hai (14) tương ứng tạo ra khả năng cất giữ tăng để vận chuyển các bộ phận đồ nội thất RTA.



- | | | |
|-------------------------|------------------------|-----------------|
| (11) 1-0024425 B | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2015 |
| | | 330A |
| (21) 1-2015-01722 | (85) 18/05/2015 | |
| (22) 01/11/2012 | (86) PCT/CN2012/083938 | 01/11/2012 |
| | (87) WO2014/067124 | 08/05/2014 |

(51) **H04W 48/12**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

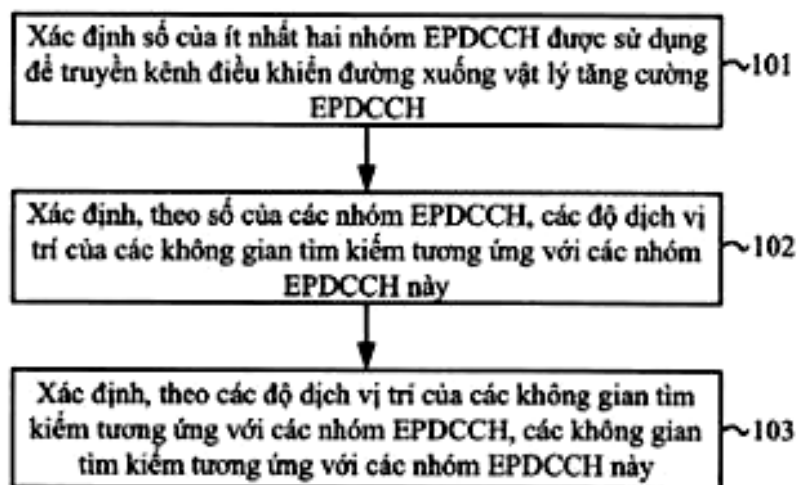
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) TANG, Zhenfei (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

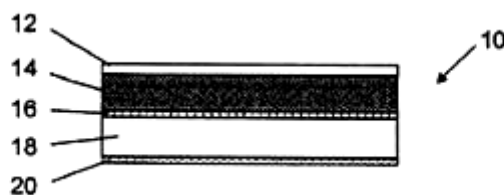
(54) **PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KHÔNG GIAN TÌM KIẾM KÊNH ĐIỀU KHIỂN, THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG VÀ VẬT LƯU TRỮ MÁY TÍNH ĐƯỢC ĐƯỢC**

- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp xác định không gian tìm kiếm kênh điều khiển. Phương pháp này bao gồm các bước: xác định các số của các nhóm kênh điều khiển đường xuống vật lý tăng cường (EPDCCH -Enhanced Physical Downlink Control Channel) được sử dụng để truyền kênh điều khiển đường xuống vật lý tăng cường EPDCCH; xác định, theo số của các nhóm EPDCCH, các độ dịch vị trí của các không gian tìm kiếm tương ứng với các nhóm EPDCCH; và xác định, theo các độ dịch vị trí của các không gian tìm kiếm tương ứng với các nhóm EPDCCH, các không gian tìm kiếm tương ứng với các nhóm EPDCCH. Bằng cách xếp nhóm và đánh số các tài nguyên thời gian - tần số của các EPDCCH, và xác định các độ dịch vị trí khác nhau đối với các không gian tìm kiếm EPDCCH khác nhau theo những số này và các danh tính tế bào hoặc các mã nhận dạng thiết bị người dùng (User Equipment, UE) khác nhau, thì xác suất xung đột không gian tìm kiếm kênh điều khiển có thể được giảm. Nhờ đó, các tài nguyên thời gian - tần số của các kênh điều khiển có thể được tối đa hoá trong trường hợp có nhiều người dùng, và hiệu quả truyền thông có thể được cải thiện.



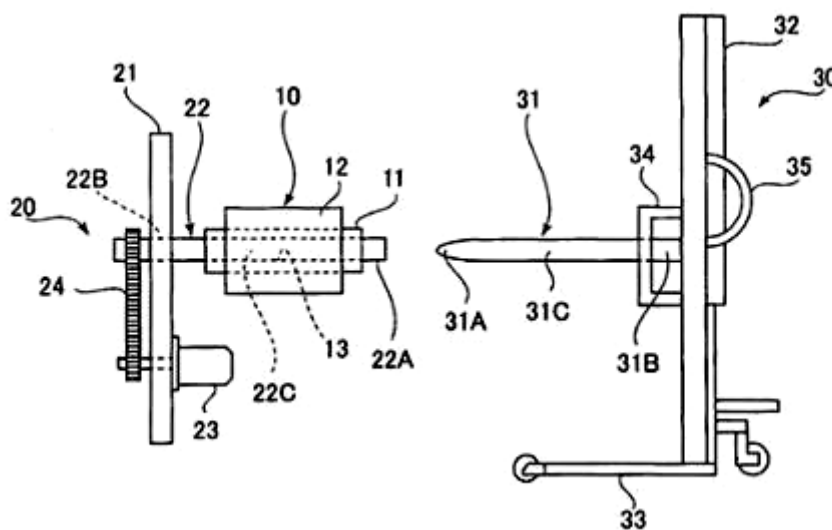
- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024426 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/05/2014 | 314A |
| (21) 1-2013-02969 | | (85) 20/09/2013 | |
| (22) 20/02/2012 | | (86) PCT/EP2012/000732 | 20/02/2012 |
| (30) 11001574.0 | 25/02/2011 EP | (87) WO2012/113530 | 30/08/2012 |
- (51) **B32B 7/06; B65D 77/20; B65D 65/40**
- (73) **AMCOR FLEXIBLES SINGEN GMBH (DE)**
 Alusingenplatz 1, 78224 Singen (Hohentwiel), Germany
- (72) Christoph DIETRICH (DE); Klaus HAFNER (DE); Sven BAUER (DE)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **MÀNG COMPOZIT, ĐỒ CHỨA VÀ VÒNG NẮP CÓ MÀNG ĐÓNG KÍN ĐƯỢC LÀM BẰNG MÀNG COMPOZIT NÀY**

- (57) Sáng chế đề xuất màng compozit (10) để đóng kín đồ chứa bằng cách bịt kín màng compozit lên bề mặt bịt kín theo chu vi của đồ chứa hoặc của vòng nắp được liên kết với đồ chứa, trong đó màng compozit này có lớp đỡ (14) được làm bằng màng kim loại và lớp bịt kín được liên kết với màng kim loại. Lớp bịt kín bao gồm lớp được ép đùn đồng thời có lớp giữa (18) làm đứt kết dính và các lớp chất tăng cường kết dính (16, 20) được bố trí lên hai mặt của lớp giữa (18). Màng compozit này thích hợp để bịt kín khít lên các bề mặt bịt kín được làm bằng tấm tráng thiếc trần.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024427 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2017 | 354A |
| (21) 1-2016-00902 | | (85) 11/03/2016 | |
| (22) 20/08/2015 | | (86) PCT/JP2015/073421 | 20/08/2015 |
| (30) 201420857222.0 | 30/12/2014 | CN | (87) WO2016/108259A1 |
| | | | 07/07/2016 |
- (51) **B65H 19/12; B65H 19/30**
 (73) **NITTO DENKO CORPORATION (JP)**
 1-2, Shimohozumi 1-chome, Ibaraki-shi, Osaka 5678680 Japan
 (72) Tadashi YOKOUCHI (JP); Takaichi AMANO (JP); Teruaki OSAWA (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **CƠ CẤU LẮP/THÁO CUỘN MÀNG**

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu lắp/tháo cuộn màng dùng để lắp hoặc tháo cuộn màng vào hoặc ra khỏi dây chuyền sản xuất, trong đó cuộn màng này bao gồm lõi cuộn có phần rỗng. Cơ cấu lắp/tháo cuộn màng này bao gồm trục quay và cụm chuyển cuộn màng. Cụm chuyển cuộn màng bao gồm cần đỡ, cơ cấu chuyển theo phương thẳng đứng, và bàn trượt, cần đỡ và trục quay lần lượt có các đầu tiếp giáp của chúng, trong đó một trong số đầu tiếp giáp của cần đỡ và đầu tiếp giáp của trục quay được tạo chốt căn thẳng hàng theo hướng trục, và một trong số đầu tiếp giáp kia của cần đỡ và đầu tiếp giáp kia của trục quay được tạo lỗ căn thẳng hàng theo hướng trục. Cơ cấu lắp/tháo cuộn màng được tạo kết cấu sao cho, khi chốt căn thẳng hàng theo hướng trục được lắp khít bằng cách được lắp vào trong lỗ căn thẳng hàng theo hướng trục, trục của cần đỡ và trục của trục quay được căn thẳng hàng với nhau. Cơ cấu lắp/tháo cuộn màng khiến cho có thể dễ dàng xác định xem liệu các trục tương ứng của cần đỡ và trục quay có được căn thẳng hàng với nhau hay không, chỉ bằng cách kiểm tra xem liệu chốt căn thẳng hàng theo hướng trục có được lắp vào trong lỗ căn thẳng hàng theo hướng trục hay không.



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024428 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2017 | 353A |
| (21) 1-2017-01754 | | (85) 11/05/2017 | |
| (22) 12/06/2014 | | (86) PCT/CN2014/079725 | 12/06/2014 |
| | | (87) WO2015/188343 | 17/12/2015 |

(51) **F28D 15/02; G06F 1/20; H01L 23/427; F28D 15/04**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

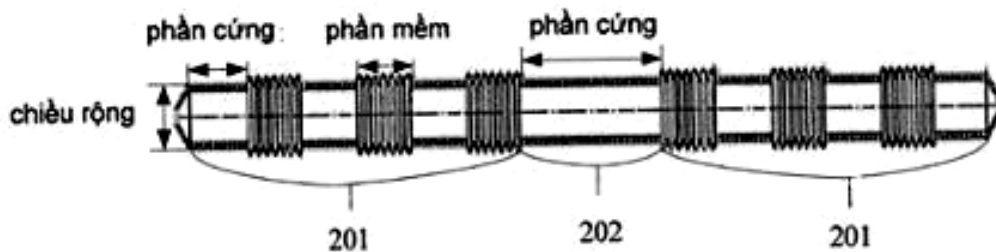
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang Shenzhen, Guangdong 518129 - China

(72) JIN, Linfang (CN); KANG, Nanbo (CN); ZOU, Jie (CN); HUI, Xiaowei (CN)

(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)

(54) **BỘ PHẬN TẢN NHIỆT THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI THÔNG MINH VÀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI THÔNG MINH**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ phận tản nhiệt thiết bị đầu cuối thông minh và thiết bị đầu cuối thông minh. Bộ phận tản nhiệt thiết bị đầu cuối thông minh bao gồm ít nhất một ống dẫn nhiệt mềm, trong đó hai đầu của ống dẫn nhiệt mềm là các đầu ngưng tụ (201), giữa ống dẫn nhiệt mềm là đầu bay hơi (202), đầu ngưng tụ bao gồm một hoặc nhiều phần cứng ống dẫn nhiệt và một hoặc nhiều phần mềm ống dẫn nhiệt, một hoặc nhiều phần cứng ống dẫn nhiệt và một hoặc nhiều phần mềm ống dẫn nhiệt của đầu ngưng tụ được bố trí đan xen, đầu bay hơi bao gồm ít nhất một phần cứng ống dẫn nhiệt, và thân thiết bị đầu cuối thông minh (53) được lắp trên đầu bay hơi. Bằng cách sử dụng bộ phận tản nhiệt thiết bị đầu cuối thông minh, sự tản nhiệt linh hoạt được thực hiện đối với bộ phận có thể uốn được, nhờ đó giải quyết vấn đề tác dụng tản nhiệt kém khi tản nhiệt đối với bộ phận có thể uốn được có nhiều vùng uốn.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024429 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-04038 | | (85) 25/10/2016 | |
| (22) 27/04/2015 | | (86) PCT/US2015/027788 | 27/04/2015 |
| (30) 61/987,138 | 01/05/2014 | US | (87) WO2015/168017 |
| | | | 05/11/2015 |

(51) **F16B 35/04**

(73) **RESEARCH ENGINEERING & MANUFACTURING INC. (US)**

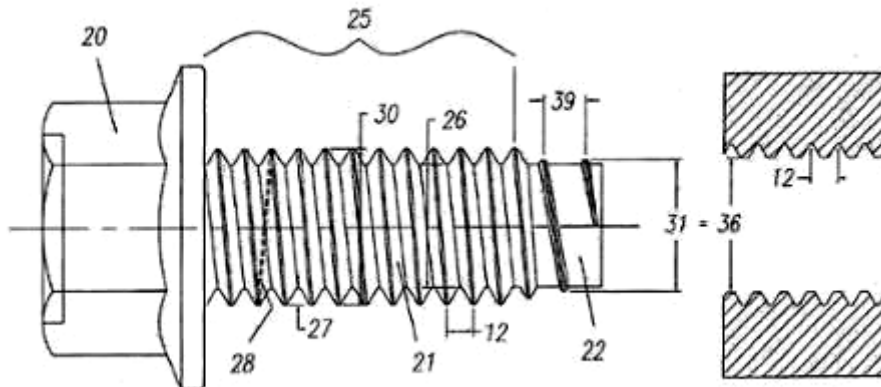
55 Hammarlund Way, Tech II, Middletown, Rhode Island 02842, United States of America

(72) PRITCHARD Alan (GB)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **HỆ THỐNG BẮT CHẶT BU LÔNG CÓ REN NGOÀI VÀ ĐAI ỐC CÓ REN TRONG ĐỂ TRÁNH VIỆC VẠN CHÉO CÁC REN ĂN KHỚP TRONG QUÁ TRÌNH LẮP RÁP**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống bắt chặt bu lông có ren ngoài và đai ốc có ren trong để tránh việc vặn chéo các ren ăn khớp trong quá trình lắp ráp, trong đó bu lông có điểm đầu vào có ren (22), mà bước (39) và góc xoắn ốc của nó có độ lớn lớn hơn so với bước và góc xoắn ốc trên thân/phần thân (21) của bu lông.

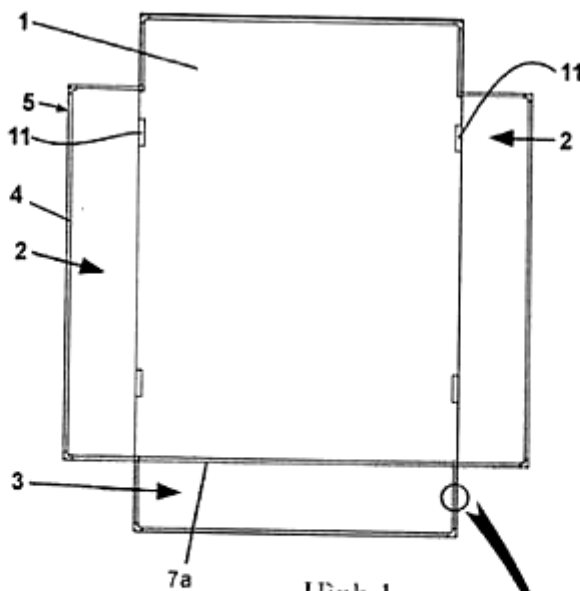


- (11) **1-0024430 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2014-03261 (85) 29/09/2014
(22) 28/02/2012 (86) PCT/ZA2012/000012 28/02/2012
(87) WO2013/131109 06/09/2013
- (51) **A61F 5/455; A61B 10/00**
(76) **AKHIL RAJENDRA DESAI (ZA)**
457 Main Road, Tongaat, 4399, Kwa Zulu Natal, South Africa
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) **BÌNH CHỨA NƯỚC TIỂU**
- (57) Sáng chế đề cập đến bình chứa nước tiểu (10) dùng để đựng nước tiểu để lấy mẫu thử nghiệm hoặc thải nước tiểu, bao gồm phần miệng hở có dạng yên ngựa và hình dạng gần giống với hai đùi, môi âm hộ hoặc vùng thuận tiện khác.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024431 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2015 | 329A |
| (21) 1-2015-01123 | | (85) 02/04/2015 | |
| (22) 31/10/2013 | | (86) PCT/EP2013/072759 | 31/10/2013 |
| (30) ES201231201U | 13/11/2012 | ES (87) WO2014/075928 | 22/05/2014 |
| ES201231203U | 13/11/2012 | ES | |
| ES201330472U | 19/04/2013 | ES | |
| ES201330502U | 25/04/2013 | ES | |
| ES201330905U | 22/07/2013 | ES | |
- (51) **A47C 27/00; A47C 21/08; A47C 17/32; A47C 19/04**
 (73) **LANGEL SYSTEM INTERNATIONAL, S.L. (ES)**
 C/ Haendel, 45, E-50008 Zaragoza, Spain
 (72) Alberto SÁNCHEZ ZARZA (ES)
 (74) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)
 (54) **BỘ ĐỆM**

(57) Sáng chế đề xuất bộ đệm bao gồm tấm đệm chính (1) và tấm đệm phụ được lắp vào đó. Tấm đệm phụ (1) bao gồm thân chính có hai phần kéo dài bên (2), phần kéo dài chân giường (3), phần kéo dài đầu giường (17), và kết cấu dạng ống (5). Các phần kéo dài có thể quay được 90° hoặc 180° cùng với kết cấu dạng ống (5). Tấm lắp (20) cũng được trang bị. Bề mặt của bộ đệm có thể được mở rộng ra và nó tạo ra phương tiện an toàn nhằm ngăn không cho người sử dụng bị ngã xuống đất.

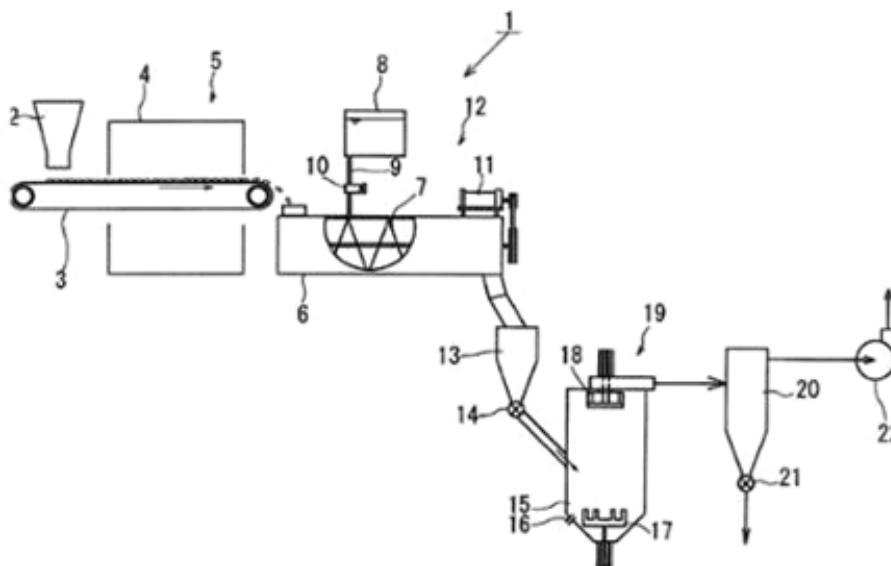


- (11) **1-0024432 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2018 358A
(21) 1-2017-03771 (85) 26/09/2017
(22) 29/03/2016 (86) PCT/JP2016/060052 29/03/2016
(30) 2015-073277 31/03/2015 JP (87) WO2016/158921 06/10/2016
(51) **C04B 24/22; C04B 22/16; C04B 24/12; C04B 28/02; C04B 24/26; C04B 24/30; C04B 24/32; C04B 103/40**
(73) **KAO CORPORATION (JP)**
14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 1038210 Japan
(72) TANAKA Shunya (JP); SHIMODA Masaaki (JP); SAIDA Kazuya (JP)
(74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
(54) **CHẾ PHẨM PHÂN TÁN DÙNG CHO CHẾ PHẨM THỦY LỰC**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm phân tán dùng cho chế phẩm thủy lực, trong đó chế phẩm phân tán này bao gồm (A) hợp chất cao phân tử có đơn vị monome chứa vòng naphtalen, (B) polyme có khối lượng phân tử trung bình là 1000 hoặc lớn hơn và 1000000 hoặc nhỏ hơn, và có: đơn vị monome có nhóm được chọn từ nhóm axit carboxylic, nhóm phosphat, nhóm biến đổi thành nhóm axit carboxylic bởi thủy phân và nhóm biến đổi thành nhóm phosphat bởi thủy phân; và đơn vị monome có nhóm alkyleneoxy, và (C) hợp chất được thể hiện bởi công thức chung (C1) đến (C4).
Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến chế phẩm thủy lực và phương pháp sản xuất chế phẩm này.

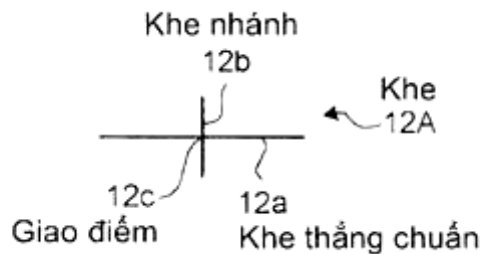
- (11) **1-0024433 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2013 304A
 (21) 1-2013-00753 (85) 11/03/2013
 (22) 29/07/2011 (86) PCT/JP2011/004319 29/07/2011
 (30) 2010-180442 11/08/2010 JP (87) WO2012/020551A1 16/02/2012
 (51) **A23L 1/10**
 (73) **SATAKE CORPORATION (JP)**
 7-2, Sotokanda 4-chome, Chiyodaku, Tokyo 101-0021, JAPAN
 (72) FUKUMORI, Takeshi (JP); FUKUHARA, Akira (JP); MOTOOKA, Keiji (JP);
 KAJIHARA, Kazunobu (JP); MUROI, Yusuke (JP); FUKAMI, Koji (JP);
 KANEMOTO, Shigeharu (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT BỘT GẠO VÀ BỘT GẠO THU ĐƯỢC BẰNG PHƯƠNG PHÁP NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất bột gạo, đặc trưng ở chỗ, bao gồm: bước tiền xử lý để tạo thành nhiều vết nứt nhỏ trên bề mặt của lớp aloron của gạo sống; bước bổ sung nước để làm tăng hàm lượng ẩm của hạt gạo trong đó các vết nứt nhỏ được tạo thành trên bề mặt của lớp aloron trong bước tiền xử lý nêu trên; và bước nghiền để nghiền hạt gạo trong máy nghiền phun sau khi bổ sung nước. Tức là, việc bổ sung nước sau khi các vết nứt đã tạo thành trên bề mặt của hạt gạo, thì sự trương nở của hạt tinh bột phức hợp nhanh hơn đáng kể so với trường hợp nước được hấp thụ dần dần qua mầm. Sự trương nở nhanh chóng làm tăng độ căng cấu trúc của thành tế bào, do đó làm cho việc phá vỡ cấu trúc vững chắc của thành tế bào trở nên dễ dàng hơn và làm giảm đáng kể độ cứng của gạo. Ở bước nghiền, do sự giảm đáng kể độ cứng của gạo, nên cấu trúc của thành tế bào dễ dàng bị phá vỡ và ngay cả khi hạt tinh bột được nghiền mịn. Sáng chế cũng đề cập đến bột gạo thu được bằng phương pháp sản xuất bột gạo này.



- (11) **1-0024434 B** (15) 08/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
- (21) 1-2012-03916 (85) 27/12/2012
- (22) 28/02/2011 (86) PCT/JP2011/054541 28/02/2011
- (30) 2010-183499 18/08/2010 JP (87) WO2012/023299A1 23/02/2012
- (51) **C02F 1/20; B01D 53/50; B01F 5/06; B01D 19/00; B01D 53/77**
- (73) **mitsubishi Hitachi Power Systems, Ltd.** (JP)
3-1, Minatomirai 3-chome, Nishi-ku, Yokohama 220-8401, Japan
- (72) SONODA, Keisuke (JP); NAGAO, Shozo (JP); IMASAKA, Koji (JP);
FURUKAWA, Seiji (JP); TSUCHIYAMA, Yoshihiko (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **THIẾT BỊ THÔNG KHÍ, THIẾT BỊ KHỬ LƯU HUỖNH TRONG KHÍ THẢI BẰNG NƯỚC BIỂN BAO GỒM THIẾT BỊ THÔNG KHÍ NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH THIẾT BỊ THÔNG KHÍ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị thông khí trong đó khe thứ nhất (12A) được tạo ra trong màng khuếch tán của các vòi thông khí gồm khe thẳng chuẩn (12a) và khe nhánh (12b) giao qua tâm với khe thẳng chuẩn (12a), và hình dạng khoảng hở của khe thứ nhất (12A) biến dạng do áp suất của không khí (lượng không khí) được cấp. Vì vậy, do lượng hở tại giao điểm (12c) của khe thẳng chuẩn (12a) và các khe nhánh (12b) tăng lên bởi sự gia tăng tạm thời lượng không khí, nên việc loại bỏ các chất kết tủa được tạo thuận lợi, khác với các trường hợp thông thường chỉ có các khe thẳng.



- (11) **1-0024435 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2014 321A
(21) 1-2014-02946 (85) 03/09/2014
(22) 01/03/2013 (86) PCT/US2013/028516 01/03/2013
(30) 61/607,671 07/03/2012 US (87) WO2013/134052 12/09/2013
(51) **A61K 39/395; C07K 16/24**
(73) **ELI LILLY AND COMPANY (US)**
Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana 46285, United States of America
(72) CORVARI, Vincent, John (US); WILLIAMS, Barbara, Ann (US); DONOVAN,
Patrick, Daniel (US); MARKHAM, Aaron, Paul (US)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **DƯỢC PHẨM CHỨA KHÁNG THỂ KHÁNG IL-17**

(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa kháng thể kháng IL-17. Dược phẩm chứa kháng thể kháng IL-17 này có thể được sử dụng để điều trị bệnh viêm khớp dạng thấp, bệnh vẩy nến, bệnh viêm cột sống dính khớp, bệnh viêm khớp vẩy nến hoặc bệnh đa u tủy.

- (11) **1-0024436 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2012 291A
(21) 1-2011-02936 (85) 31/10/2011
(22) 30/03/2010 (86) PCT/GB2010/050549 30/03/2010
(30) 0905896.7 06/04/2009 GB (87) WO2010/116165 14/10/2010
(51) **C10G 21/27; C07D 233/00; C10L 3/10; C10G 25/00; C07C 211/00**
(73) **PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS) (MY)**
Tower 1, PETRONAS Twin Towers Kuala Lumpur 50088, Malaysia
(72) ROGERS, ROBIN, DON (US); HOLBREY, John (GB); RODRIGUEZ, Hector (GB)
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) **QUY TRÌNH LOẠI BỎ KIM LOẠI KHỎI HYDROCACBON VÀ CHẤT
LỎNG ION CHỨA KIM LOẠI HÒA TAN THU ĐƯỢC TỪ QUY TRÌNH NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình loại bỏ kim loại, cụ thể là thủy ngân, ra khỏi dòng hydrocacbon nhờ sử dụng chất lỏng ion, trong đó dòng hydrocacbon chứa kim loại được cho tiếp xúc với chất lỏng ion để tạo ra sản phẩm dòng hydrocacbon có lượng thủy ngân đã được giảm xuống.

- (11) **1-0024437 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2016 336A
 (21) 1-2015-02613
 (22) 17/07/2015
 (30) 2014-178676 03/09/2014 JP
 (51) **E03B 7/00**
 (73) **HITACHI, LTD. (JP)**

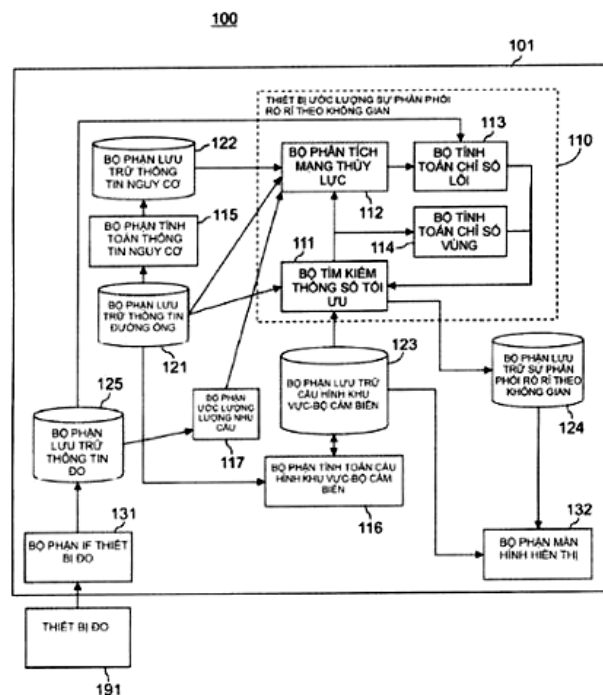
6-6, Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan

- (72) Shingo ADACHI (JP); Shinsuke TAKAHASHI (JP); Kenji KOIZUMI (JP); Kenji FUJII (JP); Motoaki OGUMA (JP); Takeshi TAKEMOTO (JP)

- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

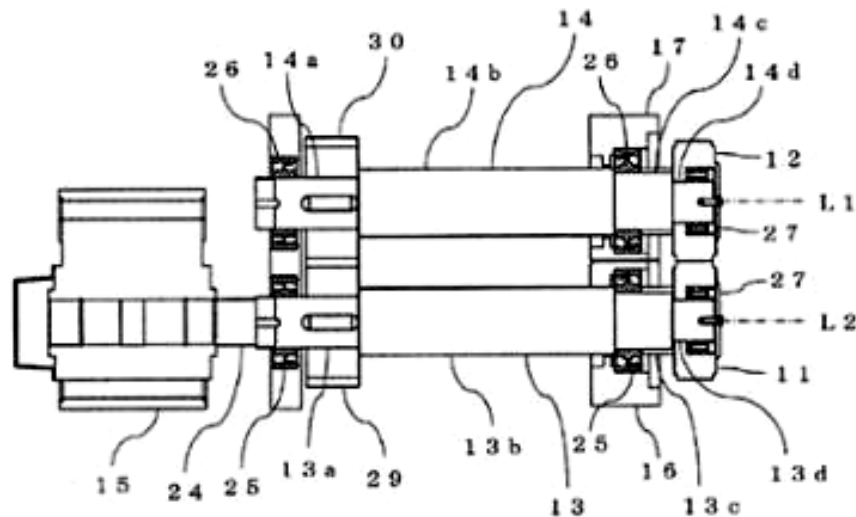
(54) **THIẾT BỊ ƯỚC LƯỢNG SỰ PHÂN PHỐI RÒ RỈ THEO KHÔNG GIAN**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị ước lượng sự phân phối rò rỉ theo không gian bao gồm bộ phận tập hợp thông tin đo, bộ phận tính toán thông tin nguy cơ, và bộ phận ước lượng sự phân phối rò rỉ theo không gian. Bộ phận tập hợp thông tin đo tập hợp trị số được đo từ thiết bị đo mà được lắp đặt trên mạng ống dẫn nước. Bộ phận tính toán thông tin nguy cơ tính toán trị số nguy cơ rò rỉ từ thông tin đường ống. Bộ phận ước lượng sự phân phối rò rỉ theo không gian ước lượng thông số mà được tạo cấu hình từ tập hợp cấu hình vùng để hợp nhất các khu vực liền kề trong số các khu vực thu được bằng cách phân chia mạng ống dẫn, và cường độ rò rỉ trong mỗi vùng của cấu hình vùng. Bộ phận ước lượng sự phân phối rò rỉ theo không gian còn gồm bộ tính toán chỉ số vùng, bộ tính toán chỉ số lỗi, và bộ tìm kiếm thông số tối ưu. Bộ tính toán chỉ số vùng tính toán chỉ số vùng dựa trên cấu hình vùng. Bộ tính toán chỉ số lỗi tính toán chỉ số lỗi từ chênh lệch giữa trị số đo và trị số dự báo được tính toán thông qua việc phân tích mạng thủy lực thu được bằng cách giả định sự phân phối rò rỉ theo không gian dựa trên thông số và trị số nguy cơ. Bộ tìm kiếm thông số tối ưu tìm kiếm thông số tối ưu để tối thiểu hóa chỉ số, dựa trên cả chỉ số vùng và chỉ số lỗi.



- (11) **1-0024438 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2016-04628 (85) 29/11/2016
 (22) 15/06/2015 (86) PCT/JP2015/067190 15/06/2015
 (30) 2014-127878 23/06/2014 JP (87) WO2015/198901 30/12/2015
 (51) **B30B 11/18; B30B 3/00; B01J 2/22; B30B 11/16**
 (73) **SINTOKOGIO, LTD.** (JP)
 11-11, Nishiki 1-chome, Naka-ku, Nagoya-shi, Aichi 4600003, Japan
 (72) SHIMIZU, Masanori (JP)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **MÁY ĐÓNG VIÊN NHIÊN LIỆU ÉP KIỂU DÀM CHÌA**

(57) Sáng chế đề cập tới máy đóng viên nhiên liệu ép kiểu dầm chìa trong đó người vận hành có thể điều chỉnh vị trí của các hóc trong khi người này tiếp xúc trực tiếp với trục ép. Máy đóng viên nhiên liệu ép kiểu dầm chìa bao gồm trục ép thứ nhất (11) được cố định vào trục (13) của trục ép thứ nhất; trục ép thứ hai (12) được cố định vào trục (14) của trục ép thứ hai, trục ép thứ hai (12) được bố trí song song với trục ép thứ nhất (11), và hóa cứng nguyên liệu bằng cách ép nguyên liệu phối hợp với trục ép thứ nhất (11) và tạo ra viên nhiên liệu ép nhờ nén. Việc cố định trục ép thứ nhất (11) vào trục của trục ép thứ nhất (13) và việc cố định trục ép thứ hai (12) vào trục của trục ép thứ hai (13) được thực hiện nhờ một vành gấn (27).



- (11) **1-0024439 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
(21) 1-2015-04407 (85) 17/11/2015
(22) 29/07/2014 (86) PCT/JP2014/069949 29/07/2014
(30) 2013-223250 28/10/2013 JP (87) WO2015/064160 07/05/2015
(51) **B41J 29/13; H05K 5/02; B41J 3/36**
(73) **SATO HOLDINGS KABUSHIKI KAISHA (JP)**
7-1, Shimomeguro 1-chome, Meguro-ku, Tokyo 1530064 Japan
(72) KOSHIGOE Ikuo (JP)
(74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
(54) **MÁY IN DI ĐỘNG**

- (57) Sáng chế đề cập đến máy in di động và bộ phận có cấu hình hai lớp được hình thành từ các bộ phận có tỷ lệ co rút khuôn khác nhau và có khả năng chống va đập tốt hơn mà không bị méo mó có thể đạt được. Bộ phận (50) bao gồm lớp bên trong (52) được hình thành từ vật liệu thứ nhất và lớp bên ngoài (54) được hình thành từ vật liệu thứ hai. Vật liệu thứ hai có tỷ lệ co của khuôn cao hơn so với vật liệu thứ nhất. Phần lồi ra (52A) bao gồm ở ít nhất một đầu của lớp bên trong (52), sao cho bề mặt đầu (54a) của lớp bên ngoài (54) được che phủ bởi phần lồi ra (52A).



- | | | | |
|-------------------|-----------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024440 B | (15) 08/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-04473 | | (85) 18/11/2016 | |
| (22) 30/05/2014 | | (86) PCT/JP2014/064432 | 30/05/2014 |
| | | (87) WO2015/181954 | 03/12/2015 |

(51) **H02P 9/10**

(73) **SHINDENGEN ELECTRIC MANUFACTURING CO., LTD. (JP)**

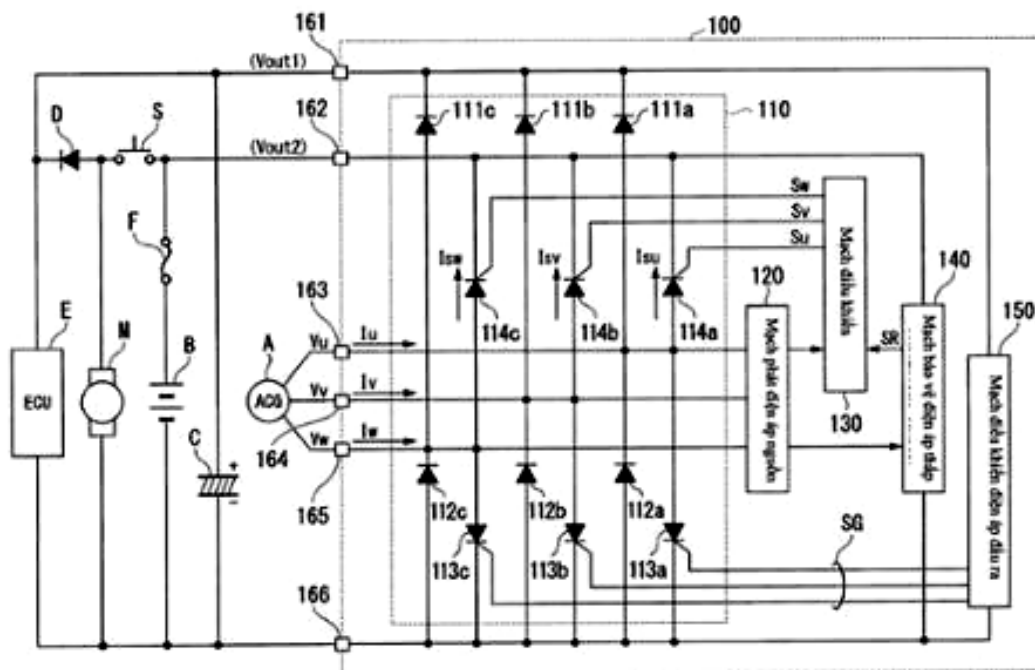
2-1, Ohtemachi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0004, Japan

(72) IWAKURA Tokihiko (JP)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **THIẾT BỊ CHUYỂN ĐỔI ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị chuyển đổi điện có thể ngăn chặn sự tăng vọt điện xảy ra khi tải, như ắc quy bị ngắt khỏi đầu ra của máy phát điện AC. Mạch chỉnh lưu được nối giữa phần đầu ra của máy phát điện AC và tải thứ nhất chỉnh lưu đầu ra của máy phát điện AC và cáp đầu ra đã được chỉnh lưu cho tải thứ nhất. Mạch chuyển mạch được nối giữa phần đầu ra của máy phát điện AC và tải thứ hai chỉnh lưu đầu ra của máy phát điện AC và cáp đầu ra đã được chỉnh lưu cho tải thứ hai, với điều kiện là tín hiệu điều khiển ở trạng thái tín hiệu thứ nhất chỉ báo sự cho phép cấp điện từ máy phát điện AC tới tải thứ hai. Ngoài ra, mạch chuyển mạch chuyển từ trạng thái dẫn điện sang trạng thái không dẫn điện đáp lại đầu ra của máy phát điện AC, với điều kiện là tín hiệu điều khiển ở trạng thái tín hiệu thứ hai chỉ báo cấm cấp điện từ máy phát điện AC tới tải thứ hai. Mạch điều khiển phát tín hiệu điều khiển và gửi tín hiệu điều khiển được phát ra tới cực điều khiển của mạch chuyển mạch.

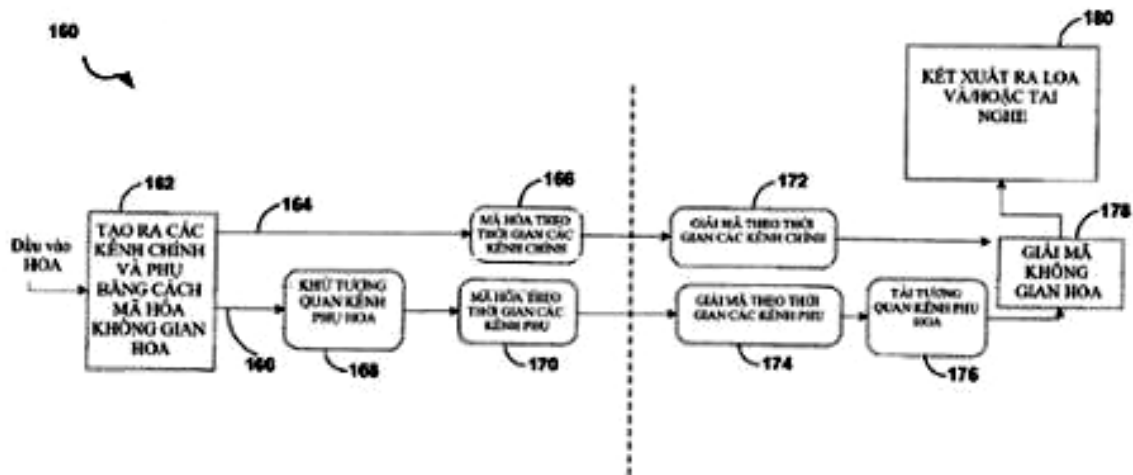


- (11) **1-0024441 B** (15) 08/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
(21) 1-2015-02507 (85) 09/07/2015
(22) 06/12/2013 (86) PCT/JP2013/082783 06/12/2013
(30) 2012-271282 12/12/2012 JP (87) WO2014/092008 19/06/2014
(51) **A23C 19/082; A01J 25/00; A23C 19/08**
(73) **MEGMILK SNOW BRAND CO., LTD.** (JP)
1-1, Naebocho 6-chome, Higashi-ku, Sapporo-shi, Hokkaido 065-0043, Japan
(72) TATSUNO, Tetsuya (JP); YAKABE, Atsushi (JP); OKUMA, Akiko (JP);
KOIZUMI, Shoichi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **THỰC PHẨM TỪ PHO MÁT VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THỰC PHẨM NÀY**

(57) Sáng chế đề xuất thực phẩm từ pho mát có độ mềm dẻo được ưa thích không chỉ ở trạng thái được gia nhiệt mà còn ở nhiệt độ thấp, và phương pháp sản xuất thực phẩm từ pho mát này. Thực phẩm từ pho mát chứa 2,0 đến 10,0% trọng lượng tinh bột sắn đã qua xử lý và 16 đến 24% trọng lượng pho mát dạng nguyên liệu thô và có độ pH bằng hoặc lớn hơn 4,0, hàm lượng nước nằm trong khoảng từ 53 đến 63%, và tỷ lệ chất béo trong sữa/protein trong sữa bằng hoặc nhỏ hơn 2,0. Thực phẩm từ pho mát thể hiện độ mềm dẻo và mùi vị có thể sánh được với độ mềm dẻo và mùi vị của pho mát chế biến trong khoảng nhiệt độ rộng, và độ mềm dẻo tuyệt vời ngay cả sau khi gia nhiệt hoặc làm lạnh.

- (11) **1-0024442 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2016-04976 (85) 20/12/2016
 (22) 02/07/2015 (86) PCT/US2015/038943 02/07/2015
 (30) 62/020,348 02/07/2014 US (87) WO2016/004277A1 07/01/2016
 62/060,512 06/10/2014 US
 14/789,961 01/07/2015 US
 (51) **H04R 5/04; H04S 3/00**
 (73) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**
 ATTN: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, CA
 92121-1714, United States of America
 (72) PETERS, Nils Günther (DE); SEN, Dipanjan (US); MORRELL, Martin James (GB)
 (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ XỬ LÝ VÀ NÉN DỮ LIỆU ÂM THANH**

(57) Sáng chế đề cập đến các phương pháp và thiết bị xử lý và nén dữ liệu âm thanh. Ví dụ về thiết bị nén dữ liệu âm thanh bao gồm một hoặc nhiều bộ xử lý được tạo cấu hình để áp dụng phép biến đổi khử tương quan cho các hệ số ambisonic xung quanh để thu được biểu diễn khử tương quan của các hệ số ambisonic xung quanh, các hệ số HOA xung quanh này đã được trích từ nhiều hệ số ambisonic bậc cao và biểu diễn thành phần phụ của âm trường được mô tả bởi nhiều hệ số ambisonic bậc cao, trong đó ít nhất một trong số nhiều hệ số ambisonic bậc cao được gắn với hàm cơ sở cầu có bậc lớn hơn một.



- | | | | |
|-------------------------|--------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024443 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2015 | 333A |
| (21) 1-2015-02119 | | (85) 15/06/2015 | |
| (22) 15/11/2013 | | (86) PCT/IB2013/060178 | 15/11/2013 |
| (30) PP50053-2012 | 15/11/2012 | SK | (87) WO2014/076669A1 |
| | PP50004-2013 | 27/02/2013 | SK |
| | PP50048-2013 | 14/11/2013 | SK |

(51) **H01Q 7/08**

(73) **LOGOMOTION, S.R.O.** (SK)

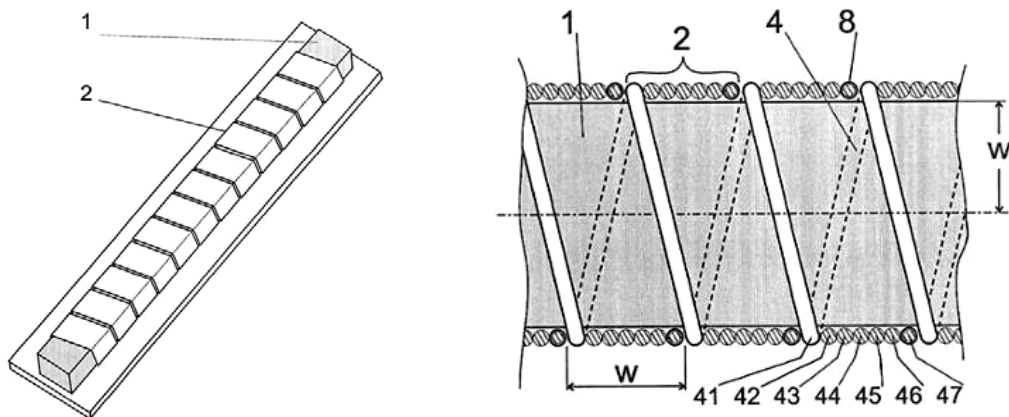
Winterova 15, 921 01 Piešťany, Slovakia

(72) FLOREK, Miroslav (SK); MAJER, Libor (SK); HUBINÁK, Emil (SK)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **BỘ PHÁT TỪ TRƯỜNG KHÔNG DỪNG, PHƯƠNG PHÁP KẾT NỐI BỘ PHÁT TỪ TRƯỜNG KHÔNG DỪNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU BIẾN DỮ LIỆU ĐƯỢC TRUYỀN TỪ BỘ PHÁT TỪ TRƯỜNG KHÔNG DỪNG**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ phát từ trường không dừng dùng để tạo ra kênh truyền thông không tiếp xúc (cụ thể là kênh truyền thông không tiếp xúc theo tiêu chuẩn công nghệ nhận dạng tần số vô tuyến (Radio-Frequency IDentification, RFID) hoặc công nghệ truyền thông trường gần (Near-Field Communication, NFC)) trong khoảng lắp đặt nhỏ hẹp. Bộ phát này có lõi (1) hình thuôn, có ít nhất một phần là ferit, dây (4) có ít nhất hai vòng dây (2) được quấn quanh lõi (1), các vòng dây (2) được quấn quanh lõi (1) khít vào nhau và chiều rộng hiệu dụng (w) của một vòng dây (2) tương ứng với bán kính của lõi (1) ở mặt cắt ngang có dạng hình tròn của lõi (1), hoặc tương ứng với bán kính tương đương của lõi (1) có các hình dạng khác với độ lệch lên tới +/-75%. Dây (4) của cuộn dây là dây dẹt, hoặc cuộn dây có nhiều sợi dây quấn song song với nhau (từ 41 đến 4N) tạo thành một vòng dây gồm nhiều sợi dây. Bộ phát này có thể được gắn trên thẻ nhớ tháo lắp được (5) và/hoặc trên bảng mạch in (Printed Circuit Board, PCB) (10) và/hoặc thẻ môđun nhận dạng thuê bao (Subscriber Identity Module, SIM) (9) và/hoặc pin (11). Sáng chế còn đề cập đến phương pháp điều biến dữ liệu truyền từ bộ phát sử dụng bộ tạo sóng điện từ có tần số khác với bộ thu, độ chênh lệch giữa các tần số này tương ứng với tần số sóng mang thứ cấp.



(11) 1-0024444 B			(15) 08/06/2020	
(45) 27/07/2020	388B		(43) 25/07/2013	304A
(21) 1-2013-01577			(85) 22/05/2013	
(22) 18/10/2011			(86) PCT/JP2011/073882	18/10/2011
(30) 2010-239831	26/10/2010	JP	(87) WO2012/056934	03/05/2012
	2011-226292	14/10/2011	JP	

(51) **C23C 2/20**

(73) **NISSHIN STEEL CO., LTD.** (JP)

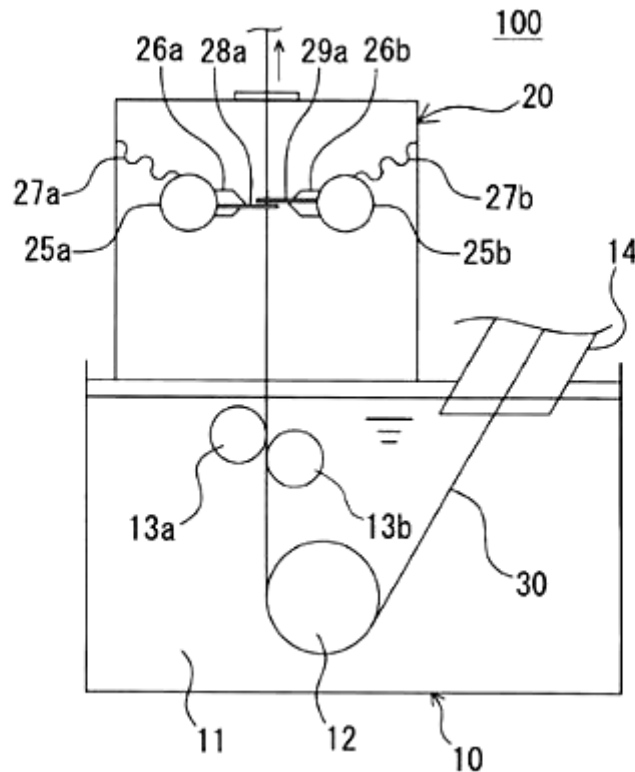
4-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1008366, Japan

(72) KOGA Shinichi (JP); FUKUYAMA Tomohiro (JP)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

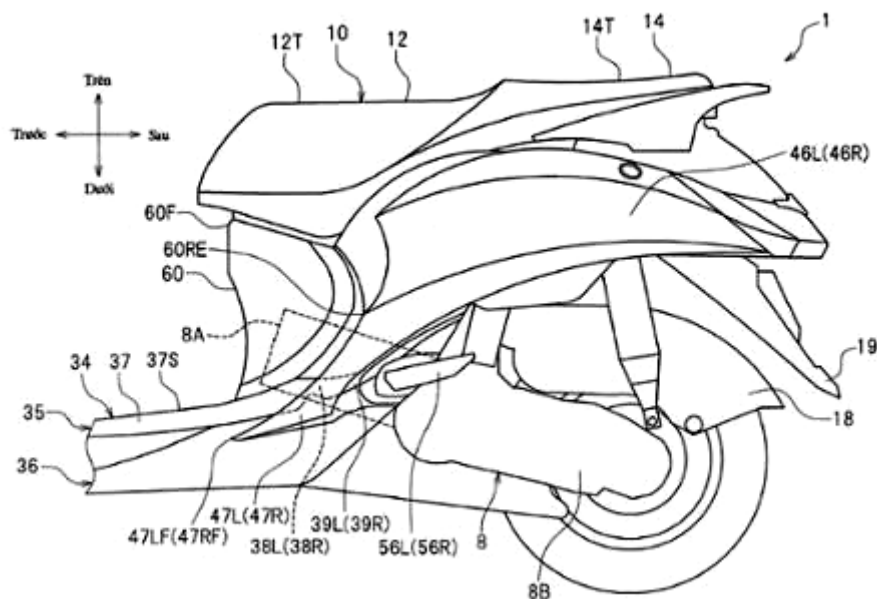
(54) **THIẾT BỊ LÀM SẠCH BẰNG KHÍ**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị làm sạch bằng khí có thân hình hộp bọc dải thép và các vòi phun khí làm sạch, trong đó có thể ngăn ngừa sự bám dính của vật thể bị bắn lên dải thép. Thiết bị làm sạch bằng khí (100) được đề xuất với bề mạ (10) để tích trữ kim loại nóng chảy (11), và thân hình hộp (20) được đặt trên bề mạ (10). Thân hình hộp (20) được đề xuất, ở bên trong, với các bộ phận hình ống (25a, 25b) được bố trí dọc theo chiều rộng của thân hình dải (30), các vòi phun khí làm sạch (26a, 26b) được bố trí quay vào nhau trên các bộ phận hình ống (25a, 25b) tương ứng để kẹp thân hình dải (30), các bộ phận kéo dài (28a, 28b) được bố trí trên cả hai đầu của vòi phun khí làm sạch (26a) để kéo dài về phía chiều của vòi phun khí làm sạch (26b), và các bộ phận kéo dài (29a, 29b) được bố trí trên cả hai đầu của vòi phun khí làm sạch (26b) sao cho kéo dài về phía chiều của vòi phun khí làm sạch (26a).

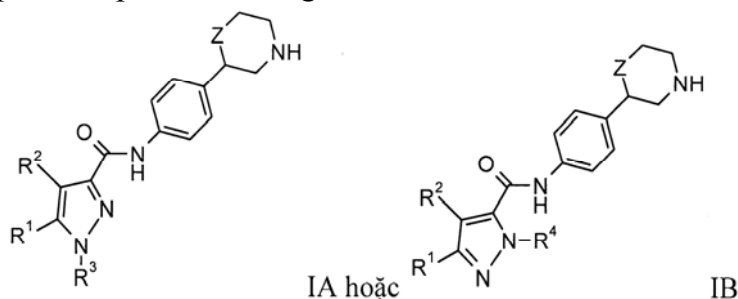


- (11) **1-0024445 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2015-04191
 (22) 02/11/2015
 (30) JP2014-226062 06/11/2014 JP
 (51) **B62J 17/00; B62K 11/10; B62J 25/00**
 (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 2500 Shingai, Iwata, Shizuoka 438-8501, JAPAN
 (72) Gen OHZONO (JP)
 (74) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)
 (54) **XE KIỂU NGỒI ĐỂ CHÂN SANG HAI BÊN**

(57) Sáng chế đề cập đến xe kiểu ngồi để chân sang hai bên (1) bao gồm: tấm để chân phẳng (34) có chỗ đặt chân thứ nhất (37) dành cho người lái xe; nắp che dưới yên (60); nắp che bên trái (46L); và chỗ đặt chân bên trái thứ hai (56L) dành cho hành khách đi xe. Chỗ đặt chân bên trái thứ hai (56L) được bố trí về phía sau so với đầu trước (60F) của nắp che dưới yên (60), và về phía dưới so với phần yên thứ hai (14) dành cho hành khách đi xe. Tấm để chân (34) có phần kéo dài về phía sau thứ nhất (38L) đi qua vùng phía dưới nắp che dưới yên (60) trên hình chiếu cạnh và vùng phía ngoài theo phương nằm ngang của nắp che dưới yên (60) trên hình chiếu bằng, và kéo dài về phía sau về phía chỗ đặt chân bên trái thứ hai (56L). Nắp che bên (46L) có phần kéo dài xuống dưới thứ nhất (47L) kéo dài xuống dưới về phía tấm để chân (34). Phần kéo dài xuống dưới thứ nhất (47L) đi qua vùng phía ngoài theo phương nằm ngang của phần kéo dài về phía sau thứ nhất (38L) và được nối với phần này.



- (11) **1-0024446 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2014 313A
 (21) 1-2013-03858 (85) 06/12/2013
 (22) 06/06/2012 (86) PCT/EP2012/060627 06/06/2012
 (30) 11169217.4 09/06/2011 EP (87) WO2012/168260 13/12/2012
 (51) **A61K 31/4245; C07D 413/12; C07D 413/14; A61P 25/00**
 (73) **F. HOFFMANN-LA ROCHE AG (CH)**
 Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland
 (72) Guido Galley (DE); Cédric Ghellamallah (FR); Roger Norcross (GB); Philippe Pflieger (FR)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT PYRAZOL, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức:



trong đó:

R^1 là hydro hoặc phenyl, được thế tùy ý bằng halogen, CN hoặc C_{1-7} alkoxy hoặc C_{1-7} valkoxy được thế bằng halogen;

R^2 là hydro hoặc C_{1-7} alkyl;

R^3 là hydro hoặc C_{1-7} alkyl hoặc là phenyl tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều phần tử thế, được chọn từ halogen, xyano hoặc C_{1-7} alkoxy được thế bằng halogen, hoặc là pyridinyl, tùy ý được thế bằng halogen hoặc C_{1-7} alkyl được thế bằng halogen, hoặc là pyrimidinyl, tùy ý được thế bằng C_{1-7} alkyl được thế bằng halogen, hoặc là pyrazinyl, tùy ý được thế bằng halogen, xyano hoặc C_{1-7} alkyl được thế bằng halogen;

R^4 là hydro, C_{1-7} alkyl hoặc phenyl;

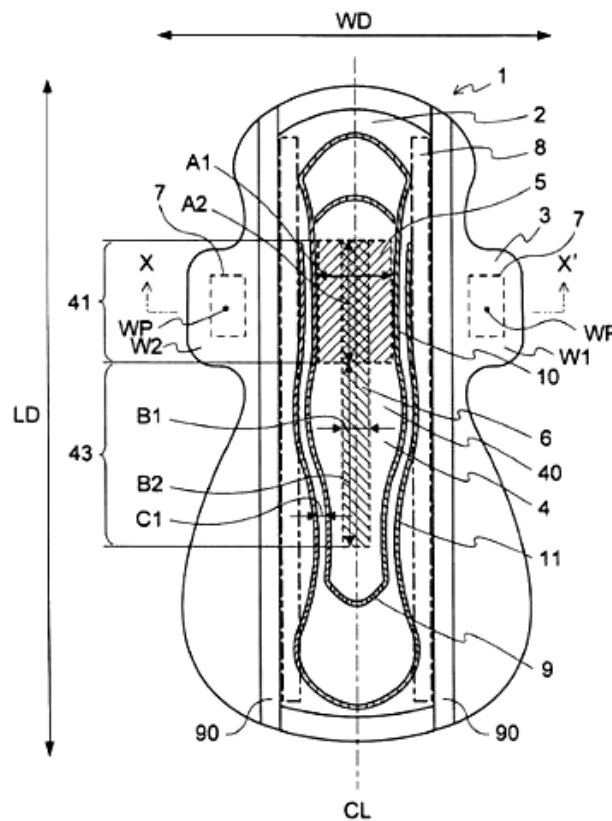
Z là liên kết, -CH₂- hoặc -O-;

hoặc muối cộng axit dược dụng của nó.

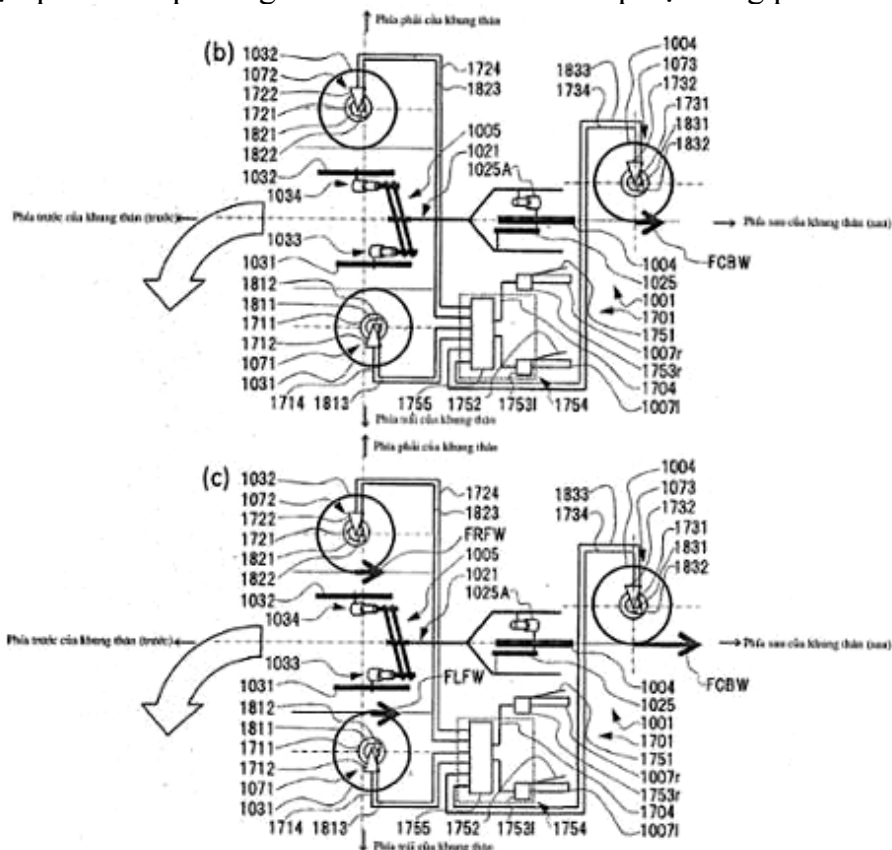
Các hợp chất có các công thức IA và IB theo sáng chế có thể được sử dụng để điều trị các bệnh CNS nhất định. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình điều chế các hợp chất nêu trên và dược phẩm chứa chúng.

- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024447 B | | (15) 08/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2008 | 245A |
| (21) 1-2008-00715 | | (85) 24/03/2008 | |
| (22) 27/09/2006 | | (86) PCT/JP2006/319201 | 27/09/2006 |
| (30) 2005-320049 | 02/11/2005 JP | (87) WO2007/052427 | 10/05/2007 |
- (51) *A61F 13/15; A61F 13/511; A61F 13/539; A61F 13/49*
 (73) **UNI-CHARM CORPORATION (JP)**
 182 Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime-ken 799-0111 Japan
 (72) NOMOTO, Takashi (JP); NANBU, Chinatsu (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT**

(57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút có thể ngăn ngừa được sự rò rỉ của các chất bài tiết và làm giảm cảm giác khó chịu trong khi sử dụng. Vật dụng thẩm hút (1) có phần tấm trên thấm dịch thể (2), phần tấm dưới không thấm dịch thể (3), chi tiết thẩm hút (4) được đặt giữa phần tấm trên (2) và phần tấm dưới (3), và chi tiết tấm trung gian (5,6) được đặt giữa chi tiết tấm trên (2) và chi tiết thẩm hút (4). Chi tiết thẩm hút (4) bao gồm chi tiết thẩm hút trung tâm và chi tiết thẩm hút phía sau được tạo liên tục ở mép phía sau của chi tiết thẩm hút trung tâm theo chiều dọc (LD) của nó. Chi tiết tấm trung gian (5,6) bao gồm tấm trung gian thứ nhất (5) được đặt giữa chi tiết tấm trên (2) và chi tiết thẩm hút trung tâm và tấm trung gian thứ hai (6) được đặt giữa chi tiết tấm trên (2) và ít nhất chi tiết thẩm hút phía sau và có các đặc tính vận chuyển dịch thể khác với tấm trung gian thứ nhất (5).



- (11) **1-0024448 B** (15) 08/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-01559 (85) 29/04/2016
 (22) 29/10/2014 (86) PCT/JP2014/078806 29/10/2014
 (30) 2013-227458 31/10/2013 JP (87) WO2015/064655 07/05/2015
 (51) **B60T 8/00; B60T 8/1766; B62K 5/08; B62K 21/18; B62K 25/08; B62K 5/05; B60T 8/17; B60T 8/26**
 (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 2500 Shingai, Iwata, Shizuoka 438-8501, JAPAN
 (72) Hiroaki SETO (JP); Kunihide OHASHI (JP); Takeshi YAMAMURA (JP); Yoshinori TSUJI (JP); Hideki TAKADA (JP); Kunio KAJIHARA (JP)
 (74) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)
 (54) **HỆ THỐNG PHANH VÀ XE CÓ LẮP HỆ THỐNG PHANH NÀY**
 (57) Sáng chế đề xuất hệ thống phanh (1701) bao gồm cụm vận hành phanh (1754) đầu tiên kích hoạt phanh sau ở giữa (1073) để vận hành và cuối cùng kích hoạt phanh trước của phanh trước bên phải (1072) và phanh trước bên trái (1071) mà được lắp trên bánh trước mà trở thành bánh xe trong có bán kính xoay nhỏ để vận hành bằng cách vận hành chi tiết dẫn động (1752). Khi mức độ vận hành của chi tiết dẫn động (1752) từ trạng thái ban đầu đến trạng thái vận hành tối đa của chi tiết này được chia đều thành ba phần mà được xác định là vùng lực phanh thấp, vùng lực phanh giữa và vùng lực phanh cao, cụm vận hành phanh (1754) kích hoạt phanh sau ở giữa (1073), phanh trước bên phải (1072) và phanh trước bên trái (1071) vận hành trong vùng lực phanh thấp. Sáng chế còn đề xuất xe có lắp hệ thống phanh này.



- | | | | |
|-------------------------|-----------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024449 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/10/2015 | 331A |
| (21) 1-2015-02646 | | (85) 20/07/2015 | |
| (22) 20/12/2013 | | (86) PCT/KR2013/011977 | 20/12/2013 |
| (30) 10-2012-0151143 | 21/12/2012 | KR (87) WO2014/098530A1 | 26/06/2014 |
| | 10-2012-0151187 | 21/12/2012 | KR |
| | 10-2012-0151199 | 21/12/2012 | KR |
| | 10-2013-0016882 | 18/02/2013 | KR |

(51) **A47J 27/08; A47J 27/12; A47J 27/09**

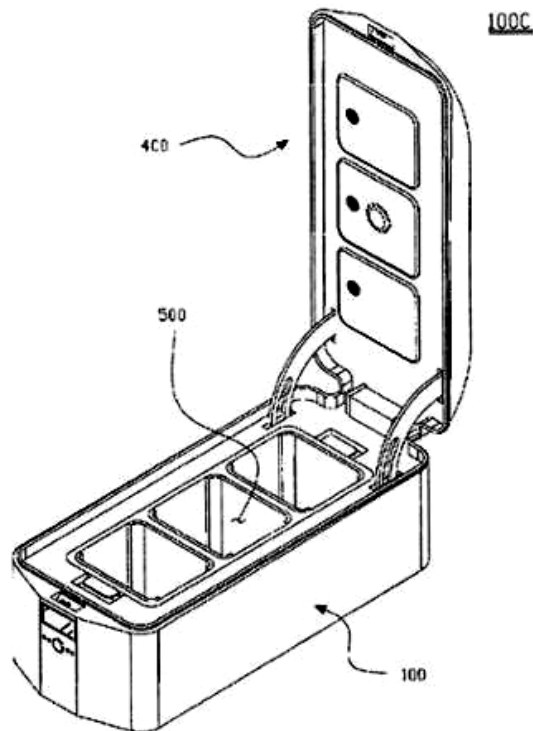
(76) **YANG, JAE BOK (KR)**

(Yuldong) 135-4, Docho-gil Gyeongju-si Gyeongsangbuk-do 781-310, Korea

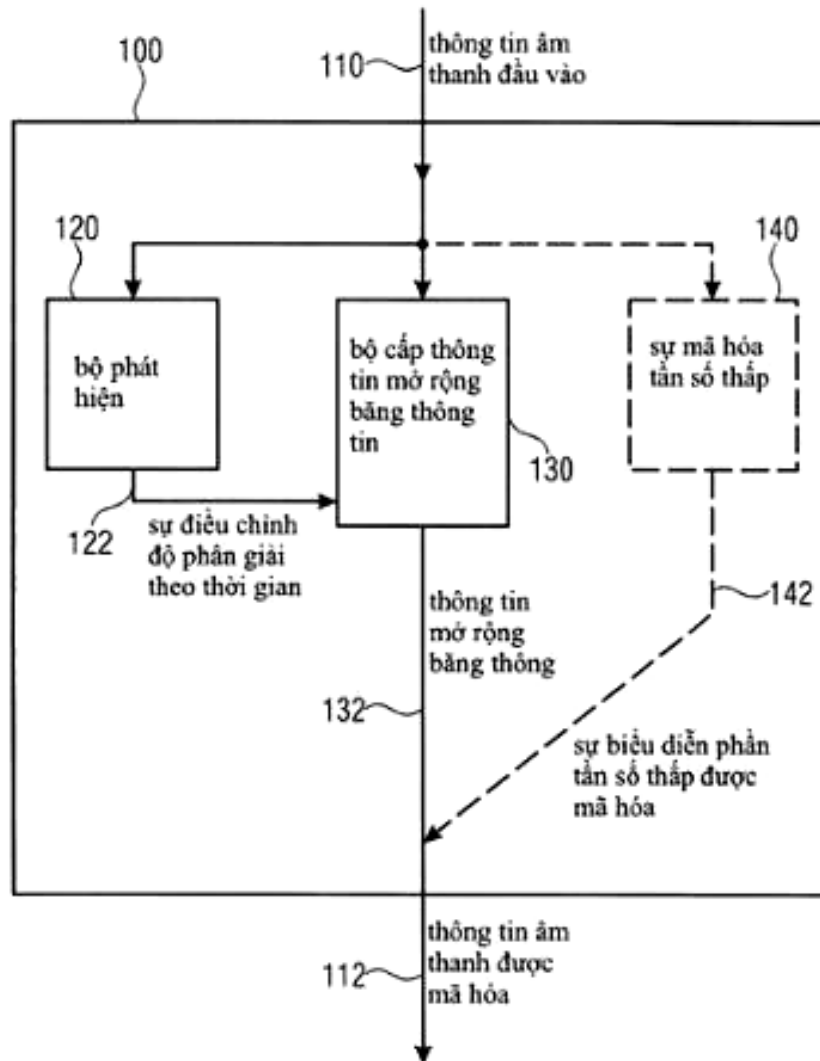
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **NỒI CƠM ĐA NĂNG**

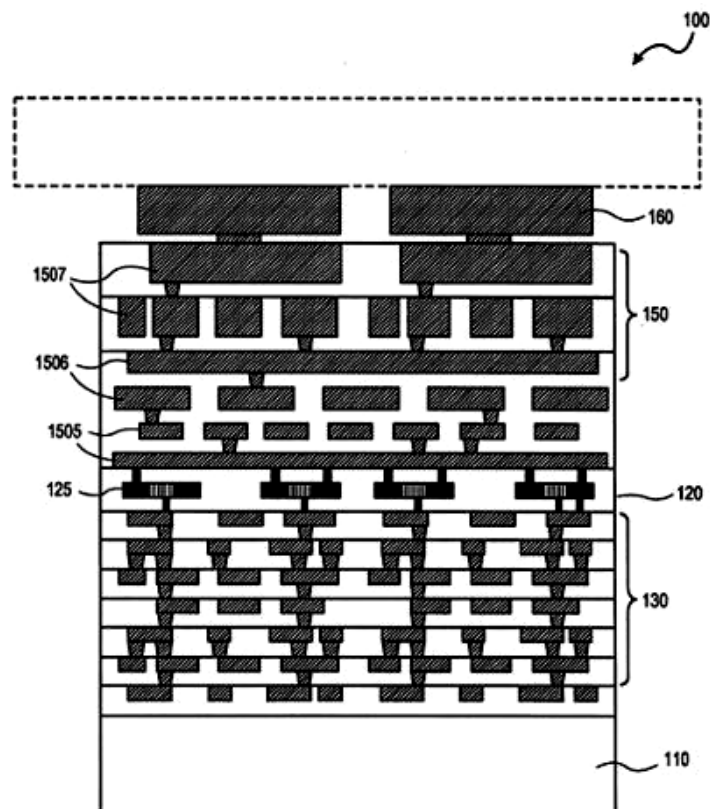
(57) Sáng chế đề cập tới nồi cơm đa năng. Theo sáng chế, nồi cơm đa năng có khoang bên trong được chia thành nhiều ngăn sao cho thực phẩm có thể được nấu trong từng khoang tách biệt một cách độc lập; các cơ cấu khóa dùng cho các hộp chứa trong, nhờ đó cho phép các khoang chế biến thực phẩm trong đó có thể được nấu theo cách riêng biệt và có lựa chọn; và các bộ phận khác. Cụ thể hơn, nồi cơm đa năng bao gồm: thân nồi (100) có mặt trên hở để tiếp nhận các nguyên liệu thực phẩm cần nấu; nắp nồi (400) có tấm ngăn (410) được tạo dạng lồi tương ứng với hình dạng miệng hở của các hộp chứa trong (300) để bịt kín các miệng hở này; và hộp chứa ngoài (200) bao gồm thân tạo nhiệt (231), được gắn trên mặt đáy, để liên tục cấp nhiệt theo phương thẳng đứng tới bốn thành bên của khoang chế biến thực phẩm bên trong các thành bên và các thành ngăn (250), trong đó thân tạo nhiệt (231) và lớp gia nhiệt (252) cho phép từng khoang chế biến thực phẩm (500) được gia nhiệt một cách độc lập.



- (11) **1-0024450 B** (15) 09/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2015 332A
- (21) 1-2015-03181 (85) 28/08/2015
- (22) 28/01/2014 (86) PCT/EP2014/051635 28/01/2014
- (30) 61/758,078 29/01/2013 US (87) WO2014/118179 07/08/2014
- (51) **GIOL 19/025; GIOL 21/038**
- (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
- (72) DISCH, Sascha (DE); HELMRICH, Christian (DE); MULTRUS, Markus (DE); SCHNELL, Markus (DE); TRITTHART, Arthur (AT)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **BỘ MÃ HÓA ÂM THANH, BỘ GIẢI MÃ ÂM THANH, HỆ THỐNG MÃ HÓA VÀ GIẢI MÃ ÂM THANH, PHƯƠNG PHÁP CUNG CẤP THÔNG TIN ÂM THANH ĐƯỢC MÃ HÓA VÀ PHƯƠNG PHÁP CUNG CẤP THÔNG TIN ÂM THANH ĐƯỢC GIẢI MÃ**
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ mã hóa âm thanh, bộ giải mã âm thanh, hệ thống mã hóa và giải mã âm thanh, phương pháp cung cấp thông tin âm thanh được mã hóa và phương pháp cung cấp thông tin âm thanh được giải mã. Bộ mã hóa âm thanh để cung cấp thông tin âm thanh được mã hóa trên cơ sở thông tin âm thanh đầu vào bao gồm bộ cấp thông tin mở rộng băng thông được tạo cấu hình để cung cấp thông tin mở rộng băng thông bằng cách sử dụng độ phân giải theo thời gian biến thiên và bộ phát hiện được tạo cấu hình để phát hiện sự khởi phát của phụ âm xát hoặc âm tắc xát. Bộ mã hóa âm thanh được tạo cấu hình để điều chỉnh độ phân giải theo thời gian được sử dụng bởi bộ cấp thông tin mở rộng băng thông sao cho thông tin mở rộng băng thông được cung cấp với độ phân giải theo thời gian đã tăng ít nhất trong đoạn thời gian định trước ở trước thời điểm mà ở đó sự khởi phát của phụ âm xát hoặc âm tắc xát được phát hiện và trong đoạn thời gian định trước ở sau thời điểm mà ở đó sự khởi phát phụ âm xát hoặc âm tắc xát được phát hiện. Theo cách khác hoặc ngoài ra, thông tin mở rộng băng thông được cung cấp với độ phân giải theo thời gian đã tăng đáp ứng với việc phát hiện sự kết thúc của phụ âm xát hoặc âm tắc xát. Bộ mã hóa âm thanh và phương pháp sử dụng khái niệm tương ứng.



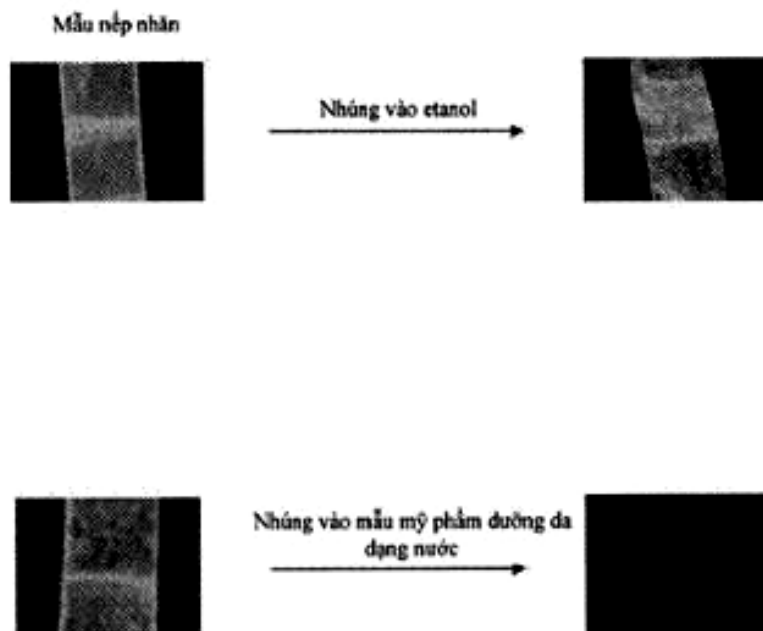
- (11) **1-0024451 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2016-04314 (85) 10/11/2016
 (22) 27/09/2014 (86) PCT/US2014/057920 27/09/2014
 (30) 62/012,822 16/06/2014 US (87) WO2015/195152 23/12/2015
 (51) **H01L 29/78; H01L 21/335; H01L 21/768**
 (73) **INTER CORPORATION (US)**
 2200 Mission College Boulevard, M/S: RNB-4-150, Santa Clara, California 95054,
 United States of America
 (72) NELSON, Donald W. (US); MORROW, Patrick (US); JUN, Kimin (KR)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **MẠCH TÍCH HỢP BA CHIỀU LIÊN KHỐI VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA MẠCH NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tạo ra mạch tích hợp ba chiều liên khối bao gồm các bước: tạo ra các liên kết thứ nhất và các liên kết thứ hai ở các mặt đối diện của lớp thiết bị mạch tích hợp gồm có các thiết bị mạch, trong đó các liên kết thứ hai bao gồm các liên kết có các kích thước khác nhau; và tạo ra các tiếp điểm với các liên kết thứ hai, các tiếp điểm này có thể vận hành để nối với nguồn điện bên ngoài. Sáng chế còn đề cập đến mạch tích hợp ba chiều liên khối bao gồm nền gồm các liên kết thứ nhất và các liên kết thứ hai ở các mặt đối diện của lớp thiết bị mạch tích hợp gồm có các thiết bị mạch, trong đó các liên kết thứ hai bao gồm các liên kết có các kích thước khác nhau; và các tiếp điểm được ghép nối với các liên kết thứ hai của các liên kết thứ hai, các tiếp điểm có thể vận hành để nối với nguồn điện bên ngoài.



- (11) **1-0024452 B** (15) 09/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2017 352A
(21) 1-2017-01946 (85) 25/05/2017
(22) 05/11/2015 (86) PCT/EP2015/075789 05/11/2015
(30) 14192203.9 07/11/2014 EP (87) WO2016/071435 12/05/2016
(51) **C07D 233/24; C07D 487/04**
(73) **BAYER PHARMA AKTIENGESELLSCHAFT (DE)**
Müllerstraße 178, 13353 Berlin, Germany
(72) PETERS, Jan-Georg (DE); RUBENBAUER, Philipp (DE); GÖTZ, Daniel (DE);
GROßBACH, Danja (DE); MAIS, Franz-Josef (DE); SCHIRMER, Heiko (DE);
STIEHL, Juergen (DE); LOVIS, Kai (DE); LENDER, Andreas (DE); SEYFRIED,
Martin (CH); ZWEIFEL, Theodor (CN); MARTY, Maurus (CH); WEINGÄRTNER,
Günter (DE)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT COPANLISIB VÀ HỢP CHẤT
TRUNG GIAN THU ĐƯỢC**
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều chế hợp chất copanlisib, copanlisib
dihydroclorua, hydrat của copanlisib dihydroclorua và các hợp chất trung gian. Sáng
chế cũng đề cập đến các hợp chất trung gian thu được trong phương pháp điều chế
này. Các hợp chất trung gian này hữu dụng để điều chế hợp chất copanlisib,
copanlisib dihydroclorua, hoặc các hydrat của copanlisib dihydroclorua.

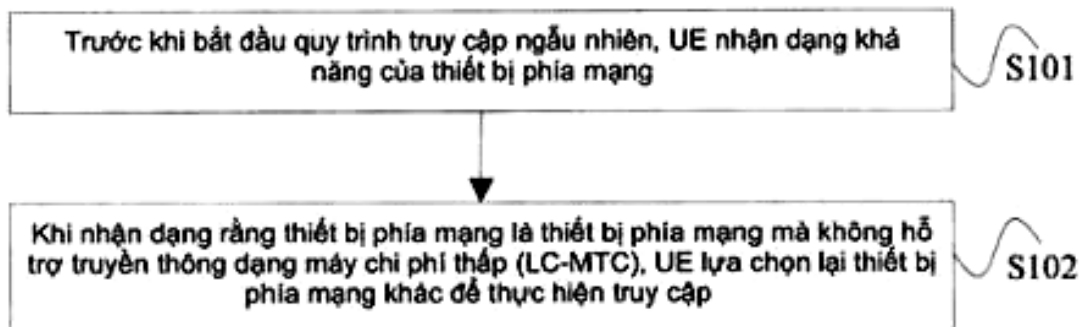
- (11) **1-0024453 B** (15) 09/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
(21) 1-2014-03392 (85) 09/10/2014
(22) 06/03/2013 (86) PCT/JP2013/056174 06/03/2013
(30) 2012-071065 27/03/2012 JP (87) WO2013/146151 03/10/2013
(51) **G01N 21/84**
(73) **SHISEIDO COMPANY, LTD.** (JP)
5-5, Ginza 7-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-0061, Japan
(72) IWAI, Ichiro (JP); HARA, Yusuke (JP)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CẢI THIỆN nếp NHĂN CỦA MỸ PHẨM PHẪM**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp đánh giá hiệu quả cải thiện nếp nhăn của mỹ phẩm bằng cách nhúng tấm chứa lớp tế bào sùng có các nếp gấp và nếp nhăn vào mỹ phẩm, và kiểm tra sự biến mất của các nếp gấp và nếp nhăn sau khi làm khô, nhờ đó đạt được mục đích của sáng chế.



- (11) **1-0024454 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
 (21) 1-2016-01483 (85) 25/04/2016
 (22) 26/11/2013 (86) PCT/CN2013/087862 26/11/2013
 (30) PCT/CN2013/084329 26/09/2013 CN (87) WO2015/043050A1 02/04/2015
 (51) **H04W 36/34**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
 518129, China
 (72) HU, Zhenxing (CN); GAO, Yongqiang (CN); QUAN, Wei (CN); YANG, Xiaodong
 (CN); ZHANG, Jian (CN)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP LÀM TƯƠNG THÍCH KHẢ NĂNG VÀ THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG**

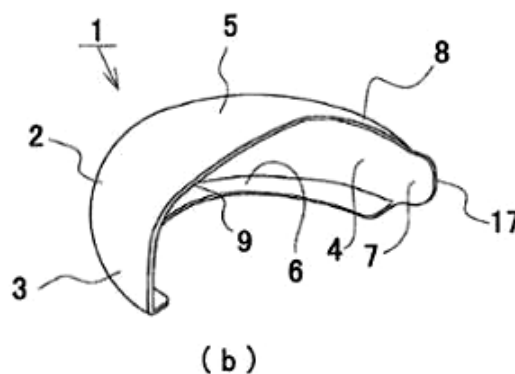
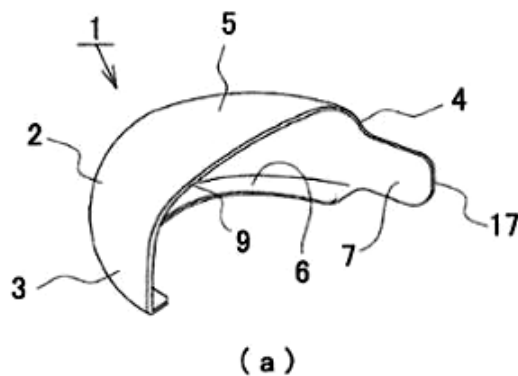
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp, thiết bị và hệ thống làm tương thích khả năng. Phương pháp bao gồm: trước khi thiết bị người dùng (UE) bắt đầu quy trình truy cập ngẫu nhiên, nhận dạng, bởi UE, khả năng của thiết bị phía mạng, và khi UE nhận dạng rằng thiết bị phía mạng là thiết bị phía mạng mà không hỗ trợ truyền thông dạng máy chi phí thấp, chọn lại, bởi UE, để truy cập thiết bị phía mạng khác. Nhờ phương pháp, thiết bị và hệ thống làm tương thích khả năng được đề xuất trong các phương án của sáng chế, vấn đề sự không tương thích khả năng xảy ra giữa UE và thiết bị phía mạng là tránh được, và sự lãng phí tài nguyên được cấp phép, sự tiêu thụ thêm năng lượng của UE, và sự gián đoạn của việc truyền dữ liệu là tránh được.



- | | | | |
|--|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024455 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2014 | 320A |
| (21) 1-2013-01526 | | (85) 17/05/2013 | |
| (22) 06/07/2011 | | (86) PCT/JP2011/065479 | 06/07/2011 |
| (30) 2010-248883 | 05/11/2010 JP | (87) WO2012/060134 | 10/05/2012 |
| (51) A43B 23/08; A43B 7/32 | | | |
| (73) MIDORI ANZEN CO., LTD. (JP) | | | |
| | 4-3, Hiroo 5-chome, Shibuya-ku, Tokyo 150-8455 Japan | | |
| (72) SAKURAI, Yoshinori (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) MŨ GIÀY VÀ GIÀY ĐƯỢC GẮN MŨ GIÀY | | | |

(57) Sáng chế này đề cập đến mũ giày và giày có mũ giày được gắn mà không gây khó khăn cho việc chuyển động của bàn chân như việc đi bộ, trong khi vẫn bảo vệ ngón chân chống lại sự va chạm từ phía bên bởi đối tượng như bánh xe của bộ di động.

Mũ giày để che ngón chân trong trạng thái được gắn với mũ giày bao gồm thân vỏ dạng cốc được tạo thành bằng cách nối thành cuối phía trước, thành phía hai bên và thành mặt trên với mặt hơi cong, và thành bên mở rộng được bố trí ít nhất tới một thành bên khi mở rộng về phía sau gờ cuối phía sau của thành bên. Giày có mũ giày được gắn có thể bảo vệ toàn bộ ngón chân ngay cả khi va chạm được tác dụng từ hướng mặt ngoài (tức là, ngón chân út) của ngón chân mà sự bảo vệ này là không đầy đủ với giày được gắn mũ giày thông thường.



- (11) **1-0024456 B** (15) 09/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
(21) 1-2014-00627 (85) 25/02/2014
(22) 07/08/2012 (86) PCT/EP2012/065468 07/08/2012
(30) 1157521 25/08/2011 FR (87) WO2013/026699 28/02/2013
(51) *A23L 1/226; A61K 8/34; C11D 3/50; A61Q 13/00; C07C 47/58; A23P 1/02; A61K 9/14*
(73) **RHODIA OPERATIONS (FR)**
40 rue de la Haie-Coq, F-93306 Aubervilliers, France
(72) LE-THIESSE, Jean-Claude (FR); MASSON, Jean-Claude (FR); COCHENNEC, Corine (FR); GIACOMONI, Olivier (FR)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP PHẦN THƠM BAO GỒM HỢP CHẤT CÓ CHỨA HAI CHẤT RẮN CÓ TÍNH CHẤT CẢM QUAN**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình điều chế hợp phần thơm dạng bụi có nhiệt độ nóng chảy T_f , bao gồm: i) nạp ít nhất hai chất rắn dạng bột ban đầu có tính chất cảm quan vào máy trộn mà vỏ bao của máy đã được gia nhiệt trước đến nhiệt độ T thấp hơn T_f , các chất rắn nêu trên được nạp riêng biệt vào máy trộn nêu trên; ii) trộn các chất rắn nêu trên trong máy trộn nêu trên, khi không có mặt của bất kỳ pha lỏng ngoài nào, ở nhiệt độ T thấp hơn nhiệt độ T_f , ít nhất một trong các chất rắn dạng bột ban đầu nêu trên được nạp vào máy trộn nêu trên ở nhiệt độ T_i sao cho việc trộn được tiến hành trong các điều kiện đẳng nhiệt ở nhiệt độ được đặt ở nhiệt độ T nêu trên; và iii) thu hồi hợp phần thơm dạng bột nêu trên. Quy trình nêu trên đặc biệt thích hợp để điều chế hợp phần bao gồm chủ yếu là hợp chất vanilin và etylvanilin.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024457 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2013 | 307A |
| (21) 1-2013-02100 | | (85) 05/07/2013 | |
| (22) 14/07/2011 | | (86) PCT/FI2011/000037 | 14/07/2011 |
| (30) 20110007 | 12/01/2011 | FI (87) WO2012/095549 | 19/07/2012 |

(51) **B03C 3/014; B03C 3/16; B01D 47/06; B01D 50/00**

(73) **AAVI TECHNOLOGIES LTD (FI)**
Kirkonkyläntie 37 A, FI-00700 Helsinki, Finland

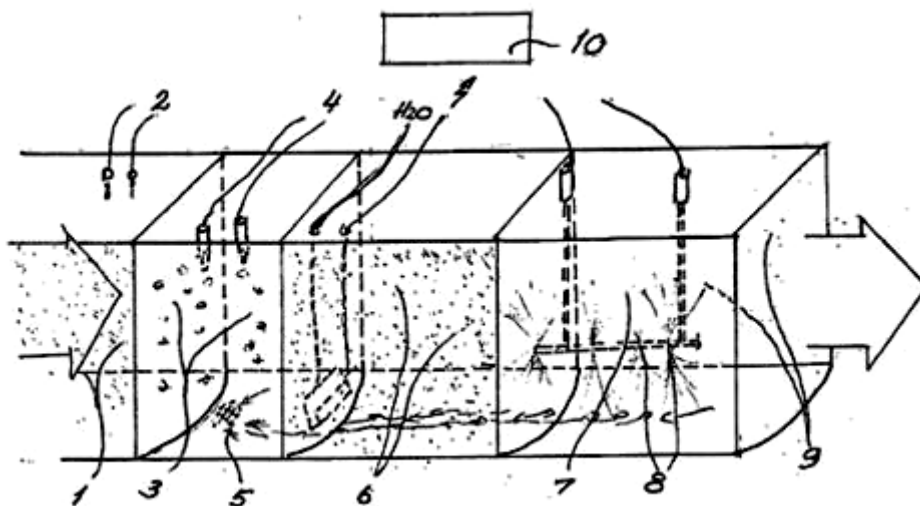
(72) **ILMASTI, Veikko Ilmari (FI)**

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

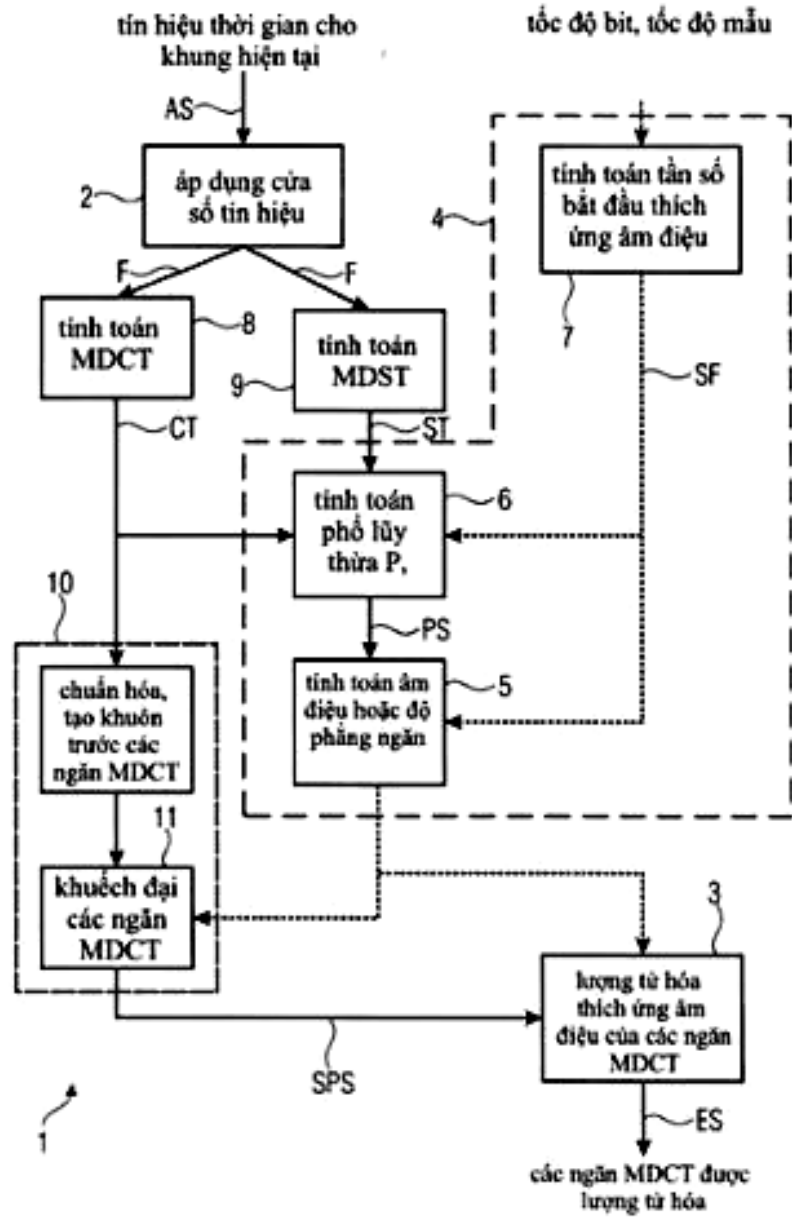
(54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM SẠCH KHÔNG KHÍ KHỎI CÁC THÀNH PHẦN KHÔNG MONG MUỐN

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị làm sạch không khí khỏi các khí và hạt không mong muốn, trong trường hợp ở các nhà máy hạt nhân là khỏi các hạt phóng xạ và khí iot, cũng như để tiêu diệt các vi sinh vật và loại bỏ ra khỏi không khí. Thiết bị này bao gồm buồng làm sạch mà không khí cần được làm sạch được sắp đặt để lưu thông qua đó. Trong buồng làm sạch có kết cấu tiếp đất, không khí đã ion hóa (1) được dẫn đến bụi nước hoặc hơi nước mà có thể được oxy hóa, ví dụ bằng hydro peroxit (6) và bằng cách tăng mức điện áp của quá trình ion hóa để tạo ra ozon và tiếp tục được dẫn đến các đầu phun ion (8) hoạt động ở điện áp cao tạo ra dòng ion liên tục, mà được hướng lên trên bề mặt thu gom (9) và mang theo cả giọt và vật liệu dạng hạt cũng như các thành phần khí liên kết với chúng. Thể tích của không khí cần được làm sạch xác định hình dạng và thể tích của thiết bị làm sạch. Khi sử dụng, thiết bị này tiết kiệm năng lượng rất đáng kể so với lọc sợi.

Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp làm sạch không khí khỏi các khí, vi sinh vật, giọt, hạt không mong muốn có cỡ nano và lớn hơn.

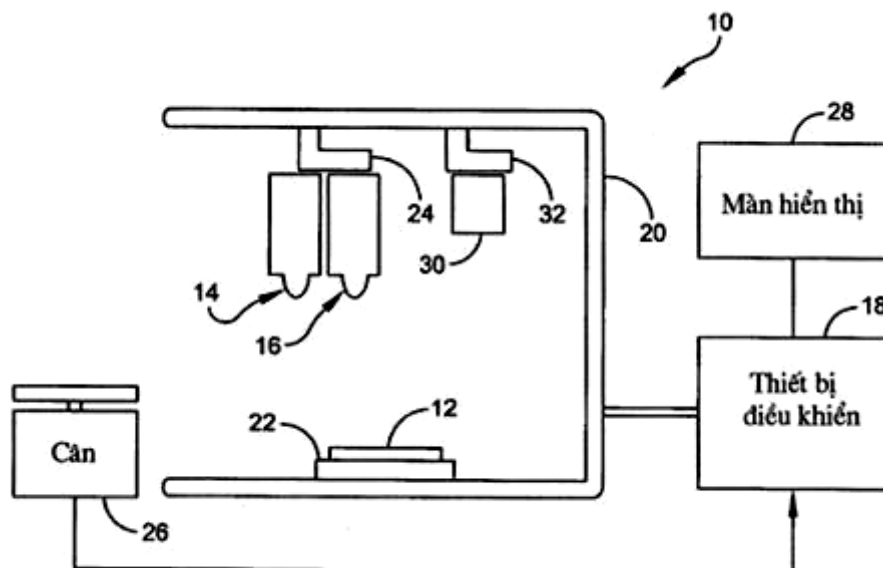


- (11) **1-0024458 B** (15) 09/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2015 332A
- (21) 1-2015-03124 (85) 26/08/2015
- (22) 28/01/2014 (86) PCT/EP2014/051624 28/01/2014
- (30) 61/758,191 29/01/2013 US (87) WO2014/118171A1 07/08/2014
- (51) **G10L 19/035; G10L 25/03; G10L 19/02**
- (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
- (72) DIETZ, Martin (DE); FUCHS, Guillaume (FR); HELMRICH, Christian (DE); MARKOVIC, Goran (RS)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **BỘ MÃ HÓA ÂM THANH, HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA TÍN HIỆU ÂM THANH**
- (57) Sáng chế đề xuất bộ mã hóa âm thanh để mã hóa tín hiệu âm thanh (AS) để từ đó tạo ra tín hiệu được mã hóa (ES), bộ mã hóa âm thanh (1) bao gồm: thiết bị định khung (2) được tạo cấu hình để tách các khung (F) từ tín hiệu âm thanh (AS); bộ lượng tử hóa (3) được tạo cấu hình để ánh xạ các vạch phổ (SL_{1-32}) của tín hiệu phổ (SPS) được suy ra từ khung (F) của tín hiệu âm thanh (AS) tới các chỉ số lượng tử hóa (I_0, I_1); trong đó bộ lượng tử hóa (3) có vùng chết (DZ), mà trong đó các vạch phổ đầu vào (SL) được ánh xạ tới chỉ số lượng tử hóa 0 (I_0); và thiết bị điều khiển (4) được tạo cấu hình để biến đổi vùng chết (DZ); trong đó thiết bị điều khiển (4) bao gồm thiết bị tính toán âm điệu (5) được tạo cấu hình để tính toán ít nhất một giá trị chỉ thị âm điệu (TI_{5-32}) cho ít nhất một vạch phổ (SL_{1-32}) hoặc cho ít nhất một nhóm các vạch phổ (SL_{1-32}), trong đó thiết bị điều khiển (4) được tạo cấu hình để biến đổi vùng chết (DZ) cho ít nhất một vạch phổ (SL_{1-32}) hoặc cho ít nhất một nhóm các vạch phổ (SL_{1-32}) phụ thuộc vào giá trị chỉ thị âm điệu tương ứng (TI_{5-32}).



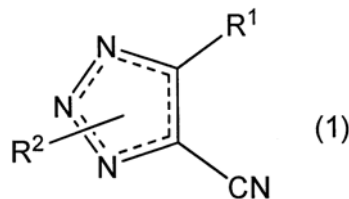
- (11) **1-0024459 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
 (21) 1-2015-00861 (85) 16/03/2015
 (22) 16/09/2013 (86) PCT/US2013/059882 16/09/2013
 (30) 13/630,139 28/09/2012 US (87) WO2014/052063 03/04/2014
 (51) *G06F 17/00; G06T 7/00; G06T 7/13; G06T 7/73; H01L 21/67; H01L 21/768; H05K 3/34; H05K 13/00; H05K 13/04; H05K 3/00; H05K 3/12; H05K 3/30; H01L 23/00*
 (73) **ILLINOIS TOOL WORKS INC. (US)**
 155 Harlem Avenue, Glenview, Illinois 60025, United States of America
 (72) BLOOM Jonathan Joel (US)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **HỆ THỐNG PHÂN PHỐI VẬT LIỆU LÊN NỀN ĐIỆN TỬ**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống phân phối để làm lắng phủ vật liệu lên nền điện tử (12) bao gồm khung (20), giá treo cụm phân phối (24) nối chuyển động được với khung (20), cụm phân phối (14, 16) nối với giá treo cụm phân phối (24), giá treo hệ thống nhìn (32) nối với khung (20), và hệ thống nhìn (30) nối với giá treo hệ thống nhìn (32). Thiết bị điều khiển (18) được cấu hình để điều khiển hệ thống nhìn (30) với giá treo hệ thống nhìn (32) chuyển động đến vị trí được xác định bởi mốc đặc trưng (210), để thu được ảnh của ít nhất một phần của mốc đặc trưng (210), để tìm kiếm mép (212) quan tâm dọc theo tâm của ảnh, và để trở về trị số biểu thị mức xô dịch so với điểm không (0), trị số này được diễn dịch là vị trí chính xác như mong muốn, và mức xô dịch phản ánh nơi mép (212) quan tâm được giao cắt với vị trí trục đó.



- (11) **1-0024460 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-00544 (85) 16/02/2016
 (22) 16/07/2014 (86) PCT/JP2014/069501 16/07/2014
 (30) 61/847,268 17/07/2013 US (87) WO2015/008872A1 22/01/2015
 61/885,254 01/10/2013 US
 61/928,267 16/01/2014 US
 (51) **C07D 403/12**; C07D 417/14; C07D 249/06; C07D 401/12; C07D 401/14; C07D 403/14; C07D 405/12; C07D 405/14; C07D 411/12; C07D 411/14; C07D 413/12; C07D 413/14; C07D 417/12; A61K 31/4192; C07D 249/04
 (73) **OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD.** (JP)
 2-9, Kanda Tsukasa-machi, Chiyoda-ku, Tokyo 101-8535, Japan
 (72) SATO, Seiji (JP); MATSUDA, Satoshi (JP); MATSUMURA, Chiharu (JP); ITOTANI, Motohiro (JP); SHINOHARA, Toshio (JP); FUJITA, Shigekazu (JP); SAKURAI, Yohji (JP); TAI, Kuninori (JP); FUKUSHIMA, Tae (JP); KANEMOTO, Naohide (JP); OKAMOTO, Takashi (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **HỢP CHẤT XANOTRIAZOL**

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất xyanotriazol được thể hiện bởi công thức (1):



trong đó mỗi ký hiệu được xác định trong bản mô tả, hoặc muối của nó. Hợp chất hoặc muối của chúng kích thích hoạt tính chu trình của axit xitric và/hoặc cải thiện tăng đường huyết có ít tác dụng phụ, và mức an toàn tuyệt vời, và do đó, nó hữu dụng để điều trị và/hoặc phòng ngừa các bệnh hoặc rối loạn trên đó sự hoạt hóa chu trình axit xitric và/hoặc sự cải thiện tăng đường huyết có hiệu quả phòng bệnh và/hoặc chữa bệnh, ví dụ, bệnh tiểu đường, rối loạn dung nạp glucoza, kháng insulin, biến chứng của bệnh tiểu đường, bệnh béo phì, rối loạn mỡ máu, bệnh gan nhiễm mỡ, bệnh xơ vữa động mạch và/hoặc bệnh tim mạch, cũng như các bệnh hoặc rối loạn mà có thể có lợi nhờ việc kích thích mức tiêu tốn năng lượng.

- (11) **1-0024461 B** (15) 09/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/10/2015 331A
(21) 1-2014-02403 (85) 21/07/2014
(22) 12/12/2012 (86) PCT/FR2012/052897 12/12/2012
(30) PCT/FR2011/053043 19/12/2012 FR (87) WO2013/093298 27/06/2013
(51) *A61F 13/00; A61L 15/22; A61L 15/60; A61F 13/02*
(73) 1. **LABORATOIRES URGO** (FR)
42 Rue de Longvic CHENOVE, F-21300, France
2. **SOCIETE DE DEVELOPPEMENT ET DE RECHERCHE INDUSTRIELLE**
(FR)
42 Rue de Longvic, F-21300 CHENOVE - FR
(72) LECOMTE, Serge (FR); PERNOT, Jean-Marc (FR)
(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK
CO., LTD.)
(54) **BĂNG DÁN PHÂN CÁCH**

(57) Sáng chế đề cập đến băng dán phân cách được dùng trực tiếp cho vết thương. Băng dán phân cách này chứa gel cố kết không dính được tạo thành từ chất nền đàn hồi kỵ nước chứa chất đàn hồi ba khối styren-(etylen/butylen)-styren hoặc styren-(etylen/propylen)-styren tùy ý được kết hợp với copolyme hai khối styren-(etylen/butylen) hoặc styren-(etylen/propylen); chất đàn hồi này được dẻo hóa cao bằng cách sử dụng dầu khoáng, và chứa một lượng nhỏ hạt hydrocoloit ưa nước được phân tán trong đó; và vải lưới mềm, vải này chứa sợi được phủ gel cố kết không dính theo cách sao cho để cho mắt lưới hầu như hở, khác biệt ở chỗ vải này là vải dệt kim rắn nhiệt với sợi ngang, sợi này là sợi nhiều tơ liên tục với các tơ không đàn hồi, mà độ giãn theo chiều ngang được đo theo tiêu chuẩn EN 13726-4 nằm trong khoảng từ 0,01 đến 0,5N/cm.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024462 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2015 | 326A |
| (21) 1-2014-03844 | | (85) 19/11/2014 | |
| (22) 26/04/2013 | | (86) PCT/GB2013/051072 | 26/04/2013 |
| (30) 1207459.7 | 26/04/2012 | GB | (87) WO2013/160695A1 |
| | 1211075.5 | 22/06/2012 | GB |
| | 1211619.0 | 29/06/2012 | GB |

(51) **H04N 7/26**

(73) **SONY CORPORATION (JP)**

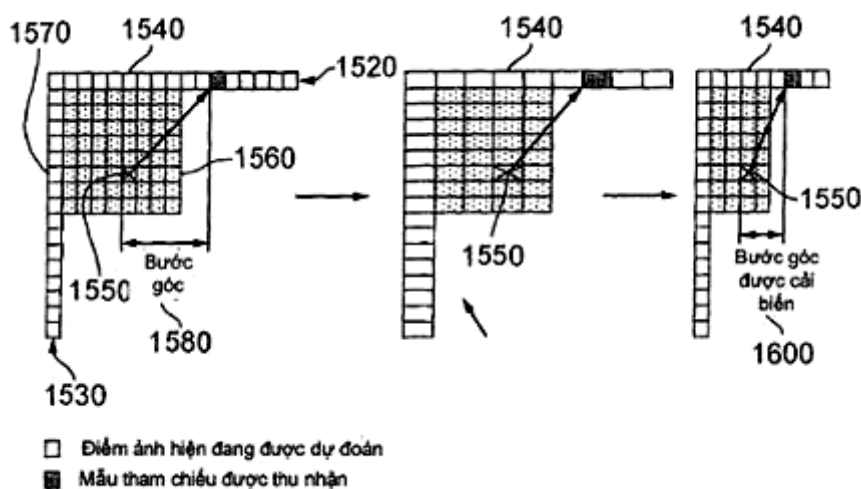
1-7-1 Konan, Minato-ku, Tokyo 108-0075, Japan

(72) GAMEI, James Alexander (GB); SAUNDERS, Nicholas Ian (GB); SHARMAN, Karl James (GB); SILCOCK, Paul James (GB)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

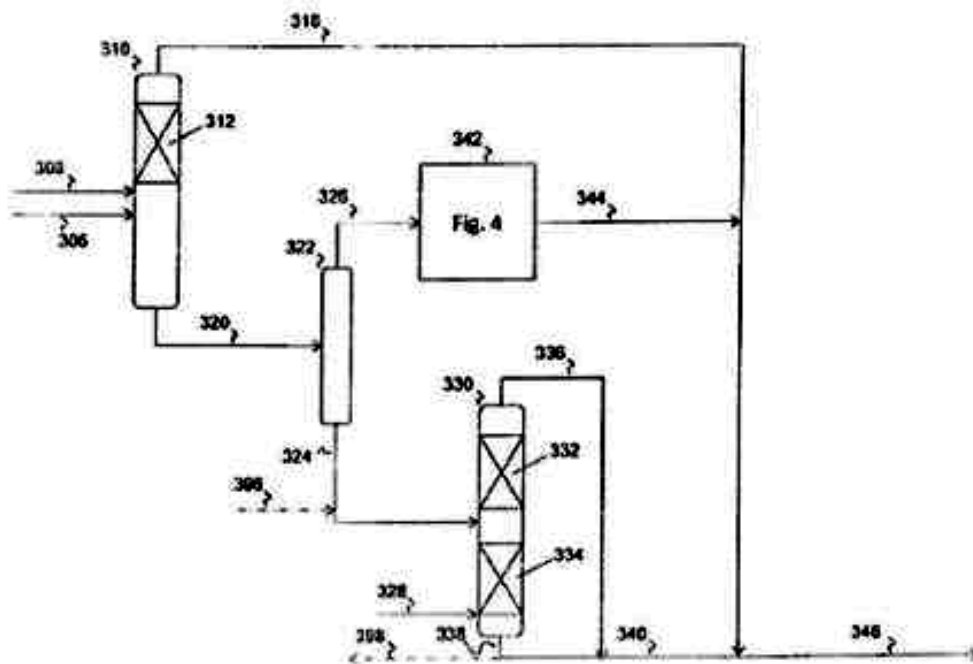
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ GIẢI MÃ VIDEO, PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ MÃ HOÁ VIDEO, THIẾT BỊ QUAY VIDEO, BỘ THU VIDEO VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH KHÔNG TẠM THỜI**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp mã hóa hoặc giải mã video trong đó các mẫu độ chói và sắc độ được dự đoán từ các mẫu tham chiếu tương ứng khác theo chiều dự đoán được kết hợp với mẫu hiện thời cần được dự đoán, các mẫu sắc độ có tốc độ lấy mẫu theo chiều ngang và/hoặc theo chiều thẳng đứng thấp hơn so với các mẫu độ chói sao cho tỷ số của độ phân giải theo chiều ngang độ chói trên độ phân giải theo chiều ngang sắc độ là khác với tỷ số của độ phân giải theo chiều thẳng đứng độ chói trên độ phân giải theo chiều thẳng đứng sắc độ sao cho khối của các mẫu độ chói có hệ số co khác với khối tương ứng của các mẫu sắc độ, bao gồm phát hiện chiều dự đoán thứ nhất được xác định liên quan đến lưới thứ nhất của tỷ số co thứ nhất liên quan đến tập hợp các mẫu hiện thời cần được dự đoán; và áp dụng ánh xạ theo chiều cho chiều dự đoán để tạo ra chiều dự đoán thứ hai được xác định liên quan đến lưới thứ hai của hệ số co khác.



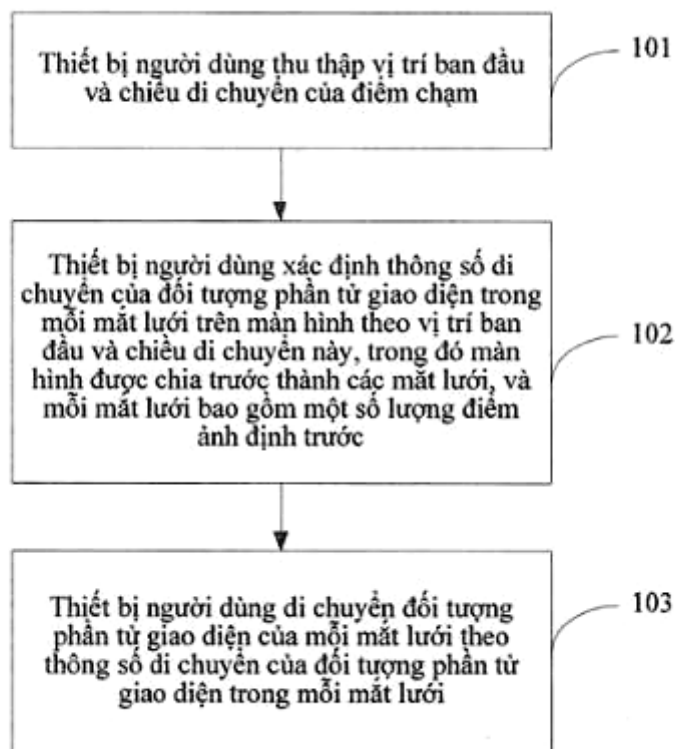
- (11) **1-0024463 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2015 327A
 (21) 1-2015-00954 (85) 23/03/2015
 (22) 23/07/2013 (86) PCT/US2013/051679 23/07/2013
 (30) 61/691,452 21/08/2012 US (87) WO2014/031274 27/02/2014
 (51) **C10G 45/02; C10G 45/44**
 (73) **CATALYTIC DISTILLATION TECHNOLOGIES (US)**
 10100 Bay Area Blvd., Pasadena, TX 77507, United States of America
 (72) PODREBARAC, Gary, G. (CA)
 (74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
 (54) **QUY TRÌNH VÀ HỆ THỐNG LÀM GIẢM HÀM LƯỢNG LƯU HUỖNH TRONG DÒNG HYDROCACBON**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình làm giảm hàm lượng lưu huỳnh của dòng hydrocacbon. Dòng naphtha đã cracking hoàn toàn được cho tiếp xúc với chất xúc tác hydro hóa để chuyển hóa ít nhất một phần dien và mercaptan thành thioete và để hydro hóa ít nhất một phần dien. Dòng naphtha đã cracking hoàn toàn được cắt phân đoạn thành phân đoạn naphtha nhẹ, phân đoạn naphtha trung bình, và phân đoạn naphtha nặng. Phân đoạn naphtha nặng được loại lưu huỳnh bằng hydro. Phân đoạn naphtha trung bình được trộn với hydro và dầu đốt để tạo ra hỗn hợp, hỗn hợp này được cho tiếp xúc với chất xúc tác loại lưu huỳnh bằng hydro để tạo ra phân đoạn naphtha trung bình có nồng độ lưu huỳnh giảm. Sau đó, phân đoạn naphtha nhẹ, nặng và trung bình có thể được gộp lại để tạo ra sản phẩm đã được loại lưu huỳnh bằng hydro có hàm lượng lưu huỳnh nhỏ hơn 10ppm theo một số phương án.



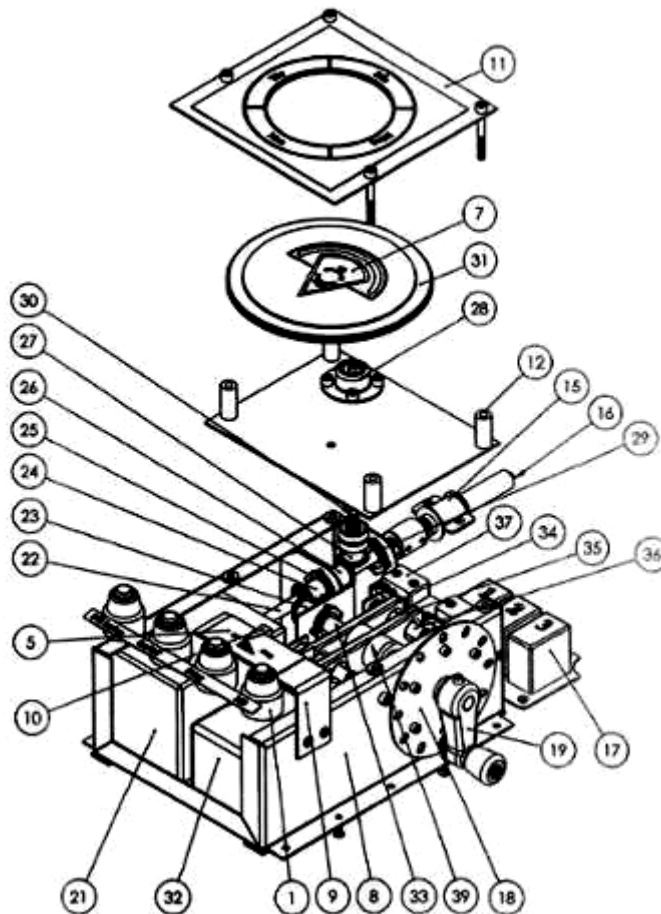
- (11) **1-0024464 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/06/2016 339A
 (21) 1-2016-00882 (85) 10/03/2016
 (22) 10/03/2014 (86) PCT/CN2014/073097 10/03/2014
 (30) 201310451599.6 27/09/2013 CN (87) WO2015/043138 02/04/2015
 (51) **G06F 3/041**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
 518129, China
 (72) ZHANG, Ding (CN); WU, Hao (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP HIỂN THỊ NỘI DUNG GIAO DIỆN VÀ THIẾT BỊ ĐẦU
 CUỐI**

(57) Sáng chế liên quan đến lĩnh vực truyền thông, và đề cập đến phương pháp hiển thị nội dung giao diện và thiết bị người dùng, để cải thiện một cách có hiệu quả trải nghiệm tương tác của người dùng khi người dùng thực hiện thao tác quét trên màn hình cảm ứng, và tăng cường sự hài lòng khi tương tác với ứng dụng. Một giải pháp cụ thể là: trước hết, thu thập vị trí ban đầu và chiều di chuyển của điểm chạm; tiếp theo, xác định thông số di chuyển của đối tượng phần tử giao diện trong mỗi mắt lưới trên màn hình theo vị trí ban đầu và chiều di chuyển này, trong đó màn hình được chia trước thành các mắt lưới, và mỗi mắt lưới đều bao gồm một số lượng điểm ảnh định trước; sau đó, di chuyển đối tượng phần tử giao diện trong mỗi mắt lưới theo thông số di chuyển của đối tượng phần tử giao diện trong mỗi mắt lưới. Sáng chế được áp dụng để hiển thị nội dung giao diện của màn hình cảm ứng.



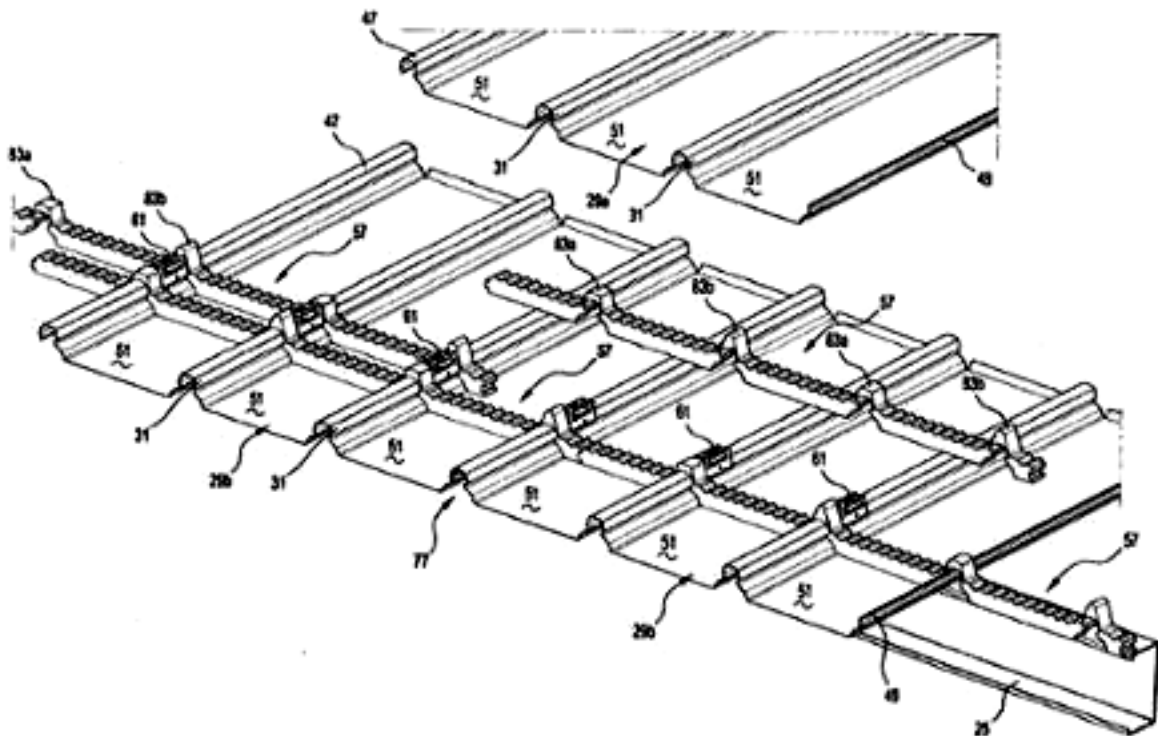
- (11) **1-0024465 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2018 362A
 (21) 1-2018-01042
 (22) 13/03/2018
 (51) **F24F 7/02**
 (73) **1. LƯƠNG QUANG KHÁNH (VN)**
 40B đường Hàm Nghi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
2. NGUYỄN DUY LÂM (VN)
 Xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định
 (72) Lương Quang Khánh (VN)
 (74) Công ty TNHH sở hữu trí tuệ AGL (AGL IP)
 (54) **BẦU ĐỔI LƯU KHÍ ĐA HƯỚNG**

- (57) Sáng chế đề xuất bầu đổi lưu khí đa hướng bao gồm bầu đổi lưu khí, hộp điều khiển, dây truyền động. Trong đó, hộp điều khiển và bầu là hai thiết bị tách rời, được kết nối với nhau thông qua dây truyền động. Dây truyền động có tác dụng truyền chuyển động quay từ hộp điều khiển đến hệ thống chuyển động của bầu, từ đó làm bầu ngoài quay và chuyển hướng. Bầu trong được điều khiển đóng mở cửa bầu cũng bằng chuyển động quay được truyền từ hộp điều khiển qua dây dẫn động đến hệ thống chuyển động của bầu trong.



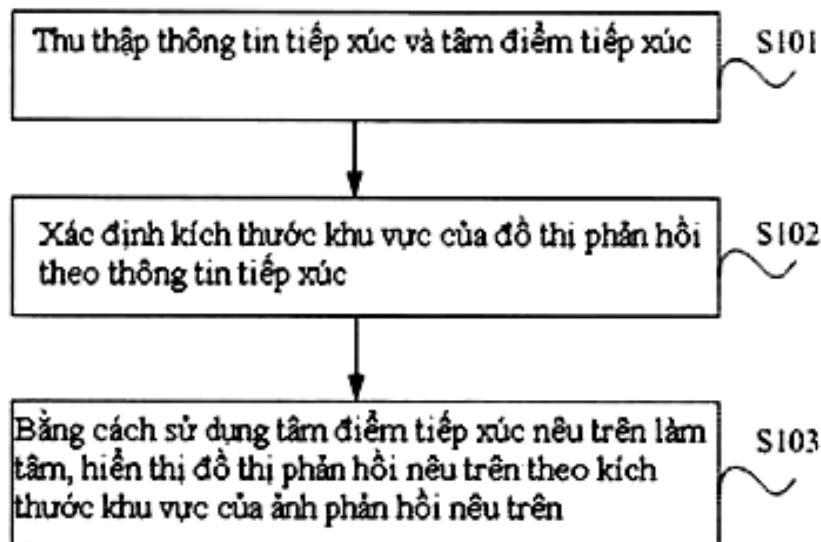
- (11) **1-0024466 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
 (21) 1-2015-01980 (85) 04/06/2015
 (22) 15/11/2013 (86) PCT/AU2013/001325 15/11/2013
 (30) 2012905046 16/11/2012 AU (87) WO2014/075149A1 22/05/2014
 2013900906 15/03/2013 AU
 (51) **E04D 3/38; E04D 13/152; E04D 3/36; E04D 3/362; E04D 1/36; E04D 13/16**
 (73) **BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)**
 Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria 3000, Australia
 (72) KRALIC, John Frank (AU); GALLATY, Rodney John (AU); CELEBAN, Michael (AU)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **KẸP ĐỂ GIỮ TẦM LỢP MÁI VÀ HỆ THỐNG NỐI ĐẦU MÀ GIỮ CÁC TẦM LỢP MÁI SỬ DỤNG KẸP NÀY, MÁI VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮP ĐẶT CÁC TẦM LỢP MÁI**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống nối đầu, các chi tiết của hệ thống gồm có kẹp để nối đầu và dải vật liệu chịu thời tiết, và phương pháp lắp đặt các tấm lợp mái trên mái sử dụng hệ thống nối đầu này. Kẹp (61) để giữ tấm lợp mái trên (29a) và tấm lợp mái dưới (29b) với nhau theo kiểu đầu vớ đầu, ví dụ theo kiểu nối đầu trên mái. Kẹp được tạo ra để lắp khít trên và khóa vào gân (31) của tấm lợp dưới và để giữ chặt tấm trên trên kẹp. Dải vật liệu chịu thời tiết thon dài (57) được tạo ra từ vật liệu có thể nén và có phần lòng chảo (81) mà có thể lắp kín khe hở giữa các phần lòng chảo chồng lên nhau của các tấm lợp.



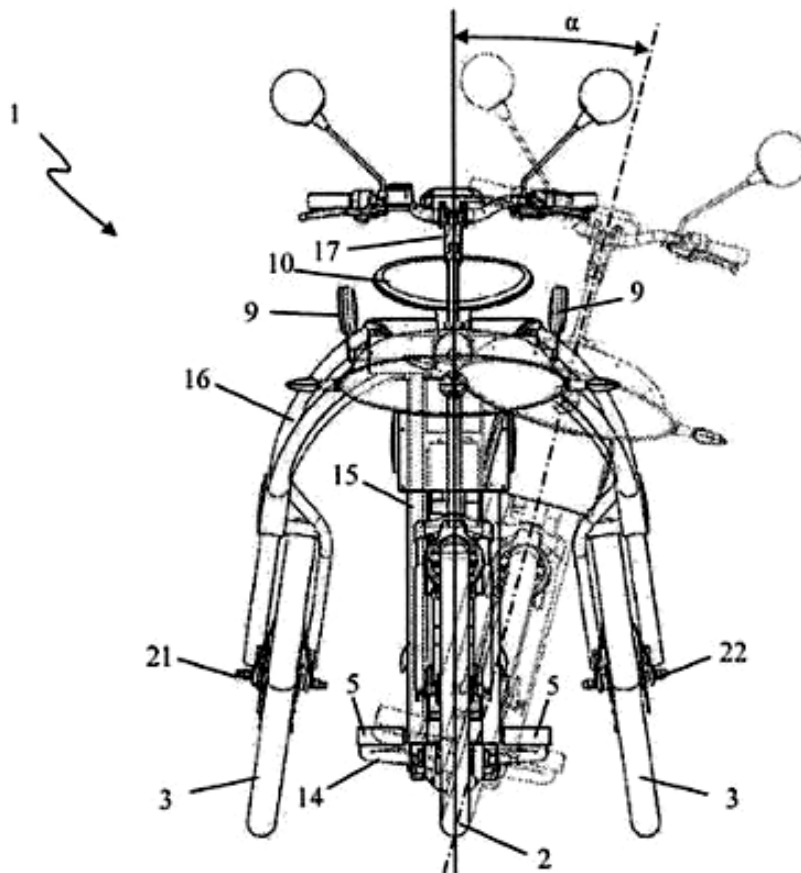
- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024467 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2016 | 341A |
| (21) 1-2016-01836 | | (85) 20/05/2016 | |
| (22) 31/07/2014 | | (86) PCT/CN2014/083471 | 31/07/2014 |
| (30) 201310594564.8 | 21/11/2013 CN | (87) WO2015/074441 | 28/05/2015 |
- (51) **G06F 3/01**
 (73) **HUAWEI DEVICE CO., LTD. (CN)**
 B2-5 of Nanfang Factory, No. 2 of Xincheng Road, Shongshan Lake Science and Technology Industrial Zone, Dongguan, Guangdong, PRC, 523808
 (72) WANG, Shuoxing (CN); GAO, Zhang (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ PHẢN HỒI HÌNH ẢNH ĐỂ CHỌN TIẾP XÚC XÚC**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị phản hồi hình ảnh để chọn tiếp xúc, thông tin tiếp xúc và tâm điểm tiếp xúc thu được, trong đó thông tin tiếp xúc nêu trên là khu vực tiếp xúc và/hoặc lực tiếp xúc; kích thước khu vực của đồ thị phản hồi được xác định theo thông tin tiếp xúc nêu trên; và, bằng cách sử dụng tâm điểm tiếp xúc nêu trên làm tâm, đồ thị phản hồi nêu trên được hiển thị theo kích thước khu vực của đồ thị phản hồi, cho người dùng để xác định vị trí tiếp xúc. Do kích thước của ảnh phản hồi được xác định theo thông tin tiếp xúc (khu vực tiếp xúc và/hoặc lực tiếp xúc), độ chính xác của phản hồi hình ảnh để chọn tiếp xúc có thể được cải thiện.



- | | | | |
|--|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024468 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2015 | 333A |
| (21) 1-2015-03202 | | (85) 31/08/2015 | |
| (22) 10/03/2014 | | (86) PCT/IB2014/059583 | 10/03/2014 |
| (30) BE2013/0158 | 11/03/2013 | BE (87) WO2014/141036 | 18/09/2014 |
| (51) B62K 5/02; B62J 1/28; B62J 25/00; B62K 5/10; B62K 5/06; B62J 1/00; B62K 3/00 | | | |
| (73) N.G.M. SPRL (BE) | | | |
| Beverlaai 73, B-8500 Kortrijk, Belgium | | | |
| (72) NEERMAN, Johan (BE) | | | |
| (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW) | | | |
| (54) XE BA BÁNH | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến xe ba bánh (1), được thiết kế để di chuyển người dùng, là công thái học hơn và dễ dàng vận hành hơn để chở người, xe bao gồm bánh trước (2), hai bánh sau (3), khung (4), nối các bánh (2, 3), về cơ bản bao gồm phần phía sau tĩnh (4a) so với mặt phẳng đỡ của ba bánh (2, 3) và phần phía trước (4b) có khả năng quay theo chiều ngang, so với vùng về cơ bản tĩnh (4a), quanh trục nghiêng (19) về cơ bản theo phương chiều dài của xe ba bánh (1), chỗ để chân (5) được định vị trên bộ phận xoay (4b) và phần đỡ ụ ngồi (6) được định vị trên vùng về cơ bản tĩnh (4a).



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024469 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2014 | 316A |
| (21) 1-2014-00841 | | (85) 17/03/2014 | |
| (22) 02/08/2012 | | (86) PCT/FR2012/000328 | 02/08/2012 |
| (30) 11/02556 | 19/08/2011 | FR (87) WO2013/026964 | 28/02/2013 |

(51) **C12N 9/42**

(73) **1. IFP ENERGIES NOUVELLES (FR)**

Direction - Propriété Industrielle, 1 & 4 avenue de Bois Préau, P-92852 Rueil
Malmaison Cedex, France

2. INSTITUT NATIONAL DE LA RECHERCHE AGRONOMIQUE (FR)

147 rue de l'Université, F-75338 Paris, France

3. AGRO INDUSTRIES RECHERCHE ET DEVELOPPEMENT (FR)

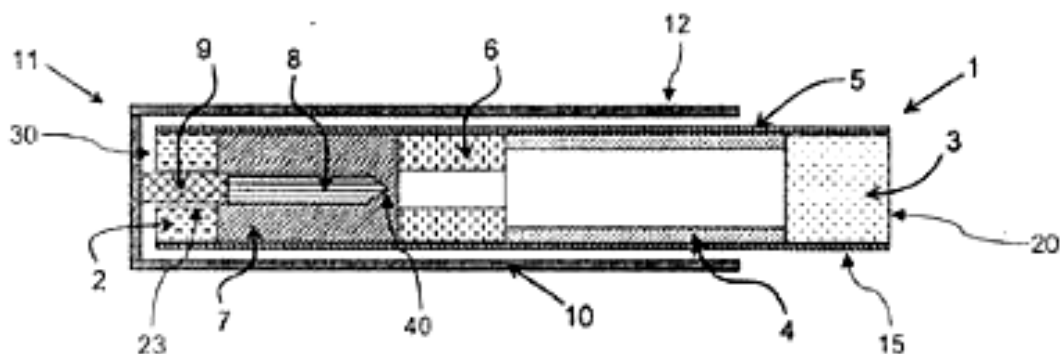
Route de Bazancourt, F-51110 Pomacle, France

(72) BEN CHAABANE, Fadhel (FR); JOURDIER, Etienne (FR); COHEN, Céline (FR);
CHAUSSEPIED, Bernard (FR)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **QUY TRÌNH SẢN XUẤT XENLULAZA**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất xenlulaza bằng cách sử dụng chủng nấm sợi trong thiết bị phản ứng sinh học có sục khí và khuấy trộn, bao gồm ít nhất hai bước: bước thứ nhất là nuôi cấy theo mẻ với sự có mặt của ít nhất một cơ chất cacbon sinh trưởng ở nồng độ nằm trong khoảng từ 10g/L đến 60g/L; và bước thứ hai là nuôi cấy theo mẻ có bổ sung dinh dưỡng với sự có mặt của ít nhất một cơ chất cacbon cảm ứng, và tốc độ dòng cấp nguồn cacbon nằm trong giới hạn từ 50 đến 140mg/g sinh khối tế bào/giờ, và thiết bị phản ứng sinh học có hệ số chuyển khối thể tích oxy $K_L a$ nằm trong khoảng từ 40 giờ⁻¹ đến 180 giờ⁻¹.



- (11) **1-0024470 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/06/2016 339A
 (21) 1-2016-01259 (85) 08/04/2016
 (22) 18/09/2013 (86) PCT/CN2013/083792 18/09/2013
 (87) WO2015/039310 26/03/2015
- (51) **H04B 3/32; H04B 3/46**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District Shenzhen, Guangdong 518129, China
 (72) LV, Jie (CN); WANG, Xiang (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ HỦY KÍCH HOẠT, VẬT LƯU TRỮ MÁY TÍNH ĐỌC ĐƯỢC, VÀ HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG**
- (57) Sáng chế liên quan đến lĩnh vực các công nghệ truyền thông di động, và cụ thể là, đến phương pháp và hệ thống hủy kích hoạt trong ngữ cảnh xuyên âm. M bộ thu phát của đầu trạm trung tâm gửi dữ liệu bằng cách sử dụng M đường. Phương pháp gồm: khi M bộ thu phát ở trạng thái bắt đầu truyền dữ liệu, nếu sự kiện thay đổi trạng thái khởi động được dò thấy, chuyển đổi, bởi N bộ thu phát, sang trạng thái thực thi hủy kích hoạt, để hủy kích hoạt N đường trong số M đường; thu thập hệ số cập nhật được cập nhật hệ số triệt tiêu xuyên âm giữa đường dây hoạt động, cập nhật hệ số triệt tiêu xuyên âm giữa đường dây hoạt động bằng cách sử dụng hệ số cập nhật, và điều khiển các bộ thu phát ở trạng thái thực thi hủy kích hoạt để đi vào trạng thái im lặng hoặc không hoạt động. Theo phương pháp và hệ thống theo sáng chế, hệ số triệt tiêu xuyên âm được cập nhật trong quá trình trong đó đường dây được hủy kích hoạt, có thể tránh vấn đề là hủy kích hoạt đường dây gây xuyên âm dư đường dây hoạt động khác trong ngữ cảnh xuyên âm mạnh.

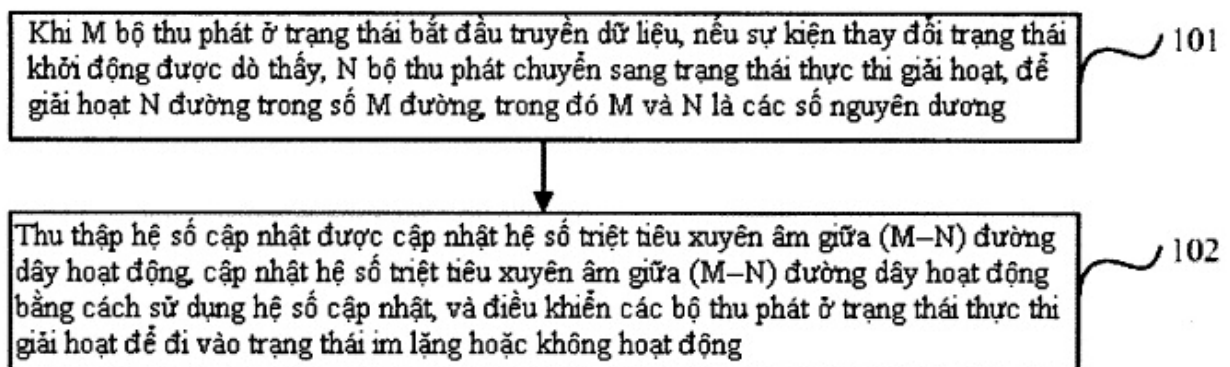
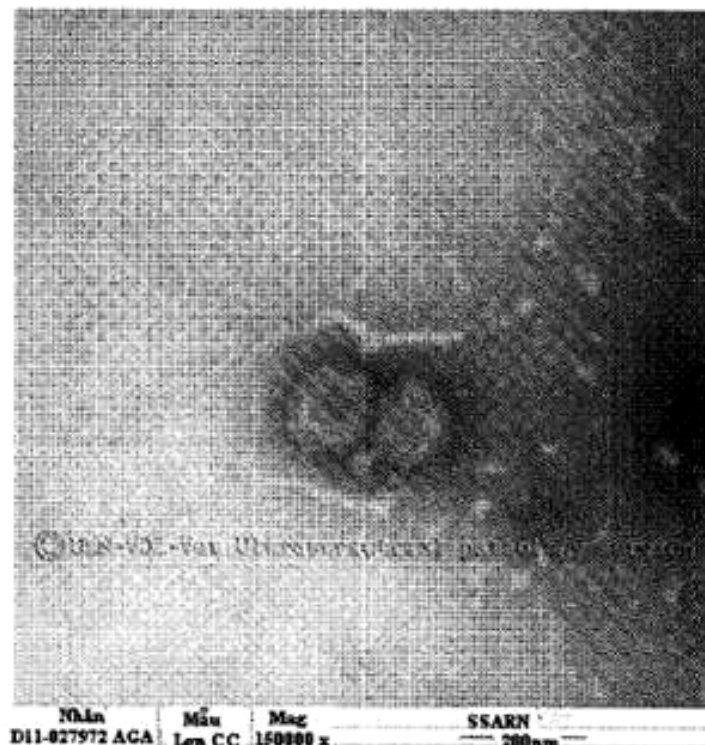


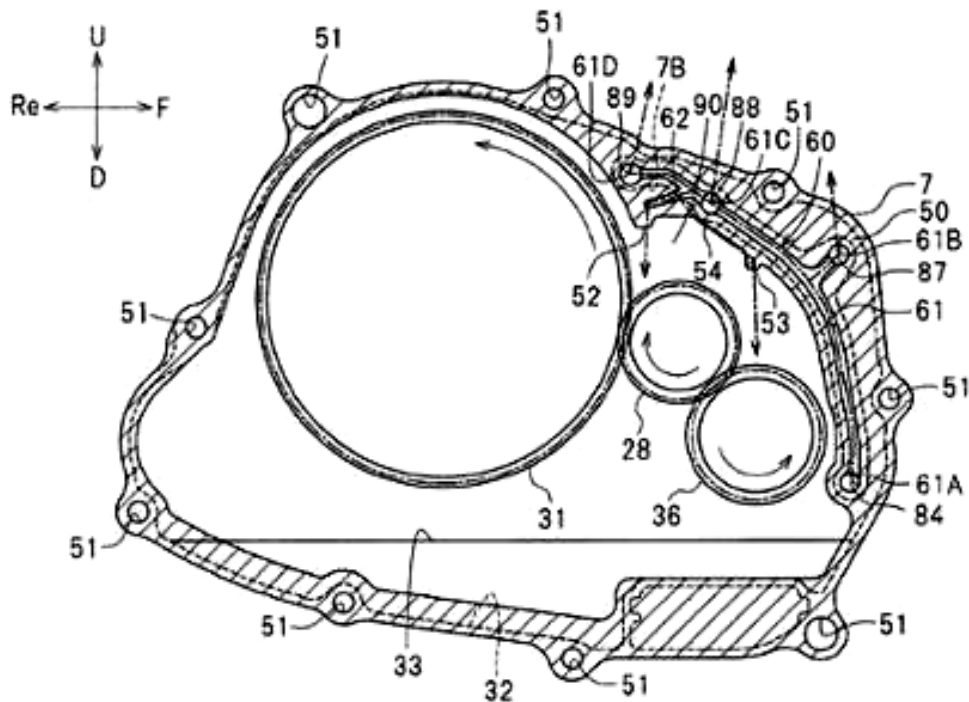
Fig.1

- (11) **1-0024471 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2014 320A
 (21) 1-2014-02850 (85) 26/08/2014
 (22) 28/01/2013 (86) PCT/US2013/023441 28/01/2013
 (30) 13/385,004 27/01/2012 US (87) WO2013/112995 01/08/2013
 (51) **C07K 14/11; A61K 39/145; A61P 31/16**
 (73) **NEWPORT LABORATORIES, INC. (US)**
 1520 Prairie Drive, Worthington, Minnesota 56187, United States of America
 (72) SIMONSON, Randy, R. (US); COLLIN, Emily, A. (US); HAUSE, Benjamin, M. (US)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **VACXIN BẢO VỆ ĐỘNG VẬT CÓ VÚ KHÁNG LẠI SỰ LÂY NHIỄM VIRUT CÚM C**
- (57) Sáng chế đề cập đến vacxin bảo vệ động vật có vú kháng lại sự lây nhiễm virus cúm C, chứa chất mang được định lượng và lượng có tác dụng miễn dịch của virus cúm C ở lợn được bất hoạt bằng etylenimin hai chức và chất hỗ trợ dạng dầu trong nước; trong đó virus này chứa ít nhất một axit nucleic mã hóa tám polypeptit của virus cúm C (PB1, PB2, P3, HE, NP, M, NS1 và NS2) có các trình tự như nêu trong SEQ ID NO.5, SEQ ID NO.7, SEQ ID NO.9, SEQ ID NO. 11, SEQ ID NO. 13, SEQ ID NO. 15, SEQ ID NO. 17 và SEQ ID NO. 18.



- (11) **1-0024472 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2017 352A
 (21) 1-2016-04486
 (22) 21/11/2016
 (30) 2015-256965 28/12/2015 JP
 (51) **F01M 11/02; F01M 1/06**
 (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan
 (72) Kyoichi YAMAMOTO (JP)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)
 (54) **ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KIỂU NGỒI
 CHÂN ĐÈ HAI BÊN CÓ ĐỘNG CƠ NÀY**

- (57) Sáng chế đề xuất động cơ đốt trong mà với động cơ này là có thể để cấp dầu theo cách mong muốn tới các bộ phận được bôi trơn trong lúc giảm chi phí gia công. Động cơ đốt trong (5) gồm đệm lót (50) được đặt giữa hộp cacte (7) và nắp (22), và các bánh răng (28, 36) được bố trí để cho ít nhất một phần của các bánh răng (28, 36) được sắp thẳng hàng với đệm lót (50) khi phương tiện được quan sát từ phía trên. Rãnh chính (61) và rãnh trong (62) được nối vào rãnh chính (61) được tạo ra ở đệm lót (50), trong đó rãnh chính (61) được đặt giữa mặt ăn khớp thứ nhất (7A) của hộp cacte (7) và mặt ăn khớp thứ hai (22A) của nắp (22) và gối chông với lỗ cấp dầu (84), và rãnh trong (62) được đặt trong khoảng không bên trong (90) được xác định bởi hộp cacte (7) và nắp (22) và được bố trí nằm lên phía trên của các bánh răng (28, 36). Đệm lót (50) được làm kín quanh rãnh chính (61) và rãnh trong (62).



- | | | |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| (11) 1-0024473 B | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/01/2015 322A |
| (21) 1-2014-02090 | (85) 25/06/2014 | |
| (22) 21/12/2012 | (86) PCT/KR2012/011221 | 21/12/2012 |
| (30) 10-2011-0144338 | 28/12/2011 KR | (87) WO2013/100491 04/07/2013 |
| | 10-2012-0026217 14/03/2012 KR | |
| | 10-2012-0029789 23/03/2012 KR | |

(51) **A63H 33/04; A63H 33/10**

(73) 1. **SYNTHIA JAPAN CO., LTD.** (JP)

1-53-3-101 Izumi, Suginami-ku, Tokyo, Japan

2. **KAJIN GROUP PTE. LTD.** (SG)

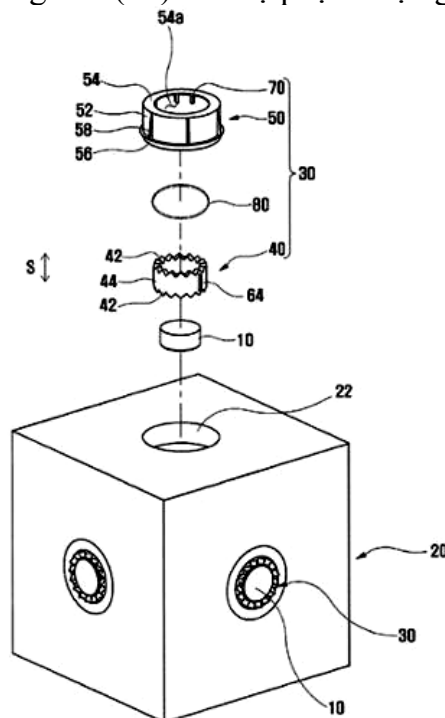
20 Collyer Quay #23-01, Singapore 049319, Singapore

(72) KIM, Sang Hoon (KR)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

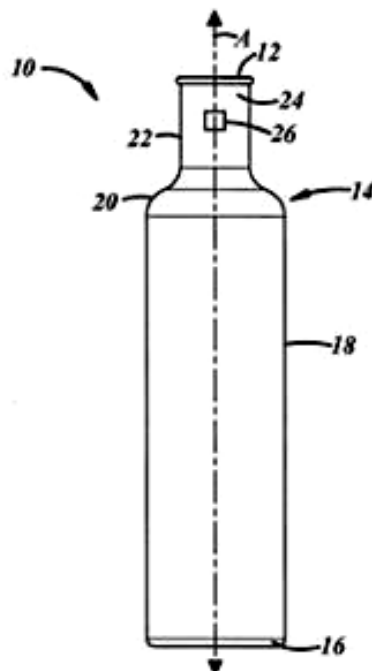
(54) **CÁC BỘ PHẬN ĐƯỢC GẮN NAM CHÂM VÀ ĐỒ CHƠI NAM CHÂM CHỨA CÁC BỘ PHẬN NÀY**

(57) Sáng chế này đề cập đến lĩnh vực đồ chơi, và cụ thể hơn là, sáng chế đề cập tới bộ phận được gắn nam châm để gắn nam châm và đồ chơi nam châm. Cụ thể là, sáng chế này đề cập đến bộ phận được gắn nam châm (30) bao gồm: bộ phận gắn nam châm (40) mà nam châm (10) được gắn ở trên đó, và có bánh xe có răng cưa (42) được ăn khớp với bộ phận được gắn nam châm mà nam châm ngoài được gắn vào đó, bộ phận chứa (50) chứa bộ phận được gắn nam châm (40) ở đó, và có phần mở (54a) sao cho bánh xe có răng cưa (42) của bộ phận được gắn nam châm (40) có thể được lộ ra; và bộ phận điều chỉnh tinh góc quay (60) được tạo ra để quay ăn khớp với bộ phận được gắn nam châm (40) và bộ phận chứa (50), và được tạo thành sao cho các khoảng gián đoạn đơn vị quay của chúng là nhỏ hơn các khoảng được tạo răng của bánh xe có răng cưa (42) của bộ phận được gắn nam châm (40).



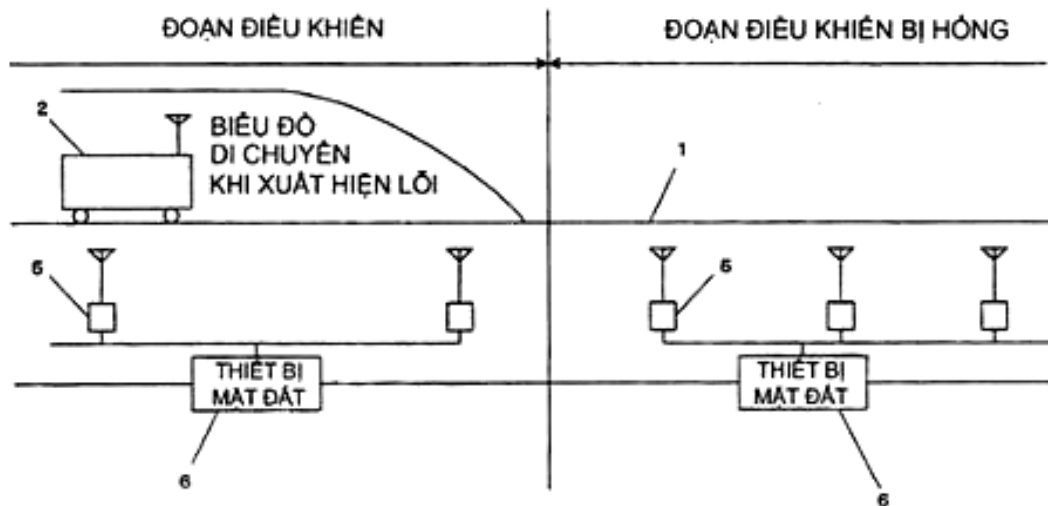
- | | | | |
|---|---|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024474 B | | (15) 09/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/04/2016 | 337A |
| (21) 1-2016-00442 | | (85) 03/02/2016 | |
| (22) 24/06/2014 | | (86) PCT/US2014/043796 | 24/06/2014 |
| (30) 13/952,975 | 29/07/2013 | US | (87) WO2015/017049 |
| | | | 05/02/2015 |
| (51) G06K 19/06; G06K 19/04 | | | |
| (73) OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US) | | | |
| | One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43551, United States of America | | |
| (72) BRYANT, Jessica, R. (US); SMITH, Roger, P. (US) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VẬT PHẨM CÓ BỀ MẶT CONG VÀ MA TRẬN DỮ LIỆU ĐỌC ĐƯỢC THEO CÁCH QUANG HỌC TRÊN BỀ MẶT CONG NÀY | | | |

- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất vật phẩm có bề mặt cong và ma trận dữ liệu đọc được theo cách quang học trên bề mặt cong của vật phẩm (10), ví dụ, đồ chứa, có bề mặt ngoài (24), ít nhất một phần của nó được làm cong, và ma trận dữ liệu (26) được bố trí trên phần cong của bề mặt ngoài mà đọc được theo cách quang học để cung cấp thông tin được kết hợp với vật phẩm. Ma trận dữ liệu này bao gồm nhiều phần tử đọc được theo cách quang học (28), một hoặc nhiều trong số chúng có chiều theo hướng cong của bề mặt ngoài khác với một hoặc nhiều phần tử khác sao cho nhiều phần tử xuất hiện có kích thước và hình dạng dự tính khi được nhìn theo cách quang học trên mặt phẳng vuông góc với đường hướng kính kéo dài từ bề mặt.

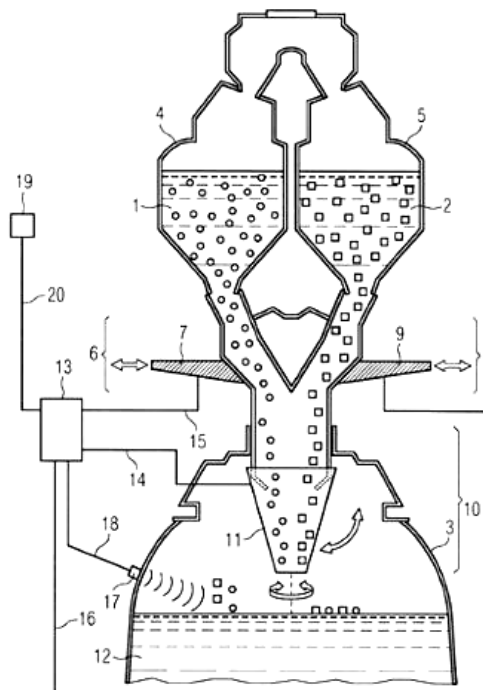


- (11) **1-0024475 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
 (21) 1-2014-01369 (85) 25/04/2014
 (22) 21/09/2012 (86) PCT/JP2012/074285 21/09/2012
 (30) 2011-218254 30/09/2011 JP (87) WO2013/047389 04/04/2013
 (51) **B61L 3/12; B60L 15/40; B61L 23/14**
 (73) **THE NIPPON SIGNAL CO., LTD.** (JP)
 5-1, Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6513 Japan
 (72) Kenichi MYOKEI (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TÀU HỎA**

(57) Sáng chế đề xuất hệ thống điều khiển tàu hỏa, hệ thống này bao gồm: thiết bị đặt trên tàu (3) được lắp trên tàu hỏa (2); máy vô tuyến của tàu (4); các máy vô tuyến lắp bên vệ đường (5) được bố trí trên mặt đất; và các thiết bị mặt đất (6) được bố trí trong từng đoạn điều khiển được xác định trên đường ray. Trong mỗi đoạn điều khiển, thiết bị mặt đất (6) được nối với các máy vô tuyến lắp bên vệ đường (5) trong đoạn điều khiển này. Khi một thiết bị mặt đất (6) không truyền được thông tin đến và thu thông tin từ một thiết bị mặt đất (6) khác, thì một thiết bị mặt đất (6) sẽ xác định rằng thiết bị mặt đất (6) khác này đã bị hỏng, và sau đó, một thiết bị mặt đất (6) này sẽ tính toán khoảng cách hành trình có thể tới đoạn điều khiển có thiết bị mặt đất (6) bị hỏng để ngăn tàu hỏa (2) không đi vào đoạn điều khiển có thiết bị mặt đất (6) bị hỏng, và sau đó, một thiết bị mặt đất (6) này sẽ truyền khoảng cách hành trình có thể tới thiết bị đặt trên tàu (3).



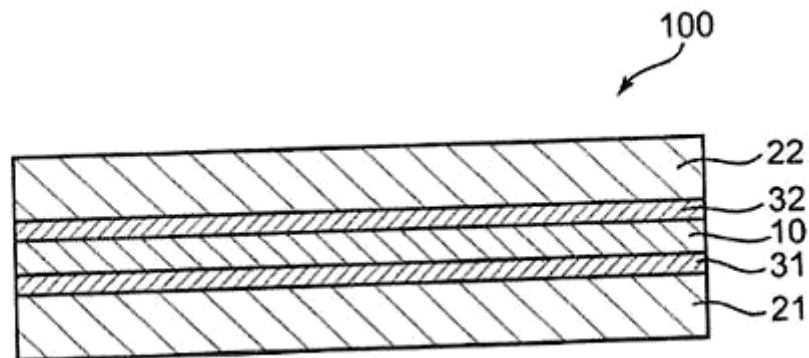
- (11) **1-0024476 B** (15) 09/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2014 311A
 (21) 1-2013-04002 (85) 19/12/2013
 (22) 09/05/2012 (86) PCT/EP2012/058499 09/05/2012
 (30) A 723/2011 19/05/2011 AT (87) WO2012/156243 22/11/2012
 (51) **C21B 13/00; F27D 3/08; F27D 21/00; C21B 13/14; F27D 19/00**
 (73) 1. **POSCO** (KR)
 1 Goedong-dong, Nam-gu, Pohang Kyeongbuk, 790-785 Korea
 2. **PRIMETALS TECHNOLOGIES AUSTRIA GMBH** (AT)
 Turmstraße 44, 4031 Linz, Austria
 (72) MILLNER, Robert (AT); AICHINGER, Georg (AT); BERNER, Franz (AT); EDER, Thomas (AT); PLAUL, Jan-Friedemann (DE); REIN, Norbert (AT); SCHERNEY, Andreas (AT); WIEDER, Kurt (AT); WURM, Johann (AT); Gi Woong KWON (KR); Daelyul KWON (KR)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ NẠP VẬT LIỆU**
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp nạp vật liệu, bao gồm vật liệu chứa than dạng cục và vật liệu chứa sắt (tốt hơn nếu nóng), vào thiết bị khí hóa nấu chảy của hệ thống hạn chế sự nấu chảy, trong đó vật liệu chứa than dạng cục và vật liệu chứa sắt được kết hợp trước và/hoặc trong quá trình đi vào thiết bị khí hóa nấu chảy, và tỷ lệ lượng được kết hợp của vật liệu chứa sắt và vật liệu chứa than dạng cục có thể được thay đổi, khác biệt ở chỗ, các lượng được kết hợp của vật liệu chứa sắt và vật liệu chứa than dạng cục được phân phối trên mặt cắt ngang của thiết bị khí hóa nấu chảy bởi thiết bị phân phối động, và tỷ lệ lượng được kết hợp của vật liệu chứa sắt và vật liệu chứa than dạng cục được thiết lập là hàm của vị trí của thiết bị phân phối động.
 Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến thiết bị nạp vật liệu vào thiết bị khí hóa nấu chảy của hệ thống hạn chế sự nấu chảy.



- (11) **1-0024477 B** (15) 09/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2016 343A
(21) 1-2016-01218 (85) 05/04/2016
(22) 04/08/2015 (86) PCT/JP2015/072021 04/08/2015
(30) 2014-158697 04/08/2014 JP (87) WO2016/021572A1 11/02/2016
(51) **G02B 5/30**
(73) **NITTO DENKO CORPORATION (JP)**
1-1-2, Shimohozumi, Ibaraki-shi, Osaka 567-8680, Japan
(72) KITAGAWA, Takeharu (JP); KAMIJO, Takashi (JP); SAITOU, Takeshi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **TẮM PHÂN CỰC**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm phân cực (100) bao gồm màng phân cực (10) có độ dày là 10 μ m hoặc nhỏ hơn và lớp bảo vệ (21, 22) được bố trí trên ít nhất một phía của màng phân cực qua lớp trung gian của lớp kết dính (31, 32). Lớp kết dính có độ dày là 0,7 μ m hoặc lớn hơn, và lớp kết dính có tỷ lệ phần trăm hấp thụ nước theo thể tích là 10% trọng lượng hoặc nhỏ hơn.

Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất tấm phân cực và thiết bị hiển thị hình ảnh bao gồm tấm phân cực nêu trên.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024478 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2016 | 344A |
| (21) 1-2016-03503 | | (85) 20/09/2016 | |
| (22) 03/02/2015 | | (86) PCT/US2015/014225 | 03/02/2015 |
| (30) 61/942,683 | 21/02/2014 | US | (87) WO2015/126614 |
| 14/606,505 | 27/01/2015 | US | 27/08/2015 |

(51) **A43B 1/04; A43B 23/04; D04H 1/70; D03D 1/00; D03D 15/00; A43B 23/02; A43B 7/12**

(73) **NIKE INNOVATE C.V (US)**

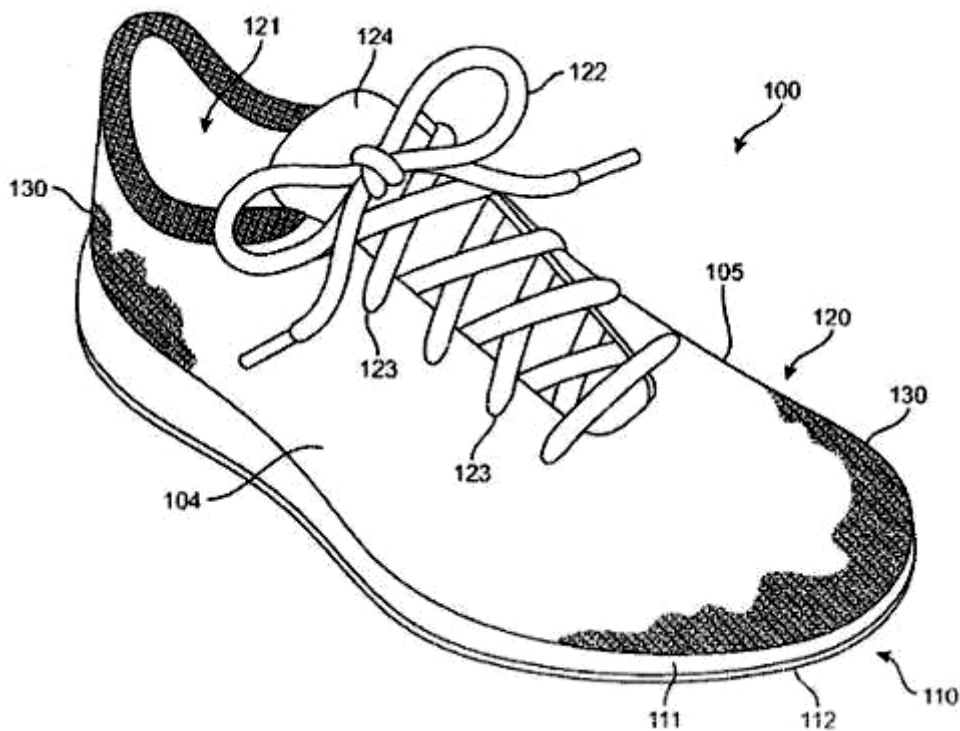
One Bowerman Drive, Beaverton, OR 97005-6453, United States of America

(72) MALLEEN Sabrina P. (US); DUA Bhupesh (US); TORAYA Erin (US)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

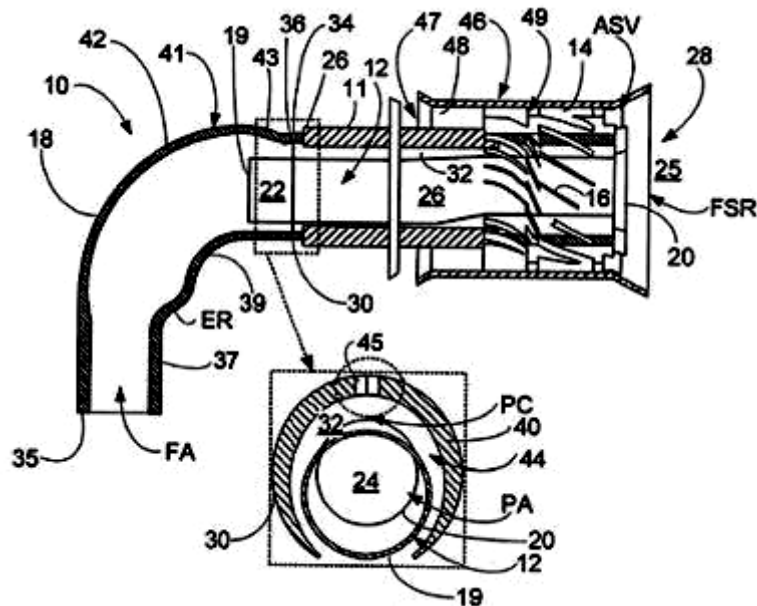
(54) **PHỤ KIỆN DỆT KIM DÙNG CHO MŨ GIÀY DÉP, GIÀY DÉP CÓ MŨ GIÀY VÀ KẾT CẤU ĐỂ GIÀY GẮN CHẶT VÀO MŨ GIÀY, PHƯƠNG PHÁP DỆT KIM PHỤ KIỆN DỆT KIM**

(57) Sáng chế đề cập đến phụ kiện dệt kim dùng cho mũ giày dép, a phương pháp chế tạo phụ kiện dệt kim, và phương pháp chế tạo giày dép. Phụ kiện dệt kim này có phần thứ nhất được tạo ra bởi sợi thứ nhất có các tính chất không thấm nước bền lâu và phần thứ hai được tạo ra bởi sợi thứ hai khác với sợi thứ nhất. Sợi thứ hai được bố trí dọc theo phần mép của phụ kiện dệt kim được tạo kết cấu để gắn vào kết cấu đế giày để tạo ra giày dép. Phụ kiện dệt kim được tạo ra từ cấu trúc dệt kim liên khối.



- (11) **1-0024479 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-02081
 (22) 25/06/2014
 (30) 13/926488 25/06/2013 US
 (51) **F23D 1/00; F23D 1/02; F23C 9/00**
 (73) **BABCOCK & WILCOX POWER GENERATION GROUP, INC. (US)**
 20 S. Van Buren Avenue, Barberton, OH 44203, U.S.A.
 (72) LaRue, Albert D (US); CHEN, ZUMAO (US); MCQUISTAN, KEIR D (US)
 (74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
 (54) **MỎ ĐỐT CÓ TIA KHÔNG KHÍ Ở TÂM**

- (57) Sáng chế đề cập đến mỏ đốt có tia không khí ở tâm để đốt cháy nhiên liệu chất lượng thấp bao gồm ống hình khuyên có đầu nạp nhiên liệu và đầu xả nhiên liệu. Ống lõi bao gồm lỗ thứ nhất và lỗ thứ hai đối diện tạo ra vùng bên trong, ống lõi kéo dài trong ống hình khuyên tạo ra vùng hình khuyên thứ nhất. Phần uốn cong của mỏ đốt được cấu tạo để cấp hỗn hợp không khí nhiên liệu bao gồm than đá đã nghiền và không khí sơ cấp đến đầu nạp nhiên liệu và lỗ thứ nhất. Lỗ thứ nhất của ống lõi được bố trí lệch tâm đối với đầu nạp nhiên liệu của ống hình khuyên sao cho hỗn hợp không khí nhiên liệu đi qua phần uốn cong của mỏ đốt được chia thành dòng giàu nhiên liệu bên ngoài có lượng than đá đã nghiền gia tăng trong vùng hình khuyên thứ nhất và dòng nghèo nhiên liệu bên trong có lượng không khí sơ cấp gia tăng trong vùng bên trong.



- (11) **1-0024480 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2014 313A
(21) 1-2014-00072 (85) 08/01/2014
(22) 13/07/2012 (86) PCT/JP2012/067917 13/07/2012
(30) 2011-155096 13/07/2011 JP (87) WO2013/008910A1 17/01/2013
(51) *A23L 1/31; A23B 4/037*
(73) **NISSIN FOODS HOLDINGS CO., LTD.** (JP)
1-1, Nishinakajima 4-chome, Yodogawa-ku, Osaka-shi, Osaka 5328524, JP.
(72) NAKAYAMA Takateru (JP); YOSHIDA Kazuki (JP); TAMURA Seiko (JP);
TANAKA Mitsuru (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THỰC PHẨM SẤY KHÔ**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất thực phẩm sấy khô có nguồn gốc từ thịt được hoàn nguyên bằng việc cho nước sôi hoặc nước nguội vào ngâm trước khi ăn, bao gồm: bước chế biến nguyên liệu thịt sống hoặc thực phẩm có nguồn gốc từ thịt có hơi nước quá nhiệt; bước làm đông lạnh nguyên liệu thịt sống hoặc thực phẩm có nguồn gốc từ thịt được xử lý bằng hơi nước quá nhiệt; và bước sấy đông lạnh nguyên liệu thịt hoặc thực phẩm có nguồn gốc từ thịt dưới áp suất giảm. Có thể hoàn nguyên thực phẩm sấy được sản xuất bằng phương pháp sản xuất trong thời gian ngắn trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 phút bao gồm cả thực phẩm sấy có độ dày lớn.

(11) 1-0024481 B

(15) 10/06/2020

(45) 27/07/2020

388B

(43) 25/05/2018

362A

(21) 1-2017-05074

(22) 15/12/2017

(51) H05K 7/20; F21V 29/00

(76) 1. PHẠM VĂN HỘI (VN)

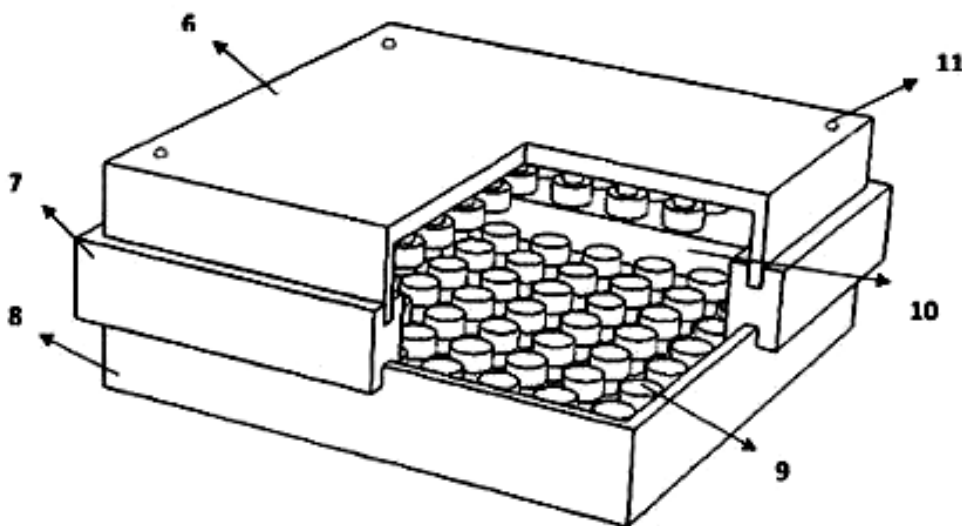
9 phố Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

2. NGUYỄN MẠNH HỒNG (VN)

TDP Tân Xuân 2, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(54) **BỘ TẢN NHIỆT HIỆU SUẤT CAO CHO ĐÈN LED CHIẾU SÁNG CÔNG SUẤT LỚN**

(57) Sáng chế này đề xuất bộ tản nhiệt với cấu trúc tấm thu nhiệt tách rời khỏi tấm tỏa nhiệt có các trụ gắn đĩa tròn làm tăng diện tích tiếp xúc giữa các tấm với môi trường dẫn nhiệt bằng chất lỏng dẫn nhiệt tự đối lưu không cần dùng bơm để ứng dụng cho đèn LED chiếu sáng công suất lớn bao gồm: tấm thu nhiệt (6) và tấm tỏa nhiệt (8) dạng nửa hộp chữ nhật được cách nhiệt với nhau bằng tấm cách nhiệt (7) và được ghép thành hộp kín được ghép thành hộp kín và có chứa chất lỏng dẫn nhiệt trong khoang rỗng (10), tấm thu nhiệt (và tấm tỏa nhiệt) có gắn các trụ với đĩa tròn trên đầu (9) được xếp thành hàng dọc và ngang trong lòng nửa hộp chữ nhật. Khi hai tấm thu và tỏa nhiệt xếp chồng lên nhau để tạo thành hộp kín, các hàng trụ có đĩa tròn sẽ sắp xếp so le với nhau để tạo dòng xoáy của chất lỏng dẫn nhiệt chuyển động khi có nhiệt độ chênh lệch giữa hai tấm. Kích thước của đĩa tròn bán kính R, chiều cao và đường kính của trụ (R) và chiều cao của tấm thu nhiệt và tỏa nhiệt H tỷ lệ với nhau theo nguyên lý $3R=H$. Bộ tản nhiệt đề xuất có hiệu suất tản nhiệt hơn gấp đôi so với các bộ tản nhiệt thông thường với cùng diện tích tản nhiệt.



- | | | | |
|-------------------------|-------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024482 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2014 | 321A |
| (21) 1-2014-02858 | | (85) 26/08/2014 | |
| (22) 27/03/2013 | | (86) PCT/JP2013/058915 | 27/03/2013 |
| (30) 2012-077889 | 29/03/2012 | JP (87) WO2013/146839A1 | 03/10/2013 |
| | 2013-047366 | 08/03/2013 | JP |

(51) **A61F 13/15; A61F 13/494; A61F 13/496; A61F 13/49**

(73) **UNICHARM CORPORATION (JP)**

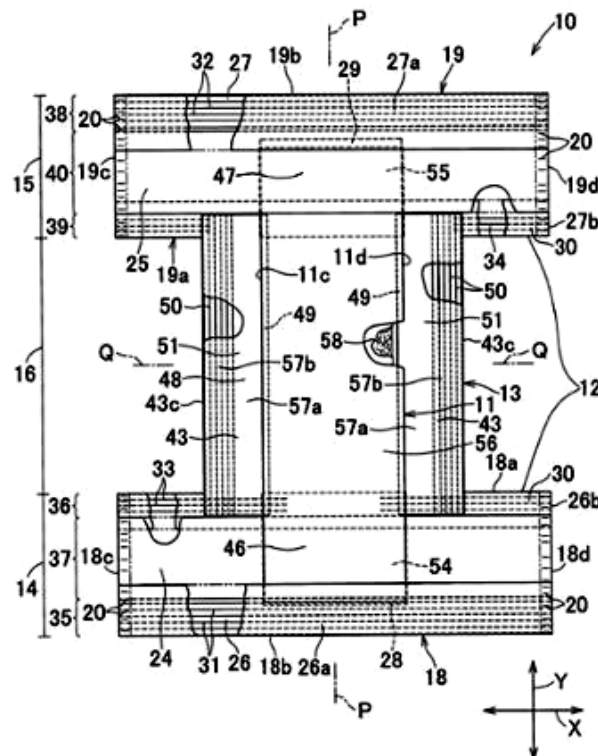
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan

(72) HASHIMOTO, Tatsuya (JP); OTSUBO, Toshifumi (JP); OKUBO, Tetsuo (JP)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

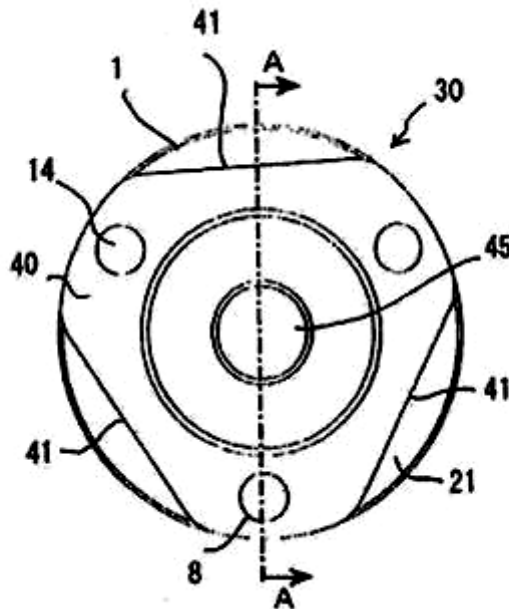
(54) **VẬT DỤNG THẨM HÚT DÙNG MỘT LẦN**

(57) Sáng chế đề cập đến vật dụng thẩm hút dùng một lần thích hợp để ngăn miệng không bị lộ ra khi sử dụng và đảm bảo sự vừa vặn được mong đợi của các mép biên của miệng ôm vòng đùi với cơ thể người mặc sao cho tránh rò rỉ dịch thải cơ thể. Vật dụng này bao gồm tấm cặp eo đàn hồi hình khuyên được làm từ tấm cặp eo phía trước và tấm cặp eo phía sau nối với nhau và tấm đũng có kết cấu thẩm hút và được nối với tấm cặp eo đàn hồi, trong đó các mép đầu bên trong tương ứng của các tấm cặp eo phía trước và phía sau kết hợp với các mép bên của tấm đũng kéo dài theo chiều dọc để tạo ra các mép biên của miệng ôm vòng đùi, trong đó tấm đũng bao gồm cặp tấm tạo miệng ôm vòng đùi nối với hai mép bên của kết cấu thẩm hút, trong đó các tấm tạo miệng ôm vòng đùi tương ứng bao gồm vùng bên trong liền kề với kết cấu thẩm hút và vùng bên ngoài liền kề vùng bên trong sao cho vùng bên trong nâng lên trên kết cấu thẩm hút dọc theo hai mép bên của kết cấu thẩm hút để xác định mép biên của miệng ôm vòng đùi và vùng bên ngoài được uốn cong ra phía ngoài theo chiều ngang để xác định các mép biên của miệng ôm vòng đùi.



- | | | | |
|--|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024483 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/09/2016 | 342A |
| (21) 1-2016-02062 | | (85) 07/06/2016 | |
| (22) 18/06/2014 | | (86) PCT/JP2014/003263 | 18/06/2014 |
| (30) 2013-232077 | 08/11/2013 JP | (87) WO2015/068318 | 14/05/2015 |
| (51) F16D 41/066; F16D 41/06 | | | |
| (73) NSK-WARNER K.K. (JP) | | | |
| 6-3, Ohsaki 1-chome, Shinagawa-ku, Tokyo 1410032, Japan | | | |
| (72) KURITA, Takashi (JP); WAKAMORI, Tetsuya (JP); TOYA, Ritsuo (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES) | | | |
| (54) KHỚP LY HỢP MỘT CHIỀU KIỂU CON LĂN | | | |

(57) Sáng chế đề cập tới khớp ly hợp một chiều kiểu con lăn bao gồm vòng ngoài ổ lăn mà ít nhất một hốc có bề mặt cam trên chu vi trong của nó được tạo trong đó, vòng trong ổ lăn mà được đặt cách với vòng ngoài ổ lăn trên phía đường kính bên trong theo hướng kính và được đặt quay được tương đối theo cách đồng tâm tương đối với vòng ngoài ổ lăn, con lăn mà được bố trí trong hốc và khớp với bề mặt cam để truyền mômen xoắn giữa vòng ngoài ổ lăn và vòng trong ổ lăn, lò xo được bố trí giữa vòng ngoài ổ lăn và con lăn trong hốc và đẩy con lăn theo hướng trong đó con lăn khớp với bề mặt cam; và đĩa bên được cố định để tiếp xúc với một bề mặt đầu theo hướng dọc trục của vòng ngoài ổ lăn. Đĩa bên có dạng không tròn, một bề mặt đầu theo hướng dọc trục có hình khuyết, và ít nhất một phần của một bề mặt đầu theo hướng dọc trục của vòng ngoài ổ lăn được lộ ra ở trạng thái trong đó đĩa bên được gắn cố định.



- (11) **1-0024484 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
 (21) 1-2014-03870 (85) 20/11/2014
 (22) 09/04/2013 (86) PCT/US2013/035809 09/04/2013
 (30) 61/636,566 20/04/2012 US (87) WO2013/158415 24/10/2013
 61/643,100 04/05/2012 US
 61/667,371 02/07/2012 US
 13/797,458 12/03/2013 US

(51) **H04N 7/26**

(73) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**

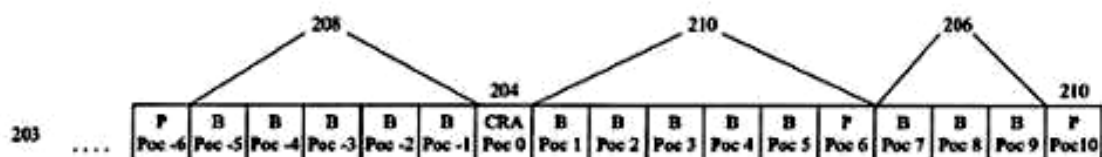
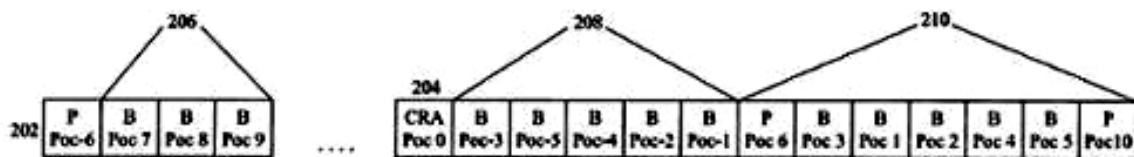
Attn: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121, United States of America

(72) WANG, Ye-Kui (CN)

(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH ĐỂ XỬ LÝ DỮ LIỆU VIDEO**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp, thiết bị và vật ghi đọc được bằng máy tính để xử lý dữ liệu video. Cụ thể là, sáng chế đề cập đến các kỹ thuật khác nhau để hỗ trợ tăng cường làm thích ứng dòng và ghép nối dựa vào các hình truy cập ngẫu nhiên sạch (CRA - clean random access). Thay vì sử dụng cờ trong phần đầu đoạn để biểu thị rằng hình liên kết bị hỏng hiện diện, mà loại đơn vị lớp trừu tượng hoá mạng (NAL - network abstraction layer) riêng có thể được sử dụng để biểu thị sự có mặt của hình liên kết bị hỏng. Trong một số phương án, loại đơn vị NAL riêng thứ nhất có thể được sử dụng để biểu thị sự có mặt của hình liên kết bị hỏng có các hình chính, trong khi loại đơn vị NAL riêng thứ hai biểu thị sự hiện diện của hình liên kết bị hỏng không có các hình chính. Ngoài ra, trong một số phương án, loại đơn vị NAL riêng thứ ba có thể được sử dụng để biểu thị sự hiện diện của hình liên kết bị hỏng có các hình chính có thể giải mã được.



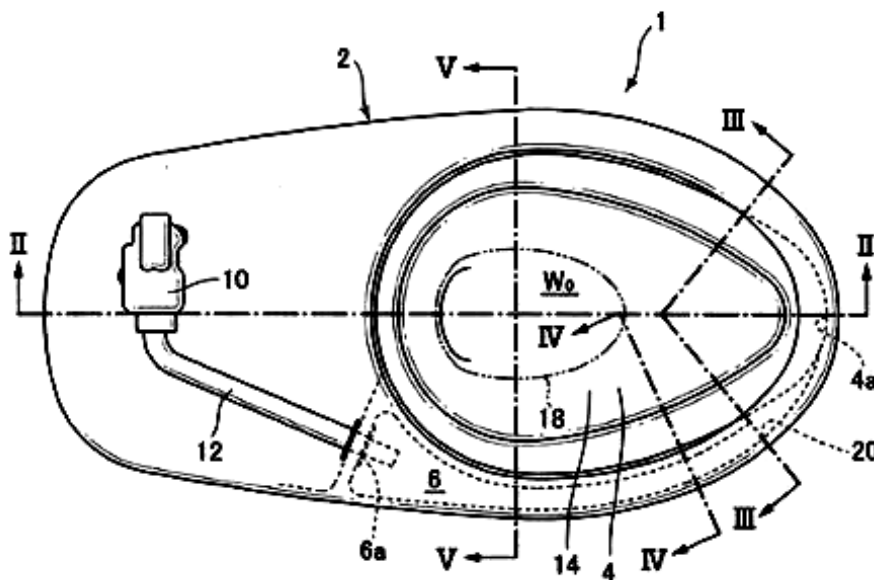
- (11) **1-0024485 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/08/2013 305A
(21) 1-2013-00218 (85) 21/01/2013
(22) 15/07/2011 (86) PCT/AU2011/000901 15/07/2011
(30) 2010903154 15/07/2010 AU (87) WO2012/006687 19/01/2012
(51) **C23C 24/04; C23C 26/00; C08J 7/06**
(73) **1. COMMONWEALTH SCIENTIFIC AND INDUSTRIAL RESEARCH ORGANISATION (AU)**
Limestone Avenue, Campbell, Australian Capital Territory 2612 Australia
2. JAMES COOK UNIVERSITY (AU)
Townsville, Queensland 4811 Australia
(72) Andrew James POOLE (AU); Rocky DE NYS (AU); Peter KING (AU); Stefan GULIZIA (AU); Mahnaz JAHEDI (AU)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ BỀ MẶT POLYME CHỐNG BÁM BẮN, BỀ MẶT POLYME VÀ HỖN HỢP POLYME CÓ TÍNH NĂNG CHỐNG BÁM BẮN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp bảo vệ bề mặt polyme chống bám bẩn, phương pháp này bao gồm các bước: nhúng trong bề mặt polyme các hạt có tính năng chống bám bẩn, trong đó các hạt được nhúng trong bề mặt polyme nhờ cơ chế phun trong đó các hạt được gia tốc và phun lên bề mặt polyme với vận tốc phù hợp sao cho các hạt sẽ được nhúng trong bề mặt polyme, trong đó các hạt được nhúng trong bề mặt polyme không cần keo dính hoặc chất kết dính và các hạt này không tạo thành lớp liên tục trên bề mặt polyme.

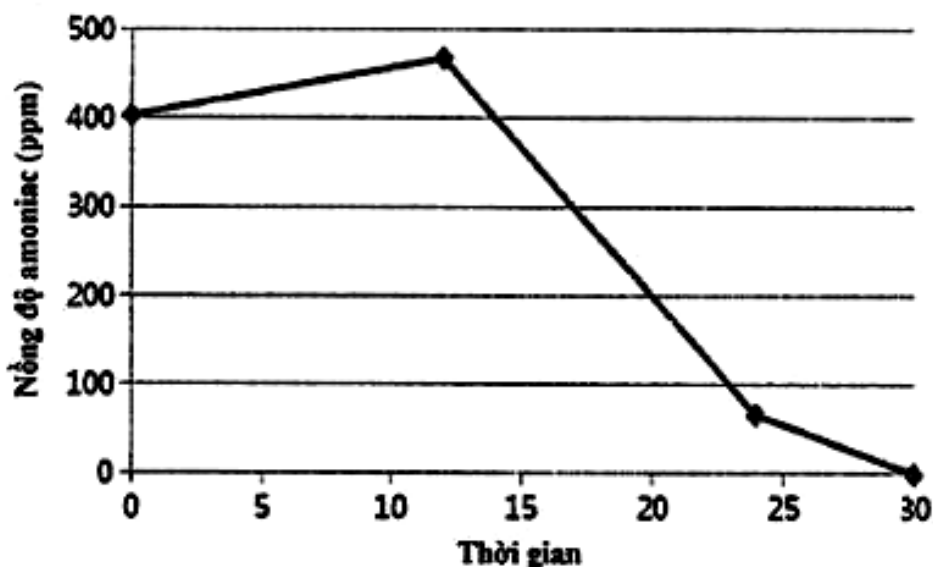
- (11) **1-0024486 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2015-04374
 (22) 13/11/2015
 (30) 2014-231637 14/11/2014 JP
 (51) **E03D 11/08**
 (73) **TOTO LTD. (JP)**
 1-1, Nakashima 2-chome, Kokurakita-ku, Kitakyushu-shi, Fukuoka 802-8601, Japan
 (72) Masaki KITAMURA (JP); Satoshi YAMAKAWA (JP); Kazuyoshi MIZOGUCHI (JP); Shu KASHIRAJIMA (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **BỆ XÍ XẢ NƯỚC**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ xí xả nước trong đó khi cọ rửa sạch phần vành bằng bàn tay người dùng đặt từ phần vành bề mặt trên đến thành trong sao cho đi theo vòng tròn của phần góc trong bên trên, phần vành bề mặt trên, phần góc trong bên trên vành, và thành trong có thể được làm sạch một cách hiệu quả, và khả năng làm sạch có thể được cải thiện.

Bộ xí xả nước theo sáng chế có phần phễu bao gồm bề mặt tiếp nhận chất thải dạng phễu (14) và phần vành (16) trong đó phần vành (16) bao gồm phần góc trong bên trên vành (16d), và phần góc ngoài bên trên vành (16e), và ở ít nhất một phần của toàn bộ phần vành theo chu vi, vòng tròn của phần góc trong bên trên vành (16d) được tạo lớn hơn vòng tròn của phần góc ngoài bên trên vành (16e).

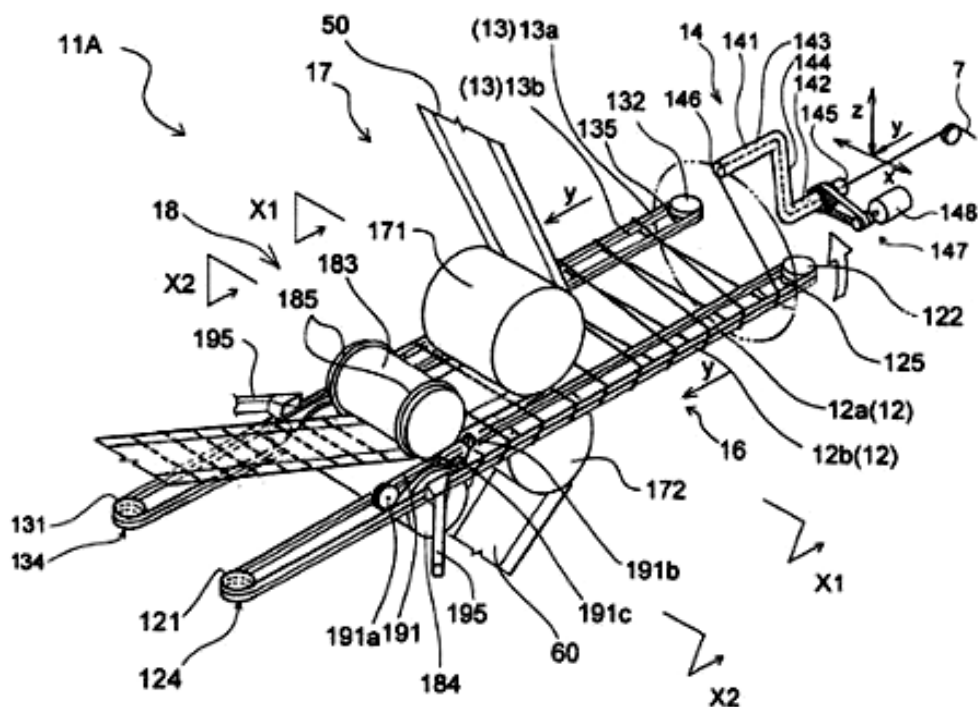


- (11) **1-0024487 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2013 309A
 (21) 1-2013-02626 (85) 23/08/2013
 (22) 31/01/2012 (86) PCT/KR2012/000763 31/01/2012
 (30) 10-2011-0009793 31/01/2011 KR (87) WO2012/105805 09/08/2012
 (51) **C12N 1/20; A01N 63/02; A23K 1/16**
 (73) **CJ CHEILJEDANG CORPORATION (KR)**
 330, Dongho-ro, Ssangnim-dong, Jung-gu, Seoul 100-400, Republic of Korea
 (72) YANG, Si Yong (KR); WOO, Seo Hyung (KR); KANG, In Hye (KR); IM, Hyun Jung (KR)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **CHŨNG VI KHUẨN BACILLUS SP. CJS-26 VÀ CHẾ PHẨM LỢI KHUẨN CHỨA CHŨNG VI KHUẨN NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến chủng vi khuẩn Bacillus sp. CJS-26 có thể phân hủy các phân tử tín hiệu thụ cảm mật độ quần thể của vi khuẩn gây bệnh Vibrio sp., và ức chế tạo màng sinh học. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến canh trường, chế phẩm lợi khuẩn, chất phụ gia thực phẩm, chất kháng khuẩn và chất cải thiện chất lượng nước chứa chủng vi khuẩn này.



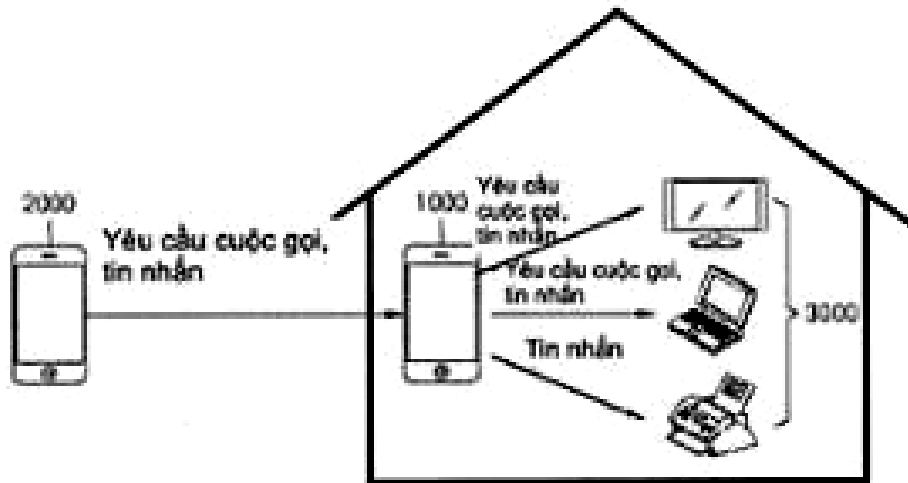
- (11) **1-0024488 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2013 309A
 (21) 1-2013-01545 (85) 20/05/2013
 (22) 21/10/2011 (86) PCT/JP2011/074310 21/10/2011
 (30) 2010-241695 28/10/2010 JP (87) WO2012/057030 03/05/2012
 2010-275339 10/12/2010 JP
 (51) **B32B 3/22; A61F 13/15; A61F 13/49**
 (73) **KAO CORPORATION (JP)**
 14-10, Nihonbashi Kayabacho 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 103-8210, Japan
 (72) MORITA, Akio (JP); MORITA, Shinnosuke (JP); YANASHIMA, Takuo (JP);
 SAITOU, Kazuma (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT LIÊN TỤC TẤM CO GIÃN CÓ KHẢ NĂNG CO GIÃN**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất để sản xuất liên tục tấm co giãn với vật đàn hồi dạng sợi chỉ (7) được cố định giữa một cặp các tấm dạng băng (50, 60) ở trạng thái được kéo căng theo hướng giao nhau với hướng vận chuyển theo hướng y. Phương pháp sản xuất theo sáng chế bao gồm quy trình cấp để đưa vật đàn hồi dạng sợi chỉ (7) tới tay quay (14) để cuộn vật đàn hồi, quy trình vận chuyển để cuộn liên tục vật đàn hồi dạng sợi chỉ (7) tới cặp các băng tải (12, 13) nhờ sử dụng tay quay (14) và vận chuyển vật đàn hồi dạng sợi chỉ (7) giữa các tấm dạng băng (50, 60) bằng các băng tải (12, 13), và quy trình cắt để cắt các phần của vật đàn hồi dạng sợi chỉ (7) được kéo dài từ cả hai phần đầu của các tấm dạng băng (50, 60) theo hướng X.



- (11) **1-0024489 B** (15) 10/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
- (21) 1-2015-00704 (85) 02/03/2015
- (22) 01/08/2013 (86) PCT/KR2013/006934 01/08/2013
- (30) 10-2012-0084584 01/08/2012 KR (87) WO2014/021654A1 06/02/2014
- (51) **H04W 88/02; H04W 4/16; H04W 4/18**
- (73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 443-742, Republic of Korea
- (72) LEE, Kyung-tak (KR); JUNG, Youn-gun (KR)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG VÀ THIẾT BỊ THỨ NHẤT ĐƯỢC LÀM THÍCH ỨNG ĐỂ TRUYỀN THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG**

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp và thiết bị truyền thông tin liên lạc. Phương pháp truyền thông tin truyền thông được thực hiện bởi thiết bị thứ nhất có các bước: tiếp nhận yêu cầu truyền thông từ thiết bị thứ hai; thu thập thông tin tình huống xung quanh của thiết bị thứ nhất, thông tin tình huống xung quanh này là thông tin liên quan tới môi trường xung quanh của thiết bị thứ nhất; và xác định ít nhất một thiết bị thứ ba để xử lý yêu cầu truyền thông dựa trên thông tin tình huống xung quanh.



(11) **1-0024490 B**

(15) 10/06/2020

(45) 27/07/2020

388B

(43) 25/10/2017

355A

(21) 1-2017-02096

(22) 05/06/2017

(51) **E06B 5/00**

(76) **HUỶNH THỊ THU HỒNG (VN)**

Số 10 đường Lê Văn Việt, phường Hiệp Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

(54) **CỬA SỔ ĐỐI PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THOÁT HIỂM**

(57) Sáng chế đề cập đến cửa sổ đối phó với biến đổi khí hậu và thoát hiểm bao gồm:

hộp nước bằng nhựa Polyetylen tỷ trọng cao (HDPE), ở phần nắp hộp có lưới ngăn muỗi (2L) bằng sợi kim loại hoặc sợi thủy tinh, bên trong có trồng cây thủy sinh bằng cách cắm vào qua cấu trúc cắt hình chữ O hoặc dấu "+" (2D), ở phần trên có lỗ như đầu kim (2K) không cho muỗi bay vào và đảm bảo hộp nhựa luôn có không khí cần thiết cho cây;

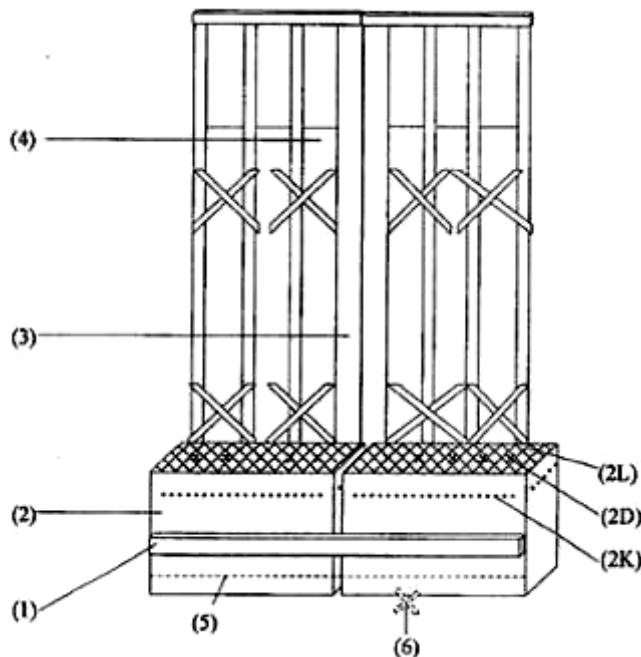
thanh nhôm định hình để bảo vệ hộp nhựa không bị đổ;

tấm nhựa có nước tinh khiết có phần dạng chữ T ở phần đỉnh (4E) làm bằng chất liệu nhựa HDPE trong như kính, khi đó ánh sáng truyền qua môi trường trong suốt này sẽ tương tự như ánh sáng truyền qua kính, theo nguyên lý là mọi ánh sáng thấy được sẽ đi qua môi trường trong suốt, đối ngược với vật màu đen, tấm nhựa có vôi nước (4V) đặt nơi phần dưới của tấm nhựa;

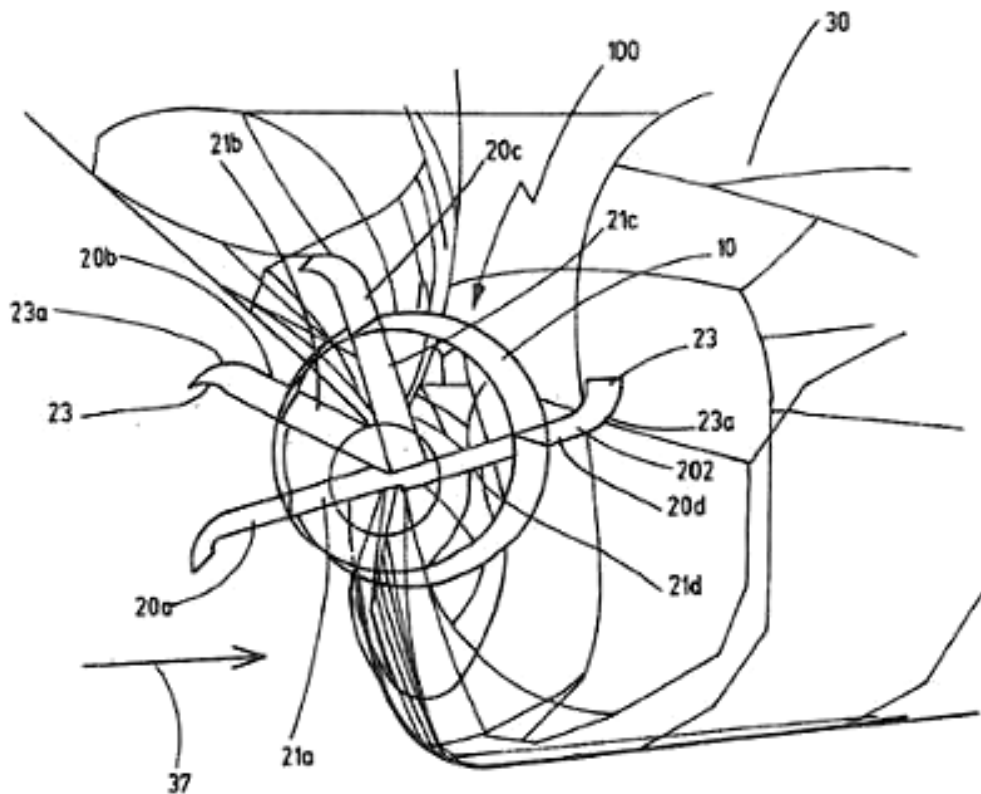
phần cửa xếp bằng nhôm hoặc vật liệu ít hấp thu nhiệt hơn nữa (màu nhạt) có thanh trước (3I) bao gồm một móc (3I₁) và hai lỗ (3I₂) sẽ liên kết với phần dạng chữ T giúp cố định không cho tấm nhựa đổ;

thanh nhôm định hình để bảo vệ tấm nhựa không bị đổ;

thang thoát hiểm (6) được gắn tháo được với bộ cửa sổ

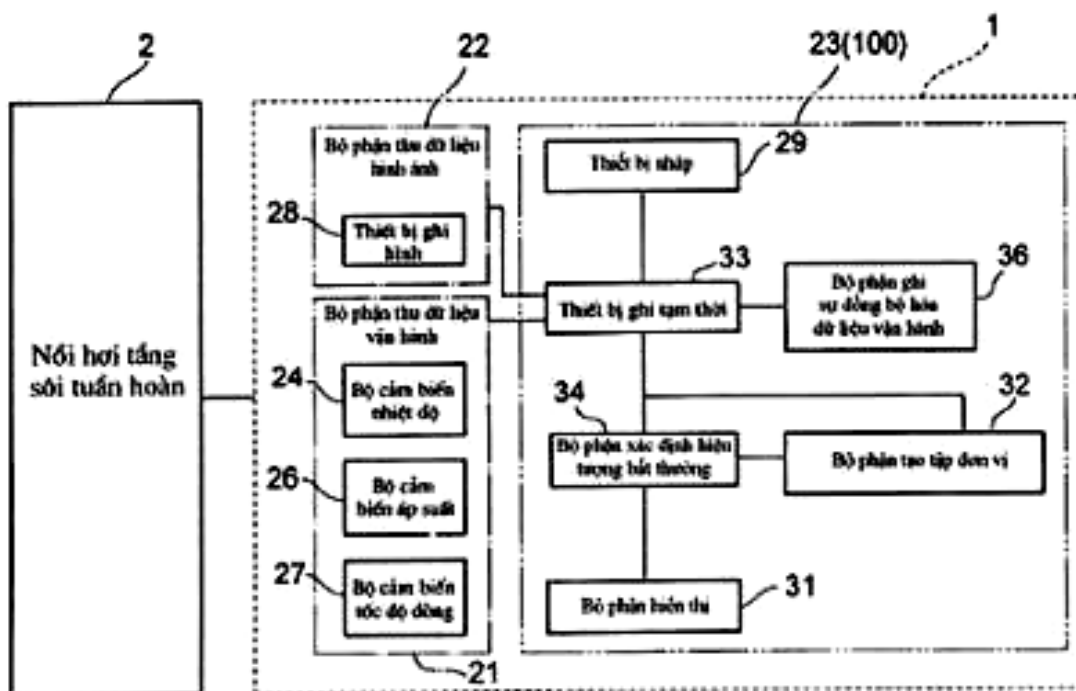


- (11) **1-0024491 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2016 336A
 (21) 1-2015-04651 (85) 04/12/2015
 (22) 31/03/2014 (86) PCT/EP2014/056412 31/03/2014
 (30) 20 2013 101 943.7 06/05/2013 DE (87) WO2014/180605 13/11/2014
 (51) **B63H 1/28; B63H 5/16**
 (73) **BECKER MARINE SYSTEMS GMBH & CO. KG (DE)**
 Blohmstrasse 23, 21079 Hamburg, Germany
 (72) Lehmann, Dirk (DE); Mewis, Friedrich (DE)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ ĐỂ GIẢM BỚT YÊU CẦU LỰC ĐẨY CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY**
 (57) Sáng chế đề xuất thiết bị (100) để giảm bớt yêu cầu lực dẫn động của phương tiện thủy, bao gồm bề mặt dẫn hướng dòng (50) mà trên đó có ít nhất cánh thứ nhất (50a) nhô ra. Đầu thứ nhất của cánh thứ nhất cố định vào bề mặt dẫn hướng dòng (50) và đầu thứ hai (502) của cánh thứ nhất được tạo thành dưới dạng đầu tự do.



- (11) **1-0024492 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-03605 (85) 28/10/2014
 (22) 17/12/2012 (86) PCT/JP2012/082677 17/12/2012
 (30) 2012-091302 12/04/2012 JP (87) WO2013/153705 17/10/2013
 (51) **F23C 10/02; G05B 23/02**
 (73) **SUMITOMO HEAVY INDUSTRIES LTD.** (JP)
 1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo 141-6025, Japan
 (72) Kaoru TSUKANE (JP); Kazuyoshi ITO (JP); Hirotsada FUJII (JP)
 (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
 (54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT HIỆN TƯỢNG BẤT THƯỜNG TRONG NỒI HƠI TẦNG SÔI TUẦN HOÀN**

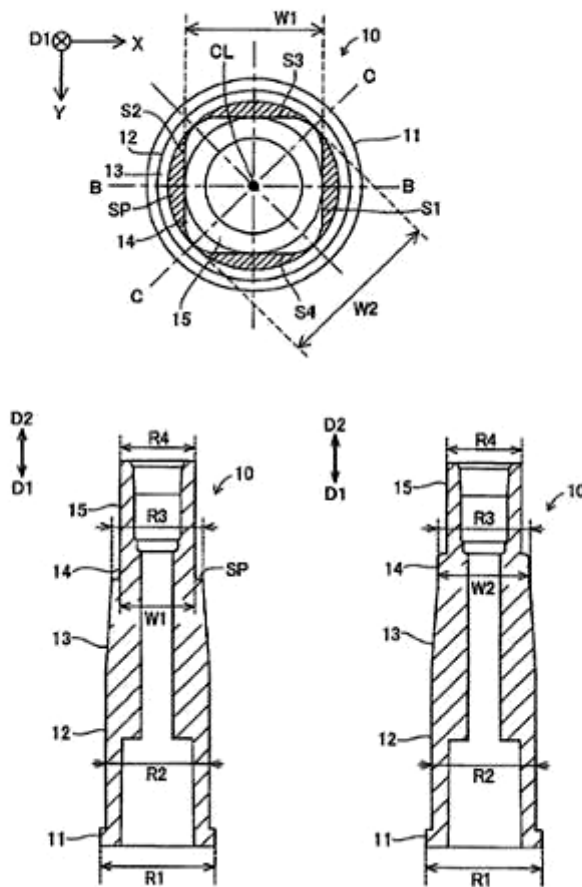
- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống quan sát hiện tượng bất thường (1) trong nồi hơi tầng sôi tuần hoàn (2), hệ thống này bao gồm: thiết bị thu dữ liệu vận hành (21) được tạo cấu hình để thu dữ liệu vận hành được tạo ra từ dữ liệu cảm biến (x_1-x_k) của nồi hơi tầng sôi tuần hoàn (2); bộ phận xác định hiện tượng bất thường (34) được tạo kết cấu để xác định có hoặc không có hiện tượng bất thường trong quá trình vận hành của nồi hơi tầng sôi tuần hoàn (2) dựa trên khoảng cách Mahalanobis (D^2) của dữ liệu vận hành; bộ phận thu dữ liệu hình ảnh (22) được tạo kết cấu để thu dữ liệu hình ảnh của các vùng tạo hình ảnh định trước (16a-16e) của nồi hơi tầng sôi tuần hoàn (2); và thiết bị ghi sự đồng bộ hóa dữ liệu vận hành (36) được tạo kết cấu để đồng bộ hóa và lưu dữ liệu cảm biến (x_1-x_k) và dữ liệu hình ảnh của vùng hình ảnh liên quan đến dữ liệu cảm biến (x_1-x_k) khi bộ phận xác định hiện tượng bất thường (34) xác định là có hiện tượng bất thường trong quá trình vận hành.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024493 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2017 | 350A |
| (21) 1-2016-04984 | | (85) 20/12/2016 | |
| (22) 22/05/2015 | | (86) PCT/JP2015/002592 | 22/05/2015 |
| (30) 2014-109062 | 27/05/2014 JP | (87) WO2015/182091 A1 | 03/12/2015 |
- (51) **H01T 13/04; H01T 21/02; F02P 13/00**
 (73) **NGK SPARK PLUG CO., LTD.** (JP)
 14-18, Takatsuji-cho, Mizuho-ku, Nagoya-shi, Aichi 4678525 Japan
 (72) YOSHIDA, Kazumasa (JP); FUMA, Tomohiro (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **BỘ NỔI BUGI**

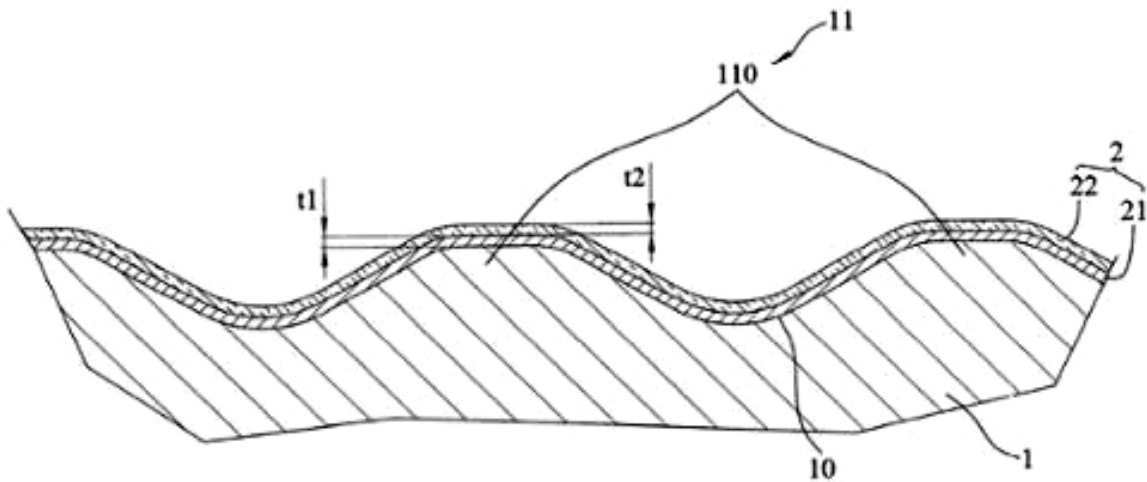
(57) Sáng chế đề cập đến bộ nổi bugi có khả năng ngăn không cho chi tiết nổi đầu cực bị tuột ra. Bộ nổi bugi bao gồm phần dẫn điện để tạo ra sự nổi điện giữa bugi và chi tiết nổi để cấp điện tới bugi và phần thân hình trụ được bố trí xung quanh phần dẫn điện. Ở mặt cắt ngang bất kỳ của phần thân được lấy xuyên suốt trục của phần thân, chiều dài của phần thân theo chiều vuông góc với trục được giảm hoặc được duy trì từ vị trí trục mà tại đó chiều dài của phần thân theo chiều vuông góc với trục trở nên lớn nhất về phía đầu của phần thân.

PHƯƠNG ÁN THỨ NHẤT

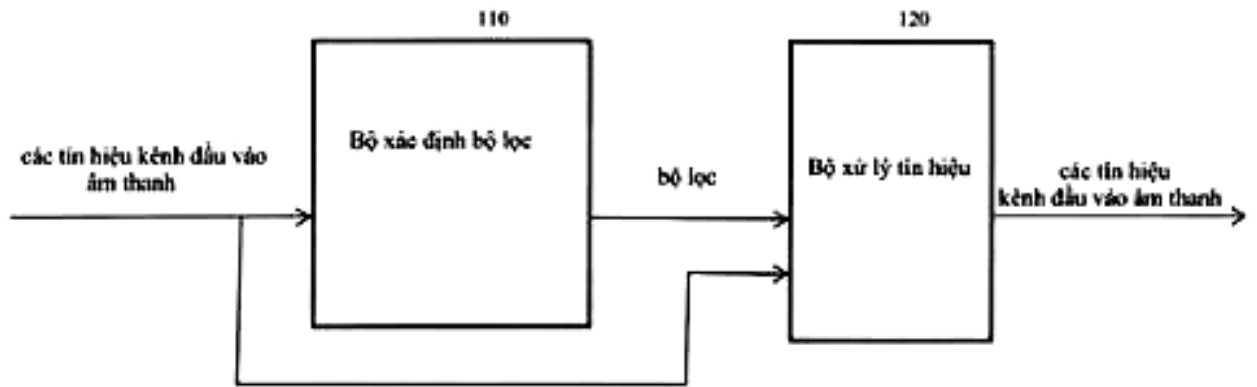


- (11) **1-0024494 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 1-2014-01992
 (22) 18/06/2014
 (51) **C23C 2/00**
 (73) **CHOU YEY INVESTMENT CO., LTD. (TW)**
 No. 8, Aly. 8, Ln. 554, Sec. 1, Wunsian Rd., Tainan City, Taiwan
 (72) Chih-Cheng CHOU (TW)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **CON LĂN CHUYỂN TẢI ĐỂ VẬN CHUYỂN TẮM KIM LOẠI QUA DUNG DỊCH MẠ KẼM**

(57) Sáng chế đề cập đến con lăn chuyển tải để vận chuyển tấm kim loại qua dung dịch mạ kẽm bao gồm thân con lăn và gân. Thân con lăn kéo dài dọc theo trục con lăn và được chế tạo để được bố trí trong dung dịch mạ kẽm và quay xung quanh trục con lăn. Gân được bố trí ở mặt ngoài của thân con lăn và kéo dài xung quanh trục con lăn. Gân gồm có nhiều đoạn gân được kết cấu kéo dài theo đường tròn xung quanh trục con lăn, và được dịch chuyển so với nhau theo phương trục con lăn để tạo thành các đoạn rãnh xoi. Mỗi đoạn rãnh xoi được tạo ra bởi hai đoạn gân liền kề. Các đoạn rãnh xoi được nối liền tiếp để tạo thành rãnh xoi liên tục.

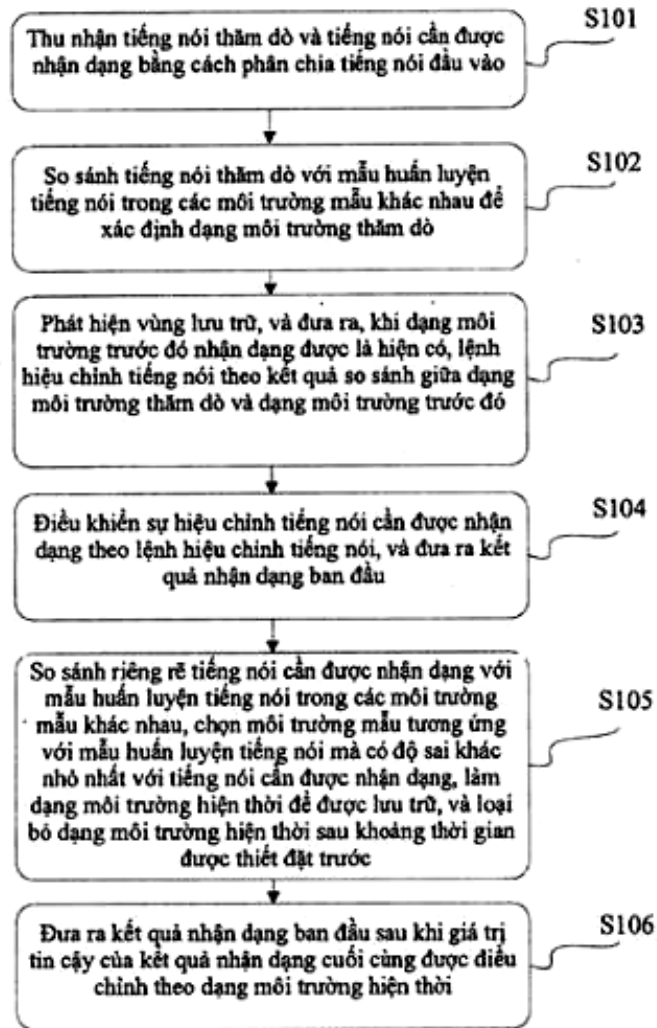


- (11) **1-0024495 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
(21) 1-2015-03639 (85) 02/10/2015
(22) 23/10/2013 (86) PCT/EP2013/072170 23/10/2013
(30) 61/772,708 05/03/2013 US (87) WO2014/135235 12/09/2014
(51) *H04S 3/00; G10L 19/008*
(73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
(72) UHLE, Christian (DE); HABETS, Emanuel (NL); GAMPP, Patrick (DE); KRATZ, Michael (DE)
(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
(54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA MỘT HOẶC NHIỀU TÍN HIỆU KÊNH ĐẦU RA ÂM THANH PHỤ THUỘC VÀO HAI HOẶC NHIỀU HƠN HAI TÍN HIỆU KÊNH ĐẦU VÀO ÂM THANH**
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp tạo ra một hoặc nhiều tín hiệu kênh đầu ra âm thanh phụ thuộc vào hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh. Thiết bị tạo ra một hoặc nhiều tín hiệu kênh đầu ra âm thanh phụ thuộc vào hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh được đề xuất. Mỗi tín hiệu trong số hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh bao gồm các phần tín hiệu thẳng và các phần tín hiệu môi trường xung quanh. Thiết bị bao gồm bộ phận xác định bộ lọc (110) để xác định bộ lọc bằng cách ước lượng thông tin mật độ phổ công suất thứ nhất và bằng cách ước lượng thông tin mật độ phổ công suất thứ hai. Hơn nữa, thiết bị bao gồm bộ xử lý tín hiệu (120) để tạo ra một hoặc nhiều tín hiệu kênh đầu ra âm thanh bằng cách áp dụng bộ lọc trên hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh. Thông tin mật độ phổ công suất thứ nhất biểu thị thông tin mật độ phổ công suất trên hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh, và thông tin mật độ phổ công suất thứ hai biểu thị thông tin mật độ phổ công suất trên các phần tín hiệu môi trường xung quanh của hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh. Hoặc, thông tin mật độ phổ công suất thứ nhất biểu thị thông tin mật độ phổ công suất trên hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh, và thông tin mật độ phổ công suất thứ hai biểu thị thông tin mật độ phổ công suất trên các phần tín hiệu thẳng của hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh. Hoặc, thông tin mật độ phổ công suất thứ nhất biểu thị thông tin mật độ phổ công suất trên các phần tín hiệu thẳng của hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh, và thông tin mật độ phổ công suất thứ hai biểu thị thông tin mật độ phổ công suất trên các phần tín hiệu môi trường xung quanh của hai hoặc nhiều hơn hai tín hiệu kênh đầu vào âm thanh.



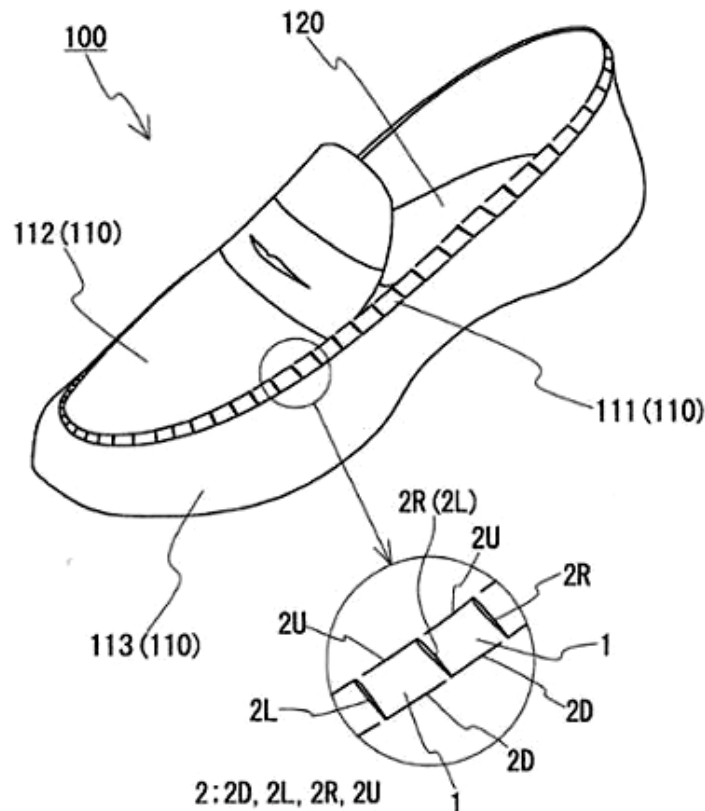
- (11) **1-0024496 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
(21) 1-2016-02183 (85) 14/06/2016
(22) 01/08/2014 (86) PCT/CN2014/083509 01/08/2014
(30) 201310573521.1 14/11/2013 CN (87) WO2015/070645A1 21/05/2015
(51) **G01L 15/00**
(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China
(72) ZHOU, Junyang (CN)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **PHƯƠNG PHÁP NHẬN DẠNG TIẾNG NÓI, CƠ CẤU NHẬN DẠNG TIẾNG NÓI VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp nhận dạng tiếng nói, cơ cấu nhận dạng tiếng nói, và thiết bị điện tử. Theo phương pháp này, đầu tiên việc xác định được thực hiện bằng cách sử dụng môi trường mẫu tương ứng với tiếng nói thăm dò và dạng môi trường trước đó, để đưa ra lệnh hiệu chỉnh tiếng nói tương ứng tới cơ cấu tiếng nói; sau đó, tiếng nói cần được nhận dạng được đưa vào cơ cấu tiếng nói và cơ cấu thăm dò dạng tiếng ồn tại cùng thời điểm, và cơ cấu tiếng nói hiệu chỉnh tiếng nói cần được nhận dạng bằng cách sử dụng lệnh hiệu chỉnh tiếng nói, sao cho chất lượng của tiếng nói gốc không bị suy giảm bởi xử lý tiếng ồn, và kết quả nhận dạng ban đầu tương ứng được đưa ra; cơ cấu thăm dò dạng tiếng ồn xác định dạng môi trường hiện thời bằng cách sử dụng tiếng nói cần được nhận dạng và mẫu huấn luyện tiếng nói trong môi trường khác; cuối cùng, giá trị tin cậy của kết quả nhận dạng ban đầu được điều chỉnh bằng cách sử dụng dạng môi trường hiện thời, để đảm bảo rằng hiệu quả nhận dạng của kết quả nhận dạng tiếng nói được đưa ra cuối cùng có thể tạo ra sự trải nghiệm người dùng tốt cho người dùng trong môi trường hiện thời.



- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024497 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2017 | 352A |
| (21) 1-2017-01791 | | (85) 15/05/2017 | |
| (22) 25/08/2015 | | (86) PCT/JP2015/073838 | 25/08/2015 |
| (30) 2014-213029 | 17/10/2014 JP | (87) WO2016/059879A1 | 21/04/2016 |
- (51) **D04B 1/22**
 (73) **SHIMA SEIKI MFG., LTD.** (JP)
 85, Sakata, Wakayama-shi, Wakayama 641-8511, Japan
 (72) TERAJI, Kenta (JP); SHIMASAKI, Yoshinori (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP DỆT VẢI DỆT KIM**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp dệt vải dệt kim có khả năng tạo ra chi tiết trang trí dạng mới bằng cách sử dụng máy dệt kim phẳng. Chi tiết trang trí (2) này được tạo ra trên bề mặt của phần vải dệt kim nền (1), chi tiết trang trí (2) được tạo kết cấu bởi mép dưới (2D) kéo dài theo hướng bề rộng dệt của phần vải dệt kim nền (1), mép trái (2L) kéo dài theo hướng giao với hướng bề rộng dệt từ đầu trái của mép dưới (2D), và mép phải (2R) kéo dài theo hướng giao với hướng bề rộng dệt từ đầu phải của mép dưới (2D). Mép dưới (2D) được tạo kết cấu bởi sợi giao nhau kéo dài theo hướng bề rộng dệt của phần vải dệt kim nền (1). Mép trái (2L) và mép phải (2R) được tạo kết cấu bởi các mũi dệt được kéo căng theo hướng giao với hướng bề rộng dệt. Sợi giao nhau và các mũi dệt được dệt cùng một lúc.



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024498 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/09/2016 | 342A |
| (21) 1-2016-02413 | | (85) 01/07/2016 | |
| (22) 03/12/2013 | | (86) PCT/CN2013/088458 | 03/12/2013 |
| | | (87) WO2015/081503 A1 | 11/06/2015 |

(51) **H04M 1/725**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

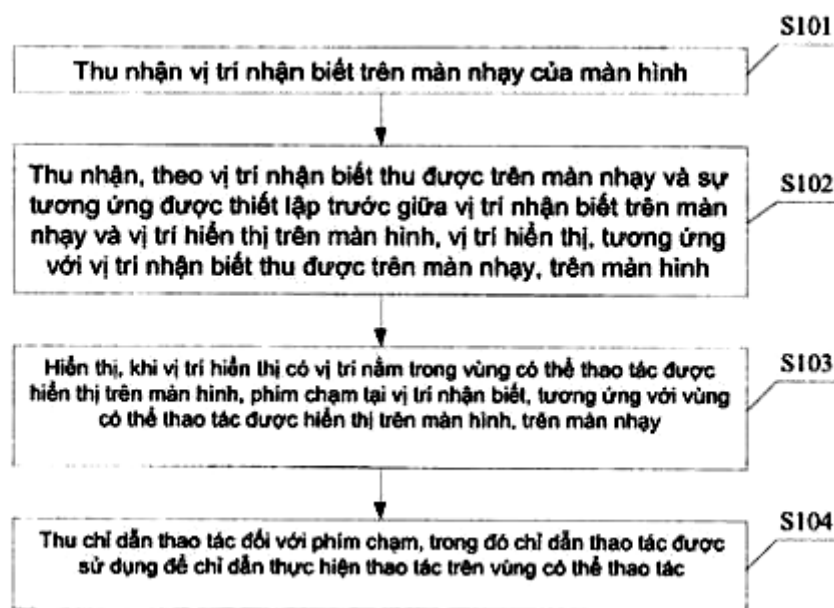
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) LIAO, Zhiqing (CN); ZHONG, Shan (CN); XIA, Zhaojie (CN); XU, Lifu (CN)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ, THIẾT BỊ XỬ LÝ VÀ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI**

(57) Sáng chế có thể áp dụng tới lĩnh vực kỹ thuật thiết bị đầu cuối, và đề xuất phương pháp xử lý và thiết bị xử lý, và thiết bị đầu cuối. Phương pháp này bao gồm: thu nhận vị trí nhận biết trên màn nhạy của màn hình; thu nhận, theo vị trí nhận biết thu được trên màn nhạy và sự tương ứng được thiết lập trước giữa vị trí nhận biết trên màn nhạy và vị trí hiển thị trên màn hình, vị trí hiển thị, tương ứng với vị trí nhận biết thu được trên màn nhạy, trên màn hình; hiển thị, khi vị trí hiển thị có vị trí nằm trong vùng có thể thao tác được hiển thị trên màn hình, phím chạm tại vị trí nhận biết, tương ứng với vùng có thể thao tác được hiển thị trên màn hình, trên màn nhạy; và thu chỉ dẫn thao tác đối với phím chạm, trong đó chỉ dẫn thao tác được sử dụng để chỉ dẫn thực hiện thao tác trên vùng có thể thao tác. Theo sáng chế, thao tác có thể được thực hiện bằng một tay đối với nội dung trên toàn bộ màn hình của thiết bị đầu cuối, mà là dễ dàng để thao tác, và cải thiện hiệu quả thao tác của người dùng. Ngoài ra, thực đơn chức năng cố định không được yêu cầu trên màn nhạy, nhờ đó làm giảm diện tích của màn nhạy.



- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024499 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/09/2016 | 342A |
| (21) 1-2016-02316 | | (85) 24/06/2016 | |
| (22) 21/11/2014 | | (86) PCT/JP2014/080920 | 21/11/2014 |
| (30) 2013-247727 | 29/11/2013 JP | (87) WO2015/080051A1 | 04/06/2015 |

(51) **H01F 1/16; H02K 1/02; H01F 27/245**

(73) **1. TOSHIBA INDUSTRIAL PRODUCTS AND SYSTEMS CORPORATION (JP)**

580, Horikawa-cho, Saiwai-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa, Japan

2. NATIONAL UNIVERSITY CORPORATION OITA UNIVERSITY (JP)

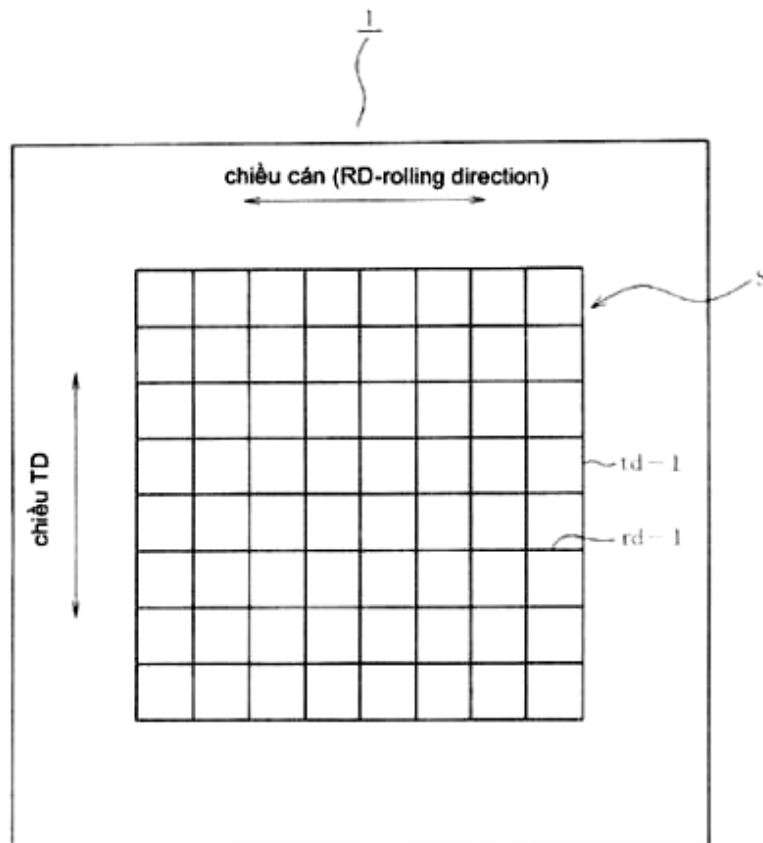
700, Oaza-DannoHaru, Oita-shi, Oita, Japan

(72) ENOKIZONO, Masato (JP); SHIOTA, Hiromu (JP); SHIMOMURA, Eiji (JP); MASUDA, Tsuyoshi (JP)

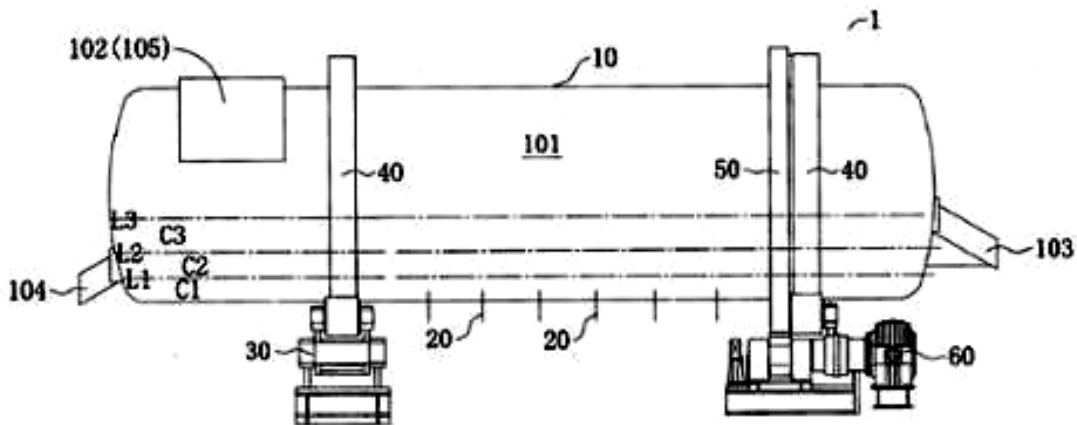
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **VẬT LIỆU ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC TÍNH CỦA VECTOR TỪ TÍNH VÀ LỖ SẮT**

(57) Sáng chế đề cập đến vật liệu được kiểm soát đặc tính của vector từ tính được tiến hành quy trình cào xước theo hai chiều mà giao cắt nhau trên bề mặt của vật liệu thép. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến lõi sắt được tạo kết cấu từ vật liệu thép được định hướng mà đã được tiến hành quy trình cào xước theo hai chiều giao nhau trên bề mặt của nó.

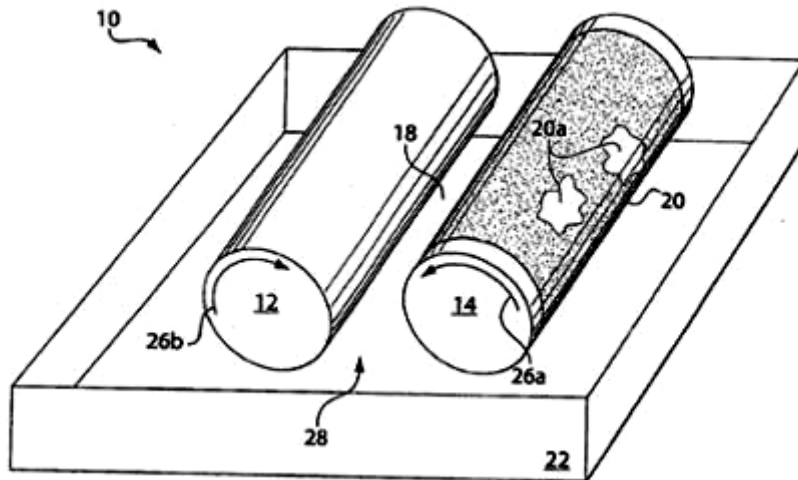


- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024500 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2015 | 326A |
| (21) 1-2015-00603 | | (85) 13/02/2015 | |
| (22) 17/12/2013 | | (86) PCT/CN2013/089731 | 17/12/2013 |
| (30) 201210568627.8 | 24/12/2012 CN | (87) WO2014/101688A1 | 03/07/2014 |
- (51) **C22B 15/00**
- (73) **CHINA ENFI ENGINEERING CORPORATION (CN)**
No. 12 Fuxing Avenue, Haidian, Beijing 100038, P. R. China
- (72) WEI, Kejian (CN); JIANG, Jimu (CN); ZHANG, Zhenmin (CN); LU, Zhifang (CN); HUANG, Xianghua (CN); LI, Feng (CN); LI, Bing (CN); YAN, Jie (CN); HU, Liqiong (CN); HAO, Xiaohong (CN); LU, Jinzhong (CN); LIN, Xiaofang (CN); LI, Dongbo (CN)
- (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
- (54) **QUY TRÌNH VÀ Lò NUNG ĐỂ CHUYỂN HÓA STEN ĐỒNG BẰNG CÁCH THỔI TỪ ĐÁY Lò**
- (57) Sáng chế đề xuất quy trình chuyển hóa sten đồng bằng cách thổi từ đáy lò và lò nung để chuyển hóa sten đồng bằng cách thổi từ đáy lò. Quy trình chuyển hóa sten đồng bằng cách thổi từ đáy lò bao gồm các bước: nạp sten đồng và các chất trợ dung vào trong lò nung để chuyển hóa sten đồng bằng cách thổi từ đáy lò; thổi liên tục khí chứa oxy vào trong kim loại nóng chảy từ đáy lò nung bằng vòi phun; và tháo lần lượt đồng thô và xỉ từ lò nung.



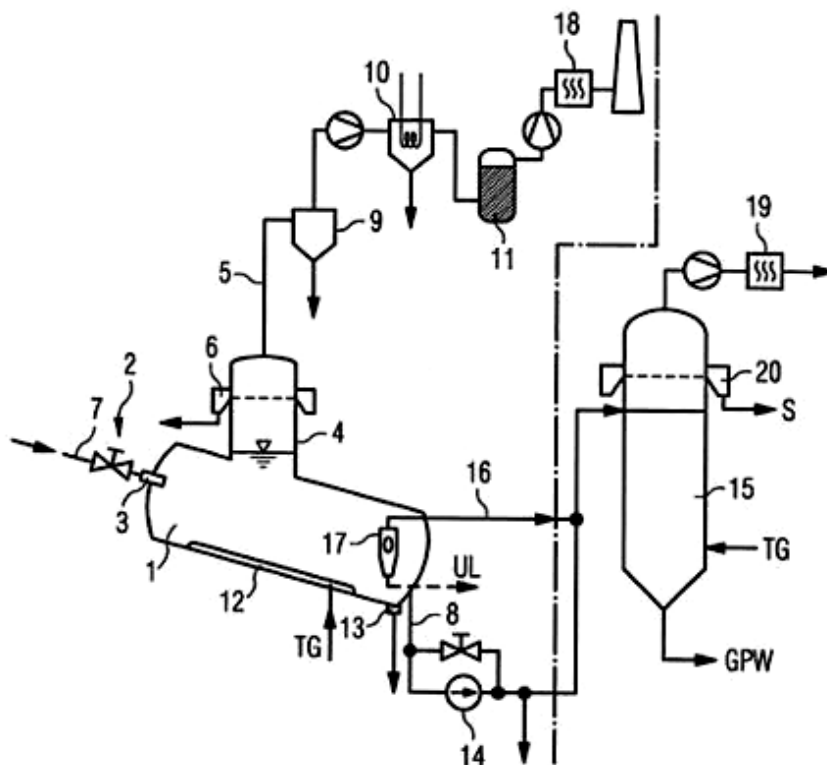
- (11) **1-0024501 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/10/2015 331A
(21) 1-2015-02920 (85) 12/08/2015
(22) 13/01/2014 (86) PCT/US2014/011278 13/01/2014
(30) 61/752,223 14/01/2013 US (87) WO2014/110499 17/07/2014
61/752,218 14/01/2013 US
(51) **B29B 7/56; B29B 7/68; B29K 21/00; B29C 43/24; B29K 19/00; B29B 7/00; B29B 7/72**
(73) **CABOT CORPORATION (US)**
Two Seaport Lane, Suite 1300, Boston, MA 02210, United States of America
(72) GROSZ Ron (US); GOOCH Lawrence R. (US)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ LIÊN TỤC COMPOSIT ĐÀN HỒI NHỜ MÁY CÁN HAI TRỤC CÁN VÀ PHƯƠNG PHÁP TÁCH TẠO RA COMPOSIT ĐÀN HỒI NHỜ MÁY CÁN HAI TRỤC CÁN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và kết cấu để vận hành tự động máy cán hai trục cán. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp xử lý liên tục composit đàn hồi bằng máy cán hai trục cán và phương pháp tạo ra composit đàn hồi.



- (11) **1-0024502 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2013 308A
 (21) 1-2013-02295 (85) 22/07/2013
 (22) 06/12/2011 (86) PCT/EP2011/071851 06/12/2011
 (30) A 2094/2010 20/12/2010 AT (87) WO2012/084480 28/06/2012
 (51) **C02F 1/20**
 (73) 1. **PRIMETALS TECHNOLOGIES AUSTRIA GMBH (AT)**
 Turmstraße 44, 4031 Linz, Austria
 2. **POSCO (KR)**
 1 Goedong-dong, Nam-gu, Pohang, Kyeongbuk 790-785 Korea, Republic of Korea.
 (72) HECKMANN, Hado (DE); SCHMIDT, Ulrike (AT); MILLNER, Robert (AT);
 WURM, Johann (AT); GSTOETTENMAYR, Alois (AT); LUKSCHANDER, Kurt
 (AT); SIEGL, Helmut (AT)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ LOẠI KHÍ NƯỚC SẢN XUẤT**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị để loại khí nước sản xuất mà chứa các hợp chất dạng khí và/hoặc các chất rắn đến từ hệ thống làm sạch ướt để làm sạch khí sản xuất, ví dụ từ cụm khử nóng chảy hoặc từ cụm khử trực tiếp. Nước sản xuất được đưa vào thùng (10) trong giai đoạn xử lý thứ nhất và được loại khí trên cơ sở độ hòa tan giảm của các hợp chất hòa tan. Thùng (1) có, ở phía trên của nó, khoang thu gom khí (4), trong đó khí đã tách được thu gom và từ đó các khí này được xả. Tương tự, nước sản xuất đã xử lý được xả ra khỏi thùng qua phương tiện thoát nước.



- | | | | |
|-------------------|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024503 B | | (15) 10/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/03/2016 | 336A |
| (21) 1-2016-00437 | | (85) 03/02/2016 | |
| (22) 14/07/2014 | | (86) PCT/EP2014/065053 | 14/07/2014 |
| (30) 13176539.8 | 15/07/2013 | EP (87) WO2015/007693A1 | 22/01/2015 |

(51) **C07D 493/18**

(73) **MAX-PLANCK-GESELLSCHAFT ZUR FÖRDERUNG DER WISSENSCHAFTEN E.V. (DE)**

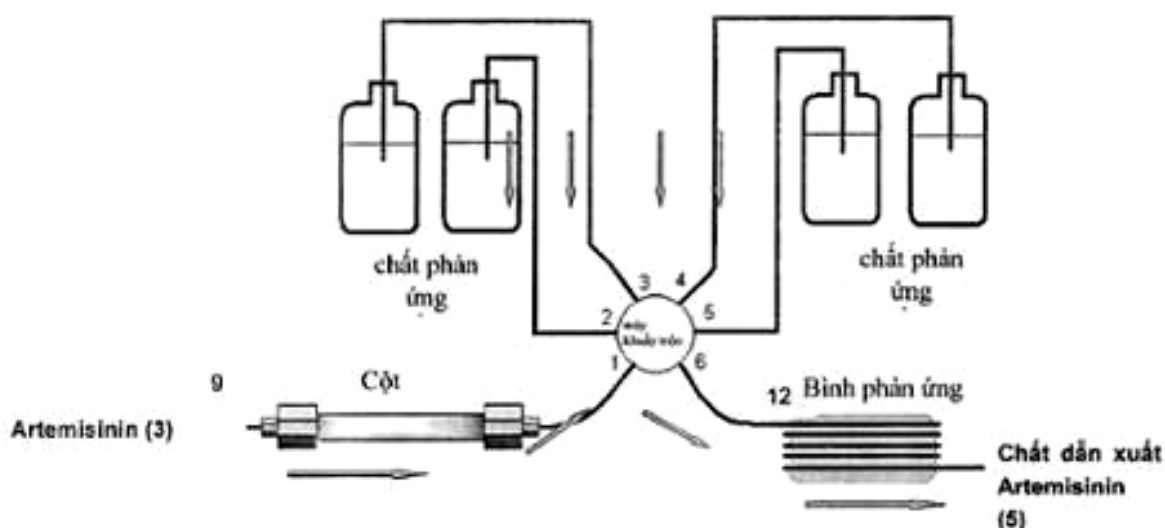
Hofgartenstrasse 8, 80539 Munich, Germany

(72) KOPETZKI, Daniel (DE); MCQUADE, David Tyler (US); SEEBERGER, Peter, H. (DE); GILMORE, Kerry (US)

(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

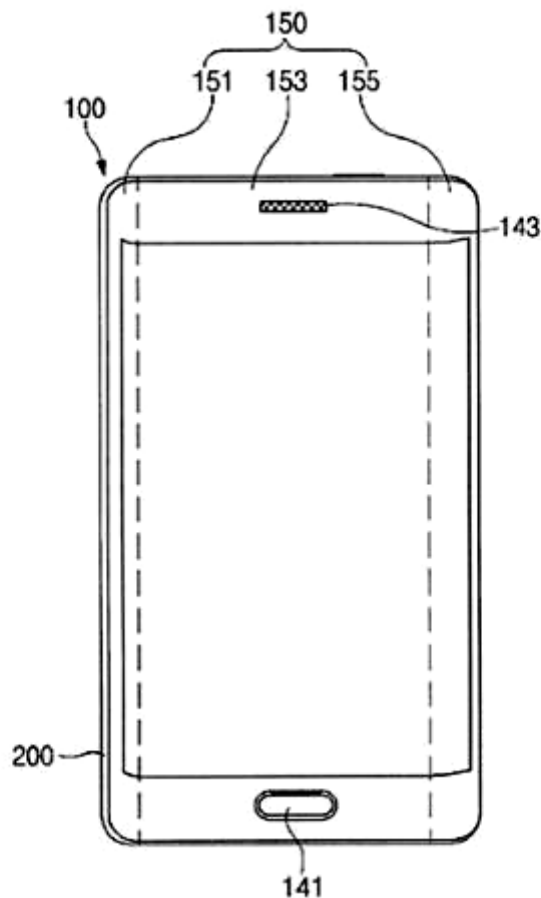
(54) **PHƯƠNG PHÁP KHỬ LIÊN TỤC ARTEMISININ VÀ BÌNH PHẢN ỨNG DÒNG LIÊN TỤC ĐỂ SẢN XUẤT VÀ KHỬ LIÊN TỤC ARTEMISININ**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất liên tục dihydroartemisinin và còn đề cập đến chất dẫn xuất của artemisinin thu được từ dihydroartemisinin bằng cách sử dụng artemisinin hoặc axit dihydroartemisinic (DHAA) làm nguyên liệu ban đầu. Sáng chế còn đề cập đến bình phản ứng dòng liên tục để sản xuất dihydroartemisinin cũng như chất dẫn xuất của artemisinin. Nhận thấy rằng việc khử artemisinin thành dihydroartemisinin theo quy trình liên tục cần loại bình phản ứng đặc biệt và hỗn hợp đặc biệt của các chất phản ứng bao gồm tác nhân khử hydrua, ít nhất một chất hoạt hóa như chất hoạt hóa vô cơ, ít nhất một bazơ rắn, ít nhất một dung môi không proton và ít nhất một rượu có từ 1 đến 5 nguyên tử cacbon.



- (11) **1-0024504 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
(21) 1-2017-00779 (85) 02/03/2017
(22) 27/08/2015 (86) PCT/KR2015/009006 27/08/2015
(30) 10-2014-0116501 02/09/2014 KR (87) WO2016/036058 10/03/2016
10-2015-0099481 14/07/2015 KR
(51) **G09F 9/30; G09F 9/00**
(73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677, Republic of Korea
(72) CHOI, Jong Min (KR); YANG, Soon Woong (KR); CHOI, Jong Chul (KR)
(74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)
(54) **THIẾT BỊ VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ CÓ MÀN HÌNH DẠNG CONG**

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị và thiết bị điện tử có màn hình dạng cong có lớp bảo vệ ngoài với mép có ít nhất một phần có độ cong nhất định, lớp không trong suốt được bố trí ở mép của lớp bảo vệ ngoài, và lớp môđun panen có vùng vết điện cực được bố trí thẳng hàng bên dưới lớp không trong suốt.

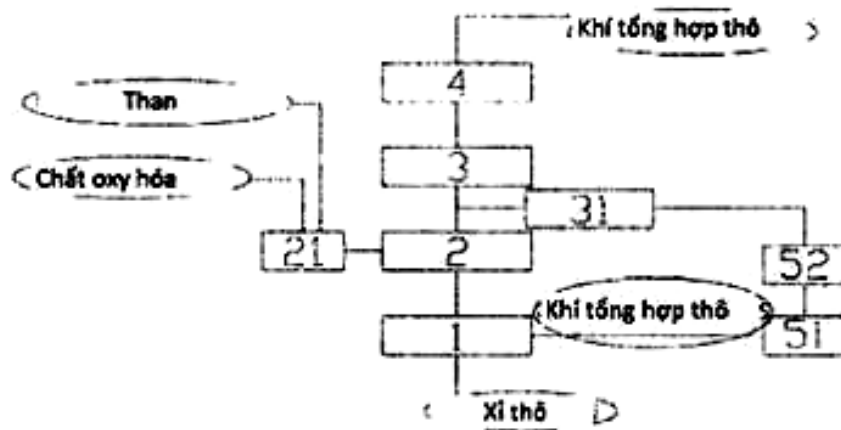


- (11) **1-0024505 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/08/2013 305A
(21) 1-2013-01106 (85) 09/04/2013
(22) 13/10/2011 (86) PCT/CN2011/080733 13/10/2011
(30) PCT/CN2010/077704 13/10/2010 CN (87) WO2012/048650 19/04/2012
11154925.9 18/02/2011 EP
(51) **C09D 5/00; C09D 127/12; C09D 167/02**
(73) **AKZO NOBEL POWDER COATINGS (NINGBO) CO., LTD.** (CN)
Ningchuan Road, Wuxiang Town, Yinzhou District, Ningbo, Zhejiang 315111,
China
(72) WANG Lijun (CN); JIANG Wei (CN); BELL Graeme Alan (GB);
CHAKRAVORTY Nirmalya (IN)
(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)
(54) **CHẾ PHẨM BỘT TẠO LỚP PHỦ CHỨA HỖN HỢP POLYESTE-
FLOCACBON VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm bột tạo lớp phủ chứa hỗn hợp polyeste-flocacbon và quy trình sản xuất chế phẩm này. Chế phẩm bột tạo lớp phủ được sản xuất theo quy trình bao gồm các bước:
điều chế chế phẩm bột tạo lớp phủ A chứa polyeste, bao gồm nhựa polyeste và chất hóa rắn dùng cho nhựa polyeste này;
điều chế chế phẩm bột tạo lớp phủ B chứa flocacbon, bao gồm nhựa flocacbon và chất hóa rắn dùng cho nhựa flocacbon này; và
trộn khô chế phẩm bột tạo lớp phủ A chứa polyeste và chế phẩm bột tạo lớp phủ B chứa flocacbon này,
trong đó tỷ lệ khối lượng giữa chế phẩm bột tạo lớp phủ A chứa polyeste và chế phẩm bột tạo lớp phủ B chứa flocacbon nằm trong khoảng từ 70:30 đến 30:70.

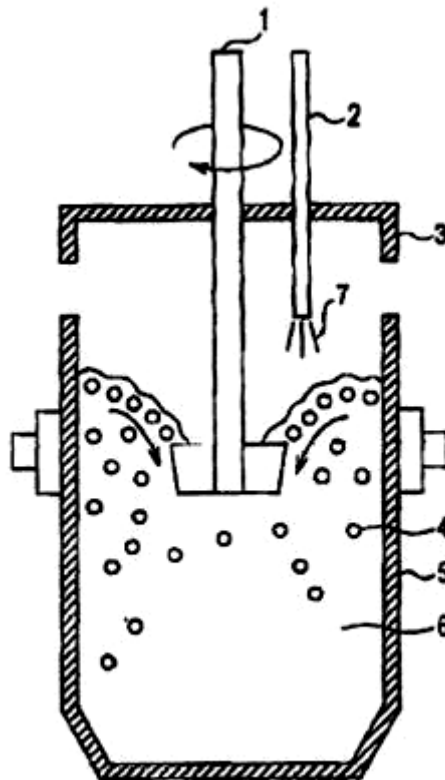
- (11) **1-0024506 B** (15) 10/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-00706 (85) 26/02/2016
 (22) 21/11/2014 (86) PCT/CN2014/091822 21/11/2014
 (30) 201310606678.X 25/11/2013 CN (87) WO2015/074589 28/05/2015
 (51) **C10J 3/48; C10J 3/52; C10J 3/04**
 (73) **CHANGZHENG ENGINEERING CO., LTD. (CN)**
 Jing Hai Si Lu No.141 East Road Beijing Economic Technological Development
 Area Daxing District, Beijing 101111, China
 (72) JIANG, Congbin (CN); XIN, Wei (CN); LI, Honghai (CN); GAO, Ruiheng (CN);
 CHEN, Yongjin (CN); LI, Xiaofei (CN); ZHANG, Yan (CN); ZHANG, Li (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP KHÍ HÓA BỘT THAN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp khí hóa bột than bao gồm các bước: phản ứng khí hóa được thực hiện giữa than và tác nhân khí hóa xử lý bằng oxy để tạo ra khí tổng hợp thô và tro; phần khí tổng hợp thô và hầu hết tro đi xuống để làm mát và khí hóa, và tro được làm mát được loại bỏ khí tổng hợp thô được chuyển đến các công đoạn tiếp theo, và tro được làm nguội được thải ra qua cửa ra tro; khí tổng hợp khô và tro bay còn lại đi lên để trộn với chất làm mát để làm mát, và sau đó được chuyển đến phần phản ứng làm mát để phản ứng với cacbon phản ứng chưa hoàn toàn và tác nhân khí hóa bổ sung; khí tổng hợp thô và tro bay được làm mát và được lọc để loại bỏ tro bay, và khí tổng hợp thô sạch có nhiệt độ thấp được chuyển đến các công đoạn tiếp theo. Phương pháp này tránh việc tạo khối tro ở cửa ra tro theo phương pháp không khí thải ngược dòng, và còn tránh quá nhiệt ở đỉnh theo phương pháp không khí thải xuôi dòng, do đó cải thiện tốc độ chuyển hóa cacbon.



- (11) **1-0024507 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2017 352A
(21) 1-2016-04834 (85) 09/12/2016
(22) 09/06/2015 (86) PCT/US2015/034923 09/06/2015
(30) 62/009,860 09/06/2014 US (87) WO2015/191595 17/12/2015
14/675,410 31/03/2015 US
- (51) **A61K 31/5415**
(73) **ICEUTICA PTY LTD. (AU)**
c/o Stone Ridge Ventures, Unit 2, 32 Mumford Place, Balcatta, WA 6021, Australia
(72) BOSCH, H. William (US)
(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
(54) **DƯỢC PHẨM DẠNG LIỀU ĐƠN VỊ CHỨA MELOXICAM**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dạng liều đơn vị meloxicam chứa 5mg hoặc 10mg meloxicam mang lại hiệu quả giảm đau và có các tính chất dược động học mong muốn. Dược phẩm dạng liều đơn vị có thể làm giảm đau khi dùng một liều đơn vị cho người bệnh và có tác dụng điều trị chứng đau như đau do bệnh viêm xương khớp mãn tính ở mức độ tiếp xúc toàn thân tương đối thấp với meloxicam.

- (11) **1-0024508 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2014 315A
(21) 1-2012-03586
(22) 30/11/2012
(51) **C21C 7/064; C21C 7/072**
(73) **JFE STEEL CORPORATION (JP)**
2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan
(72) KIKUCHI, Naoki (JP); NAKAI, Yoshie (JP); MIKI, Yuji (JP); OGAWA, Hisashi (JP); YAMAUCHI, Takashi (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **PHƯƠNG PHÁP KHỬ LƯU HUỖNH CHO HỢP KIM SẮT NÓNG CHẢY**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp khử lưu huỳnh với hiệu suất khử lưu huỳnh cao trong quy trình xử lý khử lưu huỳnh của hợp kim sắt nóng chảy. Chất khử lưu huỳnh được đưa vào hợp kim sắt nóng chảy và bước khuấy được tiến hành và đồng thời, khí chứa khí hydrocacbon được thổi vào bề mặt bề nầu của hợp kim sắt nóng chảy và/hoặc chất tạo ra khí hydrocacbon được bổ sung vào bề mặt bề nầu này.



- (11) 1-0024509 B (15) 11/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-01492
 (22) 26/04/2016
 (30) 10 2015 005 447.3 28/04/2015 DE

(51) *D01H 7/86; D02G 3/28; D01H 1/10; D01H 13/10*

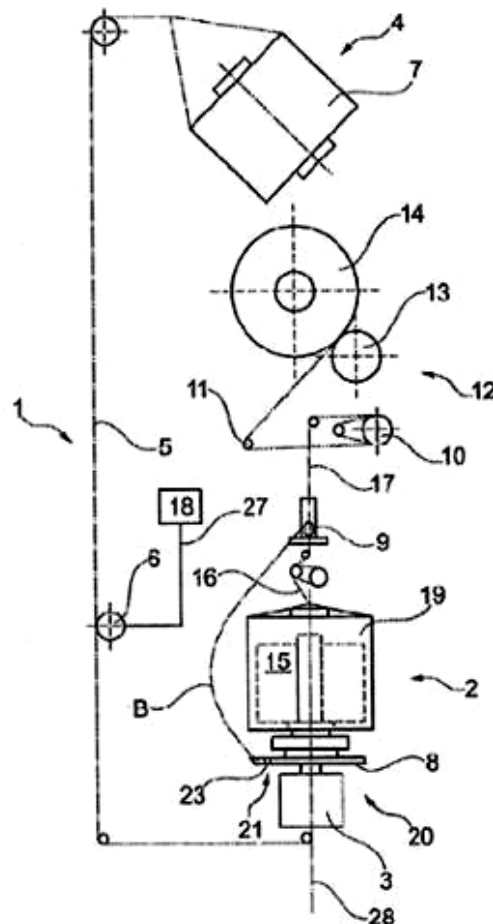
(73) SAURER GERMANY GMBH & CO. KG (DE)
 Leverkusen Straße 65, 42897 Remscheid, Germany

(72) Hiepp, Magnus (DE); Pede-Vogler, Walter (DE); Thaler, Alexander (DE)

(74) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH CỌC SỢI CỦA MÁY XE SỢI HOẶC MÁY Bện SỢI HAI THÀNH MỘT VÀ MÁY XE SỢI HOẶC MÁY Bện SỢI HAI THÀNH MỘT ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG PHÁP NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp vận hành cọc sợi (2) của máy xe sợi hoặc máy bện sợi hai thành một, trong đó sợi ngoài (5) được rút ra từ gói cấp sợi thứ nhất (7) và cọc sợi (2) quay trong ba lông sợi (B), trong đó cọc sợi (2) bao gồm thiết bị (6) tác động tới độ căng sợi ba lông của sợi ngoài (5), được kết nối với mạch điều khiển (18), và có hộp kéo sợi (19) để nhận gói cấp sợi thứ hai (15), thiết bị làm biến dạng sợi (20), hệ thống cân bằng (9) để tạo ra điểm xe sợi hoặc điểm bện sợi cũng như thiết bị cuộn và quấn sợi (12). Theo sáng chế, sự dẫn sợi của ba lông sợi (B) được thực hiện thông qua điểm ngắt sợi cố định (21) trên thiết bị làm biến dạng sợi (20).



- (11) **1-0024510 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2012 290A
(21) 1-2012-00438 (85) 21/02/2012
(22) 12/02/2010 (86) PCT/KR2010/000907 12/02/2010
(30) 10-2009-0075142 14/08/2009 KR (87) WO2011/019123 17/02/2011
(51) **C07K 7/06; A61K 38/08; A61P 35/00**
(73) **ENSOLTEK CO., LTD. (KR)**
Techno 10-ro 51, Yuseong-gu, Daejeon 305-510, Republic of Korea
(72) KIM, Hae Jin (KR); MOON, Eun Joung (KR); KIM, Yang Seon (KR); KWON, Young Joon (KR)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(54) **PEPTIT VÀ CHẾ PHẨM CHỨA PEPTIT NÀY**

(57) Sáng chế đề xuất peptit chỉ chứa trình tự axit amin có trình tự nêu trong SEQ ID NO.1 và muối dược dụng của peptit này. Peptit theo sáng chế và muối dược dụng của peptit này có hiệu quả trong điều trị và/hoặc phòng ngừa bệnh thoái hóa đĩa đệm, điều trị bệnh xơ hóa các cơ quan trong cơ thể, điều trị bệnh ung thư và/hoặc điều trị bệnh xơ cứng tiểu cầu thận, và có hiệu quả ức chế sự phát tín hiệu TGF-beta 1. Ngoài ra, sáng chế cũng đề xuất chế phẩm dùng để điều trị và phòng ngừa bệnh thoái hóa đĩa đệm, bệnh xơ hóa các cơ quan trong cơ thể, bệnh ung thư, hoặc bệnh xơ cứng tiểu cầu thận chứa peptit hoặc muối dược dụng của peptit theo sáng chế.

- | | | | |
|-------------------------|------------|-----------------|------|
| (11) 1-0024511 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/10/2014 | 319A |
| (21) 1-2012-02891 | | | |
| (22) 28/09/2012 | | | |
| (30) 2011-214976 | 29/09/2011 | JP | |
| 2011-290492 | 31/12/2011 | JP | |
| JP2012-115094 | 18/05/2012 | JP | |
| JP2012-181747 | 20/08/2012 | JP | |

(51) **A01F 12/46**

(73) **ISEKI & CO., LTD. (JP)**

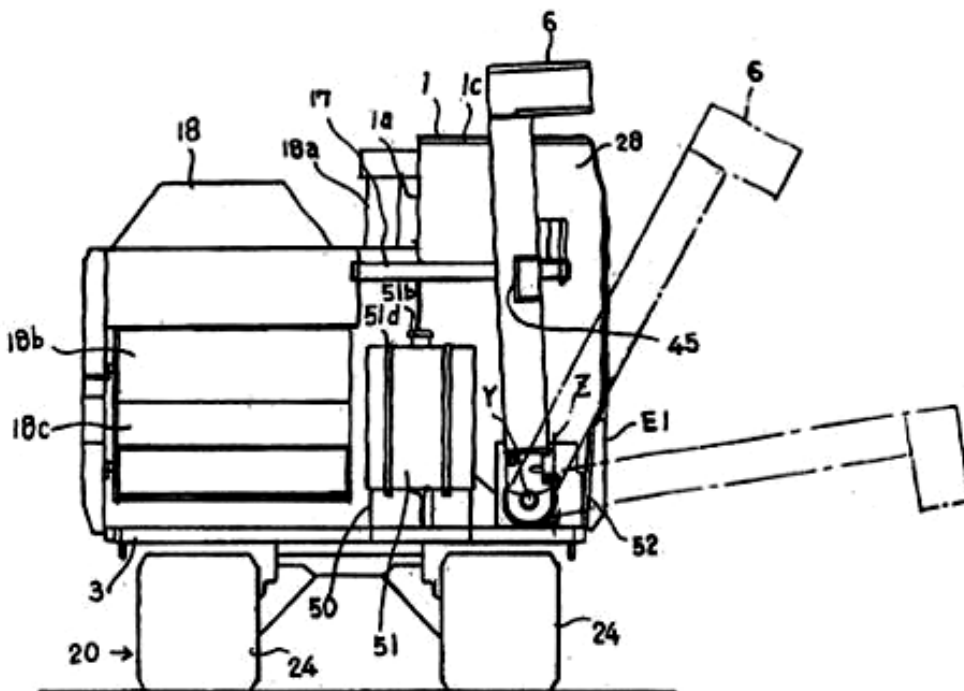
700 Umaki-cho, Matsuyama-shi, Ehime-ken, Japan

(72) Kiyoshi Iizumi (JP); Michio Ishikawa (JP); Masami Osaki (JP); Naohumi Akiyama (JP); Manabu Saito (JP)

(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(54) **MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP**

(57) Sáng chế đề cập đến máy gặt đập liên hợp, trong đó vít tải (8) được đặt giữa thành phía trước (1f) và thành phía sau (28) của thiết bị chứa hạt (1) được trang bị; phần phía trước của chi tiết trục thứ nhất (2) được gắn với phần bên dưới của thành phía sau (28) của thiết bị chứa hạt (1); nối phần phía trước của chi tiết trục thứ hai (4) được gắn với phần phía sau của chi tiết trục thứ nhất (2) với khung xe (3) theo trục thẳng đứng thứ nhất (5) cùng trục như trục thứ hai (Z) đã nêu và sắp đặt trục có khả năng tách biệt một cách độc lập; nối chi tiết trục thứ ba (7) được trang bị ở phần phía sau của chi tiết trục thứ hai (4) với phần đế của trục băng tải (6) để quay tương đối thoải mái quanh trục của vít tải (8) có cùng trục như trục thứ nhất (Y) đã nêu.



- (11) **1-0024512 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2013 301A
(21) 1-2013-00135 (85) 15/01/2013
(22) 14/06/2011 (86) PCT/FR2011/000345 14/06/2011
(30) 1002525 15/06/2010 FR (87) WO2011/157908 22/12/2011
(51) **A61K 31/4045**; A61K 45/06; A61P 9/04; A61K 31/55
(73) **LES LABORATOIRES SERVIER (FR)**
35, rue de Verdun, 92284 Suresnes Cedex, France
(72) Christan THUILLEZ (FR); Paulus MULDER (FR); Jean-Paul VILAINE (FR);
Marie-Dominique FRATACCI (FR); Guy LEREBOURS-PIGEONNIERE (FR); Luc
FELDMANN (FR); Jérôme ROUSSEL (FR)
(74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
(54) **HỖN HỢP CHỨA N-{(7S)-3,4-DIMETOXYBIXYCLO[4.2.0]OCTA-1,3,5-
TRIEN-7-YL]METYL}-3-(7,8-DIMETOXY-1,2,4,5-TETRAHYDRO-3H-3-
BENZAZEPIN-3-YL)-N-METYL-3-OXO-1-PROPANAMIN VÀ
PERINDOPRIL**
(57) Sáng chế đề cập đến hỗn hợp chứa *N*-{[(7S)-3,4-dimetoxybicyclo[4.2.0]octa-1,3,5-
trien-7-yl]metyl}-3-(7,8-dimetoxy-1,2,4,5-tetrahydro-3H-3-benzazepin-3-yl)-*N*-
metyl-3-oxo-1-propanamin, và perindopril được sử dụng trong việc tạo ra các loại
thuốc dùng để điều trị bệnh suy tim, đặc biệt hơn là bệnh suy tim có chức năng tâm
thu bảo trì.

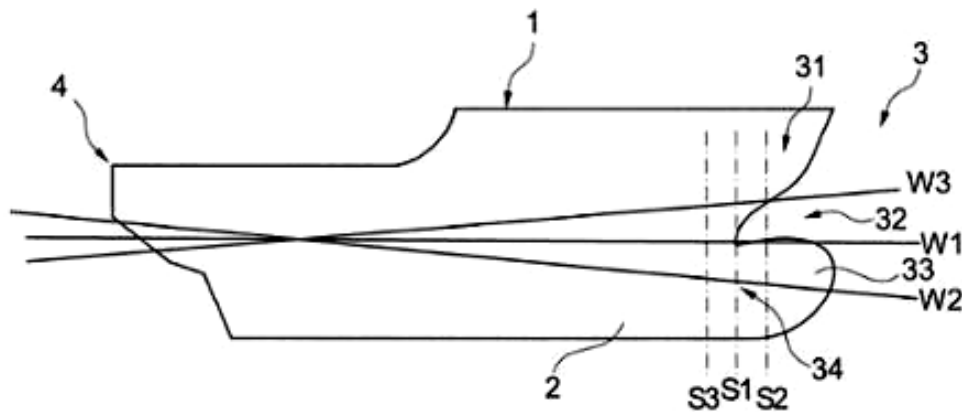
- (11) **1-0024513 B** (15) 11/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2013 303A
- (21) 1-2013-00876 (85) 20/03/2013
- (22) 30/08/2010 (86) PCT/CN2010/076472 30/08/2010
- (87) WO2012/027882A1 08/03/2012
- (51) **A61K 36/8964**; A61P 25/28; A61K 133/00; A61K 36/074; A61K 36/076; A61K 36/28; A61K 36/48; A61K 36/53; A61K 36/605; A61K 36/704; A61K 36/725; A61K 36/896; A61K 9/00; A61K 9/02; A61K 9/10; A61K 9/12; A61K 9/16; A61K 9/20; A61K 9/48; A61P 25/00; A61P 25/20; A61K 125/00; A61K 131/00
- (73) **HEBEI YILING MEDICINE RESEARCH INSTITUTE CO., LTD.** (CN)
No. 238 TianShan Street, Shijiazhuang, Hebei 050035, P.R. China
- (72) WU, Yiling (CN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **ĐƯỢC PHẨM ĐỂ ĐIỀU TRỊ CHỨNG MẤT NGỦ**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dùng để điều trị chứng mất ngủ và phương pháp bào chế. Dược phẩm này chứa Hà thủ ô (*Radix Polygoni Multiflori*) và/hoặc chất chiết của nó, Toan táo nhân (*Semen Ziziphi Spinosae*) và/hoặc chất chiết của nó, Tang thầm (*Fructus Mori*) và/hoặc chất chiết của nó, Linh chi (*Ganoderma*) và/hoặc chất chiết của nó, Bách hợp (*Bulbus Lilii*) và/hoặc chất chiết của nó, Tri mẫu (*Rhizoma Anemarrhenae*) và/hoặc chất chiết của nó, Đan sâm (*Radix Salviae Miltiorrhizae*) và/hoặc chất chiết của nó, Cúc hoa (*Flos Chrysanthemi*) và/hoặc chất chiết của nó, Bạch phục linh (*Poria*) và/hoặc chất chiết của nó, và Hợp hoan hoa (*Flos Albiziae*) và/hoặc chất chiết của nó. Dược phẩm theo sáng chế được dùng để điều trị chứng mất ngủ và các triệu chứng gồm tình trạng mất trí nhớ, chóng mặt, đánh trống ngực, đau nhức và mỏi lưng và gối, v.v..

- (11) **1-0024514 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
(21) 1-2015-04557 (85) 27/11/2015
(22) 21/03/2014 (86) PCT/KR2014/002392 21/03/2014
(30) 10-2013-0061761 30/05/2013 KR (87) WO2014/193076 04/12/2014
(51) *A61K 8/02; A61K 9/46; A61Q 19/00; A61K 9/20*
(73) **AMOREPACIFIC CORPORATION (KR)**
106, Hangang-daero, Yongsan-gu, Seoul 140-777, Republic of Korea
(72) JUNG, Ju A (KR); PAIK, Byung Ryol (KR); LEE, Chang Keun (KR); KWON, Lee Kyoung (KR); BAE, Joon Ho (KR); KIM, Young So (KR)
(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
(54) **BỘ MỸ PHẨM BAO GỒM VIÊN SỦI VÀ NƯỚC CÂN BẰNG DƯỠNG DA**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ mỹ phẩm bao gồm viên sủi và nước cân bằng dưỡng da. Một khía cạnh của sáng chế đề cập đến viên sủi chứa chất bôi trơn hòa tan được trong nước, và mỹ phẩm nước bão hòa khí cacbonic có thể được sử dụng cùng nhau. Một khía cạnh của sáng chế đề cập đến viên sủi chứa axit hydroxyl kết tinh và chất bôi trơn hòa tan được trong nước, và mỹ phẩm sử dụng nước cân bằng dưỡng da cho da để ngăn viên sủi này không nổi lên và cho phép viên sủi này tạo khí cacbon dioxid một cách nhanh chóng trong mỹ phẩm để tối đa hóa hiệu quả quan sát được và cũng là hiệu quả của cacbon dioxid, do đó thể hiện hiệu quả làm trắng, làm sáng và làm ẩm cho da và cải thiện lỗ chân lông.

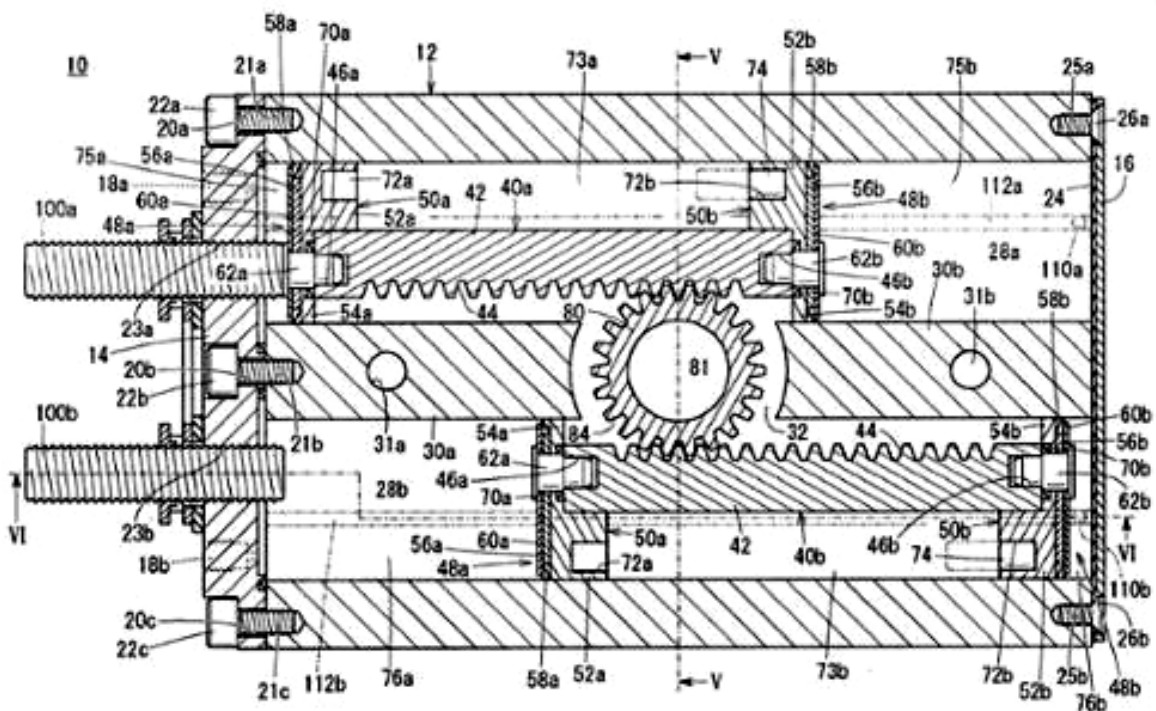
- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024515 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2016 | 343A |
| (21) 1-2016-02352 | | (85) 28/06/2016 | |
| (22) 22/12/2014 | | (86) PCT/FI2014/051046 | 22/12/2014 |
| (30) 20136314 | 20/12/2013 | FI | (87) WO2015/092154 |
| | | | 25/06/2015 |
- (51) **B63B 1/06; B63B 35/08**
 (73) **AKER ARCTIC TECHNOLOGY INC.** (FI)
 Merenkulkijankatu 6, FI-00980 Helsinki, Finland
 (72) SUOJANEN, Reko-Antti (FI); MATTSSON, Tom (FI); HAMBERG, Karl (FI)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **TÀU PHÁ BĂNG VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH TÀU PHÁ BĂNG**

(57) Sáng chế đề cập đến tàu phá băng bao gồm thân tàu có đáy (2), phần mũi (3) và phần đuôi (4). Phần mũi (3) bao gồm phần mũi trên nghiêng về phía trước (31), phần mũi dưới hình quả lê (33), và phần mũi trung gian (32). Tàu được thiết kế với mực nước cơ sở (W1), mực nước đóng băng trên (W3) và mực nước đóng băng dưới (W2). Để cải thiện khả năng phá băng của tàu, bề mặt trên của phần mũi dưới hình quả lê (33) được bố trí ở tại hoặc ở gần của mặt nước khi tàu hoạt động ở mực nước cơ sở (W1) của tàu. Khi tàu hoạt động ở mực nước đóng băng dưới (W2), mặt dưới của phần mũi dưới hình quả lê (33) được bố trí để đi vào mặt nước. Khi tàu hoạt động ở mực nước đóng băng trên (W3), phần mũi trên nghiêng về phía trước (31) được bố trí để đi vào mặt nước. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp vận hành tàu phá băng.



- (11) **1-0024516 B** (15) 11/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/02/2018 359A
 (21) 1-2017-04991 (85) 11/12/2017
 (22) 14/03/2016 (86) PCT/JP2016/057898 14/03/2016
 (30) 2015-096588 11/05/2015 JP (87) WO2016/181700 17/11/2016
 (51) **F15B 15/06; F15B 15/28; F15B 15/14**
 (73) **SMC CORPORATION (JP)**
 14-1, Sotokanda 4-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 101-0021, Japan
 (72) **MAGARIBUCHI Mitsunori (JP); KOBAYASHI Takaaki (JP)**
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **BỘ DẪN ĐỘNG QUAY**

- (57) Sáng chế đề cập đến bộ dẫn động quay (10) có cơ cấu dẫn động tuyến tính (40a) khiến cho trục răng (80) quay, và thân xi lanh (12), mà lỗ xi lanh (28a) được tạo ra trong đó. Cơ cấu dẫn động tuyến tính (40a) bao gồm thanh răng (42), mà các răng (44) ăn khớp với trục răng (80), được tạo ra trên đó, và các pit tông (48a, 48b). Mỗi pit tông (48a, 48b) có thân chính pit tông (50a, 50b) có hình dạng tương ứng với hình dạng của lỗ xi lanh (28a). Mỗi thân chính pit tông (50a, 50b) bao gồm thân (52a, 52b) và phần kéo dài (54a, 54b). Các đầu của thanh răng (42) được nối với các phần kéo dài (54a, 54b) của nhóm các pit tông (48a, 48b), và khoảng trống (73a), mà được chặn khỏi lỗ xi lanh (28a), được tạo ra giữa các thân (52a, 52b) của nhóm các pit tông (48a, 48b). Cơ cấu dẫn động tuyến tính (40b) cũng được tạo kết cấu tương tự.



- | | | |
|---------------------|---------------|-----------------------------------|
| (11) 1-0024517 B | | (15) 11/06/2020 |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/09/2016 342A |
| (21) 1-2016-02440 | | (85) 04/07/2016 |
| (22) 24/10/2014 | | (86) PCT/CN2014/089380 24/10/2014 |
| (30) 201310661267.0 | 06/12/2013 CN | (87) WO2015/081770A1 11/06/2015 |

(51) **G07D 11/00**

(73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD. (CN)**

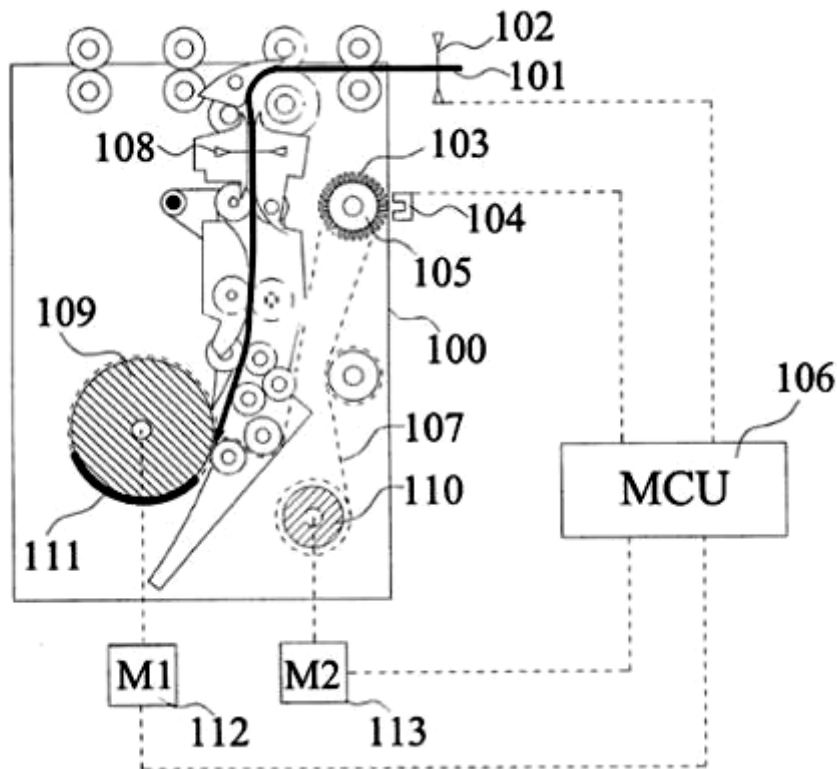
9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China

(72) ZHANG, Tao (CN); WU, Wenqing (CN); SUN, Zhiqiang (CN)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **CƠ CẤU VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN TẠM THỜI TỜ TIỀN**

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu và phương pháp bảo quản tạm thời tờ tiền. Cơ cấu bảo quản tạm thời theo sáng chế bao gồm bộ thu thập tín hiệu có đĩa mã hóa, bộ cảm biến tín hiệu đĩa mã hóa và bánh xe cao su, trong đó đĩa mã hóa và bánh xe cao su được bố trí giữa trục lăn bảo quản và trục lăn dự phòng đai trên cùng trục quay, và đai cuộn gài chặt với bánh xe cao su và dẫn động chuyển động quay của bánh xe cao su. Bán kính theo thời gian thực của trục lăn bảo quản hoặc trục lăn dự phòng đai thu được và tốc độ góc của mô-tơ dẫn động có thể được điều chỉnh theo bán kính theo thời gian thực, nhờ đó đảm bảo rằng đai cuộn di chuyển đồng đều ở tốc độ mục tiêu.

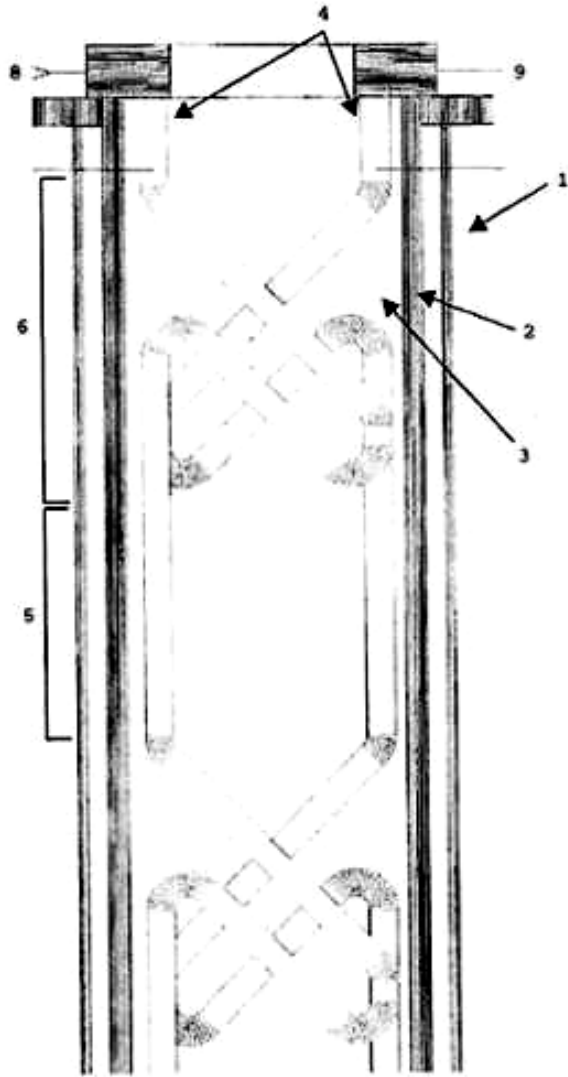


- (11) **1-0024518 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2014 316A
(21) 1-2014-01287 (85) 21/04/2014
(22) 28/09/2012 (86) PCT/CA2012/000909 28/09/2012
(30) 11183163.2 28/09/2011 EP (87) WO2013/044370 04/04/2013
(51) *C08J 3/24; C08L 77/00; C08L 51/08; C08J 3/20; C08L 23/22*
(73) **LANXESS BUTYL PTE. LTD.** (SG)
3A International Business Park, #07-10/18, ICON@IBP Tower B, Singapore,
609935, Singapore
(72) SIEGERS, Conrad (DE); SCHENKEL, Ralf-Ingo (DE); KRISTA, Rayner (CA)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **QUY TRÌNH SẢN XUẤT LIÊN TỤC CHẾ PHẨM ĐÀN HỒI DÈO NHIỆT**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất liên tục chất đàn hồi dẻo nhiệt được lưu hóa động bao gồm nhựa dẻo nhiệt và chất đàn hồi không được halogen hóa với lượng multiolefin là lớn hơn 3,5% mol mà được biến đổi tại chỗ bằng anhydrit carboxylic. Quy trình này tạo ra vật liệu có độ giãn dài khi đứt và độ bền kéo được cải thiện, có thể được sản xuất một cách kinh tế và giảm tác động đến môi trường.

- (11) **1-0024519 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2014 316A
(21) 1-2014-01071 (85) 02/04/2014
(22) 03/09/2012 (86) PCT/EP2012/067080 03/09/2012
(30) 11179852.6 02/09/2011 EP (87) WO2013/030402 07/03/2013
201220002237.X 05/01/2012 CN
(51) **F28D 7/00; C08L 1/02; D01D 1/09; F28F 13/08; F28D 7/02; F28D 7/08; F28D 7/10; C08B 1/00**
(73) **AUROTEC GMBH (AT)**
Wartenburgerstraße 1a A-4840 Vöcklabruck, Austria
(72) ZIKELI Stefan (AT); ECKER Friedrich (AT)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TRAO ĐỔI NHIỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN CHUYỂN CHẤT LƯU NHÓT NHỜ HỆ THỐNG NÀY**

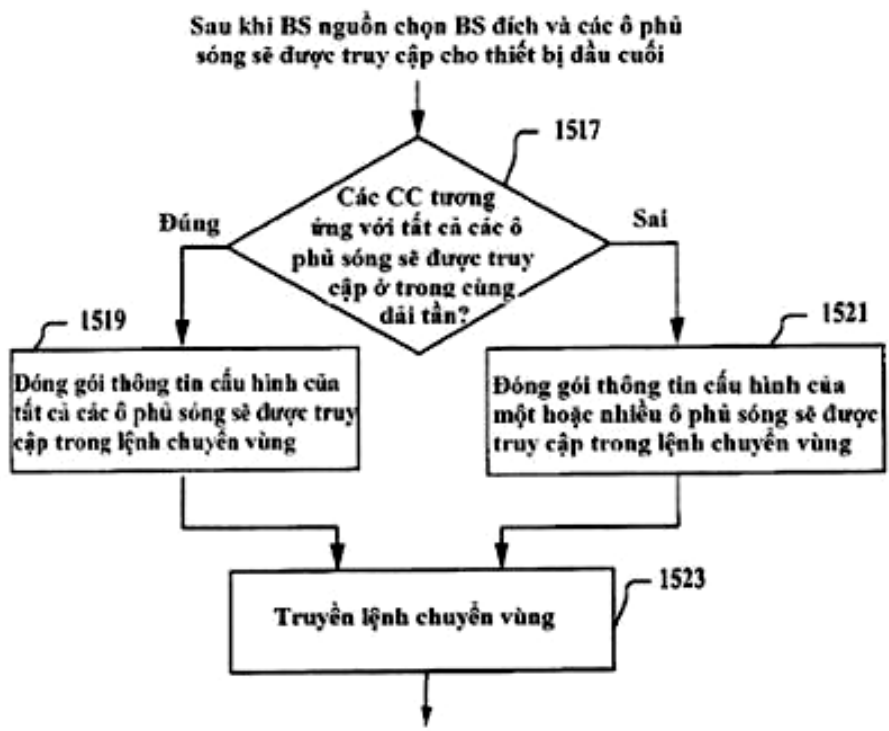
(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống đường ống trao đổi nhiệt để vận chuyển các chất lưu nhớt, bao gồm các bộ trao đổi nhiệt có kết cấu riêng biệt như các bộ phận cấu thành đường ống và có sự phân phối kiểm soát nhiệt độ và/hoặc áp suất định trước dọc theo hệ thống đường ống và trong mặt cắt ngang đường ống. Sáng chế đặc trưng ở chỗ các bộ trao đổi nhiệt được tạo dạng các bộ phận cấu thành đường ống được bố trí cách đều nhau trong hệ thống đường ống. Các khoảng cách đều được chọn theo cách sao cho sự phân phối nhiệt độ và/hoặc áp suất định trước được duy trì dọc theo hệ thống đường ống, phương tiện làm nóng chất lưu nhớt vận chuyển trong bộ trao đổi nhiệt đường ống được bố trí trong các bộ trao đổi nhiệt và các bộ phận trộn tùy chọn được sử dụng để duy trì, theo mặt cắt ngang đường ống, sự phân phối nhiệt độ và áp suất định trước trên mặt cắt ngang ống, và ít nhất 30% chiều dài của hệ thống đường ống trao đổi nhiệt có các bộ trao đổi nhiệt. Sáng chế cũng đề cập tới phương pháp để vận chuyển các chất lưu nhớt nhờ các đường ống trao đổi nhiệt.



- (11) **1-0024520 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
(21) 1-2012-02998 (85) 10/10/2012
(22) 08/03/2011 (86) PCT/JP2011/055297 08/03/2011
(30) 2010-057380 15/03/2010 JP (87) WO2011/114934A1 22/09/2011
(51) *C08J 5/18; B65D 25/20; C08G 63/183*
(73) **TOYO BOSEKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
2-8, Dojima Hama 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 5308230, Japan
(72) HARUTA, Masayuki (JP); MUKOYAMA, Yukinobu (JP)
(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
(54) **MÀNG POLYESTE CO NHIỆT, BAO ĐÓNG GÓI VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT MÀNG POLYESTE CO NHIỆT NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến màng polyeste co nhiệt, ngay cả khi được bảo quản trong kho ngoài trời không được kiểm soát nhiệt độ trong suốt mùa hè nóng bức, không dẫn đến co màng (còn được gọi là co tự nhiên); ngoài ra, màng này còn có tỷ lệ co giảm theo chiều co chính, và có thể được gắn một cách thẩm mỹ và hiệu quả để làm nhãn vào vật chứa (ví dụ chai nhựa) bằng cách làm co nhiệt nhãn này mà không thay đổi các điều kiện nhiệt độ gây ra co nhiệt. Màng polyeste co nhiệt được bộc lộ chứa nhựa polyeste có etylen terephtalat làm thành phần chính và chứa ít nhất 7% mol của ít nhất một monome có khả năng tạo thành phần vô định hình trong toàn bộ thành phần nhựa polyeste. Trong màng polyeste co nhiệt, độ co glycerin ở 80°C - 120°C, tỷ lệ co tự nhiên sau khi lão hóa ở nhiệt độ cao, và số lần đứt ban đầu sau khi lão hóa nhiệt độ cao được điều chỉnh trong khoảng cụ thể.

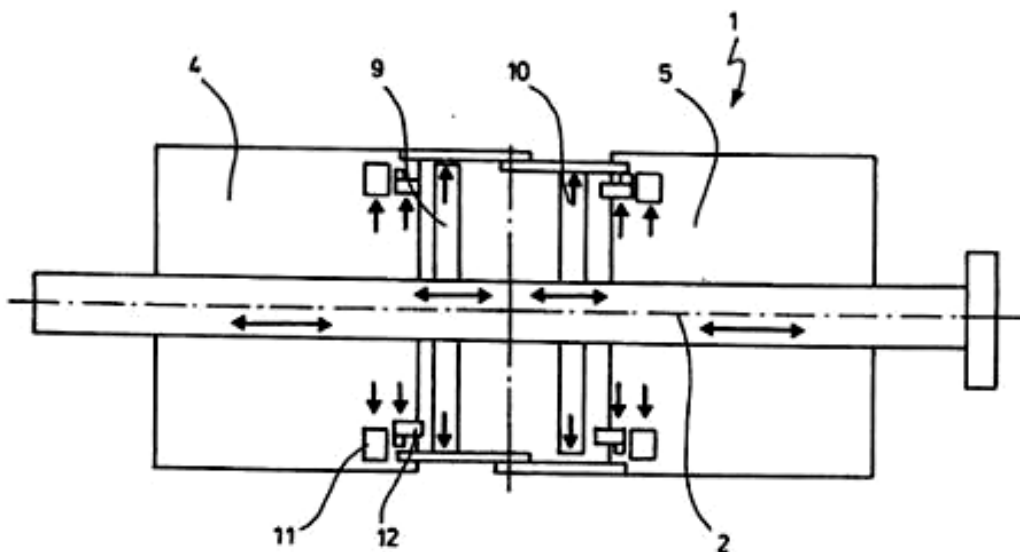
- | | | | |
|--|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024521 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/06/2013 | 303A |
| (21) 1-2013-00457 | | (85) 07/02/2013 | |
| (22) 01/06/2011 | | (86) PCT/CN2011/075073 | 01/06/2011 |
| (30) 201010240485.3 | 27/07/2010 CN | (87) WO2012/013090A1 | 02/02/2012 |
| (51) H04W 36/08 | | | |
| (73) SONY CORPORATION (JP) | | | |
| 1-7-1 Konan, Minato-ku, Tokyo 108-0075, Japan | | | |
| (72) WEI, Yuxin (CN) | | | |
| (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD) | | | |
| (54) THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp, thiết bị và hệ thống chuyển vùng ô phủ sóng trong hệ thống viễn thông hỗ trợ kết tập sóng mang. Phương pháp chuyển vùng ô phủ sóng có thể bao gồm các bước sau: Trạm gốc (BS) xác định việc các thành phần sóng mang tương ứng với một hoặc nhiều ô phủ sóng sẽ được truy cập có ở trong cùng dải tần hay không, trong đó một hoặc nhiều ô phủ sóng sẽ được truy cập thuộc BS đích, và được chọn bằng thiết bị đầu cuối mà cần thực hiện chuyển vùng ô phủ sóng và được phục vụ bởi BS; nếu đúng, BS đóng gói thông tin cấu hình của tất cả các ô phủ sóng trong số một hoặc nhiều ô phủ sóng sẽ được truy cập trong lệnh chuyển vùng để khởi đầu chuyển vùng; nếu sai, BS đóng gói thông tin cấu hình của một hoặc nhiều ô phủ sóng trong số một hoặc nhiều ô phủ sóng sẽ được truy cập trong lệnh chuyển vùng, và gửi lệnh chuyển vùng đến BS đích. Sáng chế cũng đề cập đến thiết bị chuyển vùng ô phủ sóng trong hệ thống viễn thông hỗ trợ kết tập sóng mang, BS bao gồm thiết bị này và hệ thống viễn thông bao gồm BS.



- | | | | |
|--|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024522 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/01/2016 | 334A |
| (21) 1-2015-03070 | | (85) 21/08/2015 | |
| (22) 07/02/2014 | | (86) PCT/DE2014/000054 | 07/02/2014 |
| (30) 10 2013 003 431.0 | 22/02/2013 | DE (87) WO2014/146632 | 25/09/2014 |
| (51) B29D 30/32; B29D 30/24 | | | |
| (73) HARBURG-FREUDENBERGER MASCHINENBAU GMBH (DE)
Seevestrasse 1, 21079 Hamburg, Germany | | | |
| (72) LANGE, Thomas (DE); BEHRENS, Achim (DE) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT LỚP SINH THÁI | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị được dùng để sản xuất lớp sinh thái. Ít nhất hai vật liệu dạng dải được bố trí trên trống dụng lớp (1). Ít nhất hai lõi được đặt tại chỗ. Trống dụng lớp (1) được bố trí với cả hai phương tiện kẹp lõi (11) và phương tiện cô định lõi (12). Trống dụng lớp bao gồm phần trung tâm (7, 8) và hai nửa trống (4, 5) được bố trí ở cả hai phía liền kề phần trung tâm. Các nửa trống được bố trí sao cho chúng có thể được bố trí theo hướng trục. Phần trung tâm có đường kính biến thiên theo hướng tỏa tròn. Việc mở rộng tỏa tròn của đường kính ở phần trung tâm được thực hiện trước khi lõi được đặt tại chỗ.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024523 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2014 | 317A |
| (21) 1-2014-01387 | | (85) 28/04/2014 | |
| (22) 28/09/2012 | | (86) PCT/US2012/058032 | 28/09/2012 |
| (30) 61/542,027 | 30/09/2011 | US | (87) WO2013/049651 |
| 13/626,528 | 25/09/2012 | US | 04/04/2013 |

(51) **G06K 7/10**

(73) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**

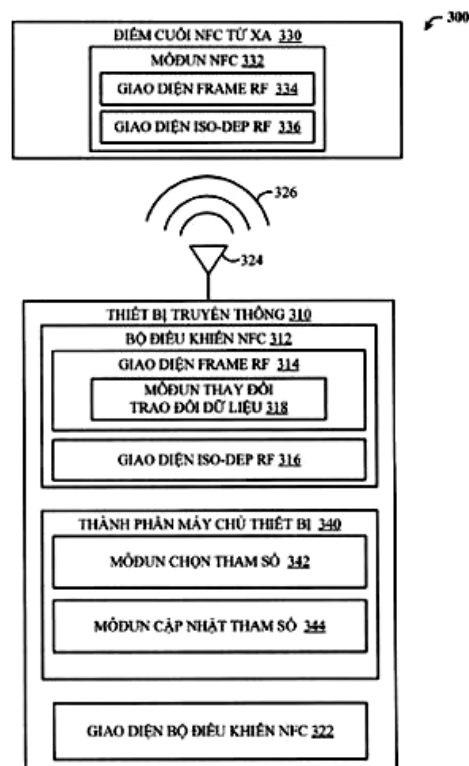
Attn: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121, United States of America

(72) HILLAN, John (GB); CHINGALANDE, Dubai (US)

(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị truyền thông. Cụ thể, sáng chế đề cập đến kỹ thuật cải thiện các cơ chế nhắc NFCC cập nhật các tham số trao đổi dữ liệu dùng cho truyền thông ISO-DEP giữa DH và điểm cuối NFC từ xa. Theo một ví dụ, với thiết bị NFC, DH có thể được tạo cấu hình để thu thông báo kích hoạt từ NFCC đang sử dụng giao diện Frame RF theo công nghệ NFC-B RF, xác định rằng một hoặc nhiều tham số trao đổi dữ liệu có trong thông báo kích hoạt khác với một hoặc nhiều tham số trao đổi dữ liệu thích hợp tương ứng hiện thời mà NFCC được tạo cấu hình để thực thi, tạo lập lệnh cập nhật tham số RF chứa một hoặc nhiều tham số trao đổi dữ liệu tương ứng với một hoặc nhiều tham số trao đổi dữ liệu thích hợp hiện thời đã được xác định là khác nhau, và truyền lệnh cập nhật tham số RF đã tạo lập này đến NFCC để nhắc NFCC cập nhật một hoặc nhiều tham số trao đổi dữ liệu thích hợp tương ứng hiện thời.



- (11) **1-0024524 B** (15) 11/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2017 352A
 (21) 1-2016-05010
 (22) 22/12/2016
 (30) 2015-252927 25/12/2015 JP
 2015-252926 25/12/2015 JP

(51) **B62M 7/12; F16H 57/035; F16H 57/02; B62M 11/16; B62M 9/14**

(73) **HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)**

1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan

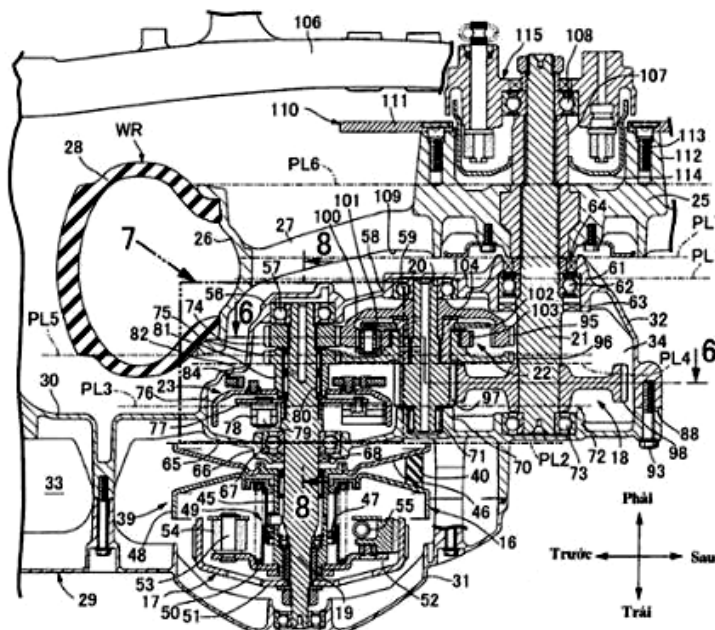
(72) Takashi HAYAKAWA (JP); Hitoshi SUZUKI (JP); Hirokazu KOMURO (JP);
 Tsukasa ENOMOTO (JP); Shuji HIRAYAMA (JP)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **THIẾT BỊ TRUYỀN LỰC DÙNG CHO XE KIỂU NGỒI ĐỂ CHÂN HAI BÊN**

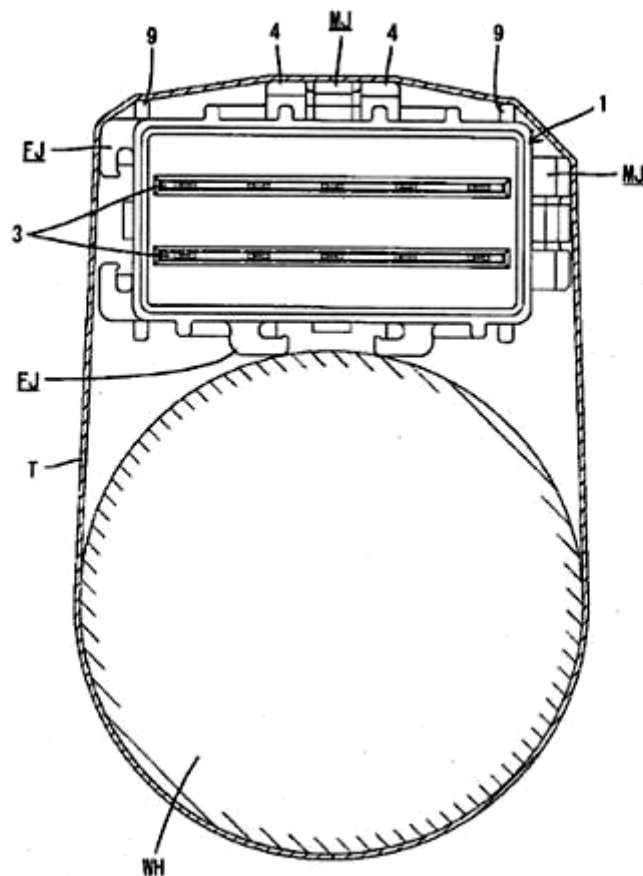
(57) Để ngăn chặn sự nhô ra từ bánh xe sau về phía bên ngoài theo hướng chiều rộng xe và cho phép giảm kích thước theo hướng chiều rộng xe, trong thiết bị truyền lực dùng cho xe ngồi kiểu để chân hai bên, mà bao gồm hộp số truyền động biến đổi liên tục kiểu đai lắp giữa nguồn lực và trục truyền động, và hộp số truyền động cơ khí bố trí giữa trục truyền động và trục bánh xe của bánh xe sau và bao gồm cơ cấu bánh răng hành tinh và khớp ly hợp truyền động.

Phần rãnh chứa (109) chứa phần của hộp số truyền động cơ khí (18) ở một bên theo hướng chiều rộng xe của phần liên kết (27) chứa trong bánh xe sau WR được tạo trong bánh xe sau WR, và phanh bánh xe sau (110) bố trí ở bên kia theo hướng chiều rộng xe của phần liên kết (27) được lắp trên bánh xe sau WR. Bánh răng truyền lực thứ nhất (74) lắp cố định trên trục truyền động (19) và cơ cấu bánh răng hành tinh (22) bố trí đồng trục trên trục trung gian (20) có trục song song với trục truyền động (19) được bố trí trong phần rãnh chứa (109) để xếp chồng phần của vành bánh xe (26) khi nhìn từ hướng vuông góc với trục của trục truyền động (19) và trục của trục trung gian (20).



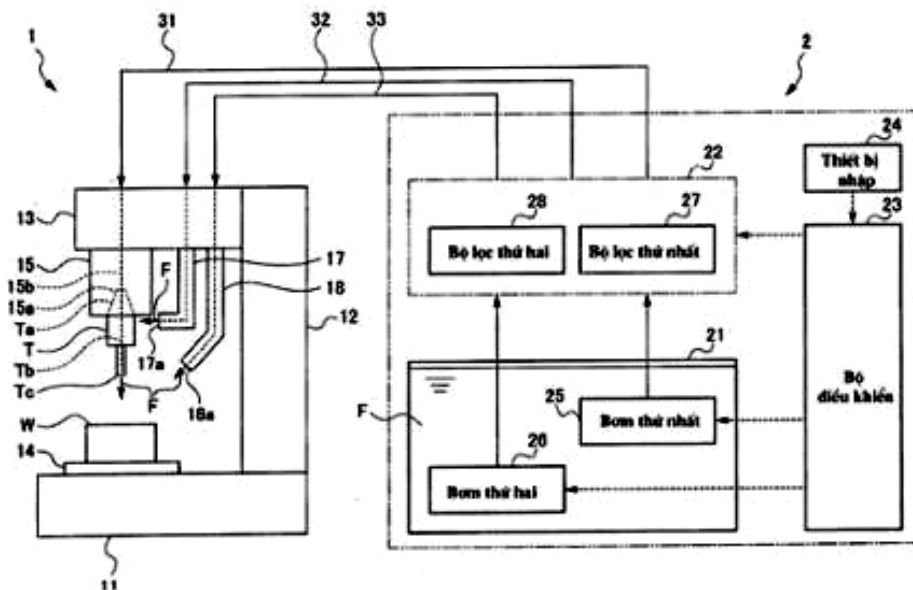
- | | | | |
|---|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024525 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03561 | | (85) 23/09/2016 | |
| (22) 11/03/2015 | | (86) PCT/JP2015/057096 | 11/03/2015 |
| (30) 2014-075304 | 01/04/2014 JP | (87) WO2015/151741 | 08/10/2015 |
| (51) H01R 13/514; H01R 24/28; H01R 13/58; H01R 12/71 | | | |
| (73) SUMITOMO WIRING SYSTEMS, LTD. (JP) | | | |
| 1-14, Nishisuehiro-cho, Yokkaichi-shi, Mie 5108503, Japan | | | |
| (72) Yasuo IMAI (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES) | | | |
| (54) ĐẦU NỐI VÀ CƠ CẤU ĐỂ CỐ ĐỊNH ĐẦU NỐI VÀO BỘ DÂY DẪN | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến đầu nối và cơ cấu để cố định đầu nối vào bộ dây dẫn. Trong trường hợp cố định đầu nối vào bộ dây dẫn (WH) bằng cách quấn băng, thì các gân phía bề mặt trên (9) mà kéo dài theo chiều gần như vuông góc với chiều quấn của băng (T) là được tạo ra để nhô ra trên các phân đầu đối nhau của bề mặt trên của vỏ đầu nối (1). Trong trường hợp quấn băng, thì chiều rộng quấn được làm rộng hơn các gân phía bề mặt trên (9). Do điều này làm cho các phân đầu đối nhau của các gân phía bề mặt trên (9) theo chiều kéo dài có chức năng như các phần giữ băng (T), nên có thể ngăn chặn trường hợp mà băng (T) bị xô dịch theo chiều kéo dài của các gân phía bề mặt trên (9).

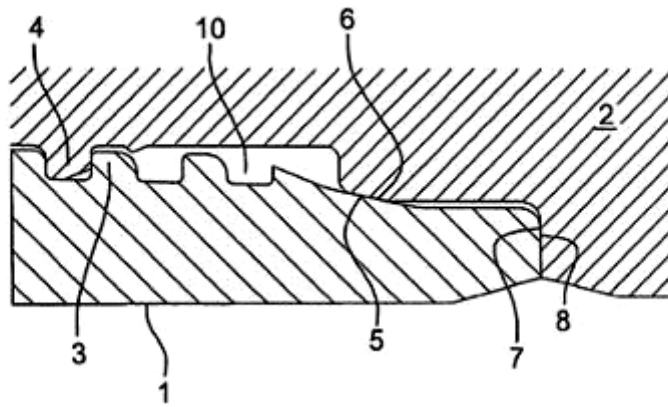


- (11) **1-0024526 B** (15) 11/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2019 373A
 (21) 1-2018-04608
 (22) 18/10/2018
 (30) 2017-203824 20/10/2017 JP
 (51) **B23Q 11/10; B01D 24/48; B01D 29/60**
 (73) **FANUC CORPORATION (JP)**
 3580, Shibokusa Aza-komanba, Oshino-mura, Minamitsuru-gun, Yamanashi 401-0597 Japan
 (72) FUJII Takaaki (JP); TONG Zheng (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHẠM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ CẤP CHẤT LỎNG CẮT GỌT CỦA MÁY CÔNG CỤ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị cấp chất lỏng cắt gọt của máy công cụ có thể cấp chất lỏng cắt gọt đã được lọc cao hơn khi việc gia công cần đến bề mặt gia công chất lượng cao được thực hiện và có thể cấp chất lỏng cắt gọt mà không làm giảm đáng kể tốc độ dòng chảy khi việc gia công bình thường được thực hiện. Thiết bị cấp chất lỏng cắt gọt (2) của máy công cụ (1) bao gồm thùng chứa (21) của chất lỏng cắt gọt (F), lỗ xả chất lỏng cắt gọt (18a) xả chất lỏng cắt gọt (F), ít nhất một bơm (25, 26) dùng để cấp chất lỏng cắt gọt (F) vào lỗ xả chất lỏng cắt gọt (18a), bộ lọc thứ nhất (27), bộ lọc thứ hai (28) có tính năng lọc khác với bộ lọc thứ nhất (27), cụm chuyển đường dẫn (22) chuyển các đường dẫn chất lỏng cắt gọt (F) và bộ điều khiển (23), và bộ điều khiển (23) điều khiển bơm (25, 26) và cụm chuyển đường dẫn (22) để chuyển, như các đường dẫn, sang đường dẫn thứ nhất, mà chất lỏng cắt gọt (F) được cấp dọc theo đó mà không được đi qua các bộ lọc, đường dẫn thứ hai, mà chất lỏng cắt gọt (F) được đi dọc theo đó qua bộ lọc thứ nhất (27) và được cấp và đường dẫn thứ ba, mà chất lỏng cắt gọt (F) được đi dọc theo đó qua bộ lọc thứ hai (28) và được cấp.

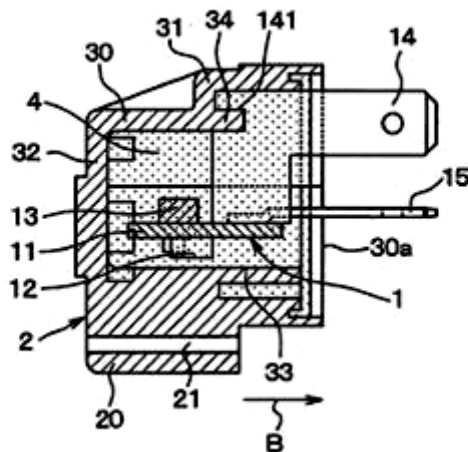


- (11) **1-0024527 B** (15) 11/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
(21) 1-2016-01580 (85) 29/04/2016
(22) 11/09/2014 (86) PCT/EP2014/069362 11/09/2014
(30) 1359528 02/10/2013 FR (87) WO2015/049097 09/04/2015
(51) **C10M 103/06; C23C 18/32; F16L 58/18; F16B 33/00; F16L 15/00; C23C 18/16; E21B 17/042**
(73) **1. VALLOUREC OIL AND GAS FRANCE (FR)**
54 rue Anatole France, F-59620 Aulnoye-Aymeries, France
2. NIPPON STEEL CORPORATION (JP)
6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071, Japan
(72) MILLET, Cécile (FR)
(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
(54) **CHI TIẾT NỐI DÙNG CHO CHI TIẾT DẠNG ỐNG, CHI TIẾT DẠNG ỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO CHI TIẾT NỐI NÀY**
(57) Sáng chế đề cập đến chi tiết nối dùng cho chi tiết dạng ống, chi tiết nối này được phủ bằng lớp phủ bao gồm lớp chính được tạo bởi hợp kim niken-phospho. Sáng chế cũng đề cập đến chi tiết dạng ống bao gồm một hoặc nhiều chi tiết nối này, và phương pháp chế tạo chi tiết nối này.



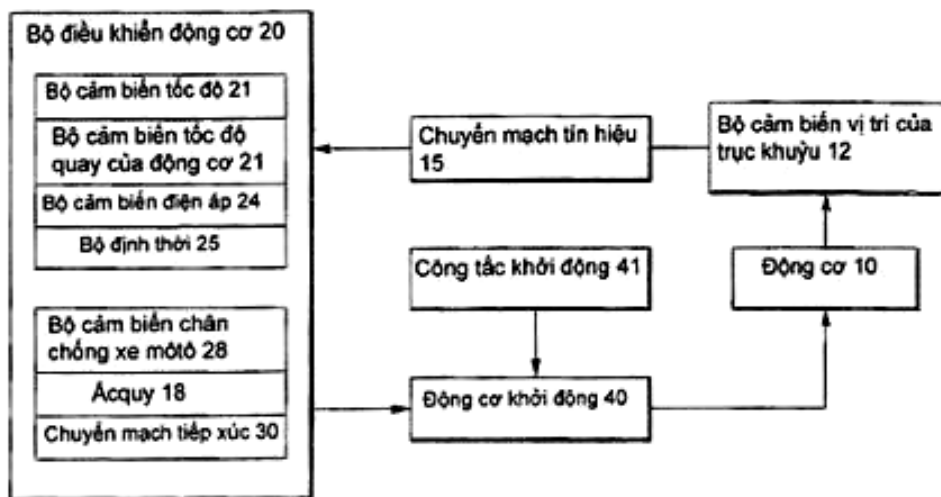
- | | | | |
|---|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024528 B | | (15) 11/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/02/2016 | 335A |
| (21) 1-2015-04752 | | (85) 11/12/2015 | |
| (22) 12/05/2014 | | (86) PCT/JP2014/002488 | 12/05/2014 |
| (30) 2013-102415 | 14/05/2013 | JP (87) WO2014/185047 | 20/11/2014 |
| (51) H05K 5/00; H05K 5/02; H02G 3/16 | | | |
| (73) ANDEN CO., LTD. (JP) | | | |
| 1-10, SaSame-cho, Anjo-city, Aichi-pref., 446-8503 Japan | | | |
| (72) HIROSE, Wataru (JP); HAYASHI, Toshihiro (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.) | | | |
| (54) CỤM THIẾT BỊ ĐIỆN | | | |

(57) Sáng chế đề xuất cụm thiết bị điện. Bộ phận gắn (20) được gài khớp với bộ phận được gắn và phần hộp (30) có đáy và thân dạng hình trụ tạo thành khoang chứa (33) được tạo thành dưới dạng một bộ phận từ cao su, và do đó số lượng các bộ phận và số lượng công đoạn lắp ráp được giảm bớt. Ngoài ra, phần nhô thứ nhất (34) của hộp và rãnh thứ nhất (141) của đầu nối được gài khớp với nhau, và do vậy thiết bị điện (1) và hộp (2) được định vị ở trạng thái trong đó lớp nền (11), role bán dẫn (12) và tụ điện (13) không tiếp xúc với bề mặt ngoại vi bên trong của thành bên (31) của hộp. Lớp bọc (4) được tạo thành bằng cách nhồi vật liệu bọc vào khoang chứa (33) ở trạng thái này, và do vậy vật liệu bọc được đưa vào một cách chắc chắn giữa lớp nền (11), role bán dẫn (12), tụ điện (13) và bề mặt ngoại vi bên trong của thành bên (31) của hộp. Do đó, lớp nền (11), role bán dẫn (12) và tụ điện (13) được bao trong lớp bọc (4). Do đó, có thể ngăn ngừa việc ăn mòn hoặc đoản mạch do độ ẩm hoặc kim loại bên ngoài gây ra.



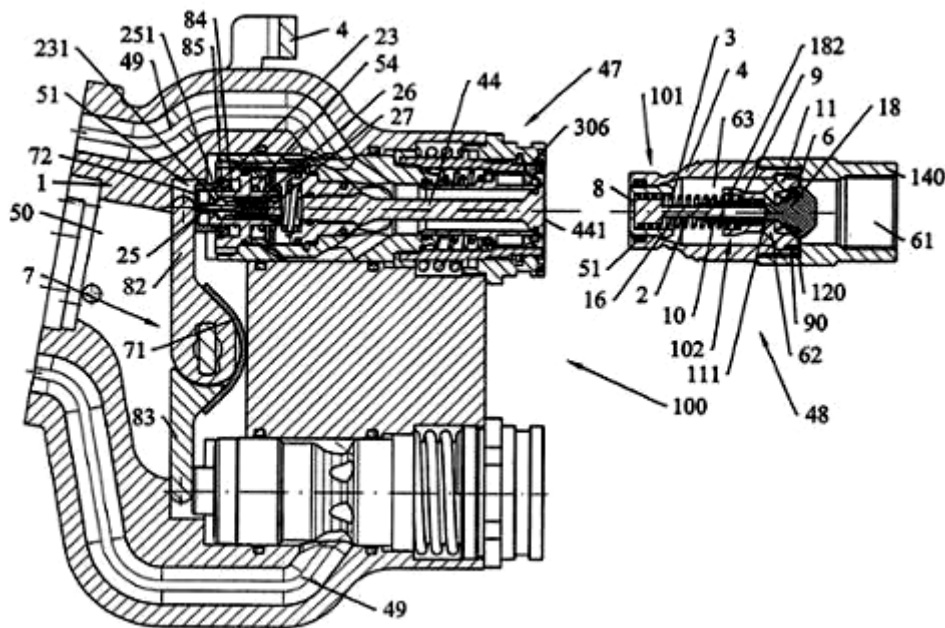
- (11) **1-0024529 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
 (21) 1-2012-03145
 (22) 24/10/2012
 (30) 100139785 01/11/2011 TW
 (51) **F02N 11/00**
 (73) **SANYANG MOTOR CO., LTD.** (TW)
 184 Keng Tzu Kou, Shang Keng Village, Hsin Fong Shiang, Hsinchu, Taiwan
 (72) Ching-Chun HSU (TW); Ching-Chi CHAN (TW)
 (74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN ĐỂ DỪNG VÀ KHỞI ĐỘNG TRẠNG THÁI CHẠY KHÔNG CỦA ĐỘNG CƠ**

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị điều khiển để dừng và khởi động trạng thái chạy không của động cơ, thiết bị này được bố trí trên xe mô tô và có bộ cảm biến chân chống xe mô tô, mô tơ khởi động, và bộ điều khiển động cơ. Bộ cảm biến chân chống xe mô tô được sử dụng để phát hiện xem chân chống chính của xe mô tô có được gạt xuống hay không, công tắc khởi động được nối điện với mô tơ khởi động để khởi động mô tơ này, và bộ điều khiển động cơ được nối điện với bộ cảm biến chân chống xe mô tô và mô tơ khởi động. Giả sử động cơ đang ở trạng thái dừng, và chân chống chính của xe mô tô đã được gạt xuống thì bộ điều khiển động cơ sẽ không đưa ra bất kỳ tín hiệu nào tới mô tơ khởi động sao cho mô tơ khởi động chỉ có thể được kích hoạt nhờ công tắc khởi động thay vì nhờ bộ điều khiển động cơ. Nhờ đó, nguy cơ tiềm năng xảy ra do kích hoạt nhầm mạch tiếp xúc được nối điện với bộ điều khiển động cơ có thể được ngăn chặn.



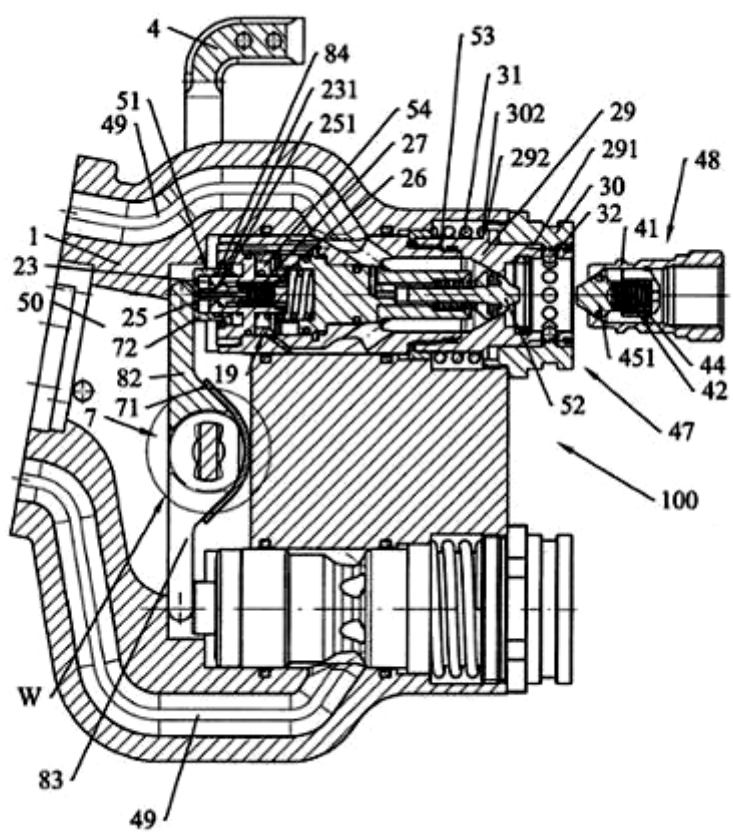
- (11) **1-0024530 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-02120 (85) 10/06/2016
 (22) 10/11/2014 (86) PCT/EP2014/074120 10/11/2014
 (30) MI2013A001866 11/11/2013 IT (87) WO2015/067794 A1 14/05/2015
 (51) **F16L 37/23; F16L 37/413; F16L 37/32**
 (73) **STUCCHI S.P.A. (IT)**
 Via Galileo Gaililei, 1 - 24053 BRIGNANO GERA D'ADDA (BG) - Italy
 (72) GATTI Gianmarco (IT); STUCCHI Giovanni (IT); TIVELLI Sergio (IT)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)
 (54) **BỘ KHỚP NỐI PHẪNG TRUYỀN CHẤT LỎNG CÓ ĐỆM KÍN HÌNH KHUYÊN PHÍA TRƯỚC**

- (57) Sáng chế đề cập đến bộ khớp nối phẳng truyền chất lỏng (100) bao gồm khớp cái (47) phẳng có đệm kín hình khuyên phía trước (400) để ngăn chặn đưa các tạp chất vào, khi nhả khớp, trong thời gian bước nổi khớp-nhả khớp và khi được nối với khớp đực (48).



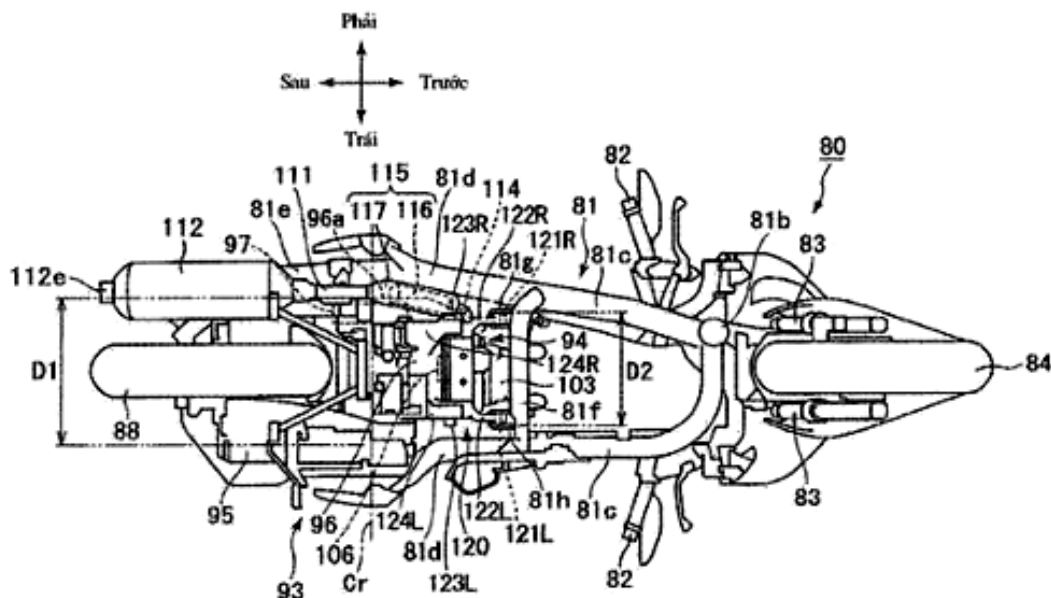
- (11) **1-0024531 B** (15) 12/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
- (21) 1-2016-02119 (85) 10/06/2016
- (22) 10/11/2014 (86) PCT/EP2014/074119 10/11/2014
- (30) MI2013A001865 11/11/2013 IT (87) WO2015/067793A1 14/05/2015
- (51) **F16L 37/23; F16L 37/32**
- (73) **STUCCHI S.P.A. (IT)**
Via Galileo Gaililei, 1 - 24053 BRIGNANO GERA D'ADDA (BG) - Italy
- (72) GATTI Gianmarco (IT); TIVELLI Sergio (IT)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện (IPACO.,LTD.)
- (54) **BỘ KHỚP TRUYỀN CHẤT LỎNG CÓ BỘ PHẬN CAM GIẢM ÁP ĐỘC LẬP**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ khớp nối truyền chất lỏng (100) bao gồm ít nhất hai khớp cái (47) được gài vào trong đoạn cấp thủy lực (1), và ít nhất hai khớp đực (48) tương ứng, mà có thể được nối khớp với các khớp cái (47) nêu trên, đoạn (1) nêu trên bao gồm ít nhất hai đường thủy lực (49) và ít nhất một đường thoát (50), và cần (4) được tạo ra liền khối với các chi tiết độc lập (82, 83) của cam (7) được làm thích ứng để giải phóng áp suất từ buồng (54) bên trong mỗi khớp cái (47) và được làm thích ứng để nhả khớp đực (48) từ khớp cái (47) tương ứng, mỗi khớp cái (47) bao gồm van giảm áp (51), mà làm cho buồng (54) nêu trên vào kết nối với đường thoát (50) nêu trên.

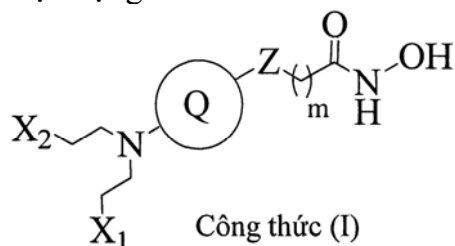


- (11) **1-0024532 B** (15) 12/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
- (21) 1-2016-05131 (85) 29/12/2016
- (22) 03/07/2015 (86) PCT/JP2015/069357 03/07/2015
- (30) 2014-138379 04/07/2014 JP (87) WO2016/002958 07/01/2016
- (51) **B62K 25/20; B62K 11/04; F01N 3/10; B62M 7/02; F01N 13/08; B62J 99/00**
- (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
2500 Shingai, Iwata, Shizuoka 438-8501, Japan
- (72) Masato NISHIGAKI (JP); Yuji ARAKI (JP); Kazuhiro ISHIZAWA (JP); Makoto WAKIMURA (JP)
- (74) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)
- (54) **XE NGỒI KIỂU YÊN NGỰA**

(57) Sáng chế đề xuất xe ngồi kiểu yên ngựa nhằm mục đích hạn chế ảnh hưởng của nhiệt từ bộ xúc tác tới các bộ phận của xe trong khi cải thiện hiệu suất làm sạch của việc làm sạch khí xả bằng bộ xúc tác trong cụm động cơ bốn kỳ một xi lanh kiểu cụm lắc. Thân chính (94) của động cơ được đỡ lắc được bởi khung thân xe (81) bởi gối đỡ lắc (120), và được lắp bên dưới ít nhất một bộ phận của xe. Bộ xúc tác chính (116) được lắp trong ống xả (111) và làm sạch hầu hết khí xả được xả ra khỏi buồng đốt đơn (106) trong đường xả từ buồng đốt đơn (106) đến cửa xả (112e). Bộ xúc tác chính (116) được lắp ít nhất một phần ở bên phải của đầu bên phải của gối đỡ lắc (120) hoặc ở bên trái của đầu bên trái của gối đỡ lắc (120) theo chiều từ trái sang phải. Khi xe ngồi kiểu yên ngựa được nhìn theo chiều từ trên xuống dưới, bộ xúc tác chính (116) được lắp ít nhất một phần bên ngoài thân chính (94) của động cơ.



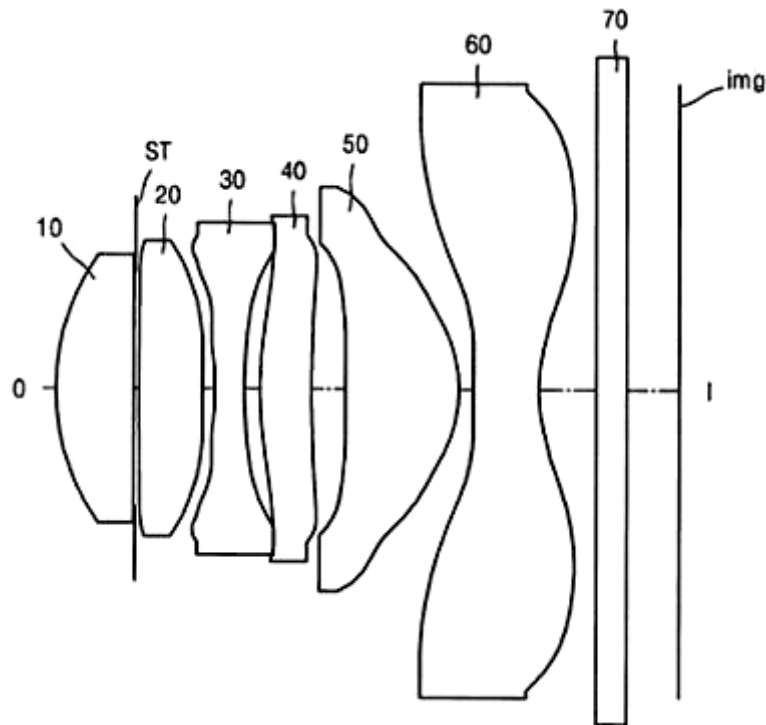
- (11) **1-0024533 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
 (21) 1-2014-01231 (85) 16/04/2014
 (22) 14/09/2012 (86) PCT/US2012/055277 14/09/2012
 (30) 61/536038 18/09/2011 US (87) WO2013/040286 A2 21/03/2013
 61/602408 23/02/2012 US
 (51) **A61K 31/4184; A61P 35/00; A61K 31/16; A61K 31/4164**
 (73) **EURO-CELTIQUE S.A.** (LU)
 2, avenue Charles de Gaulle, L-1653 Luxembourg, Luxembourg
 (72) CHEN, Yu (CN); YANG, Lan (CN); FENG, Feiyu (CN); GE, Qiufu (CN); GUO,
 Dianwu (CN); CHEN, Yi (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **DUỢC PHẨM VÀ CHẾ PHẨM ĐÔNG KHÔ CỦA DUỢC PHẨM CHỨA
 XYCLOPOLYSACARIT ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH UNG THƯ**
 (57) Sáng chế đề cập đến các dược phẩm chứa: (a) xyclopolysacarit và (b) hợp chất có công thức (I) hoặc muối dược dụng của nó:



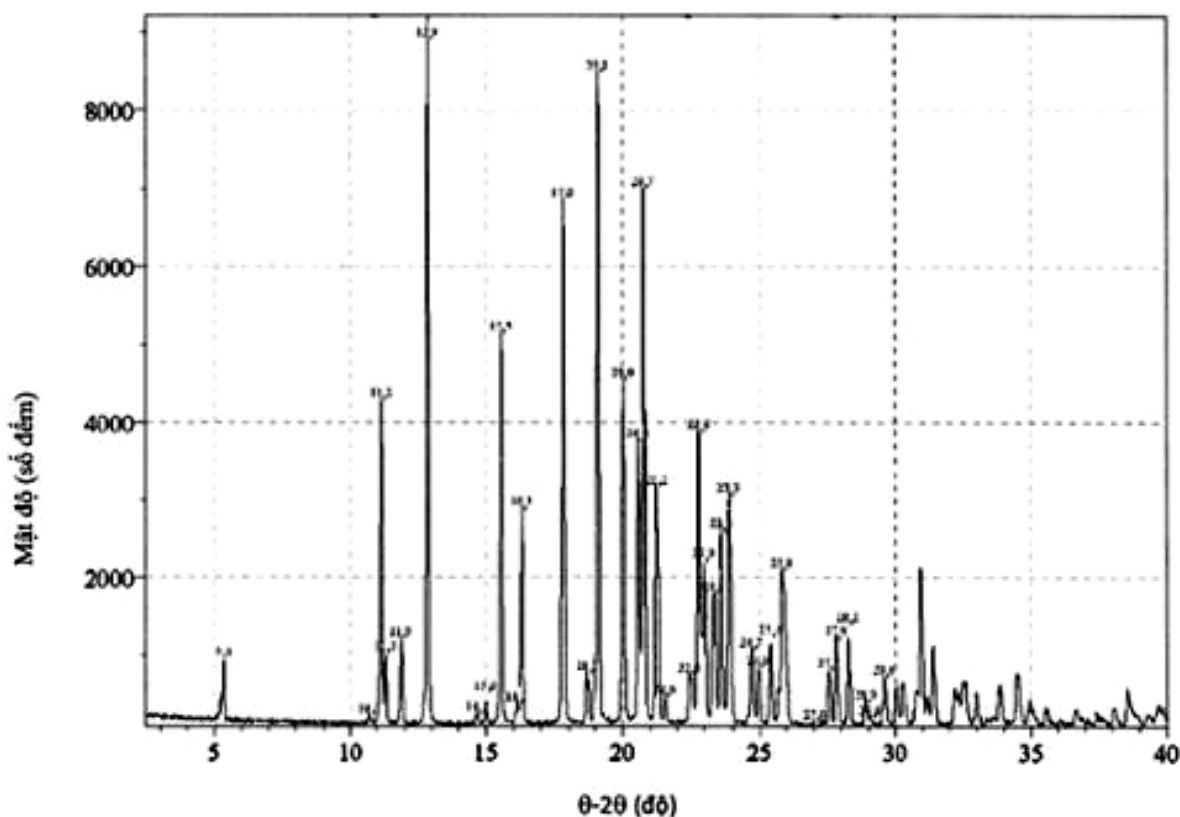
trong đó X_1 , X_2 , Q , Z , và m được xác định như trong bản mô tả này. Ngoài ra, sáng chế đề xuất các dược phẩm này được sử dụng để sản xuất thuốc để điều trị bệnh ung thư hoặc bệnh miễn dịch.

- (11) **1-0024534 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
 (21) 1-2015-04614 (85) 02/12/2015
 (22) 02/07/2014 (86) PCT/KR2014/005921 02/07/2014
 (30) 10-2013-0081202 10/07/2013 KR (87) WO2015/005611 15/01/2015
 (51) **G02B 9/62; H04N 5/225; G02B 13/00; G02B 13/18**
 (73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677, Republic of Korea
 (72) LEE, Tae-young (KR)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **ỐNG KÍNH CHỤP ẢNH VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG ỐNG KÍNH CHỤP ẢNH NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến ống kính chụp ảnh và thiết bị điện tử sử dụng ống kính chụp ảnh này. Ống kính chụp ảnh bao gồm: thấu kính thứ nhất có mặt ở phía không gian vật có dạng lồi và có năng suất khúc xạ dương; thấu kính thứ hai có mặt ở phía không gian ảnh có dạng lồi và có năng suất khúc xạ dương hoặc âm; thấu kính thứ ba có năng suất khúc xạ âm; thấu kính thứ tư có năng suất khúc xạ dương hoặc âm; thấu kính thứ năm có mặt ở phía không gian ảnh có dạng lồi và có năng suất khúc xạ dương; và thấu kính thứ sáu có mặt ở phía không gian ảnh có dạng lõm ở gần trục quang học, và có năng suất khúc xạ âm, trong đó các thấu kính từ thứ nhất đến thứ sáu được sắp xếp tuần tự từ phía không gian vật.



- (11) **1-0024535 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2013 304A
 (21) 1-2013-00110 (85) 11/01/2013
 (22) 10/06/2011 (86) PCT/CN2011/075554 10/06/2011
 (30) PCT/CN2010/073865 12/06/2010 CN (87) WO2011/153953 15/12/2011
 (51) **C07H 7/04; A61K 31/70; A61P 3/00**
 (73) **THERACOS SUB, LLC (US)**
 225 Cedar Hill Street, Suite 200, Marlborough, Massachusetts 01752, United States of America
 (72) CAI, Mengzhuang (CN); LIU, Qian (CN); XU, Ge (CN); LV, Binhua (CN); SEED, Brian (US); ROBERGE, Jacques Y. (CA)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT BENZYL BENZEN SGLT2 DẠNG TINH THỂ, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ**
 (57) Sáng chế đề xuất hợp chất dạng tinh thể có tác dụng ức chế chất đồng vận chuyên glucoza phụ thuộc natri SGLT2. Sáng chế còn đề xuất dược phẩm, phương pháp điều chế hợp chất dạng tinh thể, và các phương pháp sử dụng hợp chất dạng tinh thể, độc lập hoặc kết hợp với các chất trị liệu khác, để điều trị các bệnh và tình trạng bệnh mà bị ảnh hưởng bởi sự ức chế SGLT hoặc SGLT2.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024536 B | | (15) 12/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/01/2013 | 298A |
| (21) 1-2012-03326 | | (85) 08/11/2012 | |
| (22) 06/04/2011 | | (86) PCT/DE2011/000372 | 06/04/2011 |
| (30) 10 2010 014 | 08/04/2010 DE | (87) WO2011/124212 | 13/10/2011 |
| | 248.4 | | |

(51) **F01C 21/10; F04C 2/12; F04C 13/00**

(73) **NETZSCH MOHNOPUMPEN GMBH (DE)**

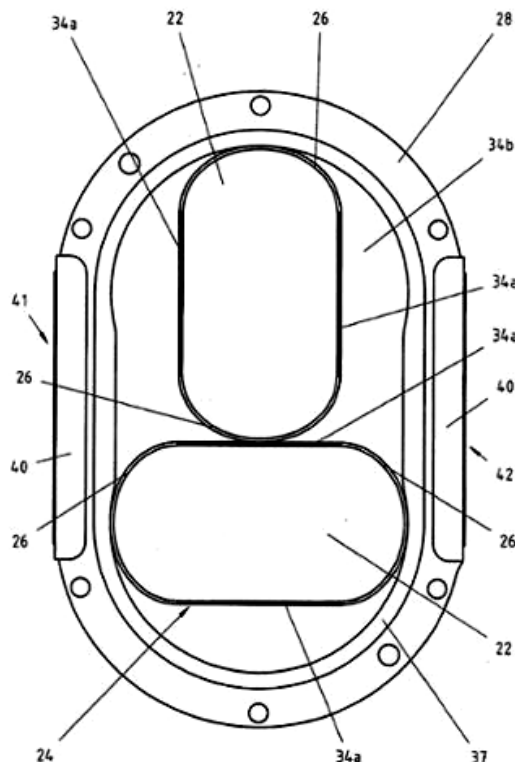
Gebruder-Netzsch-Str. 19, 95100 Selb, Germany

(72) LINDE, Hans Jurgen (DE); MURRENHOF, Bernhard (DE); KURZ, Robert (DE); DENK, Reinhard (DE); STRASSL, Josef (DE); BOHME, Thomas (DE); KAMAL, Hisham (DE); WEIGL, Stefan (DE); WILLIS, Roger (DE); KERN, Stefan (DE); KREIDL, Johann (DE); HERR, Gunter (DE); KNEIDL, Franz (DE); TEKNEYAN, Mikael (DE); WEBER, Erwin (DE); VERHOEVEN, Marcel (GB); GRADL, Mathias (DE)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyền (INVENCO.,LTD)

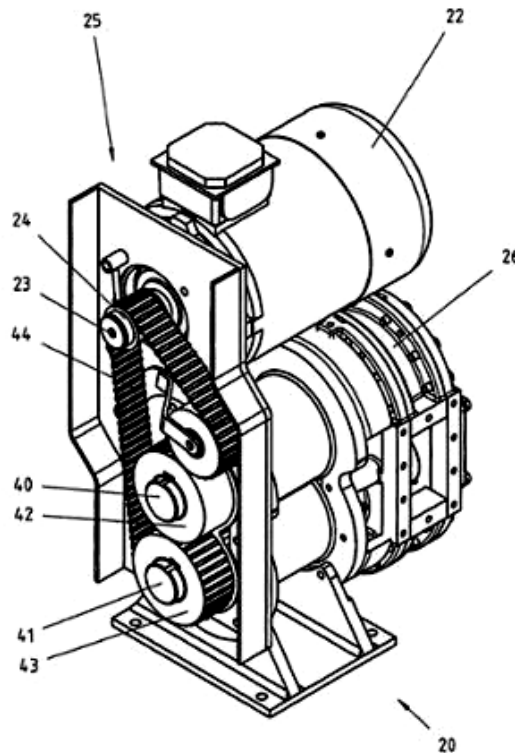
(54) **BƠM PIT TÔNG QUAY**

(57) Sáng chế đề xuất bơm pit tông quay (20) bao gồm ít nhất hai pit tông quay quay ngược chiều nhau (22) và vỏ bơm hình ô van (28). Mỗi pit tông quay (22) đều có cánh đuôi của pit tông quay và có ít nhất một chi tiết tiếp xúc (34). Các điểm tiếp xúc của các mép (24) của ít nhất hai pit tông quay (22), trong đó hai pit tông quay (22) tạo ra một cặp ma sát, có ít nhất một chi tiết tiếp xúc (34b). Tương tự, vùng bên trong (32) của vỏ bơm hình ô van (28) cũng có ít nhất một chi tiết tiếp xúc có thể thay đổi được (34a).

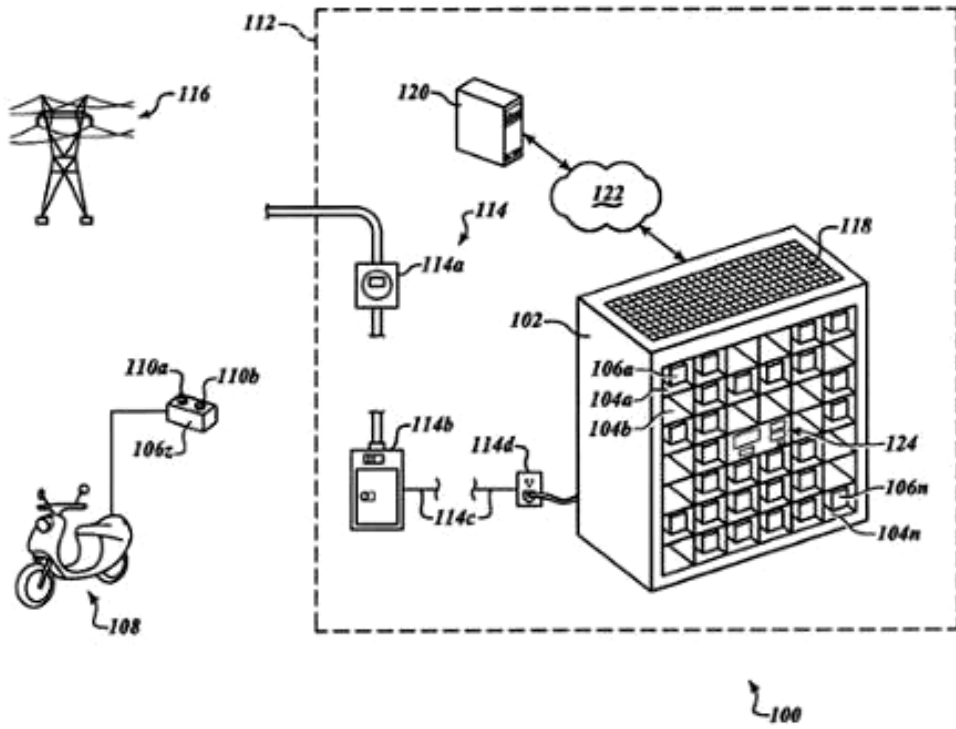


- (11) **1-0024537 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
 (21) 1-2012-03325 (85) 08/11/2012
 (22) 06/04/2011 (86) PCT/DE2011/000373 06/04/2011
 (30) 10 2010 014 08/04/2010 DE (87) WO2011/124213 13/10/2011
 218.2
 (51) **F01C 21/24; F01C 17/02; F01C 21/00; F04C 2/12; F03C 2/00; F03C 4/00; F04C 15/00; F01C 17/00**
 (73) **NETZSCH MOHNOPUMPEN GMBH (DE)**
 Gebruder-Netzsch-Str. 19, 95100 Selb, Germany
 (72) LINDE, Hans Jurgen (DE); MURRENHOFF, Bernhard (DE); KURZ, Robert (DE); DENK, Reinhard (DE); STRASSL, Josef (DE); BOHME, Thomas (DE); KAMAL, Hisham (DE); WEIGL, Stefan (DE); WILLIS, Roger (DE); KERN, Stefan (DE); KREIDL, Johann (DE); HERR, Gunter (DE); KNEIDL, Franz (DE); TEKNEYAN, Mikael (DE); WEBER, Erwin (DE); VERHOEVEN, Marcel (GB); GRADL, Mathias (DE); ENDERLE, Udo (DE)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO.,LTD)
 (54) **BƠM PIT TÔNG QUAY VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH BƠM NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến bơm pit tông quay (20) có ít nhất một động cơ (22) có ít nhất hai pit tông quay (32) quay ngược chiều nhau. Hai pit tông quay (32) được chứa trong vỏ bơm hình ô van (26). Hai pit tông quay (32) được bố trí trên trục phát động thứ nhất (40) và trục phát động thứ hai (41). Trục phát động thứ nhất (40) và trục phát động thứ hai (41) được dẫn động và đồng bộ hóa nhờ ít nhất một chi tiết đàn hồi (44).

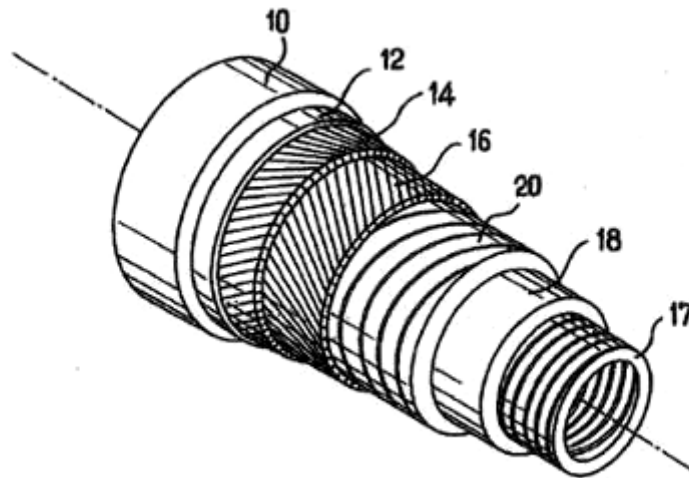


- | | | | | |
|-------------------------|------------|----|------------------------|------------|
| (11) 1-0024538 B | | | (15) 12/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 25/07/2014 | 316A |
| (21) 1-2014-00602 | | | (85) 25/02/2014 | |
| (22) 26/07/2012 | | | (86) PCT/US2012/048347 | 26/07/2012 |
| (30) 61/511,880 | 26/07/2011 | US | (87) WO2013/016540 | 31/01/2013 |
| 61/511,887 | 26/07/2011 | US | | |
| 61/511,900 | 26/07/2011 | US | | |
| 61/534,753 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/534,761 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/534,772 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/557,170 | 08/11/2011 | US | | |
| 61/581,566 | 29/12/2011 | US | | |
| 61/601,404 | 21/02/2012 | US | | |
| 61/601,949 | 22/02/2012 | US | | |
| 61/601,953 | 22/02/2012 | US | | |
| 61/647,936 | 16/05/2012 | US | | |
| 61/647,941 | 16/05/2012 | US | | |
- (51) **H02J 7/04; H01M 10/46**
- (73) **GOGORO INC. (KY)**
190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1, 9005 Cayman Islands
- (72) LUKE, Hok-Sum, Horace (US); TAYLOR, Matthew, Whiting (US); HUNG, Huang-Cheng (TW)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.)
- (54) **MÁY THU NHẬN, SẠC ĐIỆN VÀ PHÂN PHỐI, PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH MÁY NÀY VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BỞI MÁY TÍNH**
- (57) Sáng chế đề cập đến máy thu nhận, sạc điện và phân phối thiết bị lưu trữ điện năng xách tay (ví dụ, pin, siêu tụ điện). Để sạc điện, máy sử dụng dòng điện từ nguồn bên ngoài, chẳng hạn như, lưới điện hoặc dịch vụ điện ở nơi lắp đặt. Máy xác định số lượng thứ nhất thiết bị sẽ được sạc nhanh, sử dụng số lượng thứ hai thiết bị được xác định để sạc. Do đó, một số thiết bị có thể được sạc đồng thời thông qua dòng điện từ dịch vụ điện và dòng điện từ thiết bị khác, để đạt được khả năng sạc nhanh tập con thiết bị. Sau đó, thiết bị lưu trữ năng lượng dùng để sạc có thể được sạc lại sau đó và do đó có thể đảm bảo tính sẵn sàng của thiết bị cho người dùng cuối.



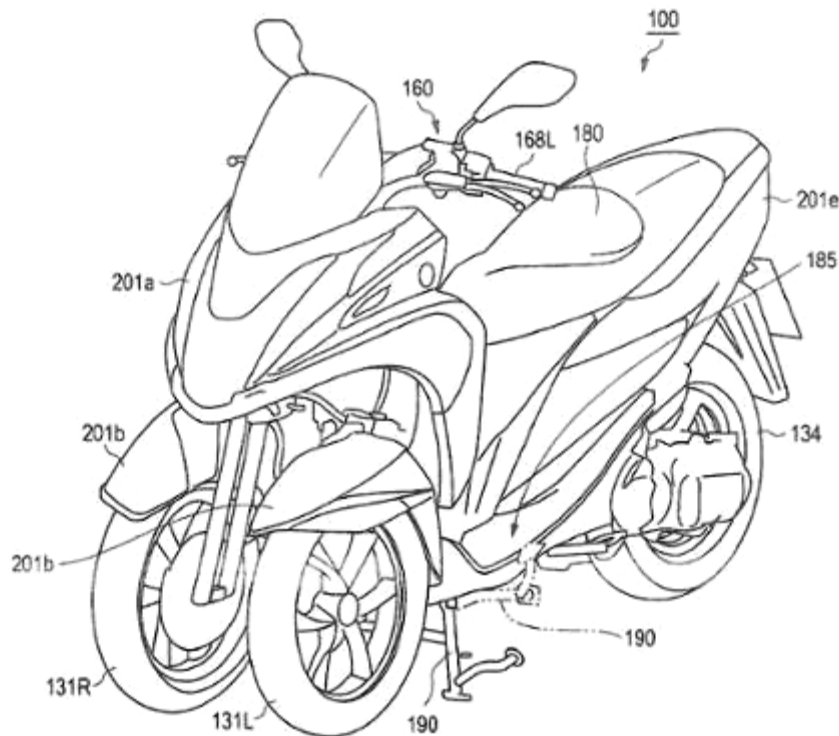
- (11) **1-0024539 B** (15) 12/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2014 321A
(21) 1-2014-03280 (85) 30/09/2014
(22) 26/02/2013 (86) PCT/FR2013/050391 26/02/2013
(30) 1251910 01/03/2012 FR (87) WO2013/128110 06/09/2013
(51) **C08L 27/16; F16L 11/08; B32B 1/08**
(73) **TECHNIP FRANCE (FR)**
6-8, Allée de l'Arche, Faubourg de l'Arche, ZAC Danton F-92400 Courbevoie,
France
(72) CHALUMEAU Alain (FR)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **ỐNG MỀM DẪO DÙNG CHO KHAI THÁC DẦU VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ
TẠO ỐNG NÀY**

(57) Sáng chế đề cập tới ống mềm dẻo dùng cho khai thác dầu, ống mềm dẻo bao gồm ít nhất một lớp gia cường và ít nhất một lớp hợp chất flopolyme, trong đó hợp chất flopolyme có hợp phần bao gồm homopolyme polyvinyliden florua và copolyme vinyliden florua/comonome flo hoá, và chất dẻo hoá. Tỷ lệ theo khối lượng hexaflopropylen monome trong copolyme là lớn hơn 25%.

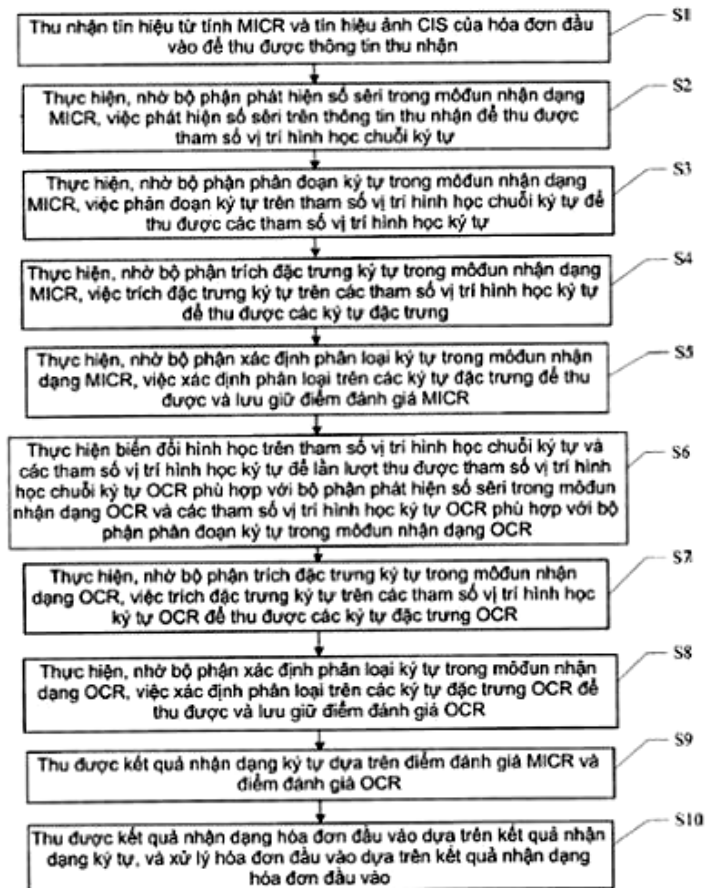


- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024540 B | | (15) 12/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2016 | 344A |
| (21) 1-2015-04841 | | (85) 18/12/2015 | |
| (22) 30/01/2015 | | (86) PCT/JP2015/000411 | 30/01/2015 |
| (30) 2014-017264 | 31/01/2014 JP | (87) WO2015/115108 A1 | 06/08/2015 |
- (51) **B62H 1/02; B62K 5/05**
 (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan
 (72) Kazuhisa TAKANO (JP); Masahiro TOMIMATSU (JP)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG**

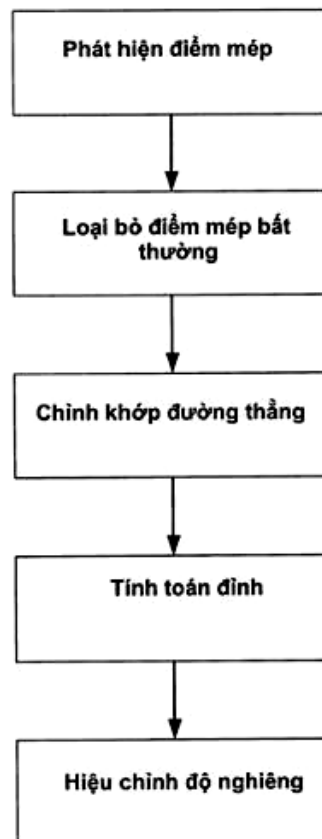
(57) Sáng chế đề xuất phương tiện giao thông được bố trí với chân chống giữa có thể được chuyển sang vị trí sử dụng bởi phương pháp thao tác khác với các chân chống giữa đã được sử dụng trong lĩnh vực này trước sáng chế và khung thân có thể nghiêng được. Phương tiện này được bố trí với: phần bánh trước và bánh sau nghiêng theo phương ngang của phương tiện; yên có mặt ngồi cho người điều khiển; tay lái có tay nắm trái và tay nắm phải và có thể thay đổi định hướng của phần bánh trước; chân chống giữa có phần tiếp đất trái và phần tiếp đất phải và được đỡ để cho có thể quay được so với khung thân; và bàn đạp tác động một tải, nhờ đó quay chân chống giữa từ vị trí thu lại sang vị trí sử dụng. Chân chống giữa được tạo kết cấu để cho được chuyển đổi sang vị trí sử dụng khi tải được tác động vào bàn đạp và một lực hướng sau được tác động vào tay nắm trái và tay nắm phải.



- (11) **1-0024541 B** (15) 12/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
- (21) 1-2016-01274 (85) 08/04/2016
- (22) 20/10/2014 (86) PCT/CN2014/088898 20/10/2014
- (30) 201410263710.3 13/06/2014 CN (87) WO2015/188556 17/12/2015
- (51) **G07D 7/00; G06K 9/00**
- (73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD. (CN)**
9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
- (72) ZHENG, Weirui (CN); XIAO, Zhuming (CN); GUAN, Yuping (CN); LIU, Guanglu (CN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG ĐỂ ĐỊNH VỊ VÀ NHẬN DẠNG HÓA ĐƠN DỰA TRÊN KẾT HỢP NHIỀU TÍN HIỆU**
- (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp và hệ thống để định vị và nhận dạng hóa đơn dựa trên kết hợp nhiều tín hiệu sử dụng mối tương quan thiết lập ánh xạ tọa độ giữa tín hiệu từ tính MICR (nhận dạng ký tự mực từ tính) một chiều và tín hiệu ảnh OCR (nhận dạng ký tự quang học) của hóa đơn để biến đổi dữ liệu xử lý có độ tin cậy cao trong môđun nhận dạng tín hiệu MICR thành các tham số phù hợp với môđun nhận dạng tín hiệu OCR bằng biến đổi hình học, vì thế cải thiện hiệu quả và độ tin cậy của việc định vị ký tự OCR, giảm bớt thời gian hoạt động và cải thiện độ chính xác nhận dạng OCR, cũng như cải thiện độ chính xác và hiệu quả xử lý của hệ thống nhận dạng ký tự.

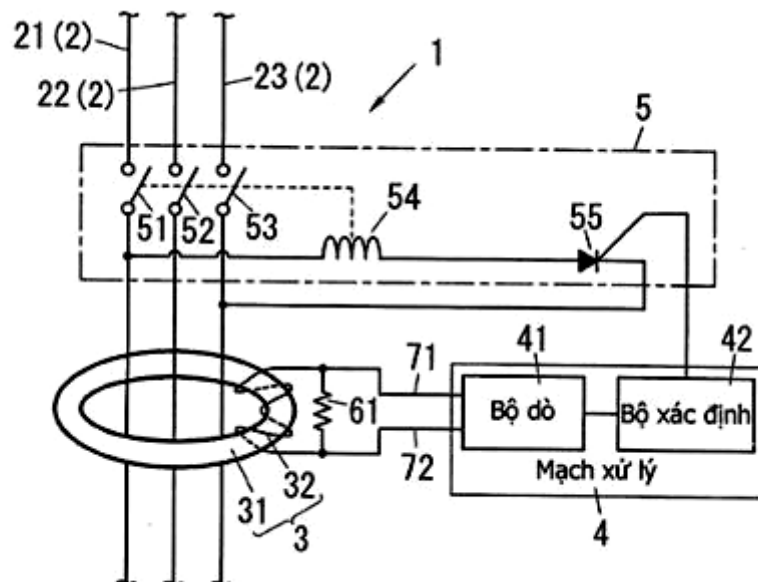


- (11) **1-0024542 B** (15) 12/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
(21) 1-2016-02590 (85) 14/07/2016
(22) 13/10/2014 (86) PCT/CN2014/088484 13/10/2014
(30) 201310733877.7 25/12/2013 CN (87) WO2015/096535 A1 02/07/2015
(51) **G06T 3/60**
(73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD.** (CN)
9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
(72) WANG, Qianwen (CN); YOU, Jing (CN); XU, Jing (CN); XIE, Dehao (CN)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP HIỆU CHỈNH ẢNH HÌNH TỨ GIÁC BỊ PHÂN MẢNH HOẶC BIẾN DẠNG**
- (57) Sáng chế đề cập tới phương pháp hiệu chỉnh ảnh hình tứ giác bị phân mảnh hoặc biến dạng. Phương pháp này có năm bước gồm: phát hiện điểm mép, loại bỏ điểm mép bất thường, chỉnh khớp đường thẳng, tính toán đỉnh và hiệu chỉnh độ nghiêng.

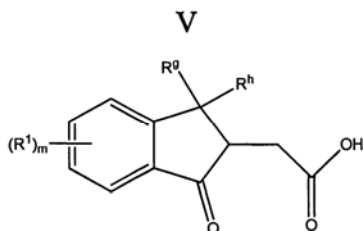


- (11) **1-0024543 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
 (21) 1-2016-01986 (85) 01/06/2016
 (22) 27/11/2014 (86) PCT/JP2014/005929 27/11/2014
 (30) 2013-265490 24/12/2013 JP (87) WO2015/097984 02/07/2015
 (51) **H01H 83/02**
 (73) **PANASONIC INTELLECTUAL PROPOERTY MANAGEMENT CO., LTD.**
 (JP)
 1-61, Shiromi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 540-6207, Japan
 (72) Koichi YAMAZOE (JP); Tsuyoshi TANAKA (JP); Jumpei ENDO (JP); Kenji ITO (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **BỘ NGẮT MẠCH**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ ngắt mạch không dễ bị ảnh hưởng bởi các nhiễu sóng điện từ mà không phụ thuộc vào chiều dài của đường dây. Mạch xử lý (4) được nối điện vào đầu thứ nhất của bộ biến dòng (3) qua đường dây thứ nhất (71), và được nối điện vào đầu thứ hai của bộ biến dòng (3) qua đường dây thứ hai (72). Bộ ngắt (5) được tạo cấu hình để ngắt dòng điện đi qua đường dẫn điện (2) đáp lại đầu ra của mạch xử lý (4). Điện trở thứ nhất (61) được nối điện giữa đường dây thứ nhất (71) và đường dây thứ hai (72) để tạo thành đường cho phép dòng điện thứ cấp đi qua đường này. Bộ dò (41) được tạo cấu hình để đo hiệu điện thế giữa đường dây thứ nhất (71) và đường dây thứ hai (72). Bộ xác định (42) được tạo cấu hình để xác định xem có kích hoạt bộ ngắt (5) hay không, dựa trên hiệu điện thế đo được bằng bộ dò (41).



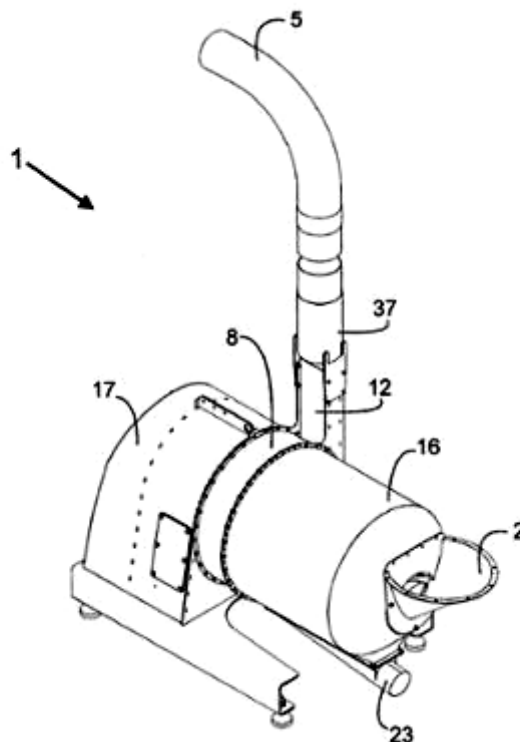
- (11) **1-0024544 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2014 312A
 (21) 1-2013-01808 (85) 14/06/2013
 (22) 14/12/2011 (86) PCT/US2011/064800 14/12/2011
 (30) 61/459,617 16/12/2010 US (87) WO2012/082837 21/06/2012
 13/324,345 13/12/2011 US
 (51) **C07C 51/353**; C07D 311/94; C07C 41/26; C07C 43/295; C07C 51/09; C07C 51/373; C07C 51/377; C07C 51/56; C07C 57/34; C07C 59/72; C07C 69/14; C07D 263/14; C07D 307/60; C07C 37/055; C07C 39/42
 (73) **TRANSITIONS OPTICAL, INC. (US)**
 9251 Belcher Road, Pinellas Park, Florida 33728, US
 (72) YU, Huayun (US); CHOPRA, Anu (US); VAN GEMERT, Barry (US); XIAO, Wenjing (US)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NAPHTOL ĐƯỢC NGỪNG TỤ INDENO**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều chế hợp chất naphtol được ngưng tụ indeno, bao gồm các bước, theo một số phương án, điều chế hợp chất trung gian axit indanon, có công thức chung V sau:



Đối với công thức V, m nằm trong khoảng từ 0 đến 4, và R¹ đối với mỗi m, R^g và R^h mỗi nhóm có thể độc lập được chọn từ nhóm bao gồm, ví dụ, hydro và hydrocacbyl. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều chế hợp chất naphtopyan được ngưng tụ indeno mà bao gồm việc điều chế hợp chất trung gian axit indanon.

- | | | | |
|--|---|------------------------|------------|
| (11) 1-0024545 B | | (15) 12/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/04/2014 | 313A |
| (21) 1-2013-03761 | | (85) 28/11/2013 | |
| (22) 12/05/2011 | | (86) PCT/BR2011/000137 | 12/05/2011 |
| (30) PI1102511-5 | 03/05/2011 | BR (87) WO2012/149616 | 08/11/2012 |
| (51) F26B 5/08 | | | |
| (73) NICK, JOSEF ANDREAS (BR) | | | |
| | Rua Padre João, no 14-68 ap.: 704, Vila Santa Teresa, 17012-020 Bauru SP, BR-Brasil | | |
| (72) NICK, Josef Andreas (BR) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) MÁY LY TÂM DÙNG CHO NGUYÊN LIỆU RẮN DẠNG HẠT | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến máy ly tâm (1) dùng cho nguyên liệu rắn dạng hạt, bao gồm phễu (2), cơ cấu ly tâm (3), được kết hợp với phễu (2), được bố trí với chi tiết dạng xoắn ốc (6) có thể quay cho phép sự vận chuyển của nguyên liệu rắn dạng hạt. Cơ cấu ly tâm (3) cũng được bố trí với bộ phận quay được đục lỗ (7), xung quanh chi tiết dạng xoắn ốc (6) được tạo kết cấu để loại bỏ, nhờ lực ly tâm, chất lỏng tự do được dính bám vào bề mặt của nguyên liệu rắn dạng hạt. Ngoài ra, máy (1) bao gồm ống dẫn thải chất rắn (5) và khoang gom chất rắn (8), được bố trí giữa cơ cấu ly tâm (3) và ống dẫn thải chất rắn (5), có khả năng nhận nguyên liệu rắn dạng hạt ly tâm từ bộ phận quay (7). Khoang gom chất rắn (8) được bố trí với rôto dẫn chất rắn (9), mà bao gồm các cánh hướng tâm (10) được tạo kết cấu để đẩy nguyên liệu rắn dạng hạt và tạo ra sự gia tăng vận tốc tiếp tuyến cho chúng. Chi tiết dạng xoắn ốc (6) có thể quay và bộ phận quay (7) được tạo kết cấu để cho phép sự điều chỉnh của vận tốc góc.

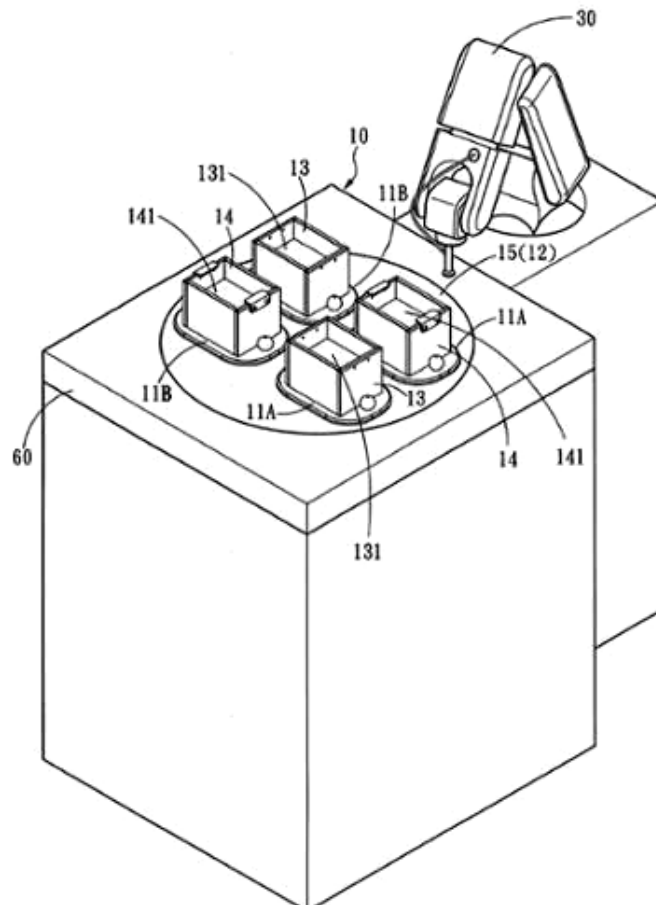


CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỀN 1 (07.2020)

- (11) **1-0024546 B** (15) 12/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
- (21) 1-2015-02402 (85) 03/07/2015
- (22) 05/12/2012 (86) PCT/US2012/067994 05/12/2012
- (87) WO2014/088572 12/06/2014
- (51) **A61K 8/27; A61Q 11/00; A61K 8/44; A61K 8/21**
- (73) **COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)**
300 Park Avenue, New York, New York 10022, United States of America
- (72) REGE Aarti (IN); SURIANO David F. (US); SULLIVAN Richard (US);
STRANICK Michael A. (US)
- (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
- (54) **CHẾ PHẨM CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chăm sóc răng miệng chứa nguồn ion kẽm, nguồn ion florua, và axit amin có tính bazơ cùng với phương pháp điều chế chúng và mô tả việc sử dụng chúng.

- (11) **1-0024547 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
 (21) 1-2016-03840
 (22) 12/10/2016
 (30) 104144196 29/12/2015 TW
 (51) **A63F 1/12; A63F 1/14**
 (76) **TIEN-SHU HSU (TW)**
 5F-8, No.210, Gungye 38 Rd., Shituen Chiu, Taichung City, Taiwan
 (74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
 (54) **CƠ CẤU XÁO VÀ CHIA BÀI TỰ ĐỘNG**

- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu xáo và chia bài tự động lần lượt xáo và lần lượt chia các quân bài đang chơi của hai bộ bài chơi, có hai cụm khe chứa bài, mỗi cụm khe chứa bài đều có hộp bài được xáo và hộp bài được chia. Bộ điều khiển điều khiển bộ phận chia bài xếp thẳng với bộ bài chơi trong hộp bài được xáo của cụm khe chứa bài ở vị trí rút bài, liên tục rút các quân bài trong bộ bài chơi, và dịch chuyển các quân bài đã lật đến hộp bài được chia tương ứng. Đồng thời, bộ điều khiển này điều khiển máy xáo bài xếp thẳng với bộ bài chơi trong hộp bài được chia của cụm khe chứa bài ở vị trí xáo bài. Sau khi quá trình chia bài hoàn tất, bộ điều khiển đổi các vị trí của hai cụm khe chứa bài. Do đó, việc xáo và chia bài lần lượt được hoàn thành theo cách không gián đoạn và tự động.



- | | | | | |
|-------------------------|------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024548 B | | | (15) 12/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | | 388B | (43) 25/07/2014 | 316A |
| (21) 1-2014-00604 | | | (85) 25/02/2014 | |
| (22) 26/07/2012 | | | (86) PCT/US2012/048344 | 26/07/2012 |
| (30) 61/511,880 | 26/07/2011 | US | (87) WO2013/016538 | 31/01/2013 |
| 61/511,887 | 26/07/2011 | US | | |
| 61/511,900 | 26/07/2011 | US | | |
| 61/534,753 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/534,761 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/534,772 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/557,170 | 08/11/2011 | US | | |
| 61/581,566 | 29/12/2011 | US | | |
| 61/601,404 | 21/02/2012 | US | | |
| 61/601,949 | 22/02/2012 | US | | |
| 61/601,953 | 22/02/2012 | US | | |
| 61/647,936 | 16/05/2012 | US | | |
| 61/647,941 | 16/05/2012 | US | | |

(51) **H01M 10/50; B60L 11/18**

(73) **GOGORO INC. (KY)**

190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1, 9005 Cayman Islands

(72) LUKE, Hok-Sum, Horace (US); TAYLOR, Matthew Whiting (US)

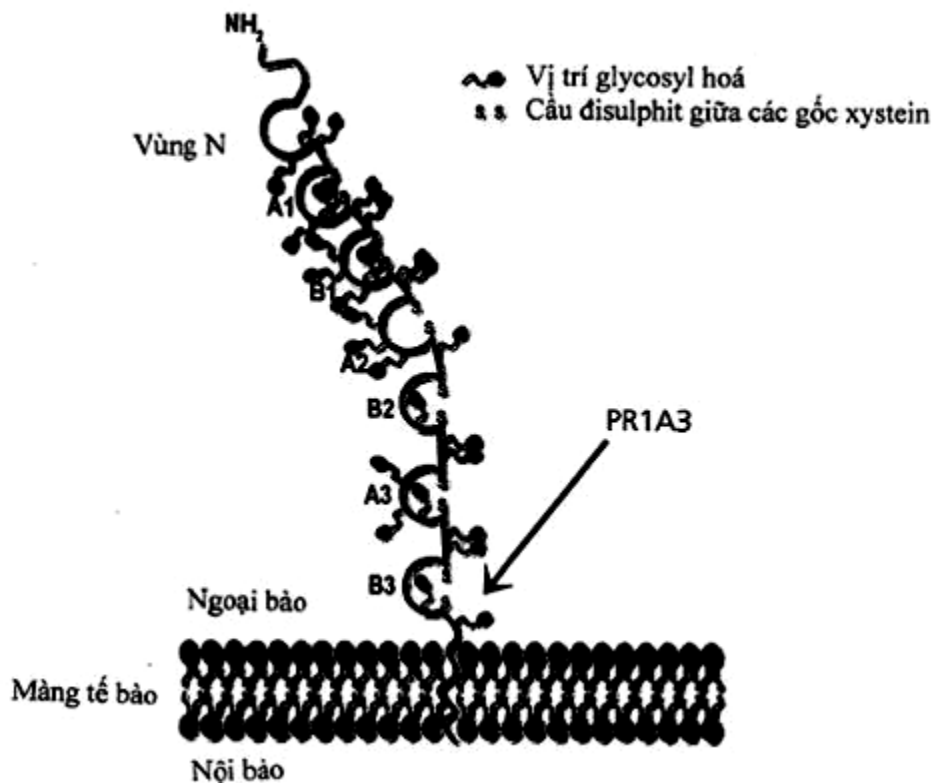
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.)

(54) **HỆ THỐNG ĐIỆN CHO XE VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến việc quản lý nhiệt của các bộ phận khác nhau như thiết bị lưu trữ điện năng (ví dụ, pin, siêu tụ điện), bộ biến đổi điện và/hoặc mạch điều khiển, trong xe chạy bằng điện có thể sử dụng thiết bị điều chỉnh nhiệt độ chủ động (ví dụ, thiết bị Peltier), mà có thể được cấp điện bằng cách sử dụng điện được tạo ra bởi động cơ điện kéo trong quá trình hoạt động hãm tái sinh. Việc điều chỉnh nhiệt độ có thể bao gồm việc làm mát hoặc làm nóng một hoặc nhiều bộ phận. Việc điều chỉnh có thể dựa trên nhiều yếu tố, điều kiện, ví dụ nhiệt độ phát hiện được, dòng phát hiện được, điện áp phát hiện được, tốc độ quay phát hiện được.

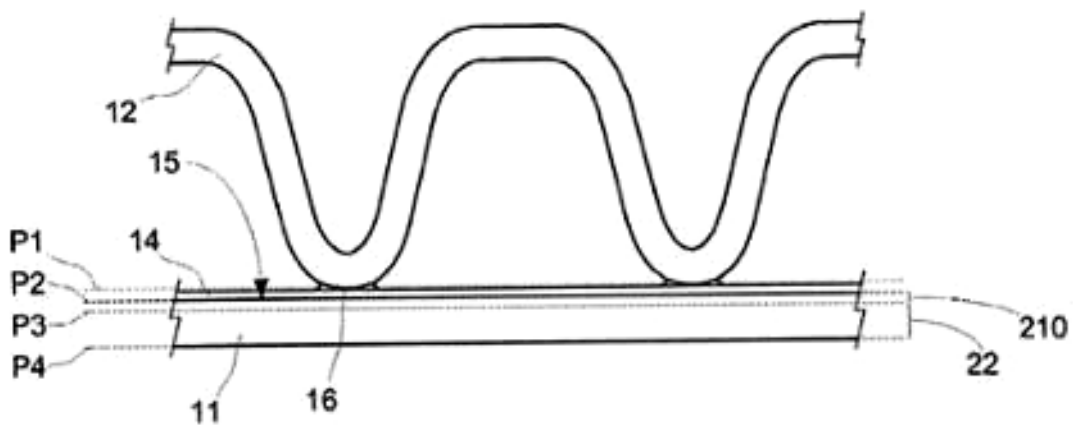


- (11) **1-0024549 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2013-03088 (85) 02/10/2013
 (22) 29/02/2012 (86) PCT/EP2012/053390 29/02/2012
 (30) 11156665.9 02/03/2011 EP (87) WO2012/117002 07/09/2012
 (51) **C07K 14/55; C12N 15/26; A61K 39/395; A61K 47/48**
 (73) **ROCHE GLYCART AG (CH)**
 Wagistrasse 18 CH-8952 Schlieren (CH)
 (72) HOFER, Thomas U. (CH); HOSSE, Ralf (DE); MOESSNER, Ekkehard (DE);
 UMANA, Pablo (CR)
 (74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
 (54) **KHÁNG THỂ PHÂN LẬP GẮN KẾT KHÁNG NGUYÊN UNG THƯ PHÔI GẮN KẾT MÀNG VÀ CHẾ PHẨM CHỨA KHÁNG THỂ NÀY**
 (57) Sáng chế liên quan đến các phân tử gắn kết kháng nguyên (ABMs) mà chúng gắn kết với CEA gắn kết màng, bao gồm ABMs có các đặc tính chữa bệnh được cải thiện, cụ thể là kháng thể phân lập gắn kết kháng nguyên ung thư phôi gắn kết màng. Ngoài ra, sáng chế còn liên quan đến chế phẩm chứa kháng thể nêu trên.



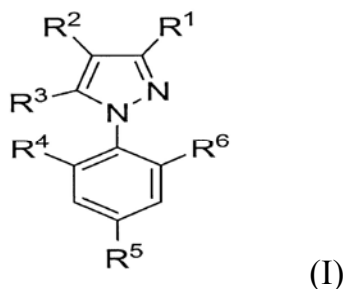
- (11) **1-0024550 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-03611 (85) 28/10/2014
 (22) 27/03/2013 (86) PCT/EP2013/056530 27/03/2013
 (30) 12161742.7 28/03/2012 EP (87) WO2013/144211A1 03/10/2013
 (51) **B23K 35/365; F28F 3/04; B23K 1/20; B23K 20/00; B23K 20/24; B23K 35/00; B23K 35/02; B23K 35/24; B23K 35/36; B23K 35/362; B32B 15/01; C22C 1/02; C22C 19/00; C23C 24/10; C23C 30/00; F28D 9/00; F28F 21/08; B21D 53/04; B23K 1/00**
 (73) **ALFA LAVAL CORPORATE AB (SE)**
 P.O. Box 73, SE-221 00 Lund, Sweden
 (72) SJÖDIN, Per (SE); WALTER, Kristian (SE)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP GHEP NỐI CÁC CHI TIẾT KIM LOẠI, SẢN PHẨM CÓ CÁC CHI TIẾT KIM LOẠI ĐƯỢC GHEP NỐI NÀY VÀ HỖ HỢP LÀM GIẢM ĐIỂM NÓNG CHẢY**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp ghép nối chi tiết kim loại thứ nhất (11) với chi tiết kim loại thứ hai (12), các chi tiết kim loại (11, 12) có nhiệt độ pha rắn lớn hơn 1100°C. Phương pháp này bao gồm: bước phủ hỗn hợp làm giảm điểm nóng chảy (14) lên trên bề mặt (15) của chi tiết kim loại thứ nhất (11), hỗn hợp làm giảm điểm nóng chảy (14) bao gồm thành phần làm giảm điểm nóng chảy chứa bo và silic với lượng ít nhất 25% trọng lượng để làm giảm nhiệt độ nóng chảy của chi tiết kim loại thứ nhất (11); bước tiếp xúc để cho chi tiết kim loại thứ hai (12) tiếp xúc với hỗn hợp làm giảm điểm nóng chảy (14) ở điểm tiếp xúc (16) trên bề mặt (15); bước nung nóng các chi tiết kim loại thứ nhất và thứ hai (11, 12) đến nhiệt độ lớn hơn 1100°C; và bước hoá rắn lớp kim loại đã nóng chảy (210) của chi tiết kim loại thứ nhất (11) để thu được mối nối (25) ở điểm tiếp xúc (16). Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến hỗn hợp làm giảm điểm nóng chảy và sản phẩm có các chi tiết kim loại được ghép nối này.



- (11) **1-0024551 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
 (21) 1-2014-01587 (85) 15/05/2014
 (22) 03/10/2012 (86) PCT/CN2012/083837 03/10/2012
 (30) 1119286.1 08/11/2011 GB (87) WO2013/067894A1 16/05/2013
 (51) *A01N 43/40; C05G 3/02; A01N 43/56*
 (73) **ROTAM AGROCHEM INTERNATIONAL CO., LTD.** (CN)
 26/F, E-Trade Plaza, 24 Lee Chung Street, Chai Wan, Hong Kong, S. A. R.
 (72) BRISTOW, James Timothy (GB)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP LÀM GIẢM TÍNH ĐỘC THỰC VẬT CỦA HỢP CHẤT Ở VỊ TRÍ CỦA CÂY TRỒNG**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp làm giảm tính độc thực vật của hợp chất có công thức chung (I) ở vị trí của cây trồng:



trong đó:

R^1 là alkyl, halogen, hoặc CN;

R^2 là 4,5-dixyanoimidazol 2-yl, haloalkyl, hoặc $S(O)_mR^7$;

R^3 là hydro, halogen, NR^8R^9 , $S(O)_nR^{10}$, $C(O)R^{11}$, alkyl, haloalkyl, OR^{12} , hoặc $N=CR^{13}R^{14}$;

mỗi nhóm R^4 và R^6 độc lập là hydro, halogen, haloalkyl, CN, hoặc NO_2 ;

R^5 là hydro, halogen, haloalkyl, haloalkoxy, hoặc $S(O)_pR^{15}$; mỗi nhóm R^7 , R^{10} , R^{12} và R^{15} độc lập là alkyl hoặc haloalkyl;

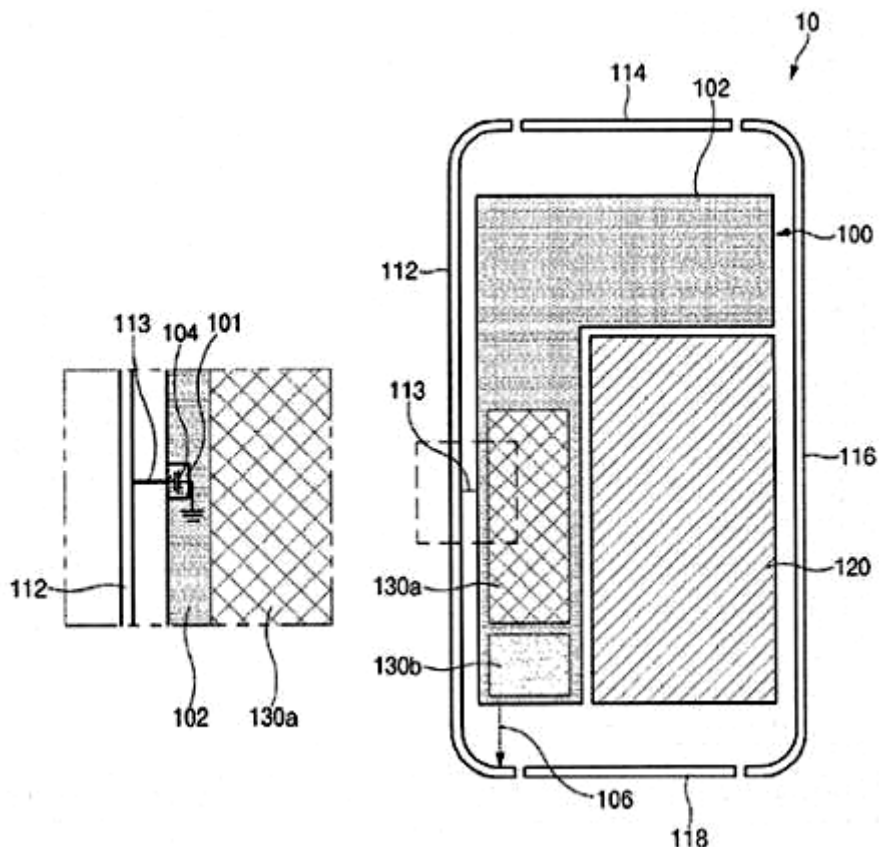
mỗi nhóm R^8 và R^9 độc lập là hydro, alkyl, alkenyl, haloalkyl, metoxy cacbonyl, hoặc $S(O)_qCF_3$;

mỗi nhóm R^{11} và R^{14} độc lập là hydro hoặc alkyl;

R^{13} là nhóm phenyl tùy ý được thế bằng một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc thành phần được chọn từ OH, alkyl, alkoxy, và xyano; và m, n, p, và q độc lập là 0, 1, hoặc 2;

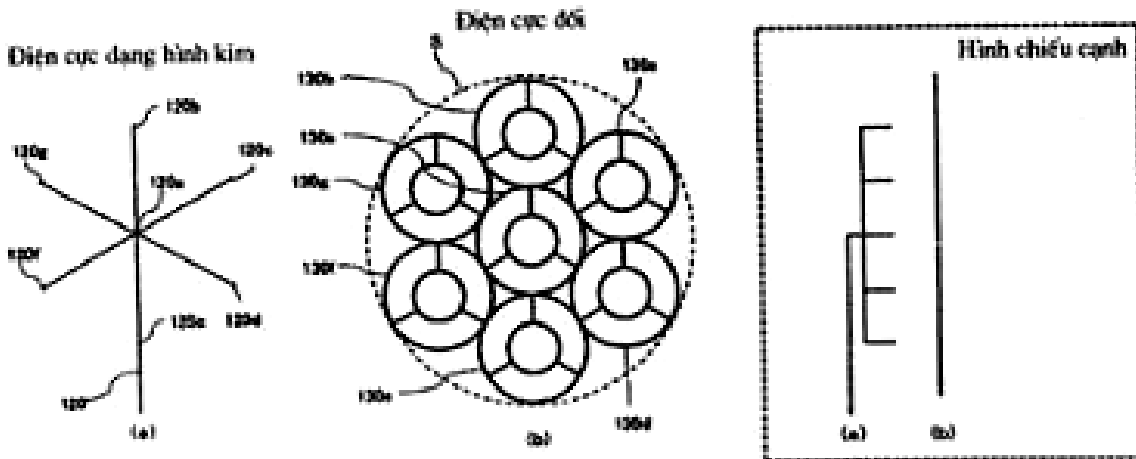
nhóm alkyl, haloalkyl, haloalkoxy và alkenyl có từ 1 đến 12 nguyên tử cacbon; và phương pháp này bao gồm bước sử dụng hợp chất có công thức chung (I) cùng với phân bón trên cơ sở nito ở vị trí nêu trên.

- (11) **1-0024552 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
 (21) 1-2017-00763 (85) 01/03/2017
 (22) 18/08/2015 (86) PCT/KR2015/008624 18/08/2015
 (30) 10-2014-0106730 18/08/2014 KR (87) WO2016/028066 25/02/2016
 (51) **H01Q 1/24; H01Q 1/46**
 (73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
 129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do 443-742, Republic of Korea
 (72) HWANG, Soon Ho (KR); JEONG, Ui Chul (KR); PARK, Sung Koo (KR); AN, Chan Kyu (KR); BYUN, Joon Ho (KR); YOO, Sang Keun (KR); LEE, Yoon Jae (GB); JUNG, Jin Woo (KR); CHUN, Jae Bong (KR)
 (74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)
 (54) **THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ**
 (57) Sáng chế đề cập tới thiết bị điện tử có bộ phát xạ là ít nhất một phần của vỏ kim loại của thiết bị điện tử; chi tiết tiếp sóng được nối với bộ phát xạ; chi tiết nối đất; và tụ điện được nối giữa bộ phát xạ và chi tiết nối đất.



- (11) **1-0024553 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2015-04720 (85) 10/12/2015
 (22) 20/12/2013 (86) PCT/JP2013/084370 20/12/2013
 (30) 2013-100920 13/05/2013 JP (87) WO2014/184984 20/11/2014
 2013-173299 23/08/2013 JP
 (51) **H01T 23/00; H01T 19/04; A61L 9/015; F24F 7/00**
 (73) **KATANO KOGYO CO., LTD.** (JP)
 15-19, Honmokusannotani, Naka-ku, Yokohama-shi, Kanagawa 231-0824, Japan
 (72) KATANO Akio (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ TẠO GIÓ ION/OZON**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị tạo gió ion cũng như thiết bị tạo ion âm/ozon được thu nhỏ (xách tay). Thiết bị tạo gió ion/ozon theo sáng chế được tạo kết cấu bao gồm các cặp điện cực có điện cực dạng hình kim và điện cực đối, ion, ozon, và gió ion được tạo ra nhờ sử dụng sự phóng điện hoa bằng cách tạo ra hiệu điện thế giữa các cặp điện cực tương ứng. Trong thiết bị này, điện cực đối trong mỗi cặp điện cực được tạo ra thành dạng phẳng và hình khuyên hoặc xoắn ốc, cặp điện cực chính là cặp điện cực và các cặp điện cực phụ là các cặp điện cực, mà trong đó các điện cực đối được bố trí cách đều liên kề hoặc gần với nhau để bao quanh điện cực đối trong một cặp điện cực chính dọc theo chu vi ngoài của điện cực đối trong một cặp điện cực chính được tạo ra, và các vectơ phẳng chuẩn trong tất cả các điện cực đối được hướng theo các hướng gần như nhau.



- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024554 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/06/2016 | 339A |
| (21) 1-2016-01190 | | (85) 01/04/2016 | |
| (22) 21/08/2014 | | (86) PCT/JP2014/071864 | 21/08/2014 |
| (30) 2013-181334 | 02/09/2013 JP | (87) WO2015/029866 | 05/03/2015 |

(51) **F15B 11/00; F16K 31/122; F16K 15/18**

(73) **SMC CORPORATION (JP)**

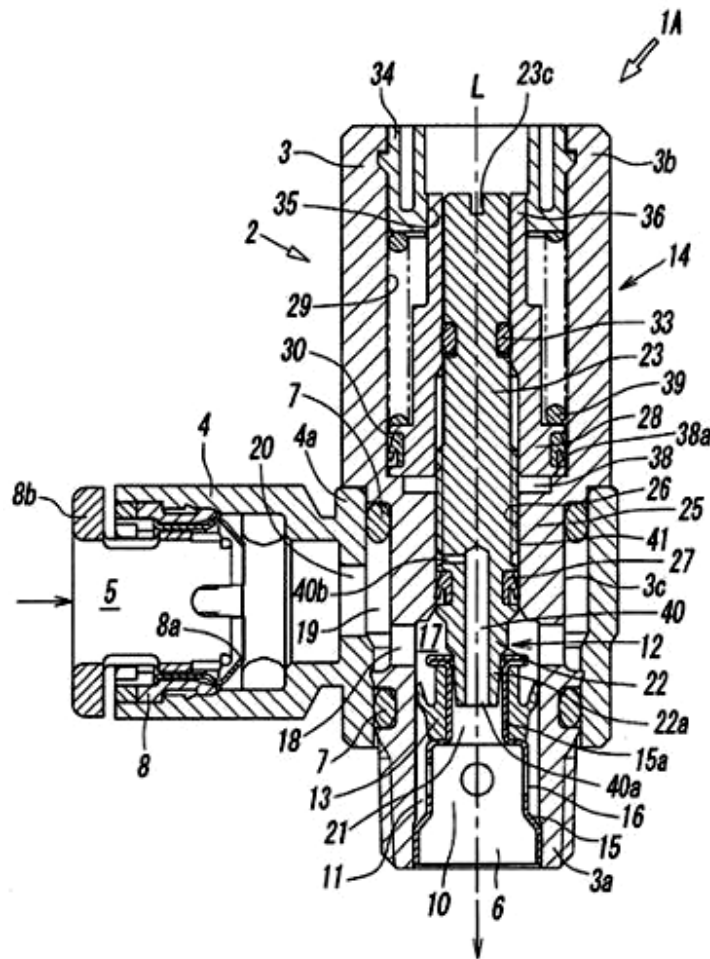
14-1, Sotokanda 4-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1010021, Japan

(72) SHISHIDO Kenji (JP)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

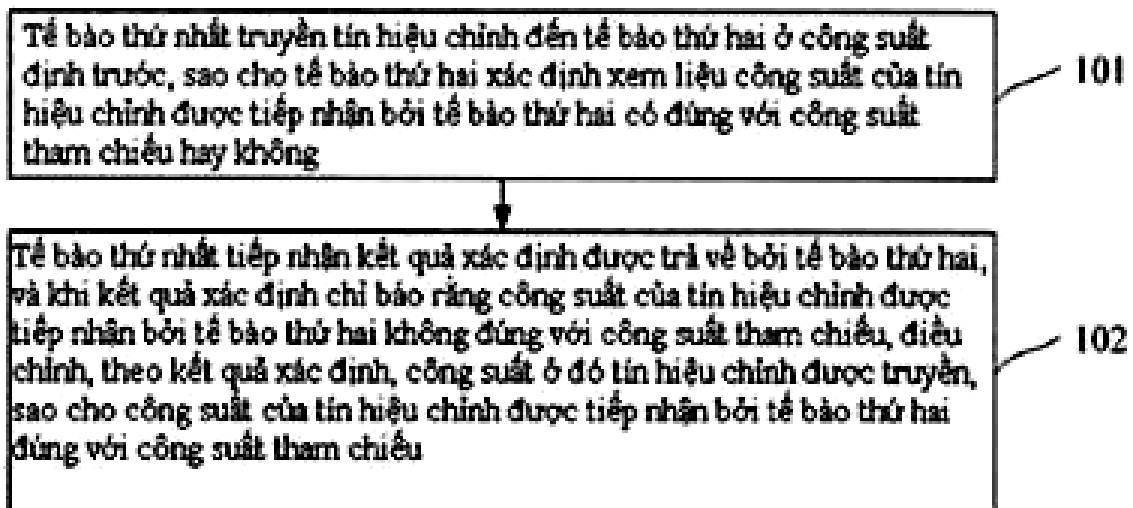
(54) **VAN ĐIỀU KHIỂN CHẤT LƯU**

(57) Sáng chế đề cập đến van điều khiển chất lưu bao gồm, bên trong vỏ van (2), đường chảy thứ nhất (10) và đường chảy thứ hai (11) nối với cổng thứ nhất (5) và cổng thứ hai (6) theo cách song song, thân van kim (22) mở/đóng lỗ tiết lưu (21) trong đường chảy thứ nhất (10), van một chiều (13) mở/đóng đường chảy thứ hai (11), và pittông (28) thực hiện điều khiển mở/đóng thân van kim (22) thông qua sự tương tác của áp suất của chất lưu được đẩy vào buồng áp suất (38) và lực đàn hồi của lò xo nén (39). Thân van kim (22) được tạo thành ở mũi của thanh (23) được gắn với pittông (28). Bên trong thanh (23) và thân van kim (22) lỗ dẫn (40) được tạo thành nối lỗ tiết lưu (21) và buồng áp suất (38).



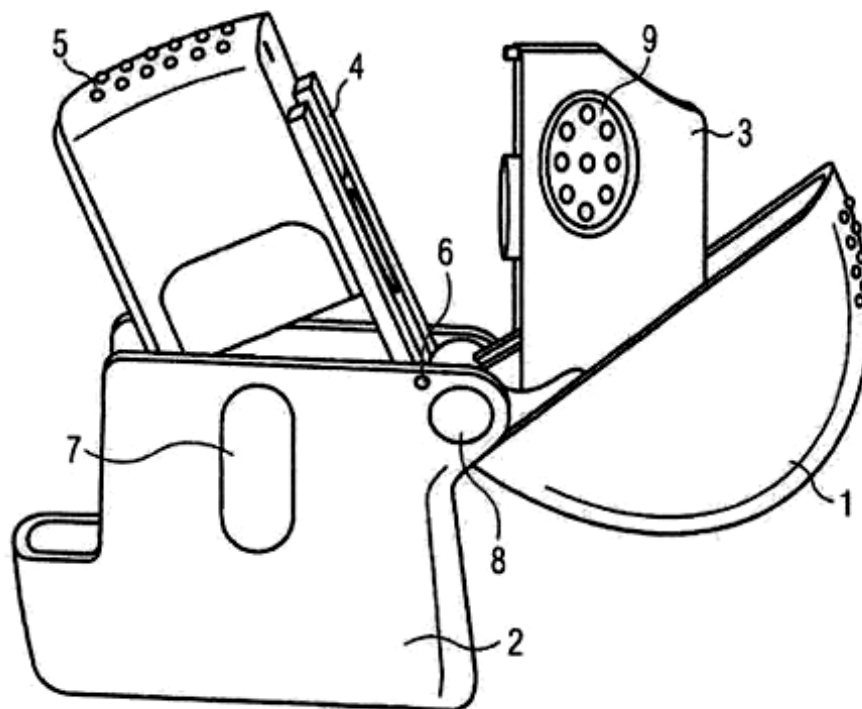
- | | | | |
|---|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024555 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/02/2016 | 335A |
| (21) 1-2015-04587 | | (85) 01/12/2015 | |
| (22) 15/05/2014 | | (86) PCT/CN2014/077590 | 15/05/2014 |
| (30) 201310179709.8 | 15/05/2013 CN | (87) WO2014/183662 | 20/11/2014 |
| (51) H04W 52/04; H04L 25/03 | | | |
| (73) HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China | | | |
| (72) GUAN, Lu (CN); YI, Xiongshu (CN) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH TÍN HIỆU | | | |

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị điều chỉnh tín hiệu, và tế bào, vốn được sử dụng để điều chỉnh công suất ở đó tế bào thứ nhất truyền tín hiệu chỉnh. Phương pháp gồm các bước: truyền, bằng tế bào thứ nhất, tín hiệu chỉnh đến tế bào thứ hai ở công suất định trước, sao cho tế bào thứ hai xác định xem liệu công suất của tín hiệu chỉnh được tiếp nhận bởi tế bào thứ hai có đúng với công suất tham chiếu hay không; và tiếp nhận, bằng tế bào thứ nhất, kết quả xác định được trả về bởi tế bào thứ hai, và điều chỉnh, theo kết quả xác định, công suất ở đó tín hiệu chỉnh được truyền, sao cho công suất của tín hiệu chỉnh được tiếp nhận bởi tế bào thứ hai đúng với công suất tham chiếu. Thông qua giải pháp này, việc hỗ trợ kỹ thuật được đề xuất cho quá trình hiệu chỉnh chung các tế bào, và việc triển khai thông thường hiệu chỉnh chung nhiều tế bào được đảm bảo.



- (11) **1-0024556 B** (15) 15/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2017 346A
- (21) 1-2015-03872 (85) 13/10/2015
- (22) 02/04/2014 (86) PCT/CN2014/074647 02/04/2014
- (87) WO2015/149306 08/10/2015
- (51) **D04B 21/08; D04B 21/20; D04B 21/06**
- (73) **FUJIAN HUAFENG NEW MATERIALS CO., LTD. (CN)**
Xiuyu National Wood Trade Processing Demonstration Area Administrative
Committee Putian, Fujian 351144, China
- (72) FANG, Huayu (CN); FANG, Huashan (CN); XU, Tianyu (CN); YANG, Dehua
(CN); FANG, Zhijian (CN); LI, Tianyuan (CN); WU, Jiantong (CN); KAMRAN,
Daneshvar (US)
- (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP DỆT VẢI NHIỀU LỚP KIỂU GIẮC-CA CÓ BỀ MẶT
ĐƯỢC CÀI SỢI TRÊN MẶT TRÁI**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp dệt vải nhiều lớp kiểu giắc-ca có bề mặt được cài sợi trên mặt trái bằng cách sử dụng máy dệt dọc nhiều lớp có thanh kim kép, phương pháp này bao gồm các bước sau: 1) cài sợi trên mặt trái; 2) xác định lại vòng sợi cơ bản của bộ giắc-ca, thiết kế hai vòng sợi cơ bản; 3) thiết kế các hoa văn bằng cách sử dụng màu thứ nhất và màu thứ hai theo nhu cầu vải thực tế, và vẽ; 4) trực tiếp tạo ra hoa văn bằng thanh dẫn giắc-ca; 5) chuyển hoa văn đã thiết kế thành đồ họa, và biến đổi liên tục hoa văn bằng đồ họa; 6) sau khi hoàn thành thiết kế hoa văn, sản xuất sản phẩm vải thành phẩm. Vải chỉ có hai vòng sợi cơ bản, và khi thiết kế hoa văn giắc-ca, thì để vẽ chỉ cần có màu thứ nhất và màu thứ hai, do đó làm giảm một nửa màu của vòng sợi cơ bản và làm giảm, ít nhất là một nửa số bước thiết kế. Việc xử lý cài sợi trái và xử lý thanh dẫn nên được sử dụng để tạo các sợi cài trên mặt trái trên bề mặt của vải nhiều lớp kiểu giắc-ca.

- (11) **1-0024557 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-03582 (85) 23/09/2016
 (22) 23/02/2015 (86) PCT/IB2015/051350 23/02/2015
 (30) 663/MUM/2014 25/02/2014 IN (87) WO2015/128789 03/09/2015
 (51) **A61M 15/00**
 (73) **LUPIN LIMITED (IN)**
 Kalpataru Inspire, 3rd Floor, Off Western Express Highway, Santacruz (East),
 Mumbai 400055, India
 (72) BHIDE, Vishwajit (IN); AMPERAYANI PATTABHI, Raghuram (IN); PIMPLE,
 Rohini (IN); CHOUBEY, Bishu (IN)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ XÔNG**
- (57) Sáng chế đề xuất thiết bị xông bao gồm: vỏ (2), tấm đế (4) đập lên vỏ (2), bộ phận giữ thuốc (10) được tích hợp vào tấm đế (4), miệng phun (3) nằm trên tấm đế (4), nắp (1) đập miệng phun (3), ít nhất một chi tiết đâm xuyên (11), bộ phận khởi động (5), lò xo (12), và khác biệt ở chỗ, thiết bị xông này là hệ thống hai bản lề, các bản lề (6,8) này được bao trong vỏ (2) trong đó tấm đế (4) được nối với bản lề (6); miệng phun (3) và nắp (1) được nối với bản lề (8) kia, trong đó tấm đế (4) được lắp bản lề riêng biệt với miệng phun (3) và nắp (1).

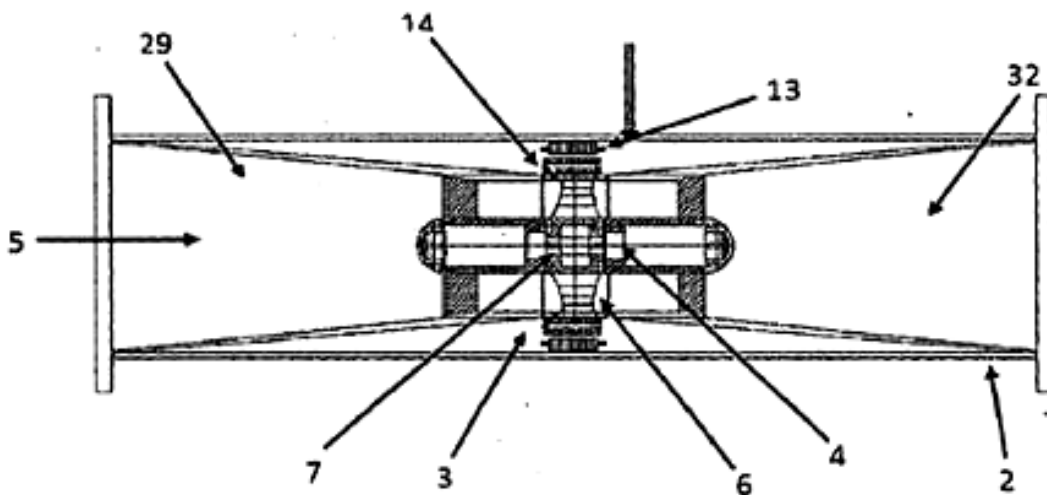


- (11) **1-0024558 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
(21) 1-2016-03892 (85) 14/10/2016
(22) 12/03/2015 (86) PCT/US2015/020064 12/03/2015
(30) 14/210,610 14/03/2014 US (87) WO2015/138664 17/09/2015
(51) **C07C 5/333**
(73) **CLARIANT CORPORATION (US)**
IP Department, 1600 West Hill Street, Louisville, Kentucky 40210, United States of America
(72) FRIDMAN, Vladimir (RU); URBANCIC, Michael (US)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **QUY TRÌNH CHUYỂN HÓA THU NHIỆT NGUYÊN LIỆU HYDROCACBON**

(57) Sáng chế đề xuất quy trình chuyển hóa hydrocacbon thu nhiệt cải tiến bao gồm bước cho hydrocacbon phản ứng với tầng xúc tác đa thành phần, và tái sinh tầng xúc tác bằng không khí, trong đó không khí được sử dụng trong bước tái sinh và hydrocacbon là ở tỷ lệ không khí so với hydrocacbon thấp và tùy ý ở áp suất gần bằng áp suất khí quyển.

- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024559 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/09/2016 | 342A |
| (21) 1-2016-01470 | | (85) 25/04/2016 | |
| (22) 29/09/2014 | | (86) PCT/IN2014/000626 | 29/09/2014 |
| (30) 2004/MUM/2012 | 10/10/2013 | IN (87) WO2015/052725 | 16/04/2015 |
| | 1630/MUM/2014 | 13/05/2014 | IN |
- (51) **F03B 13/08; H02K 7/18; F03B 13/10**
- (73) **KIRLOSKAR ENERGEN PRIVATE LIMITED (IN)**
13A, Karve Road, Kothrud, 411038, Pune, India
- (72) BHENDE, Uday Yeshwant (IN); JOSHI, Sanjay Prakash; (IN); ADKAR, Prashant Ramakant; (IN); MARATHE, Pranav Sham; (IN); JOSHI, Ashwin Sharad; (IN); GANU, Shirish Madhav; (IN)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO.,LTD)
- (54) **HỆ THỐNG PHÁT ĐIỆN TUA-BIN TRONG ĐƯỜNG ỐNG, TỔ HỢP PHÁT ĐIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP LẮP ĐẶT NÓ**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống (1) phát điện từ một chất lỏng chảy qua một đường ống. Hệ thống bao gồm một tổ hợp gắn để gắn hệ thống trong đường ống. Hệ thống bao gồm một trục kéo dài (4), một rôto tua-bin (6), có thể hoạt động xoay quanh đường tâm kéo dài của trục (4) khi chất lỏng trong đường ống tác động lên rôto tua-bin (6). Hệ thống này còn bao gồm một tổ hợp máy phát điện với bộ phận đầu tiên bao gồm ít nhất một nam châm (12) và bộ phận thứ hai bao gồm ít nhất một cuộn dây (14). Một phần của tổ hợp máy phát điện được gắn với rôto tua-bin (6) và phần còn lại của tổ hợp máy phát điện được gắn với thành phần stato (13) mà được đặt gần rôto tua-bin (6). Hệ thống cũng bao gồm hộp máy (3) ít nhất chứa được một phần rôto tua-bin (6), trục (4) và tổ hợp máy phát điện. Hộp máy (3) bao gồm hai phần (24, 25) được gắn với nhau có thể tháo rời theo cách mà hai bộ phận (24, 25) của hộp máy (3) có thể được tách ra khỏi nhau ít nhất một phần để cho phép tiếp cận với rôto tua-bin (6) và hệ thống máy phát điện.



- (11) **1-0024560 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2011 282A
 (21) 1-2011-01766 (85) 05/07/2011
 (22) 12/08/2009 (86) PCT/KR2009/004508 12/08/2009
 (30) 10-2008-0136873 30/12/2008 KR (87) WO2010/076937 08/07/2010

(51) **A61K 33/34**

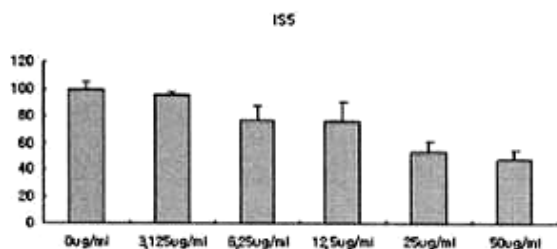
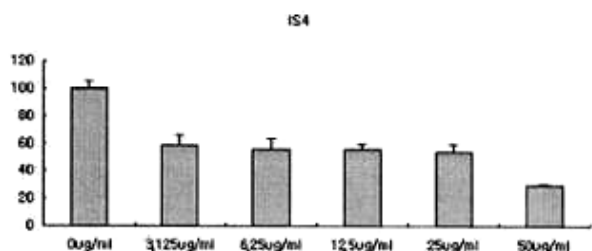
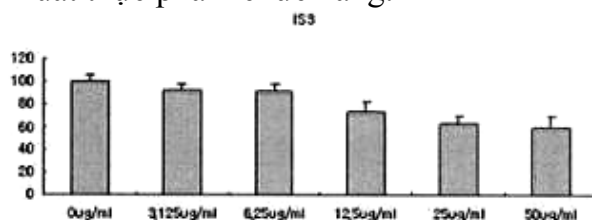
(76) **CHOI, EUN A (KR)**

595-50, Yongpyeong-ri, Hamyang-eup, Hamyang-gun, Gyeongsangnam-do 676-805, Republic of Korea

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(54) **CHẾ PHẨM CHỨA LÒNG TRẮNG TRỨNG-CHALCANTHIT DÙNG ĐỂ NGĂN NGỪA HOẶC ĐIỀU TRỊ BỆNH UNG THƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CHẾ PHẨM NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến các chế phẩm dùng để ngăn ngừa và điều trị bệnh ung thư có chứa lòng trắng trứng kết hợp với chalcantith. Cụ thể là, sáng chế đề cập tới: các chế phẩm bao gồm riêng lòng trắng trứng khử độc kết hợp với chalcantith, hoặc hỗn hợp của muối tre và lòng trắng trứng kết hợp với chalcantith, trong đó phức hợp lòng trắng trứng kết hợp với chalcantith được điều chế bằng cách phối trộn lòng trắng trứng và chalcantith, và phương pháp bào chế chế phẩm này. Các chế phẩm bao gồm lòng trắng trứng kết hợp với chalcantith cải thiện khả năng chống ung thư, và vì vậy có giá trị sử dụng trong bào chế dược học để ngăn ngừa và điều trị bệnh ung thư và để sản xuất thực phẩm chức năng.



HepG2

- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024561 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2016 | 338A |
| (21) 1-2016-00284 | | (85) 21/01/2016 | |
| (22) 03/07/2014 | | (86) PCT/EP2014/001829 | 03/07/2014 |
| (30) 10 2013 012 260.0 | 24/07/2013 DE | (87) WO2015/010767 | 29/01/2015 |

(51) **A46D 3/08**

(73) **ZAHORANSKY AG (DE)**

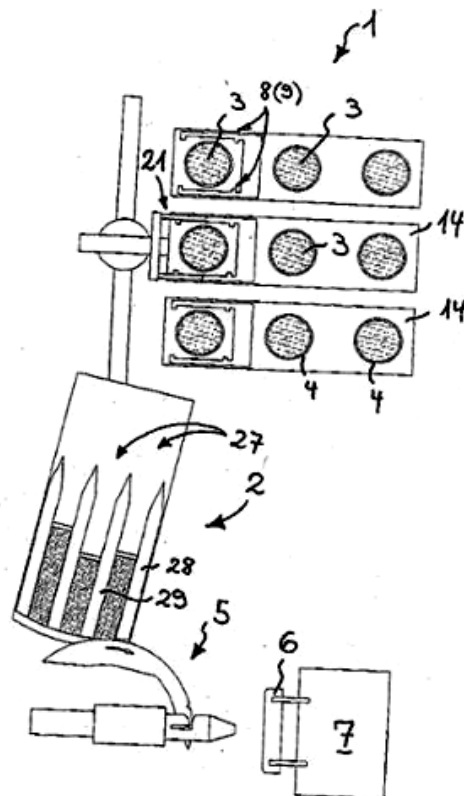
Anton-Zahoransky-Str. 1, 79674 Todtnau, Germany

(72) KUMPF, Ingo (DE); KIEFER, Florian (DE); REES, Bernhard (DE); ALBRECHT, Christoph (DE)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyển (INVENCO.,LTD)

(54) **TRẠM CHUYỂN ĐỂ CHUYỂN CÁC BÓ SỢI**

(57) Sáng chế đề xuất trạm chuyển (1) trong đó các sợi, có thể được đưa đến trạm chuyển trong các bó sợi (3), trong đó các sợi được tập hợp dưới dạng bó bởi ít nhất một dải (4), được chuyển cho máng (2), trong đó các sợi được giữ. Trạm chuyển theo sáng chế khác biệt ở chỗ trạm chuyển (1) có ít nhất hai cặp (8, 9) ngón tay kẹp (10, 11; 12, 13) đặt cách nhau theo hướng dọc của bó, trong đó các ngón tay kẹp (10, 11; 12, 13) của các cặp ngón tay kẹp (8, 9) có thể được di chuyển tương đối với nhau, để kẹp bó sợi (3), sao cho khoảng cách giữa các ngón tay kẹp (10, 11; 12, 13) được giảm, và trong đó các cặp ngón tay kẹp (8, 9) kẹp bó sợi (3) để ít nhất một dải (4) của bó sợi (3) được bố trí giữa các cặp ngón tay kẹp liền kề (8, 9). Trạm chuyển có thể cung cấp các sợi dưới dạng bó sẽ được chuyển một cách tự động cho máng, máng này được bố trí bên trên công cụ nhồi của máy làm bàn chải.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024562 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2015 | 333A |
| (21) 1-2015-02838 | | (85) 04/08/2015 | |
| (22) 21/02/2014 | | (86) PCT/EP2014/053379 | 21/02/2014 |
| (30) 13156771.1 | 26/02/2013 | EP | (87) WO2014/131695 |
| 61/772,084 | 04/03/2013 | US | 04/09/2014 |

(51) **C09D 183/04; C09D 5/16; C09D 171/00**

(73) **AKZO NOBEL COATINGS INTERNATIONAL B.V. (NL)**

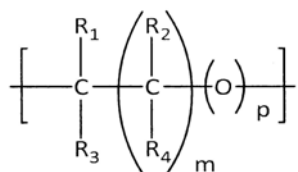
Velperweg 76, NL-6824 BM Arnhem, the Netherlands

(72) REYNOLDS, Kevin John (GB); TYSON, Brent Vickers (GB)

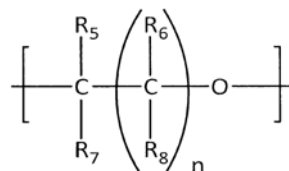
(74) Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt (VIET IP CO.,LTD.)

(54) **CHẾ PHẨM CHỐNG BÁM BẨN, PHƯƠNG PHÁP NGĂN NGỪA BÁM BẨN TRÊN VẬT NỀN TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ VẬT NỀN ĐƯỢC SƠN BẰNG CHẾ PHẨM NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chống bám bẩn bao gồm polyme hóa rắn được và polyme/oligome chứa oxyalkylen được flo hóa bao gồm (a) một hoặc nhiều gốc được flo hóa có công thức:



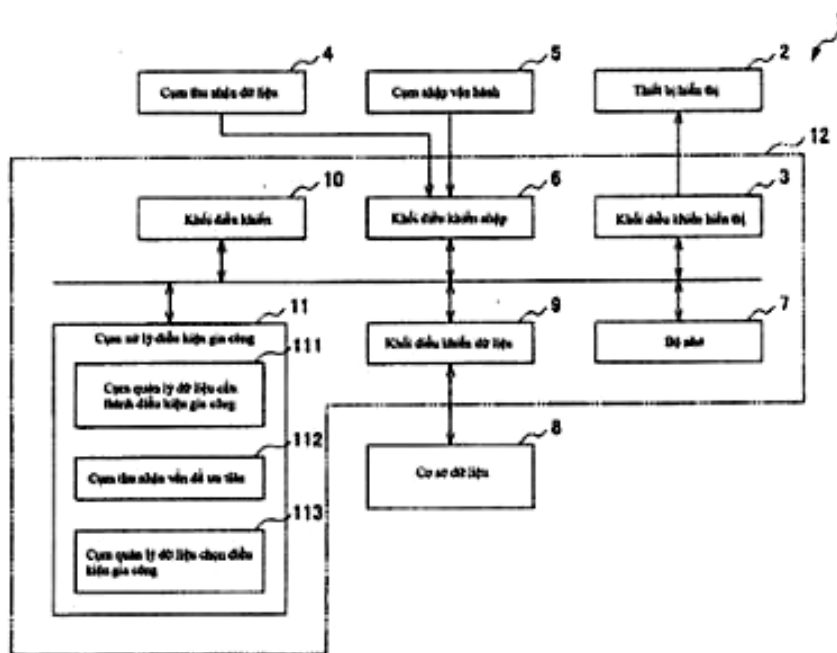
trong đó: p là 0 hoặc 1, m từ 0 đến 6, và R₁, R₂, R₃, và R₄ có thể là H; F; Cl; Br; nhóm alkyl hoặc alkyloxyalkan mạch thẳng, mạch nhánh hoặc mạch vòng có 1 đến 16 nguyên tử cacbon tùy ý được thế bằng F; và (b) trên polyme/oligome có từ 4 đến 100 gốc oxyalkylen có công thức:



trong đó: n từ 0 đến 4, và R₅, R₆, R₇, và R₈ có thể độc lập là H hoặc nhóm C₁-C₁₆ alkyl mạch thẳng, mạch nhánh hoặc mạch vòng. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập phương pháp ngăn ngừa sự bám bẩn trên vật nền trong môi trường nước và vật nền được sơn bằng chế phẩm này.

- (11) **1-0024563 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2019 373A
 (21) 1-2018-04641
 (22) 19/10/2018
 (30) 2017-204256 23/10/2017 JP
 (51) *B23Q 15/00*
 (73) **FANUC CORPORATION (JP)**
 3580, Shibokusa Aza-komanba, Oshino-mura, Minamitsuru-gun, Yamanashi 401-0597 Japan
 (72) Takaaki FUJII (JP); Zheng TONG (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **CƠ CẤU CHỌN ĐIỀU KIỆN GIA CÔNG CHO DỤNG CỤ GIA CÔNG**

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu chọn điều kiện gia công cho dụng cụ gia công mà có thể thực hiện một cách hiệu quả việc gia công chất lượng cao trên sản phẩm đích. Cơ cấu chọn điều kiện gia công (1) bao gồm cụm quản lý dữ liệu cấu thành điều kiện gia công (111) được tạo kết cấu để quản lý dữ liệu cấu thành điều kiện gia công trong đó mỗi một trong số các điều kiện gia công được kết hợp với tham số độ nhám bề mặt ba chiều và các mức đóng góp vào mỗi mục của điều kiện yêu cầu liên quan tới việc sản xuất sản phẩm đích; cụm thu nhận vấn đề ưu tiên (112) được tạo kết cấu để thu được sự kết hợp của tham số độ nhám bề mặt ba chiều và ít nhất một mục của điều kiện yêu cầu làm vấn đề ưu tiên; và cụm quản lý dữ liệu chọn điều kiện gia công (113) được tạo kết cấu để quản lý, cho mỗi một trong số các điều kiện gia công, dữ liệu chọn điều kiện gia công trong đó mẫu hình kết hợp của các vấn đề ưu tiên được kết hợp với tổng của các mức đóng góp vào mỗi mục trong mẫu hình kết hợp, trong đó cụm quản lý dữ liệu chọn điều kiện gia công (113) chọn điều kiện gia công dựa trên tổng của các mức đóng góp kết hợp với mẫu hình kết hợp phù hợp với sự kết hợp của các vấn đề ưu tiên.

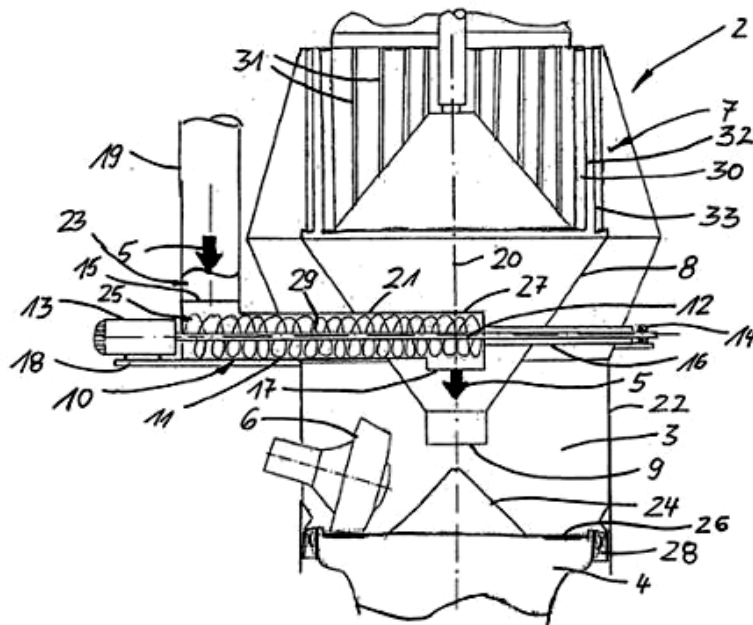


- (11) **1-0024564 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2013 307A
(21) 1-2013-01761 (85) 10/06/2013
(22) 18/11/2011 (86) PCT/US2011/061515 18/11/2011
(30) 61/415,600 19/11/2010 US (87) WO2012/068535 24/05/2012
(51) **A61K 9/20; A61K 31/513; A61P 31/18; A61K 31/505; A61K 31/675**
(73) 1. **GILEAD SCIENCES, INC.** (US)
333 Lakeside Drive, Foster City, California 94404, United States of America
2. **JANSSEN SCIENCES IRELAND UC** (IE)
Eastgate Village, Eastgate, Little Island, County Cork, Ireland
(72) OLIVAI, Reza (US); WISER, Lauren (US); MENNING, Mark (US)
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) **VIÊN NÉN CHỨA RILPIVIRIN HCL VÀ TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARAT**

(57) Sáng chế đề cập đến thuốc dạng viên nén đa lớp có chứa rilpivirin hydroclorua, emtricitabin, và tenofovir disoproxil fumarat. Viên nén này hữu dụng trong điều trị HIV.

- | | | | |
|--|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024565 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2013 | 309A |
| (21) 1-2013-01790 | | (85) 12/06/2013 | |
| (22) 15/03/2012 | | (86) PCT/EP2012/001162 | 15/03/2012 |
| (30) 10 2011 014 592.3 | 21/03/2011 DE | (87) WO2012/126590A3 | 27/09/2012 |
| (51) B02C 15/00; B02C 23/02; B02C 15/04 | | | |
| (73) LOESCHE GMBH (DE) | | | |
| Hansaallee 243, 40549 Duesseldorf, Germany | | | |
| (72) KEYSSNER, Michael (DE) | | | |
| (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.) | | | |
| (54) MÁY NGHIỀN LĂN | | | |

(57) Sáng chế đề cập tới máy nghiền lăn có hệ thống cấp liệu bao gồm cơ cấu cấp liệu kiểu trục vít được hợp nhất. Cơ cấu cấp liệu kiểu trục vít này được bố trí gần như nằm ngang ở vùng của phễu tiếp nhận hạt thô và bao gồm trục vít được dẫn qua máy nghiền lăn và trục tâm dọc của nó, trục vít này có hai phía lần lượt được bố trí bên ngoài máy nghiền lăn và có một đầu được nối với phương tiện dẫn động và đầu kia ở trong một ô đỡ bên ngoài máy nghiền lăn. Vật liệu cấp được cấp nhờ băng tải trục vít bên ngoài máy nghiền lăn và được vận chuyển cưỡng bức qua đó tới lỗ xả ở máng vận chuyển bên trên lỗ phễu của phễu tiếp nhận hạt thô và vật liệu này rơi cùng với hạt thô được loại bỏ trong cơ cấu phân loại vào tâm trên máng nghiền. Theo sáng chế, có thể đạt được trạng thái phân phối đồng đều của vật liệu cấp, trạng thái vận hành êm nhẹ của máy nghiền lăn và sự tiết kiệm năng lượng và ngoài ra, tình trạng nhiễm bẩn của trục vít được ngăn chặn.



- (11) **1-0024566 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2014 313A
 (21) 1-2014-00182
 (22) 17/01/2014
 (30) 2013-075182 29/03/2013 JP
 (51) **B62J 23/00; B62K 25/20; B62J 35/00**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, JAPAN
 (72) Makoto MITSUKAWA (JP); Kaori EBATO (JP); Yasuo YOSHINAGA (JP);
 Takasumi YAMANAKA (JP)
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)
 (54) **KẾT CẤU TẮM ỐP GẦM XE DÙNG CHO XE KIỂU YÊN NGỰA**

(57) Sáng chế đề xuất kết cấu tấm ốp gầm xe dùng cho xe kiểu yên ngựa cho phép cải thiện khả năng dễ thực hiện việc lắp ráp tấm ốp gầm xe. Để đạt được mục đích nêu trên, sáng chế đề xuất kết cấu tấm ốp gầm xe bao gồm: khung thân xe (10), khung thân xe (10) có ống đầu (11), phần kéo dài xuống dưới (12) kéo dài về phía sau và xuống phía dưới từ ống đầu (11), hai phần sàn bên trái và bên phải (13) kéo dài về phía sau từ phần dưới của phần kéo dài xuống dưới (12), bộ phận ngang trước (16) dùng để nối các phần trước ở phía trước các phần sàn (13), và bộ phận ngang sau (17) dùng để nối các phần sau ở phía sau các phần sàn (13); sàn để chân (63) được bố trí bên trên các phần sàn (13); và tấm ốp gầm xe (65) dùng để che ít nhất các phần bên dưới các phần sàn (13). Trong kết cấu tấm ốp gầm xe, tấm ốp gầm xe (65) có phần gài (651) có dạng gần như hình chữ C, và tấm ốp gầm xe (65) được lắp cố định vào vị trí của nó nhờ bộ phận ngang trước (16) và bộ phận ngang sau (17) được gài vào phần gài (651).

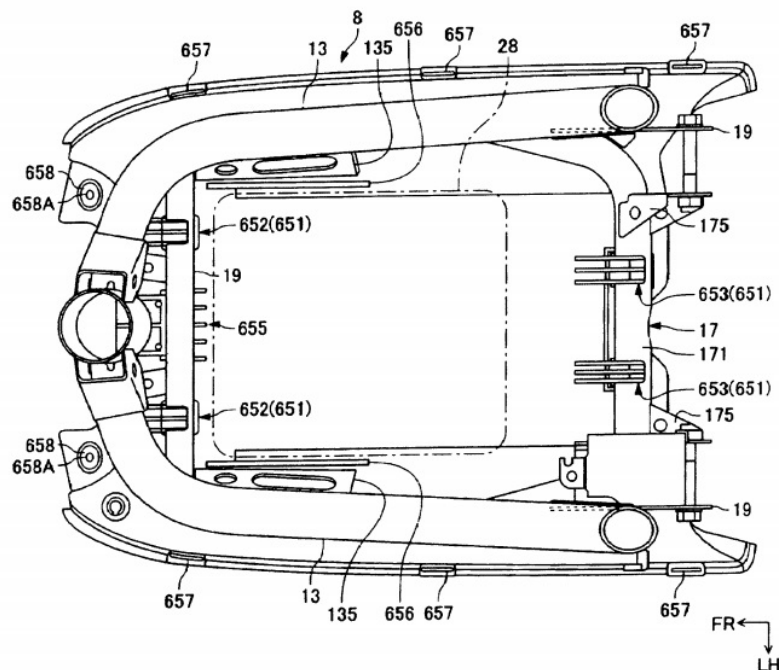


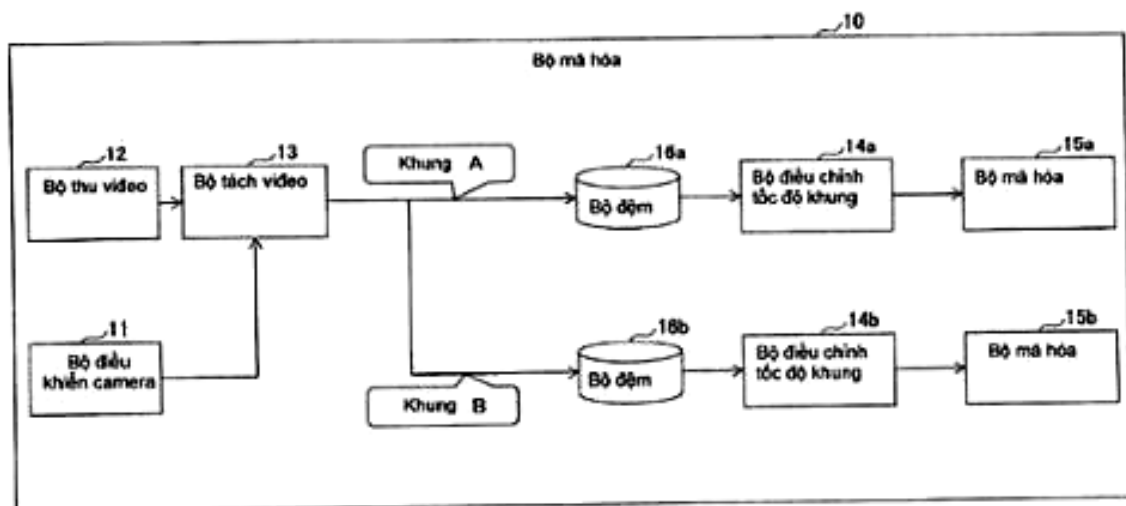
FIG. 3

- (11) **1-0024567 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
(21) 1-2016-02163 (85) 13/06/2016
(22) 19/12/2014 (86) PCT/US2014/071335 19/12/2014
(30) 201310701692.8 19/12/2013 CN (87) WO2015/095627 25/06/2015
(51) **A61K 8/27; A61Q 11/00; A61P 1/02**
(73) **COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)**
300 Park Avenue, New York, NY 10022, United States of America
(72) PRENCIPE, Michael (US); XU, Yun (US); HUANG, Xiao Yi (CN); FISHER, Steven (US); WON, Betty (US); SCHAEFFER-KORBYLO, Lyndsay (US)
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) **CHẾ PHẨM CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG CHỨA KẼM OXIT VÀ KẼM XITRAT**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chăm sóc răng miệng chứa hỗn hợp của kẽm oxit và kẽm xitrat và phương pháp điều chế chế phẩm này. Chế phẩm theo sáng chế được dùng để làm giảm hoặc ức chế hiện tượng tạo màng sinh học trong khoang miệng.

- (11) **1-0024568 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2016-03319
 (22) 07/09/2016
 (30) 2015-188351 25/09/2015 JP
 (51) **G06F 17/00**
 (73) **FUJITSU LIMITED (JP)**
 1-1, Kamikodanaka 4-chome, Nakahara-ku, Kawasaki-shi, Kanagawa 211-8588
 Japan
 (72) Ryuhei Fujita (JP); Kouichi Abe (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ MÃ HÓA, HỆ THỐNG MÃ HÓA, PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA VÀ VẬT GHI CHỨA CHƯƠNG TRÌNH**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mã hóa bao gồm bộ thu được tạo cấu hình để thu dữ liệu video bao gồm các khung mà đã được chụp theo các chiều tạo ảnh theo chuỗi thời gian; bộ phận tách được tạo cấu hình để tách các khung có trong dữ liệu video được thu bởi bộ thu, bởi các chiều tạo ảnh; bộ lưu trữ được tạo cấu hình để lưu trữ, đối với mỗi chiều tạo ảnh, các khung được tách bởi bộ phận tách; bộ phận tính toán được tạo cấu hình để tính toán, đối với mỗi chiều tạo ảnh, dựa vào các số thứ tự của các khung được lưu trong bộ lưu trữ trước khi tách, tốc độ khung của dữ liệu video bao gồm các khung đối với chiều tạo ảnh; và bộ phận mã hóa được tạo cấu hình để mã hóa, đối với mỗi chiều tạo ảnh, dữ liệu video mà bao gồm các khung được lưu trong bộ lưu trữ đối với chiều tạo ảnh, ở tốc độ khung được tính toán đối với chiều tạo ảnh, và để xuất dữ liệu video được mã hóa.

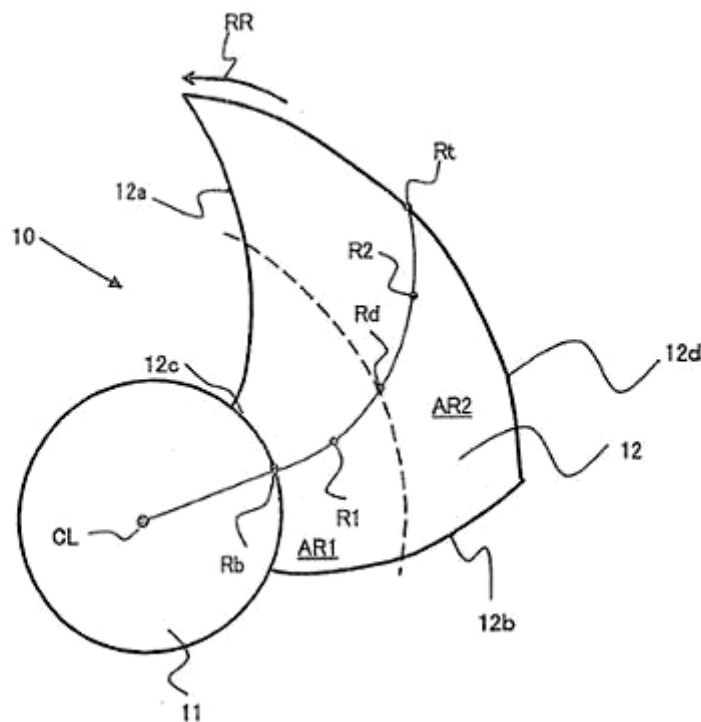


- (11) **1-0024569 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
(21) 1-2013-04048 (85) 23/12/2013
(22) 14/06/2012 (86) PCT/US2012/042459 14/06/2012
(30) 13-172,969 30/06/2011 US (87) WO2013/003062 03/01/2013
(51) **C08F 10/06**
(73) **W. R. GRACE & CO.-CONN. (US)**
7500 Grace Drive, Columbia, Maryland 21044 U.S.A.
(72) CAI Ping (US); VAN EGMOND Jan W. (US); FEDEC Matthew J. (US); GOAD Jeffrey D (US); BRADY Robert C. (US); CHEN Linfeng (US)
(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
(54) **QUY TRÌNH TRÙNG HỢP ĐỂ TẠO RA POLYPROPYLEN HOẶC COPOLYME PROPYLEN**

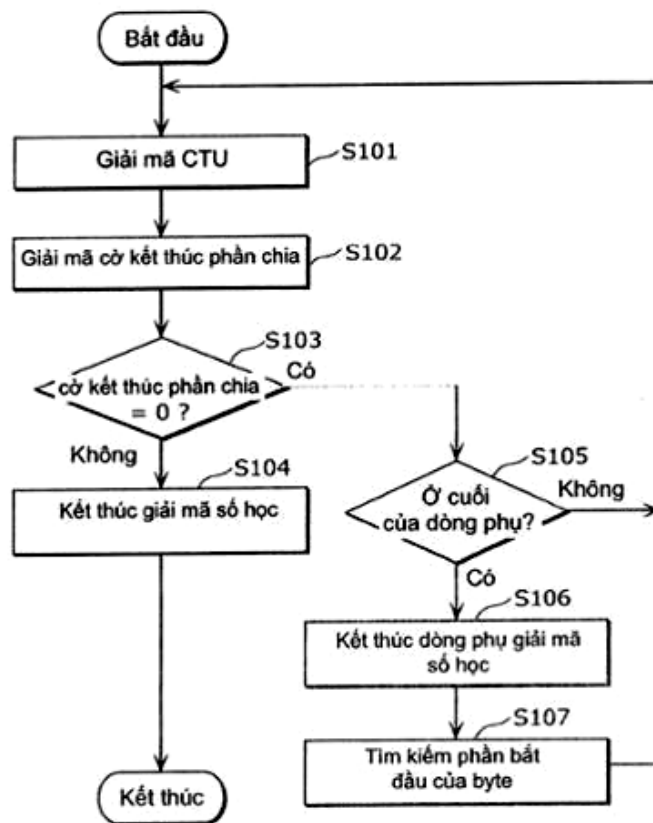
(57) Sáng chế đề cập đến quy trình trùng hợp olefin trong pha khí có mật độ thể tích của tầng polyme tương đối cao, cụ thể là quy trình trùng hợp để tạo ra polypropylen hoặc copolyme propylen (có 2 đến 8 nguyên tử cacbon). Việc cải tiến này bao gồm việc dùng hỗn hợp chất cho điện tử bên ngoài khi trùng hợp propylen trong thiết bị phản ứng pha khí có tầng polyme có mật độ thể tích lớn hơn 128kg/m^3 , tùy ý cùng với một hoặc nhiều comonome, trong đó hệ hỗn hợp chất cho điện tử bên ngoài bao gồm ít nhất một chất cho điện tử bên ngoài thứ nhất và một chất cho điện tử bên ngoài thứ hai, và trong đó chất cho điện tử bên ngoài thứ nhất là hợp chất carboxylat.

- (11) **1-0024570 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 1-2015-03661 (85) 02/10/2015
 (22) 13/03/2014 (86) PCT/JP2014/056617 13/03/2014
 (30) PCT/JP2013/057135 14/03/2013 JP (87) WO2014/142225A1 18/09/2014
 (51) **F04D 29/38**
 (73) **MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)**
 7-3, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8310 Japan
 (72) ARAI, Toshikatsu (JP); KIKUCHI, Hitoshi (JP); OKAMOTO, Kazuki (JP);
 SHIMOMURA, Kazuyuki (JP); YABE, Daisuke (JP); OKAYAMA, Kazuya (JP);
 NAKATANI, Kaoru (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **BỘ CÁNH QUẠT VÀ QUẠT HƯỚNG TRỤC SỬ DỤNG BỘ CÁNH QUẠT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ cánh quạt bao gồm: phần lõi có biên dạng hình trụ; và các cánh quay được lắp vào phần lõi theo cách tỏa ra. Mỗi cánh quay bao gồm vùng thứ nhất chạy dài từ mép biên trong được nối với phần lõi tới vị trí hướng kính định trước để có phần phân bố góc chia thứ nhất, và vùng thứ hai chạy dài từ vị trí hướng kính định trước sát với vùng thứ nhất tới mép biên ngoài để có phần phân bố góc chia thứ hai khác với phần phân bố góc chia thứ nhất. Phần phân bố góc chia thứ hai bao gồm phần phân bố trong đó góc chia giảm từ vị trí hướng kính lớn nhất, mà tại đó góc chia này lớn nhất ở vùng thứ hai, về phía mép biên ngoài.



- (11) **1-0024571 B** (15) 15/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/04/2015 325A
- (21) 1-2015-00173 (85) 19/01/2015
- (22) 07/08/2013 (86) PCT/JP2013/004777 07/08/2013
- (30) 61/681,206 09/08/2012 US (87) WO2014/024491A1 13/02/2014
- (51) **H04N 7/26**
- (73) **SUN PATENT TRUST (US)**
450 Lexington Avenue, 38th Floor, New York, NY 10017 USA
- (72) SASAI, Hisao (JP); NISHI, Takahiro (JP); SHIBAHARA, Youji (JP); TANIKAWA, Kyoko (JP); SUGIO, Toshiyasu (JP); MATSUNOBU, Toru (JP); TERADA, Kengo (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ ẢNH VÀ THIẾT BỊ GIẢI MÃ ẢNH**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp giải mã ảnh để giải mã, trên cơ sở mỗi khối, ảnh được mã hóa được bao gồm trong dòng bit, phương pháp này bao gồm các bước: thực hiện giải mã số học trên khối hiện thời cần được giải mã (S101); xác định xem khối hiện thời có ở đầu cuối của phần chia hay không (S103); xác định, khi được xác định rằng khối hiện thời là không ở đầu cuối của phần chia, xem khối hiện thời có ở đầu cuối của dòng phụ mà là đơn vị cấu trúc của ảnh mà khác với phần chia hay không (S105); và thực hiện giải mã số học trên bit phụ cuối cùng và thực hiện sự kết thúc giải mã số học, khi được xác định rằng khối hiện thời ở đầu cuối của dòng phụ (S106).



- | | | | | |
|-------------------------|------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024572 B | | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | | 388B | (43) 25/07/2011 | 280A |
| (21) 1-2011-00396 | | | (85) 03/08/2009 | |
| (22) 09/01/2008 | | | (86) PCT/JP2008/050088 | 09/01/2008 |
| (30) 2007-003644 | 11/01/2007 | JP | (87) WO2008/084790A1 | 17/07/2008 |
| 2007-003645 | 11/01/2007 | JP | | |
| 2007-111849 | 20/04/2007 | JP | | |
| 2007-111850 | 20/04/2007 | JP | | |
| 2007-114283 | 24/04/2007 | JP | | |

(51) **A01F 12/22; A01D 69/08; A01F 12/00**

(62) 1-2009-01644

(73) **KUBOTA CORPORATION (JP)**

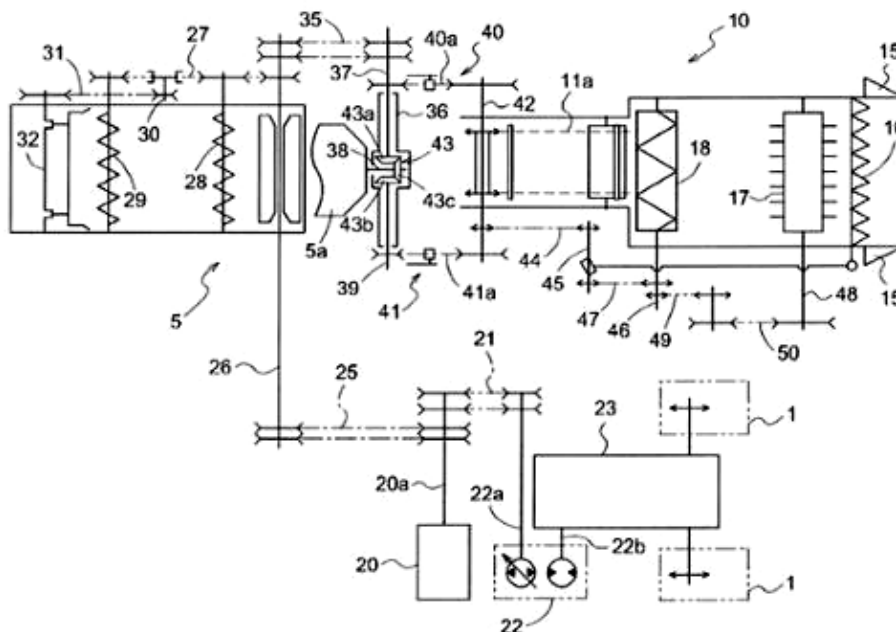
2-47, Shikitsuhigashi 1-chome, Naniwa-ku, Osaka-shi, Osaka 5568601, Japan

(72) FUKUOKA Yoshitake (JP); BUNNO Yuichi (JP); TANAKA Yuji (JP); AIDA Hiroshi (JP); OKUDA Shiro (JP); SEGAWA Takuji (JP); FURUNO Fumio (JP); HAYASHI Shigeyuki (JP); ASAKURA Sadao (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **THIẾT BỊ ĐẬP VÀ MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP LOẠI NẠP NGUYÊN CỘNG CÓ LẮP THIẾT BỊ ĐẬP NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị đập được lắp trên máy gặt đập liên hợp kiểu nạp nguyên cọng, bao gồm: trống đập (5a), trống đập (5a) được dẫn động quay quanh trục đỡ (38) để tác dụng thao tác đập lên các cọng đã gặt được cấp vào buồng đập (114); tấm trên (124) được bố trí để che trống đập (5a) từ bên trên; và nhiều van truyền bụi (149) được lắp trên tấm trên (124) để dẫn hướng các cọng đập xuống dưới theo hướng đập cùng với sự quay của trống đập (5a). Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến máy gặt đập liên hợp loại nạp nguyên cọng có lắp thiết bị đập này.



- | | | | |
|-------------------------|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024573 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/01/2014 | 310A |
| (21) 1-2013-02566 | | (85) 16/08/2013 | |
| (22) 25/11/2011 | | (86) PCT/JP2011/077202 | 25/11/2011 |
| (30) 2011-012065 | 24/01/2011 | JP (87) WO2012/101894A1 | 02/08/2012 |

(51) **C02F 3/34; C02F 3/28**

(73) **MEIDENSHA CORPORATION (JP)**

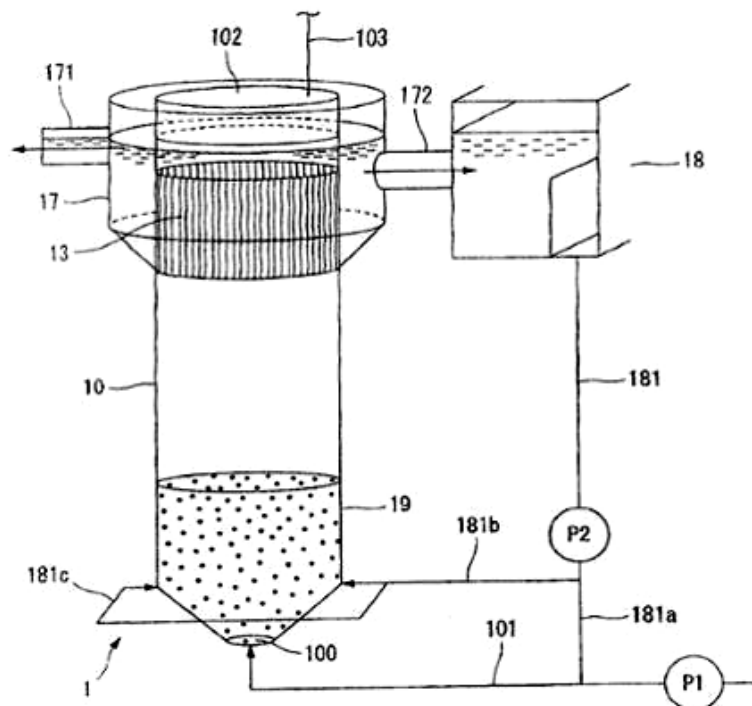
1-1, Osaki 2-chome, Shinagawa-ku, Tokyo 141-0032, Japan

(72) FUKUZAKI, Yasuhiro (JP); NAKAMURA, Yasuhiro (JP); KAWAKUBO, Yuki (JP)

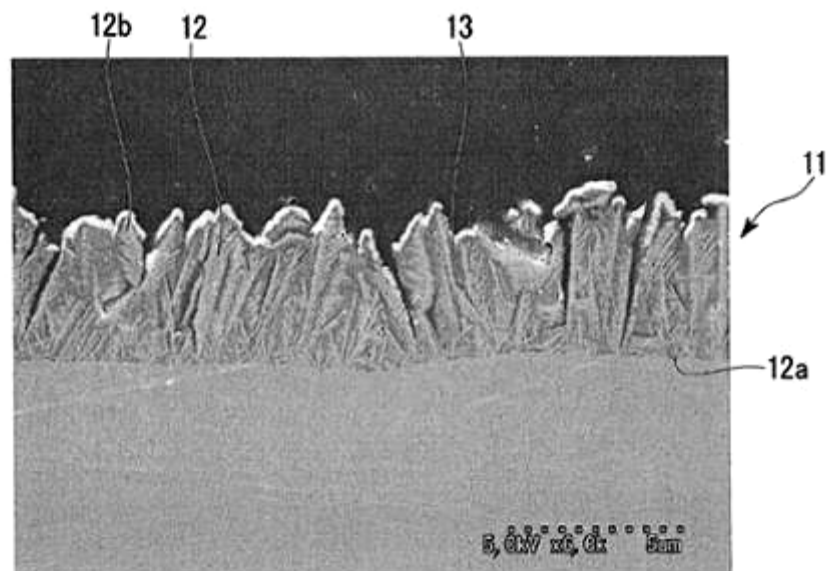
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

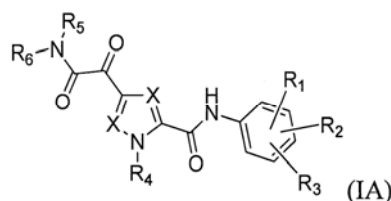
(57) Chất lượng nước trong bể phản ứng của quy trình tầng bùn kỵ khí dòng hướng lên (UASB) được duy trì ở trạng thái trong đó hoạt tính phản ứng của vi sinh vật là cao. Thiết bị xử lý nước thải (1) có bể phản ứng (10) mà được cấp nước cần được xử lý từ đáy (100) của bể phản ứng (10) và xả nước cần được xử lý như là nước đã được xử lý từ phần trên của bể phản ứng (10) sau khi nước cần được xử lý được cho tiếp xúc với vi sinh vật; và bể kiểm soát độ pH (18) để điều chỉnh độ pH của phần nước đã được xử lý chảy ra ngoài bể phản ứng (10). Bể kiểm soát độ pH (18) được nối với mặt bên của bể phản ứng (10) thông qua đường ống dẫn trở lại (181b) hoặc (181c). Phần nước đã được xử lý được xả từ bể phản ứng (10) được điều chỉnh độ pH sao cho độ pH của nó là nằm trong khoảng độ pH trong đó hoạt tính phản ứng của các khối kết tụ vi sinh vật trở nên cao. Nước đã được xử lý đã được điều chỉnh độ pH được phun tới vị trí mà tách biệt với phần cấp (100) của nước cần được xử lý theo hướng dòng chảy của nước cần được xử lý trong tầng (19) trong bể phản ứng (10).



- (11) **1-0024574 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A
 (21) 1-2013-03021 (85) 26/09/2013
 (22) 29/03/2012 (86) PCT/JP2012/058410 29/03/2012
 (30) 2011-072926 29/03/2011 JP (87) WO2012/133671A1 04/10/2012
 (51) **B32B 15/01; B05D 7/14; C09D 5/08; C25D 5/48; C23C 30/00; C25D 3/56; C25D 5/36; B05D 7/00; C23C 2/06**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) SHIBAO Fumio (JP); KANETO Taihei (JP); FUDA Masahiro (JP); KIMATA Yoshio (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **TẤM THÉP ĐƯỢC XỬ LÝ BỀ MẶT**
- (57) Sáng chế đề cập đến tấm thép được xử lý bề mặt bao gồm: tấm thép; và lớp phủ được tạo ra trên một mặt hoặc cả hai mặt của tấm thép và chứa kẽm và vanadi, trong đó lớp phủ này có hàm lượng vanadi bằng 1% hoặc lớn hơn và 20% hoặc nhỏ hơn và trọng lượng phủ bằng 3 g/m² hoặc lớn hơn và 40 g/m² hoặc nhỏ hơn, và có nhiều nhánh hình cây mà hình thành theo chiều dày của tấm thép, và tỷ lệ x/y của hàm lượng x của vanadi mà có mặt bên ngoài các nhánh so với hàm lượng y của vanadi mà có mặt bên trong các nhánh này là 1,1 hoặc cao hơn và 3,0 hoặc nhỏ hơn tính theo nguyên tố vanadi.



- (11) **1-0024575 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
 (21) 1-2016-00074 (85) 07/01/2016
 (22) 25/07/2014 (86) PCT/EP2014/066093 25/07/2014
 (30) 13177926.6 25/07/2013 EP (87) WO2015/011281 29/01/2015
 14171062.4 04/06/2014 EP
 (51) **C07D 207/34; A61K 31/40; A61P 31/00**
 (73) **JANSSEN SCIENCES IRELAND UC (IE)**
 Eastgate Village, Eastgate, Little Island, Co Cork, Ireland
 (72) VANDYCK, Koen (BE); KESTELEYN, Bart, Rudolf, Romanie (BE); PIETERS, Serge, Maria, Aloysius (NL); ROMBOUITS, Geert (BE); VERSCHUEREN, Wim, Gaston (BE); RABOISSON, Pierre, Jean-Marie, Bernard (FR)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT PYROLAMIT ĐƯỢC THỂ GLYOXAMIT VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ ĐỂ ĐIỀU TRỊ BỆNH VIÊM GAN B**
 (57) Sáng chế đề cập đến chất ức chế sự sao chép của HBV có công thức (IA)



bao gồm các dạng đồng phân hóa học lập thể, và muối, hydrat, solvat của nó, trong đó X và R¹ đến R⁶ có nghĩa như được xác định trong bản mô tả này.

Sáng chế còn đề cập đến quy trình điều chế hợp chất nêu trên, dược phẩm chứa nó để sử dụng riêng rẽ hoặc kết hợp với chất ức chế HBV khác trong liệu pháp điều trị HBV.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024576 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2016 | 343A |
| (21) 1-2016-03049 | | (85) 17/08/2016 | |
| (22) 16/01/2015 | | (86) PCT/IB2015/050345 | 16/01/2015 |
| (30) 61/928,754 | 17/01/2014 | US | (87) WO2015/107495 |
| | 61/991,129 | 09/05/2014 | US |

(51) **C07D 241/18; C07D 241/20; A61K 31/495; A61P 35/04**

(73) **NOVARTIS AG (CH)**

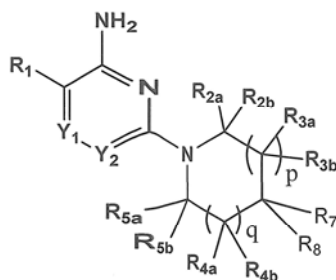
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland

(72) CHEN, Christine Hiu-tung (US); CHEN, Zhuoliang (CN); DORE, Michael (CA); FORTANET, Jorge Garcia (ES); KARKI, Rajesh (CA); KATO, Mitsunori (JP); LAMARCHE, Matthew J. (US); PEREZ, Lawrence Blas (US); SMITH, Troy Douglas (GB); WILLIAMS, Sarah (GB); GIRALDES, John William (US); TOURE, Bakary-barry (CA); SENDZIK, Martin (US)

(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(54) **HỢP CHẤT N-HETEROARYL ĐƯỢC THỂ BẰNG N-AZASPIROXYCLOALKAN VÀ ĐƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY HOẶC MUỐI ĐƯỢC DỤNG CỦA NÓ**

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức I:



I

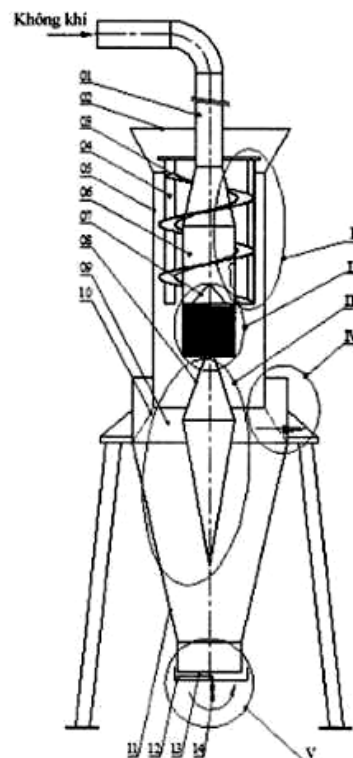
trong đó p, q, Y₁, Y₂, R₁, R_{2a}, R_{2b}, R_{3a}, R_{3b}, R_{4a}, R_{4b}, R_{5a}, R_{5b}, R₇ và R₈ được xác định trong phần bản chất kỹ thuật của sáng chế; có khả năng ức chế hoạt tính của Src homology-2-phosphatase (SHP2). Sáng chế còn đề xuất quy trình để điều chế hợp chất này và dược phẩm chứa nó trong việc quản lý bệnh và rối loạn liên quan đến hoạt tính bất thường của SHP2.

- (11) **1-0024577 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
(21) 1-2016-01279 (85) 08/04/2016
(22) 14/10/2014 (86) PCT/US2014/060418 14/10/2014
(30) 61/890,718 14/10/2013 US (87) WO2015/057659 23/04/2015
(51) **C07D 413/14; A61K 31/535; C07D 403/14; C07D 413/04; A61K 31/47; A61P 37/00**
(73) **EISAI R&D MANAGEMENT CO., LTD. (JP)**
6-10, Koishikawa 4-chome, Bunkyo-ku, Tokyo 112-8088, Japan
(72) CARLSON, Eric (US); HANSEN, Hans (DE); MACKEY, Matthew (US);
SCHILLER, Shawn (US); OGAWA, Chikako (JP); DAVIS, Heather (CA); ENDO,
Atsushi (JP); HAWKINS, Lynn (US); ISHIZAKA, Sally (US)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **HỢP CHẤT QUINOLIN ỨC CHẾ THỤ THỂ GIỐNG TOLL 7 (TLR7) VÀ
THỤ THỂ GIỐNG TOLL 8 (TLR8) VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ**

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất quinolin được thể chọn lọc tác động như chất đối
kháng hoặc chất ức chế các thụ thể giống Toll 7 và/hoặc 8, và các dược phẩm chứa
hợp chất này.

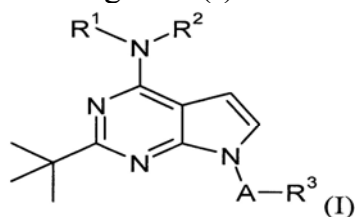
- (11) **1-0024578 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2016 335A
 (21) 1-2014-02618
 (22) 04/08/2014
 (51) **C10J 3/00; C10J 3/52**
 (76) **NGUYỄN ĐÌNH TÙNG (VN)**
 Khu tập thể Trường Trung học Quản lý và Công nghệ, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
 (74) Công ty TNHH MASTERBRAND (MASTERBRAND)
 (54) **THIẾT BỊ KHÍ HÓA XUÔI CHIỀU LIÊN TỤC SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU LÀ VỎ CÀ PHÊ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị khí hoá xuôi chiều liên tục sử dụng nhiên liệu là vỏ cà phê bao gồm cụm cơ cấu nén cấp liệu và chống tạo vòm (I) bao gồm cụm vít xoắn rỗng có cánh vít xoắn (3) và thanh liên kết (4) khi chuyển động sẽ có tác dụng nén cấp nguyên liệu vào buồng phản ứng; cụm cấp gió và phân gió (II) bao gồm ống cấp gió (1), trụ rỗng dẫn gió (6) và đầu phân chia gió (7), trên đầu phân chia gió (7) có gắn hai ống hình trụ đồng tâm (15) và (16) trên đó có lỗ, bên trong ống (16) có gắn các vách ngăn (17) để tạo thành các khoang chứa gió trước khi gió được len lỏi và trộn đều với vỏ cà phê trong buồng phản ứng (5); cụm phân chia tro (dàn đều tro) (III) có kết cấu bao gồm chi tiết phân chia tro (8) được gắn chính giữa bên trong buồng chứa tro (11) có tác dụng để tro di chuyển (tụt) đều xuống phía cửa tháo tro; cụm gom khí và lọc tro (IV) bao gồm khoang chứa khí (9) và lưới lọc (10) có tác dụng gom khí lại để lọc bớt tro bụi lẫn trong khí trước khi khí ga di chuyển để đưa ra ngoài sử dụng; cụm cơ cấu tháo tro (V) có bộ phận tháo tro kiểu lệch tâm theo chu kỳ nhằm làm tăng tính ổn định quá trình hóa khí và góp phần tăng hiệu suất sinh khí khi hoạt động.



- (11) **1-0024579 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
(21) 1-2015-04169 (85) 29/10/2015
(22) 29/04/2014 (86) PCT/EP2014/058648 29/04/2014
(30) 13166296.7 02/05/2013 EP (87) WO2014/177527 06/11/2014
(51) **C07D 487/04; A61P 1/00; A61P 25/00; C07D 519/00; A61P 3/00; A61P 9/00; A61K 31/519; A61P 29/00**
(73) **F. HOFFMANN-LA ROCHE AG (CH)**
Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland
(72) GREETHER, Uwe (DE); KIMBARA, Atsushi (JP); NETTEKOVEN, Matthias (DE); ROEVER, Stephan (DE); ROGERS-EVANS, Mark (GB); SCHULZ-GASCH, Tanja (DE)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **HỢP CHẤT PYROLO[2,3-D]PYRIMIDIN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ**

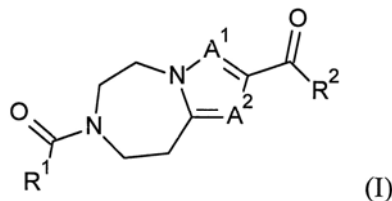
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (I):



trong đó A và R¹ đến R³ là như được xác định trong bản mô tả và trong các điều kiện yêu cầu bảo hộ. Hợp chất có công thức (I) có thể được dùng làm thuốc. Sáng chế còn đề cập đến quy trình điều chế và dược phẩm chứa hợp chất này.

- (11) **1-0024580 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
 (21) 1-2016-03598 (85) 26/09/2016
 (22) 23/03/2015 (86) PCT/EP2015/056041 23/03/2015
 (30) 14161756.3 26/03/2014 EP (87) WO2015/144609 01/10/2015
 (51) **C07D 487/04; A61P 1/16; A61P 37/08; A61K 31/551; A61P 3/00**
 (73) **F. HOFFMANN-LA ROCHE AG (CH)**
 Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland
 (72) HUNZIKER, Daniel (CH); HERT, Jérôme (FR); KUEHNE, Holger (DE); MATTEI, Patrizio (CH); RUDOLPH, Markus (DE)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT [1,4]DIAZEPIN NGỪNG TỤ LÀM CHẤT ỨC CHẾ SỰ SẢN SINH AUTOTAXIN (ATX) VÀ AXIT LYSOPHOSPHATIDIC (LPA), QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG**

(57) Sáng chế đề xuất các hợp chất có công thức chung (I):



trong đó R¹, R², A¹ và A² như được mô tả trong bản mô tả và dược phẩm chứa các hợp chất này.

- (11) **1-0024581 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2015 323A
(21) 1-2014-03448 (85) 16/10/2014
(22) 18/03/2013 (86) PCT/JP2013/001823 18/03/2013
(30) 2012-081792 30/03/2012 JP (87) WO2013/145626 03/10/2013
(51) *A23L 1/162; A23L 1/16*
(73) **NISSIN FOODS HOLDINGS CO., LTD.** (JP)
1-1, Nishinakajima 4-chome, Yodogawa-ku, Osaka-shi, Osaka 5328524, Japan
(72) ASAHINA, Takeshi (JP); HIBI, Takaaki (JP); MACHIDA, Noriyuki (JP);
TANAKA, Mitsuru (JP)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẤY KHÔ MÌ ĂN LIỀN**

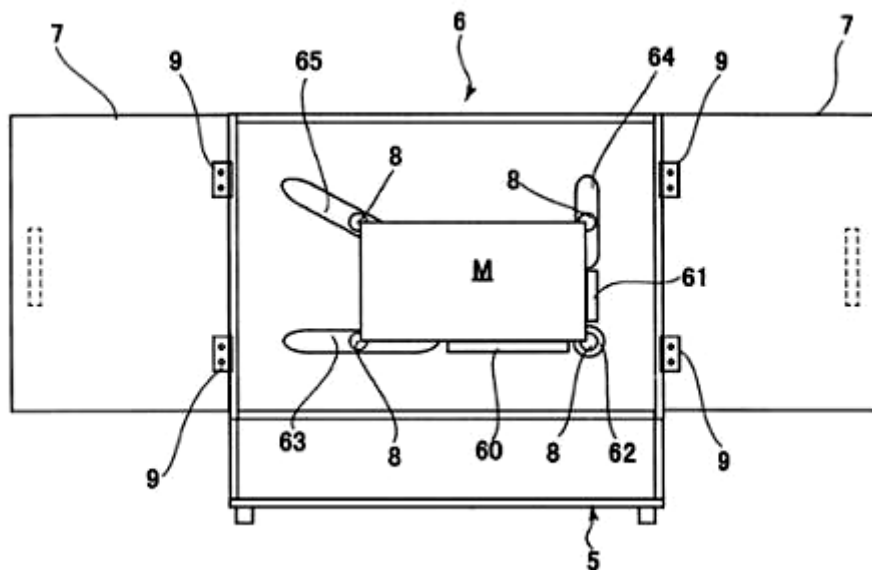
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sấy khô mì ăn liền không chiên để thu được mì không chiên được làm tơi dễ dàng không kết dính các sợi mì và có độ phục hồi tốt. Sáng chế gồm, như là bước sấy khô mì ăn liền không chiên, bước đặt sợi mì được gelatin hóa vào trong khuôn giữ sấy khô, và thổi luồng không khí tốc độ cao từ bên trên khuôn giữ về phía vát mì của sợi mì để thực hiện sấy khô. Ở bước sấy khô, khuôn giữ được sử dụng có hình dạng sao cho phần chuyển tiếp từ bề mặt dưới đến bề mặt bên (phần thành bên) được tạo là bề mặt cong có bán kính cong trong khoảng từ 5mm đến 15mm, và tốt hơn là luồng không khí tốc độ cao được thổi ở tốc độ thổi 50m/s hoặc cao hơn xét về tốc độ mà sợi mì được tiếp xúc với. Sáng chế cũng đề cập đến thiết bị để thực hiện phương pháp.

- (11) **1-0024582 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2015 323A
(21) 1-2014-03449 (85) 16/10/2014
(22) 18/03/2013 (86) PCT/JP2013/001822 18/03/2013
(30) 2012-081357 30/03/2012 JP (87) WO2013/145625 03/10/2013
(51) *A23L 1/162; F26B 9/06; F26B 3/06; A23L 1/16*
(73) **NISSIN FOODS HOLDINGS CO., LTD.** (JP)
1-1, Nishinakajima 4-chome, Yodogawa-ku, Osaka-shi, Osaka 5328524, Japan
(72) ASAHINA, Takeshi (JP); HIBI, Takaaki (JP); MACHIDA, Noriyuki (JP);
TANAKA, Mitsuru (JP)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẤY KHÔ MÌ ĂN LIỀN**

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp sấy khô mì không chiên để thu được mì không chiên được làm tơi dễ dàng không kết dính các sợi mì và có độ phục hồi tốt. Sáng chế gồm, như là bước sấy khô mì không chiên, bước đặt sợi mì được gelatin hóa vào trong khuôn giữ, khuôn giữ có một hoặc nhiều các lỗ nhỏ ở bề mặt dưới của nó để cho tỷ lệ tổng diện tích của các lỗ nhỏ với diện tích của bề mặt dưới khuôn giữ bằng 30% hoặc nhỏ hơn, hoặc không có lỗ nhỏ ở bề mặt dưới, tức là, khuôn giữ có tỷ lệ lỗ hở từ 0% đến 30%, và thổi luồng không khí tốc độ cao, tốt hơn là có tốc độ thổi 50m/s hoặc cao hơn, từ bên trên khuôn giữ về phía sợi mì ở khuôn giữ. Sáng chế cũng đề cập tới thiết bị để thực hiện phương pháp này.

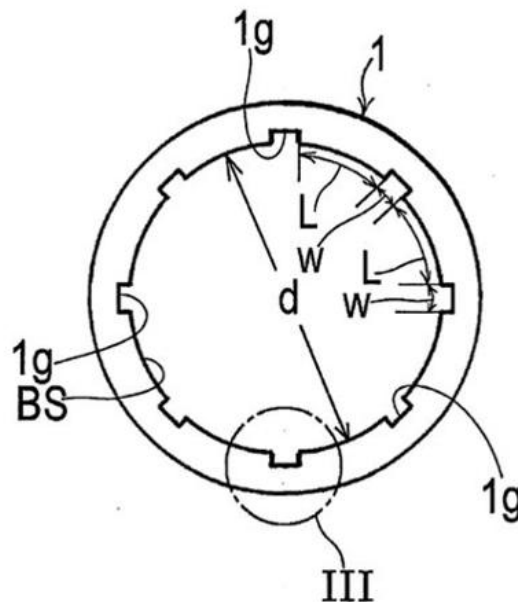
- (11) **1-0024583 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2017 355A
 (21) 1-2016-00108 (85) 11/01/2016
 (22) 21/08/2015 (86) PCT/JP2015/073566 21/08/2015
 (30) 201420799553.3 16/12/2014 CN (87) WO2016/098389A1 23/06/2016
 (51) **G01N 21/00; G02F 1/13**
 (73) **NITTO DENKO CORPORATION (JP)**
 1-2, Shimohozumi 1-chome, Ibaraki-shi, Osaka 5678680 Japan
 (72) Satom KOSHIO (JP); Jun MISHIMA (JP); Takashi KAWAI (JP); Masatake USUI (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ KIỂM TRA VỊ TRÍ GẮN CỦA CHI TIẾT**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị kiểm tra vị trí gắn để kiểm tra vị trí gắn của chi tiết gắn dạng hình chữ nhật (F) được tạo lớp lên trên tấm nền dạng hình chữ nhật (C) theo cách để cho phép bốn cạnh của chi tiết gắn (F) trở nên song song với bốn cạnh tương ứng của tấm nền (C). Thiết bị kiểm tra vị trí gắn này bao gồm: bảng kiểm tra (6) có vùng đặt được tạo ra trong đó để cho phép vật liệu dạng lớp của tấm nền (C) và chi tiết gắn (F) được đặt trên đó; bốn dụng cụ đo quang học (8) được gắn vào bảng kiểm tra (6) và mỗi dụng cụ được bố trí đối diện với một góc tương ứng trong số bốn góc của vật liệu dạng lớp của tấm nền (C) và chi tiết gắn (F) đặt trên vùng đặt để đo bằng quang học khoảng cách (L1, L2) giữa mép bên của chi tiết gắn (F) và mép bên của tấm nền (C) song song với mép bên của chi tiết gắn (F), trong mỗi góc trong số bốn góc; và cụm hiển thị kết quả đo (RD) được nối với bốn dụng cụ đo quang học (8) để hiển thị, dưới dạng kết quả đo, các khoảng cách (L1, L2) đo được bởi bốn dụng cụ đo quang học (8). Điều này khiến cho có thể tăng độ chính xác kiểm tra vị trí gắn của chi tiết gắn dạng hình chữ nhật (F) được tạo lớp lên trên tấm nền dạng hình chữ nhật (C) theo cách để cho phép bốn cạnh của chi tiết gắn (F) trở nên song song với bốn cạnh tương ứng của tấm nền (C).



- (11) **1-0024584 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
 (21) 1-2016-02527 (85) 08/07/2016
 (22) 25/12/2014 (86) PCT/JP2014/084230 25/12/2014
 (30) 2013-270936 27/12/2013 JP (87) WO2015/099004 02/07/2015
 (51) **F16C 33/20; F16C 17/02; F16C 17/14**
 (73) **EBARA CORPORATION (JP)**
 11-1, Haneda Asahi-cho, Ohta-ku, Tokyo 1448510, Japan
 (72) SUGIYAMA, Kenichi (JP); TAKAHASHI, Norio (JP); YAKUWA, Hiroshi (JP);
 YAMANAKA, Takashi (JP)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **Ổ ĐỖ TRƯỢT**

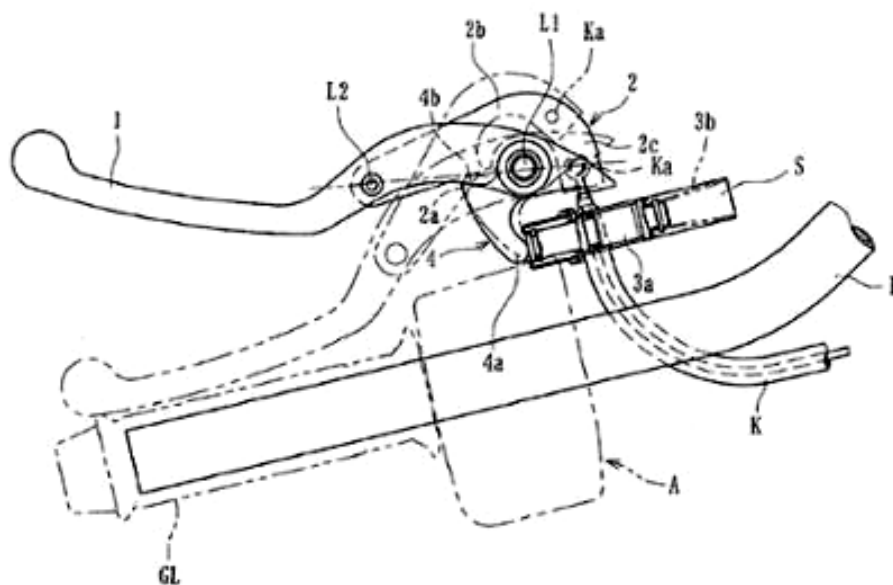
(57) Sáng chế đề cập đến ổ đỡ trượt được yêu tiên sử dụng cho ổ đỡ hướng kính trong thiết bị quay như là bơm. Ổ đỡ trượt đề sử dụng trong thiết bị quay bao gồm phần ổ đỡ bao gồm vật liệu nhựa không chứa các sợi cacbon hoặc bao gồm vật liệu hỗn hợp bao gồm vật liệu nhựa không chứa các sợi cacbon và các sợi cacbon ngắn hơn chiều dài theo chu vi của bề mặt trượt của ổ đỡ (BS); và nhiều rãnh (1g) được tạo ra trên bề mặt trượt của ổ đỡ (BS) và được tạo kết cấu kéo dài theo đường trục qua bề mặt trượt của ổ đỡ. Nhiều rãnh (1g) được tạo ra sao cho tỷ lệ của tổng diện tích của các rãnh (1g) trên diện tích của toàn bộ bề mặt trượt của ổ đỡ (BS) (tỷ lệ diện tích của các rãnh) nằm trong khoảng từ 15% đến 50% và khoảng cách ở giữa các rãnh tiếp giáp nằm trong khoảng từ 10mm đến 60mm.



- (11) **1-0024585 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2014 315A
(21) 1-2014-00757 (85) 10/03/2014
(22) 08/08/2012 (86) PCT/JP2012/005038 08/08/2012
(30) 2011-175633 11/08/2011 JP (87) WO2013/021635 14/02/2013
(51) **A23L 1/221; A23G 4/00; A61Q 11/00; A61K 8/97; A23G 3/34**
(73) **LOTTE CO., LTD.** (JP)
20-1, Nishi-shinjuku 3-chome, Shinjuku-ku, Tokyo 1600023, Japan
(72) KISHIMORI, Yoshiaki (JP); TOKUMOTO, Takumi (JP); SATO, Makoto (JP)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **CHẾ PHẨM DÙNG Ở KHOANG MIỆNG CHỨA PHẦN CHIẾT TỪ CÂY GIA VỊ, THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG BAO GỒM CHẾ PHẨM NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng ở khoang miệng có đặc tính lưu giữ hương vị cải thiện, có tác dụng làm tăng và kéo dài vị bạc hà. Chế phẩm dùng ở khoang miệng này chứa phần chiết của ít nhất một cây gia vị được chọn từ nhóm gồm cây cúc áo *Spilanthes acmella* Linn., ớt *Capsium annuum* Linn., tần bì gai Nhật Bản *Zanthoxylum piperitum* DC., quế, hạt tiêu đen, gừng Nhật Bản *Zingiber mioga*, tía tô *Perilla frutescens* Britton, tỏi, mù tạc, hạt tiêu Gia-mai-ca, hành, bạch đậu khấu, nghệ và hạt nhục đậu khấu. Sáng chế còn đề cập đến thực phẩm và đồ uống bao gồm chế phẩm này.

- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024586 B | | (15) 15/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/01/2017 | 346A |
| (21) 1-2016-04037 | | (85) 25/10/2016 | |
| (22) 31/03/2014 | | (86) PCT/TH2014/000020 | 31/03/2014 |
| | | (87) WO2015/152837 | 08/10/2015 |
- (51) **B62K 23/06; B62L 3/02**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama, 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, Japan
 (72) TSUTSUI Masayuki (JP); YORISHIGE Akiko (JP); UEDA Seiji (JP);
 WECHPIPATPOL, Wasinee (TH); PROMMA Pakpum (TH)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **CƠ CẤU PHANH KHÓA LIÊN ĐỘNG CỦA PHANH BẰNG CẤP VÀ THANH THỦY LỰC LIÊN KHỐI DÙNG CHO XE MÁY**

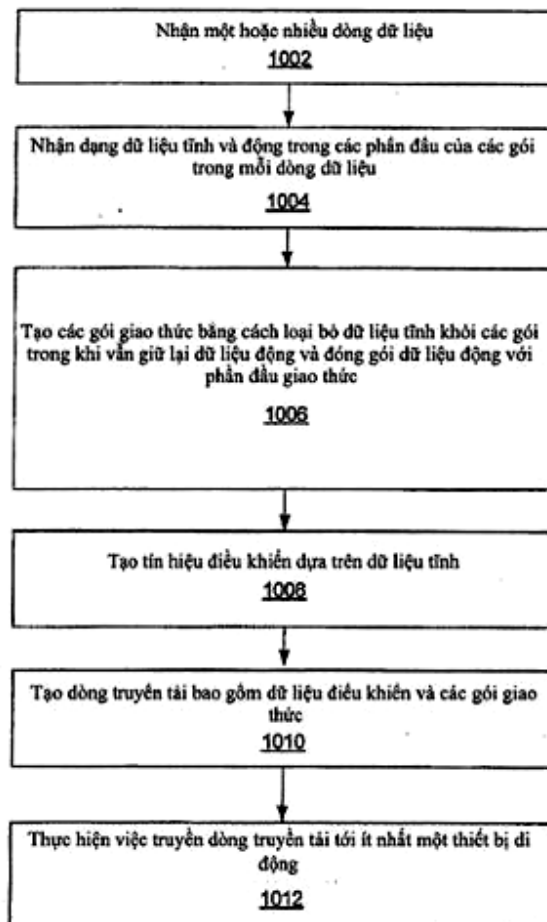
(57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu phanh khóa liên động của phanh bằng cấp và thanh thủy lực liên khối dùng cho xe máy, trong đó có thể duy trì chức năng của cơ cấu phanh khóa liên động, cơ cấu này vận hành phanh sau và phanh trước sau khi phanh sau được vận hành và có thể ngăn chặn sự cản trở cho phần gắn cố định vào tay lái như hộp công tắc, trong quá trình vận hành quay tay phanh. Trục quay (L1) của cần pit tông (4) được đặt ở vị trí ở phía xa hơn về phía trước so với xi lanh chính (3), đoạn tiếp xúc (4b) tiếp xúc với cần cấp phanh sau (2) được tạo ra ở vị trí ở phía đối diện với xi lanh chính (3) ngang qua trục quay (L1), và cần cấp phanh sau (2) được quay quanh đoạn tiếp xúc (4b) làm điểm tựa bằng cách vận hành quay tay phanh (1) và sau đó kéo cấp phanh sau K, và nếu tải vận hành tác động vào đoạn ép (4a) bằng cách vận hành quay tay phanh (1) ở mức định trước hoặc lớn hơn, cần cấp phanh sau (2) quay cần pit tông (4) quanh đoạn tiếp xúc (4b) làm điểm đặt lực và dịch chuyển pit tông (3a) của xi lanh chính (3) với đoạn ép (4a) và sau đó có khả năng vận hành phanh trước (Bf).



- (11) **1-0024587 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2016 336A
(21) 1-2015-03766 (85) 09/10/2015
(22) 03/04/2014 (86) PCT/NL2014/050204 03/04/2014
(30) 13163989.0 16/04/2013 EP (87) WO2014/171819 23/10/2014
(51) **C02F 3/30**
(73) **PAQUES I.P. B.V.** (NL)
Tjalke de Boerstrjitte 24, NL-8561 EL Balk, the Netherlands
(72) HENDRICKX, Tim Lucas George (NL); LOTTI, Tommaso (IT); VAN
LOOSDRECHT, Marinus Cornelis Maria (NL); KRUIT, Jans (NL)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **QUY TRÌNH LOẠI BỎ NITƠ THEO CÁCH THỨC SINH HỌC RA KHỎI
NƯỚC THẢI**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình loại bỏ nitơ theo cách thức sinh học ra khỏi nước thải
bao gồm các bước: cung cấp dòng nước thải chứa amoni; cung cấp liên tục dòng
nước thải tới bình phản ứng chứa bùn dạng hạt gồm các hạt có lõi là vi khuẩn
anammox và mép ngoài là vi khuẩn oxy hóa amoni; đưa nước thải trong bình
phản ứng qua quá trình oxy hóa amoni với điều kiện gồm nhiệt độ nằm trong
khoảng từ 5°C đến 25°C, nồng độ oxy hòa tan nằm trong khoảng từ 0,4mg/L đến
4,0 mg/L, thời gian lưu của nước từ 0,5 giờ đến 1,5 ngày để thu được nitơ dạng khí
và phân phân tán của bùn dạng hạt và bùn không phải dạng hạt trong nước thải được
xử lý; và phân tách liên tục phần phân tán thu được thành dòng chứa bùn dạng hạt
và dòng chứa nước thải đã được xử lý và bùn không phải dạng hạt và quay vòng
bùn dạng hạt tới bình phản ứng, trong đó thời gian lưu của bùn dạng hạt và bùn
không phải dạng hạt bất kỳ lần lượt là ít nhất mười lần và nhiều nhất ba lần thời
gian lưu của nước.

- (11) **1-0024588 B** (15) 15/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
- (21) 1-2012-03423 (85) 16/11/2012
- (22) 03/05/2010 (86) PCT/US2010/033367 03/05/2010
- (51) **H04L 29/06** (87) WO2011/139266 10/11/2011
- (73) **NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)**
Karaportti 3, FI-02610 Espoo, Finland
- (72) Imed BOUAZIZI (TN); Lukasz KONDRAD (PL)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG VÀ THIẾT BỊ PHÁT ĐỂ TRUYỀN DỮ LIỆU BÁO HIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG, THIẾT BỊ DI ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG ĐỂ KHÔI PHỤC GÓI**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp truyền thông và thiết bị phát để truyền dữ liệu báo hiệu và phương pháp truyền thông, thiết bị di động và hệ thống truyền thông để khôi phục gói bao gồm bước nhận dòng dữ liệu bao gồm các gói, nhận dạng dữ liệu tĩnh và động trong các phần đầu của các gói trong mỗi dòng dữ liệu
- tĩnh và dữ liệu động trong các phần đầu gói của các gói, tạo các gói giao thức bằng cách loại bỏ dữ liệu tĩnh khỏi các gói trong khi vẫn giữ lại dữ liệu động và đóng gói dữ liệu động với phần đầu giao thức
- tạo tín hiệu điều khiển dựa trên dữ liệu tĩnh
- tạo dòng truyền tải bao gồm dữ liệu điều khiển và các gói giao thức
- Thực hiện việc truyền dòng truyền tải tới ít nhất một thiết bị di động

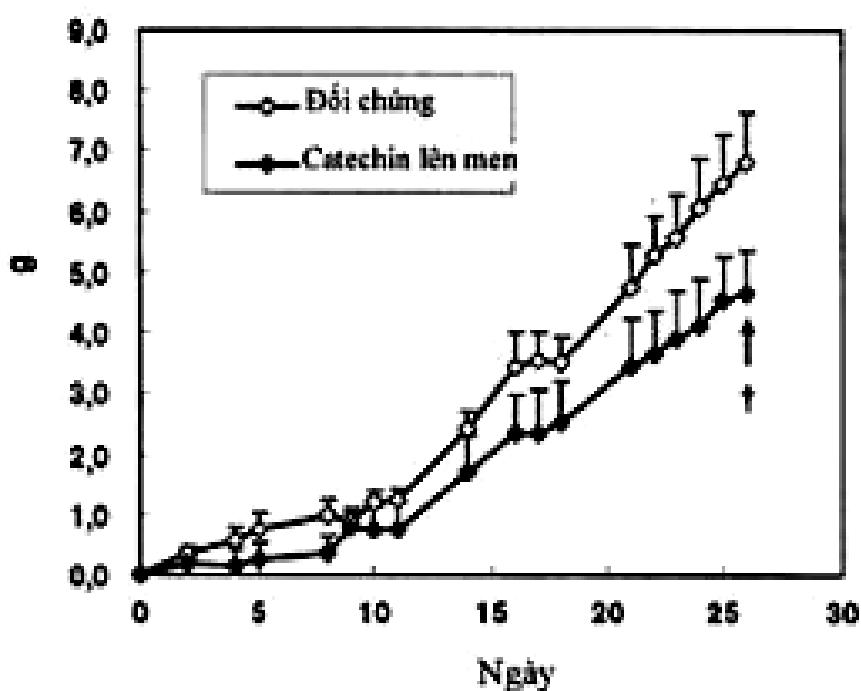


- (11) **1-0024589 B** (15) 15/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2011 282A
(21) 1-2011-00044 (85) 07/01/2011
(22) 09/06/2009 (86) PCT/JP2009/060519 09/06/2009
(30) 2008-150966 09/06/2008 JP (87) WO2009/151048A1 17/12/2009
(51) *A23K 1/18; A23K 1/16; A23K 1/175*
(73) **IDEMITSU KOSAN CO., LTD.** (JP)
1-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8321, Japan
(72) Kyo NAGASHIMA (JP); Masami MOCHIZUKI (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **CHẾ PHẨM DẠNG HẠT DỪNG LÀM THỨC ĂN VÀ THỨC ĂN CHỨA CHẾ PHẨM NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm dạng hạt dừg làm thức ăn, chứa chất lỏng từ vỏ hạt điều và/hoặc các axit anacardic và chất hấp thụ dầu, trong đó chất lỏng từ vỏ hạt điều và/hoặc các axit anacardic chứa theo tỷ lệ với tổng lượng chế phẩm dừg làm thức ăn nằm trong khoảng từ 25 đến 65% khối lượng.

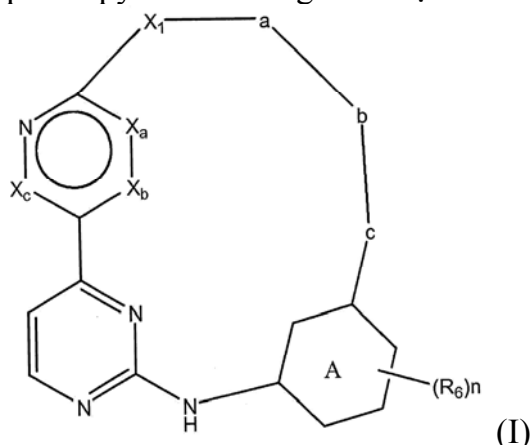
- (11) **1-0024590 B** (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2018 358A
 (21) 1-2017-03852 (85) 29/09/2017
 (22) 07/03/2016 (86) PCT/JP2016/057009 07/03/2016
 (30) 2015-046416 09/03/2015 JP (87) WO2016/143745 15/09/2016
 2015-046415 09/03/2015 JP
 (51) **A61K 31/065; A61P 3/04; A61P 3/00; A23L 2/52; A61P 25/02**
 (73) **SUNTORY HOLDINGS LIMITED (JP)**
 1-40, Dojimahama 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 530-8203, Japan
 (72) FUKUSHIMA, Eiji (JP); YOSHIMOTO, Yuko (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CHẾ PHẨM CHỨA 1-(3',4',5'-
 TRIHYDROXYPHENYL)-3-(2'',4'',6''-TRIHYDROXYPHENYL)-PROPAN-2-
 OL**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất chế phẩm chứa 1-(3',4',5'-trihydroxyphenyl)-3-(2'',4'',6''-trihydroxyphenyl)-propan-2-ol. Chế phẩm theo sáng chế có tác dụng tăng cường sự chuyển hóa năng lượng, tác dụng tăng cường hoạt động thần kinh giao cảm, tác dụng thúc đẩy sự đốt cháy lipid, tác dụng chống béo phì (kiểm soát sự tăng cân hoặc làm giảm cân nặng), hoặc tác dụng làm tăng nhiệt độ cơ thể, có thể được mong đợi là có hiệu quả, ví dụ, làm tăng nhiệt độ cơ thể, cải thiện sự miễn cảm với nhiệt độ lạnh, chống béo phì, giảm mỡ nội tạng, giữ dáng, tăng sự chuyển hóa, tăng cường miễn dịch, chống mệt mỏi, hoặc chống trầm cảm, hoặc hiệu quả tương tự.



- (11) 1-0024591 B (15) 15/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
 (21) 1-2016-03787 (85) 07/10/2016
 (22) 02/04/2015 (86) PCT/EP2015/057399 02/04/2015
 (30) 14163443.6 03/04/2014 EP (87) WO2015/150555 08/10/2015
 14183747.6 05/09/2014 EP
 (51) C07D 471/22; C07D 498/22; A61K 31/505; A61P 35/00
 (73) JANSSEN PHARMACEUTICA NV (BE)
 Turnhoutseweg 30, B-2340 Beerse, Belgium
 (72) DIELS, Gaston, Stanislas, Marcella (BE); SCHOENTJES, Bruno (FR); VERSELE, Matthias, Luc, Aimé (BE); BERTHELOT, Didier, Jean-Claude (FR); WILLEMS, Marc (BE); VIELLEVOYE, Marcel (NL); EMBRECHTS, Werner, Constant, Johan (BE); WROBLOWSKI, Berthold (DE); MEERPOEL, Lieven (BE)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT PYRIMIDIN VÒNG LỚN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất pyrimidin vòng lớn được thể có công thức (I):

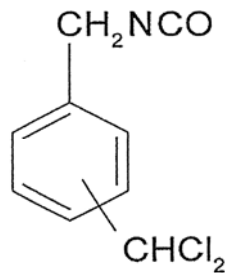


trong đó các biến số có nghĩa được xác định theo các điểm yêu cầu bảo hộ và dược phẩm chứa hợp chất này dưới dạng thành phần hoạt tính. Hợp chất theo sáng chế có hoạt tính ức chế kinaza yếu tố kéo dài 2 (EF2K) và tùy ý có cả hoạt tính ức chế phosphatidylinositol 3-kinaza (Vps34). Sáng chế cũng mô tả quy trình điều chế hợp chất này và hợp chất theo sáng chế được sử dụng làm thuốc.

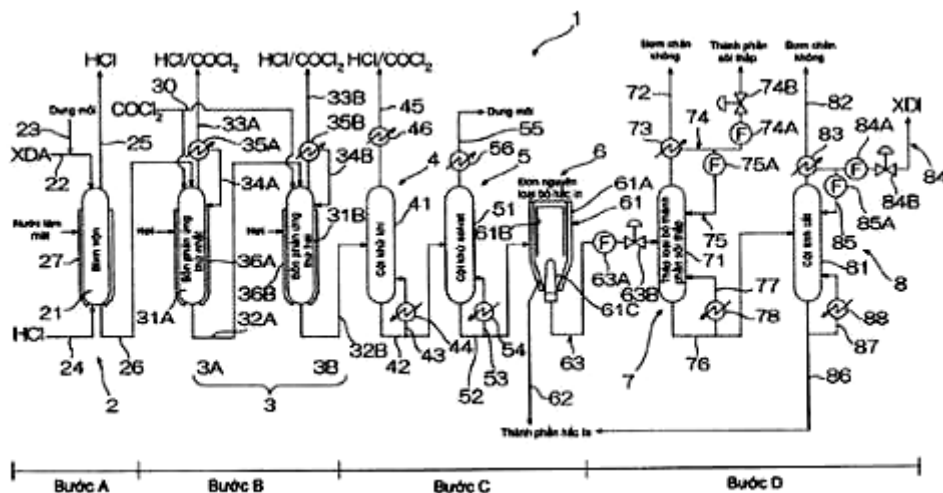
- (11) **1-0024592 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
(21) 1-2014-01254
(22) 18/04/2014
(30) 10-2013-0043222 18/04/2013 KR
(51) **A61K 36/00**
(73) **CJ HEALTHCARE CORPORATION (KR)**
330, Dongho-ro, Jung-gu, Seoul 04560, Republic of Korea
(72) PAEK, Se Hee (KR); MOON, Byoung Seok (KR); PARK, Seok Jun (KR); SEO,
Yong Ki (KR); SONG, Geun Seog (KR)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **CHẾ PHẨM PHÒNG NGỪA HOẶC ĐIỀU TRỊ TÌNH TRẠNG KHÓ CHỊU
SAU KHI UỐNG RƯỢU VÀ THỰC PHẨM CHỨA CHẾ PHẨM NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm bao gồm thành phần hoạt tính là dịch chiết từ lá cây nguyệt quế hồng (*Laurus nobilis*), và cụ thể, đề cập đến chế phẩm phòng ngừa hoặc điều trị tình trạng khó chịu sau khi uống rượu bao gồm dịch chiết từ lá cây nguyệt quế hồng (*Laurus nobilis*), thực phẩm phòng ngừa hoặc làm thuyên giảm tình trạng khó chịu sau khi uống rượu bao gồm dịch chiết từ lá cây nguyệt quế hồng (*Laurus nobilis*), và phương pháp điều chế chế phẩm này. Do chế phẩm theo sáng chế bao gồm dịch chiết từ lá cây nguyệt quế hồng (*Laurus nobilis*), nên nó có tác dụng làm giảm vượt trội nồng độ rượu và axetaldehyt trong máu một cách đáng kể. Tác dụng phòng ngừa và điều trị tình trạng khó chịu sau khi uống rượu của chế phẩm này được xác nhận bằng các thử nghiệm về hành vi, và từ đó chế phẩm này có thể được áp dụng rộng rãi để làm thực phẩm, thuốc, hoặc thực phẩm chức năng, có thể được sử dụng hữu hiệu để phòng ngừa và điều trị tình trạng khó chịu sau khi uống rượu.

- (11) **1-0024593 B** (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2019 370A
 (21) 1-2018-05204 (85) 21/11/2018
 (22) 09/04/2018 (86) PCT/JP2018/014896 09/04/2018
 (30) 2017-077618 10/04/2017 JP (87) WO2018/190290A1 18/10/2018
 (51) **C07C 265/14; C08G 18/76**
 (73) **MITSUI CHEMICALS, INC.** (JP)
 5-2, Higashi-Shimbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-7122, Japan
 (72) YAMASAKI, Satoshi (JP); HASEGAWA, Daisuke (JP); MORITA, Hirokazu (JP);
 OTSUKA, Hideaki (JP); NAKASHIMA, Tatsuya (JP); SHIMAKAWA, Chitoshi
 (JP); KUMA, Shigetoshi (JP); SASAKI, Masaaki (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **CHẾ PHẨM XYLYLENDIISOXYANAT, CHẾ PHẨM ĐƯỢC CẢI BIẾN
 XYLYLENDIISOXYANAT, VẬT LIỆU NHỰA HAI THÀNH PHẦN VÀ
 NHỰA**
 (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm xylylendiisoxyanat chứa xylylendiisoxyanat và hợp
 chất được thể hiện bởi công thức hóa học (1) dưới đây, trong đó hợp chất được thể
 hiện bởi công thức hóa học (1) này được chứa với lượng 0,6ppm hoặc lớn hơn và
 60ppm hoặc nhỏ hơn:

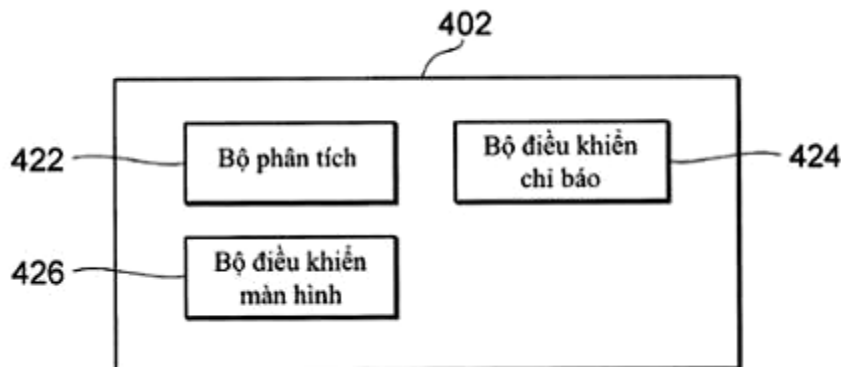


Sáng chế cũng đề cập đến chế phẩm được cải biến xylylendiisoxyanat, vật liệu
 nhựa hai thành phần và nhựa.



- (11) **1-0024594 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
(21) 1-2016-00548 (85) 16/02/2016
(22) 24/02/2014 (86) PCT/JP2014/054274 24/02/2014
(30) 2013-151063 19/07/2013 JP (87) WO2015/008502A1 22/01/2015
(51) **H04R 1/00; G09B 19/00; G09B 19/04**
(73) **BENESSE CORPORATION (JP)**
3-7-17, Minamigata, Kita-ku, Okayama-shi, Okayama 700-8686 Japan
(72) KOMIYAMA, Tomoyuki (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **THIẾT BỊ XỬ LÝ THÔNG TIN DI ĐỘNG, PHƯƠNG PHÁP THAO TÁC THIẾT BỊ NÀY, VÀ VẬT GHI**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý thông tin di động, thiết bị này bao gồm: micrô mà thu tiếng nói được tạo ra bởi thí sinh thực hiện bài kiểm tra mà bao gồm bài kiểm tra nói; màn hình mà hiển thị chỉ báo biểu thị âm lượng của tiếng nói khi thực hiện ứng dụng kiểm tra; và bộ phận thực thi mà thay đổi dạng hiển thị của chỉ báo phụ thuộc vào việc âm lượng có bằng giá trị định trước hoặc lớn hơn khi chạy ứng dụng hay không.



- | | | | |
|-------------------|-----------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024595 B | (15) 16/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2016 | 341A |
| (21) 1-2016-01317 | | (85) 12/04/2016 | |
| (22) 22/11/2013 | | (86) PCT/JP2013/081547 | 22/11/2013 |
| | | (87) WO2015/075822A1 | 28/05/2015 |

(51) **B65G 67/02; B65D 19/44**

(73) **TOYOTA STEEL CENTER CO., LTD. (JP)**

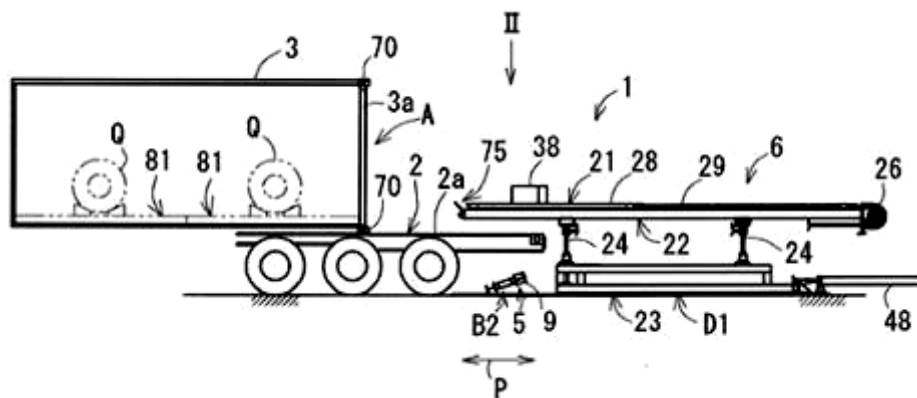
33-4, Shinpo-cho, Tokai-shi, Aichi 476-8533, Japan

(72) ITO Nobuaki (JP); MATSUMOTO Manabu (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **HỆ THỐNG VẬN CHUYỂN DÙNG CHO ĐỐI TƯỢNG CẦN ĐƯỢC VẬN CHUYỂN VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN CHUYỂN**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống vận chuyển (1, 101) dùng cho đối tượng cần được vận chuyển mà làm cho có thể vận chuyển dễ dàng và nhanh chóng đối tượng cần được vận chuyển (Q) đến côngtenơ (3) được lắp trên khung xe (2a) của xe moóc (2) và tải lượng tải trọng tối đa của đối tượng cần được vận chuyển (Q) trong côngtenơ (3). Hệ thống vận chuyển (1, 101) này được bố trí cơ cấu kích (5) để nâng bộ (2a) từ phía dưới và cơ cấu bộ (6, 102) được bố trí phía sau cơ cấu kích (5). Cơ cấu bộ (6, 102) được bố trí: thân vận chuyển (21, 104) trên đó đối tượng cần được vận chuyển (Q) được đặt và được vận chuyển; bộ (22, 105) trên đó thân vận chuyển (21, 104) di chuyển; thân di động (23) đỡ bộ (22, 105) và có khả năng dịch chuyển theo chiều trước-sau của khung xe (2a); và bộ phận kích (24) được bố trí trên thân di động (23) và nâng bộ (22, 105) từ phía dưới sao cho bộ nói trên (22, 105) được nâng lên hoặc hạ xuống.

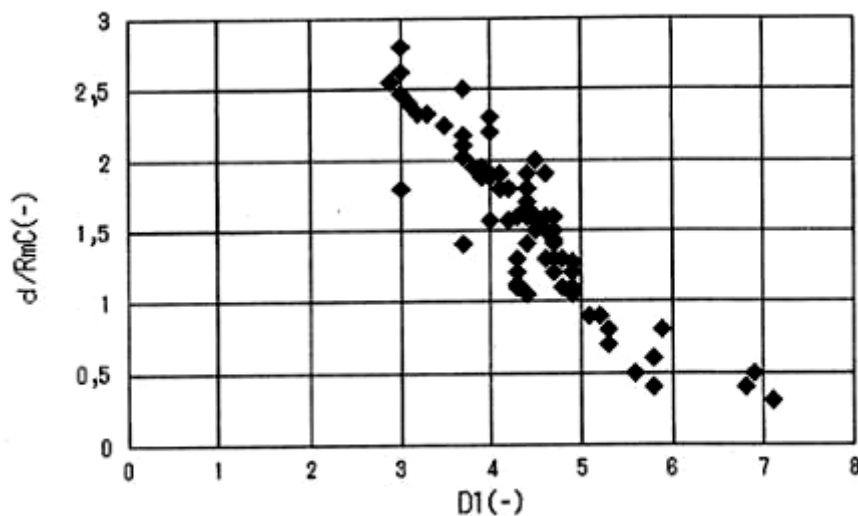


- (11) **1-0024596 B** (15) 16/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2014 311A
- (21) 1-2013-03616 (85) 15/11/2013
- (22) 24/05/2012 (86) PCT/JP2012/063273 24/05/2012
- (30) 2011-117432 25/05/2011 JP (87) WO2012/161248A1 29/11/2012
- (51) **C22C 38/00; C22C 38/60; C21D 9/46; C22C 38/02; C22C 38/04; C22C 38/06; C22C 38/08; C22C 38/10; C22C 38/12; C22C 38/14; C22C 38/16; C22C 38/18; C22C 38/38; C22C 38/40; C21D 8/00; C21D 8/02**
- (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
- (72) SANO Kohichi (JP); HAYASHI Kumio (JP); NAKANO Kazuaki (JP); OKAMOTO Riki (JP); FUJITA Nobuhiro (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **TẤM THÉP CÁN NÓNG VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM THÉP NÀY**

(57) Sáng chế đề cập tới tấm thép cán nóng thỏa mãn điều kiện mật độ cực trung bình của nhóm định hướng từ $\{100\}\langle 011 \rangle$ đến $\{223\}\langle 110 \rangle$ nằm trong khoảng từ 1,0 đến 5,0 và mật độ cực của định hướng tinh thể $\{332\}\langle 113 \rangle$ nằm trong khoảng từ 1,0 đến 4,0. Hơn nữa, tấm thép cán nóng bao gồm, đối với cấu trúc kim tương, tính theo % diện tích, ferit và bainit với lượng nằm trong khoảng từ 30% đến 99% tính theo tổng số và martensit với lượng từ 1% đến 70%. Hơn nữa, tấm thép cán nóng thỏa mãn các biểu thức 1 và 2 dưới đây khi phần diện tích của martensit được xác định là FM có đơn vị là % diện tích, kích thước trung bình của martensit được xác định là dia có đơn vị là μm , khoảng cách trung bình giữa martensit được xác định là dis có đơn vị là μm , và độ bền kéo của tấm thép được xác định là TS có đơn vị là MPa.

dia \leq 13 μm ... (biểu thức 1)

TS/FM \times dis/dia \geq 500 ... (biểu thức 2)



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024597 B | | (15) 16/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2017 | 350A |
| (21) 1-2017-01096 | | (85) 24/03/2017 | |
| (22) 03/09/2014 | | (86) PCT/CN2014/085854 | 03/09/2014 |
| | | (87) WO2016/033759A1 | 10/03/2016 |

(51) **G06F 3/044**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

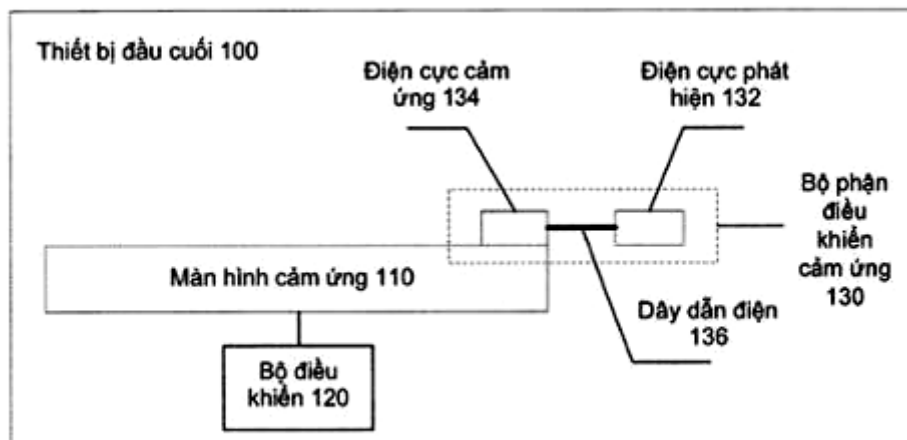
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen, Guangdong 518129, China

(72) ZHOU, Jin (CN); LI, Hang (CN); MENG, Chao (CN); CHU, Chiaching (TW); WANG, Chingyi (TW); LIU, Bing (CN)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

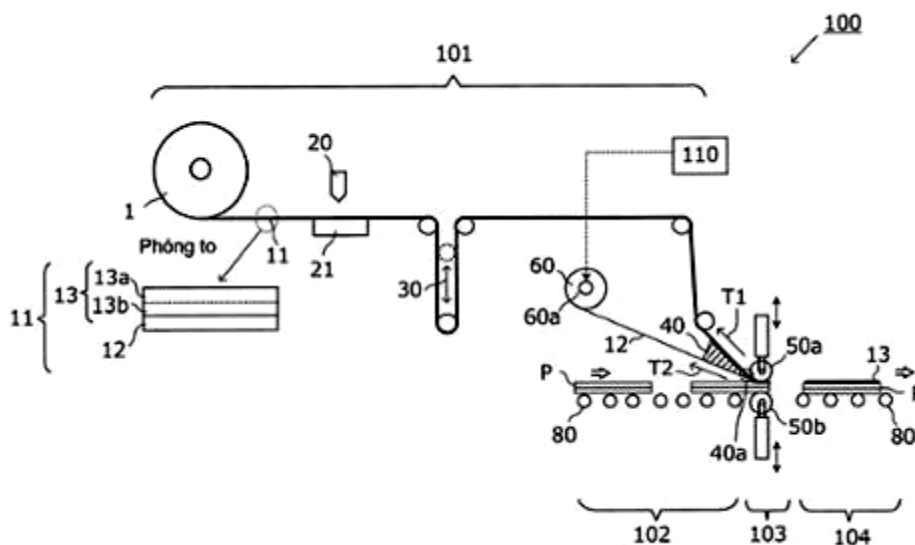
(54) **THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI, BỘ PHẬN ĐIỀU KHIỂN CẢM ỨNG, MÀN HÌNH CẢM ỨNG, BỘ BẢO VỆ MÀN HÌNH, THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT HIỆN THAO TÁC**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị đầu cuối, bộ phận điều khiển cảm ứng, màn hình cảm ứng, bộ bảo vệ màn hình, và thiết bị và phương pháp phát hiện thao tác, và liên quan đến lĩnh vực điều khiển thiết bị đầu cuối. Thiết bị đầu cuối bao gồm: màn hình cảm ứng, bộ điều khiển được kết nối với màn hình cảm ứng, và ít nhất một bộ phận điều khiển cảm ứng, trong đó bộ phận điều khiển cảm ứng bao gồm: điện cực phát hiện, điện cực cảm ứng, và dây dẫn cảm ứng kết nối điện cực phát hiện và điện cực cảm ứng; điện cực phát hiện được bố trí bên ngoài vùng cảm ứng của màn hình cảm ứng, điện cực cảm ứng được bố trí trong vùng cảm ứng của màn hình cảm ứng, và điện cực cảm ứng được ghép nối với ít nhất một nút điện dung trên màn hình cảm ứng. Nút điện dung hiện thời trên màn hình cảm ứng được sử dụng để nhận dạng thao tác chạm được thực hiện bởi người dùng lên điện cực phát hiện được bố trí bên ngoài màn hình cảm ứng, và thiết bị đầu cuối được điều khiển theo thao tác chạm.



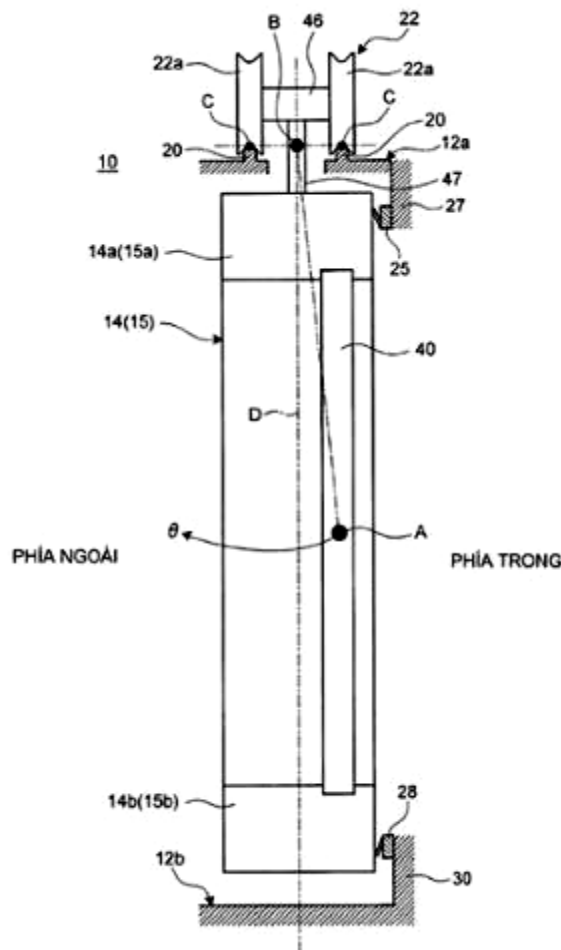
- (11) **1-0024598 B** (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2015 332A
 (21) 1-2015-03318 (85) 10/09/2015
 (22) 01/08/2013 (86) PCT/JP2013/070929 01/08/2013
 (30) 2012-178584 10/08/2012 JP (87) WO2014/024778A1 13/02/2014
 (51) **B29C 63/02; G02F 1/1335; G02F 1/13; B29C 65/48; G02B 5/30**
 (73) **NITTO DENKO CORPORATION (JP)**
 1-1-2, Shimohozumi, Ibaraki-shi, Osaka 567-8680, Japan
 (72) HIRATA, Satoshi (JP); KONDO, Seiji (JP); HADA, Kazuya (JP); KOSHIO, Satoru (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG SẢN XUẤT LIÊN TỤC PANEN HIỂN THỊ QUANG HỌC**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống sản xuất liên tục panen hiển thị quang học, giúp cho có thể ngăn chặn sự dịch chuyển của màng quang học đang được dán vào tế bào quang học. Phương pháp sản xuất liên tục panen hiển thị quang học bao gồm các bước cấp màng mang (12) mà trên đó màng quang học (13) được bố trí với chất kết dính nhạy áp suất nằm xen giữa, tách màng quang học (13) khỏi màng mang (12) bằng cách sử dụng phần gấp (40a) để gấp vào bên trong màng mang (12) đang được cấp, quấn màng mang (12) mà từ đó màng quang học (13) được tách, cấp tế bào quang học P và dán màng quang học (13), mà được tách khỏi màng mang (12), vào tế bào quang học P với chất kết dính nhạy áp suất nằm xen giữa, và làm giảm sự chênh lệch giữa sức căng thứ nhất trên màng mang (12) nằm ngược chiều với phần gấp (40a) và sức căng thứ hai trên màng mang (12) nằm xuôi chiều với phần gấp trong khi làm giảm một sức căng trong số sức căng thứ nhất và sức căng thứ hai trước bước dính.



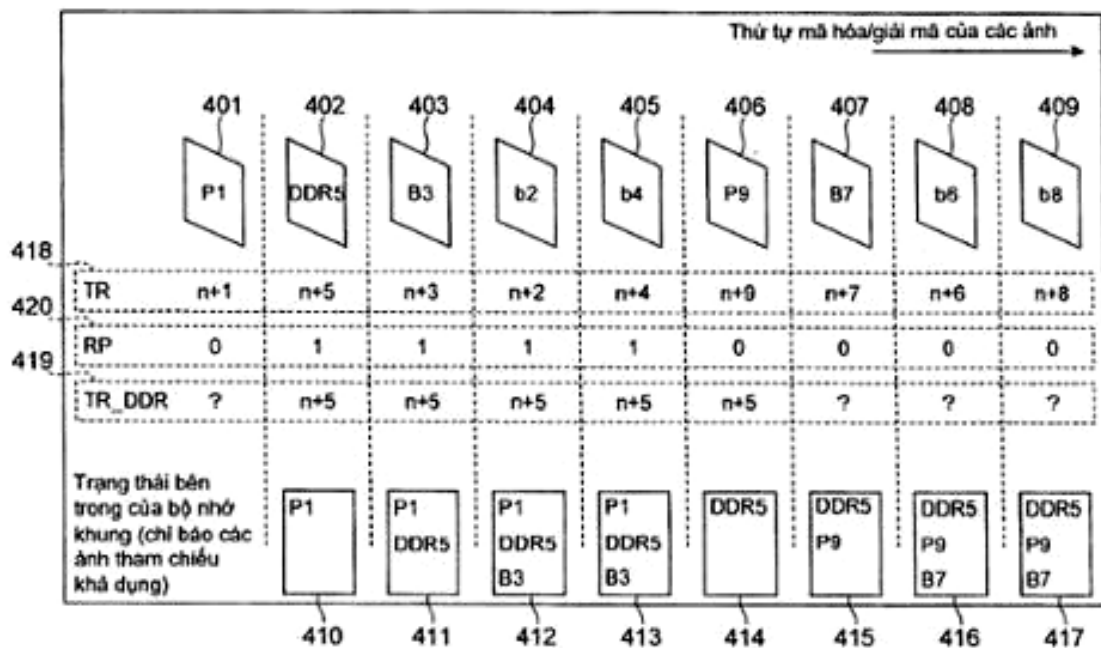
- (11) **1-0024599 B** (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/10/2015 331A
 (21) 1-2015-00972
 (22) 23/03/2015
 (30) 2014-067531 28/03/2014 JP
 (51) **E05D 15/06; E06B 7/16; E06B 3/48; E05D 15/26; E06B 3/46**
 (73) **YKK AP INC. (JP)**
 1, KANDAIZUMI-CHO, CHIYODA-KU, TOKYO 101-8642 JAPAN
 (72) Takeru FUJII (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **KẾT CẤU LẮP CỬA**

(57) Sáng chế đề cập đến kết cấu lắp cửa (10) bao gồm: rãnh (20) được bố trí dọc theo chiều dọc của khung trên cùng (12a); dải làm kín (25, 28) được bố trí ít nhất trên bề mặt đối diện hướng chiều dày của khung trên cùng (12a) hoặc khung dưới cùng (12b); và cánh cửa trượt (14, 15) được treo trên rãnh (20) và được tạo kết cấu để trượt được dọc theo chiều dọc của khung trên cùng (12a), cánh cửa trượt (14, 15) mà bề mặt đối diện hướng chiều dày của cánh cửa trượt (14, 15) tựa vào dải làm kín (25, 28), trong đó vị trí trọng tâm của cánh cửa trượt (14, 15) được thiết đặt để nằm giữa điểm đỡ treo của cánh cửa trượt (14, 15) và dải làm kín (25, 28) theo hướng chiều dày của kết cấu lắp cửa (10).



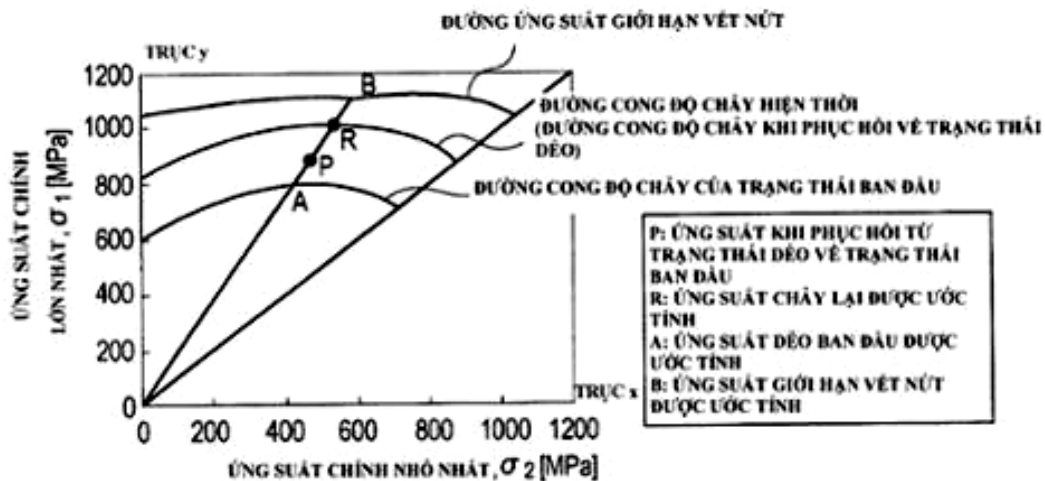
- (11) **1-0024600 B** (15) 16/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 26/06/2017 351A
- (21) 1-2017-01405 (85) 03/10/2012
- (22) 14/03/2011 (86) PCT/JP2011/055915 14/03/2011
- (30) 2010-061337 17/03/2010 JP (87) WO2011/115045A1 22/09/2011
- (51) **H04N 7/32**
- (62) 1-2012-02921
- (73) **NTT DOCOMO, INC. (JP)**
11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150, Japan
- (72) BOON Choong Seng (MY); SUZUKI Yoshinori (JP); FUJIBAYASHI Akira (JP); TAN Thiow Keng (MY)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA DỰ ĐOÁN VIDEO, THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ DỰ ĐOÁN VIDEO**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mã hóa dự đoán video bao gồm môđun mã hóa để mã hóa mỗi ảnh trong số nhiều ảnh được nhập để tạo ra dữ liệu ảnh nén bao gồm ảnh truy cập ngẫu nhiên, và môđun mã hóa này mã hóa dữ liệu về thông tin thứ tự hiển thị của mỗi ảnh; môđun khôi phục để giải mã dữ liệu ảnh nén để khôi phục ảnh tái tạo; môđun lưu trữ ảnh để lưu trữ ảnh tái tạo làm ảnh tham chiếu; và môđun quản lý bộ nhớ để điều khiển môđun lưu trữ ảnh. Sau khi hoàn thành xử lý mã hóa để tạo ảnh truy cập ngẫu nhiên, môđun quản lý bộ nhớ làm mới môđun lưu trữ ảnh bằng cách thiết lập mọi ảnh tham chiếu trong môđun lưu trữ ảnh, ngoại trừ ảnh truy cập ngẫu nhiên, là không cần thiết ngay trước khi hoặc ngay sau khi mã hóa ảnh mà có thông tin thứ tự hiển thị lớn hơn thông tin thứ tự hiển thị của ảnh truy cập ngẫu nhiên.



- (11) **1-0024601 B** (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
 (21) 1-2012-02941 (85) 04/10/2012
 (22) 06/04/2011 (86) PCT/JP2011/058739 06/04/2011
 (30) 2010-088269 07/04/2010 JP (87) WO2011/126058A1 13/10/2011
 (51) **G01N 3/00; B21D 22/00**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) HIWATASHI, Shunji (JP); YONEMURA, Shigeru (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VẾT NỨT, THIẾT BỊ XÁC ĐỊNH VẾT NỨT,
 VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BỞI MÁY TÍNH**

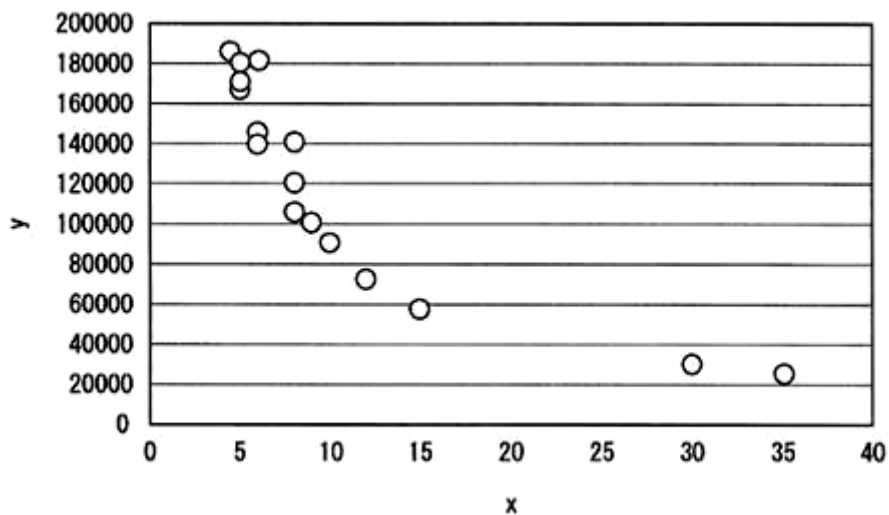
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp xác định vết nứt để xác định vết nứt của cấu trúc kim loại bao gồm, khi phần đích xác định vết nứt đã phục hồi từ trạng thái dẻo về trạng thái đàn hồi, giả thiết rằng ứng suất khi phần này được phục hồi về trạng thái đàn hồi là $(x, y) = (\sigma_2, \sigma_1)$ (ứng suất chính lớn nhất: σ_1 , ứng suất chính nhỏ nhất: σ_2) trên mặt phẳng tọa độ (x, y) , thực hiện việc xác định vết nứt của phần đích xác định vết nứt sử dụng ứng suất chảy lại R được xác định bởi điểm giao giữa đường thẳng thỏa mãn mối quan hệ $y = (\sigma_1/\sigma_2)x$ và đường cong độ chảy thu được từ trạng thái dẻo của phần đích xác định vết nứt. Xác định vết nứt có thể được thực hiện với độ chính xác cao ngay cả khi phần đích xác định vết nứt đã phục hồi từ trạng thái dẻo về trạng thái đàn hồi.



- (11) **1-0024602 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2018 369A
(21) 1-2018-03990 (85) 11/09/2018
(22) 22/02/2017 (86) PCT/JP2017/006585 22/02/2017
(30) 2016-034695 25/02/2016 JP (87) WO2017/146096A1 31/08/2017
(51) **A61K 31/165**; A61K 47/32; A61P 29/00; A61K 47/46; A61K 9/70; A61K 45/00;
A61K 47/34
(73) **HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC.** (JP)
408, Tashirodaikan-machi, Tosu-shi, Saga 841-0017, Japan
(72) TANAKA Yusuke (JP); SATO Masahiro (JP); KOSE Yasuhisa (JP); YOSHINAGA
Takaaki (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **TẮM CAO DÁN**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm cao dán bao gồm nền và lớp chất dính được cán mỏng trên nền này, trong đó lớp chất dính chứa từ 0,01% khối lượng đến 0,026% khối lượng của vanillylamit của axit nonylic và từ 0,85% khối lượng đến 3% khối lượng của bột vỏ cây hoàng bá tính theo tổng khối lượng của lớp chất dính, và tỷ lệ khối lượng của vanillylamit của axit nonylic với bột vỏ cây hoàng bá là từ 1:42,5 đến 1:170. Tấm cao dán này không tỏa ra mùi khó chịu ngay cả khi được sử dụng trong thời gian dài.

- (11) **1-0024603 B** (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2014 316A
 (21) 1-2014-01319 (85) 23/04/2014
 (22) 05/10/2012 (86) PCT/JP2012/076025 05/10/2012
 (30) 2011-221904 06/10/2011 JP (87) WO2013/051714A1 11/04/2013
 (51) **C22C 38/00; C21D 9/56; C22C 38/38; C22C 38/06; C21D 9/46**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) FUKUMOTO Yuji (JP); ARAMAKI Takashi (JP); YASUI Junichi (JP); HARADA Norimitsu (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **TẤM THÉP VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM THÉP NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến tấm thép có cấu trúc thép, mà thu được bằng cách thực hiện bước ngâm ở nhiệt độ vùng pha kép là nhiệt độ Ac1 hoặc cao hơn và thấp hơn nhiệt độ Ac3 trong thời gian ngâm là 15 giây hoặc lâu hơn và 35 giây hoặc ngắn hơn, tiếp theo, thực hiện bước làm nguội sơ cấp tới khoảng nhiệt độ là 250°C hoặc cao hơn và 380°C hoặc thấp hơn trong thời gian 3 giây ở tốc độ làm nguội là 0,5°C/giây hoặc cao hơn và 30°C/giây hoặc thấp hơn, và thực hiện bước duy trì trong khoảng nhiệt độ là 260°C hoặc cao hơn và 370°C hoặc thấp hơn trong khoảng thời gian là 180 giây hoặc lâu hơn và 540 giây hoặc ngắn hơn. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp sản xuất tấm thép này.



- (11) **1-0024604 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2011 285A
(21) 1-2011-01942 (85) 21/07/2011
(22) 03/03/2010 (86) PCT/JP2010/53421 03/03/2010
(30) 2009-051118 04/03/2009 JP (87) WO2010/101175 10/09/2010
(51) *C12N 1/20; A23L 1/30*
(73) **MEIJI CO., LTD.** (JP)
2-10, Shinsuna 1-chome, Koto-ku, Tokyo 1368908, Japan
(72) TERAHARA Masaki (JP); KAMIJO Masayuki (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **BỘT TẾ BÀO VI KHUẨN ĐƯỢC ĐÔNG KHÔ VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT BỘT TẾ BÀO VI KHUẨN NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất bột tế bào vi khuẩn đông khô trong đó huyền phù của tế bào vi khuẩn được tạo huyền phù trong dung dịch sacarit gồm vi khuẩn axit lactic và/hoặc bifidobacterium, được làm đông khô để thu được bột tế bào vi khuẩn đông khô, và trong đó sacarit là đường trihaloza và sucroza, và nồng độ mỗi đường trihaloza và sucroza trong huyền phù trước khi làm đông lạnh có khối lượng không ít hơn 4.5%. Bột tế bào vi khuẩn đông khô thích hợp cho quá trình bảo quản lâu dài và có thể thu được nhờ quá trình đông khô hiệu quả.

- (11) **1-0024605 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2013 306A
(21) 1-2013-02250 (85) 18/07/2013
(22) 18/08/2011 (86) PCT/CN2011/001373 18/08/2011
(30) 201010597544.2 20/12/2010 CN (87) WO2012/083579 28/06/2012
(51) **C07K 1/36; C07K 14/765**
(73) **WUHAN HEALTHGEN BIOTECHNOLOGY CORP.** (CN)
#666 Gaoxin Avenue, East Lake High-Tech Development Zone, Wuhan, Hubei
430079, China
(72) YANG, Daichang (CN); HE, Yang (CN); LI, Guangfei (CN)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **PHƯƠNG PHÁP CHIẾT ALBUMIN HUYẾT THANH NGƯỜI TỪ GẠO
CHUYỂN GEN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chiết albumin huyết thanh người từ gạo chuyển gen, bao gồm các bước: 1) nghiền hạt gạo được tách vỏ, sau đó trộn hạt gạo được nghiền với dung dịch đệm chiết và dịch chiết bằng cách khuấy để thu được hỗn hợp I; 2) điều chỉnh độ pH của hỗn hợp I từ 4,0 đến 4,5 và cho kết tủa hỗn hợp trong thời gian từ 1 đến 12 giờ để thu được hỗn hợp II; 3) lọc hỗn hợp II và thu về dịch lọc để thu được dung dịch có chứa albumin huyết thanh người nồng độ cao. Phương pháp đề cập đến cơ sở cho việc tinh sạch thêm rHSA (rHSA - recombinant human serum albumin - albumin huyết thanh người tái tổ hợp).

- | | | | |
|-------------------------|-------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024606 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/06/2012 | 291A |
| (21) 1-2012-00153 | | (85) 11/08/2008 | |
| (22) 11/01/2007 | | (86) PCT/JP2007/050622 | 11/01/2007 |
| (30) 2006-004106 | 11/01/2006 | JP (87) WO2007/081042 | 19/07/2007 |
| | 2006-346270 | 22/12/2006 | JP |

(51) **G03G 21/16**; *G03G 21/18*

(62) 1-2008-02007

(73) **CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)**

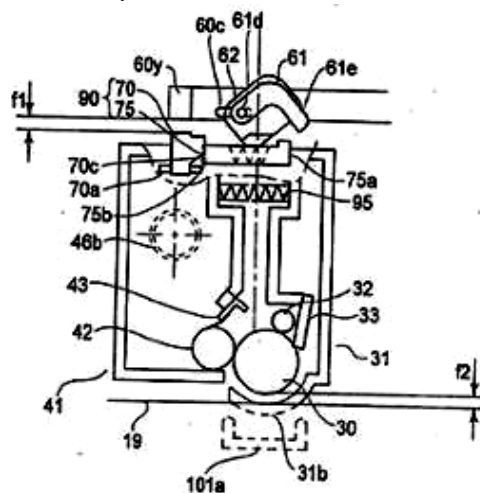
30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo 146-8501, JAPAN

(72) Akira YOSHIMURA (JP); Kazunari MURAYAMA (JP); Susumu NITTANI (JP);
Atsushi NUMAGAMI (JP)

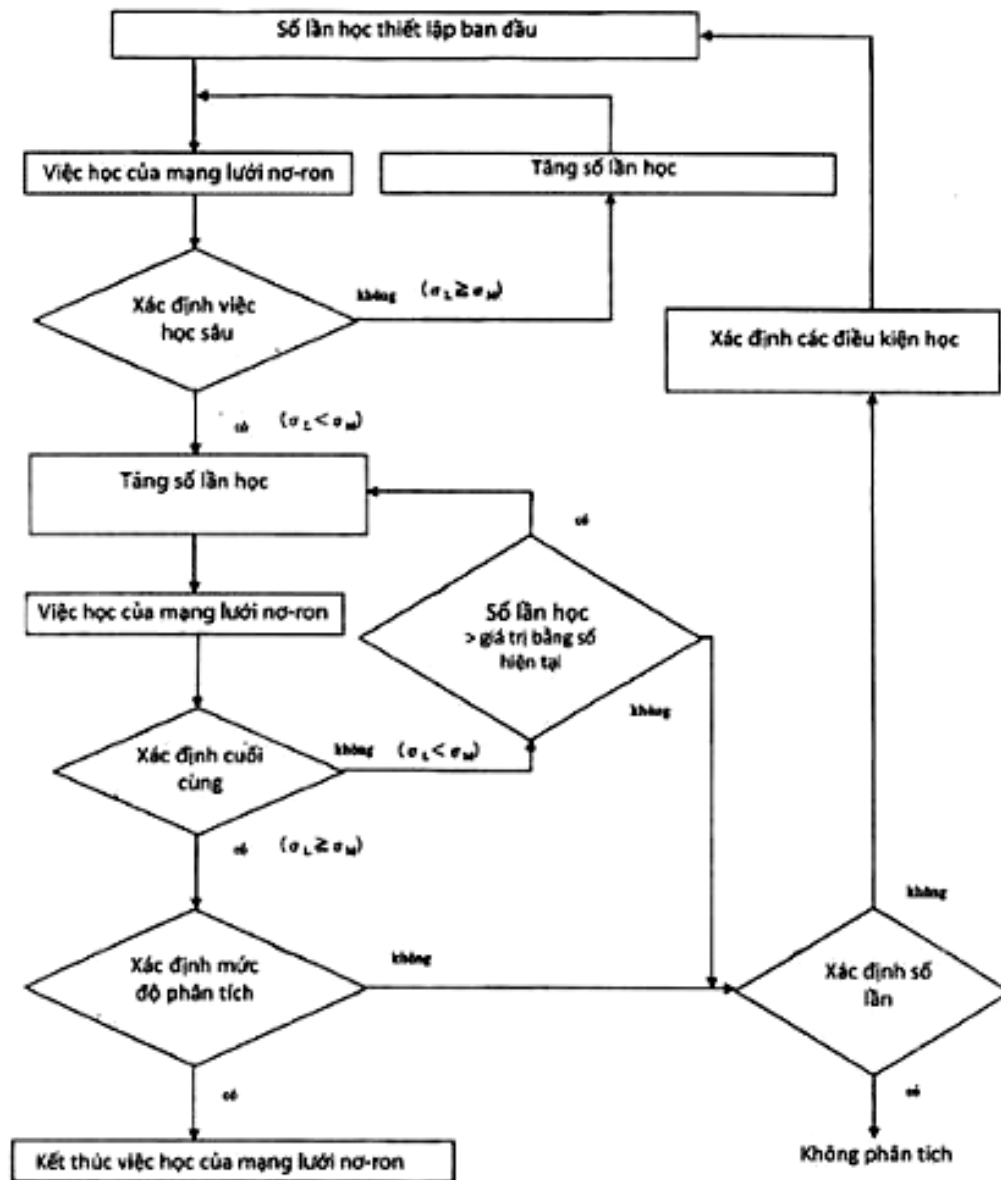
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **HỘP XỬ LÝ**

(57) Sáng chế đề xuất hộp xử lý có thể lắp tháo được vào cụm bộ phận chính của thiết bị tạo ảnh chụp quang điện, cụm bộ phận chính bao gồm lỗ hở, cửa có thể di chuyển giữa vị trí đóng để đóng lỗ hở và vị trí mở để mở lỗ hở, chi tiết tác dụng lực thứ nhất có thể di chuyển cùng với chuyển động của cửa từ vị trí mở tới vị trí đóng và chi tiết tác dụng lực thứ hai có thể di chuyển nhờ lực dẫn động từ nguồn dẫn động, hộp xử lý bao gồm tang chụp điện quang nhạy sáng; trục lăn hiện hình để hiện ảnh ẩn tĩnh điện được tạo ra trên tang chụp điện quang nhạy sáng; cụm tang chứa tang chụp điện quang nhạy sáng; cụm hiện hình chứa trục lăn hiện hình và có thể dịch chuyển so với cụm tang sao cho trục lăn hiện hình có thể dịch chuyển giữa vị trí tiếp xúc trong đó trục lăn hiện hình được tiếp xúc với tang chụp điện quang nhạy sáng và vị trí đặt cách trong đó trục lăn hiện hình được đặt cách ra khỏi tang chụp điện quang nhạy sáng; và bộ phận tiếp nhận lực bao gồm phần tiếp nhận lực thứ nhất để tiếp nhận lực từ chi tiết tác dụng lực thứ nhất nhờ chuyển động của cửa từ vị trí mở tới vị trí đóng ở trạng thái đó hộp xử lý được lắp vào cụm bộ phận chính của thiết bị qua lỗ hở, và phần tiếp nhận lực thứ hai có thể di chuyển từ vị trí chờ nhờ chuyển động của phần tiếp nhận lực thứ nhất nhờ lực được tiếp nhận từ chi tiết tác dụng lực thứ nhất, trong đó phần tiếp nhận lực thứ hai đi tới vị trí nhô để tiếp nhận lực từ chi tiết tác dụng lực thứ hai để di chuyển cụm hiện hình từ vị trí tiếp xúc tới vị trí đặt cách, vị trí nhô nằm cao hơn vị trí chờ.



- (11) **1-0024607 B** (15) 17/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2015 324A
- (21) 1-2014-04337 (85) 24/12/2014
- (22) 22/02/2013 (86) PCT/JP2013/054623 22/02/2013
- (30) 2012-123654 30/05/2012 JP (87) WO2013/179702A1 05/12/2013
- (51) **G06E 1/00; G06E 3/00; G06N 3/08; G06F 17/18; G06G 7/00; C04B 7/36; G06F 15/18**
- (73) **TAIHEIYO CEMENT CORPORATION (JP)**
3-5, Daiba 2-chome, Minato-ku, Tokyo 1358578 Japan
- (72) OHNO, Maiko (JP); KUROKAWA, Daisuke (JP); HIRAO, Hiroshi (JP)
- (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP DỰ ĐOÁN CHẤT LƯỢNG HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT XI MĂNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp có khả năng dự đoán chất lượng của xi măng trong khoảng thời gian ngắn và có độ chính xác cao. Phương pháp dự đoán chất lượng hoặc các điều kiện sản xuất xi măng thông qua việc sử dụng mạng lưới nơ-ron bao gồm lớp đầu vào và lớp đầu ra, phương pháp này bao gồm: việc thực hiện việc học của mạng lưới nơ-ron cho số lần học đủ lớn sao cho thu được $\sigma_L < \sigma_M$, bằng cách sử dụng dữ liệu đã biết (learning data) và dữ liệu điều chỉnh; sau đó lặp lại việc học của mạng lưới nơ-ron cho đến khi thu được $\sigma_L > \sigma_M$ khi giảm số lần học; nhập dữ liệu quan sát cụ thể vào lớp đầu vào của mạng lưới nơ-ron trong đó trị số ước tính cho mức độ phân tích thu được từ mạng lưới nơ-ron sau khi học nhỏ hơn trị số thiết lập trước; và đưa ra trị số ước lượng về dữ liệu đánh giá cụ thể từ lớp đầu vào của mạng lưới nơ-ron.



- (11) **1-0024608 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
(21) 1-2014-03588 (85) 27/10/2014
(22) 15/10/2013 (86) PCT/JP2013/077917 15/10/2013
(30) 2012-228196 15/10/2012 JP (87) WO2014/061640A1 24/04/2014
(51) **C23C 28/00; C25D 5/26; C25D 11/38; B32B 15/01; C25D 11/38**
(73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
(72) HIRANO Shigeru (JP); TANI Yoshiaki (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **TẤM THÉP ĐỂ SẢN XUẤT ĐỒ CHỨA VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT
TẤM THÉP NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến tấm thép để sản xuất đồ chứa, trong đó tấm thép này bao gồm lớp màng cromat hoặc lớp màng chứa Zr trên lớp mạ Ni, lớp mạ Ni chứa một hoặc nhiều chất trong số: Ni hydroxyl và Ni oxit, lượng bám dính của lớp mạ Ni tính theo lượng Ni là 0,3 g/m² hoặc cao hơn, lượng của các nguyên tử oxy của lớp mạ Ni do Ni hydroxyl và Ni oxit là từ 1 đến 10% nguyên tử, lượng bám dính của lớp màng cromat, tính theo lượng Cr là từ 1 đến 40 mg/m², và lượng bám dính của lớp màng chứa Zr, tính theo lượng Zr là từ 1 đến 40 mg/m² hoặc cao hơn. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp sản xuất tấm thép này.

- (11) **1-0024609 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2017-00034 (85) 06/01/2017
 (22) 09/06/2015 (86) PCT/IB2015/054346 09/06/2015
 (30) MI2014A001053 10/06/2014 IT (87) WO2015/189766 17/12/2015

(51) **C07F 9/10**

(73) **CHEMI SPA (IT)**

Via dei Lavoratori, 54, I-20092 Cinisello Balsamo, Milano, Italy

(72) DE FERRA, Lorenzo (IT); ANIBALDI, Mauro (IT); ZENONI, Maurizio (IT);
 COCCHI, Fabrizio (IT)

(74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)

(54) **HỢP CHẤT L-ALPHA-GLYXEROPHOSPHORYLCHOLIN, QUY TRÌNH TĨNH CHẾ VÀ PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH ĐỘ TINH KHIẾT CỦA HỢP CHẤT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình tinh chế L- α -glyxerophosphorylcholin, trong đó hợp chất L- α -glyxerophosphorylcholin được kết tinh ra khỏi DMSO hoặc ra khỏi hỗn hợp của DMSO với ít nhất một dung môi khác, tốt hơn là dung môi này được chọn từ nước, rượu, dung môi halogen hóa, etc, este và/hoặc amit. Quy trình này cho phép thu được hợp chất L- α -glyxerophosphorylcholin có độ tinh khiết lớn hơn 99,5%, tốt hơn là lớn hơn 99,7%, đặc biệt tốt hơn nữa là lớn hơn hoặc bằng 99,9%.

Sáng chế còn đề cập đến phương pháp xác định độ tinh khiết của hợp chất L- α -glyxerophosphorylcholin, bao gồm bước rửa giải hợp chất L- α -glyxerophosphorylcholin bằng cột HPLC có pha tĩnh là amin, và sau đó phát hiện chính hợp chất L- α -glyxerophosphorylcholin, và tạp chất bất kỳ của nó, bằng cách sử dụng thiết bị phát hiện sự tán xạ ánh sáng bay hơi.

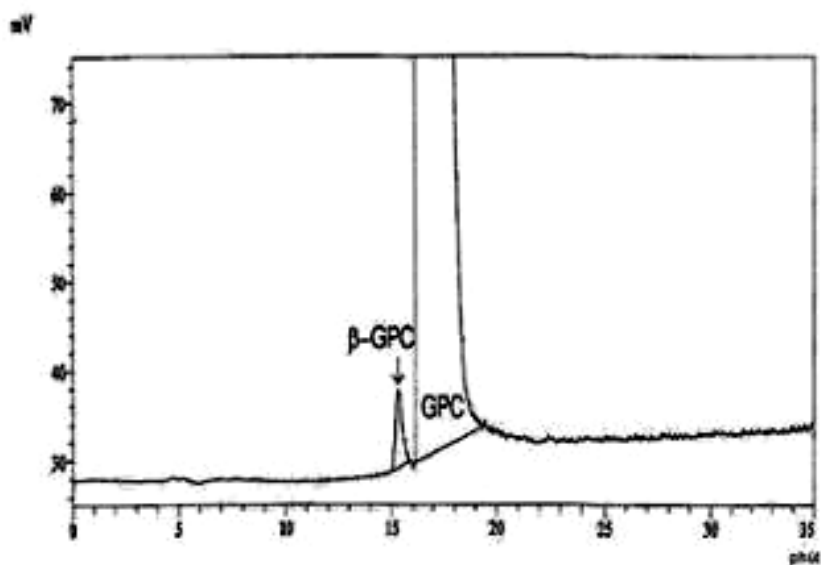
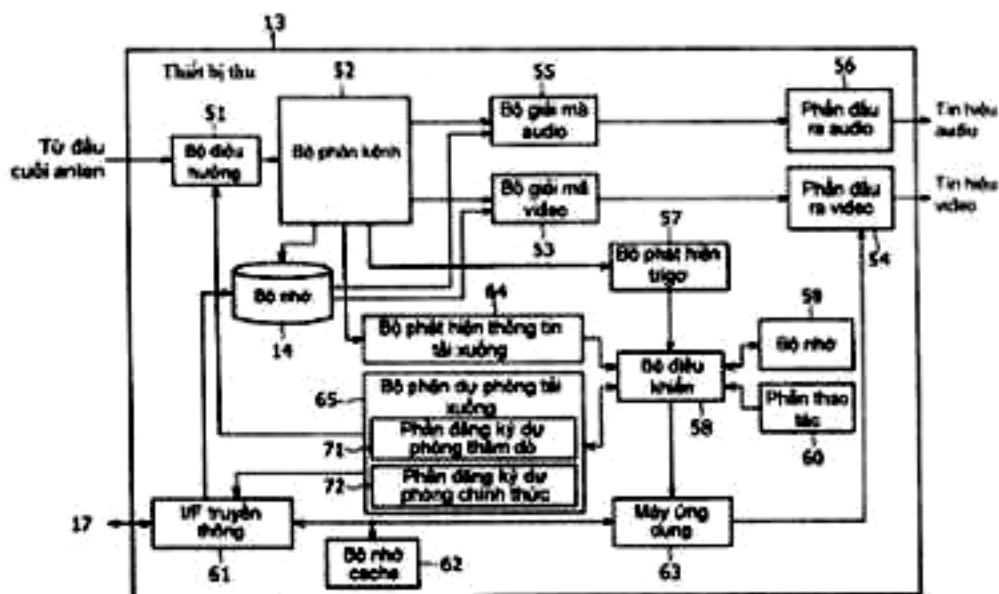


Fig.2

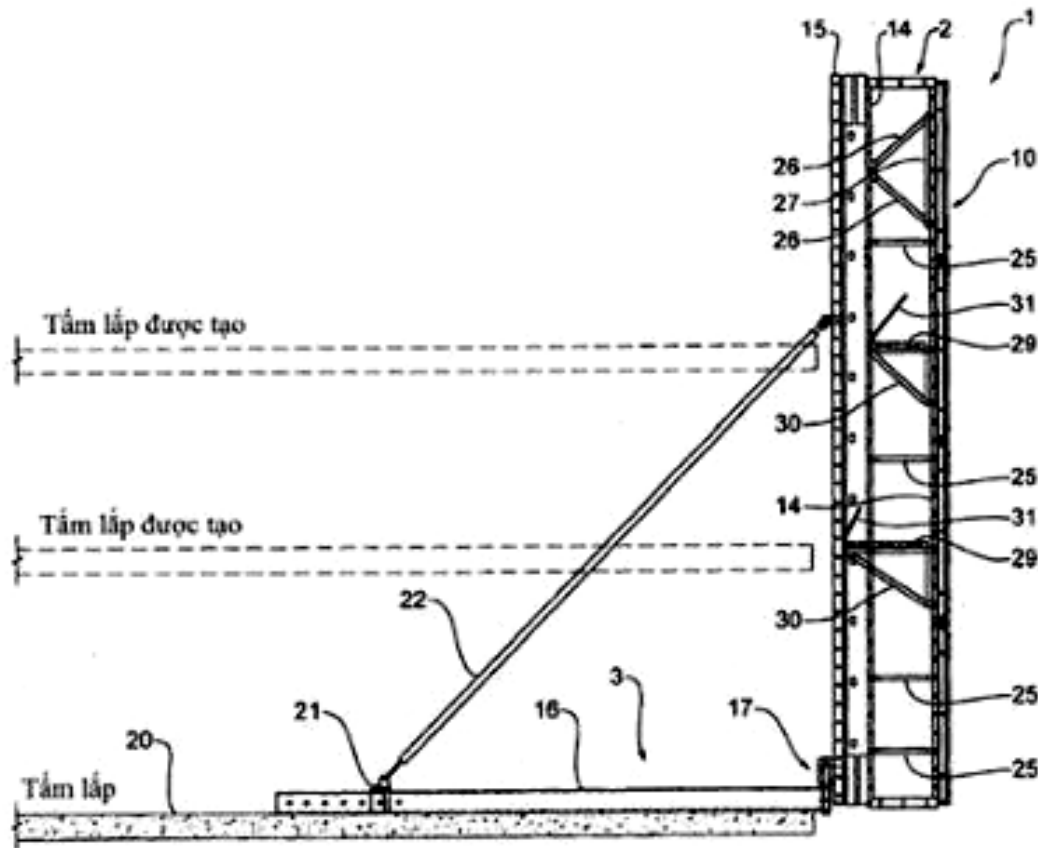
- (11) **1-0024610 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2013-03271 (85) 17/10/2013
 (22) 19/04/2012 (86) PCT/JP2012/060614 19/04/2012
 (30) 61/480033 28/04/2011 US (87) WO2012/147620A1 01/11/2012
 (51) **H04N 7/173; H04H 20/40**
 (73) **SONY CORPORATION (JP)**
 1-7-1 Konan Minato-ku, Tokyo 108-0075, Japan
 (72) KITAHARA Jun (JP); KITAZATO Naohisa (JP); DEWA Yoshiharu (JP);
 YAMAGISHI Yasuaki (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP THU NỘI DUNG AUDIO-VIDEO (AV) VÀ
 VẬT GHI CHỨA CHƯƠNG TRÌNH**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp thu nội dung audio-video (AV), thiết bị và phương pháp truyền nội dung audio-video (AV), và vật ghi chứa chương trình để cho phép mở rộng cơ hội đối với việc dự phòng tải xuống nội dung AV. Bộ phát hiện trigơ phát hiện thông tin trigơ được truyền cùng với nội dung AV. Máy ứng dụng thu nhận chương trình ứng dụng để cho phép lựa chọn nội dung AV mà việc dự phòng tải xuống là có thể và được truyền theo thời gian không thực dựa trên thông tin trigơ. Phần đăng ký dự phòng thăm dò đăng ký nội dung AV được lựa chọn dựa trên chương trình ứng dụng như là việc dự phòng thăm dò. Phần đăng ký dự phòng chính thức đăng ký nội dung AV dự phòng thăm dò như là việc dự phòng chính thức nếu bộ nhận dạng của nội dung AV tải xuống được có trong thông tin tải xuống định kỳ được truyền cùng với nội dung AV là giống hệt bộ nhận dạng của nội dung AV dự phòng thăm dò. Sáng chế có thể được áp dụng vào trường hợp trong đó việc quảng bá dữ liệu được thực hiện ở Mỹ v.v.. chẳng hạn.

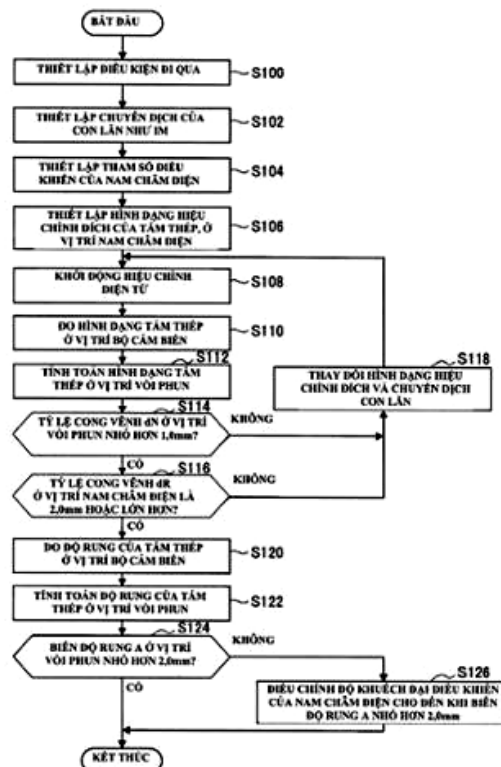


- (11) **1-0024611 B** (15) 17/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2015 324A
- (21) 1-2015-00245 (85) 23/01/2015
- (22) 26/06/2013 (86) PCT/AU2013/000689 26/06/2013
- (30) 2012902703 26/06/2012 AU (87) WO2014/000034A1 03/01/2014
- (51) **E04G 21/32; E04G 3/18; E04G 3/00**
- (73) **FORM 700 PTY LTD** (AU)
68-76 Drake Boulevard, Altona, Victoria, 3018, Australia
- (72) ROSATI, Wasyl (AU)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **CỤM MÀN CHẮN AN TOÀN**

(57) Sáng chế đề cập đến màn chắn an toàn để sử dụng ở cạnh tòa nhà cao tầng trong khi xây dựng nhà, và cụ thể là đến phương tiện để đỡ màn chắn an toàn tương ứng với tòa nhà. Cụm màn chắn an toàn theo sáng chế bao gồm đế đỡ cố định tương ứng với tấm lắp của tòa nhà, khung phụ thuộc vào đế đỡ treo ở trên mép của tấm lắp, và màn chắn an toàn phụ thuộc vào khung để được cách quãng theo phương nằm ngang từ mép của tấm lắp, trong đó khung được làm thích ứng để đỡ người ở vị trí giữa mép của tấm lắp và màn chắn an toàn.



- (11) **1-0024612 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2014-00856 (85) 17/03/2014
 (22) 02/05/2013 (86) PCT/JP2013/062752 02/05/2013
 (30) 2012-108500 10/05/2012 JP (87) WO2013/168668A1 14/11/2013
 (51) **C23C 2/00; C23C 2/40; C23C 2/20**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) KURISU Yasushi (JP); YAMADA Yoshihiro (JP); NISHIMURA Futoshi (JP);
 KOJIMA Katsuya (JP); TAKAHASHI Junya (JP); OMODAKA Masaaki (JP);
 MATSUMOTO Masafumi (JP); TANAKA Hiroyuki (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ BỘ PHẬN ĐIỀU CHỈNH HÌNH DẠNG TẤM THÉP**
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều chỉnh hình dạng tấm thép bao gồm các bước: (A) thiết lập hình dạng hiệu chỉnh đích của tấm thép tại vị trí của nam châm điện thành hình dạng cong, (B) đo hình dạng tấm thép khi việc hiệu chỉnh điện từ được thực hiện, (C) tính toán hình dạng tấm thép tại vị trí vòi phun dựa vào hình dạng tấm thép, (D) lặp lại các bước (B) và (C) bằng cách thiết lập lại hình dạng hiệu chỉnh đích thành hình dạng cong có tỷ lệ cong vênh nhỏ hơn, (E) khi tỷ lệ cong vênh của hình dạng tấm thép tại vị trí của vòi phun là nhỏ hơn giá trị giới hạn trên, (F) tính độ rung của tấm thép tại vị trí của vòi phun, và (G) điều chỉnh độ khuếch đại điều khiển của nam châm điện cho đến khi biên độ rung nhỏ hơn giá trị giới hạn trên thứ hai khi biên độ rung là bằng hoặc lớn hơn giá trị giới hạn trên thứ hai. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến bộ phận điều chỉnh hình dạng tấm thép được bố trí trong thiết bị phủ kim loại.

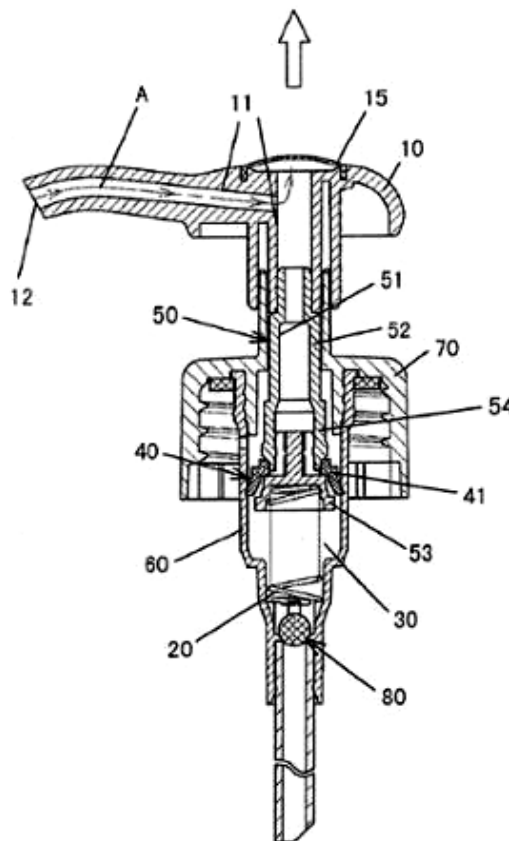


- (11) **1-0024613 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
(21) 1-2017-00115 (85) 13/01/2017
(22) 16/06/2015 (86) PCT/JP2015/067263 16/06/2015
(30) 2014-128350 23/06/2014 JP (87) WO2015/198914A1 30/12/2015
2014-249580 10/12/2014 JP
(51) **C25D 5/12; E03C 1/042; C25D 5/14; C25D 3/60**
(73) **OKUNO CHEMICAL INDUSTRIES CO., LTD.** (JP)
4-7-10, Doshomachi, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0045 Japan
(72) NAGAO, Toshimitsu (JP); TSUJIMOTO, Takamitsu (JP); HARA, Kenji (JP);
KATAYAMA, Junichi (JP); OTSUKA, Kuniaki (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT BỘ PHẬN KHỚP NỐI CỦA VÒI CÓ MÀNG
MẠ NHIỀU LỚP**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất bộ phận khớp nối của vòi có màng mạ nhiều lớp mà có độ bền chống ăn mòn tuyệt vời. Sáng chế đề cập đến màng mạ nhiều lớp chứa ít nhất một lớp mạ crom và lớp mạ thiếc-niken, lớp mạ crom là lớp ngoài cùng, và lớp mạ thiếc-niken được tạo ra dưới lớp mạ crom bằng cách sử dụng dung dịch mạ hợp kim thiếc-niken có tính axit chứa hợp chất thiếc hóa trị hai, hợp chất niken, hợp chất triamin, và florua.

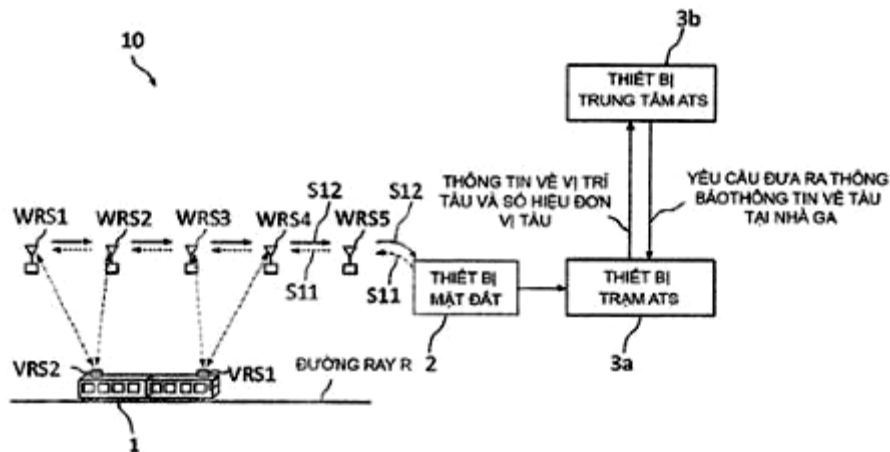
- | | | | |
|--|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024614 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/10/2014 | 319A |
| (21) 1-2014-02453 | | (85) 23/07/2014 | |
| (22) 16/08/2012 | | (86) PCT/CN2012/080201 | 16/08/2012 |
| (30) 201110445183.4 | 27/12/2011 CN | (87) WO2013/097466A1 | 04/07/2013 |
| (51) B05B 11/00; B65D 83/76; B65D 47/34 | | | |
| (76) DING, YAOWU (CN) | | | |
| No.55, Jiangping North Rd. Taixing, Jiangsu 225400, China | | | |
| (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD) | | | |
| (54) BƠM CHẤT LỎNG ĐẨY BẰNG TAY | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến bơm chất lỏng đẩy bằng tay để lắp vào vật chứa, để bơm và phân phối sản phẩm chất lỏng bên trong ra phía bên ngoài của vật chứa. Bơm chất lỏng này bao gồm đầu đẩy, pit tông được nối với đầu đẩy, van kiểm soát phía trên, ngăn chứa chất lỏng và van kiểm soát phía dưới được bố trí ở đáy của ngăn chứa chất lỏng. Đầu đẩy và pit tông cùng tạo ra ống để phân phối sản phẩm chất lỏng. Bơm chất lỏng bao gồm phương tiện thay đổi thể tích để làm giảm thể tích của đường dẫn phân phối trong quá trình đầu đẩy được đẩy xuống phía dưới và để khôi phục thể tích ban đầu của đường dẫn phân phối sau khi tác động đẩy xuống phía dưới được loại bỏ. Bơm chất lỏng có phương tiện để làm thay đổi thể tích của đường dẫn phân phối theo sáng chế có thể ngăn chặn một cách hiệu quả sự nhỏ và rò rỉ sản phẩm chất lỏng còn lại trong đường dẫn phân phối từ phần miệng xả của đầu đẩy.

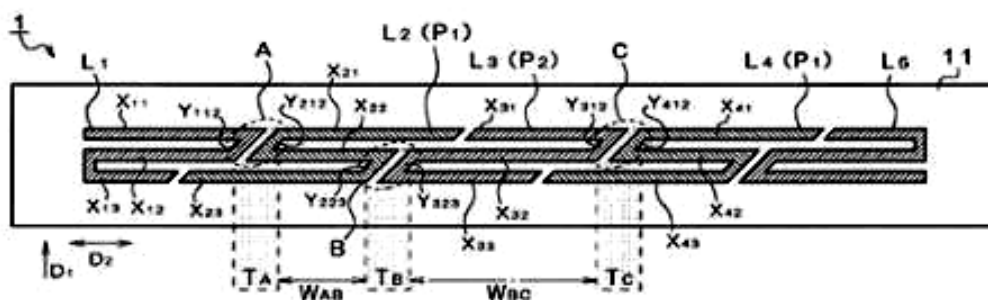


- | | | | |
|---|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024615 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2014 | 317A |
| (21) 1-2014-01160 | | (85) 10/04/2014 | |
| (22) 25/09/2012 | | (86) PCT/JP2012/074521 | 25/09/2012 |
| (30) 2011-216710 | 30/09/2011 | JP (87) WO2013/047499 | 04/04/2013 |
| (51) B61L 3/12; B61L 25/02 | | | |
| (73) THE NIPPON SIGNAL CO., LTD. (JP) | | | |
| | 5-1, Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6513 Japan (JP) | | |
| (72) YAMADA, Takeshi (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH Tư vấn Quốc tế (INDOCHINE COUNSEL) | | | |
| (54) HỆ THỐNG THÔNG BÁO THÔNG TIN VỀ TÀU | | | |

(57) Hệ thống thông báo thông tin về tàu theo sáng chế bao gồm bộ vô tuyến đặt trên phương tiện (VRS1) và (VRS2) thực hiện việc liên lạc vô tuyến, và được gắn trên tàu (1), tàu này di chuyển trên đường ray (R), các bộ vô tuyến dọc tuyến từ (WRS1) đến (WRS5) được đặt dọc theo đường ray (R), và phương tiện đưa tin thực hiện việc thông báo thông tin về tàu tại ga vào một thời điểm định trước dựa vào thông tin về vị trí tàu nhận được thông qua việc liên lạc vô tuyến giữa bộ vô tuyến đặt trên phương tiện (VRS1) và (VRS2) và các bộ vô tuyến dọc tuyến từ (WRS1) đến (WRS5).

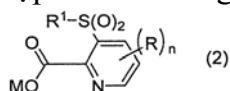


- (11) **1-0024616 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2018 362A
 (21) 1-2017-04569 (85) 16/11/2017
 (22) 24/11/2016 (86) PCT/JP2016/084850 24/11/2016
 (30) 2015-232372 27/11/2015 JP (87) WO2017/090692A1 01/06/2017
 (51) **H05B 3/10; H05B 3/00; H05B 3/20; H05B 3/14; G03G 15/20**
 (73) **MISUZU INDUSTRY CO., LTD.** (JP)
 969, OazaKamizue, Komaki-shi, Aichi 485-0822 Japan
 (72) UMEMURA Yuji (JP); KATO Shohei (JP); MORITA Tomohiro (JP); MATSUDA Miho (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **BỘ GIA NHIỆT, THIẾT BỊ HÃM ẢNH, THIẾT BỊ TẠO ẢNH VÀ THIẾT BỊ GIA NHIỆT**
- (57) Sáng chế đề cập đến bộ gia nhiệt [1] có đặc tính cân bằng nhiệt vượt trội ngay cả khi hẹp hơn theo hướng quét; thiết bị hãm ảnh [5]; thiết bị tạo ảnh [4]; thiết bị gia nhiệt; và phương pháp sản xuất bộ gia nhiệt. Bộ gia nhiệt [1] gồm lớp nền (11) và nhiều dây điện trở nhiệt (12), mỗi dây nhận nguồn cấp độc lập, trên lớp nền (11). Mỗi dây điện trở nhiệt (12) có ít nhất ba hàng dây ngang (X) được sắp xếp theo thứ tự hàng thứ nhất, hàng thứ hai, và hàng thứ ba theo hướng quét (D_1), và các dây dọc (Y) mỗi dây nối hai hàng dây ngang (X) với nhau, và được tạo thành hình rắn toàn bộ với các dây ngang (X) và các dây dọc (Y) liên kết với nhau. Ít nhất một dây điện trở nhiệt (12) hoặc có mẫu P_1 trong đó dây ngang thứ hai (X_2) được tạo thành ngắn hơn dây ngang thứ nhất (X_1) và dây ngang thứ ba (X_3) hoặc có mẫu P_2 trong đó dây ngang thứ hai (X_2) được tạo thành dài hơn dây ngang thứ nhất (X_1) và dây ngang thứ ba (X_3).



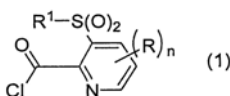
- (11) **1-0024617 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
 (21) 1-2016-04959 (85) 19/12/2016
 (22) 28/05/2015 (86) PCT/JP2015/066126 28/05/2015
 (30) 2014-131037 26/06/2014 JP (87) WO2015/198817A1 30/12/2015
 (51) **C07D 413/04; C07D 213/62**
 (73) **SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)**
 27-1, Shinkawa 2-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8260, Japan
 (72) MIYAMOTO, Takashi (JP); SASAYAMA, Daisuke (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT DỊ VÒNG NGỪNG TỤ**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều chế hợp chất có công thức (4) mà được điều chế theo bước A là phản ứng của hợp chất có công thức (2)

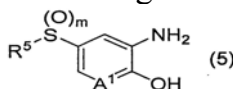


trong đó:

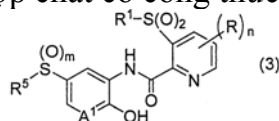
R¹ là nhóm etyl hoặc tương tự, R là nguyên tử halogen hoặc tương tự, n là 0, 1, 2, hoặc 3, và M là kali hoặc tương tự, với thionyl clorua để thu được hợp chất có công thức (1):



bước B là phản ứng của hợp chất có công thức (1) với hợp chất có công thức (5):

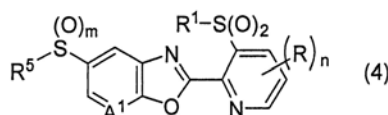


trong đó A¹ là nguyên tử nitơ hoặc =CH-, R⁵ là nhóm triflometyl hoặc tương tự, và m là 1 hoặc 2, để điều chế hợp chất có công thức (3):



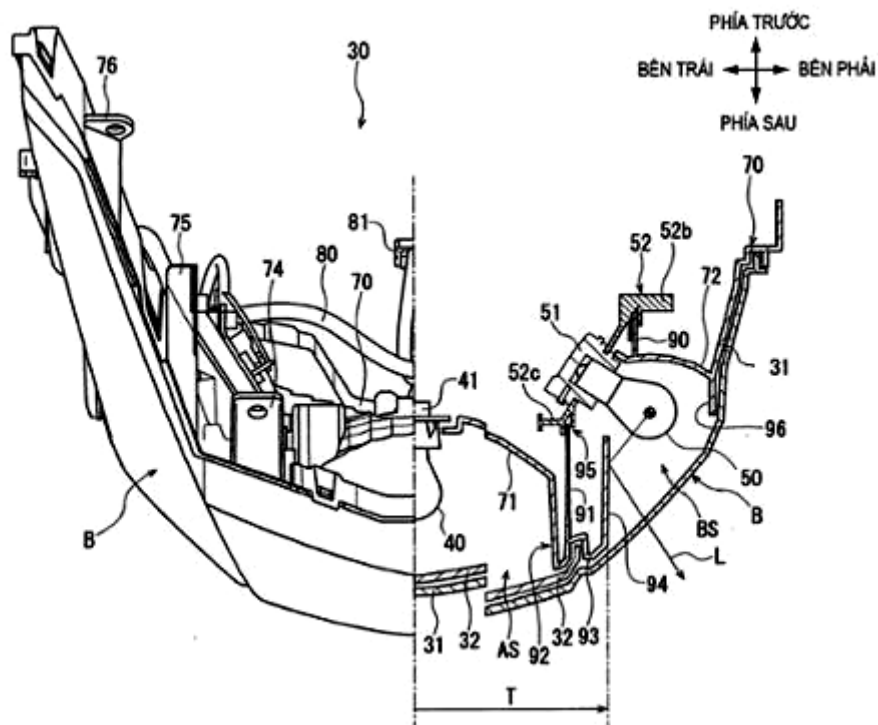
hoặc muối axit nó; và

bước C là phản ứng của hợp chất có công thức (3) hoặc muối axit của nó với sự có mặt của axit ở 100°C đến 180°C để thu được hợp chất có công thức (4):



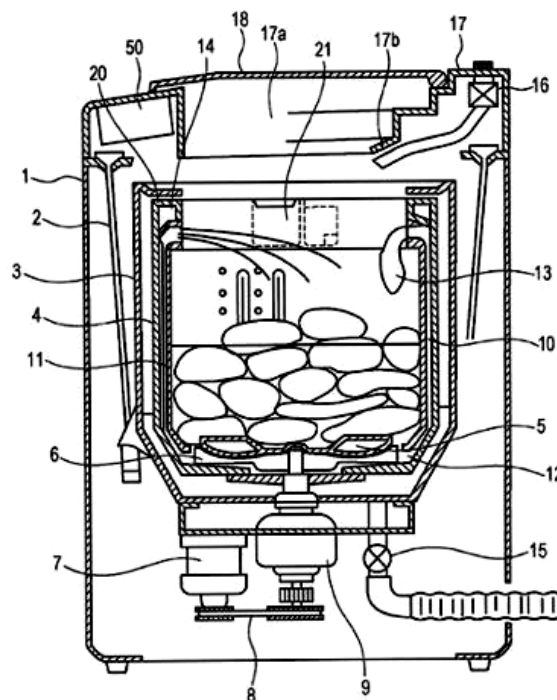
- (11) **1-0024618 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2017 355A
 (21) 1-2017-03032
 (22) 08/08/2017
 (30) 201610771303.2 30/08/2016 CN
 (51) **B62J 6/04; F21Y 115/10; F21Y 101/00; F21S 43/30; F21W 107/17**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)**
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
 (72) Qiong QIAN (CN); Chao SONG (CN); Xiao NIE (CN)
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)
 (54) **CỤM TỔ HỢP ĐÈN SAU DÙNG CHO XE KIỂU YÊN NGỰA**

(57) Sáng chế đề xuất cụm tổ hợp đèn sau có nguồn chiếu sáng thứ nhất (40) của khu vực đèn đuôi (A), các nguồn chiếu sáng thứ hai (50) của các khu vực đèn nháy (B) được bố trí liền kề với phía bên trái và phía bên phải của khu vực đèn đuôi (A) theo chiều rộng xe, các gương phản xạ thứ hai (72) để phản xạ ánh sáng phát ra từ các nguồn chiếu sáng (50) theo hướng sang ngang và về phía sau của thân xe, các mặt kính ngoài (31) che phía ngoài của khu vực đèn đuôi (A) và các khu vực đèn nháy (B), và các vách ngăn (92) phân cách khu vực đèn đuôi (A) và các khu vực đèn nháy (B) với nhau. Mỗi vách ngăn (92) có thành ngăn (91) kéo dài theo chiều dọc của thân xe để phân cách khoang phản xạ thứ nhất (AS) mà tạo thành khu vực đèn đuôi (A) và khoang phản xạ thứ hai (BS) mà tạo thành một trong số các khu vực đèn nháy (B) với nhau, thành kéo dài (93) kéo dài theo chiều rộng xe từ đầu phía sau của thành ngăn (91) hướng về phía sau thân xe, và thành chắn ánh sáng (94) kéo dài về phía trước thân xe từ đầu phía ngoài của thành kéo dài (93) hướng theo chiều rộng xe ở bên trong khoang phản xạ thứ hai (BS).



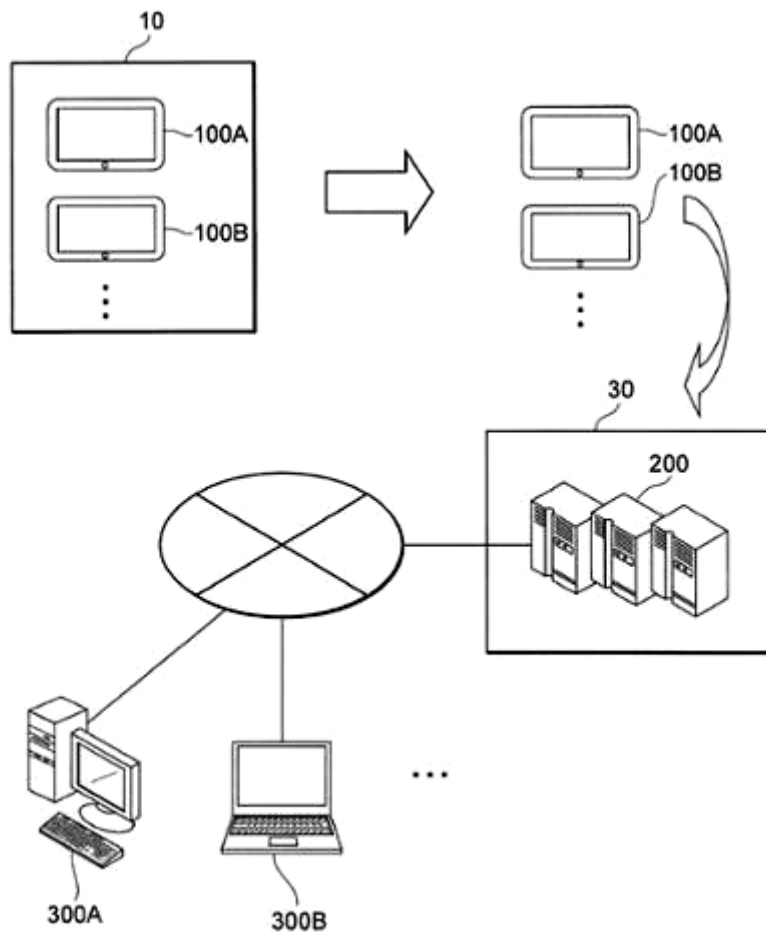
- (11) **1-0024619 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2017-00160 (85) 17/01/2017
 (22) 28/08/2015 (86) PCT/JP2015/004342 28/08/2015
 (30) 2014-238619 26/11/2014 JP (87) WO2016/084281A1 02/06/2016
 (51) **D06F 33/02; D06F 37/40; D06F 23/04**
 (73) **PANASONIC INTELLECTUAL PROPERTY MANAGEMENT CO., LTD.**
 (JP)
 1-61, Shiromi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 540-6207, Japan
 (72) SUGIMOTO, Toshihide (JP); KOBAYASHI, Takuya (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **MÁY GIẶT**

(57) Sáng chế đề cập đến máy giặt bao gồm lồng giặt (4), bộ phận khuấy (5), động cơ (7), cơ cấu hãm, và thiết bị điều khiển (50). Lồng giặt (4) có khả năng quay để vắt khô. Bộ phận khuấy (5) được bố trí quay được ở phần đáy bên trong của lồng giặt (4). Động cơ (7) dẫn động lồng giặt (4) và bộ phận khuấy (5). Cơ cấu hãm ứng dụng lực hãm cho sự quay của lồng giặt (4). Thiết bị điều khiển (50) thực hiện một loạt các thao tác giặt bao gồm bước giặt, bước giữ, bước vắt khô và tương tự, và bao gồm bộ điều khiển và bộ phận lưu trữ. Bộ điều khiển điều khiển một loạt các bước, và ngoài ra, phát hiện xem liệu trạng thái kết thúc của thao tác giặt có là sự kết thúc sau khi hoàn thành thao tác dựa vào việc thiết đặt các nội dung được nhập vào bởi người dùng hoặc sự kết thúc trước khi hoàn thành thao tác hay không. Bộ phận lưu trữ lưu trữ trạng thái kết thúc của thao tác giặt trước đó. Bộ điều khiển cũng thay đổi sự điều khiển của cơ cấu hãm theo trạng thái kết thúc của thao tác giặt trước đó được lưu trữ trong bộ phận lưu trữ.



- (11) **1-0024620 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
 (21) 1-2016-00547 (85) 16/02/2016
 (22) 24/02/2014 (86) PCT/JP2014/054273 24/02/2014
 (30) 2013-148006 16/07/2013 JP (87) WO2015/008501A1 22/01/2015
 (51) **G06Q 50/20; G09B 19/06; G09B 7/02; G09B 19/04**
 (73) **BENESSE CORPORATION (JP)**
 3-7-17, Minamigata, Kita-ku, Okayama-shi, Okayama 700-8686 Japan
 (72) KOMIYAMA, Tomoyuki (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ XỬ LÝ THÔNG TIN DI ĐỘNG, PHƯƠNG PHÁP THAO TÁC THIẾT BỊ NÀY, VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ KIỂM TRA**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý thông tin di động, thiết bị này bao gồm: bộ phận thực thi mà thực hiện ứng dụng kiểm tra; bộ phận đầu vào mà nhập dữ liệu phân trả lời của thí sinh làm bài kiểm tra; bộ phận lưu trữ mà lưu trữ dữ liệu phân trả lời có xét đến thông tin nhận dạng của thí sinh; và bộ phận gửi mà gửi thông tin nhận dạng và dữ liệu phân trả lời được lưu trữ trong bộ phận lưu trữ tới máy chủ trong bài kiểm tra hoặc sau khi hoàn thành bài kiểm tra.



- | | | | |
|-------------------------|------------------------|-----------------|------------|
| (11) 1-0024621 B | (15) 17/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-05092 | (85) 27/12/2016 | | |
| (22) 30/05/2014 | (86) PCT/CN2014/079001 | | 30/05/2014 |
| | (87) WO2015/180172A1 | | 03/12/2015 |

(51) **H04R 1/10**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

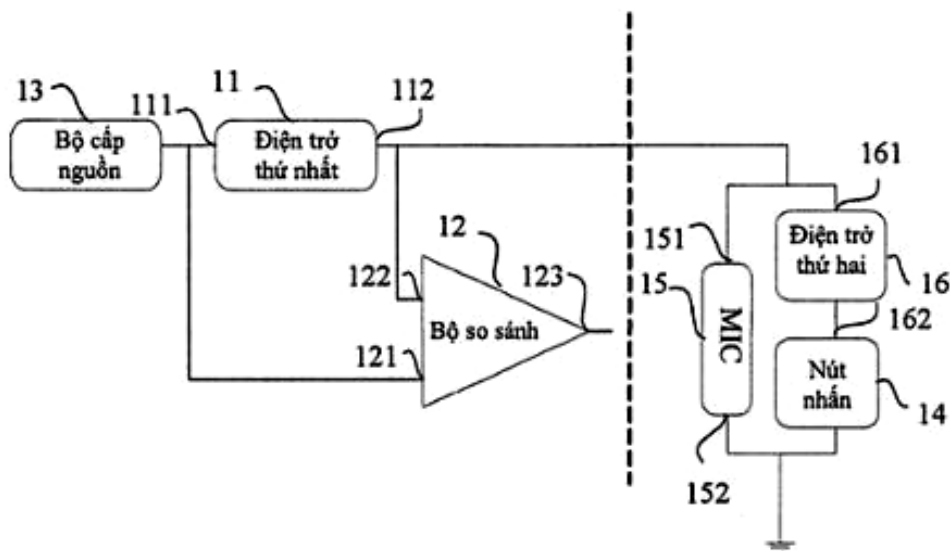
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen, Guangdong 518129, China

(72) SU, Wei (CN); KUANG, Huogen (CN)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **HỆ THỐNG THIẾT LẬP TRUYỀN THÔNG**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống thiết lập truyền thông bao gồm thiết bị đầu cuối và tai nghe. Phương pháp bao gồm: khi tai nghe đang ở trạng thái được cắm vào thiết bị đầu cuối, phát hiện, bởi thiết bị đầu cuối, sự chênh áp giữa đầu vào thứ nhất và đầu vào thứ hai; và nếu sự chênh áp lớn hơn ngưỡng thứ nhất, phát hiện rằng nút nhấn của tai nghe ở trạng thái được ấn; hoặc theo cách khác, nếu sự chênh áp không lớn hơn ngưỡng thứ nhất, phát hiện rằng nút nhấn của tai nghe trong trạng thái không được ấn, sao cho thiết bị đầu cuối thực hiện hoạt động tương ứng theo trạng thái nút nhấn. Trong quy trình này, thiết bị đầu cuối phát hiện trạng thái nút nhấn bằng cách sử dụng mạch phát hiện nút nhấn, và thực hiện hoạt động tương ứng. Trong mạch phát hiện nút nhấn, khi nút nhấn ở trạng thái được ấn, có điện trở giữa nút nhấn và bộ cấp nguồn. Do đó, dòng nhiệt tới hạn của mạch gây ra bởi sự nổi đất trực tiếp của bộ cấp nguồn được tránh khỏi, và sự phát hiện trạng thái nút nhấn của tai nghe được thực hiện.



- (11) **1-0024622 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2013 307A
(21) 1-2013-01928 (85) 24/06/2013
(22) 23/11/2011 (86) PCT/EP2011/070835 23/11/2011
(30) 10192207.8 23/11/2010 EP (87) WO2012/069546 31/05/2012
(51) **A23C 9/12; A23C 9/127; A23C 11/10; A23C 19/032**
(73) **CHR. HANSEN A/S (DK)**
Boege Alle 10-12, DK-2970 Hoersholm, Denmark
(72) JACOBSEN, Jonas (DK); WIND, Sandra Lykke (DK); QVIST, Karsten Bruun (DK)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SẢN PHẨM SỮA CHUA VÀ SẢN PHẨM SỮA CHUA THU ĐƯỢC BẰNG PHƯƠNG PHÁP NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất sản phẩm sữa (ví dụ sữa chua) bao gồm việc cho một lượng hữu hiệu glycosidaza liên kết với N và/hoặc glycosidaza liên kết với O vào sữa và sản phẩm sữa thu được.

- (11) **1-0024623 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
 (21) 1-2016-04484 (85) 21/11/2016
 (22) 09/04/2015 (86) PCT/US2015/025117 09/04/2015
 (30) 14/260,707 24/04/2014 US (87) WO2015/164091 29/10/2015
 (51) **A43B 13/26; A43B 13/14; A43C 15/16; A43B 5/00; A43B 5/02; A43B 13/12**

(73) **NIKE INNOVATE C.V. (US)**

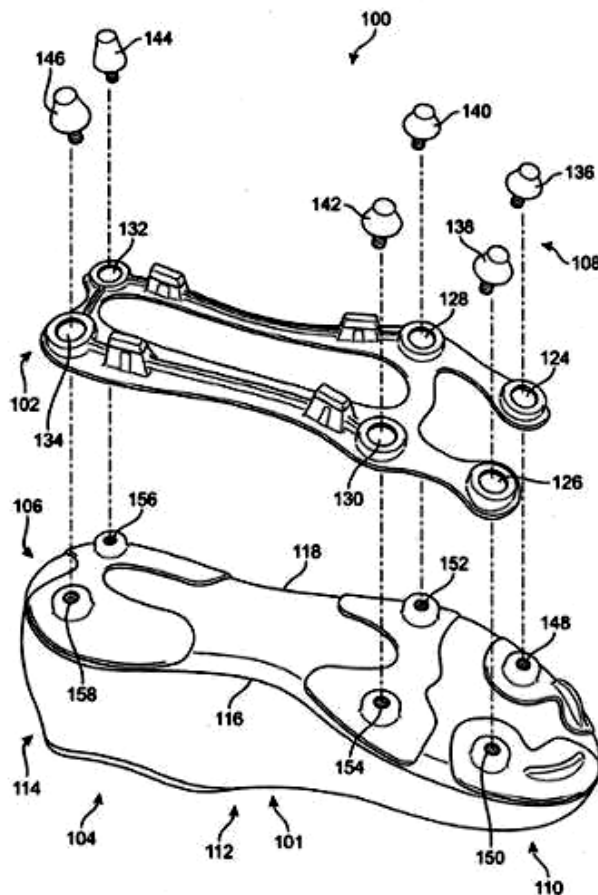
One Bowerman Drive, Beaverton, OR 97005-6453, United States of America

(72) CAVALIERE Sergio (IT)

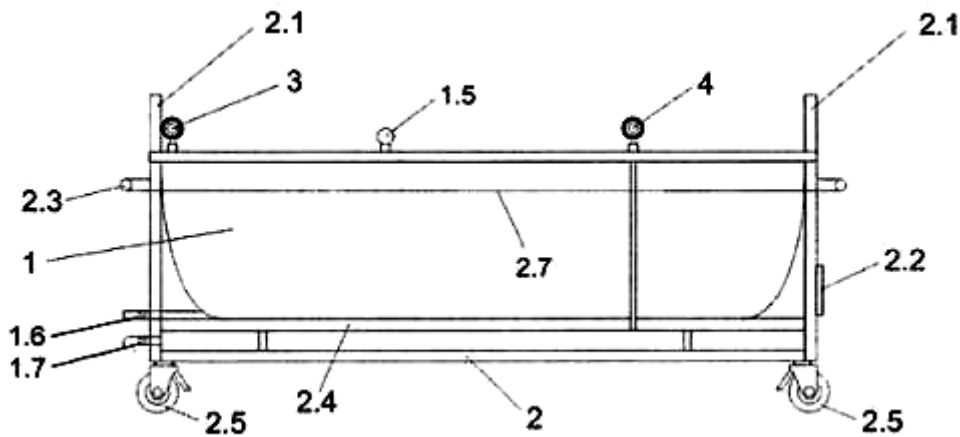
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **GIÀY DÉP**

(57) Sáng chế đề cập đến giày dép bao gồm các bộ vấu và/hoặc các vấu có thể có các phần dự phòng để tăng đến mức tối đa lực bám giữa khung và các loại mặt đất. Theo một số phương án thực hiện sáng chế, khung có thể có các bộ vấu và/hoặc các vấu được bố trí ở các vị trí khác nhau để đạt được lực bám tối đa trên các loại bề mặt. Theo các phương án thực hiện khác của sáng chế, khung có thể có các kiểu bộ vấu và/hoặc các vấu riêng biệt, mỗi chi tiết tăng đến mức tối đa lực bám vào loại bề mặt riêng biệt. Mỗi khung có kiểu kết cấu vấu riêng biệt. Các kết cấu vấu khác nhau có thể được dùng để tạo ra các lực bám khác nhau. Theo một số phương án thực hiện, khung có thể có các mức độ mềm dẻo khác nhau, giúp cho người dùng có các lựa chọn để tùy chỉnh độ cứng vững và khả năng đỡ của giày dép.



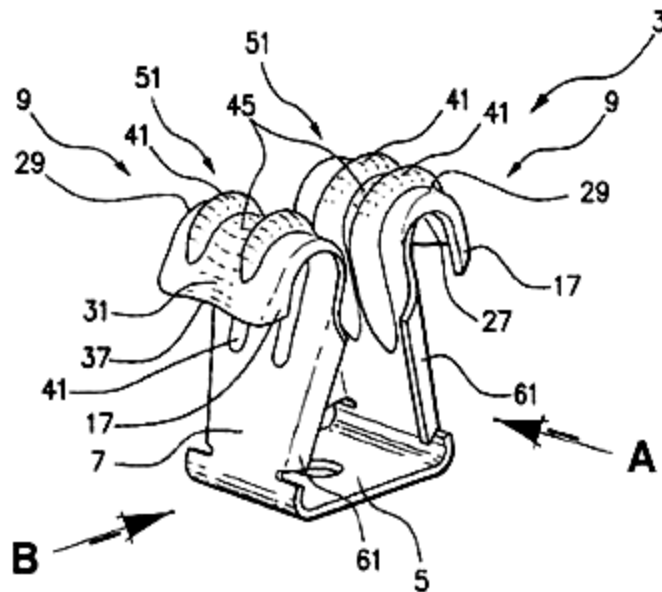
- (11) **1-0024624 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/11/2018 368A
 (21) 1-2017-01772
 (22) 12/05/2017
 (51) *A61H 33/00; A47K 3/02; A47K 3/022*
 (73) **VIỆN Y HỌC PHÒNG XẠ VÀ U BƯỚU QUÂN ĐỘI (VN)**
 Số 18 phố Định Công Thượng, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
 (72) Hồ Văn Cư (VN); Nguyễn Trung Sơn (VN); Nguyễn Đình Khải (VN)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Hải Hân (HAI HAN IP CO., LTD.)
 (54) **BỒN TẮM, TẮY XẠ CƠ ĐỘNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến bồn tắm, tẩy xạ cơ động bao gồm bồn chính (1), hệ giá khung đỡ bồn (2), vòi sen di động thứ nhất (3) và vòi sen di động thứ hai (4), trong đó bồn chính (1) được chế tạo với thành bồn có các rãnh đặt cáng (1.1), thành bồn được gắn với tấm kê đầu bệnh nhân (1.2), có van xả thải (1.3) và bố trí hai ụ tỳ chân hình nêm (1.4), trên thành bồn bố trí các tay vịn (1.5), và thước kiểm soát mực nước trong bồn, hệ giá khung đỡ bồn (2) được chế tạo bao gồm bốn trụ góc (2.1), khay đựng vật tư tẩy xạ (2.2), tay kéo bồn (2.3), bậc trèo cho bệnh nhân khi bước vào/ra bồn chính (2.4), và bốn bánh xe đỡ hệ giá khung (2.5), vòi sen di động thứ nhất (3) được bố trí trên thành bồn tại vị trí góc bồn chính và vòi sen di động thứ hai (4) được bố trí chéo góc tại thành đối diện.



- (11) **1-0024625 B** (15) 17/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 27/08/2012 293A
- (21) 1-2011-02964 (85) 14/07/2008
- (22) 12/12/2006 (86) PCT/US2006/047369 12/12/2006
- (30) 60/749,905 13/12/2005 US (87) WO2007/070514 21/06/2007
- 60/810,231 02/06/2006 US
- 60/850,625 10/10/2006 US
- 60/856,872 03/11/2006 US
- 60/859,404 16/11/2006 US
- (51) **C07D 471/04; A61P 17/00; C07D 487/04; A61P 37/00; A61K 31/395; A61P 35/00**
- (62) 1-2008-01747
- (73) **INCYTE HOLDINGS CORPORATION (US)**
1801 Augustine Cut-Off, Wilmington, DE 19803, United States of America
- (72) RODGERS, James D. (US); SHEPARD, Stacey (US); MADUSKUIE, Thomas P. (US); WANG, Haisheng (US); FALAHATPISHEH, Nikoo (US); RAFALSKI, Maria (US); ARVANITIS, Argyrios G. (US); STORACE, Louis (US); JALLURI, Ravi Kumar (US); FRIDMAN, Jordan S. (US); VADDI, Krishna (US)
- (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **HỢP CHẤT 3-XYCLOPENTYL-3-[4-(7H-PYROLO[2,3-D]PYRIMIDIN-4-YL)-1H-PYRAZOL-1-YL]PROPANNITRIL VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề xuất hợp chất 3-xyclopentyl-3-[4-(7H-pyrololo[2,3-d]pyrimidin-4-yl)-1H-pyrazol-1-yl]propannitrit điều biến hoạt tính của Janus kinaza và có tác dụng để điều trị bệnh liên quan đến hoạt tính của Janus kinaza bao gồm, ví dụ, bệnh liên quan đến hệ miễn dịch, bệnh về da, rối loạn tăng sinh tủy bào, bệnh ung thư, và các bệnh khác và dược phẩm chứa hợp chất này.

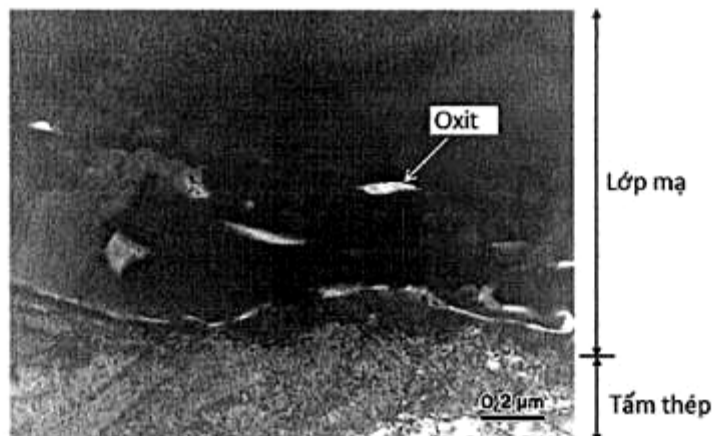
- (11) **1-0024626 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2012 297A
 (21) 1-2012-03191 (85) 26/10/2012
 (22) 29/03/2011 (86) PCT/AU2011/000353 29/03/2011
 (30) 2010201257 29/03/2010 AU (87) WO2011/120081A1 06/10/2011
 (51) **E04D 3/36; E04D 3/365; E04D 3/361; E04D 3/24**
 (73) **BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)**
 Level 11, 120 Collins Street, Melbourne, Victoria 3000, Australia
 (72) GALLATY, Rodney John (AU)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **KỆP GIỮ CỐ ĐỊNH DÙNG CHO CÁC TẮM LỢP CÓ CÁC GỜ ĐỊNH HÌNH VÀ BỘ KỆP CÓ KỆP GIỮ CỐ ĐỊNH NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến kẹp giữ cố định để cố định mái hoặc tấm lợp khác vào kết cấu phía dưới. Kẹp bao gồm đế, cặp vách bên kéo dài từ đế, và cặp mặt bích xác định các chi tiết giữ để ăn khớp các phần lõm ở các phía của các gờ của các tấm lợp. Các mặt bích xác định các cung kéo dài ra phía ngoài và xuống dưới từ các đầu trên của các vách bên. Các mặt bích là hình ảnh phản chiếu của nhau về mặt phẳng đường tâm đi vuông góc qua đế. Mỗi mặt bích có thể có gân tăng cứng ở mỗi phía của đường tâm của mặt bích. Các vách bên có thể bao gồm các mép bên được gấp vào phía trong để nâng cao độ cứng của các vách bên.



- (11) **1-0024627 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2014 316A
 (21) 1-2014-01247 (85) 17/04/2014
 (22) 28/09/2012 (86) PCT/JP2012/075215 28/09/2012
 (30) 2011-218046 30/09/2011 JP (87) WO2013/047820A1 04/04/2013
 2011-217108 30/09/2011 JP
 (51) **C23C 2/06; C22C 18/00; C22C 38/00; C22C 38/06; C23C 2/40; C23C 2/02; C23C 2/28; C21D 9/46; C22C 38/58**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) AZUMA Masafumi (JP); WAKABAYASHI Chisato (JP); NOZAKI Takayuki (JP); TAKAHASHI Manabu (JP); FUJITA Nobuhiro (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **TẤM THÉP MẠ KẼM NHÚNG NÓNG VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TẤM THÉP NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến tấm thép mạ kẽm nhúng nóng bao gồm: tấm thép; và lớp mạ trên bề mặt của tấm thép, vi cấu trúc chứa một hoặc hai pha trong số mactensit và bainit với tổng lượng bằng hoặc lớn hơn 20% và bằng hoặc nhỏ hơn 99% tính theo tỷ lệ thể tích, cấu trúc dư bao gồm một hoặc hai pha trong số ferit, austenit dư với lượng nhỏ hơn 8% tính theo tỷ lệ thể tích, và peclit với lượng bằng hoặc nhỏ hơn 10% tính theo tỷ lệ thể tích, độ bền kéo bằng hoặc lớn hơn 980 MPa, lớp mạ là lớp mạ kẽm nhúng nóng mà chứa các oxit bao gồm một hoặc hai hoặc nhiều nguyên tố trong số Si, Mn, và Al, chứa Fe với lượng bằng hoặc nhỏ hơn 15% khối lượng, và phần còn lại chứa Zn, Al, và các tạp chất không tránh khỏi, và khi mặt cắt ngang bao gồm tấm thép và lớp mạ kẽm nhúng nóng được quan sát theo chiều dày của tấm, tỷ lệ diện tích được chiếu là bằng hoặc lớn hơn 10% và bằng hoặc nhỏ hơn 90%.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024628 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2015 | 332A |
| (21) 1-2015-01717 | | (85) 15/05/2015 | |
| (22) 15/10/2013 | | (86) PCT/US2013/065127 | 15/10/2013 |
| (30) 61/714,140 | 15/10/2012 | US (87) WO2014/062733 | 24/04/2014 |
| 61/714,145 | 15/10/2012 | US | |
| 61/780,703 | 13/03/2013 | US | |
| 61/786,277 | 14/03/2013 | US | |

(51) **C07D 213/50; A61K 31/444; A61P 35/00; C07D 413/14; C07D 401/12; C07D 405/12; C07D 407/12; C07D 413/12; A61K 31/4412; C07D 213/64**

(73) **EPIZYME, INC. (US)**

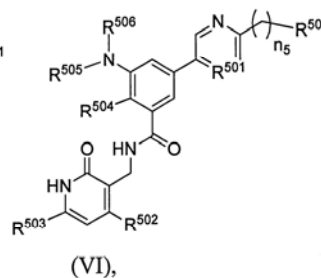
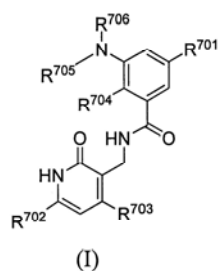
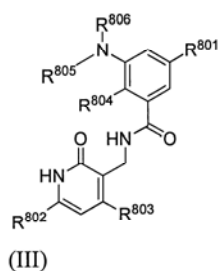
400 Technology Square, 4th Floor, Cambridge, MA 02139, United States of America

(72) KUNTZ, Kevin, Wayne (US); CAMPBELL, John, Emmerson (US); SEKI, Masashi (JP); SHIROTORI, Syuji (JP); ITANO, Wataru (JP); ZHENG, Wanjun (US)

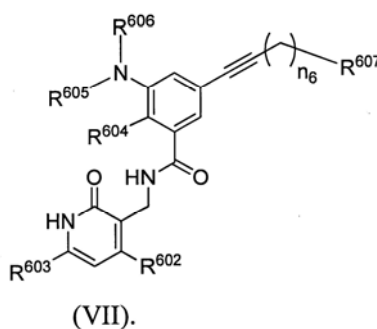
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

(54) **HỢP CHẤT BENZEN ĐƯỢC THỂ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất benzen được thể có các công thức sau:



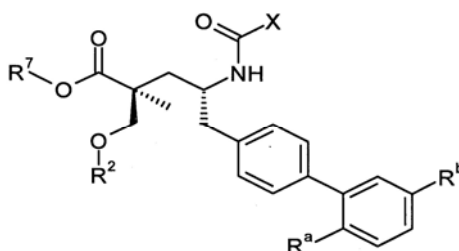
và



Sáng chế còn đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất này. Sáng chế còn đề cập đến hợp chất hoặc dược phẩm để sử dụng trong phương pháp điều trị bệnh ung thư. Sáng chế còn đề cập đến hợp chất này để sử dụng trong nghiên cứu hoặc các mục đích không phải để điều trị bệnh khác.

- (11) **1-0024629 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2015 327A
 (21) 1-2015-00758 (85) 06/03/2015
 (22) 07/08/2013 (86) PCT/US2013/053956 07/08/2013
 (30) 61/680,804 08/08/2012 US (87) WO2014/025891 13/02/2014
 61/774,163 07/03/2013 US
 (51) **C07D 231/14; A61K 31/4192; A61K 31/42; A61K 31/421; C07D 405/12; C07D 249/04; C07D 261/18; C07D 263/38; A61K 31/415; A61P 9/12**
 (73) **THERAVANCE BIOPHARMA R&D IP, LLC (US)**
 901 Gateway Boulevard, South San Francisco, California 94080, United States of America
 (72) FLEURY, Melissa (CA); HUGHES, Adam D. (GB)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **CHẤT ỨC CHẾ NEPRILYSIN VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHẤT ỨC CHẾ NÀY**

(57) Theo một khía cạnh, sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức:



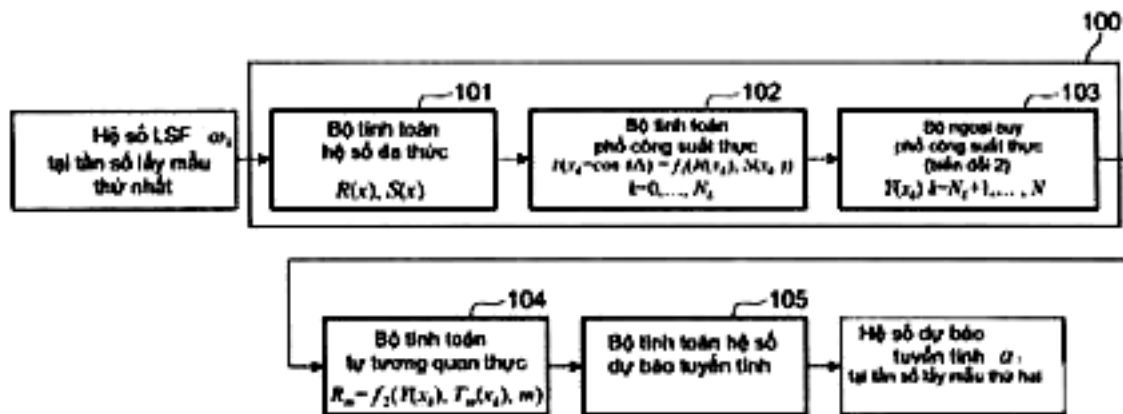
trong đó X, R^a, R^b, R² và R⁷ là như được xác định trong bản mô tả sáng chế, hoặc muối dược dụng của chúng. Hợp chất này là tiền dược chất của hợp chất có hoạt tính ức chế neprilysin. Theo khía cạnh khác, sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất này; và quy trình và hợp chất trung gian dùng để điều chế hợp chất này.

- (11) **1-0024630 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
(21) 1-2015-01702 (85) 15/05/2015
(22) 31/10/2013 (86) PCT/JP2013/079622 31/10/2013
(30) 2012-249141 13/11/2012 JP (87) WO2014/077136A1 22/05/2014
(51) **H01B 1/22; H05K 3/02; H01B 5/14; C09D 163/00; H01B 13/00**
(73) **TORAY INDUSTRIES, INC.** (JP)
1-1, Nihonbashi-Muromachi 2-chome, Chuo-ku, Tokyo, 1038666 Japan
(72) TANABE, Miharuru (JP); KUSANO, Kazutaka (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **BỘT NHÃO DẪN ĐIỆN CẢM QUANG, NỀN NHIỀU LỚP, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT MẪU DẪN ĐIỆN VÀ BẢNG ĐIỀU KHIỂN CHẠM LOẠI ĐIỆN DUNG TÍNH ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến bột nhão dẫn điện cảm quang mà có thể, không tác động bất lợi đến các vật liệu như nền, tạo ra mẫu tinh và thể hiện tính dẫn điện ở các nhiệt độ thấp, và ngoài ra còn có thể tạo ra mẫu dẫn điện có điện trở suất thấp và độ bám dính tuyệt vời vào nền; và phương pháp tạo ra mẫu dẫn điện sử dụng phương bột nhão dẫn điện cảm quang này. Sáng chế đề cập đến bột nhão dẫn điện cảm quang mà chứa các hạt dẫn điện (A), hợp chất hữu cơ cảm quang (B), nhựa epoxy (C) và chất hấp phụ ion (D) mà được chọn từ nhóm gồm hydrotalxit, magie oxit, nhôm oxit, nhôm hydroxit, magie hydroxit, magie cacbonat, zirconi oxit, magie silicat, silicon dioxit, zeolit và bột trên cơ sở cacbon.

- (11) **1-0024631 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2017 347A
 (21) 1-2016-04464 (85) 18/11/2016
 (22) 16/04/2015 (86) PCT/JP2015/061763 16/04/2015
 (30) 2014-090781 25/04/2014 JP (87) WO 2015/163240 A1 29/10/2015
 (51) **G10L 19/06; G10L 25/12**
 (73) **NTT DOCOMO, INC.** (JP)
 11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150 Japan
 (72) NAKA Nobuhiko (JP); RUOPPILA Vesa (FI)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **BỘ BIẾN ĐỔI HỆ SỐ DỰ BÁO TUYẾN TÍNH VÀ PHƯƠNG PHÁP BIẾN ĐỔI HỆ SỐ DỰ BÁO TUYẾN TÍNH**

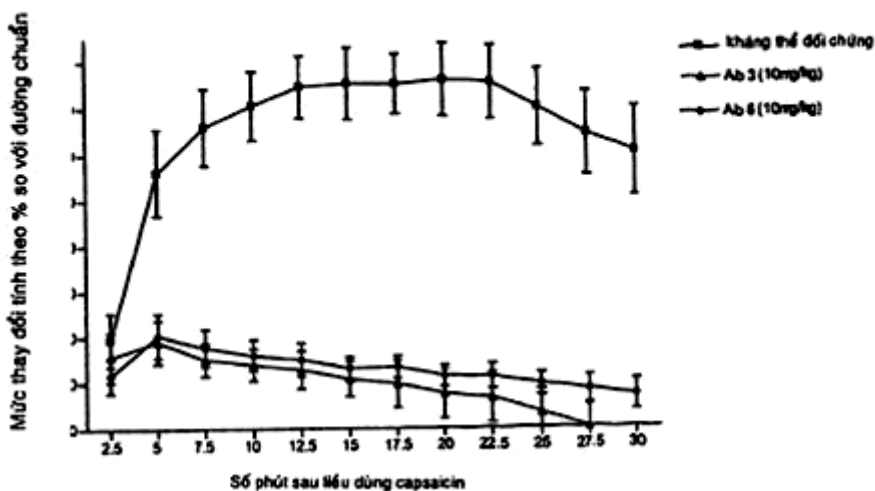
(57) Sáng chế đề cập đến bộ biến đổi hệ số dự báo tuyến tính, trong đó bộ biến đổi hệ số dự báo tuyến tính này là bộ biến đổi các hệ số dự báo tuyến tính thứ nhất được tính toán tại tần số lấy mẫu thứ nhất thành các hệ số dự báo tuyến tính thứ hai tại tần số lấy mẫu thứ hai khác tần số lấy mẫu thứ nhất, gồm có phương tiện tính toán, trên trục thực của vòng tròn đơn vị, phổ công suất tương ứng với các hệ số dự báo tuyến tính thứ hai tại tần số lấy mẫu thứ hai dựa vào các hệ số dự báo tuyến tính thứ nhất hoặc tham số tương đương, phương tiện tính toán, trên trục thực của vòng tròn đơn vị, các hệ số tự tương quan từ phổ công suất, và phương tiện biến đổi các, hệ số tự tương quan thành các hệ số dự báo tuyến tính thứ hai tại tần số lấy mẫu thứ hai. Mục đích của sáng chế là đánh giá bộ lọc tổng hợp dự báo tuyến tính sau khi biến đổi tần số lấy mẫu trong với lượng tính toán nhỏ.



- (11) **1-0024632 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2014 315A
 (21) 1-2013-04037 (85) 20/12/2013
 (22) 21/05/2012 (86) PCT/US2012/038844 21/05/2012
 (30) 61/488,660 20/05/2011 US (87) WO2012/162243 29/11/2012
 (51) **C07K 16/28; C12N 15/13; A61K 39/395; A61P 35/00**
 (73) **ALDERBIO HOLDINGS LLC (US)**
 101 Convention Center Dr., Ste. 850 Las Vegas, Nevada 89109 (US)
 (72) KOVACEVICH, Brian Robert (US); GARCIA-MARTINEZ, Leon F (US); OLSON, Katie (US); DUTZAR, Benjamin H. (US); BILLGREN, Jens J. (US); LATHAM, John A. (US); MITCHELL, Danielle M. (US); MCNEILL, Patricia Dianne (US); JANSON, Nicole M. (US); LOOMIS, Maria-Cristina (US)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **KHÁNG THỂ KHÁNG PEPTIT LIÊN QUAN ĐẾN GEN CANXITONIN (CGRP) VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA KHÁNG THỂ NÀY**

- (57) Sáng chế đề xuất các kháng thể và các đoạn của chúng có tính liên kết đặc hiệu đối với CGRP. Một phương án khác của sáng chế này liên quan đến các kháng thể được mô tả ở đây, và các đoạn liên kết của chúng, bao gồm các trình tự của các polypeptit V_H, V_L và polypeptit CDR được mô tả ở đây, và polynucleotit mã hóa chúng. Sáng chế còn dự liệu thể tiếp hợp của các kháng thể kháng CGRP và các đoạn liên kết của chúng được tiếp hợp với một hoặc nhiều phân chức năng hoặc phân có thể phát hiện được. Sáng chế còn dự liệu phương pháp tạo các kháng thể kháng CGRP đã nêu và các đoạn liên kết của chúng. Các phương án của sáng chế còn đề cập đến cách sử dụng các kháng thể kháng CGRP, và các đoạn liên kết của chúng, cho việc chẩn đoán, đánh giá và điều trị các bệnh và rối loạn gắn liền với CGRP.

Sự giảm về mức giãn mạch sau khi cho dùng Capsaicin



- (11) **1-0024633 B** (15) 17/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
(21) 1-2014-02439 (85) 22/07/2014
(22) 26/12/2012 (86) PCT/IN2012/000850 26/12/2012
(30) 4587/CHE/2011 27/12/2011 IN (87) WO2013/111152 01/08/2013

(51) **F16H 57/02**

(73) **TVS MOTOR COMPANY LIMITED (IN)**

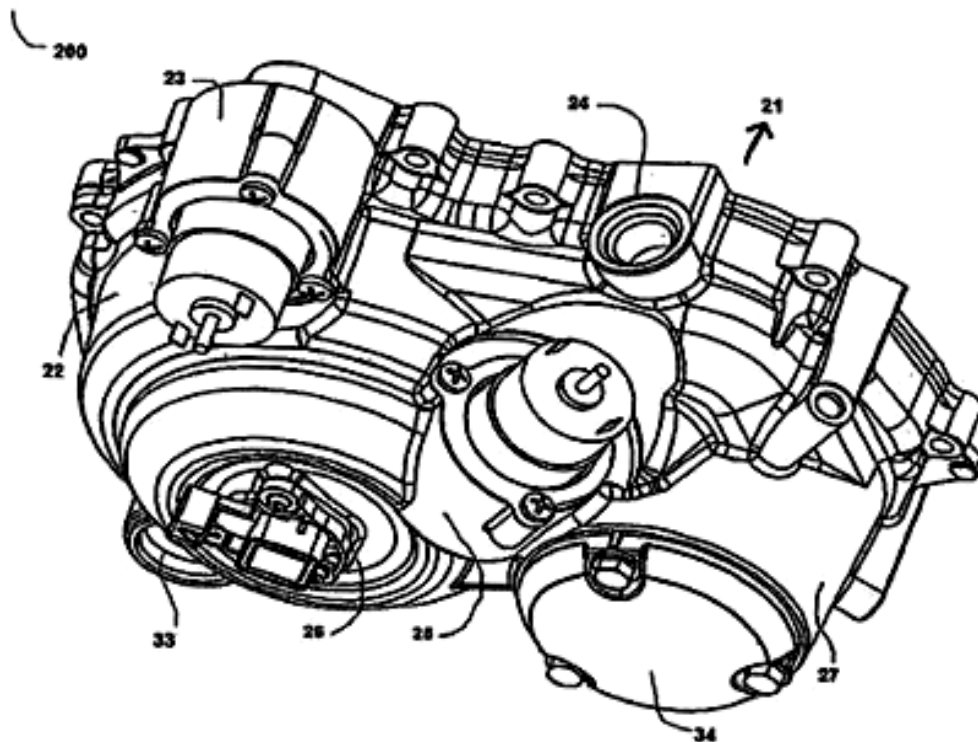
Jayalakshmi Estates, 29 (Old No. 8), Haddows Road, Chennai 600006, India

(72) RAO, Kandregula Srinivasa (IN)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

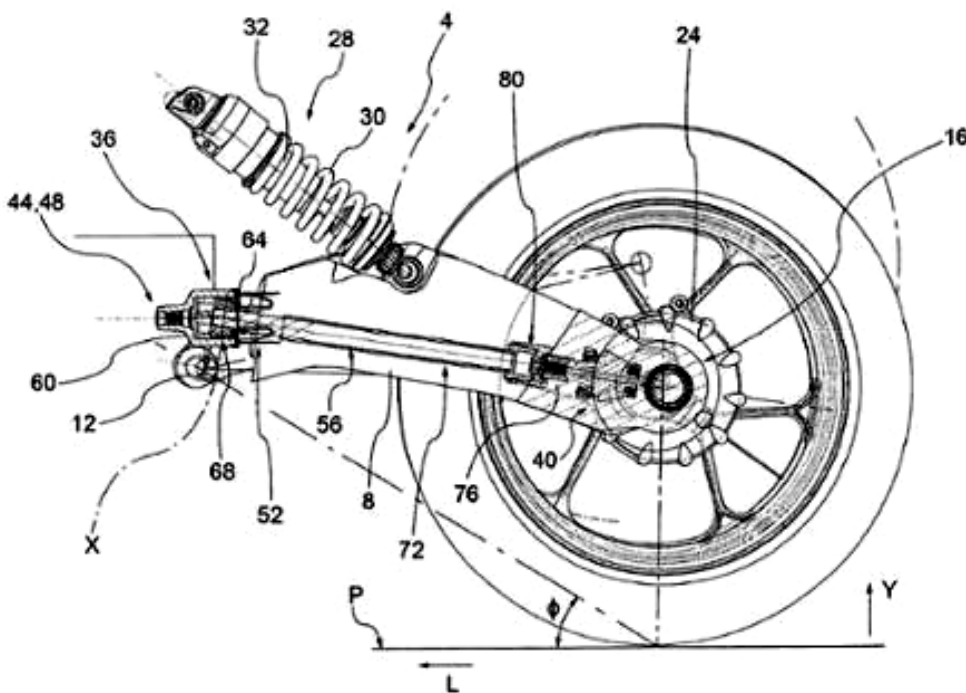
(54) **XE CÓ VỎ BỘ TRUYỀN ĐỘNG ĐỂ CHE PHỦ HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG CỦA ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG**

- (57) Sáng chế đề cập đến xe có vỏ bộ truyền động dùng cho động cơ đốt trong, có khả năng làm thích ứng các cơ cấu dẫn động điện cơ trong hệ thống truyền động tự động trên vỏ bộ truyền động, vỏ bộ truyền động bao gồm nhiều chi tiết dự phòng để tạo thuận tiện cho nó bao gồm các lỗ được tạo bậc, mặt bích, khoang được mở rộng và khoang dầu. Vỏ bộ truyền động là phù hợp nhất để sử dụng với động cơ lác.



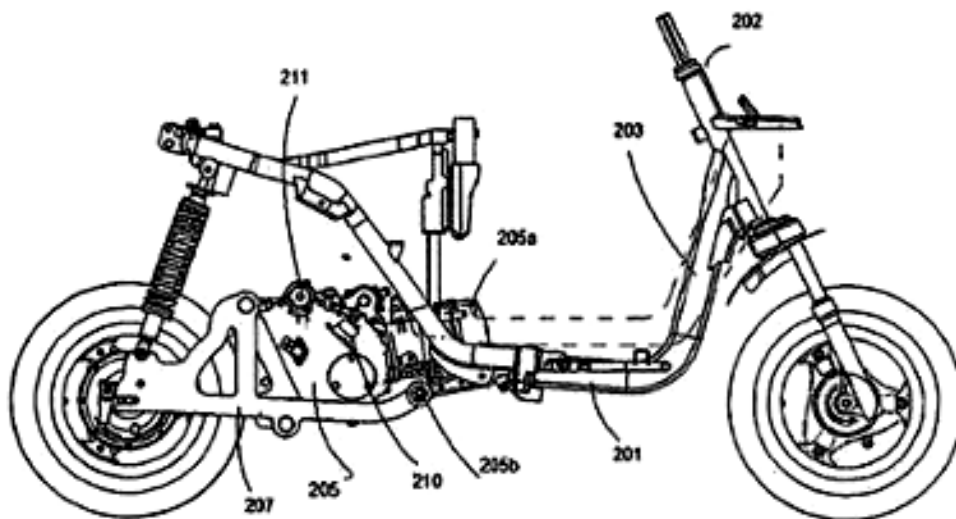
- | | | | |
|--|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024634 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/09/2016 | 342A |
| (21) 1-2016-01784 | | (85) 18/05/2016 | |
| (22) 10/10/2014 | | (86) PCT/IB2014/065213 | 10/10/2014 |
| (30) PD2013A000309 | 14/11/2013 | IT (87) WO2015/071789 | 21/05/2015 |
| (51) B62K 25/28; B62K 25/00 | | | |
| (73) PIAGGIO & C. S.P.A. (IT) | | | |
| V.le Rinaldo Piaggio, 25, I-56025 Pontedera, PISA, Italy | | | |
| (72) SOATTI, Piero (IT); BOSCHIERO, Massimiliano (IT) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) BỘ TRUYỀN ĐỘNG CHO XE MÁY VÀ XE MÁY BAO GỒM BỘ TRUYỀN ĐỘNG NÀY | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến bộ truyền động cho xe máy (4) bao gồm càng xe (8) kéo dài từ một đầu treo (12) đến hệ thống treo của xe máy, xác định trục dao động (X-X), ở đầu nối (16) với bánh xe (20), khớp đồng tốc (36) được bố trí ở phía đầu treo (12), và khớp nối bánh răng (40) được bố trí ở mặt bên của đầu nối (16), trong đó khớp đồng tốc (36) truyền động đồng bộ đầu thứ nhất (44) của trục tiếp động (48), được nối với bộ phận lấy năng lượng, và đầu thứ hai (52) của trục phát động (56) được nối cơ khí với khớp nối bánh răng (40), và trong đó khớp nối bánh răng (40) truyền chuyển động tới bánh xe (20). Khớp đồng tốc (36) thực hiện việc truyền động tức thời với tỷ số truyền cố định giữa đầu thứ nhất và đầu thứ hai (44, 52), khớp đồng tốc (36) lệch so với đầu treo (12) của càng xe (8), theo chiều thẳng đứng (Y-Y) vuông góc với mặt đỡ (P) của bánh xe (20) và cho phép trục phát động (56) dao động giữa đầu chu kỳ và cuối chu kỳ, song song với trục dao động (X-X).



- | | | | |
|--|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024635 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2014 | 318A |
| (21) 1-2014-02440 | | (85) 22/07/2014 | |
| (22) 26/12/2012 | | (86) PCT/IN2012/000849 | 26/12/2012 |
| (30) 4585/CHE/2011 | 27/12/2011 | IN (87) WO2013/111151 | 01/08/2013 |
| (51) B62M 7/12; B62K 11/10 | | | |
| (73) TVS MOTOR COMPANY LIMITED (IN) | | | |
| Jayalakshmi Estates, 24 (old # 8), Haddows Road, Chennai 600006, India | | | |
| (72) SASIKUMAR, R (IN); RAO, Kandregula Srinivasa (IN); K, Venkata Mangaraju (IN); NAGARAJA, Krishnabhatta (IN); BABU, Rengarajan (IN) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) XE KIỂU SCUTO, XE KIỂU BƯỚC QUA VÀ XE MÔ TÔ LOẠI XI LẠNH ĐƠN | | | |

- (57) Sáng chế đề xuất phương tiện giao thông có động cơ trang bị hộp số tay tự động với cơ cấu dẫn động khớp ly hợp được kiểm soát về mặt điện tử và cơ cấu dẫn động nấc số và được bố trí theo cách có khả năng dao động gần tấm sàn; và bộ phận giá đỡ được gắn vào khung ở một đầu và được gắn vào bánh sau ở đầu kia. Động cơ trang bị hộp số tay tự động này được gắn theo cách cứng vững vào bộ phận giá đỡ.



- | | | | |
|-------------------------|------------|-----------------|------|
| (11) 1-0024636 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/04/2015 | 325A |
| (21) 1-2014-03379 | | | |
| (22) 08/10/2014 | | | |
| (30) 10-2013-0123246 | 16/10/2013 | KR | |
| 10-2014-0008263 | 23/01/2014 | KR | |
| 10-2014-0028631 | 11/03/2014 | KR | |

(51) **H04N 5/225**

(73) **SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS CO., LTD. (KR)**

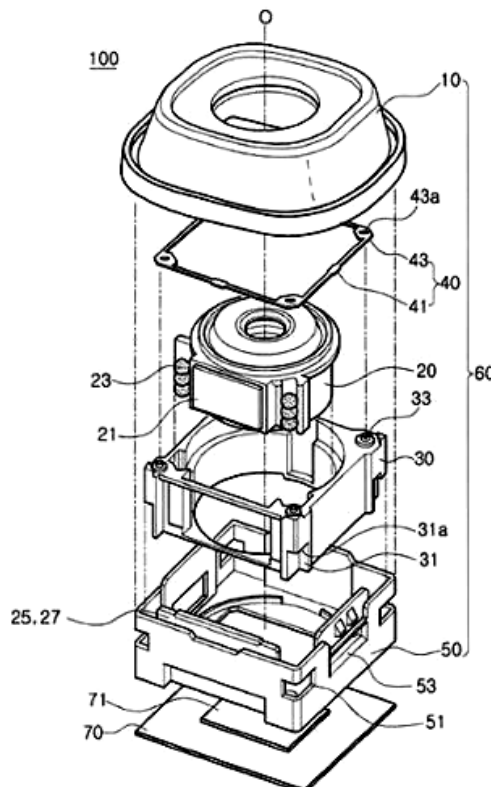
Maeyoung-Ro 150 (Maetan-Dong), Youngtong-Gu, Suwon-Si, Gyeonggi-Do, Republic of Korea

(72) KIM, Sung Hoon (KR); KIM, Po Chul (KR); LEE, Jung Seok (KR); BAIK, Jae Ho (KR)

(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

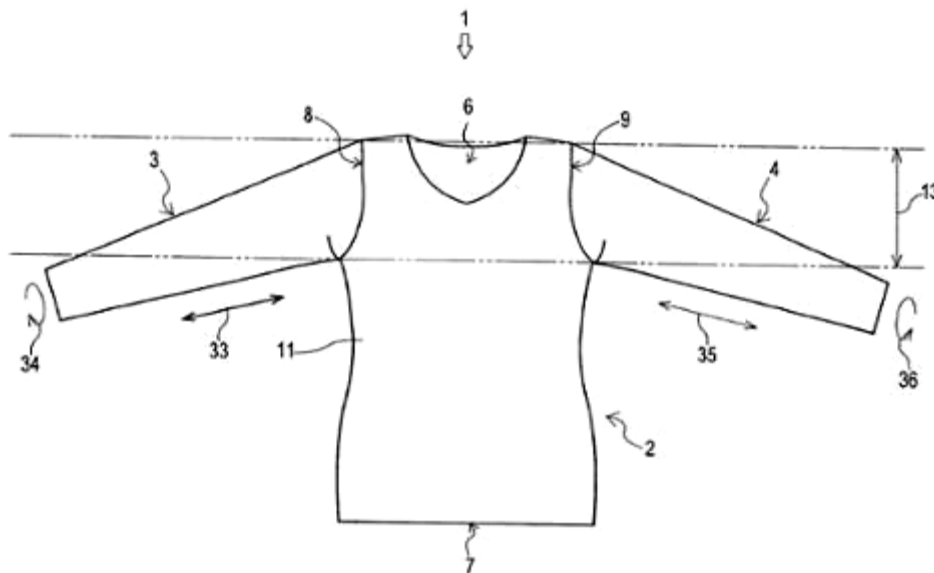
(54) **MÔĐUN MÁY ẢNH, PHƯƠNG PHÁP CĂN CHỈNH TRỤC QUANG CỦA MÔĐUN MÁY ẢNH VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ DI ĐỘNG BAO GỒM MÔĐUN MÁY ẢNH**

(57) Sáng chế đề xuất môđun máy ảnh, phương pháp căn chỉnh trục quang của môđun máy ảnh, và thiết bị điện tử di động bao gồm môđun máy ảnh. Môđun máy ảnh có thể bao gồm vành ống kính đỡ thấu kính, khung mà trong đó vành ống kính được bố trí, và hộp chứa khung. Khung có thể được ép lên một bề mặt của hộp để bằng cách đó được căn chỉnh tương đối trong hộp để trục quang của thấu kính được bố trí vuông góc với bề mặt tạo ảnh của bộ cảm biến hình ảnh.



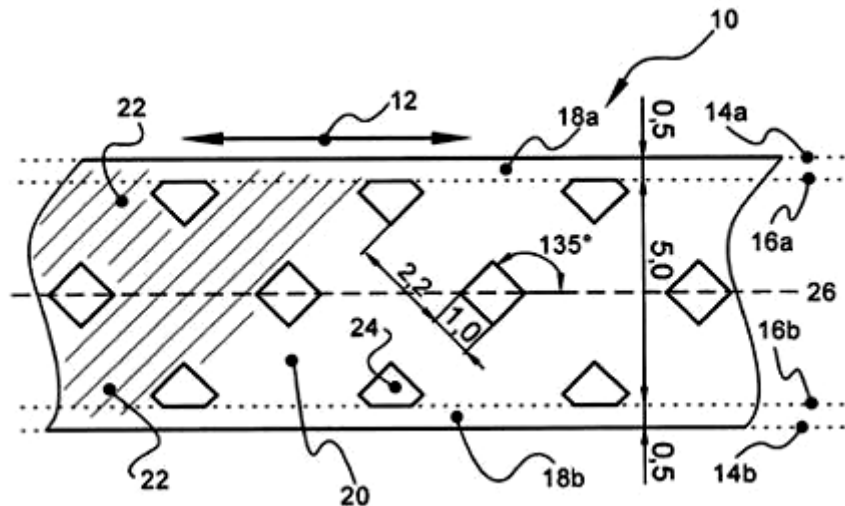
- | | | | |
|--|---|------------------------|------------|
| (11) 1-0024637 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2019 | 379A |
| (21) 1-2019-04655 | | (85) 22/08/2019 | |
| (22) 19/07/2017 | | (86) PCT/JP2017/026122 | 19/07/2017 |
| (30) PCT/JP2017/003026 | 27/01/2017 JP | (87) WO2018/138948 | 02/08/2018 |
| (51) A41D 1/00; A41D 27/10; A41D 13/00 | | | |
| (73) TORATANI CO., LTD. (JP) | | | |
| | 6-4, Matsuhama Ha, Kahoku-shi, Ishikawa 929-1172, Japan | | |
| (72) TORATANI Ikuo (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD) | | | |
| (54) ÁO | | | |

- (57) Sáng chế đề cập đến áo tránh cho người mặc phải di chuyển vai về phía trước để đặt tay trước thân. Áo (1) bao gồm thân trước (2), mà là hình ống kéo dài theo chiều dọc và có thân trước (11) và thân sau. Vùng trên (13) của thân sau có chiều rộng tối thiểu theo phương ngang ngắn hơn vùng trên của thân trước. Ống tay áo phải (3) được mặc lên và khít vào cánh tay phải của người mặc và được nối với nách áo phải (8). Ống tay áo phải mà được kéo căng theo chiều dọc khoảng 50% sinh ra ứng suất kéo theo chiều dọc là 100cN hoặc lớn hơn. Ống tay áo trái (4) được mặc lên và khít vào cánh tay trái của người mặc và được nối với nách áo trái (9). Ống tay áo trái (4) mà được kéo căng theo chiều dọc khoảng 50% sinh ra ứng suất kéo theo chiều dọc là 100cN hoặc lớn hơn.



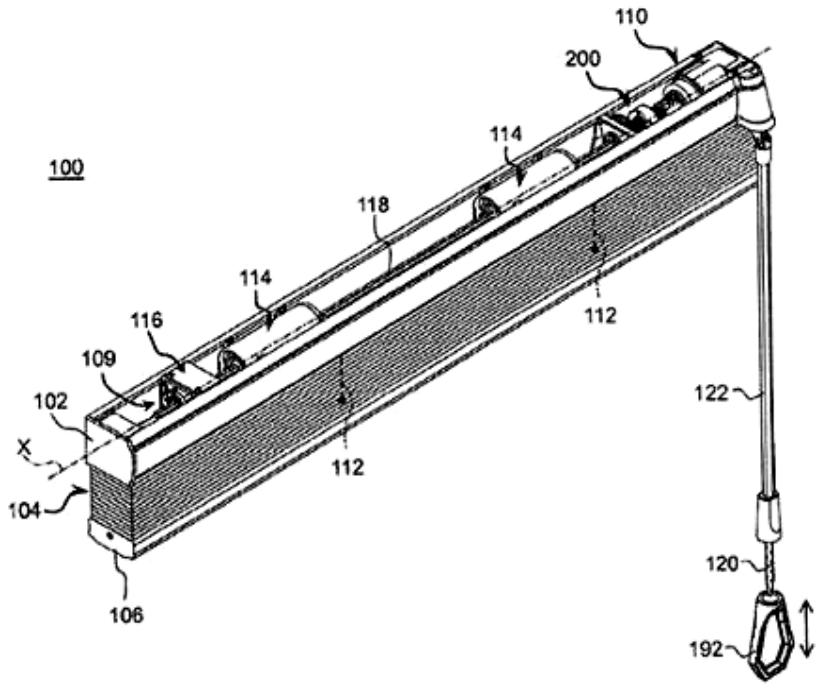
- | | | | |
|---------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024638 B | | (15) 17/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2015 | 330A |
| (21) 1-2015-02370 | | (85) 30/06/2015 | |
| (22) 22/10/2013 | | (86) PCT/EP2013/072004 | 22/10/2013 |
| (30) 10 2012 111
635.0 | 30/11/2012 DE | (87) WO2014/082796A1 | 05/06/2014 |
- (51) **A24D 1/02**
(73) **DELFORTGROUP AG (AT)**
Fabrikstrasse 20, 4050 Traun, Austria
(72) ZITTURI, Roland (IT); VOLGGER, Dietmar (IT)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) **GIẤY CUỐN THUỐC LÁ DÙNG CHO THUỐC LÁ ĐIỀU CÓ KHẢ NĂNG TỰ TẮT CHÁY VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT GIẤY CUỐN THUỐC LÁ NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến giấy cuộn thuốc lá dùng cho thuốc lá điều có khả năng tự tắt cháy. Giấy cuộn thuốc lá này có các dải mà trên đó được phủ chất làm giảm khả năng khuếch tán, trong đó các dải này bao gồm hai vùng ngoài (18a, 18b) dạng dải và một vùng giữa (20) dạng dải nằm giữa hai vùng ngoài này. Chất nêu trên được phủ gần như trên toàn bộ bề mặt của các vùng ngoài (18a, 18b) của dải (10). Ngoài ra, ít nhất 70%, tốt hơn là ít nhất 75% và/hoặc tối đa 95%, tốt hơn là tối đa 90% bề mặt của vùng giữa (20) được phủ chất nêu trên. Bề mặt (22) mà chất nêu trên được phủ trên đó được ghép nối theo đường thẳng. Bề mặt của vùng giữa (20) mà chất nêu trên được phủ trên đó cũng được ghép nối theo đường thẳng. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến quy trình sản xuất giấy cuộn thuốc lá nêu trên.

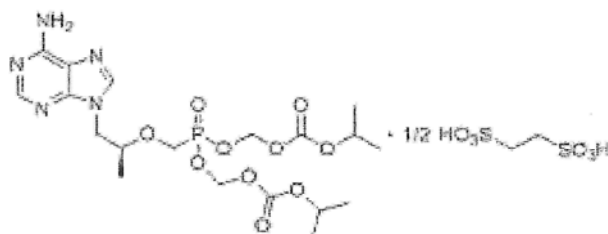


- (11) **1-0024639 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2016-00480 (85) 04/02/2016
 (22) 23/05/2014 (86) PCT/US2014/039392 23/05/2014
 (30) 61/843,075 05/07/2013 US (87) WO2015/002705 08/01/2015
 (51) **E06B 9/322; E06B 9/30; E06B 9/78; E06B 9/42; E06B 9/262**
 (73) **TEH YOR CO., LTD. (TW)**
 129, 2nd Floor, Chung Shan N. Road, Sec. 1, Taipei 10418, Taiwan
 (72) Fu-Lai YU (TW); Chin-Tien HUANG (TW)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **HỆ THỐNG DẪN ĐỘNG DỪNG CHO RÈM CỬA SỔ VÀ RÈM CỬA SỔ**

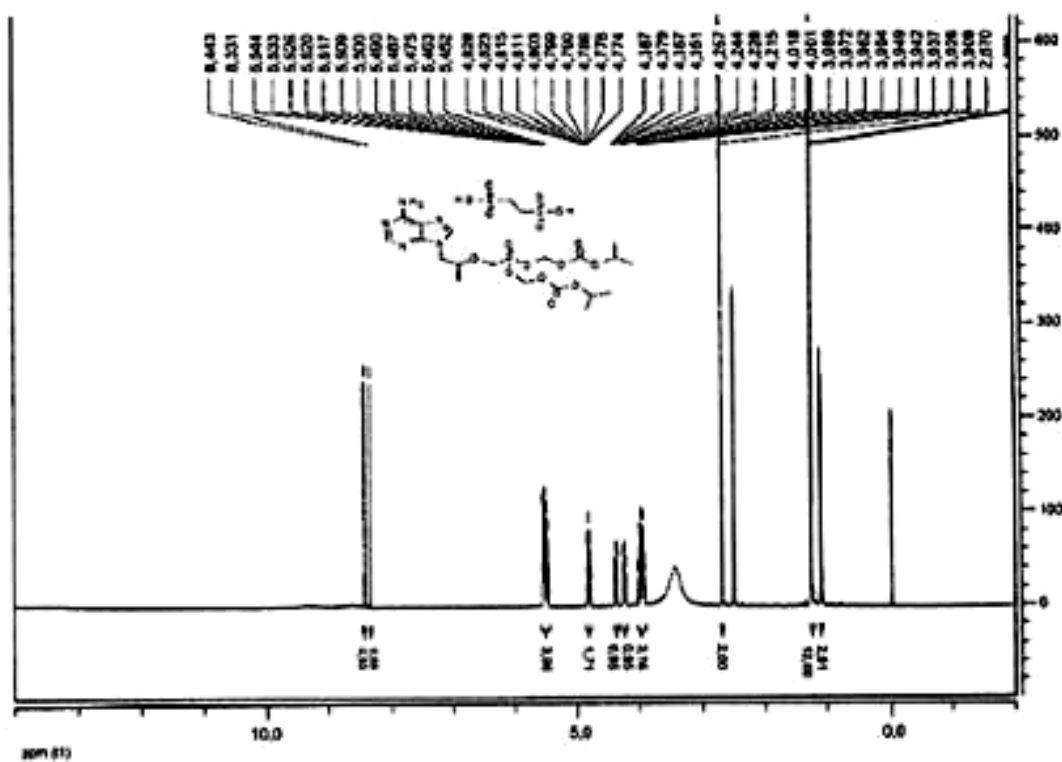
(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống dẫn động dùng cho rèm cửa sổ và rèm cửa sổ. Hệ thống dẫn động (109) dùng cho rèm cửa sổ (100) bao gồm trục truyền động (118), cụm dẫn động lò xo (116) có thể hoạt động để đẩy trục truyền động quay theo chiều thứ nhất để nâng kết cấu che (104) của rèm cửa sổ, và môđun điều khiển (110) có chi tiết hãm (132) được lắp quanh trục truyền động, và dây điều khiển rèm (120) có thể nối hoạt động với trục truyền động. Chi tiết hãm có trạng thái khóa trong đó chi tiết hãm tác động lên cụm dẫn động lò xo để chặn chuyển động quay của trục truyền động theo chiều thứ nhất, và trạng thái không khóa trong đó cho phép chuyển động quay của trục dẫn động. Dây điều khiển rèm có thể được điều khiển để chuyển chi tiết hãm từ trạng thái khóa sang trạng thái không khóa và dẫn động chuyển động quay của trục truyền động theo chiều thứ hai ngược với chiều thứ nhất để hạ kết cấu che của rèm cửa sổ.



- (11) **1-0024640 B** (15) 17/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2017-00528 (85) 15/02/2017
 (22) 09/07/2015 (86) PCT/KR2015/007130 09/07/2015
 (30) 10-2014-0091262 18/07/2014 KR (87) WO2016/010305 21/01/2016
 (51) **C07F 9/6561; A61K 31/675; C07D 473/34**
 (73) **JW PHARMACEUTICAL CORPORATION (KR)**
 2477, Nambusunhwan-ro, Seocho-gu, Seoul 137-864, Republic of Korea
 (72) PYUN, Do-Kuy (KR); LEE, Won-Kyoung (KR); PARK, Su-Ha (KR)
 (74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)
 (54) **MUỐI CỦA HỢP CHẤT TENOFOVIR DISOPROXIL, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA MUỐI NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến muối tenofovir disoproxil edisylat có công thức hóa học 1. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp điều chế và dược phẩm chứa muối này.

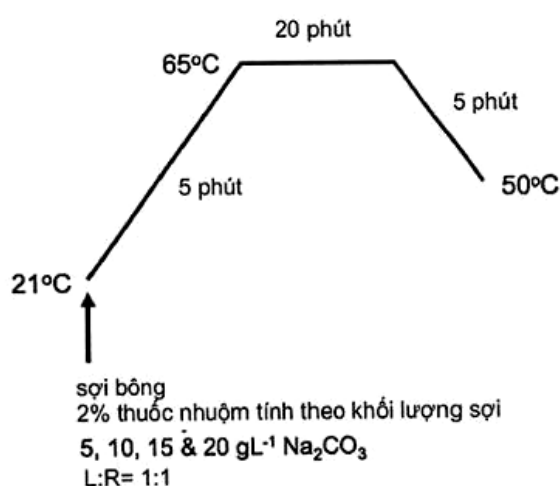


(I)



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024641 B | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2015 | 333A |
| (21) 1-2015-04056 | | (85) 22/10/2015 | |
| (22) 25/03/2014 | | (86) PCT/GB2014/050948 | 25/03/2014 |
| (30) 1305416.8 | 25/03/2013 GB | (87) WO2014/155101 | 02/10/2014 |
- (51) **D06M 23/08; D06B 1/02; D06B 19/00; D21H 21/50; D06P 1/00; D06P 1/96; A61Q 5/00**
- (73) **UNIVERSITY OF LEEDS (GB)**
Leeds Yorkshire LS2 9JT, United Kingdom
- (72) BURKINSHAW, Stephen Martin (GB)
- (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP ĐƯA CHẤT XỬ LÝ LÊN NỀN**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp đưa chất xử lý lên nền, phương pháp này bao gồm bước xử lý nền được thấm ướt trước trong hệ nước chứa chất xử lý dạng hạt rắn trong đồ chứa kín, bước xử lý này được tiến hành với tỷ lệ dung dịch so với nền không quá 2:1. Thông thường, phương pháp này được áp dụng để nhuộm sợi vải dệt với tỷ lệ dung dịch $\leq 1:1$ và được tiến hành khi không có mặt các chất phụ gia thường được áp dụng nhằm mục đích duy nhất là thúc đẩy mức độ hấp thu thuốc nhuộm bằng cách điều chỉnh các tương tác điện hoặc theo cách khác làm tăng các tương tác giữa nền và chất xử lý. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp loại bỏ chất xử lý dư sau khi đưa chất xử lý này lên nền, phương pháp này bao gồm không nhiều hơn ba bước giặt nền bằng nước sau khi đưa lên. Quy trình giặt đặc biệt nhất là bao gồm quy trình hai giai đoạn bao gồm việc thực hiện các bước sau theo thứ tự: giặt lần thứ nhất nền được xử lý bằng nước trong đồ chứa kín với tỷ lệ nước so với nền không quá 5:1; và giặt lần thứ hai nền được xử lý bằng nước trong đồ chứa kín với tỷ lệ nước so với nền không quá 10:1.



Phương pháp nhuộm theo sáng chế

- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024642 B | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2016 | 341A |
| (21) 1-2016-00705 | | (85) 26/02/2016 | |
| (22) 21/11/2014 | | (86) PCT/CN2014/091839 | 21/11/2014 |
| (30) 201310607095.9 | 25/11/2013 CN | (87) WO2015/074591 | 28/05/2015 |

(51) **C10J 3/48; C10J 3/84**

(73) **CHANGZHENG ENGINEERING CO., LTD. (CN)**

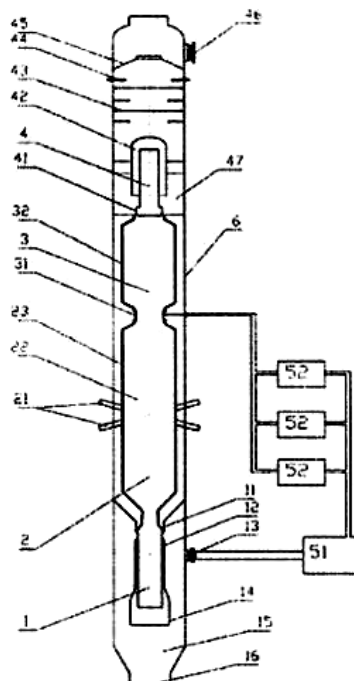
Jing Hai Si Lu No.141 East Road Beijing Economic Technological Development Area Daxing District, Beijing 101111, China

(72) XIN, Wei (CN); LI, Honghai (CN); GAO, Ruiheng (CN); CHEN, Yongjin (CN); LI, Xiaofei (CN); LIU, Pin (CN); LI, Lizhi (CN)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

(54) **HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP KHÍ HÓA BỘT THAN**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống và phương pháp khí hóa bột than. Hệ thống này bao gồm: thiết bị phản ứng than và thiết bị hoàn lại khí được sử dụng để làm tăng áp suất của một số khí tổng hợp thô được làm mát và được lọc một cách sơ bộ của thiết bị phản ứng, sau đó trộn với khí tổng hợp thô có nhiệt độ cao ngược dòng của thiết bị phản ứng và làm giảm nhiệt độ. Phương pháp này bao gồm: phản ứng trong thiết bị phản ứng khí hóa than và tác nhân khí hóa để tạo ra khí tổng hợp thô và xỉ lỏng, và một số khí tổng hợp có nhiệt độ cao di chuyển ngược dòng với tro bay; phần xuôi dòng của khí tổng hợp thô có nhiệt độ cao được làm mát; lọc một cách sơ bộ và loại bỏ xỉ, sau đó được tăng áp, và khí tổng hợp thô ẩm được phun vào trong hệ thống và được trộn với khí tổng hợp thô có nhiệt độ cao ngược dòng, phần còn lại của khí tổng hợp có nhiệt độ cao di chuyển ngược dòng với tro bay và trộn và làm mát với khí tổng hợp ẩm có nhiệt độ thấp được phun bởi thiết bị làm mát sơ bộ, và một cách tùy chọn đi vào trong tầng phản ứng làm mát; thiết bị làm mát hoặc khí tổng hợp thô phản ứng làm mát tiếp tục ngược dòng, đi qua tầng làm mát ở phía trên và lại làm mát và tro được loại bỏ để thu được khí tổng hợp thô.



- | | | | | |
|-------------------|-------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024643 B | | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 25/07/2013 | 304A |
| (21) 1-2013-01578 | | | (85) 22/05/2013 | |
| (22) 18/10/2011 | | | (86) PCT/JP2011/073883 | 18/10/2011 |
| (30) 2010-239833 | 26/10/2010 | JP | (87) WO2012/056935 | 03/05/2012 |
| | 2011-226293 | 14/10/2011 | JP | |

(51) **C23C 2/20**

(73) **NISSHIN STEEL CO., LTD.** (JP)

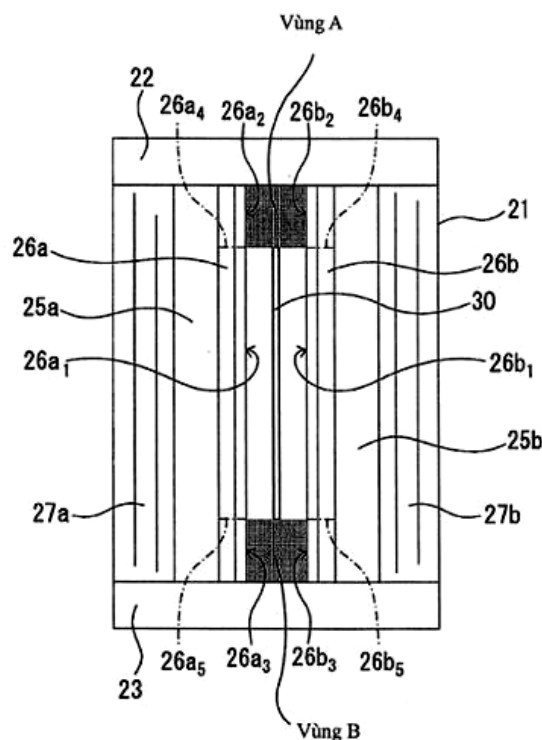
4-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1008366, Japan

(72) KOGA Shinichi (JP)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

(54) **THIẾT BỊ LÀM SẠCH BẰNG KHÍ**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị làm sạch bằng khí có thân hình hộp mà bọc dải thép và các vòi phun khí làm sạch, trong đó có thể ngăn ngừa vật thể bị bắn lên dải thép. Thiết bị làm sạch bằng khí (100) được đề xuất với bề mạ (10) để tích trữ kim loại nóng chảy (11), và thân hình hộp (20) được đặt trên bề mạ (10). Thân hình hộp (20) được đề xuất, trong vùng bên trong của nó đặt các vòi phun khí làm sạch (26a, 26b) được bố trí hướng vào nhau trên các bộ phận hình ống (25a, 25b) tương ứng sao cho kẹp khối có hình dạng dải (30). Vòi phun khí làm sạch (26a) được đề xuất với thiết bị phun thứ nhất (26a₁) có thể phun khí lên dải thép (30), và thiết bị phun khí thứ hai (26a₂) và thiết bị phun khí thứ ba (26a₃) có thể phun khí về phía chiều của vòi phun khí làm sạch (26b). Vòi phun khí làm sạch (26b) được đề xuất với thiết bị phun khí thứ tư (26b₁) có thể phun khí lên dải thép (30), và thiết bị phun khí thứ năm (26b₂) và thiết bị phun khí thứ sáu (26b₃) có thể phun khí về phía chiều của vòi phun khí làm sạch (26a).



- (11) **1-0024644 B** (15) 18/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2013 306A
- (21) 1-2013-02010 (85) 27/06/2013
- (22) 30/11/2011 (86) PCT/JP2011/077726 30/11/2011
- (30) 2010-268524 01/12/2010 JP (87) WO2012/074030 07/06/2012
- 2011-126321 06/06/2011 JP
- 2011-139420 23/06/2011 JP
- (51) **B32B 27/30; B32B 9/00; B32B 27/40**
- (73) **TOYOBO CO., LTD.** (JP)
2-8, Dojima Hama 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 5308230, Japan
- (72) YAMAZAKI, Atsushi (JP); INAGAKI, Kyoko (JP); OOKAWA, Takeshi (JP); MORIHARA, Yoshiharu (JP); TAKATSU, Youji (JP); KOBAYASHI, Masanori (JP)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **MÀNG NHIỀU LỚP**
- (57) Sáng chế đề cập đến màng nhiều lớp có thể thể hiện đặc tính ngăn khí vượt trội, không bị bong tách giữa các lớp và do đó có thể thể hiện tính chất kết dính tốt trong các điều kiện thường cũng như sau khi được xử lý tiệt trùng ở điều kiện khắc nghiệt, và có thể thể hiện cả đặc tính ngăn khí và chất lượng in bao gồm khả năng thiết kế khi được đưa vào quá trình in. Màng nhiều lớp này khác biệt ở chỗ nó bao gồm màng nền và lớp phủ được bố trí trên ít nhất một bề mặt của màng nền, trong đó lớp phủ chứa nhóm oxazolin và bao gồm nhựa acrylic, lớp phủ có độ dày (D) từ 5 đến 150 nm, và tỷ lệ (P1/P2) của cường độ đỉnh (P1) của đỉnh có độ hấp thụ lớn nhất trong vùng $1655 \pm 10 \text{ cm}^{-1}$ so với cường độ đỉnh (P2) của đỉnh có độ hấp thụ lớn nhất trong vùng $1580 \pm 10 \text{ cm}^{-1}$ trong phổ hấp thụ hồng ngoại phản xạ toàn phần của lớp phủ và độ dày (D) của lớp phủ thỏa mãn mối quan hệ được đại diện bởi bất đẳng thức sau: $0,03 \leq (P1/P2)/D \leq 0,15$.

- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024645 B | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2015 | 330A |
| (21) 1-2015-02429 | | (85) 03/07/2015 | |
| (22) 25/11/2013 | | (86) PCT/JP2013/081604 | 25/11/2013 |
| (30) 2012-268110 | 07/12/2012 JP | (87) WO2014/087862 | 12/06/2014 |

(51) **G01N 23/04**

(73) **ISHIDA CO., LTD. (JP)**

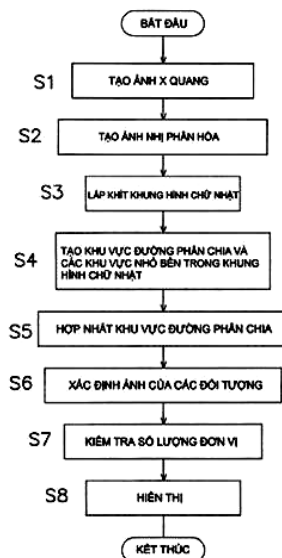
44, Sanno-cho, Shogoin, Sakyo-ku, Kyoto-shi, Kyoto 6068392, Japan

(72) HIROSE, Osamu (JP)

(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)

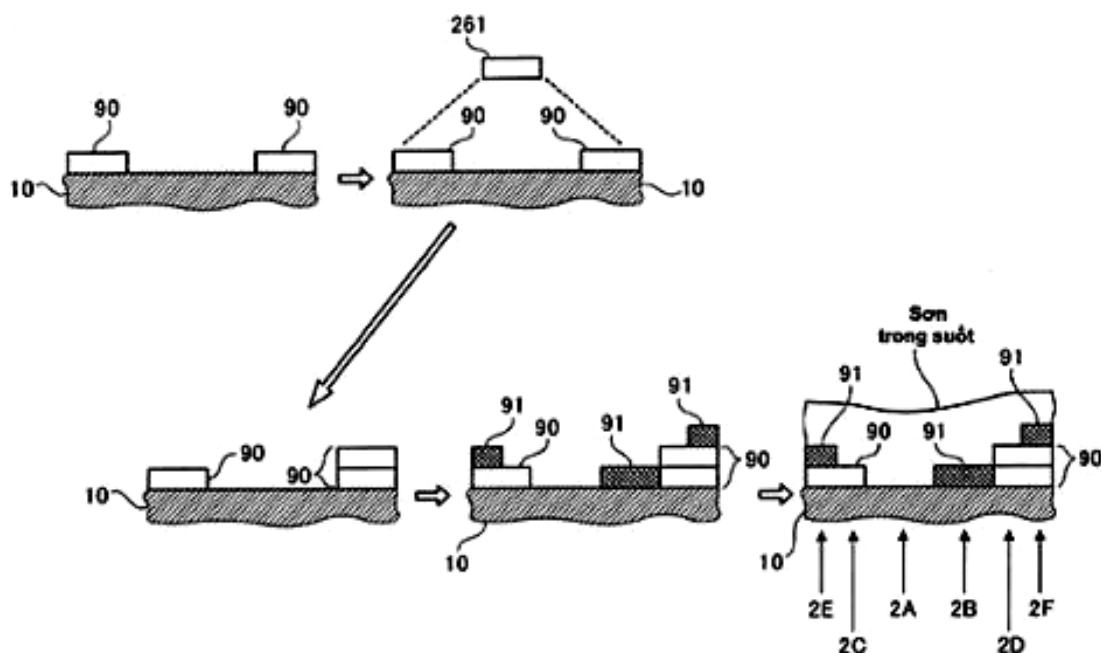
(54) **THIẾT BỊ KIỂM TRA BẰNG X QUANG**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị kiểm tra bằng X quang mà nó có thể thu được kết quả chính xác về việc kiểm tra số lượng đơn vị của các đối tượng được đặt cạnh nhau có sử dụng bộ phận ngăn cách trong vật liệu bao gói. Thiết bị kiểm tra bằng X quang (10) được bố trí bộ phận chiếu tia X (13), bộ phận phát hiện tia X (14), và bộ phận điều khiển kiểm tra (20). Sản phẩm mục tiêu (P) bao gồm vật liệu bao gói (m1) và các đối tượng (G). Các đối tượng này được đặt cạnh nhau có sử dụng bộ phận ngăn cách (m2) trong vật liệu bao gói. Bộ phận chiếu tia X chiếu chùm tia X vào các sản phẩm mục tiêu. Bộ phận phát hiện tia X sẽ phát hiện chùm tia X được truyền xuyên qua sản phẩm mục tiêu. Bộ phận điều khiển kiểm tra sẽ kiểm tra số lượng các đối tượng dựa trên chùm tia X được truyền. Ngoài ra, bộ phận điều khiển kiểm tra bao gồm bộ phận tạo ảnh X quang (22a), bộ phận tạo khung hình chữ nhật (22c), bộ phận tạo khu vực (22d), và bộ phận thực hiện kiểm tra số lượng đơn vị (22e). Bộ phận tạo ảnh X quang tạo ra ảnh X quang dựa trên chùm tia X được truyền. Bộ phận tạo khung hình chữ nhật tạo ra khung hình chữ nhật bao quanh các đối tượng dựa trên ảnh X quang. Bộ phận tạo khu vực phân chia phần bên trong khung hình chữ nhật dựa trên thông tin định trước và tạo ra khu vực đường phân chia (da) và các khu vực nhỏ (sa) ở phần bên trong khung hình chữ nhật. Bộ phận thực hiện kiểm tra số lượng đơn vị nhận diện từng đối tượng nằm trên ảnh X quang bằng cách hợp nhất khu vực đường phân chia vào ảnh X quang và thực hiện việc kiểm tra số lượng đơn vị của các đối tượng.



- (11) **1-0024646 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-00989 (85) 18/03/2016
 (22) 08/09/2014 (86) PCT/JP2014/073678 08/09/2014
 (30) 2013-222134 25/10/2013 JP (87) WO2015/060028 30/04/2015
 (51) **B65D 8/00; B65D 8/16; B05C 5/00; B05D 1/26**
 (73) **SHOWA ALUMINUM CAN CORPORATION (JP)**
 30-2, Nishigotanda 1-chome, Shinagawa-ku, Tokyo, 1410031, Japan
 (72) OJIMA Shinichi (JP); SUWA Asumi (JP); IKEDA Kazunori (JP); KASHIWAZAKI Tetsuo (JP)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THÂN LON, THIẾT BỊ IN VÀ LON CHỨA ĐỒ UỐNG**

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp sản xuất thân lon, thiết bị in và lon chứa đồ uống. Nhờ thiết bị in theo sáng chế, trước hết, như được thể hiện trên Fig.2(A), các lớp trắng (90) được tạo ra nhờ đầu in phun trắng thứ nhất trên bề mặt của thân lon (10). Tiếp theo, như được thể hiện trên Fig.2(B), việc chiếu tia cực tím bằng đèn chiếu xạ thứ nhất (261) được thực hiện và các lớp trắng (90) được hóa cứng. Tiếp đó, thân lon (10) được di chuyển tới đầu in phun trắng thứ hai và, như được thể hiện trên Fig.2(c), thêm mực trắng được cấp lên một số lớp trắng (90) đã được tạo ra nhờ đầu in phun trắng thứ nhất. Kết quả là, độ dày của một số lớp trắng (90) được gia tăng. Tiếp theo, thân lon (10) lần lượt di chuyển bên dưới nhiều đầu in phun màu. Nhờ vậy, các lớp mực màu (91) được tạo ra trên bề mặt của thân lon (10) và các lớp trắng (90) như được thể hiện trên Fig.2(D).



- | | | | | |
|-------------------------|-------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024647 B | | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | | 388B | (43) 27/07/2015 | 328A |
| (21) 1-2015-00925 | | | (85) 19/03/2015 | |
| (22) 13/05/2013 | | | (86) PCT/JP2013/063279 | 13/05/2013 |
| (30) 2012-205647 | 19/09/2012 | JP | (87) WO2014/045632 | 27/03/2014 |
| | 2012-245025 | 07/11/2012 | | |
| | 2012-262696 | 30/11/2012 | | |

(51) **F16L 19/08; F16L 19/12**

(73) **1. INOUE SUDARE CO., LTD. (JP)**

1014-1, Amano-cho, Kawachinagano-shi, Osaka, Japan

2. HIGASHIO MECH CO., LTD. (JP)

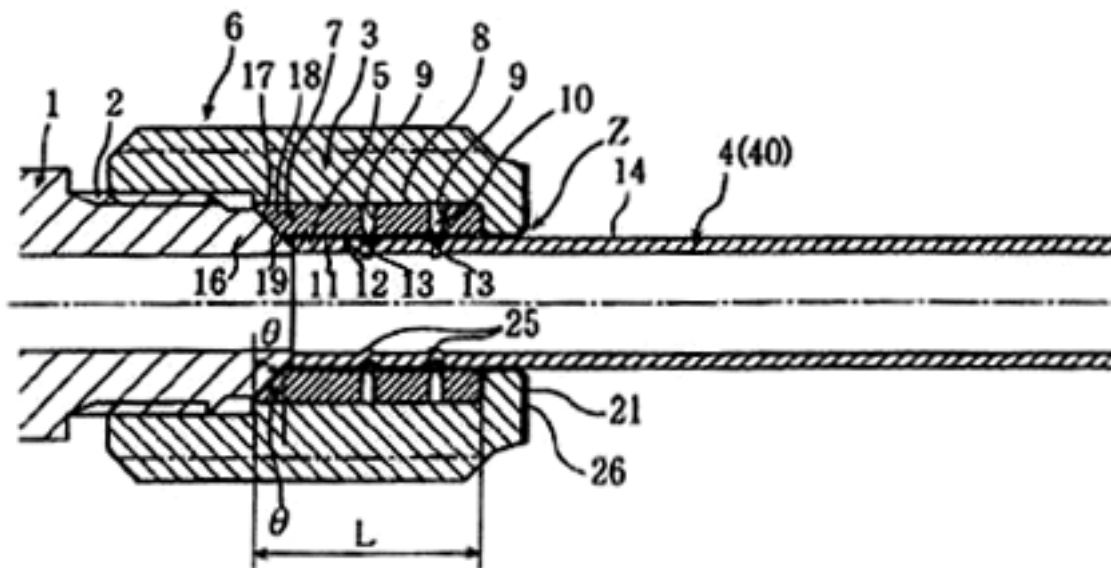
8-22, Kikusui-cho, Kawachinagano-shi, Osaka, Japan

(72) Hiroshi INOUE (JP)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) **KẾT CẤU NỐI ỐNG**

(57) Sáng chế đề cập tới kết cấu nối ống cho phép tạo ra mối nối nhanh chóng và chắc chắn mà không cần công đoạn làm loe trên phần đầu khi ống làm bằng nhôm, kết cấu nối ống này bao gồm thân nối chính (1) có ren ngoài và đai ốc mũ (3) được bắt vào ren ngoài (2) của thân nối chính (1) để nối ống nhôm (4), ống bọc biến dạng nén (7) hình trụ được tiếp nhận trong khoảng trống tiếp nhận bên trong (10) của đai ốc mũ (3) và có rãnh theo chu vi lõm (9) trên mặt theo chu vi (8), trong đó phần thành đáy mỏng (13) của rãnh lõm tiếp nhận lực nén (F) theo hướng trục từ thân nối chính (1) và đai ốc mũ (3) khi đai ốc mũ (3) và ren ngoài (2) của thân nối chính được bắt vào nhau và được làm biến dạng dẻo hướng vào trong theo hướng kính sao cho kẹp chặt vào mặt theo chu vi (14) của ống nhôm cần nối (4) để giữ cố định ống nhôm (4) này.



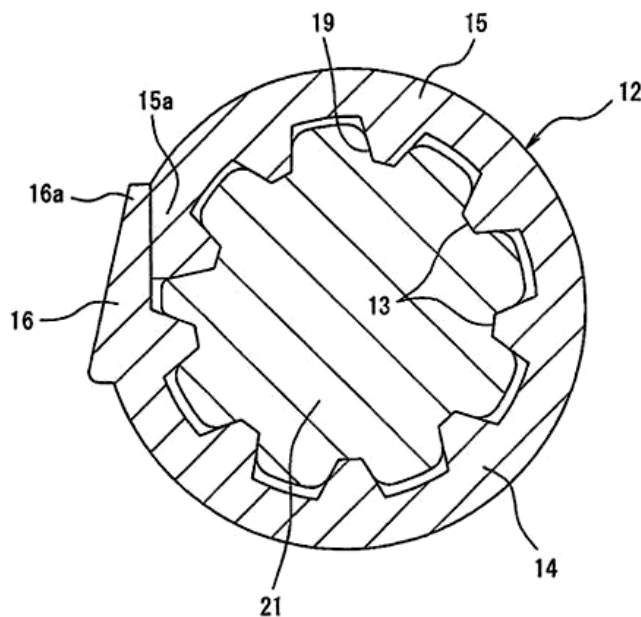
- (11) **1-0024648 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2015-00585 (85) 13/02/2015
(22) 11/07/2013 (86) PCT/JP2013/068968 11/07/2013
(30) 2012-157098 13/07/2012 JP (87) WO2014/010669A1 16/01/2014
(51) **A23C 9/I37; A23L 2/62; A23L 2/38**
(73) 1. **KABUSHIKI KAISHA YAKULT HONSHA (JP)**
1-19, Higashi-Shinbashi 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-8660, Japan
2. **CP KELCO APS (DK)**
Ved Banen 16, DK-4623 Lille Skensved Denmark
(72) NAKANO Masatoshi (JP); NIHEI Daichi (JP); KOBAYASHI Yukiko (JP); ROLIN
Claus (DK); USHIYAMA Soko (JP); MAMIYA Hiroyuki (JP)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) **ĐỒ UỐNG SỮA CÓ VỊ CHUA CHỨA PECTIN, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT
VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM ỔN ĐỊNH ĐỒ UỐNG NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến đồ uống sữa có vị chua, đồ uống này không có hiện tượng kết
tủa hoặc kết tụ và mức độ tách nước sữa giảm, và có cấu trúc tạo cảm giác tươi mát,
ngay cả trong trường hợp đồ uống này có hàm lượng chất rắn không béo thấp. Đồ
uống sữa có vị chua theo sáng chế khác biệt ở chỗ, đồ uống này chứa chất nền của
đồ uống sữa có vị chua và pectin có độ nhớt thực nằm trong khoảng từ 5,9 đến 8,5,
mức độ este hóa nằm trong khoảng từ 74 đến 80, và khả năng phản ứng với canxi
nhỏ hơn hoặc bằng 230. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất và phương
pháp làm ổn định đồ uống này.

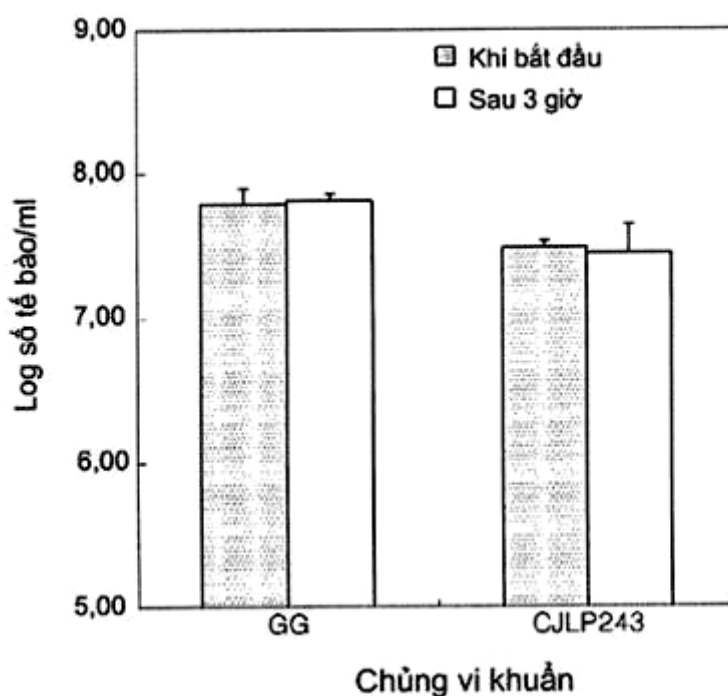
- | | | | |
|---|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024649 B | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2016 | 338A |
| (21) 1-2016-00796 | | (85) 03/03/2016 | |
| (22) 23/07/2014 | | (86) PCT/JP2014/069449 | 23/07/2014 |
| (30) 2013-163170 | 06/08/2013 JP | (87) WO2015/019850A1 | 12/02/2015 |
| (51) H01R 4/18; H01R 4/62 | | | |
| (73) NISSHIN STEEL CO., LTD. (JP) | | | |
| 4-1, Marunouchi 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan | | | |
| (72) KAMOSHIDA, Shinichi (JP); MIONO, Tadaaki (JP); HATTORI, Yasunori (JP); SHIMIZU, Takeshi (JP); SUZUKI, Mitsuru (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD) | | | |
| (54) KẾT CẤU NỐI DÂY ĐIỆN NHÔM | | | |

(57) Sáng chế đề xuất kết cấu nối dây điện nhôm được làm cho phù hợp để điện trở giữa dây điện nhôm và phần uốn mép của bộ nối nhỏ.

Bộ nối bao gồm phần uốn mép (12) mà có các phần nhô ra (1) với các mặt nghiêng (19) được tạo ra trên bề mặt bên trong, phần uốn mép (12) được tạo ra bao gồm phần cơ sở (14) và phần nhô ra thứ nhất (15) và phần nhô ra thứ hai (16) nhô ra từ phần cơ sở (14), phần nhô ra thứ nhất (15) có phần đầu rìa (15a) được bố trí nằm bên trong phần đầu rìa (16a) của phần nhô ra thứ hai (16), phần uốn mép (12) có mặt cắt dạng hình tròn vuông góc với chiều dài của dây điện nhôm (21), các phần nhô ra (13) được nhô vào trong các vùng bề mặt của dây điện nhôm (21), với các vùng bị biến dạng được tạo ra dọc theo các mặt nghiêng (19) trên các phần bề mặt của dây điện nhôm (21).

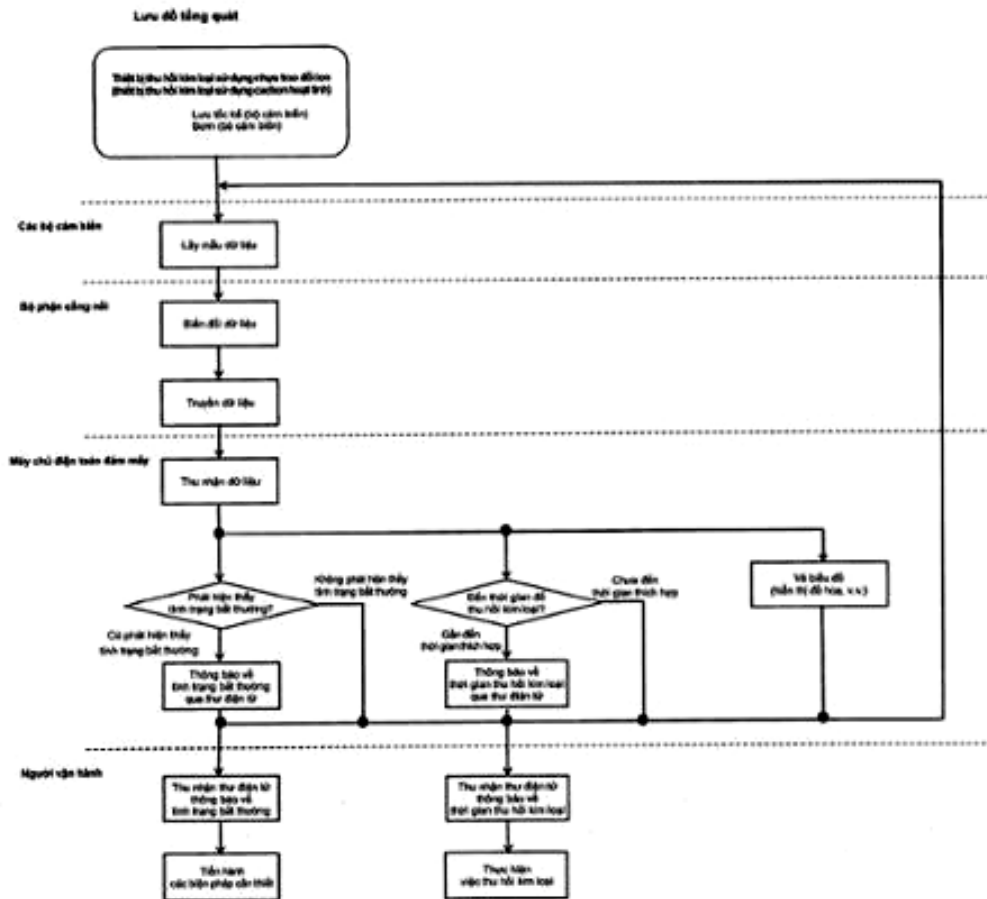


- (11) **1-0024650 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2012 294A
 (21) 1-2012-01478 (85) 25/05/2012
 (22) 27/10/2010 (86) PCT/KR2010/007431 27/10/2010
 (30) 10-2009-0102822 28/10/2009 KR (87) WO2011/052996 05/05/2011
 (51) *C12N 1/20; A61K 35/74; A61P 37/00*
 (73) **CJ CHEILJEDANG CORP. (KR)**
 CJ Bldg., 500, Namdaemunno 5-ga, Jung-gu, Seoul 100-749, Republic of Korea
 (72) KIM, Bong Joon (KR); JUNG, Heon Woong (KR); LEE, Kang Pyo (KR); KIM, Sae Hun (KR); CHUN, Tae Hoon (KR); HWANG, Kwang Woo (KR); WON, Tae Joon (KR)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **VI KHUẨN LACTOBACILLUS PLANTARUM, CHẾ PHẨM VÀ MỸ PHẨM CHỨA VI KHUẨN NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến vi khuẩn *Lactobacillus plantarum* CJLP243 (KCTC 11045P) và chế phẩm chứa vi khuẩn này để điều trị các bệnh đường ruột và tăng cường đáp ứng miễn dịch. Sáng chế còn đề cập đến mỹ phẩm chứa vi khuẩn này.

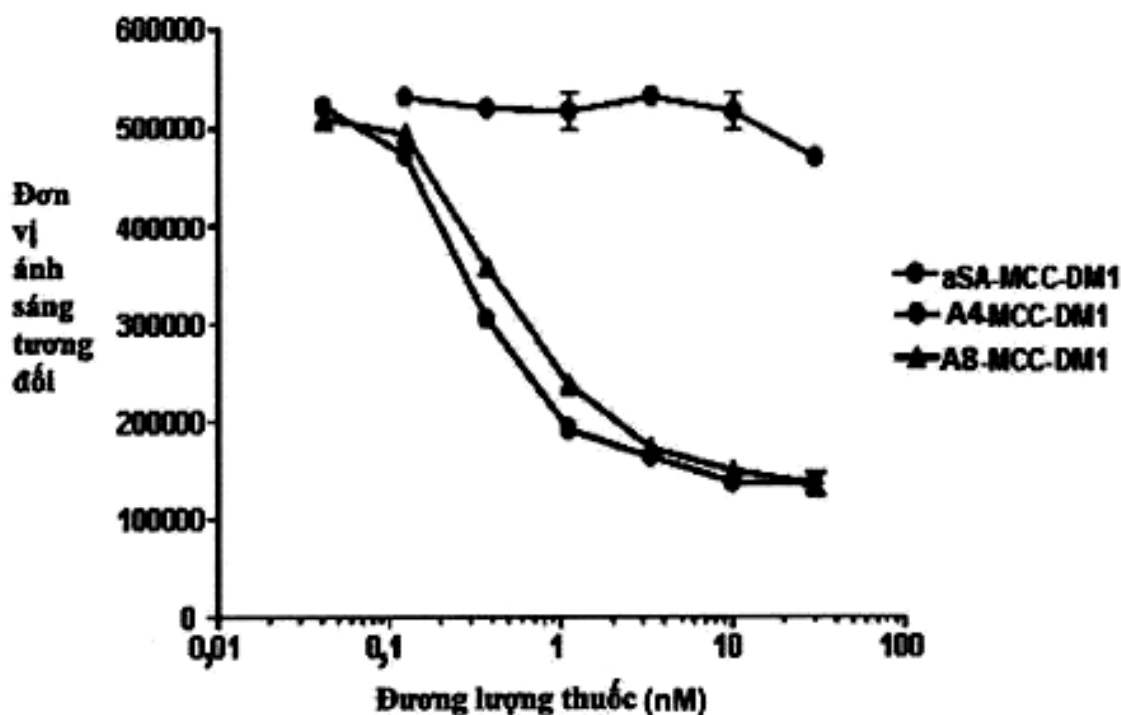


- (11) **1-0024651 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/08/2019 377A
 (21) 1-2019-00143
 (22) 09/01/2019
 (30) 2018-008541 23/01/2018 JP
 (51) **C22B 3/24; C02F 1/42; G05B 19/418; C02F 1/28; C22B 11/00**
 (73) **MATSUDA SANGYO COMPANY LIMITED (JP)**
 26-2, Nishishinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo 1630558, Japan
 (72) Seishi MACHIDA (JP); Daisuke YOSHII (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH WINCO (WINCO LAW FIRM)
 (54) **HỆ THỐNG THU HỒI KIM LOẠI**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống thu hồi kim loại, hệ thống này bao gồm phương tiện xử lý thông tin để xác định thời gian để thu hồi kim loại và/hoặc phát hiện tình trạng bất thường của thiết bị thu hồi kim loại sử dụng vật liệu hấp phụ dựa vào thông tin về trạng thái vận hành của thiết bị thu hồi kim loại, và phương tiện báo cáo để thông báo thời gian để thu hồi kim loại và/hoặc tình trạng bất thường của thiết bị thu hồi kim loại cho thiết bị đầu cuối báo cáo qua đường truyền thông tin. Sáng chế đề cập đến hệ thống và thiết bị thu hồi kim loại trong đó việc theo dõi trạng thái vận hành của thiết bị thu hồi kim loại cho phép dự báo tình trạng thu hồi và thời gian để thu hồi kim loại, thông báo cho người vận hành hệ thống thu hồi kim loại khi một số tình trạng bất thường xảy ra đối với thiết bị thu hồi kim loại, và rút ngắn khoảng thời gian để bắt đầu quá trình sửa chữa hoặc tiến hành các biện pháp khác.



- (11) **1-0024652 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
 (21) 1-2014-01315 (85) 22/04/2014
 (22) 20/09/2012 (86) PCT/US2012/056429 20/09/2012
 (30) 61/538,024 22/09/2011 US (87) WO2013/043933 28/03/2013
 (51) **C07K 16/28; A61P 37/00; A61K 39/395; A61P 35/00**
 (73) **AMGEN INC. (US)**
 One Amgen Center Drive, Thousand Oaks, California 91320-1799, United States of America
 (72) DELANEY, John M. (US); FANSLOW, William Christian, III (US); KING, Chadwick Terence (CA)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **PROTEIN LIÊN KẾT KHÁNG NGUYÊN CD27L, CHẾ PHẨM CHỨA PROTEIN NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO CHẾ THỂ CỘNG HỢP THUỐC - KHÁNG THỂ CD27L**
 (57) Sáng chế đề cập đến các protein liên kết kháng nguyên CD27L, như các kháng thể, các polynucleotit mã hóa các protein liên kết kháng nguyên CD27L, các chế phẩm chứa protein này, và các phương pháp bào chế thể cộng hợp thuốc- kháng thể CD27L để chẩn đoán và điều trị các bệnh liên quan đến sự biểu hiện CD27L.



- | | | | |
|-------------------|-----------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024653 B | (15) 18/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2014 | 317A |
| (21) 1-2014-01125 | | (85) 07/04/2014 | |
| (22) 07/09/2012 | | (86) PCT/JP2012/072910 | 07/09/2012 |
| (30) 2011-196479 | 08/09/2011 | JP (87) WO2013/035846A1 | 14/03/2013 |

(51) **G01M 3/26**

(73) **SUNTORY HOLDINGS LIMITED (JP)**

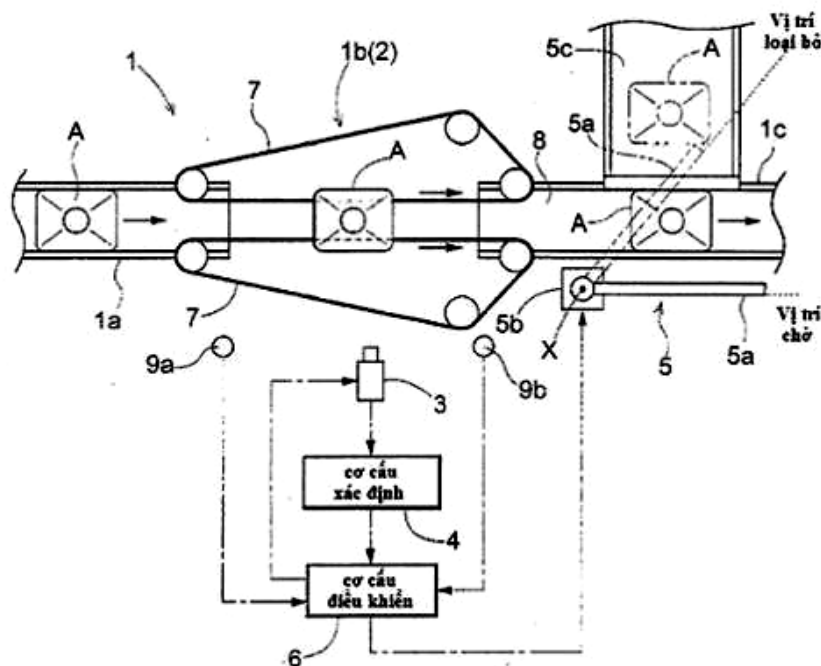
1-40, Dojimahama 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 5308203, Japan

(72) KOBAYASHI Toshiya (JP); IIZUKA Toshiaki (JP); TAMURA Kosuke (JP); SAKURAI Takuya (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

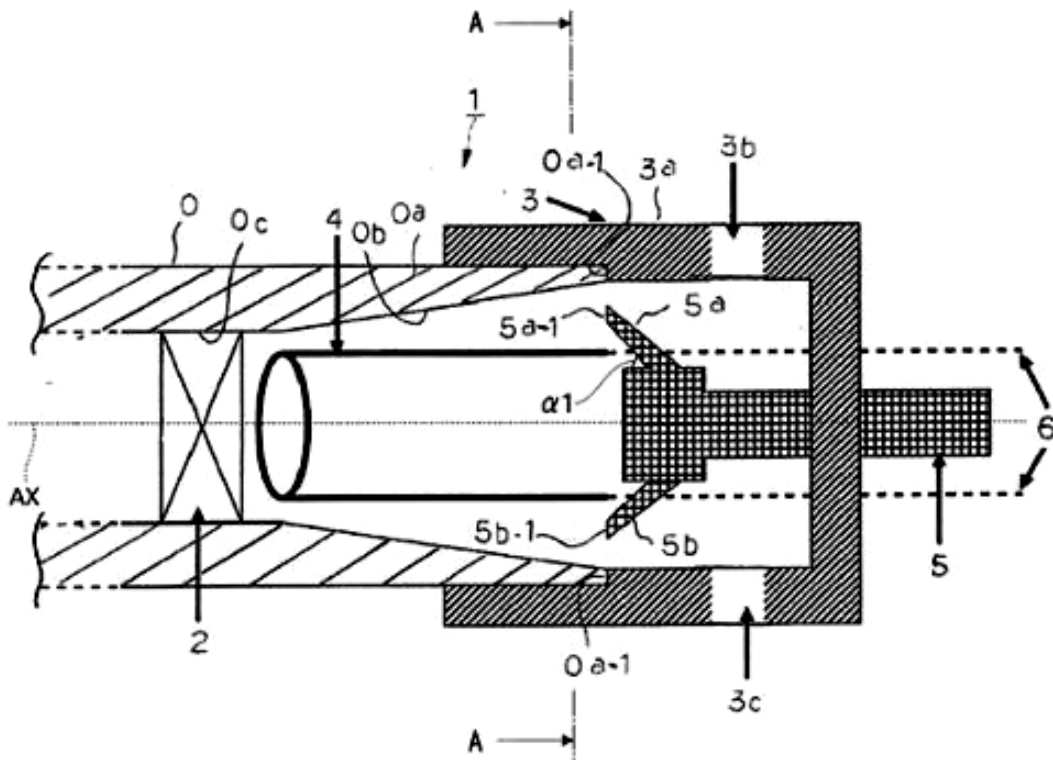
(54) **THIẾT BỊ KIỂM TRA RÒ RỈ CHẤT LỎNG DỪNG CHO ĐỒ CHỨA**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị kiểm tra rò rỉ chất lỏng có thể kiểm tra việc có/không có rò rỉ chất lỏng từ đồ chứa được làm kín mà không bị ảnh hưởng bởi độ dẫn điện của vật liệu làm đồ chứa và chất lỏng được chứa ngay cả khi nước hoặc loại tương tự dính vào đồ chứa được làm kín trước khi nén. Thiết bị bao gồm cơ cấu vận chuyển (1) để vận chuyển đồ chứa được làm kín (A) chứa chất lỏng và có tính linh hoạt, cơ cấu nén (2) để nén đồ chứa được làm kín (A) từ bên ngoài trong khi vận chuyển bằng cơ cấu vận chuyển (1), thiết bị chụp ảnh (3) để chụp ảnh đồ chứa được làm kín (A) trong khi nén bằng cơ cấu nén (2) cùng với nền của nó, và cơ cấu xác định (4) để xác định việc có/không có rò rỉ chất lỏng từ đồ chứa được làm kín (A), dựa trên thông tin ảnh thu nhận được bởi thiết bị chụp ảnh (3). Cơ cấu xác định (4) có cấu hình để kiểm tra xem thông tin ảnh của chất lỏng được xả từ đồ chứa được làm kín (A) vào không khí có được bao gồm trong thông tin ảnh của nền hay không và xác định là có rò rỉ chất lỏng từ đồ chứa được làm kín (A) nếu được xác định rằng thông tin ảnh của chất lỏng đã được xả được bao gồm trong thông tin ảnh của nền.

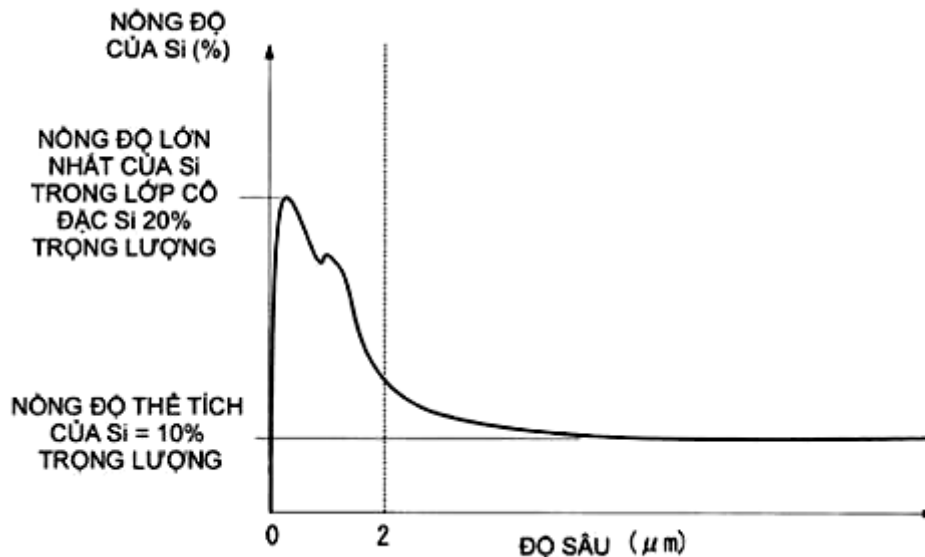


- (11) **1-0024654 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2015 324A
 (21) 1-2014-04288 (85) 22/12/2014
 (22) 24/06/2013 (86) PCT/JP2013/067194 24/06/2013
 (30) 2012-148476 02/07/2012 JP (87) WO2014/007090A1 09/01/2014
 (51) **C25D 7/04; C25D 17/12**
 (73) **1. NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
2. VALLOUREC OIL AND GAS FRANCE (FR)
 54, rue Anatole France, AULNOYE-AYMERIES F-59620 France
 (72) KIMOTO Masanari (JP); ISHII Kazuya (JP); YAMAMOTO Tatsuya (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ MẠ ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị mạ điện bao gồm cơ cấu làm kín bên trong ống để bịt kín đường dẫn bên trong ống thép, điện cực không hòa tan hình ống được bố trí ở đầu ống sao cho đối diện với ren trong, cơ cấu cấp dung dịch mạ trong đó bao gồm các vòi phun mở rộng tỏa tròn với trục ống của ống thép làm tâm, và cơ cấu làm kín đầu ống chứa các vòi phun trong đó và được lắp vào đầu ống, khi được nhìn theo hướng trục ống, đầu của mỗi vòi phun được đặt ở giữa ren trong và điện cực không hòa tan, và mỗi vòi phun phun dung dịch mạ theo hướng giao cắt với hướng mở rộng của vòi phun, hướng này là hướng quay theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược chiều kim đồng hồ, trong đó trục ống là tâm.

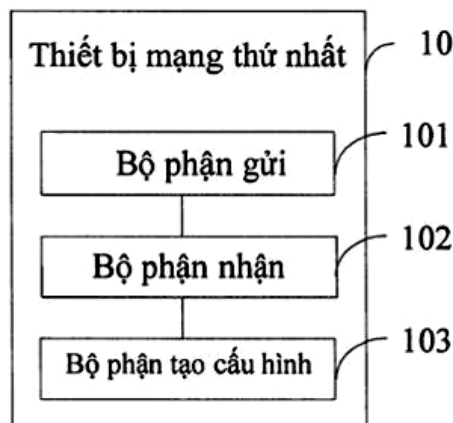


- (11) **1-0024655 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2015 323A
 (21) 1-2014-03845 (85) 19/11/2014
 (22) 23/05/2013 (86) PCT/JP2013/064363 23/05/2013
 (30) 2012-117284 23/05/2012 JP (87) WO2013/176219A1 28/11/2013
 (51) **C23C 2/26; C23C 28/00; B24B 21/04; C23C 2/12**
 (73) **NIPPON STEEL CORPORATION (JP)**
 6-1, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8071 Japan
 (72) GOTO Yasuto (JP); KUROSAKI Masao (JP); KUWANA Tatsuya (JP); SUDA Hideaki (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **TẤM THÉP MẠ HỢP KIM GỐC NHÔM CÓ VẼ NGOÀI DẠNG SỌC MẢNH**
- (57) Sáng chế đề cập đến tấm thép mạ hợp kim gốc nhôm có vẽ ngoài dạng sọc mảnh, trong đó đường sọc mảnh được tạo ra trên bề mặt của lớp mạ được tạo ra từ Si và phần còn lại là Al và các tạp chất, trong đó, trong lớp mạ, lượng mạ trên một mặt của lớp mạ nằm trong khoảng từ 20g/m² đến 100g/m²; lượng Si trong toàn bộ lớp mạ nằm trong khoảng từ 5% khối lượng đến 12% khối lượng; lượng Si lớn nhất ở vùng có độ dày 2μm ở lớp bề mặt của lớp mạ nằm trong khoảng từ 12% khối lượng đến 24% khối lượng; và, ở đường sọc mảnh, độ nhám bề mặt Ra ở góc phải tới đường sọc mảnh nằm trong khoảng từ 0,3 μm đến 2,0μm; PPI ở mức tham chiếu 300μin (7,62μm) là 0; PPI ở mức tham chiếu 200μin (5,08μm) là nhỏ hơn 10; và PPI ở mức tham chiếu 30μin (0,762μm) là 50 hoặc lớn hơn.

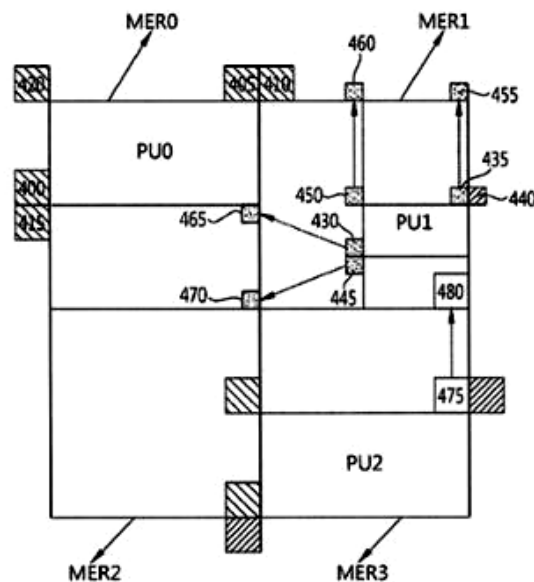


- | | | |
|-------------------------|------------------------|-----------------|
| (11) 1-0024656 B | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/01/2017 |
| | | 346A |
| (21) 1-2016-03181 | (85) 26/08/2016 | |
| (22) 28/01/2014 | (86) PCT/CN2014/071682 | 28/01/2014 |
| | (87) WO2015/113212A1 | 06/08/2015 |
- (51) **H04W 72/04**
- (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen, Guangdong 518129, China
- (72) ZHANG, Tao (CN); BI, Hao (CN); LIN, Bo (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP TẠO CẤU HÌNH KÊNH MANG VÔ TUYẾN, THIẾT BỊ MẠNG VÀ THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tạo cấu hình kênh mang vô tuyến, thiết bị mạng và thiết bị người dùng (UE). Phương pháp tạo cấu hình kênh mang vô tuyến bao gồm: gửi thông báo yêu cầu đến thiết bị mạng thứ hai, trong đó thông báo yêu cầu được sử dụng để cho phép thiết bị mạng thứ hai tạo ra cấu hình thứ nhất cho kênh mang của UE, và kênh mang là kênh mang loại 2 hoặc kênh mang loại 3, trong đó kênh mang loại 2 liên quan đến kênh mang được phục vụ bởi thiết bị mạng thứ nhất và thiết bị mạng thứ hai, và kênh mang loại 3 liên quan đến kênh mang được phục vụ bởi chỉ thiết bị mạng thứ hai; thu cấu hình thứ nhất được tạo ra bởi thiết bị mạng thứ hai; tạo ra cấu hình thứ hai cho kênh mang khi được xác định là loại của kênh mang là loại 2; và gửi cấu hình thứ nhất và cấu hình thứ hai đến UE khi được xác định là loại của kênh mang là loại 2, và gửi cấu hình thứ nhất đến UE khi được xác định là loại của kênh mang là loại 3.

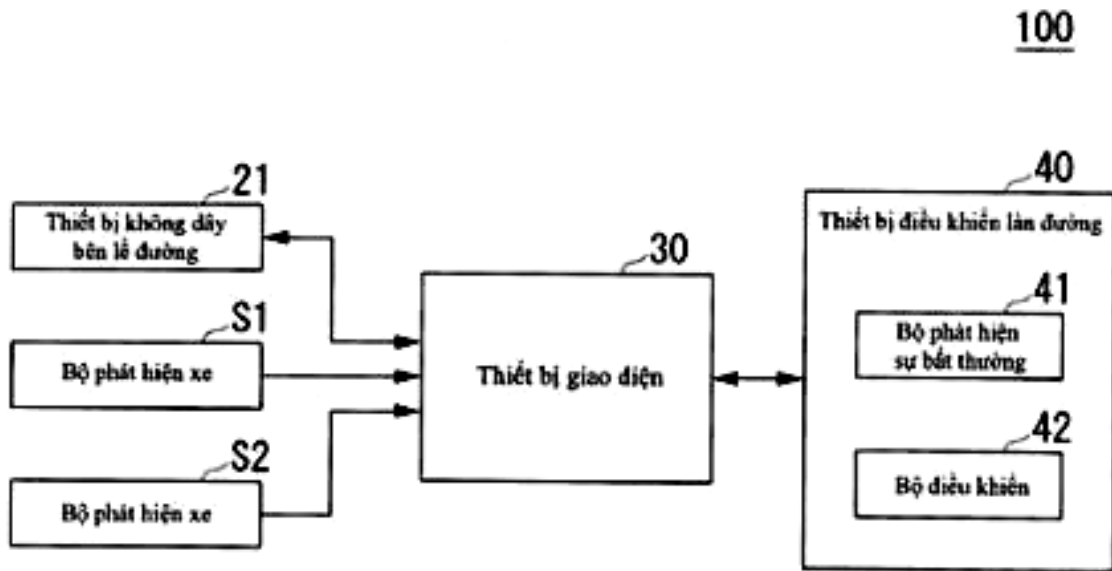


- (11) **1-0024657 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2016 335A
 (21) 1-2015-04594 (85) 16/12/2013
 (22) 06/09/2012 (86) PCT/KR2012/007176 06/09/2012
 (30) 10-2011-0096138 23/09/2011 KR (87) WO2013/042888A3 28/03/2013
 10-2012-0039500 17/04/2012 KR
 (51) **H04N 7/26; H04N 7/32**
 (62) 1-2013-03961
 (73) **KT CORPORATION (KR)**
 90 Buljeong-ro, Bundang-gu Seongnam-city, Kyeonggi-do 463-711, Republic of Korea
 (72) LEE, Bae Keun (KR); KWON, Jae Cheol (KR); KIM, Joo Young (KR)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ TÍN HIỆU VIDEO**
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tạo ra khối ứng viên kết hợp và thiết bị sử dụng phương pháp này. Phương pháp giải mã ảnh bao gồm bước giải mã thông tin liên quan đến vùng ước lượng chuyển động (MER); bước xác định xem khối đích được dự đoán và khối ứng viên kết hợp không gian có được bao gồm trong cùng một MER hay không; và bước xác định khối ứng viên kết hợp không gian là khối ứng viên kết hợp không khả dụng khi khối đích được dự đoán và khối ứng viên kết hợp không gian được bao gồm trong cùng một MER. Theo đó, bằng cách thực hiện song song phương pháp tạo ra ứng viên kết hợp, việc xử lý song song được cho phép và khối lượng tính toán và độ phức tạp thực hiện được giảm đi.



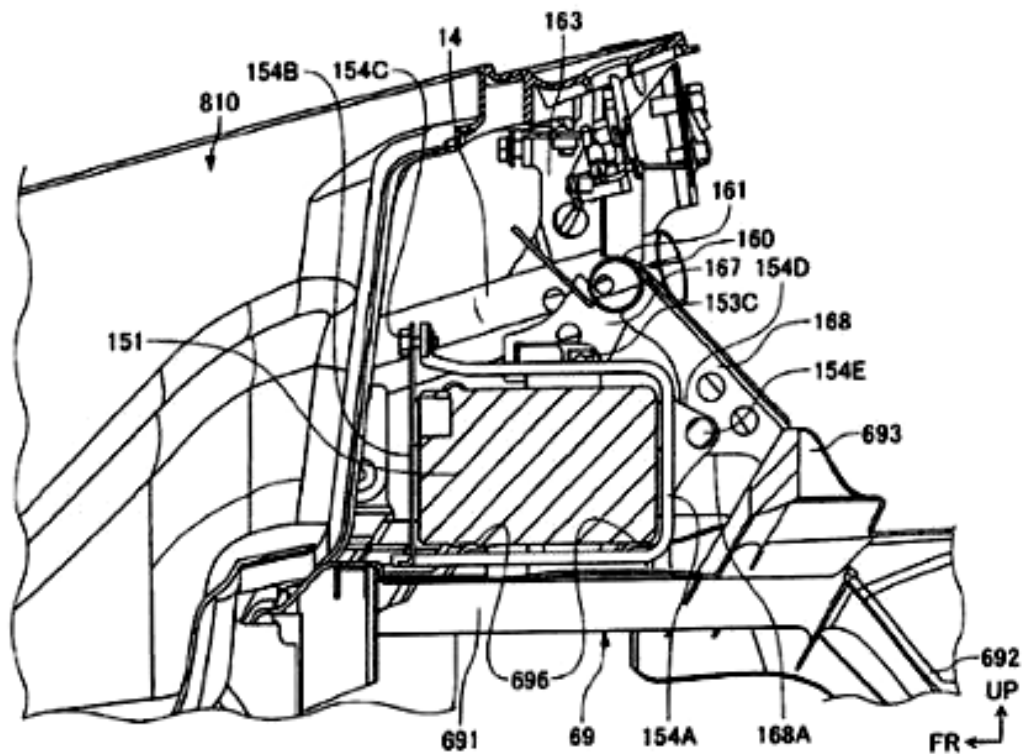
- MVPS khả dụng (MER khác)
- MVPS khả dụng (thu được từ MER khác)
- MVPS không khả dụng (MER chưa được mã hóa hoặc giải mã)

- (11) **1-0024658 B** (15) 18/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
- (21) 1-2016-02024 (85) 03/06/2016
- (22) 05/12/2014 (86) PCT/JP2014/082266 05/12/2014
- (30) 2013-254336 09/12/2013 JP (87) WO2015/087803A1 18/06/2015
- (51) **G08G 1/09; G07B 15/00; G08G 1/01**
- (73) **KABUSHIKI KAISHA TOSHIBA (JP)**
1-1, Shibaura 1-chome, Minato-ku, Tokyo 105-8001 Japan
- (72) OKAWA Tomoko (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN LÀN ĐƯỜNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU KHIỂN LÀN ĐƯỜNG VÀ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN LÀN ĐƯỜNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điều khiển làn đường mà có thể kết nối được với bộ phát hiện xe thứ nhất, bộ phát hiện xe thứ hai, và thiết bị không dây bên lề đường thứ nhất bao gồm bộ phát hiện sự bất thường và bộ điều khiển. Bộ phát hiện sự bất thường phát hiện trạng thái bất thường của bộ phát hiện xe thứ nhất và trạng thái bất thường của bộ phát hiện xe thứ hai. Bộ điều khiển thay đổi phương pháp phát sóng radiô từ thiết bị không dây bên lề đường thứ nhất, tương ứng với kết quả phát hiện của bộ phát hiện sự bất thường, để điều khiển việc bắt đầu và kết thúc sự truyền thông bởi thiết bị không dây bên lề đường thứ nhất. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều khiển làn đường để điều khiển thiết bị điều khiển làn đường, và hệ thống điều khiển làn đường.



- (11) **1-0024659 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2014-00129
 (22) 15/01/2014
 (30) 2013-075179 29/03/2013 JP
 (51) **B62J 11/00; B62J 15/02; B62J 15/00**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556, JAPAN
 (72) Yasuo SHINDE (JP); Kota TAKIZAWA (JP)
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA (ALPHA PLUS CO., LTD.)
 (54) **KẾT CẤU ĐỠ CHẴN BÙN SAU DÙNG CHO XE KIỂU YÊN NGỰA**

- (57) Sáng chế đề xuất kết cấu đờ chắn bùn sau dùng cho xe kiểu yên ngựa có thể thực hiện được việc giảm trọng lượng của chắn bùn sau đồng thời sử dụng kết cấu mà trong đó ắc quy được bố trí ở phía sau hộp chứa vật dụng. Để đạt được mục đích nêu trên, sáng chế đề xuất kết cấu đờ chắn bùn sau dùng cho xe kiểu yên ngựa bao gồm: các thanh đờ yên xe (14) tạo thành phần sau của khung thân (10) và đờ yên xe (27) theo cách trực tiếp hoặc gián tiếp; chắn bùn sau (69) che ít nhất phía trên bánh sau WR; và ắc quy (151) được bố trí ở phía trên chắn bùn sau (69). Kết cấu đờ chắn bùn sau dùng cho xe kiểu yên ngựa bao gồm giá đỡ ắc quy (152) dùng để che ít nhất một phần ắc quy (151) và giữ ắc quy (151). Giá đỡ ắc quy (152) được lắp cố định vào các thanh đờ yên xe (14).



- | | | |
|-------------------------|-----------------|------------------------|
| (11) 1-0024660 B | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/10/2015 |
| (21) 1-2015-02943 | | (85) 13/08/2015 |
| (22) 01/02/2013 | | (86) PCT/CN2013/071263 |
| | | (87) WO2014/117386 |
| | | 01/02/2013 |
| | | 07/08/2014 |

(51) **H04W 92/20**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

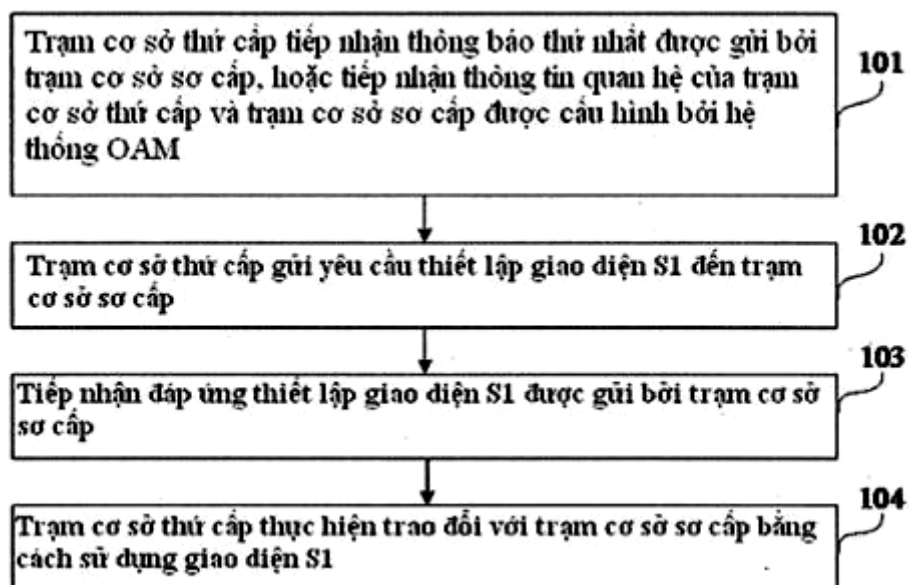
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) WANG, Yan (CN); LIN, Bo (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ TRAO ĐỔI DỮ LIỆU**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị trao đổi dữ liệu. Phương pháp này gồm các bước: tiếp nhận, bởi trạm cơ sở thứ cấp, thông báo thứ nhất được gửi bởi trạm cơ sở sơ cấp, hoặc tiếp nhận thông tin mối quan hệ của trạm cơ sở thứ cấp và trạm cơ sở sơ cấp được tạo cấu hình bởi hệ thống vận hành, quản trị và bảo trì (operation, administration and maintenance OAM), trong đó thông báo thứ nhất được sử dụng để thông báo trạm cơ sở thứ cấp để thiết lập giao diện S1; gửi, bởi trạm cơ sở thứ cấp, yêu cầu thiết lập giao diện S1 đến trạm cơ sở sơ cấp; tiếp nhận đáp ứng thiết lập giao diện S1 được gửi bởi trạm cơ sở sơ cấp; và thực hiện, bởi trạm cơ sở thứ cấp, trao đổi với trạm cơ sở sơ cấp bằng cách sử dụng giao diện S1. Đối với phương pháp và thiết bị trao đổi dữ liệu theo các phương án thực hiện sáng chế, giao diện giữa trạm cơ sở sơ cấp và trạm cơ sở thứ cấp có thể được sử dụng để thực hiện, hoặc trạm cơ sở thứ cấp có thể được sử dụng để trực tiếp thực hiện, truyền dữ liệu với S-GW (serving gateway-cổng đang phục vụ), nhờ đó triển khai việc trạm cơ sở sơ cấp và trạm cơ sở thứ cấp thực hiện dịch vụ phối hợp, và cải thiện chất lượng cho thiết bị người dùng (user equipment-UE).



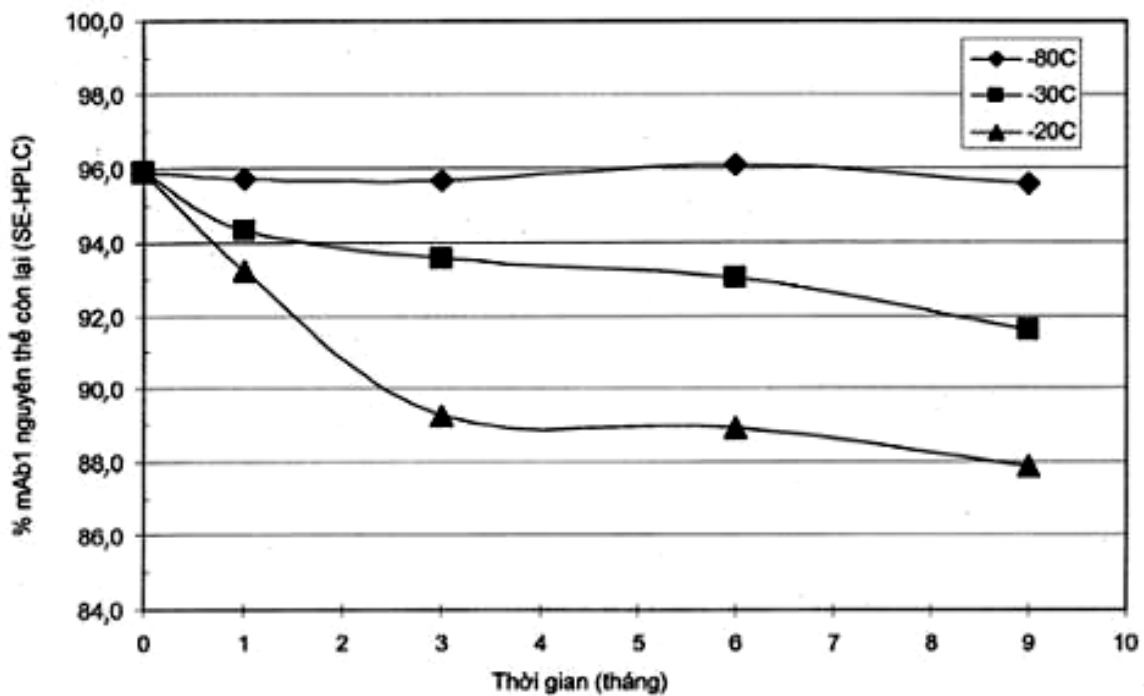
- (11) **1-0024661 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2016 335A
(21) 1-2015-04785 (85) 15/12/2015
(22) 05/06/2014 (86) PCT/JP2014/064922 05/06/2014
(30) 2013-118816 05/06/2013 JP (87) WO2014/196587 11/12/2014
(51) **A23F 3/06**
(73) **SUNTORY HOLDINGS LIMITED (JP)**
1-40, Dojimahama 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 530-8203 Japan
(72) TANAKA, Kensuke (JP)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT LÁ CHÈ TỪ CHÈ XANH**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất lá chè từ chè xanh, trong đó mùi lá già có trong lá chè được làm giảm bằng cách bổ sung nước vào lá chè khô từ chè xanh, và sau đó sấy khô lá chè trong điều kiện nhiệt độ lá chè không cao hơn 85°C.

- (11) **1-0024662 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A
(21) 1-2013-02375 (85) 29/07/2013
(22) 24/01/2012 (86) PCT/US2012/022286 24/01/2012
(30) 61/435,925 25/01/2011 US (87) WO2012/103042 02/08/2012
(51) *A01N 43/90; A61K 31/519*
(73) **DOW AGROSCIENCES LLC (US)**
9330 Zionsville Road, Indianapolis, IN 46268, United States of America
(72) YERKES, Carla N. (US); LOWE, Christian T. (US); ECKELBARGER, Joseph D.
(US); EPP, Jeffrey B. (US); GUENTHENSBERGER, Katherine A. (US);
SIDDALL, Thomas L. (US); SCHMITZER, Paul R. (US)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **HỢP CHẤT ARYLALKYL ESTE CỦA 4-AMINO-6-(PHENYL ĐƯỢC THỂ)
PICOLINAT VÀ 6-AMINO-2-(PHENYL ĐƯỢC THỂ)-4-
PYRIMIDINCARBOXYLAT, CHẾ PHẨM DIỆT CỎ CHỨA HỢP CHẤT
NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ THỰC VẬT KHÔNG MONG
MUỐN**

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất arylalkyl este của axit 4-aminopicolinic và 6-amino-4-pyrimidin carboxylat dùng làm thuốc diệt cỏ phòng trừ cỏ dại đặc biệt là các loài phổ biến trong hệ thống canh tác lúa và lúa mì và trong chương trình phòng trừ cỏ dại.

- (11) **1-0024663 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
 (21) 1-2012-02320 (85) 06/08/2012
 (22) 07/01/2011 (86) PCT/US2011/020457 07/01/2011
 (30) 61/293,227 08/01/2010 US (87) WO2011/085158 14/07/2011
 12/986,223 07/01/2011 US
- (51) **A61K 9/08; A61K 9/00; A61K 31/485; A61K 39/395**
 (73) **REGENERON PHARMACEUTICALS, INC. (US)**
 777 Old Saw Mill River Road, Tarrytown, NY 10591, USA
 (72) DIX, Daniel, B. (US); Graham, Kenneth S. (US); Kamen, Douglas E. (US); Walsh, Scott M. (US)
 (74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
(54) DƯỢC PHẨM ỔN ĐỊNH CHỨA KHÁNG THỂ KHÁNG THỤ THỂ INTERLEUKIN-6 (IL-6R)
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm bao gồm kháng thể người liên kết đặc hiệu với thụ thể interleukin-6 của người (hIL-6R). Dược phẩm theo sáng chế có thể chứa, ngoài kháng thể kháng hIL-6R, ít nhất một axit amin, ít nhất một đường, và/hoặc ít nhất một chất hoạt động bề mặt không ion. Dược phẩm theo sáng chế có độ ổn định chấp nhận được sau khi bảo quản trong một vài tháng.



- (11) **1-0024664 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
(21) 1-2014-01466 (85) 06/05/2014
(22) 05/10/2012 (86) PCT/JP2012/075911 05/10/2012
(30) 2011-222287 06/10/2011 JP (87) WO2013/051687 11/04/2013
(51) **A23G 3/50; A23G 1/00; A23G 1/30**
(73) **MEIJI CO., LTD.** (JP)
2-10, Shinsuna 1-chome, Koto-ku, Tokyo, Japan
(72) TADASHI MATSUURA (JP); MAKI HIRAOKA (JP); NAOKO TAKAI (JP);
HIROYUKI UTSUNOMIYA (JP)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) **BÁNH KẸO BỌC**

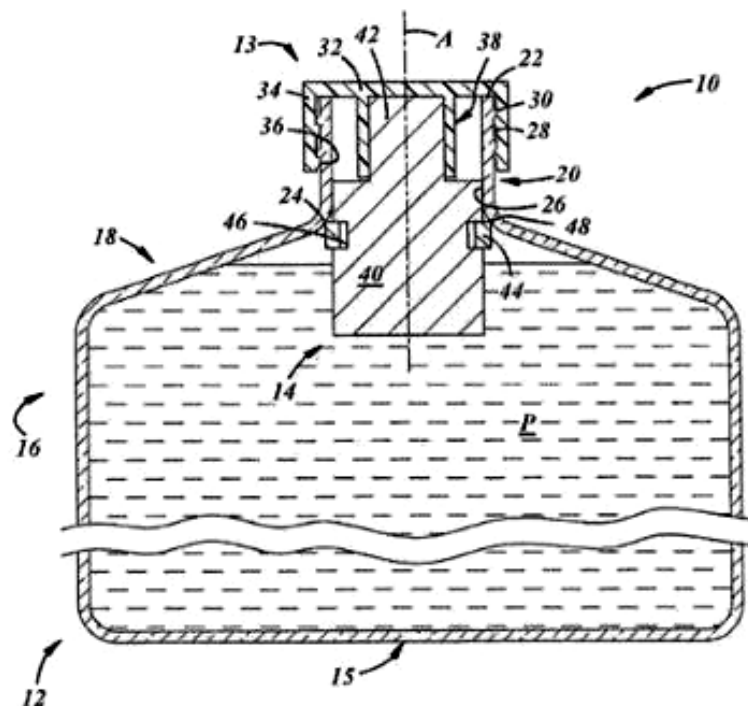
(57) Sáng chế đề cập đến bánh kẹo bọc gồm phần tâm chứa bánh kẹo nền dầu và sen-lắc bọc phần tâm, trong đó tỷ lệ bọc sen-lắc nói trên là từ 0,1 đến 10%.

- (11) **1-0024665 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/02/2012 287A
(21) 1-2011-01453 (85) 07/06/2011
(22) 06/11/2009 (86) PCT/CA2009/001608 06/11/2009
(30) 61/112,235 07/11/2008 US (87) WO2010/051636A1 14/05/2010
(51) *A61K 41/00; A61K 31/7008; A61P 17/02; A61K 31/4166; A61K 31/728*
(73) **KLOX TECHNOLOGIES INC. (CA)**
759 Square Victoria, Suite 224, Montreal, Quebec H2Y 2J7, Canada
(72) PIERGALLINI, Remigio (IT); LOUPIS, Nikolaos (GR); BELLINI, Francesco (CA)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
(54) **CHẾ PHẨM LÀM LIỀN VẾT THƯƠNG CHỨA CHẤT OXY HÓA VÀ CHẤT QUANG HOẠT**

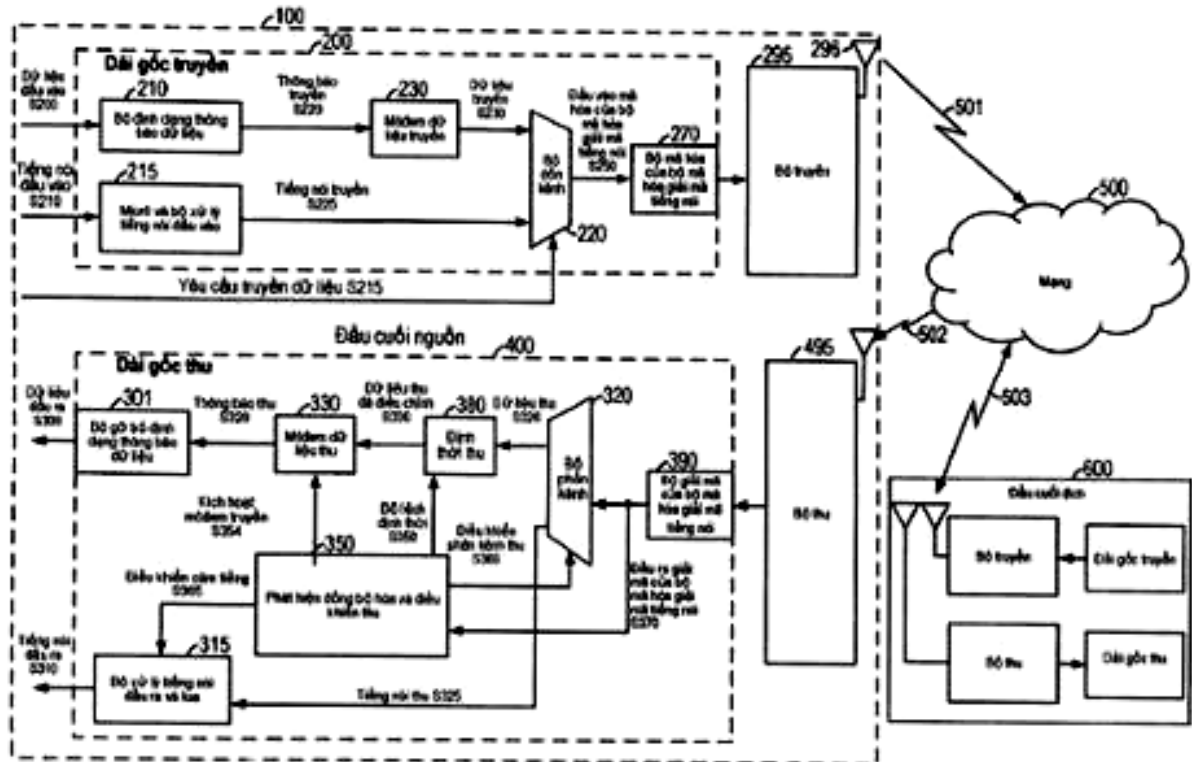
(57) Sáng chế đề xuất chế phẩm làm liền vết thương chứa ít nhất một oxy hoá, ít nhất một chất quang hoạt có thể hoạt hoá chất oxy hoá, và ít nhất một yếu tố làm liền vết thương được chọn từ axit hyaluronic, glucosamin và allantoin, cùng với chất mang được dụng.

- (11) **1-0024666 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2015 332A
 (21) 1-2015-02389 (85) 02/07/2015
 (22) 10/02/2014 (86) PCT/US2014/015551 10/02/2014
 (30) 13/780,172 28/02/2013 US (87) WO2014/133737 04/09/2014
 (51) **B65D 55/02; B65D 41/04**
 (73) **OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)**
 One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43351, United States of America
 (72) BRYANT, Jessica R. (US); SMITH, Susan L. (US); BAKHRAKH, Mark (RU);
 KACHKO, Igor (RU); VASILYEV, Vladimir (RU)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **SẢN PHẨM NẮP VÀ VẬT TREO VÀ ĐỒ ĐỰNG GỒM SẢN PHẨM NẮP VÀ VẬT TREO NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến sản phẩm nắp và vật treo (11) bao gồm nắp (13, 113, 213, 313) có phần trong theo hướng kính, và có thể được lắp theo cách tháo ra được với đồ chứa, và vật treo (14, 114, 214, 314) được lắp theo cách tháo ra được với phần trong theo hướng kính của nắp, và có thể tách rời khỏi nắp và rơi vào đồ chứa khi tháo nắp ra khỏi đồ chứa. Đồ đựng (10, 110, 210, 310, 410) có thể gồm sản phẩm nắp và vật treo và đồ chứa (12, 212, 312), trong đó nắp được lắp chặt theo cách tháo ra được với cổ (20, 220, 320) của đồ chứa để đóng đồ chứa theo cách tháo ra được, và vật treo được treo trên nắp trong phần bên trong của cổ sao cho khi nắp được tháo ra khỏi đồ chứa, vật treo rời khỏi nắp và rơi vào đồ chứa và được mang theo cách không tháo ra được ở bên trong để tạo ra dấu hiệu rằng đồ đựng đã được mở từ trạng thái được đóng kín ban đầu bởi nhà máy.

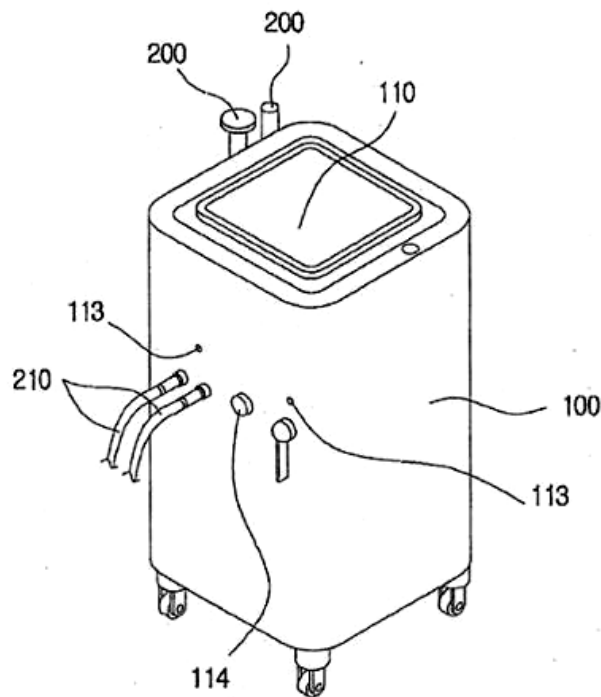


- | | | | | |
|-------------------------|------------|----|------------------------|------------|
| (11) 1-0024667 B | | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 27/06/2011 | 279A |
| (21) 1-2011-00020 | | | (85) 05/01/2011 | |
| (22) 05/06/2009 | | | (86) PCT/US2009/046405 | 05/06/2009 |
| (30) 61/059,179 | 05/06/2008 | US | (87) WO2009/149349 | 10/12/2009 |
| 61/087,923 | 11/08/2008 | US | | |
| 61/093,657 | 02/09/2008 | US | | |
| 61/122,997 | 16/12/2008 | US | | |
| 61/151,457 | 10/02/2009 | US | | |
| 61/166,904 | 06/04/2009 | US | | |
| 12/477,574 | 03/06/2009 | US | | |
- (51) **H04J 3/06; H04L 7/04; H04L 25/49; G10L 19/00**
- (73) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**
 Attn: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121, United States of America
- (72) JOETTEN, Christoph, A. (DE); SGRAJA, Christian (DE); FRANK, Georg (DE); HUANG, Pengjun (US); PIETSCH, Christian (DE); WERNER, Marc, W. (DE); DUNI, Ethan, R. (US); BAIK, Eugene. J. (US)
- (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ THU KÝ HIỆU NHẬN DẠNG LOẠI THÔNG BÁO NHÚNG TRONG GÓI MÃ HÓA TIẾNG NÓI**
- (57) Sáng chế đề xuất hệ thống để truyền thông tin qua bộ mã hóa-giải mã tiếng nói (trong dải) như có trong mạng lưới truyền thông không dây. Bộ điều biến biến đổi dữ liệu thành tín hiệu có phổ giống tạp âm dựa trên ánh xạ của xung đã được định dạng lên các vị trí định trước trong khung điều biến, và tín hiệu được mã hóa một cách hiệu quả bằng bộ mã hóa-giải mã tiếng nói. Chuỗi đồng bộ hóa tạo ra sự định thời khung điều biến ở bộ thu và được phát hiện dựa trên việc phân tích mẫu định tương quan. Thủ tục yêu cầu/thông báo đáp tạo ra sự truyền dữ liệu đáng tin cậy, bằng cách sử dụng các phương thức thông báo dự, truyền lại và/hoặc điều biến mạnh tùy thuộc vào tình trạng kênh truyền thông.



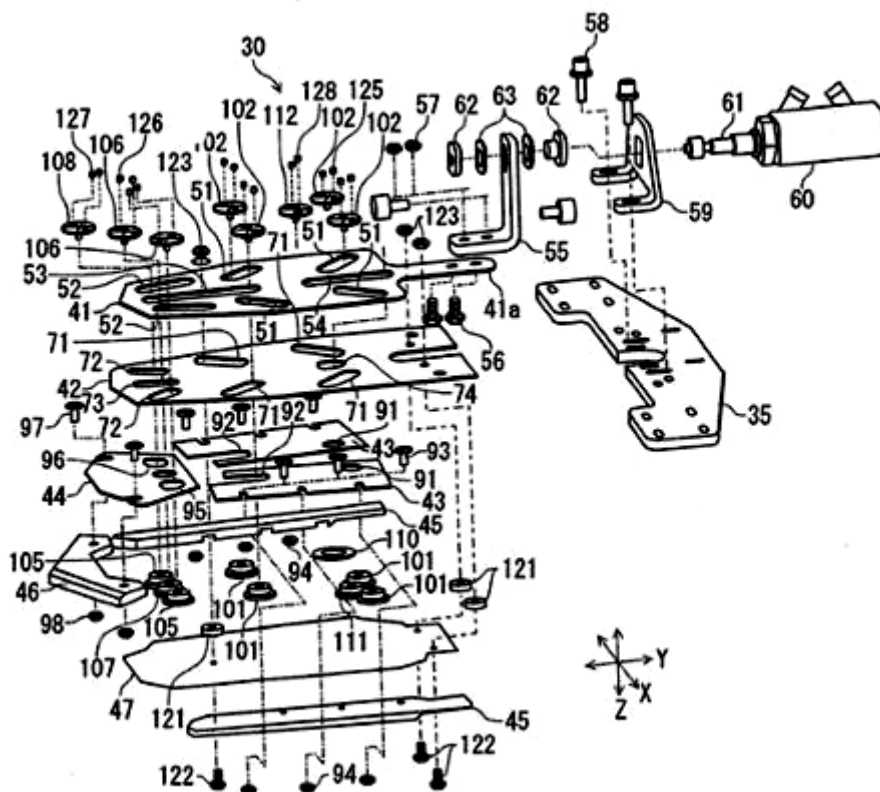
- (11) **1-0024668 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
(21) 1-2016-04449 (85) 17/11/2016
(22) 27/01/2015 (86) PCT/KR2015/000819 27/01/2015
(30) 10-2014-0045839 17/04/2014 KR (87) WO2015/160076 22/10/2015
(51) *A61N 1/06; A61B 5/053; A61F 7/00*
(73) **JS ON CO., LTD** (KR)
202(Ogeum-dong, Gobangdang Bldg.) 31, Wiryeseong-daero 20-gil Songpa-gu,
Seoul 138-855, Republic of Korea
(72) KIM, Jung Su (KR)
(74) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)
(54) **THIẾT BỊ NHIỆT TRỊ LIỆU CAO TẦN**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị nhiệt trị liệu cao tần bao gồm: mô-đun cảm biến trở kháng được kết cấu để đo trở kháng của các cơ bình thường và bất thường; mô-đun điều khiển được kết cấu để nhận thông tin về trở kháng đo được từ mô-đun cảm biến trở kháng và để phát hiện cơ bất thường; mô-đun điều chỉnh tần số và dòng điện ra được kết cấu để tự động tạo ra tín hiệu điều chỉnh tần số cho phép tạo tần số nằm trong khoảng từ 2 đến 5 MHz khi phát hiện thấy cơ bất thường.



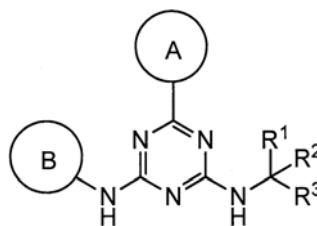
- (11) 1-0024669 B (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/10/2014 319A
 (21) 1-2013-01236
 (22) 18/04/2013
 (51) D05B 29/00; D05B 35/00
 (73) JUKI CORPORATION (JP)
 2-11-1, Tsurumaki, Tama-shi, Tokyo, Japan
 (72) Nguyen Ngoc Tan (VN)
 (74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
 (54) CƠ CẤU ÉP VẢI

- (57) Sáng chế đề cập đến cơ cấu ép vải bao gồm tấm chính 42 có các rãnh dẫn bên 71 và các rãnh dẫn về phía trước 72, tấm trượt 41 có các rãnh trượt bên 51 và các rãnh trượt về phía trước 52, và được đề lên tấm chính 42 và được trượt theo chiều trước-sau, các chốt trượt bên 101 và các chốt trượt về phía trước 105 được luồn qua các phần hờ giữa các rãnh dẫn bên 71 và các rãnh dẫn về phía trước 72 và các rãnh trượt bên 51 và các rãnh trượt về phía trước 52, các tấm di động bên 43 và tấm di động về phía trước 44 được lắp khớp vào các đầu dưới của các chốt trượt bên 101 và các chốt trượt về phía trước 105 để di chuyển, và các tấm ép bên 45 và tấm ép về phía trước 46 được lắp trên các tấm di động bên 43 và tấm di động về phía trước 44, và được bố trí dọc theo mép trong của phần hờ của khung ép vải được đưa đến tiếp xúc với phần vải làm túi.



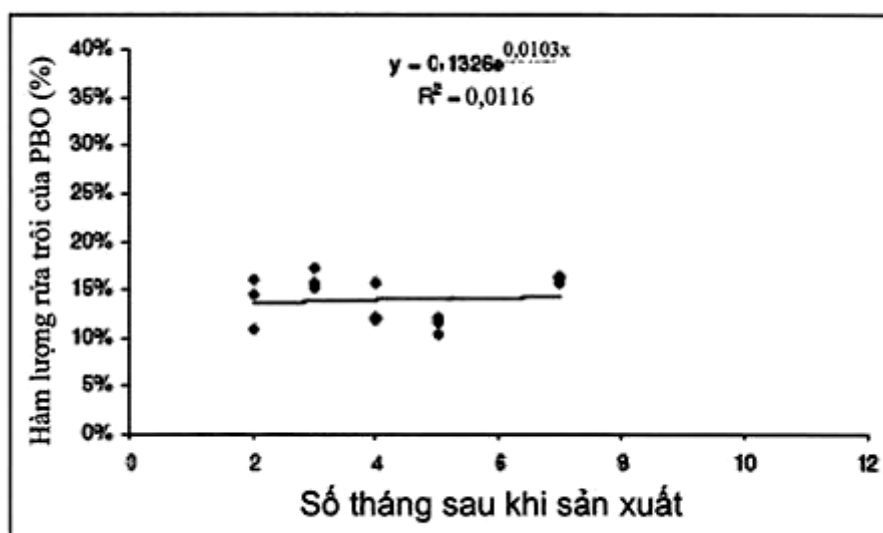
- (11) **1-0024670 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
(21) 1-2015-02999 (85) 24/11/2011
(22) 23/04/2010 (86) PCT/AU2010/000464 23/04/2010
(30) 61/172,278 24/04/2009 US (87) WO2010/121320 28/10/2010
2009901744 24/04/2009 AU
- (51) **A61K 9/14**
(62) 1-2011-03231
(73) **ICEUTICA PTY LTD. (AU)**
Unit 2, 32 Mumford Place, Balcatta WA 6021, Australia
(72) Aaron Dodd (AU); Felix Meiser (DE); Adrian Russell (AU); Marck Norret (DK); H
William Bosch (US)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT CHẾ PHẨM DẠNG LIỀU ĐƠN VỊ VÀ
PHƯƠNG PHÁP CẢI THIỆN PROFIN HÒA TAN CỦA NGUYÊN LIỆU
HOẠT TÍNH SINH HỌC**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất chế phẩm dạng liều đơn vị của hạt nguyên liệu hoạt tính sinh học bằng cách sử dụng quy trình nghiền khô, và phương pháp cải thiện profin hòa tan của nguyên liệu hoạt tính sinh học này ở dạng hạt và/hoặc chế phẩm này, dùng để điều trị động vật, kể cả người, với lượng có tác dụng điều trị của nguyên liệu hoạt tính sinh học này.

- (11) **1-0024671 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2015 324A
 (21) 1-2014-02652 (85) 06/08/2014
 (22) 05/01/2013 (86) PCT/CN2013/000009 05/01/2013
 (30) 61/584,214 06/01/2012 US (87) WO2013/102431 11/07/2013
 (51) **C07D 251/18; C07D 251/26; A61K 31/53; A61P 35/00**
 (73) **AGIOS PHARMACEUTICALS, INC. (US)**
 88 Sidney Street, Cambridge, Massachusetts 02139, United States of America
 (72) CIANCHETTA, Giovanni (IT); DELABARRE, Byron (CA); POPOVICI-MULLER, Janeta (US); SALITURO, Francesco G. (US); SAUNDERS, Jeffrey O. (US); TRAVINS, Jeremy (US); YAN, Shunqi (US); GUO, Tao (US); ZHANG, Li (CN)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT CHỨA VÒNG TRIAZIN CÓ HOẠT TÍNH ĐIỀU TRỊ BỆNH VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức cấu tạo I, hoặc muối dược dụng hoặc hydrat của nó:



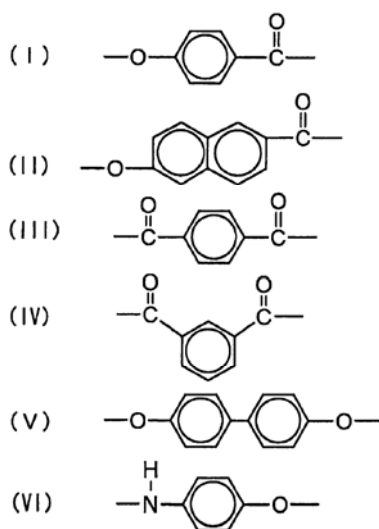
(I), trong đó vòng A, vòng B, R¹, R² và R³ là được xác định trong bản mô tả.

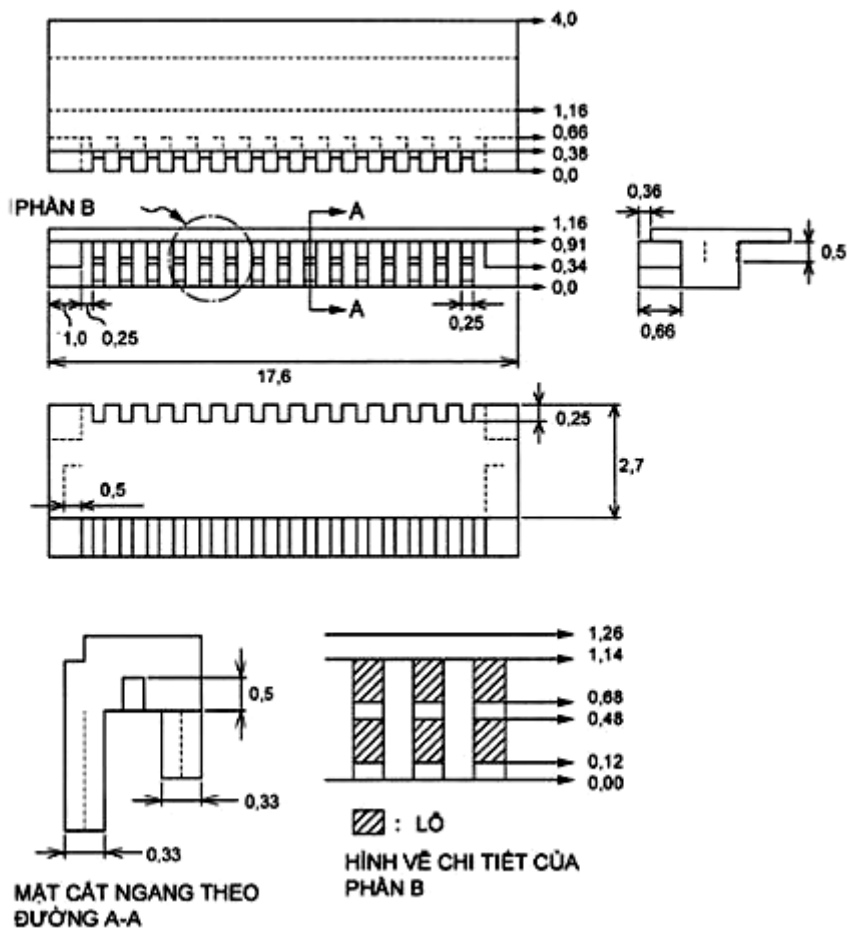
- (11) **1-0024672 B** (15) 18/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2014 312A
- (21) 1-2013-03803 (85) 02/12/2013
- (22) 02/05/2011 (86) PCT/DK2011/050149 02/05/2011
- (87) WO2012/149934 08/11/2012
- (51) *A01N 25/10; A01N 43/30; A01P 7/00; A01N 25/34*
- (73) **VESTERGAARD SA (CH)**
Place Saint-François 1, 1003 Lausanne, Switzerland
- (72) VESTERGAARD FRANDSEN, Mikkel (DK); GOUIN, Sebastien (CA); HOANG, Huyen Thanh (VN); ZELLWEGER, Matthieu (CH)
- (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
- (54) **CHẤT NỀN POLYME CHỨA PIPERONYL BUTOXIT VÀ ĐỒNG PHTALOXYANIN VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM SOÁT SỰ DI CHUYỂN CỦA PIPERONYL BUTOXIT TRONG CHẤT NỀN POLYME NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến chất nền polyme chứa piperonyl butoxit (PBO) và đồng phtaloxyanin và phương pháp kiểm soát sự di chuyển của piperonyl butoxit (PBO) trong chất nền polyme này. Bằng cách kết hợp PBO và phtaloxyanin vào trong chất nền polyme, nồng độ bề mặt của PBO sau khi di chuyển đến bề mặt bị giảm tương ứng với chất nền không chứa đồng phtaloxyanin. Điều này có thể được sử dụng để kiểm soát sự di chuyển của PBO và giữ lại PBO để có tác dụng lâu dài.



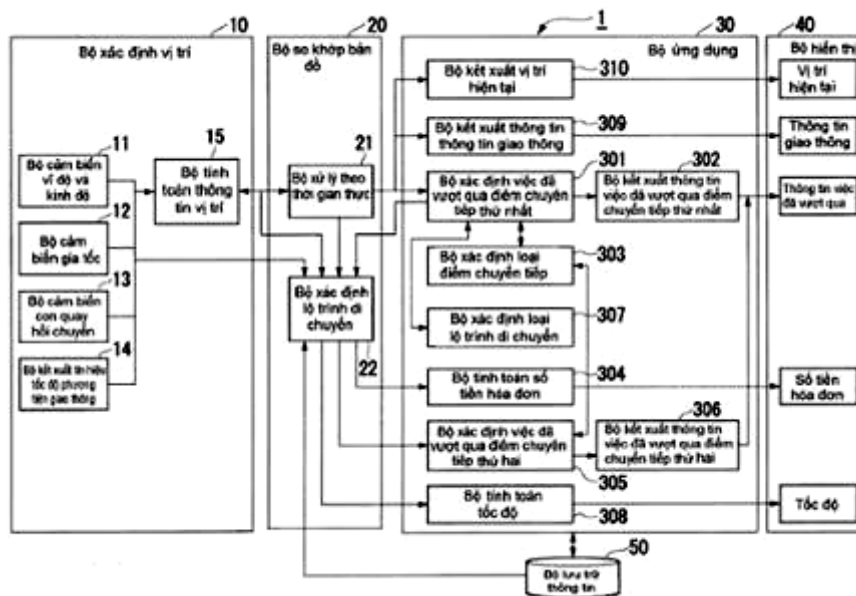
- | | | | |
|---|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024673 B | | (15) 18/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2019 | 376A |
| (21) 1-2019-01631 | | (85) 01/04/2019 | |
| (22) 26/09/2017 | | (86) PCT/JP2017/034795 | 26/09/2017 |
| (30) 2016-199062 | 07/10/2016 JP | (87) WO2018/066417 | 12/04/2018 |
| (51) <i>C08L 77/12; C08K 7/00; H01R 13/46; H01R 12/72; C08G 69/44</i> | | | |
| (73) POLYPLASTICS CO., LTD. , (JP)
2-18-1, Konan, Minato-ku, Tokyo 1088280, Japan | | | |
| (72) FUKATSU Hiroki (JP); TAKI Tomohiro (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.) | | | |
| (54) CHẾ PHẨM NHỰA COMPOSIT VÀ ĐẦU NỐI ĐƯỢC ĐÚC TỪ CHẾ PHẨM NHỰA COMPOSIT NÀY | | | |

- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm nhựa composit có độ chảy thích hợp và cho phép sản xuất đầu nối có khả năng chịu nhiệt ưu việt và ngăn chặn sự biến dạng cong vênh và ngăn chặn bọt khí xuất hiện, và đầu nối được đúc từ chế phẩm nhựa composit nói trên. Chế phẩm nhựa composit theo sáng chế chứa polyme tinh thể lỏng (A), chất độn dạng sợi (B), và chất độn dạng tấm (C), trong đó polyme tinh thể lỏng (A) là polyeste amit thơm hoàn toàn có tính dị hướng quang học khi nóng chảy; polyeste amit thơm hoàn toàn này chỉ bao gồm lượng định trước của nhóm thành phần (I) đến (VI) sau làm thành phần cấu tạo cơ bản; và chiều dài sợi mà có trọng lượng trung bình của chất độn dạng sợi (B) là 200 μm hoặc nhỏ hơn:



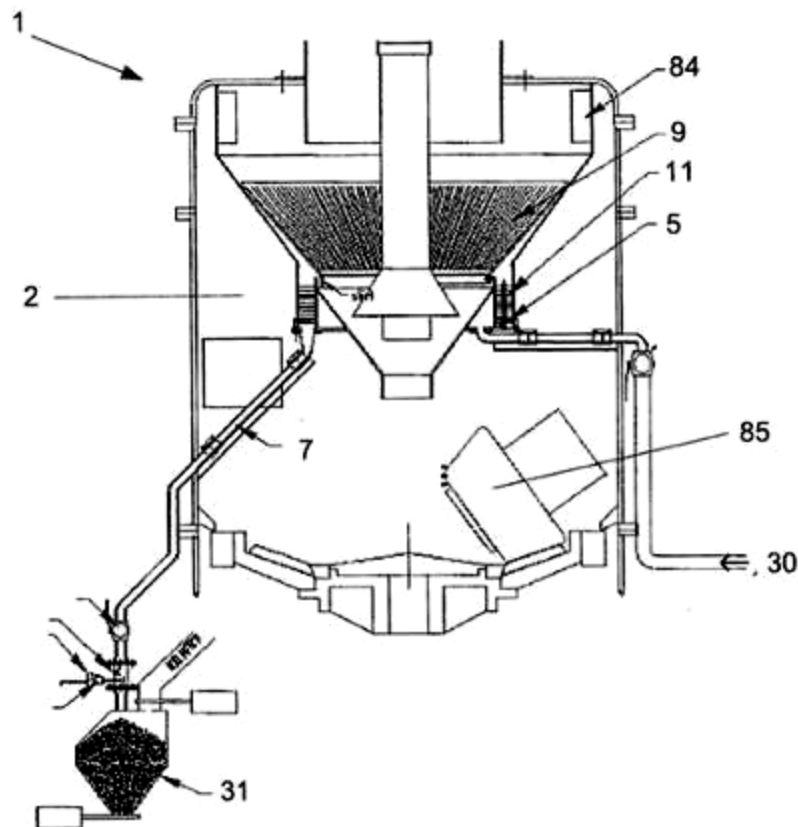


- (11) **1-0024674 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/03/2016 336A
 (21) 1-2015-02916 (85) 11/08/2015
 (22) 19/02/2014 (86) PCT/JP2014/053877 19/02/2014
 (30) 2013-029865 19/02/2013 JP (87) WO2014/129491 28/08/2014
 (51) **G01C 21/26; G07B 15/06**
 (73) **MITSUBISHI HEAVY INDUSTRIES MACHINERY SYSTEMS, LTD.** (JP)
 1-1, Wadasaki-cho 1-chome, Hyogo-ku, Kobe-shi, Hyogo 652-8585 Japan
 (72) IEHARA Masato (JP); HIURA Ryota (JP); NAKAYAMA Hiroyuki (JP);
 MABUCHI Yoshihiro (JP)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ XỬ LÝ THÔNG TIN GIAO THÔNG, PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN GIAO THÔNG VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH**
 (57) Sáng chế đề xuất thiết bị xử lý thông tin giao thông để tính toán vị trí hiện tại của phương tiện giao thông, xác định liệu phương tiện giao thông đã vượt qua điểm chuyển tiếp hay chưa, và xác định liệu điểm chuyển tiếp này là điểm đã xác định hay điểm chưa xác định. Khi phương tiện giao thông được xác định là đã vượt qua điểm đã xác định, thì thiết bị xử lý thông tin giao thông sẽ kết xuất thông tin việc đã vượt qua tới bộ hiển thị để chỉ báo là phương tiện giao đã vượt qua điểm chuyển tiếp này.

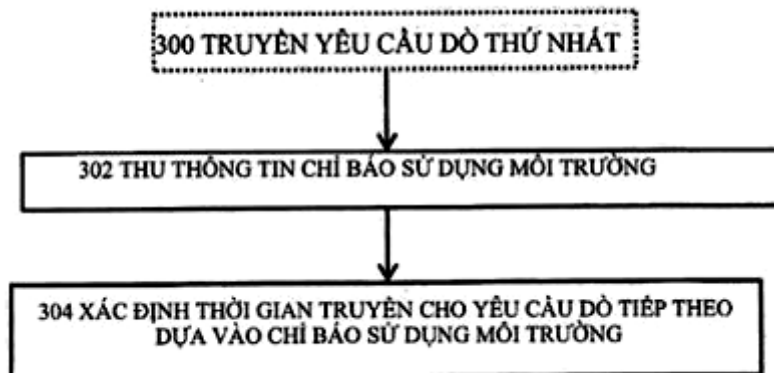


- (11) **1-0024675 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2015 323A
 (21) 1-2014-03354 (85) 06/10/2014
 (22) 06/03/2013 (86) PCT/AU2013/000212 06/03/2013
 (30) 2012900889 07/03/2012 AU (87) WO2013/131135A1 12/09/2013
 (51) **B07B 4/02; B07B 9/00; B02C 23/12; B02C 23/22**
 (73) **ELECTRICITY GENERATION AND RETAIL CORPORATION (AU)**
 Level 11, 15-17 William Street, Perth, Western Australia 6000, Australia
 (72) TRUCE, Rodney (AU); ZHU, Jian Ning (AU); KIDMAN, Francis, Hugh (AU)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ TÁCH CÁC CHẤT DẠNG HẠT**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị tách (2) để tách các khoáng chất hoặc các chất dạng hạt khác, gồm vỏ (3), cửa nạp hạt (4), cửa nạp chất lỏng (5) và cửa xả hạt (6). Thiết bị tách (2) tách các khoáng chất hoặc các chất dạng hạt khác, dựa vào tỷ trọng. Điều này đạt được bằng cách đưa chất lỏng vào trong cửa nạp chất lỏng (5) để tạo ra sự hóa lỏng phù hợp của các chất dạng hạt bên trong vỏ (3). Vật liệu có tỷ trọng thấp điển hình có thể được tách ra khỏi đầu trên của vỏ (3), trong khi vật liệu có tỷ trọng cao điển hình có thể được tách ra khỏi đầu dưới của vỏ (3). Sáng chế đặc biệt hữu dụng để tách các khoáng chất như tách khỏi các tạp chất như silic oxit và pyrit. Sáng chế cũng đề cập đến hệ thống tách nhiều tầng, máy nghiền trục đứng và phương pháp để tách các chất dạng hạt.



- (11) **1-0024676 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2014-03154 (85) 22/09/2014
(22) 08/03/2012 (86) PCT/FI2012/050226 08/03/2012
(87) WO2013/132135 12/09/2013
- (51) **H04W 28/02; H04W 84/12; H04L 12/56**
(73) **NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)**
Karaportti 3, FI- 02610 Espoo, Finland.
(72) Mika KASSLIN (FI); Jarkko KNECKT (FI); Eng Hwee ONG (SG)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ CẢI THIẾN HIỆU QUẢ CỦA MẠNG KHÔNG DÂY**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp cải thiện hiệu quả của mạng không dây bao gồm các bước: làm cho trạm có khả năng truyền thông trong mạng không dây để thu thông tin chỉ báo sử dụng môi trường liên quan tới ít nhất một kênh có thể sử dụng để truyền yêu cầu quét; và xác định thời gian truyền cho yêu cầu quét tiếp theo ít nhất một phần dựa vào chỉ báo sử dụng môi trường.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024677 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/08/2012 | 293A |
| (21) 1-2012-00870 | | (85) 30/03/2012 | |
| (22) 21/09/2010 | | (86) PCT/US2010/049659 | 21/09/2010 |
| (30) 61/244,120 | 21/09/2009 | US (87) WO2011/035305 | 24/03/2011 |
| 61/294,901 | 14/01/2010 | US | |

(51) **A61K 31/545**

(73) **PFIZER ANTI-INFECTIVES AB (SE)**

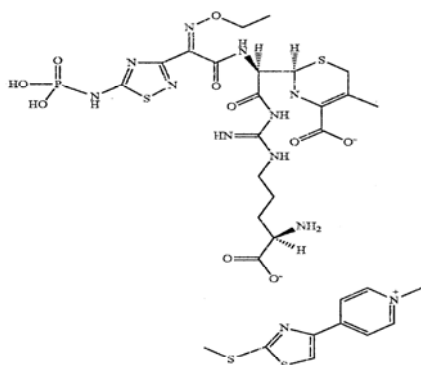
191 90 Sollentuna, Sweden

(72) THYE, Dirk (US); TALBOT, George (US)

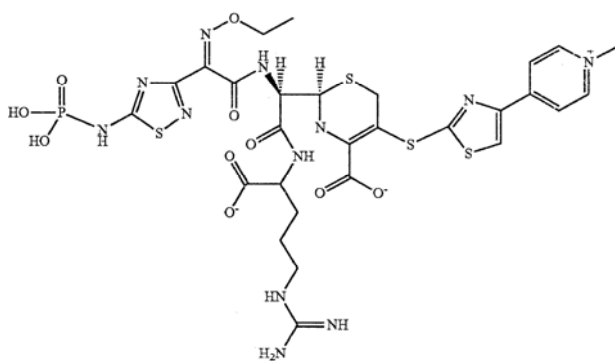
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **DUỢC PHẨM CHỨA CEFTAROLINE**

- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa ceftaroline hoặc tiền dược chất của nó để điều trị bệnh nhiễm khuẩn, trong đó dược phẩm này chứa ceftaroline hoặc tiền dược chất của nó ở lượng nằm trong khoảng từ 200mg đến 800mg, và lượng sản phẩm cộng L-arginin có công thức (I) ở hàm lượng ít hơn khoảng 2%. Sáng chế cũng đề cập đến dược phẩm chứa ceftaroline hoặc tiền dược chất của nó để điều trị bệnh nhiễm khuẩn, trong đó dược phẩm này chứa ceftaroline hoặc tiền dược chất của nó ở lượng nằm trong khoảng từ 200mg đến 800mg, và lượng sản phẩm cộng L-arginin có công thức (II) ở hàm lượng ít hơn khoảng 2%.



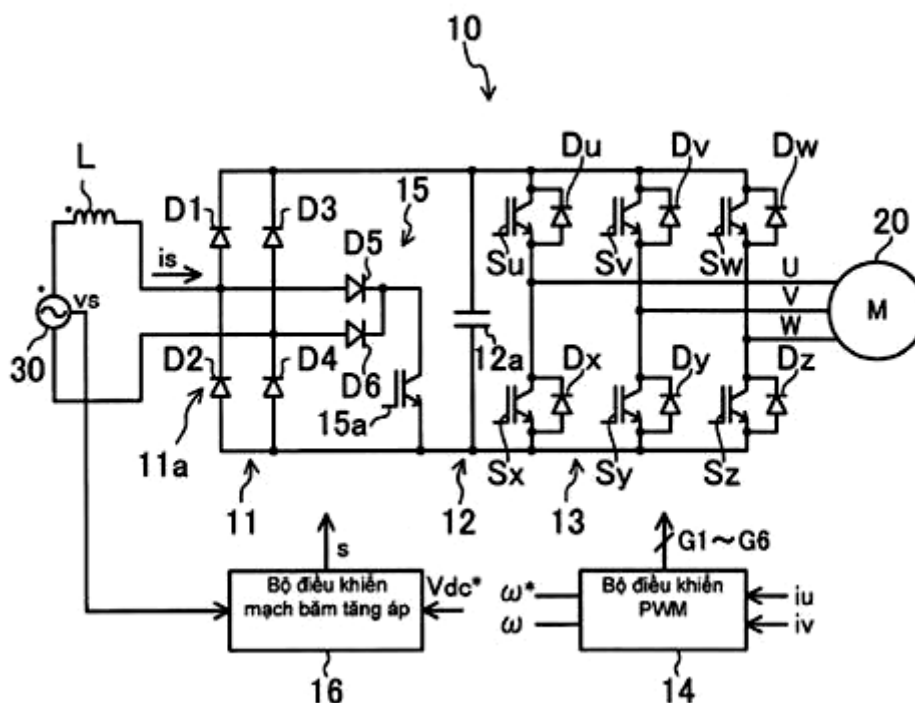
(I)



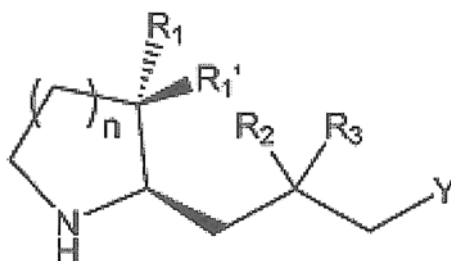
(II)

- (11) **1-0024678 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/06/2017 351A
 (21) 1-2017-01368 (85) 13/04/2017
 (22) 30/09/2015 (86) PCT/JP2015/004981 30/09/2015
 (30) 2014-201169 30/09/2014 JP (87) WO2016/051797 07/04/2016
 (51) **H02M 7/12; H02M 7/48**
 (73) **DAIKIN INDUSTRIES, LTD.** (JP)
 Umeda Center Building, 4-12, Nakazaki-nishi 2-chome, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka
 530-8323, Japan
 (72) TANIGUCHI, Tomoisa (JP); SEKIMOTO, Morimitsu (JP); TAGUCHI, Yasutaka
 (JP)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ BIẾN ĐỔI ĐIỆN**

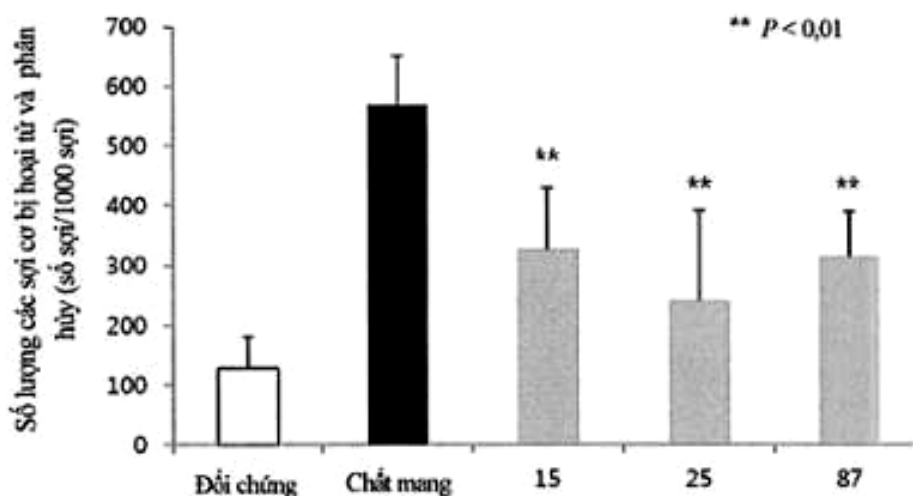
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị biến đổi điện bao gồm: mạch biến đổi điện (11) bao gồm mạch băm tăng áp (15); tụ điện (12a) được mắc giữa hai cực ra của mạch biến đổi điện (11); mạch băm tăng áp (15) để tăng điện áp cực (vdc) của tụ điện (12a); mạch đổi điện nhiều pha (13); và bộ điều khiển mạch băm tăng áp (16). Trong trường hợp trong đó hoạt động của mạch băm tăng áp (15) bị dừng liên tục, thì tụ điện (12a) có điện dung cho phép điện áp cực (vdc) của tụ điện (12a) có tần số xung cao gấp hai lần tần số xung của nguồn điện AC (30). Mạch đổi điện nhiều pha (13) có công suất ra được phép dao động đồng bộ với nguồn điện.



- (11) **1-0024679 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2016-05043 (85) 23/12/2016
 (22) 23/06/2015 (86) PCT/KR2015/006377 23/06/2015
 (30) 10-2014-0076674 23/06/2014 KR (87) WO2015/199418 30/12/2015
 (51) **C07D 401/12; A61K 31/4427; C07D 235/04**
 (73) **DAEWONG PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)**
 244, Galmachi-ro, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do 13211, Republic of Korea
 (72) PARK, Joon Seok (KR); YOON, Youn Jung (KR); CHO, Min Jae (KR); LEE, Ho Bin (KR); YOO, Ja Kyung (KR); LEE, Bong Yong (KR)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT DỊ VÒNG, DƯỢC PHẨM CHỨA NÓ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức hóa học 1:

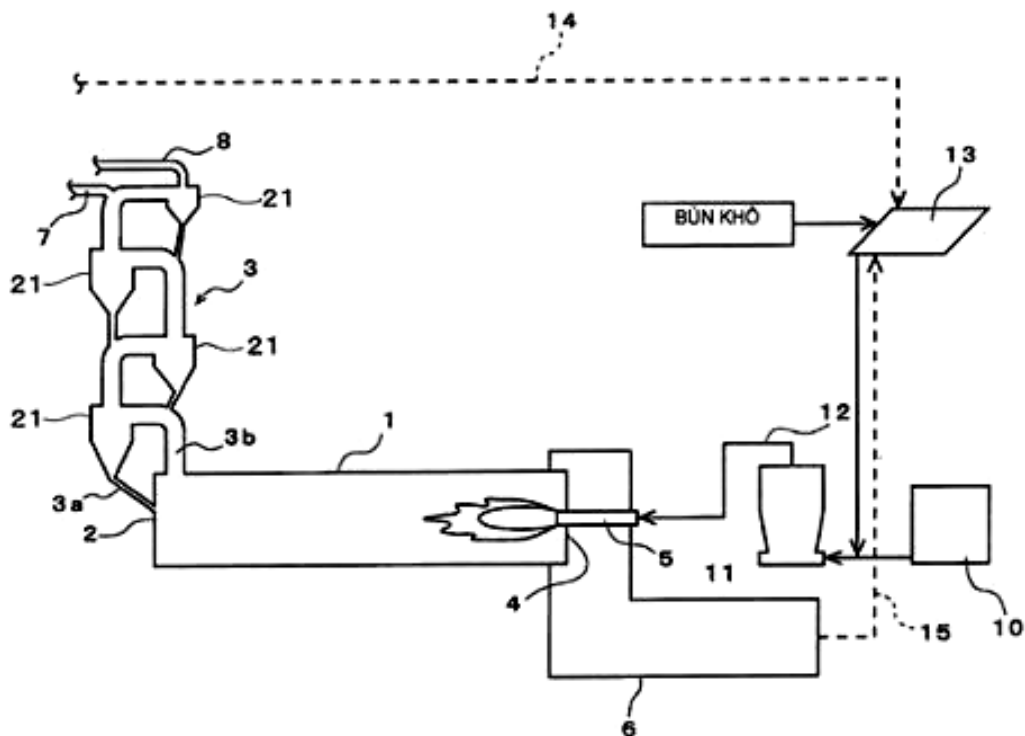


dùng để ngăn ngừa và điều trị bệnh gây ra do sự bất thường về hoạt tính của prolyl-tRNA synthetaza (PRS), hoặc muối dược dụng của nó; phương pháp điều chế hợp chất này và dược phẩm chứa nó.

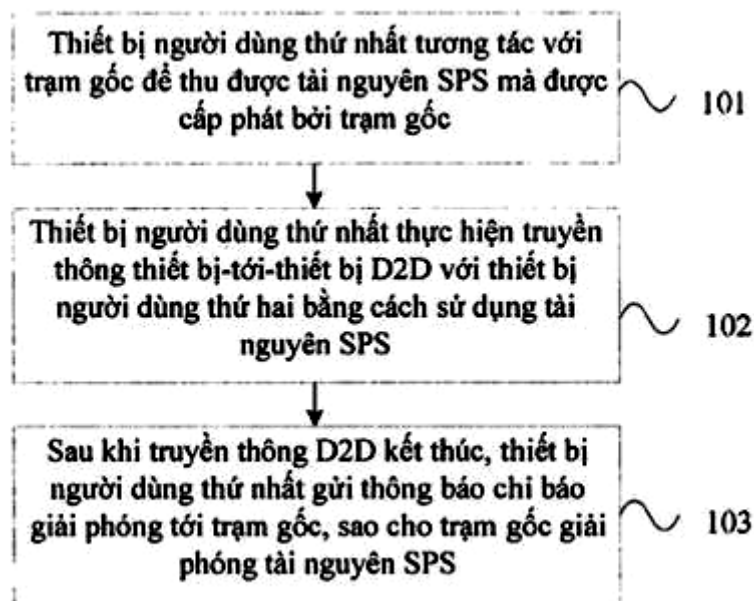


- | | | | |
|---|---|------------------------|---------------|
| (11) 1-0024680 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/06/2014 | 315A |
| (21) 1-2014-00943 | | (85) 24/03/2014 | |
| (22) 30/08/2012 | | (86) PCT/JP2012/072006 | 30/08/2012 |
| (30) 201110256138.4 | 31/08/2011 CN | (87) WO2013/031892 | 07/03/2013 |
| | 2012-032365 | | 17/02/2012 JP |
| (51) C04B 7/38; C04B 7/44; C02F 11/00 | | | |
| (73) MITSUBISHI MATERIALS CORPORATION (JP) | | | |
| | 3-2, Otemachi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8117 Japan | | |
| (72) Hisanobu TANAKA (JP); Makio YAMASHITA (JP); Kazuhide TSUJI (JP); Toshihiko NAKAMURA (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT XI MĂNG | | | |

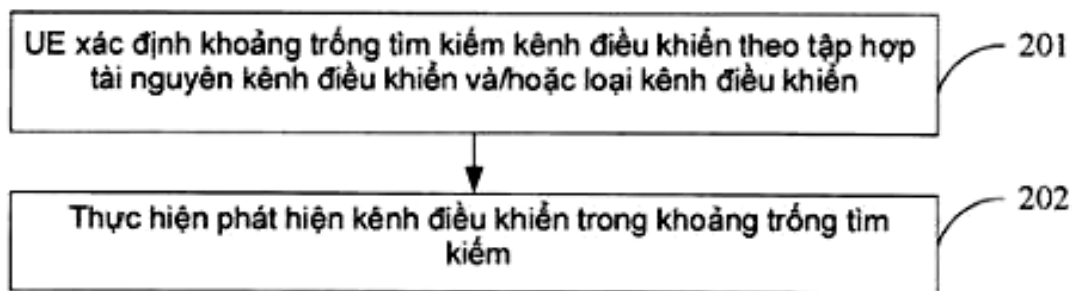
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất xi măng, nhờ đó tạo ra clinke xi măng bằng cách nung nguyên liệu thô xi măng trong lò nung xi măng (1) được duy trì ở nhiệt độ 1400°C hoặc cao hơn bằng ngọn lửa từ lò đốt chính (5), được bố trí trên phần đầu ra của lò (4), khi đưa nguyên liệu thô xi măng được cấp từ phần đầu vào của lò (2) đến phần đầu ra của lò (4), bao gồm bước điều chỉnh lượng P₂O₅ có trong clinke xi măng nằm trong khoảng từ 0,3 đến 1,0% khối lượng, bằng cách bổ sung bùn khô vào lò nung xi măng (1), trong đó lượng chất phụ gia của bùn khô là lượng bù đắp được sử dụng để bù cho sự thay đổi của lượng P₂O₅ trong clinke xi măng hoặc sự thay đổi của lượng P₂O₅ trong nguyên liệu thô xi măng.



- | | | |
|-------------------------|------------------------|-----------------|
| (11) 1-0024681 B | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 |
| | | 345A |
| (21) 1-2016-03854 | (85) 13/10/2016 | |
| (22) 19/03/2014 | (86) PCT/CN2014/073716 | 19/03/2014 |
| | (87) WO2015/139245A1 | 24/09/2015 |
- (51) **H04W 76/06; H04W 76/00; H04W 76/02**
- (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen, Guangdong 518129, China
- (72) CAO, Zhenzhen (CN); LIN, Bo (CN); MA, Jie (CN); GAO, Yongqiang (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP LẬP LỊCH BIỂU BÁN ỔN ĐỊNH, THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG VÀ TRẠM GỐC**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị dùng để lập lịch biểu bán ổn định (SPS, Semi-Persistent Scheduling). Phương pháp lập lịch biểu bán ổn định (SPS) bao gồm các bước: tương tác, bởi thiết bị người dùng thứ nhất, với trạm gốc để thu được tài nguyên SPS mà được cấp phát bởi trạm gốc; thực hiện, bởi thiết bị người dùng thứ nhất, truyền thông thiết bị-tới-thiết bị (D2D, Device-To-Device) với thiết bị người dùng thứ hai bằng cách sử dụng tài nguyên SPS; và sau khi truyền thông D2D kết thúc, gửi, bởi thiết bị người dùng thứ nhất, thông báo chỉ báo giải phóng tới trạm gốc, sao cho trạm gốc giải phóng tài nguyên SPS. Trong các phương án của sáng chế, sau khi truyền thông D2D kết thúc, thiết bị người dùng thứ nhất gửi thông báo chỉ báo giải phóng tới trạm gốc, sao cho trạm gốc có thể giải phóng tài nguyên SPS, ngăn chặn sự lãng phí các tài nguyên.



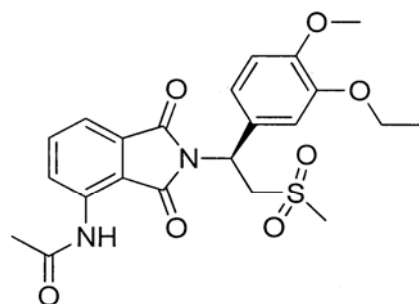
- | | | |
|-------------------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024682 B | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/06/2015 327A |
| (21) 1-2015-01528 | (85) 27/04/2015 | |
| (22) 26/09/2012 | (86) PCT/CN2012/082100 | 26/09/2012 |
| | (87) WO2014/047821A1 | 03/04/2014 |
- (51) **H04W 72/04; H04W 72/12; H04W 72/00**
- (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang Shenzhen, Guangdong 518129, China
- (72) LIU, Kunpeng (CN); LIU, Jianqin (CN); LIU, Jianghua (CN)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP PHÁT HIỆN KÊNH ĐIỀU KHIỂN, PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN KÊNH ĐIỀU KHIỂN, THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG VÀ TRẠM GỐC**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp phát hiện kênh điều khiển và thiết bị người dùng. Phương pháp phát hiện kênh điều khiển bao gồm các bước: xác định, bởi thiết bị người dùng, khoảng trống tìm kiếm kênh điều khiển theo tập hợp tài nguyên kênh điều khiển và/hoặc loại kênh điều khiển; và thực hiện phát hiện kênh điều khiển trong khoảng trống tìm kiếm, ở đó tập hợp tài nguyên kênh điều khiển bao gồm ít nhất một khối tài nguyên vật lý. Theo các phương án của sáng chế, thiết bị người dùng (UE) có thể xác định khoảng trống tìm kiếm kênh điều khiển đường xuống vật lý nâng cao (E-PDCCH) theo tập hợp tài nguyên kênh điều khiển và/hoặc loại kênh điều khiển, nhờ đó thực hiện phát hiện kênh điều khiển của UE. Theo cách này, giải pháp được đưa ra dùng cho kịch bản trong đó nhiều tập hợp tài nguyên kênh điều khiển được tạo cấu hình bởi phía mạng đối với UE.



- (11) **1-0024683 B** (15) 19/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2015-00454 (85) 06/02/2015
(22) 09/07/2013 (86) PCT/US2013/049742 09/07/2013
(30) 61/669,523 09/07/2012 US (87) WO2014/011646 16/01/2014
61/773,669 06/03/2013 US
(51) **C07C 2/08; C07C 9/04; B01J 7/00; C07C 11/04**
(73) **SILURIA TECHNOLOGIES, INC. (US)**
409 Illinois Street, San Francisco, CA 94158, United States of America
(72) Rahul IYER (US); Alex TKACHENKO (US); Sam WEINBERGER (US); Erik, C.
SCHER (US); Guido RADAELLI (IT); Hatem HARRAZ (EG)
(74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ TỰ NHIÊN**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống xử lý khí tự nhiên và hóa dầu bao gồm các hệ thống lò phản ứng liên hợp oxy hóa metan mà được tích hợp với các đầu vào và đầu ra của quy trình để hợp tác sử dụng các đầu vào và đầu ra khác nhau của các hệ thống khác nhau trong việc sản xuất các hydrocarbon cao từ khí tự nhiên và các nguyên liệu hydrocarbon khác.

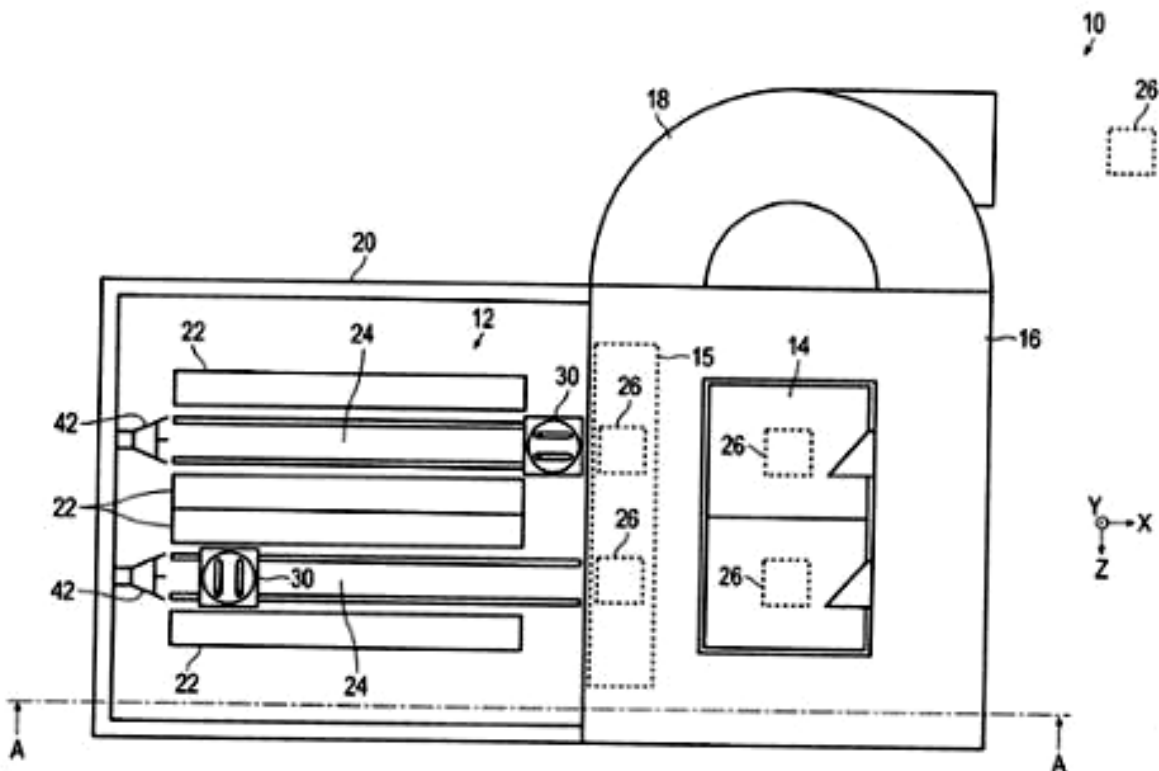
- (11) **1-0024684 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
 (21) 1-2014-02501 (85) 25/07/2014
 (22) 26/12/2012 (86) PCT/US2012/071623 26/12/2012
 (30) 61/580,626 27/12/2011 US (87) WO2013/101810A1 04/07/2013
 (51) **A61K 9/00; A61P 29/00; A61K 9/28; A61K 31/4035**
 (73) **CELGENE CORPORATION (US)**
 86 Morris Avenue, Summit, New Jersey 07901, United States of America
 (72) BHAT, Sreenivas, S. (US); KELLY, Michael, T. (US)
 (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
 (54) **DƯỢC PHẨM VÀ VIÊN NÉN CHỨA HỢP CHẤT (+)-2-[1-(3-ETOXY-4-METOXY-PHENYL)-2-METANSULFONYL-ETYL]-4-AXETYLAMINOISOINDOLIN-1,3-DION**
- (57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm và viên nén chứa hợp chất (+)-2-[1-(3-etoxy-4-metoxi-phenyl)-2-metansulfonyl-etyl]-4-axetylaminisoindolin-1,3-dion, hoặc chất đồng phân lập thể dược dụng, muối, solvat, hydrat hoặc clathrat của chúng. Hợp chất được biết là apremilast và có công thức cấu trúc sau:



(I)

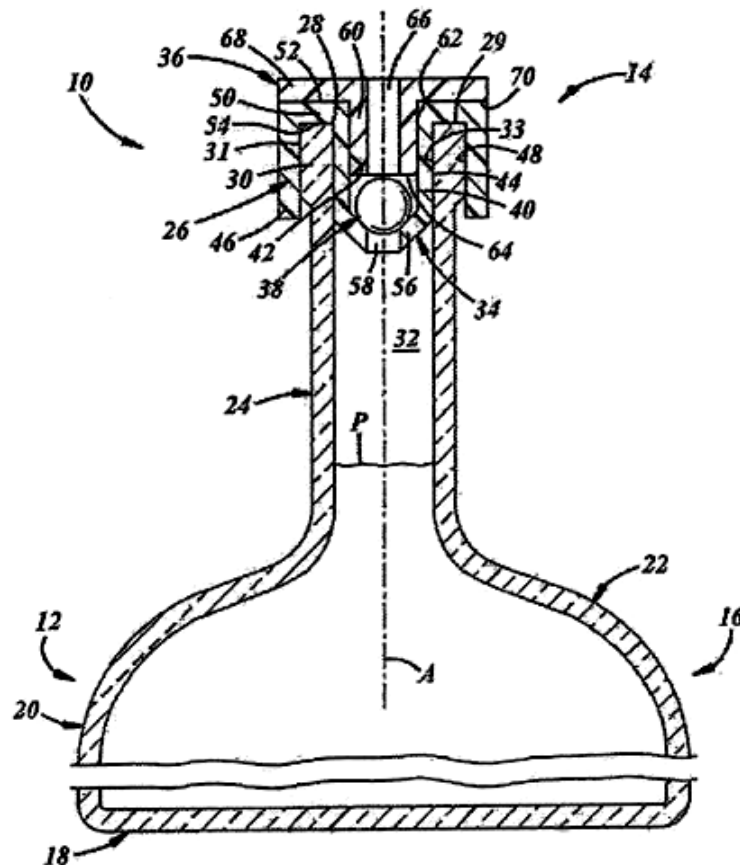
- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024685 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2015 | 330A |
| (21) 1-2015-01991 | | (85) 05/06/2015 | |
| (22) 05/12/2013 | | (86) PCT/IB2013/060664 | 05/12/2013 |
| (30) PCT/IB2012/057012 | 06/12/2012 | IB | (87) WO2014/087365 |
| | | | 12/06/2014 |
- (51) **E04H 5/00**
 (76) **YAP, CHIN KOK (SG)**
 30 Tuas Road, YCH DistriPark, 638492 Singapore
 (74) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)
 (54) **NHÀ KHO NHIỀU TẦNG**

(57) Sáng chế đề cập đến nhà kho nhiều tầng, nhà kho này bao gồm: tòa nhà kho, các tầng phân mức sàn, cầu dốc, một hoặc nhiều hơn một hệ thống cất giữ và tìm kiếm tự động được đặt bên trong tòa nhà kho. Cầu dốc nối các tầng phân mức sàn với mặt đất. Hệ thống cất giữ và tìm kiếm tự động bao gồm hai hàng giá khay nhiều tầng liền kề được tách biệt nhau bởi hành lang. Đầu thứ nhất của hệ thống cất giữ và tìm kiếm tự động được bố trí liền với mặt bên của tầng phân mức sàn. Thiết bị xếp dỡ được đặt trong khu vực hành lang, trong đó thiết bị xếp dỡ vận hành ở các vị trí nâng/đặt được bố trí ở các tầng phân mức sàn cũng như ở các vị trí cất giữ được bố trí ở các hàng giá khay nhiều tầng.

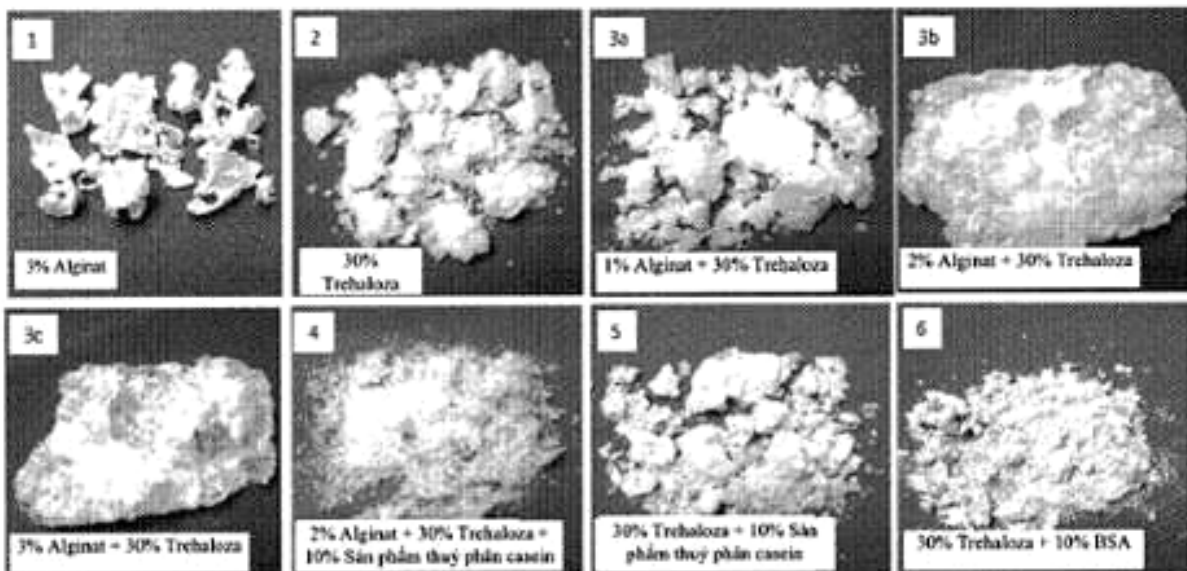


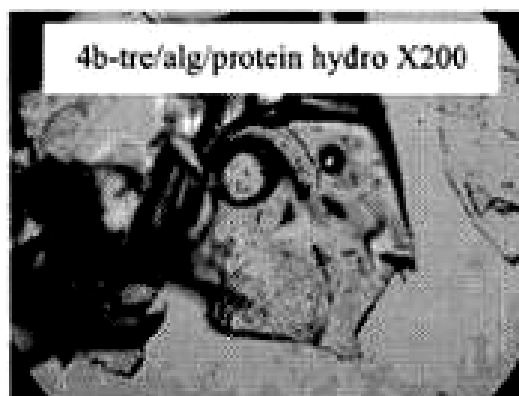
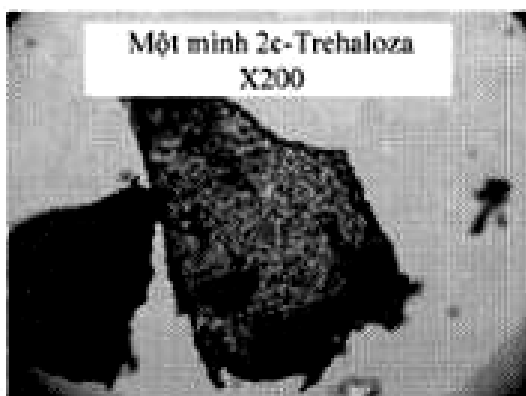
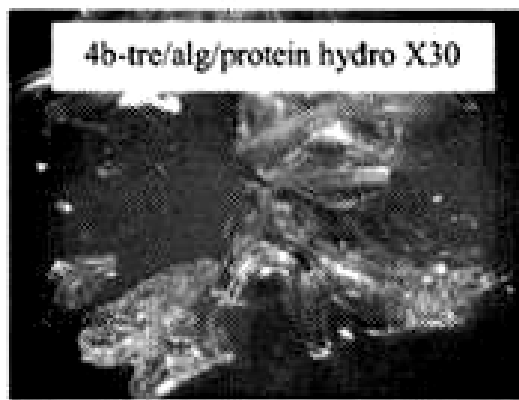
- (11) **1-0024686 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/07/2015 328A
 (21) 1-2015-00347 (85) 30/01/2015
 (22) 29/08/2013 (86) PCT/US2013/057226 29/08/2013
 (30) 13/621,584 17/09/2012 US (87) WO2014/042883 20/03/2014
 (51) **B65D 47/02; B65D 49/10; B65D 49/02**
 (73) **OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)**
 One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43551, United States of America
 (72) KELLOGG, Shawn Eric (US); SMITH, Roger P. (US)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **VẬT CHỨA CHỐNG ĐỔ LẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VẬT CHỨA CHỐNG ĐỔ LẠI**

(57) Sáng chế đề cập tới vật chứa chống đổ lại (10), (110), (210), (410), (610) bao gồm bộ phận chứa (12) bao gồm cổ (24) với bề mặt ở phía trong (33), bộ phận lắp để phân phối và chống đổ lại (14), (114), (214), (414), (614) được bố trí trong cổ của bộ phận chứa, và chứa ít nhất một thành phần gồm hoặc thủy tinh (34), (134), (234), (434), (534), (136), (436), (636), và vật liệu liên kết giữa bộ phận chứa và thành phần gắn bộ phận lắp vào bộ phận chứa theo cách không tháo bỏ ra được và nhờ đó tạo ra bằng chứng về việc can thiệp vào vật chứa. Ngoài ra, sáng chế còn đề xuất phương pháp sản xuất vật chứa chống đổ lại.



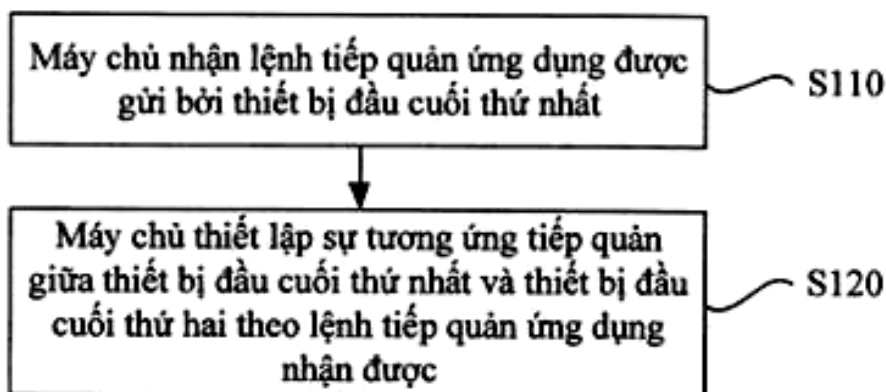
- (11) **1-0024687 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
 (21) 1-2012-01991 (85) 11/07/2012
 (22) 28/01/2011 (86) PCT/US2011/022821 28/01/2011
 (30) 61/299,315 28/01/2010 US (87) WO2011/094469 04/08/2011
 (51) *A01N 31/04; A01N 63/02; A23K 1/00; A23K 1/18; A23K 10/18; A23K 50/80; A23L 1/30; A23L 18/29; A23L 2/52; A23L 33/00; A23L 33/135; A61K 31/07; A61K 35/74; A61K 35/742; A61K 38/48; A61K 47/36; A61K 47/38; A61K 9/16; A61K 9/19; A01N 63/00*
 (73) **ADVANCED BIONUTRITION CORPORATION (US)**
 7155 Columbia Gateway Drive, Columbia, MD 21046-2545, United States of America
 (72) HAREL, Moti (US); SCARBROUGH, January (US); DREWS, Roger (US)
 (74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **CHẾ PHẨM THỦY TINH KHÔ CHỨA VẬT LIỆU CÓ HOẠT TÍNH SINH HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA CHẾ PHẨM NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm khô dạng thủy tinh và phương pháp tạo ra chế phẩm này, với mục đích làm ổn định và bảo vệ vật liệu sinh học trong quá trình bảo quản thô và các điều kiện sử dụng, trong đó chế phẩm này bao gồm vật liệu có hoạt tính sinh học và vật liệu sinh học kết hợp, bao gồm vi khuẩn sống, trong chất tạo nền bảo vệ dạng tinh thể.



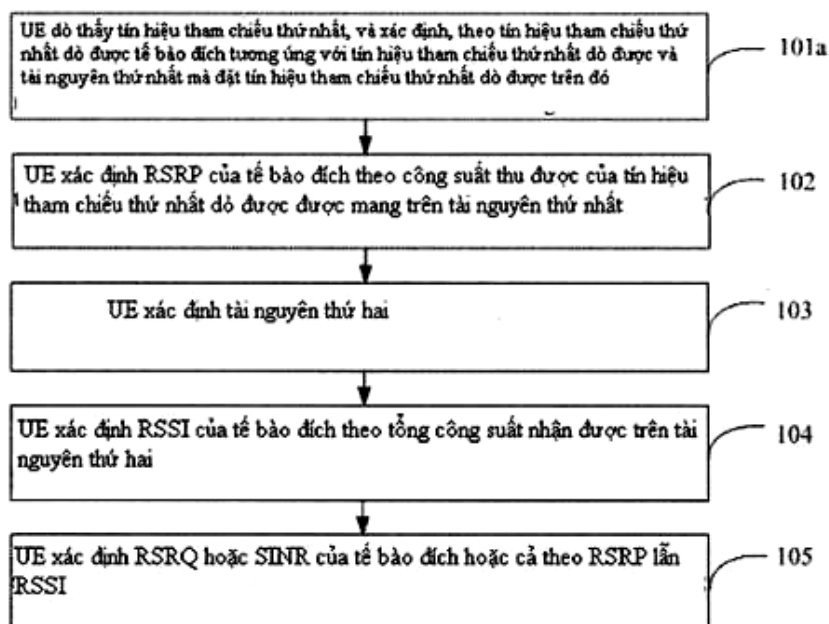


- (11) **1-0024688 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2015-05021 (85) 31/12/2015
 (22) 06/08/2014 (86) PCT/CN2014/083791 06/08/2014
 (30) 201310354128.3 14/08/2013 CN (87) WO2015/021875 19/02/2015
 (51) **H04W 8/08**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
 518129, China
 (72) YANG, Fen (CN); XUE, Fanfan (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG TIẾP QUẢN ỨNG DỤNG, THIẾT BỊ ĐẦU
 CUỐI DI ĐỘNG VÀ MÁY CHỦ**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống tiếp quản ứng dụng, thiết bị đầu cuối di động, và máy chủ. Phương pháp tiếp quản ứng dụng này bao gồm các bước: nhận, bởi máy chủ, lệnh tiếp quản ứng dụng được gửi bởi thiết bị đầu cuối thứ nhất, trong đó lệnh tiếp quản ứng dụng này bao gồm bộ nhận dạng của thiết bị đầu cuối thứ hai và thông tin về ứng dụng, của thiết bị đầu cuối thứ nhất, cần được tiếp quản, lệnh tiếp quản ứng dụng này được dùng để làm cho ứng dụng của thiết bị đầu cuối thứ nhất được tiếp quản bởi thiết bị đầu cuối thứ hai, và lệnh tiếp quản ứng dụng này được tạo ra bởi thiết bị đầu cuối thứ nhất dựa trên hoạt động gửi yêu cầu tiếp quản ứng dụng đến thiết bị đầu cuối thứ hai và nhận đáp ứng chấp nhận tiếp quản được trả về bởi thiết bị đầu cuối thứ hai; và thiết lập, bởi máy chủ, sự tương ứng tiếp quản giữa thiết bị đầu cuối thứ nhất và thiết bị đầu cuối thứ hai theo lệnh tiếp quản ứng dụng. Theo các giải pháp kỹ thuật theo các phương án của sáng chế, ngay cả khi thiết bị đầu cuối thứ hai nhận được các yêu cầu tiếp quản nhiều ứng dụng, thì thông tin động và thông tin vận hành tương ứng có thể được nhận mà không cần phải tải các ứng dụng cần được tiếp quản xuống thiết bị đầu cuối thứ hai, điều này cho phép giảm nhiều thời gian và lưu lượng bị tiêu tốn và không gian bộ nhớ bị chiếm, và thao tác trở nên thuận tiện và dễ dàng.

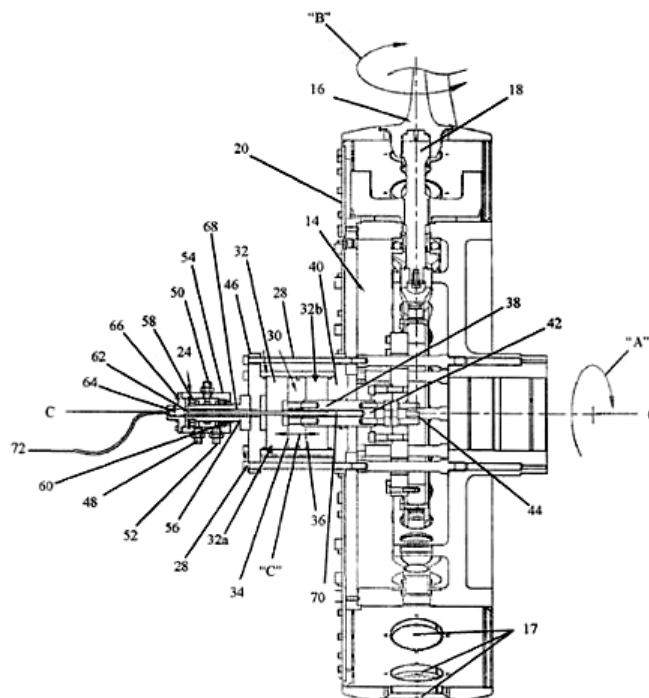


- (11) **1-0024689 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-01778 (85) 18/05/2016
 (22) 27/01/2014 (86) PCT/CN2014/071572 27/01/2014
 (30) PCT/CN2013/086089 28/10/2013 CN (87) WO2015/062178 07/05/2015
 PCT/CN2013/087638 21/11/2013 CN
 (51) **H04L 1/18; H04W 24/00**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang Shenzhen, Guangdong 518129, China
 (72) GUAN, Lei (CN); XUE, Lixia (CN); MAZZARESE, David (FR)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO LƯỜNG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÔ TUYẾN**
 (57) Sáng chế liên quan đến lĩnh vực truyền thông, và đề xuất phương pháp, thiết bị, và hệ thống đo lường quản lý tài nguyên vô tuyến, có thể cải thiện hiệu suất và độ chính xác đo lường quản lý tài nguyên vô tuyến. Phương pháp gồm: xác định, bởi UE (User Equipment, thiết bị người dùng) theo tín hiệu tham chiếu thứ nhất được dò thấy, tài nguyên thứ nhất mà đặt tín hiệu tham chiếu thứ nhất dò được trên đó; xác định, bởi UE, RSRP (reference signal received power, công suất nhận được tín hiệu tham chiếu) của tế bào đích theo công suất thu được của tín hiệu tham chiếu thứ nhất dò được được mang trên tài nguyên thứ nhất; xác định, bởi UE, tài nguyên thứ hai; xác định, bởi UE, RSSI (received signal strength indicator, bộ chỉ báo cường độ tín hiệu nhận được) của tế bào đích theo tổng công suất nhận được trên tài nguyên thứ hai; và xác định, bởi UE, RSRQ (reference signal received quality, chất lượng nhận được tín hiệu tham chiếu) hoặc SINR (signal to interference plus noise ratio, tỷ lệ tín hiệu trên giao thoa cộng nhiễu) của tế bào đích hoặc cả hai theo RSRP và RSSI. Phương pháp được áp dụng cho đo lường quản lý tài nguyên vô tuyến.



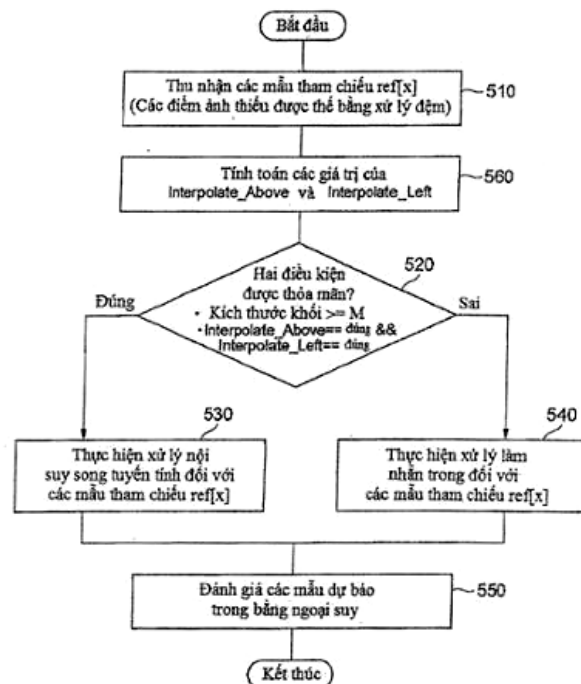
- | | | | |
|-------------------------|------------------------|-----------------|------------|
| (11) 1-0024690 B | (15) 19/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2015 | 333A |
| (21) 1-2015-03846 | (85) 13/10/2015 | | |
| (22) 13/03/2013 | (86) PCT/EP2013/055110 | | 13/03/2013 |
| | (87) WO2014/139560 | | 18/09/2014 |
- (51) **F04D 27/00; F04D 29/36; F04D 25/04**
 (73) **HOWDEN AXIAL FANS APS (DK)**
 Industrivej 23, DK-4700 Naestved, Denmark
 (72) SIMONSEN, Jan (DK)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **ĐẦU NỐI DẦU QUAY, HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐO SỰ DỊCH CHUYỂN CỦA HỆ THỐNG ĐIỀU CHỈNH DỪNG CHO QUẠT THỔI DỌC TRỰC**

(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống đo sự dịch chuyển của hệ thống điều chỉnh dừng cho quạt thổi dọc trực có bước thay đổi được. Hệ thống bao gồm moayơ có các cánh quạt có thể điều chỉnh bước. Xi lanh thủy lực được nối với moayơ. Pit tông được bố trí bên trong xi lanh thủy lực. Pit tông được lắp với trục pit tông có thể dịch chuyển dọc trục tương đối với moayơ. Trục pit tông được nối với cụm kích hoạt để điều chỉnh bước của các cánh quạt có thể điều chỉnh bước đáp ứng với dịch chuyển dọc trục của pit tông. Đầu nối dầu quay bao gồm vỏ và chi tiết bên trong, chi tiết bên trong nối với xi lanh thủy lực sao cho chuyển động quay của xi lanh và moayơ làm quay của chi tiết bên trong. Đầu nối dầu quay bao gồm vỏ cố định và đầu dò xuyên tâm cố định với vỏ cố định. Đầu dò xuyên tâm nhô qua các lỗ tương ứng ở chi tiết bên trong, xi lanh thủy lực, và pit tông. Đầu dò xuyên tâm được tạo kết cấu để dò vị trí dọc trục của pit tông và tạo ra tín hiệu biểu thị vị trí dọc trục. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp dùng cho hệ thống này.



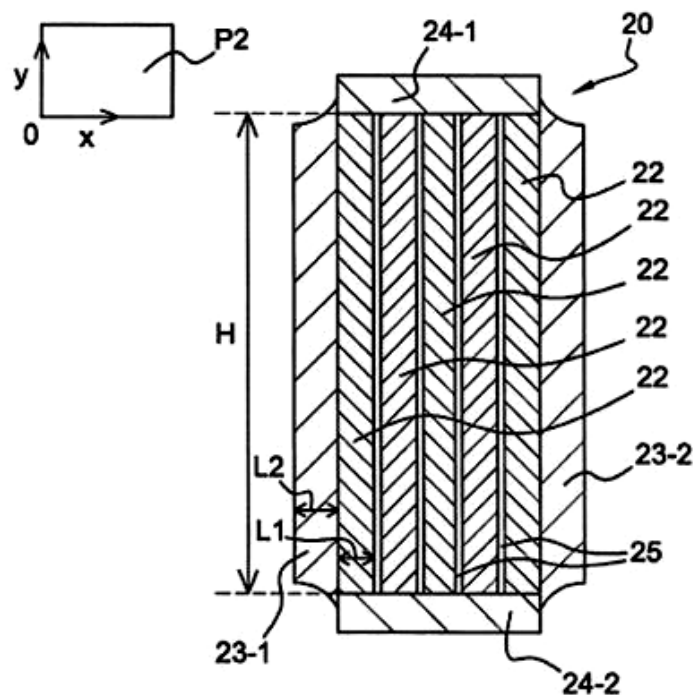
- (11) **1-0024691 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-03004 (85) 02/04/2015
 (22) 17/06/2013 (86) PCT/JP2013/066616 17/06/2013
 (30) 2012-209626 24/09/2012 JP (87) WO2014/045651A1 27/03/2014
 (51) **H04N 7/32**
 (62) 1-2015-01126
 (73) **NTT DOCOMO, INC. (JP)**
 11-1, Nagatacho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-6150 Japan
 (72) SUZUKI Yoshinori (JP); BOON Choong Seng (MY); TAN Thiow Keng (MY)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ MÃ HÓA DỰ BÁO HÌNH ẢNH ĐỘNG, THIẾT BỊ GIẢI MÃ DỰ BÁO HÌNH ẢNH ĐỘNG, PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA DỰ BÁO HÌNH ẢNH ĐỘNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ DỰ BÁO HÌNH ẢNH ĐỘNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp mã hóa dự báo video, thiết bị và phương pháp giải mã dự báo video, trong đó thiết bị giải mã bao gồm phương tiện giải mã để giải mã thông tin về hướng của dự báo trong hình ảnh khối đích và dữ liệu nén của tín hiệu dự báo, phương tiện tạo tín hiệu dự báo để tạo tín hiệu dự báo trong hình ảnh bằng cách sử dụng thông tin về hướng và mẫu tham chiếu được cấu trúc lại trước của khối liền kề, phương tiện khôi phục tín hiệu dự báo để khôi phục tín hiệu dự báo được cấu trúc lại của khối đích, và phương tiện lưu giữ khối để khôi phục và lưu giữ tín hiệu điểm ảnh của khối đích. Phương tiện tạo tín hiệu dự báo thu được các mẫu tham chiếu từ khối được cấu trúc lại trước lân cận khối đích được lưu giữ, lựa chọn hai mẫu tham chiếu chính hoặc nhiều hơn hai mẫu tham chiếu chính, thực hiện xử lý nội suy giữa các mẫu tham chiếu chính để tạo các mẫu tham chiếu được nội suy, và tạo tín hiệu dự báo trong hình ảnh bằng cách ngoại suy các mẫu tham chiếu được nội suy dựa vào hướng của dự báo trong hình ảnh.



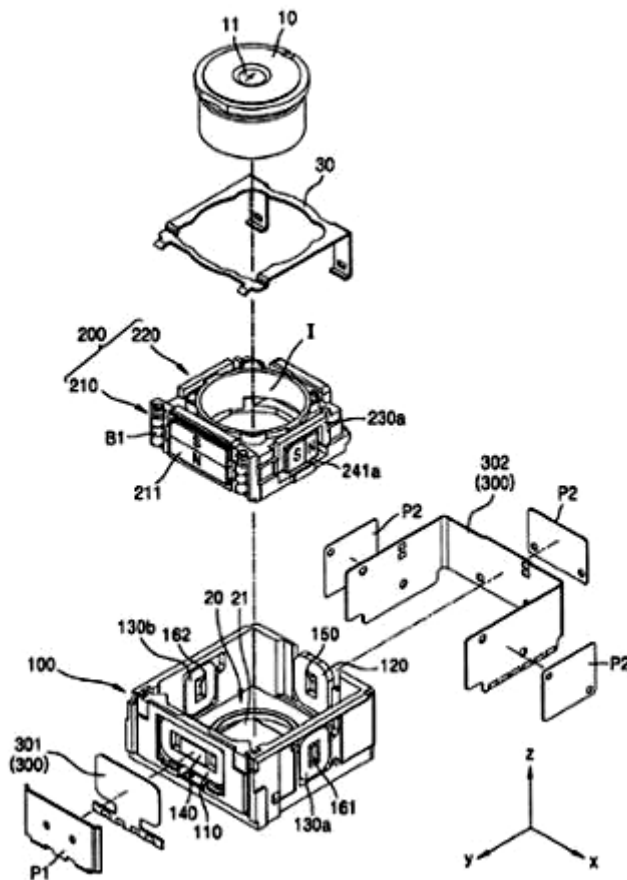
- | | | | |
|--|---|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024692 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2016 | 338A |
| (21) 1-2016-00417 | | (85) 01/02/2016 | |
| (22) 17/07/2014 | | (86) PCT/EP2014/065408 | 17/07/2014 |
| (30) 1357124 | 19/07/2013 | FR | (87) WO2015/007851 |
| | | | 22/01/2015 |
| (51) F22B 37/20; F22B 37/00 | | | |
| (73) AREVA NP (FR) | | | |
| | 1 Place Jean Millier - Tour AREVA, F-92400 Courbevoie, France | | |
| (72) CRENN, Claude (FR) | | | |
| (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW) | | | |
| (54) THANH CHỐNG RUNG CỦA HỆ THỐNG ỐNG DẪN MÁY TẠO HƠI NƯỚC | | | |

- (57) Sáng chế đề cập đến thanh chống rung (20) có thể được xen giữa các đoạn uốn cong của các ống dẫn của hai giàn ống dẫn liền kề của hệ thống ống trong máy tạo hơi nước và bao gồm: - ít nhất một thành phần bên trong (22), được gọi là thành phần chống rung, được thiết kế làm giảm cơ học sự rung động của các ống dẫn; - ít nhất một thành phần bên ngoài (23-1, 23-2), được gọi là thành phần rung động, tiếp xúc với thành phần chống rung (22) nêu trên, thành phần rung động này được thiết kế tiếp xúc với đoạn uốn cong của hệ thống các ống dẫn.



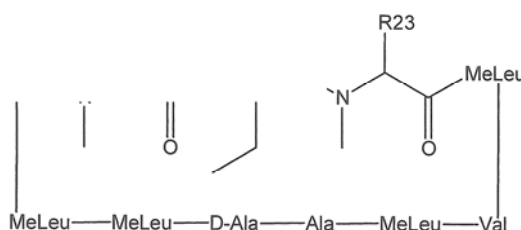
- (11) **1-0024693 B** (15) 19/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
- (21) 1-2016-00859 (85) 08/03/2016
- (22) 05/08/2014 (86) PCT/KR2014/007209 05/08/2014
- (30) 10-2013-0098132 19/08/2013 KR (87) WO2015/026078 26/02/2015
- (51) **G03B 13/36; G03B 3/10; G03B 17/02**
- (73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 16677, Republic of Korea
- (72) HWANG, Young-jae (KR); BYON, Kwang-seok (KR); LEE, Seung-hwan (KR);
JUNG, Bong-su (KR)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
- (54) **MÔĐUN CAMERA**

- (57) Sáng chế đề cập đến môđun camera bao gồm vành ống kính có ít nhất một nhóm thấu kính; khung chuyển động để lắp vành ống kính và dịch chuyển được theo hướng trục quang học và theo hướng thứ nhất và hướng thứ hai vuông góc với hướng trục quang học; khung cố định để đỡ di động cho khung chuyển động và tạo ra lực dẫn động theo hướng trục quang học, lực dẫn động theo hướng thứ nhất và lực dẫn động theo hướng thứ hai cho khung chuyển động; và để gắn khung cố định và chứa bộ cảm biến hình ảnh được đặt cách xa ít nhất một nhóm thấu kính theo hướng trục quang học.



- (11) **1-0024694 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2013 306A
 (21) 1-2013-02169 (85) 12/07/2013
 (22) 14/12/2011 (86) PCT/CA2011/050773 14/12/2011
 (30) 61/423,576 15/12/2010 US (87) WO2012/079172 21/06/2012
 (51) **C07K 7/64; C07K 1/113; A61K 38/12; A61K 38/13**
 (73) **CONTRAVIR PHARMACEUTICALS, INC. (US)**
 399 Thornall Street, 1st Floor, Edison, New Jersey 08837, United States of America
 (72) Alexander HEGMANS (CA); Bruce W. FENSKE (CA); Dan J. TREPANIER (CA);
 Mark D. ABEL (CA); Shin SUGIYAMA (CA); Darren R. URE (CA)
 (74) Công ty TNHH Lê & Lê (LE & LE)
 (54) **HỢP CHẤT TƯƠNG TỰ XYCLOSPORIN ĐƯỢC CẢI BIẾN TẠI CÁC VỊ TRÍ AXIT AMIN 1 VÀ 3, VÀ QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất tương tự xyclosporin-A bao gồm sự cải biến của các phân tử thể ở các vị trí axit amin 1 và 3, theo công thức sau đây. Các hợp chất được bộc lộ gồm có các hợp chất có ái lực đối với xyclophilin-A, và làm giảm hoạt động ức chế miễn dịch so với xyclosporin-A và các chất tương tự của nó được cải biến chỉ ở vị trí 1. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến quy trình điều chế hợp chất này.



Bảng 5

Tên h/c cải biến -1	Cấu trúc đã cải biến-1	Cấu trúc đã cải biến-1		1 + 3-D-MeAla	
		Sự ức chế CyP A Số lần hiệu lực so với CsA	% ức chế miễn dịch so với CsA	Sự ức chế CyP A Số lần hiệu lực so với CsA	% ức chế miễn dịch so với CsA
404-58		0,16	<1	1,3	<1
430-171		2,3		8,7	<1
420-19		3,7	<1	9,5	3,4
436-08		3,7	<1	14,3	3
404-98		1,2	6,5	15	7,6

- (11) **1-0024695 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2015 323A
 (21) 1-2014-00780
 (22) 12/03/2014
 (30) 2013-164178 07/08/2013 JP

(51) **H02K 3/28**

(73) **1. KABUSHIKI KAISHA TOSHIBA (JP)**

1-1, Shibaura 1-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

2. TOSHIBA INDUSTRIAL PRODUCTS AND SYSTEMS CORPORATION (JP)

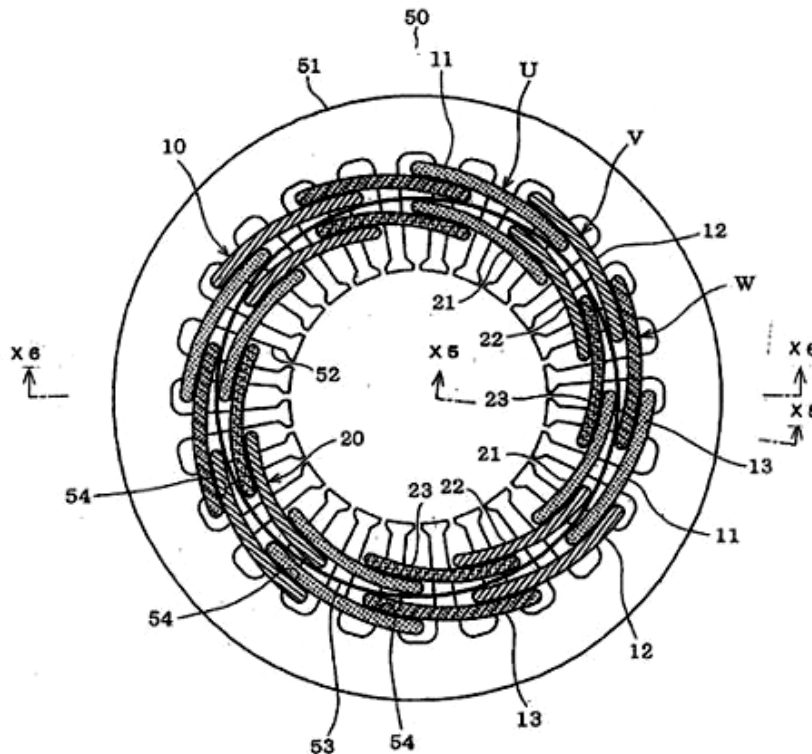
2121, Nao, Asahi-cho, Mie-Gun, Mie-Prefecture, 510-8521, Japan

(72) Minoru AWAZU (JP); Kyouichi OKADA (JP); Isamu NITTA (JP); Hisaaki SHIMOZU (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **MÁY ĐIỆN QUAY VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT MÁY ĐIỆN QUAY**

(57) Máy điện quay bao gồm stato có lõi stato, các nhóm bôi dây và rôto. Các nhóm bôi dây bao gồm nhóm bôi dây thứ nhất nằm ở phía chu vi ngoài của lõi stato và nhóm bôi dây thứ hai nằm ở phía chu vi trong của lõi stato. Các nhóm bôi dây thứ nhất và thứ hai được tạo nên thành dạng hình khuyên bằng cách gài các bôi dây đơn vào trong các rãnh lõi stato sao cho các bôi dây liền kề theo chiều chu vi chồng xen kẽ theo chiều hướng kính sao cho bên trong và bên ngoài của phần chồng xen kẽ với nhau. Nhóm bôi dây thứ nhất được bố trí để bao quanh bên ngoài của nhóm bôi dây thứ hai. Các nhóm bôi dây thứ nhất và thứ hai được bố trí theo cách đồng tâm. Các bôi dây đơn cấu thành nhóm bôi dây thứ hai có các độ dài theo chu vi nhỏ hơn so với các bôi dây đơn cấu thành nhóm bôi dây thứ nhất.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024696 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/06/2015 | 327A |
| (21) 1-2015-00982 | | (85) 24/03/2015 | |
| (22) 05/08/2013 | | (86) PCT/CN2013/080835 | 05/08/2013 |
| (30) 201210305226.3 | 24/08/2012 CN | (87) WO2014/029268 | 27/02/2014 |

(51) **H04N 7/173**

(73) **ZTE CORPORATION (CN)**

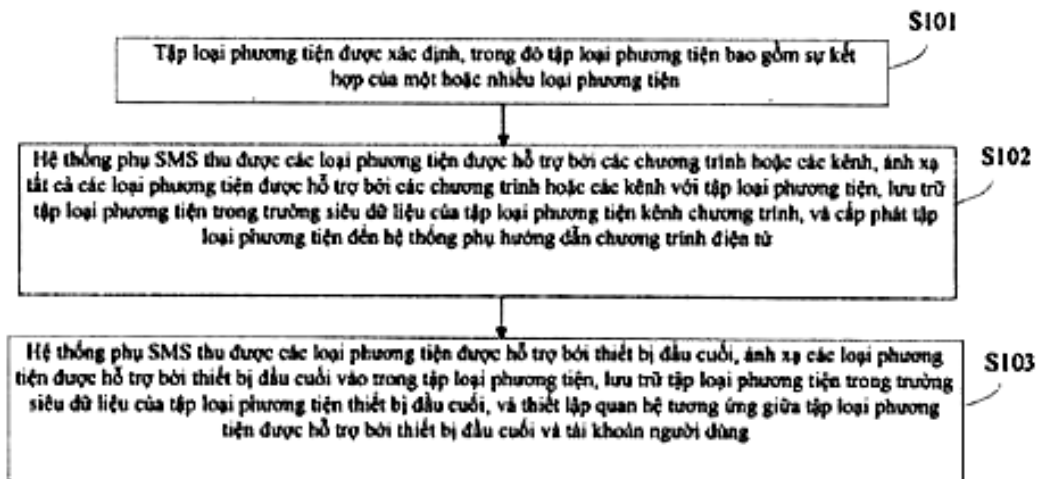
ZTE Plaza, Keji Road South, Hi-Tech Industrial Park, Nanshan, Shenzhen, Guangdong 518057, China

(72) YANG, Jingang (CN); LI, Rui (CN); WU, Bingliang (CN); JIAO, Tianguang (CN); ZHAO, Lei (CN); ZHOU, Peng (CN)

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP PHÁT PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ XỬ LÝ LOẠI PHƯƠNG TIỆN, VÀ HỆ THỐNG PHỤ HƯỚNG DẪN CHƯƠNG TRÌNH ĐIỆN TỬ TRONG HỆ THỐNG TRUYỀN HÌNH GIAO THỨC INTERNET**

- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp và thiết bị xử lý loại phương tiện, phương pháp phát phương tiện và hệ thống phụ hướng dẫn chương trình điện tử (Electronic Program Guide - EPG) trong hệ thống truyền hình giao thức internet (Internet Protocol Television - IPTV). Phương pháp xử lý và phương pháp phát phương tiện bao gồm các bước: xác định tập loại phương tiện; hệ thống phụ của hệ thống quản lý dịch vụ (Service Management System - SMS) ánh xạ tất cả loại phương tiện được hỗ trợ bởi các chương trình hoặc các kênh vào trong tập loại phương tiện, và cấp phát đến hệ thống phụ EPG; ánh xạ loại phương tiện được hỗ trợ bởi thiết bị đầu cuối vào tập loại phương tiện; sau khi việc xác thực được thông qua, hệ thống phụ SMS trả về tập loại phương tiện được hỗ trợ bởi thiết bị đầu cuối cho hệ thống phụ EPG; và sau khi hệ thống phụ EPG nhận yêu cầu phát phương tiện từ thiết bị đầu cuối, đánh giá xem tập loại phương tiện được hỗ trợ bởi thiết bị đầu cuối có phù hợp với tập loại phương tiện được hỗ trợ bởi các chương trình hoặc các kênh không, và nếu phù hợp, khi đó thu thông tin về chương trình vật lý có thể phát được từ cơ sở dữ liệu và cấp phát đến thiết bị đầu cuối để phát.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024697 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/01/2014 | 310A |
| (21) 1-2013-03161 | | (85) 08/10/2013 | |
| (22) 07/03/2012 | | (86) PCT/US2012/028081 | 07/03/2012 |
| (30) 61/450,555 | 08/03/2011 | US | (87) WO2012/122275 |
| | | | 13/09/2012 |
| | 61/451,496 | 10/03/2011 | US |
| | 61/451,485 | 10/03/2011 | US |
| | 61/452,384 | 14/03/2011 | US |
| | 61/494,855 | 08/06/2011 | US |
| | 61/497,345 | 15/06/2011 | US |
| | 13/413,472 | 06/03/2012 | US |

(51) **H04N 7/26; H04N 7/50; H04N 7/30**

(73) **VELOS MEDIA INTERNATIONAL LIMITED (IE)**

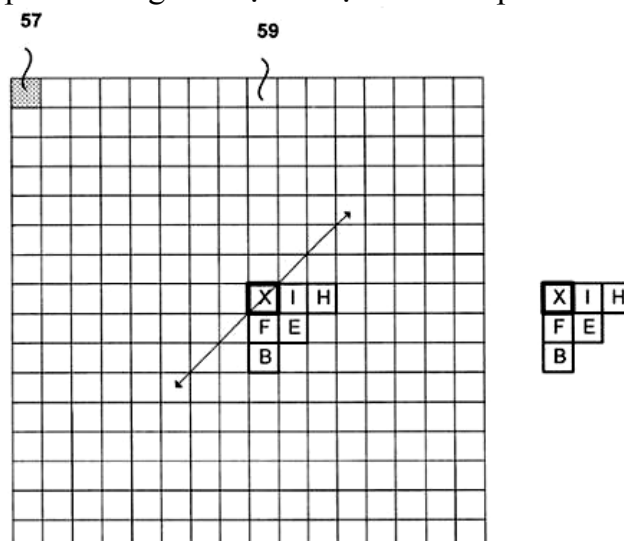
United 32, the Hyde Building, The Park, Carrickmines, Dublin 18 Ireland.

(72) SOLE ROJALS, Joel (ES); JOSHI, Rajan L. (US); KARCZEWICZ, Marta (US)

(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

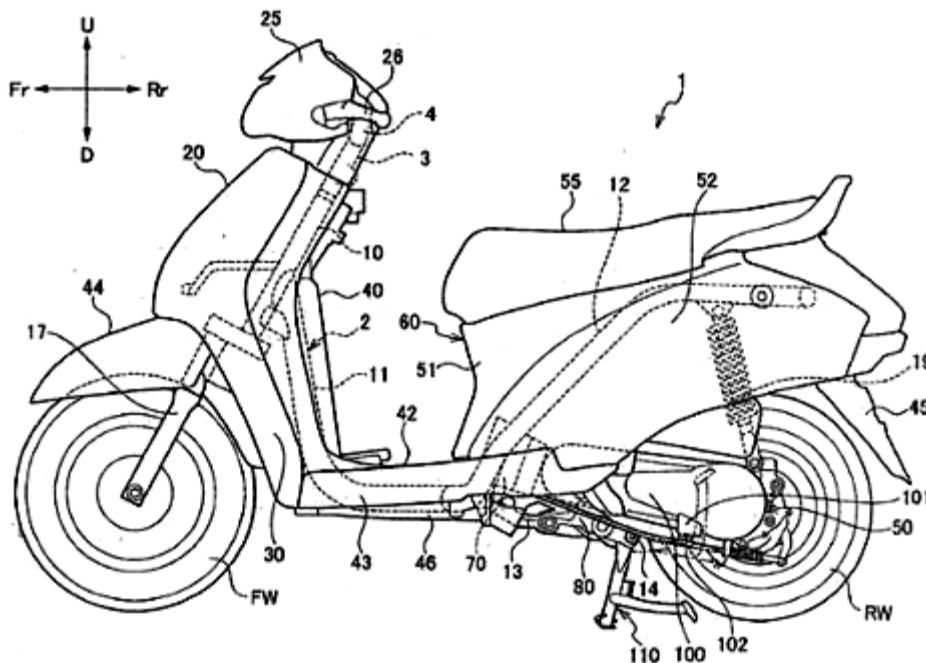
(54) **PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA, THIẾT BỊ MÃ HÓA CÁC HỆ SỐ BIẾN ĐỔI TRONG QUY TRÌNH MÃ HÓA VIDEO VÀ VẬT GHI BẮT BIẾN ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị mã hóa các hệ số biến đổi liên quan đến khối dữ liệu video dư trong quy trình mã hóa video. Các khía cạnh của sáng chế đề cập đến kỹ thuật chọn thứ tự quét cho cả quy trình mã hóa ảnh xạ có nghĩa và mã hóa mức, cũng như chọn ngữ cảnh để mã hóa entropy phù hợp với thứ tự quét đã chọn. Sáng chế đề cập đến kỹ thuật điều hòa thứ tự quét để mã hóa cả ảnh xạ có nghĩa của các hệ số biến đổi cũng như mã hóa các mức của hệ số biến đổi. Dự tính rằng thứ tự quét ảnh xạ có nghĩa cần phải theo chiều ngược (tức là, từ tần số cao hơn đến tần số thấp hơn). Sáng chế còn đề xuất các hệ số biến đổi được quét trong các tập hợp con ngược với các khối con cố định. Cụ thể, các hệ số biến đổi được quét trong tập hợp con bao gồm một số hệ số liên tiếp theo thứ tự quét.



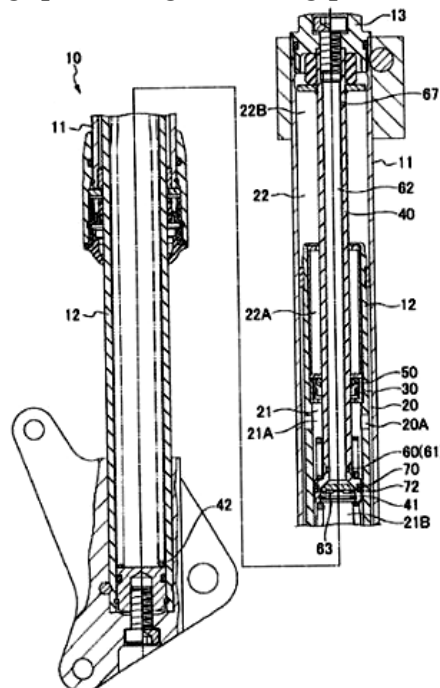
- (11) **1-0024698 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2017 349A
 (21) 1-2016-03544
 (22) 22/09/2016
 (30) 2015-194002 30/09/2015 JP
 (51) **B60K 17/06; B62J 99/00; B62H 1/02**
 (73) **HONDA MOTOR CO., LTD.** (JP)
 1-1, Minami-Aoyama, 2-chome, Minato-ku, Tokyo 107-8556 Japan
 (72) Hiroyuki SUGIURA (JP); Yuki NAGATA (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **XE KIỂU ĐỂ CHÂN HAI BÊN**

(57) Sáng chế đề cập đến xe kiểu để chân hai bên có kết cấu đơn giản mà có thể ngăn không cho nước mưa hoặc bụi đi vào cửa xả mà không tăng số lượng chi tiết. Xe kiểu để chân hai bên (1) có cụm động lực (50) với hộp trục khuỷu (80) và nắp hộp trục khuỷu (100) che hộp trục khuỷu (80) từ bên ngoài theo hướng chiều rộng của xe, và chân chống giữa (110) được lắp quay được bên dưới cụm động lực (50) để được đặt ở trạng thái dựng đứng hoặc ở trạng thái cất giữ. Cửa xả (102) được bố trí ở phía dưới nắp hộp trục khuỷu (100) nhằm xả gió làm mát để làm mát bộ truyền động biến thiên liên tục kiểu đai hình thang (90). Cửa xả (102) được bố trí để được che bởi chân chống giữa (110) ở trạng thái cất giữ.



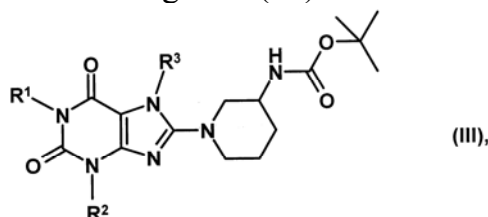
- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024699 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2012 | 294A |
| (21) 1-2012-00165 | | (85) 18/01/2012 | |
| (22) 20/05/2010 | | (86) PCT/JP2010/058543 | 20/05/2010 |
| (30) 2009-269234 | 26/11/2009 JP | (87) WO2011/065040A1 | 03/06/2011 |
- (51) **F16F 9/32; F16F 9/18**
 (73) **SHOWA CORPORATION (JP)**
 14-1, Fujiwara-cho 1-chome, Gyoda-shi, SAITAMA, JAPAN
 (72) Osamu NAGAI (JP)
 (74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N & ASS.)
 (54) **BỘ GIẢM CHẤN THỦY LỰC**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ giảm chấn thủy lực, trong đó diện tích mặt cắt ngang của buồng dầu hình khuyên (20) được tạo ra bằng hoặc lớn hơn diện tích mặt cắt ngang của cần pit tông (40), chi tiết vách ngăn (30) có van kiểm tra vách ngăn (50) để ngăn dòng chảy của dầu từ buồng dầu (21) tới buồng bể chứa dầu (22) trong chu kỳ giãn nở, và cho phép dòng chảy của dầu chảy từ buồng bể chứa dầu (22) tới buồng dầu (21) trong chu kỳ nén với lượng bổ sung để được bổ sung vào buồng dầu hình khuyên (20) do sự khác nhau giữa diện tích mặt cắt ngang của buồng dầu hình khuyên (20) và diện tích mặt cắt ngang của cần pit tông (40), và bộ giảm chấn thủy lực lưu thông dầu với lượng nén của buồng dầu phía cần pit tông (21A), và dầu với lượng xả để được xả ra từ buồng dầu hình khuyên (20) do sự khác nhau giữa diện tích mặt cắt ngang của buồng dầu hình khuyên (20) và diện tích mặt cắt ngang của cần pit tông (40), từ buồng dầu phía cần pit tông (21A) tới buồng dầu phía cần pit tông (21B) và buồng bể chứa dầu (22) chỉ thông qua một đường nối thông phía giãn nở (60), trong chu kỳ giãn nở, và lưu thông dầu trong buồng dầu phía cần pit tông (21B) từ buồng dầu phía cần pit tông (21B) tới buồng dầu phía cần pit tông (21A) một cách trực tiếp thông qua đường nối thông phía nén (70) trong chu kỳ nén.



- (11) **1-0024700 B** (15) 19/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/05/2013 302A
(21) 1-2012-03295 (85) 18/03/2005
(22) 18/08/2003 (86) PCT/EP2003/009127 18/08/2003
(30) 102 38 243.3 21/08/2002 DE (87) WO2004/018468 04/03/2004
103 12 353.9 20/03/2003 DE
(51) **C07D 473/04; A61K 31/522; A61P 3/10**
(62) 1-2009-00361
(73) **BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)**
Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim am Rhein, Germany
(72) HIMMELSBACH, Frank (DE); LANGKOPF, Elke (DE); ECKHARDT, Matthias
(DE); MARK, Michael (DE); MAIER, Roland (DE); LOTZ, Ralf, Richard, Hermann
(DE); TADAYYON, Mohammad (GB)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **HỢP CHẤT 8-[3-AMINO-PIPERIDIN-1-YL]-XANTHIN VÀ QUY TRÌNH
BẢO CHẾ DƯỢC PHẨM**

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (III):



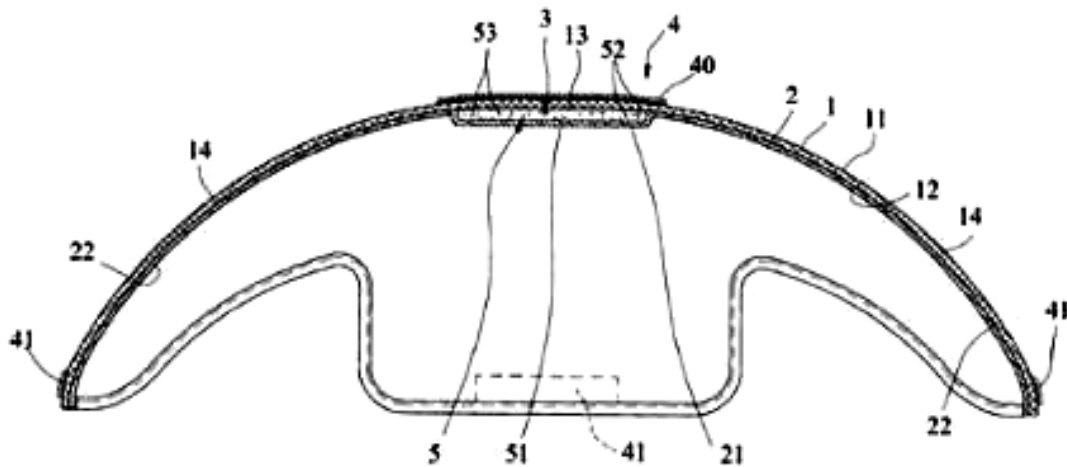
trong đó các nhóm R¹ đến R³ là như được xác định trong phần mô tả và yêu cầu bảo hộ. Sáng chế cũng đề cập đến quy trình bào chế dược phẩm chứa hợp chất có công thức chung (III)

- (11) **1-0024701 B** (15) 19/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A
(21) 1-2013-02430 (85) 01/08/2013
(22) 02/02/2012 (86) PCT/EP2012/051747 02/02/2012
(30) 61/439,378 04/02/2011 US (87) WO2012/104369 09/08/2012
11154653.7 16/02/2011 EP
(51) *A01N 43/22; A01N 25/02; A01N 25/04; A01N 49/00; A01P 7/04; A01N 55/00; A01N 55/10; A01N 57/14; A01N 63/00; A01N 25/00; A01N 51/00*
(73) **BASF SE (DE)**
67056 Ludwigshafen, Germany
(72) TARANTA, Claude (FR); MUELLER, Helmut (DE); KLEIN, Clark D. (US);
AUSTIN, James W. (US); WEINMUELLER, Egon (DE); STUTZ, Susanne (DE)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **CHẾ PHẨM LỎNG CHỨA POLYORGANOSILOXAN, PHƯƠNG PHÁP
ĐIỀU CHẾ CHẾ PHẨM LỎNG NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ
CÔN TRÙNG**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm lỏng chứa polyorganosiloxan, chất diệt ấu trùng bao gồm temephos, spinozad, dinetofuran, methopren, Bacillus thuringiensis, Bacillus thuringiensis israelensis, hoặc Bacillus sphaericus, và dung môi hữu cơ tổng hợp không trộn lẫn vào nước với lượng ít nhất là 10% khối lượng. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều chế chế phẩm này bao gồm bước trộn polyorganosiloxan, chất diệt ấu trùng, và tùy ý các thành phần khác; và phương pháp phòng trừ côn trùng, trong đó chế phẩm này được đưa lên bề mặt nước.

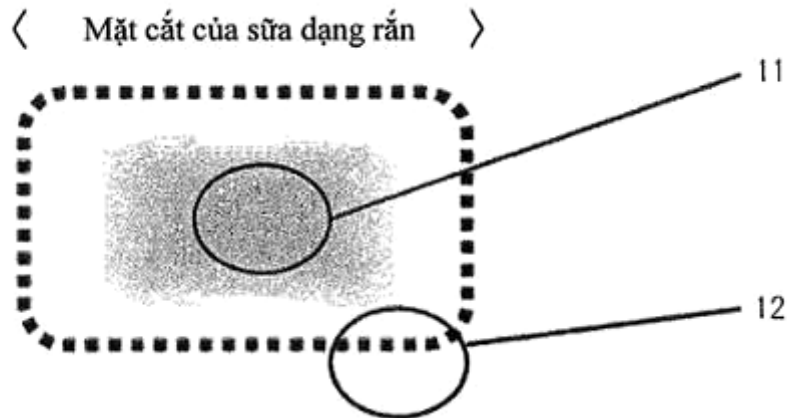
- (11) **1-0024702 B** (15) 19/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
(21) 1-2014-03225
(22) 25/09/2014
(30) 103209473 29/05/2014 TW
(51) **A42B 3/10**
(73) **HOMEWAY TECHNOLOGY CO., LTD.** (TW)
No. 3, Lane 25, Taizi 4th Street, Rende District, Tainan City, Taiwan
(72) Chin-Hsing HSIEH (TW)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **MIẾNG LÓT MŨ BẢO HIỂM**

- (57) Sáng chế đề cập đến miếng lót mũ bảo hiểm được làm thích ứng để được gắn vào mặt trong của mũ bảo hiểm, lớp lót mũ bảo hiểm này bao gồm lớp liên kết (1), lớp làm mát (2), và lớp đệm chức năng (5). Lớp liên kết (1) bao gồm mặt thứ nhất (11) được làm thích ứng để tiếp xúc với mặt trong của mũ bảo hiểm, và mặt thứ hai (12) đối nhau với mặt thứ nhất (11). Lớp làm mát (2) được liên kết với mặt thứ hai (12) của lớp liên kết (1). Lớp đệm chức năng (5) được bố trí giữa lớp liên kết (1) và lớp làm mát (2) và phát ra bức xạ hồng ngoại xa và giải phóng ion âm.



- | | | | |
|---|--|------------------------|------------|
| (11) 1-0024703 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/05/2013 | 302A |
| (21) 1-2012-03724 | | (85) 12/12/2012 | |
| (22) 13/06/2011 | | (86) PCT/JP2011/003331 | 13/06/2011 |
| (30) 2010-134612 | 13/06/2010 JP | (87) WO2011/158480 | 22/12/2011 |
| (51) A23C 9/18 | | | |
| (73) MEIJI CO., LTD. (JP) | | | |
| | 1-2-10, Shinsuna, Koto-ku, Tokyo, 1360075, Japan | | |
| (72) SHIBATA, Mitsuho (JP); OHTSUBO, Kazumitsu (JP); SATAKE, Yoshinori (JP); KASHIWAGI, Kazunori (JP) | | | |
| (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SỮA DẠNG RẮN | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến sữa dạng rắn có độ hòa tan tốt và độ bền thích hợp và phương pháp sản xuất sữa dạng rắn này. Sữa dạng rắn theo sáng chế có phổ nhiễu xạ tia X của diện tích bề mặt của nó có đỉnh chính ở góc $2\theta = 10 - 15^\circ$ ở góc $2\theta = 10-11^\circ$ hoặc ở góc $2\theta = 12 - 13^\circ$. Phương pháp sản xuất sữa dạng rắn bao gồm bước nén sữa bột để thu được sữa bột đã nén dạng rắn; làm ẩm sữa bột đã nén để thu được sữa bột đã nén được làm ẩm; và làm khô sữa bột đã nén được làm ẩm để thu được sữa dạng rắn. Một phần lactoza vô định hình trên bề mặt 12 của sữa dạng rắn được kết tinh ở các bước làm ẩm và làm khô.



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024704 B | | (15) 19/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2019 | 376A |
| (21) 1-2016-00614 | | (85) 19/02/2016 | |
| (22) 06/05/2015 | | (86) PCT/CN2015/078349 | 06/05/2015 |
| | | (87) WO2016/176833A1 | 10/11/2016 |

(51) **B23Q 5/00; G06T 7/20; G05B 19/404**

(73) **ALEADER VISION TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)**

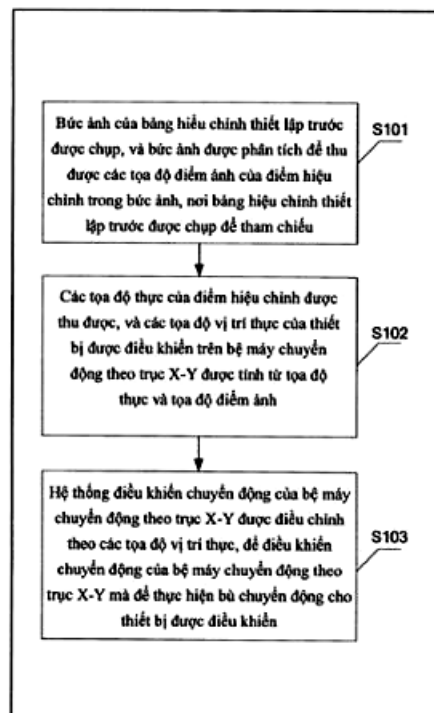
Building F-Xinghua Industrial Park, Niushan, Dongcheng District, Dongguan City, Guangdong 523128, China

(72) LIU, Tao (CN); JIANG, Zhenbin (CN); WEN, Hengchang (CN); XU, Wenkai (CN)

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

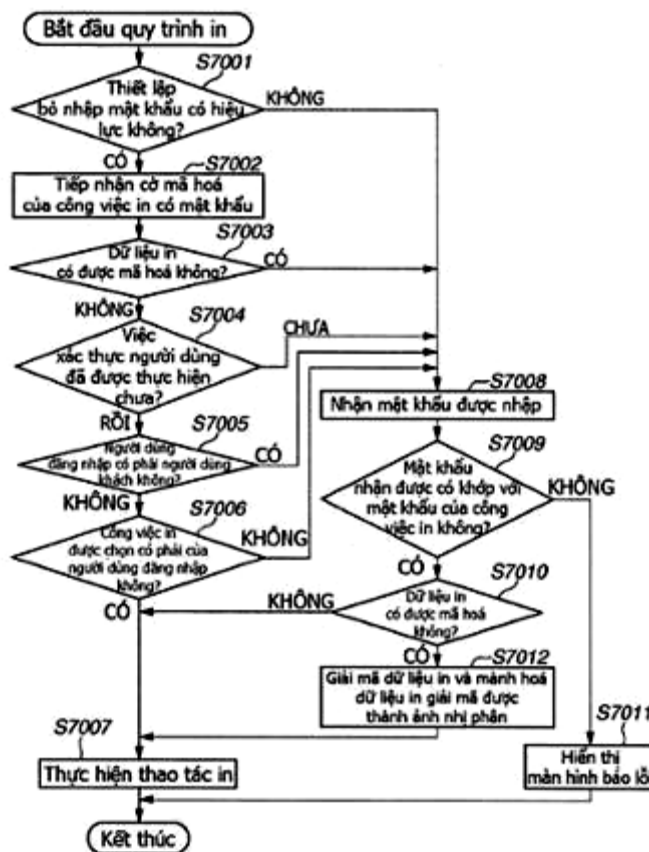
(54) **PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ VÀ HỆ THỐNG ĐỂ NÂNG CAO ĐỘ CHÍNH XÁC HỆ THỐNG CỦA BỆ MÁY CHUYỂN ĐỘNG THEO TRỤC X-Y**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp, thiết bị và hệ thống nâng cao độ chính xác hệ thống của bộ máy chuyển động theo trục X-Y, và phương pháp bao gồm: chụp ảnh bảng hiệu chuẩn định trước đồng thời thiết bị được điều khiển trên bộ máy chuyển động theo trục X-Y chuyển động, và phân tích ảnh này để thu được các tọa độ điểm ảnh của điểm hiệu chuẩn trong bức ảnh, nơi bảng hiệu chuẩn định trước được chụp để tham chiếu; lấy các tọa độ thực của điểm hiệu chuẩn trên bảng hiệu chuẩn, và tính các tọa độ vị trí thực của thiết bị được điều khiển trên bộ máy chuyển động theo trục X-Y từ các tọa độ thực và các tọa độ điểm ảnh của điểm hiệu chuẩn; và điều chỉnh hệ thống điều khiển chuyển động của bộ máy chuyển động theo trục X-Y theo các tọa độ vị trí thực, để điều khiển sự di chuyển của bộ máy chuyển động theo trục X-Y để thực hiện sự bù chuyển động cho thiết bị được điều khiển. Với giải pháp kỹ thuật của sáng chế, độ chính xác hệ thống có thể được nâng cao, và các yêu cầu cho việc lắp ráp và việc lựa chọn thiết bị có thể được giảm.



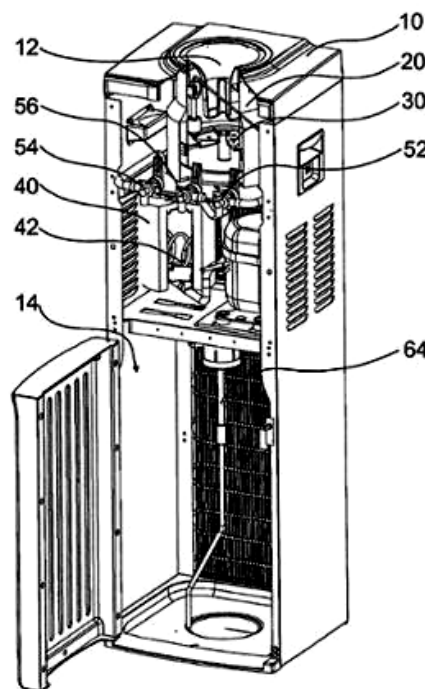
- (11) **1-0024705 B** (15) 19/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2014 317A
 (21) 1-2014-00451
 (22) 13/02/2014
 (30) 2013-030898 20/02/2013 JP
 (51) **G06F 03/12; B41J 29/38**
 (73) **CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo, 1468501, Japan
 (72) Naoya Kakutani (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ TẠO ẢNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO ẢNH**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị in bao gồm; khối lưu trữ được tạo cấu hình để lưu dữ liệu in có bao gồm mật khẩu khi nhận được dữ liệu in này, khối nhận được tạo cấu hình để nhận lệnh in từ người dùng đối với dữ liệu in được lưu, khối xác thực có khả năng thực hiện việc xác thực người dùng, và khối in được tạo cấu hình để thực hiện thao tác in mà không cần người dùng đã được xác thực phải nhập mật khẩu trong trường hợp chủ sở hữu của dữ liệu in được lệnh in là khớp với người dùng đã được xác thực này, và để thực hiện thao tác in đáp lại việc mật khẩu nhận được từ người dùng khớp với mật khẩu trong dữ liệu in, trong trường hợp chủ sở hữu của dữ liệu in được lệnh in không phải là người dùng đã được xác thực, hoặc trong trường hợp nhận được lệnh in mà khối xác thực không xác thực người dùng.



- (11) **1-0024706 B** (15) 19/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
(21) 1-2014-02467
(22) 24/07/2014
(30) P00201304655 20/11/2013 ID
(51) **A47J 31/00; A47J 31/46**
(73) **PT. SANKEN ARGADWIJA (ID)**
Jl. Veteran Kp. Cisereh Cukang Galih - Curug Tangerang, Banten, Indonesia
(72) **ARIE ARIYANDIE, ST (ID)**
(74) Công ty TNHH Sáng chế ACTIP (ACTIP PATENT LIMITED)
(54) **THIẾT BỊ PHÂN PHỐI NƯỚC HAI NGUỒN CẤP**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị phân phối nước bao gồm vỏ hộp (10) có đường dẫn cấp nước thứ nhất (12) và ngăn chứa bên dưới (14), bình chứa nước chính (20) nối với đường dẫn cấp nước thứ nhất (12) được lắp với bộ phận làm lạnh (24) và lỗ thoát hơi nước (26), bộ phận phân phối (30) được bố trí bên trong bình chứa nước chính (20), bình chứa nước nóng (40) nối với bình chứa nước chính (20) được trang bị bộ phận làm nóng (42), và ít nhất hai vòi (53, 54) được lắp ở phía trước của vỏ hộp (10), khác biệt ở chỗ hệ thống cấp nước thông qua máy bơm (70) đến bình chứa nước chính (20), gồm có cảm biến (80) để phát hiện mực nước bên trong bình chứa nước chính (20), bộ điều chỉnh điện (90) nối với máy bơm (70) và cảm biến (80), đường ống hút (64), có một đầu được bố trí bên trong ngăn chứa bên dưới (14) và đầu còn lại nối với máy bơm (70), đường ống đẩy (66), có một đầu nối với máy bơm (70) và đầu còn lại nối với đường dẫn cấp nước thứ hai (68), và đường dẫn cấp nước thứ hai (68) nối với bình chứa nước chính (20).

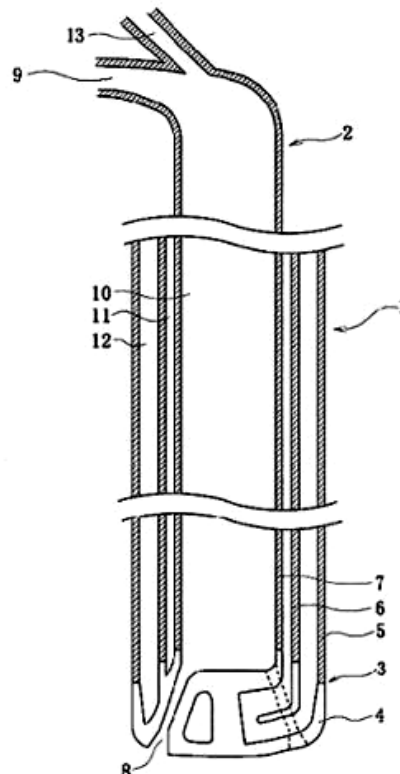


- (11) **1-0024707 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/11/2012 296A
(21) 1-2012-00364 (85) 13/02/2012
(22) 13/08/2010 (86) PCT/US2010/045549 13/08/2010
(30) 61/274,395 13/08/2009 US (87) WO2011/020079 17/02/2011
(51) **C07K 16/10; A61K 38/00; A61K 39/42; A61K 47/48; G01N 33/53; C12N 15/13; C12N 15/63; C12N 5/10; A61K 31/00; A61P 31/14**
(73) **JANSSEN VACCINES & PREVENTION B.V (NL)**
Archimedesweg 4, 2333 CN Leiden, Netherlands
(72) WILLIAMSON, Robert, Anthony (GB); WADIA, Jehangir (CA); PASCUAL, Gabriel (MX); KEOGH, Elissa (US)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **KHÁNG THỂ KHÁNG VIRUT HỢP BÀO HỘ HẤP (RSV) Ở NGƯỜI VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT HIỆN SỰ LÂY NHIỄM VIRUT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến kháng thể hoặc các mảnh liên kết kháng nguyên của nó mà liên kết đặc hiệu miễn dịch với protein dung hợp (F) của virus hợp bào hô hấp (RSV). Sáng chế còn liên quan đến các phương pháp ngăn ngừa, điều trị và chẩn đoán sự lây nhiễm virus và/hoặc việc điều trị một triệu chứng khác của bệnh có liên quan đến RSV. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến các phương pháp sản xuất kháng thể mà liên kết đặc hiệu miễn dịch protein F RSV.

- (11) **1-0024708 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
 (21) 1-2014-02228 (85) 08/07/2014
 (22) 19/12/2012 (86) PCT/JP2012/082905 19/12/2012
 (30) 2011-278224 20/12/2011 JP (87) WO2013/094634A1 27/06/2013
 (51) **C21C 5/30; C21C 7/072; C21C 5/46; C21C 7/068; C21C 1/02; C21C 5/32**
 (73) **JFE STEEL CORPORATION (JP)**
 2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan
 (72) UCHIDA, Yuichi (JP); IGARASHI, Yuma (JP); NEGISHI, Hidemitsu (JP);
 SASAKI, Naotaka (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THÉP BẰNG Lò THỔI**

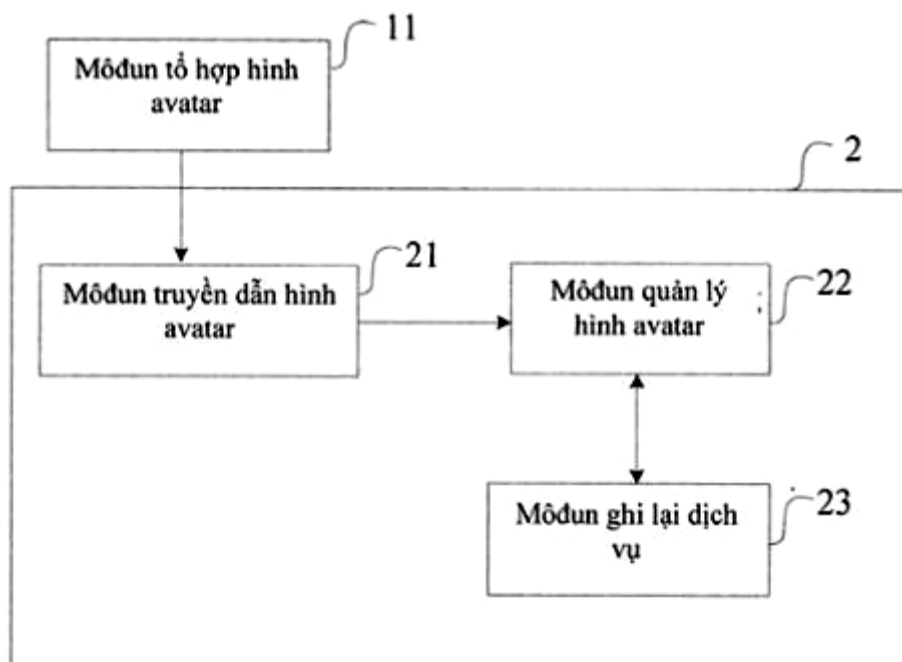
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất thép bằng lò thổi có khả năng tiến hành một cách hiệu quả việc tinh luyện để khử phospho trong khi sản xuất thép nóng chảy bằng cách đồng thời tinh luyện để khử cacbon và tinh luyện để khử phospho của sắt nóng chảy trong lò thổi, mà thuận lợi hơn phương pháp thông thường. Trong phương pháp sản xuất thép bằng lò thổi bằng cách cấp oxy dạng khí vào lò thổi để tiến hành tinh luyện để khử cacbon của sắt nóng chảy trong khi bổ sung chất khử phospho dạng bột chứa CaO để tạo ra xỉ của chất khử phospho để tiến hành đồng thời việc khử cacbon và việc khử phospho của sắt nóng chảy để theo đó sản xuất thép nóng chảy, chất khử phospho được cấp vào bề mặt bể chứa sắt nóng chảy cùng với ít nhất một dòng khí phun từ ống thổi từ đỉnh và áp suất động khí dòng khí phun từ ống thổi từ đỉnh tác động lên trên bề mặt bể chứa sắt nóng chảy được kiểm soát đến trị số thích hợp xét đến sự tăng do động năng của chất khử phospho kèm theo.



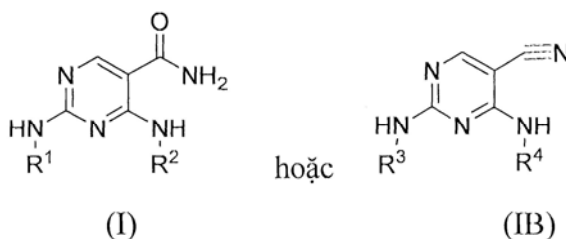
- (11) **1-0024709 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
(21) 1-2013-02810 (85) 09/09/2013
(22) 07/02/2012 (86) PCT/EP2012/051991 07/02/2012
(30) 11153964.9 10/02/2011 EP (87) WO2012/107417 16/08/2012
11164237.7 29/04/2011 EP
(51) **C07K 14/55; C12N 15/26; A61K 39/395; A61K 47/48**
(73) **ROCHE GLYCART AG (CH)**
Wagistrasse 18 CH-8952 Schlieren (CH)
(72) AST, Oliver (DE); BRUENKER, Peter (DE); FREIMOSER-GRUNDSCHOBBER,
Anne (CH); HERTER, Sylvia (DE); HOFER, Thomas U. (CH); HOSSE, Ralf (DE);
KLEIN, Christian (DE); MOESSNER, Ekkehard (DE); NICOLINI, Valeria G. (ES);
UMANA, Pablo (CR)
(74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
(54) **POLYPEPTIT INTERLEUKIN-2 ĐỘT BIẾN**
(57) Sáng chế đề cập đến các polypeptit interleukin-2 (IL-2) đột biến biểu hiện ái lực giảm cho nhóm nhỏ α của thụ thể IL-2, để sử dụng như các tác nhân điều trị miễn dịch. Ngoài ra, sáng chế đề cập đến các thể tiếp hợp miễn dịch bao gồm các polypeptit interleukin-2 đột biến, các phân tử polynucleotit mã hóa các polypeptit interleukin-2 đột biến hoặc các thể tiếp hợp miễn dịch này, vectơ và các tế bào chủ chứa các phân tử polynucleotit này. Sáng chế còn đề cập đến các phương pháp để sản xuất các polypeptit interleukin-2 đột biến hoặc các thể tiếp hợp miễn dịch, các chế phẩm dược chứa các polypeptit này.

- (11) **1-0024710 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2011 280A
 (21) 1-2010-02135 (85) 18/08/2010
 (22) 03/08/2009 (86) PCT/CN2009/073060 03/08/2009
 (30) 200810161380.1 25/09/2008 CN (87) WO2010/037280A1 08/04/2010
 (51) **H04L 29/06; H04L 29/08**
 (73) **TENCENT TECHNOLOGY (SHENZHEN) COMPANY LIMITED (CN)**
 Room 403, East Block 2, SEG Park, Zhenxing Road, Futian District, Shenzhen city
 518044, Guangdong Province, P. R. China
 (72) DENG, Jie (CN)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ HÌNH HOÁ THÂN (HÌNH AVATAR)**

(57) Sáng chế đề cập đến hệ thống quản lý hình avatar, bao gồm ít nhất một máy khách và một máy chủ, máy khách dùng để tổ hợp hình avatar theo thao tác người dùng, tạo thông tin hình avatar tương ứng với hình avatar, truyền dẫn thông tin hình avatar tới máy chủ thông qua mạng yêu cầu máy chủ cập nhật hình avatar của người dùng. Máy chủ dùng để phân tách thông tin hình avatar để lấy hình avatar tương ứng, tạo ảnh chụp nhanh dựa vào hình avatar, lưu trữ và quản lý thông tin hình avatar và ảnh chụp nhanh tương ứng. Máy chủ còn thông báo cho ít nhất một máy khách để cập nhật hình avatar của người dùng, ít nhất một máy khách cập nhật hình avatar của người dùng theo ảnh chụp nhanh. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp quản lý hình avatar. Sáng chế này có thể tiết kiệm được băng thông của máy chủ, tốc độ tạo ảnh chụp nhanh, cải thiện tính bảo mật và độ chính xác trong việc tạo ảnh chụp nhanh và tăng hiệu quả làm việc của hệ thống.



- (11) **1-0024711 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2014 311A
 (21) 1-2013-03330 (85) 22/10/2013
 (22) 20/04/2012 (86) PCT/US2012/034349 20/04/2012
 (30) 61/478,076 22/04/2011 US (87) WO2012/145569A1 26/10/2012
 61/555,339 03/11/2011 US
 (51) **C07D 239/48; C07D 405/02; C07D 409/12; C07D 401/12**
 (73) **SIGNAL PHARMACEUTICALS, LLC (US)**
 10300 Campus Point Drive, Suite 100, San Diego, CA 92121, United States of America
 (72) BENNETT, Brydon, L. (NZ); ELSNER, Jan (US); ERDMAN, Paul (US); HILGRAF, Robert (DE); LEBRUN, Laurie, Ann (US); MCCARRICK, Meg (US); MOGHADDAM, Mehran, F. (US); NAGY, Mark, A. (US); NORRIS, Stephen (US); PAISNER, David, A. (US); SLOSS, Marianne (US); ROMANOW, William, J. (US); SATOH, Yoshitaka (JP); TIKHE, Jayashree (US); YOON, Won, Hyung (KR); DELGADO, Mercedes (US)
 (74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT DIAMINOCARBOXAMIT VÀ DIAMINOCARBONITRIL PYRIMIDIN ĐƯỢC THỂ VÀ ĐƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY ĐỂ ĐIỀU TRỊ HOẶC PHÒNG NGỪA RỐI LOẠN XƠ GAN HOẶC TÌNH TRẠNG BỆNH LÝ CÓ THỂ ĐIỀU TRỊ HOẶC PHÒNG NGỪA BẰNG CÁCH ỨC CHẾ CON ĐƯỜNG JNK**
 (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất diaminopyrimidin có công thức sau:

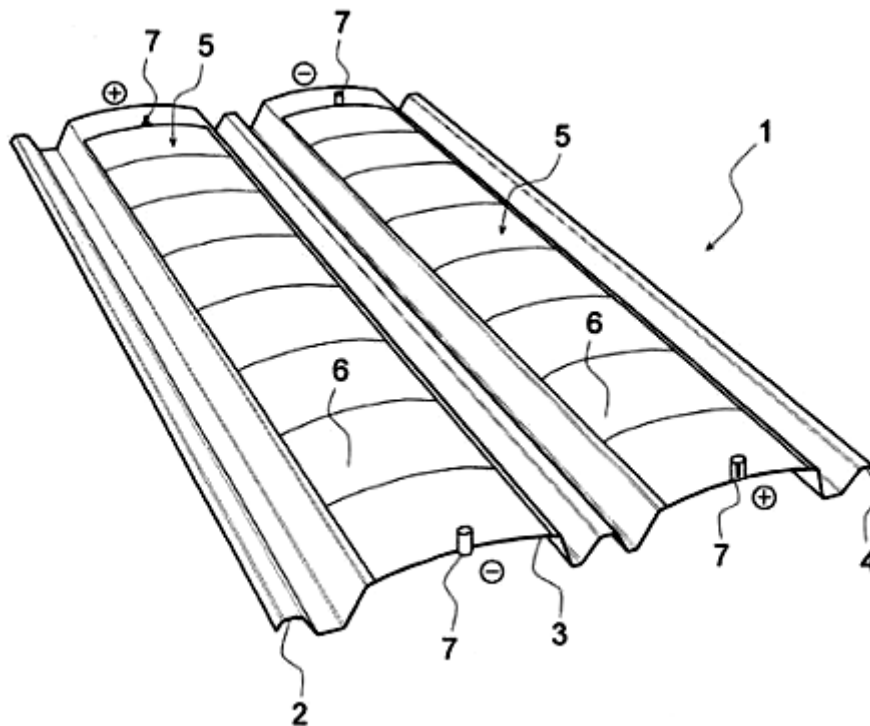


trong đó R¹, R², R³, và R⁴ như được xác định trong bản mô tả, chế phẩm chứa lượng có tác dụng của hợp chất diaminopyrimidin để điều trị hoặc ngăn ngừa rối loạn xơ gan hoặc tình trạng bệnh lý có thể điều trị hoặc phòng ngừa được bằng cách ức chế con đường JNK.

- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024712 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/03/2017 | 348A |
| (21) 1-2016-05106 | | (85) 28/12/2016 | |
| (22) 01/07/2015 | | (86) PCT/IB2015/001092 | 01/07/2015 |
| (30) PCT/IB2014/001240 | 01/07/2014 | IB | (87) WO2016/001738 |
| | | | 07/01/2016 |
- (51) **H01S 20/23; H01S 40/34**
 (73) **ARCELORMITTAL (LU)**
 24-26, Boulevard d'Avranches, L-1160 Luxembourg, LUXEMBOURG
 (72) VIGNAL Renaud (FR); GERON Laurent (BE)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **PANEN ĐƯỢC TRANG BỊ THIẾT BỊ QUANG ĐIỆN**

(57) Sáng chế liên quan đến panen được trang bị thiết bị quang điện bao gồm số lượng chẵn các cột của mô đun quang điện, các cột này được sắp thẳng hàng gần như song song với mép dọc của panen, mỗi cột bao gồm điện cực trên mỗi đầu cuối của nó, cực tính của điện cực của một đầu cuối này là ngược lại với cực tính của điện cực của đầu cuối kia và các cực của hai cột liền kề có cực tính ngược nhau, điện cực có dạng phích cắm khi nó có cực tính này và có dạng ổ cắm khi nó có cực tính ngược lại và các phích cắm và các ổ cắm được bố trí sao cho chúng gài khóa vào nhau khi mép ngang dưới của panen trên chồng lên mép ngang trên của panen dưới.

Sáng chế còn liên quan tới cụm panen theo sáng chế, tới thiết bị điện có thể được kết nối tới bộ biến đổi bao gồm cụm panen theo sáng chế và tới phương pháp nối điện các panen thành phần của cụm panen theo sáng chế tới bộ biến đổi.



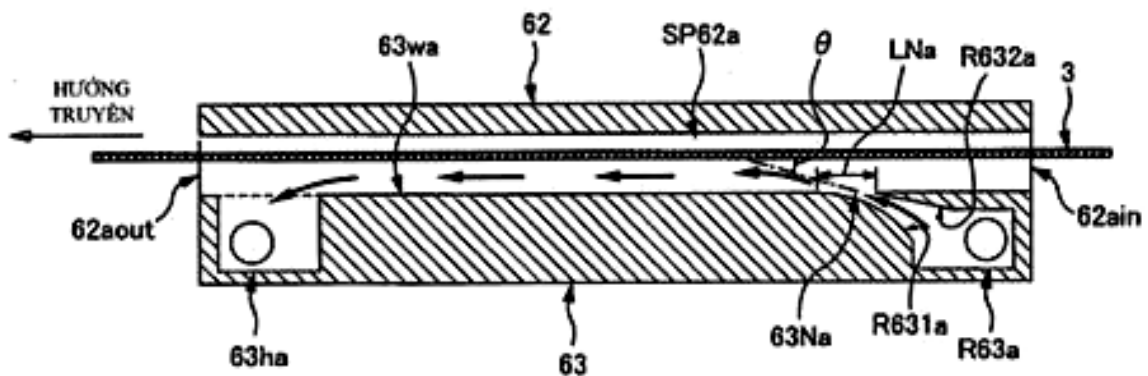
- (11) **1-0024713 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2014 311A
(21) 1-2013-03617 (85) 15/11/2013
(22) 24/04/2012 (86) PCT/JP2012/060904 24/04/2012
(30) 61/478,878 25/04/2011 US (87) WO2012/147713A1 01/11/2012
2011-097645 25/04/2011 JP
- (51) ***C12N 15/09; A61K 39/395; A61P 35/00; C07K 16/28; C12N 1/15; C12P 21/08; C12N 1/21; C12N 15/02; C12N 5/10; C12P 21/02; A61K 38/00; C12N 1/19***
- (73) **DAIICHI SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)**
3-5-1, Nihonbashi Honcho, Chuo-ku, Tokyo 103-8426 Japan
- (72) TAKAHASHI, Shu (JP); MATSUOKA, Tatsuji (JP); MURAKAMI, Kenji (JP); TAKIZAWA, Takeshi (JP); HIROTANI, Kenji (JP); URANO, Atsushi (JP); FUKUCHI, Keisuke (JP); YAZAWA, Mitsuhiro (JP)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **KHÁNG THỂ KHÁNG B7-H3 VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA KHÁNG THỂ NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến kháng thể có tác dụng điều trị khối u. Cụ thể là, sáng chế đề cập đến kháng thể mà liên kết với B7-H3 thể hiện hoạt tính chống ung thư.
Mục đích khác của sáng chế là đề xuất dược phẩm để điều trị khối u.
Bằng cách thu được kháng thể kháng B7-H3 mà liên kết với B7-H3 thể hiện hoạt tính chống ung thư, có thể thu được dược phẩm để điều trị khối u chứa kháng thể này và các chất tương tự.

- (11) **1-0024714 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2016 343A
 (21) 1-2016-02438 (85) 04/07/2016
 (22) 07/01/2015 (86) PCT/EP2015/050127 07/01/2015
 (30) 14150700.4 10/01/2014 EP (87) WO2015/104271 16/07/2015
 (51) **C07D 233/64; C07D 401/04; A61K 31/506; A61P 25/18**
 (73) **F. HOFFMANN-LA ROCHE AG (CH)**
 Grenzacherstrasse 124, CH-4070 Basel, Switzerland
 (72) BIEMANS, Barbara (NL); GUBA, Wolfgang (DE); JAESCHKE, Georg (DE);
 RICCI, Antonio (IT); RUEHER, Daniel (CH); VIEIRA, Eric (CH)
 (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
 (54) **HỢP CHẤT ETYNYL-IMIDAZOLIN-2,4-DION LÀM CHẤT ĐIỀU BIẾN
 THỤ THỂ GLUTAMAT HƯỚNG CHUYÊN HÓA KIỂU PHỤ 4 (MGLUR4)
 VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất:
 (5RS,8aRS)-2-[2,6-diflo-4-(2-phenyletynyl)phenyl]-5-metyl-5,6,8,8a-tetrahydroimidazo [5,1-c][1,4]oxazin-1,3-dion;
 (3aRS)-2-[2,6-diflo-4-(2-phenyletynyl)phenyl]-3a,4-dihydroimidazo[1,5-a]indol-1,3-dion;
 (3aRS)-2-[2,6-diflo-4-(2-phenyletynyl)phenyl]-4,5-dihydro-3aH-imidazo[1,5-a]quinolin-1,3-dion;
 (10aRS)-2-[2,6-diflo-4-(2-phenyletynyl)phenyl]-10,10a-dihydro-5H-imidazo[1,5-b]isoquinolin-1,3-dion;
 (5RS,8aRS)-2-[2-clo-4-(2-phenyletynyl)phenyl]-5-metyl-6,7,8,8a-tetrahydro-5H-imidazo[1,5-a]pyridin-1,3-dion; và
 (5RS,8aRS)-2-[2-clo-6-flo-4-[2-(3-pyridyl)etynyl]phenyl]-5-metyl-6,7,8,8a-tetrahydro-5H-imidazo[1,5-a]pyridin-1,3-dion;
 hoặc muối dược dụng hoặc muối cộng axit, hỗn hợp triệt quang, hoặc chất đồng phân đối ảnh và/hoặc chất đồng phân quang học tương ứng của nó và/hoặc chất đồng phân lập thể của nó và dược phẩm chứa các hợp chất này.
 Các hợp chất này có thể được sử dụng để điều trị bệnh Parkinson, chứng lo âu, chứng nôn, rối loạn ám ảnh cưỡng chế, chứng tự kỉ, bảo vệ thần kinh, bệnh ung thư, chứng trầm cảm và bệnh đái tháo đường typ 2.

- (11) **1-0024715 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2016 341A
 (21) 1-2016-01359 (85) 14/04/2016
 (22) 06/10/2014 (86) PCT/JP2014/076717 06/10/2014
 (30) 2013-217197 18/10/2013 JP (87) WO2015/056596A1 23/04/2015
 (51) **D06B 1/04**
 (73) **UNICHARM CORPORATION (JP)**
 182 Kinseichoshimobun, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, JAPAN
 (72) Hayashi, Tomoki (JP); Oyama, Hidetaka (JP); OKUDA, Jun (JP); MITSUNO, Satoshi (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **THIẾT BỊ PHỤC HỒI ĐỘ XỐP CHO VẢI KHÔNG DỆT VÀ PHƯƠNG PHÁP PHỤC HỒI ĐỘ XỐP CHO VẢI NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị để phục hồi độ xoắn cho vải không dệt bằng cách thổi khí nóng và làm nóng vải không dệt mà được truyền theo hướng truyền, thiết bị này gồm có thùng máy có cả hai phần đầu theo hướng truyền được mở; cửa vào và cửa ra được lắp vào các phần mở trên các phía đầu đối diện, theo hướng truyền, của thùng máy để truyền vải không dệt; bề mặt thành nằm dọc theo hướng truyền và được đặt giữa cửa vào và cửa ra; cửa thổi được lắp ở bề mặt thành để thổi không khí nóng vào bên trong thùng máy theo hướng thổi là hướng truyền hoặc hướng đối diện với hướng truyền; và cửa xả được lắp vào thùng máy, ở phần xuôi với hướng mà không khí nóng được thổi. Không khí nóng lưu thông từ cửa thổi hướng về cửa xả trong khi tiếp xúc với một trong số hai mặt của vải không dệt bên trong thùng máy.



- (11) **1-0024716 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A
(21) 1-2013-03433 (85) 30/10/2013
(22) 30/03/2012 (86) PCT/JP2012/058616 30/03/2012
(30) 2011-080743 31/03/2011 JP (87) WO2012/133792 04/10/2012
(51) **C07K 1/14; A61K 38/00; C07K 14/415; A61K 36/18; A61P 1/10**
(73) **MEIJI CO., LTD.** (JP)
2-10, Shinsuna 1-chome, Koto-ku, Tokyo 1368908, JP.
(72) KOGA, Jinichiro (JP); YONEKURA, Kumiko (JP); TAMURA, Kazuji (JP); SAITO, Satomi (JP); FUKASAWA, Tomoyuki (JP); SHINEI, Rie (JP)
(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TÁC NHÂN CẢI THIỆN NHU ĐỘNG RUỘT**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chứa protein thu được từ hạt cacao với hàm lượng cao. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến phương pháp sản xuất chế phẩm này bao gồm các bước: (a) chiết từ nguyên liệu chứa protein có nguồn gốc từ hạt cacao trong điều kiện kiềm để thu được chất chiết chứa protein; và (b) kết tủa protein từ chất chiết thu được trong bước (a) trong điều kiện axit để thu được chế phẩm chứa protein từ hạt cacao với tỷ lệ trọng lượng từ 43 đến 70% tổng trọng lượng chất rắn. Phương pháp này còn có thể bao gồm bước (c) khử chất béo bằng cách loại bỏ thành phần chất béo của hạt cacao trước bước (a) và/hoặc sau bước (b).

(11) **1-0024717 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
 (21) 1-2015-00510
 (22) 11/02/2015
 (30) JP2014-029603 19/02/2014 JP

(51) **G02B 6/25**

(73) **TOMOEGAWA CO., LTD. (JP)**

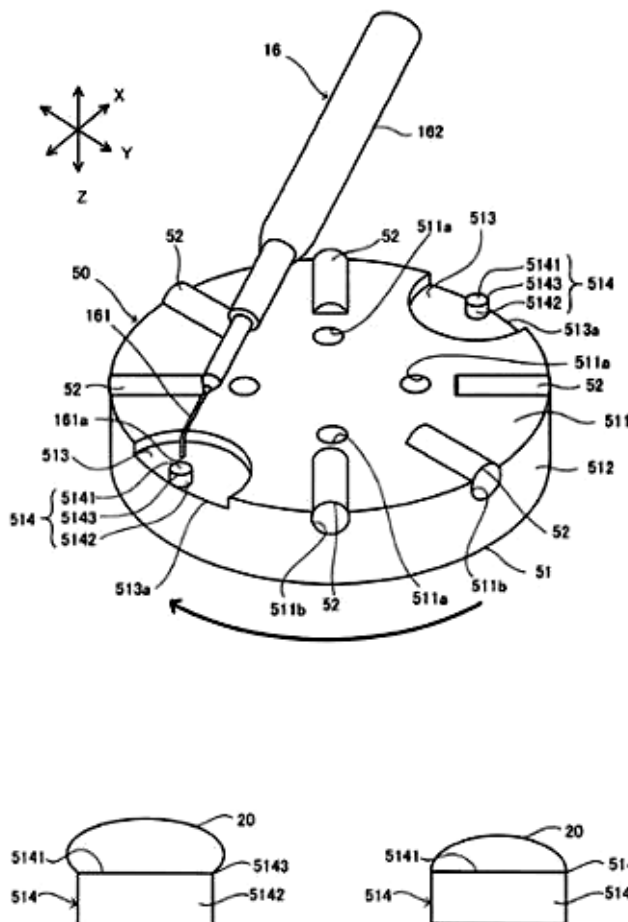
2-1-3, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Japan.

(72) Masayoshi Suzuki (JP); Nobuhiro Hashimoto (JP)

(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)

(54) **THIẾT BỊ SẢN XUẤT PHẦN TỬ KẾT NỐI QUANG HỌC VÀ THIẾT BỊ PHUN PHỦ VẬT LIỆU CAO PHÂN TỬ**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị sản xuất phần tử kết nối quang học dùng để sản xuất phần tử kết nối quang học, trong đó khối tương hợp hệ số khúc xạ được gắn với bề mặt đầu phía trước của sợi quang. Thiết bị sản xuất phần tử kết nối quang học bao gồm khối giữ gồm có bề mặt đỡ để đỡ chất lỏng tương hợp hệ số khúc xạ có chứa khối tương hợp hệ số khúc xạ; bộ định lượng để cấp chất lỏng tương hợp hệ số khúc xạ cho bề mặt đỡ; và thiết bị phát điện tĩnh để nạp điện cho sợi quang sao cho chất lỏng tương hợp hệ số khúc xạ trên bề mặt đỡ được hấp thụ vào bề mặt đầu phía trước của sợi quang, trong đó bề mặt giữ bao gồm mép bên ngoài được nối theo đường cong.



- | | | | |
|-------------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024718 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03814 | | (85) 11/10/2016 | |
| (22) 21/03/2014 | | (86) PCT/CN2014/073881 | 21/03/2014 |
| | | (87) WO2015/139310 | 24/09/2015 |

(51) **H04W 88/08**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

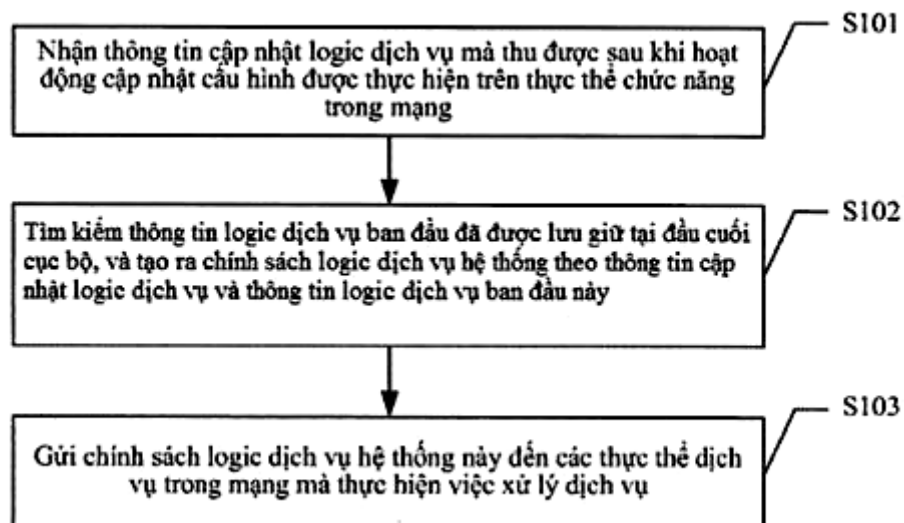
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) ZHU, Lei (CN); WEI, Anni (CN); ZHANG, Wanqiang (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ ĐỀ CẤP PHÁT DỊCH VỤ, THIẾT BỊ MẠNG VÀ PHƯƠNG TIỆN LƯU TRỮ ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị xử lý đề cấp phát dịch vụ. Phương pháp này bao gồm các bước: nhận thông tin cập nhật logic dịch vụ mà thu được sau khi hoạt động cập nhật cấu hình được thực hiện trên thực thể chức năng trong mạng; tìm kiếm thông tin logic dịch vụ ban đầu đã được lưu giữ tại đầu cuối cục bộ, và tạo ra chính sách logic dịch vụ hệ thống theo thông tin cập nhật logic dịch vụ và thông tin logic dịch vụ ban đầu này; và gửi chính sách logic dịch vụ hệ thống đến các thực thể dịch vụ trong mạng mà thực hiện việc xử lý dịch vụ, trong đó chính sách logic dịch vụ hệ thống được dùng để lệnh cho các thực thể dịch vụ trong mạng thực hiện việc cấp phát dịch vụ trên thực thể chức năng trong mạng. Nhờ giải pháp theo sáng chế mà việc cấp phát dịch vụ có thể được thực hiện dựa trên chính sách logic dịch vụ hệ thống mà các thực thể chức năng thu được trong mạng, nên yêu cầu về sự cân bằng tải có thể được thoả mãn một cách tốt hơn.



- | | | | | |
|-------------------|------------|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024719 B | | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 27/07/2015 | 328A |
| (21) 1-2015-01613 | | | (85) 08/05/2015 | |
| (22) 20/09/2013 | | | (86) PCT/EP2013/069592 | 20/09/2013 |
| (30) 61/712,013 | 10/10/2012 | US | (87) WO2014/056705 | 17/04/2014 |
| | 12199266.3 | 21/12/2012 | EP | |

(51) **GIOL 19/02**

(73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWADTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**

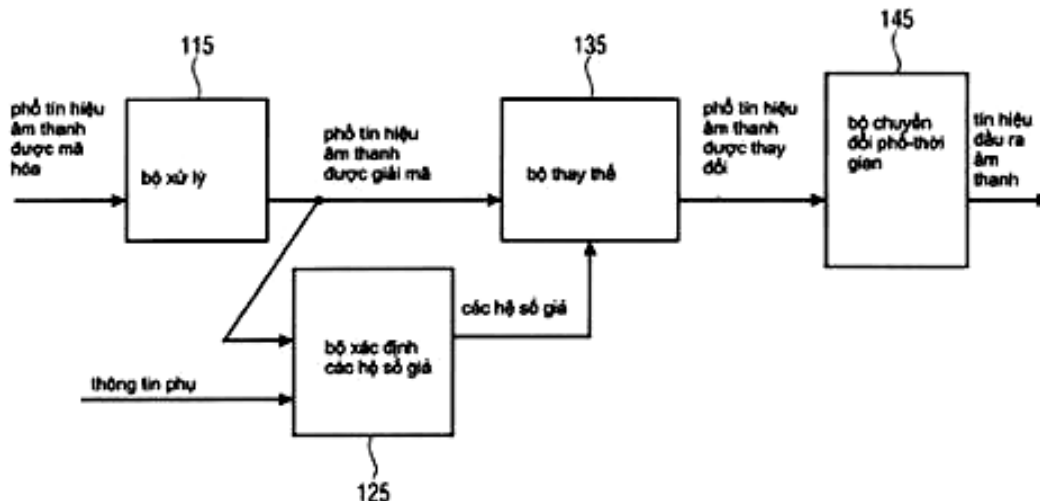
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany

(72) DISCH, Sascha (DE); SCHUBERT, Benjamin (DE); GEIGER, Ralf (DE); EDLER, Bernd (DE); DIETZ, Martin (DE)

(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA TÍN HIỆU ĐẦU RA ÂM THANH VÀ THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA NHIỀU MẪU PHỔ**

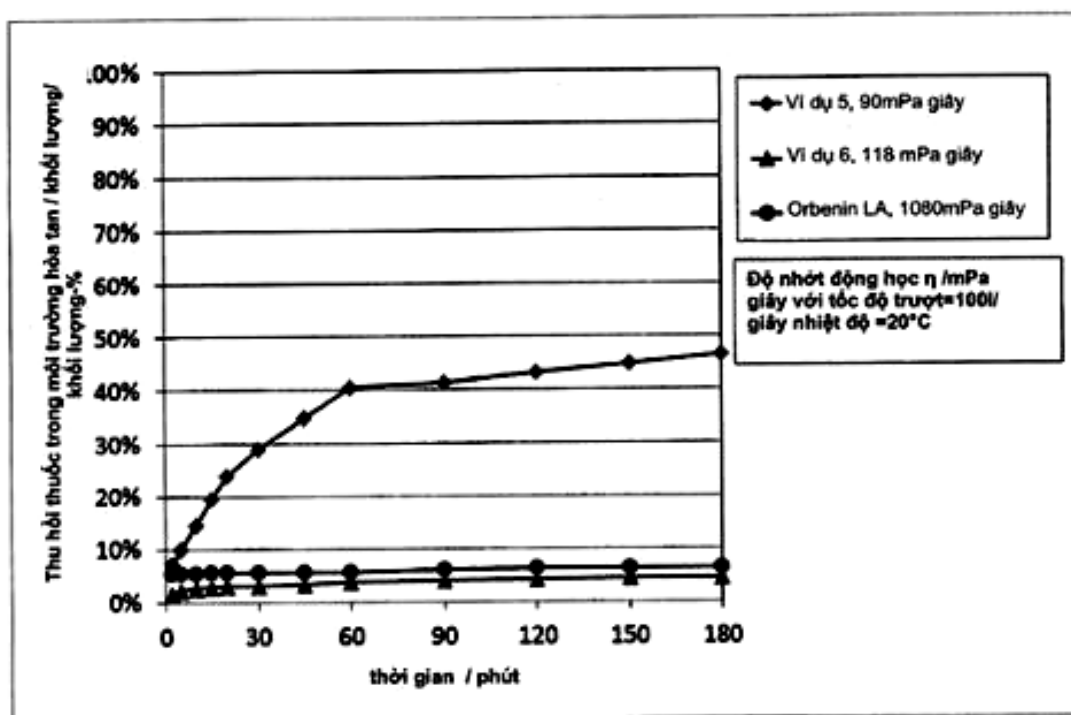
(57) Sáng chế đề xuất đến thiết bị và phương pháp để tạo ra tín hiệu đầu ra âm thanh và thiết bị và phương pháp để tạo ra nhiều mẫu phổ. Thiết bị tạo ra tín hiệu đầu ra âm thanh bao gồm bộ xử lý (115) để xử lý phổ tín hiệu âm thanh được mã hóa để thu được phổ tín hiệu âm thanh được giải mã bao gồm nhiều hệ số phổ, trong đó mỗi hệ số phổ có vị trí phổ nằm trong phổ tín hiệu âm thanh được mã hóa và giá trị phổ, trong đó các hệ số phổ được sắp xếp theo dãy theo vị trí phổ của chúng nằm trong phổ tín hiệu âm thanh được mã hóa để các hệ số phổ tạo thành chuỗi các hệ số phổ. Hơn nữa, thiết bị bao gồm bộ xác định các hệ số giả (125) để xác định một hoặc nhiều hệ số giả của phổ tín hiệu âm thanh được giải mã, mỗi hệ số giả có vị trí phổ và giá trị phổ. Hơn nữa, thiết bị bao gồm bộ thay thế (135) để thay thế ít nhất một hoặc nhiều hệ số giả bởi mẫu phổ được xác định để thu được phổ tín hiệu âm thanh được thay đổi, trong đó mẫu phổ được xác định bao gồm ít nhất hai hệ số mẫu, trong đó mỗi hệ số của ít nhất hai hệ số mẫu có giá trị phổ. Hơn nữa, thiết bị bao gồm bộ chuyển đổi thời gian phổ (145) để chuyển đổi phổ tín hiệu âm thanh được thay đổi thành miền thời gian để thu được tín hiệu đầu ra âm thanh.



- (11) **1-0024720 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2013 307A
(21) 1-2013-02386 (85) 29/07/2013
(22) 07/11/2011 (86) PCT/JP2011/006207 07/11/2011
(30) 2010-289589 27/12/2010 JP (87) WO2012/090372 05/07/2012
(51) **C08G 18/24; G02B 1/04**
(73) **MITSUBISHI GAS CHEMICAL COMPANY, INC.** (JP)
5-2, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 1008324, Japan
(72) TAKEMURA, Kouhei (JP); HORIKOSHI, Hiroshi (JP)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) **CHẾ PHẨM DỪNG CHO VẬT LIỆU QUANG HỌC**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng cho vật liệu quang học, có khả năng ngăn chặn tình trạng xảy sự polyme hoá không đồng đều gọi là đường gợn, cụ thể là, đường gợn tạo ra ở ống kính mạnh với các đường cong sắc nét. Đặc biệt, sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng cho vật liệu quang học bao gồm: chất xúc tác polyme hóa có tỷ lệ khối lượng của dibutyltin diclorua so với monobutyltin trichlorua là từ 99,0/1,0 đến 100,0/0,0; hợp chất polythiol; và hợp chất polyiso(thio)xyanat.

- (11) **1-0024721 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
 (21) 1-2014-02998 (85) 09/09/2014
 (22) 27/02/2013 (86) PCT/NZ2013/000022 27/02/2013
 (30) 598443 27/02/2012 NZ (87) WO2013/129944 06/09/2013
 (51) **A61K 47/04; A61K 31/43; A61K 31/496; A61P 31/04; A61K 31/7036; A61K 31/7048; A61K 31/18; A61K 31/65**
 (73) **BAYER NEW ZEALAND LIMITED (NZ)**
 c/- Level 12, KPMG Centre, 85 Alexandra Street, Hamilton, 3204, New Zealand
 (72) AL ALAWI, Fadil (NZ); BORK, Olaf (DE); TUCKER, Ian, George (AU)
 (74) Công ty TNHH Dịch vụ Sở hữu trí tuệ KENFOX (KENFOX IP SERVICE CO.,LTD.)
 (54) **CHẾ PHẨM ĐỂ ĐIỀU TRỊ CHỨNG VIÊM VÚ VÀ PHƯƠNG PHÁP BẢO CHẾ CHẾ PHẨM NÀY**
 (57) Sáng chế đề xuất chế phẩm, trong đó chế phẩm này chứa ít nhất một hoạt chất với lượng hữu hiệu để điều trị, và nền bao gồm lượng silic oxit keo; ít nhất một dầu; và ít nhất một chất hoạt động bề mặt, trong đó độ nhớt của chế phẩm này thấp hơn 1000mPas với tốc độ trượt 100 1/s và ở nhiệt độ 20°C.



- | | | |
|-------------------------|------------------------|-----------------|
| (11) 1-0024722 B | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2016 |
| | | 343A |
| (21) 1-2016-00616 | (85) 22/02/2016 | |
| (22) 21/11/2013 | (86) PCT/CN2013/087553 | 21/11/2013 |
| | (87) WO2015/074203 | 28/05/2015 |

(51) **H04M 1/247**

(73) **HUAWEI DEVICE (DONGGUAN) CO., LTD. (CN)**

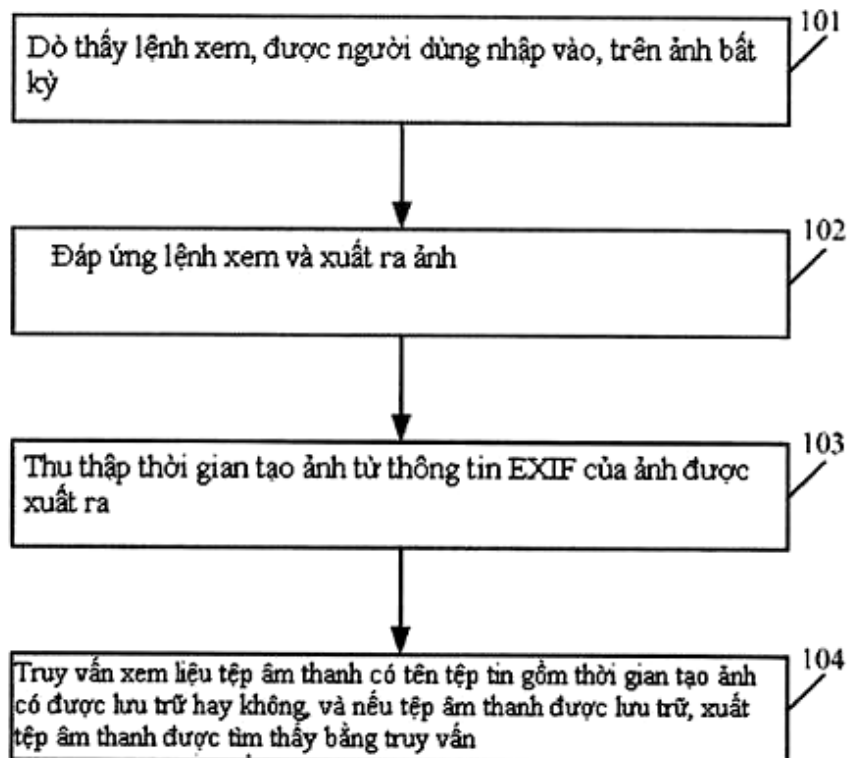
B2-5 of Nanfang Factory, No. 2 of Xincheng Road, Shongshan Lake Science and Technology Industrial Zone, Dongguan, Guangdong, PRC, 523808

(72) WANG, Xiuwen (CN); ZHANG, Haitao (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ HIỂN THỊ ẢNH, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ VẬT GHI ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị hiển thị ảnh, thiết bị đầu cuối, trong đó phương pháp hiển thị ảnh theo sáng chế bao gồm các bước: dò lệnh xem, được người dùng nhập vào, trên ảnh bất kỳ; đáp ứng lệnh xem và xuất ra ảnh; thu thập thời gian tạo ảnh từ thông tin EXIF của ảnh được xuất ra; truy vấn xem liệu tệp âm thanh có tên tệp tin gồm thời gian tạo ảnh có được lưu trữ hay không, và nếu tệp âm thanh được lưu trữ, xuất tệp âm thanh được tìm thấy bằng truy vấn.

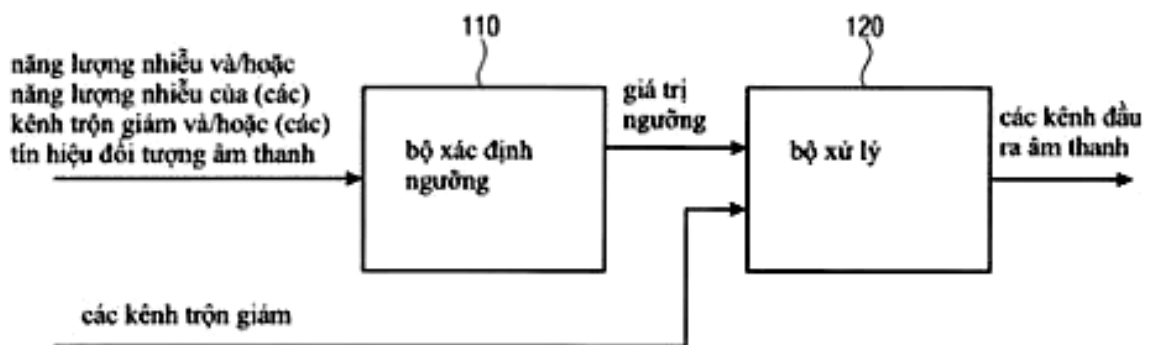


- (11) **1-0024723 B** (15) 22/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2013 309A
- (21) 1-2013-03047 (85) 06/08/2010
- (22) 14/01/2009 (86) PCT/EP2009/050347 14/01/2009
- (30) 08356006.0 15/01/2008 EP (87) WO2009/090181 23/07/2009
- (51) **A01N 43/713; A01N 43/653; A01N 43/88; A01N 47/12; A01N 47/14; A01P 7/00; A01N 47/34; A01N 47/38; A01N 51/00; A01N 57/12; A01P 3/00; A01N 43/56; A01N 47/24**
- (62) 1-2010-02028
- (73) **BAYER CROPSCIENCE AKTIENGESELLSCHAFT (DE)**
Alfred-Nobel-Str. 50, 40789 Monheim and Rhein, Germany.
- (72) COQUERON, Pierre-Yves (FR); GROSJEAN-COURNOYER, Marie-Claire (FR); HUTIN, Pierre (FR); SPICA, Gilbert (FR); VOERSTE, Arnd (DE); WACHENDORFF-NEUMANN, Ulrike (DE)
- (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
- (54) **CHẾ PHẨM DIỆT SINH VẬT GÂY HẠI CHỨA DẪN XUẤT TETRAZOLYLOXIM VÀ CHẤT CÓ HOẠT TÍNH TRỪ SÂU HOẶC DIỆT NẤM VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ NẤM GÂY BỆNH Ở CÂY HOẶC SINH VẬT GÂY HẠI**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm diệt sinh vật gây hại được sử dụng để bảo vệ cây, cây trồng hoặc hạt giống chống lại các bệnh nấm hoặc sâu bọ gây hại, và các phương pháp phòng trừ tương ứng nhờ áp dụng chế phẩm nêu trên. Cụ thể là, sáng chế đề xuất chế phẩm diệt sinh vật gây hại trên cơ sở dẫn xuất tetrazolyloxim và hợp chất hoặc chất hoạt tính diệt nấm hoặc trừ sâu.

- (11) **1-0024724 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
(21) 1-2015-00707
(22) 03/03/2015
(30) 2014-042549 05/03/2014 JP
(51) **A61K 9/107; A61K 45/00; A61K 31/135; A61K 31/542**
(73) **LION CORPORATION (JP)**
3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo 1308644, Japan
(72) Hiroshi IJIMA (JP); Rina TABANA (JP); Hiroto IMAI (JP)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **KEM Y TẾ DẠNG NHỮ TƯƠNG NƯỚC TRONG DẦU**
- (57) Sáng chế đề xuất kem y tế dạng nhũ tương nước trong dầu có độ pH nằm trong khoảng từ 3 đến 6, chứa dược chất có nhóm amin bậc ba, khác biệt ở chỗ, độ nhớt của kem y tế này không bị giảm và ổn định khi bảo quản ở nhiệt độ cao lẫn nhiệt độ thấp, cho phép duy trì cấu trúc dạng kem, và có khả năng bám thành lớp mỏng trên da rất cao. Kem y tế này chứa thành phần (A) dược chất có nhóm amin bậc ba, (B) một hoặc nhiều hợp chất được chọn từ nhóm bao gồm este của glyxerol và axit béo C₁₂-C₂₂ và este của polyglyxerol và axit béo C₁₂-C₂₂, (C) dầu thầu dầu hydroxyetylen có số mol etylen oxit nằm trong khoảng từ 5 đến 20, và (D) rượu mạch dài là chất lỏng ở nhiệt độ 25°C.

- (11) **1-0024725 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/07/2015 328A
 (21) 1-2015-00720 (85) 03/03/2015
 (22) 05/08/2013 (86) PCT/EP2013/066405 05/08/2013
 (30) 61/679,404 03/08/2012 US (87) WO2014/020182A2 06/02/2014
 (51) **G10L 19/00**
 (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG ANGEWADTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
 Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
 (72) TERENTIV, Leon (DE); HELLMUTH, Oliver (DE); HERRE, Juergen (DE); KASTNER, Thorsten (DE)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **BỘ GIẢI MÃ VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ TẠO RA TÍN HIỆU ĐẦU RA ÂM THANH**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ giải mã và phương pháp tạo ra tín hiệu đầu ra âm thanh. Bộ giải mã để tạo ra tín hiệu đầu ra âm thanh bao gồm một hoặc nhiều kênh đầu ra âm thanh từ tín hiệu trộn giảm bao gồm một hoặc nhiều kênh trộn giảm được đề xuất. Tín hiệu trộn giảm mã hóa một hoặc nhiều tín hiệu đối tượng âm thanh. Bộ mã hóa bao gồm bộ xác định ngưỡng (110) để xác định giá trị ngưỡng phụ thuộc vào năng lượng tín hiệu và/hoặc năng lượng nhiều của ít nhất một tín hiệu trong số một hoặc nhiều tín hiệu đối tượng âm thanh và/hoặc phụ thuộc vào năng lượng tín hiệu và/hoặc năng lượng nhiều của ít nhất một kênh trong số một hoặc nhiều kênh trộn giảm. Hơn nữa, bộ giải mã bao gồm bộ xử lý (120) để tạo ra một hoặc nhiều kênh đầu ra âm thanh từ một hoặc nhiều kênh trộn giảm phụ thuộc vào giá trị ngưỡng.



- | | | | |
|-------------------------|-------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024726 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/06/2016 | 339A |
| (21) 1-2016-01150 | | (85) 30/03/2016 | |
| (22) 16/03/2015 | | (86) PCT/JP2015/058640 | 16/03/2015 |
| (30) 2014-053627 | 17/03/2014 | JP (87) WO2015/141859A1 | 24/09/2015 |
| | 2014-216451 | 23/10/2014 | JP |
| | 2014-252409 | 12/12/2014 | JP |

(51) **G03G 15/08**

(73) **RICOH COMPANY, LIMITED (JP)**

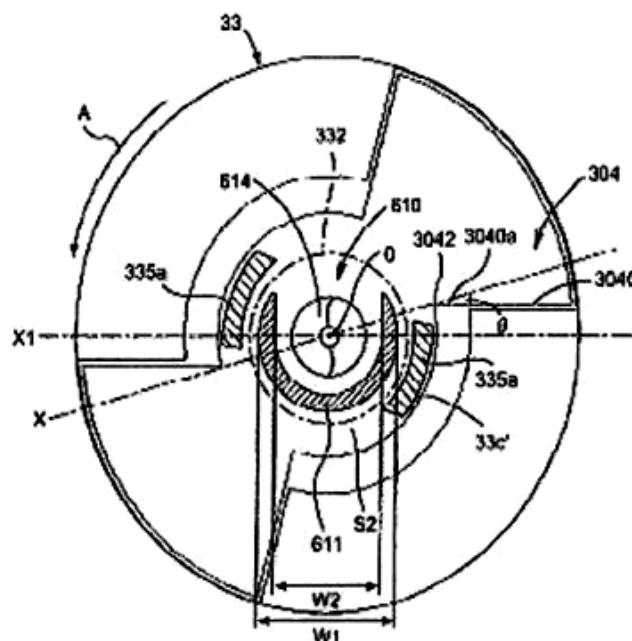
3-6, Nakamagome 1-chome, Ohta-ku, Tokyo 143-8555 Japan

(72) KUBOKI, Shingo (JP); SHIORI, Jun (JP); YOSHIKAWA, Hideo (JP); MATSUE, Natsumi (JP); HAMADA, Daisuke (JP)

(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

(54) **HỘP CHỨA BỘT VÀ THIẾT BỊ TẠO ẢNH**

(57) Sáng chế đề cập đến hộp chứa bột được sử dụng trong thiết bị tạo ảnh. Hộp chứa bột này bao gồm khoang chứa bột có thể quay được mà chứa trong đó bột để tạo ảnh, khoang chứa bột có thể quay được để quay quanh trục quay (O); phần hở trên một đầu của khoang chứa bột, mà qua đó vòi phun (611) của thiết bị tạo ảnh được chèn; và phần xúc (304) để xúc bột về phía phần hở, và để cấp bột đến lỗ tiếp nhận bột của vòi phun (611) khi khoang chứa bột quay. Phần xúc (304) bao gồm bề mặt xúc (3040) mà mở rộng vào trong từ bề mặt thành trong của khoang chứa bột. Phần đầu trong của bề mặt xúc (3040) kéo dài theo chiều trục quay (O) của khoang chứa bột. Mép của phần đầu trong là gần như song song với trục quay (O). Trong tiết diện vuông góc với trục quay (O), bề mặt xúc (3040) được làm nghiêng về phía trước theo chiều quay của khoang chứa bột so với đường thẳng ảo mà đi qua trục quay (O) và tiếp tuyến với mép của phần đầu trong.

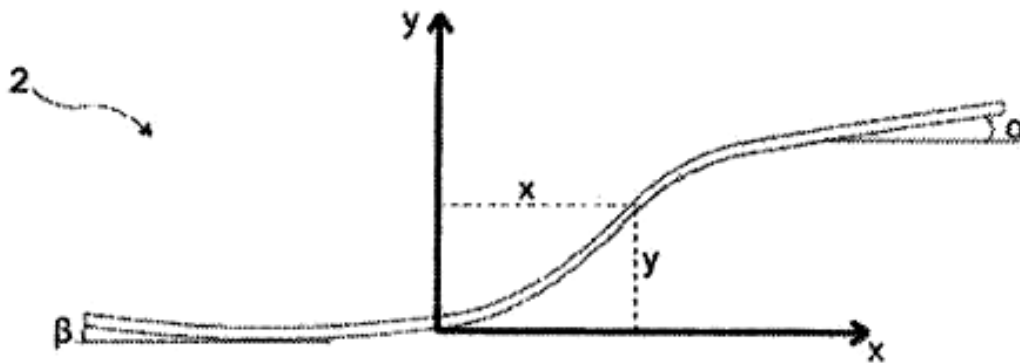


- (11) **1-0024727 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2014 313A
(21) 1-2014-00187 (85) 17/01/2014
(22) 18/06/2012 (86) PCT/IN2012/000432 18/06/2012
(30) 2067/CHE/2011 17/06/2011 IN (87) WO2012/172574A1 20/12/2012
(51) **A61K 39/12; C07K 14/18**
(73) **BHARAT BIOTECH INTERNATIONAL LIMITED (IN)**
Genome Valley, Turkapally, Shameerpet Hyderabad 500078, India
(72) ELLA, Krishna Murthy (IN); KANDASWAMY, Sumathy (IN)
(74) Công ty Luật TNHH Thăng Phạm và Cộng sự (IP-MARK ASIA LAW FIRM)
(54) **HỢP PHẦN VACXIN CHỨA VIRUT CHIKUNGUNYA BẤT HOẠT VÀ THỂ
PHÂN LẬP CỦA VIRUT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến hợp phần vacxin để phòng ngừa và điều trị nhiễm trùng do virus Chikungunya, hợp phần này có khả năng tạo ra tính miễn dịch chống lại biến thể kiểu gen bất kỳ của virus Chikungunya. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến các trình tự nucleotit cụ thể và các protein được dịch mã của nó, chúng có thể được biểu hiện ở dạng các phân tử giống virus để sử dụng kháng nguyên vacxin chống lại nhiễm trùng do virus Chikungunya. Các hợp phần được bộc lộ trong sáng chế này cũng bảo vệ chống lại biến thể kiểu gen bất kỳ của virus Chikungunya mà có thể được lây truyền bởi vectơ truyền bệnh thích hợp bất kỳ bao gồm *Aedis albopictus* và *Aedis aegypti*.

- | | | | |
|-----------------------------------|--|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024728 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 27/02/2017 | 347A |
| (21) 1-2016-02921 | | (85) 08/08/2016 | |
| (22) 12/01/2015 | | (86) PCT/US2015/011072 | 12/01/2015 |
| (30) 61/925,748 | 10/01/2014 | US | (87) WO2015/106229 |
| | 14/595,205 | 12/01/2015 | US |
| (51) A43B 3/00; A43B 7/38 | | | |
| (73) HEELZERO LLC (US) | | | |
| | 551 Madison Avenue, New York, NY 10022, United States of America | | |
| (72) KAZES, Hayim, Vitali (IL) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) GIÀY CAO GÓT | | | |

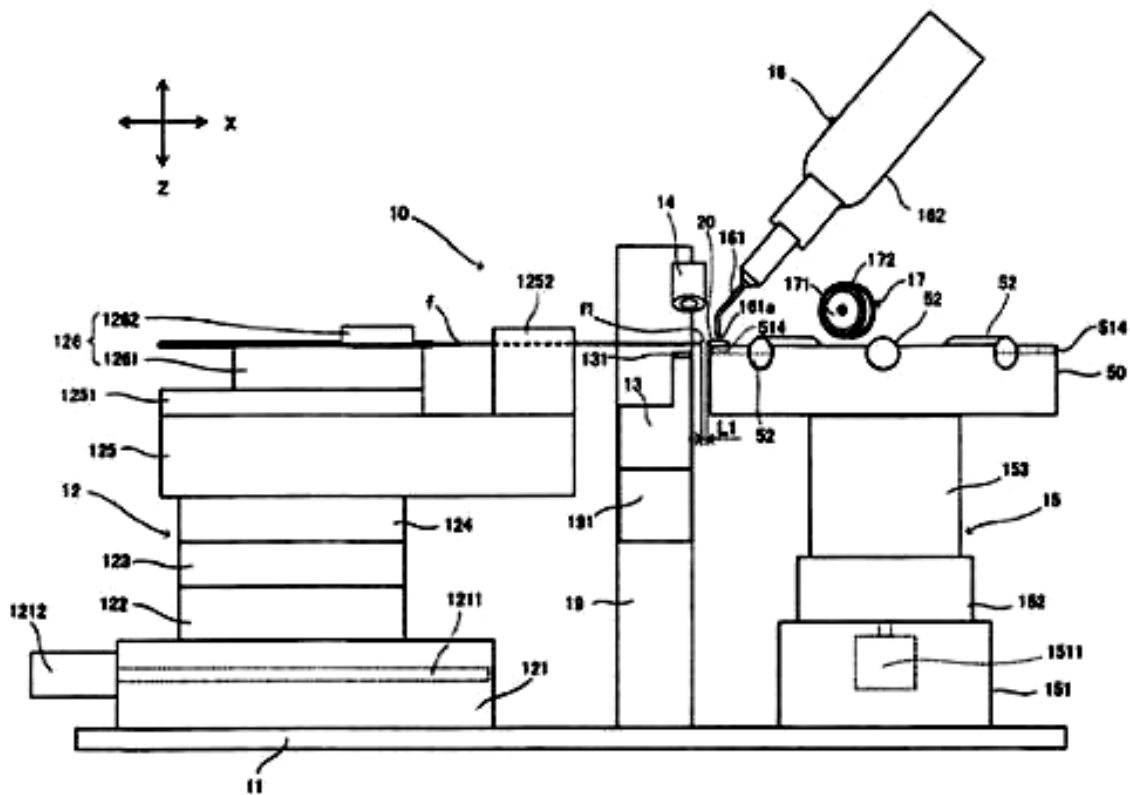
- (57) Sáng chế đề cập tới giày cao gót cho chân người cho phép người mang nó đứng và đi trong vị trí chính xác (thích hợp) về phương diện giải phẫu, tức là để đi giống như khi họ đi với các giày phẳng không có gót, cho phép thân người đứng cân bằng và các chân tựa lên tất cả các điểm. Giày cao gót được tạo thành với đế trong đỡ được làm nghiêng cong mở rộng vào trong gót với đường còn được điều chỉnh tới các trị số arctang và thông số hiệu chỉnh và các góc ngón chân và gót thích hợp cho chân người để tạo ra sự thoải mái hoàn hảo với chân người cho tư thế thân người thẳng thích hợp về phương diện giải phẫu.



- (11) **1-0024729 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2013 307A
(21) 1-2013-01520 (85) 17/05/2013
(22) 17/10/2011 (86) PCT/EP2011/068090 17/10/2011
(30) 1058464 18/10/2010 FR (87) WO2012/052394 26/04/2012
61/454,248 18/03/2011 US
(51) **A61K 39/00; A61M 5/178**
(73) **SANOVI PASTEUR (FR)**
2, Avenue Pont Pasteur, 69367 Lyon Cedex 07, France
(72) CHACORNAC, Isabelle (FR); IKHELEF-GRIBI, Nabila (FR); RONZON, Frédéric (FR); TIREFORT, Julien (FR); LENTSCH GRAF, Sandrine (FR)
(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)
(54) **VẬT CHỨA ĐỂ BẢO QUẢN VACXIN CHỨA CHẤT PHỤ TRỢ NHÔM**
(57) Sáng chế đề cập đến vật chứa dùng để bảo quản hoặc sử dụng chế phẩm vacxin, trong đó vật chứa này (i) chứa chế phẩm vacxin gồm kháng nguyên virus gây bệnh viêm gan B được hấp phụ trên chất phụ trợ nhôm; (ii) có bề mặt trợ được phủ silicon polyme hóa; và (iii) đóng kín bằng dụng cụ đóng vai trò cái nút, trong đó bề mặt của dụng cụ tiếp xúc được với chế phẩm được phủ flopolyme.

- (11) **1-0024730 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/08/2015 329A
 (21) 1-2015-00512
 (22) 11/02/2015
 (30) JP2014-029604 19/02/2014 JP
 (51) **G02B 6/25**
 (73) **TOMOEGAWA CO., LTD. (JP)**
 2-1-3, Kyobashi, Chuo-ku, Tokyo, Japan.
 (72) Masayoshi Suzuki (JP); Nobuhiro Hashimoto (JP)
 (74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)
 (54) **THIẾT BỊ SẢN XUẤT PHẦN TỬ KẾT NỐI QUANG HỌC**

(57) Sáng chế đề xuất thiết bị sản xuất phần tử kết nối quang học để sản xuất phần tử kết nối quang học trong đó khối tương hợp hệ số khúc xạ được gắn với bề mặt đầu phía trước của sợi quang. Bộ truyền chuyển động, động cơ trục X và tầng di chuyển để di chuyển sợi quang được thiết lập ở khoảng cách thứ nhất, tại đó chất lỏng tương hợp hệ số khúc xạ trên bề mặt giữ được hấp thụ bởi lực Coulomb theo việc nạp điện tích, vào bề mặt đầu phía trước của sợi quang được nạp điện bằng thiết bị phát điện tĩnh và sau đó mở rộng khoảng cách. Thiết bị phát điện tĩnh cấp điện áp cho sợi quang ở trạng thái của khoảng cách thứ nhất và cấp điện áp liên tục cho sợi quang ngay cả khi bắt đầu mở rộng khoảng cách.



- | | | | |
|-------------------------|------------|-------------------------|------------|
| (11) 1-0024731 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/12/2015 | 333A |
| (21) 1-2015-03451 | | (85) 18/09/2015 | |
| (22) 20/02/2014 | | (86) PCT/EP2014/053287 | 20/02/2014 |
| (30) 61/767,115 | 20/02/2013 | US (87) WO2014/128194A1 | 28/08/2014 |
- (51) **GIOL 19/025**
- (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
- (72) HEMLMRICH, Christian (DE); LECOMTE, Jérémie (FR); MARKOVIC, Goran (RS); SCHNELL, Markus (DE); EDLER, Bernd (DE); REUSCHL, Stephan (DE)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP TẠO RA HOẶC GIẢI MÃ TÍN HIỆU ÂM THANH HOẶC HÌNH ẢNH ĐƯỢC MÃ HÓA SỬ DỤNG PHẦN ĐA CHỒNG LẤP**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp tạo ra hoặc giải mã tín hiệu âm thanh hoặc hình ảnh được mã hóa sử dụng phần đa chồng lấp. Thiết bị tạo ra tín hiệu được mã hóa, bao gồm: bộ điều khiển chuỗi cửa sổ (808) để tạo ra thông tin chuỗi cửa sổ (809) để tạo cửa sổ tín hiệu âm thanh hoặc hình ảnh, thông tin chuỗi cửa sổ chỉ ra hàm cửa sổ thứ nhất (1500) để tạo ra khung thứ nhất của các giá trị phổ, hàm cửa sổ thứ hai (1502) và ít nhất là một hàm cửa sổ thứ ba (1503) để tạo ra khung thứ hai của các giá trị phổ có phần thứ nhất và phần thứ hai, trong đó hàm cửa sổ thứ nhất (1500), hàm cửa sổ thứ hai (1502) và một hoặc nhiều hàm cửa sổ thứ ba chồng lấp bên trong vùng đa chồng lấp (1300); bộ xử lý trước (802) để tạo cửa sổ (902) khối thứ hai của các mẫu tương ứng với hàm cửa sổ thứ hai và một hoặc nhiều hàm cửa sổ thứ ba sử dụng hàm cửa sổ bổ trợ (1100) để thu được khối thứ hai của các mẫu được tạo cửa sổ, và để xử lý trước (904) khối thứ hai của các mẫu được tạo cửa sổ thứ hai sử dụng hoạt động gập vào của phần khối thứ hai chồng lấp với khối thứ nhất vào trong phần đa chồng lấp (1300) để thu được khối thứ hai được xử lý trước của các mẫu được tạo cửa sổ có vùng đa chồng lấp được điều chỉnh; bộ chuyển đổi phổ (804) để áp dụng phép biến đổi đưa vào dạng răng cưa (906) cho khối thứ nhất của các mẫu sử dụng hàm cửa sổ thứ nhất để thu được khung thứ nhất của các giá trị phổ để áp dụng phép biến đổi đưa vào dạng răng cưa cho phần thứ nhất của khối thứ hai được xử lý trước của các mẫu được tạo cửa sổ sử dụng hàm cửa sổ thứ hai để thu được phần thứ nhất của các mẫu phổ của khung thứ hai và để áp dụng phép biến đổi đưa vào dạng răng cưa cho phần thứ hai của khối thứ hai được xử lý trước của các mẫu được tạo cửa sổ sử dụng một hoặc nhiều hàm cửa sổ thứ ba (1503) để thu được phần thứ hai của các mẫu phổ của khung thứ hai; và bộ xử lý (806) để xử lý khung thứ nhất và khung thứ hai để thu được các khung được mã hóa của tín hiệu âm thanh hoặc hình ảnh.

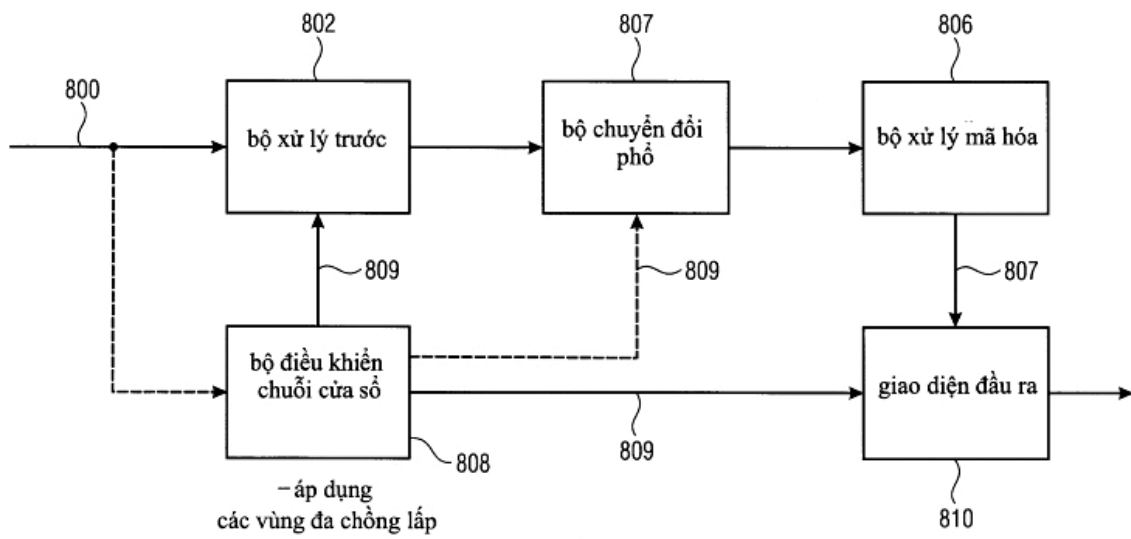
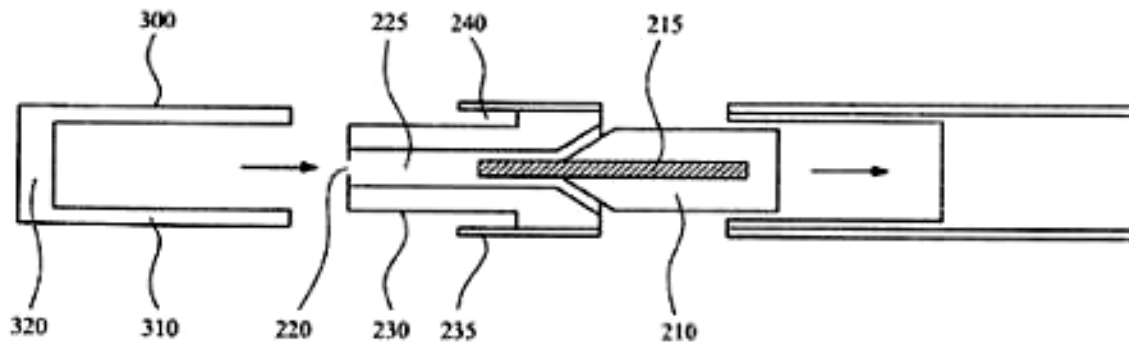


FIG 8A

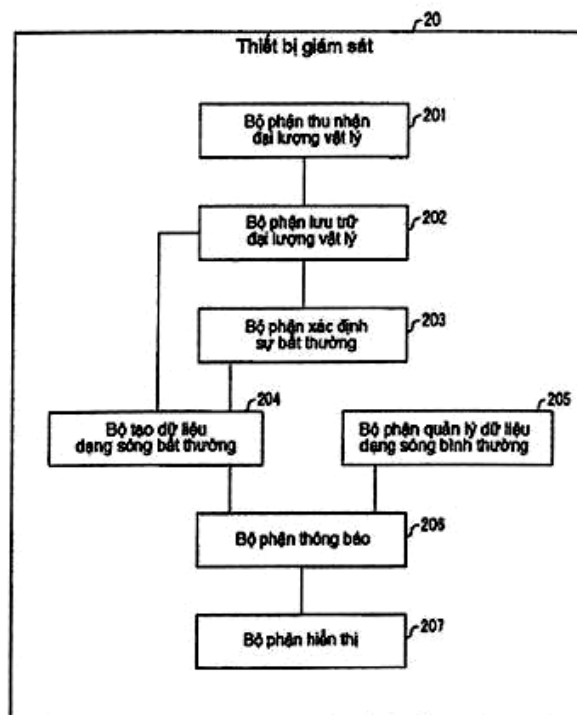
- (11) **1-0024732 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 1-2015-03258 (85) 04/09/2015
 (22) 20/12/2013 (86) PCT/EP2013/077645 20/12/2013
 (30) 13159544.9 15/03/2013 EP (87) WO2014/139609 18/09/2014
 (51) **A24F 47/00**
 (73) **PHILIP MORRIS PRODUCTS S.A. (CH)**
 Quai Jeanrenaud 3, CH-2000 Neuchatel, Switzerland
 (72) THORENS, Michel (CH); Alexis Louvet (CH)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ (INVESTCONSULT)
 (54) **BỘ KIT DÙNG CHO HỆ THỐNG TẠO SOL KHÍ**

- (57) Sáng chế đề xuất bộ kit dùng cho hệ thống tạo sol khí bao gồm dụng cụ tạo sol khí, dụng cụ này bao gồm: thân chứa hoặc được tạo kết cấu để nhận nền tạo sol khí; đầu ra được tạo ra trong thân, trong đó khi sử dụng sol khí mà được tạo ra từ nền tạo sol khí được phân phối qua đầu ra; trong đó thân bao gồm thành thứ nhất bao quanh đầu ra và thành thứ hai bao quanh thành thứ nhất sao cho rãnh hình khuyên có đầu hở được định ra giữa thành thứ nhất và thành thứ hai, rãnh hình khuyên được tạo kết cấu để giữ nắp phần miệng mềm vào với thân. Khi sử dụng, nắp phần miệng được đặt vào trong miệng của người sử dụng để người sử dụng hít trực tiếp sol khí được tạo ra bởi dụng cụ tạo sol khí. Sáng chế cũng đề xuất nắp phần miệng tháo lắp được cho dụng cụ hút thuốc được vận hành bằng điện, nắp này bao gồm phần hình ống phù hợp định ra lỗ giữa và phần lọc che lỗ của phần hình ống này.



- | | | | |
|-------------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024733 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2015 | 326A |
| (21) 1-2015-00673 | | (85) 27/02/2015 | |
| (22) 21/08/2013 | | (86) PCT/JP2013/072237 | 21/08/2013 |
| (30) 2012-201975 | 13/09/2012 JP | (87) WO2014/041971A1 | 20/03/2014 |
- (51) **G05B 23/02**
 (73) **OMRON CORPORATION (JP)**
 801, Minamifudodo-cho, Horikawahigashiiru, Shiokoji-dori, Shimogyo-ku, Kyoto-shi, Kyoto 600-8530, Japan
 (72) KAWAI, Wakchiro (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ GIÁM SÁT, PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT VÀ VẬT GHI**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị giám sát để tạo thuận lợi cho việc xác định việc dự đoán hỏng hóc trong khi ngăn chặn việc thông báo thừa. Thiết bị giám sát (20) bao gồm: bộ phận thu nhận đại lượng vật lý (201) để thu nhận các đại lượng vật lý chỉ báo trạng thái của thiết bị; bộ phận xác định sự bất thường (203) để xác định, theo việc xem liệu các đại lượng vật lý thu nhận được có nằm trong khoảng định trước hay không, liệu có sự bất thường hay không; bộ tạo dữ liệu dạng sóng bất thường (204) để, trong trường hợp bộ phận xác định sự bất thường (203) xác định rằng có sự bất thường, tạo ra dữ liệu dạng sóng bất thường chỉ báo sự thay đổi theo thời gian về các đại lượng vật lý thu nhận được trong suốt giai đoạn dạng sóng bất thường chứa ít nhất là giai đoạn từ thời điểm mà tại đó bộ phận xác định sự bất thường (203) xác định rằng có sự bất thường đến thời điểm mà tại đó thời gian tích lũy định trước trôi qua; và bộ phận thông báo (206) để khiến cho bộ phận hiển thị (207) hiển thị dạng sóng bất thường được chỉ báo bởi dữ liệu dạng sóng bất thường.



- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024734 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/11/2015 | 332A |
| (21) 1-2015-02992 | | (85) 17/08/2015 | |
| (22) 07/01/2014 | | (86) PCT/EP2014/050171 | 07/01/2014 |
| (30) 13151910.0 | 18/01/2013 EP | (87) WO2014/111290A1 | 24/07/2014 |

(51) **GI0L 19/00**

(73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**

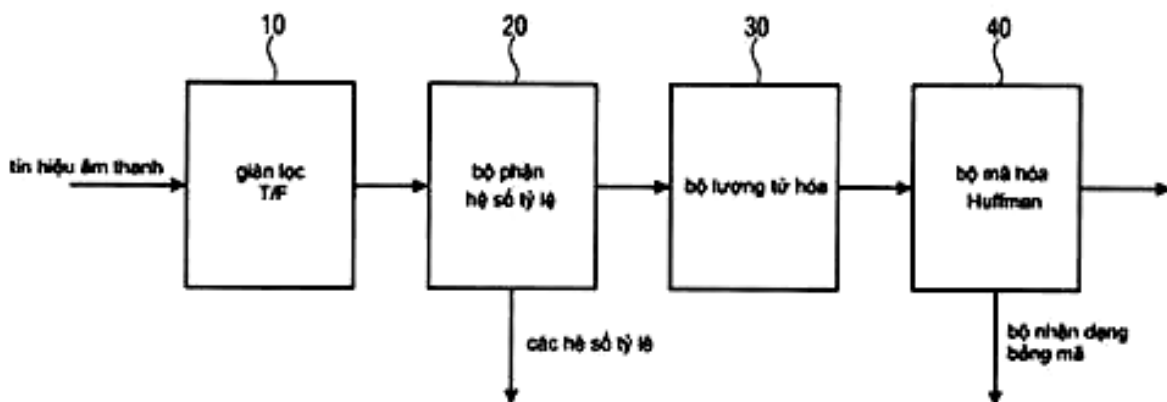
Hansastraße 27c, 80686 Muenchen, Germany

(72) SCHREINER, Stephan (DE); BORSUM, Arne (DE); NEUSINGER, Matthias (DE); JANDER, Manuel (DE); LOHWASSER, Markus (DE); NEUGEBAUER, Bernhard (DE)

(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(54) **BỘ GIẢI MÃ VÀ MÃ HÓA TÍN HIỆU ÂM THANH, PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ PHÉP BIỂU DIỄN TÍN HIỆU ÂM THANH ĐƯỢC MÃ HÓA**

(57) Sáng chế đề cập đến bộ giải mã và mã hóa tín hiệu âm thanh, phương pháp giải mã tín hiệu âm thanh được mã hóa. Bộ giải mã tín hiệu âm thanh (100) để cung cấp phép biểu diễn tín hiệu âm thanh được giải mã trên cơ sở phép biểu diễn tín hiệu âm thanh được mã hóa bao gồm bộ phận xử lý trước của bộ giải mã (110) để thu được nhiều tín hiệu băng tần từ phép biểu diễn tín hiệu âm thanh được mã hóa, bộ ước lượng rút gọn (120), bộ dịch chuyển mức (130), bộ chuyển đổi miền tần số thành thời gian (140), và bộ bù dịch chuyển mức (150). Bộ ước lượng rút gọn (120) phân tích phép biểu diễn tín hiệu âm thanh được mã hóa và/hoặc thông tin phụ tương ứng với độ khuếch đại của các tín hiệu băng tần để xác định hệ số dịch chuyển mức hiện tại. Bộ dịch chuyển mức (130) dịch chuyển các mức của các tín hiệu băng tần theo hệ số dịch chuyển mức. Bộ chuyển đổi miền tần số thành thời gian (140) chuyển đổi các tín hiệu băng tần đã dịch chuyển mức thành phép biểu diễn miền thời gian. Bộ bù dịch chuyển mức (150) tác động lên phép biểu diễn miền thời gian để bù ít nhất một phần sự dịch chuyển mức tương ứng và để thu được phép biểu diễn miền thời gian được bù một cách cơ bản.



- | | | | |
|-------------------|------------------------|-----------------|------------|
| (11) 1-0024735 B | (15) 22/06/2020 | | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/02/2016 | 335A |
| (21) 1-2015-02928 | (85) 12/08/2015 | | |
| (22) 13/05/2013 | (86) PCT/JP2013/063260 | | 13/05/2013 |
| | (87) WO2014/184838 | | 20/11/2014 |

(51) **F16G 5/16; B21D 53/14; C21D 9/40**

(73) **TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (JP)**

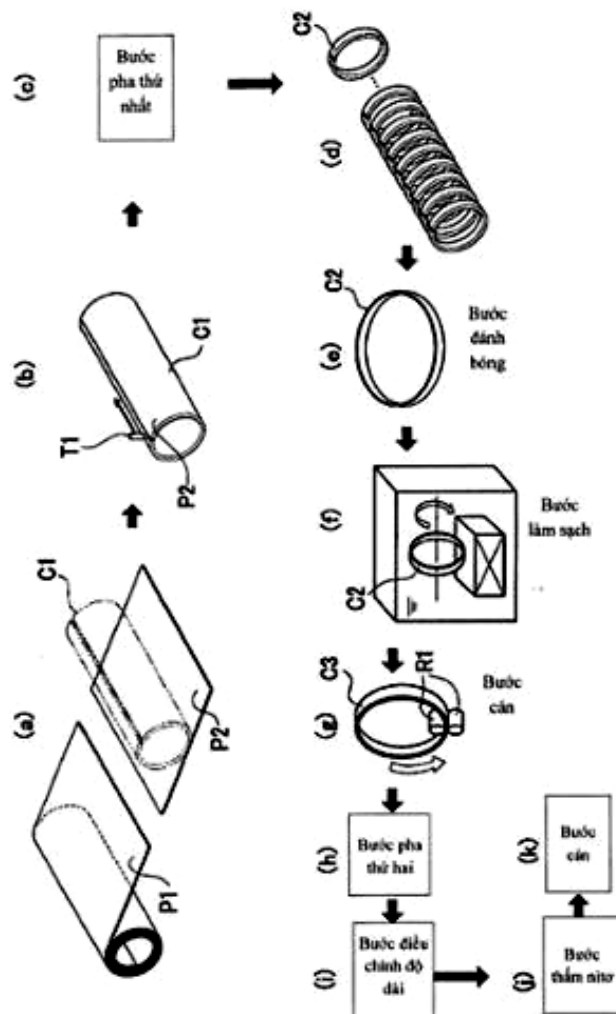
1, Toyota-cho, Toyota-shi, Aichi, 4718571, Japan

(72) KOGA, Mitsue (JP); NISHIYAMA, Tomohiko (JP)

(74) Văn phòng Luật sư Ân Nam (ANNAM IP & LAW)

(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VÒNG KIM LOẠI LIÊN VÀ THIẾT BỊ LOẠI BỎ NHỰA KHỎI VÒNG KIM LOẠI LIÊN**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất vòng kim loại liên để sản xuất vòng kim loại liên (110) bằng cách thực hiện bước đánh bóng ống lót (pr5) để đánh bóng vòng kim loại liên (110) nhờ sử dụng ống lót vật liệu nhựa, bước cán (pr7) để cán vòng kim loại liên (110) đã làm sạch, và bước thấm nito để thấm nito vòng kim loại liên (110) đã cán, trong đó sau bước đánh bóng ống lót (pr5) và trước bước cán (pr7), thực hiện bước loại bỏ nhựa (pr6) để loại bỏ nhựa bám vào vòng kim loại (110).



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024736 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2016 | 340A |
| (21) 1-2016-01805 | | (85) 19/05/2016 | |
| (22) 23/10/2014 | | (86) PCT/US2014/061988 | 23/10/2014 |
| (30) 61/894,886 | 23/10/2013 | US | (87) WO2015/061580A1 |
| 14/521,153 | 22/10/2014 | US | 30/04/2015 |

(51) **H04N 19/70; H04N 19/58; H04N 19/30; H04N 19/573**

(73) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**

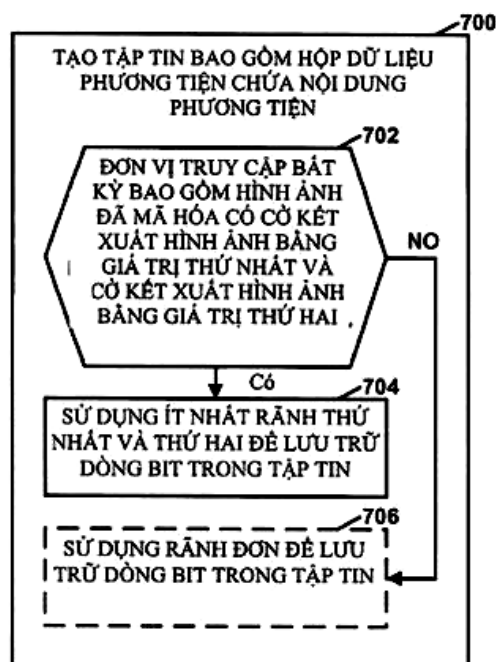
ATTN: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, CA 92121-1714, United States of America

(72) WANG, Ye-Kui (CN); CHEN, Ying (CN); RAMASUBRAMONIAN, Adarsh Krishnan (IN); HENDRY, Fnu (ID)

(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ VIDEO ĐỂ XỬ LÝ DỮ LIỆU VIDEO ĐA LỚP, VẬT GHI LƯU TRỮ DỮ LIỆU BẤT BIẾN ĐỌC ĐƯỢC BỞI MÁY TÍNH**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị video để xử lý dữ liệu video đa lớp, vật ghi lưu trữ dữ liệu bất biến đọc được bởi máy tính có các lệnh được lưu trữ trên đó. Thiết bị điện toán tạo tập tin bao gồm hộp dữ liệu phương tiện chứa nội dung phương tiện. Nội dung phương tiện bao gồm chuỗi các mẫu. Mỗi mẫu là đơn vị truy cập video của dữ liệu video đa lớp. Đáp lại việc xác định rằng ít nhất một đơn vị truy cập của dòng bit của dữ liệu video đa lớp bao gồm hình ảnh được mã hóa có cờ kết xuất hình ảnh bằng giá trị thứ nhất và hình ảnh được mã hóa có cờ kết xuất hình ảnh bằng giá trị thứ hai, thiết bị điện toán sử dụng ít nhất hai rãnh để lưu trữ dòng bit trong tập tin. Đối với mỗi rãnh tương ứng từ ít nhất hai rãnh này, tất cả các hình ảnh được mã hóa trong mỗi mẫu của rãnh tương ứng có cùng giá trị cờ kết xuất hình ảnh.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|----------------------|
| (11) 1-0024737 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2016 | 340A |
| (21) 1-2016-01804 | | (85) 19/05/2016 | |
| (22) 23/10/2014 | | (86) PCT/US2014/061941 | 23/10/2014 |
| (30) 61/894,886 | 23/10/2013 | US | (87) WO2015/061551A1 |
| 14/521,042 | 22/10/2014 | US | 30/04/2015 |

(51) **H04N 19/70; H04N 19/30**

(73) **QUALCOMM INCORPORATED (US)**

ATTN: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, CA 92121-1714, United States of America

(72) WANG, Ye-Kui (CN); CHEN, Ying (CN); RAMASUBRAMONIAN, Adarsh Krishnan (IN); HENDRY, Fnu (ID)

(74) Công ty TNHH Quốc tế D & N (D&N INTERNATIONAL CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ VIDEO ĐỂ XỬ LÝ DỮ LIỆU VIDEO ĐA LỚP, VẬT GHI LƯU TRỮ DỮ LIỆU BẤT BIẾN ĐỌC ĐƯỢC BỞI MÁY TÍNH**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị video để xử lý dữ liệu video đa lớp, vật ghi lưu trữ dữ liệu bất biến đọc được bởi máy tính có các lệnh được lưu trữ trên đó. Thiết bị điện toán tạo tập tin bao gồm hộp rãnh chứa siêu dữ liệu cho một rãnh trong tập tin. Dữ liệu phương tiện cho rãnh này bao gồm chuỗi các mẫu, mỗi mẫu là một đơn vị truy cập video của dữ liệu video đa lớp. Một phần của quá trình tạo tập tin là thiết bị điện toán tạo, trong tập tin này, hộp thông tin mẫu con chứa các cờ chỉ báo loại thông tin mẫu con có trong hộp thông tin mẫu con. Khi cờ có giá trị cụ thể, mẫu con tương ứng với hộp thông tin mẫu con chứa chính xác một hình ảnh được mã hóa và không hoặc nhiều đơn vị lớp trừu tượng hóa mạng (Network Abstraction Layer-NAL) không phải là lớp mã hóa video (Video Coding Layer - VCL) liên quan đến hình ảnh được mã hóa.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024738 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/10/2016 | 343A |
| (21) 1-2016-02632 | | (85) 18/07/2016 | |
| (22) 29/12/2014 | | (86) PCT/CN2014/095352 | 29/12/2014 |
| (30) 61/921,168 | 27/12/2013 | US | (87) WO2015/096821 |
| 14/582,951 | 24/12/2014 | US | 02/07/2015 |

(51) **H04W 28/18**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

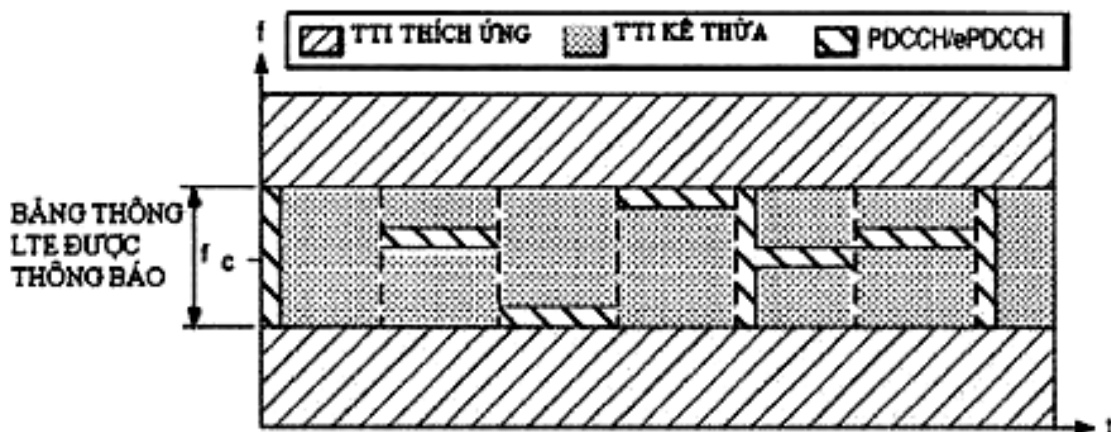
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang Shenzhen, Guangdong 518129, China

(72) AU, Kelvin Kar Kin (CA); ZHANG, Liqing (CA); MA, Jianglei (CA)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

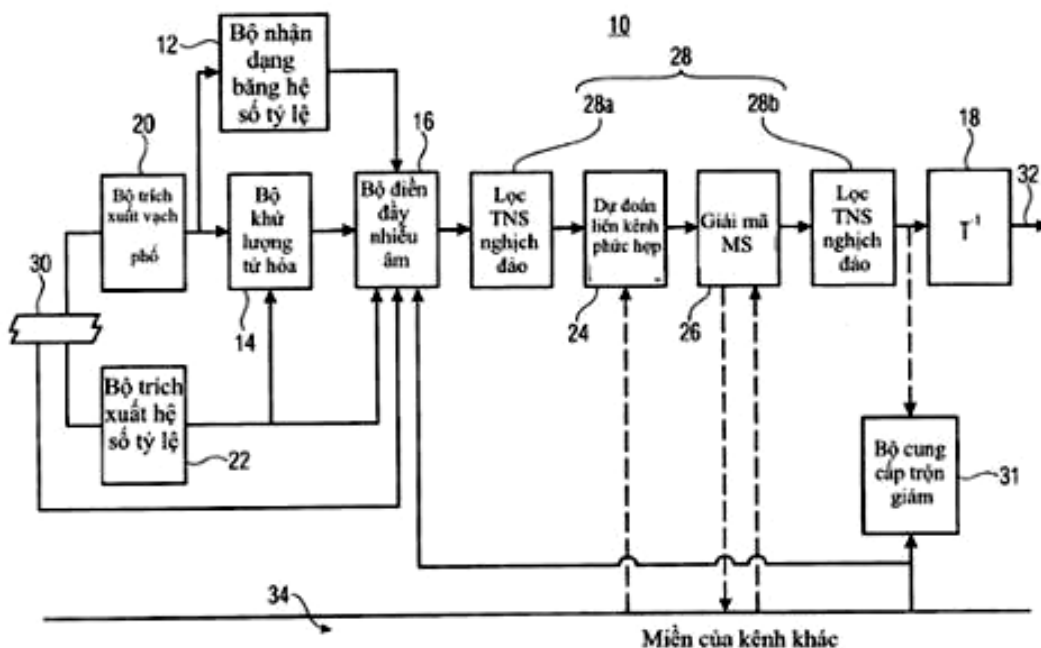
(54) **PHƯƠNG PHÁP CHO CƠ CẤU ĐỒNG TỒN TẠI TTI THÍCH ỨNG, THÀNH PHẦN MẠNG HỖ TRỢ CƠ CẤU ĐỒNG TỒN TẠI TTI THÍCH ỨNG VÀ THIẾT BỊ NGƯỜI DÙNG**

(57) Sáng chế đề xuất hệ thống và phương pháp cung cấp cơ cấu cho phép đồng tồn tại TTI (transmission time interval, khoảng thời gian truyền) thích ứng ở các hệ thống tế bào LTE (Long Term Evolution, tiến hóa dài hạn) và 5G (fifth generation, thế hệ thứ năm). Theo phương án thực hiện, phương pháp cho cơ cấu đồng tồn tại TTI thích ứng gồm phân phối, bởi bộ điều khiển mạng, TTI LTE ở băng thông thứ nhất. Băng thông thứ nhất nhỏ hơn băng thông hệ thống khả dụng và được tập trung quanh tần số sóng mang ở tâm của băng thông hệ thống khả dụng. Phương pháp còn gồm phát quảng bá băng thông thứ nhất trong các tin nhắn thông tin hệ thống, phân phối các TTI thích ứng trong băng thông hệ thống khả dụng ngoài băng thông thứ nhất, và phát quảng bá thông tin phân vùng băng thông TTI thích ứng đến các thiết bị đầu cuối có khả năng TTI thích ứng.



- (11) **1-0024739 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2016-00384 (85) 29/01/2016
 (22) 18/07/2014 (86) PCT/EP2014/065550 18/07/2014
 (30) 13177356.6 22/07/2013 EP (87) WO2015/011061A1 29/01/2015
 13189450.3 18/10/2013 EP
 (51) **G10L 19/028; G10L 19/032**
 (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
 Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany (DE)
 (72) LUIS VALERO, Maria (ES); HELMRICH, Christian (DE); HILPERT, Johannes (DE)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **BỘ GIẢI MÃ VÀ BỘ MÃ HÓA ÂM THANH MIỀN TẦN SỐ THEO THAM SỐ SỔ VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ VÀ MÃ HÓA ÂM THANH MIỀN TẦN SỐ THEO THAM SỐ**

- (57) Sáng chế đề cập đến bộ giải mã và bộ mã hóa âm thanh miền tần số theo tham số và phương pháp giải mã và mã hóa âm thanh miền tần số theo tham số. Trong mã hoá âm thanh đa kênh, hiệu quả mã hóa được cải thiện thu được bằng bước sau đây: thực hiện điền đầy nhiều âm các băng hệ số tỷ lệ được lượng tử hóa tới 0 bằng cách sử dụng các nguồn điền đầy nhiều âm khác với nhiều âm được tạo ra nhân tạo hoặc sao chép phổ. Cụ thể là, hiệu quả mã hoá trong mã hóa âm thanh đa kênh có thể được tạo ra hiệu quả hơn bằng cách thực hiện điền đầy nhiều âm dựa trên nhiều âm được tạo ra nhờ sử dụng các vạch phổ từ khung trước đó, hoặc một kênh khác của khung hiện thời, của tín hiệu âm thanh đa kênh.



- (11) 1-0024740 B (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2013 301A
 (21) 1-2012-03918 (85) 27/12/2012
 (22) 19/05/2011 (86) PCT/US2011/037083 19/05/2011
 (30) 61/348,958 27/05/2010 US (87) WO2011/149749 01/12/2011

(51) C07D 261/04; A01N 25/00

(73) E.I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)

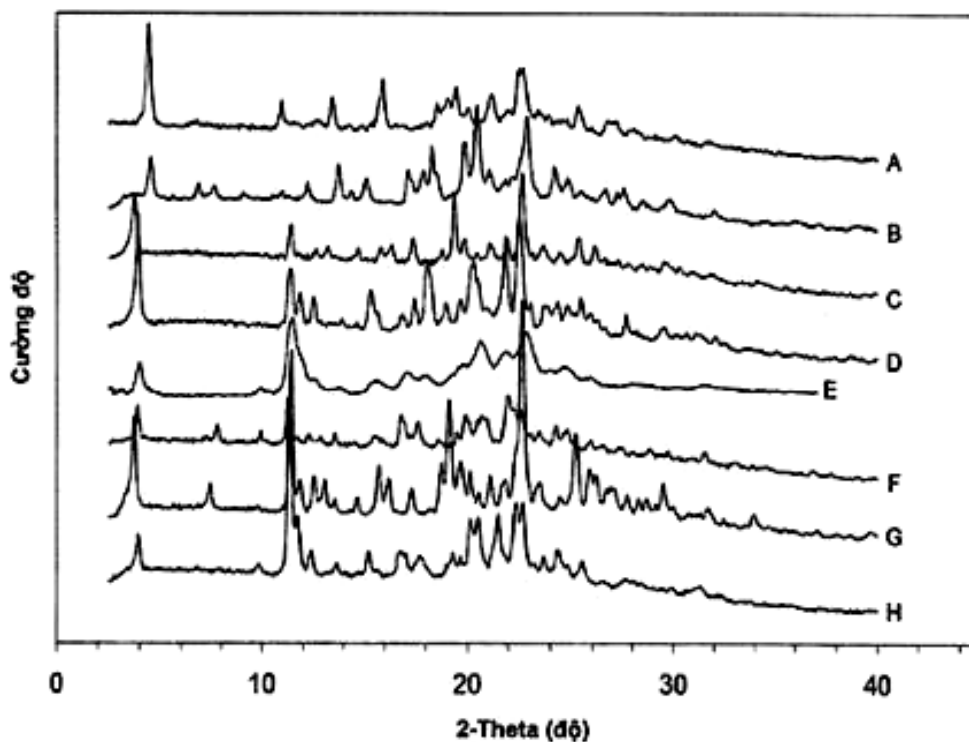
1007 Market Street, Wilmington, DE 19898, United States of America

(72) CURRIE, Martin, James (US)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

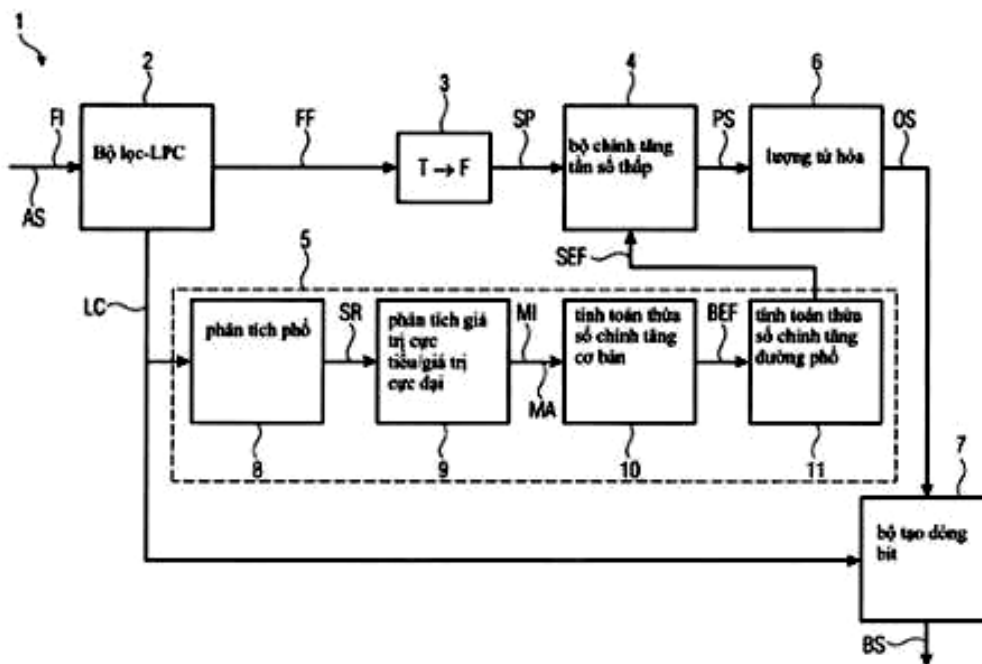
(54) **HỢP CHẤT 4-[5-[3-CLO-5-(TRIFLOMETYL)PHENYL]-4,5-DIHYDRO-5-(TRIFLOMETYL)-3-ISOXAZOLYL]-N-[2-OXO-2-[(2,2,2-TRIFLOETYL)AMINO]ETYL]-1-NAPHTALENCARBOXAMIT DẠNG TINH THỂ ĐA HÌNH, CHẾ PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG TRỪ VẬT GÂY HẠI KHÔNG XƯƠNG SỐNG**

- (57) Sáng chế đề cập đến hợp chất 4-[5-[3-clo-5-(triflometyl)phenyl]-4,5-dihydro-5-(triflometyl)-3-isoxazolyl]-N-[2-oxo-2-[(2,2,2-trifloetyl)amino]etyl]-1-naphtalencarboxamit dạng tinh thể đa hình (Hợp chất 1). Sáng chế còn đề cập đến chế phẩm chứa hợp chất 1 dạng tinh thể đa hình và phương pháp phòng trừ loài gây hại không xương sống bao gồm việc cho loài gây hại không xương sống hoặc môi trường của nó tiếp xúc với hợp chất 1 dạng tinh thể đa hình hoặc chế phẩm chứa hợp chất 1 dạng tinh thể đa hình với lượng có hiệu quả về mặt sinh học.



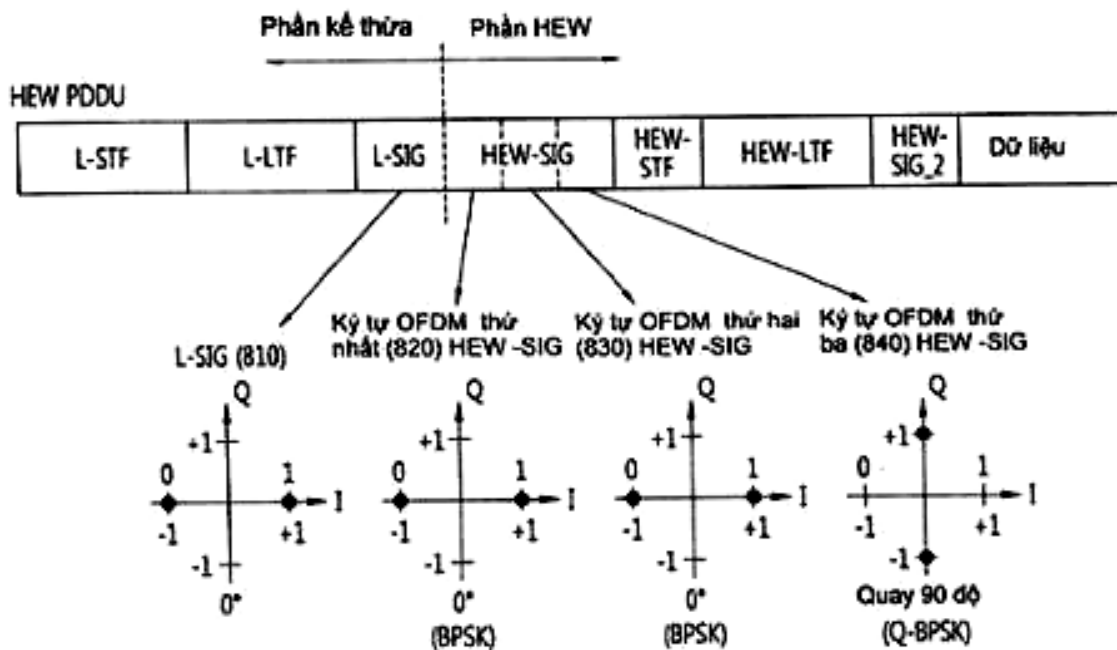
- (11) **1-0024741 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
 (21) 1-2015-03080 (85) 21/08/2015
 (22) 28/01/2014 (86) PCT/EP2014/051585 28/01/2014
 (30) 61/758,103 29/01/2013 US (87) WO2014/118152 07/08/2014
 (51) **G10L 19/02; G10L 19/26; G10L 19/08**
 (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
 Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
 (72) DOEHLA, Stefan (DE); GRILL, Bernhard (DE); HELMRICH, Christian (DE); RETTELBACH, Nikolaus (DE)
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **BỘ MÃ HÓA ÂM THANH VÀ PHƯƠNG PHÁP MÃ HÓA TÍN HIỆU ÂM THANH KHÔNG PHẢI TIẾNG NÓI, BỘ GIẢI MÃ ÂM THANH VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ DÒNG BIT**

(57) Sáng chế đề xuất bộ mã hóa âm thanh và phương pháp mã hóa tín hiệu âm thanh không phải tiếng nói để từ đó tạo ra dòng bit, bộ mã hóa âm thanh bao gồm: tổ hợp (2, 3) của bộ lọc mã hóa dự báo tuyến tính (2) có nhiều hệ số mã hóa dự báo tuyến tính (LC) và bộ chuyển đổi thời gian-tần số (3); bộ chỉnh tăng tần số thấp (4) được tạo cấu hình để tính toán phổ được xử lý (PS) dựa trên phổ (SP); thiết bị điều khiển (5) được tạo cấu hình để điều khiển phép tính toán của phổ được xử lý (PS) bởi bộ chỉnh tăng tần số thấp (4) phụ thuộc vào các hệ số mã hóa dự báo tuyến tính (LC) của bộ lọc mã hóa dự báo tuyến tính (2). Ngoài ra, sáng chế đề xuất bộ giải mã âm thanh tương ứng, hệ thống, phương pháp giải mã dòng bit chứa các phổ được lượng tử hóa và nhiều hệ số mã hóa dự báo tuyến tính và chương trình máy tính tương ứng.



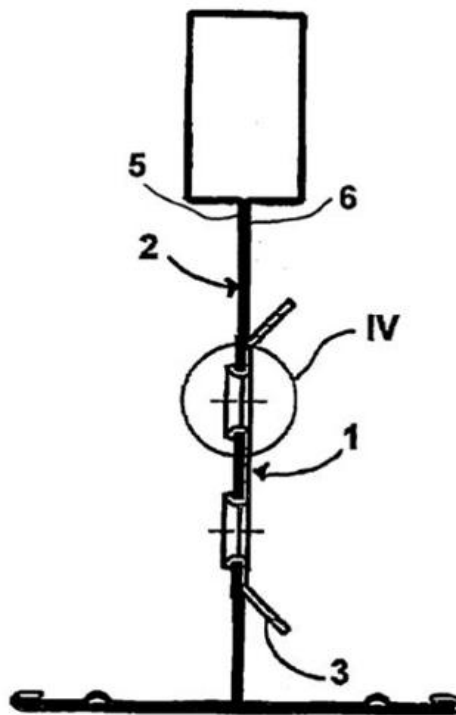
- (11) **1-0024742 B** (15) 22/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
- (21) 1-2015-04339 (85) 11/11/2015
- (22) 18/04/2014 (86) PCT/KR2014/003418 18/04/2014
- (30) 61/813,644 19/04/2013 US (87) WO2014/171788A1 23/10/2014
- 61/821,732 10/05/2013 US
- (51) **H04L 27/26**
- (73) **LG ELECTRONICS INC. (KR)**
128, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu Seoul 150-721 Republic of Korea
- (72) CHOI, Jinsoo (KR); LEE, Wookbong (KR); CHO, Hangyu (KR); LIM, Dongguk (KR); CHUN, Jinyoung (KR)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ TRẠM TRUYỀN TRƯỜNG TÍN HIỆU TRONG MẠNG VÙNG CỤC BỘ KHÔNG DÂY (WLAN)**

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp truyền trường tín hiệu trong mạng vùng cục bộ (LAN- local area network) không dây cùng với thiết bị thực hiện phương pháp này. Phương pháp truyền trường tín hiệu trong LAN không dây bao gồm các bước: tạo ra trường tín hiệu bởi trạm (STA-station) thứ nhất; và truyền trường tín hiệu tới STA thứ hai bởi STA thứ nhất trong ký tự ghép kênh phân chia theo tần số trực giao (OFDM- orthogonal frequency division multiplexing) thứ nhất, ký tự OFDM thứ hai và ký tự OFDM thứ ba, trong đó ít nhất một trong số khóa dịch pha nhị phân thứ hai trong ký tự OFDM thứ hai và khóa dịch pha nhị phân thứ ba trong ký tự OFDM thứ ba có thể được quay có tham chiếu tới khóa dịch pha nhị phân thứ nhất được sử dụng trong ký tự OFDM thứ nhất.



- | | | | |
|--|---|------------------------|------------|
| (11) 1-0024743 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/08/2014 | 317A |
| (21) 1-2014-01622 | | (85) 19/05/2014 | |
| (22) 07/11/2012 | | (86) PCT/IB2012/056221 | 07/11/2012 |
| (30) PCT/IB2011/055051 | 11/11/2011 | IB (87) WO2013/068937 | 16/05/2013 |
| (51) E04B 9/10; E04B 9/12 | | | |
| (76) CIPRIANI, GIUSEPPE (IT) | | | |
| | Via Fortunato Depero 25, I-38068 Rovereto TN, Italy | | |
| (74) Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.) | | | |
| (54) THANH THÉP DẠNG CHỮ T, CỤM KẾT HỢP CỦA THANH THÉP DẠNG CHỮ T VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT THANH THÉP DẠNG CHỮ T NÀY | | | |

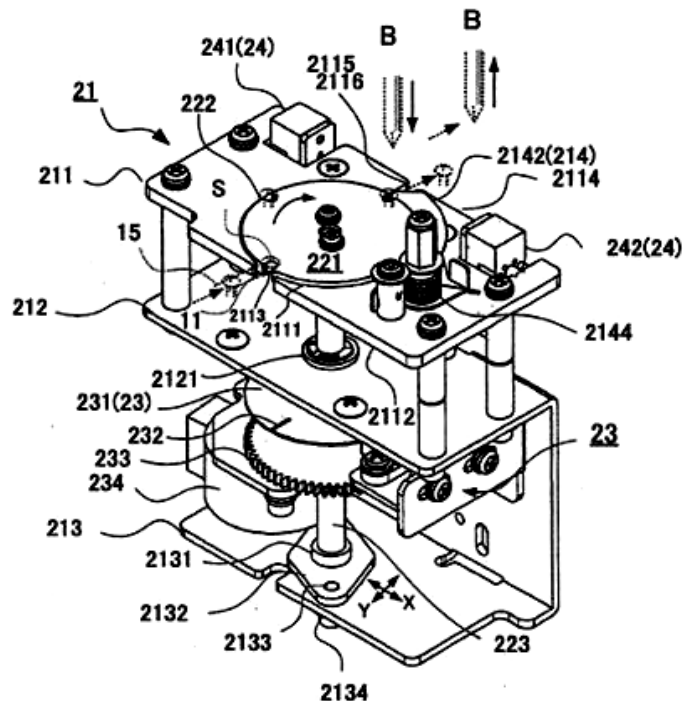
- (57) Sáng chế đề xuất thanh thép dạng chữ T (2) dùng cho kết cấu đỡ trần giả hoặc để đỡ trần giả, trong đó thanh thép dạng chữ T này được làm bằng dải thép hoặc tấm kim loại mạ kẽm có độ dày bằng hoặc nhỏ hơn 0,25 mm, và trong đó thép có các tính chất: độ bền kéo tối đa R_m nằm trong khoảng từ 500 N/mm² đến 1000 N/mm²; và độ giãn dài nằm trong khoảng từ 2% đến 8%.
- Ngoài ra, sáng chế còn đề xuất cụm kết hợp của thanh thép dạng chữ T với móc hoặc chi tiết nối (1), và quy trình sản xuất thanh thép dạng chữ T này.



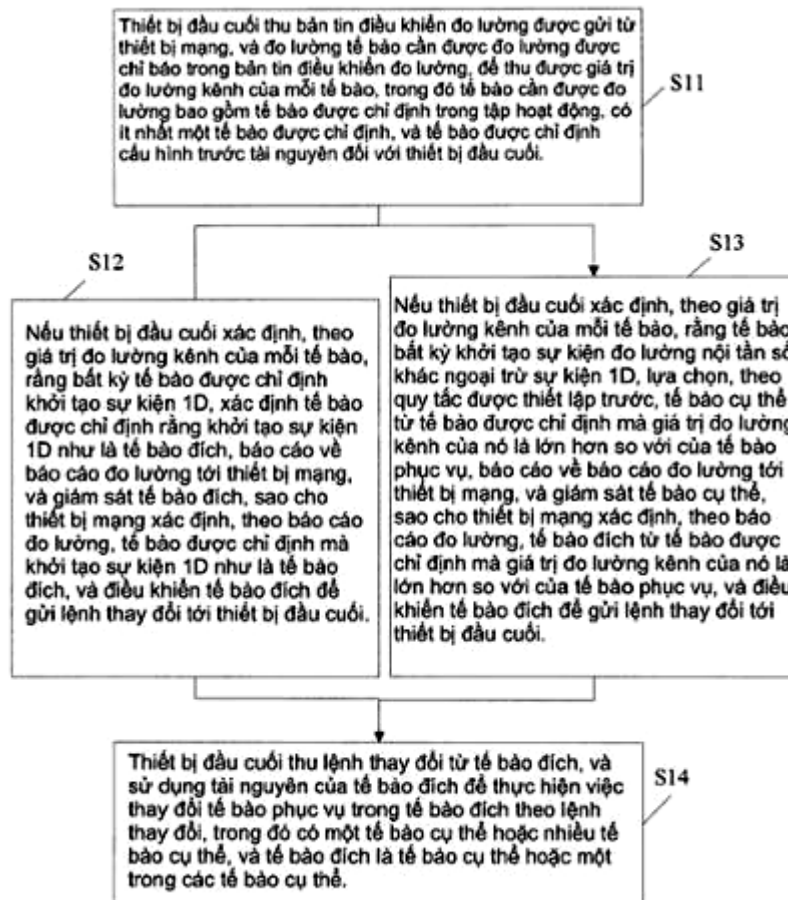
- (11) **1-0024744 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
 (21) 1-2016-00816 (85) 04/03/2016
 (22) 20/08/2014 (86) PCT/JP2014/071730 20/08/2014
 (30) 2014-136993 02/07/2014 JP (87) WO2016/002094 07/01/2016
 (51) *B23P 19/06*
 (73) **OHTAKE ROOT KOGYO CO., LTD.** (JP)
 27 Aza-Kanegasaki, Hagisho, Ichinoseki-shi, Iwate 0210902 JAPAN
 (72) OTA Yoshitake (JP); OIKAWA Hirofumi (JP)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên (ANPHAMCO CO.,LTD.)
 (54) **CƠ CẤU CẮT ĐINH VÍT DÙNG CHO MÁY CẤP ĐINH VÍT**

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu cắt vít dùng cho máy cấp đinh vít mà có thể ổn định cấp đinh vít tới lưỡi cắt điều khiển bằng cách ổn định vị trí của các đinh vít, và hoạt động cắt một cách chính xác và trơn tru.

Sáng chế đề xuất cơ cấu cắt vít dùng cho máy cắt đinh vít để cắt đinh vít từng chiếc mỗi lần từ máy cấp đinh vít, trong đó: cơ cấu cắt được trang bị một đĩa quay có thể quay theo chiều ngang; chu vi ngoài của đĩa quay có phần lõm mở ra về phía trục quay và giữ các đinh vít ở đó; đĩa quay ăn khớp với khoang tròn ở phần trên của sườn khung; một trục quay gắn đĩa quay vào phần trên của sườn khung, được trang bị phần ổ trục cố định ở phần giữa trên sườn khung, và được trang bị phần ổ trục điều chỉnh có thể được siết chặt với phần dưới sườn khung do đó vị trí gắn vào có thể điều chỉnh; một đĩa khe, được trang bị một khe tương ứng với phần lõm, và một bánh lái được cố định tại vị trí thích hợp trên trục quay giữa phần ổ trục điều chỉnh và đĩa quay; một cơ cấu dò tìm dùng để phát hiện khe của đĩa khe được cung cấp; một động cơ bậc thang được kiểm soát bởi một tín hiệu phát hiện từ cơ cấu dò tìm để điều khiển bánh lái; và đĩa xoay được quay bằng một góc quy định theo một hướng.



- (11) **1-0024745 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2016 340A
 (21) 1-2016-01272 (85) 08/04/2016
 (22) 27/02/2014 (86) PCT/CN2014/072647 27/02/2014
 (30) PCT/CN2013/083132 09/09/2013 CN (87) WO2015/032188A1 12/03/2015
 (51) **H04W 36/30**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang District, Shenzhen City,
 Guangdong 518129, China
 (72) XU, Xiaoying (CN); CHEN, Dong (CN); SHU, Bing (CN); YANG, Yinghong (CN)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP THAY ĐỔI TẾ BÀO, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ THIẾT BỊ MẠNG**
 (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp thay đổi tế bào, thiết bị đầu cuối, và thiết bị mạng. Bằng cách áp dụng sáng chế, vấn đề mà tỷ lệ thu thành công của lệnh thay đổi không thể được cải thiện khi sự kiện đo lường nội tần số khác ngoại trừ sự kiện 1D được khởi tạo có thể được giải quyết.



- (11) **1-0024746 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2015-03652 (85) 02/10/2015
 (22) 31/03/2014 (86) PCT/EP2014/056466 31/03/2014
 (30) 13162594.9 05/04/2013 EP (87) WO2014/161820 09/10/2014
 (51) **H04L 1/00**
 (73) **SUN PATENT TRUST (US)**
 450 Lexington Avenue, 38th Floor, New York, NY 10017, USA
 (72) EINHAUS, Michael (DE); GOLITSCHKE EDLER VON ELBWART, Alexander (DE); LOEHR, Joachim (DE); HOSHINO, Masayuki (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
 (54) **THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI DI ĐỘNG, THIẾT BỊ TRẠM GÓC, PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN BỞI THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI DI ĐỘNG ĐỂ NHẬN VÀ TRUYỀN DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN BỞI THIẾT BỊ TRẠM GÓC ĐỂ NHẬN VÀ TRUYỀN DỮ LIỆU**
 (57) Sáng chế đề cập đến sự lựa chọn cơ chế điều chế và mã hóa thích ứng và báo hiệu trong hệ thống truyền thông. Cụ thể là, cơ chế điều chế và mã hóa được sử dụng cho việc truyền dữ liệu được lựa chọn từ cấu hình điều chế và mã hóa xác định trước. Việc xác định trước cấu hình này được thực hiện bằng cách lựa chọn từ nhiều cấu hình được xác định trước. Các cấu hình này có cùng kích thước, sao cho chỉ báo lựa chọn điều chế và mã hóa được báo hiệu để lựa chọn cơ chế điều chế và mã hóa có thể được áp dụng một cách thuận tiện cho bất kỳ cấu hình được lựa chọn nào. Hơn nữa, một cấu hình thứ hai bao gồm các sơ đồ với sự điều chế không nằm trong các sơ đồ của cấu hình thứ nhất mà ở mức cao hơn bất kỳ sự điều chế trong cấu hình thứ nhất.

Chỉ số MCS	Mức điều biến	Chỉ số TBS
0	2	0
1	2	1
2	8	26
3	8	27
4	8	28
5	8	29
6	2	6
7	2	7
8	2	8
9	2	9
10	4	9
11	4	10
12	4	11
13	4	12
14	4	13
15	4	14
16	4	15
17	4	15
18	4	16
19	4	17
20	4	18
21	4	19
22	4	20
23	6	21
24	6	22
25	6	23
26	6	24
27	6	25
28	6	26
29	2	
30	4	Định riêng
31	6	

Chỉ số MCS	Mức điều biến	Chỉ số TBS
0	2	0
1	2	1
2	8	26
3	8	27
4	8	28
5	8	29
6	8	30
7	8	31
8	8	32
9	8	33
10	8	34
11	8	35
12	8	36
13	8	37
14	8	38
15	8	39
16	8	40
17	8	41
18	4	16
19	4	17
20	4	18
21	4	19
22	4	20
23	6	21
24	6	22
25	6	23
26	6	24
27	6	25
28	6	26
29	2	
30	4	Định riêng
31	6	

- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024747 B | | (15) 22/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/09/2014 | 318A |
| (21) 1-2014-01645 | | (85) 20/05/2014 | |
| (22) 29/02/2012 | | (86) PCT/JP2012/055064 | 29/02/2012 |
| (30) 2011-258135 | 25/11/2011 JP | (87) WO2013/077006A1 | 30/05/2013 |

(51) **G01M 99/00**

(73) **TOYOX CO., LTD.** (JP)

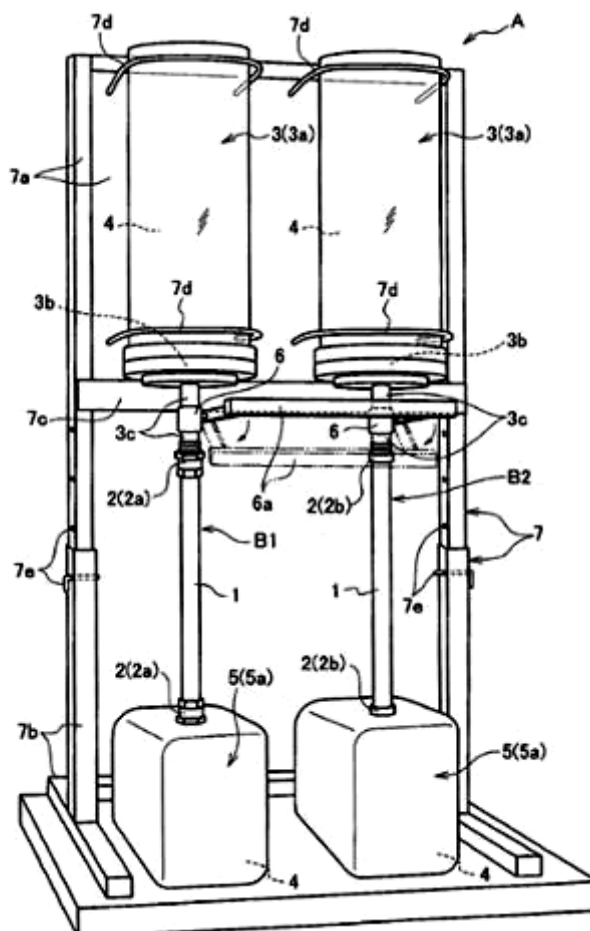
4371, Maezawa, Kurobe-shi, Toyama 9388585 Japan

(72) MIYAZAKI Osamu (JP)

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

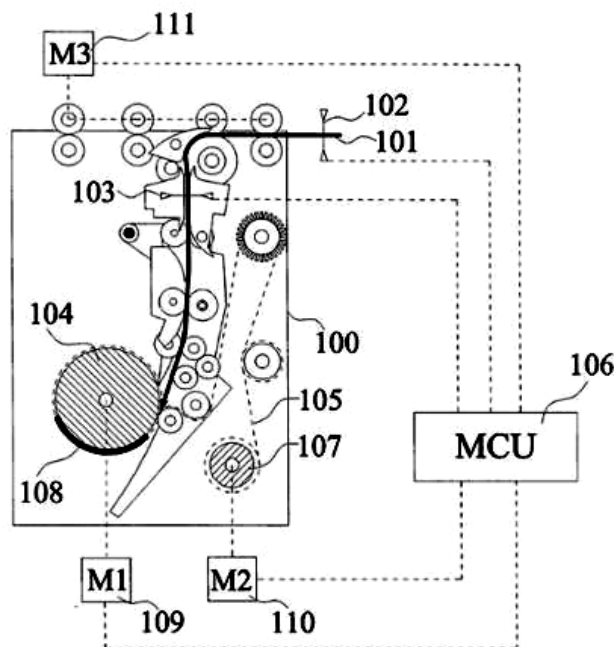
(54) **THIẾT BỊ HIỂN THỊ SO SÁNH TÍNH CHẤT DÒNG CHẢY**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị hiển thị so sánh tính chất dòng chảy để so sánh bằng mắt thường lượng lưu chất chảy qua mỗi đường ống. Các lưu chất (4) được cấp tương ứng từ két chứa (3) trong các cụm đường thân ống dẫn (B1, B2) về phía các đầu nối (2a, 2b) hoặc các thân ống dẫn (1a, 1b) cần được so sánh và có các lực cản chảy qua khác nhau và do đó sự khác biệt xảy ra về lượng dư của các lưu chất (4) trong các két chứa (3) kết hợp với sự khác biệt về lực cản chảy qua giữa các đầu nối (2a, 2b) hoặc giữa các thân ống dẫn (1a, 1b) và bằng cách quan sát trực quan sự khác biệt về lượng dư nhờ sử dụng phương tiện nhìn xuyên qua được lắp trên két chứa (3), người sử dụng có thể so sánh một cách dễ dàng các tính chất dòng chảy của các đầu nối (2a, 2b) hoặc các thân ống dẫn (1a, 1b) xuất hiện đồng thời.



- (11) **1-0024748 B** (15) 22/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2016 343A
 (21) 1-2016-02794 (85) 27/07/2016
 (22) 06/01/2015 (86) PCT/CN2015/070164 06/01/2015
 (30) 201410020452.6 16/01/2014 CN (87) WO2015/106645 23/07/2015
 (51) **G07D 11/00**
 (73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD.** (CN)
 9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
 (72) ZHANG, Tao (CN); CHEN, Weibin (CN); SUN, Zhiqiang (CN); Wang, Canjie (CN)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **CƠ CẤU BẢO QUẢN TIỀN TẠM THỜI VÀ PHƯƠNG PHÁP CẢI THIỆN KHẢ NĂNG BẢO QUẢN CỦA TANG QUAY**

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu bảo quản tiền tạm thời bao gồm bộ cảm biến thứ nhất, bộ cảm biến thứ hai, tang quay bảo quản, tang quay băng, băng cuộn có hai đầu lần lượt được cố định trên tang quay bảo quản và tang quay băng và có khả năng cuộn vào, nhả ra và quán giữa tang quay bảo quản và tang quay băng, đường dẫn di chuyển, mô-tơ điện thứ nhất, mô-tơ điện thứ hai, mô-tơ điện thứ ba và bộ vi điều khiển. Bộ vi điều khiển điều khiển mô-tơ điện thứ nhất, mô-tơ điện thứ hai và mô-tơ điện thứ ba. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập tới phương pháp cải thiện khả năng bảo quản của tang quay.

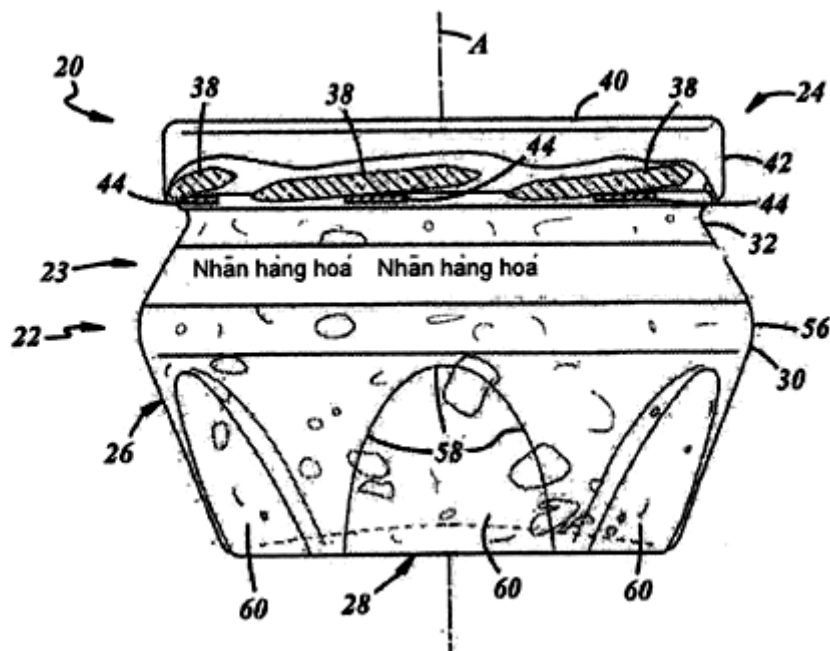


- (11) **1-0024749 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
(21) 1-2012-00677 (85) 14/03/2012
(22) 12/08/2010 (86) PCT/EP2010/004939 12/08/2010
(30) 09010489.4 14/08/2009 EP (87) WO2011/018224 17/02/2011
(51) *A61K 39/395; C07K 16/28; A61P 35/00; A61K 31/4184*
(73) **ROCHE GLYCART AG (CH)**
Wagistrasse 18 CH-8952 Schlieren (CH)
(72) HERTING, Frank (DE); Christian Klein (DE)
(74) Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech (DETECH)
(54) **CHẾ PHẨM CHỨA KHÁNG THỂ KHÁNG CD20 ĐƯỢC AFUCOSYL HÓA**

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm chứa kháng thể kháng CD20 được afucosyl hóa kết hợp với bendamustin để điều trị bệnh ung thư. Cụ thể là chế phẩm theo sáng chế chứa kháng thể B-Ly1 được làm tương thích với người được afucosyl hóa kết hợp với bendamustin để điều trị bệnh ung thư biểu hiện CD20.

- (11) **1-0024750 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 1-2015-00899 (85) 18/03/2015
 (22) 02/08/2013 (86) PCT/US2013/053362 02/08/2013
 (30) 13/606,996 07/09/2012 US (87) WO2014/039190 13/03/2014
 (51) **B65D 1/10; B65D 21/02; B65D 1/02**
 (73) **OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)**
 One Michael Owens Way, Perrysburg, OH 43551, United States of America
 (72) PAREDES, Raul, M. (US)
 (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
 (54) **ĐỒ CHỨA THỰC PHẨM MIỆNG RỘNG CÓ TRỤC DỌC, GÓI VÀ VẬT CHỨA**

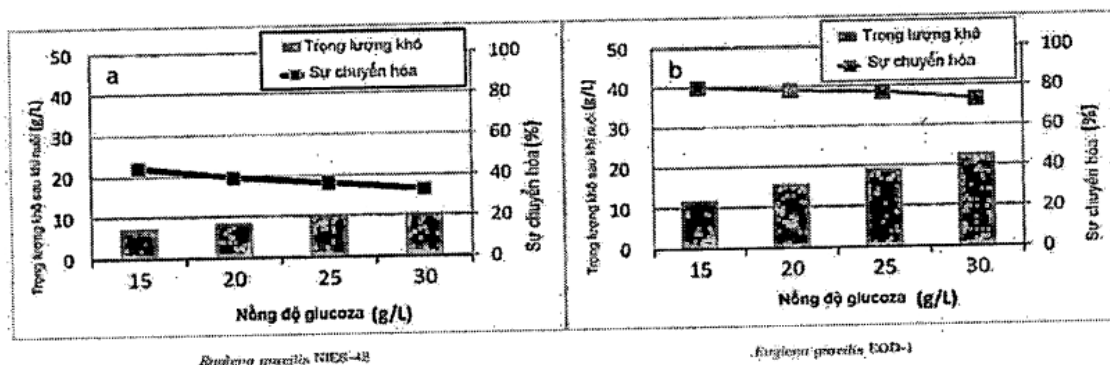
- (57) Sáng chế đề cập đến đồ chứa thực phẩm miệng rộng (22, 122, 222, 322, 422, 522, 622) có trục dọc (A) và bao gồm thân (26, 126, 226, 326, 426, 526, 626) và mép cổ (34, 134, 234, 334, 434, 534) mở rộng từ thân dọc theo và đồng trục với trục dọc. Thân bao gồm đáy (28, 128, 228, 328, 428, 528, 628) có bề mặt đỡ thứ nhất (48, 148, 648), và thành bên (30, 130, 230, 330, 430, 530, 630) mở rộng từ đáy và bao gồm mặt có bề mặt đỡ thứ hai (58, 158, 258, 358, 458, 558, 658) được định hướng ở góc nghiêng mà là nhọn so với trục và là tù so với bề mặt đỡ thứ nhất, mặt còn có phần được khoét lõm (60) nằm trong bề mặt đỡ thứ hai. Mép cổ bao gồm mặt ngoài dạng trụ (36) và một hoặc nhiều chi tiết khớp khít (38) trên bề mặt ngoài dạng trụ.



- (11) **1-0024751 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
 (21) 1-2015-03567 (85) 28/09/2015
 (22) 24/03/2014 (86) PCT/JP2014/058063 24/03/2014
 (30) 2013-067558 27/03/2013 JP (87) WO2014/157077 02/10/2014
 (51) **C12N 1/12; C12P 21/00; C12P 19/04**
 (73) **KOBELCO ECO-SOLUTIONS CO., LTD. (JP)**
 4-78, Wakinohama-cho 1-chome, Chuo-ku, Kobe-shi, Hyogo 651-0072 Japan
 (72) WATANABE, Makoto (JP); DEMURA, Mikihide (JP); KAWACHI, Masanobu (JP); SATO, Natsuki (JP); AKASHI, Akira (JP); TAKEZAKI, Jun (JP); HAMADA, Takeshi (JP); TAKAHASHI, Madoka (JP); OHIRAKI, Kenji (JP)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP (HAVIP CO., LTD.)
 (54) **VI TẢO THUỘC GIỐNG EUGLENA, PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT POLYSACARIT VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT HỢP CHẤT HỮU CƠ**

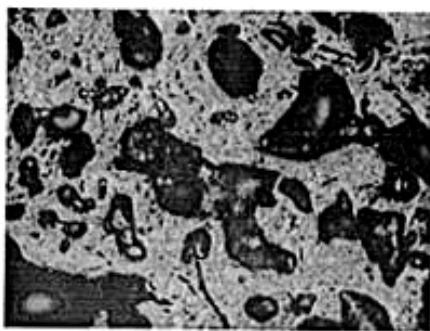
(57) Sáng chế đề cập đến vi tảo thuộc giống Euglena là chủng *Euglena gracilis* EOD-1 (Số hiệu nộp lưu FERM BP-11530) hoặc chủng đột biến của chúng có khả năng sản xuất ít nhất là polysacarit. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất polysacarit bao gồm bước: nuôi vi tảo thuộc giống Euglena là chủng *Euglena gracilis* EOD-1 (Số hiệu nộp lưu FERM BP-11530) hoặc chủng đột biến của chúng có khả năng sản xuất ít nhất là polysacarit như các sinh vật sản xuất polysacarit để sản xuất polysacarit. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất hợp chất hữu cơ bao gồm bước: nuôi vi tảo thuộc giống Euglena là chủng *Euglena gracilis* EOD-1 (Số hiệu nộp lưu FERM BP-11530) hoặc chủng đột biến của chúng có khả năng sản xuất ít nhất là polysacarit để sản xuất ít nhất một hợp chất hữu cơ được chọn từ nhóm bao gồm polysacarit, chất béo, vitamin C, vitamin E, chất sắc tố và protein.

Fig. 4

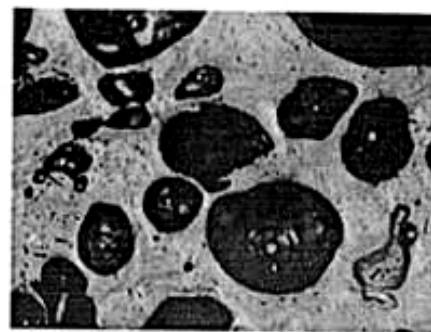


- (11) **1-0024752 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2017 350A
 (21) 1-2017-00462 (85) 09/02/2017
 (22) 06/08/2015 (86) PCT/JP2015/072308 06/08/2015
 (30) 2014-165408 15/08/2014 JP (87) WO2016/024513A1 18/02/2016
 (51) **C10B 57/04**
 (73) **JFE STEEL CORPORATION (JP)**
 2-3, Uchisaiwai-cho 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0011, Japan
 (72) NAGAYAMA Mikiya (JP); FUKADA Kiyoshi (JP); MATSUI Takashi (JP); DOHI Yusuke (JP)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **THAN CỐC LUYỆN KIM VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT THAN CỐC NÀY**
 (57) Sáng chế đề cập đến than cốc luyện kim và phương pháp sản xuất than cốc này, mà có khả năng tạo ra than cốc có độ bền cao có kết cấu lỗ, khác biệt với các giải pháp đã biết, bằng cách điều chỉnh mối quan hệ giữa độ chảy lỏng tối đa (MF) và tổng hàm lượng tro (TI) của than cốc. Than cốc luyện kim thu được bằng cách cacbon hóa than trộn thể hiện đặc tính sao cho tổng hàm lượng tro (TI) nằm trong khoảng từ 3,5% thể tích đến 25,0% thể tích và độ chảy lỏng tối đa (log MF) được đo bằng phương pháp đeo kế Gieseler nằm trong khoảng từ 1,8 đến 2,3 log ddpm dưới dạng than trộn được tạo ra từ các loại than đá, khác biệt ở chỗ, tỷ lệ của tổng trị số các diện tích mặt cắt của các lỗ rỗng có độ tròn không nhỏ hơn 0,8 trong số các lỗ rỗng thô có đường kính không nhỏ hơn 100 μm nhưng không lớn hơn 3mm trong than cốc so với tổng trị số các diện tích mặt cắt của các lỗ rỗng thô là không nhỏ hơn 10%.

Than trộn thông thường

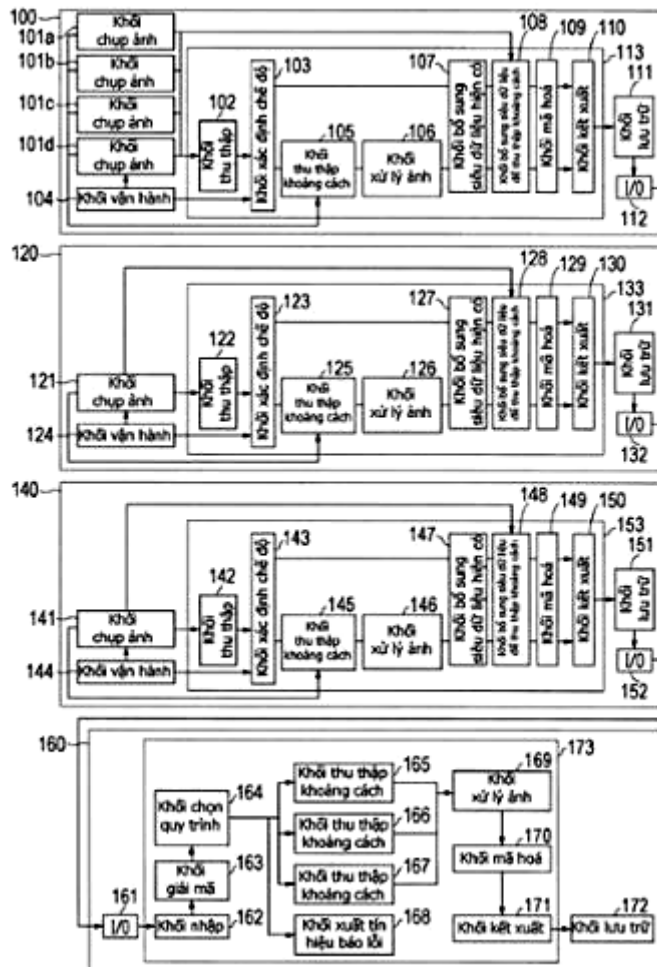


than trộn có lượng chất tro thấp



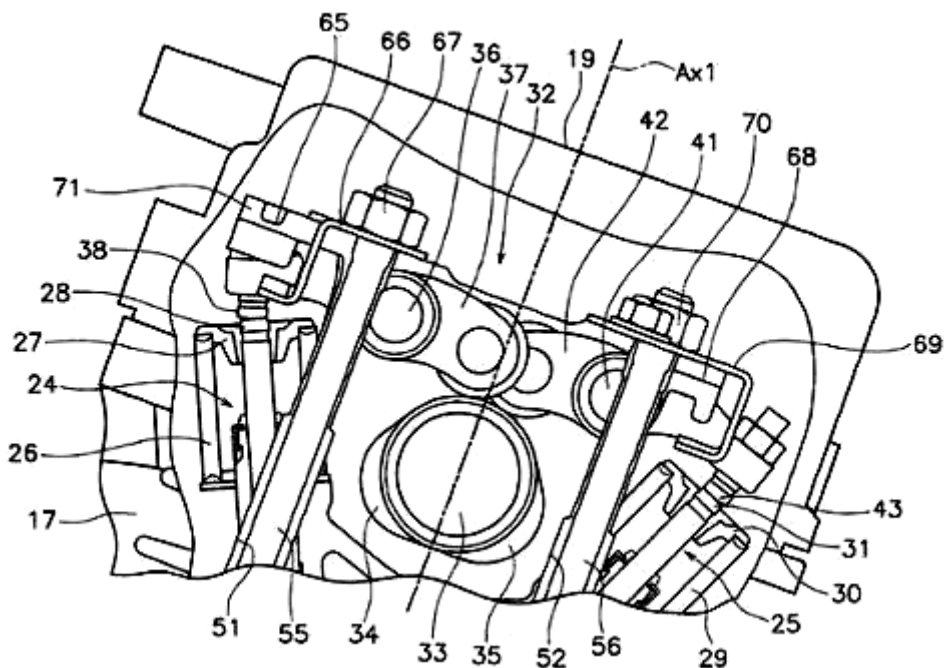
100 μm

- (11) **1-0024753 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
 (21) 1-2016-00091 (85) 08/01/2016
 (22) 17/06/2014 (86) PCT/JP2014/066495 17/06/2014
 (30) 2013-130856 21/06/2013 JP (87) WO2014/204009 24/12/2014
 (51) **G01C 3/06; H04N 13/02; H04N 5/225; G06T 1/00**
 (73) **CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 30-2, Shimomaruko 3-chome, Ohta-ku, Tokyo, 1468501, Japan
 (72) Masaki Kitago (JP); Toru Fukushima (JP)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ, HỆ THỐNG VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN, PHƯƠNG TIỆN LƯU TRỮ ĐỌC ĐƯỢC BẰNG MÁY TÍNH**
 (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị xử lý thông tin, để thu thập thông tin về khoảng cách từ dữ liệu ảnh, bao gồm khối nhập (162) và khối chọn quy trình (164). Khối nhập (162) nhập vào dữ liệu ảnh và thông tin được liên kết với dữ liệu ảnh này và chỉ định quy trình trích xuất thông tin về khoảng cách. Khối chọn quy trình (164) chọn ít nhất một quy trình trong số các quy trình dựa trên thông tin chỉ định quy trình để thu thập thông tin về khoảng cách và trích xuất thông tin về khoảng cách từ dữ liệu ảnh này nhờ sử dụng quy trình được chọn.



- (11) **1-0024754 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2018 358A
 (21) 1-2017-00510 (85) 15/02/2017
 (22) 20/04/2016 (86) PCT/JP2016/062539 20/04/2016
 (30) 2015-091475 28/04/2015 JP (87) WO2016/175104A1 03/11/2016
 (51) **F01L 3/24; F01L 1/053; F01L 1/18; F01L 1/20; F01M 9/10; F01M 1/06; F01M 11/02; F01M 9/08; F01L 1/047**
 (73) **YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)**
 2500 Shingai, Iwata-shi, Shizuoka-ken 438-8501, Japan
 (72) Tetsuji ISECHI (JP)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn - Đầu tư N.T.K. (N.T.K. CO., LTD.)
 (54) **ĐỘNG CƠ CHO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KIỂU NGỒI CHÂN ĐỂ HAI BÊN VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG KIỂU NGỒI CHÂN ĐỂ HAI BÊN**

(57) Sáng chế đề cập tới động cơ bao gồm phần gắn đầu xi lanh được bố trí trên giá đỡ trục cam và gồm lỗ bulông mà qua đó bulông để cố định đầu xi lanh vào xi lanh được lắp và dầu bôi trơn chảy qua đó. Phần nhô được làm liền khối với giá đỡ trục cam, nhô ra từ phần gắn đầu xi lanh về phía xupáp nạp hoặc xupáp xả, và dẫn hướng dầu bôi trơn chảy từ đầu trên của lỗ bulông. Bộ phận dẫn hướng được bố trí tách biệt với phần nhô và kéo dài về phía xupáp nạp hoặc xupáp xả. Bộ phận dẫn hướng gồm phần thu nhận dầu bôi trơn. Phần thu nhận dầu bôi trơn thu nhận dầu bôi trơn ở vị trí bên dưới phần nhô khi dầu bôi trơn chảy qua phần nhô. Phần kéo dài kéo dài xuống phía dưới từ đầu dưới của phần nhô về phía phần thu nhận dầu bôi trơn ở vị trí tách biệt với phần gắn đầu xi lanh.

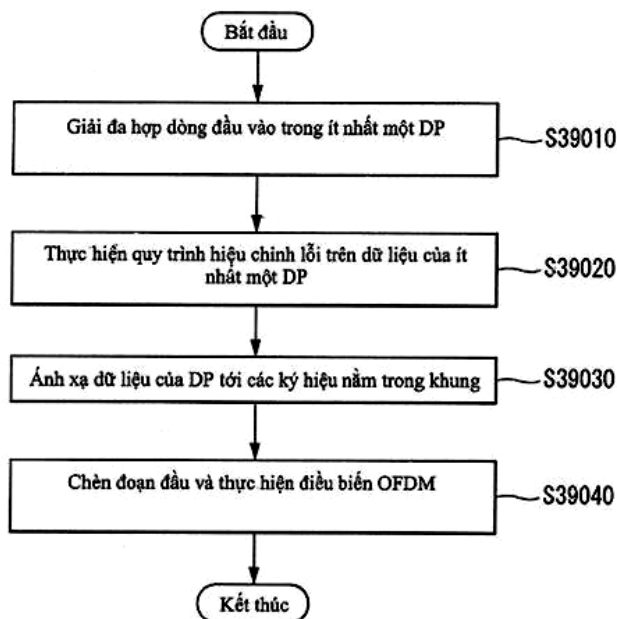


- (11) **1-0024755 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/03/2017 348A
(21) 1-2016-03978 (85) 20/10/2016
(22) 25/03/2015 (86) PCT/IB2015/052206 25/03/2015
(30) MI2014A000514 26/03/2014 IT (87) WO2015/145375 01/10/2015
(51) **C04B 28/02; C04B 28/04; C04B 111/00; C04B 111/20**
(73) **AM TECHNOLOGY LIMITED (GB)**
1 Fetter Lane, London EC4A 1BR, United Kingdom
(72) BERNARDONI, Massimo (IT)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **CHẾ PHẨM QUANG XÚC TÁC GỐC XI MĂNG VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SƠN GỐC NƯỚC**
- (57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm quang xúc tác gốc xi măng, chế phẩm này chứa: (a) ít nhất một chất kết dính xi măng; (b) ít nhất một chất quang xúc tác; (c) ít nhất một ete xenluloza; (d) ít nhất một chất hóa lỏng; (e) ít nhất một chất độn đá vôi thứ nhất ở dạng hạt, mà ít nhất 95% trọng lượng trong số đó có cỡ hạt không lớn hơn 100 μ m; (f) ít nhất một chất độn đá vôi thứ hai ở dạng hạt, mà ít nhất 95% theo trọng lượng trong số đó có kích cỡ không lớn hơn 30 μ m; (g) ít nhất một silan nền vô cơ ở dạng bột. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp sản xuất sơn gốc nước.

- (11) **1-0024756 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
(21) 1-2016-00446 (85) 03/02/2016
(22) 15/07/2014 (86) PCT/EP2014/065153 15/07/2014
(30) 13177360.8 22/07/2013 EP (87) WO2015/010961 29/01/2015
13189243.2 18/10/2013 EP
- (51) **H04S 7/00**
- (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
- (72) HERRE, Juergen (DE); KUECH, Fabian (DE); KRATSCHMER, Michael (DE); KUNTZ, Achim (DE); FALLER, Christoph (CH)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP ÁNH XẠ KÊNH LOA PHÁT THANH ĐẦU VÀO THỨ NHẤT VÀ KÊNH LOA PHÁT THANH ĐẦU VÀO THỨ HAI CỦA CẤU HÌNH KÊNH LOA PHÁT THANH ĐẦU VÀO SANG CÁC KÊNH LOA PHÁT THANH ĐẦU RA CỦA CẤU HÌNH KÊNH LOA PHÁT THANH ĐẦU RA**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị và phương pháp ánh xạ kênh đầu vào thứ nhất và kênh đầu vào thứ hai của cấu hình kênh đầu vào sang ít nhất một kênh đầu ra của cấu hình kênh đầu ra, trong đó mỗi kênh đầu vào và mỗi kênh đầu ra có hướng mà loa phát thanh kết hợp được định vị so với vị trí người nghe ở giữa, trong đó thiết bị này được tạo cấu hình để ánh xạ kênh đầu vào thứ nhất sang kênh đầu ra thứ nhất của cấu hình kênh đầu ra. Thiết bị này còn được tạo cấu hình để thực hiện ít nhất một trong số bước a) ánh xạ kênh đầu vào thứ hai sang kênh đầu ra thứ nhất, bao gồm việc xử lý kênh đầu vào thứ hai bằng cách áp dụng ít nhất một trong số bộ lọc cân bằng và bộ lọc khử tương quan cho kênh đầu vào thứ hai, và b) mặc dù thực tế là độ lệch góc giữa hướng của kênh đầu vào thứ hai và hướng của kênh đầu ra thứ nhất là nhỏ hơn độ lệch góc giữa hướng của kênh đầu vào thứ hai và hướng của kênh đầu ra thứ hai và/hoặc nhỏ hơn độ lệch góc giữa hướng của kênh đầu vào thứ hai và hướng của kênh đầu ra thứ ba, ánh xạ kênh đầu vào thứ hai sang các kênh đầu ra thứ hai và thứ ba bằng cách quét (panning) giữa các kênh đầu ra thứ hai và thứ ba.

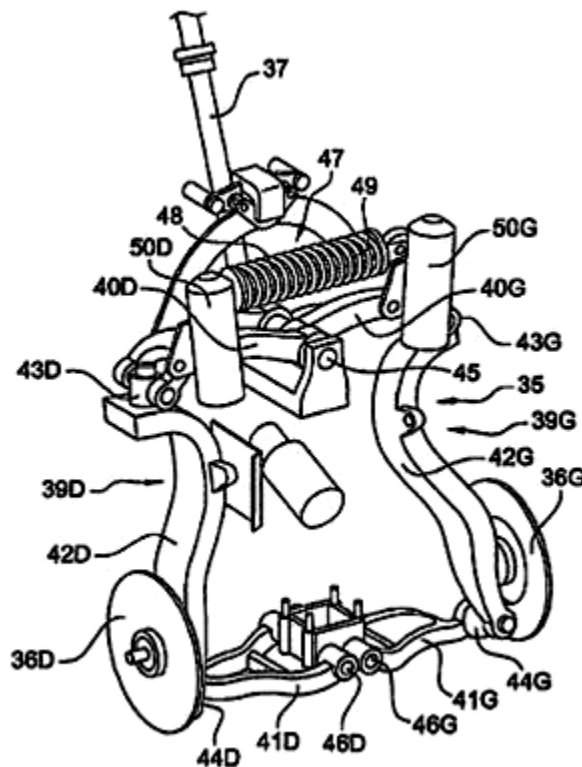
- (11) **1-0024757 B** (15) 23/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
- (21) 1-2016-01961 (85) 30/05/2016
- (22) 03/12/2014 (86) PCT/KR2014/011777 03/12/2014
- (30) 61/912,560 06/12/2013 US (87) WO2015/084054A1 11/06/2015
- (51) **H04N 21/234; H04N 21/236; H04N 21/2343; H04J 11/00**
- (73) **LG ELECTRONICS INC. (KR)**
128, Yeoui-daero, Yeongdeungpo-gu Seoul 150-721, Republic of Korea
- (72) MUN, Chulkyu (KR); BAEK, Jongseob (KR); KIM, Byounggill (KR); KIM, Jaehyung (KR); KO, Woosuk (KR); HONG, Sungryong (KR)
- (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
- (54) **THIẾT BỊ TRUYỀN TÍN HIỆU PHÁT RỘNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GỬI TÍN HIỆU PHÁT RỘNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị truyền tín hiệu phát rộng, bao gồm: môđun định dạng đầu vào được tạo cấu hình để giải đa hợp dòng đầu vào trong ít nhất một ống dẫn liệu (Data Pipe (DP)); môđun mã hóa đan xen và điều biến bit (BICM (Bit interleaved coding & modulation)) được tạo cấu hình để thực hiện quy trình xử lý hiệu chỉnh lỗi trên dữ liệu của ít nhất một DP; môđun xây dựng khung tín hiệu được tạo cấu hình để ánh xạ dữ liệu của DP tới các ký hiệu nằm trong khung tín hiệu; và môđun tạo đa hợp phân chia theo tần số trực giao (OFDM (Orthogonal Frequency Division Multiplexing)) được tạo cấu hình để tạo ra tín hiệu phát rộng truyền bằng cách chèn đoạn đầu vào khung tín hiệu và thực hiện điều biến OFDM, trong đó môđun tạo OFDM bao gồm môđun chèn tín hiệu dẫn đường được tạo cấu hình để chèn tín hiệu dẫn đường bao gồm các tín hiệu dẫn đường liên tục (Continual Pilots (CP)) và các tín hiệu dẫn đường rời rạc (Scattered Pilots (SP)) vào tín hiệu phát rộng truyền, và trong đó các CP được chèn vào mỗi ký hiệu của khung tín hiệu, và vị trí và số lượng của các CP được xác định dựa vào kích thước biến đổi Fourier nhanh (Fast Fourier Transform (FFT) size).

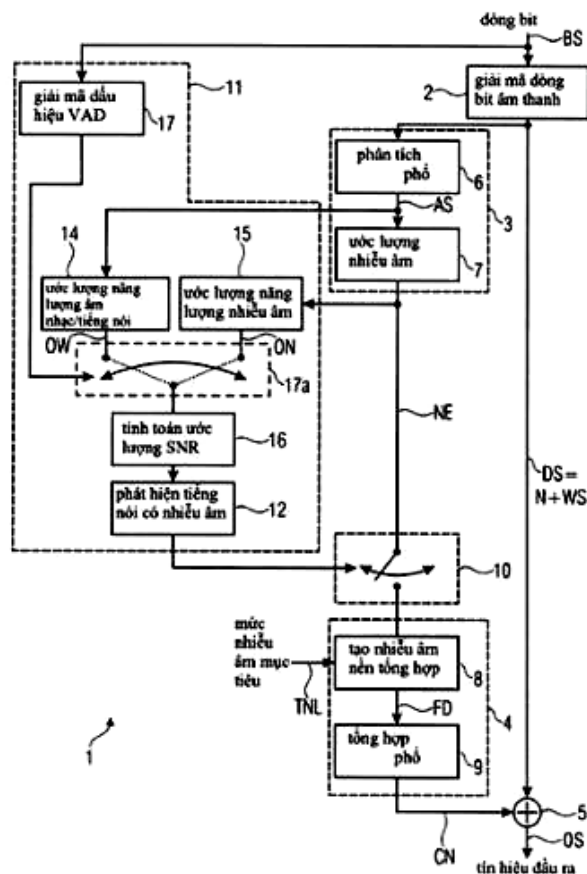


- (11) **1-0024758 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 27/04/2015 325A
 (21) 1-2015-00230 (85) 22/01/2015
 (22) 04/07/2013 (86) PCT/FR2013/051598 04/07/2013
 (30) 1256668 11/07/2012 FR (87) WO2014/009637A1 16/01/2014
 (51) **B62K 5/08; B60G 13/18; B60G 21/00; B62K 5/00; B62K 5/10; B62K 5/027; B62K 5/05; B60G 13/16; B62K 5/01**
 (73) **PEUGEOT MOTOCYCLES SA (FR)**
 Rue du 17 Novembre F-25350 Mandeure (FR)
 (72) AILLET, Jean-Laurent (FR); DOVERI, Marco (IT); MOISAN, Gwendal (FR); NAISSE, Stephane (FR)
 (74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)
 (54) **TRỤC TAY LÁI DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CÓ HAI BÁNH TRƯỚC CÓ THỂ NGHIÊNG SANG BÊN**

(57) Sáng chế đề cập đến trục tay lái (35) dùng cho phương tiện giao thông bao gồm khung xe, hai bánh lái phía trước (36D, 36G) và ít nhất một bánh dẫn động phía sau. Trục tay lái nối mỗi bánh xe bao gồm, hệ thống treo (39) treo bánh xe từ khung xe nêu trên, hệ thống (39) nêu trên bao gồm cần trục treo phía trên (40), cần trục treo phía dưới (41) và cần trục bên (42), các cần trục nêu trên được nối bằng thiết bị nối khớp (43, 44, 45, 46) sao cho độ nghiêng sang bên của khung xe dẫn đến độ nghiêng tương ứng của hai bánh trước, mà vẫn song song với nhau. Theo dấu hiệu của sáng chế, trục tay lái bao gồm bộ giảm xóc (50) liền khối với mỗi bánh trước để ít nhất loại bỏ một phần tần số dao động của bánh trước.



- (11) **1-0024759 B** (15) 23/06/2020
- (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2015 330A
- (21) 1-2015-02462 (85) 07/07/2015
- (22) 19/12/2013 (86) PCT/EP2013/077527 19/12/2013
- (30) 61/740,883 21/12/2012 US (87) WO2014/096280A1 26/06/2014
- (51) **G10L 19/012; G10L 19/00**
- (73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany
- (72) FUCHS, Guillaume (FR); LOMBARD, Anthony (FR); RAVELLI, Emmanuel (FR);
DOEHLA, Stefan (DE); LECOMTE, Jérémie (FR); DIETZ, Martin (DE)
- (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
- (54) **BỘ GIẢI MÃ, BỘ MÃ HÓA, HỆ THỐNG VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐỂ XỬ LÝ DÒNG BIT ÂM THANH**
- (57) Sáng chế đề xuất bộ giải mã, bộ mã hóa, hệ thống và các phương pháp để xử lý dòng bit âm thanh. Bộ giải mã được tạo cấu hình để xử lý dòng bit âm thanh được mã hóa (BS), trong đó bộ giải mã (1) bao gồm: bộ giải mã dòng bit (2); thiết bị ước lượng nhiễu âm (3); thiết bị tạo nhiễu âm nền tổng hợp (4); bộ tổ hợp (5). Bộ mã hóa được tạo cấu hình để tạo ra dòng bit âm thanh (BS), trong đó bộ mã hóa (18) bao gồm: bộ mã hóa dòng bit (20); bộ phân tích tín hiệu (30); thiết bị giảm nhiễu âm (27; 28); thiết bị chuyển mạch (35). Hệ thống bao gồm bộ giải mã (1) và bộ mã hóa (18). Sáng chế cũng đề xuất phương pháp giải mã dòng bit âm thanh (BS) và phương pháp mã hóa tín hiệu âm thanh để xử lý dòng bit âm thanh (BS).



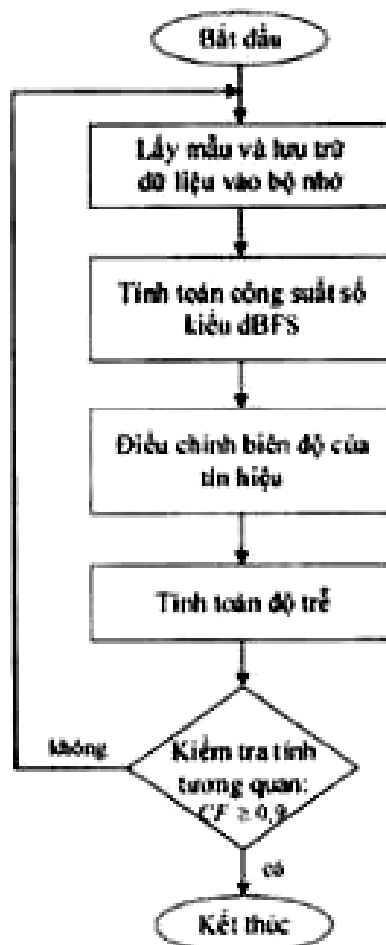
- (11) **1-0024760 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2018 360A
(21) 1-2017-04408 (85) 26/04/2014
(22) 28/09/2012 (86) PCT/JP2012/075223 28/09/2012
(30) 2011-212472 28/09/2011 JP (87) WO2013/047826A1 04/04/2013
2012-040526 27/02/2012 JP
2012-041719 28/02/2012 JP
2012-065567 22/03/2012 JP
2012-148703 02/07/2012 JP
(51) **A61K 8/49; A61Q 11/00; A61K 8/64; A61K 8/21**
(62) 1-2014-01373
(73) **LION CORPORATION (JP)**
3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo 130-8644, Japan
(72) INOUE, Shimako (JP); FUJIKAWA, Haruhiko (JP); ASAKUMA, Hiroki (JP);
ONIKI, Takayuki (JP); FUKUDA, Yasushi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **CHẾ PHẨM VÀ THUỐC DÙNG THEO ĐƯỜNG MIỆNG**

(57) Sáng chế đề cập đến thành phần riêng lẻ, hoặc kết hợp hai hoặc nhiều thành phần có thể bộc lộ các chức năng của chế phẩm dùng theo đường miệng như chức năng ức chế bệnh sâu ngà răng, chức năng ức chế hoặc làm giảm bệnh bệnh răng quá mẫn cảm và chức năng ức chế hình thành vết ố răng hoặc loại bỏ các vết ố răng. Sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng theo đường miệng bao gồm thành phần (A) là hợp chất có một hoặc nhiều khung lactam được lựa chọn từ nhóm bao gồm khung γ -lactam, khung δ -lactam và khung ϵ -lactam và có nhóm axit và/hoặc muối của nó.

- (11) **1-0024761 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2018 360A
(21) 1-2017-04409 (85) 26/04/2014
(22) 28/09/2012 (86) PCT/JP2012/075223 28/09/2012
(30) 2011-212472 28/09/2011 JP (87) WO2013/047826A1 04/04/2013
2012-040526 27/02/2012 JP
2012-041719 28/02/2012 JP
2012-065567 22/03/2012 JP
2012-148703 02/07/2012 JP
(51) **A61K 8/49; A61Q 11/00; A61K 8/64; A61K 8/21**
(62) 1-2014-01373
(73) **LION CORPORATION (JP)**
3-7, Honjo 1-chome, Sumida-ku, Tokyo 130-8644, Japan
(72) INOUE, Shimako (JP); FUJIKAWA, Haruhiko (JP); ASAKUMA, Hiroki (JP);
ONIKI, Takayuki (JP); FUKUDA, Yasushi (JP)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **CHẾ PHẨM VÀ THUỐC DÙNG THEO ĐƯỜNG MIỆNG**

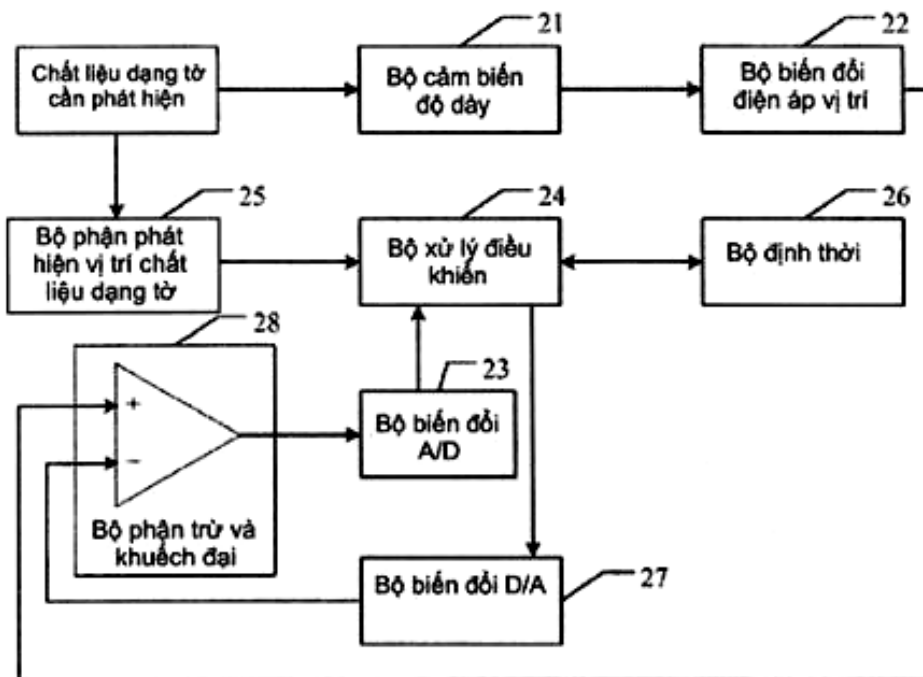
(57) Sáng chế đề cập đến thành phần riêng lẻ, hoặc kết hợp hai hoặc nhiều thành phần có thể bộc lộ các chức năng của chế phẩm dùng theo đường miệng như chức năng ức chế bệnh sâu ngà răng, chức năng ức chế hoặc làm giảm bệnh bệnh răng quá mẫn cảm và chức năng ức chế hình thành vết ố răng hoặc loại bỏ các vết ố răng. Sáng chế đề cập đến chế phẩm dùng theo đường miệng bao gồm thành phần (A) là hợp chất có một hoặc nhiều khung lactam được lựa chọn từ nhóm bao gồm khung γ -lactam, khung δ -lactam và khung ϵ -lactam và có nhóm axit và/hoặc muối của nó.

- (11) **1-0024762 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/08/2018 365A
(21) 1-2018-02600
(22) 15/06/2018
(51) **H04B 7/00; H04B 17/00; H04B 17/364**
(73) **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL) (VN)**
Số 1 Trần Hữu Dực, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
(72) Đặng Văn Quân (VN); Từ Tuấn Linh (VN); Nguyễn Tiến Sáng (VN); Lê Ngọc Quý (VN); Nguyễn Xuân Thắng (VN); Phan Thanh Trung (VN)
(74) Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN (BMVN INTERNATIONAL LLC)
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ HỆ THỐNG TỰ ĐỘNG TÍNH TOÁN ĐỘ TRỄ TÍN HIỆU DỰA TRÊN TÍNH TƯƠNG QUAN CỦA HAI TÍN HIỆU TRONG THIẾT BỊ THU PHÁT SÓNG VÔ TUYẾN**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và hệ thống tính toán tự động độ trễ dựa trên tính tương quan của hai tín hiệu (Correlation Based Delay Time Computation - CoDT) trong thiết bị thu phát sóng vô tuyến nhằm nâng cao độ chính xác của phép đo trễ, đồng thời giảm thời gian tính toán và do đó nâng cao khả năng đồng bộ khung của thiết bị đầu cuối và trạm thu phát sóng vô tuyến.



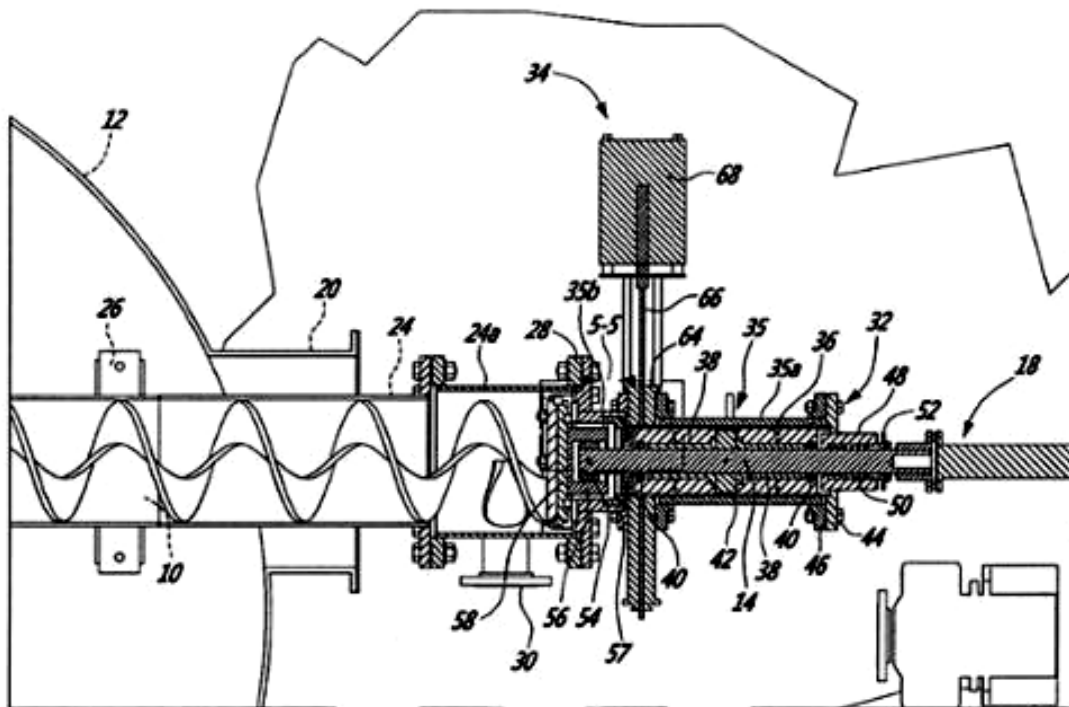
- (11) **1-0024763 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
 (21) 1-2016-02512 (85) 07/07/2016
 (22) 08/12/2014 (86) PCT/CN2014/093233 08/12/2014
 (30) 201310681220.0 12/12/2013 CN (87) WO2015/085892A1 18/06/2015
 (51) **G01B 7/06; G07D 7/16**
 (73) **GRG BANKING EQUIPMENT CO., LTD.** (CN)
 9 Kelin Road, Science City, Luogang District, Guangzhou, Guangdong 510663, P. R. China
 (72) GAO, Ping (CN); LI, Ming (CN)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)
 (54) **THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÁT HIỆN ĐỘ DÀY CỦA CHẤT LIỆU DẠNG TỜ**
DẠNG TỜ

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị và phương pháp phát hiện độ dày của chất liệu dạng tờ. Để cải thiện độ nhạy của toàn bộ thiết bị phát hiện độ dày của chất liệu dạng tờ trong khi loại bỏ ảnh hưởng của điện áp không, được bố trí phía trước bộ biến đổi A/D là bộ phận trừ và khuếch đại được làm thích ứng để loại bỏ ảnh hưởng điện áp không của điện áp độ dày. Thiết bị phát hiện độ dày của chất liệu dạng tờ có bộ cảm biến độ dày, bộ phận biến đổi điện áp vị trí, bộ biến đổi A/D và bộ xử lý điều khiển được nối nối tiếp, và còn có bộ phận phát hiện vị trí chất liệu dạng tờ, bộ định thời, bộ biến đổi D/A và bộ phận trừ và khuếch đại. Bộ phận phát hiện vị trí chất liệu dạng tờ được nối với bộ xử lý điều khiển và được sử dụng để phát hiện xem chất liệu dạng tờ cần phát hiện đã đi qua chưa, và bộ định thời được nối với bộ xử lý điều khiển.



- (11) **1-0024764 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
 (21) 1-2016-02535 (85) 11/07/2016
 (22) 04/12/2014 (86) PCT/IB2014/002685 04/12/2014
 (30) 13005928.0 19/12/2013 EP (87) WO2015/092506 25/06/2015
 (51) **F16J 15/54; B65D 88/74; B65D 90/00**
 (73) **RIO TINTO ALCAN INTERNATIONAL LIMITED (CA)**
 1188 Sherbrooke Street West, Montreal, Quebec H3A 3G2, Canada
 (72) LABRUM, Deane (AU); BELTRAME, Dean (AU); PELOQUIN, Guy (CA);
 BOIVIN, Alain (CA)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển (INVENCO.,LTD)
 (54) **KẾT CẤU BỊT KÍN TRỤC QUAY TRONG BỒN CHỨA CHẤT LỎNG VÀ BỘ PHẬN RỜI CỦA NÓ**

(57) Sáng chế đề cập đến kết cấu bịt kín cho phép bảo dưỡng và thay thế tại chỗ bộ phận bịt kín, ống lót của trục quay (14) dẫn động công cụ (10) mở rộng vào bên trong bồn chứa chất lỏng (12). Trục quay (14) và bộ phận bịt kín liên quan (40, 50) được đặt trong hộp tháo lắp được (32) được chèn tháo được trong sự ăn khớp bịt kín trong khoang (35) nhô ra bên ngoài từ bồn chứa (12). Bộ phận bịt kín thứ hai (34) bao gồm van cách ly gắn với khoang (35) ở bên ngoài bồn (12) để tạm thời cung cấp khả năng bịt kín khi bảo dưỡng bộ phận bịt kín trong hộp tháo lắp (32). Bộ phận bịt kín thứ ba được cung cấp để bảo vệ bộ phận bịt kín thứ hai (34) khỏi chất chứa trong bồn khi được sử dụng trong môi trường có vảy cặn. Ngoài ra sáng chế còn đề cập đến bộ phận rời của bộ phận bịt kín nêu trên.



- (11) **1-0024765 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/10/2018 367A
(21) 1-2018-02179 (85) 23/05/2018
(22) 08/09/2016 (86) PCT/KR2016/010067 08/09/2016
(30) 10-2016-0096878 29/07/2016 KR (87) WO2018/021615 01/02/2018
(51) *D04H 1/55; C08L 67/02; C08L 67/03; D01F 8/14; D04H 1/541; C08G 63/183; D01D 5/34*
(73) **HUVIS CORPORATION (KR)**
(Nonhyeon-dong)343, Hakdong-ro, Gangnam-gu, Seoul 06060, Republic of Korea
(72) JANG, Boo-Kyeong (KR); SHIN, Hyun-Wook (KR); PARK, Seong-Yoon (KR); HO, Yo-Seung (KR)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **VẬT LIỆU NỘI/NGOẠI THẤT Ô TÔ CHỨA NHỰA POLYESTE CÓ ĐIỂM NÓNG CHẢY THẤP VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT VẬT LIỆU NÀY**
(57) Sáng chế đề cập đến vật liệu nội/ngoại thất ô tô chứa lớp sợi nhựa polyeste có điểm nóng chảy thấp và phương pháp sản xuất vật liệu này. Cụ thể là, vật liệu nội/ngoại thất ô tô theo sáng chế có khả năng xử lý rất tốt và giá thành cạnh tranh mà không giảm tính chất, như cường độ và độ bền.

(11) **1-0024766 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/08/2019 377A

(21) 1-2019-02439

(22) 13/05/2019

(51) **G01C 21/10**

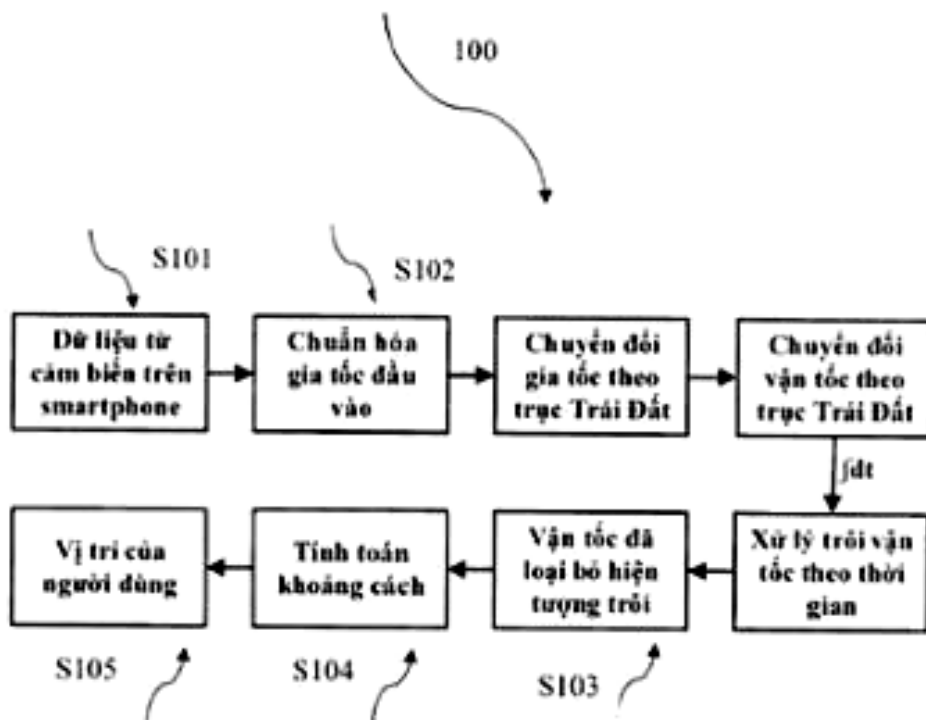
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)**

Số 1, Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

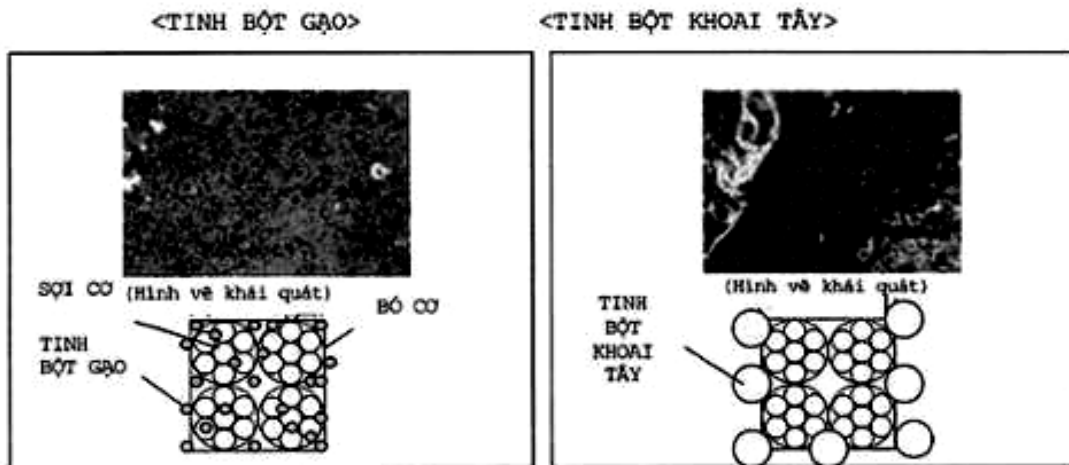
(72) **TRẦN QUANG VINH (VN)**

(54) **PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ NGƯỜI DÙNG TRONG MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ VÀ PHƯƠNG PHÁP TỰ ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ NGƯỜI DÙNG NÀY**

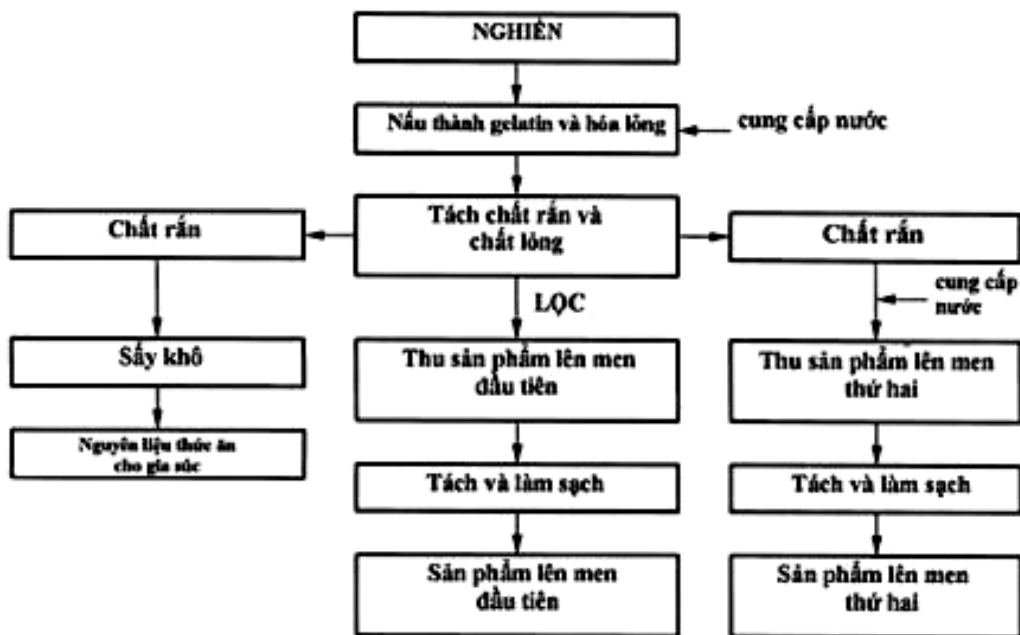
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp xác định vị trí người dùng trong môi trường trong nhà (indoor) sử dụng các cảm biến trên thiết bị di động thông minh và phương pháp tự động hướng dẫn du lịch trong môi trường trong nhà (indoor) sử dụng phương pháp xác định vị trí người dùng thông qua các cảm biến trên thiết bị di động thông minh. Phương pháp xác định vị trí người dùng trong môi trường trong nhà bao gồm: thu dữ liệu đầu vào của người dùng từ các cảm biến trên thiết bị di động thông minh; chuẩn hóa gia tốc đầu vào dựa trên dữ liệu đầu vào đã thu theo gia tốc trục trái đất; tính vận tốc di chuyển của người dùng thông qua phép tích phân gia tốc sau khi được chuẩn hóa và xử lý trôi vận tốc theo thời gian; tính khoảng cách người dùng đã di chuyển theo các trục tọa độ tương ứng bằng cách tích phân vận tốc theo thời gian; xác định vị trí người dùng dựa vào khoảng cách dùng đã di chuyển theo các trục tọa độ tương ứng và hướng di chuyển. Phương pháp định vị này đạt được độ chính xác cỡ đề xi met (dm), phù hợp cho các ứng dụng định vị trong môi trường trong nhà như hệ thống du lịch thông minh.



- (11) **1-0024767 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/05/2014 314A
 (21) 1-2014-00258 (85) 22/01/2014
 (22) 20/07/2012 (86) PCT/JP2012/069074 20/07/2012
 (30) 2011-160669 22/07/2011 JP (87) WO2013/015401A1 31/01/2013
 (51) **A23L 1/314; A23L 1/31**
 (73) **AJINOMOTO CO., INC.** (JP)
 15-1, Kyobashi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8315 Japan
 (72) USUGI, Koudai (JP); KODERA, Tomohiro (JP); ONO, Tomomi (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **CHẤT CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG THỊT VÀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SẢN PHẨM THỊT ĐÃ QUA XỬ LÝ**
- (57) Sáng chế đề cập đến chất cải thiện chất lượng thịt chứa muối canxi và tinh bột gạo, trong đó lượng muối canxi chứa trong chất cải thiện chất lượng thịt nằm trong khoảng từ 0,00065 đến 0,14g tính theo canxi cho một gam tinh bột gạo chứa trong chất cải thiện chất lượng thịt. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp sản xuất sản phẩm thịt đã qua xử lý.

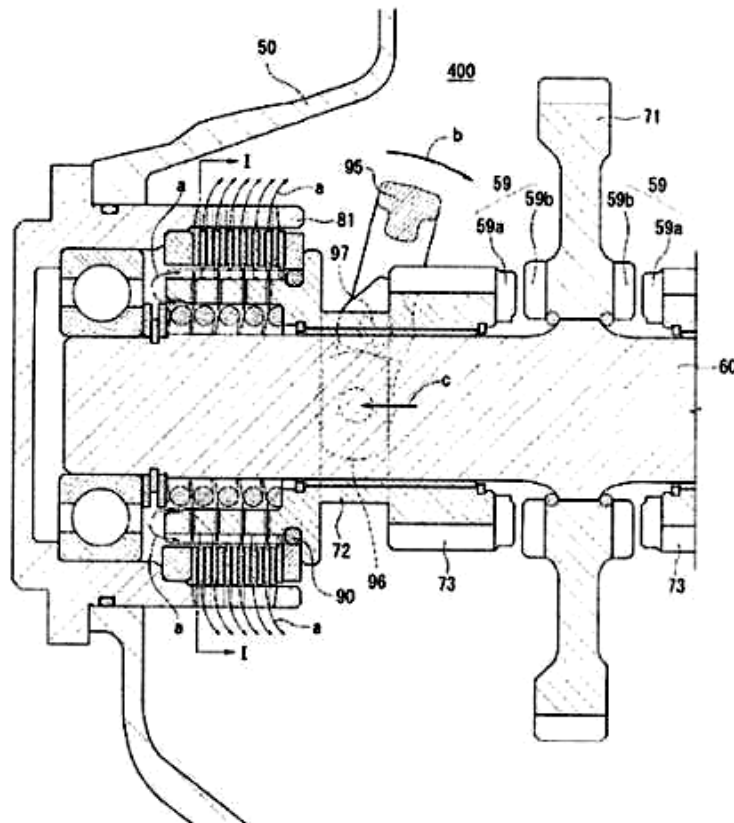


- (11) **1-0024768 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/02/2015 323A
 (21) 1-2014-02202
 (22) 04/07/2014
 (30) 10-2013-0090174 30/07/2013 KR
 (51) **C12P 7/6**
 (73) **CHANGHAE ETHANOL CO., LTD. (KR)**
 15, Wonmanseong-ro, Deokjin-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do, 561-203, Republic of Korea
 (72) CHOI GI WOOK (KR); MOON SE KWON (KR); KANG SUNG WOOK (KR)
 (74) Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL (ALIATLEGAL CO., LTD.)
 (54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT SẢN PHẨM LÊN MEN TỪ SINH KHỐI TINH BỘT**
- (57) Sáng chế đề xuất phương pháp sản xuất sản phẩm lên men từ sinh khối tinh bột, phương pháp bao gồm bước nghiền sinh khối tinh bột, nấu thành gelatin và hóa lỏng nguồn sinh khối, tách sinh khối đã được hóa lỏng thành chất rắn và chất lỏng, và thu sản phẩm lên men thứ nhất bằng cách tiến hành đồng thời quá trình lên men và đường hóa chất lỏng thu được từ sinh khối đã được hóa lỏng. Phương pháp sản xuất sản phẩm lên men có thể có hiệu quả cao và giá trị kinh tế.



- | | | | |
|--|------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024769 B | | (15) 23/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2017 | 352A |
| (21) 1-2017-01380 | | (85) 14/04/2017 | |
| (22) 14/10/2015 | | (86) PCT/JP2015/079102 | 14/10/2015 |
| (30) 2014-212561 | 17/10/2014 | JP (87) WO2016/060188 | 21/04/2016 |
| (51) <i>B60T 1/06; B60T 7/02; F16H 63/30; F16D 55/38; B62D 11/08</i> | | | |
| (73) YANMAR CO., LTD. (JP) | | | |
| 1-32, Chayamachi, Kita-ku, Osaka-shi, Osaka 5308311, Japan | | | |
| (72) Keisuke YAMAMOTO (JP) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN) | | | |
| (54) CƠ CẤU THAO TÁC LÁI | | | |

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu thao tác lái mà có thể kéo dài tuổi thọ đĩa ma sát của phanh bên bằng cách ngăn không cho chất bôi trơn bị ứ đọng và trở nên có nhiệt độ cao. Cơ cấu thao tác lái này được tạo kết cấu sao cho thân trượt hình trụ, mà bánh răng bên được tạo ra liền khối trên đó, được lắp theo cách trượt được lên trục thao tác lái kéo dài theo chiều ngang bên trong hộp truyền động thuộc kiểu bôi trơn bằng bể dầu, phanh bên kiểu đĩa đĩa được bố trí trên chu vi ngoài của thân trượt, và hoạt động trượt của thân trượt này và hoạt động phanh của phanh bên được khoá liên động với nhau, nhờ đó có thể thực hiện hoạt động khoá truyền lực và nhả truyền lực, trong đó đường chảy dầu của thân trượt và đường chảy dầu của phanh, mà chất bôi trơn chảy qua đó theo phương hướng kính của trục thao tác lái, được tạo ra lần lượt trên thân trượt và phanh bên, và hai đường chảy dầu này được làm thông với nhau.



- | | | | | |
|-------------------------|------------|----|------------------------|------------|
| (11) 1-0024770 B | | | (15) 23/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | | (43) 25/07/2014 | 316A |
| (21) 1-2014-00608 | | | (85) 25/02/2014 | |
| (22) 26/07/2012 | | | (86) PCT/US2012/048391 | 26/07/2012 |
| (30) 61/511,880 | 26/07/2011 | US | (87) WO2013/016570 | 31/01/2013 |
| 61/511,887 | 26/07/2011 | US | | |
| 61/511,900 | 26/07/2011 | US | | |
| 61/534,753 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/534,761 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/534,772 | 14/09/2011 | US | | |
| 61/557,170 | 08/11/2011 | US | | |
| 61/581,566 | 29/12/2011 | US | | |
| 61/601,404 | 21/02/2012 | US | | |
| 61/601,949 | 22/02/2012 | US | | |
| 61/601,953 | 22/02/2012 | US | | |
| 61/647,936 | 16/05/2012 | US | | |
| 61/647,941 | 16/05/2012 | US | | |
- (51) **H02J 7/04; H01M 10/44**
- (73) **GOGORO INC. (KY)**
190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9005 Cayman Islands
- (72) LUKE, Hok-Sum, Horace (US); TAYLOR, Matthew, Whiting (US)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.)
- (54) **MÁY THU THẬP, SẠC ĐIỆN VÀ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ LƯU TRỮ ĐIỆN NĂNG XÁCH TAY VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH BỘ ĐIỀU KHIỂN CỦA MÁY NÀY**
- (57) Sáng chế đề cập đến mạng lưới các máy thu thập, sạc điện và phân phối để thu thập, sạc điện và phân phối các thiết bị lưu trữ điện năng xách tay (ví dụ, pin, siêu tụ điện). Để sạc điện, các máy sử dụng dòng điện từ nguồn bên ngoài, chẳng hạn như lưới điện hoặc dịch vụ điện ở vị trí lắp đặt. Máy thu thập, sạc điện và phân phối có thể phân phối thiết bị lưu trữ điện năng xách tay có các đặc tính hiệu suất riêng và các thuộc tính khác dựa trên sở thích của khách hàng và/hoặc lược sử khách hàng. Máy thu thập, sạc điện và phân phối có thể cung cấp lệnh hoặc chương trình cho thiết bị lưu trữ điện năng xách tay được lưu trữ trong máy thu thập, sạc điện và phân phối để thực hiện ở các mức khác nhau theo sở thích của người dùng và lược sử người dùng.

500

502	504	506	508	510
Lợi ích				
mức lược sử khách hàng	loại bộ dung lượng pin	tuổi pin	mức giải phóng dòng điện của pin	thời kỳ nạp trước đó của pin
3	cao	trẻ	cao	thấp
2	trung bình	trung bình	trung bình	trung bình
1	thấp	già	thấp	cao

- (11) **1-0024771 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2017 352A
(21) 1-2017-00858 (85) 09/03/2017
(22) 30/09/2015 (86) PCT/US2015/053098 30/09/2015
(30) 62/060,724 07/10/2014 US (87) WO2016/057278 14/04/2016
(51) **C07D 401/14; A61K 31/4545; A61P 35/00; C07D 405/14; C07D 401/12; A61K 31/454; A61P 43/00**
(73) **ELI LILLY AND COMPANY (US)**
Lilly Corporate Center, Indianapolis, Indiana 46285, United States of America
(72) BEIGHT, Douglas W. (US); COATES, David A. (US); JOSEPH, Sajan (US);
MCMILLEN, William T. (US); PARTHASARATHY, Saravanan (US); PEI,
Huaxing (US); SAWYER, Jason Scott (US); WOLFANGEL, Craig D. (US); ZHAO,
Gaiying (US)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **HỢP CHẤT AMINOPYRIDYLOXYPYRAZOL VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA
HỢP CHẤT NÀY**
(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất aminopyridyloxypyrazol, các hợp chất này ức chế hoạt tính của thụ thể yếu tố tăng trưởng chuyển dạng beta 1 (TGF β R1) và dược phẩm chứa các hợp chất này. Các hợp chất này hữu dụng để điều trị ung thư, đặc biệt là ung thư đại tràng, ung thư hắc tố, ung thư biểu mô tế bào gan, ung thư thận, u nguyên bào thần kinh đệm, ung thư tụy, hội chứng rối loạn sinh tủy, ung thư phổi, và ung thư dạ dày, và/hoặc bệnh xơ hóa, nhất là xơ gan và bệnh thận mãn tính.

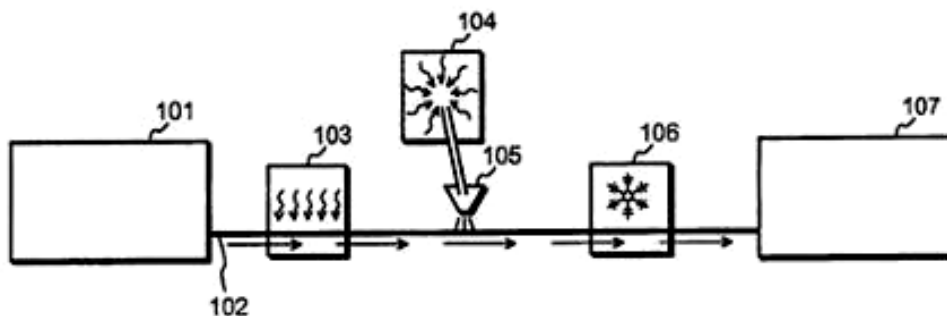
- (11) **1-0024772 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2014 313A
(21) 1-2014-00564 (85) 21/02/2014
(22) 23/07/2012 (86) PCT/EP2012/064391 23/07/2012
(30) 1112488.0 21/07/2011 GB (87) WO2013/011148A1 24/01/2013
(51) **A23F 5/44; A23F 5/40**
(73) **GIVAUDAN SA (CH)**
Chemin de la Parfumerie 5, CH-1214 Vernier, Switzerland
(72) WITTEVEEN, Frans (NL)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)
(54) **CHẤT TẠO HƯƠNG VỊ CÀ PHÊ DẠNG HẠT HÒA TAN, PHƯƠNG PHÁP
CHẾ BIẾN VÀ SẢN PHẨM ĂN ĐƯỢC CHỨA CHẤT NÀY**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chế biến chất tạo hương vị cà phê dạng hạt hòa tan, phương pháp này bao gồm các bước: kết hợp chất tạo hương vị cà phê đã sấy phun với chất tạo hương vị Maillard và đường caramen để tạo ra bột mịn, tạo huyền phù bột này trong tầng sôi và phun dung dịch chất kết dính là dung dịch sacarit trong nước vào huyền phù thu được.

Sản phẩm thu được có cả hương vị và vẻ bề ngoài của cà phê với chi phí tương đối thấp, và có thể được sử dụng trong lĩnh vực bất kỳ trong đó cần có hương vị cà phê. Sáng chế còn đề cập đến chất tạo hương vị cà phê thu được bằng phương pháp nêu trên và sản phẩm ăn được chứa chất tạo hương vị này.

- (11) **1-0024773 B** (15) 23/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/01/2015 322A
(21) 1-2014-02523 (85) 28/07/2014
(22) 30/01/2013 (86) PCT/FI2013/050098 30/01/2013
(30) 20125088 30/01/2012 FI (87) WO2013/113994 08/08/2013
(51) **H05K 3/10; H05K 3/14; H05K 3/12**
(73) **STORA ENSO OYJ** (FI)
P.O. Box 309, FI-00101 Helsinki, Finland
(72) MAIJALA, Juha (FI); SIRVIÖ, Petri (FI)
(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)
(54) **PHƯƠNG PHÁP VÀ CƠ CẤU CHUYỂN VẬT LIỆU DẪN ĐIỆN Ở DẠNG CHẤT LƯU VÀO NỀN ĐƯỢC IN**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và cơ cấu để chuyển vật liệu dẫn điện ở dạng chất lưu vào nền (102). Nền (102) này được gia nhiệt sơ bộ đến nhiệt độ thứ nhất và vật liệu dẫn điện mà tạo ra vật liệu dẫn điện dạng chất lưu. Vật liệu dẫn điện dạng chất lưu được phun vào nền được gia nhiệt sơ bộ (102) để tạo ra mẫu thuộc loại định trước. Nền (102) mà trên đó vật liệu dẫn điện dạng chất lưu được phun được làm mát đến nhiệt độ thứ ba, mà thấp hơn điểm nóng chảy của vật liệu dẫn điện.



- (11) 1-0024774 B (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2014 318A
 (21) 1-2014-01858 (85) 06/06/2014
 (22) 14/11/2012 (86) PCT/US2012/065071 14/11/2012
 (30) 61/559,154 14/11/2011 US (87) WO2013/074666 23/05/2013
 61/559,721 15/11/2011 US

(51) **G21B 1/05**

(73) **THE REGENTS OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA (US)**

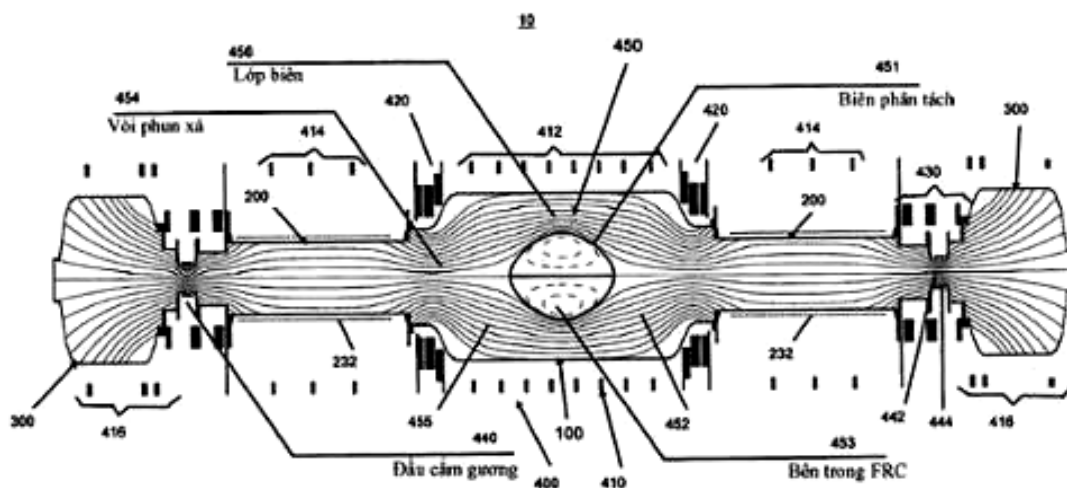
1111 Franklin Street, 12th Floor, Oakland, CA 94607, United States of America

(72) TUSZEWSKI, Michel (US); BINDERBAUER, Michl (AT); BARNES, Dan (US); GARATE, Eusebio (US); GUO, Houyang (US); PUTVINSKI, Sergei (US); SMIRNOV, Artem (RU)

(74) Công ty Luật TNHH T&G (TGVN)

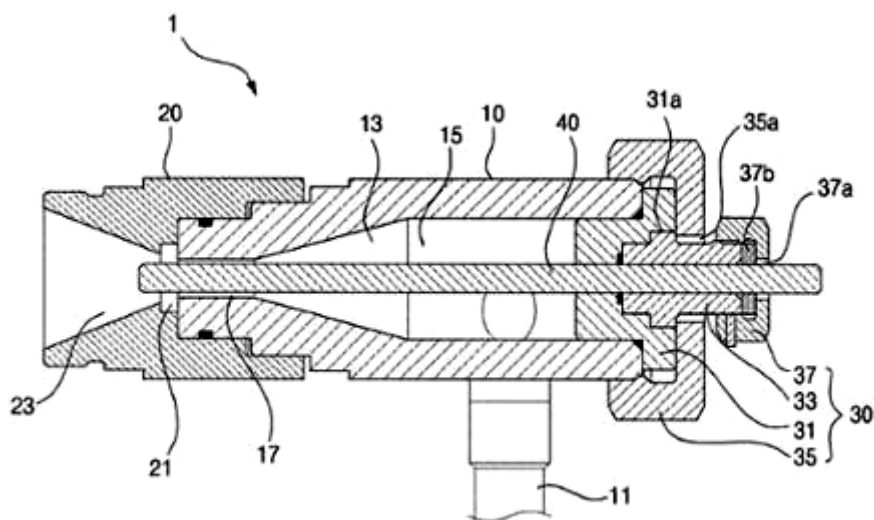
(54) **HỆ THỐNG TẠO RA VÀ DUY TRÌ TỪ TRƯỜNG VỚI CẤU HÌNH TRƯỜNG ĐẢO**

- (57) Sáng chế đề cập đến hệ thống và phương pháp tạo điều kiện thuận lợi cho sự tạo ra và sự duy trì các cấu hình trường đảo (Field Reversed Configuration - FRC) hiệu năng cao mới. Hệ thống FRC dùng cho FRC hiệu năng cao (High Performance FRC -HPF) bao gồm bể giam giữ trung tâm được bao quanh bởi hai khu vực tạo ra việc thất theta trường đảo đối diện hoàn toàn và, tùy theo các khu vực tạo ra, hai buồng của bộ chuyển hướng để kiểm soát mật độ trung tính và sự nhiễm tạp. Hệ thống từ tính này bao gồm dây cuộn dây tựa như là dc (quasi-dc) được định vị theo hướng trục dọc theo các bộ phận cấu thành của hệ thống FRC, các cuộn dây gương tựa như là dc giữa buồng giam giữ và các khu vực tạo ra liền kề, và các đầu cảm gương giữa các khu vực tạo ra và các bộ chuyển hướng. Các khu vực tạo ra bao gồm các hệ thống tạo ra năng lượng được tạo xung theo môđun cho phép FRC được tạo ra tại chỗ và sau đó tăng tốc và phun (= sự tạo ra tĩnh) hoặc được tạo ra và tăng tốc một cách đồng thời (= sự tạo ra động). Hệ thống FRC còn bao gồm các đầu phun chùm nguyên tử trung tính, đầu phun hạt, các hệ thống thu, các súng plasma hướng trục và các điện cực định thiên của bề mặt từ thông.



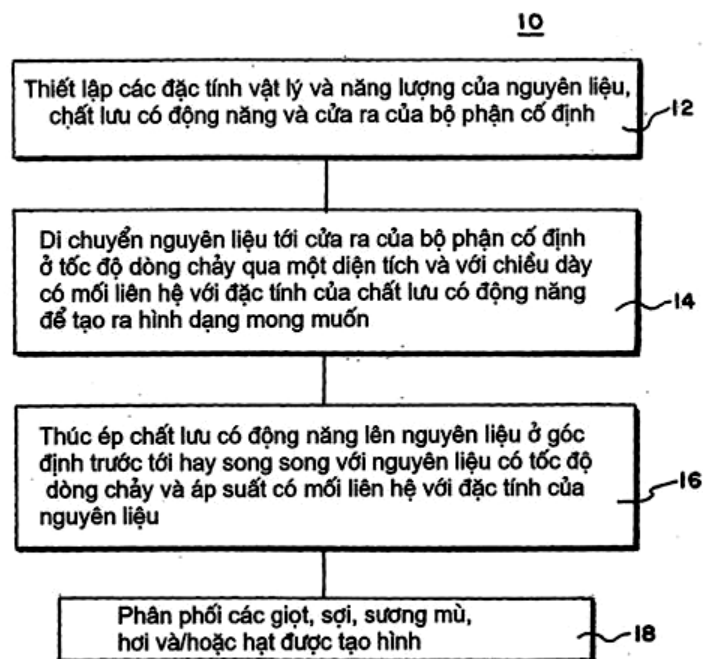
- (11) **1-0024775 B** (15) 23/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2014 313A
 (21) 1-2014-00142 (85) 15/01/2014
 (22) 15/06/2012 (86) PCT/KR2012/004714 15/06/2012
 (30) 10-2011-0057871 15/06/2011 KR (87) WO2012/173418 20/12/2012
 (51) **B01F 5/06; B01F 15/02**
 (73) **KOREA CAVITATION CO., LTD.** (KR)
 2nd Floor, 569, Cheongnyangni-dong, Dongdaemun-gu Seoul, Republic of Korea
 (72) KIM, Baek-Geum (KR); LEE, Stuart-Sung (CA)
 (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Quyển (INVENCO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ TẠO BỌT THỦY ĐỘNG**

- (57) Thiết bị tạo bọt thủy động bao gồm thân có một phía nối với ống cấp chất lỏng để cấp chất lỏng và phần không gian có tiết diện giảm mà diện tích mặt cắt ngang của nó được giảm dần tạo ra ở bên trong nó, phần không gian có tiết diện giảm này có phần không gian lớn tạo ra ở một phía của nó theo cách sao cho nối thông với ống cấp chất lỏng và phần không gian nhỏ tạo ra ở phía kia của nó; nắp đầu ra kết hợp với một đầu của thân và có phần không gian có tiết diện tăng thứ nhất tạo ra ở một phía của phần bên trong của nó theo cách sao cho nối thông với phần có không gian nhỏ của thân và phần không gian có tiết diện tăng thứ hai tạo ra ở phía kia của phần bên trong của nó theo cách sao cho diện tích mặt cắt ngang được gia tăng dần từ diện tích mặt cắt ngang nhỏ hơn so với phần không gian có tiết diện tăng thứ nhất; nắp đóng kết hợp với đầu kia của thân để đóng đầu kia của thân; và thanh trung tâm đi qua phần bên trong của thân theo cách sao cho được kéo dài đến phần không gian có tiết diện tăng thứ hai của nắp đầu ra; trong đó ống cấp chất lỏng được nối với nguồn cấp chất lỏng bên ngoài, ống cấp chất lỏng có một bơm cao áp được lắp trên đó để cấp cường bức chất lỏng đến phần bên trong của thân từ nguồn cấp chất lỏng bên ngoài, và thân và nắp đầu ra được tạo ra liền khối với nhau.



- | | | | |
|--|---|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024776 B | | (15) 24/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2011 | 280A |
| (21) 1-2011-00540 | | (85) 19/11/2007 | |
| (22) 18/04/2006 | | (86) PCT/US2006/014518 | 18/04/2006 |
| (30) 11/109,398 | 19/04/2005 | US | (87) WO2006/113688 |
| | 11/405,603 | 17/04/2006 | US |
| (51) A01B 79/00 ; A01G 9/08; A01G 1/00; A01B 79/02; A01C 1/00 | | | |
| (62) 1-2007-02436 | | | |
| (73) KAMTERTER II, L.L.C. (US) | | | |
| | 1025 North 33rd Street, Lincoln, NE 68503, United States of America | | |
| (72) EASTIN John Alvin (US); VU David (US) | | | |
| (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES) | | | |
| (54) PHƯƠNG PHÁP PHUN CHẤT ĐẦU VÀO NÔNG NGHIỆP | | | |

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp phun chất đầu vào nông nghiệp bao gồm các bước: đưa nguyên liệu được lựa chọn phù hợp và ít nhất chất lưu có động năng được lựa chọn phù hợp di động thứ nhất tiếp xúc với nhau trong đó nguyên liệu được lựa chọn phù hợp có các hạt giống; bước đưa nguyên liệu được lựa chọn phù hợp và ít nhất chất lưu có động năng được lựa chọn phù hợp di động thứ nhất tiếp xúc với nhau có bước phụ chọn ít nhất một của áp suất của chất lưu có động năng được lựa chọn phù hợp, vận tốc của chất lưu có động năng được lựa chọn phù hợp, vận tốc của nguyên liệu được lựa chọn phù hợp, chiều dày của nguyên liệu được lựa chọn phù hợp, chiều rộng của chất lưu có động năng được lựa chọn phù hợp, chiều rộng của nguyên liệu được lựa chọn phù hợp, nhiệt độ của nguyên liệu được lựa chọn phù hợp, và độ nhớt của nguyên liệu được lựa chọn phù hợp để tạo ra các giọt nguyên liệu trong phạm vi kích cỡ định trước trong đó phạm vi kích cỡ của các giọt được điều chỉnh theo các tình huống.



- (11) 1-0024777 B (15) 24/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2016-00447 (85) 03/02/2016
 (22) 15/07/2014 (86) PCT/EP2014/065159 15/07/2014
 (30) 13177360.8 22/07/2013 EP (87) WO2015/010962 29/01/2015
 13189249.9 18/10/2013 EP

(51) *H04S 7/00*

(73) **FRAUNHOFER-GESELLSCHAFT ZUR FOERDERUNG DER ANGEWANDTEN FORSCHUNG E.V. (DE)**

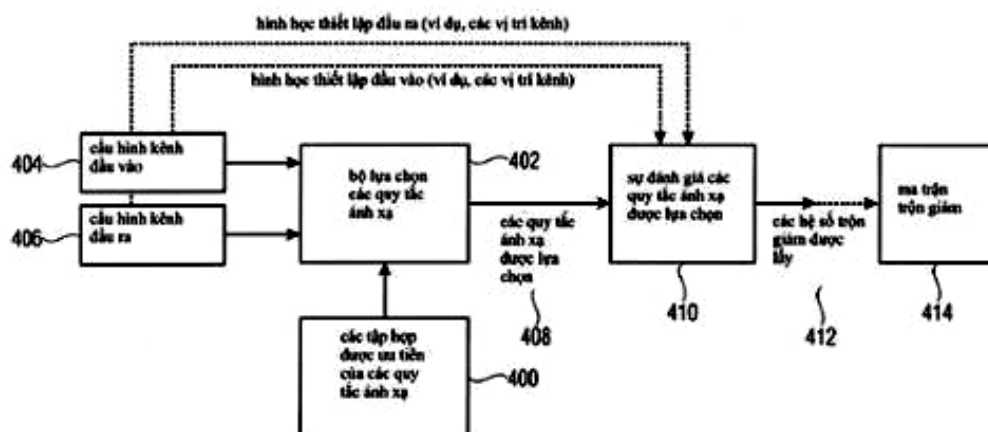
Hansastrasse 27c, 80686 Muenchen, Germany

(72) HERRE, Juergen (DE); KUECH, Fabian (DE); KRATSCHMER, Michael (DE); KUNTZ, Achim (DE); FALLER, Christoph (CH)

(74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)

(54) **PHƯƠNG PHÁP ÁNH XẠ NHIỀU KÊNH LOA PHÁT THANH ÂM THANH ĐẦU VÀO CỦA CẤU HÌNH KÊNH LOA PHÁT THANH ÂM THANH ĐẦU VÀO SANG CÁC KÊNH LOA PHÁT THANH ÂM THANH ĐẦU RA CỦA CẤU HÌNH KÊNH LOA PHÁT THANH ÂM THANH ĐẦU RA, BỘ XỬ LÝ TÍN HIỆU, BỘ GIẢI MÃ ÂM THANH**

- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp ánh xạ nhiều kênh loa phát thanh âm thanh đầu vào của cấu hình kênh loa phát thanh âm thanh đầu vào sang các kênh loa phát thanh âm thanh đầu ra của cấu hình kênh loa phát thanh âm thanh đầu ra, bộ phận xử lý tín hiệu, bộ giải mã âm thanh. Phương pháp ánh xạ nhiều kênh đầu vào của cấu hình kênh đầu vào sang các kênh đầu ra của cấu hình kênh đầu ra bao gồm bước cung cấp tập hợp các quy tắc được kết hợp với mỗi kênh đầu vào trong số nhiều kênh đầu vào, trong đó các quy tắc định rõ các phép ánh xạ khác nhau giữa kênh đầu vào được kết hợp và tập hợp các kênh đầu ra. Đối với mỗi kênh đầu vào trong số nhiều kênh đầu vào, quy tắc được kết hợp với kênh đầu vào được truy cập, việc xác định xem liệu tập hợp các kênh đầu ra được định rõ trong quy tắc được truy cập có mặt trong cấu hình kênh đầu ra hay không được thực hiện, và quy tắc được truy cập được lựa chọn nếu tập hợp các kênh đầu ra được định rõ trong quy tắc được truy cập là có trong cấu hình kênh đầu ra. Các kênh đầu vào được ánh xạ sang các kênh đầu ra theo các quy tắc được lựa chọn.



- | | | | |
|-------------------|------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024778 B | | (15) 24/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/12/2016 | 345A |
| (21) 1-2016-03298 | | (85) 06/09/2016 | |
| (22) 19/02/2014 | | (86) PCT/CN2014/072236 | 19/02/2014 |
| | | (87) WO2015/123816 | 27/08/2015 |

(51) **H04W 48/16**

(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**

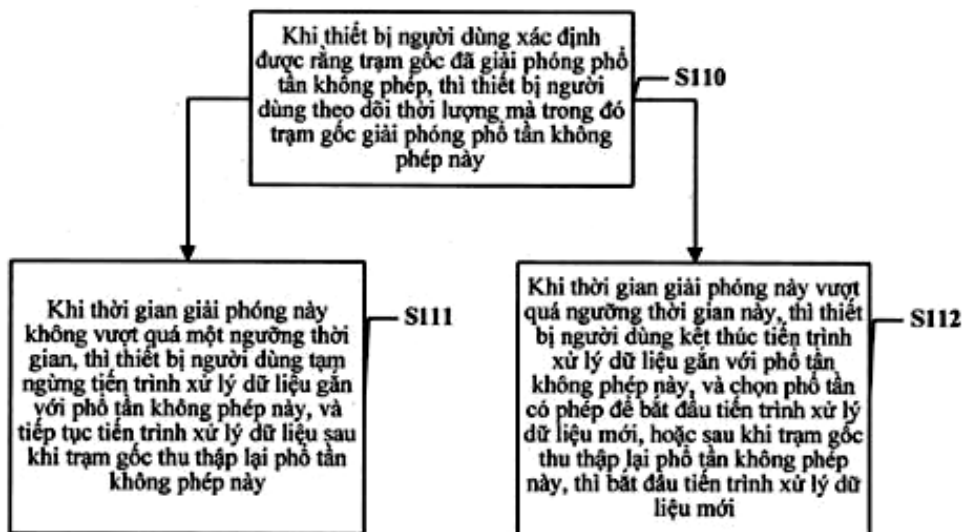
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China

(72) ZHANG, Jian (CN); DAI, Mingzeng (CN); HUANG, Qufang (CN); ZENG, Qinghai (CN)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

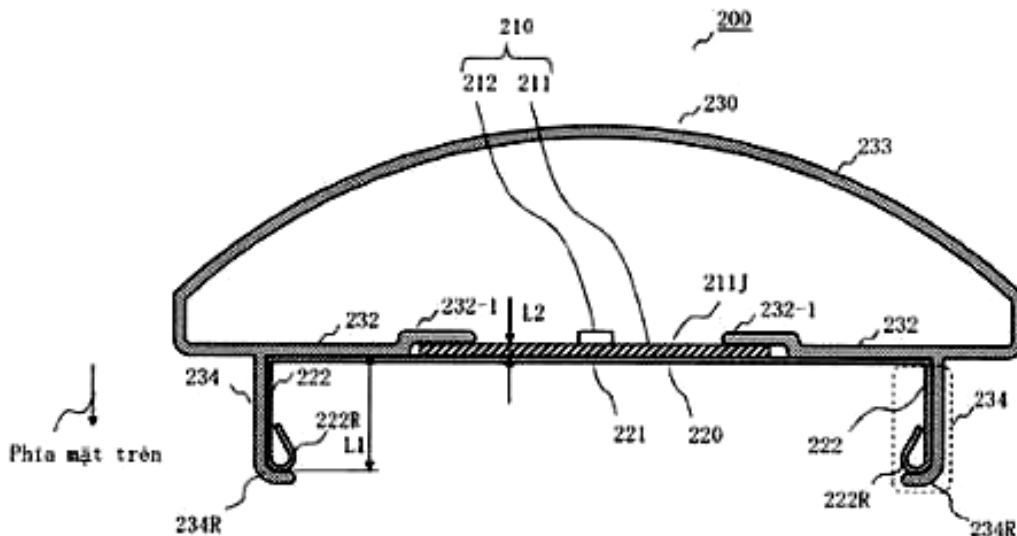
(54) **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ DỮ LIỆU SAU KHI PHỔ TÀN KHÔNG PHÉP ĐƯỢC GIẢI PHÓNG VÀ THIẾT BỊ NGƯỜI DỪNG**

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp xử lý dữ liệu sau khi phổ tần không phép được giải phóng, và thiết bị người dùng. Phương pháp này bao gồm các bước: khi thiết bị người dùng xác định được rằng trạm gốc đã giải phóng phổ tần không phép, thì thiết bị người dùng theo dõi thời lượng mà trong đó trạm gốc giải phóng phổ tần không phép này; khi thời gian giải phóng này không vượt quá một ngưỡng thời gian, thì tạm ngừng, bởi thiết bị người dùng, tiến trình xử lý dữ liệu gắn với phổ tần không phép này, và tiếp tục tiến trình xử lý dữ liệu sau khi trạm gốc thu thập lại phổ tần không phép này; và khi thời gian giải phóng này vượt quá ngưỡng thời gian này, thì kết thúc, bởi thiết bị người dùng, tiến trình xử lý dữ liệu gắn với phổ tần không phép này, và chọn phổ tần có phép để bắt đầu tiến trình xử lý dữ liệu mới, hoặc sau khi trạm gốc thu thập lại phổ tần không phép này, thì bắt đầu tiến trình xử lý dữ liệu mới. Do đó, có thể bảo đảm rằng sau khi phổ tần không phép được thu thập lại thì quá trình truyền thông sẽ trơn tru, để tiết kiệm các tài nguyên vô tuyến.

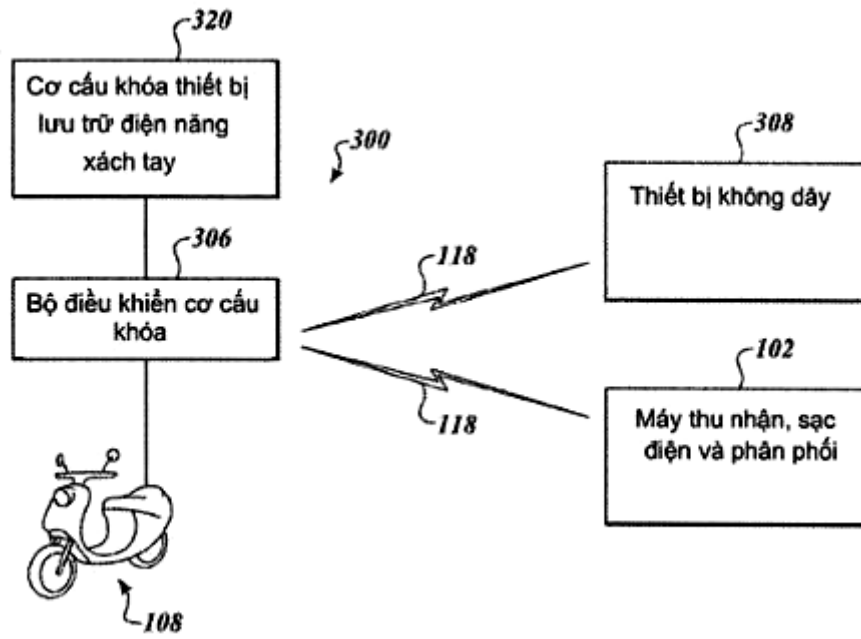


- (11) **1-0024779 B** (15) 24/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 1-2016-03109 (85) 23/08/2016
 (22) 23/02/2015 (86) PCT/JP2015/055075 23/02/2015
 (30) 2014-033790 25/02/2014 JP (87) WO2015/129635A1 03/09/2015
 (51) **F21S 2/00; F21V 19/00; F21V 17/00**
 (73) **1. MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)**
 7-3, Marunouchi 2-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8310 Japan
2. MITSUBISHI ELECTRIC LIGHTING CORPORATION (JP)
 14-40, Ofuna 2-chome, Kamakura-shi, Kanagawa 2470056, Japan
 (72) SAITO, Masafumi (JP); KADONO, Taichi (JP); SAKAMOTO, Tetsuya (JP)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **NẮP BẢO VỆ, BỘ NGUỒN SÁNG VÀ THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG**

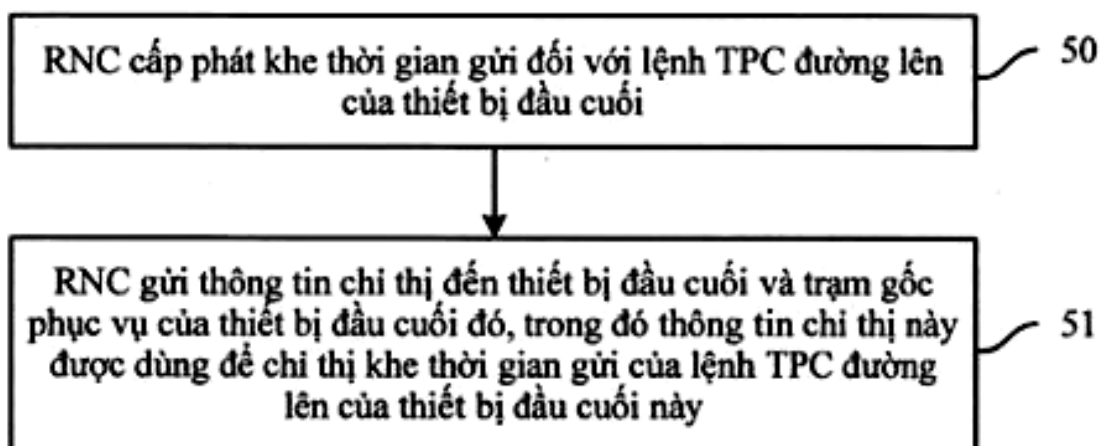
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị chiếu sáng có nền LED (light emitting diode - điốt phát quang), cụ thể là đề cập thiết bị chiếu sáng có khả năng ngăn chặn sự tăng số lượng bộ phận và giảm hiệu quả làm việc đối với việc cố định nền LED. Nắp bảo vệ (230) theo sáng chế, có phần cố định nền với mặt nắp bảo vệ (232-1) đang tiếp xúc với bề mặt lắp đặt (211J) của nền LED (210), phần móc kẹp (234) lắp ráp với tấm chắn mặt bên (222) của khung (220). Do sự lắp ráp này, nắp bảo vệ (230) được lắp vào khung (220), và phần cố định nền với mặt nắp bảo vệ (232-1) cố định nền LED (210) với phần phẳng của mặt khung (221).



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024780 B | | (15) 24/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/07/2014 | 316A |
| (21) 1-2014-00609 | | (85) 25/02/2014 | |
| (22) 26/07/2012 | | (86) PCT/US2012/048375 | 26/07/2012 |
| (30) 61/511,880 | 26/07/2011 | US | (87) WO2013/016559 |
| | 61/511,887 | 26/07/2011 | US |
| | 61/551,900 | 26/07/2011 | US |
| | 61/534,753 | 14/09/2011 | US |
| | 61/534,761 | 14/09/2011 | US |
| | 61/534,772 | 14/09/2011 | US |
| | 61/557,170 | 08/11/2011 | US |
| | 61/581,566 | 29/12/2011 | US |
| | 61/601,404 | 21/02/2012 | US |
| | 61/601,949 | 22/02/2012 | US |
| | 61/601,953 | 22/02/2012 | US |
| | 61/647,936 | 16/05/2012 | US |
| | 61/647,941 | 16/05/2012 | US |
- (51) **H02J 7/00; B60W 20/00; B60L 11/18; B60W 10/26**
- (73) **GOGORO INC. (KY)**
190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman KY1-9005 Cayman Islands
- (72) WU, Yi-Tsung (TW); LUKE, Hok-Sum, Horace (US); HUANG, Jui Sheng (TW); TAYLOR, Matthew Whiting (US); HUNG, Huang-Cheng (TW)
- (74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ VIPATCO (VIPATCO CO., LTD.)
- (54) **KHOANG CHỨA, HỆ THỐNG KHOANG CHỨA THIẾT BỊ LƯU TRỮ ĐIỆN NĂNG XÁCH TAY VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN HÀNH**
- (57) Sáng chế đề cập đến mạng lưới máy thu thập, sạc điện và phân phối để thu thập, sạc điện và phân phối thiết bị lưu trữ điện năng xách tay (ví dụ, pin, siêu tụ điện). Để cho phép dễ dàng tiếp cận khoang chứa thiết bị lưu trữ điện năng xách tay trong xe, nếu xe ở trong vùng lân cận của máy thu nhận, sạc điện và phân phối hoặc thiết bị bên ngoài được xác thực khác, chẳng hạn như, chìa khóa bảo mật hoặc thiết bị không dây khác của người sử dụng, thì khoang chứa thiết bị lưu trữ điện năng xách tay trong xe được đóng hoặc bị khóa lại, được mở khóa, mở chốt hoặc được mở tự động. Ngoài ra, nếu hệ thống khoang chứa thiết bị lưu trữ điện năng xách tay ở trong trạng thái mong muốn có khoang chứa được mở khóa, chẳng hạn như, có thiết bị lưu trữ điện năng xách tay trong khoang có mức sạc thấp hơn một ngưỡng cụ thể, thì khoang chứa sẽ được mở khóa, mở chốt hoặc mở tự động.



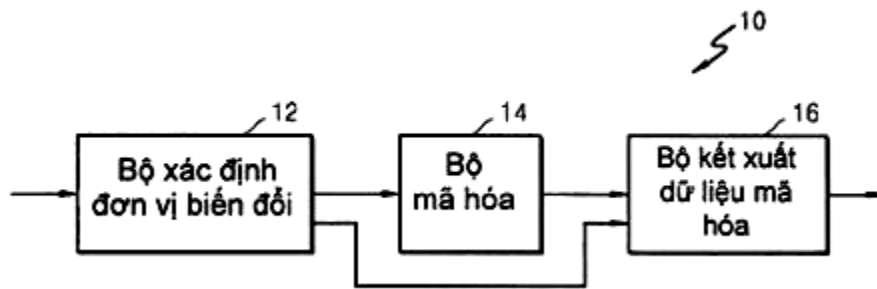
- (11) **1-0024781 B** (15) 24/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/12/2016 345A
(21) 1-2016-03720 (85) 04/10/2016
(22) 17/03/2014 (86) PCT/CN2014/073530 17/03/2014
(87) WO2015/139178 24/09/2015
- (51) **H04W 52/08**
(73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD. (CN)**
Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
518129, China
(72) XU, Wenying (CN)
(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) **TRẠM GỐC, THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN LỆNH
ĐIỀU KHIỂN CÔNG SUẤT TRUYỀN**
- (57) Sáng chế đề cập đến phương pháp tạo cấu hình để truyền lệnh TPC (Transmission Power Control - điều khiển công suất truyền), phương pháp truyền lệnh TPC, và thiết bị. Theo sáng chế, bộ điều khiển mạng vô tuyến gửi thông tin chỉ thị đến thiết bị đầu cuối và trạm gốc phục vụ của thiết bị đầu cuối đó để chỉ thị khe thời gian gửi của lệnh TPC đường lên của thiết bị đầu cuối này, để các khe thời gian gửi của các lệnh TPC khác nhau có thể được chỉ thị đối với các thiết bị đầu cuối khác nhau, và các lệnh TPC đường lên của nhiều thiết bị đầu cuối được làm so le trong một khe thời gian. Theo cách này, ngay cả khi các F-DPCH (Fractional Dedicated Physical Channel - phân đoạn kênh vật lý dành riêng) của nhiều thiết bị đầu cuối được tạo cấu hình với cùng một định dạng khe thời gian, thì vẫn có thể tránh được trường hợp mà các vị trí của các lệnh TPC đường lên là giống nhau, ngoài ra, tỉ số đỉnh trên trung bình TPC cũng thấp hơn so với của giải pháp đã biết.



- (11) **1-0024782 B** (15) 24/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
(21) 1-2016-02022 (85) 03/06/2016
(22) 11/12/2014 (86) PCT/IB2014/066820 11/12/2014
(30) 61/915,606 13/12/2013 US (87) WO2015/087283 18/06/2015
(51) *A61K 9/16; A61K 9/48; A61K 31/506*
(73) **NOVARTIS AG (CH)**
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland
(72) RIBEIRO, Suzie (GB)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) **VIÊN NANG ĐỂ SỬ DỤNG QUA ĐƯỜNG MIỆNG CHỨA DƯỢC CHẤT 3-(2,6-DICLO-3,5-DIMETOXY-PHENYL)-1-{6-[4-(4-ETYL-PIPERAZIN-1-YL)-PHENYLAMINO]-PYRIMIDIN-4-YL}-1-METYL-URE VÀ HỖN HỢP DƯỢC CHỨA DƯỢC CHẤT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến viên nang để sử dụng qua đường miệng chứa dược chất 3-(2,6-diclo-3,5-dimetoxy-phenyl)-1-{6-[4-(4-etyl-piperazin-1-yl)-phenylamino]-pyrimidin-4-yl}-1-metyl-ure hoặc muối dược dụng bất kỳ của nó. Sáng chế cũng đề cập đến hỗn hợp dược chứa dược chất này.

- (11) **1-0024783 B** (15) 24/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2013 298A
(21) 1-2012-03281 (85) 05/11/2012
(22) 05/04/2011 (86) PCT/KR2011/002383 05/04/2011
(30) 61/320,826 05/04/2010 US (87) WO2011/126282 13/10/2011
10-2010-0096920 05/10/2010 KR
(51) **H04N 7/26**
(73) **SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD.** (KR)
129, Samsung-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do, 443-742, Republic of Korea
(72) MIN, Jung-Hye (KR); HAN, Woo-Jin (KR); LEE, Tammy (US); KIM, Il-koo (KR); CHEON, Min-Su (KR)
(74) Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) **PHƯƠNG PHÁP GIẢI MÃ VIDEO**
(57) Sáng chế đề xuất phương pháp giải mã video sử dụng chỉ số biến đổi chỉ báo thông tin mà nó chỉ báo cấu trúc dữ liệu đơn vị biến đổi của đơn vị mã hóa hiện thời.



- | | | | |
|-------------------------|-------------------|------------------------|------------|
| (11) 1-0024784 B | | (15) 24/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 26/01/2015 | 322A |
| (21) 1-2013-03820 | | (85) 04/12/2013 | |
| (22) 22/02/2013 | | (86) PCT/CN2013/071761 | 22/02/2013 |
| (30) 61/624,812 | 16/04/2012 US | (87) WO2013/155897A1 | 24/10/2013 |
| | PCT/CN2013/071761 | 22/02/2013 | CN |

(51) **H04N 7/26**

(73) **HFI INNOVATION INC. (TW)**

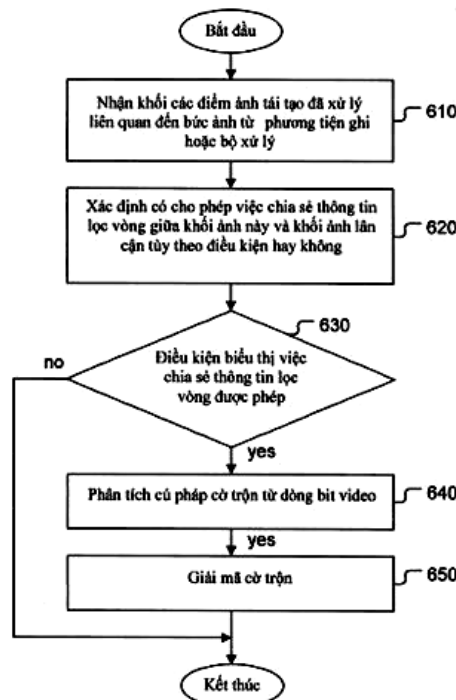
3F.-7, No.5, Taiyuan 1st St., Zhubei City, Hsinchu County 302, Taiwan

(72) Chih-Ming FU (TW); Chia-Yang TSAI (TW); Chih-Wei HSU (TW); Ching-Yeh CHEN (TW); Yu-Wen HUANG (TW); Shaw-Min LEI (TW)

(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)

(54) **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ LỌC VÒNG DỮ LIỆU VIDEO TRONG BỘ MÃ HÓA VIDEO VÀ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ LỌC VÒNG DỮ LIỆU VIDEO TRONG BỘ GIẢI MÃ VIDEO**

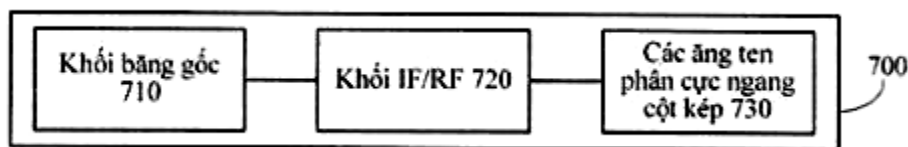
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị quá trình xử lý lọc vòng của dữ liệu video trong bộ mã hóa video hoặc bộ giải mã video. Các phương án theo sáng chế cho phép có điều kiện việc chia sẻ các thông số lọc theo vòng. Trong một phương án, việc chia sẻ thông tin lọc vòng giữa khối ảnh hiện tại và khối ảnh lân cận được xác định tùy theo điều kiện. Nếu điều kiện này cho thấy việc chia sẻ thông tin lọc vòng được phép, cờ trộn được mã hóa và được tích hợp vào dòng bit video trong bộ mã hóa, cờ trộn được phân tích cú pháp từ dòng bit video và được giải mã trong bộ giải mã. Trong một phương án, điều kiện phụ thuộc vào vùng phân bố của bức ảnh, trong đó sự tách vùng bức ảnh thành các vùng và vùng này có thể tương ứng với lớp hoặc phần xếp kẻ. Điều kiện được thiết lập để biểu thị việc chia sẻ thông tin lọc vòng được phép nếu khối ảnh này và khối ảnh lân cận ở trong cùng phần xếp kẻ/lớp.



- (11) **1-0024785 B** (15) 24/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/01/2014 310A
(21) 1-2013-03417 (85) 30/10/2013
(22) 30/05/2012 (86) PCT/CN2012/076299 30/05/2012
(30) 201110081047.1 31/03/2011 CN (87) WO2012/130190A1 04/10/2012
(51) *A01N 25/14; A01P 7/04; A01N 43/90*
(73) 1. **SHANGHAI SHENGNONG PESTICIDE CO., LTD.** (CN)
51 Dongzhou Rd., Dongjing Town, Songjiang District, Shanghai 201619, China
2. **EAST CHINA UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY** (CN)
No.130 Meilong Road, Xuhui District, Shanghai 200237, China
(72) LI, Zhong (CN); ZHANG, Zhiping (CN); XU, Xiaoyong (CN); XU, Haiyan (CN);
SHAO, Xusheng (CN); SHI, Shunfa (CN); ZENG, Bubing (CN); CHEN, Jun (CN);
JIANG, Xiaohua (CN)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **HẠT XYCLOXAPRIT PHÂN TÁN ĐƯỢC TRONG NƯỚC VÀ PHƯƠNG
PHÁP BÀO CHẾ HẠT NÀY**

(57) Sáng chế đề cập đến hạt phân tán được trong nước của xyclozaprit và phương pháp
bào chế hạt này. Hoạt chất của hạt xyclozaprit phân tán được trong nước là
xyclozaprit, hạt này được bổ sung chất làm ướt, chất phân tán, chất hấp phụ, chất
gây phân rã, chất dính kết, chất làm ổn định và chất mang mà được trộn cho đến khi
đồng nhất; hỗn hợp được nghiền bột trong dòng không khí để tạo ra bột thấm ướt
được, sau đó bột này được ngào trộn, tạo hạt, làm khô, và sàng để thu sản phẩm
cuối. Hạt xyclozaprit phân tán được trong nước theo sáng chế là một dạng của
xyclozaprit dùng trong nông nghiệp, và thuận tiện để lưu giữ, dễ sử dụng, không
cần dung môi, và sự bảo vệ hoạt chất để đảm bảo hiệu quả thích hợp.

- (11) **1-0024786 B** (15) 24/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2016 338A
 (21) 1-2016-00725 (85) 29/02/2016
 (22) 07/01/2014 (86) PCT/CN2014/070226 07/01/2014
 (30) 201310392709.6 02/09/2013 CN (87) WO2015/027675 05/03/2015
 (51) **H01L 25/03; H04L 1/00; H04B 17/00**
 (73) **HUAWEI TECHNOLOGIES CO., LTD.** (CN)
 Huawei Administration Building, Bantian, Longgang, Shenzhen, Guangdong
 518129, China
 (72) HUANG, Hui (CN); ZHANG, Pengcheng (CN); FANG, Dongmei (CN)
 (74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
 (54) **THIẾT BỊ TRUYỀN THÔNG, KHỐI BĂNG GỐC VÀ PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THÔNG**
- (57) Sáng chế đề cập đến thiết bị truyền thông, khối băng gốc, và phương pháp truyền thông. Thiết bị này bao gồm: khối băng gốc, khối trung tần/tần số vô tuyến (Intermediate Frequency/Radio Frequency - IF/RF), và các ăng ten phân cực ngang cột kép, trong đó khối băng gốc này được tạo cấu hình để: xác định các hệ số bù lần lượt tương ứng với 4 kênh truyền; xác định pha bù của cáp theo tín hiệu thăm dò đường lên nhận được từ thiết bị người dùng (User Equipment - UE); tạo ra 4 kênh tín hiệu băng gốc theo m kênh tín hiệu mà tương ứng một-một với m cổng logic; và hiệu chỉnh 4 kênh tín hiệu băng gốc này theo các hệ số bù lần lượt tương ứng với 4 kênh truyền và pha bù của cáp, và gửi 4 kênh tín hiệu băng gốc đã được hiệu chỉnh đến khối IF/RF; và khối IF/RF được tạo cấu hình để gửi 4 kênh tín hiệu băng gốc đã được hiệu chỉnh đến UE qua 4 kênh truyền và các ăng ten phân cực ngang cột kép. Theo các phương án của sáng chế, pha bù của cáp được xác định theo tín hiệu thăm dò đường lên từ UE, và 4 kênh tín hiệu băng gốc được hiệu chỉnh theo các hệ số bù của 4 kênh truyền và pha bù của cáp, nên các pha của các kênh tín hiệu truyền khác nhau có thể được điều khiển một cách chính xác.



- | | | | |
|-------------------------|------------|------------------------|--------------------|
| (11) 1-0024787 B | | (15) 24/06/2020 | |
| (45) 27/07/2020 | 388B | (43) 25/05/2017 | 350A |
| (21) 1-2017-00521 | | (85) 15/02/2017 | |
| (22) 01/07/2015 | | (86) PCT/US2015/038790 | 01/07/2015 |
| (30) 14/332,945 | 16/07/2014 | US | (87) WO2016/010733 |
| | | | 21/01/2016 |

(51) **D07B 1/02**

(73) **MILLIKEN & COMPANY (US)**

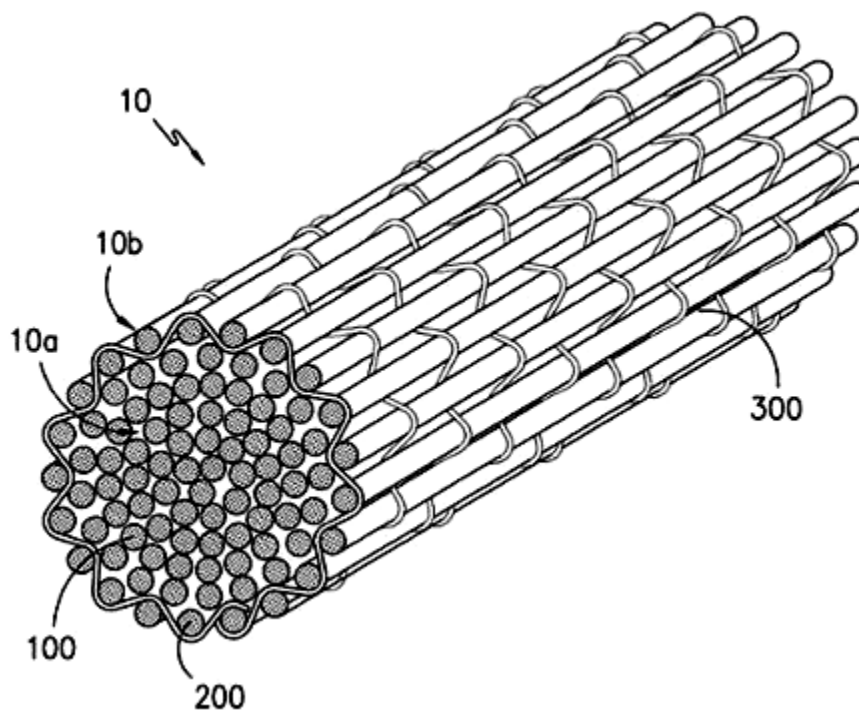
920 Milliken Road, M-495 Spartanburg, South Carolina 29303, United States of America

(72) BEDINGFIELD, Steven L. (US)

(74) Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế (T&T INVENMARK CO., LTD.)

(54) **DÂY DỆT**

- (57) Sáng chế đề cập đến dây dệt (10) có phần trong (10a) bao gồm các sợi có nhiều sợi nhỏ (100) theo hướng chiều dài của dây dệt (10) và phần vỏ (10b) bao bọc phần bên trong (10a). Phần vỏ (10b) chứa các sợi có một sợi nhỏ (200) theo hướng chiều dài của dây dệt (10) và ít nhất một sợi có nhiều sợi nhỏ (300) theo hướng chu vi được dệt lẫn với các sợi có một sợi nhỏ (200). Các sợi có một sợi nhỏ (200) của phần vỏ (10b) tạo ra phần lớn mặt ngoài của dây dệt (10). Dây dệt (10) có thể được dùng làm dây kéo để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí các chi tiết dạng dài, như cáp điện hoặc cáp quang trong ống (510) hoặc ống bọc bảo vệ (520).



- (11) **1-0024788 B** (15) 24/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2016 334A
 (21) 1-2015-00892
 (22) 18/03/2015
 (30) 102014109934.6 15/07/2014 DE
 (51) **B23K 3/06; B23K 1/005**
 (73) **PAC TECH - PACKAGING TECHNOLOGIES GMBH (DE)**

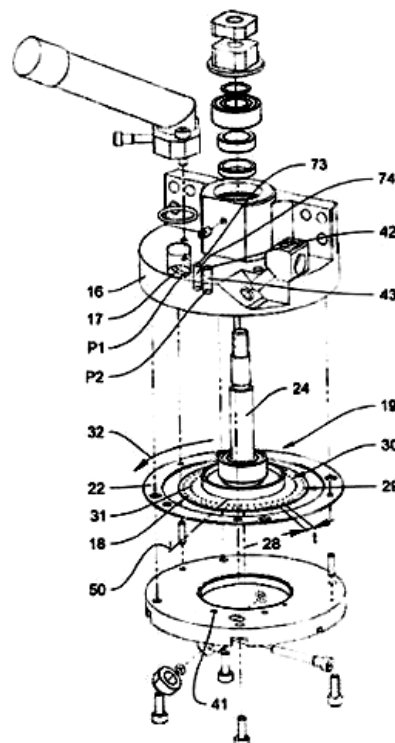
Am Schlangenhorst 15-17, D-14641 Nauen, Germany

(72) Ghassem AZDASHT (DE); Thorsten KRAUSE (DE)

(74) Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) **THIẾT BỊ ĐỂ GẮN RIÊNG BIỆT CÁC CHẤT KẾT TỬA VẬT LIỆU HÀN**

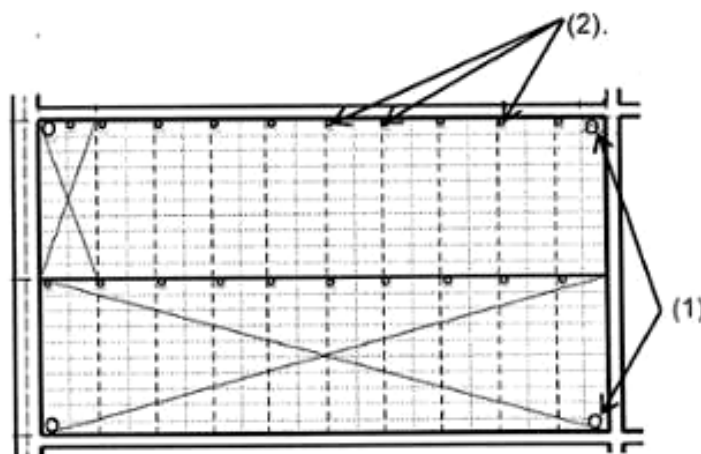
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị để gắn riêng biệt các chất kết tủa vật liệu hàn, cụ thể là các bi hàn, bao gồm cơ cấu vận chuyển để vận chuyển riêng biệt các chất kết tủa vật liệu hàn từ bình chứa vật liệu hàn bố trí tại phần vỏ trên của thiết bị về phía cơ cấu gắn bố trí tại phần vỏ dưới của thiết bị, cơ cấu vận chuyển này tạo ra dưới dạng đĩa vận chuyển, đĩa này được vận chuyển quanh trục quay, được bố trí trong khoảng trống chứa giữa phần vỏ dưới và phần vỏ trên và có các giá đỡ vận chuyển, các giá đỡ vận chuyển này được tạo ra có các lỗ thông và mỗi lỗ thông có thể được chuyển động từ vị trí tiếp nhận (P1), mà tại đó chất kết tủa vật liệu hàn được tiếp nhận từ bình chứa vật liệu hàn, vào vị trí truyền (P2), mà tại đó chất kết tủa vật liệu hàn phải chịu khí nén qua lỗ khoan có áp tạo ra trong phần vỏ trên và từ đó chất kết tủa vật liệu hàn được truyền đến vòi phun gắn của cơ cấu gắn vào vị trí gắn (P3), cơ cấu gắn có ống dẫn gắn, ống dẫn gắn này được tạo ra trong phần vỏ dưới và đồng thời tạo ra đoạn dưới của ống dẫn truyền, ống dẫn này dùng để truyền bức xạ laser đến chất kết tủa vật liệu hàn bố trí trong vòi phun gắn, ống dẫn truyền kéo dài với đoạn trên qua phần vỏ trên, khác biệt ở chỗ, ống dẫn gắn được nghiêng theo góc gắn α so với trục quay.



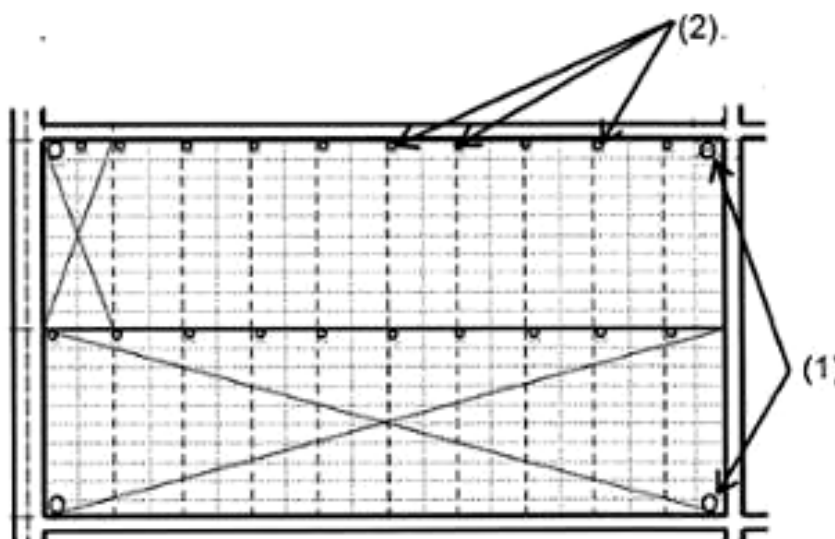
PHẦN II

GIẢI PHÁP HỮU ÍCH ĐƯỢC CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN

- (11) **2-0002347 B** (15) 27/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2018 369A
(21) 2-2018-00450
(22) 06/11/2018
(51) **A01G 16/00**
(73) **VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG (VN)**
165/2 Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(72) Lê Xuân Quang (VN); Nguyễn Văn Tĩnh (VN); Trần Hưng (VN); Lê Thế Hiếu (VN);
Phạm Thanh Bình (VN)
(54) **QUY TRÌNH TƯỚI TIÊU KHOA HỌC CHO LÚA MÙA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, TIẾT KIỆM NƯỚC, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**
(57) Giải pháp hữu ích đề xuất quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa Mùa vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính bao gồm các bước:
- chuẩn bị lắp đặt ống quan sát mực nước trong ô ruộng;
- duy trì lớp nước mặt ruộng 3 - 5 cm trong thời kỳ làm đất;
- duy trì lớp nước mặt ruộng 2 - 3 cm trong giai đoạn lúa hồi xanh - đẻ nhánh, từ ngày thứ 0-20 ngày sau cấy (20 ngày);
- phơi khô ruộng hạn chế đẻ nhánh vô hiệu trong giai đoạn cây lúa cuối đẻ nhánh, từ ngày thứ 21-30 sau cấy (10 ngày);
- tưới giữ ẩm lớp nước mặt ruộng 1-2 cm trong giai đoạn lúa hình thành bông, từ ngày thứ 31-37 sau cấy (7 ngày);
- luôn giữ lớp nước mặt ruộng 1 - 2 cm trong thời gian 20 ngày trong giai đoạn lúa làm đòng và trổ bông, từ ngày thứ 38 -57 sau cấy (20 ngày);
- tưới giữ ẩm lớp nước mặt ruộng 1 - 2 cm trong giai đoạn lúa ngậm sữa và chắc xanh, từ ngày thứ 58 -85 sau cấy (28 ngày);
- để khô ruộng đến khi thu hoạch trong giai đoạn lúa chắc xanh - thu hoạch, từ ngày thứ 86 - 95 sau cấy (10 ngày).

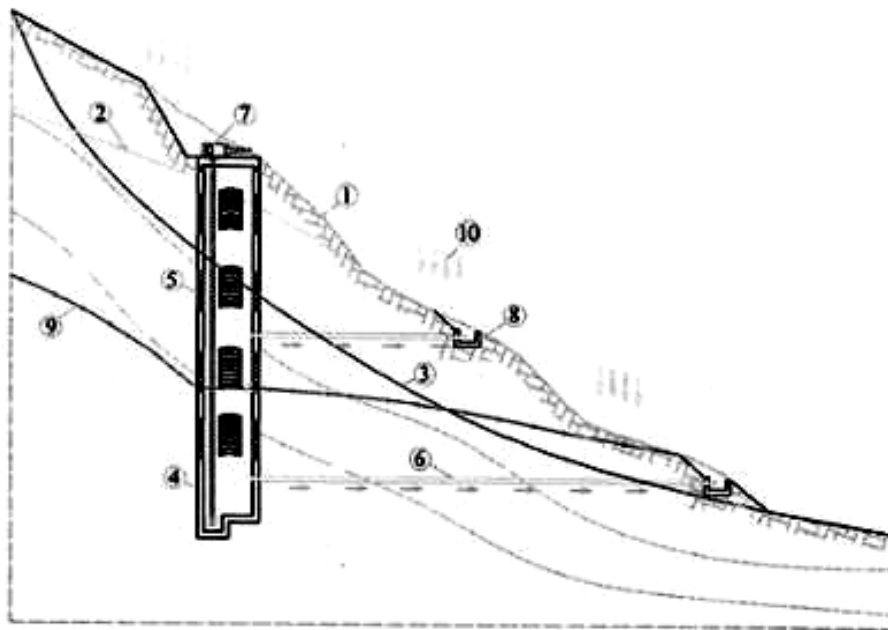


- (11) **2-0002348 B** (15) 27/05/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2018 369A
 (21) 2-2018-00451
 (22) 06/11/2018
 (51) **A01G 16/00**
 (73) **VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG (VN)**
 165/2 Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 (72) Lê Xuân Quang (VN); Nguyễn Văn Tĩnh (VN); Lê Thế Hiếu (VN); Trần Hưng (VN);
 Phạm Thanh Bình (VN)
 (54) **QUY TRÌNH TƯỚI TIÊU KHOA HỌC CHO LÚA XUÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, TIẾT KIỆM NƯỚC, GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**
- (57) Giải pháp hữu ích đề xuất quy trình tưới tiêu khoa học cho lúa Xuân vùng đồng bằng sông Hồng, tiết kiệm nước, giảm phát thải khí nhà kính bao gồm các bước:
- chuẩn bị lắp đặt ống quan sát mực nước trong ô ruộng (bằng mắt thường);
 - duy trì lớp nước mặt ruộng 3 - 5cm trong thời kỳ đổ ải;
 - duy trì lớp nước mặt ruộng 2 - 3 cm trong giai đoạn lúa hồi xanh - đẻ nhánh, từ ngày thứ 0-30 ngày sau cấy (30 ngày);
 - phơi khô ruộng 12 ngày để hạn chế đẻ nhánh vô hiệu trong giai đoạn cây lúa cuối đẻ nhánh, từ ngày thứ 31-42 sau cấy (12 ngày);
 - tưới giữ ẩm lớp nước mặt ruộng 1 - 2 cm trong giai đoạn lúa hình thành bông, từ ngày 43 - 49 sau cấy (7 ngày);
 - tưới giữ ẩm lớp nước mặt ruộng 1 - 2 cm trong giai đoạn lúa làm đòng - trổ bông, từ ngày 50-77 sau cấy (28 ngày);
 - tưới giữ ẩm lớp nước mặt ruộng 1 - 2 cm trong giai đoạn lúa ngậm sữa và chắc xanh: từ ngày thứ 78 - 100 sau cấy (23 ngày);
 - tháo cạn nước, để khô ruộng đến khi thu hoạch trong giai đoạn lúa chín - thu hoạch: từ ngày thứ 101 - 110 sau cấy (10 ngày).



- (11) **2-0002349 B** (15) 27/05/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/02/2018 359A
(21) 2-2017-00334
(22) 31/10/2017
(51) **E02D 17/02**
(73) **VIỆN THỦY CÔNG (VN)**
Số 3, ngõ 95, phố Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(72) Vũ Bá Thao (VN); Nguyễn Quốc Dũng (VN); Phạm Văn Minh (VN)
(54) **GIẾNG THOÁT NƯỚC ĐỂ ỔN ĐỊNH MÁI DỐC**

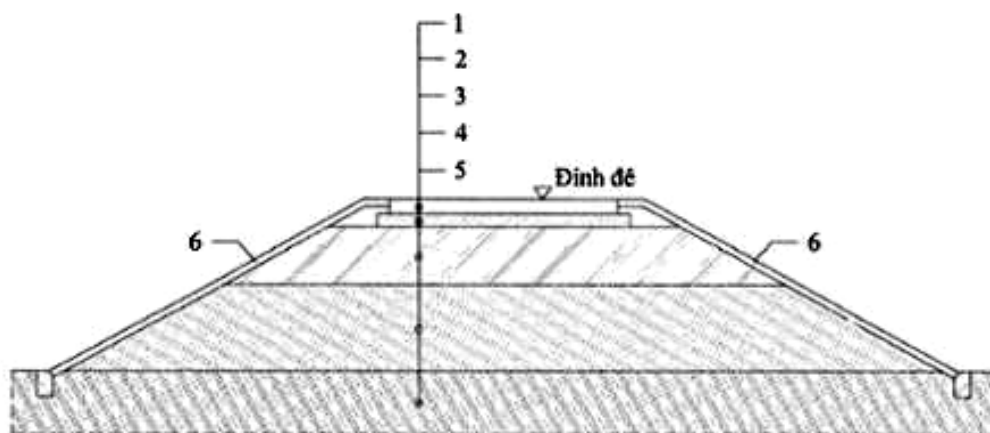
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến giếng thoát nước có đường kính từ 1,5m đến 6,0m dùng để ổn định mái dốc đất bao gồm: thành giếng bằng bê tông cốt thép, cửa sổ thu nước được bố trí trên thành giếng và ống thoát nước ngang được nối vào thành giếng. Giếng có chức năng thoát nước ngầm và chống trượt cho mái dốc có cung trượt sâu. Nước ngầm được lọc và thu vào giếng thông qua cửa sổ thu nước và thoát ra qua ống thoát nước ngang. Thành giếng đặt sâu qua cung trượt khả dĩ và cắm vào lớp đất ổn định, nhằm giảm lực gây trượt và tăng lực chống trượt, từ đó giữ ổn định mái dốc.



- (11) **2-0002350 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/01/2019 370A
(21) 2-2018-00228
(22) 06/07/2018
(51) **E01C 3/04**
(73) **NGUYỄN HỮU HUẾ (VN)**
175 Tây Sơn, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Hữu Huế (VN); Đặng Công Hưởng (VN); Đặng Công Toàn (VN)
(54) **ĐỀ GIA CỐ TRO BAY**

- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến đề gia cố tro bay đảm bảo chống lũ và kết hợp giao thông, đề gia cố tro bay bao gồm:
- lớp (1) là lớp mặt đường được làm bằng bê tông xi măng M300;
 - lớp (2) là lớp cấp phối được tạo thành từ đá dăm gia cố chất kết dính, với tỷ lệ (90 - 95)% cấp phối đá dăm + (5 - 10)% chất kết dính, chất kết dính có tỷ lệ (60 - 69)% xi măng + (31 - 40)% tro bay;
 - lớp (3) là lớp cấp phối được tạo thành từ đất thân đê tại chỗ được tận dụng gia cố với tro bay và xi măng, đầm chặt đạt $K \geq 0,98$, tỷ lệ (81 - 84)% đất + (16 - 19)% tro bay + (15 - 20)% xi măng (% xi măng tính theo đất);
 - lớp (4) là phần đất thân đê không gia cố;
 - lớp (5) là lớp nền đê;
 - mái đê (6) được gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ hoặc các miếng bê tông đúc sẵn lắp ghép lại với nhau.

Kết cấu mặt đường đề gia cố tro bay và xi măng được áp dụng cho các đê sông có chung đặc điểm địa chất công trình thân đê và nền đê chủ yếu là đất sét - sét pha. Việc sử dụng kết cấu mặt đường đề gia cố tro bay và xi măng mang lại hiệu quả kinh tế và môi trường cao hơn so với kết cấu truyền thống của ngành giao thông.



(11) 2-0002351 B

(15) 03/06/2020

(45) 27/07/2020

388B

(43)

(21) 2-2019-00281

(22) 10/08/2016

(51) E03B 3/11; E02B 7/06

(67) 1-2016-02935

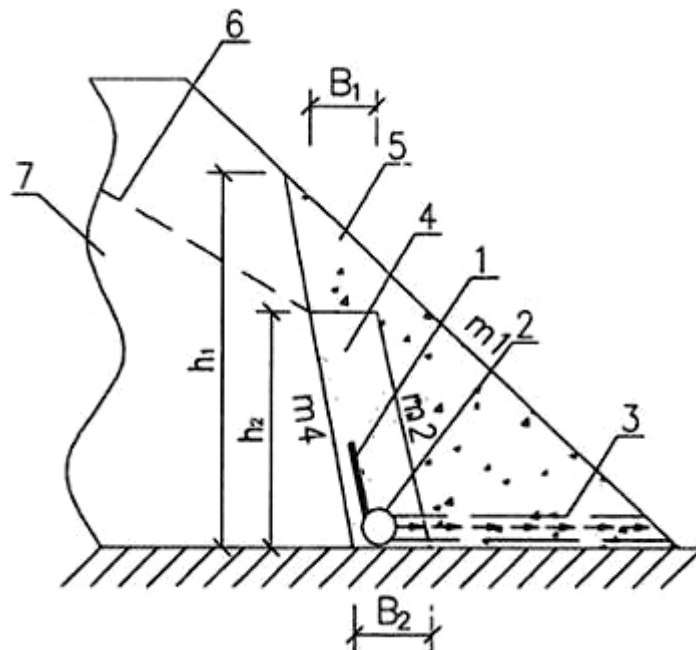
(73) VIỆN THỦY CÔNG (VN)

Số 3 ngõ 95, phố Chùa Bộc, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

(72) Phạm Đình Văn (VN); Nguyễn Quốc Dũng (VN); Phạm Văn Minh (VN); Phùng Vĩnh An (VN); Phan Việt Dũng (VN)

(54) **HỆ THỐNG NÊM CÁT THU LỌC NƯỚC THẨM Ở HẠ LƯU ĐẬP ĐẤT**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến hệ thống nêm cát thu lọc nước thấm ở hạ lưu đập đất, nhằm hạ thấp đường bão hòa, nâng cao ổn định và an toàn đập đất. Hệ thống gồm nêm cát thu lọc nước bố trí áp mái hạ lưu đập đất hoặc trong thân đập với khoảng cách (L), phụ thuộc vào tình hình thấm nước ở mái đập, được cấu tạo bằng lớp cát lọc hạt thô dày tối thiểu 1 m, chiều cao từ đáy đập đến độ cao đường bão hòa xuất hiện trên mái hạ lưu. Đáy lớp cát đặt bằng thu nước khía rãnh (1) gắn trên ống nhựa polyvinyl clorua (PVC) (2) nối với ống dẫn nước ra hạ lưu đập (3), phía ngoài là đất lấp được đầm chặt đến độ cao đỉnh (h_1). Ưu điểm của hệ thống nêm cát thu lọc nước là đơn giản, dễ thi công, chất lượng lọc tốt hơn và giảm thiểu tắc nghẽn so với ống đục lỗ. Kết cấu phù hợp cho cả đập đất xây mới và trong nâng cấp và sửa chữa đập đất, đặc biệt có thể áp dụng hệ thống này để xử lý khẩn cấp cho các đập bị thấm, hồ đang tích nước mà không cần hạ thấp mực nước hồ.



- (11) **2-0002352 B** (15) 03/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
- (21) 2-2020-00213
(22) 12/03/2019
(51) **C12N 1/00**
(67) 1-2019-01255
(73) 1. **HỌC VIỆN QUÂN Y (VN)**
160 Phùng Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. **VIỆN NGHIÊN CỨU HỆ GEN (VN)**
18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- (72) Đỗ Minh Trung (VN); Nông Văn Hải (VN); Nguyễn Thùy Dương (VN); Đỗ Hải Quỳnh (VN); Hoàng Văn Lương (VN); Trần Việt Tiên (VN); Nguyễn Tùng Linh (VN); Nguyễn Duy Bắc (VN); Lê Thị Hồng Hạnh (VN)
- (54) **CHŨNG VI KHUẨN SERRATIA SP. HVQY MANG GEN MÃ HÓA PROTEIN PIGI TÁI TỔ HỢP**
- (57) Sáng chế đề cập đến chủng vi khuẩn *Serratia* sp. HVQY có chứa vectơ pET22b tái tổ hợp có mang *cấu trúc* Lac promoter - *pigl*. Cấu trúc này được xây dựng bằng cách nối sản phẩm khuếch đại vùng Lac promoter với gen *pigl* của chủng *Serratia* sp. SM; sau đó chèn vào vectơ pET22b. Vectơ này sau khi được chọn dòng trong *E. coli* sẽ được biến nạp vào chủng vi khuẩn *Serratia* sp. SM, tiến hành chọn dòng thu được chủng *Serratia* sp. HVQY. Chủng này cho phép tổng hợp prodigiosin với hàm lượng 7,68 mg/ 50 ml dịch nuôi; cao gấp 1,46 lần so với chủng ban đầu trong cùng một điều kiện nuôi cấy. Hoạt chất prodigiosin thu được có thể ức chế một số dòng tế bào ung thư: Hep3B; MCF7; H460; Hep2 và kháng một số chủng nấm gây bệnh thuộc 2 loài *C. albicans* và *C. Neoformans*.

- (11) **2-0002353 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
- (21) 2-2020-00062
(22) 01/02/2018
(51) *A61K 9/127; A61K 36/424; A61K 8/14*
(67) 1-2018-00485
(73) **HỌC VIỆN QUÂN Y (VN)**
160- Phùng Hưng, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- (72) Vũ Tuấn Anh (VN); Chử Văn Mến (VN); Hoàng Văn Lương (VN); Chử Đức Thành (VN); Trần Thị Thu Huyền (VN); Bùi Thị Thu Hà (VN); Nguyễn Tùng Linh (VN); Nguyễn Văn Long (VN); Nguyễn Văn Thịnh (VN)
- (54) **SẢN PHẨM PHỨC HỢP DẠNG PHYTOSOM CỦA HỖN HỢP GYPENOSIT Ở DẠNG DỊCH CHIẾT TOÀN PHẦN CHIẾT XUẤT TỪ CÂY GIẢO CỔ LAM VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT SẢN PHẨM NÀY**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến sản phẩm phức hợp dạng phytosom của hỗn hợp gypenosit ở dạng dịch chiết toàn phần chiết xuất từ cây Giảo cổ lam với các loại phospholipit. Giải pháp hữu ích cũng đề cập đến quy trình sản xuất sản phẩm phức hợp dạng phytosom này.

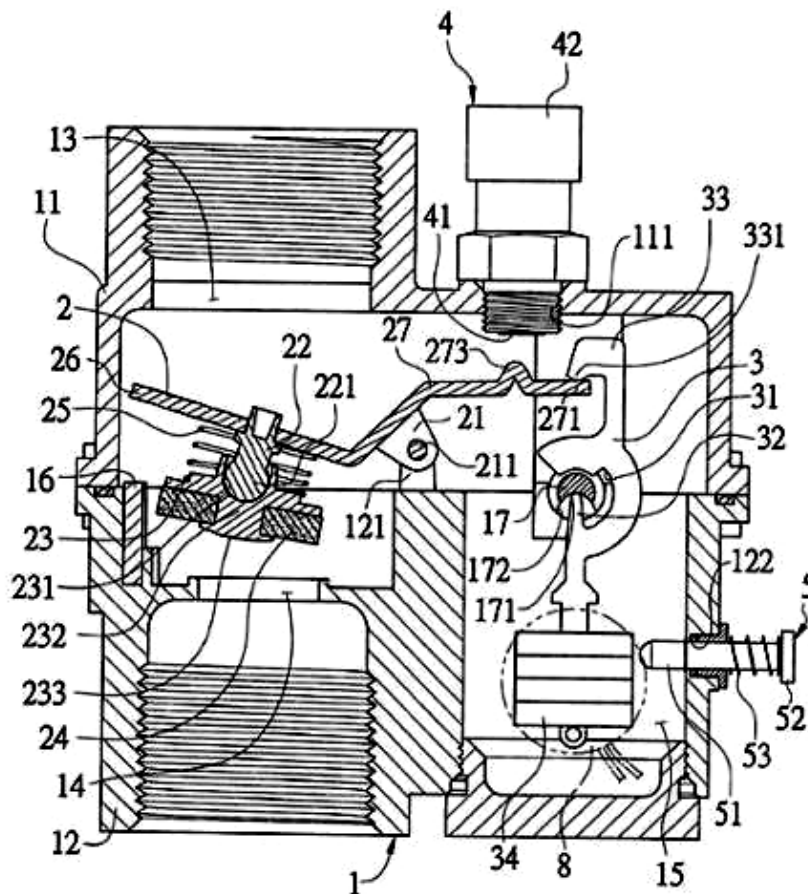
- (11) **2-0002354 B** (15) 10/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
(21) 2-2020-00029
(22) 01/07/2015
(51) **A23L 2/39; A23L 33/105; A23L 2/52**
(67) 1-2015-02372
(73) **CÔNG TY TNHH ADC (VN)**
101 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
(72) Võ Thanh Tùng (VN)
(54) **QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM THẢO MỘC DẠNG BỘT CÓ TÁC DỤNG THANH NHIỆT**
- (57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất chế phẩm thảo mộc dạng bột có tác dụng thanh nhiệt, trong đó quy trình này bao gồm các bước: (i) chuẩn bị các nguyên liệu, (ii) rây các dược liệu ở dạng bột khô, (iii) phối trộn các dược liệu, và (iv) đóng gói và đóng hộp sản phẩm. Chế phẩm thảo mộc dạng bột này được tạo ra bằng cách trộn hỗn hợp các dược liệu ở dạng bột khô thu được từ rễ cỏ tranh, mía lau, râu ngô, hoa cúc trắng, actiso và tá chất ở tỷ lệ thích hợp, để tạo ra chế phẩm có tác dụng thanh nhiệt, đồng thời đảm bảo vệ sinh, tiện lợi khi bảo quản, sử dụng và giữ được hoạt tính và hương vị bền lâu.

- (11) **2-0002355 B** (15) 12/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
- (21) 2-2020-00221
(22) 31/10/2018
(51) **C02F 1/62**
(67) 1-2018-04883
(73) 1. **NGUYỄN VĂN CHUYÊN (VN)**
Khoa Vệ sinh Quân đội, Học viện Quân y, số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2. **NGUYỄN VĂN BA (VN)**
Trung tâm Ung Bướu - Bệnh viện Quân y 103, số 261 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
3. **ĐỖ NHƯ BÌNH (VN)**
Học viện Quân y, số 160 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Văn Chuyên (VN); Nguyễn Văn Ba (VN); Đỗ Như Bình (VN); Hồ Anh Sơn (VN); Phạm Văn Thức (VN); Nguyễn Thị Minh Ngọc (VN)
(54) **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT BỊ NHIỄM ASEN NHỜ SỬ DỤNG THAN HOẠT TÍNH TỪ CÂY THẦU DẦU TÍA**
(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến phương pháp xử lý nước sinh hoạt bị nhiễm asen bao gồm các bước: phun nước thành các giọt mưa để loại bỏ thành phần chứa Fe và Mn; lọc các chất cặn, các chất kết tủa nhờ lớp cát mịn có độ dày khoảng 30cm; hấp thụ các thành phần kim loại nặng bao gồm asen bằng lớp than hoạt tính từ cây thầu dầu tía có độ dày khoảng 30cm; lọc các chất cặn, các chất kết tủa lần thứ hai nhờ lớp cát lớn có độ dày khoảng 10cm; cho nước đi qua lớp sỏi nhỏ có độ dày khoảng 1 Ocm; và thu hồi nước đã được lọc sạch vào bể chứa để sử dụng.

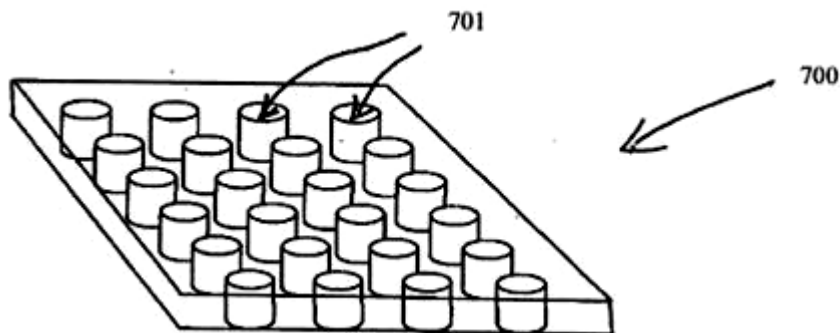
- (11) **2-0002356 B** (15) 12/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/08/2018 365A
(21) 2-2018-00176
(22) 23/05/2018
(51) *A23G 1/48; A23G 1/46*
(73) **CÔNG TY CỔ PHẦN VITAFOOD (VN)**
Số nhà LP20, Trung Kính, Tổ 49, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Nguyễn Thị Vân Anh (VN); Nguyễn Việt Cường (VN)
(74) Công ty TNHH INVESTPRO và cộng sự (INVESTPRO & ASSOCIATES)
(54) **SẢN PHẨM BỔ DƯỠNG TỪ BỘT CACAO VÀ CAO ACTISO**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến sản phẩm bổ dưỡng chứa các thành phần tính theo phần trăm trọng lượng như sau:
- | | |
|-------------------|-------------|
| Cao Actiso | 0,1-5% |
| Bột Ca cao | 1 -20% |
| Bột sữa không kem | 20-50% |
| Đường kính | Vừa đủ 100% |

- (11) **2-0002357 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/04/2016 337A
 (21) 2-2015-00121
 (22) 08/05/2015
 (30) 103218661 21/10/2014 TW
 (51) *F16K 31/10*
 (76) **HUI-MING LIN (TW)**
 NO.549, LUCAO, XIJING VIL., LUCAO TOWNSHIP, CHIAYI COUNTY,
 TAIWAN
 (74) Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội (AMBYS HANOI)
 (54) **VAN NGẮT KHÍ BẰNG ĐIỆN**

(57) Sáng chế đề cập đến van ngắt khí bằng điện. Van ngắt khí bằng điện bao gồm thân bộ ngắt với ống nạp và ống xả. Bảng ngắt khí được nối theo kiểu khớp bản lề với khoang trong thân bộ ngắt. Một đầu của bảng ngắt khí là khối hình chữ U trong khi phần nổi ở đầu kia của nó được móc với móc dọc được gắn trong thân bộ ngắt. Bộ phát hiện khí được lắp bên ngoài thân bộ ngắt và được nối với bộ điều khiển. Bộ điều khiển được nối với bộ phận dẫn động. Nếu bộ phát hiện khí phát hiện dòng khí khác thường trong suốt quá trình rò rỉ do vỡ đường ống hoặc ngọn lửa của khí bị dập tắt, bộ điều khiển khởi động bộ phận dẫn động và móc dọc được dẫn động xa hơn để được giải phóng ra khỏi bảng ngắt khí. Do đó khối hình chữ U chặn ống xả và ngắt cấp khí.

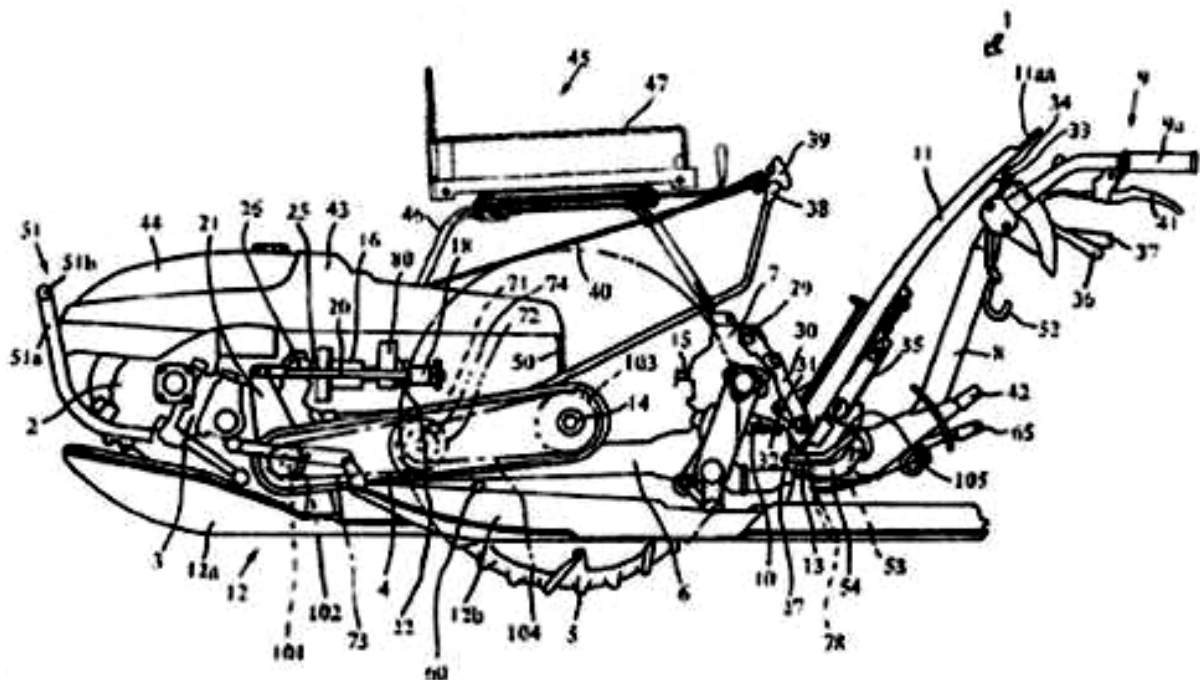


- (11) **2-0002358 B** (15) 12/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
(21) 2-2020-00009 (85) 16/04/2013
(22) 15/09/2010 (86) PCT/SG2010/000315 15/09/2010
(30) 201006753-6 16/09/2010 SG (87) WO2012/036637 22/03/2012
PCT/SG2010/000341 16/09/2010 SG
PCT/SG2010/000378 04/10/2010 SG
(51) **G03B 35/14; G02B 7/02; G03B 35/08**
(67) 1-2013-01196
(76) **DHARMATILLEKE, MEDHA (SG)**
71 Chu Lin Road, Singapore 669960, Singapore
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS CO.,LTD.)
(54) **HỆ THỐNG CAMERA QUANG HỌC VÀ THIẾT BỊ CAMERA QUANG HỌC
BAO GỒM HỆ THỐNG NÀY**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến hệ thống camera quang học bao gồm hệ môđun thấu kính quang học gồm hệ thấu kính, kết cấu giữ để đỡ hệ thấu kính và bộ cảm biến hình ảnh. Hệ thống camera quang học có thể điều tiêu tự động và tạo ra các hình ảnh ba chiều (3D), giá giữ thấu kính và phương pháp làm mờ các vùng quang học của bức ảnh hoặc bộ phim ảnh động.



- (11) **2-0002359 B** (15) 12/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/05/2015 326A
 (21) 2-2014-00138
 (22) 26/05/2014
 (30) 201320685789.X 31/10/2013 CN
 (51) *A01C 11/00; A01C 11/025; A01C 11/003*
 (73) **ISEKI & CO., LTD.** (JP)
 700 Umaki-cho, Matsuyama-shi, Ehime-ken, Japan
 (72) Masaichi Hirose (JP); Kentaro Miura (JP); Ke HU (CN); Yuan ZHAO (CN);
 Takahide Shiozaki (JP); Makoto Kawada (JP)
 (74) Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh (DAITIN AND ASSOCIATES CO.,LTD)
 (54) **THIẾT BỊ TRỒNG CÂY GIỐNG**

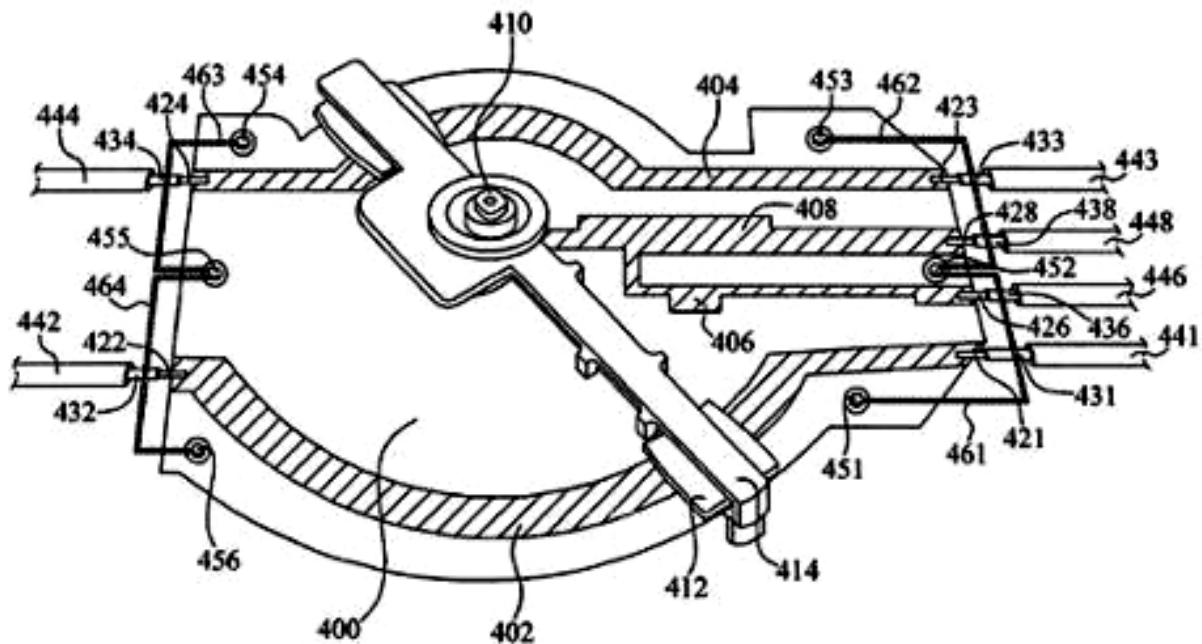
- (57) Giải pháp hữu ích đề xuất thiết bị trồng cây giống có kết cấu bao gồm các bộ phận trồng cây giống (10) được lắp ráp theo hướng trái phải ở khoảng cách hàng trồng khác nhau, và các thân nổi được lắp ráp theo hướng trái-phải để làm phẳng vị trí trồng cây giống của thiết bị trồng cây giống (1) trong từng hàng, trong đó mỗi thân nổi làm phẳng các vị trí trồng cây giống bên trái và phải tạo thành khoảng cách hàng trồng rộng. Ngoài ra, khoảng cách hàng trồng rộng được tạo thành ở giữa theo hướng trái-phải. Theo giải pháp hữu ích, việc canh tác và chăm sóc có thể được thực hiện sau công đoạn trồng cây giống với khoảng cách hàng trồng rộng.



- (11) **2-0002360 B** (15) 12/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2018 364A
(21) 2-2018-00126
(22) 18/04/2018
(51) **C12N 1/00**
(73) **VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC (VN)**
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Nhà A10, số 18 Hoàng Quốc Việt,
Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Đỗ Thị Liên (VN); Đỗ Thị Tố Uyên (VN); Hoàng Thị Yến (VN); Lê Thị Nhi Công
(VN)
(54) **QUY TRÌNH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM VI KHUẨN TÍA QUANG HỢP
KHÔNG LƯU HUỖNH LÀM THỨC ĂN TƯƠI SỐNG CHO CON GIỐNG
CÁC LOÀI HAI MẢNH VỎ VÀ CHẾ PHẨM THU ĐƯỢC TỪ QUY TRÌNH
NÀY**
(57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn tía quang hợp chứa các
chủng *Rhodopseudomonas* sp. 311, *Rhodobacter* sp. NDT6, *Rhodobacter* sp. 86 và
Rhodopseudomonas sp. 517 làm thức ăn tươi sống cho con giống các loài hai mảnh
vỏ, trong đó quy trình này bao gồm các bước: (i) tuyển chọn các chủng vi khuẩn tía
quang hợp, (ii) nhân giống từ ống thạch nghiêng sang môi trường lỏng trong bình 10
ml, (iii) trộn hỗn hợp vi khuẩn và nhân giống trong bình thủy tinh 500ml, (iv) nhân
giống trong bình nhựa trong 5, 10 và 20 lít và (v) nhân giống sang bình có thể tích
lớn 50, 100 và 1000 lít để thu chế phẩm vi khuẩn tía quang hợp. Ngoài ra, sáng chế
còn đề cập đến chế phẩm vi khuẩn tía quang hợp chứa các chủng vi khuẩn tía quang
hợp *Rhodopseudomonas* sp. 311, *Rhodobacter* sp. NDT6, *Rhodobacter* sp. 86 và
Rhodopseudomonas sp. 517 làm thức ăn tươi sống cho con giống các loài hai mảnh
vỏ thu được từ quy trình này.

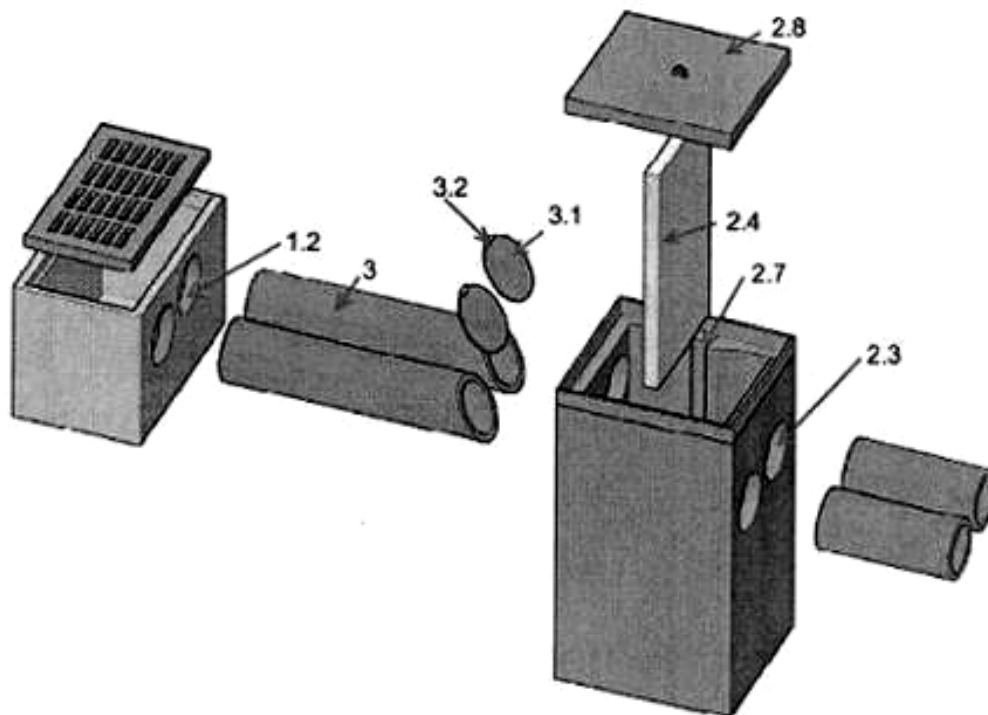
- (11) 2-0002361 B (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2017 354A
 (21) 2-2016-00082
 (22) 15/03/2016
 (51) H01P 9/00
 (73) Công ty TNHH ACE ANTENNA (ACE ANTENNA CO., LTD) (VN)
 Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
 (72) Min Seok JUNG (KR); Jong Ho JUNG (KR)
 (74) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)
 (54) BỘ DỊCH PHA CÓ BỘ PHẬN NỔI

- (57) Sáng chế đề cập đến bộ dịch pha bao gồm bộ phận nổi. Bộ dịch pha bao gồm: nền; mặt phẳng ngang tạo ra ở phần dưới của nền; hai hoặc nhiều đường dây được tạo ra ở phần trên của nền; phần cánh tay được cấu hình để truyền tín hiệu đến hai hoặc nhiều đường dây; nhiều cáp; ít nhất một bộ phận nổi đất được tạo ra ở phần trên của nền và xuyên qua nền được nối bằng điện với mặt phẳng ngang; và ít nhất một bộ phận nổi, tại đó lõi trong của các cáp được nối với hai hoặc nhiều đường dây, và ít nhất một bộ phận nổi nối bằng điện lõi ngoài của cáp với ít nhất một bộ phận nổi đất. Bộ dịch pha có ưu điểm là ngăn dòng điện rò và trường gây nhiễu.



- (11) **2-0002362 B** (15) 16/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2018 369A
 (21) 2-2018-00321
 (22) 27/08/2018
 (51) *E03F 5/02; E03F 7/04; E03F 5/04*
 (73) **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TIẾN LÂM (VN)**
 Thôn Thọ Lâm, xã Hiệp Hòa Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.
 (72) Phan Gia Hùng (VN)
 (54) **HỆ THỐNG HỒ GA THU NƯỚC MƯA VÀ NGĂN MÙI, NGĂN TRIỀU**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến hệ thống hồ ga thu nước và ngăn mùi, ngăn triều bao gồm hồ ga thu nước (1) thu gom nước mưa trên mặt đường, vỉa hè, hồ ga này được nối với hồ ga ngăn mùi, ngăn triều (2) lắp đặt ở dưới lòng đường bằng ít nhất một đường ống dẫn (3). Hồ ga ngăn mùi, ngăn triều (2) được lắp tấm phai chặn (2.4) chia lòng hồ ga ngăn mùi, ngăn triều (2) thành hai phần là phần thu nước (2.5) và phần ngăn mùi, thoát nước (2.6), tấm phai chặn (2.4) được lắp ghép vào các rãnh (2.7) ở giữa chạy từ trên xuống của các thành này, sao cho đáy tấm phai chặn (2.4) cách đáy hồ ga một khoảng cách định trước, và luôn thấp cao trình đáy các lỗ chờ (2.2, 2.3) một khoảng cách định trước phía, trên hồ ga ngăn mùi, ngăn triều được lắp đặt ít nhất một tấm đan (2.6). Khác biệt ở chỗ, hồ ga ngăn mùi, ngăn triều (2) còn bao gồm van một chiều (3.1) có dạng tấm chắn được lắp phía trên của các lỗ chờ (2.2) bằng khớp bản lề (3.2), sao cho van một chiều (3.1) đẩy khí vào đầu ra của ống dẫn (3).



(11) **2-0002363 B**

(15) 16/06/2020

(45) 27/07/2020

388B

(43)

(21) 2-2020-00068

(22) 18/02/2020

(51) **H01P 1/16**; G01J 7/00; G01N 21/21; G01N 21/77; H01P 3/20; H01P 11/00; H01P 3/00; G01J 4/00; G02B 6/10

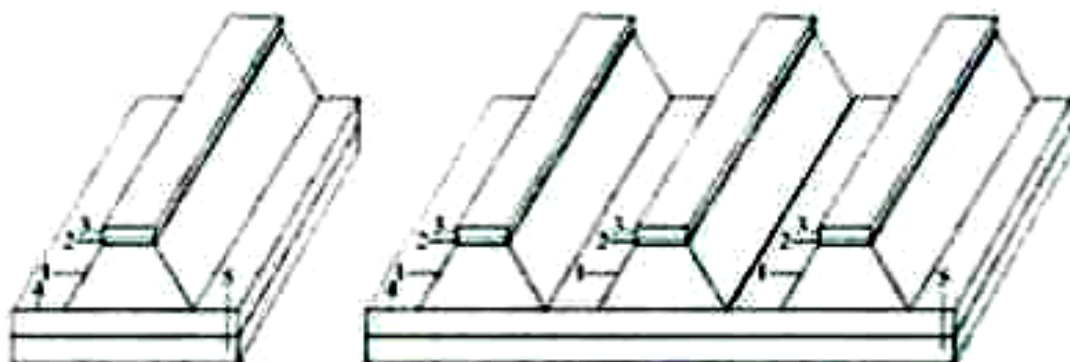
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)**

Số 1, Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(72) Chu Mạnh Hoàng (VN); Nguyễn Thanh Hương (VN)

(54) **KÊNH DẪN SÓNG PLASMON LAI**

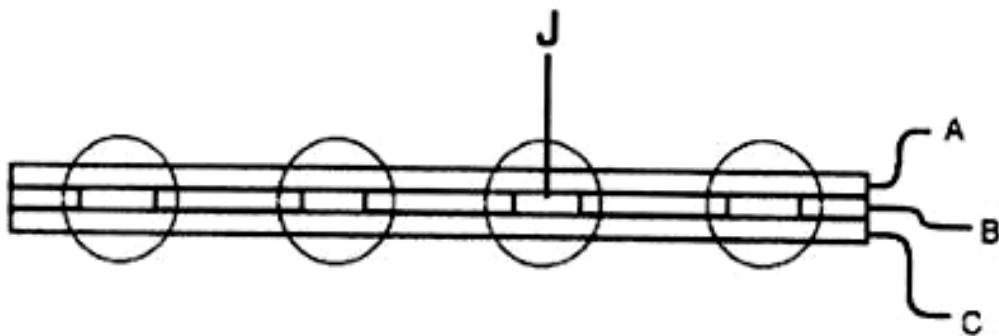
(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến kênh dẫn sóng plasmon lai. Kênh dẫn sóng plasmon lai bao gồm một kênh điện môi chỉ số cao, phía trên đỉnh kênh điện môi chỉ số cao này có một lớp điện môi chỉ số thấp và một lớp kim loại bên trên lớp điện môi chỉ số thấp này. Sóng plasmon sẽ được dẫn trong lớp điện môi chỉ số thấp. Kênh điện môi chỉ số cao có thể là dạng hình thang đơn giản hoặc kênh dạng hình thang có đế phía dưới. Kênh điện môi chỉ số cao cũng có thể là dạng hình bán nguyệt đơn giản hoặc kênh dạng hình bán nguyệt có đế phía dưới. Kênh điện môi chỉ số cao có thể được chế tạo bằng kỹ thuật khắc, ăn mòn dị hướng hoặc ăn mòn khô. Lớp điện môi chỉ số thấp được tạo bằng phương pháp oxy hóa hoặc lắng đọng vật lý hoặc hóa học. Lớp kim loại có thể được lắng đọng khi sử dụng phương pháp lắng đọng vật lý như phún xạ, bốc bay. Chiều rộng của lớp điện môi chỉ số thấp và lớp kim loại có thể có chiều rộng khác nhau và nhỏ hơn kích thước cạnh trên của kênh điện môi chỉ số cao. Kênh điện môi chỉ số cao có thể sử dụng các vật liệu điện môi khác hoặc vật liệu có tính chất khuếch đại quang.



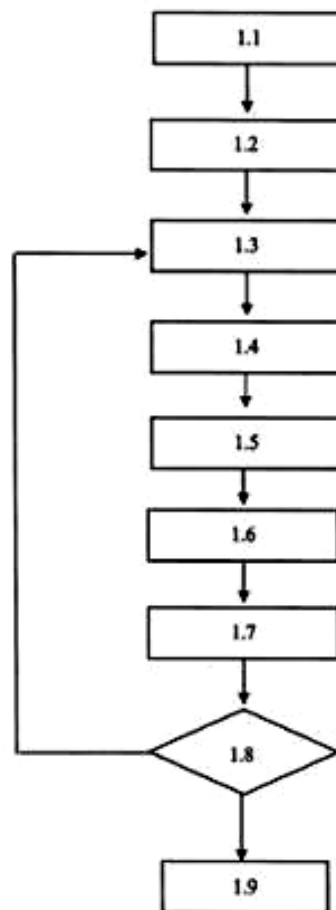
- (11) **2-0002364 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
- (21) 2-2019-00302
(22) 19/04/2017
(51) *C07C 7/144; C07F 3/06; C07F 15/06; B01J 20/22*
(67) 1-2017-01439
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)**
Số 1, Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- (72) Tạ Ngọc Đôn (VN); Trịnh Xuân Bái (VN); Tạ Ngọc Hùng (VN); Lê Thị Như Quỳnh (VN); Nguyễn Khánh Diệu Hồng (VN); Lê Văn Dương (VN); Nguyễn Thị Linh (VN)
- (54) **PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP MESO NANO-ZIF-8 TRONG ĐIỀU KIỆN KHÔNG KHUẤY TRỘN**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến phương pháp tổng hợp vật liệu meso nano ZIF-8 từ kẽm nitrat hexahydrat và 2-metylimidazol trong dung môi metanol với quy trình công nghệ đơn giản nhưng ổn định trong điều kiện thường, không khuấy trộn.
Công đoạn kết tinh được tiến hành ở nhiệt độ 50°C, áp suất khí quyển, thời gian kết tinh 6 giờ. Sản phẩm meso nano ZIF-8 thu được có độ tinh thể đạt 92 đến 100%, kích thước tinh thể 30-115 nm, bề mặt riêng (theo BET) đạt 1212-1570 m²/g, chứa mao quản trung bình dạng H1 tập trung trong khoảng 2,6-3,8 nm, bền ở nhiệt độ từ 436 đến 568°C trong không khí và hiệu suất đạt từ 48,0 đến 61,2%.

- (11) **2-0002365 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43)
- (21) 2-2019-00343
(22) 13/10/2017
(51) **C04B 14/06**; C04B 14/04
(67) 1-2017-04061
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)**
Số 1, Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
(72) Vũ Hoàng Tùng (VN)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT HỖN HỢP XI MĂNG CHỨA CÁT TỰ NHIÊN
ĐÃ NGHIÊN MỊN**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập tới phương pháp sản xuất hỗn hợp xi măng chứa cát tự nhiên đã nghiền mịn, phương pháp này bao gồm các bước:
(a) trộn đều cát tự nhiên, clinke xi măng và chất phụ gia điều chỉnh để thu được hỗn hợp, và
(b) nghiền mịn hỗn hợp thu được ở bước (a) đến cỡ hạt nhỏ hơn 90 μ m để thu được hỗn hợp xi măng chứa cát tự nhiên đã nghiền mịn;
trong đó tỷ lệ khối lượng cát tự nhiên/clinke xi măng = 1/1.

- (11) **2-0002366 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/07/2018 364A
(21) 2-2018-00045
(22) 02/02/2018
(51) **A43B 23/00**
(73) **CÔNG TY TNHH GIAI KHÁNH (VN)**
Số 9C, đường An Dương Vương, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh
(72) LU, SHIH - NENG (TW)
(54) **PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT MẶT GIÀY VÀ LÓT ĐỆM GIÀY BẰNG TIA LAZE**
- (57) Phương pháp sản xuất mặt giày và lót đệm giày bao gồm các công đoạn sau: dán lớp màng keo lên mặt dưới lớp vải lưới và lớp vải lưới ba lớp hoặc lớp mút đàn hồi/mút nhựa nhiệt dẻo/mút lõi định hình; cắt lớp vải lưới ba lớp hoặc lớp mút đàn hồi/mút nhựa nhiệt dẻo/mút lõi định hình đã dán lớp màng keo bằng tia laze; loại bỏ phần không sử dụng của lớp vải lưới ba lớp hoặc lớp mút đàn hồi/mút nhựa nhiệt dẻo/mút lõi định hình đã được cắt bằng tia laze để tạo mẫu hình vẽ; ép nhiệt các lớp theo thứ tự từ trên xuống gồm lớp vải lưới đã dán lớp màng keo, lớp vải lưới ba lớp hoặc mút đàn hồi/mút nhựa nhiệt dẻo/mút lõi định hình đã dán lớp màng keo và tạo mẫu hình vẽ và lớp vải lót.



- (11) **2-0002367 B** (15) 16/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/03/2018 360A
(21) 2-2016-00317
(22) 14/09/2016
(51) **G06F 16/951**
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (VN)**
268 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(72) Đặng Trần Khánh (VN); Nguyễn Thanh Tùng (VN); Trương Quang Hải (VN); Lê Thị Bảo Thu (VN)
(54) **PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU TỰ ĐỘNG TỪ CÁC TRANG WEB THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**
(57) Giải pháp hữu ích này thuộc lĩnh vực Khoa học Máy tính, ứng dụng vào các hệ thống rút trích thông tin tự động từ các trang web thương mại điện tử. Phương pháp được đề xuất trong giải pháp hữu ích bao gồm bảy (7) bước nối tiếp nhau, nhằm mục tiêu giả lập hành vi thông thường của người sử dụng. Phương pháp này đem lại nhiều lợi ích như hạn chế việc thay đổi, giả lập các địa chỉ IP khi bị trang chủ khóa (block). Ngoài ra, phương pháp này còn kết hợp sử dụng nhiều máy khách dưới sự giám sát, điều phối của máy chủ nhằm tối ưu hóa thời gian rút trích, đảm bảo được độ tin cậy. Vì thế, giải pháp hữu ích được đề xuất có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, phục vụ cho mục đích phân tích, hỗ trợ ra quyết định trong các chiến dịch kinh doanh ngày nay.



(11) **2-0002368 B**

(15) 16/06/2020

(45) 27/07/2020

388B

(43)

(21) 2-2020-00047

(22) 04/02/2020

(51) **F41A 19/01; F41A 19/02**

(67) 1-2017-05309

(73) **TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VN)**

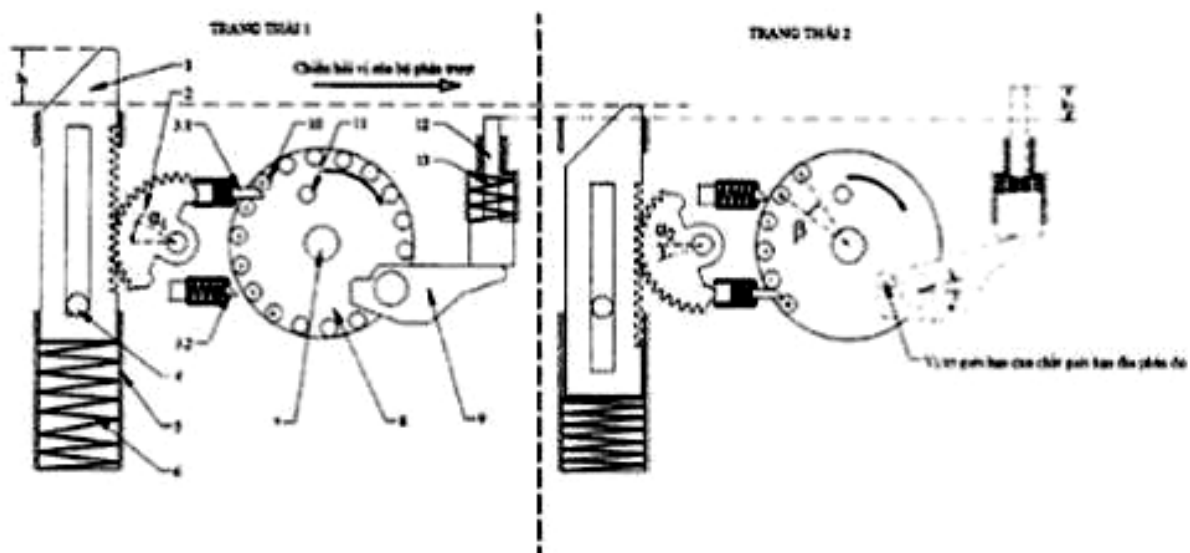
Số 1 đường Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

(72) Phạm Ngọc Chung (VN); Dương Anh Trà (VN); Lê Thế Anh (VN); Hà Văn Đức (VN)

(74) Công ty TNHH Tư vấn Quốc Dân (NACI CO., LTD)

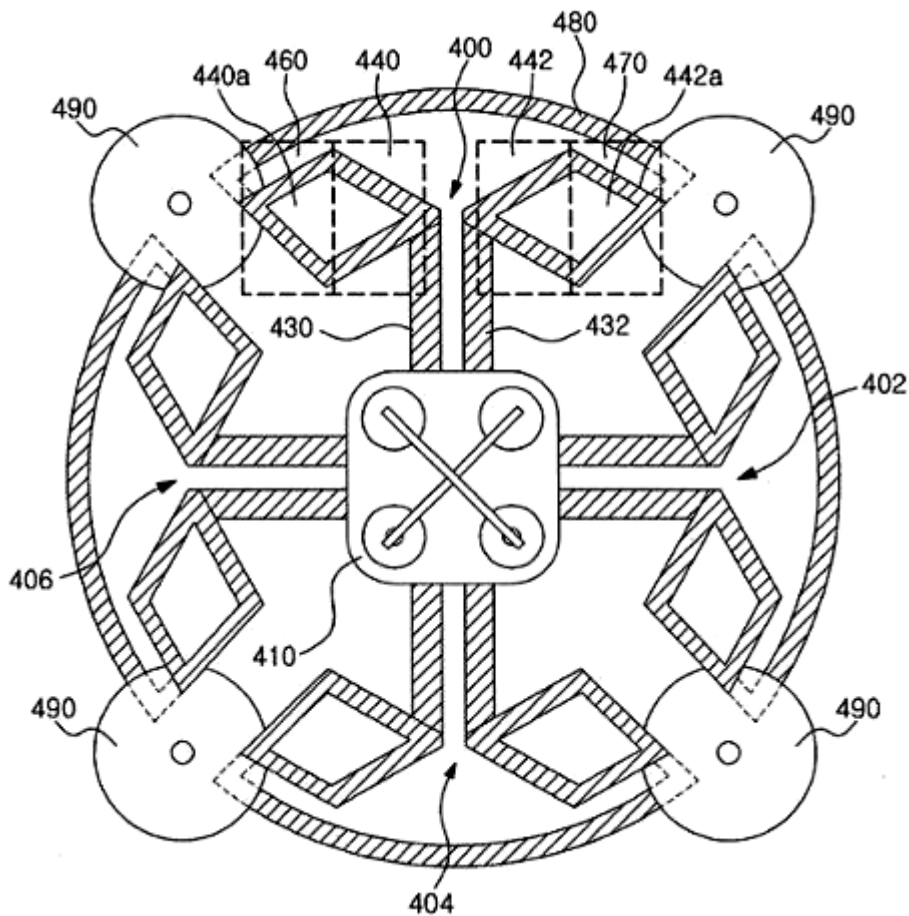
(54) **CƠ CẤU CƠ KHÍ ĐẾM SỐ LẦN BẮN TỰ ĐỘNG**

(57) Giải pháp hữu ích đề xuất đến cơ cấu cơ khí đếm số lần bắn tự động sử dụng trong các súng mô phỏng bao gồm bộ phận tiếp nhận chuyển động, bộ phận chuyển hóa chuyển động, bộ phận thực hiện chuyển động. Trong đó, bộ phận tiếp nhận chuyển động bao gồm thanh răng, vành răng, lò xo, rãnh dẫn hướng, chốt giới hạn thanh răng, và được tạo kết cấu để tiếp nhận chuyển động của bộ phận trượt trong súng; bộ phận chuyển hóa chuyển động gồm chốt đẩy trục đĩa phân độ, đĩa phân độ, chốt phân độ, chốt giới hạn đĩa phân độ, và được tạo kết cấu để chuyển hóa chuyển động tịnh tiến sang chuyển động quay của đĩa phân độ; bộ phận thực hiện chuyển động bao gồm thanh đẩy, chốt khóa nòng và lò xo chốt khóa nòng, và được tạo kết cấu để hợp với bộ phận chuyển hóa chuyển động tạo ra chuyển động chính xác của chốt đẩy lên phía trên khi đĩa phân độ quay đủ số vòng.



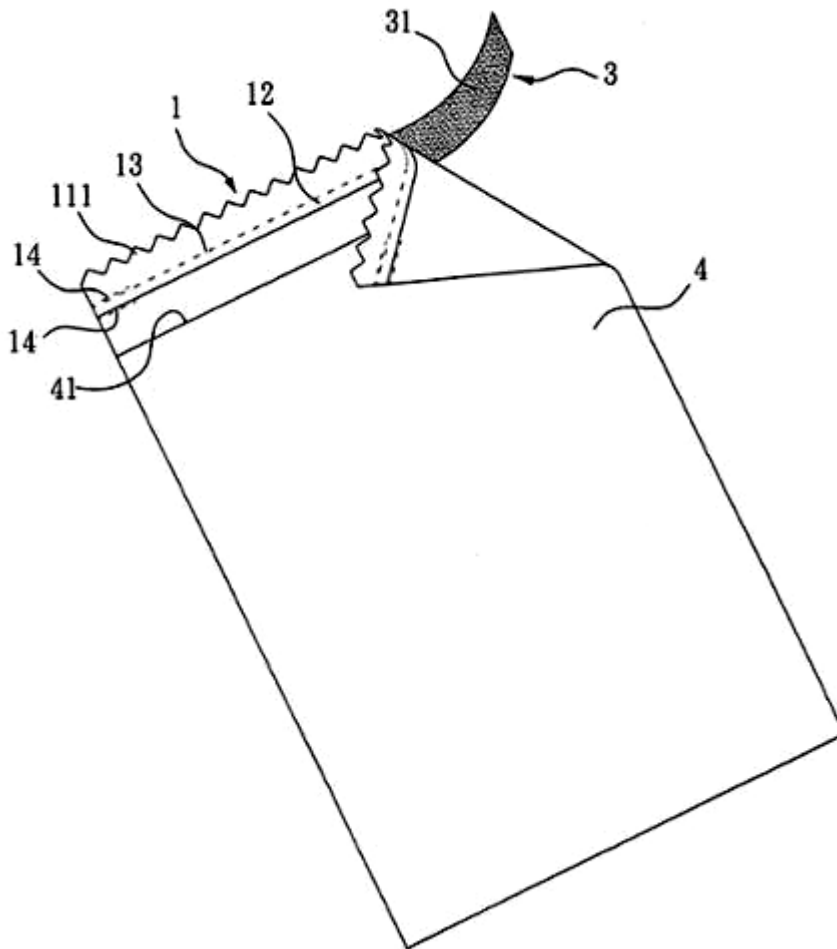
- (11) 2-0002369 B (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2017 354A
 (21) 2-2016-00081
 (22) 15/03/2016
 (51) *H01Q 21/00; H01Q 1/46*
 (73) Công ty TNHH ACE ANTENNA (ACE ANTENNA CO., LTD) (VN)
 Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
 (72) Jae Hoon TAE (KR); Seung Chul LEE (KR)
 (74) Công ty TNHH Trà và cộng sự (TRA & ASSOCIATES CO.,LTD)
 (54) **BỘ BỨC XẠ ĂNG TEN CỦA TRẠM CƠ SỞ BĂNG RỘNG**

- (57) Sáng chế đề cập đến bộ bức xạ ăng ten trạm cơ sở băng rộng. Bộ bức xạ bao gồm phần cấp và nhiều bộ phận bức xạ được cấu tạo để nhận tín hiệu cấp cung cấp từ phần cấp, trong đó mỗi bộ phận bức xạ bao gồm phần dẫn thứ nhất được cấp tín hiệu (+) từ phần cấp, và phần dẫn thứ hai được cấp tín hiệu (-) từ phần cấp. Bộ bức xạ ăng ten cho trạm cơ sở bao gồm thêm bộ phận nối và nền điện môi, trong đó bộ phận nối nối phần thu hẹp vào thứ nhất và phần thu hẹp vào thứ hai, và trong đó nền điện môi được đặt giữa các bộ phận bức xạ. Bộ bức xạ đã bộc lộ có ưu điểm là thuộc tính băng rộng có thể đạt được bằng cách sử dụng kết cấu đơn giản.



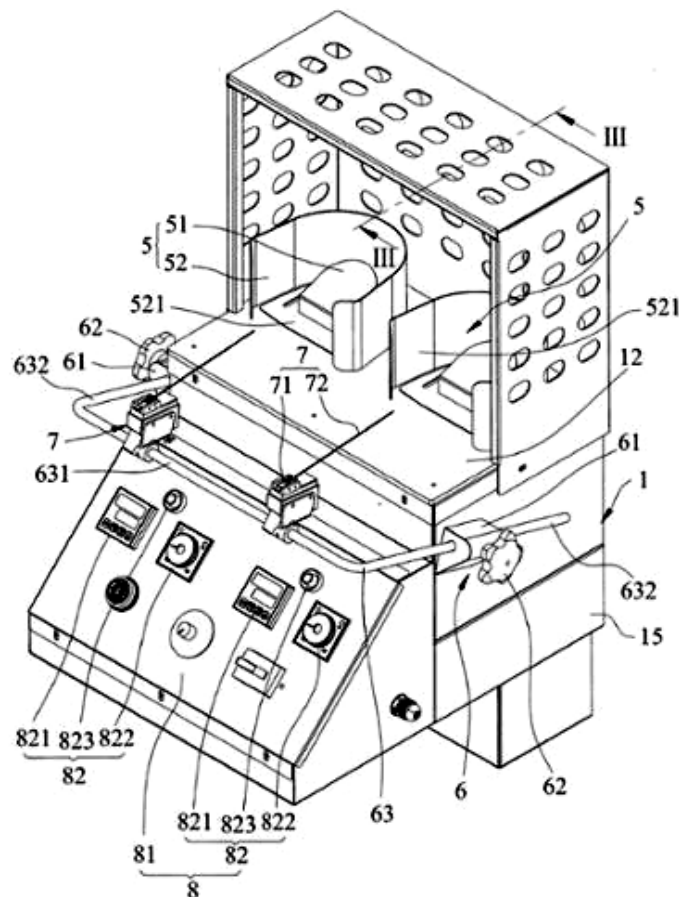
- (11) **2-0002370 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2018 366A
(21) 2-2018-00255
(22) 12/11/2015
(51) **C12N 1/00; C12R 1/125; A61K 35/66**
(67) 1-2018-03209
(73) **VIỆN VI SINH VẬT VÀ CÔNG NGHỆ SINH HỌC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)**
Nhà E2 - 144 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Dương Văn Hợp (VN); Hoàng Văn Vinh (VN); Trịnh Thị Vân Anh (VN)
(74) Công ty TNHH Sáng chế ACTIP (ACTIP PATENT LIMITED)
(54) **CHẾ PHẨM PROBIOTIC CHỨA CHỦNG VI KHUẨN BACILLUS SUBTILIS VTCC-B-51 THUẦN KHIẾT VỀ MẶT SINH HỌC**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến chế phẩm probiotic chứa chủng vi khuẩn *Bacillus subtilis* VTCC-B-51 thuần khiết về mặt sinh học được phân lập từ đường tiêu hóa của lợn, được dùng làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp dược phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng và thức ăn chăn nuôi, trong đó chủng vi khuẩn VTCC-B-51 theo giải pháp hữu ích có khả năng tổng hợp các enzym tiêu hóa CMCaza, proteaza, α -amylaza với hoạt tính cao và có khả năng kháng tất cả các vi sinh vật bao gồm *E. Coli*, *Micrococcus* sp., *Candida* sp., *Fusarium* sp..

- (11) 2-0002371 B (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/06/2018 363A
(21) 2-2016-00420
(22) 01/12/2016
(51) *B65D 33/00; B65D 33/16*
(76) **LIN, SHIH-FONG** (TW)
No. 79, Cheng Yi Street, San Hsia Dist., New Taipei City, Taiwan
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ ALNGUYEN (ALNGUYEN IP CO.,LTD.)
(54) **CƠ CẤU ĐÓNG/MỞ NHANH GIÚP TÚI NI LÔNG THUẬN TIỆN CHO SỬ DỤNG NHIỀU LẦN**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến một loại cơ cấu đóng/mở nhanh giúp túi ni lông thuận tiện cho việc sử dụng nhiều lần, trong đó cơ cấu này gồm bộ phận rời (1) có dạng sợi dài, dọc theo độ dài của nó có một đường để xé (13), và ở một mặt của bộ phận rời (1) có dán băng keo hai mặt (2), qua đó băng keo hai mặt (2) của bộ phận rời (1) được dán dính vào mặt trong nắp túi (40) của túi ni lông (4), giúp cho nắp túi (40) có thể dán lên túi ni lông (4); ngoài ra, ở mặt bên ngoài miệng túi (41) của túi ni lông (4) có dán băng keo gia cố (3), khi muốn mở nắp túi (40) của túi ni lông (4), chỉ cần xé đường để xé (13) là có thể mở được nắp túi (40) ra.



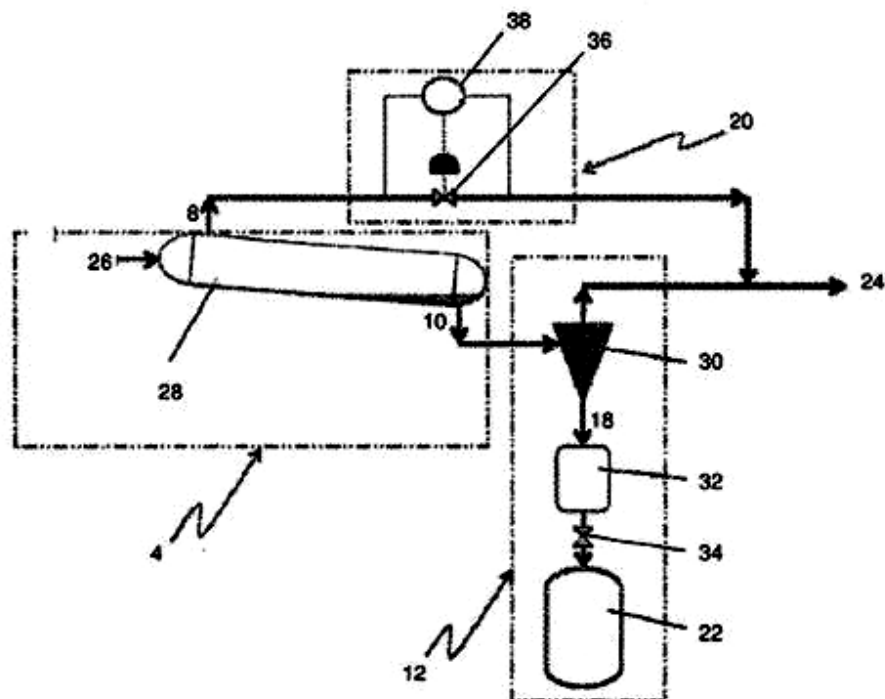
- (11) **2-0002372 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/12/2015 333A
 (21) 2-2014-00161
 (22) 12/06/2014
 (51) **A43D 25/20**
 (73) **NEW YU MING MACHINERY CO., LTD. (TW)**
 No. 163, Fu-Tai St., Wu-Jih Dist., Taichung City, Taiwan
 (72) Hou-Chung TSENG (TW)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **MÁY HOẠT HÓA MŨ GIÀY**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến máy hoạt hoá mũ giày bao gồm đế (1), các thiết bị gia nhiệt (2), các quạt (4) và các thiết bị định vị (5). Đế (1) được tạo ra có các cửa thoát không khí (131), và có các ngăn gia nhiệt riêng rẽ (13) trong đó mà lần lượt nối thông với các cửa thoát không khí (131). Đế (1) còn có nhiều cửa cấp không khí (132) lần lượt nối thông với các ngăn gia nhiệt (13). Mỗi thiết bị gia nhiệt (2) được bố trí trong mỗi ngăn gia nhiệt tương ứng (13). Mỗi quạt (4) được bố trí để hút không khí môi trường vào trong ngăn gia nhiệt (13) tương ứng thông qua cửa cấp không khí (132) tương ứng. Mỗi thiết bị định vị (5) bao gồm khuôn mẫu (51) đục lỗ che theo cách mở được cửa thoát không khí (131) tương ứng. Không khí được hút vào mỗi ngăn gia nhiệt (13) được gia nhiệt bởi thiết bị gia nhiệt (2) tương ứng và đi ra khỏi khuôn mẫu (51) tương ứng để gia nhiệt vật liệu làm mũ giày đặt trên khuôn mẫu (51).



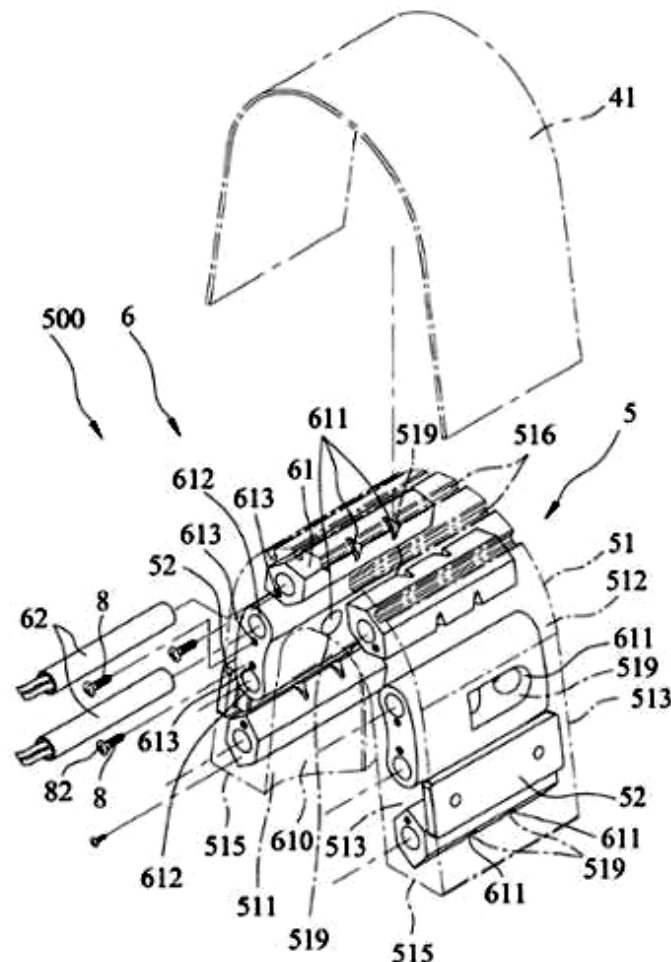
- (11) **2-0002373 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 26/09/2016 342A
 (21) 2-2016-00250 (85) 18/07/2016
 (22) 16/12/2014 (86) PCT/MY2014/050016 16/12/2014
 (30) PI2013004554 18/12/2013 MY (87) WO2015/093935 25/06/2015
 (51) **E21B 43/34; B01D 45/12; B04C 9/00; B01D 21/26; B04C 5/24**
 (73) 1. **NGLTECH SDN. BHD.** (MY)
 90A, 1st Floor Jalan Burhanuddin Helmi, Taman Tun Dr. Ismail, Kuala Lumpur,
 60000, Malaysia
 2. **PETROLIAM NASIONAL BERHAD (PETRONAS)** (MY)
 Tower 1, Petronas Twin Towers, Kuala Lumpur City Centre, Kuala Lumpur, 50088,
 Malaysia
 (72) Arul JOTHY (MY); Rashid SERAKAWI (MY); Shahrul Azman B ZAINAL
 ABIDIN (MY); Chin Kiat SEE (MY)
 (74) Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực (TRUNG THUC.,JSC)
 (54) **HỆ THỐNG TÁCH CÁT NHIỀU PHA**

(57) Giải pháp hữu ích đề xuất hệ thống tách cát nhiều pha bao gồm ống giãn nở để ổn định dòng, với cửa nạp để tiếp nhận nguyên liệu nhiều pha, cửa xả thứ nhất dành cho khí và cửa xả thứ hai dành cho chất lỏng và/hoặc các chất rắn; và bộ loại cát kiểu xoáy có cửa nạp để tiếp nhận nguyên liệu từ cửa xả thứ hai của ống giãn nở, cửa xả thứ nhất dành cho chất lỏng và cửa xả thứ hai dành cho chất rắn; khác biệt ở chỗ bộ điều khiển áp lực van được lắp để duy trì áp suất chênh lệch giữa cửa xả thứ nhất của ống giãn nở và cửa xả thứ nhất của bộ loại cát kiểu xoáy, nhờ đó đảm bảo rằng áp suất chênh lệch ngang qua bộ loại cát kiểu xoáy được duy trì ở mức độ sụt áp suất cho trước cố định, bất kể chế độ dòng, tăng áp và tăng dòng và lưu tốc, đảm bảo hệ thống này vận hành liên tục và nhất quán ở trị số loại bỏ cát cao nhất của nó.



- (11) **2-0002374 B** (15) 18/06/2020
 (45) 27/07/2020 388B (43) 25/11/2016 344A
 (21) 2-2015-00112
 (22) 05/05/2015
 (51) **A43D 11/12**
 (73) **NEW YU MING MACHINERY CO., LTD.** (TW)
 No. 163, Fu-Tai St., Wu-Jih Dist., Taichung City, Taiwan
 (72) Hou-Chung TSENG (TW); Hsin-Ming TSENG (TW)
 (74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
 (54) **CƠ CẤU KHUÔN DẬP NÓNG ĐƯỢC LÀM THÍCH ỨNG ĐỂ SỬ DỤNG VỚI CỐT GIÀY TRONG MÁY TẠO HÌNH GÓT GIÀY**

- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến cơ cấu khuôn dập nóng được làm thích ứng để sử dụng với cốt giày (332) trong máy tạo hình gót giày (3) để tạo hình của mũi giày để tạo ra gót giày. Cơ cấu khuôn dập nóng bao gồm cụm khuôn dập (5) và bộ gia nhiệt (6). Cụm khuôn dập (5) bao gồm khuôn đàn hồi dạng hình chữ U ngược (51) có phần dạng mũ miện (517) và hai phần chân đối diện (518) mà kéo dài tương ứng và xuống dưới từ hai đầu đối diện của phần dạng mũ miện (517). Bộ gia nhiệt (6) bao gồm hai bộ dẫn nhiệt (60), mỗi bộ dẫn nhiệt có ít nhất hai chi tiết dẫn nhiệt cách quãng (61) và các chi tiết gia nhiệt (62) để gia nhiệt một trong số các chi tiết dẫn nhiệt (61) tương ứng và khuôn (51) để tạo hình mũi giày bằng cách dập nóng.

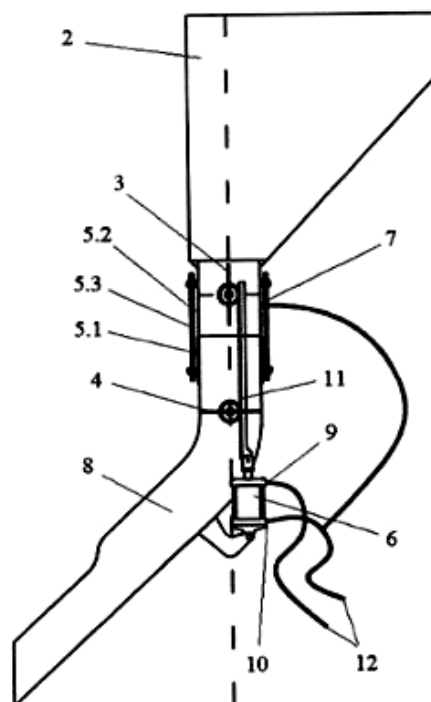


- (11) **2-0002375 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/11/2018 368A
(21) 2-2018-00303
(22) 14/08/2018
(51) **C12N 1/14**
(73) **VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC (VN)**
18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Lê Thị Minh Thành (VN); Hoàng Thị Hồng Anh (VN); Nguyễn Phương Nhuệ (VN)
(54) **CHŨNG VI NẤM FUSARIUM SP. RSP5.2 THUẦN KHIẾT VỀ MẶT SINH HỌC CÓ KHẢ NĂNG SINH TỔNG HỢP HOẠT CHẤT HUPERZIN A**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến chủng vi nấm *Fusarium* sp. Rsp5.2 thuần khiết về mặt sinh học được phân lập từ rễ cây Thạch tùng răng cưa (*Huperzia serrata*) phân bố tại Sa Pa, Lào Cai, Việt Nam, trong đó chủng này có khả năng sinh tổng hợp hoạt chất huperzin A với hàm lượng đạt 0,0194mg/L dịch lên men trong môi trường PDB-I và mang trình tự ADN vùng ITS1-5,8S-ITS2 có độ dài 533bp được nêu trong SEQ ID NO:1. Huperzin A là chất có tác dụng trong việc điều trị bệnh rối loạn trí nhớ, đặc biệt là bệnh Alzheimer.

- (11) **2-0002376 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/11/2018 368A
(21) 2-2018-00302
(22) 14/08/2018
(51) **C12N 1/14**
(73) **VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC (VN)**
18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Lê Thị Minh Thành (VN); Hoàng Thị Hồng Anh (VN); Chu Hoàng Hà (VN)
(54) **CHŨNG VI NẤM *PENICILLIUM RETICULISPORUM* TSP41 THUẦN
KHIẾT VỀ MẶT SINH HỌC CÓ KHẢ NĂNG SINH TỔNG HỢP HOẠT
CHẤT HUPERZIN A**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến chủng *Penicillium reticulisporum* Tsp41 phân lập từ thân cây Thạch tùng răng cưa (*Huperzia serrata*) phân bố tại Sa Pa, Lào Cai, Việt Nam, trong đó chủng này có khả năng sinh tổng hợp hoạt chất huperzin A với hàm lượng đạt 0,0341mg/L dịch lên men trong môi trường PDB-I và mang trình tự ADN vùng ITS1-5,8S-ITS2 có độ dài 543bp được nêu trong SEQ ID NO:1. Huperzin A có tác dụng trong việc điều trị bệnh rối loạn trí nhớ, đặc biệt là bệnh Alzheimer.

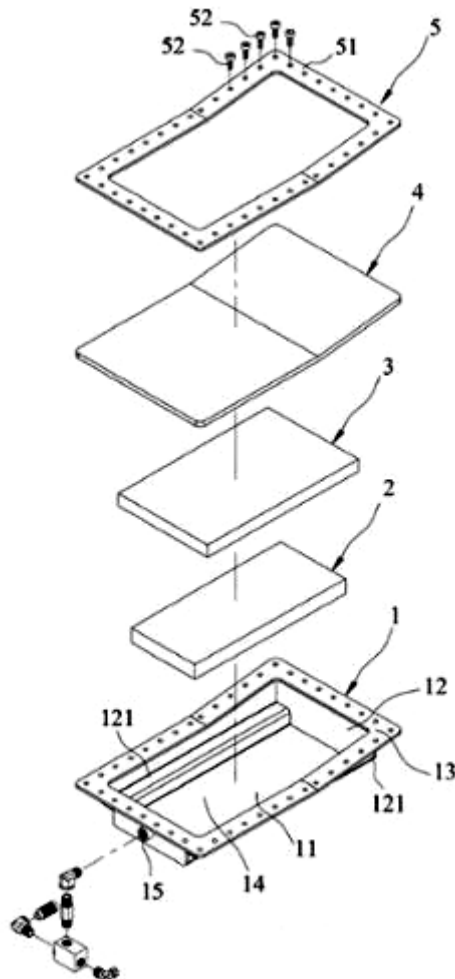
- (11) **2-0002377 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 26/11/2018 368A
(21) 2-2018-00301
(22) 14/08/2018
(51) **C12N 1/14**
(73) **VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC (VN)**
18 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
(72) Lê Thị Minh Thành (VN); Hoàng Thị Hồng Anh (VN); Đồng Văn Quyền (VN)
(54) **CHŨNG VI NẤM XYLARIA SP. TSP20 THUẦN KHIẾT VỀ MẶT SINH HỌC
CÓ KHẢ NĂNG SINH TỔNG HỢP HOẠT CHẤT HUPERZIN A**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến chủng *Xylaria* sp. Tsp20 phân lập từ thân cây Thạch tùng răng cưa (*H. serrata*) phân bố tại Sa Pa, Lào Cai, Việt Nam, trong đó chủng này có khả năng sinh tổng hợp hoạt chất huperzin A với hàm lượng đạt 0,0373mg/L dịch lên men trong môi trường PDB-I và mang trình tự ADN vùng ITS 1-5,8S-ITS2 có độ dài 560bp được nêu trong SEQ ID NO:1. Huperzin A có tác dụng trong việc điều trị bệnh rối loạn trí nhớ, đặc biệt là bệnh Alzheimer.

- (11) **2-0002378 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/06/2016 339A
(21) 2-2015-00178
(22) 29/06/2015
(51) **G01G 16/18; B65G 53/16; G01G 13/06**
(73) **LƯƠNG XUÂN CHIỀU (VN)**
B10-H2, Tập thể Đại học Giao thông, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
(72) Lương Xuân Chiều (VN); Lã Văn Chăm (VN); Cù Việt Hùng (VN)
(74) Công ty TNHH Tư vấn A & S (A&S CO.,LTD)
(54) **THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG CẤP PHỤ GIA DẠNG HẠT CHO TRẠM TRỘN BÊ TÔNG**
(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến thiết bị tự động cấp phụ gia dạng hạt bao gồm máng dẫn phụ gia, van chặn trên, van chặn dưới, khoang định lượng, pittông khí, van thổi khí, ống dẫn phụ gia, van xả khí, van nạp khí, thanh điều khiển và dây nén khí. Trong đó, khoang định lượng bao gồm khoang trên và khoang dưới được tạo kết cấu có dạng ống lồng, sao cho khoang trên và khoang dưới có thể thay đổi vị trí tương đối với nhau nhờ các tầng đỡ được bố trí bên ngoài khoang trên và khoang dưới, nhờ đó khoang định lượng có thể kéo dài ra hoặc thu ngắn lại, hay nói theo một cách khác, khoang định lượng có thể dễ dàng thay đổi thể tích nhờ việc điều chỉnh các tầng đỡ. Khoang trên và khoang dưới lần lượt có bố trí van chặn trên và van chặn dưới, sao cho van chặn trên và van chặn dưới có thể chặn hoặc giải phóng một lượng phụ gia nhất định vào ống dẫn phụ gia. Van chặn trên và van chặn dưới được tự động đóng mở bởi pittông khí nhờ thanh điều khiển. Do van chặn trên được bố trí ở khoang trên và van chặn dưới được bố trí ở khoang dưới, nên khi thay đổi vị trí tương đối giữa khoang trên và khoang dưới sẽ khiến cho lượng phụ gia cấp vào trạm trộn bê tông bị thay đổi, điều đó cũng có nghĩa là việc điều chỉnh mức phụ gia cần được cấp vào trạm trộn bê tông trở nên dễ dàng chỉ nhờ thao tác điều chỉnh các tầng đỡ.



- (11) **2-0002379 B** (15) 18/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 27/06/2016 339A
(21) 2-2014-00328
(22) 01/12/2014
(51) **A43D 35/00**
(73) **NEW YU MING MACHINERY CO., LTD.** (TW)
No. 163, Fu-Tai St., Wu-Jih Dist., Taichung City, Taiwan
(72) Hou-Chung TSENG (TW)
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)
(54) **CƠ CẤU ĐỠ ĐỂ GIÀY DÙNG CHO MÁY ÉP ĐÉ GIÀY**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến cơ cấu đỡ đế giày gồm có tấm đỡ (1), đệm đế (2), đệm xốp mềm dẻo (3), đệm đỡ đế mềm dẻo (4) và cụm khóa (5). Tấm đỡ (1) gồm có thành đáy (11), thành bao (12) cùng với thành đáy tạo ra khoảng chứa (14) và được tạo ra có lỗ thoáng khí (15) để nạp không khí vào trong khoảng chứa (14) qua đó, và vành kẹp (13) nhô từ mép trên của thành bao (12) ra ngoài. Đệm đế (2) được bố trí trong khoảng chứa (14) và được đặt ở thành đáy (11). Đệm xốp mềm dẻo (3) được bố trí trong khoảng chứa (14) và được đặt chồng lên trên đệm đế (2). Đệm đỡ đế mềm dẻo (4) được bố trí trên vành kẹp (13) và che khoảng chứa (14). Cụm khóa (5) được bố trí để khóa đệm đỡ đế mềm dẻo (4) vào vành kẹp (13).



(11) **2-0002380 B**

(15) 22/06/2020

(45) 27/07/2020

388B

(43)

(21) 2-2020-00089

(22) 19/01/2016

(51) **C25D 17/10; C25D 21/08**

(67) 1-2016-00240

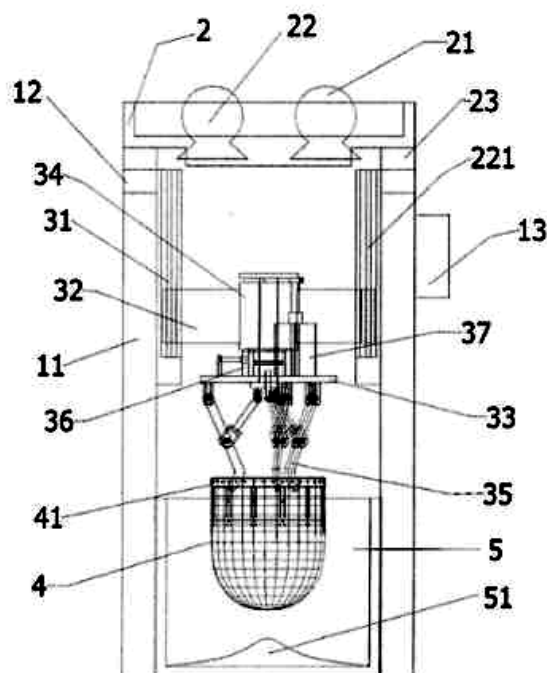
(73) **CÔNG TY TNHH VIỆT NHẤT 3 (VN)**

Thửa Đất 469, đường ĐT 747B, tổ 6, khu phố Khánh Vân, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

(72) Kỹ Minh Du (VN)

(54) **THIẾT BỊ NÂNG HẠ ĐỂ GIA CÔNG BỀ MẶT KIM LOẠI TRƯỚC HOẶC SAU GIAI ĐOẠN MẠ**

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến thiết bị nâng hạ để gia công bề mặt kim loại trước hoặc sau giai đoạn mạ, thiết bị này bao gồm: khung (1), bộ đỡ gá (2), bộ gá nâng hạ (3), lưới chứa (4) và các thùng chứa (5), trong đó khung (1) có các trụ đứng (11) và khung ngang (12) để bố trí cho bộ đỡ gá (2) di chuyển theo phương nằm ngang, phía dưới bộ đỡ gá (2) được liên kết với bộ gá nâng hạ (3), lưới chứa (4) được treo trên các móc treo cơ giới (35) gắn cố định trên bộ gá nâng hạ (3) và dùng để chứa các chi tiết kim loại, lưới chứa (4) gồm khung lưới chứa (41) có cấu tạo dạng khung hình trụ tròn với phần bên trong khung là rỗng và mặt xung quanh khung hình trụ có các khoảng trống, bao quanh khung lưới chứa (41) là lưới chứa (4) có dạng lưới và nhiều lỗ li ti ở bề mặt để dung dịch hóa chất trong thùng chứa có thể lưu thông qua các lỗ này và qua các khe hở giữa các chi tiết kim loại khi lưới chứa (4) nhúng xuống thùng chứa (5) và chạm đến khối lõi trái vật liệu (51) dưới đáy thùng chứa (5), vật liệu được sử dụng để làm lưới chứa (4) thường là các vật liệu phi kim loại như nhựa hoặc vải dệt; bên dưới khung (1) và lưới chứa (4) là các thùng chứa (5) được dùng để chứa các dung dịch để xử lý vật liệu có trong lưới chứa (4).



- (11) **2-0002381 B** (15) 22/06/2020
(45) 27/07/2020 388B (43) 25/09/2017 354A
(21) 2-2016-00072
(22) 09/03/2016
(51) **C12Q 1/68**
(73) **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)**
334 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
(72) Võ Thị Thương Lan (VN)
(54) **QUY TRÌNH THỰC HIỆN PHẢN ỨNG ARMS-PCR ĐA MÔI ĐỂ PHÁT HIỆN ĐỒNG THỜI 4 LOẠI ĐỘT BIẾN Ở CÁC MÃ DI TRUYỀN 17, 26, 41/42 VÀ 95 CỦA GEN BETA GLOBIN GÂY BỆNH THIẾU MÁU BETA THALASSEMIA**
- (57) Giải pháp hữu ích đề cập đến quy trình thực hiện ứng PCR đa môi để phát hiện 4 loại đột biến ở các mã di truyền 17, 26, 41/42 và 95 trên gen *beta globin* bao gồm các bước: a) Thiết kế môi cho phản ứng ARMS-PCR đa môi đặc hiệu cho nucleotit đột biến xảy ra trên gen *beta globin* sử dụng phần mềm thiết kế truy cập miễn phí trên internet và dựa vào trình tự nucleotit từ vị trí 62.041 đến 62.820 của gen *beta globin* (HBB) mã số U01317.1 trong ngân hàng dữ liệu DataBank; và b) Thực hiện phản ứng PCR bằng cách kết hợp tất cả các môi với nhau trong cùng một phản ứng ARMS-PCR đa môi. Quy trình này đã thiết kế được các môi đặc hiệu để sử dụng trong phản ứng PCR đa môi nhằm mục đích sàng lọc được người mang gen *beta globin* bị đột biến ở các mã di truyền 17, 26, 41/42 và 95 trong cùng một phản ứng PCR. Việc sử dụng các môi này trong một phản ứng giúp tiết kiệm chi phí và thời gian, thao tác đơn giản có độ ổn định cao.

PHẦN III

**SỬA ĐỔI, DUY TRÌ, CẤP LẠI, CHẤM DỨT, HỦY BỎ VĂN BẰNG BẢO HỘ
QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

1 - SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Sáng chế

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ BẰNG LIÊN QUAN
1	6131w/QĐ-SHTT	26/05/2020	SB1-2020-00522	1-0005607
2	7232w/QĐ-SHTT	12/06/2020	SB1-2020-00077	1-0015517 1-0021847
3	7257w/QĐ-SHTT	12/06/2020	SB1-2020-00792	1-0018180
4	7263w/QĐ-SHTT	12/06/2020	SB1-2020-00118	1-0019636

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6131w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 20.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Số đơn: SB1-2020-00522

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: Đỗ Văn Trường (VN)

Địa chỉ: Tổ 1, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế số 5607 cấp ngày 17/04/2006 như sau:

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng bảo hộ

Nội dung mới:

Đỗ Văn Trường (VN)

Tổ 1, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

Điều 2. Ghi nhận nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sở đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7232w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 20.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Số đơn: SB1-2020-00077 Ngày nộp: 14/01/2020

Chủ đơn: PTTGC Innovation America Corporation (US)

Địa chỉ: 42 Cummings Park, Woburn, MA 01801, United States of America

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi 02 Bằng độc quyền sáng chế (Danh sách kèm theo) như sau:

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng bảo hộ

Nội dung mới:

PTTGC Innovation America Corporation (US)

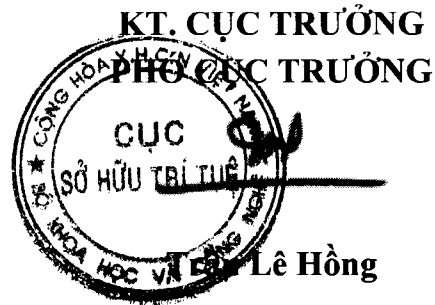
42 Cummings Park, Woburn, MA 01801, United States of America


Điều 2. Ghi nhận nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sở đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



**Đăng sách Bằng độc quyền sáng chế**
được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 7232w/QĐ-SHTT ngày 12/06/2020

STT	Văn bằng bảo hộ	Ngày cấp
1	15517	24/05/2016
2	21847	03/09/2019

Tổng số: 02 Văn bằng bảo hộ.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7257w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 20.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Số đơn: SB1-2020-00792

Ngày nộp: 12/05/2020

Chủ đơn: KThepower Inc (KR)

Địa chỉ: 2nd Floor, Rodem2 Bldg, 12 Seolleung-ro 131Gil, Gangnam-gu, Seoul 06059, Republic of Korea

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế số 18180 cấp ngày 02/01/2018 như sau:

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng bảo hộ

Nội dung mới:

KThepower Inc. (KR)

2nd Floor, Rodem2 Bldg, 12 Seolleung-ro 131Gil, Gangnam-gu, Seoul 06059,

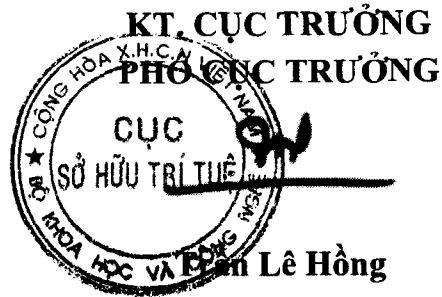
Republic of Korea

Điều 2. Ghi nhận nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7263w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 20.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Số đơn: SB1-2020-00118

Ngày nộp: 21/01/2020

Chủ đơn: SciPharm SàRL (LU)

Địa chỉ: 7, Fausermillen, 6689 Mertert, Luxembourg

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế số 19636 cấp ngày 10/07/2018 như sau:

Mục sửa đổi: Tên, địa chỉ chủ văn bằng bảo hộ

Nội dung mới:

SciPharm SàRL (LU)

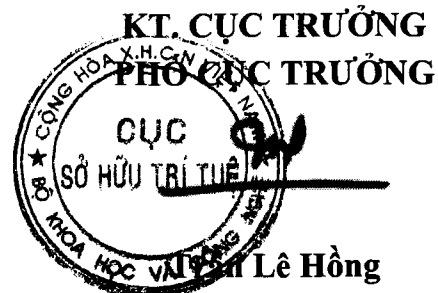
7, Fausermillen, 6689 Mertert, Luxembourg

Điều 2. Ghi nhận nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



b - Giải pháp hữu ích

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ BẢNG LIÊN QUAN
1	7256w/QĐ-SHTT	26/05/2020	SB2-2020-00573	2-0001258

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7256w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi Bảng độc quyền giải pháp hữu ích
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 20.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ:

Số đơn: SB2-2020-00573

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: MAP PACIFIC PTE LTD (SG)

Địa chỉ: 20 Malacca Street, # 02-00 Malacca Centre, Singapore (04879)

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi Bảng độc quyền giải pháp hữu ích số 1258 cấp ngày 01/06/2015 như sau:

Mục sửa đổi: Tác giả

Nội dung mới:

Tên của tác giả thứ 2 đổi thành

Chan Yi Xuan, Charmaine (SG)

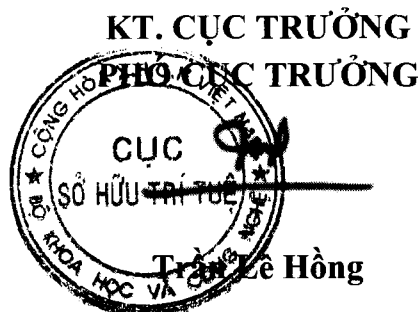
Điều 2. Ghi nhận nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 vào Bảng độc quyền giải pháp hữu ích, Sổ đăng ký quốc gia về giải pháp hữu ích và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.



2 - DUY TRÌ HIỆU LỰC VĂN BẢN BẢO HỘ

a - Duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ ĐƠN YÊU CẦU	SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN
1	6885w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01773	1-0006893
2	6886w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01774	1-0006885
3	6887w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01775	1-0013813
4	6888w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01776	1-0013809
5	6889w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01777	1-0006944
6	6890w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01778	1-0007611
7	6891w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01779	1-0010365
8	6892w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01780	1-0021042
9	6893w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01781	1-0006222
10	6894w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01785	1-0020999
11	6895w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01786	1-0013910
12	6896w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01787	1-0005584
13	6897w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01788	1-0013904
14	6898w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01789	1-0020850
15	6899w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01790	1-0012469
16	6900w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01791	1-0006877
17	6901w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01792	1-0006878
18	6902w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01793	1-0006879
19	6903w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01794	1-0006894
20	6904w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01795	1-0012461
21	6905w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01796	1-0012479
22	6906w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01797	1-0011177
23	6907w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01798	1-0011189
24	6908w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01799	1-0011187
25	6909w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01800	1-0012599
26	6910w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01801	1-0012594
27	6911w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01802	1-0018799
28	6912w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01803	1-0012756
29	6913w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01804	1-0014019
30	6914w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01805	1-0020741
31	6915w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01806	1-0016741
32	6916w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01807	1-0015302
33	6917w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01808	1-0006865
34	6918w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01809	1-0015332
35	6919w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01810	1-0020964
36	6920w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01811	1-0013914
37	6921w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01812	1-0008380
38	6922w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01813	1-0016966
39	6923w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01814	1-0013920

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

40	6924w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01815	1-0020993
41	6925w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01816	1-0016758
42	6926w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01817	1-0018963
43	6927w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01818	1-0020713
44	6928w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01819	1-0018654
45	6929w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01820	1-0018639
46	6930w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01821	1-0018692
47	6931w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01822	1-0018691
48	6932w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01823	1-0018678
49	6933w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01824	1-0018675
50	6934w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01825	1-0016676
51	6935w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01826	1-0010108
52	6936w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01828	1-0005507
53	6937w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01829	1-0018672
54	6938w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01830	1-0005506
55	6939w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01831	1-0005498
56	6940w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01832	1-0018653
57	6941w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01833	1-0018651
58	6942w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01834	1-0008315
59	6943w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01835	1-0008310
60	6944w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01836	1-0008309
61	6945w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01837	1-0020717
62	6946w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01838	1-0020716
63	6947w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01839	1-0018739
64	6948w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01840	1-0018721
65	6949w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01841	1-0018717
66	6950w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01842	1-0018696
67	6951w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01843	1-0018694
68	6952w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01844	1-0018693
69	6953w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01845	1-0020827
70	6954w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01846	1-0021023
71	6955w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01847	1-0020836
72	6956w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01848	1-0020842
73	6957w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01849	1-0020840
74	6958w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01850	1-0020839
75	6959w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01851	1-0020838
76	6960w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01852	1-0020837
77	6961w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01853	1-0020835
78	6962w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01854	1-0020833
79	6963w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01855	1-0020834
80	6964w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01856	1-0006266
81	6965w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01857	1-0018993
82	6966w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01859	1-0018930
83	6967w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01860	1-0018931
84	6968w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01861	1-0020881

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

85	6969w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01862	1-0017423
86	6970w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01863	1-0017439
87	6971w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01865	1-0016120
88	6972w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01866	1-0018635
89	6973w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01867	1-0018643
90	6974w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01868	1-0018655
91	6975w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01869	1-0018683
92	6976w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01870	1-0018712
93	6977w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01871	1-0016661
94	6978w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01872	1-0016673
95	6979w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01873	1-0005500
96	6980w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01874	1-0012490
97	6981w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01875	1-0012512
98	6982w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01876	1-0013833
99	6983w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01877	1-0018676
100	6984w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01878	1-0019195
101	6985w/TB-SHTT	28/05/2020	DT1-2020-01879	1-0018713
102	7369w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01880	1-0021110
103	7370w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01881	1-0021052
104	7371w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01883	1-0010131
105	7372w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01884	1-0020784
106	7373w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01885	1-0020785
107	7374w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01886	1-0020783
108	7375w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01887	1-0020781
109	7376w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01888	1-0020782
110	7377w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01889	1-0020800
111	7378w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01891	1-0018781
112	7379w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01893	1-0020615
113	7380w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01895	1-0013836
114	7381w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01896	1-0013921
115	7382w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01898	1-0015232
116	7383w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01899	1-0015233
117	7384w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01901	1-0007573
118	7385w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01902	1-0013848
119	7386w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01903	1-0007582
120	7387w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01904	1-0012487
121	7388w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01906	1-0012510
122	7389w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01910	1-0010251
123	7390w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01911	1-0021136
124	7391w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01912	1-0021408
125	7392w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01892	1-0015506
126	7393w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01897	1-0005505
127	7394w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01900	1-0015253
128	7395w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01905	1-0012499
129	7396w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01907	1-0012593

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

130	7397w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01909	1-0010250
131	7398w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01913	1-0018823
132	7399w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01914	1-0011212
133	7400w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01915	1-0006981
134	7401w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01916	1-0011208
135	7402w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01918	1-0012706
136	7403w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01920	1-0019341
137	7404w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01921	1-0016809
138	7405w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01922	1-0020830
139	7406w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01917	1-0020924
140	7407w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01919	1-0012870
141	7408w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01925	1-0011819
142	7409w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01927	1-0015527
143	7410w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01929	1-0011210
144	7411w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01930	1-0011202
145	7412w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01931	1-0020757
146	7413w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01932	1-0008507
147	7414w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01933	1-0011285
148	7415w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01936	1-0014214
149	7416w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01935	1-0015359
150	7417w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01937	1-0012751
151	7418w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01938	1-0014120
152	7419w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01939	1-0014121
153	7420w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01940	1-0012719
154	7421w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01941	1-0014122
155	7422w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01943	1-0011194
156	7423w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01944	1-0015634
157	7424w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01945	1-0006208
158	7425w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01946	1-0015303
159	7427w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01928	1-0015602
160	7428w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01934	1-0014032
161	7429w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01947	1-0018778
162	7430w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01923	1-0015287
163	7432w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01948	1-0017026
164	7433w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01949	1-0008496
165	7434w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01950	1-0008497
166	7435w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01951	1-0008498
167	7436w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01952	1-0010352
168	7437w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01953	1-0012819
169	7438w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01955	1-0005009
170	7439w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01956	1-0008547
171	7440w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01957	1-0008548
172	7441w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01958	1-0008549
173	7442w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01959	1-0008555
174	7443w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01960	1-0011333

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

175	7444w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01961	1-0016885
176	7445w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01963	1-0006995
177	7446w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01964	1-0019087
178	7447w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01965	1-0014042
179	7448w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01966	1-0008425
180	7449w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01967	1-0008426
181	7450w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01968	1-0007042
182	7451w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01969	1-0016963
183	7452w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01970	1-0015488
184	7453w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01971	1-0015489
185	7454w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01973	1-0016700
186	7455w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01974	1-0010123
187	7456w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01972	1-0021060
188	7457w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01975	1-0005518
189	7458w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01976	1-0010121
190	7459w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01977	1-0010118
191	7460w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01979	1-0019213
192	7461w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01980	1-0015295
193	7462w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01981	1-0006211
194	7463w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01982	1-0008320
195	7464w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01983	1-0008321
196	7465w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01984	1-0018741
197	7466w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01985	1-0018759
198	7467w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01986	1-0020760
199	7468w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01987	1-0020761
200	7469w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01988	1-0020772
201	7470w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01989	1-0020774
202	7471w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01990	1-0020775
203	7472w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01991	1-0020776
204	7473w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01992	1-0016691
205	7474w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01993	1-0016698
206	7475w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01994	1-0016705
207	7476w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01995	1-0021292
208	7477w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01996	1-0012558
209	7478w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-01997	1-0021056
210	7481w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02000	1-0018857
211	7482w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02001	1-0018995
212	7483w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02002	1-0021103
213	7484w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02003	1-0020763
214	7485w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02004	1-0022426
215	7486w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02005	1-0022426
216	7487w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02006	1-0022426
217	7488w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02007	1-0022426
218	7489w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02008	1-0022426
219	7490w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02009	1-0021424

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

220	7491w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02010	1-0021424
221	7492w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02011	1-0021424
222	7493w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02012	1-0021424
223	7494w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02013	1-0021424
224	7495w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02014	1-0010342
225	7496w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02015	1-0007026
226	7497w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02016	1-0013884
227	7498w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02018	1-0013899
228	7499w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02019	1-0020756
229	7500w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02020	1-0020894
230	7501w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02022	1-0020892
231	7502w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02023	1-0016768
232	7503w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02024	1-0010189
233	7504w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02025	1-0004195
234	7505w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02026	1-0018594
235	7506w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02028	1-0018889
236	7507w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02029	1-0018903
237	7508w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02030	1-0020811
238	7509w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02031	1-0018811
239	7510w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02033	1-0018749
240	7511w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02034	1-0009309
241	7512w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02035	1-0009310
242	7513w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02036	1-0019017
243	7514w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02038	1-0020315
244	7515w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02040	1-0006927
245	7516w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02042	1-0018994
246	7517w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02048	1-0015618
247	7518w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02049	1-0015616
248	7519w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02050	1-0015258
249	7520w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02051	1-0005519
250	7521w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02052	1-0010119
251	7522w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02054	1-0015265
252	7523w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02053	1-0015282
253	7524w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02055	1-0004835
254	7525w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02056	1-0009160
255	7526w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02057	1-0019301
256	7527w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02058	1-0020961
257	7528w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02059	1-0019149
258	7529w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02060	1-0015345
259	7530w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02061	1-0016721
260	7531w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02062	1-0018833
261	7532w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02063	1-0006234
262	7533w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02064	1-0015320
263	7534w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02065	1-0007616
264	7535w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02066	1-0016724

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

265	7536w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02067	1-0011252
266	7537w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02068	1-0018884
267	7538w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02069	1-0018885
268	7539w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02070	1-0018894
269	7540w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02071	1-0011249
270	7541w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02072	1-0016767
271	7542w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02074	1-0021219
272	7543w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02075	1-0009175
273	7544w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02077	1-0018695
274	7545w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02078	1-0013888
275	7546w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02080	1-0010346
276	7547w/TB-SHTT	01/06/2020	DT1-2020-02081	1-0014245
277	7586w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-01689	1-0020685
278	7591w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02082	1-0007695
279	7592w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02083	1-0018953
280	7593w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02084	1-0016796
281	7594w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02085	1-0018934
282	7595w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02086	1-0018981
283	7596w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02087	1-0018982
284	7597w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02088	1-0018991
285	7598w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02089	1-0019015
286	7599w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02090	1-0020926
287	7600w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02097	1-0019077
288	7601w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02091	1-0020927
289	7602w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02092	1-0020937
290	7603w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02093	1-0006290
291	7604w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02094	1-0020963
292	7605w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02095	1-0019068
293	7606w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02096	1-0019072
294	7607w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02098	1-0019078
295	7608w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02099	1-0021092
296	7609w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02100	1-0021039
297	7610w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02101	1-0016897
298	7611w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02103	1-0019197
299	7612w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02104	1-0021158
300	7613w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02105	1-0012520
301	7614w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02109	1-0011216
302	7615w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02110	1-0013866
303	7616w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02111	1-0013865
304	7617w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02112	1-0018201
305	7628w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02076	1-0016765
306	7629w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02106	1-0012516
307	7630w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02107	1-0011235
308	7631w/TB-SHTT	02/06/2020	DT1-2020-02108	1-0011223
309	7659w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02115	1-0019082

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

310	7660w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02117	1-0016844
311	7661w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02118	1-0007668
312	7662w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02119	1-0013992
313	7663w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02120	1-0013993
314	7664w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02121	1-0012657
315	7665w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02122	1-0010235
316	7666w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02123	1-0010236
317	7667w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02124	1-0016883
318	7668w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02125	1-0019092
319	7669w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02126	1-0021200
320	7670w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02127	1-0015586
321	7671w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02128	1-0012855
322	7672w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02129	1-0018880
323	7675w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02133	1-0014000
324	7676w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02134	1-0021134
325	7677w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02135	1-0007636
326	7678w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02136	1-0021222
327	7679w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02137	1-0004910
328	7680w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02138	1-0011402
329	7681w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02139	1-0020973
330	7682w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02140	1-0021206
331	7683w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02141	1-0019515
332	7684w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02142	1-0018869
333	7685w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02143	1-0021034
334	7686w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02144	1-0012573
335	7687w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02145	1-0019267
336	7689w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02147	1-0020809
337	7690w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02148	1-0020640
338	7691w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02149	1-0008334
339	7692w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02150	1-0018785
340	7693w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02151	1-0018791
341	7694w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02152	1-0018796
342	7695w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02153	1-0018818
343	7696w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02154	1-0020788
344	7697w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02155	1-0020791
345	7698w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02156	1-0020792
346	7699w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02157	1-0020793
347	7700w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02158	1-0020795
348	7701w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02160	1-0020806
349	7702w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02161	1-0020808
350	7703w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02163	1-0018830
351	7704w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02164	1-0018836
352	7705w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02165	1-0018855
353	7706w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02166	1-0005545
354	7707w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02167	1-0010133

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

355	7708w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02168	1-0018806
356	7709w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02170	1-0007608
357	7710w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02171	1-0013892
358	7712w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02173	1-0013906
359	7713w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02175	1-0015290
360	7714w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02176	1-0009165
361	7715w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02177	1-0015293
362	7716w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02178	1-0015300
363	7717w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02179	1-0015301
364	7718w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02180	1-0018958
365	7719w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02181	1-0015309
366	7720w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02182	1-0015311
367	7721w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02183	1-0015313
368	7722w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02184	1-0013804
369	7723w/TB-SHTT	03/06/2020	DT1-2020-02185	1-0018722
370	7900w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2019-09024	1-0014932
371	7901w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01137	1-0015171
372	7903w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01467	1-0015242
373	7904w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2019-08281	1-0008053
374	7905w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01426	1-0020737
375	7906w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01436	1-0011206
376	7907w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01498	1-0010142
377	7908w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2019-03036	1-0018738
378	7909w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01495	1-0016736
379	7910w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02021	1-0010196
380	7911w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02187	1-0009341
381	7913w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02189	1-0021101
382	7914w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02190	1-0008372
383	7915w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02192	1-0013944
384	7916w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02195	1-0009477
385	7917w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02194	1-0016845
386	7918w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02196	1-0020913
387	7919w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02197	1-0008400
388	7920w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02198	1-0020890
389	7921w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02191	1-0013988
390	7922w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02193	1-0016806
391	7923w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-01882	1-0009166
392	7924w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02220	1-0018745
393	7925w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02216	1-0004238
394	7926w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02199	1-0010202
395	7927w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02200	1-0016824
396	7928w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02201	1-0016818
397	7929w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02202	1-0016826
398	7930w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02203	1-0003764
399	7931w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02205	1-0013967

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

400	7932w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02207	1-0013978
401	7933w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02208	1-0013976
402	7934w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02209	1-0007648
403	7935w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02210	1-0013965
404	7936w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02211	1-0007644
405	7937w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02212	1-0012641
406	7938w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02213	1-0012633
407	7939w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02214	1-0012631
408	7940w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02217	1-0012645
409	7941w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02221	1-0012546
410	7942w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02222	1-0012549
411	7943w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02223	1-0015336
412	7944w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02224	1-0020896
413	7945w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02225	1-0011271
414	7946w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02226	1-0020888
415	7947w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02227	1-0011283
416	7948w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02228	1-0011282
417	7949w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02229	1-0011280
418	7950w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02204	1-0003543
419	7951w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02230	1-0008361
420	7952w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02231	1-0008364
421	7953w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02233	1-0016793
422	7954w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02234	1-0016788
423	7955w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02235	1-0016787
424	7956w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02236	1-0004864
425	7957w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02237	1-0004865
426	7958w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02238	1-0020962
427	7959w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02239	1-0020972
428	7960w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02240	1-0020975
429	7961w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02241	1-0011318
430	7962w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02242	1-0011309
431	7963w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02243	1-0020951
432	7964w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02244	1-0020986
433	7965w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02245	1-0020981
434	7966w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02246	1-0020954
435	7967w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02247	1-0011319
436	7968w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02248	1-0016861
437	7969w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02249	1-0019064
438	7970w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02250	1-0019075
439	7971w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02252	1-0019061
440	7972w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02253	1-0019060
441	7973w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02254	1-0019049
442	7974w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02255	1-0019073
443	7975w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02309	1-0013998
444	7976w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02310	1-0014012

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

445	7977w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02311	1-0014011
446	7978w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02312	1-0014009
447	7979w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02313	1-0014008
448	7980w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02314	1-0014002
449	7981w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02315	1-0012659
450	7982w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02316	1-0012654
451	7983w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02317	1-0012651
452	7984w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02318	1-0016791
453	7985w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02319	1-0006281
454	7986w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02320	1-0018928
455	7987w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02321	1-0010187
456	7988w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02322	1-0010177
457	7989w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02323	1-0018966
458	7990w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02324	1-0018965
459	7991w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02325	1-0018944
460	7992w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02326	1-0018940
461	7993w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02327	1-0018980
462	7994w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02328	1-0018938
463	7995w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02329	1-0018979
464	7996w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02330	1-0010179
465	7997w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02331	1-0018951
466	7998w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02332	1-0018937
467	7999w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02333	1-0018978
468	8000w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02334	1-0018975
469	8001w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02335	1-0018962
470	8002w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02336	1-0018960
471	8003w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02337	1-0018946
472	8004w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02338	1-0007007
473	8005w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02339	1-0021017
474	8006w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02340	1-0021010
475	8007w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02341	1-0011344
476	8008w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02342	1-0011338
477	8009w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02343	1-0021028
478	8010w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02344	1-0020995
479	8011w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02345	1-0011337
480	8012w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02346	1-0021033
481	8013w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02348	1-0021038
482	8014w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02349	1-0021032
483	8015w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02350	1-0010242
484	8016w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02351	1-0015436
485	8017w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02352	1-0015419
486	8018w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02353	1-0015421
487	8019w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02354	1-0016878
488	8020w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02355	1-0016884
489	8021w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02357	1-0015433

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

490	8022w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02358	1-0015432
491	8023w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02359	1-0015431
492	8024w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02360	1-0015429
493	8025w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02361	1-0016901
494	8026w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02362	1-0019103
495	8027w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02363	1-0019140
496	8028w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02364	1-0019130
497	8029w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02365	1-0019128
498	8030w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02366	1-0019109
499	8031w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02367	1-0019096
500	8032w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02368	1-0019131
501	8033w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02369	1-0019100
502	8034w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02370	1-0019125
503	8035w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02371	1-0019115
504	8036w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02372	1-0019113
505	8037w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02347	1-0021016
506	8038w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02373	1-0019094
507	8039w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02374	1-0019111
508	8040w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02375	1-0008415
509	8041w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02376	1-0009247
510	8042w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02377	1-0018943
511	8043w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02378	1-0018942
512	8044w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02379	1-0015350
513	8045w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02380	1-0010183
514	8046w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02381	1-0018969
515	8047w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02383	1-0018974
516	8048w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02384	1-0015362
517	8049w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02385	1-0015352
518	8050w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02386	1-0009216
519	8051w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02387	1-0013961
520	8052w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02388	1-0009214
521	8053w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02389	1-0008373
522	8054w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02390	1-0009204
523	8055w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02391	1-0009206
524	8056w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02393	1-0012627
525	8057w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02394	1-0012614
526	8058w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02395	1-0004877
527	8059w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02396	1-0007673
528	8060w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02397	1-0012690
529	8061w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02398	1-0012687
530	8062w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02399	1-0012679
531	8063w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02400	1-0012702
532	8064w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02401	1-0012678
533	8065w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02402	1-0012684
534	8066w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02403	1-0012691

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

535	8067w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02404	1-0019186
536	8068w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02405	1-0011361
537	8069w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02406	1-0019148
538	8070w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02382	1-0015354
539	8071w/TB-SHTT	11/06/2020	DT1-2020-02392	1-0013938
540	8469w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02114	1-0019081
541	8470w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02116	1-0016843
542	8471w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02132	1-0018935
543	8472w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02172	1-0013900
544	8473w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02169	1-0006230
545	8474w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02899	1-0013948
546	8476w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02162	1-0020828
547	8477w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-01204	1-0016516
548	8479w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-00844	1-0015176
549	8480w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02186	1-0018996
550	8481w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02407	1-0014027
551	8482w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02408	1-0014026
552	8483w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02411	1-0011369
553	8484w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02412	1-0021098
554	8485w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02413	1-0019217
555	8486w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02414	1-0016926
556	8487w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02415	1-0019023
557	8488w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02416	1-0020943
558	8489w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02417	1-0020940
559	8490w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02418	1-0020933
560	8491w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02409	1-0014025
561	8492w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02410	1-0007703
562	8494w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-01715	1-0003560
563	8495w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02257	1-0019055
564	8496w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02258	1-0016856
565	8497w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02259	1-0016855
566	8498w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02260	1-0016854
567	8499w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02261	1-0016848
568	8500w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02263	1-0019074
569	8501w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02264	1-0005611
570	8502w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02266	1-0019084
571	8503w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02267	1-0016857
572	8504w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02268	1-0019063
573	8505w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02272	1-0010215
574	8506w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02273	1-0010214
575	8507w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02274	1-0015414
576	8508w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02279	1-0012604
577	8509w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02281	1-0020932
578	8510w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02285	1-0019033
579	8511w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02286	1-0019007

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

580	8512w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02287	1-0020922
581	8513w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02288	1-0018998
582	8514w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02289	1-0019031
583	8515w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02290	1-0019028
584	8516w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02291	1-0019027
585	8517w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02292	1-0020936
586	8518w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02293	1-0020935
587	8519w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02294	1-0020919
588	8520w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02295	1-0020918
589	8521w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02296	1-0020917
590	8522w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02297	1-0012611
591	8523w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02298	1-0015411
592	8524w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02299	1-0015398
593	8525w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02300	1-0015413
594	8526w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02301	1-0009236
595	8527w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02302	1-0008397
596	8528w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02303	1-0009243
597	8529w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02304	1-0013999
598	8530w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02305	1-0013997
599	8531w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02271	1-0010225
600	8532w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02306	1-0013995
601	8533w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02307	1-0013994
602	8534w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02308	1-0014014
603	8571w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02419	1-0020929
604	8572w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02420	1-0020923
605	8573w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02421	1-0020906
606	8574w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02422	1-0020905
607	8575w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02423	1-0006294
608	8576w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02424	1-0016813
609	8577w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02425	1-0015386
610	8578w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02426	1-0010205
611	8579w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02427	1-0016817
612	8580w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02428	1-0005594
613	8581w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02429	1-0015378
614	8582w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02430	1-0015390
615	8583w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02431	1-0016812
616	8584w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02432	1-0016828
617	8585w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02433	1-0015379
618	8586w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02434	1-0010203
619	8587w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02435	1-0019244
620	8588w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02436	1-0019233
621	8589w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02437	1-0015510
622	8590w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02438	1-0010295
623	8591w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02439	1-0010292
624	8592w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02440	1-0019274

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

625	8593w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02441	1-0019271
626	8594w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02442	1-0019270
627	8595w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02443	1-0012745
628	8596w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02444	1-0005665
629	8597w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02445	1-0005663
630	8598w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02446	1-0005657
631	8599w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02447	1-0011421
632	8600w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02448	1-0011410
633	8601w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02449	1-0021176
634	8602w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02450	1-0021191
635	8603w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02451	1-0021190
636	8604w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02452	1-0021193
637	8605w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02453	1-0021166
638	8606w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02454	1-0016974
639	8607w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02455	1-0015481
640	8608w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02456	1-0005629
641	8609w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02457	1-0019230
642	8610w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02458	1-0007711
643	8611w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02459	1-0007712
644	8612w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02460	1-0014056
645	8613w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02461	1-0014054
646	8614w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02462	1-0014053
647	8615w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02463	1-0014052
648	8616w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02464	1-0004294
649	8617w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02465	1-0011391
650	8618w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02466	1-0011382
651	8619w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02467	1-0011381
652	8620w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02468	1-0016956
653	8621w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02469	1-0016967
654	8622w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02470	1-0016948
655	8623w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02471	1-0015499
656	8624w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02472	1-0015486
657	8625w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02473	1-0010291
658	8626w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02474	1-0015487
659	8627w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02475	1-0021343
660	8628w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02476	1-0019440
661	8629w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02477	1-0017077
662	8630w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02478	1-0017081
663	8631w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02479	1-0010374
664	8632w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02480	1-0008524
665	8633w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02481	1-0014187
666	8634w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02482	1-0015623
667	8635w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02483	1-0015622
668	8636w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02484	1-0015621
669	8637w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02485	1-0015620

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

670	8638w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02486	1-0015619
671	8639w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02487	1-0009379
672	8640w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02488	1-0017113
673	8641w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02489	1-0017092
674	8642w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02490	1-0009368
675	8643w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02491	1-0017112
676	8644w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02492	1-0017086
677	8645w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02493	1-0009304
678	8646w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02494	1-0010332
679	8647w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02495	1-0019305
680	8648w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02496	1-0019291
681	8649w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02497	1-0016987
682	8650w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02498	1-0016986
683	8651w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02499	1-0009289
684	8652w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02500	1-0012762
685	8653w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02501	1-0012770
686	8654w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02502	1-0011434
687	8655w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02503	1-0011439
688	8656w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02504	1-0011425
689	8657w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02505	1-0021239
690	8658w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02506	1-0021221
691	8659w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02507	1-0006369
692	8660w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02508	1-0019350
693	8661w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02509	1-0014151
694	8662w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02510	1-0014149
695	8663w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02511	1-0014144
696	8664w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02512	1-0012793
697	8665w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02513	1-0011449
698	8666w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02514	1-0021278
699	8667w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02515	1-0021262
700	8668w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02516	1-0006387
701	8669w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02517	1-0019395
702	8670w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02518	1-0017033
703	8671w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02519	1-0019405
704	8672w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02520	1-0017061
705	8673w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02521	1-0017060
706	8674w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02522	1-0017059
707	8675w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02523	1-0015574
708	8676w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02524	1-0019400
709	8677w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02525	1-0019399
710	8678w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02526	1-0017056
711	8679w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02527	1-0017048
712	8680w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02528	1-0010367
713	8681w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02530	1-0014185
714	8682w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02531	1-0014166

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

715	8683w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02532	1-0012826
716	8684w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02533	1-0009365
717	8685w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02535	1-0019497
718	8686w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02536	1-0019508
719	8687w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02537	1-0019507
720	8688w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02538	1-0019506
721	8689w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02539	1-0005705
722	8690w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02541	1-0007780
723	8691w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02542	1-0008539
724	8692w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02543	1-0014232
725	8693w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02544	1-0008552
726	8694w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02546	1-0011522
727	8695w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02547	1-0011519
728	8696w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02548	1-0011516
729	8697w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02549	1-0011515
730	8698w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02550	1-0017118
731	8699w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02256	1-0019065
732	8700w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02551	1-0017139
733	8701w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02552	1-0019543
734	8702w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02553	1-0007801
735	8703w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02554	1-0020878
736	8704w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02555	1-0020880
737	8705w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02556	1-0020883
738	8706w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02557	1-0020907
739	8707w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02558	1-0010343
740	8708w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02559	1-0011443
741	8709w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02560	1-0019112
742	8710w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02561	1-0020992
743	8711w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02562	1-0010218
744	8712w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02563	1-0019047
745	8713w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02564	1-0020949
746	8714w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02565	1-0004878
747	8715w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02567	1-0004886
748	8716w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02568	1-0013945
749	8717w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02569	1-0018973
750	8718w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02570	1-0018922
751	8719w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02571	1-0016781
752	8720w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02572	1-0020886
753	8721w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02573	1-0020873
754	8722w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02574	1-0015374
755	8723w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02575	1-0015373
756	8724w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02576	1-0019324
757	8725w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02577	1-0009182
758	8726w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02578	1-0020911
759	8727w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02581	1-0019416

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

760	8728w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02582	1-0010162
761	8729w/TB-SHTT	17/06/2020	DT1-2020-02566	1-0011292
762	8868w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02587	1-0019564
763	8869w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02588	1-0019164
764	8870w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02586	1-0015458
765	8871w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02589	1-0006899
766	8872w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02590	1-0012694
767	8873w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02591	1-0019133
768	8874w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02592	1-0016965
769	8875w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02594	1-0013960
770	8876w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02595	1-0019004
771	8877w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02596	1-0019018
772	8878w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02597	1-0013984
773	8879w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02598	1-0011330
774	8880w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02599	1-0007677
775	8881w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02600	1-0011348
776	8882w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02601	1-0007269
777	8883w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02602	1-0006952
778	8884w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02603	1-0006957
779	8885w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02604	1-0018901
780	8886w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02605	1-0020848
781	8887w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02606	1-0020866
782	8888w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02607	1-0006250
783	8889w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02609	1-0016755
784	8890w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02610	1-0010155
785	8891w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02611	1-0016760
786	8892w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02612	1-0016761
787	8893w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02613	1-0016772
788	8894w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02614	1-0015324
789	8895w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02615	1-0016773
790	8896w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02616	1-0015328
791	8897w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02617	1-0008352
792	8898w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02618	1-0008354
793	8899w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02619	1-0009184
794	8900w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02620	1-0013891
795	8901w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02623	1-0013912
796	8902w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02624	1-0013926
797	8903w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02625	1-0013934
798	8904w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02626	1-0006968
799	8905w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02627	1-0012579
800	8906w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02628	1-0012583
801	8907w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02629	1-0006303
802	8908w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02630	1-0017000
803	8909w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02631	1-0007659
804	8911w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02637	1-0021005

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

805	8912w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02643	1-0016792
806	8913w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02641	1-0009293
807	8915w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02647	1-0018912
808	8916w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02639	1-0021978
809	8917w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02640	1-0018961
810	8918w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02635	1-0015440
811	8919w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02646	1-0017073
812	8920w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02633	1-0013962
813	8921w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02644	1-0011377
814	8922w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02645	1-0019434
815	8923w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02642	1-0015389
816	8926w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02708	1-0018947
817	8927w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02707	1-0018948
818	8928w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02706	1-0018949
819	8929w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02705	1-0018950
820	8930w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02704	1-0018956
821	8931w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02703	1-0013958
822	8932w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02702	1-0020893
823	8933w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02701	1-0012884
824	8934w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02700	1-0019396
825	8935w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02698	1-0010298
826	8936w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02697	1-0021062
827	8937w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02696	1-0012681
828	8938w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02695	1-0020991
829	8939w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02694	1-0012672
830	8940w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02693	1-0020953
831	8941w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02691	1-0020956
832	8942w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02690	1-0007003
833	8943w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02685	1-0018941
834	8944w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02684	1-0018954
835	8945w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02676	1-0018927
836	8946w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02675	1-0018977
837	8947w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02709	1-0018926
838	8948w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02692	1-0011305
839	8949w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02689	1-0011286
840	8950w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02688	1-0011287
841	8951w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02687	1-0012621
842	8952w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02686	1-0012601
843	8953w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02683	1-0020901
844	8954w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02682	1-0010104
845	8955w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02681	1-0016069
846	8956w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02680	1-0021356
847	8957w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02679	1-0021012
848	8958w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02678	1-0020921
849	8959w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02677	1-0012675

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

850	8960w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02674	1-0018918
851	8961w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02737	1-0008401
852	8962w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02711	1-0018919
853	8963w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02720	1-0016803
854	8964w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02734	1-0019013
855	8965w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02735	1-0007651
856	8966w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02724	1-0011268
857	8967w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02727	1-0020734
858	8968w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02730	1-0021205
859	8969w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02722	1-0016801
860	8970w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02733	1-0015331
861	8971w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02732	1-0020872
862	8972w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02710	1-0018924
863	8973w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02719	1-0006984
864	8974w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02714	1-0015365
865	8975w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02718	1-0013954
866	8976w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02723	1-0016784
867	8977w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02729	1-0009246
868	8978w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02739	1-0012693
869	8979w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02712	1-0018916
870	8980w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02713	1-0015366
871	8981w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02725	1-0004871
872	8982w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02736	1-0017025
873	8983w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02715	1-0015356
874	8984w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02726	1-0020740
875	8985w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02728	1-0016834
876	8986w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02731	1-0007618
877	8987w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02717	1-0013957
878	8988w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02738	1-0008413
879	8989w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02699	1-0021181
880	8990w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02716	1-0013959
881	8991w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02282	1-0018986
882	8992w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02283	1-0018992
883	8993w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02545	1-0021419
884	8994w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02265	1-0005595
885	8995w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02219	1-0018752
886	8996w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02206	1-0013971
887	8997w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02251	1-0019066
888	8998w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02742	1-0018193
889	8999w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02740	1-0021046
890	9000w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02741	1-0020910
891	9001w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02743	1-0017200
892	9002w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02744	1-0019323
893	9003w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02745	1-0008366
894	9004w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02746	1-0011265

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

895	9005w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02747	1-0011273
896	9006w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02748	1-0006265
897	9007w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02749	1-0008374
898	9008w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02750	1-0013940
899	9009w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02751	1-0018959
900	9010w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02752	1-0016795
901	9011w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02753	1-0016790
902	9012w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02754	1-0011310
903	9013w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02755	1-0015430
904	9014w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02759	1-0019104
905	9015w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02760	1-0019179
906	9016w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02761	1-0016725
907	9017w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02762	1-0016804
908	9018w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02765	1-0021353
909	9019w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02768	1-0021029
910	9020w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02769	1-0021359
911	9021w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02770	1-0019495
912	9022w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02771	1-0012772
913	9023w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02772	1-0021307
914	9024w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02773	1-0009271
915	9025w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02774	1-0012618
916	9026w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02776	1-0018990
917	9027w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02777	1-0019019
918	9028w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02778	1-0018987
919	9029w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02779	1-0019020
920	9030w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02781	1-0019006
921	9031w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02782	1-0019152
922	9033w/TB-SHTT	22/06/2020	DT1-2020-02758	1-0015424
923	9164w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02721	1-0016794
924	9166w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02763	1-0019365
925	9167w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02764	1-0016930
926	9168w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02275	1-0015408
927	9169w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02775	1-0012609
928	9170w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02276	1-0015407
929	9171w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02277	1-0015406
930	9193w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02798	1-0011312
931	9194w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02783	1-0021063
932	9196w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02801	1-0012613
933	9197w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02797	1-0008381
934	9198w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02788	1-0009228
935	9199w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02791	1-0014035
936	9200w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02785	1-0016827
937	9201w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02796	1-0021398
938	9202w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02799	1-0019045
939	9203w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02792	1-0021653

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

940	9204w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02802	1-0012616
941	9205w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02786	1-0016841
942	9206w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02790	1-0021652
943	9207w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02800	1-0012605
944	9208w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02784	1-0017042
945	9209w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02787	1-0008385
946	9210w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02789	1-0019585
947	9211w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02794	1-0019003
948	9212w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02803	1-0010279
949	9213w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02807	1-0012522
950	9215w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02817	1-0015382
951	9216w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02804	1-0015375
952	9217w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02810	1-0019016
953	9218w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02823	1-0008386
954	9219w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02826	1-0018913
955	9220w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02835	1-0010221
956	9221w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02837	1-0013964
957	9223w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02822	1-0007647
958	9224w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02827	1-0020965
959	9225w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02842	1-0016875
960	9226w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02809	1-0019002
961	9227w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02811	1-0019024
962	9228w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02813	1-0020942
963	9229w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02816	1-0005586
964	9230w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02820	1-0016830
965	9231w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02825	1-0013987
966	9232w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02834	1-0017388
967	9233w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02839	1-0012717
968	9234w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02840	1-0016875
969	9235w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02841	1-0016875
970	9237w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02806	1-0016825
971	9238w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02808	1-0019001
972	9239w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02838	1-0021148
973	9241w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02819	1-0016821
974	9242w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02812	1-0020925
975	9243w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02814	1-0019316
976	9244w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02818	1-0015385
977	9245w/TB-SHTT	23/06/2020	DT1-2020-02824	1-0013983

Duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Quyết định số: 6885 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01773

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: NOVARTIS AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6893	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6886 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01774

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: REGENTS OF THE UNIVERSITY OF MINNESOTA (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6885	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6887 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01775

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: THE BABCOCK & WILCOX COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13813	03/03/2015	6	03/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6888 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01776

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: THE BABCOCK & WILCOX COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13809	03/03/2015	6	03/03/2021

Quyết định số: 6889 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01777

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: CHEN, CHUAN SHENG (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6944	24/03/2008	13	24/03/2021

Quyết định số: 6890 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01778

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: SUNCUE COMPANY LTD (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7611	23/03/2009	12	23/03/2021

Quyết định số: 6891 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01779

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: QUAN MEI TECHNOLOGY CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10365	06/06/2012	9	06/06/2021

Quyết định số: 6892 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01780

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: CJ CGV CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21042	02/05/2019	2	02/05/2021

Quyết định số: 6893 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01781

Ngày nộp: 02/03/2020

Chủ đơn: OMNI LPS. CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6222	12/03/2007	14	12/03/2021

Quyết định số: 6894 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01785

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: YKK CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20999	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 6895 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01786

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: ØGLÆND SYSTEM AS (NO)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13910	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 6896 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01787

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: FUJI MANUFACTURING CORPORATION LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5584	11/04/2006	15	11/04/2021

Quyết định số: 6897 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01788

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13904	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 6898 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01789

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: WI, SEMAN (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20850	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6899 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01790

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: KUMIAI CHEMICAL INDUSTRY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12469	03/03/2014	7	03/03/2021

Quyết định số: 6900 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01791

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6877	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6901 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01792

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6878	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6902 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01793

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6879	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6903 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01794

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: GLUD & MARSTRAND A/S (DK)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6894	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6904 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01795

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12461	03/03/2014	7	03/03/2021

Quyết định số: 6905 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01796

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: DAI NIPPON TORYO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12479	03/03/2014	7	03/03/2021

Quyết định số: 6906 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01797

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11177	04/03/2013	8	04/03/2021

Quyết định số: 6907 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01798

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: HEINEKEN SUPPLY CHAIN B.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11189	04/03/2013	8	04/03/2021

Quyết định số: 6908 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01799

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: COUNCIL OF SCIENTIFIC AND INDUSTRIAL RESEARCH (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11187	04/03/2013	8	04/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6909 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01800

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: AXICHEM AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12599	31/03/2014	7	31/03/2021

Quyết định số: 6910 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01801

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: COUNCIL OF SCIENTIFIC AND INDUSTRIAL RESEARCH (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12594	31/03/2014	7	31/03/2021

Quyết định số: 6911 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01802

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: ADIVA CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18799	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 6912 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01803

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12756	19/05/2014	7	19/05/2021

Quyết định số: 6913 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01804

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14019	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 6914 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01805

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: FARMAK INTERNATIONAL HOLDING GMBH (AT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20741	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 6915 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01806

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: KIM, YOUNG KI (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16741	21/03/2017	4	21/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6916 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01807

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: N.V. NUTRICIA (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15302	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 6917 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01808

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6865	03/03/2008	13	03/03/2021

Quyết định số: 6918 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01809

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: TSAI, YUCHI (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15332	28/03/2016	5	28/03/2021

Quyết định số: 6919 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01810

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: NOVEX SCIENCE PTE. LIMITED (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20964	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 6920 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01811

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: ZHONGYE CHANGTIAN INTERNATIONAL ENGINEERING CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13914	30/03/2015	6	30/03/2021

Quyết định số: 6921 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01812

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: SHANDONG HUATE MAGNET TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8380	12/04/2010	11	12/04/2021

Quyết định số: 6922 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01813

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: CREATIVE CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16966	15/05/2017	4	15/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6923 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01814

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: ROSATI, WASYL (AU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13920	30/03/2015	6	30/03/2021

Quyết định số: 6924 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01815

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: WATOS COREA CO.,LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20993	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 6925 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01816

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: YANTAI SHENGLIDA ENGINEERING TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16758	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 6926 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01817

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: GREE ELECTRIC APPLIANCES, INC. OF ZHUHAI (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18963	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 6927 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01818

Ngày nộp: 04/03/2020

Chủ đơn: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20713	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 6928 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01819

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: EISENMANN SE (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18654	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6929 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01820

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: RANKA, SEEMA AJAY (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18639	05/03/2018	3	05/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6930 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01821

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18692	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6931 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01822

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: MITSUI CHEMICALS AGRO, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18691	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6932 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01823

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: SEWING SHIN CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18678	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6933 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01824

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18675	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6934 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01825

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16676	06/03/2017	4	06/03/2021

Quyết định số: 6935 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01826

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: EISAI R&D MANAGEMENT CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10108	06/03/2012	9	06/03/2021

Quyết định số: 6936 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01828

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5507	06/03/2006	15	06/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6937 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01829

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: OUTOTEC (FINLAND) OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18672	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6938 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01830

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5506	06/03/2006	15	06/03/2021

Quyết định số: 6939 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01831

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5498	06/03/2006	15	06/03/2021

Quyết định số: 6940 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01832

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: MENARINI INTERNATIONAL OPERATIONS LUXEMBOURG S.A. (LU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18653	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6941 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01833

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: RINNAI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18651	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6942 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01834

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: SYNTHOMER DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8315	05/03/2010	11	05/03/2021

Quyết định số: 6943 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01835

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8310	05/03/2010	11	05/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6944 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01836

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8309	05/03/2010	11	05/03/2021

Quyết định số: 6945 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01837

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20717	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 6946 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01838

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: SATAKE SHUICHI (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20716	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 6947 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01839

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18739	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6948 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01840

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18721	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6949 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01841

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: DAI NIPPON PRINTING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18717	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6950 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01842

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: EMITEC GESELLSCHAFT FUR EMISSIONSTECHNOLOGIE MBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18696	05/03/2018	3	05/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6951 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01843

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18694	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6952 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01844

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18693	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6953 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01845

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20827	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 6954 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01846

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: NUTRECO IP ASSETS B.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21023	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 6955 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01847

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20836	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6956 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01848

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20842	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6957 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01849

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20840	26/03/2019	2	26/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6958 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01850

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20839	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6959 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01851

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20838	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6960 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01852

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20837	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6961 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01853

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20835	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6962 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01854

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20833	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6963 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01855

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20841	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 6964 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01856

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: HBG CIVIEL B.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyền

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6266	03/04/2007	14	03/04/2021

Quyết định số: 6965 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01857

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: NIHON YAMAMURA GLASS CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18993	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 6966 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01859

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: SEIKO EPSON CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18930	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 6967 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01860

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: SEIKO EPSON CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18931	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 6968 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01861

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: BROTHER KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20881	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 6969 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01862

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: WUHAN KAIDI ENGINEERING TECHNOLOGY RESEARCH INSTITUTE CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trà và cộng sự

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17423	06/09/2017	3	06/09/2020

Quyết định số: 6970 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01863

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: WUHAN KAIDI ENGINEERING TECHNOLOGY RESEARCH INSTITUTE CO., LTD (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trà và cộng sự

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17439	06/09/2017	3	06/09/2020

Quyết định số: 6971 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01865

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: GREEN POLYTECH CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16120	17/10/2016	4	17/10/2020

Quyết định số: 6972 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01866

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: NOVARTIS AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18635	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6973 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01867

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: AKZO NOBEL COATINGS INTERNATIONAL B. V (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18643	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6974 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01868

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: FMC AGRO SINGAPORE PTE. LTD (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18655	05/03/2018	3	05/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6975 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01869

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18683	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6976 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01870

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: TRANSITIONS OPTICAL, INC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18712	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6977 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01871

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: CHIESI FARMACEUTICI S.P.A (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16661	06/03/2017	4	06/03/2021

Quyết định số: 6978 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01872

Ngày nộp: 05/03/2020

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Chủ đơn: EIF NTE HYBRID INTELLECTUAL PROPERTY HOLDING COMPANY, LLC (US)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16673	06/03/2017	4	06/03/2021

Quyết định số: 6979 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01873

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: UNITED COLOR MANUFACTURING, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5500	06/03/2006	15	06/03/2021

Quyết định số: 6980 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01874

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: EISAI R&D MANAGEMENT CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12490	10/03/2014	7	10/03/2021

Quyết định số: 6981 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01875

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: ASHLEY FURNITURE INDUSTRIES, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12512	10/03/2014	7	10/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 6982 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01876

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: PRECISION DRIP B.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13833	09/03/2015	6	09/03/2021

Quyết định số: 6983 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01877

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: APOTEX TECHNOLOGIES INC. (CA)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18676	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6984 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01878

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: UMG ABS, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19195	08/05/2018	3	08/05/2021

Quyết định số: 6985 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01879

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: KIM, JONG HYUK (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Trần

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18713	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 7369 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01880

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21110	07/05/2019	2	07/05/2021

Quyết định số: 7370 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01881

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21052	02/05/2019	2	02/05/2021

Quyết định số: 7371 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01883

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: DOLBY LABORATORIES LICENSING CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10131	21/03/2012	9	21/03/2021

Quyết định số: 7372 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01884

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: GE VIDEO COMPRESSION, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20784	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7373 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01885

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: GE VIDEO COMPRESSION, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20785	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7374 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01886

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: GE VIDEO COMPRESSION, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20783	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7375 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01887

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: GE VIDEO COMPRESSION, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20781	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7376 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01888

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: GE VIDEO COMPRESSION, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20782	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7377 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01889

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: GE VIDEO COMPRESSION, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20800	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7378 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01891

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: YEWON COMMUNICATION CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D & N

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18781	12/03/2018	3	12/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7379 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01893

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: DISCOVERY LABORATORIES, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20615	12/02/2019	2	12/02/2021

Quyết định số: 7380 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01895

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: ULVAC, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13836	09/03/2015	6	09/03/2021

Quyết định số: 7381 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01896

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: MANTOCK, PAUL, LENWORTH (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13921	30/03/2015	6	30/03/2021

Quyết định số: 7382 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01898

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15232	08/03/2016	5	08/03/2021

Quyết định số: 7383 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01899

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15233	08/03/2016	5	08/03/2021

Quyết định số: 7384 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01901

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7573	09/03/2009	12	09/03/2021

Quyết định số: 7385 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01902

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: RICOH COMPANY, LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13848	09/03/2015	6	09/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7386 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01903

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7582	10/03/2009	12	10/03/2021

Quyết định số: 7387 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01904

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: MAN DIESEL & TURBO SE, GERMANY (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12487	10/03/2014	7	10/03/2021

Quyết định số: 7388 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01906

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: RICOH COMPANY, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12510	10/03/2014	7	10/03/2021

Quyết định số: 7389 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01910

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: THOMSON LICENSING S.A. (FR)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10251	04/05/2012	9	04/05/2021

Quyết định số: 7390 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01911

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: THOMSON LICENSING (FR)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21136	14/05/2019	2	14/05/2021

Quyết định số: 7391 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01912

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: THOMSON LICENSING (FR)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21408	24/06/2019	2	24/06/2021

Quyết định số: 7392 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01892

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: PHAROS VACCINE INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15506	16/05/2016	5	16/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7393 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01897

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: J & P COATS LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5505	06/03/2006	15	06/03/2021

Quyết định số: 7394 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01900

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: CARBONEX, SOCIÉTÉ À RESPONSABILITÉ LIMITÉE (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15253	08/03/2016	5	08/03/2021

Quyết định số: 7395 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01905

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: INVENTIO AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12499	10/03/2014	7	10/03/2021

Quyết định số: 7396 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01907

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: SHAWCOR LTD. (CA)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12593	31/03/2014	7	31/03/2021

Quyết định số: 7397 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01909

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: THOMSON LICENSING S.A. (FR)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10250	04/05/2012	9	04/05/2021

Quyết định số: 7398 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01913

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: ROBERT BOSCH G.M.B.H (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18823	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7399 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01914

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: 4CS AG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11212	18/03/2013	8	18/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7400 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01915

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: LS MTRON LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6981	07/04/2008	13	07/04/2021

Quyết định số: 7401 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01916

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: ZHONGYE CHANGTIAN INTERNATIONAL ENGINEERING CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11208	11/03/2013	8	11/03/2021

Quyết định số: 7402 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01918

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: LG ELECTRONICS INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12706	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 7403 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01920

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: FIDLOCK GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19341	30/05/2018	3	30/05/2021

Quyết định số: 7404 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01921

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRO-MECHANICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16809	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 7405 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01922

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: LEE, JAE MO (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20830	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 7406 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01917

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: LG ELECTRONICS INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20924	09/04/2019	2	09/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7407 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01919

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: FIDLOCK GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12870	18/06/2014	7	18/06/2021

Quyết định số: 7408 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01925

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: KANOOU KINYA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11819	23/09/2013	8	23/09/2021

Quyết định số: 7409 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01927

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: CHUGAI RO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15527	24/05/2016	5	24/05/2021

Quyết định số: 7410 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01929

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: INCYTE HOLDINGS CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11210	11/03/2013	8	11/03/2021

Quyết định số: 7411 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01930

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: FMC AGRO SINGAPORE PTE. LTD. (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11202	11/03/2013	8	11/03/2021

Quyết định số: 7412 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01931

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: MILLIKEN & COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20757	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7413 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01932

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: YAEGAKI HAKKO GIKEN KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8507	08/06/2010	11	08/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7414 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01933

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: KOKKI KANEDA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11285	08/04/2013	8	08/04/2021

Quyết định số: 7415 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01936

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: ELAN PHARMACEUTICALS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14214	22/06/2015	7	22/06/2022

Quyết định số: 7416 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01935

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: IDEMITSU KOSAN CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15359	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 7417 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01937

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12751	19/05/2014	7	19/05/2021

Quyết định số: 7418 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01938

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14120	26/05/2015	6	26/05/2021

Quyết định số: 7419 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01939

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14121	26/05/2015	6	26/05/2021

Quyết định số: 7420 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01940

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12719	12/05/2014	7	12/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7421 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01941

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14122	26/05/2015	6	26/05/2021

Quyết định số: 7422 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01943

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11194	11/03/2013	8	11/03/2021

Quyết định số: 7423 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01944

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15634	28/06/2016	5	28/06/2021

Quyết định số: 7424 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01945

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN
HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6208	12/03/2007	14	12/03/2021

Quyết định số: 7425 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01946

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: LICELLA PTY LTD (AU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15303	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7427 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01928

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: BRIGHTPOINT, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15602	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 7428 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01934

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: JR EAST CONSULTANTS COMPANY (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14032	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 7429 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01947

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: BAXALTA INCORPORATED (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18778	12/03/2018	3	12/03/2021

Quyết định số: 7430 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01923

Ngày nộp: 09/03/2020

Chủ đơn: DMARK METAL BUTTON COMPANY LIMITED (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15287	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7432 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01948

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: KOLON INDUSTRIES, INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17026	30/05/2017	4	30/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7433 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01949

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8496	01/06/2010	11	01/06/2021

Quyết định số: 7434 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01950

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8497	01/06/2010	11	01/06/2021

Quyết định số: 7435 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01951

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8498	01/06/2010	11	01/06/2021

Quyết định số: 7436 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01952

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10352	06/06/2012	9	06/06/2021

Quyết định số: 7437 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01953

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12819	09/06/2014	7	09/06/2021

Quyết định số: 7438 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01955

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LG INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5009	21/06/2005	16	21/06/2021

Quyết định số: 7439 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01956

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8547	22/06/2010	11	22/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7440 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01957

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8548	22/06/2010	11	22/06/2021

Quyết định số: 7441 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01958

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8549	22/06/2010	11	22/06/2021

Quyết định số: 7442 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01959

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8555	29/06/2010	11	29/06/2021

Quyết định số: 7443 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01960

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11333	23/04/2013	8	23/04/2021

Quyết định số: 7444 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01961

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LSIS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16885	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 7445 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01963

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS MTRON LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6995	14/04/2008	13	14/04/2021

Quyết định số: 7446 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01964

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: KOLON INDUSTRIES, INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19087	17/04/2018	3	17/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7447 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01965

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LG HOUSEHOLD & HEALTH CARE LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14042	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 7448 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01966

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8425	05/05/2010	11	05/05/2021

Quyết định số: 7449 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01967

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8426	05/05/2010	11	05/05/2021

Quyết định số: 7450 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01968

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS MTRON LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7042	12/05/2008	13	12/05/2021

Quyết định số: 7451 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01969

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16963	15/05/2017	4	15/05/2021

Quyết định số: 7452 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01970

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15488	16/05/2016	5	16/05/2021

Quyết định số: 7453 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01971

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: LS INDUSTRIAL SYSTEMS CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15489	16/05/2016	5	16/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7454 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01973

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: TELEFONAKTIEBOLAGET L M ERICSSON (PUBL) (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16700	13/03/2017	4	13/03/2021

Quyết định số: 7455 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01974

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: AKZO NOBEL COATINGS INTERNATIONAL B.V (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10123	15/03/2012	9	15/03/2021

Quyết định số: 7456 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01972

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: EFFRX PHARMACEUTICALS SA (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần tư vấn Trung Thực

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21060	02/05/2019	2	02/05/2021

Quyết định số: 7457 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01975

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: FMC CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5518	15/03/2006	15	15/03/2021

Quyết định số: 7458 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01976

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: HEMPEL A/S (DK)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10121	15/03/2012	9	15/03/2021

Quyết định số: 7459 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01977

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: PHARMA MAR, S.A. (ES)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10118	15/03/2012	9	15/03/2021

Quyết định số: 7460 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01979

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: AKRON SPECIAL MACHINERY, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D & N

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19213	08/05/2018	3	08/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7461 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01980

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: CONCERTIA STEFANIA S.P.A. (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Tầm Nhìn Mới

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15295	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7462 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01981

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6211	12/03/2007	14	12/03/2021

Quyết định số: 7463 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01982

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: MANI, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8320	12/03/2010	11	12/03/2021

Quyết định số: 7464 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01983

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8321	12/03/2010	11	12/03/2021

Quyết định số: 7465 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01984

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: TRISA HOLDING AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18741	12/03/2018	3	12/03/2021

Quyết định số: 7466 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01985

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: OKUTAMA KOGYO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18759	12/03/2018	3	12/03/2021

Quyết định số: 7467 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01986

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20760	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7468 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01987

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: DAICEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20761	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7469 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01988

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20772	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7470 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01989

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20774	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7471 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01990

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20775	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7472 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01991

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20776	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7473 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01992

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: NIHON ONKYO ENGINEERING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16691	13/03/2017	4	13/03/2021

Quyết định số: 7474 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01993

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: SHARP KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16698	13/03/2017	4	13/03/2021

Quyết định số: 7475 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01994

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16705	13/03/2017	4	13/03/2021

Quyết định số: 7476 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01995

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: SHIMABUN CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21292	04/06/2019	2	04/06/2021

Quyết định số: 7477 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01996

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: CARR ANDREW LAURENCE (AU)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12558	24/03/2014	7	24/03/2021

Quyết định số: 7478 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01997

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: FUTAMURA KAGAKU KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư MINERVAS

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21056	02/05/2019	2	02/05/2021

Quyết định số: 7481 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02000

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐẠI HỌC XÂY DỰNG (NUCETECH) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sáng chế ACTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18857	20/03/2018	3	20/03/2021

Quyết định số: 7482 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02001

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: AMERICAN INTERNATIONAL ASSURANCE COMPANY, LIMITED (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn sở hữu trí tuệ Việt

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18995	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 7483 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02002

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21103	07/05/2019	2	07/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7484 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02003

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: SCHNEIDER ELECTRIC SOUTH EAST ASIA (HQ) PTE LTD (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20763	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7485 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02004

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
22426	04/11/2019	2	04/11/2021

Quyết định số: 7486 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02005

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
22426	04/11/2019	3	04/11/2022

Quyết định số: 7487 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02006

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
22426	04/11/2019	4	04/11/2023

Quyết định số: 7488 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02007

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
22426	04/11/2019	5	04/11/2024

Quyết định số: 7489 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02008

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
22426	04/11/2019	6	04/11/2025

Quyết định số: 7490 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02009

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21424	24/06/2019	2	24/06/2021

Quyết định số: 7491 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02010

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21424	24/06/2019	3	24/06/2022

Quyết định số: 7492 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02011

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21424	24/06/2019	4	24/06/2023

Quyết định số: 7493 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02012

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21424	24/06/2019	5	24/06/2024

Quyết định số: 7494 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02013

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21424	24/06/2019	6	24/06/2025

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7495 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02014

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: PMI ASH TECHNOLOGIES, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10342	31/05/2012	9	31/05/2021

Quyết định số: 7496 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02015

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: KOBO PDA CO. LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7026	05/05/2008	13	05/05/2021

Quyết định số: 7497 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02016

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: PHẠM VĂN VƯỢNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13884	17/03/2015	6	17/03/2021

Quyết định số: 7498 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02018

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: COMPAGNIE INDUSTRIELLE DE LA MATIERE VEGETALE CIMV (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13899	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 7499 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02019

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: ZAHORANSKY AG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20756	12/03/2019	2	12/03/2021

Quyết định số: 7500 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02020

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: UNICHARM CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20894	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 7501 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02022

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: UNICHARM CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20892	02/04/2019	2	02/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7502 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02023

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: 4SC DISCOVERY GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16768	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 7503 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02024

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: FUMAKILLA LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10189	11/04/2012	9	11/04/2021

Quyết định số: 7504 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02025

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: VŨ HUY TOÀN (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4195	25/03/2004	17	25/03/2021

Quyết định số: 7505 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02026

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: ADVANCED TECHNOLOGY HOLDINGS LTD (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18594	26/02/2018	3	26/02/2021

Quyết định số: 7506 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02028

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: ROBERT BOSCH GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18889	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 7507 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02029

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: TOTO LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18903	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 7508 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02030

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: LUBRIZOL ADVANCED MATERIALS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20811	19/03/2019	2	19/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7509 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02031

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: FMC AGRO SINGAPORE PTE. LTD. (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18811	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7510 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02033

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: RIO TINTO ALCAN INTERNATIONAL LIMITED (CA)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyền

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18749	12/03/2018	3	12/03/2021

Quyết định số: 7511 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02034

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: UBUKATA INDUSTRIES CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9309	30/05/2011	10	30/05/2021

Quyết định số: 7512 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02035

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: UBUKATA INDUSTRIES CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9310	30/05/2011	10	30/05/2021

Quyết định số: 7513 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02036

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: COUNCIL OF SCIENTIFIC AND INDUSTRIAL RESEARCH (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19017	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 7514 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02038

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: X & N (ZHONGSHAN) GAS TECHNOLOGY STOCK CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20315	11/12/2018	3	11/12/2021

Quyết định số: 7515 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02040

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6927	17/03/2008	13	17/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7516 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02042

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18994	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 7517 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02048

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15618	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 7518 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02049

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15616	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 7519 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02050

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: SHARP KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15258	14/03/2016	5	14/03/2021

Quyết định số: 7520 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02051

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: MAN B & W DIESEL A/S (DK)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5519	15/03/2006	15	15/03/2021

Quyết định số: 7521 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02052

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: MANI, INC (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10119	15/03/2012	9	15/03/2021

Quyết định số: 7522 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02054

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15265	14/03/2016	5	14/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7523 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02053

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: SHENZHEN CHINA STAR OPTOELECTRONICS TECHNOLOGY CO., LTD.
(CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15282	14/03/2016	5	14/03/2021

Quyết định số: 7524 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02055

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: J & P COATS LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4835	15/03/2005	16	15/03/2021

Quyết định số: 7525 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02056

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: RICOH COMPANY, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9160	15/03/2011	10	15/03/2021

Quyết định số: 7526 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02057

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: SOMETHING CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19301	23/05/2018	3	23/05/2021

Quyết định số: 7527 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02058

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: SCHEUCH GMBH (AT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20961	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7528 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02059

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: DAIKIN INDUSTRIES, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19149	02/05/2018	3	02/05/2021

Quyết định số: 7529 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02060

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: ALLERGAN, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15345	28/03/2016	5	28/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7530 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02061

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: PURAC BIOCHEM BV (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16721	21/03/2017	4	21/03/2021

Quyết định số: 7531 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02062

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: TELEFONAKTIEBOLAGET L M ERICSSON (PUBL) (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18833	20/03/2018	3	20/03/2021

Quyết định số: 7532 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02063

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: VESTERGAARD SA (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6234	20/03/2007	14	20/03/2021

Quyết định số: 7533 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02064

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: KEPPEL FLOATEC, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15320	28/03/2016	5	28/03/2021

Quyết định số: 7534 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02065

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: NOVEON, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7616	30/03/2009	12	30/03/2021

Quyết định số: 7535 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02066

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: FMC CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16724	21/03/2017	4	21/03/2021

Quyết định số: 7536 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02067

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: ACADEMIA SINICA (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11252	26/03/2013	8	26/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7537 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02068

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CHANNELL COMMERCIAL CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18884	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 7538 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02069

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: ASHLEY FURNITURE INDUSTRIES, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18885	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 7539 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02070

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: DORF KETAL CHEMICALS (INDIA) PRIVATE LIMITED (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18894	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 7540 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02071

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: TAKEDA PHARMACEUTICAL COMPANY LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11249	26/03/2013	8	26/03/2021

Quyết định số: 7541 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02072

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: TELEFONAKTIEBOLAGET L M ERICSSON (PUBL) (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16767	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 7542 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02074

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: SANKEI GIKEN CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21219	28/05/2019	2	28/05/2021

Quyết định số: 7543 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02075

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: MEDIGENE AG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9175	22/03/2011	10	22/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7544 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02077

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: COOPER, PAUL, ALAN (AU)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18695	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 7545 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02078

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: KIM, SEONG HYEON (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13888	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 7546 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02080

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: HANBON INDUSTRIES CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10346	31/05/2012	9	31/05/2021

Quyết định số: 7547 ngày: 01/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02081

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: GLENMARK PHARMACEUTICALS, S. A. (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14245	29/06/2015	6	29/06/2021

Quyết định số: 7591 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02082

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: JOINT-STOCK COMPANY "RUSSIAN STOCK COMPANY ASSOCIATION SPETZTEKHNIKA" (RU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7695	27/04/2009	12	27/04/2021

Quyết định số: 7592 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02083

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: FUJIMORI, SHUICHI (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18953	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7593 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02084

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16796	03/04/2017	4	03/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7594 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02085

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18934	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7595 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02086

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18981	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7596 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02087

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18982	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7597 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02088

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18991	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 7598 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02089

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19015	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 7599 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02090

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20926	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 7600 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02097

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19077	17/04/2018	3	17/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7601 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02091

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20927	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 7602 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02092

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20937	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 7603 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02093

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6290	10/04/2007	14	10/04/2021

Quyết định số: 7604 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02094

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20963	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7605 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02095

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19068	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7606 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02096

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19072	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7607 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02098

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19078	17/04/2018	3	17/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7608 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02099

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21092	07/05/2019	2	07/05/2021

Quyết định số: 7609 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02100

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21039	02/05/2019	2	02/05/2021

Quyết định số: 7610 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02101

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: HITACHI PLANT CONSTRUCTION, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16897	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 7611 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02103

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: A.J. WORLD CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ HA VIP

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19197	08/05/2018	3	08/05/2021

Quyết định số: 7612 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02104

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: ARISTON THERMO (CHINA) CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21158	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 7613 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02105

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: MAN DIESEL & TURBO SE, GERMANY (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12520	18/03/2014	7	18/03/2021

Quyết định số: 7614 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02109

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: GNSS TECHNOLOGIES INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11g	18/03/2013	8	18/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7615 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02110

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: KAO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13866	17/03/2015	6	17/03/2021

Quyết định số: 7616 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02111

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: KAO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13865	17/03/2015	6	17/03/2021

Quyết định số: 7617 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02112

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: GLAXOSMITHKLINE CONSUMER HEALTHCARE INVESTMENTS (NO.2) (IE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18201	02/01/2018	3	02/01/2021

Quyết định số: 7628 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02076

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: UNITED STATES GYPSUM COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16765	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 7629 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02106

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12516	18/03/2014	7	18/03/2021

Quyết định số: 7630 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02107

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11235	18/03/2013	8	18/03/2021

Quyết định số: 7631 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02108

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: MEDELA HOLDING AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11223	18/03/2013	8	18/03/2021

Quyết định số: 7659 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02115

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19082	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7660 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02117

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16844	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 7661 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02118

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7668	20/04/2009	12	20/04/2021

Quyết định số: 7662 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02119

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13992	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7663 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02120

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13993	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7664 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02121

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12657	21/04/2014	7	21/04/2021

Quyết định số: 7665 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02122

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10235	24/04/2012	9	24/04/2021

Quyết định số: 7666 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02123

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10236	24/04/2012	9	24/04/2021

Quyết định số: 7667 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02124

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16883	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 7668 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02125

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19092	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 7669 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02126

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: HANMI PHARM. CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21200	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 7670 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02127

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: KOREA UNITED PHARM, INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15586	06/06/2016	5	06/06/2021

Quyết định số: 7671 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02128

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: KOREA UNITED PHARM, INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12855	16/06/2014	7	16/06/2021

Quyết định số: 7672 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02129

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: LIU SUHUA (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Lê & Lê

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18880	26/03/2018	3	26/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7675 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02133

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: STUCCHI S.P.A (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Đại Diện

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14000	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7676 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02134

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21134	14/05/2019	2	14/05/2021

Quyết định số: 7677 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02135

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: INSTITUTE FOR MEDICAL RESEARCH (MY)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7636	07/04/2009	12	07/04/2021

Quyết định số: 7678 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02136

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: JX NIPPON OIL & ENERGY CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21222	28/05/2019	2	28/05/2021

Quyết định số: 7679 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02137

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: FUJI MANUFACTURING CORPORATION LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4910	05/05/2005	16	05/05/2021

Quyết định số: 7680 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02138

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: NS SOLUTIONS CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11402	20/05/2013	8	20/05/2021

Quyết định số: 7681 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02139

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: DIPSOL CHEMICALS CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20973	16/04/2019	2	16/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7682 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02140

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: DAIICHI SANKYO COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21206	28/05/2019	2	28/05/2021

Quyết định số: 7683 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02141

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: ORIENTNANO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19515	27/06/2018	3	27/06/2021

Quyết định số: 7684 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02142

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: EXT CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18869	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 7685 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02143

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: CRYSTALGENOMICS, INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21034	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 7686 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02144

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: ORTHO-MCNEIL-JANSSEN PHARMACEUTICALS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12573	31/03/2014	7	31/03/2021

Quyết định số: 7687 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02145

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: AUBEX CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyền

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19267	17/05/2018	3	17/05/2021

Quyết định số: 7689 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02147

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: TECHNO PROJECT LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20809	19/03/2019	2	19/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7690 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02148

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: IOULIA TSETI (GR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20640	19/02/2019	2	19/02/2021

Quyết định số: 7691 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02149

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: MANI, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8334	19/03/2010	11	19/03/2021

Quyết định số: 7692 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02150

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18785	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7693 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02151

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18791	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7694 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02152

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: RINNAI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18796	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7695 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02153

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: OUTOTEC (FINLAND) OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18818	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7696 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02154

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20788	19/03/2019	2	19/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7697 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02155

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20791	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7698 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02156

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20792	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7699 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02157

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20793	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7700 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02158

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20795	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7701 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02160

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: DAI NIPPON PRINTING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20806	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7702 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02161

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: TAISHO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20808	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 7703 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02163

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: SHANG, JIANZHONG (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18830	20/03/2018	3	20/03/2021

Quyết định số: 7704 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02164

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18836	20/03/2018	3	20/03/2021

Quyết định số: 7705 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02165

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: L'AIR LIQUIDE, SOCIETE ANONYME POUR L'ETUDE ET L'EXPLOITATION DES PROCEDES GEORGES CLAUDE (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18855	20/03/2018	3	20/03/2021

Quyết định số: 7706 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02166

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5545	21/03/2006	15	21/03/2021

Quyết định số: 7707 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02167

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10133	21/03/2012	9	21/03/2021

Quyết định số: 7708 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02168

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: BTC CONCEPT (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18806	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7709 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02170

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7608	23/03/2009	12	23/03/2021

Quyết định số: 7710 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02171

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13892	23/03/2015	3	23/03/2018

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7712 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02173

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: KABUSHIKI KAISHA TOA KOGYO (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13906	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 7713 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02175

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: LV, JIANJUN (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15290	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7714 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02176

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9165	22/03/2011	10	22/03/2021

Quyết định số: 7715 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02177

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: EVONIK DEGUSSA GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15293	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7716 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02178

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15300	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7717 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02179

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: HEINEKEN SUPPLY CHAIN B.V (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15301	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7718 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02180

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: RHENOFLEX GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18958	04/04/2018	3	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7719 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02181

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15309	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7720 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02182

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15311	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7721 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02183

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: KAWASAKI JUKOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15313	22/03/2016	5	22/03/2021

Quyết định số: 7722 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02184

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: BECKER MARINE SYSTEMS GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13804	03/03/2015	6	03/03/2021

Quyết định số: 7723 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02185

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: BECKER MARINE SYSTEMS GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18722	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 7900 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2019-09024

Ngày nộp: 11/12/2019

Chủ đơn: NUCOR CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14932	14/12/2015	5	14/12/2020

Quyết định số: 7901 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01137

Ngày nộp: 13/02/2020

Chủ đơn: HAKOGATA YOHEKI KENKYUSYO CORP (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15171	16/02/2016	5	16/02/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7903 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01467

Ngày nộp: 20/02/2020

Chủ đơn: NOKIA CORPORATION (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15242	08/03/2016	5	08/03/2021

Quyết định số: 7904 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2019-08281

Ngày nộp: 11/11/2019

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM ANIMAL HEALTH USA INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8053	09/11/2009	11	09/11/2020

Quyết định số: 7905 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01426

Ngày nộp: 20/02/2020

Chủ đơn: KRONES AG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20737	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 7906 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01436

Ngày nộp: 20/02/2020

Chủ đơn: ASAHI KASEI CHEMICALS CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11206	11/03/2013	8	11/03/2021

Quyết định số: 7907 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01498

Ngày nộp: 20/02/2020

Chủ đơn: SUNTORY HOLDINGS LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10142	21/03/2012	9	21/03/2021

Quyết định số: 7908 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2019-03036

Ngày nộp: 18/04/2019

Chủ đơn: MERCK SHARP & DOHME CORP. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18738	05/03/2018	4	05/03/2022

Quyết định số: 7909 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01495

Ngày nộp: 20/02/2020

Chủ đơn: ARIA ENTERPRISES, INC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16736	21/03/2017	4	21/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7910 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02021

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: THE FOUNDATION FOR THE PROMOTION OF SUPPLEMENTARY OCCUPATIONS AND RELATED TECHNIQUES OF HER MAJESTY QUEEN SIRIKIT (TH)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10196	11/04/2012	9	11/04/2021

Quyết định số: 7911 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02187

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: YAMATO INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9341	06/06/2011	10	06/06/2021

Quyết định số: 7913 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02189

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: MEIKOSEIKI CO., LTD. (JP)
Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21101	07/05/2019	2	07/05/2021

Quyết định số: 7914 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02190

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: BIOPROJET (FR)
Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8372	06/04/2010	11	06/04/2021

Quyết định số: 7915 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02192

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: GAZTRANSPORT ET TECHNIGAZ (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13944	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 7916 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02195

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: REGITEX CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9477	25/07/2011	10	25/07/2021

Quyết định số: 7917 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02194

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: GAZTRANSPORT ET TECHNIGAZ (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16845	17/04/2017	4	17/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7918 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02196

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: TECHNIP FRANCE (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20913	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 7919 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02197

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: UNIVERSITY OF TSUKUBA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8400	20/04/2010	11	20/04/2021

Quyết định số: 7920 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02198

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: SENTINEL ENGINEERING (M) SDN. BHD. (MY)

Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần Sở hữu trí tuệ BROSS và Cộng sự

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20890	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 7921 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02191

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: PIERRE FABRE DERMO-COSMETIQUE (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13988	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 7922 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02193

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: PIERRE FABRE MEDICAMENT (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16806	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 7923 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01882

Ngày nộp: 06/03/2020

Chủ đơn: DOLBY LABORATORIES LICENSING CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9166	22/03/2011	10	22/03/2021

Quyết định số: 7924 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02220

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: LAPIN CREATE, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18745	12/03/2018	3	12/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7925 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02216

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MATSUSHITA ELECTRIC WORKS, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4238	14/04/2004	17	14/04/2021

Quyết định số: 7926 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02199

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DENKI KAGAKU KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10202	11/04/2012	9	11/04/2021

Quyết định số: 7927 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02200

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16824	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 7928 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02201

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16818	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 7929 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02202

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: INVISTA TECHNOLOGIES S.A.R.L. (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16826	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 7930 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02203

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MATSUSHITA ELECTRIC WORKS, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
3764	29/08/2003	19	29/08/2022

Quyết định số: 7931 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02205

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SANOFI - AVENTIS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13967	13/04/2015	6	13/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7932 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02207

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13978	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 7933 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02208

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: AJINOMOTO CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13976	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 7934 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02209

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7648	13/04/2009	12	13/04/2021

Quyết định số: 7935 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02210

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KEIHIN CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13965	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 7936 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02211

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: OTSUKA PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7644	13/04/2009	12	13/04/2021

Quyết định số: 7937 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02212

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12641	14/04/2014	7	14/04/2021

Quyết định số: 7938 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02213

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12633	14/04/2014	7	14/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7939 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02214

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12631	14/04/2014	7	14/04/2021

Quyết định số: 7940 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02217

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DAI-ICHI KOGYO SEIYAKU CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12645	14/04/2014	7	14/04/2021

Quyết định số: 7941 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02221

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TASLY PHARMACEUTICAL GROUP CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12546	24/03/2014	7	24/03/2021

Quyết định số: 7942 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02222

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TASLY PHARMACEUTICAL GROUP CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12549	24/03/2014	7	24/03/2021

Quyết định số: 7943 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02223

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CHINA PETROLEUM & CHEMICAL CORPORATION (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15336	28/03/2016	5	28/03/2021

Quyết định số: 7944 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02224

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CATALYTIC DISTILLATION TECHNOLOGIES (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20896	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 7945 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02225

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: GOLDMINE WORLD, INC. D/B/A WORLD BANKCARD SERVICES (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11271	02/04/2013	8	02/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7946 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02226

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SHIN-ETSU CHEMICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20888	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 7947 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02227

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11283	02/04/2013	8	02/04/2021

Quyết định số: 7948 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02228

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11282	02/04/2013	8	02/04/2021

Quyết định số: 7949 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02229

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11280	02/04/2013	8	02/04/2021

Quyết định số: 7950 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02204

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CANON KABUSHIKIKAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
3543	13/05/2003	20	13/05/2023

Quyết định số: 7951 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02230

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8361	02/04/2010	11	02/04/2021

Quyết định số: 7952 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02231

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: YKK CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8364	02/04/2010	11	02/04/2021

Quyết định số: 7953 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02233

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CYTEC TECHNOLOGY CORP.
(US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16793	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 7954 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02234

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JFE STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16788	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 7955 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02235

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: FUJIKURA LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16787	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 7956 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02236

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: BANHAM PATENT LOCKS LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4864	01/04/2005	16	01/04/2021

Quyết định số: 7957 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02237

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: BANHAM PATENT LOCKS LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4865	01/04/2005	16	01/04/2021

Quyết định số: 7958 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02238

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20962	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7959 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02239

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KAO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20972	16/04/2019	2	16/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7960 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02240

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20975	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7961 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02241

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11318	16/04/2013	8	16/04/2021

Quyết định số: 7962 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02242

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11309	16/04/2013	8	16/04/2021

Quyết định số: 7963 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02243

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MITSUBISHI HITACHI POWER SYSTEMS, LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20951	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7964 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02244

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JX NIPPON MINING & METALS CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20986	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7965 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02245

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: J-OIL MILLS, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20981	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 7966 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02246

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIFCO INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20954	16/04/2019	2	16/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7967 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02247

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: UNI-CHARM CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11319	16/04/2013	8	16/04/2021

Quyết định số: 7968 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02248

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16861	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 7969 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02249

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DOW AGROSCIENCES LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19064	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7970 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02250

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19075	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7971 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02252

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUN PATENT TRUST (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19061	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7972 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02253

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUN PATENT TRUST (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19060	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7973 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02254

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PANASONIC INTELLECTUAL PROPERTY CORPORATION OF AMERICA (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19049	17/04/2018	3	17/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7974 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02255

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19073	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 7975 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02309

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: OATH INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13998	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7976 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02310

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HITACHI, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14012	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7977 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02311

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NTT DOCOMO, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14011	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7978 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02312

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14009	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7979 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02313

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14008	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 7980 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02314

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14002	20/04/2015	6	20/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7981 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02315

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12659	21/04/2014	7	21/04/2021

Quyết định số: 7982 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02316

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SCHNEIDER ELECTRIC INDUSTRIES SAS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12654	21/04/2014	7	21/04/2021

Quyết định số: 7983 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02317

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12651	21/04/2014	7	21/04/2021

Quyết định số: 7984 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02318

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TERUMO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16791	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 7985 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02319

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6281	03/04/2007	14	03/04/2021

Quyết định số: 7986 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02320

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: AMGEN INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18928	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7987 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02321

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10187	04/04/2012	9	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7988 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02322

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CRUCCELL HOLLAND B. V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10177	04/04/2012	9	04/04/2021

Quyết định số: 7989 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02323

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SANOFI (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18966	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7990 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02324

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SANOFI (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18965	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7991 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02325

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: LANXESS DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18944	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7992 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02326

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NITTO DENKO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18940	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7993 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02327

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SONY COMPUTER ENTERTAINMENT INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18980	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7994 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02328

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HITACHI, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18938	04/04/2018	3	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7995 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02329

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NTT DOCOMO, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18979	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7996 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02330

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MITSUBISHI GAS CHEMICAL COMPANY., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10179	04/04/2012	9	04/04/2021

Quyết định số: 7997 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02331

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: AJINOMOTO CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18951	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7998 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02332

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUN PATENT TRUST (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18937	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7999 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02333

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18978	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8000 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02334

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18975	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8001 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02335

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18962	04/04/2018	3	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8002 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02336

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18960	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8003 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02337

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18946	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8004 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02338

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7007	21/04/2008	13	21/04/2021

Quyết định số: 8005 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02339

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: E. I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21017	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8006 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02340

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CHR. HANSEN A/S (DK)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21010	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8007 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02341

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11344	23/04/2013	8	23/04/2021

Quyết định số: 8008 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02342

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NITTO DENKO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11338	23/04/2013	8	23/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8009 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02343

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21028	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8010 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02344

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PANASONIC INTELLECTUAL PROPERTY MANAGEMENT CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20995	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8011 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02345

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11337	23/04/2013	8	23/04/2021

Quyết định số: 8012 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02346

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MITSUBISHI ELECTRIC CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21033	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8013 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02348

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: YKK CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21038	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8014 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02349

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21032	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8015 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02350

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10242	24/04/2012	9	24/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8016 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02351

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15436	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 8017 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02352

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15419	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 8018 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02353

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NHK SPRING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15421	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 8019 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02354

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SHIKOKU CHEMICALS CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16878	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 8020 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02355

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TEIKOKU PHARMA USA, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16884	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 8021 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02357

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15433	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 8022 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02358

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15432	25/04/2016	5	25/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8023 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02359

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15431	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 8024 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02360

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15429	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 8025 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02361

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SEI OPTIFRONTIER CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16901	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 8026 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02362

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NTT DOCOMO, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19103	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8027 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02363

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19140	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8028 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02364

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19130	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8029 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02365

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JFE STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19128	26/04/2018	3	26/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8030 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02366

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JFE STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19109	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8031 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02367

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HOYA CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19096	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8032 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02368

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TOYOBO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19131	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8033 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02369

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUN PATENT TRUST (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19100	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8034 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02370

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JX NIPPON OIL & ENERGY CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19125	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8035 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02371

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TAIHO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19115	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8036 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02372

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TAIHO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19113	26/04/2018	3	26/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8037 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02347

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NISSIN KOGYO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21016	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8038 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02373

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NISSHIN FOODS INC (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19094	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8039 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02374

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19111	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8040 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02375

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8415	27/04/2010	11	27/04/2021

Quyết định số: 8041 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02376

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9247	27/04/2011	10	27/04/2021

Quyết định số: 8042 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02377

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18943	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8043 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02378

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18942	04/04/2018	3	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8044 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02379

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15350	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8045 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02380

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10183	04/04/2012	9	04/04/2021

Quyết định số: 8046 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02381

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MITSUBISHI CHEMICAL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18969	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8047 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02383

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUZUKI MOTOR CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18974	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8048 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02384

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: LIVEDO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15362	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8049 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02385

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CANON KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15352	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8050 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02386

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PHARMATON S.A. (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9216	06/04/2011	10	06/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8051 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02387

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13961	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8052 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02388

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIHON PARKERIZING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9214	06/04/2011	10	06/04/2021

Quyết định số: 8053 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02389

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MITSUBA CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8373	06/04/2010	11	06/04/2021

Quyết định số: 8054 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02390

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MJN U.S. HOLDINGS LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9204	06/04/2011	10	06/04/2021

Quyết định số: 8055 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02391

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9206	06/04/2011	10	06/04/2021

Quyết định số: 8056 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02393

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JFE STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12627	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 8057 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02394

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HISAMITSU PHARMACEUTICAL CO., INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12614	08/04/2014	7	08/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8058 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02395

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JANSSEN PHARMACEUTICA N.V. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4877	08/04/2005	16	08/04/2021

Quyết định số: 8059 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02396

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: FUJI ELECTRIC CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7673	27/04/2009	12	27/04/2021

Quyết định số: 8060 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02397

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12690	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8061 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02398

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12687	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8062 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02399

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12679	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8063 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02400

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO RUBBER INDUSTRIES, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12702	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8064 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02401

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12678	28/04/2014	7	28/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8065 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02402

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUZUKI MOTOR CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12684	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8066 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02403

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: UCB PHARMA, S.A. (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12691	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8067 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02404

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19186	02/05/2018	3	02/05/2021

Quyết định số: 8068 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02405

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ZIPPO MANUFACTURING COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11361	02/05/2013	8	02/05/2021

Quyết định số: 8069 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02406

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19148	02/05/2018	3	02/05/2021

Quyết định số: 8070 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02382

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MITSUBISHI HITACHI POWER SYSTEMS, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15354	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8071 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02392

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KABUSHIKI KAISHA KOBE SEIKO SHO (KOBE STEEL, LTD.) (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13938	06/04/2015	6	06/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8469 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02114

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19081	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8470 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02116

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: SAMSUNG ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16843	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 8471 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02132

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: BLUEWATER BIO LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18935	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8472 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02172

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: THE NISSHIN OILLIO GROUP, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13900	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 8473 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02169

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6230	20/03/2007	14	20/03/2021

Quyết định số: 8474 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02899

Ngày nộp: 14/04/2020

Chủ đơn: QUALCOMM INCORPORATED (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển giao công nghệ

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13948	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8476 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02162

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: YONG-SYUN SYU (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20828	19/03/2019	2	19/03/2021

Quyết định số: 8477 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01204

Ngày nộp: 18/02/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16516	24/01/2017	4	24/01/2021

Quyết định số: 8479 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-00844

Ngày nộp: 21/01/2020

Chủ đơn: BAYER INTELLECTUAL PROPERTY GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Ân Nam

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15176	16/02/2016	5	16/02/2021

Quyết định số: 8480 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02186

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: MPLUS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18996	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8481 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02407

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14027	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 8482 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02408

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14026	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 8483 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02411

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11369	06/05/2013	8	06/05/2021

Quyết định số: 8484 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02412

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ASTRAZENECA AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21098	07/05/2019	2	07/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8485 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02413

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19217	08/05/2018	3	08/05/2021

Quyết định số: 8486 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02414

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: 8 RIVERS CAPITAL LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16926	08/05/2017	4	08/05/2021

Quyết định số: 8487 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02415

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KING JIM CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19023	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8488 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02416

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: YAZAKI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20943	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8489 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02417

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20940	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8490 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02418

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20933	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8491 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02409

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14025	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 8492 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền

sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02410

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7703	05/05/2009	12	05/05/2021

Quyết định số: 8494 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-01715

Ngày nộp: 27/02/2020

Chủ đơn: NGUYỄN NHƠN HÒA (AU)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư Hoàng Danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
3560	22/05/2003	20	22/05/2023

Quyết định số: 8495 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02257

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19055	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8496 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02258

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16856	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 8497 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02259

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16855	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 8498 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02260

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16854	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 8499 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02261

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16848	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 8500 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền

sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02263

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KABUSHIKI KAISHA F.C.C. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19074	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8501 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02264

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: COMBI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5611	17/04/2006	15	17/04/2021

Quyết định số: 8502 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02266

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: UNI-CHARM CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19084	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8503 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02267

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: OUTDRY TECHNOLOGIES CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16857	17/04/2017	4	17/04/2021

Quyết định số: 8504 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02268

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: APPLE INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19063	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8505 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02272

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NTN CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10215	18/04/2012	9	18/04/2021

Quyết định số: 8506 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02273

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10214	18/04/2012	9	18/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8507 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02274

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DOW AGROSCIENCES LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15414	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 8508 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02279

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12604	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 8509 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02281

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIKE INNOVATE C.V. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20932	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8510 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02285

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19033	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8511 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02286

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19007	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8512 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02287

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JFE STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20922	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8513 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02288

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUN PATENT TRUST (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18998	09/04/2018	3	09/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8514 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02289

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19031	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8515 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02290

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19028	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8516 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02291

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19027	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8517 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02292

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KING JIM CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20936	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8518 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02293

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KING JIM CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20935	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8519 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02294

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JUKI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20919	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8520 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02295

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JUKI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20918	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8521 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02296

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: JUKI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20917	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8522 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02297

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12611	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 8523 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02298

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15411	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 8524 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02299

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KEISEI MEDICAL INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15398	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 8525 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02300

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON THERMOSTAT CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15413	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 8526 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02301

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PANASONIC CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9236	19/04/2011	10	19/04/2021

Quyết định số: 8527 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02302

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: YKK CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8397	19/04/2010	11	19/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8528 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02303

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TROY TECHNOLOGY CORPORATION, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9243	19/04/2011	10	19/04/2021

Quyết định số: 8529 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02304

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13999	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 8530 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02305

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13997	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 8531 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02271

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIKE INNOVATE C.V. (US)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10225	18/04/2012	9	18/04/2021

Quyết định số: 8532 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02306

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13995	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 8533 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02307

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NOKIA TECHNOLOGIES OY (FI)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13994	20/04/2015	6	20/04/2021

Quyết định số: 8534 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02308

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KRONES AKTIENGESELLSCHAFT (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14014	20/04/2015	6	20/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8571 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02419

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20929	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8572 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02420

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20923	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8573 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02421

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20906	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8574 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02422

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HUAWEI TECHNOLOGIES CO.,LTD. (CN)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20905	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8575 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02423

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6294	10/04/2007	14	10/04/2021

Quyết định số: 8576 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02424

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CHOEUN ENVIRONMENT CO.,LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16813	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 8577 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02425

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: AVENTIS PHARMA S.A. (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15386	11/04/2016	5	11/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8578 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02426

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: GROZ-BECKERT KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10205	11/04/2012	9	11/04/2021

Quyết định số: 8579 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02427

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KAO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16817	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 8580 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02428

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DONGJIN SEMICHEM CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5594	11/04/2006	15	11/04/2021

Quyết định số: 8581 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02429

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL CORPORATION (JP)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15378	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 8582 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02430

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: TOYO INK SC HOLDINGS CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15390	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 8583 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02431

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUN PATENT TRUST (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16812	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 8584 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02432

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16828	11/04/2017	4	11/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8585 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02433

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: UNITIKA LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15379	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 8586 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02434

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MAX CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10203	11/04/2012	9	11/04/2021

Quyết định số: 8587 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02435

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19244	16/05/2018	3	16/05/2021

Quyết định số: 8588 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02436

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19233	16/05/2018	3	16/05/2021

Quyết định số: 8589 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02437

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15510	16/05/2016	5	16/05/2021

Quyết định số: 8590 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02438

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10295	16/05/2012	9	16/05/2021

Quyết định số: 8591 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02439

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10292	16/05/2012	9	16/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8592 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02440

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SEMICONDUCTOR ENERGY LABORATORY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19274	17/05/2018	3	17/05/2021

Quyết định số: 8593 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02441

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19271	17/05/2018	3	17/05/2021

Quyết định số: 8594 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02442

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19270	17/05/2018	3	17/05/2021

Quyết định số: 8595 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02443

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12745	19/05/2014	7	19/05/2021

Quyết định số: 8596 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02444

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5665	19/05/2006	15	19/05/2021

Quyết định số: 8597 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02445

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5663	19/05/2006	15	19/05/2021

Quyết định số: 8598 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02446

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5657	19/05/2006	15	19/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8599 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02447

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11421	20/05/2013	8	20/05/2021

Quyết định số: 8600 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02448

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11410	20/05/2013	8	20/05/2021

Quyết định số: 8601 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02449

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIKE INNOVATE C.V. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21176	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 8602 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02450

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21191	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 8603 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02451

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21190	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 8604 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02452

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DSM IP ASSETS B.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21193	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 8605 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02453

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CUMBERLAND PHARMACEUTICALS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21166	21/05/2019	2	21/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8606 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02454

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: THE SUNRIDER CORPORATION DBA SUNRIDER INTERNATIONAL (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16974	23/05/2017	4	23/05/2021

Quyết định số: 8607 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02455

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15481	09/05/2016	5	09/05/2021

Quyết định số: 8608 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02456

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5629	09/05/2006	15	09/05/2021

Quyết định số: 8609 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02457

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19230	10/05/2018	3	10/05/2021

Quyết định số: 8610 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02458

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KURARAY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7711	11/05/2009	12	11/05/2021

Quyết định số: 8611 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02459

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7712	11/05/2009	12	11/05/2021

Quyết định số: 8612 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02460

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14056	12/05/2015	6	12/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8613 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02461

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14054	12/05/2015	6	12/05/2021

Quyết định số: 8614 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02462

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14053	12/05/2015	6	12/05/2021

Quyết định số: 8615 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02463

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14052	12/05/2015	6	12/05/2021

Quyết định số: 8616 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02464

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4294	12/05/2004	17	12/05/2021

Quyết định số: 8617 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02465

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: LANXESS DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11391	13/05/2013	8	13/05/2021

Quyết định số: 8618 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02466

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11382	13/05/2013	8	13/05/2021

Quyết định số: 8619 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02467

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11381	13/05/2013	8	13/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8620 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02468

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SPECIALTY FERTILIZER PRODUCTS LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16956	15/05/2017	4	15/05/2021

Quyết định số: 8621 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02469

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16967	15/05/2017	4	15/05/2021

Quyết định số: 8622 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02470

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16948	15/05/2017	4	15/05/2021

Quyết định số: 8623 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02471

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: INNOVATION & RESEARCH S.R.L. (IT)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15499	16/05/2016	5	16/05/2021

Quyết định số: 8624 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02472

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15486	16/05/2016	5	16/05/2021

Quyết định số: 8625 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02473

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ALFA LAVAL TANK EQUIPMENT A/S (DK)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10291	16/05/2012	9	16/05/2021

Quyết định số: 8626 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02474

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SEAONE HOLDINGS, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15487	16/05/2016	5	16/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8627 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02475

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIKE INNOVATE C.V. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21343	10/06/2019	2	10/06/2021

Quyết định số: 8628 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02476

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIKE INNOVATE C.V. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19440	13/06/2018	3	13/06/2021

Quyết định số: 8629 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02477

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SEMICONDUCTOR ENERGY LABORATORY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17077	13/06/2017	4	13/06/2021

Quyết định số: 8630 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02478

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17081	13/06/2017	4	13/06/2021

Quyết định số: 8631 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02479

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10374	13/06/2012	9	13/06/2021

Quyết định số: 8632 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02480

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: GROZ-BECKERT KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8524	14/06/2010	11	14/06/2021

Quyết định số: 8633 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02481

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14187	16/06/2015	6	16/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8634 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02482

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15623	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 8635 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02483

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15622	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 8636 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02484

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15621	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 8637 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02485

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15620	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 8638 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02486

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15619	20/06/2016	5	20/06/2021

Quyết định số: 8639 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02487

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ALFA LAVAL CORPORATE AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9379	20/06/2011	10	20/06/2021

Quyết định số: 8640 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02488

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ASTRAZENECA AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17113	20/06/2017	4	20/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8641 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02489

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SEMICONDUCTOR ENERGY LABORATORY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17092	20/06/2017	4	20/06/2021

Quyết định số: 8642 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02490

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MOLEX INCORPORATED (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9368	20/06/2011	10	20/06/2021

Quyết định số: 8643 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02491

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17112	20/06/2017	4	20/06/2021

Quyết định số: 8644 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02492

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17086	20/06/2017	4	20/06/2021

Quyết định số: 8645 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02493

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: GLAXO GROUP LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9304	23/05/2011	10	23/05/2021

Quyết định số: 8646 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02494

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10332	23/05/2012	9	23/05/2021

Quyết định số: 8647 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02495

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KONICA MINOLTA, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19305	23/05/2018	3	23/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8648 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02496

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KONICA MINOLTA, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19291	23/05/2018	3	23/05/2021

Quyết định số: 8649 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02497

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16987	23/05/2017	4	23/05/2021

Quyết định số: 8650 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02498

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16986	23/05/2017	4	23/05/2021

Quyết định số: 8651 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02499

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9289	23/05/2011	10	23/05/2021

Quyết định số: 8652 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02500

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SCHNEIDER ELECTRIC INDUSTRIES SAS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12762	26/05/2014	7	26/05/2021

Quyết định số: 8653 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02501

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12770	26/05/2014	7	26/05/2021

Quyết định số: 8654 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02502

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SK PLANET CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11434	27/05/2013	8	27/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8655 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02503

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11439	27/05/2013	8	27/05/2021

Quyết định số: 8656 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02504

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11425	27/05/2013	8	27/05/2021

Quyết định số: 8657 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02505

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21239	28/05/2019	2	28/05/2021

Quyết định số: 8658 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02506

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ZTE CORPORATION (CN)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21221	28/05/2019	2	28/05/2021

Quyết định số: 8659 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02507

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6369	28/05/2007	14	28/05/2021

Quyết định số: 8660 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02508

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19350	31/05/2018	3	31/05/2021

Quyết định số: 8661 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02509

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14151	01/06/2015	6	01/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8662 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02510

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14149	01/06/2015	6	01/06/2021

Quyết định số: 8663 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02511

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14144	01/06/2015	6	01/06/2021

Quyết định số: 8664 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02512

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SK PLANET CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12793	02/06/2014	7	02/06/2021

Quyết định số: 8665 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02513

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11449	03/06/2013	8	03/06/2021

Quyết định số: 8666 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02514

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21278	04/06/2019	2	04/06/2021

Quyết định số: 8667 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02515

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: AVENTIS PHARMA S.A. (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21262	04/06/2019	2	04/06/2021

Quyết định số: 8668 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02516

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6387	05/06/2007	14	05/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8669 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02517

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: NIKE INNOVATE C.V. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19395	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 8670 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02518

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CHR. HANSEN A/S (DK)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17033	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 8671 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02519

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: 8 RIVERS CAPITAL LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19405	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 8672 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02520

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17061	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 8673 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02521

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17060	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 8674 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02522

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17059	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 8675 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02523

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ASTRAZENECA AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15574	06/06/2016	5	06/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8676 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02524

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KONICA MINOLTA, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19400	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 8677 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02525

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19399	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 8678 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02526

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17056	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 8679 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02527

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17048	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 8680 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02528

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10367	06/06/2012	9	06/06/2021

Quyết định số: 8681 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02530

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14185	08/06/2015	6	08/06/2021

Quyết định số: 8682 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02531

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14166	08/06/2015	6	08/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8683 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02532

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SCHNEIDER ELECTRIC INDUSTRIES SAS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12826	09/06/2014	7	09/06/2021

Quyết định số: 8684 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02533

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9365	20/06/2011	10	20/06/2021

Quyết định số: 8685 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02535

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ASTRAZENECA AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19497	21/06/2018	3	21/06/2021

Quyết định số: 8686 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02536

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19508	21/06/2018	3	21/06/2021

Quyết định số: 8687 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02537

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19507	21/06/2018	3	21/06/2021

Quyết định số: 8688 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02538

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19506	21/06/2018	3	21/06/2021

Quyết định số: 8689 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02539

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5705	12/06/2006	15	12/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8690 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02541

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SCHNEIDER ELECTRIC INDUSTRIES SAS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7780	22/06/2009	12	22/06/2021

Quyết định số: 8691 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02542

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: MJN U.S. HOLDINGS LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8539	22/06/2010	11	22/06/2021

Quyết định số: 8692 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02543

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14232	22/06/2015	6	22/06/2021

Quyết định số: 8693 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02544

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8552	22/06/2010	11	22/06/2021

Quyết định số: 8694 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02546

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11522	24/06/2013	8	24/06/2021

Quyết định số: 8695 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02547

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11519	24/06/2013	8	24/06/2021

Quyết định số: 8696 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02548

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11516	24/06/2013	8	24/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8697 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02549

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11515	24/06/2013	8	24/06/2021

Quyết định số: 8698 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02550

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ASTRAZENECA AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17118	27/06/2017	4	27/06/2021

Quyết định số: 8699 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02256

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19065	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8700 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02551

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: BIOGEN MA INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17139	27/06/2017	4	27/06/2021

Quyết định số: 8701 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02552

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SEMICONDUCTOR ENERGY LABORATORY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19543	28/06/2018	3	28/06/2021

Quyết định số: 8702 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02553

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HONDA MOTOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7801	29/06/2009	12	29/06/2021

Quyết định số: 8703 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02554

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ FPT (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20878	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8704 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02555

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ FPT (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20880	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8705 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02556

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ FPT (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20883	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8706 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02557

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: UNILIN, BVBA (BE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20907	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8707 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02558

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: RICHTER GEDEON NYRT. (HU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10343	31/05/2012	9	31/05/2021

Quyết định số: 8708 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02559

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: RICHTER GEDEON NYRT. (HU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11443	27/05/2013	8	27/05/2021

Quyết định số: 8709 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02560

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CHEVRON PHILLIPS CHEMICAL COMPANY LP (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19112	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8710 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02561

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KT CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20992	23/04/2019	2	23/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8711 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02562

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HELSINN HEALTHCARE S.A. (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10218	18/04/2012	9	18/04/2021

Quyết định số: 8712 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02563

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ARCELORMITTAL INVESTIGACION Y DESARROLLO SL (ES)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19047	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8713 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02564

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DOLBY LABORATORIES LICENSING CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20949	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 8714 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02565

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CONOCOPHILLIPS COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4878	08/04/2005	16	08/04/2021

Quyết định số: 8715 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02567

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SOLLAC (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4886	08/04/2005	16	08/04/2021

Quyết định số: 8716 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02568

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PURDUE PHARMA L.P. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13945	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8717 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02569

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: ELI LILLY AND COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18973	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8718 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02570

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DOLBY INTERNATIONAL AB (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18922	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8719 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02571

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DOLBY INTERNATIONAL AB (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16781	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 8720 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02572

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: VALLOUREC DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20886	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8721 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02573

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: CROSSFOR CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Dương và Đồng sự

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20873	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8722 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02574

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KBA-NOTASYS SA (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15374	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 8723 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02575

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: KBA-NOTASYS SA (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15373	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 8724 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02576

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: DAIKIN INDUSTRIES, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19324	24/05/2018	3	24/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8725 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02577

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: APDN (B.V.I) INC. (VG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9182	29/03/2011	10	29/03/2021

Quyết định số: 8726 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02578

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: HITACHI, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20911	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8727 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02581

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: LUPIN LIMITED (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19416	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 8728 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02582

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PRICOL LIMITED (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10162	28/03/2012	9	28/03/2021

Quyết định số: 8729 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02566

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: BECTON DICKINSON AND COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11292	08/04/2013	8	08/04/2021

Quyết định số: 8868 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02587

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: YUPOONG, INC. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19564	28/06/2018	3	28/06/2021

Quyết định số: 8869 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02588

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: JAHWA ELECTRONICS CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19164	02/05/2018	3	02/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8870 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02586

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: DAEWOONG PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15458	04/05/2016	5	04/05/2021

Quyết định số: 8871 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02589

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: KOREA INSTITUTE OF CONSTRUCTION TECHNOLOGY (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6899	10/03/2008	13	10/03/2021

Quyết định số: 8872 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02590

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: LG CHEM, LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12694	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8873 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02591

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: POSCO (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19133	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 8874 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02592

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: MITSUI MINING & SMELTING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16965	15/05/2017	4	15/05/2021

Quyết định số: 8875 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02594

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: BORYUNG PHARMACEUTICAL CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13960	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8876 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02595

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: CHONG KUN DANG PHARMACEUTICAL CORP. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19004	09/04/2018	3	09/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8877 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02596

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: HANMI SCIENCE CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19018	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8878 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02597

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: KOREA RESEARCH INSTITUTE OF CHEMICAL TECHNOLOGY (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13984	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 8879 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02598

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: LG HOUSEHOLD & HEALTH CARE LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11330	23/04/2013	8	23/04/2021

Quyết định số: 8880 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02599

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: SEOUL NATIONAL UNIVERSITY INDUSTRY FOUNDATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7677	27/04/2009	12	27/04/2021

Quyết định số: 8881 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02600

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: HANMI SCIENCE CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11348	02/05/2013	8	02/05/2021

Quyết định số: 8882 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02601

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: NOPADOL VICHIENTPRAKARN (TH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Lê & Lê

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7269	23/09/2008	13	23/09/2021

Quyết định số: 8883 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02602

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: RICOH COMPANY, LIMITED (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6952	24/03/2008	13	24/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8884 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02603

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6957	24/03/2008	13	24/03/2021

Quyết định số: 8885 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02604

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: BLUESCOPE STEEL LIMITED (AU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18901	26/03/2018	3	26/03/2021

Quyết định số: 8886 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02605

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: INDUSTRIE DE NORA S.P.A. (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20848	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 8887 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02606

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20866	26/03/2019	2	26/03/2021

Quyết định số: 8888 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02607

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6250	27/03/2007	14	27/03/2021

Quyết định số: 8889 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02609

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16755	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 8890 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02610

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: EISAI R&D MANAGEMENT CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10155	28/03/2012	9	28/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8891 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02611

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: TAISHO PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16760	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 8892 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02612

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: GALA INDUSTRIES, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16761	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 8893 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02613

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: TAIYO NIPPON SAN SO CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16772	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 8894 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02614

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15324	28/03/2016	5	28/03/2021

Quyết định số: 8895 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02615

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: SHARP KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16773	27/03/2017	4	27/03/2021

Quyết định số: 8896 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02616

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: SHENZHEN CHINA STAR OPTOELECTRONICS TECHNOLOGY CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15328	28/03/2016	5	28/03/2021

Quyết định số: 8897 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02617

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8352	29/03/2010	11	29/03/2021

Quyết định số: 8898 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02618

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8354	29/03/2010	11	29/03/2021

Quyết định số: 8899 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02619

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: RICOH COMPANY, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9184	29/03/2011	10	29/03/2021

Quyết định số: 8900 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02620

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13891	23/03/2015	6	23/03/2021

Quyết định số: 8901 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02623

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: TOYO SEIKAN GROUP HOLDINGS, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13912	30/03/2015	6	30/03/2021

Quyết định số: 8902 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02624

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: RINNAI CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13926	30/03/2015	6	30/03/2021

Quyết định số: 8903 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02625

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: SHARP KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13934	30/03/2015	6	30/03/2021

Quyết định số: 8904 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02626

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6968	31/03/2008	13	31/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8905 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02627

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12579	31/03/2014	7	31/03/2021

Quyết định số: 8906 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02628

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12583	31/03/2014	7	31/03/2021

Quyết định số: 8907 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02629

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NAM THÀNH NINH THUẬN (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6303	16/04/2007	14	16/04/2021

Quyết định số: 8908 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02630

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: PIAGGIO & C. S.P.A. (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17000	23/05/2017	4	23/05/2021

Quyết định số: 8909 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02631

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: WANG, JEN-CHIEH (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7659	20/04/2009	12	20/04/2021

Quyết định số: 8911 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02637

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: CALMARK SWEDEN AKTIEBOLAG (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21005	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8912 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02643

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: JAPAN OIL, GAS AND METALS NATIONAL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16792	03/04/2017	4	03/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8913 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02641

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: MAINETTI S.P.A (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D &N

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9293	23/05/2011	10	23/05/2021

Quyết định số: 8915 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02647

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ TOÀN GIA (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18912	28/03/2018	3	28/03/2021

Quyết định số: 8916 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02639

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: HAMIL SELENA CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21978	16/09/2019	2	16/09/2021

Quyết định số: 8917 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02640

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: KOVEA CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D &N

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18961	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8918 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02635

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: ZENSHIN CO.,LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15440	04/05/2016	5	04/05/2021

Quyết định số: 8919 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02646

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17073	13/06/2017	4	13/06/2021

Quyết định số: 8920 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02633

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: CENTENNIAL TECHNOLOGY COMPANY (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13962	06/04/2015	6	06/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8921 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02644

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: SATAKE CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11377	06/05/2013	8	06/05/2021

Quyết định số: 8922 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02645

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: SANYANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19434	07/06/2018	3	07/06/2021

Quyết định số: 8923 ngày: 20/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02642

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: JAPAN OIL, GAS AND METALS NATIONAL CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15389	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 8926 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02708

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18947	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8927 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02707

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18948	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8928 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02706

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18949	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8929 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02705

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18950	04/04/2018	3	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8930 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02704

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL & SUMIKIN METAL PRODUCTS CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18956	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8931 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02703

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NUCOR CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13958	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8932 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02702

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNICHARM CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20893	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8933 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02701

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12884	18/06/2014	7	18/06/2021

Quyết định số: 8934 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02700

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NGK SPARK PLUG CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19396	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 8935 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02698

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: OPTIMA SOLUTIONS UK LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10298	16/05/2012	9	16/05/2021

Quyết định số: 8936 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02697

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: TOSHIBA LIFESTYLE PRODUCTS & SERVICES CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21062	02/05/2019	2	02/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8937 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02696

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NOVARTIS AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12681	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8938 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02695

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: BAYER INTELLECTUAL PROPERTY GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20991	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 8939 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02694

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: TASLY PHARMACEUTICAL GROUP CO., LTD (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12672	21/04/2014	7	21/04/2021

Quyết định số: 8940 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02693

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NOK CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20953	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 8941 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02691

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NOVARTIS AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20956	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 8942 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02690

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NOVARTIS AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7003	14/04/2008	13	14/04/2021

Quyết định số: 8943 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02685

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: BAYER INTELLECTUAL PROPERTY GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18941	04/04/2018	3	04/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8944 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02684

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: MONSANTO TECHNOLOGY LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18954	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8945 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02676

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YOOHO DEVELOPMENT & CONSTRUCTION CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18927	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8946 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02675

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: DELFORTGROUP AG (AU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18977	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8947 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02709

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: SONY CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18926	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8948 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02692

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YEKALON INDUSTRY INC. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11305	16/04/2013	8	16/04/2021

Quyết định số: 8949 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02689

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: FITNESS ANYWHERE LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11286	08/04/2013	8	08/04/2021

Quyết định số: 8950 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02688

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: FITNESS ANYWHERE LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11287	08/04/2013	8	08/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8951 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02687

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NOVARTIS AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12621	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 8952 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02686

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: TASLY PHARMACEUTICAL GROUP CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12601	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 8953 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02683

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: BAYER PHARMA AKTIENGESELLSCHAFT (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20901	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 8954 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02682

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: METALLURGICAL DESIGN INSTITUTE OF SHANDONG PROVINCE (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10104	06/03/2012	9	06/03/2021

Quyết định số: 8955 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02681

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI ĐÀO TRUNG HƯNG (VN)

Đại diện của chủ đơn: Văn phòng Luật sư A Hoà

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16069	10/10/2016	5	10/10/2021

Quyết định số: 8956 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02680

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: PIMCO 2664 LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21356	18/06/2019	2	18/06/2021

Quyết định số: 8957 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02679

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: HAEMONETICS CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21012	23/04/2019	2	23/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8958 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02678

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMATO SEWING MACHINE MEG. CO. LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trí Việt và Cộng sự

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20921	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 8959 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02677

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: ZHEJIANG XINNONG CHEMICAL CO.,LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12675	21/04/2014	7	21/04/2021

Quyết định số: 8960 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02674

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: CHOI, SHIN-KYU (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18918	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8961 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02737

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: KWON YOUNG-JUN (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8401	20/04/2010	11	20/04/2021

Quyết định số: 8962 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02711

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18919	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8963 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02720

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16803	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 8964 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02734

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: PAION UK LIMITED (GB)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19013	09/04/2018	3	09/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8965 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02735

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: TOTO LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7651	13/04/2009	12	13/04/2021

Quyết định số: 8966 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02724

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11268	02/04/2013	8	02/04/2021

Quyết định số: 8967 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02727

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: SENJU METAL INDUSTRY CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20734	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 8968 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02730

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: CHUGAISEIYAKU KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21205	28/05/2019	2	28/05/2021

Quyết định số: 8969 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02722

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: SIEMENS AKTIENGESELLSCHAFT (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16801	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 8970 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02733

Ngày nộp: 30/03/2020

Chủ đơn: PAQUES I.P. B.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH quốc tế BMVN

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15331	28/03/2016	5	28/03/2021

Quyết định số: 8971 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02732

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: NGUYỄN HỒNG SƠN (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20872	28/03/2019	2	28/03/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8972 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02710

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18924	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8973 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02719

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: SANKI ENGINEERING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6984	07/04/2008	13	07/04/2021

Quyết định số: 8974 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02714

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15365	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8975 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02718

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13954	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8976 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02723

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16784	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 8977 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02729

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: GREE ELECTRIC APPLIANCES INC. OF ZHUHAI (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9246	27/04/2011	10	27/04/2021

Quyết định số: 8978 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02739

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: IN MOTION AS (NO)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12693	28/04/2014	7	28/04/2021

Quyết định số: 8979 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02712

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18916	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 8980 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02713

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15366	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8981 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02725

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: L'HOTEL FRANCOIS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
4871	01/04/2005	16	01/04/2021

Quyết định số: 8982 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02736

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: SIEM WIS AS (NO)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17025	30/05/2017	4	30/05/2021

Quyết định số: 8983 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02715

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15356	04/04/2016	5	04/04/2021

Quyết định số: 8984 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02726

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: DRITTE PATENTPORTFOLIO BETEILIGUNGSGESELLSCHAFT MBH & CO.KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20740	05/03/2019	2	05/03/2021

Quyết định số: 8985 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02728

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: YU-FEN CHI (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16834	11/04/2017	4	11/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8986 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02731

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: CHEE AH MEE (MY)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7618	30/03/2009	12	30/03/2021

Quyết định số: 8987 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02717

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13957	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8988 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02738

Ngày nộp: 31/03/2020

Chủ đơn: BEST WHASUNG CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8413	27/04/2010	11	27/04/2021

Quyết định số: 8989 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02699

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: TOSHIBA LIFESTYLE PRODUCTS & SERVICES CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21181	21/05/2019	2	21/05/2021

Quyết định số: 8990 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02716

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13959	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 8991 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02282

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: E. I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18986	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 8992 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02283

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: GIVI S.P.A. (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18992	09/04/2018	3	09/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 8993 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02545

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: INVISTA TECHNOLOGIES S.A R.L. (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21419	24/06/2019	2	24/06/2021

Quyết định số: 8994 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02265

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SANTEN PHARMACEUTICAL CO.,LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5595	17/04/2006	15	17/04/2021

Quyết định số: 8995 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02219

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: GENOMATICA INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18752	12/03/2018	3	12/03/2021

Quyết định số: 8996 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02206

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: SHIN-ETSU CHEMICAL CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13971	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 8997 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02251

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: PANASONIC CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19066	17/04/2018	3	17/04/2021

Quyết định số: 8998 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02742

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: FAHIM TECHNOLOGY, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18193	02/01/2018	3	02/01/2021

Quyết định số: 8999 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02740

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: MEDETECT AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21046	02/05/2019	2	02/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9000 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02741

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: CHUNG, SANG MIN (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20910	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 9001 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02743

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: SMARTFLEX INNOVATION PTE. LTD. (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17200	11/07/2017	4	11/07/2021

Quyết định số: 9002 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02744

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: NIPPON STEEL & SUMIKIN METAL PRODUCTS CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19323	24/05/2018	3	24/05/2021

Quyết định số: 9003 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02745

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: FMC AGRO SINGAPORE PTE. LTD. (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8366	02/04/2010	11	02/04/2021

Quyết định số: 9004 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02746

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: MILLENNIUM PHARMACEUTICALS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11265	02/04/2013	8	02/04/2021

Quyết định số: 9005 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02747

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: NOVATION IQ LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11273	02/04/2013	8	02/04/2021

Quyết định số: 9006 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02748

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: MOTOROLA, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
6265	03/04/2007	14	03/04/2021

Quyết định số: 9007 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02749

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: OWENS-BROCKWAY GLASS CONTAINER INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8374	06/04/2010	11	06/04/2021

Quyết định số: 9008 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02750

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: FMC AGRO SINGAPORE PTE. LTD. (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13940	06/04/2015	6	06/04/2021

Quyết định số: 9009 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02751

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: TRANSITIONS OPTICAL, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18959	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 9010 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02752

Ngày nộp: 01/04/2020

Chủ đơn: MILLENNIUM PHARMACEUTICALS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16795	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 9011 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02753

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: NATIONZ TECHNOLOGIES INC. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16790	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 9012 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02754

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: SCG BUILDING MATERIALS CO., LTD. (TH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11310	16/04/2013	8	16/04/2021

Quyết định số: 9013 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02755

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: NATIONZ TECHNOLOGIES INC. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15430	25/04/2016	5	25/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9014 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02759

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: MKR-J CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19104	26/04/2018	3	26/04/2021

Quyết định số: 9015 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02760

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: LABORATORIO AVI-MEX, S.A. DE C.V. (MX)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19179	02/05/2018	3	02/05/2021

Quyết định số: 9016 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02761

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: BECKER MARINE SYSTEMS GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16725	21/03/2017	4	21/03/2021

Quyết định số: 9017 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02762

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: JOHN J. FISCHER (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16804	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 9018 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02765

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: RICHTER GEDEON NYRT. (HU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21353	18/06/2019	2	18/06/2021

Quyết định số: 9019 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02768

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: GENERAL ELECTRIC TECHNOLOGY GMBH (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21029	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 9020 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02769

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: JIANGSU TASLY DIYI PHARMACEUTICAL CO., LTD (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21359	18/06/2019	2	18/06/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9021 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02770

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: TASLY PHARMACEUTICAL GROUP CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19495	21/06/2018	3	21/06/2021

Quyết định số: 9022 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02771

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: CAZZARO MARIO (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12772	26/05/2014	7	26/05/2021

Quyết định số: 9023 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02772

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: LIU, SUHUA (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Đại Tín và Liên Danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21307	10/06/2019	2	10/06/2021

Quyết định số: 9024 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02773

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: CENTRO DE INGENIERIA GENETICA Y BIOTECNOLOGIA (CU)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9271	09/05/2011	10	09/05/2021

Quyết định số: 9025 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02774

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: PLEXXIKON INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12618	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 9026 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02776

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: A.R. ARENA PRODUCTS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18990	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9027 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02777

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: MASSACHUSETTS INSTITUTE OF TECHNOLOGY (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19019	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9028 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02778

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: F. HOFFMANN-LA ROCHE AG (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18987	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9029 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02779

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: DUN AND BRADSTREET CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19020	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9030 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02781

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: PROCESS METRIX (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19006	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9031 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02782

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: FORTREND TAIWAN SCIENTIFIC CORP. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Trường Xuân

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19152	02/05/2018	3	02/05/2021

Quyết định số: 9033 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02758

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: CG ENGINEERING & CONSULTING CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15424	25/04/2016	5	25/04/2021

Quyết định số: 9164 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02721

Ngày nộp: 27/03/2020

Chủ đơn: SHISEIDO COMPANY LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16794	03/04/2017	4	03/04/2021

Quyết định số: 9166 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02763

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: DPC CO., LTD (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19365	31/05/2018	3	31/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9167 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02764

Ngày nộp: 06/04/2020

Chủ đơn: LOTTE CO., LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16930	08/05/2017	4	08/05/2021

Quyết định số: 9168 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02275

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15408	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 9169 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02775

Ngày nộp: 07/04/2020

Chủ đơn: KEURIG GREEN MOUNTAIN, INC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12609	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 9170 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02276

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15407	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 9171 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02277

Ngày nộp: 23/03/2020

Chủ đơn: M&K HOLDINGS INC (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15406	19/04/2016	5	19/04/2021

Quyết định số: 9193 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02798

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: THE A2 MILK COMPANY LIMITED (NZ)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
11312	16/04/2013	8	16/04/2021

Quyết định số: 9194 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02783

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: TIC GUMS, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21063	02/05/2019	2	02/05/2021

Quyết định số: 9196 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02801

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: BRIDGESTONE CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12613	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 9197 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02797

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: THE A2 MILK COMPANY LIMITED (NZ)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8381	12/04/2010	11	12/04/2021

Quyết định số: 9198 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02788

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: FMC AGRO SINGAPORE PTE. LTD. (SG)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
9228	13/04/2011	10	13/04/2021

Quyết định số: 9199 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02791

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: XUZHOU ZM-BESTA HEAVY STEEL STRUCTURE CO., LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
14035	04/05/2015	6	04/05/2021

Quyết định số: 9200 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02785

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: GILEAD SCIENCES, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16827	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 9201 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02796

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: UMG ABS, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21398	24/06/2019	2	24/06/2021

Quyết định số: 9202 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02799

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: KIM, HONG BAE (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19045	17/04/2018	3	17/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9203 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02792

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: NISSIN KOGYO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21653	06/08/2019	2	06/08/2021

Quyết định số: 9204 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02802

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12616	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 9205 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02786

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: ILLINOIS TOOL WORKS INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16841	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 9206 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02790

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: NISSIN KOGYO CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21652	06/08/2019	2	06/08/2021

Quyết định số: 9207 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02800

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: DAE SUNG GOLDEN TECHNOLOGY CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12605	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 9208 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02784

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: ARBOR THERAPEUTICS, LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17042	06/06/2017	4	06/06/2021

Quyết định số: 9209 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02787

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: PFIZER PRODUCTS INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8385	13/04/2010	11	13/04/2021

Quyết định số: 9210 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02789

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: MILLER, JAMES, V. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19585	03/07/2018	3	03/07/2021

Quyết định số: 9211 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02794

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: ROSS, OWEN VENMORE (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19003	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9212 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02803

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: BIOARCTIC NEUROSCIENCE AB (SE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10279	08/05/2012	9	08/05/2021

Quyết định số: 9213 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02807

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM ANIMAL HEALTH USA INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12522	18/03/2014	7	18/03/2021

Quyết định số: 9215 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02817

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: ATOTECH DEUTSCHLAND GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15382	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 9216 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02804

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: AVEMIS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15375	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 9217 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02810

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19016	09/04/2018	3	09/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9218 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02823

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
8386	13/04/2010	11	13/04/2021

Quyết định số: 9219 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02826

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: BÙI HỮU PHƯỚC (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần Tư vấn S&B

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
18913	02/04/2018	3	02/04/2021

Quyết định số: 9220 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02835

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: TA-XAN AG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
10221	18/04/2012	9	18/04/2021

Quyết định số: 9221 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02837

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: GEOX S.P.A. (IT)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỀN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13964	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 9223 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02822

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: UNILEVER N.V. (NL)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
7647	13/04/2009	12	13/04/2021

Quyết định số: 9224 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02827

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: CJ CHEILJEDANG CORPORATION (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyền

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20965	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 9225 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02842

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: OSG SYSTEM PRODUCTS CO.,LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16875	25/04/2017	6	25/04/2023

Quyết định số: 9226 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02809

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19002	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9227 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02811

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: SONY CORPORATION (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19024	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9228 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02813

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: CB-BIZ LIMITED LIABILITY COMPANY (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20942	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 9229 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02816

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH & CO. KG (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
5586	11/04/2006	15	11/04/2021

Quyết định số: 9230 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02820

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: ISHIHARA SANGYO KAISHA, LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16830	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 9231 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02825

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: YAMAHA HATSUDOKI KABUSHIKI KAISHA (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13987	13/04/2015	6	13/04/2021

Quyết định số: 9232 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02834

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: SHANGHAI BOILER WORKS, LTD. (CN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH Phạm và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
17388	29/08/2017	4	29/08/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9233 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02839

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: SABINSA CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
12717	12/05/2014	7	12/05/2021

Quyết định số: 9234 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02840

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: OSG SYSTEM PRODUCTS CO.,LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16875	25/04/2017	4	25/04/2021

Quyết định số: 9235 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02841

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: OSG SYSTEM PRODUCTS CO.,LTD (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16875	25/04/2017	5	25/04/2022

Quyết định số: 9237 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02806

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: KIM, WOO YONG (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16825	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 9238 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02808

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: DAI NIPPON PRINTING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19001	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9239 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02838

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: ORYZON GENOMICS, S.A. (ES)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
21148	14/05/2019	2	14/05/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9241 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02819

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: SHINDENGEN ELECTRIC MANUFACTURING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
16821	11/04/2017	4	11/04/2021

Quyết định số: 9242 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02812

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: BOEHRINGER INGELHEIM VETMEDICA GMBH (DE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
20925	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 9243 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02814

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: SHINDENGEN ELECTRIC MANUFACTURING CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
19316	24/05/2018	3	24/05/2021

Quyết định số: 9244 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02818

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
15385	11/04/2016	5	11/04/2021

Quyết định số: 9245 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT1-2020-02824

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: MITSUI CHEMICALS, INC. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
13983	13/04/2015	6	13/04/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

b - Duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ ĐƠN LIÊN QUAN
1	6986w/TB-SHTT	28/05/2020	DT2-2020-01864	2-0001678
2	6987w/TB-SHTT	28/05/2020	DT2-2020-01858	2-0001719
3	6988w/TB-SHTT	28/05/2020	DT2-2020-01782	2-0002048
4	7426w/TB-SHTT	30/05/2020	DT2-2020-01942	2-0001169
5	7479w/TB-SHTT	30/05/2020	DT2-2020-01998	2-0001760
6	7480w/TB-SHTT	30/05/2020	DT2-2020-01999	2-0002032
7	7618w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02017	2-0001299
8	7619w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02027	2-0002038
9	7620w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02032	2-0001680
10	7621w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02037	2-0002157
11	7622w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02043	2-0001429
12	7623w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02045	2-0001428
13	7624w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02046	2-0001453
14	7625w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02047	2-0001881
15	7626w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02079	2-0001690
16	7627w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02102	2-0001691
17	7633w/TB-SHTT	02/06/2020	DT2-2020-02041	2-0001494
18	7673w/TB-SHTT	03/06/2020	DT2-2020-02130	2-0002266
19	7674w/TB-SHTT	03/06/2020	DT2-2020-02131	2-0001381
20	7688w/TB-SHTT	03/06/2020	DT2-2020-02146	2-0001683
21	7902w/TB-SHTT	11/06/2020	DT2-2019-07967	2-0001801
22	7912w/TB-SHTT	11/06/2020	DT2-2020-02188	2-0001978
23	8478w/TB-SHTT	17/06/2020	DT2-2020-01185	2-0001644
24	8493w/TB-SHTT	17/06/2020	DT2-2020-01772	2-0001669
25	8910w/TB-SHTT	22/06/2020	DT2-2020-02593	2-0001392
26	8914w/TB-SHTT	20/06/2020	DT2-2020-02648	2-0001418
27	9032w/TB-SHTT	22/06/2020	DT2-2020-02756	2-0002014
28	9172w/TB-SHTT	23/06/2020	DT2-2019-07409	2-0001193
29	9195w/TB-SHTT	23/06/2020	DT2-2020-02793	2-0002041
30	9214w/TB-SHTT	23/06/2020	DT2-2020-02828	2-0001696
31	9222w/TB-SHTT	23/06/2020	DT2-2020-02829	2-0001697
32	9236w/TB-SHTT	23/06/2020	DT2-2020-02830	2-0002034
33	9240w/TB-SHTT	23/06/2020	DT2-2020-02805	2-0002033

Duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Quyết định số: 6986 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-01864

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: ISEKI & CO., LTD. (JP)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1678	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 6987 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-01858

Ngày nộp: 05/03/2020

Chủ đơn: VIỆN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG, VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Đỉnh Cao và cộng sự Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1719	10/05/2018	3	10/05/2021

Quyết định số: 6988 ngày: 28/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-01782

Ngày nộp: 03/03/2020

Chủ đơn: TRẦN ĐÌNH GIAO (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2048	15/05/2019	2	15/05/2021

Quyết định số: 7426 ngày: 01/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-01942

Ngày nộp: 10/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN
HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH AMBYS Hà Nội

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1169	08/04/2014	7	08/04/2021

Quyết định số: 7479 ngày: 01/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-01998

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: KWANG YANG MOTOR CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Nghiên cứu và Tư vấn chuyển giao công nghệ và đầu tư

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1760	06/06/2018	3	06/06/2021

Quyết định số: 7480 ngày: 01/05/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-01999

Ngày nộp: 11/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐẠI HỌC XÂY DỰNG (NUCETECH) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sáng chế ACTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2032	09/04/2019	2	09/04/2021

Quyết định số: 7618 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02017

Ngày nộp: 12/03/2020

Chủ đơn: PHẠM VĂN VƯỢNG (VN)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1299	05/10/2015	6	05/10/2021

Quyết định số: 7619 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02027

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: HUANG, YU-CHENG (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn Phạm Anh Nguyên

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2038	23/04/2019	2	23/04/2021

Quyết định số: 7620 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02032

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: KARSTEN MANUFACTURING CORPORATION (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1680	19/03/2018	3	19/03/2021

Quyết định số: 7621 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02037

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: NGUYỄN VĂN LƯỢNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2157	23/09/2019	2	23/09/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7622 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02043

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1429	12/09/2016	5	12/09/2021

Quyết định số: 7623 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02045

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1428	12/09/2016	5	12/09/2021

Quyết định số: 7624 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02046

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1453	31/10/2016	5	31/10/2021

Quyết định số: 7625 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02047

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1881	08/10/2018	3	08/10/2021

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7626 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02079

Ngày nộp: 16/03/2020

Chủ đơn: HORNG CHI MACHINE INDUSTRY CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Cổ phần Hỗ trợ phát triển công nghệ Detech

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1690	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7627 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02102

Ngày nộp: 17/03/2020

Chủ đơn: STEMPEUTICS RESEARCH PVT. LTD. (IN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH T&T INVENMARK Sở hữu trí tuệ Quốc tế

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1691	04/04/2018	3	04/04/2021

Quyết định số: 7633 ngày: 02/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02041

Ngày nộp: 13/03/2020

Chủ đơn: PHAN TẤN BỆN (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH sở hữu trí tuệ AGL

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1494	21/02/2017	4	21/02/2021

Quyết định số: 7673 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02130

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: ĐOÀN HIỆP (VN)

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2266	23/12/2019	2	23/12/2021

Quyết định số: 7674 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02131

Ngày nộp: 18/03/2020

Chủ đơn: ĐOÀN HIỆP (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1381	11/05/2016	5	11/05/2021

Quyết định số: 7688 ngày: 03/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02146

Ngày nộp: 19/03/2020

Chủ đơn: CROWN PACKAGING TECHNOLOGY, INC. (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Ban Ca

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1683	20/03/2018	3	20/03/2021

Quyết định số: 7902 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2019-07967

Ngày nộp: 22/10/2019

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG (ELCOM) (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty cổ phần Tư vấn S&B

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1801	30/07/2018	2	30/07/2020

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 7912 ngày: 11/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-02188

Ngày nộp: 20/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN HAPRAS VIỆT NAM (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1978	02/01/2019	2	02/01/2021

Quyết định số: 8478 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích : DT2-2020-01185

Ngày nộp: 18/02/2020

Chủ đơn: TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1644	05/02/2018	3	05/02/2021

Quyết định số: 8493 ngày: 17/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-01772

Ngày nộp: 28/02/2020

Chủ đơn: NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1669	05/03/2018	3	05/03/2021

Quyết định số: 8910 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế: DT2-2020-02593

Ngày nộp: 24/03/2020

Chủ đơn: DAEWOONG PHARMACEUTICAL CO., LTD. (KR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH WINCO

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1392	06/06/2016	5	06/06/2021

Quyết định số: 8914 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02648

Ngày nộp: 25/03/2020

Chủ đơn: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CƠ KHÍ TOÀN GIA (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1418	15/08/2016	5	15/08/2021

Quyết định số: 9032 ngày: 22/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02756

Ngày nộp: 03/04/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VIỆT NHẤT (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn ALIATLEGAL

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2014	02/04/2019	2	02/04/2021

Quyết định số: 9172 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2019-07409

Ngày nộp: 01/10/2019

Chủ đơn: VIỆN NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ CHẾ TẠO MÁY NÔNG NGHIỆP (RIAM) (VN)

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1193	28/07/2014	6	28/07/2020

CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SỐ 388 TẬP B - QUYỂN 1 (07.2020)

Quyết định số: 9195 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02793

Ngày nộp: 08/04/2020

Chủ đơn: AVATACK CO., LTD. (TW)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2041	07/05/2019	2	07/05/2021

Quyết định số: 9214 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02828

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN VI NA MIT (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1696	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9222 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02829

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN VI NA MIT (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
1697	09/04/2018	3	09/04/2021

Quyết định số: 9236 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02830

Ngày nộp: 10/04/2020

Chủ đơn: TRẦN THÁI (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyển

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2034	16/04/2019	2	16/04/2021

Quyết định số: 9240 ngày: 23/06/2020 về việc ghi nhận yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: DT2-2020-02805

Ngày nộp: 09/04/2020

Chủ đơn: ĐỖ ĐỨC THẮNG (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Sáng chế ACTIP

(11) Số bằng	(15) Ngày cấp	Năm yêu cầu duy trì hiệu lực	Hiệu lực được duy trì đến
2033	09/04/2019	2	09/04/2021

3 - CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ

a - Cấp lại bằng độc quyền Sáng chế

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ BẢNG LIÊN QUAN
1	6703w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2020-00210	1-0018945
2	6704w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2019-01305	1-0018650
3	6705w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2019-01306	1-0016547
4	6706w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2019-01627	1-0016085
5	6707w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2020-00366	1-0005607
6	6708w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2019-01309	1-0021748
7	6709w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2019-01307	1-0019976
8	6710w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2020-00163	1-0012088
9	6711w/QĐ-SHTT	01/06/2020	RB1-2020-00164	1-0016306
10	7440w/QĐ-SHTT	15/06/2020	RB1-2020-00096	1-0019636
11	7441w/QĐ-SHTT	15/06/2020	RB1-2020-00558	1-0018180

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6703w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 21449/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 04/04/2018

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2020-00210

Ngày nộp đơn: 21/02/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 18945 cấp ngày 04/04/2018.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

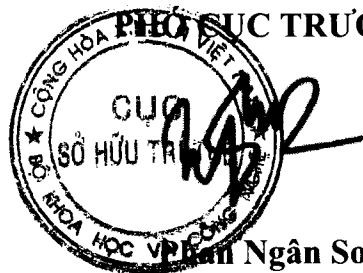
ke
Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6704w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 14445/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 05/03/2018

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2019-01305

Ngày nộp đơn: 10/09/2019

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 18650 cấp ngày 05/03/2018.

(Cấp lại lần thứ: 01)

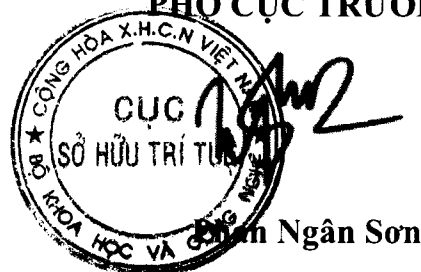
Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HC
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đỗ Văn Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6705w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 7585/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 07/02/2017

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2019-01306

Ngày nộp đơn: 10/09/2019

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 16547 cấp ngày 07/02/2017.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HC
Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Phạm Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6706w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 64219/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 10/10/2016

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2019-01627

Ngày nộp đơn: 07/11/2019

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 16085 cấp ngày 10/10/2016.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

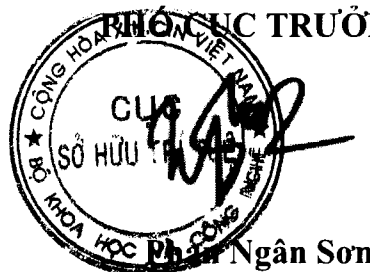
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

đc
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6707w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: A3399/QĐ-ĐK

Ngày cấp: 17/04/2006

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2020-00366

Ngày nộp đơn: 23/03/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 5607 cấp ngày 17/04/2006.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

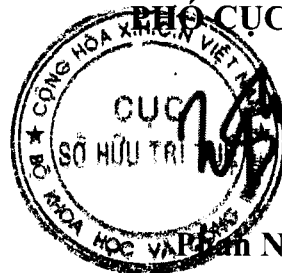
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6708w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 69727/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 19/08/2019

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2019-01309

Ngày nộp đơn: 10/09/2019

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 21748 cấp ngày 19/08/2019.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Ke
Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Phan Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6709w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 67339/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 26/09/2018

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2019-01307

Ngày nộp đơn: 10/09/2019

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 19976 cấp ngày 26/09/2018.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

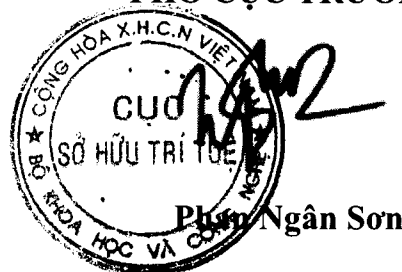
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

He
Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6710w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 65987/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 26/11/2013

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2020-00163

Ngày nộp đơn: 12/02/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 12088 cấp ngày 26/11/2013.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

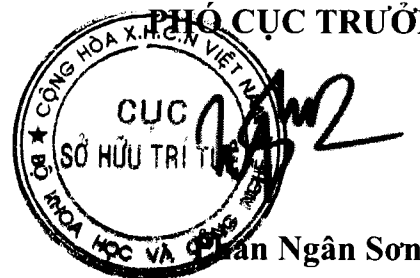
Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6711w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 79050/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 05/12/2016

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2020-00164

Ngày nộp đơn: 12/02/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 16306 cấp ngày 05/12/2016.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

He
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7440w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 48709/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 10/07/2018

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2020-00096

Ngày nộp đơn: 21/01/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 19636 cấp ngày 10/07/2018.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Phan Ngân Sơn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7441w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp lại Bằng độc quyền sáng chế
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế:

Số: 111/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 02/01/2018

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB1-2020-00558

Ngày nộp đơn: 12/05/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền sáng chế số 18180 cấp ngày 02/01/2018.

(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

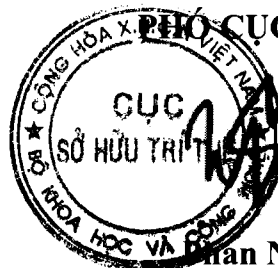
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Ngân Sơn

b - Cấp lại Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ CẦU YÊU	SỐ BẢNG LIÊN QUAN
1	7109w/TB-SHTT	11/06/2020	RB2-2020-00605	4-0002257

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7109w/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp lại Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 18.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ Quyết định cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích:

Số: 107392/QĐ-SHTT

Ngày cấp: 28/11/2019

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại văn bằng bảo hộ:

Số đơn: RB2-2020-00605

Ngày nộp đơn: 20/05/2020

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 2257 cấp ngày 28/11/2019.

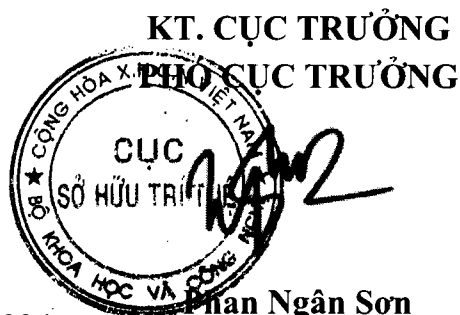
(Cấp lại lần thứ: 01)

Điều 2. Ghi nhận quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về giải pháp hữu ích và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



4 - KHIẾU NẠI

Sáng chế

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ ĐƠN/BẢNG LIÊN QUAN
1	2298/QĐ-SHTT	19/06/2020	KN1-2010-00010	1-2009-01274
2	2299/QĐ-SHTT	19/06/2020	KN1-2013-00006	1-2008-03175
3	2300/QĐ-SHTT	19/06/2020	KN1-2010-00007	1-2009-01516
4	2301/QĐ-SHTT	19/06/2020	KN1-2014-00014	1-2010-03405
5	2302/QĐ-SHTT	19/06/2020	KN1-2013-00003	1-2012-00542

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2298/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lưu Hồng Dũng
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKH-CN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đơn khiếu nại số KN1-2010-00010 ngày 04/8/2010 của người khiếu nại Lưu Hồng Dũng, địa chỉ: 409/2 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội; khiếu nại Quyết định số 29240/QĐ-SHTT ngày 10/6/2010 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 1-2009-01274.

I. Nội dung khiếu nại

Sáng chế “Phương pháp tạo lập và kiểm tra chữ ký số, trên cơ sở phát sinh vành elliptic trong các trường hữu hạn vectơ, để chứng thực các văn bản điện tử” theo đơn số 1-2009-01274 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 29240/QĐ-SHTT ngày 10/6/2010 với lý do: đơn có các thiếu sót nêu tại điểm 13.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKH-CN ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn và



mặc dù đã được Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu sửa chữa (Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 65657/SHTT-SC1, ngày 05/11/2009), nhưng quá thời hạn quy định, chủ đơn vẫn không sửa chữa và không có công văn trả lời Thông báo nêu trên.

Người khiếu nại Lưu Hồng Dũng không có ý kiến phản đối Quyết định số 29240/QĐ-SHTT ngày 10/6/2010 của Cục Sở hữu trí tuệ, mà chỉ bổ sung bản mô tả để khắc phục thiếu sót nêu trong Thông báo kết quả thẩm định hình thức nêu trên và đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục thẩm định đơn số 1-2009-01274.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý từ chối:

Theo quy định tại điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/BKHCN), trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn.

2. Nhận định, đánh giá:

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại số KN1-2010-00010, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng:

- Trong đơn khiếu nại nêu trên, người khiếu nại chưa cung cấp lý do xác đáng cho việc không trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 65657/SHTT-SC1 ngày 05/11/2009 của Cục, vì vậy việc người nộp đơn đã nhận được Thông báo của Cục, mà không trả lời trong thời hạn ấn định là thuộc trách nhiệm của người nộp đơn.

- Tài liệu được nộp cùng với đơn khiếu nại số KN1-2010-00010 chưa khắc phục được hết các thiếu sót nêu trong Thông báo nêu trên, chẳng hạn như yêu cầu bảo hộ không được viết thành một câu, thiếu phân loại sáng chế quốc tế. Vì vậy, đơn 1-2009-01274 vẫn có các thiếu sót nêu tại điểm 13.6.a Thông tư nêu trên, ảnh hưởng đến tính hợp lệ của đơn.

III. Kết luận


Trên cơ sở các tài liệu hiện có và với các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung khiếu nại của người khiếu nại là không có cơ sở, nên áp dụng điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 1-2009-01274.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

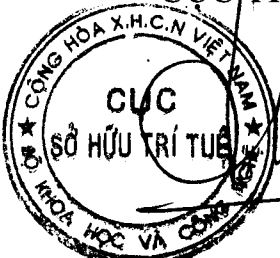
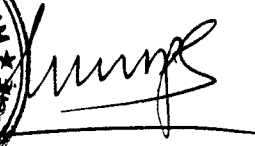
Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 29240/QĐ-SHTT ngày 10/6/2010 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với sáng chế “Phương pháp tạo lập và kiểm tra chữ ký số, trên cơ sở phát sinh vành elliptic trong các trường hữu hạn vector, để chứng thực các văn bản điện tử” theo đơn số 1-2009-01274.

Điều 2. Nếu có đủ căn cứ chứng minh rằng Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ là trái với quy định của pháp luật, người khiếu nại Lưu Hồng Dũng có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại tòa án.

Điều 3. Trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và người khiếu nại Lưu Hồng Dũng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- SC (để biết);
- Lưu: VT, HS, TTKN (2).

CỤC TRƯỞNG


Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2299/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của
Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đơn khiếu nại số KNI-2013-00006 ngày 16/4/2013 của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu; đại diện bởi: Văn phòng Luật Sư A Hòa; khiếu nại Quyết định số 8049/QĐ-SHTT ngày 08/02/2013 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế cho đơn số 1-2008-03175.

I. Nội dung khiếu nại

Sáng chế “Quy trình và thiết bị đồng bộ sản xuất bloc bê tông nhẹ” theo đơn số 1-2008-03175 bị từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế theo Quyết định số 8049/QĐ-SHTT ngày 08/02/2013 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ với lý



do hết thời hạn ấn định, chủ đơn vẫn không sửa chữa các thiếu sót nêu trong công văn số 39654/SHTT-SC1 ngày 26/11/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu được đại diện bởi Văn phòng Luật Sư A Hòa có ý kiến phản đối như sau:

Ngày 26/11/2012, Cục Sở hữu trí tuệ ra công văn số 39654/SHTT-SC1 thông báo về các thiếu sót trong đơn 1-2008-03175. Do thất lạc thư từ, nên người nộp đơn không nhận được công văn này, vì vậy không kịp thời khắc phục các thiếu sót trong thời hạn ấn định.

Đồng thời với đơn khiếu nại nêu trên, Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu đã nộp bản mô tả để khắc phục các thiếu sót nêu trong công văn 39654/SHTT-SC1.

Với các ý kiến như trên, Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu đề nghị Cục xem xét lại Quyết định số 8049/QĐ-SHTT ngày 08/2/2013 nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý từ chối:

Theo quy định tại điểm 15.7.b Thông tư số 01/2007/BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/BKHCN), nếu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm 15.7.a (i) Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Cục Sở hữu trí tuệ đã gửi công văn số 39654/SHTT-SC1 ngày 26/11/2012 cho người nộp đơn theo đúng địa chỉ nêu trong Tờ khai đăng ký, vì vậy việc không trả lời công văn của Cục trong thời hạn ấn định không thuộc trách nhiệm của Cục Sở hữu trí tuệ.

Trong đơn khiếu nại nêu trên, người khiếu nại có ý kiến rằng do thất lạc thư từ, nên người nộp đơn không nhận được công văn này, vì vậy không kịp thời khắc phục các thiếu sót trong thời hạn ấn định.

Theo công văn 39654/SHTT-SC1, giải pháp theo đơn số 1-2008-03175 đáp ứng điều kiện bảo hộ và việc thông báo dự định cấp văn bằng bảo hộ có thể nhanh chóng được tiến hành, nếu bản mô tả của đơn đã khắc phục các thiếu sót nêu trên.

Sau khi xem xét bản mô tả do Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu bổ sung kèm theo đơn khiếu nại nêu trên, Cục Sở hữu thấy rằng bản mô tả đã khắc phục các thiếu sót nêu trong công văn 39654/SHTT-SC1, cụ thể là:

- Loại bỏ điểm 7 ra khỏi Yêu cầu bảo hộ do trùng với điểm 1.
- Tên sáng chế đã được sửa lại thành “Quy trình chế tạo bloc bê tông nhẹ bằng thiết bị đồng bộ” cho phù hợp với bản chất của đối tượng nêu trong bản mô tả.

Trên cơ sở xem xét nội dung đơn khiếu nại nêu trên, thấy rằng đơn sáng chế nêu trên đã đáp ứng các điều kiện bảo hộ sáng chế, nên Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận không áp dụng điểm 15.7 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với đơn số 51-2008-03175 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp đơn trong việc đăng ký sáng chế.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có và với các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu là có cơ sở, nên không áp dụng điểm 15.7.b Thông tư số 01/2007/BKHCN để từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với đơn số 1-2008-03175.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ Quyết định số 8049/QĐ-SHTT ngày 08/02/2013 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với sáng chế “Quy trình và thiết bị đồng bộ sản xuất bloc bê tông nhẹ” theo đơn số 1-2008-03175.

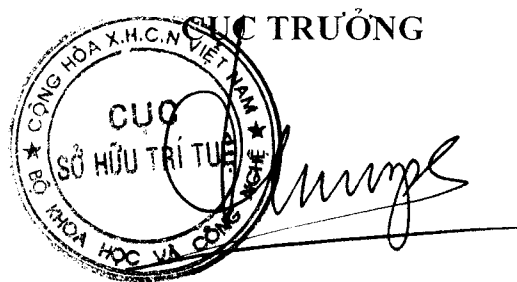


Điều 2. Thực hiện các thủ tục tiếp tục thẩm định cho đơn số 1-2008-03175.

Điều 3. Trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, Giám đốc Trung tâm Thẩm định Sáng chế, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Doanh nghiệp tư nhân sản xuất Trung Hậu (qua Văn phòng Luật sư A Hòa) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS, TTKN (2).



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 230/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ông/bà Nguyễn Ngọc Linh
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đơn khiếu nại số KNI-2010-00007 ngày 08/6/2010 của người khiếu nại Nguyễn Ngọc Linh; đại diện bởi: Công ty TNHH dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA; khiếu nại Quyết định số 9449/QĐ-SHTT ngày 11/3/2010 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 1-2009-01516.

I. Nội dung khiếu nại

Sáng chế “Phương pháp sản xuất sắt xốp trong lò luyện than cốc” theo đơn số 1-2009-01516 bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ theo Quyết định số 9449/QĐ-SHTT ngày 11/3/2010 với lý do hết thời hạn ấn định, người nộp đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 74229/SHTT-SC3 ngày 15/12/2009 của Cục Sở hữu trí tuệ.



Người khiếu nại Nguyễn Ngọc Linh được đại diện bởi Công ty TNHH dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA có ý kiến phản đối như sau:

1. Về nguyên nhân không trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 74229/SHTT-SC3 ngày 15/12/2009 của Cục Sở hữu trí tuệ:

So với Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 51440/SHTT-SC3 ngày 09/9/2009 (sau đây gọi là Thông báo thứ nhất), Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 74229/SHTT-SC3 ngày 15/12/2009 (sau đây gọi là Thông báo thứ hai) không đưa ra các vấn đề mới hay lý lẽ mới. Do vậy, việc trả lời Thông báo thứ hai cũng chỉ là việc lặp lại các lý luận đã nêu trong công văn số P155-01/XNHT của người nộp đơn trả lời Thông báo thứ nhất. Như vậy, vấn đề sẽ chỉ được giải quyết trong phạm vi giới hạn giữa một bên là người nộp đơn và Tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp và bên kia là Phòng Sáng chế số 3, nơi đơn được thụ lý.

Để khắc phục tình trạng này, người nộp đơn chủ động chọn biện pháp để đơn bị từ chối vì chỉ khi đó có thể khiếu nại lên Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại (Phòng TTKN). Nói cách khác, vấn đề sẽ được xem xét từ góc độ của bên thứ ba là Phòng TTKN.

2. Về yêu cầu cung cấp phần “Ví dụ thực hiện sáng chế” và phần “Những lợi ích có thể đạt được” của Cục Sở hữu trí tuệ:

Đối tượng của sáng chế được bộc lộ trong đơn nêu trên về bản chất là sử dụng một thiết bị đã biết (lò luyện than cốc) cho một chức năng mới (luyện sắt xốp) được thể hiện dưới dạng phương pháp bao gồm các công đoạn và các điều kiện kỹ thuật để thực hiện các công đoạn này.

Người khiếu nại cho rằng, trong đơn đăng ký sáng chế nêu trên, người nộp đơn đã tuân thủ tất cả các quy định pháp luật về việc mô tả phương pháp, tuy nhiên trong các Thông báo thứ nhất và thứ hai, Cục Sở hữu trí tuệ đã yêu cầu cung cấp phần “Ví dụ thực hiện sáng chế” và phần “Những lợi ích có thể đạt được” là không phù hợp với các lý do dưới đây:

(a) Việc yêu cầu phải chỉ ra ít nhất một ví dụ về phương pháp sản xuất một lượng sắt xốp cụ thể nhằm chứng minh khả năng áp dụng dụng đối tượng nêu trong đơn và khả năng đạt được mục đích đề ra theo sáng chế là vô lý vì: (i) để chỉ ra một ví dụ như vậy, người nộp đơn phải tiến hành sản xuất thật sự để có được các thông số nêu trong ví dụ này, trong khi đó ngay sau khi tạo ra giải

pháp kỹ thuật có khả năng đăng ký, thì người nộp đơn phải tiến hành các thủ tục nộp đơn ngay lập tức để đảm bảo quyền ưu tiên. Luật không bắt buộc người nộp đơn phải thực hiện quy trình trước khi đăng ký; (ii) để đáp ứng yêu cầu này thì người nộp đơn buộc phải đưa ra các thông số cụ thể mang tính dự kiến mà không dựa trên một quy trình đang vận hành thật sự. Các thông số tính toán có thể khác các thông số thực nghiệm và người thứ ba có thể căn cứ vào đó yêu cầu vô hiệu Bằng sáng chế được cấp; và (iii) khả năng áp dụng và khả năng đạt được mục đích đề ra của giải pháp được đánh giá theo các tiêu chí của Luật chứ không căn cứ vào ví dụ cụ thể.

(b) Việc yêu cầu nêu rõ các thông tin về chi phí đầu tư ban đầu và chi phí sản xuất sắt xốp, cũng như giá thành của sắt xốp thu được theo sáng chế và so sánh giá thành của sắt xốp thu được theo sáng chế và sắt xốp thu được theo giải pháp đã biết để chứng minh hiệu quả của sáng chế là đòi hỏi vô lý do: (i) để đưa ra các thông tin về chi phí đầu tư ban đầu, chi phí sản xuất sắt xốp, và giá thành của sắt xốp thu được, người nộp đơn phải tiến hành sản xuất thực sự mới có được; điều này sẽ dẫn đến các bất cập như nêu ở mục (a); (ii) các thông số này chỉ mang tính thời sự và phụ thuộc vào nhiều yếu tố không liên quan đến sáng chế như chi phí mua lò, chi phí mua nguyên liệu, khả năng của người quản lý; và (iii) việc so sánh giá thành của sắt xốp thu được theo sáng chế và sắt xốp thu được theo giải pháp đã biết là vô lý do sắt xốp theo sáng chế người nộp đơn chưa sản xuất, nên không xác định được, còn giá thành của sắt xốp thu được theo giải pháp đã biết thì người nộp đơn không biết.

Với các lý do nêu trên, người khiếu nại đề nghị Cục xem xét lại Quyết định nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý từ chối:

Theo quy định tại điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/BKHCN), trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo kết quả thẩm định hình thức với dự định từ chối chấp nhận đơn vì đơn

không hợp lệ theo quy định tại điểm 13.6.a của Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã ấn định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn và gửi cho người nộp đơn.

2. Nhận định, đánh giá:

2.1. Về nguyên nhân không trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 74229/SHTT-SC3 ngày 15/12/2009 của Cục Sở hữu trí tuệ

Người nộp đơn đã nhận được Thông báo kết quả thẩm định hình thức số 74229/SHTT-SC3 ngày 15/12/2009. Vì vậy, việc không trả lời Thông báo kết quả thẩm định hình thức nêu trên trong thời hạn ấn định là thuộc trách nhiệm của người nộp đơn.

Trong đơn khiếu nại nêu trên, người khiếu nại cho rằng so với nội dung của Thông báo thứ nhất, Thông báo thứ hai không đưa ra các vấn đề mới hay lý lẽ mới, nên người nộp đơn chủ động không trả lời để Cục ra Quyết định từ chối chấp nhận đơn, sau đó làm thủ tục khiếu nại để được một đơn vị khác không phải đơn vị đang xử lý đơn này xem xét một cách khách quan. Tuy nhiên, đây không phải là lý do bất khả kháng để không phải trả lời công văn của Cục theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, việc người nộp đơn cho rằng nội dung của Thông báo thứ hai không đưa ra vấn đề mới hay lý lẽ mới so với Thông báo thứ nhất là không chính xác do trong Thông báo thứ hai, Cục đề nghị người nộp đơn khắc phục các thiếu sót được chỉ ra trong Thông báo thứ nhất, mà công văn số P155-01/XNHT ngày 28/9/2009 chưa khắc phục.

Với các lý do như nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng việc người nộp đơn không trả lời Thông báo số 74229/SHTT-SC3 ngày 15/12/2009 là không phù hợp với quy định tại điểm 13.7 Thông tư nêu trên.

2.2. Về yêu cầu cung cấp phần “Ví dụ thực hiện sáng chế” và phần “Những lợi ích có thể đạt được” của Cục Sở hữu trí tuệ

Sau khi xem xét ý kiến của người khiếu nại về yêu cầu cung cấp phần “Ví dụ thực hiện sáng chế” và phần “Những lợi ích có thể đạt được” trong Thông báo nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng yêu cầu này là có cơ sở, cụ thể là:

(a) Đơn 1-2009-01516 được xử lý theo Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ban hành ngày 14/02/2007. Theo quy định tại điểm 23.6.b. (vii) của Thông tư này, trong bản mô tả phải có phần “Ví dụ thực hiện sáng chế” và phần “Những lợi ích có thể đạt được”.

(b) Trong đơn 1-2009-01516, người nộp đơn yêu cầu bảo hộ “Phương pháp sản xuất sắt xộp trong lò luyện than cốc” với chi phí đầu tư ban đầu và chi phí sản xuất giảm, thì việc cung cấp ví dụ thực hiện phương pháp là điều cần thiết để khẳng định được sáng chế có đạt được mục đích “giảm chi phí đầu tư và chi phí sản xuất” hay không với lý do: giải pháp kỹ thuật trong đơn đã tận dụng lò luyện than cốc, nhưng phải tiến hành thêm một số công đoạn như nghiền quặng, thêm phụ gia, tạo viên, bọc vỏ và để thu được sắt xộp sau khi nung, phải thêm công đoạn loại lớp vỏ bọc (phương pháp chưa đề cập đến công đoạn này). Hơn nữa, do các viên quặng được bọc vỏ, nên phải tốn thêm năng lượng cho quy trình sản xuất sắt và trong mỗi công đoạn lại phải trang bị thêm thiết bị thực hiện. Vì vậy, không thể khẳng định là phương pháp theo sáng chế có chi phí sản xuất thấp hơn phương pháp thông thường, trừ khi người nộp đơn đưa ra ví dụ cụ thể để chứng minh phương pháp theo sáng chế đạt được mục đích đề ra.

Tương tự như vậy, người nộp đơn cần so sánh về các chi phí cho nguyên liệu, chi phí đầu tư thiết bị, ... của các phương pháp sản xuất sắt xộp thông thường với phương pháp sản xuất sắt xộp theo sáng chế tại cùng thời điểm và trong cùng điều kiện để chứng minh hiệu quả của sáng chế. Nếu người nộp đơn chưa làm việc này, thì không có căn cứ để người nộp đơn khẳng định rằng phương pháp sản xuất sắt xộp theo sáng chế có chi phí đầu tư và chi phí sản xuất giảm so với phương pháp đã biết. Như vậy, các lập luận của người nộp đơn là không xác đáng.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có và với các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung khiếu nại của người khiếu nại là không có cơ sở, nên áp dụng điểm 13.7 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn số 1-2009-01516.

Từ những nhận định và căn cứ trên,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 9449/QĐ-SHTT ngày 11/3/2010 về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ đối với sáng chế “Phương pháp sản xuất sắt xộp trong lò luyện than cốc” theo đơn số 1-2009-01516.


Điều 2. Nếu có đủ căn cứ chứng minh rằng Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ là trái với quy định của pháp luật, người khiếu nại Nguyễn Ngọc Linh có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại tòa án.

Điều 3. Trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và người khiếu nại Nguyễn Ngọc Linh (qua Công ty TNHH dịch vụ sở hữu trí tuệ ALPHA) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- SC (để biết);
- Lưu: VT, HS, TTKN (2).

CỤC TRƯỞNG



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2301/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Đức Quang
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

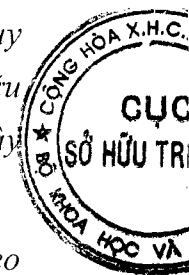
Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKH-CN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đơn khiếu nại số KNI-2014-00014 ngày 19/6/2014 của Ông Đỗ Đức Quang; đại diện bởi: Công ty TNHH MASTERBRAND; khiếu nại Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế cho đơn số 1-2010-03405.

I. Nội dung khiếu nại

Sáng chế “Máy đào đất” theo đơn số 1-2010-03405 bị từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế theo Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ với lý do hết thời hạn ấn định, chủ đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38025/SHTT-SC3 ngày 22/11/2013 của Cục Sở hữu trí tuệ.



Ông Đỗ Đức Quang (đại diện bởi Công ty TNHH MASTERBRAND) có ý kiến phản đối như sau:

Đơn đăng ký sáng chế số 1-2010-03405 được chủ đơn ủy quyền cho tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp LEFANO IP CONSULTANT đại diện nộp đơn đăng ký, tuy nhiên khi Cục có Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38025/SHTT-SC3 ngày 22/11/2013 và sau đó là Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014, đại diện LEFANO IP CONSULTANT không thông báo cho chủ đơn được biết. Vì vậy, chủ đơn không kịp thời phúc đáp Thông báo kết quả thẩm định nội dung của đơn nêu trên.

Nay chủ đơn đã chính thức ủy quyền cho Công ty TNHH MASTERBRAND khiếu nại Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014 của Cục. Trên cơ sở ủy quyền này, Công ty TNHH MASTERBRAND có ý kiến không đồng ý với ý kiến từ chối của Cục, do nội dung sáng chế trong đơn đăng ký của chủ đơn có nhiều điểm khác biệt so với các đối chứng mà Cục đã dẫn chiếu, cụ thể là sáng chế đăng ký có mục đích khác so với mục đích của các sáng chế đối chứng, chính vì vậy giải pháp kỹ thuật được sử dụng của sáng chế đăng ký cũng khác biệt so với sáng chế đối chứng. Do vậy, sáng chế đăng ký hoàn toàn khác biệt với sáng chế đối chứng và đáp ứng điều kiện để được bảo hộ tại Việt Nam, nên đề nghị Cục xem xét lại Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014 nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý từ chối:

Theo quy định tại điểm 15.7.b Thông tư số 01/2007/BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/BKHCN), nếu kết thúc thời hạn quy định tại điểm 15.7.a (i) Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nói trên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Cục Sở hữu trí tuệ đã gửi Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38025/SHTT-SC3 ngày 22/11/2013 cho người nộp đơn thông qua đại diện chủ đơn trong Tờ khai đăng ký là LEFANO IP CONSULTANT. Vì vậy, việc người nộp đơn không trả lời Thông báo nêu trên của Cục thuộc trách nhiệm của đại diện chủ đơn.

Trong đơn khiếu nại nêu trên, người khiếu nại thông qua Công ty TNHH MASTERBRAND có ý kiến rằng do đại diện LEFANO IP CONSULTANT không thông báo cho chủ đơn về Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38025/SHTT-SC3 nêu trên, cũng như Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014 của Cục, vì vậy chủ đơn không thể kịp thời trả lời công văn của Cục. Tuy nhiên, trong đơn khiếu nại số KN1-2014-00014, chủ đơn không cung cấp chứng cứ để chứng minh rằng đại diện LEFANO IP CONSULTANT không chuyển các tài liệu nêu trên cho chủ đơn. Như vậy, lý do này là không có cơ sở, vì vậy Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận xem xét lại Quyết định nêu trên.

Ngoài ra, trong đơn khiếu nại nêu trên, Công ty TNHH MASTERBRAND cũng có ý kiến cho rằng đơn đăng ký sáng chế số 1-2010-03405 đáp ứng điều kiện bảo hộ sáng chế. Tuy nhiên, nội dung này không được xem xét vì theo Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014, đơn đăng ký sáng chế nêu trên bị từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế là do hết thời hạn ấn định, chủ đơn không có ý kiến trả lời Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 38025/SHTT-SC3 ngày 22/11/2013 của Cục Sở hữu trí tuệ.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có và với các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung khiếu nại của Ông Đỗ Đức Quang là không có cơ sở, nên áp dụng điểm 15.7.b Thông tư số 01/2007/BKH-CN để từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với đơn số 1-2010-03405.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 15307/QĐ-SHTT ngày 19/3/2014 về




việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với sáng chế “Máy đào đất” theo đơn số 1-2010-03405.

Điều 2. Nếu có đủ căn cứ chứng minh rằng Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ là trái với quy định của pháp luật, Ông Đỗ Đức Quang có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại tòa án.

Điều 3. Trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và Ông Đỗ Đức Quang (qua Công ty TNHH MASTERBRAND) có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- SC (để biết);
- Lưu: VT, HS, TTKN (2).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2302/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại của ông Lại Trọng Kha
(lần đầu)

CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 (sau đây gọi là Nghị định số 103/2006/NĐ-CP);

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đơn khiếu nại số KNI-2013-00003 ngày 11/3/2013 của người khiếu nại Lại Trọng Kha; địa chỉ: 15 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bà Ngòi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; khiếu nại Quyết định số 59932/QĐ-SHTT ngày 24/10/2012 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với đơn số 1-2012-00542.

I. Nội dung khiếu nại

Sáng chế “Phương pháp chế tạo ghe có khoang chống chìm” theo đơn số 1-2012-00542 bị từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế theo Quyết định số 59932/QĐ-SHTT ngày 24/10/2012 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ với lý do: các ý kiến nêu trong văn bản trả lời ngày 02/8/2012 của chủ đơn về kết quả đánh



giá theo các tiêu chuẩn bảo hộ nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 21314/SHTT-SC1 ngày 29/6/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ là không xác đáng.

Người khiếu nại Lại Trọng Kha có ý kiến phản đối như sau:

Theo sách hướng dẫn đăng ký sáng chế của Cục, thì thuộc tính cơ bản của sáng chế là đặc tính kỹ thuật, bởi vì sáng chế là giải pháp kỹ thuật, tức là biện pháp kỹ thuật nhằm giải quyết một vấn đề.

Trong đơn đăng ký sáng chế số 1-2012-00542, giải pháp kỹ thuật là:

a) Giải pháp kỹ thuật 1: Tạo một khoang trống trong ghe, làm cho tỷ trọng ghe nhỏ hơn tỷ trọng nước để ghe luôn nổi.

b) Giải pháp kỹ thuật 2: Tạo một lỗ trên mặt khoang trống, đóng mở bằng một cái van để bơm nước ra vào khi cần. Khi ghe vào bến neo đậu chống bão, nước được bơm vào khoang trống cho ghe lún sâu xuống nước đến vạch an toàn, rồi đóng van lại (lúc này ghe gần như lênh đênh trên mặt nước). Nhờ đó, ghe bị nước giữ lại, bão khó bốc lên để đập nát.

Đơn số 1-2012-00542 đã giải quyết tốt rõ rệt cả hai vấn đề trên. Vì vậy, đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xem xét cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho đơn nêu trên.

II. Kết quả xem xét, xác minh khiếu nại

1. Cơ sở pháp lý từ chối:

Theo quy định tại Điều 61 Luật Sở hữu trí tuệ, sáng chế được coi là có trình độ sáng tạo, nếu căn cứ vào các giải pháp kỹ thuật đã được bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn hoặc trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế, trong trường hợp đơn đăng ký sáng chế được hưởng quyền ưu tiên, sáng chế đó là một bước tiến sáng tạo, không thể được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng.

Theo quy định tại điểm 15.7.b Thông tư số 01/2007/BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư

số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/BKHCN), nếu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm 15.7.a (i) Thông tư này mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

2. Nhận định, đánh giá:

Theo Quyết định số 59932/QĐ-SHTT ngày 24/10/2012, đơn số 1-2012-00542 bị từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế với lý do: các ý kiến nêu trong văn bản trả lời đề ngày 02/8/2012 của chủ đơn về kết quả đánh giá theo các tiêu chuẩn bảo hộ nêu trong Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 21314/SHTT-SC1 ngày 29/6/2012 của Cục Sở hữu trí tuệ là không xác đáng, cụ thể là trong văn bản trả lời của mình, chủ đơn cho rằng:

- Nếu giải pháp kỹ thuật theo đơn 1-2012-00542 đã được đánh giá là mới và có khả năng áp dụng công nghiệp, thì Cục Sở hữu trí tuệ hỗ trợ cho giải pháp này đáp ứng tiêu chuẩn trình độ sáng tạo;

- Tiêu chuẩn trình độ sáng tạo được đặt ra mà không có tiêu chuẩn, do đó tiêu chuẩn này là không rõ ràng.

Đối với hai ý kiến nêu trên của chủ đơn, trong Quyết định số 59932/QĐ-SHTT ngày 24/10/2012, Cục Sở hữu trí tuệ đã có ý kiến rằng tiêu chuẩn trình độ sáng tạo là một tiêu chuẩn riêng và được đánh giá độc lập với tiêu chuẩn tính mới và tiêu chuẩn khả năng áp dụng công nghiệp. Tiêu chuẩn trình độ sáng tạo được quy định tại Điều 61 Luật Sở hữu trí tuệ và việc đánh giá tiêu chuẩn này được quy định tại điểm 25.6 Thông tư số 01/2007/BKHCN.

Ngoài ra, trong văn bản trả lời ngày 02/8/2012, chủ đơn cho rằng việc làm cho ghe không chìm và phần nào không bị bão làm cho vỡ nát đã là đáp ứng tiêu chuẩn trình độ sáng tạo. Tuy nhiên, về nội dung này, Cục Sở hữu trí tuệ có ý kiến rằng việc làm cho ghe không bị chìm và phần nào chống được bão làm cho vỡ nát chỉ là mục đích của giải pháp kỹ thuật. Để đạt được mục đích này có nhiều giải pháp kỹ thuật khác nhau, nhưng để đánh giá giải pháp kỹ thuật có đáp ứng tiêu chuẩn trình độ sáng tạo hay không thì phải căn cứ vào các quy định pháp luật nêu trên.

A.H.C.N

CỤC
HỮU TRÍ

QUỐC VÀ

Trong đơn khiếu nại số KN1-2013-00003, người nộp đơn không đưa ra các lập luận để phản bác lại Quyết định nêu trên, mà chỉ đề cập đến hai giải pháp kỹ thuật dưới đây.

a) Giải pháp kỹ thuật 1: Tạo một khoang trống trong ghe, làm cho tỷ trọng ghe nhỏ hơn tỷ trọng nước để ghe luôn nổi.

b) Giải pháp kỹ thuật 2: Tạo một lỗ trên mặt khoang trống, đóng mở bằng một cái van để bơm nước ra vào khi cần. Khi ghe vào bến neo đậu chống bão, nước được bơm vào khoang trống cho ghe lún sâu xuống nước đến vạch an toàn, rồi đóng van lại (lúc này ghe gần như lênh đênh trên mặt nước). Nhờ đó, ghe bị nước giữ lại, bão khó bóc lên để đập nát.

Tuy nhiên, sau khi xem xét, Cục Sở hữu trí tuệ thấy rằng cả hai giải pháp kỹ thuật nêu trên đều chỉ là kiến thức thông thường trong lĩnh vực chế tạo ghe, tàu, không chứng minh được rằng điểm 1 yêu cầu bảo hộ theo đơn số 1-2012-00542 đáp ứng tiêu chuẩn trình độ sáng tạo. Vì vậy, Cục vẫn bảo lưu kết luận được nêu trong Quyết định số 59932/QĐ-SHTT ngày 24/10/2012 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế.

III. Kết luận

Trên cơ sở các tài liệu hiện có và với các lý do nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ nhận thấy nội dung khiếu nại của người khiếu nại là không có cơ sở, nên áp dụng quy định tại Điều 61 Luật Sở hữu trí tuệ, cũng như điểm 15.7.b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN để từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với đơn số 1-2012-00542.

Từ những nhận định và căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ nguyên Quyết định số 59932/QĐ-SHTT ngày 24/10/2012 về việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế đối với sáng chế “Phương pháp chế tạo ghe có khoang chống chìm” theo đơn số 1-2012-00542.

Điều 2. Nếu có đủ căn cứ chứng minh rằng Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ là trái với quy định của pháp luật, người

khiếu nại Lại Trọng Kha có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khởi kiện tại tòa án.

Điều 3. Trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp và người khiếu nại Lại Trọng Kha có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- SC (đề biết);
- Lưu: VT, HS, TTKN (2).

CỤC TRƯỞNG

Đình Hữu Phí



PHẦN IV:

CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Sáng chế

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ CẦU YÊU	SỐ BẢNG LIÊN QUAN
1	6135w/QĐ-SHTT	26/05/2020	CB1-2020-00061	1-0012709
2	6136w/QĐ-SHTT	26/05/2020	CB1-2019-01312	1-0013766
3	6137w/QĐ-SHTT	26/05/2020	CB1-2019-01241	1-0021325
4	6728w/QĐ-SHTT	01/06/2020	CB1-2019-00442	1-0005347
5	6729w/QĐ-SHTT	01/06/2020	CB1-2019-00132	1-0004518
6	6730w/QĐ-SHTT	01/06/2020	CB1-2019-00133	1-0004518
7	7267w/QĐ-SHTT	12/06/2020	CB1-2019-00497	1-0012251

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6135w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2020-00061

Ngày nộp đơn: 20/01/2020, sửa đổi, bổ sung ngày: 19/05/2020

Chủ đơn: COVIS PHARMA B.V. (CH)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	04/12/2018.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng tiếng Anh, trong đó có 1 trang Phụ lục.
Bên chuyển nhượng:	ASTRAZENECA AB (SE) SE-151 85 Sodertalje, Swenden.
Bên được chuyển nhượng:	COVIS PHARMA B.V. (CH) Grafenauweg 12, CH-6300 Zug, Switzerland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Huyền phù nước chứa xiclesonit để phun mù, phương pháp bào chế và dược phẩm chứa huyền phù này	12709	12/05/2014

Giá chuyển nhượng: 1 USD (Một đô la Mỹ).

Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

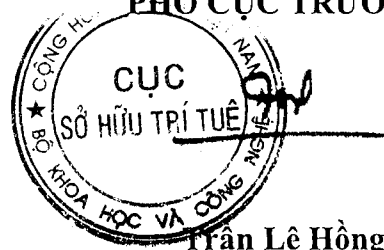
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

He

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Lê Hồng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6136w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2019-01312

Ngày nộp đơn: 25/12/2019, sửa đổi, bổ sung lần cuối cùng ngày: 27/03/2020

Chủ đơn: VALENT U.S.A. LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao.
Ngày ký:	06/11/2018.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang, bằng tiếng Anh.
Bên chuyển nhượng:	VALENT U.S.A. LLC (US) 1600 Riviera Avenue, Suite 200, Walnut Creek, CA 94596, United States of America.
Bên được chuyển nhượng:	SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP) 27-1, Shinkawa 2-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-8260, Japan.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Chế phẩm diệt sinh vật gây hại dùng để xử lý hạt giống và phương pháp bảo vệ hạt giống khỏi sinh vật gây hại	13766	09/02/2015

Giá chuyển nhượng: 1 USD (một đô la Mỹ).

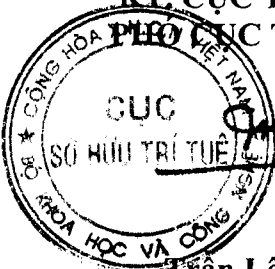
Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT, CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Lê Hồng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6137w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2019-01241

Ngày nộp đơn: 06/12/2019, sửa đổi, bổ sung ngày: 14/02/2020

Chủ đơn: VELOS MEDIA INTERNATIONAL LIMITED (IE)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Quốc tế D & N

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	19/08/2019.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang, bằng tiếng Anh.
Bên chuyển nhượng:	QUALCOMM INCORPORATED (US) Attn: International IP Administration, 5775 Morehouse Drive, San Diego, California 92121, United States of America.
Bên được chuyển nhượng:	VELOS MEDIA INTERNATIONAL LIMITED (IE) Unit 40, the Hyde Building, The Park, Carrickmines, Dublin 18 Ireland.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Phương pháp, thiết bị và vật ghi bất biến đọc được bằng máy tính để mã hóa và giải mã dữ liệu video	21325	10/06/2019

Giá chuyển nhượng: 01 USD (một đô la Mỹ).

Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

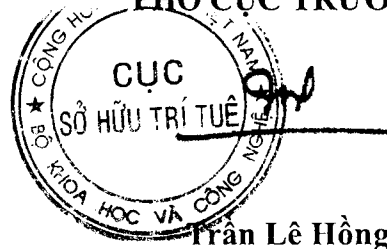
Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

He

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6728w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2019-00442

Ngày nộp đơn: 14/05/2019, sửa đổi, bổ sung lần cuối cùng ngày: 23/03/2020

Chủ đơn: RAZOR USA LLC (US)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	19/11/2008.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 12 trang bằng tiếng Anh, trong đó 9 trang Phụ lục.
Bên chuyển nhượng:	SLOVIE CO., LTD (KR) Room 2105, Bangbae Superium (1st) Officicetel, 3001-2, Bangbae-dong, Seocho-gu-Seoul, Republic of Korea. (Trước đây là: DECOLEE CO., LTD (KR) 10th Dongkyeong B/D, 736-46, Yeoksam-dong, Gangnam-gu, Seoul 135-080, Republic of Korea).
Bên được chuyển nhượng:	RAZOR USA LLC(US) 16200- A Carmenita Road, Cerritos, CA 90703, U.S.A.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Ván trượt có cụm bánh đổi hướng	5347	13/12/2005

Giá chuyển nhượng: 01 USD (một đô la Mỹ).

Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

h

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Lê Hồng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6729w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2019-00132

Ngày nộp đơn: 19/02/2019, sửa đổi, bổ sung lần cuối cùng ngày: 28/02/2020

Chủ đơn: THOMSON LICENSING (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	19/11/2018.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 55 trang bằng tiếng Anh, trong đó có 53 Phụ lục.
Bên chuyển nhượng:	THOMSON LICENSING (FR) 1-5 rue Jeanne d'Arc, 92130 Issy-les-Moulineaux, France. (Trước đây là: THOMSON LICENSING S.A. (FR) 46, Quai A. Le Gallo, F-92100 Boulogne - Billancourt, France).
Bên được chuyển nhượng:	THOMSON LICENSING DTV, SAS (FR) 1-5 rue Jeanne d'Arc, 92130 Issy-les-Moulineaux, France.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các sáng chế đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Phương pháp và thiết bị ghi và hiển thị đồng thời hai chương trình video khác nhau	4518	25/08/2004
2	Phương pháp và thiết bị nhận dạng các dịch vụ số trên mạng hai chiều	7342	04/11/2008
3	Thiết bị và phương pháp mã hoá và giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ	10577	22/08/2012
4	Thiết bị ghi video kỹ thuật số và phương pháp điều khiển thiết bị ghi video kỹ thuật số	11976	29/10/2013
5	Thiết bị và phương pháp mã hoá và giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ	12169	17/12/2013

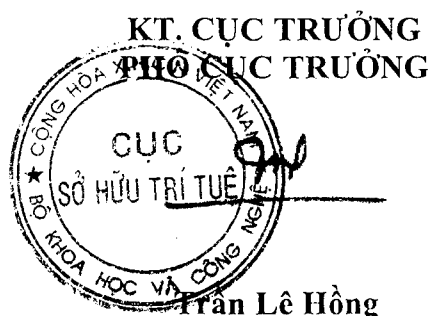
Giá chuyển nhượng: 01 USD (một đô la Mỹ).

Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào các Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6730w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2019-00133

Ngày nộp đơn: 19/02/2019, sửa đổi, bổ sung ngày: 28/02/2020

Chủ đơn: INTERDIGITAL MADISON PATENT HOLDINGS (FR)

Đại diện của chủ đơn: Công ty Luật TNHH T&G

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển nhượng.
Ngày ký:	05/12/2018.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 44 trang bằng tiếng Anh trong đó có 42 trang Phụ lục
Bên chuyển nhượng:	THOMSON LICENSING DTV, SAS (FR) 1-5 rue Jeanne d'Arc, 92130 Issy-les-Moulineaux, France.
Bên được chuyển nhượng:	INTERDIGITAL MADISON PATENT HOLDINGS (FR) 3 rue du Colonel Moll, 75017 Paris, France.

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu các sáng chế đang được bảo hộ theo các Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Phương pháp và thiết bị ghi và hiển thị đồng thời hai chương trình video khác nhau	4518	25/08/2004
2	Phương pháp và thiết bị nhận dạng các dịch vụ số trên mạng hai chiều	7342	04/11/2008
3	Thiết bị và phương pháp mã hoá và giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ	10577	22/08/2012
4	Thiết bị ghi video kỹ thuật số và phương pháp điều khiển thiết bị ghi video kỹ thuật số	11976	29/10/2013
5	Thiết bị và phương pháp mã hoá và giải mã video có thể chuyển đổi cấp độ	12169	17/12/2013

Giá chuyển nhượng: 01 USD (một đô la Mỹ).

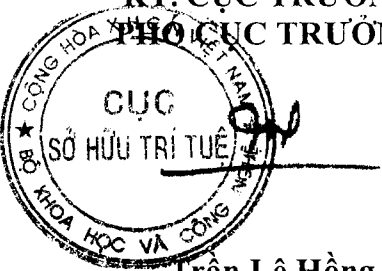
Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào các Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Lê Hồng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7267w/QĐ- SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ghi nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 48.1 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/07/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/07/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/06/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CB1-2019-00497

Ngày nộp đơn: 24/5/2019, sửa đổi, bổ sung lần cuối cùng ngày: 28/4/2020

Chủ đơn: NGUYỄN HỒNG ANH (VN)

Đại diện của chủ đơn: Công ty TNHH Tư vấn - Dịch thuật - Sở hữu trí tuệ Á Đông

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo hợp đồng:

Tên hợp đồng:	Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu sáng chế.
Ngày ký:	24/5/2019.
Số trang và ngôn ngữ:	gồm 2 trang bằng Tiếng Việt.
Bên chuyển nhượng:	NGUYỄN HỒNG BÌNH (VN) 226/40 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Bên được chuyển nhượng:	NGUYỄN HỒNG ANH (VN) 226/40 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Đối tượng được chuyển nhượng: toàn bộ quyền sở hữu sáng chế đang được bảo hộ theo Bằng độc quyền sáng chế dưới đây:

TT	Tên tên đối tượng	Số VBBH	Ngày cấp
1	Vật liệu xây dựng sản xuất được từ nguyên liệu tại vùng nhiễm mặn	12251	07/01/2014

Giá chuyển nhượng: Miễn phí.

Điều 2. Ghi nhận nội dung nêu tại Điều 1 vào Bằng độc quyền sáng chế, Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Trần Lê Hồng

PHẦN V:

THÔNG TIN VỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1 - Ghi nhận thay đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện Sở hữu công nghiệp

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ CẦU YÊU	SỐ CHỨNG CHỈ
1	2088/QĐ-SHTT	08/06/2020	SĐĐD-2020-00015	02-2020/CCĐD
2	2251/QĐ-SHTT	16/06/2020	SĐĐD-2020-00016	14-2012/CCĐD
3	2254/QĐ-SHTT	16/06/2020	SĐĐD-2020-00017	14-2012/CCĐD

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2088 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận thay đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 57 Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐDD-2020-00015

Ngày nộp đơn: 01/06/2020

Chủ đơn: Lê Phan Lương

82 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận bổ sung thành viên vào Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INVENTIO:

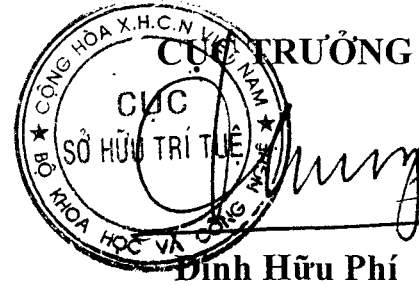
Họ và tên	Số CMND	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
Lê Phan Lương	001061004206	02-2020/CCĐD	Đại diện theo pháp luật

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /mj

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ INVENTIO (để thông báo);
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2251/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận thay đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 58 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐDD-2020-00016

Ngày nộp đơn: 05/6/2020

Chủ đơn: Phạm Hoàng Yến

Địa chỉ: Số 4 ngõ 949 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận thay đổi thành viên trong Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu:

Xóa tên thành viên

Bà: Phạm Hoàng Yến, số Chứng chỉ 14-2012/CCĐD (kể từ ngày 06/3/2020).

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công ty TNHH Sở hữu công nghiệp Sao Bắc Đẩu (để thông báo);
- Bà Phạm Hoàng Yến (để thông báo);
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2254 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận thay đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 58 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: SĐDD-2020-00017 Ngày nộp đơn: 05/6/2020

Chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà PDD, 162 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận bổ sung vào Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O:

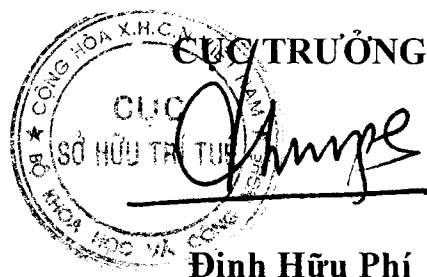
Họ và tên	Số CCCD	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện SHCN
Phạm Hoàng Yến	001182015185	14-2012/CCĐD	Đại diện theo ủy quyền từ ngày ký Quyết định

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /nb

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ S&O (để thông báo);
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



2 - Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện Sở hữu công nghiệp

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ CẦU YÊU	SỐ CHỨNG CHỈ
1	2016/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00001	04-2020/CCĐD
2	2017/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00002	05-2020/CCĐD
3	2018/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00010	06-2020/CCĐD
4	2019/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00017	07-2020/CCĐD
5	2020/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00007	08-2020/CCĐD
6	2021/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00018	09-2020/CCĐD
7	2022/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00011	10-2020/CCĐD
8	2023/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00012	11-2020/CCĐD
9	2024/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00013	12-2020/CCĐD
10	2025/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00016	13-2020/CCĐD
11	2026/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00015	14-2020/CCĐD
12	2027/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00014	15-2020/CCĐD
13	2028/QĐ-SHTT	02/06/2020	CCĐD-2020-00021	16-2020/CCĐD
14	2187/QĐ-SHTT	12/06/2020	CCĐD-2020-00029	24-2020/CCĐD
15	2188/QĐ-SHTT	12/06/2020	CCĐD-2020-00026	25-2020/CCĐD
16	2189/QĐ-SHTT	12/06/2020	CCĐD-2020-00019	26-2020/CCĐD
17	2190/QĐ-SHTT	12/06/2020	CCĐD-2020-00009	27-2020/CCĐD
18	2191/QĐ-SHTT	12/06/2020	CCĐD-2020-00025	28-2020/CCĐD
19	2192/QĐ-SHTT	12/06/2020	CCĐD-2020-00005	29-2020/CCĐD
20	2217/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00020	17-2020/CCĐD
21	2218/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00022	18-2020/CCĐD
22	2219/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00027	19-2020/CCĐD
23	2220/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00028	20-2020/CCĐD
24	2221/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00004	21-2020/CCĐD
25	2222/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00024	22-2020/CCĐD
26	2223/QĐ-SHTT	15/06/2020	CCĐD-2020-00023	23-2020/CCĐD

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2016 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00001

Ngày nộp đơn: 27/4/2020

Chủ đơn: Nguyễn Quang Hiếu

Số 4 ngách 165/36 phố Khương Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 04-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Nguyễn Quang Hiếu

Ngày sinh: 02/12/1991

CCCD: số 001091016430 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 17/02/2017

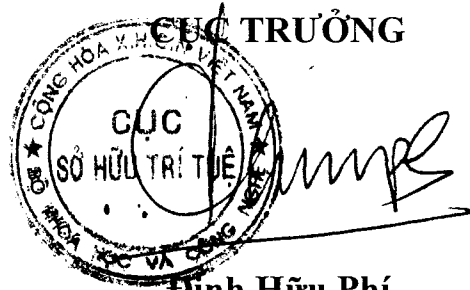
Địa chỉ thường trú: Số 4 ngách 165/36 phố Khương Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./w)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2017/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00002

Ngày nộp đơn: 27/4/2020

Chủ đơn: Nguyễn Trần Hùng

Số 2 ngõ 1 Lê Văn Hưu, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 05-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Nguyễn Trần Hùng

Ngày sinh: 28/03/1990

CCCD: số 001090019787 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/07/2017

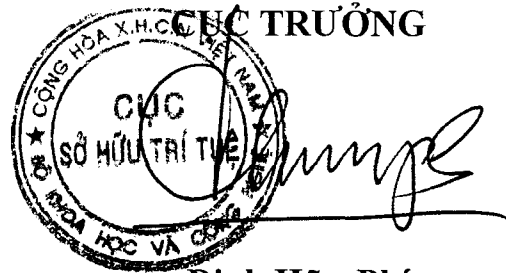
Địa chỉ thường trú: Số 2 ngõ 1 Lê Văn Hưu, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2018/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCDD - 2020 - 00010

Ngày nộp đơn: 04/05/2020

Chủ đơn: Đỗ Bá Thích

Khu 7, xã Yên Luật, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 06-2020/CCDD cho cá nhân sau đây:

Ông: Đỗ Bá Thích

Ngày sinh: 01/09/1990

CMND: số 132047895 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 26/06/2014

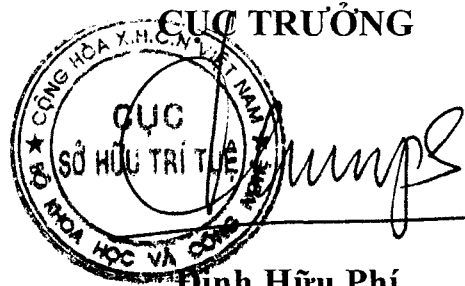
Địa chỉ thường trú: Khu 7, xã Yên Luật, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2019/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00017

Ngày nộp đơn: 29/04/2020

Chủ đơn: Bùi Thị Lệ Hằng

Thôn Tú Thủy, xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 07-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Bùi Thị Lệ Hằng

Ngày sinh: 30/09/1993

CMND: số 230874875 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/07/2008

Địa chỉ thường trú: Thôn Tú Thủy, xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./vđ

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2020 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00007

Ngày nộp đơn: 28/04/2020

Chủ đơn: Kim Thị Thu

Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 08-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Kim Thị Thu

Ngày sinh: 28/08/1989

CMND: số 135338551 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 01/08/2006

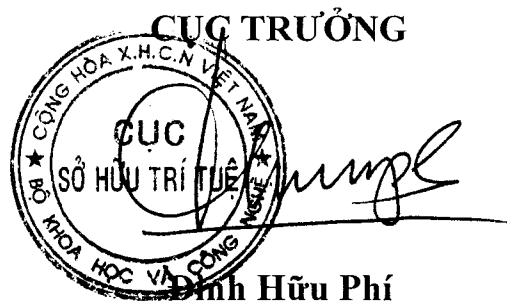
Địa chỉ thường trú: Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./*nv*)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2021/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00018

Ngày nộp đơn: 04/05/2020

Chủ đơn: Hồ Thị Kiều Thanh

18 Mai Thúc Loan, xã Tân Hải, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 09-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Hồ Thị Kiều Thanh

Ngày sinh: 08/07/1993

CMND: số 261227007 do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 06/09/2007

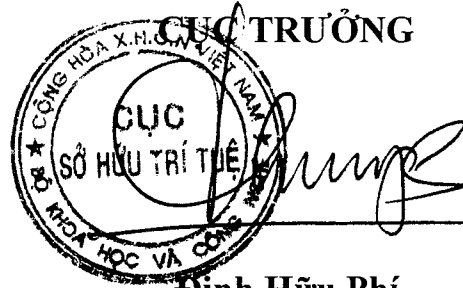
Địa chỉ thường trú: xã Tân Hải, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /w

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2022/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00011

Ngày nộp đơn: 05/05/2020

Chủ đơn: Khuru Thanh Tâm

136 Trường Đông A, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 10-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Khuru Thanh Tâm

Ngày sinh: 09/10/1979

CMND: số 092079000728 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19/11/2015

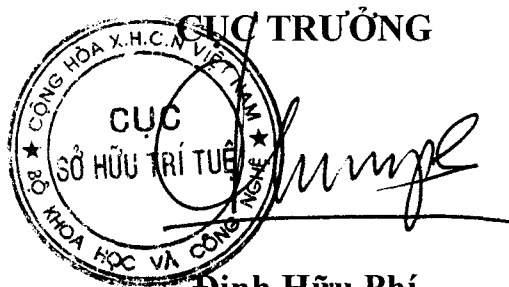
Địa chỉ thường trú: Trường Đông A, xã Tân Thới, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./m)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2023 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00012

Ngày nộp đơn: 05/05/2020

Chủ đơn: Trương Thị Dạ Thảo

Tổ 20 ấp Xà Bang 2, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 11-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Trương Thị Dạ Thảo

Ngày sinh: 10/01/1990

CMND: số 273312283 do Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 02/08/2005

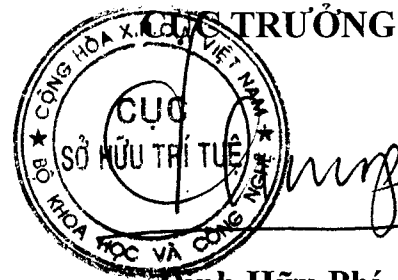
Địa chỉ thường trú: ấp Xà Bang 2, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ND*)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2024/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00013

Ngày nộp đơn: 05/05/2020

Chủ đơn: Phan Thiên Trí

Áp Chợ Cũ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 12-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Phan Thiên Trí

Ngày sinh: 28/12/1994

CMND: số 366061608 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/08/2015

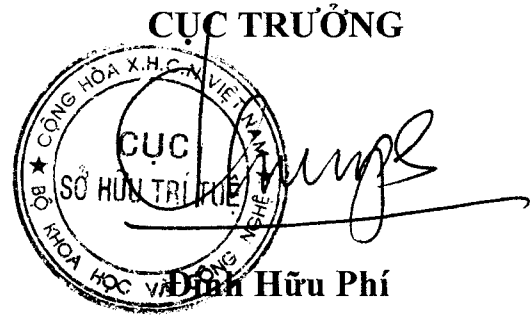
Địa chỉ thường trú: Áp Chợ Cũ, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2025/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00016

Ngày nộp đơn: 06/05/2020

Chủ đơn: Dương Việt Đức

9 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 13-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Dương Việt Đức

Ngày sinh: 27/01/1992

CMND: số 012868677 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 26/04/2006

Địa chỉ thường trú: 9 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mj*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2026 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00015

Ngày nộp đơn: 06/05/2020

Chủ đơn: Đỗ Nhật Hồng

Số 18 ngõ 185 Kim Mã, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 14-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Đỗ Nhật Hồng

Ngày sinh: 31/08/1991

CMND: số 012777168 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 03/04/2005

Địa chỉ thường trú: 2A ngõ 5 Kim Mã, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ly*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2027/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00014

Ngày nộp đơn: 06/05/2020

Chủ đơn: Đinh Thị Thương

Xóm 5, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 15-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Đinh Thị Thương

Ngày sinh: 16/04/1986

CMND: số 186354071 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 15/11/2014

Địa chỉ thường trú: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /nl

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2028 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-BKHCN ngày 15/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00021

Ngày nộp đơn: 08/05/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Thanh Trúc

377/25F Cách mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 16-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Thanh Trúc

Ngày sinh: 23/09/1986

CCCD: số 072186001387 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/06/2016

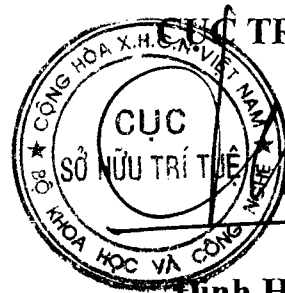
Địa chỉ thường trú: 377/25F Cách mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2187 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00029

Ngày nộp đơn: 27/05/2020

Bổ sung ngày: 01/06/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Thoa

Căn 1010-1012, tầng 10, tòa nhà Gold Tower, số 275 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 24-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Thoa.

Ngày sinh: 06/09/1989.

CMND: số 101047103 do Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/08/2006.

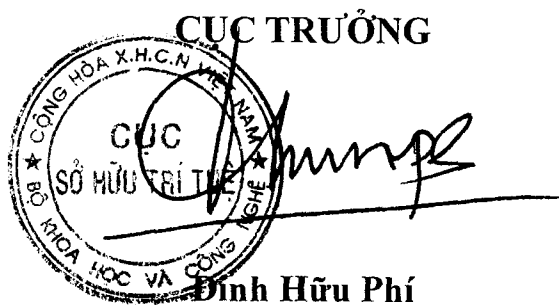
Địa chỉ thường trú: TT Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2188 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00026

Ngày nộp đơn: 19/05/2020

Bổ sung ngày: 02/06/2020

Chủ đơn: Nguyễn Khánh Linh

Phòng 1806, 27 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 25-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Khánh Linh.

Ngày sinh: 08/10/1976.

CCCD: số 001176000698 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/10/2016.


Địa chỉ thường trú: Số 47 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *WJ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phú

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2189 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00019

Ngày nộp đơn: 07/05/2020

Bổ sung ngày: 29/05/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Minh

40/13/7 Đường số 2, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 26-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Minh.

Ngày sinh: 15/01/1988.

Căn cước công dân: số 040188000323 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/03/2016.

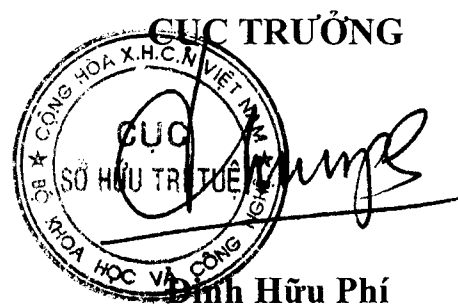
Địa chỉ thường trú: 40/13/7 Đường số 2, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./*nd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2190 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00009

Ngày nộp đơn: 04/05/2020

Bổ sung ngày: 29/05/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Thanh Bình

Nhà 60, ngõ 63/48 Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 27-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Thanh Bình.

Ngày sinh: 21/05/1985.

CMND: số 183456798 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 13/08/2014.

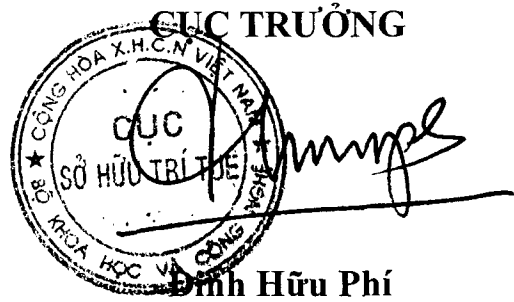
Địa chỉ thường trú: Xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /w)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2191 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00025

Ngày nộp đơn: 13/05/2020

Bổ sung ngày: 01/06/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Hoàng Phúc

Căn hộ 2209, tòa C, chung cư Mullberry Lane, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 28-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Hoàng Phúc.

Ngày sinh: 25/06/1985.

CCCD: số 066185000239 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26/01/2018.

Địa chỉ thường trú: C-22B6-9 CC Mullberry Lane, KĐT mới Mộ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*nd*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2192 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00005

Ngày nộp đơn: 27/04/2020

Bổ sung ngày: 01/06/2020

Chủ đơn: Đỗ Trần Duy Cường

109 Hoàng Sa, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 29-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Đỗ Trần Duy Cường.

Ngày sinh: 03/07/1991.

CMND: số 331588283 do Công an tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17/03/2014.

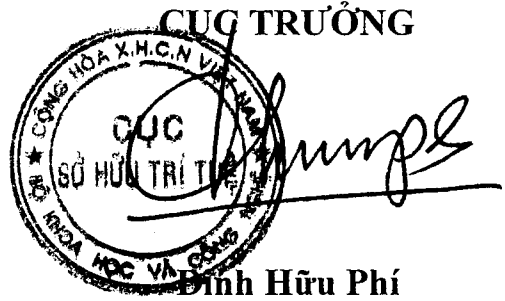
Địa chỉ thường trú: 269, Tân Hưng, Tân Hòa, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2217 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00020

Ngày nộp đơn: 08/05/2020

Chủ đơn: Đỗ Tuyết Nhung

Số 10 ngách 102/19 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 17-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Đỗ Tuyết Nhung.

Ngày sinh: 25/01/1988.

CCCD: số 001188018158 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 20/06/2018.

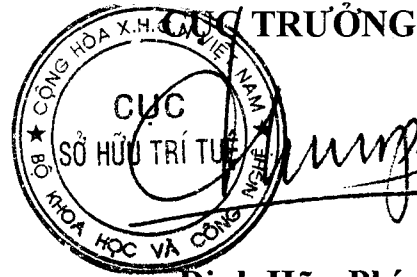
Địa chỉ thường trú: 40 ngõ 291 phố Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2218 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00022

Ngày nộp đơn: 08/05/2020

Chủ đơn: Trần Thị Hương

Phòng 305, lô K, chung cư A4, đường Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 18-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Trần Thị Hương.

Ngày sinh: 12/06/1983.

CCCD: số 031183008688 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/09/2017.

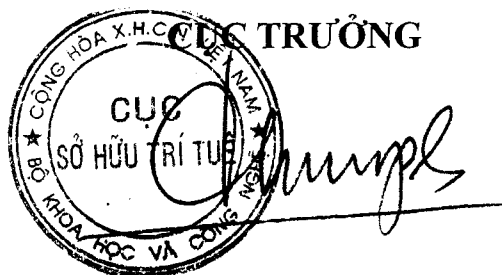
Địa chỉ thường trú: 3.05KC/cA4 Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / (v)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2219 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCDD - 2020 - 00027

Ngày nộp đơn: 21/05/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Hạnh Lê

12/18 Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 19-2020/CCDD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Hạnh Lê.

Ngày sinh: 15/06/1991.

CMND: số 024738927 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2012.

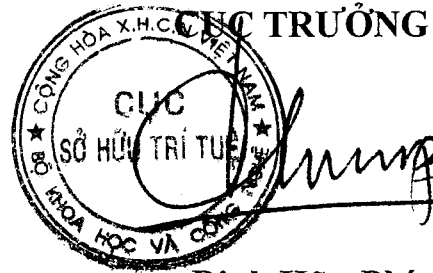
Địa chỉ thường trú: 12/18 Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2220 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00028

Ngày nộp đơn: 22/05/2020

Chủ đơn: Đậu Thị Đức Sáu

Số 1, hẻm 14, ngách 48, ngõ 28 Đại Linh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 20-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Đậu Thị Đức Sáu.

Ngày sinh: 04/06/1991.

CMND: số 187091400 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 14/01/2009.

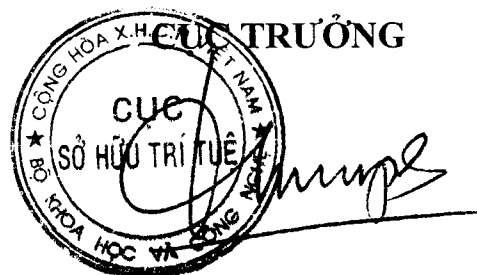
Địa chỉ thường trú: Quỳnh Văn, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2221/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00004

Ngày nộp đơn: 27/04/2020

Bổ sung ngày: 28/05/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thị Diệu Linh

Số 151, ngõ 254 Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 21-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Nguyễn Thị Diệu Linh.

Ngày sinh: 13/12/1992.

CMND: số 132117852 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 13/12/2014.

Địa chỉ thường trú: xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.


Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.(v)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG



Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2222/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00024

Ngày nộp đơn: 12/05/2020

Chủ đơn: Trương Quốc Việt

Số 10 ngách 5, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, phường Thanh Nhàn,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 22-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Ông: Trương Quốc Việt.

Ngày sinh: 15/12/1986.

CMND: số 001086009833 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/12/2015.

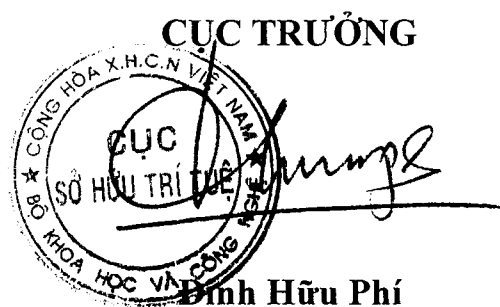
Địa chỉ thường trú: Số 10 ngách 5, ngõ Đình Đông, phố Bạch Mai, phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mj*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2223 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 53 Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CCĐD - 2020 - 00023

Ngày nộp đơn: 12/05/2020

Chủ đơn: Trần Diệu Linh

15B Triệu Việt Vương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 23-2020/CCĐD cho cá nhân sau đây:

Bà: Trần Diệu Linh.

Ngày sinh: 20/04/1992.

CCCD: số 019192000141 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/11/2016.

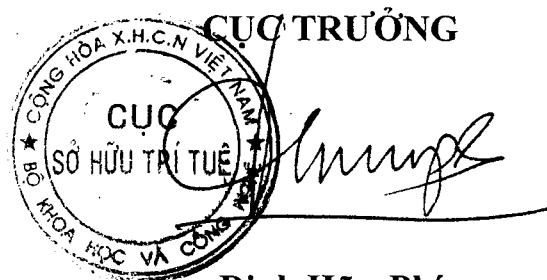
Địa chỉ thường trú: P404 G2 Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phí

3 - Cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện Sở hữu công nghiệp

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ CẦU YÊU	SỐ CHỨNG CHỈ
1	2029/QĐ-SHTT	02/06/2020	CLCC-2020-00009	11-2007/CCĐD
2	2253/QĐ-SHTT	16/06/2020	CLCC-2020-000101	14-2007/CCĐD

Số: 2020/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Điểm 55 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CLCC - 2020 - 00009

Ngày nộp đơn: 08/05/2020

Chủ đơn: Nguyễn Thanh Diệu

17 ngách 36/31 phố Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại (lần 2) Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 11-2007/CCĐD cấp ngày 31/5/2007:

Ông: Nguyễn Thanh Diệu

Ngày sinh: 24/06/1974

CCCD: số 001074015822 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 09/08/2017


Địa chỉ thường trú: 17 ngách 36/31 phố Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ND*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2253 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ điểm 55 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: CLCC - 2020 - 00011

Ngày nộp đơn: 11/06/2020

Chủ đơn: Phạm Hoàng Yến

Địa chỉ: Số 4 ngõ 949 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại (lần 1) Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp số 14-2012/CCĐD cấp ngày 22/3/2012:

Bà: Phạm Hoàng Yến.

Ngày sinh: 18/11/1982.

Căn cước công dân: số 001182015185 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 04/5/2016.

Địa chỉ thường trú: Số 4 ngõ 949 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).

CỤC TRƯỞNG

Đinh Hữu Phí

4 - Ghi nhận Tổ chức đại diện đại diện Sở hữu công nghiệp

STT	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	SỐ YÊU CẦU	SỐ CHỨNG CHỈ
1	2089/QĐ-SHTT	08/06/2020	TCĐD-2020-00002	34-2012/CCĐD
2	2252/QĐ-SHTT	16/06/2020	TCĐD-2020-00004	21-2020/CCĐD
3	2255/QĐ-SHTT	16/06/2020	TCĐD-2020-00003	01-2020/CCĐD

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2089 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ, khoản 1 Điều 29a Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 và điểm 56 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: TCĐD - 2020 - 00002

Ngày nộp đơn: 29/04/2020

Bổ sung ngày: 07 và 26/05/2020

Chủ đơn: Công ty Luật TNHH Quốc tế ICT

N7-3 khu đô thị Sóng Hoàng, phường Mai Động, quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ ICT.

Tên giao dịch: ICT LAW INTERNATIONAL COMPANY LIMITED.

Địa chỉ trụ sở: N7-3 khu đô thị Sóng Hoàng, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

VPGD: Số nhà 6, ngõ 216 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Mã số: 258

Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

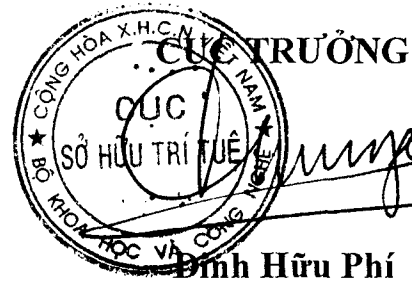
Họ và tên	Số CMND	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
Vũ Thị Hải Vân	022176000040	34-2012/CCĐD	Đại diện theo ủy quyền từ ngày ký Quyết định đến 28/04/2021

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./mđ

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công ty Luật TNHH Quốc tế ICT (để thông báo);
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



Đinh Hữu Phú

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2252 /QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ, khoản 1 Điều 29a Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 và điểm 56 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: TCĐD - 2020 - 00004 Ngày nộp đơn: 10/06/2020

Chủ đơn: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Anlis Việt Nam

Địa chỉ: Số 151, ngõ 254 Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: CÔNG TY TNHH SỞ HỮU TRÍ TUỆ ANLIS VIỆT NAM.

Tên bằng tiếng nước ngoài: ANLIS INTELLECTUAL PROPERTY
VIETNAM COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: ANLIS IP CO.,LTD.

Địa chỉ trụ sở: Số 151, ngõ 254 Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Mã số: 260.

Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

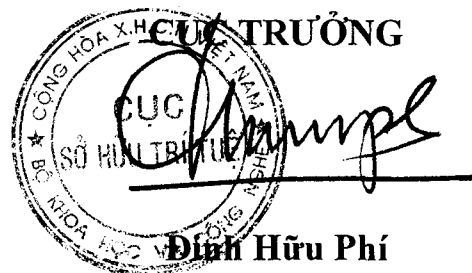
Họ và tên	Số CMND	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
Nguyễn Thị Diệu Linh	132117852	21-2020/CCĐD	Đại diện theo ủy quyền từ ngày ký Quyết định

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Anlis Việt Nam (để thông báo);
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2255/QĐ-SHTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ, khoản 1 Điều 29a Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 và điểm 56 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016;

Căn cứ kết quả thẩm định đơn yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Số đơn: TCĐD - 2020 - 00003 Ngày nộp đơn: 10/6/2020

Chủ đơn: Công ty Luật TNHH Khôi Ngọc

Địa chỉ: Số 14A hẻm 462/35/1 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp sau đây:

Tên Tổ chức: CÔNG TY LUẬT TNHH KHÔI NGỌC.

Tên giao dịch: KHOI NGOC LAW COMPANY LIMITED.

Địa chỉ trụ sở: Số 14A hẻm 462/35/1 đường Bưởi, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Mã số: 259

Danh sách người đại diện sở hữu công nghiệp của Tổ chức:

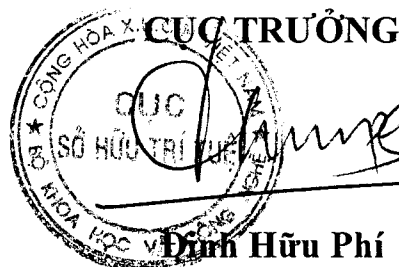
Họ và tên	Số CMND	Số Chứng chỉ	Tư cách đại diện cho Tổ chức trong hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
Nguyễn Thị Lan Anh	013357413	01-2020/CCĐD	Đại diện theo pháp luật

Điều 2. Ghi nhận Quyết định này vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế và Chính sách, Trưởng phòng Đăng ký, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Giám đốc Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*nl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công ty Luật TNHH Khôi Ngọc (để thông báo);
- Cục trưởng, PCT Lê Ngọc Lâm;
- Lưu: VT, Hồ sơ (3).



CÔNG BÁO SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Do Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ấn hành theo Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và được sửa đổi bằng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009.

Địa chỉ liên hệ:

384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024. 38583069
Fax: 024. 38588449